

Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!

V.I. LÊ-NIN

TOÀN TẬP

4

V.I. LÊ-NIN

TOÀN TẬP

TẬP

4

1898 - tháng Tư 1901

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Hà Nội - 2005

Những tác phẩm của V. I. Lê-nin trong tập này in theo bản dịch
của Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội

© Nhà xuất bản Tiến bộ, 1974
 $\pi \frac{10102 - 431}{014(01) - 74} - 713 - 74$

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Khẳng định chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động là vấn đề có tính nguyên tắc đối với cách mạng Việt Nam; là bước phát triển về nhận thức và tư duy lý luận của Đảng ta trong công cuộc đổi mới, quyết tâm xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Những thành tựu mọi mặt do công cuộc đổi mới đất nước mang lại trong những năm qua thật đáng trân trọng và khích lệ, đồng thời đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân phải tiếp tục nghiên cứu, phát triển lý luận cách mạng khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin để giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong giai đoạn hiện nay.

Với tinh thần đó, việc tìm hiểu, nghiên cứu có hệ thống và vận dụng sáng tạo những tư tưởng, những tinh hoa của chủ nghĩa Mác - Lênin là vô cùng quan trọng và cấp thiết đối với chúng ta hiện nay.

Đáp ứng nhu cầu học tập, nghiên cứu lý luận của đông đảo bạn đọc, đặc biệt là của các nhà hoạch định chính sách, các nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, giảng viên và sinh viên các trường đại học, nhân dịp kỷ niệm 135 năm ngày sinh của Vladimira Ilích Lê-nin (22-4-1870 - 22-4-2005), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản Bộ sách quý **V. I. Lê-nin - Toàn tập** gồm 55 tập và 2 tập Tra cứu.

Bộ sách *V. I. Lê-nin - Toàn tập* ra mắt bạn đọc lần này được xuất bản theo đúng nguyên bản của Bộ *V. I. Lê-nin - Toàn tập*,

tiếng Việt, do Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, hợp tác với Nhà xuất bản Tiến bộ, Mátxcova, xuất bản vào những năm 70-80 thế kỷ XX.

* *
*

Tập 4 của Bộ sách **V. I. Lênin - Toàn tập** bao gồm các tác phẩm của V. I. Lê-nin viết từ đầu năm 1898 đến tháng Tư năm 1901.

Đa số các tác phẩm này được viết trong thời gian V. I. Lê-nin bị đày ở Xi-bi-ri, một số tác phẩm được viết ở Pơ-xcốp, ở nước ngoài và trong thời kỳ V. I. Lê-nin tổ chức báo "Tia lửa". Trong thời gian này V. I. Lê-nin hoạt động rất khẩn trương cho việc xây dựng một đảng vô sản kiểu mới, vạch ra những nguyên tắc cơ bản của cương lĩnh Đảng và đấu tranh chống lại chủ nghĩa xét lại ở Nga và trên trường quốc tế.

Nội dung những tác phẩm chính trong tập này được phân tích khá toàn diện trong phần *Lời tựa* in ở đầu sách, do Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin (Liên Xô) viết cho lần xuất bản bằng tiếng Việt.

Phần Phụ lục và các Bản chỉ dẫn (với những số trang tương ứng của phần nội dung trong tập) ở cuối sách được trình bày hết sức khoa học và chuẩn xác; đây là phần tra cứu rất bổ ích, góp phần làm sáng tỏ nhiều vấn đề trong nội dung tác phẩm, giúp bạn đọc hiểu sâu sắc hơn tư tưởng của V. I. Lênin.

Chú thích cuối trang bằng dấu (*) là của V. I. Lênin; Chú thích bằng chữ số Ả-rập ⁽¹⁾ là của Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Liên Xô (trước đây).

Hy vọng Bộ sách sẽ là tài liệu nghiên cứu và tham khảo bổ ích cho bạn đọc.

Tháng 3 năm 2005.

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

LỜI TỰA

V. I. Lê-nin, *Toàn tập*, tập 4 gồm các tác phẩm do Người viết từ đầu năm 1898 đến tháng Tư 1901. Đa số các tác phẩm đó được viết trong thời gian bị đày ở Xi-bi-ri, còn những tác phẩm khác được viết ở Pơ-xcốp và ở nước ngoài, trong thời kỳ tổ chức báo «Tia lửa». Đặc điểm của những năm này là sự hoạt động khẩn trương của V. I. Lê-nin nhằm xây dựng một đảng vô sản kiểu mới, là việc vạch ra những nguyên tắc cơ bản của cương lĩnh đảng, là cuộc đấu tranh của Lê-nin chống chủ nghĩa xét lại ở Nga và trên quốc tế.

Trong khi tiếp tục viết tác phẩm chính của thời kỳ ấy là cuốn «Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga», Lê-nin còn viết trên các tạp chí hợp pháp và tiến bộ như tạp chí «Bình luận khoa học» và «Đời sống», những bài chống bọn mác-xít hợp pháp - P. B. Xtơ-ru-vê, M. I. Tu-gan — Ba-ra-nốp-xki, X. N. Bun-ga-cốp, P. Nê-giơ-đa-nốp - về các vấn đề có liên quan đến đề tài tác phẩm của mình bàn về con đường phát triển kinh tế của nước Nga. Cuộc luận chiến này được tiến hành trên các vấn đề lý luận về chính trị kinh tế học và là sự tiếp tục cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại, cuộc đấu tranh mà Lê-nin đã bắt đầu tiến hành trong thời kỳ Người hoạt động ở Pê-téc-bua.

Trong bài «Bàn qua vấn đề lý luận về thị trường», trong các bài «Lại bàn về vấn đề lý luận về thực hiện» và «Trả lời ông P. Nê-giơ-đa-nốp» Lê-nin đã bảo vệ chính trị kinh tế học mác-xít, chống lại những sự xuyên tạc của P. B. Xtơ-ru-vê, M. I. Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki và những bọn khác biện hộ cho chủ nghĩa tư bản; khôi phục lại khái niệm của Mác về thực hiện, một khái niệm «tất nhiên dẫn đến chỗ thừa nhận tính chất tiến bộ lịch sử của chủ nghĩa tư bản... nhưng không vì thế mà làm lu mờ, trái lại, còn làm sáng tỏ tính chất nhất thời lịch sử của chủ nghĩa tư bản» (xem tập này, tr. 103). Lê-nin đã chỉ rõ rằng chủ nghĩa Mác cách mạng là vũ khí mạnh nhất để đấu tranh chống lại sự biện hộ cho chủ nghĩa tư bản, mà «những người mác-xít hợp pháp» đang đứng trên lập trường của sự biện hộ đó.

Hai bài dưới nhan đề «Chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp (Bàn về cuốn sách của Cau-xky và về bài báo của ông Bun-ga-cốp)» là tác phẩm đầu tiên của Lê-nin chống lại «những kẻ phê phán Mác» trong vấn đề ruộng đất. Trong các bài viết này Lê-nin đã vạch trần «nhà mác-xít hợp pháp» X. N. Bun-ga-cốp, là kẻ nấp dưới chiêu bài phê phán tác phẩm của Cau-xky bàn về ruộng đất để xét lại những luận điểm cơ bản của C. Mác về vấn đề ruộng đất.

Lê-nin chỉ rõ tính chất vô căn cứ của những lời khẳng định của Bun-ga-cốp về «sức sống» của nền kinh tế tiểu nông dưới chế độ tư bản, nhấn mạnh tính ưu việt của sản xuất lớn đối với sản xuất nhỏ trong nông nghiệp, sự phá sản ngày càng tăng của nông dân, là những người sản xuất nhỏ, tình trạng không lối thoát của nông dân lao động dưới chủ nghĩa tư bản.

Về sau, trong tác phẩm «Vấn đề ruộng đất và «những kẻ phê phán Mác»» (1901 và 1907) Lê-nin đã kịch liệt phê phán những quan điểm xét lại của X. Bun-ga-cốp, V. Tséc-nốp, E. Đa-vít và Ph. Héc-tơ là bọn đã công khai bảo vệ và ca tụng chế độ tư bản trong lĩnh vực ruộng đất.

Song song với việc đấu tranh chống «những nhà mác-xít hợp pháp», Lê-nin còn vạch trần sự xuyên tạc mới của những người dân túy tự do chủ nghĩa đối với những số liệu về sự phát triển công nghiệp của nước Nga, một sự xuyên tạc mà họ đã tiến hành nhằm mục đích luận chứng cho quan điểm về con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa của nền kinh tế Nga. Trong bài «Bàn về vấn đề thống kê công xưởng - nhà máy ở nước ta. Những công trạng mới của giáo sư Ca-rư-sép trong lĩnh vực thống kê», Lê-nin đã áp dụng một cách tài tình phương pháp mác-xít trong việc nghiên cứu kinh tế của nước Nga, và đã chứng minh rằng kết luận của N. A. Ca-rư-sép, một người dân túy, về sự giảm sút số lượng công xưởng và nhà máy, về sự giảm sút số lượng công nhân tại các công xưởng và nhà máy, là hậu quả của những sai lầm hết sức nghiêm trọng về mặt phương pháp luận. Trong khi phân tích tài liệu thống kê được N. A. Ca-rư-sép lấy làm căn cứ, Lê-nin đã vạch rõ, với một sức thuyết phục không gì cưỡng nổi, rằng công nghiệp và cùng với công nghiệp là số lượng của giai cấp công nhân ở Nga, đều phát triển, và điều đó là quy luật.

Từ nửa cuối năm 1899, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại đã được mở rộng và mang tính chất đặc biệt gay gắt. Những bài báo của E. Béc-stanh đăng trên báo chí dân chủ - xã hội Đức, trong đó y đã xét lại những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác, - những bài báo đó đã trở thành ngọn cờ của bọn xét lại trong tất cả các đảng thuộc Quốc tế II.

Đảng dân chủ - xã hội Nga trải qua thời kỳ rời rạc, phân liệt, ngả nghiêng. Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga (tháng Ba 1898) đã tuyên bố thành lập đảng, tuy vậy hồi ấy đảng vẫn chưa phải là một thể thống nhất, tập trung.

«Phái kinh tế» - một nhóm cơ hội chủ nghĩa và xét lại hình thành trong đảng dân chủ - xã hội Nga - đã ủng hộ những tư tưởng của chủ nghĩa Béc-stanh, đã kêu

gọi chỉ hạn chế trong khuôn khổ đấu tranh kinh tế mà thôi, đã phủ nhận sự cần thiết phải thành lập ở Nga một đảng mác-xít cách mạng của giai cấp vô sản. Trong những điều kiện đó Lê-nin đã đề ra cho những người mác-xít cách mạng ở Nga một nhiệm vụ là kiên quyết chống lại chủ nghĩa xét lại trong phong trào công nhân nói chung và đặc biệt là chống «chủ nghĩa kinh tế», một biến dạng của chủ nghĩa cơ hội quốc tế ở Nga.

Vào giữa tháng Sáu 1899, lúc còn ở làng Su-sen-xcôi-ê, Lê-nin được biết về «làn sóng phản động ở Pê-téc-bua đã được đẩy lên chống chủ nghĩa Mác»; sau đó một tháng, Người lại nhận được bản «Tuyên ngôn» của «phái kinh tế», tức bản «Credo», và sau nữa là cuốn sách của E. Béc-stanh "Những tiền đề của chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ của đảng dân chủ - xã hội", trong đó Béc-lanh đã xét lại lý luận của Mác và tuyên bố rằng một bộ phận lớn, nếu không phải phần lớn, những người dân chủ - xã hội hoạt động ở Nga tưởng như đã hoàn toàn tán thành quan điểm của y; đến tháng Chín người ta xuất bản «Phụ trương đặc biệt» cho số 7 của tờ «Tư tưởng công nhân», trong đó những nhiệm vụ của phong trào công nhân Nga đã bị người ta quy thành những cuộc bãi công và việc lập ra các hội hợp pháp, và cuối cùng thì người ta đã gửi đến cho Lê-nin bản «Profession de foi» do Ban chấp hành Ki-ép của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga công bố vào mùa xuân 1899; đây là một tài liệu công khai tuyên truyền «chủ nghĩa kinh tế».

Lê-nin đã phê phán gay gắt tất cả những tài liệu xét lại và cơ hội chủ nghĩa đó. Có một văn kiện đã đóng vai trò lớn trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội, đó là bài «Lời phản kháng của những người dân chủ - xã hội Nga», do Lê-nin viết, đây là văn kiện tập thể đầu tiên của những người mác-xít cách mạng chống lại chủ nghĩa xét lại, nó không những đã giáng một đòn vào «phái kinh tế»

ở Nga, mà còn giáng vào bọn Béc-stanh ở Tây Âu. Trong «Lời phản kháng» Lê-nin kêu gọi những người dân chủ - xã hội Nga hãy kiên quyết tuyên chiến chống tất cả những tư tưởng đã được thể hiện trong bản «Credo», và hãy đứng lên bảo vệ chủ nghĩa Mác cách mạng.

Lê-nin chỉ rõ rằng chủ nghĩa Béc-stanh «là mưu toan muốn thu hẹp lý luận của chủ nghĩa Mác, mưu toan muốn biến đảng công nhân cách mạng thành một đảng cải lương chủ nghĩa» (tr. 216), và đã kêu gọi hãy kiên quyết chống lại việc truyền bá những tư tưởng cơ hội chủ nghĩa ấy vào nước Nga. Lê-nin đã vạch trần tính chất giả dối của những lời khẳng định của «phái kinh tế» về «sự khủng hoảng của chủ nghĩa Mác» và về sự cần thiết phải thay đổi một cách căn bản hoạt động thực tiễn của các đảng công nhân ở phương Tây. Về ý đồ của bản «Credo» muốn tách riêng hai hình thức đấu tranh kinh tế và đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân, thì Lê-nin gọi đó là một hành vi rõ ràng xa rời chủ nghĩa Mác; Người chỉ ra rằng cuộc đấu tranh giai cấp thống nhất của giai cấp vô sản tất yếu phải kết hợp hình thức đấu tranh chính trị và hình thức đấu tranh kinh tế. Lê-nin nhấn mạnh tầm quan trọng của nhiệm vụ được đề ra trước giai cấp vô sản ở tất cả các nước là thành lập các chính đảng công nhân độc lập, mà mục tiêu chính của các đảng ấy là giành chính quyền về tay giai cấp vô sản và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.

Lê-nin vạch rõ rằng «những kết luận» của các tác giả bản «Credo» về nước Nga không thể đứng vững được trước bất kỳ một sự phê phán nào; rằng việc họ phủ nhận những nhiệm vụ chính trị của giai cấp công nhân Nga, phủ nhận sự cần thiết phải lập một chính đảng công nhân độc lập, chứng tỏ rằng họ không hiểu vai trò lịch sử của giai cấp công nhân Nga và nhiệm vụ bức thiết của đảng dân chủ - xã hội Nga. Lê-nin viết: việc thực hiện cương lĩnh «Credo», mà nội dung của nó tựu trung là muốn giai cấp

công nhân Nga chỉ đóng khung trong cuộc đấu tranh kinh tế, còn «những phần tử tự do chủ nghĩa - đối lập» đấu tranh cho «những hình thức pháp quyền» có «sự tham gia» của những người mác-xít, - việc thực hiện một cương lĩnh như thế sẽ chẳng khác gì một sự tự sát về chính trị của đảng dân chủ - xã hội Nga, chẳng khác gì việc làm đình trệ nghiêm trọng và hạ thấp những nhiệm vụ của phong trào công nhân Nga.

«Lời phản kháng» đã trình bày rõ ràng những nhiệm vụ của đảng dân chủ - xã hội Nga. Trong khi chỉ rõ rằng nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân Nga là lật đổ chế độ chuyên chế, Lê-nin viết rằng đảng dân chủ - xã hội phải trở thành người chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho nền dân chủ, phải đoàn kết xung quanh mình tất cả những phần tử dân chủ trong nước để tấn công kẻ thù chung. Lê-nin xem việc đánh bại «chủ nghĩa kinh tế» là điều kiện cần thiết để thành lập và củng cố đảng dân chủ - xã hội cách mạng ở Nga.

Trong bài «Một khuynh hướng thật lười trong phong trào dân chủ - xã hội Nga» Lê-nin đã vạch rõ rằng «phái kinh tế», mà đại diện là ban biên tập báo «Tư tưởng công nhân», đã bước một bước thật lùi so với trình độ phát triển lý luận và chính trị mà đảng dân chủ - xã hội Nga đã đạt được. Trong khi không nhìn nhận một sự thật là ở Nga công nhân đã bước vào con đường đấu tranh chính trị, đã đặt được nền móng cho đảng dân chủ - xã hội, chủ nghĩa xã hội ở Nga đã bắt đầu gắn với phong trào công nhân, thì «phái kinh tế» lại đòi phong trào công nhân phải lùi về lập trường của chủ nghĩa công liên, phủ nhận nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp vô sản là tiến hành đấu tranh dưới sự lãnh đạo của đảng công nhân cách mạng nhằm lật đổ chế độ chuyên chế.

Ban biên tập báo «Tư tưởng công nhân» đã xuyên tạc quan niệm mác-xít về đấu tranh giai cấp, phủ nhận cuộc đấu tranh cách mạng vì chủ nghĩa xã hội, tuyên bố có thể

đạt đến chủ nghĩa xã hội chỉ bằng con đường hòa bình, và như vậy là quy chủ nghĩa xã hội thành chủ nghĩa tự do tư sản. Lê-nin viết: «Đương nhiên, giai cấp công nhân mong muốn giành lấy chính quyền bằng những biện pháp *hòa bình*... nhưng, nếu giai cấp vô sản *từ chối* việc giành lấy chính quyền bằng con đường cách mạng, thì thật là *điên rồ*, xét cả về phương diện lý luận, lẫn về phương diện chính trị và thực tiễn, và như thế sẽ chỉ là nhượng bộ giai cấp tư sản và hết thảy mọi giai cấp hữu sản một cách nhục nhã thôi» (tr. 333 - 334). Với một thái độ phần nộ, Lê-nin bác bỏ hành động của tờ «Tư tưởng công nhân» đã không hướng về những công nhân tiên tiến, mà lại hướng về những công nhân lạc hậu kém giác ngộ. Lê-nin phần nộ đả kích «phái kinh tế» như sau: «Các người chỉ có thể nói đại diện cho mình thôi... các người không được nói thay cho những công nhân Nga tiên tiến!» (tr. 314 - 315).

Những người mác-xít cách mạng Nga, đứng đầu là Lê-nin, đã không hướng về «xã hội» tư sản (phái tự do), như «phái kinh tế» vẫn kêu gọi, mà lại hướng về những công nhân tiên tiến. Trong bài «Một khuynh hướng thật lười trong phong trào dân chủ - xã hội Nga» Lê-nin đã viết như sau: "Trong khi giới trí thức không hứng thú đối với các sách báo trung thực, bất hợp pháp, thì trong hàng ngũ công nhân, người ta thấy lòng khao khát thiết tha muốn hiểu biết và mối nhiệt tình đối với chủ nghĩa xã hội, ngày càng tăng; trong hàng ngũ công nhân xuất hiện những anh hùng chân chính, những người này, mặc dầu phải sống một đời sống thảm hại và phải làm việc như khổ sai trong công xưởng, một công việc làm cho người ta thành đần độn, nhưng vẫn thấy mình có đủ nghị lực và đủ ý chí để học tập, học tập và học tập nữa, và để tự rèn luyện mình thành người dân chủ - xã hội giác ngộ, thành "người trí thức công nhân"" (tr. 339). Lê-nin đã giáo dục những công nhân tiên tiến ấy thành những cán bộ lãnh đạo tương lai của một đảng có

nhiệm vụ lãnh đạo quần chúng nhân dân lật đổ chế độ chuyên chế và chế độ tư bản.

Tinh thần phản nộ chống lại «chủ nghĩa kinh tế» cũng thể hiện trong bài viết của Lê-nin nhan đề «Bản về một bản «Profession de foi»». Trong bài này Lê-nin đã phê phán gay gắt lời tuyên bố của bọn cơ hội chủ nghĩa Nga nói rằng tưởng như quần chúng công nhân Nga chưa trưởng thành đến mức có thể tiến hành đấu tranh chính trị. Lê-nin nhấn mạnh vai trò lãnh đạo của đảng dân chủ - xã hội cách mạng mà nhiệm vụ của nó là nâng cao giác ngộ chính trị cho công nhân, tổ chức giai cấp vô sản, kêu gọi giai cấp vô sản tiến hành hoạt động chính trị và đấu tranh chính trị.

Những tác phẩm của Lê-nin viết vào nửa cuối 1899 - đầu năm 1900 nhằm chống lại mưu toan định xuyên tạc và thu hẹp chủ nghĩa Mác thành một thứ chủ nghĩa cải lương tầm thường, - đã đem lại cho những người mác-xít cách mạng ở Nga một vũ khí lý luận trong cuộc đấu tranh không điều hòa của họ chống chủ nghĩa Béc-stanh và chống "chủ nghĩa kinh tế" — một biến dạng của chủ nghĩa Béc-stanh.

Cuộc đấu tranh này là điều kiện cần thiết để giải quyết nhiệm vụ lịch sử mà Lê-nin đã đặt ra, nhiệm vụ thành lập ở Nga một đảng mác-xít cách mạng không dung thứ bất kỳ một biểu hiện nào của chủ nghĩa cơ hội, chủ nghĩa xét lại, chủ nghĩa thỏa hiệp, đảng vô sản kiểu mới, khác với các đảng dân chủ - xã hội thuộc Quốc tế II là những đảng vẫn dung nạp trong nội bộ mình bọn cơ hội chủ nghĩa và bọn cải lương chủ nghĩa. Đảng mà Lê-nin đã chuẩn bị những người mác-xít cách mạng để thành lập ra, phải trở thành và đã trở thành một kiểu mẫu cho toàn thể phong trào công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế.

Tập 4 bao gồm những tác phẩm của V. I. Lê-nin, trong đó Người tiếp tục vạch ra cương lĩnh của đảng. Thuộc vào số các tác phẩm đó, trước hết là các bài «Cương lĩnh của chúng ta» và «Dự thảo cương lĩnh của đảng ta». Trong các

bài này Lê-nin chỉ rõ sự cần thiết đối với mỗi người dân chủ - xã hội là phải xác định xem mình thuộc phe nào: những môn đồ cách mạng của học thuyết C. Mác, hay là «những kẻ phê phán» hiện đại chủ nghĩa Mác. Người đã viết như sau trong bài «Cương lĩnh của chúng ta»: «Chúng ta hoàn toàn đứng trên cơ sở lý luận của Mác... Lý luận đó đã chỉ rõ nhiệm vụ thật sự của một đảng xã hội chủ nghĩa cách mạng... là tổ chức cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và lãnh đạo cuộc đấu tranh đó mà mục đích cuối cùng là giai cấp vô sản giành lấy chính quyền và tổ chức xã hội xã hội chủ nghĩa» (tr. 231). Lê-nin đã chỉ rõ nghĩa vụ thiêng liêng của những người mác-xít là bảo vệ lý luận mác-xít chống lại những mưu toan định xuyên tạc và hạ thấp lý luận đó. «Không thể có một đảng xã hội chủ nghĩa vững mạnh, nếu không có lý luận cách mạng để đoàn kết tất cả những người xã hội chủ nghĩa lại, để họ rút ra từ trong lý luận đó tất cả những tín hiệu của họ và đem áp dụng lý luận đó vào những phương pháp đấu tranh và phương sách hành động của họ» (tr. 232). Lê-nin kiên quyết bác bỏ những lời buộc tội mị dân về chủ nghĩa giáo điều, những lời buộc tội mà «những kẻ phê phán Mác» đã chụp cho những người mác-xít cách mạng, và Người nhấn mạnh sự cần thiết phải vận dụng chủ nghĩa Mác một cách sáng tạo. Lê-nin viết: «Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt» (tr. 232).

Việc thảo cương lĩnh đảng đã đặt nhiệm vụ cho những người mác-xít Nga phải nghiên cứu có phê phán những vấn đề cương lĩnh mà trước đó những người dân chủ - xã hội Nga và Tây Âu đã thông qua, trước hết là cương lĩnh của nhóm «Giải phóng lao động» và cương lĩnh Íc-phuya của đảng dân chủ - xã hội Đức.

Tuy đánh giá cao cương lĩnh của nhóm «Giải phóng lao động», nhưng Lê-nin chỉ rõ rằng đây là cương lĩnh của nhóm những người cách mạng sống ở nước ngoài, họ chưa trông thấy một phong trào công nhân nào sâu rộng đôi chút và mang tính chất độc lập ở Nga. Cần phải tiến một bước tiếp theo, thảo ra cương lĩnh của đảng công nhân, một đảng đã được một loạt tổ chức ở Nga xây dựng nên, mà đằng sau những tổ chức này là giai cấp công nhân Nga đã đứng lên tiến hành đấu tranh cách mạng.

Việc nghiên cứu cương lĩnh Éc-phuya đã đưa Lê-nin đi đến kết luận rằng vận dụng cương lĩnh đó là một điều hoàn toàn hợp quy luật, bởi vì ở Nga người ta cũng thấy những quá trình cơ bản tương tự của sự phát triển tư bản chủ nghĩa, cũng thấy những nhiệm vụ cơ bản như vậy của những người xã hội chủ nghĩa và của giai cấp công nhân, song việc vận dụng ấy «tuyệt nhiên không có nghĩa là chỉ đơn giản sao chép lại» (tr. 277). Trong khi đề phòng sự lãng quên những đặc điểm của quá trình phát triển lịch sử của nước Nga - những đặc điểm này tất phải được thể hiện đầy đủ trong cương lĩnh - Lê-nin đã chỉ rõ rằng, một là, nhất thiết phải xác định trong cương lĩnh những nhiệm vụ chính trị của giai cấp công nhân, giai cấp đó sẽ phải lật đổ chế độ chuyên chế và giành quyền tự do chính trị để tiếp tục đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội; hai là, cần phải đặt riêng vấn đề nông dân.

Bản dự thảo cương lĩnh do Lê-nin viết ở nơi đi đày và đã được luận chứng trong một loạt bài, thì về sau đã được Người sử dụng khi ban biên tập báo «Tia lửa» tiếp tục thảo cương lĩnh. Trong bản cương lĩnh năm 1899 có đoạn hết sức quan trọng nói rõ những mục tiêu cuối cùng của phong trào công nhân dân chủ - xã hội, nói về xu hướng của nó muốn giành chính quyền để thực hiện những mục tiêu ấy, nói về tính chất quốc tế của phong trào.

Lê-nin đặc biệt nghiên cứu kỹ vấn đề thái độ của đảng dân chủ - xã hội đối với phong trào nông dân, đã đòi hỏi

phải ủng hộ những phần tử cách mạng trong nông dân trong cuộc đấu tranh của họ nhằm thủ tiêu những tàn tích của quan hệ nông nô, cũng như phải ủng hộ giai cấp vô sản nông nghiệp đang hình thành trong cuộc đấu tranh của họ chống giai cấp tư sản nông thôn. Những điều đòi hỏi đó của Lê-nin là sự phát triển hơn nữa những tư tưởng về khối liên minh giữa giai cấp công nhân với nông dân, tư tưởng về bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản trong cách mạng.

Đến cuối năm 1899 Lê-nin viết những bài để phục vụ đông đảo độc giả công nhân: «Bàn về các tòa án công nghiệp», sau khi ban thanh tra công xưởng được trao cho những chức năng cảnh sát, «Bàn về bãi công».

Tập này bao gồm các tác phẩm trong đó Lê-nin đã trình bày kế hoạch thiên tài của mình về việc lập ra đảng mác-xít, tập trung, mạnh mẽ nhờ sự thống nhất, sự đoàn kết và tính kỷ luật. Lê-nin cho rằng nhiệm vụ trước mắt và bức thiết nhất của những người dân chủ - xã hội Nga là khắc phục tình trạng phân tán, thủ công trong hoạt động của các tổ chức đảng. Theo ý nghĩ của Lê-nin thì công cụ quan trọng bậc nhất để đoàn kết các lực lượng của đảng, về mặt tư tưởng và tổ chức, phải là tờ báo mác-xít bất hợp pháp toàn Nga.

Trong các bài «Nhiệm vụ trước mắt của chúng ta», «Một vấn đề cấp bách», Lê-nin đã kêu gọi những người mác-xít cách mạng phải lập tức bắt tay vào việc xây dựng và tổ chức thật vững cơ quan ngôn luận của đảng, và do đó cũng là xây dựng và tổ chức thật tốt chính bản thân đảng. Lê-nin viết: "Một đảng cách mạng được xây dựng trên một cơ sở như thế và được tổ chức chặt chẽ, sẽ là một lực lượng chính trị quan trọng bậc nhất trong nước Nga hiện nay!" (tr. 251).

Dự thảo lời tuyên bố của hai ban biên tập tờ «Tia lửa» và «Bình minh» đã được viết ở Pơ-xcốp, khi mà vấn đề

xuất bản hai cơ quan ngôn luận: tạp chí chính trị - khoa học và tờ báo chính trị toàn Nga, - được giải quyết và được những người mác-xít Nga tán thành. Vào nửa đầu năm 1900 Lê-nin tiến hành những biện pháp thực tiễn nhằm đảm bảo cho các cơ quan ngôn luận ấy có những phương tiện vật chất, bài vở, tiến hành đàm phán với đại biểu các tổ chức ở Nga về việc cung cấp tin và bài, lập đường dây liên lạc, nơi gặp gỡ, tổ chức vận chuyển v.v..

Để thực hiện kế hoạch xuất bản tờ báo chính trị bất hợp pháp, vào tháng Bảy 1900 Lê-nin sang Thụy-sĩ. Trong thời kỳ này, thời kỳ tổ chức báo «Tia lửa» ở nước ngoài Lê-nin đã gặp phải những khó khăn lớn.

Bài bút ký ««Tia lửa» suýt tắt như thế nào?» đã phản ánh sự xung đột gay gắt với G. V. Plê-kha-nốp trong khi tiến hành đàm phán về các hình thức cộng tác trong tờ «Tia lửa» và «Bình minh». Plê-kha-nốp có tham vọng giữ địa vị thống trị trong ban biên tập, điều đó loại trừ khả năng làm việc tập thể một cách bình thường. «Bầu không khí tối hậu thư», do Plê-kha-nốp tạo nên, đã đe dọa làm hỏng việc xây dựng tờ «Tia lửa» và như vậy đe dọa làm thất bại việc tập hợp lực lượng đảng xung quanh tờ báo. Chỉ có nhờ sự kiên trì và tính nguyên tắc của Lê-nin mà sự xung đột với Plê-kha-nốp mới được giải quyết, và việc xuất bản tờ «Tia lửa» đã được tiến hành theo kế hoạch mà Lê-nin đã vạch. Nghị lực của Người, kinh nghiệm hoạt động bí mật của Người đã bảo đảm cho những số đầu của báo «Tia lửa» ra vào cuối năm 1900 - đầu năm 1901, phát hành một cách thắng lợi những số báo đó ở Nga, bài vở được gửi đến dồi dào.

Trong bài xã luận của số 1 báo «Tia lửa», dưới nhan đề «Những nhiệm vụ bức thiết của phong trào chúng ta», Lê-nin đã xác định những nhiệm vụ của đảng, kế hoạch tổ chức việc thành lập đảng. Cũng trong số báo đó có đăng bài «Cuộc chiến tranh Trung-quốc», trong đó Lê-nin kêu gọi tất cả những công nhân giác ngộ ở Nga đứng lên chống lại

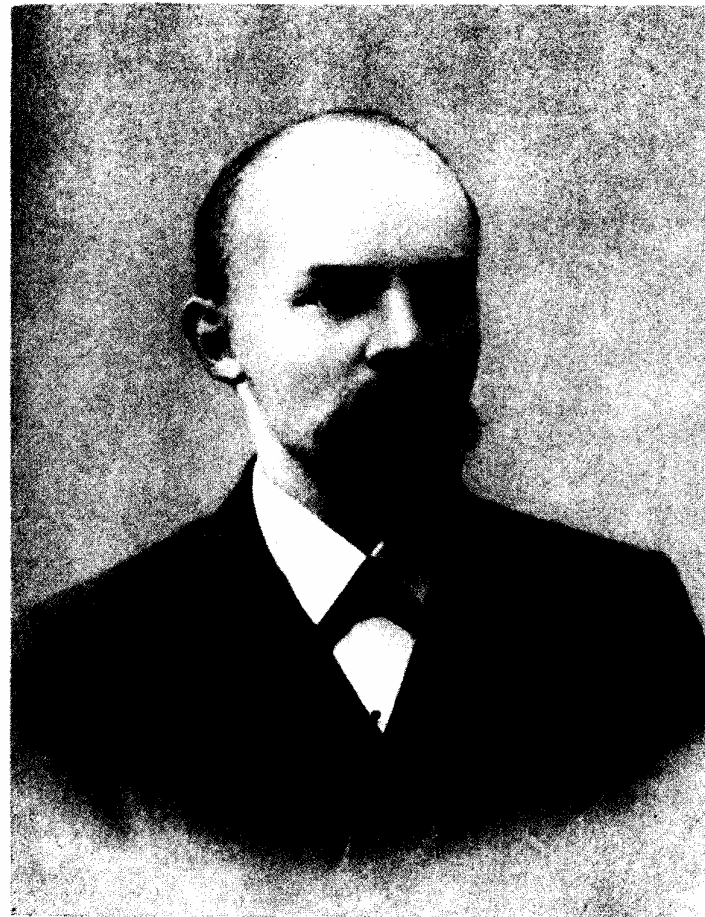
chính sách phiêu lưu nhằm mục đích cướp bóc và áp bức Trung-quốc, một chính sách đã được các chính phủ tư sản châu Âu và chính phủ chuyên chế của Nga thi hành. Vấn đề tối quan trọng - thảo ra cương lĩnh ruộng đất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga - đã được bàn đến trong bài «Đảng công nhân và giai cấp nông dân», đăng trong số 3 báo «Tia lửa». Trong bài này Lê-nin đã tiên đoán rằng một khi cuộc đấu tranh của công nhân thành thị và của nông dân cách mạng được hòa thành một dòng thác thì quá trình phát triển cách mạng sẽ được đẩy rất nhanh.

Trong tập này có «Nhật ký ngày 29 tháng Chạp 1900» và «Về bản dự thảo hiệp định với Xơ-ru-vê» (được in lần đầu tiên) - đây là những văn kiện có quan hệ tới những cuộc đàm phán giữa ban biên tập báo «Tia lửa» và nhóm «dân chủ đối lập» (P. B. Xơ-ru-vê và M. I. Tu-gan — Ba-ra-nốp-xki). Những cuộc đàm phán này được tiến hành vào tháng Chạp 1900 - tháng Giêng 1901. Sau khi có trong tay một số bài vở, P. B. Xơ-ru-vê đề nghị đem sử dụng số bài vở đó trong tờ «Tia lửa» và «Bình minh», với điều kiện giữ địa vị hoàn toàn bình đẳng trong ban biên tập. Xơ-ru-vê cũng đòi xuất bản phụ trương chính trị phổ thông của tạp chí «Bình minh», lấy nhan đề «Bình luận thời đại», được xuất bản song song với tờ «Tia lửa» và «Bình minh», nhưng công khai thì không có quan hệ với đảng dân chủ - xã hội. Lê-nin đã kiên quyết bác bỏ những đề nghị này, coi đó là mưu toan muốn lợi dụng các cơ quan ngôn luận của đảng dân chủ - xã hội cách mạng để phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản tự do. Theo yêu cầu của G. V. Plê-kha-nốp, về sau người ta vẫn còn tiếp tục đàm phán về việc xuất bản cơ quan ngôn luận chung, tuy nhiên «Bình luận thời đại» đã không được xuất bản.

Trong tập này có nhiều bài là kiểu mẫu về văn chính luận phê phán của Lê-nin, hình thức chính luận này được Người rất coi trọng trong cuộc đấu tranh nhằm thức tỉnh

đông đảo quần chúng nhân dân. Thuộc loại đó có các bài đăng trên tạp chí «Bình minh»: «Đánh, nhưng đừng đánh chết», «Cần gì phải đẩy nhanh sự đổi thay của thời cuộc?» và «Một sự thống kê khách quan», là những bài cùng lấy chung một nhan đề «Bình luận thời sự»; cũng như bài «Việc 183 sinh viên bị cưỡng bức đi lính» đã được đăng trong tờ «Tia lửa» và lời tựa cho cuốn sách nhỏ «Những ngày tháng Năm ở Khác-cốp».

*Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin
trực thuộc Ban chấp hành trung ương
Đảng cộng sản Liên-xô*



V. I. Lê-nin
1900

**BÀN VỀ VẤN ĐỀ THỐNG KÊ
CÔNG XƯỞNG - NHÀ MÁY Ở NƯỚC TA**
**NHỮNG CÔNG TRẠNG MỚI CỦA GIÁO SƯ CA-RU-SÉP
TRONG LĨNH VỰC THỐNG KÊ¹**

Độc giả Nga rất chú ý đến vấn đề thống kê công xưởng - nhà máy ở nước ta và những kết luận chủ yếu rút ra từ thống kê đó. Đó là điều hoàn toàn dễ hiểu, vì vấn đề này gắn liền với một vấn đề rộng lớn hơn, tức là vấn đề «vận mệnh của chủ nghĩa tư bản ở Nga». Nhưng khốn thay, việc soạn thống kê công xưởng - nhà máy của ta đâu có đáp ứng được sự chú ý của mọi người đối với số liệu của thống kê. Lĩnh vực đó của ngành thống kê kinh tế ở nước ta đang ở một tình trạng thật là thảm hại, và thảm hại hơn nữa có lẽ là việc những người làm thống kê thường tỏ ra chẳng hiểu gì về tính chất những con số mà họ nghiên cứu, về tính chất chính xác và giá trị của những con số đó để có những kết luận này hay kết luận nọ. Chính lời nhận xét này rất thích hợp đối với tác phẩm gần đây nhất của ông Ca-ru-sép, tác phẩm này lúc đầu đăng trong «Tin tức của Viện nông nghiệp Mát-xcơ-va» (năm thứ IV, cuốn I), rồi sau xuất bản thành sách dưới nhan đề rất kêu: «Những tài liệu về kinh tế quốc dân Nga. I. Công nghiệp công xưởng - nhà máy của chúng ta vào giữa những năm 90 thế kỷ XIX» (Mát-xcơ-va, 1898). Trong tác phẩm này, ông Ca-ru-sép đã cố gắng rút ra những kết luận từ tập tài liệu vừa xuất bản của Cục công thương nghiệp về nền công nghiệp công

xưởng - nhà máy của nước ta*. Chúng tôi định phân tích tỉ mỉ những kết luận của ông Ca-rư-sép, và phân tích đặc biệt những phương pháp của ông ta. Chúng tôi nghĩ rằng phân tích như vậy sẽ bổ ích không những cho việc xác định phương pháp mà một ngài giáo sư nào đó đã dùng để nghiên cứu tài liệu của mình (về điểm này, chỉ cần dành một vài dòng của một bài phê bình cũng đủ), mà còn bổ ích cho việc xác định xem những số liệu thống kê công xưởng - nhà máy của nước ta là đáng tin được đến mức độ nào, xem những số liệu ấy cho phép đi tới những kết luận gì, xem thống kê ấy có những yêu cầu nào là chủ yếu nhất, và những người nghiên cứu thống kê ấy có những nhiệm vụ gì.

Trong nguồn tài liệu mà ông Ca-rư-sép sử dụng, như chính đầu đề của nó đã chỉ rõ, có bản danh sách các công xưởng và nhà máy của đế quốc Nga năm 1894/95. Việc xuất bản một bản danh sách đầy đủ về tất cả những công xưởng và nhà máy (nghĩa là những xưởng công nghiệp *tương đối* lớn hơn, với những quan niệm khác nhau về loại xưởng như thế nào thì coi là lớn) không phải là một điều mới lạ trong sách báo ở nước ta. Ngay từ năm 1881, ông Oóc-lốp và ông Bu-đa-gốp đã lập «Bản chỉ dẫn về các công xưởng và nhà máy», mà bản in lần cuối cùng (lần thứ 3) là vào năm 1894. Trước đó, ngay từ năm 1869, «Niên giám của Bộ tài chính» (thiên I) đã có một danh sách công xưởng ghi trong bản chú thích đính theo những bản thống kê về công nghiệp. Tài liệu dùng cho tất cả những ấn phẩm này đều lấy từ những bản kê khai mà các chủ công xưởng và nhà máy, chiếu theo pháp luật, phải cung cấp hàng năm cho bộ. Tuy bản tài liệu của Cục công thương nghiệp khác với những bản in trước đây ở chỗ là nó có

* «Bộ tài chính. Cục công thương nghiệp. Công nghiệp công xưởng - nhà máy ở Nga. *Danh sách các công xưởng và nhà máy*». Xanh Pê-téc-bua. 1897, tr. 63 + VI + 1047.

nhiều tài liệu hơn một chút, nhưng không phải vì thế mà nó không mắc những khuyết điểm lớn mà những tài liệu trước kia không có, những khuyết điểm làm khó khăn đến cực điểm việc sử dụng những tài liệu đó về mặt là nguồn tài liệu thống kê các công xưởng - nhà máy. Lời nói đầu của bản "Danh sách" nhấn mạnh đến tính chất thiếu sót của những tài liệu thống kê trước đó và do đó xác định rõ mục đích của tập tài liệu xuất bản: không những là tài liệu tham khảo, mà chính là tài liệu dùng cho thống kê. Nhưng nếu bản "Danh sách" được coi là một tập thống kê thì ai cũng thấy ngay rằng nó hoàn toàn không có những con số tổng hợp, bất cứ là những số tổng hợp nào. Mong rằng một ấn phẩm như thế, - một ấn phẩm đầu tiên thuộc loại này, loại không có những con số tổng hợp, - sẽ là ấn phẩm cuối cùng. Mặt khác, nếu dùng làm sách tham khảo thì khối lượng đồ sộ những tài liệu chưa chỉnh lý trình bày dưới hình thức một đống những con số, là một mớ hổ lốn vô ích. Lời nói đầu của bản "Danh sách" phê phán nghiêm khắc rằng những bản kê khai do các chủ xưởng cung cấp cho bộ từ trước tới đó, "bao giờ cũng chứa đựng những tài liệu không rành mạch, năm nào cũng giống nhau, khiến người ta không xác định được đúng, dù chỉ là số lượng hàng hóa được sản xuất ra. Thế mà những số liệu đầy đủ nhất và đáng tin nhất về các ngành sản xuất khác nhau lại là tuyệt đối cần thiết" (tr. I). Dĩ nhiên chúng tôi không hề có ý định biện hộ cho chế độ thống kê công xưởng - nhà máy trước kia của ta, một chế độ hoàn toàn lỗi thời, một chế độ cả về kết cấu lẫn về chất lượng đều có tính chất thuần túy của thời kỳ trước cải cách. Nhưng cho đến ngày nay nữa, tiếc thay, người ta vẫn *hầu như không thấy* có được những sự cải tiến trong việc làm thống kê này. Bản "Danh sách" đồ sộ vừa mới xuất bản cũng chưa cho phép ta nói được rằng chế độ thống kê cũ, mà ai cũng nhất trí thừa nhận là tồi, đã có được một

cải tiến đáng kể nào. Những bản kê khai "không cho phép xác định được đúng, dù chỉ là số lượng hàng hóa được sản xuất ra"... Và lại bản "Danh sách" dù là rất mới, cũng tuyệt đối không cung cấp được một tài liệu nào về số lượng hàng hóa cả, trong khi đó thì "Bản chỉ dẫn" của ông Oóc-lốp, chẳng hạn, lại có những tài liệu ấy về một số rất lớn công xưởng, và ngay cả về hầu như toàn bộ các công xưởng trong một số ngành sản xuất, cho nên biểu đồ tổng hợp đã đưa ra được những số lượng sản phẩm (trong những xưởng thuộc da, xưởng cất rượu, xưởng gạch, xưởng xay hạt, xưởng xay bột mì, trong ngành chế tạo sáp và mỡ lợn, trong nghề bóc vỏ lanh và nghề làm bia). Vậy mà những tài liệu của "Bản chỉ dẫn" lại sử dụng chính ngay những bản kê khai cũ thôi. Bản "Danh sách" tuy nhiên không đưa ra được một tài liệu nào về thiết bị cả, trong khi đó thì "Bản chỉ dẫn" lại cung cấp được những tài liệu ấy về nhiều ngành sản xuất. "Lời nói đầu" miêu tả như sau về sự thay đổi trong thống kê công xưởng - nhà máy của ta: trước kia, tài liệu là do những chủ xưởng cung cấp, thông qua Sở cảnh sát, "theo một bản mẫu sơ sài và không rõ ràng lắm" và không được ai kiểm tra lại những tài liệu đó. "Do đó người ta thu thập được những tài liệu không thể cho phép đi tới một kết luận nào gọi là tương đối chính xác" (tr. 1). Ngày nay, người ta đã lập ra một bản mẫu mới chi tiết hơn rất nhiều, và những viên thanh tra công xưởng lại có nhiệm vụ tập hợp và kiểm tra những bản thống kê về công xưởng và nhà máy. Thoạt nhìn, người ta tưởng hiện nay đã có được những số liệu có thể dùng được, vì bản mẫu kê khai đã được thảo ra chu đáo và việc đảm bảo cho các tài liệu được kiểm tra lại là hai điều kiện chủ yếu để thành công trong việc làm thống kê. Nhưng thực ra, tình trạng hỗn độn cũ vẫn còn chưa thay đổi. Bản mẫu tỉ mỉ, kèm theo lời hướng dẫn, không được sao lại trong "lời nói đầu" của bản "Danh sách", mặc dầu phương

pháp thống kê đòi hỏi phải công bố bản mẫu đã được dùng để thu thập tài liệu. Việc phân tích sau đây những tài liệu của bản "Danh sách" sẽ vạch cho chúng ta thấy rằng những vấn đề *căn bản* trong việc thống kê công xưởng - nhà máy chưa hề được giải quyết một cách sáng tỏ. Đối với việc kiểm tra lại tài liệu thì đây là ý kiến của ông Mi-cu-lin, chánh thanh tra các công xưởng tỉnh Khéc-xôn, một người đã từng thực tế làm công việc kiểm tra đó và là tác giả một quyển sách phân tích những số liệu thống kê thu thập được tại tỉnh Khéc-xôn, theo chế độ thống kê mới.

"Vì không thể thực sự kiểm tra được tất cả những con số do các chủ xưởng công nghiệp cung cấp trong các bản kê khai của họ, nên phải gửi trả lại họ những bản ấy để sửa chữa, nhưng chỉ gửi trả lại trong trường hợp các lời kê khai mâu thuẫn một cách hiển nhiên với những tài liệu do những xí nghiệp tương tự khác đưa ra, hoặc mâu thuẫn với những tài liệu thu lượm được trong những cuộc kiểm tra xí nghiệp. *Dù sao thì những người cung cấp số liệu cũng phải chịu trách nhiệm về sự chính xác của những số liệu dẫn ra trong các bản kê khai của mỗi xưởng*" ("Công nghiệp công xưởng - nhà máy và công nghiệp thủ công trong tỉnh Khéc-xôn". Ô-đét-xa, 1897, bài tựa. Do chúng tôi viết ngả). Vậy là cũng như trước kia, bản thân những chủ xưởng phải chịu trách nhiệm về sự chính xác của những số liệu. Không những các đại diện ban thanh tra công xưởng đã không thể kiểm tra được tất cả những con số, mà thậm chí họ cũng không đảm bảo (như chúng ta sẽ thấy ở phần sau) tính chất đồng nhất của tài liệu và không đảm bảo cho người ta có thể so sánh được những tài liệu với nhau.

Chúng tôi sẽ liệt kê sau đây tất cả những khuyết điểm của bản «Danh sách» và của những tài liệu mà bản đó cung cấp. Khuyết điểm căn bản, như chúng tôi đã nói, đó là việc thiếu hoàn toàn những con số tổng hợp (các tác giả của «Bản chỉ dẫn» đã lập ra những bản tổng hợp và cứ mỗi

lần tái bản là họ lại bổ sung thêm). Ông Ca-rư-sép, được hai nhà cộng tác nữa giúp đỡ, đã có ý nghĩ hay là muốn khắc phục được ít ra là một phần thiếu sót này và đã dựa theo bản «Danh sách» để lập ra bản tổng hợp về công nghiệp công xưởng - nhà máy ở nước ta. Việc làm này rất bổ ích và ai nấy có lẽ sẽ biết ơn ông ta đã hoàn thành tốt việc ấy, nếu... nếu như ông Ca-rư-sép đã, một là, kể ra được đầy đủ, dù chỉ là một vài con số tổng hợp mà ông ta đã tính ra được, và, hai là, nếu như, trong phương pháp xử lý tài liệu, ông ta không tỏ ra thiếu đầu óc phê phán một cách gần như là trắng trợn. Có thái độ khinh suất đối với tài liệu và không nghiên cứu tài liệu một cách tương đối «cặn kẽ» * về phương diện thống kê, ông Ca-rư-sép đã vội rút ra ở đó «những kết luận» nên đương nhiên là ông ta đã mắc phải cả một loạt sai lầm hết sức kỳ quặc.

Trước hết, chúng ta hãy bàn đến vấn đề thứ nhất, vấn đề cơ bản của thống kê công nghiệp: nên xếp những xí nghiệp nào vào loại «công xưởng và nhà máy»? Ngay cả đến câu hỏi này, ông Ca-rư-sép cũng không đặt ra; chắc hẳn ông ta cho rằng «công xưởng và nhà máy» là cái gì đã được hoàn toàn xác định rồi. Khi nói đến bản «Danh sách», thì, với một giọng mạnh bạo đáng được dùng vào một việc làm tốt, ông ta quả quyết rằng bản ấy, khác với những bản trước, đã thống kê không những các công xưởng *lớn*, mà còn thống kê *tất cả* các công xưởng. Điều khẳng định này, được tác giả nhắc lại hai lần (tr. 23 và 34), *rõ ràng là sai lầm*. Sự thật thì trái hẳn lại: bản «Danh sách» chỉ ghi những xưởng *lớn hơn*, đó là điểm khác với những tập thống kê về công xưởng và nhà máy đã được xuất bản trước đây. Dưới đây chúng tôi sẽ giải thích tại sao ông Ca-rư-sép lại có thể «không nhận thấy»

* Trái với ý kiến của tác giả bài phê bình đăng trong báo «Tin tức nước Nga»² (1898, số 144), tác giả này rõ ràng là ít có khả năng nhận xét có phê phán những kết luận của ông Ca-rư-sép, cũng như bản thân ông Ca-rư-sép ít có khả năng nhận xét có phê phán những con số của bản «Danh sách».

được «điều nhỏ nhặt» như thế, nhưng chúng tôi sẽ bắt đầu bằng một dẫn chứng rút từ lịch sử. Cho tới năm 1885, trong thống kê công xưởng - nhà máy của ta chưa hề có *một* định nghĩa *nào* và *một* quy tắc *nào* quy định rằng khái niệm «công xưởng» là chỉ dùng để chỉ những xí nghiệp công nghiệp lớn mà thôi. Thống kê «công xưởng và nhà máy» bao gồm lẫn lộn tất cả những xưởng công nghiệp (và thủ công nghiệp) đủ các loại, điều này dĩ nhiên là gây nên một sự hỗn độn như mớ bòng bong về số liệu, vì người ta tuyệt đối không tài nào lập nổi một bản danh sách gồm đầy đủ tất cả các xí nghiệp thuộc loại đó với những phương tiện và lực lượng mà chúng ta hiện có (nghĩa là trong điều kiện không có một cuộc điều tra đúng đắn nào về công nghiệp); trong một số tỉnh hay một số ngành sản xuất, người ta thống kê cả hàng trăm, hàng nghìn xưởng rất nhỏ, còn trong những tỉnh và ngành khác thì người ta chỉ thống kê «những công xưởng» lớn mà thôi. Như vậy, đương nhiên những người đầu tiên cố gắng nghiên cứu một cách khoa học những số liệu thống kê công xưởng - nhà máy của nước ta (trong những năm 60), đã phải hết sức chú ý tới vấn đề đó và phải cố gắng phân biệt giữa những ngành sản xuất có những số liệu ít nhiều đáng tin được và những ngành sản xuất có những số liệu hoàn toàn không chính xác; phải cố gắng tách riêng những xưởng lớn tới mức độ khiến có thể có được những số liệu thỏa đáng và những xưởng quá nhỏ khiến không thể có được những số liệu như thế. Bu-sen*, Bốc** và Ti-mi-ri-a-dép*** đã đưa ra những điều chỉ dẫn

* «Niên giám của Bộ tài chính». Thiên I. Xanh Pê-téc-bua. 1869.

** «Niên giám thống kê của đế quốc Nga». Đợt II, thiên 6. Xanh Pê-téc-bua. 1872. Tài liệu thống kê về công nghiệp công xưởng - nhà máy ở phần nước Nga thuộc châu Âu, do I. Bốc lãnh đạo biên soạn.

*** «Đồ biểu thống kê các ngành chủ yếu của công nghiệp công xưởng - nhà máy ở phần nước Nga thuộc châu Âu, kèm bản kê các công xưởng và nhà máy». 3 thiên. Xanh Pê-téc-bua. 1869, 1870 và 1873.

cực kỳ quý giá về tất cả các vấn đề ấy và, nếu như những điều chỉ dẫn ấy được những người làm thống kê công xưởng - nhà máy ở nước ta chú ý tuân theo và phát triển một cách kỹ lưỡng, thì có lẽ ngày nay chúng ta đã có được những tài liệu rất khả quan. Nhưng trên thực tế tất cả những điều chỉ dẫn ấy đều bị bỏ ngoài tai, như thường thấy, và thống kê công xưởng - nhà máy vẫn giữ nguyên tình trạng lộn xộn của nó. Từ năm 1889 trở đi, Cục công thương nghiệp bắt đầu xuất bản «tập số liệu về công nghiệp công xưởng - nhà máy ở Nga» (năm 1885 và những năm sau). Những tập này đã có đôi chút tiến bộ: người ta đã loại những xí nghiệp nhỏ ra, nghĩa là những xí nghiệp sản lượng dưới 1 000 rúp. Cố nhiên, tiêu chuẩn này là quá thấp và quá đơn giản: nếu mong muốn có được một sự điều tra *đầy đủ về tất cả* những xưởng công nghiệp có sản lượng lớn hơn con số ấy, bằng cách thu thập các tài liệu ấy thông qua Sở cảnh sát thì thật là lố bịch. Cũng như trước kia trong một số tỉnh và một số ngành công nghiệp, người ta thống kê cả một số xưởng nhỏ mà sản lượng vào khoảng từ 2 000 đến 5 000 rúp, còn trong những tỉnh khác và những ngành khác, người ta lại bỏ qua. Sau đây chúng ta sẽ thấy những thí dụ về điều đó. Sau hết, chế độ thống kê công xưởng - nhà máy mới nhất ở nước ta đã sử dụng một tiêu chuẩn khác hẳn để xác định khái niệm về «công xưởng và nhà máy». Thuộc đối tượng điều tra là «tất cả những xí nghiệp công nghiệp» (trong số «*những xưởng thuộc quyền quản lý*» của ban thanh tra công xưởng) «dùng tối thiểu 15 công nhân, và cả những xưởng dùng dưới 15 công nhân nhưng có một nồi hơi, một máy hơi nước hay có những máy động cơ cơ khí và máy móc khác hoặc những thiết bị nhà máy và công xưởng»*. Chúng

* Thông tư ngày 7 tháng Sáu 1895, do Cô-bê-li-a-txơ-ki trích dẫn («Sách chỉ nam của các viên chức thanh tra công xưởng v.v.». Xuất

tôi phải phân tích kỹ lưỡng định nghĩa này (và chúng tôi đã nhấn mạnh những chỗ nào đặc biệt tối nghĩa), nhưng trước hết, chúng tôi nêu rõ rằng khái niệm «công xưởng và nhà máy» được nêu ra là khái niệm hoàn toàn mới mẻ trong thống kê công xưởng - nhà máy ở nước ta: cho tới nay, người ta chưa từng bao giờ có ý định chỉ dùng khái niệm «công xưởng» để chỉ những xưởng có một số lượng công nhân nhất định hay có một động cơ chạy bằng hơi nước, v.v.. Nói chung việc quy định một cách chặt chẽ khái niệm «công xưởng và nhà máy» là điều tuyệt đối cần thiết, song định nghĩa mà chúng ta dẫn ra đó khốn nỗi lại rất không chính xác, tối nghĩa và mơ hồ. Dưới đây là những đặc trưng mà định nghĩa ấy yêu cầu phải chú ý khi nói về những xưởng cần được ghi trong thống kê «công xưởng - nhà máy»: 1) Xưởng phải thuộc quyền quản lý của ban thanh tra công xưởng. Rõ ràng là người ta không kể những xưởng thuộc quốc khố, v.v., những xí nghiệp mỏ và luyện kim v.v.. Nhưng bản «Danh sách» lại kể ra nhiều công xưởng thuộc quốc khố và nhà nước (xem Danh sách theo thứ tự chữ cái, tr. 1 - 2), và chúng ta không biết những công xưởng ấy có được thống kê hay không trong tất cả các tỉnh, những tài liệu về những công xưởng ấy có được ban thanh tra công xưởng kiểm tra lại hay không, v.v.. Nói chung, cần nhấn mạnh rằng chừng nào mà thống kê công xưởng - nhà máy của ta chưa thoát khỏi cái mạng nhện các «cục» - là những cơ quan nắm các xí nghiệp công nghiệp - thì bản thống kê ấy vẫn *chưa thể nào* tốt được, vì ranh giới giữa các cục thường lẫn lộn với nhau và thay đổi; những bản mẫu kê khai dù có giống nhau cũng sẽ không bao giờ được những cục khác nhau thực hiện

bản lần thứ 4. Xanh Pê-téc-bua. 1897, tr. 35. Do chúng tôi viết ngả). Thông tư này không được in vào «lời nói đầu» của bản «Danh sách», và ông Ca-rư-sép, khi xử lý những tài liệu của bản «Danh sách», đã không quan tâm đến việc xét xem bản này quan niệm thế nào là «công xưởng và nhà máy»!!

một cách như nhau. Một sự tổ chức hợp lý tất nhiên đòi hỏi người ta phải tập hợp tất cả mọi tài liệu về tất cả những xưởng công nghiệp vào một cơ quan duy nhất chỉ chuyên trách việc thống kê và chăm chú làm thế nào để thống nhất được những phương pháp thu thập và xử lý các tài liệu. Chẳng nào điều này chưa thực hiện được, thì cần phải xem xét một cách cực kỳ thận trọng các số liệu của thống kê công xưởng - nhà máy, vì bản thống kê này khi thì tính vào khi thì loại ra (tùy theo từng thời kỳ và từng tỉnh) những xí nghiệp «thuộc quyền quản lý của cục khác». Thí dụ, những xí nghiệp mỏ và luyện kim thì từ lâu vẫn không được thống kê công xưởng - nhà máy của ta tính đến, nhưng «Bản chỉ dẫn» của Ốc-lốp, ngay trong lần xuất bản mới đây, vẫn cứ kê nhiều xí nghiệp này (hầu như toàn bộ ngành sản xuất đường ray xe lửa, những nhà máy ở I-giép-xơ và ở Vốt-kin-xơ trong tỉnh Vi-át-ca, v.v.) mà bản «Danh sách» không kể đến, trong khi đó thì bản «Danh sách» lại kê những nhà máy mỏ và luyện kim tại một vài tỉnh khác, mà trước kia bản thống kê «công xưởng - nhà máy» không ghi (thí dụ nhà máy đúc đồng Xi-men-xơ trong tỉnh Ê-li-da-vét-pôn, tr. 330). «Lời nói đầu» trong bản «Danh sách» có ghi trong phần VIII: ngành công nghiệp luyện thép, những lò nấu gang, những nhà máy đúc gang và đồng, v.v. (tr. III), nhưng tuyệt nhiên không hề nói rõ người ta đã tách những nhà máy mỏ và luyện kim ra khỏi những xí nghiệp «thuộc quyền quản lý» của Cục công thương nghiệp như thế nào. 2) Chỉ có những xưởng *công nghiệp* là được thống kê thôi. Đặc trưng này không có gì là rõ ràng như khi người ta mới thoạt nhìn: muốn xếp riêng những xưởng thủ công và nông nghiệp thì cần phải tuân theo những quy tắc chi tiết và tỉ mỉ áp dụng cho từng ngành sản xuất. Ở đoạn dưới nữa, chúng tôi sẽ dẫn ra nhiều thí dụ về sự lẫn lộn do tình trạng thiếu những quy tắc này gây nên. 3) Số lượng công nhân trong mỗi xưởng phải từ

15 người trở lên. Người ta không biết có phải chỉ kể những công nhân làm việc trong xưởng hay phải kể cả những công nhân làm việc ở ngoài xưởng; người ta không giải thích rõ cách phân biệt công nhân làm việc trong xưởng với công nhân làm ở ngoài xưởng (vả lại đó là một vấn đề khó), không biết có phải tính cả những người lao động phụ hay không, v.v.. Trong quyển sách dẫn ra ở trên, ông Mi-cu-lin đã đưa ra những thí dụ về tình trạng lẫn lộn do sự mập mờ này gây nên. Bản «Danh sách» kê ra nhiều xưởng mà công nhân *chỉ* làm việc ở ngoài, tức là ở bên ngoài phạm vi xưởng. Cố nhiên ý định muốn thống kê được *hết thảy* những xưởng thuộc loại ấy (nghĩa là hết thảy những cửa hàng phân phối công việc về nhà làm, hết thảy những xí nghiệp giao việc cho những nơi gọi là xưởng thủ công, v.v.), chỉ làm cho người ta buồn cười, bởi vì chế độ thu thập tài liệu như hiện nay không cho phép làm như vậy; còn những con số vụn vặt về một vài tỉnh và một vài ngành sản xuất thì không đáng kể và chỉ làm cho rối thêm mà thôi. 4) Tất cả những xưởng có một nồi hơi hay một máy hơi nước đều liệt vào số «công xưởng và nhà máy». Đó là dấu hiệu chính xác nhất, và được lựa chọn đúng nhất, vì việc sử dụng hơi nước, thực sự là một đặc trưng của sự phát triển của đại công nghiệp cơ khí. 5) Những xưởng có «những máy động cơ cơ khí khác» (không phải là máy động cơ hơi nước) cũng liệt vào số «những công xưởng và nhà máy». Dấu hiệu này rất mơ hồ và quá rộng: nó cho phép xếp vào loại công xưởng, những xưởng sử dụng sức nước, sức ngựa kéo, sức gió hay thậm chí dùng máy động lực ngựa đạp³. Vì không thể điều tra được tất cả những xưởng thuộc loại ấy, nên không tránh khỏi đi đến kết quả là có một sự lẫn lộn mà ở đoạn dưới đây chúng tôi sẽ đưa ra những thí dụ về sự lẫn lộn đó. 6) Những xưởng có «những thiết bị nhà máy và công xưởng» đều được liệt vào số «công xưởng và nhà máy». Dấu hiệu cuối cùng này, rất không

rõ ràng và mơ hồ, nó làm cho tất cả những dấu hiệu trên không có giá trị gì nữa, và nhất định làm cho những số liệu thành lộn xộn và không thể so sánh với nhau được. Nhất định mỗi tỉnh sẽ hiểu định nghĩa này một cách khác nhau, và lại đó có phải là một định nghĩa chẳng? Người ta gọi «công xưởng và nhà máy» là một xưởng có những thiết bị kiểu công xưởng hay nhà máy... Đây là cái thành tựu cao nhất của thống kê công xưởng - nhà máy của nước ta. Không lấy gì làm lạ rằng thống kê ấy làm cho người ta rất không hài lòng. Chúng tôi xin dẫn ra những thí dụ lấy ở *tất cả* những phần trong bản «Danh sách» để chứng minh rằng, ở một số tỉnh và một số ngành sản xuất người ta đã tiến hành thống kê những xưởng nhỏ nhất như thế nào, do đó mà sinh ra tình trạng lộn lộn trong thống kê công xưởng - nhà máy, vì không sao thống kê được tất cả những xưởng thuộc loại ấy. Đây là phần I: «chế biến bông». Ở trang 10 và 11, người ta tính ra có 5 «công xưởng» ở những xã thuộc tỉnh Vla-đi-mia chuyên nhuộm thuê sợi và vải lanh cho người khác (sic!¹⁾). Đáng lẽ phải ghi tổng giá trị sản lượng thì người ta lại ghi số tiền công nhuộm, từ 10 rúp (?) đến 600 rúp, với một số công nhân từ 0 (điều này phải chẳng có nghĩa là người ta không có những tài liệu về số lượng công nhân, hay là không có công nhân *làm thuê?* thật là khó mà biết rõ) đến 3 người. Không có một động cơ nào cả. Đó là những xưởng nhuộm của nông dân, nghĩa là những xưởng thủ công cổ sơ nhất, được thống kê một cách ngẫu nhiên ở tỉnh này và dĩ nhiên lại không được thống kê ở các tỉnh khác. Phần II (chế biến len) nêu ra cũng trong tỉnh Vla-đi-mia ấy «những công xưởng» chải len thuê cho người khác, theo lối thủ công, số tiền công từ 12 đến 48 rúp mỗi năm, dùng từ 0 đến 1 công nhân. Một công xưởng dệt lụa ở nông thôn (phần III, số 2517) dùng 3 công nhân,

1) - như thế đấy!

với một giá trị sản lượng 660 rúp, và làm theo lối thủ công. Sau nữa, lại cũng là những xưởng nhuộm ở nông thôn và cũng vẫn ở trong tỉnh Vla-đi-mia ấy, dùng từ 0 đến 3 công nhân, và làm theo lối thủ công, tiền công nhuộm vải lanh được từ 150 đến 550 rúp (phần IV, chế biến sợi lanh, tr. 141). Rồi đến một «công xưởng» dệt bao tải gai trong tỉnh Péc-mơ (phần V), dùng 6 công nhân, với một giá trị sản lượng 921 rúp, dùng kỹ thuật thủ công (số 3936). Trong những tỉnh khác (thí dụ trong tỉnh Cô-xơ-rô-ma), dĩ nhiên cũng có nhiều xưởng thuộc loại đó, nhưng không được coi là công xưởng. Một xưởng in (phần VI), dùng 1 công nhân và có một giá trị sản lượng 300 rúp (số 4167): trong những tỉnh khác, người ta lại chỉ kể những xưởng in lớn; ở nhiều nơi khác nữa thì lại không thấy ghi một xưởng in nào cả. Đây, một xưởng cưa được coi là «nhà máy», với 3 công nhân, xưởng cưa này nhận được một số tiền công là 100 rúp để làm những ván ghép thùng (phần VII, số 6274). Đây nữa, một xưởng chế biến kim loại theo lối thủ công (phần VIII) với 3 công nhân và một giá trị sản lượng 575 rúp (số 8962). Phần IX (chế biến khoáng sản) ghi một số rất lớn những xưởng rất nhỏ, đặc biệt là những xưởng gạch, chẳng hạn, dùng 1 công nhân và có giá trị sản lượng khoảng 48 - 50 rúp, v.v.. Trong phần X (chế biến những sản phẩm chăn nuôi) có kể những xưởng nhỏ làm nển, những xưởng thuộc da, làm đồ bằng da lông cừu, và những xưởng khác, v.v., dùng từ 0 đến 1 hay 2 công nhân làm theo lối thủ công, với một giá trị sản lượng độ vài trăm rúp (tr. 489, 507, v.v.). Còn những xưởng nhỏ thuần túy thủ công như xưởng ép dầu và đặc biệt như xưởng xay bột thì được kê nhiều nhất trong phần XI (chế biến thực phẩm). Chính trong ngành xay bột này, điều quan trọng hơn hết là phân biệt một cách minh bạch «những nhà máy» với những xưởng nhỏ, song cho tới nay, người ta vẫn chưa làm như thế, và trong tất cả các tập thống kê công xưởng - nhà máy ở

nước ta vẫn còn có một sự hỗn độn hoàn toàn về mặt ấy. Đại hội lần thứ nhất các thư ký của các ủy ban thống kê các tỉnh (tháng Năm 1870)* đã định chấn chỉnh lại việc thống kê đối với ngành xay bột bằng phương pháp công nghiệp, nhưng vô hiệu quả, và từ đó, các nhà làm thống kê công xưởng - nhà máy ở nước ta hình như không hề để tâm gì đến sự thật là những tập tài liệu xuất bản của họ đều hoàn toàn vô dụng. Trong số «công xưởng và nhà máy», bản «Danh sách» liệt kê, chẳng hạn, những cối xay gió dùng 1 công nhân và thu nhập được từ 0 đến 52 rúp tiền công, v.v. (tr. 587, 589 và nhiều trang khác), những cối xay nước có một bánh xe, dùng 1 công nhân và thu nhập được từ 34 đến 80 rúp tiền công, v.v. (tr. 589 và nhiều trang khác), v.v.. Cố nhiên một thứ «thống kê» như thế là rất lố bịch, vì nếu liệt kê cả những cối xay đó thì phải dùng đến một cuốn sách dày có khi đến nhiều cuốn nữa, mà vẫn không cung cấp nổi một danh sách đầy đủ. Ngay phần nói về các ngành sản xuất hóa chất (phần XII) cũng ghi những xưởng nhỏ, chẳng hạn như những xưởng nấu hắc ín ở nông thôn, dùng từ 1 đến 3 công nhân và giá trị sản lượng từ 15 rúp đến 300 rúp (tr. 995 và những trang khác). Với những phương pháp như vậy, người ta có thể đi tới một kiểu «thống kê», do «Tập thống kê quân sự» nổi tiếng đã đề xướng vào những năm 60 của thế kỷ XIX, tập thống kê này tổng cộng được, trong phần nước Nga thuộc châu Âu, 3 086 «nhà máy» nấu hắc ín và nhựa thông, trong đó có 1 450 nhà máy thuộc tỉnh Ác-khan-ghen-xơ (với 4 202 công nhân và một giá trị sản lượng 156 274 rúp, như thế thì trung bình mỗi «nhà máy» dùng chưa đến

* Chiếu theo dự thảo quy chế của đại hội về việc thu nhập các số liệu về công nghiệp, người ta gạt tất cả những cối xay có dưới 10 cặp thớt cối⁴ ra ngoài số lượng các công xưởng chứ không gạt ra những xưởng xay hạt. «Niên giám thống kê». Đợt II, thiên 6, lời nói đầu, tr. XIII.

3 công nhân và thu nhập được hơn 100 rúp một chút). Dường như là do cố ý mà chính tỉnh Ác-khan-ghen-xơ này lại tuyệt nhiên không được liệt kê vào phần ấy trong bản «Danh sách»: như thế chắc hẳn nông dân ở đấy hiện nay không nấu nhựa thông và không chế tạo hắc ín nữa! Xin chú ý rằng tất cả những thí dụ mà chúng tôi đã nêu ra đều thuộc về những xưởng không phù hợp với định nghĩa của thông tư ngày 7 tháng Sáu 1895. Cho nên, việc điều tra những xưởng ấy là *thuần túy ngẫu nhiên*: trong một số tỉnh (có lẽ ngay cả trong một số huyện nữa), người ta đã thống kê những xưởng ấy, nhưng trong nhiều tỉnh, người ta lại bỏ qua. Theo một bản thống kê cũ (từ năm 1885), những xưởng như vậy, với một giá trị sản lượng dưới 1 000 rúp, đều bị loại ra.

Ông Ca-rư-sép tuyệt nhiên không am hiểu gì về vấn đề cơ bản này của việc thống kê công xưởng - nhà máy, thế mà ông ta không chút ngần ngại rút ra «những kết luận» từ những con số mà ông ta tính toán. Trước hết ông ta quả quyết rằng số lượng công xưởng ở Nga đang giảm đi (tr. 4 và các trang sau). Để đi tới kết luận này, ông Ca-rư-sép chỉ đơn thuần lấy số lượng công xưởng năm 1885, căn cứ theo những tài liệu do Cục công thương nghiệp cung cấp (17 014) và đem số này trừ đi số lượng công xưởng của phần nước Nga thuộc châu Âu đã ghi trong bản «Danh sách» (14 578). Ông tính ra được một mức giảm sút là 14,3%: ngài giáo sư còn đi đến chỗ tính cả tỷ lệ phần trăm, mà không hề bối rối trước một sự thật là những con số của năm 1885 không gồm những nhà máy phải đóng thuế tiêu dùng; ông ta chỉ ghi chú rằng việc cộng thêm những nhà máy ấy vào sẽ làm tăng mức «giảm sút» về số lượng công xưởng. Và tác giả đi vào nghiên cứu xem «quá trình giảm sút số lượng công xưởng» (tr. 5) đã diễn ra «nhanh nhất» ở địa phương nào trong nước Nga. Sự thật thì *không hề có một quá trình giảm sút nào cả, số lượng công xưởng ở Nga*

không giảm mà lại tăng lên, và cái kết luận mà ông Ca-rư-sép đã sáng tác ra là do vị giáo sư thông thái ấy đã đem so sánh những số liệu tuyệt nhiên không thể so sánh với nhau được*. Và việc không thể so sánh được này tuyệt nhiên không phải là do thiếu tài liệu về những nhà máy phải đóng thuế tiêu dùng, trong năm 1885. Ông Ca-rư-sép lẽ ra có thể tham khảo những con số về những nhà máy thuộc loại này (bằng cách rút những con số ấy trong «Bản chỉ dẫn» của Ốc-lốp đã dẫn ở trên, bản này được lập ra là căn cứ theo chính những bản kê của Cục công thương nghiệp); như vậy ông ta sẽ xác định được số lượng «công xưởng» trong phần nước Nga thuộc châu Âu là 27 986 về năm 1879, 27 235 về năm 1885, 21 124 về năm 1890, và «sự giảm sút» trong năm 1894/95 (14 578) dường như còn cao hơn nhiều nữa. Khốn nỗi, tất cả những con số này lại không thể so sánh được với nhau, bởi vì, một là, khái niệm «công xưởng» không được thống nhất trong những tập thống kê cũ và những tập thống kê hiện tại, và cũng bởi vì, hai là, người ta liệt kê một cách ngẫu nhiên và lộn xộn (ở một số tỉnh và trong một số năm) cả những xưởng nhỏ xíu vào loại «công xưởng», và với những phương tiện thống kê hiện có, thật là lố bịch nếu định điều tra toàn bộ những xưởng nhỏ ấy. Chẳng hạn, nếu ông Ca-rư-sép chịu khó phân tích khái niệm «công xưởng» như bản «Danh sách» đã định nghĩa, thì có lẽ ông ta đã thấy rằng, muốn so sánh số lượng những công xưởng

* Năm 1889, ông Ca-rư-sép sử dụng («Truyền tin pháp luật»⁵, số 9) những số liệu về năm 1885, trích từ báo cáo của các ngài tỉnh trưởng gửi lên Nga hoàng, báo cáo ấy kê ra hàng nghìn những cối xay nhỏ xíu, những xưởng ép dầu, xưởng gạch, xưởng đồ gốm, xưởng thuộc da, xưởng thuộc da lông cừu và những xưởng thủ công khác, và ông ta xác định số lượng «công xưởng» trong phần nước Nga thuộc châu Âu là 62 801! Người ta ngạc nhiên không hiểu tại sao ông ta lại không tính tỷ lệ phần trăm mức «giảm sút» hiện tại về số lượng công xưởng so với con số đó.

được nêu trong lần xuất bản này với số lượng những công xưởng, được nêu trong những lần xuất bản khác, thì cần phải xét chỉ riêng những xưởng dùng từ 15 công nhân trở lên thôi, vì đối với tất cả các tỉnh và trong tất cả các ngành công nghiệp, thì chỉ những xưởng thuộc loại ấy, mới được thống kê đầy đủ trong bản «Danh sách» mà thôi. Vì đây là trường hợp những xưởng tương đối lớn, cho nên việc thống kê đã được tiến hành thỏa đáng nhất, cả trong những lần xuất bản trước đây cũng thế. Sau khi đã chắc chắn rằng những số liệu mà chúng ta đem so sánh là có tính đồng nhất, chúng ta hãy tính số lượng những công xưởng dùng từ 16* công nhân trở lên, căn cứ vào «Bản chỉ dẫn» năm 1879 và bản «Danh sách» năm 1894/95, về phần nước Nga thuộc châu Âu. Chúng ta có những con số bổ ích như sau:

Số lượng công xưởng và nhà máy
trong phần nước Nga thuộc châu Âu

Xuất xứ	Năm	Tổng số	Dùng từ 16 nhân công trở lên	Dùng dưới 16 nhân công
«Bản chỉ dẫn», xuất bản lần thứ nhất	1879	27 986**	4 551	23 435
«Bản chỉ dẫn», xuất bản lần thứ ba	1890	21 124	6 013	15 111
«Danh sách»...	1894/95	14 578	6 659	7 919
			nếu không kể những xưởng in thì là 6 372	

* Chúng tôi lấy con số 16 chứ không lấy con số 15 công nhân, một phần là vì việc điều tra những công xưởng dùng 16 công nhân trở lên đã được tiến hành trong «Bản chỉ dẫn» năm 1890 (xuất bản lần thứ 3, tr. X), và một phần là vì đôi khi Bộ tài chính cũng căn cứ vào tiêu chuẩn ấy để giải thích (xem Cô-bê-li-a-txơ-ki, 1. c.,¹⁾ tr. 14).

** Vì thiếu một số tài liệu, nên người ta đã thay thế bằng những con số tính phỏng chừng: xem «Bản chỉ dẫn», tr. 695.

1) — Loco citato - đoạn đã dẫn

Như vậy, việc so sánh những con số, - chỉ những con số này mới có thể coi là na ná đồng nhất, là có thể đem so sánh với nhau được và là đầy đủ, - chứng tỏ rằng *số lượng công xưởng ở Nga tăng lên* và thậm chí tăng lên khá nhanh chóng: trong 15 - 16 năm từ 1879 đến 1894/95), số đó đã tăng từ 4 500 lên 6 400, tức là đã tăng được 40% (hồi 1879 và 1890, các xưởng in không được tính vào loại công xưởng). Còn những xưởng dùng dưới 16 công nhân thì việc so sánh số lượng những xưởng này trong những năm nêu ra đó có lẽ là điều *vô lý*, vì tất cả những tập tài liệu xuất bản này đã áp dụng những định nghĩa khác nhau về khái niệm «công xưởng» và những tiêu chuẩn khác nhau để loại ra những xí nghiệp nhỏ. Năm 1879, người ta không loại ra *một* xí nghiệp nhỏ *nào cả*; do đó những ngành liên quan với nông nghiệp và với những ngành công nghiệp nông thôn (xay bột, ép dầu, nung gạch, thuộc da, làm đồ gốm, v.v.) đều bao gồm một số rất lớn những xưởng rất nhỏ mà những tập xuất bản sau lại không tính. Năm 1890, người ta đã gác ra một vài xưởng nhỏ (mà tổng sản lượng dưới 1 000 rúp), do đó mà có một sự giảm sút về số lượng «những công xưởng» nhỏ. Sau hết, năm 1894/95, người ta đã loại ra một số xí nghiệp dùng dưới 15 công nhân, điều đó làm cho số lượng «những công xưởng» nhỏ bị giảm ngay đi mất gần một nửa, so với năm 1890. Người ta có thể so sánh những số lượng công xưởng năm 1879 với năm 1890 bằng một cách khác, tức là bằng cách nhặt ra những xưởng có giá trị sản lượng ít ra là 2 000 rúp. Vấn đề là ở chỗ, những con số tổng cộng của «Bản chỉ dẫn» mà chúng tôi đã dẫn trên kia, là con số về tất cả những xưởng đã được thống kê, còn trong *bảng ghi tên* công xưởng thì «Bản chỉ dẫn» chỉ kể những xưởng có giá trị sản lượng ít ra là 2 000 rúp mà thôi. Số lượng những loại xưởng này có thể coi là gần như có thể đem so sánh được (mặc dầu trong tình trạng thống kê của ta hiện nay,

đanh sách những xưởng này không bao giờ được đầy đủ), tuy nhiên cũng phải trừ ngành xay bột ra. Về ngành xay bột, thì trong những tỉnh khác nhau và về những năm khác nhau, việc thống kê trong «Bản chỉ dẫn» cũng như trong «Tập số liệu» của Cục công thương nghiệp là hoàn toàn có tính chất ngẫu nhiên. Trong một số tỉnh người ta chỉ xếp những cối xay chạy bằng hơi nước vào loại «công xưởng»; còn trong những tỉnh khác, người ta lại xếp thêm cả những cối xay nước loại lớn nữa; ở nơi khác, người ta liệt kê cả hàng trăm cối xay gió; ở nơi khác nữa người ta tính cả những cối xay dùng sức ngựa kéo và dùng máy động lực ngựa đạp, v.v.. Tiêu chuẩn giá trị sản lượng tuyệt nhiên không xóa bỏ được tí nào tình trạng hỗn độn trong việc thống kê những cối xay kiểu công nghiệp, vì đáng lẽ nên tính giá trị sản lượng, người ta lại tính số lượng bột đã xay được, số lượng này, ngay trong những cối xay nhỏ nhất, thường vượt quá 2 000 pút mỗi năm. Vì vậy, số lượng cối xay được liệt kê trong thống kê công xưởng - nhà máy, từ năm này qua năm nọ, có những bước nhảy vọt không thể tưởng tượng được, do những phương pháp điều tra khác nhau mà ra. Thí dụ, «Tập số liệu» về những năm 1889, 1890 và 1891 đã tính được trong phần nước Nga thuộc châu Âu 5 073, 5 605 và 5 201 cối xay. Trong tỉnh Vô-rô-ne-giơ, số lượng cối xay là 87 cái năm 1889, đã tăng ngay lên 285 cái năm 1890 và 483 cái năm 1892, do việc ngẫu nhiên tính cả những cối xay gió vào. Trong vùng sông Đôn, số cối xay từ 59 cái năm 1889 đã tăng lên 545 cái năm 1888 và 976 cái năm 1890, rồi lại tụt xuống 685 cái năm 1892, (vì người ta khi thì tính cối xay gió vào, khi thì lại loại ra) v.v., v.v.. Những số liệu như thế, dĩ nhiên không thể nào sử dụng được. Vì vậy, chúng ta chỉ tính những cối xay chạy bằng hơi nước thôi, rồi đem cộng thêm những xí nghiệp công nghiệp khác mà giá trị sản lượng ít ra là 2 000 rúp, như thế chúng ta có được:

trong phần nước Nga thuộc châu Âu, một số lượng công xưởng vào khoảng 11 500 năm 1879, và gần 15 500 năm 1890*. Như vậy, một lần nữa chúng ta lại nhận thấy *số lượng công xưởng tăng lên* chứ không phải giảm, như ông Ca-rư-sép đã tưởng tượng ra. Luận điểm của ông này về «quá trình giảm số lượng các xưởng» trong công nghiệp công xưởng - nhà máy ở Nga chẳng qua chỉ là một chuyện bịa đặt dựa vào một sự hiểu biết quá ư thiếu sót về những tư liệu mà ông ta đã tiến hành chỉnh lý. Ngay năm 1889 («Truyền tin pháp luật» số 9), ông Ca-rư-sép đã nói tới số lượng các công xưởng ở nước Nga khi ông ta đem so sánh những con số hoàn toàn vô dụng trích ở báo cáo của các ngài tỉnh trưởng gửi lên Nga hoàng và đăng trong «Tập tài liệu về nước Nga năm 1884 - 1885» (Xanh Pê-téc-bua. 1887, biểu đồ XXXIX) với những con số kỳ quặc của «Tập thống kê quân sự» (thiên IV. Xanh Pê-téc-bua, 1871), tập thống kê này đã tính vào loại «công xưởng» hàng nghìn xưởng rất nhỏ của những người làm các nghề riêng lẻ và thủ công, hàng nghìn đồn điền trồng thuốc lá (sic! xem "Tập thống kê quân sự", các tr. 345 và 414, phần nói về "những công xưởng" thuộc lá của tỉnh Bét-xa-ra-bi-a, hàng nghìn cối xay và xưởng ép dầu ở nông thôn, v.v.. Trong điều kiện như vậy thì không lấy gì làm lạ là «Tập thống kê quân sự» đã tính được trên 70 000 «công xưởng» ở phần nước Nga thuộc châu Âu trong năm 1866. Điều người ta lấy làm lạ là sao lại có một người thiếu chú ý và thiếu óc phê phán

* Nếu căn cứ vào bản «Danh sách» thì không thể có con số tương ứng được, một là, vì bản ấy đã loại ra nhiều xưởng mà sản lượng đạt tới 2 000 rúp trở lên, loại ra trên cơ sở những xưởng ấy dùng dưới 15 công nhân. Hai là, vì bản «Danh sách» đã tính giá trị sản lượng không kể thuế tiêu dùng (điều đó là trái với những thống kê trước kia). Ba là, vì bản «Danh sách» đôi khi chỉ tính có số tiền công chế biến nguyên liệu, mà không tính giá trị sản lượng.

đối với bất cứ những con số nào đã được in ra, thiếu đến nỗi đã lấy những con số ấy làm căn cứ cho những sự tính toán của mình*.

Ở đây, cần nói rộng ra một chút. Từ thuyết của mình về sự giảm sút số lượng công xưởng, ông Ca-rư-sép kết luận là có một quá trình tập trung công nghiệp. Dĩ nhiên là trong khi bác bỏ thuyết của ông ta, chúng tôi không hề bác bỏ kết luận đó, kết luận này chỉ được ông Ca-rư-sép luận chứng một cách không đúng mà thôi. Để chứng minh sự tồn tại của quá trình tập trung này, thì phải xét riêng những xưởng lớn nhất. Chúng ta hãy lấy, chẳng hạn, những xưởng dùng 100 công nhân trở lên. Đem số lượng những xưởng này, số lượng công nhân cũng như giá trị sản lượng của những xưởng ấy mà đối chiếu với những số liệu của toàn bộ các xưởng, thì chúng ta có được biểu đồ dưới đây: (xem biểu đồ, tr. 22.-BT.)

Qua biểu đồ này, người ta thấy rằng số lượng xưởng cỡ lớn đều tăng lên; số công nhân và giá trị sản lượng của những xưởng đó cũng tăng lên và luôn luôn chiếm một tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng số công nhân và trong tổng giá trị sản lượng của «những công xưởng và nhà máy» đã được chính thức đăng ký. Có lẽ người ta sẽ vạch cho chúng ta thấy rằng sở dĩ có sự tập trung công nghiệp, là vì những xí nghiệp lớn đã chèn lấn những xưởng nhỏ và số lượng những xưởng nhỏ này giảm đi, do đó tổng số xưởng cũng giảm đi. Tuy nhiên, trước hết, kết luận cuối cùng này không áp dụng được cho các «công xưởng và nhà máy», mà cho

* Khi nói tới số lượng công nhân các công xưởng và nhà máy, ông Tugan — Ba-ra-nốp-xki đã chứng minh rằng những tài liệu do «Tập thống kê quân sự» cung cấp là hoàn toàn vô dụng (xem quyển sách của ông ta: «Công xưởng và...» Xanh Pê-téc-bua. 1898, tr. 336 và những trang sau, và báo «Thế giới của Thượng đế», 1898, số 4), còn các ông N. - ôn và Ca-rư-sép thì trả lời sự khiêu chiến của ông ta bằng cách lặng thinh. Thật ra, hai ông này cũng không làm gì hơn được.

Xem chú thích*	Năm 1879			Năm 1890			Năm 1894/95		
	Số lượng		Giá trị sản lượng, đơn vị 1 000 rúp	Số lượng		Giá trị sản lượng, đơn vị 1 000 rúp	Số lượng		Giá trị sản lượng, đơn vị 1 000 rúp
	Công xưởng	Công nhân		Công xưởng	Công nhân		Công xưởng	Công nhân	
Tất cả "những công xưởng và nhà máy"	27 986	763 152	1 148 134	21 124	875 764	1 500 871	14 578	885 555	1 345 346
Những xưởng dùng 100 công nhân trở lên	1 238	509 643	629 926	1 431	623 146	858 588	1 468	655 670	955 233
<i>Tỷ lệ % so với tổng số</i>	-	66,8%	54,8%	-	71,1%	57,2%	-	74%	70,8%

* Cũng vẫn nguồn tài liệu đó. Về năm 1879, như chúng tôi đã chỉ rõ, thì một số tài liệu đã được bổ sung một cách phỏng chừng. Những con số tổng cộng của "Bản chỉ dẫn" và của bản "Danh sách" không thể đem so sánh với nhau được, nhưng chúng tôi *chỉ* đối chiếu ở đây *những tỷ lệ phần trăm* so với tổng số công nhân và so với tổng giá trị sản lượng; và những tỷ lệ phần trăm này lại đáng tin hơn tổng số công xưởng rất nhiều (như người ta sẽ thấy sau đây). Các con số về những xưởng lớn là trích ở tác phẩm viết về "Chủ nghĩa tư bản ở Nga" mà tác giả những dòng này đương chuẩn bị cho in⁷.

tất cả các xưởng công nghiệp, về các xưởng này chúng ta không có quyền nói tới, vì chúng ta không hề có một bản thống kê nào gọi là đáng tin và đầy đủ về những xưởng công nghiệp cả. Và sau nữa, ngay cả đứng về phương diện thuần túy lý thuyết, người ta cũng không thể nói một cách a priori¹⁾ được rằng trong một xã hội tư bản chủ nghĩa đương phát triển, số lượng những xưởng nông nghiệp bao giờ cũng phải và chắc chắn là phải giảm sút đi vì, song song với quá trình tập trung công nghiệp, còn diễn ra quá trình dân cư nông thôn tách khỏi nông nghiệp, số lượng những xưởng nhỏ phát triển nhiều lên trong những vùng lạc hậu của đất nước, do hậu quả của sự tan rã của nền kinh tế nông dân nửa tự nhiên, v.v..*

Chúng ta hãy trở lại nói về ông Ca-rư-sép. Ông ta hầu như chú ý nhiều nhất đến những số liệu ít đáng tin cậy nhất (về chính ngay số lượng «công xưởng và nhà máy»). Ông ta chia các tỉnh ra từng loại, căn cứ vào số lượng «công xưởng» nhiều hay ít, rồi vẽ ra một bản đồ, trong đó ông ta ghi những loại tỉnh ấy và dựng lên một biểu đồ đặc biệt cho những tỉnh có số lượng «công xưởng» nhiều nhất về mỗi ngành công nghiệp (tr. 16 - 17); ông ta tính toán rất nhiều tỷ lệ phần trăm chỉ rõ số lượng công xưởng của từng tỉnh so với tổng số công xưởng (tr. 12 - 15). Làm như vậy là ông Ca-rư-sép bỏ qua một điểm nhỏ này: ông ta đã quên không tự hỏi xem *những số lượng công xưởng trong những*

* Thí dụ, bản «điều tra về nghề thủ công» ở tỉnh Péc-mơ năm 1894/95 đã chứng minh rằng thời kỳ sau cải cách, số lượng những xưởng công nghiệp nhỏ không ngừng tăng lên ở nông thôn sau mỗi khoảng thời gian mười năm. Xem «Khảo cứu về miền Péc-mơ. Lược khảo về tình hình công nghiệp thủ công trong tỉnh Péc-mơ». Péc-mơ, 1896.⁸

1) — tiên nghiệm

tỉnh khác nhau có thể so sánh với nhau được hay không? Dĩ nhiên là không thể so sánh được, và, do đó, đại bộ phận các sự tính toán, các sự so sánh và các lập luận của ông Ca-rư-sép chung quy chỉ là những bài tập làm thống kê ngây thơ. Giả sử ngài giáo sư đã biết cái định nghĩa thế nào là «công xưởng và nhà máy» như đã nói trong thông tư ngày 7 tháng Sáu 1895, thì có lẽ ngài ấy đã dễ dàng đoán thấy được rằng cái định nghĩa mập mờ như vậy *không thể nào* được áp dụng một cách giống nhau trong những tỉnh khác nhau, và có lẽ ngài ấy đã đi tới cùng một kết luận như thế, nếu ngài ấy đã nghiên cứu chính ngay bản «Danh sách» một cách cẩn thận hơn. Hãy dẫn ra một vài thí dụ. Trong phần XI (chế biến thực phẩm; chính trong loại này lại có nhiều công xưởng nhất) ông Ca-rư-sép đã căn cứ vào số lượng các xưởng công nghiệp mà tách riêng các tỉnh Vô-rô-ne-giơ, Vi-át-ca và Vla-đi-mia (tr. 12). Nhưng sở dĩ những tỉnh này có nhiều «công xưởng và nhà máy» như thế, trước hết là do *một hoàn cảnh hoàn toàn ngẫu nhiên*, do người ta đã tính cả những xưởng nhỏ mà ở những tỉnh khác người ta lại không tính đến. Thí dụ, tỉnh Vô-rô-ne-giơ sở dĩ có nhiều «nhà máy», chỉ là vì người ta đã thống kê cả những cối xay nhỏ (trong số 124 cối xay, chỉ có 27 cái chạy bằng hơi nước, và rất nhiều cối xay nước có 1 - 2 hoặc 3 bánh xe. Trong những tỉnh khác thì loại cối xay này không được thống kê; vả lại, không thể làm thế nào thống kê cho hết được những cối xay này) và những xưởng ép dầu nhỏ (mà phần lớn đều dùng sức ngựa làm động lực), như thế là trái với cách thức thống kê ở các tỉnh khác. Ở tỉnh Vi-át-ca, trong số 116 cối xay, chỉ có 3 cái chạy bằng hơi nước; trong tỉnh Vla-đi-mia, người ta đã thống kê được khoảng một chục cối xay gió và 168 xưởng ép dầu, một số lớn các xưởng này đều chạy bằng sức gió, bằng sức ngựa, hay bằng phương pháp thủ công. Nếu những tỉnh khác có ít xưởng công nghiệp hơn, thì như thế không hề

có nghĩa là ở đấy không có những cối xay gió, những cối xay nước loại nhỏ, v.v.. Đó chỉ là do người ta không tính những cối xay ấy mà thôi. Trong nhiều tỉnh, người ta hầu như chỉ thống kê những cối xay chạy bằng hơi nước thôi (các tỉnh Bét-xa-ra-bi-a, Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, Ta-vrich, Khéc-xôn, v.v.); còn về ngành xay bột, thì trong phần XI có ghi được 2 308 «công xưởng» trong số 6 233 «công xưởng» ở phần nước Nga thuộc châu Âu. Chưa làm cho sáng tỏ được *tính chất không đồng nhất* của những số liệu thống kê, mà đã nói đến việc phân chia các công xưởng theo từng tỉnh, thì đó là điều vô lý. Chúng ta hãy nghiên cứu phần IX, về chế biến khoáng sản. Chẳng hạn, trong tỉnh Vla-đi-mia có 96 xưởng gạch, và trong tỉnh Đôn có 31 xưởng gạch, tức là non một phần ba so với tỉnh trên. Theo «Bản chỉ dẫn» (về năm 1890) thì trái hẳn lại: người ta liệt kê được 16 nhà máy trong tỉnh Vla-đi-mia, theo bản «Danh sách», chỉ thấy có 5 nhà máy trong số 96 nhà máy là dùng 16 công nhân trở lên, và trong tỉnh Đôn, có 26 nhà máy (trong số 31 cái). Rõ ràng điều đó chỉ là do trong vùng sông Đôn người ta đã không kể - một cách cũng rộng rãi như người ta đã làm trong tỉnh Vla-đi-mia - những lò gạch nhỏ vào số «những nhà máy» và chỉ có thể thôi (người ta sản xuất theo lối thủ công, ở tất cả các lò gạch nhỏ trong tỉnh Vla-đi-mia). Tất cả những điều đó, ông Ca-rư-sép không thấy gì hết (tr. 14). Về phần X (chế biến sản phẩm chăn nuôi) ông ta nói rằng hầu như trong tất cả các tỉnh số lượng xưởng không có nhiều, nhưng «tỉnh Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt, với 252 công xưởng, lại là một ngoại lệ nổi bật so với các tỉnh khác» (tr. 14). Điều đó chủ yếu là do trong tỉnh này, người ta đã tính cả một số rất lớn những xí nghiệp nhỏ làm theo lối thủ công (đôi khi cũng có sử dụng ngựa hay sức gió làm động lực), còn ở những tỉnh khác thì người ta không tính. Thí dụ, trong tỉnh Mô-ghi-lép, thì ở phần này, bản «Danh

sách» chỉ kê có 2 công xưởng thôi; mỗi công xưởng dùng trên 15 công nhân. Mà về những nhà máy nhỏ chế biến sản phẩm chăn nuôi thì cũng có thể tính được hàng chục cái trong tỉnh Mô-ghi-lép, như «Bản chỉ dẫn» đã ghi về năm 1890, bản này đã thống kê được ở tỉnh ấy 99 nhà máy chế biến sản phẩm chăn nuôi. Như vậy thử hỏi những con tính của ông Ca-rư-sép về tỷ số phần trăm trong việc phân loại «các công xưởng» có ý nghĩa gì khi người ta quan niệm «công xưởng» một cách khác nhau đến như thế?

Để chỉ rõ một cách cụ thể hơn những cách quan niệm khác nhau về thuật ngữ «công xưởng» tại các tỉnh, chúng ta hãy lấy hai tỉnh gần nhau làm thí dụ: tỉnh Vla-đi-mia và tỉnh Cô-xtơ-rô-ma. Theo bản «Danh sách» thì tỉnh thứ nhất có 993 «công xưởng», tỉnh thứ hai có 165. Trong tỉnh Vla-đi-mia, tất cả những ngành sản xuất (hay loại sản xuất) đều gồm có những xưởng rất nhỏ mà số lượng hơn hẳn số lượng những xưởng lớn (chỉ có 324 xưởng là dùng 16 công nhân trở lên). Còn tỉnh Cô-xtơ-rô-ma, thì có rất ít những xưởng nhỏ (trong số 165 công xưởng thì có 112 xưởng dùng 16 công nhân trở lên), mặc dầu ai nấy đều hiểu rằng người ta cũng có thể tính thêm được ở đây rất nhiều cối xay gió, xưởng ép dầu, một số xưởng nhỏ làm tinh bột, xưởng gạch, xưởng nấu hắc ín, v.v., v.v.*

* Đây lại là một thí dụ nữa chứng minh rằng số lượng «công xưởng» đã được xác định một cách tùy tiện như thế nào trong chế độ thống kê công xưởng - nhà máy «hiện đại» của nước ta. Năm 1894/95, bản «Danh sách» ghi được 471 công xưởng ở tỉnh Khéc-xôn (ông Ca-rư-sép, sách đã dẫn, tr. 5), thế mà, năm 1896, ông Mi-cu-lin bỗng nhiên tính được 1 249 «xưởng kiểu công xưởng và nhà máy» (sách đã dẫn, tr. XIII), trong đó có 773 xưởng có máy động lực cơ khí và 109 xưởng không có máy động lực cơ khí, với số lượng công nhân trên 15 người. Chúng nào mà khái niệm «công xưởng» chưa được rõ ràng, thì luôn luôn không tránh được những con số nhảy vọt như thế.

Trong việc xét xem những con số mà ông ta sử dụng có được chính xác hay không, thì ông Ca-rư-sép tỏ ra cầu thả đến tột bậc khi ông ta so sánh số lượng «công xưởng» của tỉnh này với tỉnh kia, về năm 1894/95, (theo «Danh sách»), và về năm 1885 (theo «Tập số liệu»). Ông ta lập luận một cách hết sức nghiêm chỉnh rằng số lượng công xưởng đã tăng lên trong tỉnh Vi-át-ca, nhưng lại «giảm xuống rất nhiều» trong tỉnh Péc-mơ, và tăng lên một cách rõ rệt trong tỉnh Vla-đi-mia, v.v. (tr. 6 - 7). «Và căn cứ vào đó, người ta có thể thấy - tác giả kết luận một cách sâu sắc - rằng ở những vùng có một nền công nghiệp còn non trẻ thì tình trạng số lượng công xưởng bị giảm sút, mà chúng tôi đã nêu lên, xảy ra nhiều hơn là ở những vùng có một nền công nghiệp phát đạt hơn, lâu đời hơn» (tr. 7). Một kết luận như thế có vẻ rất «uyên bác»; chỉ đáng tiếc là nó lại hoàn toàn phi lý. Những con số do ông Ca-rư-sép sử dụng đều mang tính chất thuần túy ngẫu nhiên. Thí dụ, trong tỉnh Péc-mơ, theo «Tập số liệu», thì số lượng «công xưởng», tính từ 1885 đến 1890, là như sau lần lượt theo các năm: 1 001, 895, 951, 846, 917 và 1 002, sau đó đến năm 1891, lại đột nhiên tụt xuống 585. Một trong những nguyên nhân của những thay đổi đột ngột này là do người ta xếp vào loại «công xưởng», khi thì 469 cối xay (năm 1890) khi thì 229 cái (năm 1891). Nếu bản «Danh sách» chỉ tổng cộng trong tỉnh này có 362 công xưởng, thì phải chú ý rằng bản đó chỉ kể có 66 cối xay mà thôi. Nếu trong tỉnh Vla-đi-mia, số lượng «công xưởng» tăng lên, thì phải nhớ lại rằng ở đây bản «Danh sách» thống kê cả những xưởng nhỏ. Trong tỉnh Vi-át-ca, từ 1887 đến 1892 «Tập số liệu» đã lần lượt ghi được 1-2-2-30-28-25 cối xay, còn bản «Danh sách» thì lại ghi 116 cái. Tóm lại, việc so sánh của ông Ca-rư-sép chỉ càng chứng minh rằng ông ta hoàn toàn không có khả năng phân tích được những con số do những nguồn khác nhau cung cấp.

Khi dẫn ra số lượng công xưởng theo loại (nhóm công nghiệp) và tính toán những tỷ số phần trăm so với tổng số công xưởng, ông Ca-rư-sép, một lần nữa, không nhìn thấy rằng trong những loại khác nhau, thì số lượng những xưởng nhỏ không giống nhau (thí dụ, trong ngành công nghiệp dệt và luyện kim, những xưởng nhỏ ấy ở phần nước Nga thuộc châu Âu ít hơn ở các ngành khác và chiếm 1/3 tổng số; còn như trong công nghiệp chế biến sản phẩm chăn nuôi và thực phẩm, thì những xưởng nhỏ ấy chiếm đến 2/3 tổng số). Thành thử ông ta đã đem so sánh những lượng không cùng loại, và những con số tính tỷ lệ phần trăm (tr. 8) của ông ta là hoàn toàn vô nghĩa. Tóm lại, trong vấn đề số lượng «công xưởng» và phân bố công xưởng, ông Ca-rư-sép đã tỏ ra hoàn toàn không hiểu tí gì về tính chất của những số liệu mà ông ta sử dụng và về mức độ đáng tin của chúng.

Từ vấn đề số lượng công xưởng bàn sang vấn đề số lượng công nhân, trước hết, chúng ta phải nói rằng, những con số tổng cộng về công nhân trong thống kê công xưởng - nhà máy của nước ta, là đáng tin hơn nhiều so với những con số tổng cộng về công xưởng. Dĩ nhiên, ở đây tình trạng lẫn lộn cũng vẫn còn nhiều và cũng vẫn còn những con số bị bỏ qua hoặc rút nhỏ lại. Song số liệu ít có tính chất không cùng loại; dù cho số lượng các xưởng nhỏ có lên xuống quá đổi - các xưởng ấy khi thì được tính vào trong số lượng công xưởng, khi thì không được tính - tình trạng ấy cũng không ảnh hưởng gì lắm đến tổng số công nhân, bởi lẽ đơn giản là ngay các xưởng nhỏ dù có chiếm một tỷ số khá cao, thì số lượng công nhân trong các xưởng đó cũng chỉ chiếm một tỷ số rất thấp trong tổng số công nhân mà thôi. Ở trên chúng ta đã thấy rằng, về năm 1894/95, thì 1 468 công xưởng (10% tổng số) tập trung 74% công nhân. Số lượng công xưởng nhỏ (dùng dưới 16 công nhân) là 7 919 trong số 14 578, tức là trên một nửa tổng

số, nhưng số công nhân ở đây là vào khoảng 7% tổng số công nhân (ngay cả khi tính trung bình mỗi xưởng có 8 công nhân). Do đó mà năm 1890 (theo «Bản chỉ dẫn») so với năm 1894/95, thì tuy số lượng công xưởng khác nhau khá nhiều nhưng số lượng công nhân lại không khác nhau mấy: năm 1890, số công nhân là 875 764 người trong 50 tỉnh của phần nước Nga thuộc châu Âu, và năm 1894/95 là 885 555 người (chúng tôi chỉ tính những công nhân trong các xưởng thôi). Dem con số 875 764 mà trừ đi số công nhân của các xưởng làm đường ray xe lửa (24 445) và của các xưởng làm muối (3 704), là những xưởng không được liệt kê trong bản «Danh sách» và đem con số 885 555 mà trừ đi số công nhân của những xưởng in (16 521) là những xưởng mà «Bản chỉ dẫn» đã loại ra, thì người ta có được con số 847 615 công nhân về năm 1890, và con số 869 034 công nhân về năm 1894/95, tức là tăng 2,5%. Cố nhiên, tỷ lệ này không thể biểu hiện được mức tăng thực tế, vì trong năm 1894/95, người ta đã loại ra nhiều xưởng nhỏ; nhưng nói chung, những con số gần giống nhau ấy chứng tỏ rằng những số liệu tổng quát về tổng số công nhân là tương đối có giá trị và tương đối đáng tin được. Ông Ca-rư-sép - tức là người đã giúp chúng tôi có được con số tổng cộng công nhân - lại không phân tích một cách chính xác xem chính những ngành sản xuất nào được thống kê năm 1894/95 so với những tài liệu trong các tập thống kê cũ, và không vạch ra hiện tượng là bản «Danh sách» đã không ghi rất nhiều xưởng trước kia được coi là công xưởng. Về việc so sánh với các năm trước, ông ta bao giờ cũng vẫn sử dụng những số liệu vô lý của «Tập thống kê quân sự» và cứ lặp đi lặp lại vẫn những luận điệu nhảm nhí về cái gọi là sự giảm sút số lượng công nhân so với dân số, những điều nhảm nhí này đã bị các ông Tu-gan — Ba-ra-nốp-xky bác bỏ (xem đoạn trên). Xét rằng những số liệu về số lượng công nhân là đáng tin hơn nên chúng đáng

được lựa chọn và phân loại một cách kỹ càng hơn là những số liệu về số lượng công xưởng, nhưng ông Ca-rư-sép lại làm ngược hẳn lại. Ngay cả đến việc phân loại công xưởng theo số lượng công nhân, ông ta cũng không làm; điều đó lẽ ra đặc biệt cần thiết, vì bản «Danh sách» coi số lượng công nhân là dấu hiệu chủ yếu của một công xưởng. Theo những con số mà chúng tôi đã nêu ở trên, người ta thấy rằng sự tập trung công nhân là rất lớn.

Đáng lẽ phải phân loại công xưởng theo số lượng công nhân thì ông Ca-rư-sép lại đi làm những con tính đơn giản hơn: xác định con số công nhân trung bình của mỗi công xưởng. Vì những số liệu về số lượng công xưởng, như chúng ta đã thấy, điều đặc biệt không tin cậy được, và đều có tính chất ngẫu nhiên và không đồng loại, cho nên trong tất cả những con tính ấy có nhan nhản những con số sai. Ông Ca-rư-sép đem so sánh số công nhân trung bình của mỗi công xưởng trong năm 1886 với số trung bình trong năm 1894/95, và từ đó kết luận rằng «những công xưởng loại trung bình đang mở rộng ra» (tr. 23 và 32 - 33), chứ không hề biết rằng vào năm 1894/95, người ta chỉ tính có những công xưởng lớn mà thôi, vì thế mà sự so sánh thành ra khập khiễng. Kỳ quặc nhất là việc đối chiếu con số trung bình về số lượng công nhân ở mỗi công xưởng của tỉnh này với tỉnh khác (tr. 26). Do việc đối chiếu đó mà ông Ca-rư-sép đi tới kết luận, chẳng hạn, là trong tỉnh Cô-xtơ-rô-ma «người ta thấy có một loại xưởng công nghiệp trung bình lớn nhất so với những tỉnh khác»: 242 công nhân ở mỗi công xưởng, so với 125 công nhân ở mỗi công xưởng trong tỉnh Vla-đi-mia. Vị giáo sư thông thái không hề nghĩ rằng cái đó chỉ là do những phương pháp thống kê khác nhau mà ra, như đã giải thích trên kia. Vì không thấy rằng tỷ số giữa những xưởng lớn và nhỏ trong nhiều tỉnh không đều nhau, nên ông Ca-rư-sép đã tưởng tượng ra một phương pháp rất giản đơn để *lẩn tránh*

những khó khăn của vấn đề ấy. Cụ thể là ông ta đem con số trung bình về công nhân của mỗi công xưởng trong toàn phần nước Nga thuộc châu Âu (rồi đem con số trung bình về công nhân của mỗi xưởng trong nước Ba-lan và xứ Cáp-ca-đơ) mà nhân với số lượng công xưởng trong mỗi tỉnh, và chuyển những loại tính ra được ấy vào đồ bản đặc biệt (số 3). Như thế thì đơn giản thật! Cần gì phải phân loại các công xưởng theo số lượng công nhân, cần gì phải nghiên cứu tỷ lệ so sánh giữa những xưởng lớn và nhỏ trong những tỉnh khác nhau, khi chúng ta có thể dùng phương pháp hết sức đơn giản đó mà quy một cách giả tạo những quy mô «trung bình» của những công xưởng trong các tỉnh thành một tiêu chuẩn chung? Cần gì phải nghiên cứu xem có nhiều hay có ít những xưởng nhỏ hay rất nhỏ được tính vào loại công xưởng trong các tỉnh Vla-đi-mia hay Cô-xtơ-rô-ma, khi chúng ta có thể «chỉ đơn giản» lấy con số trung bình về công nhân của mỗi công xưởng trong toàn phần nước Nga thuộc châu Âu mà nhân với số lượng công xưởng của mỗi tỉnh? Có gì là tai hại, nếu phương pháp đó xếp hàng trăm cối xay gió hay xưởng ép dầu, được thống kê một cách ngẫu nhiên, vào loại những công xưởng lớn? Độc giả sẽ chẳng thấy điều đó và rất có thể sẽ tin vào «bản thống kê» mà ngài giáo sư đã sáng tác ra!

Ngoài cột ghi những công nhân làm việc trong xí nghiệp, bản «Danh sách» còn một cột đặc biệt ghi số công nhân làm việc «ở ngoài xí nghiệp, bên ngoài». Cột đó không những ghi công nhân làm ở nhà theo đơn đặt hàng của các công xưởng (Ca-rư-sép, tr. 20), mà còn ghi cả số thợ phụ nữa, v.v.. Số lượng những công nhân này, do bản «Danh sách» nêu ra (66 460 người trong toàn đế quốc), tuyệt nhiên không thể được coi là «một dấu hiệu về mức độ phát triển của cái gọi là bộ phận bên ngoài của công xưởng ở nước Nga» (Ca-rư-sép, tr. 20), là vì, với chế độ thống kê công

xưởng - nhà máy hiện đại thì không thể nói đến vấn đề tiến hành một cuộc điều tra đầy đủ đôi chút về những công nhân thuộc loại đó được. Ông Ca-rư-sép nói một cách thật khinh suất: «trong số hàng triệu thợ thủ công ở toàn nước Nga mà chỉ có 66 500 công nhân thuộc loại đó thôi, thì như thế là ít» (ibid¹⁾). Trước khi viết như thế, ắt là đã quên rằng căn cứ theo tất cả các tư liệu, thì một số lớn - nếu không phải là đại bộ phận - trong «hàng triệu thợ thủ công» ấy đều làm việc cho chủ bao mua, nghĩa là họ cũng là «những công nhân ở bên ngoài». Chỉ cần nhìn qua những trang ở bản «Danh sách» nói đến những vùng có nghề «thủ công» nổi tiếng, là đủ thấy rõ tính chất hoàn toàn ngẫu nhiên và không liên tục của việc thống kê về loại «công nhân ở bên ngoài». Thí dụ, ở phần II (chế biến len), về tỉnh Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt, bản «Danh sách» chỉ kể có 28 công nhân thuộc loại này, tại thành phố Ác-da-mát và tại vùng ngoại ô Vư-ê-dơ-đơ-nai-a (tr. 89), thế mà tập «Công trình của Ủy ban điều tra về công nghiệp thủ công ở Nga» (thiên V và VI) lại cho ta biết rằng cũng trong những địa phương ấy có hàng trăm (có lẽ tới một nghìn) «thợ thủ công» làm việc cho chủ xưởng. Về huyện Xê-mi-ô-nốp-xki, bản «Danh sách» tuyệt nhiên không hề ghi những công nhân làm việc ở ngoài xí nghiệp, thế mà thống kê của hội đồng địa phương lại cho ta biết rằng ở đấy có hơn 3.000 «thợ thủ công» làm việc cho những ông chủ, trong ngành làm dạ nện và làm đế giày. Trong công nghiệp làm đàn phong cầm của tỉnh Tu-la, bản «Danh sách» chỉ ghi có một «công xưởng» với 17 công nhân làm ở ngoài (tr. 395), thế mà cũng trong tập «Công trình của Ủy ban... v.v.» ấy, ngay từ năm 1882, lại ghi từ 2 000 đến 3 000 thợ thủ công là việc cho những chủ xưởng chế tạo đàn phong cầm

1) – ibidem - như trên

(thiên IX). Bởi vậy nếu coi con số 66 500 công nhân làm việc ở ngoài xí nghiệp là con số đáng tin được đôi chút và nếu bàn về sự phân bố những công nhân ấy theo từng tỉnh và theo từng ngành công nghiệp, như ông Ca-rư-sép đã làm, (ông này thậm chí còn đi tới chỗ vẽ ra cả một đồ bản nữa) thì như vậy chỉ đáng buồn cười thôi. Những con số ấy không thể dùng để xác định khối lượng công việc làm ở nhà theo lối tư bản chủ nghĩa (khối lượng này chỉ có thể xác định được nếu người ta có một bản thống kê đầy đủ về công nghiệp, bao gồm tất cả những cửa hàng và những xưởng khác, hay những tư nhân phân phối công việc về nhà làm); con số ấy chỉ cho phép phân biệt công nhân làm trong các xưởng, nghĩa là công nhân công xưởng thực sự, với công nhân làm ở ngoài. Cho tới nay, hai loại công nhân ấy vẫn thường hay bị lẫn lộn với nhau: ngay trong quyển «Bản chỉ dẫn» về năm 1890, người ta cũng thấy nhiều thí dụ về sự lẫn lộn này. Hiện nay, lần đầu tiên người ta tìm cách chấm dứt tình trạng đó trong bản «Danh sách».

Về những con số của bản «Danh sách» về sản lượng hàng năm của các công xưởng, thì ông Ca-rư-sép đã lựa chọn và phân loại một cách thoả đáng hơn, chủ yếu vì ở đây tác giả đã phân loại công xưởng căn cứ theo sản lượng, chứ không phân loại theo con số «trung bình». Tuy nhiên, ông ta thực ra cũng vẫn còn dùng những con số «trung bình» này (về sản lượng của mỗi công xưởng), và ông ta so sánh cả những con số trung bình của năm 1894/95 với những con số trung bình của năm 1885, - đó là phương pháp hoàn toàn không đúng như chúng ta đã nhận thấy nhiều lần rồi. Chúng ta hãy chú ý rằng những con số tổng quát về sản lượng hàng năm của những công xưởng là vô cùng đáng tin hơn những con số tổng quát về số lượng công xưởng, vì những xí nghiệp nhỏ chỉ đóng một vai trò không đáng kể như đã nêu ở trên. Thí dụ, theo bản «Danh sách»,

thì trong phần nước Nga thuộc châu Âu có tất cả 245 công xưởng mà sản lượng vượt quá một triệu rúp, tức 1,9% tổng số công xưởng, nhưng các công xưởng ấy lại tập trung 45,6% sản lượng hàng năm của toàn bộ các công xưởng của phần nước Nga thuộc châu Âu (Ca-rư-sép, tr. 38), trong khi ấy thì những công xưởng mà giá trị sản lượng dưới 5 000 rúp, lại chiếm 30,8% toàn bộ những xưởng công nghiệp, nhưng chỉ cung cấp được có 0,6% tổng sản lượng, tức là một phần rất nhỏ đáng kể. Tuy nhiên, cũng cần phải nói thêm là trong sự tính toán ấy, ông Ca-rư-sép không phân biệt tổng sản lượng (= giá trị sản lượng) với những số tiền công được trả về việc chế biến nguyên liệu. Sự phân biệt rất quan trọng này được bản «Danh sách» áp dụng lần đầu tiên trong thống kê của nước ta về công xưởng - nhà máy*. Người ta hiểu rằng tuyệt đối không thể đem so sánh hai lượng ấy với nhau được và nên tách rời chúng ra. Ông Ca-rư-sép không làm như thế và người ta có thể phỏng đoán rằng số dĩ tỷ lệ sản lượng hàng năm của những xưởng nhỏ mà thấp như thế thì một phần là do người ta đã kê những xưởng chỉ kê khai số tiền trả về việc chế biến nguyên liệu chứ không kê khai giá trị những sản phẩm đã chế biến. Chúng tôi dẫn ra dưới đây một thí dụ về sai lầm của ông Ca-rư-sép vì ông ta không đếm xỉa đến sự phân biệt ấy. Sự phân biệt này, do bản «Danh sách» nêu lên - giữa số tiền công được trả về việc

* Tuy nhiên, điều đáng tiếc là không có gì đảm bảo rằng bản «Danh sách» đã phân biệt một cách chặt chẽ và triệt để, nghĩa là *chỉ* đối với những công xưởng thực tế bán sản phẩm của mình thì mới nêu giá trị sản lượng, còn đối với những công xưởng chế biến các nguyên liệu của người khác, thì chỉ nêu có những số tiền công trả cho việc chế biến nguyên liệu thôi. Chẳng hạn, trong nghề xay bột (chính ở đây luôn luôn thường thấy sự phân biệt nêu ra đó) có thể là chủ xưởng đã đưa ra một cách hoàn toàn ngẫu nhiên khi thì con số này khi thì con số kia. Vấn đề này, lẽ ra, phải được nghiên cứu riêng.

chế biến nguyên liệu với giá trị sản lượng, cũng như việc bỏ qua không tính số thuế tiêu dùng vào giá cả sản xuất, cả hai điều đó đã khiến cho những con số của bản «Danh sách» không thể so sánh được với những con số của những tập tài liệu trước đây. Theo bản «Danh sách» thì sản lượng của tất cả các công xưởng ở phần nước Nga thuộc châu Âu là 1 345 triệu rúp, còn theo quyển «Bản chỉ dẫn» về năm 1890, thì là 1 501 triệu rúp. Nhưng nếu người ta lấy con số thứ hai trừ đi số thuế tiêu dùng (khoảng 250 triệu rúp, riêng về ngành cất rượu), thì con số thứ nhất sẽ cao hơn rõ rệt.

Trong quyển «Bản chỉ dẫn» (xuất bản lần thứ 2 và thứ 3), người ta phân loại những công xưởng và nhà máy theo sản lượng hàng năm (mà không chỉ rõ phần của mỗi loại trong tổng sản lượng là bao nhiêu), nhưng do những sự khác nhau đã nêu ở trên về phương pháp điều tra và về cách xác định giá trị sản lượng hàng năm, nên sự phân loại này không thể so sánh được với những số liệu của bản «Danh sách».

Bây giờ chúng ta còn phải nghiên cứu một lập luận sai lầm nữa của ông Ca-rư-sép. Đối với tổng giá trị sản lượng hàng năm của các công xưởng và nhà máy ở mỗi tỉnh, ở đây nữa, ông ta cũng vẫn so sánh với những số liệu thuộc về năm 1885 - 1891, nghĩa là với những số liệu của «Tập số liệu». Trong các số liệu này không có một tài liệu nào về những ngành phải nộp thuế tiêu dùng và, vì lẽ ấy, nên ông Ca-rư-sép mới chỉ chú trọng tìm xem có tỉnh nào mà tổng sản lượng năm 1894/95 lại *kém hơn* những năm trước không. Có 8 tỉnh ở trong trường hợp như vậy (tr. 39 - 40) và nhân có hiện tượng ấy, ông Ca-rư-sép lại bàn về «bước thụt lùi của công nghiệp» trong những tỉnh «có ít công nghiệp nhất», và nói rằng cái đó «có thể là dấu hiệu chỉ rõ tình hình khó khăn của những xưởng nhỏ cạnh

tranh với những xưởng lớn», v.v.. Tất cả những lập luận này có lẽ rất là sâu sắc nếu... không sai từ đầu chí cuối. Ở đây nữa, ông Ca-rư-sép không nhận thấy rằng ông ta đã đem so sánh những số liệu hoàn toàn không thể so sánh với nhau được và không cùng loại với nhau. Để chứng minh rằng những số liệu này không thể so sánh với nhau được, chúng tôi sẽ nghiên cứu những số liệu liên quan đến mỗi tỉnh trong số những tỉnh mà ông Ca-rư-sép đã nêu ra*. Trong tỉnh Péc-mơ, tổng giá trị sản lượng là 20 300 000 rúp năm 1890 («Bản chỉ dẫn») và 13 100 000 rúp năm 1894/95; trong số đó về ngày xay bột, tổng giá trị sản lượng năm 1890 là 12 700 000 rúp (của 469 cối xay!) và năm 1894/95, là 4 900 000 rúp (của 66 cối xay). Do đó, «sự giảm sút» bề ngoài ấy chẳng qua chỉ là kết quả của việc ghi nhận ngẫu nhiên một số lượng cối xay khác nhau mà thôi. Còn về những cối xay chạy bằng hơi nước, chẳng hạn, thì số lượng của chúng tăng từ 4 cái năm 1890 và năm 1891 lên 6 cái năm 1894/95. «Sự giảm sút» về tổng sản lượng trong tỉnh Xim-biéc-xcơ cũng có thể được giải thích như vậy (năm 1890: 230 cối xay và 4 800 000 rúp; năm 1894/95: 27 cối xay và 1 700 000 rúp. Cối xay chạy bằng hơi nước: 10 và 13 cái). Trong tỉnh Vi-át-ca tổng sản lượng là 8 400 000 rúp năm 1890 và 6 700 000 rúp năm 1894/95, tức là giảm sút mất 1 700 000 rúp. Nhưng năm 1890 trong tỉnh này người ta đã kể cả vào đó 2 nhà máy mỏ và luyện kim, là nhà máy ở Vốt-kin-xcơ và nhà máy ở I-giép-xcơ, tổng sản lượng của

* Chúng tôi sử dụng những số liệu không phải của "Tập số liệu" mà là của «Bản chỉ dẫn» về năm 1890, *loại ra những ngành sản xuất phải nộp thuế tiêu dùng*. Sau khi đã loại ra như vậy thì thấy rằng những số liệu của «Bản chỉ dẫn» hầu như không khác những con số của «Tập số liệu», vì cả hai đều căn cứ vào cùng những tài liệu của Cục công thương nghiệp. Để vạch rõ sự lầm lẫn của ông Ca-rư-sép, chúng ta cần có những số liệu chi tiết, không phải chỉ về những ngành công nghiệp khác nhau mà cả về những công xưởng khác nhau nữa.

hai nhà máy này (gộp cả lại) đúng là bằng 1 700 000 rúp; năm 1894/95, những nhà máy này không được tính đến, với tính cách là những xí nghiệp «thuộc về» Cục mỏ và luyện kim. Trong tỉnh A-xơ-ra-khan, sản lượng lên tới 2 500 000 rúp năm 1890, và 2 100 000 rúp năm 1894/95. Nhưng năm 1890, người ta đã kể vào đó những xưởng làm muối (346 000 rúp), còn đến năm 1894/95, người ta không kể vào đó những xưởng làm muối, coi những xưởng đó là thuộc ngành công nghiệp «mỏ và luyện kim». Về tỉnh Pơ-xcốp, người ta tính được 2 700 000 rúp năm 1890 và 2 300 000 rúp năm 1894/95; nhưng năm 1890 người ta đã tính 45 xưởng bóc vỏ lanh với sản lượng là 1 200 000 rúp và năm 1894/95 lại chỉ tính có 4 xưởng *kéo sợi lanh* với sản lượng 248 000 rúp mà thôi. Cố nhiên không phải những xưởng bóc vỏ lanh này đã biến đi mất trong tỉnh Pơ-xcốp đâu, mà chỉ là do người ta không thống kê chúng (có lẽ vì đa số những xưởng ấy làm việc theo lối thủ công và dùng dưới 15 công nhân). Trong tỉnh Bét-xa-ra-bi-a, người ta đã ghi, theo những phương pháp khác nhau, sản lượng của các cối xay bột, mặc dầu về năm 1890 và năm 1894/95, số cối xay vẫn không thay đổi (97 cái); năm 1890, người ta tính khối lượng bột đã xay là 4 300 000 pút = 4 300 000 rúp; còn năm 1894/95, thì đa số những cối xay *chỉ kê khai số tiền công xay mà thôi*, cho nên không thể nào so sánh tổng sản lượng của chúng (1 800 000 rúp) với con số năm 1890 được. Đây là một vài thí dụ giải thích sự khác nhau ấy. 2 cối xay của Lê-ven-dôn đạt được một giá trị sản lượng là 335 000 rúp năm 1890 («Bản chỉ dẫn», tr. 424) và năm 1894/95, chỉ đạt được có 69 000 rúp *tiền công xay* («Bản chỉ dẫn», số 14 231-2). Trái lại, cối xay của Svác-tơ-béc-gơ đạt được một giá trị sản lượng là 125 000 rúp năm 1890 («Bản chỉ dẫn», tr. 425) và 175 000 rúp năm 1894/95 («Danh sách», số 14 214); trong tổng giá trị sản lượng của ngành xay bột năm 1894/95, thì có 1 400 000 rúp là

giá trị sản phẩm và 400 000 rúp là tiền công xay. Về tỉnh Vitép-xơ cũng vậy: năm 1890, người ta thống kê ở đây được 241 cối xay với một giá trị sản lượng 3 600 000 rúp và năm 1894/95 tính được 82 cối xay với một giá trị là 120 000 rúp, đa số những cối xay này chỉ kê khai có số tiền công xay mà thôi (số lượng cối xay hơi nước là 37 cái năm 1890, 51 cái năm 1891 và 64 cái năm 1894/95), cho nên trong số tiền 120 000 rúp này thì *hơn một nửa* là tiền công xay chứ không phải là giá trị sản phẩm. Sau hết, trong tỉnh cuối cùng là tỉnh Ác-khan-ghen-xơ, «bước thụt lùi của công nghiệp» mà ông Ca-rư-sép phát hiện ra, chỉ đơn thuần là do một sự lầm lẫn kỳ lạ trong những sự tính toán của ông ta: sự thực thì tổng sản lượng của các công xưởng ở tỉnh Ác-khan-ghen-xơ, căn cứ theo bản «Danh sách», không phải là 1 300 000 rúp như ông ta đã hai lần chỉ ra (tr. 40 và 39; so với 3 200 000 rúp trong những năm 1885 - 1891), mà là *6 900 000 rúp*, trong đó có 6 500 000 rúp của 18 xưởng cưa («Danh sách», tr. 247).

Tổng kết tất cả những điều nói trên lại, chúng tôi đi tới kết luận rằng ông Ca-rư-sép đã tỏ ra thiếu thận trọng và thiếu phê phán một cách kỳ lạ trong việc lựa chọn và phân loại các tư liệu; rằng vì lẽ ấy, ông ta đã mắc phải cả một loạt sai lầm nghiêm trọng nhất. Còn về những con tính mà ông ta và các người cộng tác của ông đã rút ra được từ những con số của bản «Danh sách», thì phải nói rằng giá trị về mặt thống kê của chúng bị mất đi nhiều, do chỗ ông Ca-rư-sép không công bố những tổng số đầy đủ, nghĩa là không công bố số lượng công xưởng và công nhân, cũng như không công bố tổng giá trị sản lượng về tất cả các tỉnh và tất cả các loại công nghiệp (mặc dầu ông ta rõ ràng đã làm những con tính ấy và mặc dầu việc đem in toàn bộ những con tính này có lẽ, một mặt, sẽ khiến cho việc kiểm tra có thể thực hiện được, và, mặt khác, sẽ giúp ích

nhều cho những người sử dụng bản «Danh sách»). Như vậy là về mặt thuần túy thống kê, việc chỉnh lý các tư liệu như thế đã tỏ ra hết sức vụn vặt, không đầy đủ, không có hệ thống, và những kết luận mà ông Ca-rư-sép đã vội rút ra thì đại bộ phận là một thí dụ về cách xử lý không đúng đối với những con số.

Bây giờ bàn sang vấn đề đã nêu ở trên kia về tình hình thống kê công xưởng - nhà máy hiện nay của nước ta, trước hết chúng tôi phải nói rằng nếu «những số liệu thống kê đầy đủ và đáng tin về các ngành sản xuất khác nhau» là «tuyệt đối cần thiết» (như đã viết trong «lời nói đầu» của bản «Danh sách» và người ta không thể nào không đồng ý với điểm đó được), thì muốn có được những số liệu ấy, phải tiến hành một cách đúng đắn việc điều tra công nghiệp bao gồm toàn bộ những xưởng, những xí nghiệp và những công trình công nghiệp, và, sau một thời gian nhất định lại phải tiến hành điều tra lại. Nếu những số liệu của cuộc điều tra dân số lần thứ nhất ngày 28 tháng Giêng 1897⁹, về những nghề nghiệp của dân cư, tỏ ra là thỏa đáng và nếu những số liệu ấy được nghiên cứu cẩn thận thì chúng sẽ làm cho việc thống kê công nghiệp được dễ dàng rất nhiều. Nhưng chừng nào chưa làm được việc điều tra như thế thì chỉ có thể tiến hành thống kê được một vài xưởng công nghiệp lớn mà thôi. Chế độ hiện tại về thu thập và xử lý tài liệu thống kê những xưởng lớn đó (theo thuật ngữ hiện nay, tức là những «công xưởng và nhà máy») cần phải được công nhận là hoàn toàn thiếu sót. Khuyết điểm thứ nhất của nó là: việc thống kê công xưởng - nhà máy phân tán vào tay nhiều «cục» đảm nhiệm và thiếu một tổ chức chuyên môn, hoàn toàn chuyên về công tác thống kê, tập trung được việc thu thập, kiểm tra và xử lý tất cả những tài liệu liên quan đến toàn bộ các công xưởng và nhà máy. Khi chỉnh lý những tài liệu thống kê công xưởng - nhà máy hiện nay ở Nga, người ta thấy như đi vào một địa hạt bị ngăn cách bốn bề bởi những ranh

giới của nhiều «cục» khác nhau (có những phương pháp và lệ lối thống kê khác nhau, v.v.). Có khi ngay cả trong nội bộ công xưởng hay nhà máy cũng có những sự phân định ranh giới như thế, thành thử một bộ phận của nhà máy này (thí dụ phân xưởng đúc gang) thì thuộc Cục mỏ và luyện kim và một bộ phận khác (thí dụ bộ phận chế tạo những vật phẩm bằng sắt) thì thuộc Cục công thương nghiệp. Rõ ràng điều đó làm cho việc sử dụng những tài liệu thêm phức tạp biết bao và làm cho những người khảo cứu nào mà không chú ý đầy đủ tới vấn đề phức tạp ấy thì có thể mắc phải (và thực tế đương mắc phải) những sai lầm như thế nào. Riêng về việc kiểm tra các tài liệu, thì phải nói rằng ban thanh tra công xưởng dĩ nhiên sẽ không bao giờ có đủ khả năng để kiểm tra xem tất cả những tờ khai của các chủ công xưởng có phù hợp với sự thật không. Với chế độ hiện tại (khi mà những tài liệu được sưu tập không phải bằng biện pháp điều tra do một đội nhân viên đặc biệt tiến hành, mà bằng cách yêu cầu chủ xưởng trả lời vào những bản câu hỏi ghi sẵn), thì điều cần chú ý đến nhiều nhất là cơ quan thống kê trung ương phải liên hệ *trực tiếp* với tất cả các chủ công xưởng và nhà máy, phải kiểm tra đều đặn xem tài liệu có *thống nhất* không, quan tâm làm thế nào để có được những tài liệu đầy đủ, làm thế nào để những câu hỏi được chuyển tới *tất cả* những trung tâm công nghiệp ít nhiều quan trọng, phải làm sao cho không có tình trạng những tài liệu không cùng loại lọt vào một cách ngẫu nhiên và phải làm thế nào để bản mẫu câu hỏi ghi sẵn được áp dụng và hiểu một cách thống nhất. Khuyết điểm căn bản thứ hai của chế độ thống kê hiện tại là ở chỗ bản mẫu thu thập tài liệu hoàn toàn không hoàn chỉnh. Nếu một bản mẫu câu hỏi ghi sẵn như thế được thảo ra trong phòng giấy mà không đưa cho những nhà chuyên môn phê phán, và (đây là điều đặc biệt quan trọng) không được đưa ra thảo luận rộng rãi trên báo chí, thì người ta sẽ

không bao giờ có được những tài liệu phần nào đầy đủ và thống nhất. Chẳng hạn, chúng ta đã thấy rằng ngay cả vấn đề chủ yếu trong bản mẫu câu hỏi - thế nào là một «công xưởng» hay một «nhà máy»? - hiện nay được giải quyết không thỏa đáng biết chừng nào. Trong tình trạng thiếu những cuộc điều tra công nghiệp và với chế độ thu thập tài liệu do bản thân những nhà công nghiệp cung cấp (thông qua Sở cảnh sát và ban thanh tra công xưởng, v.v.), lẽ tất nhiên là khái niệm «công xưởng và nhà máy» cần được quy định hết sức chính xác và chỉ áp dụng đối với những xưởng lớn đến mức độ mà người ta có thể hy vọng rằng *bất kỳ lúc nào và ở nơi nào* cũng thống kê được hết, *không sót*. Những tiêu chuẩn chủ yếu mà hiện nay đã được thừa nhận, để quy định xem «những xưởng nào» được «gọi là công xưởng và nhà máy», có lẽ đã được lựa chọn một cách khá đúng: 1) ít ra phải có 15 công nhân làm *trong xưởng* (hơn nữa còn phải phân biệt giữa công nhân phụ và công nhân công xưởng - nhà máy, hiểu theo nghĩa đen của danh từ, quy định con số công nhân trung bình trong mỗi năm v.v.), và 2, phải có một động cơ chạy bằng hơi nước (dù cho số công nhân không đến 15 người). Tiếc thay, ngoài những dấu hiệu này, người ta lại cộng thêm cả những dấu hiệu khác hoàn toàn mơ hồ, trong khi việc mở rộng định nghĩa trên đòi hỏi phải hết sức thận trọng. Nếu chẳng hạn, người ta không thể gác ra những xưởng lớn nhất có một máy động cơ chạy bằng sức nước, thì phải chỉ rõ, một cách hết sức chính xác, rằng những xưởng nào thuộc loại đó thực ra cần phải được thống kê (công suất tối thiểu của máy phát động, hay số công nhân tối thiểu, v.v.). Nếu đối với một số ngành sản xuất, người ta cho là cần thiết phải liệt kê cả những xưởng nhỏ hơn, thì phải liệt kê những ngành này một cách cũng hết sức chính xác và phải đề ra những dấu hiệu khác khiến cho khái niệm về «công xưởng - nhà máy» được xác định rõ ràng. Cần đặc biệt chú ý đến những ngành sản xuất

nào mà có thể lẫn lộn xưởng «công xưởng - nhà máy» với xưởng «thủ công» hay «nông nghiệp» (công nghiệp làm dạ nện, nung gạch, xưởng thuộc da, xay bột, xưởng ép dầu và nhiều xưởng khác nữa). Chúng tôi nghĩ rằng bất cứ trường hợp nào cũng không nên mở rộng hai dấu hiệu vừa nêu ra đó của khái niệm «công xưởng và nhà máy», vì với phương thức thu thập tài liệu như hiện nay thì ngay cả những xưởng tương đối lớn ấy, cũng chưa chắc đã được thống kê đầy đủ. Và việc cải biến phương thức này có thể biểu hiện hoặc qua những điều sửa đổi cục bộ và không cơ bản, hoặc qua việc áp dụng phương pháp điều tra đầy đủ toàn diện về công nghiệp. Về phạm vi tài liệu, hay nói cách khác, về số những câu hỏi đặt ra để những nhà công nghiệp trả lời, thì ở đây cũng nên xác định một sự khác nhau căn bản giữa điều tra công nghiệp và thống kê theo kiểu hiện nay. Chỉ trong trường hợp thứ nhất là có thể và cần phải thu thập những tài liệu đầy đủ (về lịch sử của xưởng, mối quan hệ của nó với những xưởng và dân cư lân cận, về mặt thương nghiệp, về nguyên liệu và vật liệu phụ, về số lượng và loại sản phẩm, tiền lương, thời gian dài ngắn của ngày lao động, về việc chia kíp, việc làm đêm và những giờ làm thêm, v.v., v.v.). Trong trường hợp thứ hai, cần phải rất thận trọng: thà nhận được ít tài liệu tương đối chính xác, đầy đủ và đồng nhất, còn hơn là nhận được nhiều tài liệu vụn vặt, đáng nghi và không thể so sánh được. Điểm duy nhất tuyệt đối cần thiết là phải thêm những câu hỏi về thiết bị và số lượng sản phẩm chế tạo ra.

Khi nói rằng thống kê công xưởng - nhà máy của nước ta hoàn toàn không được mỹ mãn, chúng tôi tuyệt nhiên không hề muốn nói rằng những tài liệu của nó không đáng chú ý và không đáng nghiên cứu. Trái hẳn lại. Chúng tôi phân tích tỉ mỉ những khuyết điểm của phương thức thống kê hiện nay là cốt để nhấn mạnh sự cần thiết phải

nghiên cứu các số liệu một cách đặc biệt kỹ lưỡng. Mục đích chính và căn bản của công việc này là phải phân biệt được đúng sai, phân biệt được những tư liệu tương đối có giá trị với những tư liệu không có giá trị gì. Như chúng ta đã thấy, sai lầm chủ yếu của ông Ca-rư-sép (và của nhiều người khác nữa) chính là ở chỗ đã không phân biệt như thế. Những con số về số lượng «công xưởng và nhà máy» thì ít chính xác nhất, và không thể đem sử dụng được trong bất cứ trường hợp nào, nếu không nghiên cứu trước cẩn thận (lựa ra những xưởng lớn hơn, v.v.). Những tài liệu về số lượng công nhân và giá trị sản lượng thì chính xác hơn nhiều xét về mặt tổng số chung (tuy nhiên, cũng cần phải phân tích chặt chẽ để xác định xem người ta đã tính đến những ngành sản xuất nào, xem việc điều tra đã được tiến hành như thế nào, giá trị sản lượng đã được tính toán theo cách nào, v.v.). Nếu lấy những tổng số chi tiết hơn thì chắc chắn những tài liệu đưa ra không thể so sánh được và sử dụng chúng thì sẽ mắc sai lầm. Chỉ có do bỏ qua tất cả tình hình ấy mới có thể bịa đặt ra những chuyện hoang đường cho rằng ở nước Nga số lượng công xưởng và số lượng công nhân công xưởng - nhà máy (so với dân số) đều giảm sút, những chuyện hoang đường mà phái dân túy đã truyền bá rất hăng hái.

Còn nói về chính ngay việc nghiên cứu tài liệu, thì tất nhiên là phải căn cứ vào những tài liệu về riêng từng công xưởng một, nghĩa là phải căn cứ vào tài liệu nghiên cứu đã được ghi riêng thành thẻ. Những thẻ này trước hết phải xếp theo đơn vị địa lý. Tỉnh là một đơn vị quá rộng. Vấn đề phân bố công nghiệp theo địa lý là một vấn đề quan trọng đến nỗi phải phân loại công nghiệp theo thành phố, theo vùng ngoại ô, theo xã hay liên xã hợp thành những vùng hay những trung tâm công nghiệp. Rồi lại phải phân loại theo ngành sản xuất. Về mặt này, phương thức mới nhất áp dụng trong việc thống kê công xưởng - nhà máy

của ta, đã đem lại, theo ý chúng tôi, một điều sửa đổi đáng tiếc: đã đoạn tuyệt hẳn với cách phân loại cũ về các ngành sản xuất được áp dụng rộng rãi từ những năm 60 (và từ trước đó nữa) đến giờ. Bản «Danh sách» đã sắp xếp các ngành sản xuất theo một cách thức mới và đã phân các ngành ấy thành 12 loại: nếu người ta chỉ xem xét tài liệu theo các loại, thì người ta sẽ có những cái khung vô cùng rộng lớn, bao gồm và nhập cục vào với nhau những ngành sản xuất hết sức khác nhau (công nghiệp da và da nện, xưởng cưa và xưởng làm đồ gỗ, xưởng làm giấy và xưởng in, xưởng đúc gang và xưởng làm các đồ vàng bạc, xưởng gạch và xưởng làm đồ sứ, công nghiệp thuộc da và xưởng làm sáp, xưởng ép dầu và xưởng đường, xưởng làm rượu bia và xưởng thuốc lá, v.v.). Nhưng nếu người ta lại chia nhỏ tất cả những loại này ra theo ngành sản xuất, thì người ta có được (xem Mi-cu-lin, sách đã dẫn) những loại cực kỳ xé lẻ, có tới *trên 300* loại! Cách phân loại như cũ, gồm 10 loại và khoảng 100 ngành sản xuất (91 ngành theo «Bản chỉ dẫn» về năm 1890), thì theo ý chúng tôi, có lẽ là đạt hơn nhiều. Ngoài ra, cần phải xếp loại công xưởng căn cứ *theo số lượng công nhân, loại máy động lực và khối lượng sản xuất*. Điều đó, đứng về mặt thuần túy lý luận mà nói, là đặc biệt cần thiết để nghiên cứu tình hình và sự phát triển của nền công nghiệp, để rút ra từ những tư liệu người ta sử dụng, những số liệu tương đối có giá trị và để loại ra những số liệu không có giá trị gì. Việc thiếu một sự phân loại như thế (sự phân loại này là cần thiết ở trong nội bộ những loại xếp theo địa lý và những loại xếp theo ngành sản xuất) là khuyết điểm căn bản nhất của các tài liệu thống kê công xưởng - nhà máy xuất bản hiện nay của ta, những tài liệu này chỉ cho phép xác định được «những con số trung bình», thường là hoàn toàn hư ảo và dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng. Cuối cùng, việc phân loại theo tất cả những dấu hiệu này không phải chỉ

là việc định rõ số lượng xưởng trong mỗi loại (và trong mỗi tiểu loại), mà trong mỗi loại còn nhất thiết phải tính toán thêm cả số lượng công nhân và giá trị sản lượng, cả trong những xưởng dùng động lực hơn nước và trong những xưởng làm việc theo lối thủ công, v.v.. Nói cách khác, ngoài những biểu đồ *các loại*, lại phải có những biểu đồ *tổng hợp*.

Nếu nghĩ rằng việc nghiên cứu như thế đòi hỏi rất nhiều công sức, thì đó là nghĩ sai. Những phòng thống kê của các hội đồng địa phương, tuy chỉ có một ngân sách ít ỏi và một số ít nhân viên, nhưng vẫn làm tròn được một khối lượng công việc phức tạp hơn rất nhiều trong mỗi huyện: họ lập được 20 000, 30 000 hay 40 000 thẻ (thẻ mà, số lượng xưởng tương đối lớn, kiểu «công xưởng - nhà máy» của toàn nước Nga, có lẽ không quá 15 000 hay 16 000 cái); cần nói thêm rằng những tài liệu ghi trên mỗi thẻ lại cực kỳ nhiều hơn: trong những tập thống kê của các hội đồng địa phương, thường khi có tới hàng mấy trăm cột dọc, nhưng trong bản «Danh sách», chẳng hạn, thì chỉ có non 20 cột dọc mà thôi. Tuy thế, trong những tập thống kê tốt nhất của các hội đồng địa phương không những có biểu đồ thống kê phân loại theo những dấu hiệu nhất định, mà lại có cả những biểu đồ tổng hợp kết hợp những dấu hiệu khác nhau.

Nghiên cứu những tài liệu như vậy sẽ cung cấp, một là, những tư liệu cần thiết cho khoa học kinh tế. Hai là, nó sẽ giải quyết dứt khoát vấn đề phân biệt những tài liệu tương đối có giá trị với những tài liệu không có giá trị gì. Làm như thế, người ta sẽ nhận ngay ra được tính chất ngẫu nhiên của những số liệu về một số ngành sản xuất, về một số tỉnh, về một số điểm của bản mẫu kê khai, v.v.. Như thế có thể rút ra được những tài liệu tương đối đầy đủ, đáng tin và đồng nhất. Người ta sẽ có được những điều

chỉ dẫn quý giá cho người ta biết cách làm thế nào để đạt được chất lượng ấy trong tương lai.

*Viết xong trước ngày 26 tháng Tám
(7 tháng Chín) 1898.*

*In năm 1898 trong văn tập: Vla-đi-mia Theo đúng bản in trong văn tập
I-lin. «Những bài nghiên cứu và bình
luận về kinh tế». Xanh Pê-téc-bua*

PHÊ BÌNH SÁCH

A. Bô-gđa-nốp. Giáo trình tóm tắt về khoa học kinh tế.
Mát-xcơ-va. 1897. Do kho sách A. Mu-ri-nô-va xuất bản. 290 trang. Giá 2 rúp.

Cuốn sách của ông Bô-gđa-nốp là một sự kiện đặc biệt trong sách báo kinh tế học của chúng ta; đặt bên cạnh những sách hướng dẫn khác, thì cuốn sách này không những là một cuốn sách «không phải là thừa» (như tác giả «hy vọng» trong lời tựa) mà thực sự còn là cuốn sách tốt hơn mọi cuốn sách khác. Vì vậy, trong bài này, chúng tôi định lưu ý độc giả đến những ưu điểm nổi bật của cuốn sách đó và nêu ra một vài điểm không quan trọng mấy, mà theo ý chúng tôi, thì có thể sửa lại cho tốt hơn trong những lần xuất bản sau; do độc giả hết sức quan tâm đến những vấn đề kinh tế, cho nên có thể tin rằng cuốn sách bỏ ích đó không bao lâu sẽ được tái bản.

Ưu điểm chính của cuốn «Giáo trình» của ông Bô-gđa-nốp là ở chỗ tư tưởng đã thể hiện nhất quán từ trang đầu đến trang cuối, tuy tác phẩm bàn về rất nhiều vấn đề và những vấn đề ấy lại rất rộng. Ngay từ đầu, tác giả đã đưa ra một định nghĩa rõ ràng và chính xác về chính trị kinh tế học, là «khoa học nghiên cứu những quan hệ xã hội của sản xuất và của phân phối trong quá trình phát triển của những quan hệ đó» (tr. 3). Không có chỗ nào tác giả đi trệch quan điểm này, quan điểm mà các giáo sư thông thái về môn kinh tế chính trị thường hiểu rất kém, họ đáng lẽ phải nói đến «những quan hệ xã hội trong sản xuất», nhưng lại chỉ bàn về sản xuất nói chung và họ nhét đầy vào các giáo trình

dày cộp của họ một đống những điều cũ rích và những thí dụ nội dung rỗng tuếch, tuyệt nhiên không có liên quan gì đến khoa học xã hội cả. Tác giả không viết theo lối kinh viện, là lối viết thường làm cho những nhà viết sách giáo khoa trở tài của mình trong những câu «định nghĩa» và trong sự phân tích những đặc điểm riêng biệt của mỗi định nghĩa đó. Chẳng những cách trình bày của ông không vì thế mà kém rõ ràng, ngược lại, chính vì thế mà nó thành công hơn, làm cho độc giả, chẳng hạn, có được một khái niệm chính xác về một phạm trù như *tư bản*, hiểu theo ý nghĩa xã hội, cũng như ý nghĩa lịch sử. Sự trình bày có hệ thống môn kinh tế chính trị trong cuốn «Giáo trình» của ông Bô-gđă-nốp, chính là dựa trên quan điểm cho rằng chính trị kinh tế học là khoa học về những phương thức sản xuất xã hội trong quá trình phát triển của chúng về mặt lịch sử. Bắt đầu bằng sự trình bày vắn tắt «những khái niệm tổng quát» về khoa học (từ tr. 1 đến tr. 19) và kết thúc bằng sự trình bày vắn tắt «lịch sử những quan điểm kinh tế» (từ tr. 235 đến tr. 290), tác giả đã vạch rõ nội dung của khoa học này trong phần «C. Quá trình phát triển kinh tế». Tác giả không viết theo lối giáo điều (như thường vẫn thấy trong đa số sách giáo khoa), mà nêu lên những thời kỳ kế tiếp nhau trong quá trình phát triển kinh tế, cụ thể là: chế độ cộng sản nguyên thủy thị tộc, chế độ nô lệ, chế độ phong kiến và các phường hội, và cuối cùng là chủ nghĩa tư bản. Trình bày môn kinh tế chính trị chính là nên làm như vậy. Có lẽ người ta sẽ bác bỏ lại rằng nếu tiến hành như thế, thì tác giả nhất định phải làm cho sự trình bày cùng một vấn đề lý luận (thí dụ, vấn đề lý luận về tiền tệ) bị xé nhỏ ra theo những thời kỳ khác nhau, và nhất định phải lặp đi lặp lại. Nhưng khuyết điểm thuần túy về mặt hình thức này hoàn toàn được bù lại bằng những ưu điểm căn bản của lối trình bày theo quá trình lịch sử. Và lại, phải chăng đó là một khuyết điểm? Những chỗ lặp đi lặp lại đó rất ít,

lại là bổ ích đối với người bắt đầu nghiên cứu, bởi vì như thế sẽ giúp cho họ thấm nhuần được một cách vững chắc hơn về những nguyên lý đặc biệt trọng yếu. Thí dụ, việc nghiên cứu những chức năng khác nhau của tiền tệ trong từng thời kỳ phát triển kinh tế khác nhau vạch cụ thể cho học viên thấy rằng sự phân tích các chức năng ấy về mặt lý luận không phải là dựa trên sự thuyết lý trừu tượng, mà dựa trên một sự nghiên cứu chính xác về những hiện tượng thực tế đã xảy ra trong quá trình tiến triển lịch sử của nhân loại. Quan niệm về những kết cấu kinh tế xã hội khác nhau hình thành trong lịch sử, sẽ trở nên hoàn chỉnh hơn. Nên biết rằng tất cả nhiệm vụ của một cuốn giáo khoa chính trị kinh tế học là nhằm mang lại cho người nghiên cứu môn khoa học này những khái niệm cơ bản về các chế độ kinh tế xã hội khác nhau và về những đặc điểm căn bản của mỗi chế độ đó; tất cả nhiệm vụ của nó là phải làm thế nào cho người đã lĩnh hội quyển giáo khoa sơ cấp, có được một kim chỉ nam chắc chắn để tiếp tục nghiên cứu môn này, và thấy có hứng thú trong việc nghiên cứu ấy khi đã hiểu rằng những vấn đề quan trọng nhất của đời sống xã hội hiện đại là gắn liền một cách trực tiếp nhất với những vấn đề của khoa học kinh tế. Đó chính là điều mà 99% các sách giáo khoa chính trị kinh tế học đều thiếu. Và khuyết điểm của các sách giáo khoa này chủ yếu không phải ở chỗ chỉ thường bó hẹp trong việc trình bày một chế độ kinh tế xã hội (chính là chủ nghĩa tư bản) mà chủ yếu là ở chỗ không biết làm cho độc giả tập trung chú ý vào những đặc điểm căn bản của chế độ đó; không biết xác định một cách rõ ràng ý nghĩa lịch sử của chế độ đó, tức là một mặt thì không trình bày quá trình (và những điều kiện) ra đời của nó, mặt khác không trình bày những xu hướng phát triển của nó; không biết coi những mặt riêng biệt và những hiện tượng riêng biệt trong đời sống kinh tế hiện đại là những bộ phận cấu thành của một chế độ

kinh tế xã hội nhất định, là những biểu hiện của những đặc điểm căn bản của chế độ kinh tế đó; không biết đưa lại cho độc giả một kim chỉ nam chắc chắn, vì thường thường thì tư tưởng của những sách giáo khoa ấy không nhất quán; sau hết, không biết làm cho học viên khi đọc thấy hứng thú, vì những sách ấy quan niệm một cách cực kỳ thiên cận và rời rạc ý nghĩa của những vấn đề kinh tế, đem «những nhân tố» kinh tế, chính trị, tinh thần, v.v. trộn lẫn với nhau «thành một mớ hỗn độn nên thơ». Chỉ có *quan niệm duy vật về lịch sử* mới làm sáng tỏ được mớ hỗn độn ấy và mới khiến người ta có được một quan điểm rộng rãi, có hệ thống và có suy xét về một cơ cấu riêng biệt của kinh tế xã hội, coi cơ cấu đó là cơ sở của một cơ cấu riêng biệt của toàn bộ đời sống xã hội của con người.

Ưu điểm nổi bật của cuốn «Giáo trình» của ông Bô-gđă-nốp chính là ở chỗ tác giả từ đầu đến cuối đã nắm vững chủ nghĩa duy vật lịch sử. Để đánh giá một thời kỳ phát triển kinh tế nhất định, tác giả, trong bản «trình bày» của mình, thường mô tả những chế độ chính trị, những quan hệ gia đình, những trào lưu tư tưởng xã hội chủ yếu, *gắn liền* với những đặc điểm căn bản của một chế độ kinh tế nhất định. Sau khi giải thích rằng một chế độ kinh tế nhất định đã đẻ ra sự phân chia xã hội thành giai cấp như thế nào, tác giả chỉ rõ *những giai cấp* ấy đã biểu hiện như thế nào trong đời sống chính trị, gia đình, tinh thần trong thời kỳ lịch sử ấy; chỉ rõ lợi ích của những giai cấp ấy được phản ánh như thế nào trong các trường phái kinh tế nhất định; chỉ rõ, chẳng hạn, lợi ích của chủ nghĩa tư bản đang phát triển đã được trường phái chủ trương cạnh tranh tự do phản ánh như thế nào, và lợi ích của công nhân tư bản ấy trong thời kỳ gần đây nhất đã được trường phái kinh tế học tâm thường (284), tức là trường phái biện hộ, phản ánh như thế nào. Tác giả đã vạch ra rất đúng mối liên hệ

gắn bó trường phái lịch sử (284) và trường phái «cải lương giảng đàn» (tức trường phái «hiện thực chủ nghĩa» hay là trường phái «lịch sử - luân lý») với địa vị của những giai cấp nhất định, - trường phái cải lương giảng đàn này phải được coi là một «trường phái thỏa hiệp» (287), vì phái ấy đã quan niệm một cách sai lầm và phi lý rằng nguồn gốc và tác dụng của những thiết chế pháp luật - chính trị là có tính chất «siêu giai cấp» (288), v.v.. Tác giả tiến hành nghiên cứu cả những học thuyết của Xi-xmôn-đi và của Pru-đông, trong mối liên hệ với quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, họ là những người mà tác giả đã xếp một cách đúng đắn vào hàng ngũ những nhà kinh tế học tiểu tư sản, khi vạch ra rằng tư tưởng của họ bắt nguồn từ những lợi ích của một giai cấp đặc thù của xã hội tư bản chủ nghĩa, giai cấp chiếm «một địa vị trung gian, quá độ» (279); và thẳng thắn thừa nhận ý nghĩa phản động của những tư tưởng ấy (280 - 281). Nhờ có quan điểm nhất quán và nhờ có năng lực biết xem xét các mặt khác nhau trong đời sống kinh tế trong mối liên hệ với những đặc điểm chủ yếu của một chế độ kinh tế nhất định, nên tác giả đã đánh giá đúng ý nghĩa của những hiện tượng, chẳng hạn như việc công nhân dự phần chia lãi của xí nghiệp (một trong những «hình thức tiền công», «có thể rất ít khi có lợi cho chủ xí nghiệp» (tr. 132 - 133)), hoặc những hội sản xuất, tức là những hội «do được tổ chức trong khuôn khổ những quan hệ tư bản chủ nghĩa», nên «về thực chất chỉ làm tăng thêm số người tiểu tư sản mà thôi» (187).

Chúng tôi biết rằng chính những đặc điểm ấy của cuốn «Giáo trình» của ông Bô-gđă-nốp sẽ gây nên nhiều lời chê trách. Cố nhiên, cuốn đó sẽ không làm vừa lòng những đại diện và những môn đồ của trường phái «luân lý - xã hội học» ở Nga¹⁰. Sẽ không làm vừa lòng những kẻ cho rằng «vấn đề quan điểm kinh tế về lịch sử là vấn đề thuần túy có tính

chất học viện»* và nhiều kẻ khác nữa... Tuy nhiên, ngoài sự không vừa lòng có thể nói là có tính đáng ấy ra thì có lẽ người ta sẽ lại còn vạch ra điều này: đặt vấn đề với quy mô rộng lớn như vậy đã làm cho sự trình bày cuốn «Giáo trình tóm tắt» ấy trở nên cực kỳ sơ lược, vì trong 290 trang nhỏ mà nó đã cùng một lúc phải bàn tới hết thấy mọi thời kỳ phát triển kinh tế, từ công xã thị tộc và những người mông muội đến những các-ten và tờ-rót tư bản chủ nghĩa, cũng như phải bàn tới đời sống chính trị và gia đình của xã hội cổ đại và thời trung cổ, và cả nói về lịch sử các quan điểm kinh tế. Đúng thế, sự trình bày của ông Bô-gđa-nốp quả là cực kỳ vắn tắt, như chính ông đã nêu rõ trong bài tựa khi ông gọi cuốn sách của mình là một cuốn «tóm tắt». Chắc chắn rằng một vài nhận xét vắn tắt của tác giả, - những nhận xét phần nhiều thuộc về những sự kiện lịch sử và đôi khi thuộc về những vấn đề tỉ mỉ hơn của môn kinh tế lý thuyết, - sẽ là những nhận xét khó hiểu đối với những bạn đọc mới bắt đầu nghiên cứu chính trị kinh tế học. Tuy nhiên, theo ý chúng tôi thì người ta không thể trách tác giả được về mặt ấy. Chúng tôi thậm chí có thể nói, - mà không sợ người ta cho là ngược đời, - rằng chúng tôi cho là các nhận xét đó đã chứng tỏ ưu điểm chứ không phải khuyết điểm của cuốn sách ấy. Thật vậy, nếu cứ mỗi nhận xét như thế, tác giả lại muốn trình bày, giải thích và dẫn chứng một cách chi tiết thì cuốn sách của ông sẽ to phình ra, hoàn toàn không phù hợp với mục tiêu của một cuốn giáo trình tóm tắt. Vả lại, nếu muốn trình bày trong một cuốn giáo trình nào đó, dù cho là một cuốn dày nhất, tất cả những kết quả của khoa học hiện đại về toàn bộ các thời kỳ phát triển kinh tế và về lịch sử các quan điểm kinh tế, từ A-ri-xtốt đến Vác-

* Đây là ý kiến của nhà bình luận của tạp chí «Tur tưởng Nga»¹¹, (tháng Mười một 1897, mục tư liệu, tr. 517). Quả có những anh hề như vậy đó!

ơ, thì thật là ảo tưởng. Giả thử ông loại bỏ tất cả những nhận xét như thế đi, thì cuốn sách của ông rõ ràng sẽ không còn là một cuốn sách bổ ích nữa vì phạm vi và ý nghĩa của chính trị kinh tế học đã bị thu hẹp lại rồi. Chúng tôi nghĩ rằng, những nhận xét ngắn gọn ấy, không cần phải thay đổi gì cả, cũng sẽ rất bổ ích cho cả giáo viên lẫn học viên. Đối với giáo viên thì hiển nhiên rồi. Còn đối với học viên, thì qua toàn bộ những nhận xét ấy, họ sẽ thấy rằng người ta không thể nghiên cứu chính trị kinh tế học một cách qua quýt mir nichts dir nichts*, không thể nghiên cứu được môn đó, nếu không có một chút kiến thức sơ bộ nào, nếu không am hiểu rất nhiều vấn đề rất quan trọng về lịch sử, về thống kê, v.v.. Học viên sẽ thấy rằng người ta không thể nào lĩnh hội được những vấn đề về sự phát triển của kinh tế xã hội và về ảnh hưởng của nền kinh tế ấy đối với xã hội, nếu chỉ tham khảo một hoặc thậm chí một số sách giáo khoa và giáo trình nào thường thường có đặc điểm là «trình bày lưu loát» lạ thường, nhưng nội dung cũng nghèo nàn một cách lạ thường và chỉ có nói huyên thuyên vô ích; họ sẽ thấy rằng những vấn đề nóng hổi nhất của lịch sử và của hiện thực hiện đại đều gắn bó khăng khít với những vấn đề kinh tế, và những vấn đề thứ nhất ấy đều bắt nguồn từ quan hệ sản xuất xã hội. Cung cấp những khái niệm cơ bản về đề tài nghiên cứu và chỉ rõ nên theo hướng nào khi nghiên cứu đề tài đó một cách tỉ mỉ và tại sao một sự nghiên cứu như thế lại là quan trọng, - đấy chính là nhiệm vụ chủ yếu của mọi sách giáo khoa.

Bây giờ, trong phần thứ hai của những nhận xét của chúng ta, chúng ta hãy chỉ ra xem, trong cuốn sách của ông Bô-gđa-nốp, có những chỗ nào mà, theo ý chúng tôi, cần được sửa lại cho tốt hơn hay cần được bổ sung. Chúng

* Như Cau-xky đã nhận định rất đúng trong bài tựa quyển sách nổi tiếng của ông ta: «Marx's Oekonomische Lehren»¹⁾.

1) - «Học thuyết kinh tế của C.Mác»

tôi mong rằng vị tác giả đáng kính ấy sẽ không giận chúng tôi về những nhận xét vụn vặt và thậm chí có tính chất bôi lông tìm vết nữa: trong một cuốn sách tóm tắt thì mỗi câu và ngay cả mỗi chữ đều có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng nhiều hơn là ở trong một bản trình bày đầy đủ và chi tiết.

Là môn đồ của một trường phái kinh tế, ông Bô-gđa-nốp nói chung thường chỉ quen dùng thuật ngữ của trường phái ấy. Nhưng khi nói tới hình thái của giá trị, ông đã thay thuật ngữ này bằng thuật ngữ «công thức của trao đổi» (tr. 39 và những trang tiếp). Thuật ngữ này, chúng tôi cho là không đạt; nếu thấy dùng thuật ngữ «hình thái của giá trị» trong một cuốn giáo trình tóm tắt là thực sự không hợp, thì có lẽ tốt nhất nên nói thế này: hình thái của trao đổi hay trình độ phát triển của trao đổi, nếu không thì sẽ có những câu như: «ưu thế của công thức thứ hai của trao đổi» (43) (?). Khi nói về tư bản, tác giả đã có thiếu sót là không nêu ra công thức chung của tư bản, là công thức có thể giúp cho học viên hiểu được rằng tư bản thương nghiệp và tư bản công nghiệp đều cùng có một bản chất như nhau. - Khi nói tới đặc điểm của chủ nghĩa tư bản, tác giả đã bỏ qua vấn đề tình trạng nhân khẩu công nghiệp và thương nghiệp tăng lên làm cho nhân khẩu nông nghiệp giảm xuống, và vấn đề sự tập trung nhân khẩu trong những thành thị lớn; sự thiếu sót này lại càng lộ rõ hơn khi, trong phần nói về thời trung cổ, tác giả bàn chi tiết về những mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn (tr. 63 - 66), còn khi bàn về thành thị hiện đại thì tác giả lại chỉ nói có một vài lời về tình trạng thành thị chi phối nông thôn mà thôi (174). - Nói về lịch sử công nghiệp, tác giả dứt khoát đặt «chế độ gia công của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa»* «vào giữa thời kỳ thủ công nghiệp và thời kỳ

* Tr. 93, 95, 147, 156. Chúng tôi cho rằng tác giả đã dùng rất *đạt* thuật ngữ này để thay thế cho câu: «chế độ gia công của nền sản xuất *lớn*», mà Coóc-xác đã đưa vào dùng trong sách báo của nước ta.

công trường thủ công» (tr. 156, *đề cương* 6). Trong trường hợp này, đơn giản hóa như vậy, theo ý chúng tôi, là không thỏa đáng lắm. Tác giả bộ «Tư bản» trình bày chế độ làm ở nhà kiểu tư bản chủ nghĩa trong phần nói về công nghiệp cơ khí, và trực tiếp coi chế độ ấy là kết quả của tác dụng cải tạo của công nghiệp cơ khí đối với những hình thức lao động cũ. Thực tế, những hình thức lao động ở nhà, như chẳng hạn hình thức lao động ở nhà rất thịnh hành ở châu Âu và ở nước Nga trong ngành may mặc, thì tuyệt đối không thể đặt «vào giữa thời kỳ thủ công nghiệp và thời kỳ công trường thủ công» được. Những hình thức lao động ấy đã xuất hiện *tiếp sau* thời kỳ công trường thủ công, trong quá trình phát triển lịch sử của chủ nghĩa tư bản, và chúng tôi nghĩ rằng có lẽ phải nói một vài lời về vấn đề này. - Trong chương bàn về giai đoạn cơ khí hóa của chủ nghĩa tư bản*, có một thiếu sót rõ rệt là không có đoạn nói về đạo quân lao động trừ bị và hiện tượng nhân khẩu thừa tư bản chủ nghĩa, do công nghiệp cơ khí sinh ra; về ý nghĩa của hiện tượng nhân khẩu thừa đó trong sự vận động chu kỳ của công nghiệp; về những hình thức chủ yếu của hiện tượng đó. Những lời vắn tắt nói về những hiện tượng ấy trong những trang 205 và 270 là hoàn toàn chưa đủ. - Lời tác giả khẳng định rằng «trong 50 năm gần đây», «lợi nhuận tăng nhanh hơn địa tô rất nhiều» (179) là một lời nói quá tào bạo. Không những Ri-các-đô (ông Bô-gđa-nốp khẳng định như thế là cốt để phản đối Ri-các-đô) mà cả Mác cũng xác nhận xu hướng chung là địa tô tăng đặc biệt nhanh trong những điều kiện khác nhau nhất (thậm chí cả khi giá lúa mì sụt xuống, địa tô vẫn có thể tăng lên). Việc lúa mì bị sụt giá (và việc địa tô bị giảm sút trong những điều kiện

* Phân biệt dứt khoát thời kỳ công trường thủ công với thời kỳ cơ khí hóa trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, là một ưu điểm rất lớn của cuốn «Giáo trình» của ông Bô-gđa-nốp.

nhất định) do gần đây có sự cạnh tranh của những vùng mới khai hoang ở châu Mỹ, châu Úc, v.v., chỉ trở nên rõ rệt bắt đầu từ những năm 70, và lời chú thích của Ăng-ghe-n về khủng hoảng nông nghiệp hiện đại, trong phần nói về địa tô («Das Kapital», III, 2, 259 - 260¹⁾) đã được trình bày một cách thận trọng hơn nhiều. Trong lời chú thích ấy, Ăng-ghe-n xác nhận có một «quy luật» là địa tô tăng lên trong các nước văn minh, quy luật này giải thích «sức sống lạ kỳ của giai cấp địa chủ», và tiếp đó, Ăng-ghe-n chỉ nói sức sống ấy «dần dần mất đi» (allmählich sich erschöpft). - Những mục nói về nông nghiệp cũng viết quá vắn tắt. Về địa tô (tư bản chủ nghĩa), thì tác giả chỉ nói rất qua loa rằng nông nghiệp tư bản chủ nghĩa là điều kiện tồn tại của địa tô. («Trong thời tư bản chủ nghĩa, ruộng đất vẫn tiếp tục là tài sản tư hữu và đóng vai trò là tư bản» (127), - chỉ có một câu như vậy thôi!) Lẽ ra để tránh mọi sự hiểu lầm, phải nói tỉ mỉ hơn một chút về điều đó, về sự phát sinh của giai cấp tư sản nông thôn, về tình cảnh của công nhân nông nghiệp và về sự khác nhau giữa tình cảnh của công nhân nông nghiệp và tình cảnh của công nhân công xưởng (mức nhu cầu và mức sống thấp hơn; những tàn tích của chế độ trói buộc vào ruộng đất hay những tàn tích của những Gesindeordnungen²⁾, v.v.). Cũng đáng tiếc là tác giả không hề đề cập đến vấn đề nguồn gốc của địa tô tư bản chủ nghĩa. Sau khi tác giả trình bày những nhận xét về những lệ nông¹³ và nông dân bị lệ thuộc và ở đoạn dưới nữa về địa tô mà nông dân nước ta phải nộp, thì lẽ ra phải nêu lên vắn tắt tiến trình phát triển chung của địa tô: từ địa tô lao dịch (Arbeitsrente) đến địa tô hiện vật (Produktenrente), rồi đến địa tô tiền (Geldrente), và cuối cùng từ địa tô tiền đến địa

1) - «Tư bản», q. III, ph. 2, tr. 259 - 260¹²

2) - điều khoản pháp luật quy định mối quan hệ giữa chúa đất và nông nô

tô tư bản chủ nghĩa (xem «Das Kapital», III, 2, Kap. 47¹⁾). - Nói về việc chủ nghĩa tư bản chèn ép những nghề phụ và do đó làm cho kinh tế nông dân không còn vững chắc nữa, tác giả nói như sau: «nói chung kinh tế nông dân nghèo dần đi, - tổng số giá trị do nó sản xuất ra đang giảm xuống» (148). Điều đó rất không chính xác. Chủ nghĩa tư bản làm cho nông dân phá sản là ở chỗ giai cấp tư sản nông thôn - giai cấp tư sản nông thôn này lại xuất thân từ nông dân mà ra - đã lấn át nông dân. Ông Bô-gđă-nốp có lẽ khó mà miêu tả được, chẳng hạn, sự suy vong của kinh tế nông dân ở Đức, nếu ông không nói đến những người Vollbau-er²⁾. Ở đoạn dẫn ra đó, tác giả nói về những nông dân nói chung, nhưng ở đoạn dưới ông lại dẫn ra một thí dụ trong đời sống thực tế ở Nga; nhưng nói đến những nông dân Nga «nói chung» là quá táo bạo. Cũng trong trang ấy, tác giả nói: «Hoặc nông dân chỉ chuyên làm nghề nông, hoặc họ vào làm ở công trường thủ công», nghĩa là - chúng tôi nói thêm - hoặc họ biến thành tư sản nông thôn, hoặc họ biến thành vô sản (có một mảnh đất nhỏ). Lẽ ra phải nói đến quá trình này dưới hai mặt của nó. - Cuối cùng, về khuyết điểm chung của cuốn sách, chúng tôi thấy còn nhiều những thí dụ rút từ trong đời sống ở Nga. Đối với rất nhiều vấn đề (chẳng hạn như sự tổ chức sản xuất thời trung cổ, sự phát triển của sản xuất cơ khí hóa và của ngành đường sắt, sự tăng nhân khẩu thành thị, những cuộc khủng hoảng và những xanh-đi-ca, sự khác nhau giữa công xưởng và công trường thủ công, v.v.), thì những thí dụ như thế, rút ở sách báo kinh tế của ta, sẽ rất là quan trọng, vì đối với những người mới nhập môn mà không có những thí dụ họ đã từng biết, thì họ rất khó lòng mà hiểu thấu đáo được

1) - «Tư bản», q. III, ph. 2, ch. 47¹⁴

2) - những người nông dân có một đám ruộng đất liền thửa (không chia nhỏ)

vấn đề. Chúng tôi nghĩ rằng việc bổ sung những thiếu sót trên sẽ không làm tăng thêm số trang của cuốn sách lên mấy tí và sẽ không làm cản trở gì việc truyền bá cuốn sách ấy một cách rộng rãi, việc truyền bá rộng rãi đó, xét về các mặt, là một điều rất đáng mong muốn.

Viết xong vào giữa ngày 7 và 14 (19 và 26) tháng Hai 1898

In vào tháng Tư 1898, trên tạp chí «Thế giới của Thượng đế», số 4

Theo đúng bản in trên tạp chí

BÀN QUA VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỊ TRƯỜNG

(NHÂN CUỘC LUẬN CHIẾN GIỮA ÔNG TU-GAN-BA-RA-NỐP-XKI
VÀ ÔNG BUN-GA-CỐP)¹⁵

Vấn đề thị trường trong xã hội tư bản chủ nghĩa, như người ta đều biết, đã chiếm một địa vị cực kỳ quan trọng trong học thuyết của những nhà kinh tế học dân túy, đứng đầu là các ông V. V. và N. - ôn. Cho nên hoàn toàn dĩ nhiên là những nhà kinh tế học nào không tán thành học thuyết của phái dân túy thì đều cho là cần phải làm cho người ta lưu ý đến vấn đề đó và cần phải làm sáng tỏ trước hết những điểm cơ bản, có tính chất lý luận trừu tượng của «lý luận về thị trường». Đó là việc mà năm 1894 ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki đã toan tính làm trong quyển «Những cuộc khủng hoảng công nghiệp ở nước Anh hiện nay», trong chương I, phần 2: «Lý luận về thị trường». Năm ngoái, ông Bun-ga-cốp đã đề cập đến vấn đề này trong quyển sách của ông ta: «Về thị trường dưới chế độ sản xuất tư bản chủ nghĩa» (Mát-xcơ-va, 1897). Hai tác giả này giống nhau về những quan điểm cơ bản; cả hai tác phẩm đều nhằm trình bày sự phân tích xuất sắc về «lưu thông và tái sản xuất tổng tư bản xã hội», mà Mác đã đưa ra trong phần 3, quyển II, bộ «Tư bản». Hai tác giả đều nhất trí nhận định rằng những lý luận của các ông V. V. và N. - ôn về thị trường (nhất là về thị trường trong nước) trong xã hội tư bản chủ nghĩa là tuyệt đối sai, và sai là do xem thường hoặc không

hiểu được sự phân tích của Mác. Cả hai tác giả đều thừa nhận rằng: sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển thì tự tạo ra thị trường cho mình, chủ yếu là dựa vào *tư liệu sản xuất chứ không dựa vào vật phẩm tiêu dùng*; sự thực hiện sản phẩm, nói chung, và sự thực hiện giá trị ngoại ngạch¹⁶, nói riêng, là điều hoàn toàn có thể giải thích được mà không cần đến thị trường bên ngoài; sự cần thiết phải có thị trường bên ngoài đối với một nước tư bản chủ nghĩa tuyệt nhiên không phải là do những điều kiện của sự thực hiện sinh ra (như các ông V. V. và N. - ôn đã tưởng), mà là do những điều kiện lịch sử, v.v.. Thiết tưởng, sau khi hoàn toàn nhất trí với nhau như thế, hai ông Bun-ga-cốp và Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki có lẽ không có gì để tranh luận với nhau và có thể đồng tâm hiệp lực để phê phán kinh tế học dân túy một cách tỉ mỉ và sâu sắc hơn nữa. Nhưng, trên thực tế, đã xảy ra một cuộc luận chiến giữa hai tác giả nói trên (Bun-ga-cốp, tác phẩm đã dẫn, tr. 246 - 257 và passim¹⁾; Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, trong tạp chí «Thế giới của Thượng đế», số 6, năm 1898, bài: «Chủ nghĩa tư bản và thị trường», nhân đọc quyển sách của X. Bun-ga-cốp). Theo ý chúng tôi, ông Bun-ga-cốp cũng như ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki đều đã đi hơi xa trong cuộc luận chiến của họ, làm cho những nhận xét của họ mang tính chất quá ư cá nhân. Chúng ta hãy xem các ông ấy có những ý kiến bất đồng thực sự hay không và, nếu có, thì giữa hai ông ấy, ai có lý hơn.

Trước hết, ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki buộc cho ông Bun-ga-cốp là «ít độc đáo» và quá ưa thích cái lối jurare in verba magistri²⁾ («Thế giới của Thượng đế», 123). Ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki nói: «Sự giải đáp của tôi về vấn đề vai trò của thị trường bên ngoài đối với một nước tư bản chủ

1) – những chỗ khác

2) – thầy nói sao thì trò nói vậy

nghĩa, - sự giải đáp mà chính ông Bun-ga-cốp cũng đã hoàn toàn thừa nhận, - thì tuyệt nhiên không phải là mượn của Mác». Chúng tôi thấy rằng lời nói đó không đúng, vì ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki đã lấy sự giải đáp ấy *chính là của Mác*; và không nghi ngờ gì nữa, ông Bun-ga-cốp cũng đã lấy tài liệu ở cùng một nguồn, vì thế không nên tranh luận về «tính độc đáo», mà nên tranh luận về việc giải thích luận điểm này hay luận điểm nọ của Mác, về sự cần thiết phải trình bày học thuyết của Mác theo cách này hay cách kia. Ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki nói rằng Mác, «trong quyển II, không hề đề cập đến vấn đề thị trường bên ngoài» (l. c. ¹⁾). Nói như thế là không đúng. Cũng trong phần ấy (phần III) của quyển II, mà trong đó Mác phân tích sự thực hiện sản phẩm, thì Mác đã giải thích rõ ràng vai trò của ngoại thương và, do đó, của thị trường bên ngoài đối với sự thực hiện sản phẩm. Mác nói như sau:

"Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa nói chung không thể tồn tại mà lại không có ngoại thương. Nhưng, nếu chúng ta giả định một quá trình tái sản xuất hàng năm bình thường theo một quy mô nhất định, thì chúng ta cũng do đó giả định rằng ngoại thương *chỉ thay những vật phẩm* (Artikel - hàng hóa) *bản xứ bằng những vật phẩm có một hình thức sử dụng khác và một hình thức tự nhiên khác*, không đụng chạm gì đến những quan hệ giá trị mà căn cứ theo đó hai phạm trù: tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng, được trao đổi với nhau; và nó không đụng chạm gì đến những quan hệ giữa tư bản bất biến, tư bản khả biến và giá trị ngoại ngạch, tức là những cái cấu thành giá trị của sản phẩm của mỗi phạm trù. Đưa ngoại thương vào trong việc phân tích giá trị sản phẩm tái sản xuất ra hàng năm thì chỉ gây ra lẫn lộn, chứ không đem lại một yếu tố mới nào hoặc cho vấn đề hoặc cho cách giải đáp vấn đề cả. Vì vậy cần phải

1) - loco citato - đoạn đã dẫn

hoàn toàn gạt bỏ ngoại thương ra..." («Das Kapital», II¹⁾, 469. Do chúng tôi viết ngắ)¹⁷. Nội dung «cách giải đáp vấn đề» do ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki đưa ra, là như sau: «... trong mỗi nước có nhập khẩu hàng hóa của nước ngoài, thì đều có thể có tư bản thừa; đối với một nước như thế thì thị trường bên ngoài là tuyệt đối cần thiết» («Những cuộc khủng hoảng công nghiệp», tr. 429. Đã được dẫn trong tạp chí «Thế giới của Thượng đế», 1. c., 121); đây chỉ là nói phỏng theo luận điểm của Mác mà thôi. Mác nói rằng trong khi phân tích sự thực hiện thì không nên tính đến ngoại thương, vì ngoại thương chỉ thay thế một số hàng hóa này bằng một số hàng hóa khác mà thôi. Ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, khi nghiên cứu cũng vấn đề thực hiện ấy («Những cuộc khủng hoảng công nghiệp», chương I của phần 2), đã viết rằng nước nhập khẩu hàng hóa thì cũng phải xuất khẩu hàng hóa, nghĩa là phải có một thị trường bên ngoài. Thế thì thử hỏi rằng sau những điều đã nói trên liệu có thể nói rằng «cách giải đáp vấn đề» của ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki «tuyệt nhiên không phải là mượn của Mác» không? Ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki nói ở đoạn dưới rằng «quyển II và quyển III bộ «Tư bản» chỉ là những sơ thảo chưa được hoàn chỉnh», rằng «vì lẽ ấy nên chúng ta không thấy ở quyển III những kết luận của sự phân tích xuất sắc đã được trình bày trong quyển II» (bài báo đã dẫn, 123). Cả lời khẳng định này nữa cũng không đúng nốt. Ngoài những sự phân tích riêng biệt về tái sản xuất xã hội («Das Kapital», III, 1, 289)¹⁸, - giải thích rõ xem sự thực hiện tư bản bất biến đã «không phụ thuộc» vào tiêu dùng cá nhân theo ý nghĩa nào và trong chừng mực nào, - «chúng tôi còn thấy trong quyển III» có một chương đặc biệt (chương 49: «Bàn về sự phân tích quá trình sản xuất») dành cho những kết luận của sự phân tích xuất sắc trong quyển II; trong chương này,

1) - «Tư bản», t. II, xuất bản lần thứ nhất, tr. 469

những kết quả của sự phân tích ấy đều được dùng vào việc giải đáp một vấn đề rất quan trọng, vấn đề những hình thức thu nhập xã hội trong xã hội tư bản chủ nghĩa. Sau hết, cũng nên coi lời khẳng định sau đây của ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki là không đúng, - lời khẳng định đó cho rằng tưởng như «Mác, trong quyển III, bộ «Tư bản», đã nói về vấn đề này một cách hoàn toàn khác hẳn», cho rằng trong quyển III «thậm chí gồm có cả những điều khẳng định đã bị sự phân tích trên đây hoàn toàn bác bỏ» (bài báo đã dẫn, 123). Ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, ở trang 122 trong bài của mình, có dẫn ra hai lập luận đó của Mác, hai lập luận này dường như là mâu thuẫn với học thuyết cơ bản. Chúng ta hãy nghiên cứu hai lập luận đó một cách tường tận hơn. Trong quyển III, Mác nói: «Những điều kiện bóc lột trực tiếp và những điều kiện thực hiện nó (việc bóc lột ấy) không giống nhau. Chúng không những chỉ khác nhau về thời gian và không gian, mà đúng về mặt bản chất mà nói, thì chúng cũng không giống nhau. Điều kiện bóc lột trực tiếp thì chỉ bị hạn chế bởi sức sản xuất của xã hội mà thôi, điều kiện thực hiện bóc lột thì bị hạn chế bởi tỷ lệ giữa các ngành sản xuất khác nhau và khả năng tiêu dùng của xã hội... Lực lượng sản xuất (của xã hội), càng phát triển, thì nó càng mâu thuẫn với cơ sở chật hẹp mà trên đó các quan hệ tiêu dùng được xây dựng lên» (III, 1, 226. Bản dịch ra tiếng Nga, tr. 189)¹⁹. Ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki giải thích đoạn này như sau: «Chỉ tính riêng tỷ lệ trong việc phân phối sản xuất quốc dân thì không đủ để đảm bảo khả năng tiêu thụ sản phẩm. Sản phẩm có thể không tìm ra được thị trường cho mình, ngay cả khi việc phân phối sản xuất được tiến hành một cách có tỷ lệ, - rõ ràng đây là ý nghĩa của những lời của Mác mà tôi đã dẫn ra trên kia». Không, những lời nói ấy không có nghĩa như thế đâu. Không có lý do gì để coi lời nói đó là một sự *sửa đổi* nào đó lý luận về thực hiện đã được trình bày trong quyển II. Ở đây, Mác chỉ xác nhận cái mâu

thuần của chủ nghĩa tư bản đã được vạch ra trong những đoạn khác của bộ «Tư bản», tức là mâu thuẫn giữa xu hướng mở rộng vô hạn sản xuất và sự tất yếu của tình trạng tiêu dùng bị hạn chế (do quần chúng nhân dân bị vô sản hóa). Ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki dĩ nhiên sẽ không chối cãi rằng mâu thuẫn này là mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản; và vì Mác đã nêu mâu thuẫn đó ra trong cùng đoạn ấy, nên chúng ta không có quyền gì để tìm một ý nghĩa khác cho những lời nói của ông. «Khả năng tiêu dùng của xã hội» và «tính tỷ lệ giữa những ngành sản xuất khác nhau» tuyệt nhiên không phải là những điều kiện riêng lẻ, độc lập, không có liên hệ qua lại với nhau. Trái lại, một tình trạng nhất định của tiêu dùng là một trong những yếu tố của tính tỷ lệ. Thật vậy, việc phân tích sự thực hiện đã chỉ rõ rằng thị trường trong nước của chủ nghĩa tư bản sở dĩ hình thành được là do dựa vào tư liệu sản xuất nhiều hơn là dựa vào vật phẩm tiêu dùng. Vì thế khu vực I của sản xuất xã hội (chế tạo tư liệu sản xuất) có thể phải phát triển nhanh hơn khu vực II (chế tạo vật phẩm tiêu dùng). Tuy vậy, đương nhiên không phải do đó mà việc chế tạo tư liệu sản xuất có thể phát triển được một cách hoàn toàn độc lập đối với việc chế tạo vật phẩm tiêu dùng và không có liên hệ gì với việc chế tạo vật phẩm tiêu dùng ấy. Về vấn đề này, Mác nói: «Như chúng ta đã thấy (quyển II, phần III), một sự lưu thông được diễn ra liên tục giữa tư bản bất biến và tư bản bất biến; một mặt, sự lưu thông ấy không phụ thuộc vào tiêu dùng cá nhân, hiểu theo ý nghĩa là sự lưu thông ấy không thuộc vào sự tiêu dùng này; tuy nhiên sự lưu thông ấy chung quy (definitiv) vẫn bị tiêu dùng cá nhân hạn chế, là vì sản xuất ra tư bản bất biến không bao giờ lại tiến hành cho bản thân nó mà chỉ là vì người ta đã sử dụng nó nhiều hơn trong những lĩnh vực sản xuất cho tiêu dùng cá nhân» (III, 1, 289. Bản dịch ra tiếng Nga, 242)²⁰. Như vậy, suy đến cùng, tiêu dùng sản xuất (tiêu dùng tư

liệu sản xuất) bao giờ cũng gắn liền với tiêu dùng cá nhân, nó luôn luôn phụ thuộc vào tiêu dùng cá nhân. Tuy nhiên, đặc điểm của chủ nghĩa tư bản, một mặt, là xu hướng mở rộng vô hạn việc tiêu dùng sản xuất, mở rộng vô hạn việc tích lũy và sản xuất, và mặt khác, là tình trạng vô sản hóa của quần chúng nhân dân, do đó mà hạn chế khá nhiều việc mở rộng tiêu dùng cá nhân. Rõ ràng là ở đây chúng ta thấy có một mâu thuẫn trong sản xuất tư bản chủ nghĩa, và Mác, trong đoạn đã dẫn ra ấy, chỉ xác nhận mâu thuẫn đó mà thôi*. Sự phân tích về thực hiện, trong quyển II, tuyệt nhiên không phủ nhận mâu thuẫn này (mặc dù ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki cho là như thế) mà trái lại còn vạch ra mối liên hệ giữa tiêu dùng sản xuất và tiêu dùng cá nhân. Có

* Một đoạn khác do ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki dẫn ra (III, 1, 231, xem S. 232 cho đến cuối mục)²¹, và đoạn sau đây về khủng hoảng, cũng đều hoàn toàn có nghĩa như thế: «Nguyên nhân cuối cùng của tất cả mọi cuộc khủng hoảng đã thực sự xảy ra bao giờ cũng là sự nghèo khổ của quần chúng và sự tiêu dùng hạn chế của quần chúng, điều này làm cản trở cho khuynh hướng phát triển lực lượng sản xuất của sản xuất tư bản chủ nghĩa, dường như giới hạn của sự phát triển này chỉ là cái khả năng tiêu dùng tuyệt đối của xã hội mà thôi» («Das Kapital», III, 2, 21. Bản dịch ra tiếng Nga, tr. 395)²². Nhận xét sau đây của Mác cũng có nghĩa như thế: «Mâu thuẫn trong xã hội tư bản chủ nghĩa là: với tư cách người mua hàng thì công nhân là quan trọng đối với thị trường. Nhưng xét họ với tư cách người bán hàng hóa của họ - sức lao động - thì xã hội tư bản có khuynh hướng giới hạn giá cả công nhân ở mức tối thiểu» («Das Kapital», II, 303)²³. Trong báo «Lời nói mới»²⁴, số xuất bản tháng Năm 1897, chúng tôi đã nói rằng ông N. - òn giải thích đoạn này không đúng như thế nào rồi¹). Giữa những đoạn trích dẫn ấy và sự phân tích về thực hiện trong phần III, quyển II, không có gì là mâu thuẫn cả.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 192.

nhiên là người ta sẽ mắc một sai lầm lớn nếu căn cứ vào mâu thuẫn ấy của chủ nghĩa tư bản (hay căn cứ vào những mâu thuẫn khác của nó), mà kết luận rằng chủ nghĩa tư bản là không thể có được, hay chủ nghĩa tư bản không có tính chất tiến bộ so với các chế độ kinh tế trước nó (như phái dân túy của nước ta vẫn thích làm như thế). Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản chỉ có thể diễn ra qua một loạt những mâu thuẫn; và việc nêu lên những mâu thuẫn này sẽ chứng minh tính chất nhất thời lịch sử của chủ nghĩa tư bản, chứng minh những điều kiện và nguyên nhân của cái xu thế của nó là chuyển lên một hình thức cao hơn.

Những điều nói trên dẫn chúng ta đến kết luận rằng sự giải đáp về vấn đề vai trò của thị trường bên ngoài, do ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki trình bày, rõ ràng là mượn của Mác; không có một mâu thuẫn nào giữa quyển II và quyển III của bộ «*Tư bản*», về vấn đề thực hiện (và về lý luận về thị trường).

Chúng ta bàn tiếp. Ông Bun-ga-cốp buộc cho ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki là đã đánh giá không đúng những học thuyết của các nhà kinh tế học trước Mác về vấn đề thị trường. Còn ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki thì lại buộc cho ông Bun-ga-cốp là đã tách những quan điểm của Mác khỏi cơ sở khoa học mà trên đó những quan điểm ấy phát triển, và đã trình bày như thể «*những quan điểm của Mác không có liên hệ gì với những quan điểm của các bậc tiền bối của Mác*». Lời chê trách này của ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki là hoàn toàn không có căn cứ, vì chẳng những ông Bun-ga-cốp đã không đưa ra một ý kiến nào vô lý như thế, mà trái lại, ông đã trình bày quan điểm của những đại biểu của các trường phái khác nhau trước Mác. Theo ý kiến chúng tôi, thì cả ông Bun-ga-cốp lẫn ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, trong khi trình bày lịch sử của vấn đề, đều có khuyết điểm là rất ít chú ý đến A-đam Xmit, là người mà đáng lý ra nhất thiết phải được nói đến một cách tỉ mỉ nhất, khi

phân tích *riêng* đến "lý luận về thị trường"; "nhất thiết phải" nói đến, vì A-đam Xmit chính là thủy tổ của học thuyết sai lầm cho rằng sản phẩm xã hội phân thành tư bản khả biến và giá trị ngoại ngạch (theo thuật ngữ của A-đam Xmit tức là tiền công, lợi nhuận và địa tô); học thuyết ấy vẫn được người ta khư khư duy trì cho tới lúc Mác xuất hiện, và chẳng những nó không giúp giải quyết đúng đắn vấn đề thực hiện, mà thậm chí cũng không giúp cho việc đặt vấn đề ấy một cách đúng đắn nữa. Ông Bun-ga-cốp nói rất có lý rằng: "do quan điểm xuất phát không đúng và do nêu vấn đề lên một cách không đúng nên những cuộc tranh luận này" (những cuộc tranh luận về lý luận thị trường trong sách báo kinh tế) "chỉ có thể dẫn đến những cuộc tranh cãi vô ích và có tính chất kinh viện" (chú thích ở trang 21, tác phẩm đã dẫn). Ấy thế mà tác giả chỉ dành vắn vắn có một trang nhỏ để nói về A-đam Xmit, và không chú ý đến sự phân tích tường tận và xuất sắc của Mác về lý luận của A-đam Xmit, trong chương 19, quyển II, bộ "Tư bản" (§ II, S. 353 - 383)²⁵ và trái lại, ông lại nói nhiều đến học thuyết của những nhà lý luận không có học thuyết độc lập và thuộc hàng thứ hai, như J.-X. Min-ơ và Phôn Kiéc-sman. Còn ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki thì lại *hoàn toàn không nói tới A. Xmit*, và chính vì thế mà, trong khi trình bày những quan điểm của các nhà kinh tế học sau A. Xmit, ông ta *đã bỏ qua sai lầm cơ bản của họ* (là lặp lại sai lầm nói trên của Xmit). Cố nhiên là trong những điều kiện như thế, thì sự trình bày không thể thỏa đáng được. Chúng tôi chỉ dẫn ra hai thí dụ thôi. Sau khi đưa ra công thức số 1 của mình để giải thích tái sản xuất giản đơn, ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki nói: "Nhưng trường hợp tái sản xuất giản đơn mà chúng tôi đã giả định, không gây ra một sự hoài nghi nào; theo sự giả định của chúng tôi, thì các nhà tư bản tiêu dùng hết lợi nhuận của họ, - hiển nhiên là mức cung về hàng hóa không vượt quá mức cầu" ("Những cuộc

khủng hoảng công nghiệp", tr. 409). Nói như thế không đúng. Cái đó tuyệt đối không phải là "hiển nhiên" đối với những nhà kinh tế học trước kia, vì họ thậm chí không giải thích nổi ngay cả sự tái sản xuất giản đơn ra tư bản xã hội; vả lại, người ta cũng không thể nào giải thích được, nếu người ta không hiểu rằng về mặt giá trị thì sản phẩm xã hội phân thành: *tư bản bất biến* + tư bản khả biến + giá trị ngoại ngạch, và về mặt hình thức vật chất, thì phân thành hai khu vực lớn: khu vực tư liệu sản xuất và khu vực vật phẩm tiêu dùng. Vì vậy cả vấn đề này cũng đã gây cho A-đam Xmít "những hoài nghi" khiến ông ta gỡ không ra, như Mác đã vạch rõ. Nếu những nhà kinh tế học sau Xmít đã mắc lại *sai lầm* của Xmít, - mặc dầu họ không có *những hoài nghi* như ông ta, - thì điều đó chỉ chứng tỏ rằng trong vấn đề này họ đã đi một bước giạt lùi về mặt lý luận. Ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki cũng hoàn toàn sai lầm như thế khi ông ta nói: "Học thuyết của Xay - Ri-các-đô là tuyệt đối đúng về mặt lý luận; nếu những kẻ phản đối học thuyết này chịu khó tính toán, bằng con số, cách thức phân phối hàng hóa trong kinh tế tư bản chủ nghĩa, thì có lẽ họ sẽ hiểu dễ dàng rằng việc phủ nhận học thuyết này đã bao hàm mâu thuẫn về mặt lô-gích rồi" (l. c., 427). Không phải đâu, học thuyết của Xay - Ri-các-đô là hoàn toàn sai về mặt lý luận: Ri-các-đô đã phạm cũng một sai lầm như Xmít (xem "Toàn tập" của ông, bản dịch của Di-be, Xanh Pê-téc-bua. 1882, tr. 221), và hơn nữa Xay còn làm cho sai lầm ấy trầm trọng thêm bằng cách quả quyết rằng sự khác biệt giữa tổng sản phẩm và sản phẩm ròng của xã hội, là hoàn toàn có tính chất chủ quan. Và Xay - Ri-các-đô, cũng như những kẻ đối lập với các ông ấy, dù có bỏ ra bao nhiêu thời giờ để "tính toán bằng con số", cũng vô ích thôi, họ sẽ chẳng đạt được kết quả nào hết, vì đây tuyệt nhiên không phải là vấn đề con số, như Bun-ga-cốp cũng đã vạch ra rất đúng, khi ông ta nói tới một đoạn khác trong quyển sách

của ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki (Bun-ga-cốp, l. c., tr. 21, chú thích).

Bây giờ chúng ta bàn đến vấn đề khác trong cuộc tranh luận giữa ông Bun-ga-cốp và ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki: vấn đề những công thức bằng con số và ý nghĩa của những công thức đó. Ông Bun-ga-cốp quả quyết: những công thức của ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki "do chỗ xa rời công thức mẫu" (nghĩa là công thức của Mác), "cho nên bị mất một phần lớn sức thuyết phục và không cần nghĩa được quá trình tái sản xuất xã hội" (l. c., 248), còn ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki thì nói rằng "ông Bun-ga-cốp không hiểu rõ ràng ngay cả ý nghĩa của những công thức như thế" ("Thế giới của Thượng đế", số 6, 1898, tr. 125). Theo ý chúng tôi, trong trường hợp này, ông Bun-ga-cốp hoàn toàn đúng. Chính ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki mới "không hiểu rõ ý nghĩa của những công thức", khi ông ta cho rằng những công thức "chứng minh cho kết luận" (ibid.¹⁾). Các công thức tự chúng không thể chứng minh được gì hết; chúng chỉ có thể *minh họa* được quá trình, *nếu từng yếu tố của quá trình ấy được soi sáng bằng lý luận*. Ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki đã dựng lên những công thức riêng của mình, khác với những công thức của Mác (và hết sức không rõ ràng so với những công thức của Mác), ngoài ra ông ta lại còn quên giải thích, về mặt lý luận, những yếu tố của quá trình mà phải được minh họa bằng những công thức đó. Luận điểm cơ bản của lý luận của Mác vạch ra rằng sản phẩm xã hội không phải chỉ phân thành tư bản khả biến + giá trị thặng dư (như A. Xmít, Ri-các-đô, Pru-đông, Rốt-béc-tút, v.v. vẫn tưởng), mà phân thành tư bản bất biến + những bộ phận kể trên, - luận điểm đó hoàn toàn không được ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki giải thích, mặc dầu ông ta đã đem áp dụng nó vào các công thức của mình. Cho nên đọc giả khi đọc cuốn sách của ông Tu-gan - Ba-ra-

1) - ibidem - như trên

nốp-xki đã *không sao hiểu được* luận điểm cơ bản ấy của học thuyết mới. Ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki đã hoàn toàn không nói rõ lý do vì sao cần phải phân biệt hai khu vực sản xuất xã hội (I: tư liệu sản xuất và II: vật phẩm tiêu dùng), trong khi đó thì, theo nhận xét chính xác của ông Bun-ga-cốp, "chỉ riêng sự phân biệt đó cũng đã có nhiều ý nghĩa lý luận hơn là hết thảy mọi cuộc tranh cãi về lý luận về thị trường, là những cuộc tranh cãi đã nổ ra trước khi có sự phân biệt trên" (l. c., tr. 27). Bởi vậy ông Bun-ga-cốp đã trình bày lý luận của Mác thật là rõ ràng hơn và đúng hơn ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki.

Cuối cùng, nếu bàn một cách tương đối kỹ lưỡng hơn về quyển sách của ông Bun-ga-cốp, chúng ta tất phải có nhận xét như sau. Khoảng chừng một phần ba quyển sách của ông ta là dành cho những vấn đề về "sự khác nhau giữa những chu chuyển của tư bản" và về "quỹ tiền lương". Chúng tôi cho rằng những mục mang hai đầu đề đó là kém đạt nhất. Ở mục đầu trong các mục nói đó, tác giả có ý muốn bổ sung (xem tr. 63, chú thích) sự phân tích của Mác và đã sa vào những con tính và những công thức rất phức tạp để minh họa quá trình thực hiện diễn ra như thế nào, trên cơ sở có tính đến những sự khác nhau trong chu chuyển của tư bản. Chúng tôi thấy hình như cái kết luận cuối cùng mà ông Bun-ga-cốp đã đi đến (tức là kết luận cho rằng do có sự khác nhau trong chu chuyển của tư bản, nên muốn giải thích sự thực hiện, thì phải giả định là đã có những dự trữ của các nhà tư bản thuộc hai khu vực, xem tr. 85), đã được rút ra một cách hoàn toàn tự nhiên từ những quy luật chung của sản xuất và của lưu thông tư bản, và do đó, bất tất phải giả định ra nhiều trường hợp khác nhau của những quan hệ so sánh về chu chuyển của tư bản trong hai khu vực II và I và bất tất phải lập ra cả một loạt đồ biểu. Đối với mục thứ hai trong các mục nói đó thì cũng thế. Ông Bun-ga-cốp chỉ ra rất đúng rằng ông Ghéc-txen-stanh

đã phạm sai lầm, khi ông này cho là đã tìm ra được một mâu thuẫn trong học thuyết của Mác về vấn đề ấy. Tác giả vạch ra rất đúng rằng: "nếu người ta lấy một vòng chu chuyển là một năm cho tất cả mọi tư bản, thì vào đầu năm mới, các nhà tư bản là những người sở hữu của tổng sản phẩm của năm đã qua, cũng như của số tiền ngang với giá trị ấy" (tr. 142 - 143). Nhưng thật là uổng công vô ích khi ông Bun-ga-cốp mượn (tr. 92 và những trang sau) của những nhà kinh tế học trước kia cái lối họ đặt vấn đề ấy một cách thuần túy kinh viện (tiền công có phải là lấy từ sản xuất đang được tiến hành hay lấy từ sản xuất của thời kỳ lao động đã qua?), và đã tự tạo cho mình nhiều điều rắc rối vô ích, do chỗ ông ta "gạt bỏ" ý kiến chỉ dẫn của Mác, là người "tuồng như mâu thuẫn với quan điểm cơ bản của mình", "do chỗ đã lập luận như thể là" "tiền công không phải lấy từ tư bản, mà lấy từ sản xuất đang được tiến hành" (tr. 135). Mác không hề đặt vấn đề theo cách đó bao giờ cả. Nếu ông Bun-ga-cốp cảm thấy bắt buộc phải "gạt bỏ" lời chỉ dẫn của Mác đi, thì đó là vì ông ta cố ý gán cho lý luận của Mác một lối đặt vấn đề hoàn toàn xa lạ đối với Mác. Một khi đã giải thích rõ được rằng toàn bộ quá trình sản xuất xã hội diễn ra liên quan như thế nào với việc những giai cấp khác nhau trong xã hội tiêu dùng sản phẩm, và đã giải thích rõ được cách thức mà các nhà tư bản đã tiến hành việc đầu tư cần thiết cho lưu thông sản phẩm, - một khi đã giải thích rõ được tất cả những điểm đó thì vấn đề xét xem tiền công là lấy từ sản xuất đang được tiến hành hay từ sản xuất đã qua, là một vấn đề không còn có ý nghĩa thực sự của nó nữa. Vì thế nên khi xuất bản những quyển cuối cùng của bộ "Tư bản", Ăng-ghe-n có nói trong bài tựa quyển II rằng những lối nghị luận của Rốt-béc-tút, chẳng hạn, muốn xác định xem "tiền công là lấy từ tư bản hay lấy từ thu nhập, - thì những nghị luận ấy thuộc lĩnh vực kinh viện và đều bị đập tan hoàn toàn trong phần

III, quyển II bộ "Tư bản"¹⁾ ("Das Kapital", II, Vorwort, S. XXI¹⁾)²⁶.

Viết xong vào cuối năm 1898

In vào tháng Giêng 1899 trên tạp chí

"Bình luận khoa học", số 1

Ký tên: Vla-đi-mi-a I-lin

Theo đúng bản in trên tạp chí

PHÊ BÌNH SÁCH²⁷

R. Gvô-dơ-đép. Tầng lớp cu-lắc cho vay nặng lãi, tác dụng của nó về mặt kinh tế - xã hội. Xanh Pê-téc-bua. 1899. Nhà xuất bản N. Ga-rin.

Quyển sách của ông Gvô-dơ-đép tổng kết những tài liệu thu lượm được trong sách báo kinh tế của nước ta về một vấn đề đáng chú ý là vấn đề tầng lớp cu-lắc cho vay nặng lãi. Tác giả đưa ra nhiều tài liệu về sự phát triển của lưu thông và sản xuất hàng hóa trong thời kỳ trước cải cách, một sự phát triển đã làm cho tư bản thương nghiệp và tư bản cho vay nặng lãi xuất hiện. Rồi tác giả lần lượt điểm những tài liệu về tình hình cho vay nặng lãi trong ngành sản xuất lúa mì, về mối liên hệ giữa tầng lớp cu-lắc với những cuộc di dân, với các nghề thủ công, với những nghề làm ở ngoài làng của nông dân và cả với thuế má và tín dụng nữa. Ông Gvô-dơ-đép vạch ra rất đúng rằng những đại biểu cho kinh tế học dân túy đã nhận xét sai tầng lớp cu-lắc, vì đã coi nó là một "cái bấu" trên cơ thể của "nền sản xuất nhân dân", chứ không coi là một trong những hình thức của chủ nghĩa tư bản, liên hệ chặt chẽ và khăng khít với toàn bộ cơ cấu của nền kinh tế xã hội Nga. Những người dân túy không đếm xỉa đến mối liên hệ giữa tầng lớp cu-lắc với sự phân hóa của nông dân, sự gôn gũ của bọn "phú hào" cho vay nặng lãi v.v. trong nông thôn với những "nông dân căn cơ", tức là những đại biểu của giai cấp tư sản nhỏ ở nông thôn Nga. Những tàn dư của những thiết chế thời trung cổ đương đè nặng lên nông thôn nước Nga (tính chất đẳng cấp biệt lập của công xã nông

¹⁾ — "Tư bản", q. II, Lời tựa, tr. XXI

thôn, tình trạng nông dân bị trói buộc vào phần ruộng được chia của họ, chế độ liên đới bảo lãnh, tình trạng bất bình đẳng trong việc đóng thuế theo đẳng cấp xã hội), tạo nên những trở ngại rất lớn cho việc đầu tư những số vốn nhỏ vào sản xuất, cho việc dùng những số vốn nhỏ ấy vào nông nghiệp và công nghiệp. Tất cả những cái đó dẫn đến hậu quả tự nhiên là làm cho *những hình thức thấp nhất và tồi tệ nhất của tư bản*, tức là tư bản thương nghiệp và tư bản cho vay nặng lãi, phát triển vô cùng rộng rãi. Ở giữa khối nông dân "ít lực lượng" đương kéo dài một cuộc sống gần chết đói trên những phần ruộng được chia nhỏ xíu của mình, thì tất nhiên một số rất ít nông dân khá giả sẽ trở thành những kẻ bóc lột thuộc loại xấu xa nhất, những kẻ nô dịch nông dân nghèo bằng cách cho họ vay tiền, thuê mướn họ trong mùa đông, v.v., v.v.. Trong khi tìm hãm sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp cũng như trong công nghiệp, thì những thiết chế lỗi thời này cũng do đó mà thu hẹp ngay cả yêu cầu về sức lao động, đồng thời lại không đảm bảo may mắn cho nông dân tránh khỏi được sự bóc lột vô sỉ nhất và vô hạn độ nhất, và thậm chí cũng không làm cho họ tránh khỏi được ngay cả cảnh chết đói nữa. Trong quyển sách của mình, ông Gvô-dơ-đép đã đưa ra những con tính phỏng chừng về những số tiền do bản nông nộp cho bọn cu-lắc và cho những kẻ cho vay nặng lãi, những con tính đó chứng tỏ một cách hiển nhiên rằng việc thường đem so sánh giai cấp nông dân Nga có những phần ruộng được chia với giai cấp vô sản Tây Âu, là không có căn cứ. Thật ra, đại bộ phận giai cấp nông dân Nga đều ở trong một tình cảnh tồi tệ hơn nhiều so với tình cảnh giai cấp vô sản nông thôn phương Tây; thật ra, bản nông ở nước ta phải được liệt vào hàng ngũ những người cùng khổ, và người ta càng thấy luôn luôn tái diễn những thời kỳ cần phải dùng đến biện pháp cứu tế bất thường đối với hàng triệu nông dân lâm vào cảnh đói.

НАЧАЛО

ЖУРНАЛЪ ЛИТЕРАТУРЫ, НАУКИ И ПОЛИТИКИ.

1899 г.

М А Р Т Ъ.

С.-ПЕТЕРБУРГЪ.

Типографія И. Н. Скороходова (Надеждинская, 43).

1899.

Bìa của tạp chí «Bước đầu», trong đó có in bài của V. I. Lê-nin phê bình sách. - 1899

Ảnh thu nhỏ

Nếu như chế độ thuế khóa không xếp một cách giả tạo nông dân khá giả và bần nông vào cùng một loại, thì tất nhiên những người nông dân nghèo này phải được chính thức xếp vào loại cùng khổ, điều đó sẽ xác định một cách chính xác hơn và phù hợp với sự thật hơn, thái độ của xã hội hiện nay đối với những tầng lớp nhân dân ấy. Quyển sách của ông Gvô-dơ-đép là bổ ích, vì nó đưa ra một bản tổng quát những tài liệu nói lên quá trình "bần cùng hóa phi vô sản"*, và vì nó đã nhận định đúng đắn quá trình này là một hình thức thấp và tồi tệ nhất của sự phân hóa của nông dân. Ông Gvô-dơ-đép hình như đã đọc nhiều sách báo kinh tế Nga, song nếu tác giả không đưa ra nhiều câu trích dẫn lấy ở những bài báo mà tập trung chú ý nhiều hơn vào việc nghiên cứu một cách độc lập những tài liệu ông sử dụng, thì quyển sách của ông có lẽ còn có giá trị hơn nữa. Việc giải thích theo quan điểm dân túy những tài liệu mà người ta hiện có, thì thường bỏ qua những mặt lý luận quan trọng nhất của vấn đề này. Ngoài ra, những nhận xét của cá nhân ông Gvô-dơ-đép thường có tính chất quá bông lông và chung chung. Nhất là ở chương nói về các xưởng thủ công. Ở một vài đoạn trong sách, thì lời văn lại cầu kỳ và khó hiểu.

*Viết xong vào khoảng giữa ngày 30
tháng Giêng và ngày 3 tháng Hai
(11 và 15 tháng Hai) 1899*

*In trên tạp chí "Bước đầu", số 3, Theo đúng bản in trên tạp chí
tháng Ba 1899
Ký tên: VI. I-lin*

**Pác-vu-xơ*. Thị trường thế giới và khủng hoảng nông nghiệp. Xanh Pê-téc-bua. 1889, tr. 8, chú thích.

PHÊ BÌNH SÁCH

Pác-vu-xơ. Thị trường thế giới và khủng hoảng nông nghiệp.

Những bài tiểu luận về kinh tế. Do L. I-a. dịch từ tiếng Đức. Xanh Pê-téc-bua. 1898. Nhà xuất bản của Ô. N. Pô-pô-va (Tủ sách giáo dục, đợt 2, số 2). 142 trang. Giá: 40 cô-pêch

Quyển sách nhỏ, do nhà chính luận Đức có tài viết dưới bí danh là Pác-vu-xơ, gồm một số bài tiểu luận nêu lên những đặc điểm của một vài hiện tượng trong kinh tế thế giới hiện đại, đồng thời đặc biệt chú ý về nước Đức. Tác giả coi sự phát triển của thị trường thế giới là quan trọng nhất và ông ta mô tả trước hết những giai đoạn mà sự phát triển đó đã trải qua trong thời gian gần đây, song song với sự suy tàn của quyền bá chủ về công nghiệp của nước Anh. Tác giả đưa ra những nhận định cực kỳ bổ ích về vai trò của những nước công nghiệp cũ được dùng làm thị trường cho những nước tư bản chủ nghĩa trẻ hơn: thí dụ, nước Anh tiêu thụ ngày càng nhiều sản phẩm chế tạo ở Đức, sản phẩm đó hiện nay chiếm từ 1/5 đến 1/4 tổng số hàng xuất khẩu của Đức. Căn cứ vào số liệu thống kê thương nghiệp và công nghiệp, Pác-vu-xơ mô tả một sự phân công độc đáo, giữa những nước tư bản chủ nghĩa khác nhau: nước thì sản xuất chủ yếu để tiêu thụ ở thuộc địa, nước thì sản xuất để tiêu thụ ở châu Âu. Trong chương "Thành thị và đường sắt", tác giả đã làm một việc hết sức bổ ích là thử phân tích "những hình thức" chủ yếu nhất "của thành thị tư bản chủ nghĩa" và tầm quan trọng của chúng trong cơ cấu chung của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Trong phần còn lại của tác phẩm, nghĩa là trong phần lớn tác phẩm đó (từ tr. 33 đến tr. 142), tác giả chuyên

bàn về những mâu thuẫn của nông nghiệp tư bản chủ nghĩa hiện nay và về khủng hoảng nông nghiệp. Trước hết Pác-vu-xơ giải thích ảnh hưởng của sự phát triển công nghiệp đối với giá cả lúa mì, đối với địa tô, v.v.. Rồi tác giả trình bày lý luận về địa tô do Mác đã phát triển trong quyển III, bộ "Tư bản", và căn cứ vào lý luận này, tác giả vạch trần nguyên nhân chủ yếu của những cuộc khủng hoảng nông nghiệp tư bản chủ nghĩa. Sau khi đưa ra những số liệu về nước Đức để bổ sung cho sự phân tích vấn đề ấy về mặt thuần túy lý luận, Pác-vu-xơ kết luận rằng "nguyên nhân cuối cùng và cơ bản của khủng hoảng nông nghiệp là tình trạng địa tô tăng lên - hoàn toàn do sự phát triển của chủ nghĩa tư bản - và do đó mà giá ruộng đất cũng tăng theo". Tác giả viết: "Hãy xóa bỏ những giá cả này đi, thì nông nghiệp châu Âu sẽ lại có khả năng cạnh tranh được với nông nghiệp Nga và Mỹ". "Ngoài tình hình thuận lợi ngẫu nhiên của thị trường thế giới ra, thì phương sách độc nhất để cho nó (chế độ tư hữu) thoát khỏi khủng hoảng nông nghiệp, là: đem bán đấu giá tất cả những ruộng đất tư bản chủ nghĩa đi" (141). Như vậy là Pác-vu-xơ đi tới một kết luận thống nhất về đại thể với ý kiến của Ăng-ghen, là người đã vạch ra trong quyển III bộ "Tư bản" rằng khủng hoảng nông nghiệp hiện nay khiến cho địa chủ ở châu Âu không thu được địa tô như cũ nữa²⁸. Chúng tôi thiết tha mong muốn rằng tất cả các độc giả quan tâm đến những vấn đề ấy sẽ tìm đọc quyển sách của Pác-vu-xơ. Tác phẩm này đã bác lại một cách tài tình những lập luận thịnh hành của phái dân túy về khủng hoảng nông nghiệp hiện đại, những lập luận ấy luôn luôn xuất hiện trên báo chí dân túy chủ nghĩa và thường mắc phải một khuyết điểm chủ yếu là: xét cuộc khủng hoảng một cách tách rời, không gắn liền một chút nào với sự phát triển chung của chủ nghĩa tư bản thế giới, không đứng trên quan điểm giai cấp xã hội nhất định để xét, mà lại xét với mục đích độc nhất

là rút ra một giáo lý tiểu thị dân về sức sống của nền kinh tế tiểu nông.

Nói chung thì bản dịch quyển sách của Pác-vu-xơ có thể coi là đạt, mặc dầu người ta thấy một đôi chỗ những câu văn chưa được sát và nặng nề.

Viết xong vào khoảng ngày 3 và ngày 7 (15 và 19) tháng Hai 1899

In trên tạp chí "Bước đầu", số 3, tháng Ba 1899
Ký tên: Vl. I-lin

Theo đúng bản in trên tạp chí

PHÊ BÌNH SÁCH

Công nghiệp và thương nghiệp ở nước Nga. Sách chỉ nam dùng cho thương nhân và chủ công xưởng. Chủ biên là A. A. Bla-u, giám đốc Ban thống kê Cục công thương nghiệp. Xanh Pê-téc-bua. 1899. Giá: 10 rúp

Những người xuất bản cuốn sách đồ sộ này tự đề ra cho mình mục đích là "bổ sung một chỗ khuyết trong sách báo kinh tế của nước ta" (tr. I), cụ thể là vừa đồng thời cho biết địa chỉ của những xí nghiệp thương nghiệp và công nghiệp trong toàn nước Nga, lại vừa cung cấp những tài liệu "về tình hình của ngành công nghiệp này hay ngành công nghiệp nọ". Việc kết hợp những tư liệu chỉ dẫn và những tư liệu khoa học - thống kê, không có gì đáng chê trách cả, nếu như những tư liệu khoa học - thống kê này và những tư liệu chỉ dẫn kia được trình bày dưới một hình thức thật đầy đủ. Khốn nỗi, trong tác phẩm này, những địa chỉ lại chiếm một phần lớn hơn nhiều so với những tài liệu thống kê vụn vặt và được phân tích rất không đầy đủ. Trước hết, khuyết điểm của cuốn sách này, so với những sách báo cùng loại đã xuất bản trước kia, là ở chỗ nó không đưa ra được những số liệu thống kê về *tình* xưởng và *tình* xí nghiệp đã kê ra. Do đó, việc liệt kê những xưởng và xí nghiệp chiếm 2 703 cột lớn, chữ in rất sít, đã mất hết giá trị khoa học của nó. Thế mà trong tình trạng lộn xộn của thống kê thương nghiệp và công nghiệp ở nước ta, thì điều cực kỳ quan trọng đúng ra là phải nắm được những số liệu riêng về mỗi xưởng và mỗi xí nghiệp vì các cơ quan thống kê chính thức của ta không bao giờ chỉnh lý được tương đối tốt những số liệu

ấy và chỉ biết công bố những bản tổng kết, trong đó những tài liệu tương đối có thể tin được lại lẫn lộn với những tài liệu hoàn toàn không đáng tin. Ở đoạn dưới, chúng tôi sẽ chỉ rõ rằng nhận định này cũng áp dụng được cả cho tác phẩm mà chúng ta đang bàn ở đây; nhưng trước hết, chúng tôi lưu ý bạn đọc đến cái phương pháp đọc đáo mà các tác giả đã dùng. Khi ghi chép địa chỉ của các xưởng và các xí nghiệp về từng ngành công nghiệp, thì họ chỉ ghi số lượng các xí nghiệp ấy và tổng doanh số của chúng trong toàn nước Nga mà thôi; họ tính doanh số trung bình của một xưởng trong mỗi ngành sản xuất là bao nhiêu, rồi dùng một dấu hiệu riêng để phân biệt những xưởng mà danh số cao hơn hay thấp hơn doanh số trung bình ấy. Điều hợp lý hơn (nếu quả là không thể nào cung cấp được những tài liệu về riêng từng xưởng) có lẽ là nên quy định một số loại xưởng và xí nghiệp giống nhau cho tất cả mọi ngành thương nghiệp và công nghiệp (giống nhau về doanh số, về số lượng công nhân, về loại động lực sử dụng, v.v.) và căn cứ vào đó mà sắp xếp tất cả các xưởng. Có làm như thế thì ít ra mới có thể biết được rằng những tài liệu đầy đủ đến mức độ nào và có thể so sánh được với nhau đến mức nào trong những tỉnh khác nhau và trong những ngành sản xuất khác nhau. Chẳng hạn, đối với thống kê công xưởng và nhà máy, thì chỉ cần đọc câu định nghĩa cực kỳ mơ hồ về khái niệm ấy ghi ở trang 1 trong tác phẩm đang bàn ở đây (chú thích) và chỉ cần lướt qua danh sách các chủ xưởng trong một vài ngành sản xuất là đủ thấy rõ được rằng những tài liệu thống kê này không cùng loại. Bởi vậy, phải hết sức thận trọng khi nghiên cứu các số liệu tổng kết của thống kê công xưởng - nhà máy ghi trong tiết I, phần I, quyển "Công nghiệp và thương nghiệp ở nước Nga" ("Nhìn qua lịch sử và thống kê về công nghiệp và thương nghiệp của nước Nga"). Đọc phần ấy, chúng tôi thấy rằng năm 1896 (và cả một phần năm 1895) trong toàn đế quốc Nga, có 38 401 công xưởng với một tổng sản lượng là 2 745 000 000 rúp và dùng 1 742 181

công nhân, kể cả những ngành sản xuất không phải đóng thuế tiêu dùng và những ngành phải nộp thuế tiêu dùng và kể cả những xí nghiệp khai khoáng nữa. Chúng tôi nghĩ rằng nếu không kiểm tra cặn kẽ thì không thể so sánh được con số trên với những con số thống kê công xưởng - nhà máy của nước ta về những năm trước. Năm 1896, người ta đã thống kê một loạt những ngành sản xuất mà trước đó (tức là trước năm 1894/95) vẫn chưa được xếp vào loại "công xưởng - nhà máy": xưởng làm bánh mì, nghề tô-ni-a²⁹, lò sắt sinh, xưởng in ti-pô và những xưởng in li-tô, v.v.. Người ta đã tính tổng sản lượng của toàn bộ các xí nghiệp khai khoáng và luyện kim của đế quốc Nga là 614 000 000 rúp, tính bằng những phương pháp đọc đáo mà khi nói đến những phương pháp này, người ta chỉ cho chúng ta biết rằng giá trị của gang có lẽ đã lại được tính một lần nữa vào giá trị của sắt và thép. Ngược lại, số lượng công nhân trong công nghiệp khai khoáng và luyện kim thì rõ ràng là bị rút bớt đi: người ta thống kê có 505 000 công nhân trong năm 1895/96. Tình trạng đó, hoặc là do thống kê sai hoặc là do bỏ sót mất nhiều xí nghiệp khai khoáng. Theo những con số rải rác trong sách, người ta thấy rằng chỉ tính riêng một số ngành thuộc khu vực ấy, thì số lượng công nhân đã lên tới 474 000 người, ấy là không kể công nhân làm trong ngành khai thác than đá (khoảng 53 000 người) và muối (khoảng 20 000 người) và cũng không kể công nhân làm trong các nơi lấy đá (khoảng 10 000 người) và trong một số xí nghiệp khai khoáng khác (khoảng 20 000 người). Năm 1890, trong toàn bộ ngành công nghiệp khai khoáng và luyện kim của đế quốc Nga, người ta tính được trên 505 000 công nhân, và chính những ngành này, từ thời ấy trở đi, lại phát triển rất nhiều. Chẳng hạn, trong năm ngành thuộc khu vực ấy, - năm ngành mà quyển này đã cung cấp những số liệu lịch sử - thống kê (đúc gang, ngành làm dây kim loại, chế tạo cơ khí, ngành làm đồ vật bằng vàng và bằng đồng), - người

ta tính được, trong năm 1890, một con số là 908 xưởng với sản lượng là 77 000 000 rúp và dùng 69 000 công nhân, và trong năm 1896 thì tính được 1 444 xưởng với sản lượng 221 500 000 rúp và dùng 147 000 công nhân. Sau khi tập hợp tất cả những số liệu lịch sử - thống kê rải rác trong sách, - những số liệu này khốn nỗi lại không phải là về tất cả các ngành mà chỉ là về một số ngành thôi (chế biến bông, hoá chất và trên 45 ngành khác), - người ta có được những tài liệu sau đây về toàn đế quốc Nga. Năm 1890, có 19 639 công xưởng và nhà máy với tổng sản lượng là 929 000 000 rúp và dùng 721 000 công nhân và năm 1896 có 19 162 công xưởng và nhà máy với tổng sản lượng là 1 708 000 000 rúp và dùng 985 000 công nhân; cộng thêm hai ngành phải đóng thuế tiêu dùng là những xưởng sản xuất đường và những xưởng cất rượu (năm 1890/91: 116 000 công nhân; năm 1895/96: 123 000 công nhân), thì người ta có một số lượng công nhân là 837 000 người và 1 108 000 người, như thế tức là số lượng công nhân đã tăng *gần một phần ba trong sáu năm*. Cần chú ý rằng số dĩ số lượng công xưởng giảm sút là do một sự thay đổi trong phương pháp thống kê về các cối xay: năm 1890, người ta xếp 7 003 cối xay (156 000 000 rúp, 29 638 công nhân) vào loại công xưởng, và năm 1896 thì chỉ xếp có 4 379 cối xay (272 000 000 rúp, 37 954 công nhân) thôi.

Đây là những số liệu có thể rút ra được ở cuốn sách chúng ta đang nghiên cứu, những số liệu này cho ta một vài ý niệm về sự phát triển công nghiệp của nước Nga trong những năm 90. Ta có thể nghiên cứu kỹ hơn nữa vấn đề này, khi những số liệu thống kê đầy đủ về năm 1896 được công bố.

Viết xong trước ngày 21 tháng

Hai (5 tháng Ba) 1899

In trên tạp chí "Bước đầu", số 3,

tháng Ba 1899

Ký tên: V. I. - lin

Theo đúng bản in trên tạp chí

LẠI BÀN VỀ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HIỆN

Tạp chí "Bình luận khoa học", số xuất bản vào tháng Giêng năm nay (1899), có đăng bài của tôi "Bàn qua vấn đề lý luận về thị trường (Nhân cuộc luận chiến giữa ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki và ông Bun-ga-cốp)", và sau bài ấy, lại đăng một bài của P. B. Xơ-ru-vê nhan đề: "Về vấn đề thị trường trong sản xuất tư bản chủ nghĩa (Nhân cuốn sách của Bun-ga-cốp và bài báo của I-lin)". Ông Xơ-ru-vê "bác bỏ một phần lớn lý luận của Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, Bun-ga-cốp và I-lin" (tr. 63 trong bài của Xơ-ru-vê) và trình bày quan điểm của ông ta về lý luận của Mác về thực hiện.

Theo ý kiến tôi, cuộc luận chiến của Xơ-ru-vê chống lại những tác giả ấy là do quan niệm sai lầm của ông ta về nội dung của lý luận mà các tác giả đó bênh vực, nhiều hơn là do sự bất đồng ý kiến về thực chất. Thứ nhất là, Xơ-ru-vê lẫn lộn thuyết thị trường của những nhà kinh tế học tư sản, - là những người vẫn cho rằng sản phẩm thì trao đổi lấy sản phẩm do đó sản xuất và tiêu dùng phải ăn khớp với nhau, - với lý luận về thực hiện của Mác, là người đã thông qua sự phân tích của mình mà vạch rõ rằng tái sản xuất và lưu thông của toàn bộ tư bản xã hội đã tiến hành *như thế nào*, nghĩa là sự thực hiện sản phẩm trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã tiến hành như thế nào.*

* Xem "Những bài nghiên cứu" của tôi, tr. 17 và các trang sau¹⁾.

1) Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 170 - 171 và các trang sau.

Nhưng cả Mác lẫn những tác giả trình bày ý kiến của Mác - tức là những tác giả mà Xơ-ru-vê đang luận chiến - đều không do sự phân tích ấy mà kết luận là có một sự cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng; trái hẳn lại, Mác và những tác giả này đều kiên quyết nhấn mạnh những mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản, những mâu thuẫn này không thể nào không biểu hiện ra trong sự thực hiện tư bản chủ nghĩa*. Hai là, Xơ-ru-vê lẫn lộn lý luận trừu tượng về thực hiện (mà những người đối lập với ông ta đã chỉ đọc bản tới lý luận đó thôi) với những điều kiện lịch sử cụ thể của sự thực hiện sản phẩm tư bản chủ nghĩa ở nước này hay nước khác và trong thời kỳ này hay thời kỳ khác. Cái đó thì chẳng khác nào như người ta lẫn lộn lý luận trừu tượng về địa tô với những điều kiện cụ thể của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp ở nước này hay nước nọ. Hai sai lầm căn bản ấy của Xơ-ru-vê gây ra cả một loạt những sự hiểu lầm, và muốn giải thích rõ những điều hiểu lầm này thì cần phải phân tích từng luận điểm trong bài báo của ông ta.

1. Xơ-ru-vê không đồng ý với tôi, khi tôi nói rằng trong lúc trình bày lý luận về thực hiện thì cần phải đặc biệt nói đến A-đam Xmit. Xơ-ru-vê viết: nếu muốn bàn ngược lên đến A-đam, thì có lẽ phải nói nhiều đến phái trọng nông³⁰ chứ không phải nói đến Xmit. Không, nói như thế là không đúng. Chính A-đam Xmit là người không phải chỉ đã thừa nhận cái chân lý (mà phái trọng nông cũng đã biết) là: sản phẩm trao đổi lấy sản phẩm, mà ông ta lại còn đặt vấn đề xét xem, đúng về mặt giá trị, những bộ phận cấu thành của *tư bản* xã hội và của sản phẩm xã hội được

* Ibid¹⁾, tr. 20, 27, 24 và các trang sau²⁾.

1) - ibidem - tác phẩm đã dẫn

2) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t.2, tr. 175, 186, 181 và các trang sau.

bù lại (được thực hiện) như thế nào*. Vì thế, tuy hoàn toàn thừa nhận rằng học thuyết của phái trọng nông, chẳng hạn như tập "Tableau économique"¹⁾ của Kê-ne, có những luận điểm "thiên tài đối với thời đại lúc đó"^{**}, tuy thừa nhận rằng sự phân tích quá trình tái sản xuất của A-đam Xmit, về một vài phương diện nào đó, thậm chí là một bước thụt lùi so với phái trọng nông ("Das Kapital", I², 612, Anm. 32³⁾)³² nhưng Mác chỉ dành khoảng một trang rưỡi trong đoạn Mác phác qua lịch sử của vấn đề thực hiện để bàn về phái trọng nông, ("Das Kapital", II¹, S. 350 - 351)³³ trong khi đó thì Mác đã dành trên ba mươi trang cho A. Xmit (ib., 351 - 383)³⁴ để phân tích tỉ mỉ sai lầm căn bản của A. Xmit, sai lầm mà toàn bộ khoa kinh tế chính trị của thời đại sau đó kế thừa. Như vậy, sở dĩ cần phải nói nhiều đến A. Xmit, chính là để giải thích lý luận thực hiện của những nhà kinh tế học tư sản, là những kẻ đều mắc lại sai lầm của Xmit.

2. Ông Bun-ga-cốp, trong cuốn sách của mình, đã nói hoàn toàn có lý rằng những nhà kinh tế học tư sản lẫn lộn lưu thông hàng hoá giản đơn với lưu thông hàng hoá tư bản chủ nghĩa, còn Mác thì đã xác định được sự khác

* Nhân đây tôi nói thêm rằng trong bài của tôi đăng trong tạp chí "Bình luận khoa học", danh từ "стоимость" (giá trị) khắp mọi chỗ đều được thay bằng danh từ "ценность" (giá trị). Điều đó không phải do tôi làm, mà là do ban biên tập. Tôi không cho rằng việc dùng danh từ này hay danh từ kia trong hai danh từ ấy, là một việc có ý nghĩa quan trọng đặc biệt, nhưng tôi cho là cần thiết phải nêu rõ rằng tôi đã dùng và hiện vẫn luôn luôn dùng danh từ "стоимость".

** Fr. Engels: "Herrn E. Dühring's Umwälzung der Wissenschaft", Dritte Aufl.²⁾, tr. 270 ở một chương do Mác thảo ra³¹.

1) - "Biểu kinh tế"

2) - Ph. Ăng-ghe: "Ông Ö. Đuy-rinh đảo lộn khoa học" ("Chống Đuy-rinh"). Xuất bản lần thứ 3

3) - "Tư bản", t. 1, xuất bản lần thứ 2, tr. 612, chú thích 32

nhau giữa hai thứ lưu thông đó. Xơ-ru-vê cho rằng lời khẳng định ấy của ông Bun-ga-cốp là do một sự hiểu lầm mà ra. Theo tôi, thì trái hẳn lại, ở đây người hiểu lầm không phải là ông Bun-ga-cốp mà là Xơ-ru-vê. Thật vậy, Xơ-ru-vê bác bẻ ông Bun-ga-cốp bằng cách nào? Bằng một cách hết sức kỳ quặc: Xơ-ru-vê bác bẻ Bun-ga-cốp bằng cách lặp lại luận điểm của ông này. Xơ-ru-vê nói: không thể coi Mác là một người tán thành cái lý luận về thực hiện cho rằng sản phẩm có thể thực hiện được ở trong nội bộ một xã hội nhất định, vì Mác "đã phân biệt rất rõ rệt lưu thông hàng hóa giản đơn với lưu thông tư bản chủ nghĩa" (! tr. 48). Nhưng chính đấy lại là điều ông Bun-ga-cốp đã khẳng định! Chính vì thế mà lý luận của Mác không phải chỉ là nhắc lại cái chân lý sau đây: sản phẩm trao đổi lấy sản phẩm. Chính vì thế mà ông Bun-ga-cốp đã hoàn toàn có lý khi xếp vào loại "cãi vã vô vị và có tính chất kinh viện" các cuộc tranh cãi của những nhà kinh tế học tư sản và tiểu tư sản về khả năng xây ra sản xuất thừa: cả hai bên tranh cãi đều lẫn lộn lưu thông hàng hóa với lưu thông tư bản chủ nghĩa, đều mắc phải sai lầm của A-đam Xmit.

3. Xơ-ru-vê đã sai lầm gọi lý luận về thực hiện là lý luận về phân phối theo tỷ lệ cân đối. Như thế thì không chính xác và nhất định sẽ để ra những sự hiểu lầm. Lý luận về thực hiện là một lý luận trừu tượng*, nó vạch rõ tái sản xuất và lưu thông của toàn bộ tư bản xã hội đã diễn ra như thế nào. Tiền đề tất yếu của lý luận trừu tượng đó là: một là, gạt ra không bàn đến ngoại thương, đến những thị trường bên ngoài. Tuy nhiên, trong khi không bàn, đến ngoại thương như thế, lý luận về thực hiện tuyệt nhiên không hề khẳng định rằng đã có lúc có và có thể có xã hội tư bản chủ

* Xem bài của tôi đăng trong tạp chí "Bình luận khoa học", tr. 37¹⁾.

1) Xem tập này, tr. 59 - 60.

nghĩa mà không cần có thị trường bên ngoài*. Hai là, lý luận trừu tượng về thực hiện giả định và tất phải giả định một sự phân phối sản phẩm theo tỷ lệ cân đối giữa các ngành sản xuất tư bản chủ nghĩa khác nhau. Nhưng như thế tuyệt nhiên không có nghĩa là lý luận về thực hiện cho rằng trong xã hội tư bản chủ nghĩa, sản phẩm bao giờ cũng được phân phối và có thể được phân phối theo tỷ lệ cân đối**. Ông Bun-ga-cốp đem so sánh lý luận về thực hiện với lý luận về giá trị, như vậy là hoàn toàn đúng. Lý luận về giá trị giả định và tất phải giả định một sự thăng bằng giữa cung và cầu, nhưng tuyệt nhiên nó không khẳng định rằng trong xã hội tư bản chủ nghĩa, sự thăng bằng này bao giờ cũng có và có thể có. Cũng như mọi quy luật khác của

* Ibid., tr. 38¹⁾. Xem "Những bài nghiên cứu", tr. 25: "Chúng ta có phủ nhận sự cần thiết phải có một thị trường ngoài nước cho chủ nghĩa tư bản không? Dĩ nhiên là không. Song vấn đề thị trường ngoài nước hoàn toàn không có liên quan gì với vấn đề thực hiện"²⁾.

** "Không phải chỉ những sản phẩm bù lại giá trị ngoại ngạch, mà cả những sản phẩm bù lại tư bản khả biến... và tư bản bất biến... tất cả mọi sản phẩm đều chỉ có thể được thực hiện một cách "khó khăn", giữa những biến động không ngừng đang ngày càng mạnh mẽ thêm cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản..." ("Những bài nghiên cứu", tr. 27). Có lẽ Xơ-ru-vê sẽ nói rằng đoạn này mâu thuẫn với nhiều đoạn khác, thí dụ, đoạn ở tr. 31: "... các nhà tư bản *có thể* thực hiện được giá trị ngoại ngạch"?. Mâu thuẫn này chỉ là ở bề ngoài thôi. Chừng nào mà chúng ta thừa nhận lý luận trừu tượng về thực hiện (thế mà những người dân túy chính là đã đưa ra một lý luận trừu tượng về sự không thể thực hiện được giá trị ngoại ngạch), thì tất nhiên phải kết luận rằng sự thực hiện là điều có thể có được. Nhưng khi trình bày một lý luận trừu tượng, thì phải nêu những mâu thuẫn vốn có trong quá trình thực sự của sự thực hiện. Đó chính là điều mà tôi đã viết trong bài báo của tôi³⁾.

1) Xem tập này, tr. 60 - 61.

2) Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 183 - 184.

3) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 186, 192 - 193.

chủ nghĩa tư bản, quy luật thực hiện "chỉ có thể được thực hiện thông qua một sự không thực hiện" (lời của Bun-ga-cốp, được dẫn ra trong bài của Xơ-ru-vê, ở tr. 56). Lý luận về tỷ suất lợi nhuận bình quân, về thực chất, giả định cũng vẫn sự phân phối sản xuất theo tỷ lệ cân đối giữa các ngành sản xuất khác nhau. Nhưng không thể vì thế mà Xơ-ru-vê sẽ đi đến chỗ gọi lý luận ấy là lý luận về phân phối theo tỷ lệ cân đối!

4. Xơ-ru-vê chống lại ý kiến của tôi cho rằng Mác đã buộc tội không oan cho Ri-các-đô là đã mắc phải sai lầm của A-đam Xmit. Xơ-ru-vê viết: "Mác đã lầm". Thế nhưng, Mác đã trích dẫn nguyên văn một đoạn văn của Ri-các-đô (II¹, 383)³⁵. Xơ-ru-vê không cần biết đến đoạn này. Ở trang sau, Mác thuật lại ý kiến của Ram-xây (Ramsay), chính ông này cũng đã vạch ra sai lầm ấy của Ri-các-đô. Tôi cũng chỉ ra một đoạn khác trong tác phẩm của Ri-các-đô nói thẳng ra rằng: "Toàn bộ sản phẩm của ruộng đất và của lao động ở mỗi nước đều chia làm ba bộ phận: tiền công, lợi nhuận và địa tô" (ở đây, do sai lầm nên người ta không kể đến tư bản bất biến. Xem "Toàn tập Ri-các-đô", bản dịch của Di-be, tr. 221). Xơ-ru-vê cũng không hề nói đến đoạn này. Ông ta chỉ trích dẫn có một đoạn chú thích của Ri-các-đô, trong đó Ri-các-đô nêu rõ rằng lập luận của Xay về sự khác nhau giữa tổng thu nhập và thu nhập ròng, là vô lý. Trong chương 49, quyển III, bộ "Tư bản", tức là chương bàn về những kết luận rút ra từ lý luận về thực hiện, Mác dẫn ra đúng đoạn chú thích ấy của Ri-các-đô và thêm lời bình luận như sau: "Vả lại, như chúng ta sẽ thấy sau đây", - chắc là Mác nói đến quyển IV bộ "Tư bản"³⁶, quyển này chưa xuất bản, - "không có chỗ nào Ri-các-đô bác bỏ sự phân tích sai lầm của Xmit về giá cả hàng hóa, cụ thể là không bác bỏ sự phân chia giá cả này thành một tổng số những giá trị của các thu nhập (Revenuen). Ri-các-đô không nghĩ tới tính chất sai lầm của sự phân tích đó, và ông ta trong những sự

phân tích của mình đã thừa nhận sự phân tích đó là đúng vì ông ta "bỏ qua" phần bất biến của giá trị của hàng hóa. Thỉnh thoảng ông ta lại dùng lại cách quan niệm như thế" (nghĩa là cách quan niệm của Xmit. "Das Kapital", III, 2, 377. Bản dịch ra tiếng Nga, 696)³⁷. Chúng tôi xin để độc giả xét xem ai có lý: có phải Mác có lý khi cho rằng Ri-các-đô đã mắc sai lầm của Xmit*, hay Xơ-ru-vê có lý khi cho là Ri-các-đô "hiểu rất rõ (?) rằng toàn bộ sản phẩm xã hội không phải chỉ bao gồm tiền công, lợi nhuận và địa tô", cho là Ri-các-đô đã "vô tình (!) bỏ qua những bộ phận của sản phẩm xã hội hợp thành chi phí sản xuất". Người ta có thể nào vừa hiểu *rất rõ* một sự vật mà đồng thời lại *vô tình* bỏ qua sự vật đó được không?

5. Không những Xơ-ru-vê đã không bác bỏ điều Mác khẳng định rằng Ri-các-đô đã mắc lại sai lầm của Xmit, mà chính Xơ-ru-vê lại còn lập sai lầm đó trong bài của mình. Ông ta viết: "Thật là kỳ quặc... nếu nghĩ rằng việc phân chia theo cách này hay cách khác sản phẩm xã hội thành các phạm trù, lại có thể có một ý nghĩa quan trọng đối với quan niệm chung về thực hiện, nhất là, trên thực tế, tất cả các bộ phận của sản phẩm được thực hiện đều mang hình thức thu nhập (tổng thu nhập) trong quá trình thực hiện, và những nhà kinh tế học cổ điển vẫn coi những bộ phận đó là thu nhập" (tr. 48). Vấn đề chính là ở chỗ *không phải* tất cả các bộ phận của sản phẩm được thực hiện đều mang hình

* Nhận định đúng đắn của Mác cũng lộ ra một cách rất rõ rệt ở chỗ là Ri-các-đô đã tán thành ý kiến sai lầm của Xmit về tích lũy tư bản cá biệt. Ri-các-đô chính đã nghĩ rằng phân tích lũy của giá trị ngoại ngạch được chi hết vào tiền công, nhưng phân tích lũy ấy lại được chi vào: 1) tư bản bất biến và 2) tiền công. Xem "Das Kapital", I, 611 - 613, chương 22, § 2.³⁸ - Xem "Những bài nghiên cứu", tr. 29, chú thích¹⁾.

1) Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 190.

thức thu nhập (tổng thu nhập) cả đầu; chính sai lầm đó của Xmít đã được Mác làm cho sáng tỏ bằng cách vạch ra rằng trong sản phẩm được thực hiện có một bộ phận không bao giờ mang và không bao giờ có thể mang hình thức thu nhập. Đó là bộ phận sản phẩm xã hội bù lại tư bản bất biến là tư bản dùng để chế tạo tư liệu sản xuất (theo thuật ngữ của Mác, tức là tư bản bất biến của khu vực I). Thí dụ, hạt giống trong nông nghiệp không bao giờ mang hình thức thu nhập; than đá được dùng trở lại vào việc khai thác than đá, thì không bao giờ mang hình thức thu nhập, v.v., v.v.. Không thể hiểu được quá trình tái sản xuất và lưu thông của tổng tư bản xã hội, nếu người ta không nghiên cứu riêng bộ phận ấy của tổng sản phẩm, bộ phận chỉ có thể dùng làm tư bản chứ không bao giờ có thể mang hình thức thu nhập được*. Trong một xã hội tư bản chủ nghĩa đang phát triển, bộ phận này của sản phẩm xã hội tất nhiên phải tăng nhanh hơn tất cả mọi bộ phận khác của sản phẩm ấy. Chỉ dùng quy luật này mới có thể giải thích được một trong những mâu thuẫn sâu sắc nhất của chủ nghĩa tư bản: của cải quốc dân tăng lên với một tốc độ rất lớn, trong khi đó thì tiêu dùng của nhân dân tăng lên (nếu có tăng lên) rất chậm.

6. Xtơ-ru-vê "tuyệt nhiên không hiểu" tại sao sự phân biệt của Mác về tư bản bất biến và tư bản khả biến "lại cần thiết cho lý luận về thực hiện", và tại sao tôi "nhấn mạnh một cách đặc biệt" đến điểm ấy.

Sự không hiểu này của Xtơ-ru-vê, một mặt, chỉ là do hiểu lầm mà ra thôi. Một là, bản thân Xtơ-ru-vê cũng thừa nhận rằng sự phân biệt ấy có ưu điểm là bao hàm được toàn bộ sản phẩm chứ không chỉ bao hàm những loại thu nhập mà thôi. Một ưu điểm khác của sự phân biệt ấy là ở chỗ nó gắn liền được một cách lô-gích sự phân tích quá

* Xem "Das Kapital", III, 2, 375 - 376 (bản dịch ra tiếng Nga, 696), về sự khác nhau giữa tổng sản phẩm và tổng thu nhập³⁹.

trình thực hiện với sự phân tích quá trình sản xuất của tư bản cá biệt. Nhiệm vụ của lý luận về thực hiện là gì? Là vạch rõ xem tái sản xuất và lưu thông của toàn bộ tư bản xã hội đã diễn ra như thế nào. Ngay thoạt nhìn, phải chăng không thể rõ ngay rằng vai trò của tư bản khả biến phải khác hẳn vai trò của tư bản bất biến hay sao? Những sản phẩm bù lại tư bản khả biến, rốt cuộc, phải được trao đổi lấy *vật phẩm tiêu dùng* cho công nhân và phải thỏa mãn sự tiêu dùng thông thường của công nhân. Những sản phẩm bù lại tư bản bất biến, cuối cùng, phải được trao đổi lấy *tư liệu sản xuất* và phải được sử dụng làm tư bản dùng cho sản xuất mới. Vì vậy, sự phân biệt giữa tư bản bất biến và tư bản khả biến là tuyệt đối cần thiết cho lý luận về thực hiện. Hai là, sự hiểu lầm đó là do Xtơ-ru-vê, ở đây nữa, đã hiểu một cách vũ đoán và sai lầm lý luận về thực hiện và cho lý luận này là một lý luận chứng minh rằng các sản phẩm đều được phân phối theo tỷ lệ cân đối (xem đặc biệt các trang 50 - 51). Chúng tôi đã nói ở trên và chúng tôi nhắc lại một lần nữa rằng quan niệm như thế về nội dung của lý luận về thực hiện là sai.

Mặt khác, Xtơ-ru-vê không hiểu vấn đề ở chỗ là ông ta cho rằng cần thiết phải phân biệt những phạm trù "xã hội học" với những phạm trù "kinh tế học" trong lý luận của Mác, và đưa ra một vài nhận xét chung để chống lại lý luận của Mác. Về điểm này, tôi phải nói rằng, một là, tất cả những điều đó tuyệt đối không có quan hệ gì với lý luận về thực hiện cả; hai là, tôi coi sự phân biệt mà Xtơ-ru-vê đưa ra là mơ hồ và tôi không thấy sự phân biệt ấy có một tác dụng thực tế nào cả. Ba là, đối với những lời khẳng định của Xtơ-ru-vê nói rằng "không còn nghi ngờ gì nữa, chính ngay Mác cũng còn lơ mơ về mối quan hệ giữa những nguyên lý xã hội học" trong lý luận của mình với sự phân tích những hiện tượng về thị trường, rằng "lý luận về giá trị, - theo cách trình bày trong các quyển I và III của

bộ "Tư bản", - hiển nhiên là có mâu thuẫn*, - đối với lời khẳng định ấy không những tôi cho là có thể tranh cãi được, mà tôi còn cho rằng rõ ràng là sai. Tất cả những lời tuyên bố ấy của Xtơ-ru-vê là hoàn toàn vô căn cứ. Đây không phải là những luận cứ mà là những sắc lệnh. Đây là kết quả tiên đoán được của sự phê phán lý luận Mác, sự phê

* Để đáp lại lời tuyên bố trên đây của Xtơ-ru-vê, tôi nêu ra sự trình bày mới nhất của C. Cau-xky về lý luận về giá trị, ông này đã nói và chứng minh rằng quy luật tỷ suất lợi nhuận trung bình "không thủ tiêu quy luật giá trị, mà chỉ biến đổi quy luật giá trị đó mà thôi" ("Die Agrarfrage", S. 67 - 68¹⁾). Nhân tiện, chúng ta hãy nêu ra ý kiến bổ ích sau đây của Cau-xky trong bài tựa quyển sách xuất sắc của ông ta: "Số dĩ trong tác phẩm mà tôi giới thiệu cho công chúng đọc, tôi đã phát triển được những ý kiến mới mẻ và hữu ích, thì trước hết đó là nhờ hai bậc thầy vĩ đại của tôi; tôi càng sẵn lòng nêu rõ điều đó lên, là vì ít lâu nay, ngay cả trong giới chúng ta nữa, đã có những lời tuyên bố cho rằng quan điểm của Mác và Ăng-ghen là cũ rồi... Theo ý tôi, sự hoài nghi này phát sinh từ những đặc tính cá nhân của những kẻ hoài nghi, hơn là từ những đặc thù của học thuyết bị bác. Tôi đã rút ra được kết luận đó, không những từ những kết quả của việc phân tích những lời bác bẻ của những kẻ hoài nghi, mà cũng là từ kinh nghiệm của bản thân tôi nữa. Lúc tôi mới bắt đầu... hoạt động, tôi không hề có một chút cảm tình nào với chủ nghĩa Mác cả. Đối với chủ nghĩa ấy, tôi đã có thái độ phê phán và hoài nghi, chẳng kém gì tất cả những kẻ ngày nay đang miệt thị sự nhiệt cuồng giáo điều chủ nghĩa của tôi. Chỉ sau một thời gian kháng cự nào đó, tôi mới trở thành người mác-xít. Song, ngay từ lúc đó, và cả về sau này nữa, - mỗi khi tôi nhận thấy trong tôi nảy ra mối nghi ngờ gì về một vấn đề có tính chất nguyên tắc nào đó, - thì cuối cùng bao giờ tôi cũng thấy rằng chính tôi đã nhầm chứ không phải những bậc thầy tôi đã nhầm. Cứ nghiên cứu sâu vấn đề hơn nữa là tôi phải thừa nhận rằng ý kiến của các vị đó là đúng. Do đó, cứ mỗi lần nghiên cứu lại vấn đề, cứ mỗi lần xét lại quan điểm của tôi, thì lại củng cố thêm lòng tin của tôi, lại tăng cường thêm sự thừa nhận của tôi đối với học thuyết ấy, học thuyết mà nhiệm vụ của đời tôi là phải truyền bá và vận dụng".

1) - "Vấn đề ruộng đất", tr. 67 - 68

phán mà phái Can-tơ mới muốn tiến hành*. Với thời gian, người ta sẽ thấy rõ sự phê phán ấy đem lại kết quả gì. Nhưng ngay bây giờ, chúng tôi nhận thấy là sự phê phán ấy không mang lại kết quả gì đối với lý luận về thực hiện cả.

7. Bàn về ý nghĩa của những công thức mà Mác đã đưa ra trong phần III, quyển II, bộ "Tư bản", Xtơ-ru-vê khẳng định rằng có thể trình bày một cách tốt lý luận trừu tượng về thực hiện bằng cách dùng đến những phương pháp hết sức khác nhau trong sự phân chia sản phẩm xã hội. Lời khẳng định kỳ lạ này chỉ hoàn toàn là do sự hiểu lầm cơ bản của Xtơ-ru-vê đã nhận định rằng lý luận về thực hiện "hoàn toàn

* Nhân đây, xin nói qua vài lời về "sự phê phán" (tương lai) ấy, sự phê phán đã căm dỗ Xtơ-ru-vê rất nhiều. Dĩ nhiên, sẽ không có một người nào có đầu óc mà lại phản đối sự phê phán nói chung. Nhưng rõ ràng là Xtơ-ru-vê lặp lại tư tưởng ưa thích nhất của ông ta cho rằng "triết học phê phán" làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác. Cố nhiên, vì không muốn và không thể nói nhiều ở đây về vấn đề nội dung triết học của chủ nghĩa Mác, nên tôi chỉ đưa ra nhận xét sau đây. Những môn đồ nào của Mác mà tuyên truyền cho một "sự quay trở lại với Can-tơ" thì cho tới nay tuyệt nhiên chưa đưa ra được điều gì chứng minh rằng một sự quay trở lại như thế là cần thiết, và chưa đưa ra được điều gì chứng tỏ rõ ràng rằng nếu lý luận Mác được phong phú thêm vì chủ nghĩa Can-tơ mới⁴⁰⁾, thì lý luận đó được lợi những gì. Họ cũng không làm tròn cái nhiệm vụ mà trước tiên là của họ: phân tích tỉ mỉ và bác bỏ sự đánh giá có tính chất phủ định của Ăng-ghen đối với chủ nghĩa Can-tơ mới. Trái lại, những môn đồ nào, một mặt, đã quay trở lại nhưng không phải với Can-tơ, mà với chủ nghĩa duy vật triết học trước Mác, và mặt khác, đã quay trở lại với chủ nghĩa duy tâm biện chứng thì đều đưa ra được một sự trình bày cực kỳ hoàn chỉnh và quý giá về chủ nghĩa duy vật biện chứng, và chỉ rõ rằng chủ nghĩa duy vật biện chứng ấy là sản phẩm tất nhiên và không tránh khỏi của toàn bộ sự phát triển mới nhất của triết học và của khoa học xã hội. Tôi chỉ cần viện dẫn trước tác nổi tiếng của ông Ben-tốp trong các trước tác ở Nga và quyển "Beiträge zur Geschichte des Materialismus" (Stuttgart, 1896)¹⁾ trong số các trước tác ở Đức⁴¹⁾, là đủ.

1) - "Khái luận về lịch sử của chủ nghĩa duy vật" (Stút-ga, 1896)

đóng khung" (?!?) ở luận điểm tầm thường nói rằng sản phẩm trao đổi lấy sản phẩm. Chính chỉ do sự hiểu lầm ấy mà Xtơ-ru-vê mới có thể viết ra một câu như sau: "Vai trò của những khối hàng hóa ấy" (hàng hóa được thực hiện) "trong sản xuất, trong phân phối, v.v., vấn đề xét xem những khối hàng hóa ấy có đại biểu hay không cho một tư bản (sic !!¹⁾) và tư bản này là bất biến hay khả biến, tất cả điều đó đều hoàn toàn không quan trọng đối với nội dung của học thuyết đang được xét đến" (51). Lý luận về thực hiện của Mác là lý luận phân tích tái sản xuất và lưu thông của tổng *tư bản* xã hội, thế mà lại bàn rằng việc xét xem hàng hóa có đại biểu hay không đại biểu cho tư bản là việc không quan trọng đối với lý luận đó ư!! Nói như thế có khác gì nói rằng, đối với nội dung của lý luận về địa tô, thì việc xét xem nhân khẩu nông thôn có chia thành địa chủ, nhà tư bản và công nhân hay không, không phải là điều quan trọng, bởi vì lý luận này chỉ vạch ra sự khác nhau về độ màu mỡ của các loại ruộng đất mà thôi.

Chính cũng chỉ do sự hiểu lầm ấy mà Xtơ-ru-vê mới nói rằng "quan hệ qua lại, xét về mặt hiện vật, giữa những yếu tố của sự tiêu dùng xã hội - sự trao đổi xã hội về *vật phẩm* - biểu lộ rõ rệt nhất", không phải qua cách phân chia sản phẩm theo Mác, mà qua cách phân chia như sau: tư liệu sản xuất + vật phẩm tiêu dùng + giá trị thặng dư (giá trị, tr. 50). Sự trao đổi xã hội về vật phẩm là thế nào? Trước hết đó là trao đổi tư liệu sản xuất lấy vật phẩm tiêu dùng. Nhưng bằng cách nào mà làm sáng tỏ được sự trao đổi này, nếu người ta tách rời giá trị thặng dư *khỏi* tư liệu sản xuất và *khỏi* vật phẩm tiêu dùng? Bởi vì, giá trị thặng dư thể hiện hoặc là trong tư liệu sản xuất hoặc trong vật phẩm tiêu dùng! Há chẳng phải rõ ràng là một sự phân chia như vậy, - một sự phân chia không vững chắc về mặt lô-gích (vì nó lẫn lộn

1) — thế đấy!!

sự phân chia theo hình thức hiện vật của sản phẩm với sự phân chia theo những yếu tố của giá trị), - *đã làm lu mờ* quá trình trao đổi xã hội về vật phẩm, hay sao?*

8. Xtơ-ru-vê nói rằng tôi đã gán cho Mác cái lý luận tư sản có tính chất biện hộ của Xay - Ri-các-đô (52), lý luận về tính cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng (51), lý luận mâu thuẫn hiển nhiên với học thuyết Mác về sự tiến hóa và sự diệt vong cuối cùng của chủ nghĩa tư bản (51, 52); rằng, do đó, "lập luận hoàn toàn đúng" của tôi, về việc Mác, trong các quyển II và III, vạch rõ mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa việc mở rộng vô hạn sản xuất và việc tiêu dùng có hạn của quần chúng nhân dân, - lập luận đó đã "hoàn toàn vứt bỏ hẳn lý luận về thực hiện,... mà ở những chỗ khác" tôi lại là "người bênh vực".

Lời khẳng định ấy của Xtơ-ru-vê cũng hoàn toàn sai và đồng thời cũng là hậu quả của sự hiểu lầm mà ông ta đã mắc phải, như đã nói trên kia.

Xtơ-ru-vê đã căn cứ vào đâu mà bảo rằng tôi hiểu lý luận về thực hiện không phải là sự phân tích quá trình tái sản xuất và lưu thông của tổng tư bản xã hội, mà hiểu đó là một lý luận chỉ khẳng định rằng sản phẩm trao đổi lấy sản phẩm, một lý luận nói về sự cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng? Xtơ-ru-vê sẽ không thể nào dùng sự phân tích các bài báo của tôi mà chứng minh được rằng tôi đã hiểu lý luận về thực hiện theo ý nghĩa thứ hai, là vì tôi đã nói thẳng và rất rõ ràng chính tôi vẫn xét lý luận ấy theo ý nghĩa thứ nhất. Dưới đây là những điều đã viết trong bài "Bàn về đặc

* Chúng tôi xin nhắc lại cho độc giả nhớ rằng Mác chia toàn bộ sản phẩm xã hội ra làm hai khu vực theo hình thức hiện vật của sản phẩm: I) tư liệu sản xuất; II) vật phẩm tiêu dùng. Rồi, trong mỗi khu vực ấy, sản phẩm, xét theo những yếu tố cấu thành giá trị, lại chia ra làm ba bộ phận như sau: 1) tư bản bất biến; 2) tư bản khả biến; 3) giá trị ngoại ngạch.

điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế", trong chương tôi giải thích những sai lầm của Xmít và của Xi-xmôn-đi: "Vấn đề chính là xét xem người ta tiến hành *như thế nào* sự thực hiện, *nghĩa là* sự bù lại tất cả các bộ phận của sản phẩm xã hội. Vì vậy, mọi lập luận về tư bản xã hội và về thu nhập xã hội - hay nói cách khác, là: về sự thực hiện sản phẩm trong xã hội tư bản chủ nghĩa - phải bắt đầu từ chỗ phân chia thành... tư liệu sản xuất và vật phẩm tiêu dùng" ("Những bài nghiên cứu", 17)¹. "Vấn đề thực hiện, chính là ở chỗ phân tích xem về mặt giá trị và về mặt hình thái vật chất, tất cả các bộ phận của sản phẩm xã hội được *bù lại* như thế nào" (ib., 26)¹. Xtơ-ru-vê há chẳng lặp lại như thế hay sao khi ông ta viết - tuồng như là phản đối tôi - rằng lý luận mà chúng ta đương bàn tới đó "chỉ rõ kết cấu của sự thực hiện... một khi một sự thực hiện như thế được tiến hành" ("Bình luận khoa học", 62)? Phải chăng là tôi đã nói ngược lại cái lý luận *đó* mà tôi bênh vực, khi tôi nói rằng sự thực hiện "chỉ" diễn ra "giữa những khó khăn, giữa những biến động không ngừng đang ngày càng mạnh mẽ thêm cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, trong điều kiện một sự cạnh tranh kịch liệt, v.v." ("Những bài nghiên cứu", 27)(?)² - khi tôi nói rằng lý luận dân túy "không những chỉ chứng tỏ rằng lý luận không *hiểu biết gì về vấn đề thực hiện đó mà còn chứng tỏ rằng lý luận hiểu biết rất nông cạn về những mâu thuẫn vốn có của sự thực hiện đó*" (26 - 27)(?)² - khi tôi nói rằng sự thực hiện sản phẩm được tiến hành dựa vào tư liệu sản xuất nhiều hơn là dựa vào vật phẩm tiêu dùng, "đương nhiên đó là một mâu thuẫn, nhưng chính là cái mâu thuẫn tồn tại thực tế để ra từ ngay bản chất của chủ nghĩa tư bản" (24)² và "hoàn toàn

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 171, 184.

2) Như trên, tr. 186, 185, 180 - 181.

phù hợp với sứ mệnh lịch sử của chủ nghĩa tư bản và với cơ cấu xã hội đặc biệt của nó: cái thứ nhất" (nghĩa là sứ mệnh) "chính là phát triển lực lượng sản xuất của xã hội (sản xuất để sản xuất); cái thứ hai" (nghĩa là cơ cấu xã hội của chủ nghĩa tư bản) "cho quần chúng nhân dân không sử dụng được lực lượng sản xuất đó" (20)¹.

9. Về vấn đề những quan hệ giữa sản xuất và tiêu dùng trong xã hội tư bản chủ nghĩa, thì hình như giữa Xtơ-ru-vê và tôi không có sự bất đồng ý kiến nào. Nhưng khi Xtơ-ru-vê nói rằng luận điểm của Mác (luận điểm nói rằng tiêu dùng không phải là mục đích của sản xuất tư bản chủ nghĩa) "rõ ràng mang dấu vết tính chất luận chiến nói chung của toàn bộ hệ thống của Mác. Nó mang tính thiên hướng..." (53), - thì tôi kiên quyết không thừa nhận rằng những lời phát biểu như thế là thích hợp và có căn cứ. Tiêu dùng không phải là mục đích của sản xuất tư bản chủ nghĩa, đó là một sự thật. Mâu thuẫn giữa sự thật này và sự thật khác chỉ rõ rằng sản xuất, xét cho cùng, gắn liền với tiêu dùng, rằng cả trong xã hội tư bản chủ nghĩa cũng vậy, sản xuất phụ thuộc vào tiêu dùng, - mâu thuẫn ấy không nằm trong học thuyết, mà nằm trong đời sống thực tiễn. Lý luận về thực hiện của Mác sở dĩ có một giá trị khoa học to lớn, chính là vì nó vạch rõ mâu thuẫn ấy đã hình thành như thế nào, đặt mâu thuẫn đó lên hàng đầu. "Hệ thống của Mác" mang "tính chất luận chiến" không phải vì nó "mang tính thiên hướng"* mà vì nó mô tả một cách chính xác, về mặt lý luận, tất cả những mâu thuẫn trong đời sống. Vì vậy, tất cả những ý định tiếp thu.

* Thí dụ điển hình về những người à la A. Xcơ-voóc-txốp - là người nhận thấy tính thiên hướng trong lý luận của Mác về tỷ suất lợi nhuận trung bình - có thể dùng để phòng ngừa việc dùng những danh từ như thế.

1) Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 175.

"hệ thống của Mác" mà lại gác bỏ "tính chất luận chiến" của nó, thì hiện nay và sau này cũng đều thất bại cả: "tính chất luận chiến" của hệ thống chỉ phản ánh đúng cái "tính chất luận chiến" của bản thân chủ nghĩa tư bản mà thôi.

10. Xơ-ru-vê hỏi: "Ý nghĩa thực sự của lý luận về thực hiện là gì?" và ông ta dẫn ra ý kiến của Bun-ga-cốp cho rằng khả năng mở rộng sản xuất tư bản chủ nghĩa được thực hiện trên thực tế, mặc dầu phải kinh qua một loạt những cuộc khủng hoảng. Ông Bun-ga-cốp tuyên bố: "Sản xuất tư bản chủ nghĩa đang phát triển trên toàn thế giới". Xơ-ru-vê bẻ lại: "Lý lẽ này là hoàn toàn không có căn cứ. Là vì "việc mở rộng sản xuất tư bản chủ nghĩa" thực tế không diễn ra trong một nước tư bản chủ nghĩa lý tưởng hay biệt lập như Bun-ga-cốp giả định và, theo giả thuyết của Bun-ga-cốp, là một nước tự cấp tự túc, mà việc mở rộng đó diễn ra trên vũ đài của nền kinh tế thế giới, là nơi có sự va chạm giữa sự phát triển kinh tế ở những mức độ rất khác nhau và những hình thức sinh hoạt kinh tế khác nhau" (57).

Như vậy, sự bác bỏ của Xơ-ru-vê chung quy là như sau: trên thực tế, sự thực hiện không diễn ra trong một nước tư bản chủ nghĩa biệt lập tự cấp tự túc, mà diễn ra "trên vũ đài của nền kinh tế thế giới", nghĩa là bằng việc tiêu thụ sản phẩm sang các nước khác. Thật dễ dàng nhận ra rằng lời bác bỏ đó là dựa trên sai lầm. Nếu người ta không đóng khung vào thị trường trong nước (chủ nghĩa tư bản "tự cấp tự túc") mà lại căn cứ vào thị trường bên ngoài hay nếu ta xét nhiều nước chứ không phải chỉ xét một nước, thì vấn đề thực hiện có thay đổi chút nào chăng? Nếu chúng ta không nghĩ tới chuyện những nhà tư bản ném hàng của mình xuống biển hay đem hàng cho không những người nước ngoài, nếu chúng ta không lấy những trường hợp hay những thời kỳ cá biệt, có tính chất ngoại lệ, thì rõ ràng là chúng ta phải thừa nhận rằng có một sự thăng bằng nào đó giữa xuất khẩu và nhập khẩu. Trong trường hợp mà một

nước xuất khẩu một số sản phẩm, đem thực hiện sản phẩm đó "trên vũ đài của nền kinh tế thế giới", thì ngược lại, nước đó lại nhập khẩu những sản phẩm khác. Đúng về lý luận về thực hiện mà nói thì phải thấy rằng "ngoại thương chỉ thay những vật phẩm (Artikel - hàng hóa) bản xứ bằng những vật phẩm có một hình thức sử dụng khác và một hình thức tự nhiên khác" ("Das Kapital", II, 469.⁴² Do tôi trích dẫn ra trong tờ "Bình luận khoa học", tr. 38¹). Dù chúng ta xét vấn đề trong một nước duy nhất hay trong một số nước, thì điều đó cũng không làm cho ngay cả bản chất của quá trình thực hiện thay đổi gì cả. Cho nên, trong khi bác bỏ ông Bun-ga-cốp, Xơ-ru-vê mắc lại điều sai lầm cũ của phái dân túy là những kẻ vẫn gắn liền vấn đề thực hiện với vấn đề thị trường bên ngoài*.

Thực tế, giữa hai vấn đề này không có gì giống nhau hết. Vấn đề thực hiện là vấn đề trừu tượng, thuộc về lý luận về chủ nghĩa tư bản nói chung. Dù chúng ta xét vấn đề ấy trong một nước hay trên toàn thế giới, thì những quy luật cơ bản của sự thực hiện, do Mác tìm ra, cũng vẫn không thay đổi.

Vấn đề ngoại thương hay vấn đề thị trường bên ngoài là một vấn đề có tính chất lịch sử, là vấn đề những điều kiện cụ thể của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở nước này hay nước khác và trong thời kỳ này hay thời kỳ khác**.

II. Chúng ta hãy bàn thêm một chút về vấn đề mà Xơ-

* Tôi đã phân tích sai lầm này của phái dân túy trong "Những bài nghiên cứu" của tôi, tr. 25 - 29³.

** Ibid. Xem "Bình luận khoa học", số 1, tr. 37³.

1) Xem tập này, tr. 61.

2) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 182 - 189.

3) Xem tập này, tr. 59 - 60.

ru-vê "vấn lưu ý tới từ lâu": giá trị khoa học thực sự của lý luận về thực hiện là gì?

Giá trị khoa học thực sự của lý luận về thực hiện thì cũng giống hệt như giá trị khoa học của tất cả mọi luận điểm khác của lý luận trừu tượng của Mác. Nếu Xtơ-ru-vê cảm thấy lúng túng trước tình hình sau đây: "sự thực hiện hoàn hảo là lý tưởng của sản xuất tư bản chủ nghĩa, chứ không phải là hiện thực của nó", thì chúng tôi xin nhắc lại cho ông ta biết rằng tất cả mọi quy luật khác của chủ nghĩa tư bản do Mác tìm ra, cũng chỉ thể hiện, một cách đúng như thế, lý tưởng của chủ nghĩa tư bản thôi, chứ tuyệt nhiên không thể hiện hiện thực của chủ nghĩa đó. Mác viết: "Mục đích của chúng tôi, chỉ là thể hiện tổ chức bên trong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, có thể nói là chỉ thể hiện dưới dạng trung bình lý tưởng của nó mà thôi" ("in ihrem idealen Durchschnitt". "Das Kapital", III, 2, 367; bản dịch ra tiếng Nga, tr. 688)⁴³. Lý luận về tư bản giả định rằng người công nhân nhận được toàn bộ giá trị của sức lao động của mình. Đây là lý tưởng của chủ nghĩa tư bản, chứ tuyệt nhiên không phải là hiện thực của nó. Lý luận về địa tô giả định rằng toàn bộ dân cư nông nghiệp hoàn toàn phân chia thành địa chủ, nhà tư bản và công nhân làm thuê. Đây là lý tưởng của chủ nghĩa tư bản, chứ tuyệt nhiên không phải là hiện thực của nó. Lý luận về thực hiện giả định một sự phân bố sản xuất một cách có tỷ lệ cân đối. Đây là lý tưởng của chủ nghĩa tư bản, chứ tuyệt nhiên không phải là hiện thực của nó.

Giá trị khoa học của lý luận của Mác là ở chỗ nó làm sáng tỏ quá trình tái sản xuất và lưu thông của tổng tư bản xã hội. Ngoài ra, nó còn vạch rõ sự thể hiện của mâu thuẫn vốn có dưới đây của chủ nghĩa tư bản: sản xuất mở rộng ra rất lớn nhưng tuyệt nhiên tiêu dùng của quần chúng nhân dân lại không tăng lên một cách tương ứng. Cho nên lý luận của Mác không những không làm sống lại lý luận

biện hộ - tư sản (như Xtơ-ru-vê đã tưởng) mà trái lại, nó còn *cung cấp một vũ khí cực kỳ mạnh mẽ để chống lại lý luận biện hộ*. Từ lý luận ấy có thể rút ra được kết luận rằng *ngay cả* khi tái sản xuất và lưu thông của tổng tư bản xã hội có đều đặn và cân đối một cách lý tưởng chẳng nữa, thì mâu thuẫn giữa sự phát triển của sản xuất và phạm vi hạn chế của tiêu dùng cũng vẫn là điều không tránh khỏi. *Ngoài ra*, trên thực tế, quá trình thực hiện không diễn ra theo một sự cân đối đều đặn một cách lý tưởng, mà chỉ diễn ra giữa "những khó khăn", "những biến động", "những cuộc khủng hoảng", v. v. mà thôi.

Hơn nữa, lý luận về thực hiện của Mác cung cấp một vũ khí cực kỳ mạnh mẽ không những để chống lại lý luận biện hộ mà còn để chống lại sự phê phán phản động theo kiểu tiểu thị dân về chủ nghĩa tư bản. Chính sự phê phán ấy về chủ nghĩa tư bản, là sự phê phán mà những người dân tụy ở nước ta đã tìm cách hỗ trợ bằng cái lý luận sai lầm của họ về thực hiện. Còn quan niệm của Mác về thực hiện thì tất nhiên dẫn đến chỗ thừa nhận tính chất tiến bộ lịch sử của chủ nghĩa tư bản (phát triển tư liệu sản xuất và, do đó, phát triển lực lượng sản xuất của xã hội), nhưng không vì thế mà làm lu mờ, trái lại, còn làm sáng tỏ tính chất nhất thời lịch sử của chủ nghĩa tư bản.

12. "Về cái xã hội tư bản chủ nghĩa lý tưởng hay biệt lập tự cấp tự túc", Xtơ-ru-vê cho rằng ở đây không thể có tái sản xuất mở rộng được "vì nó không tìm đâu ra được những công nhân phụ thêm mà nó tuyệt đối cần đến".

Tôi không thể đồng ý một chút nào với ý kiến ấy của Xtơ-ru-vê. Ông ta đã không chứng minh và cũng không thể chứng minh được rằng việc rút một số công nhân phụ thêm trong đạo quân lao động trừ bị là một việc không thể làm được. Không thừa nhận rằng sự tăng lên tự nhiên của dân số có thể cung cấp được những công nhân phụ thêm,

ông ta tuyên bố một cách hoàn toàn vô căn cứ rằng: "tái sản xuất mở rộng, dựa trên sự tăng lên tự nhiên của dân số, đứng về phương diện số học mà nói, có lẽ không giống tái sản xuất giản đơn, nhưng đứng về phương diện thực tiễn tư bản chủ nghĩa mà nói, nghĩa là đứng về phương diện kinh tế, thì tái sản xuất mở rộng đó hoàn toàn ăn khớp với tái sản xuất giản đơn". Khi Xtơ-ru-vê nhận thấy là về mặt lý luận, người ta không thể chứng minh được rằng việc kiểm tra những công nhân phụ thêm là một việc không thể làm được, thì ông ta lảng tránh vấn đề bằng cách viện ra những điều kiện lịch sử và thực tiễn. Ông ta viết: "Tôi không nghĩ rằng Mác đã có thể giải quyết vấn đề lịch sử (!) trên cơ sở một cấu trúc thuần túy trừu tượng như thế"... "Chủ nghĩa tư bản tự cấp tự túc là một giới hạn không thể hình dung nổi về phương diện lịch sử (!)"... "Sự tăng cường độ lao động mà người ta có thể bắt buộc người công nhân phải chịu là một việc có giới hạn rất chặt hẹp không những về mặt thực tế, mà cả về mặt lô-gích nữa"... "Sự tăng năng suất lao động một cách liên tục không làm cho bản thân sự cường ép lao động bị yếu đi"...

Tính không hợp lô-gích của tất cả những điều quả quyết đó thì thật quá ư hiển nhiên! Trong số những người phản đối Xtơ-ru-vê, thì chưa có ở đâu và chưa hề bao giờ lại có một người nào thốt ra điều vô lý cho rằng người ta có thể giải quyết được một vấn đề lịch sử bằng những cấu trúc trừu tượng. Song, hiện nay, chính bản thân Xtơ-ru-vê đã đặt ra một vấn đề, tuyệt nhiên không phải là vấn đề lịch sử, mà là vấn đề hoàn toàn trừu tượng, một vấn đề thuần túy lý luận "về cái xã hội tư bản chủ nghĩa lý tưởng" (57). Chẳng phải rõ ràng là ông ta đã đơn thuần lẩn tránh vấn đề, đó sao? Dĩ nhiên, tôi không nghĩ đến việc không thừa nhận sự tồn tại của nhiều điều kiện lịch sử và thực tiễn (đấy là chưa nói đến những mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản), tức là những điều kiện dẫn tới và sẽ nhất định

dẫn tới sự sụp đổ của chủ nghĩa tư bản, và nói như thế đúng hơn là bảo rằng những điều kiện ấy dẫn tới chỗ biến chủ nghĩa tư bản hiện đại thành chủ nghĩa tư bản lý tưởng. Nhưng đối với vấn đề thuần túy lý luận "về cái xã hội tư bản chủ nghĩa lý tưởng", thì tôi vẫn giữ nguyên ý kiến trước đây của tôi cho rằng không có cơ sở lý luận nào để phủ nhận khả năng tiến hành tái sản xuất mở rộng trong một xã hội như thế.

13. "Các ông V. V. và N. - ôn nêu ra những mâu thuẫn và những trở ngại trong sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga, nhưng người ta chỉ cho các ông ấy xem những công thức của Mác và bảo các ông ấy: tư bản bao giờ cũng trao đổi lấy tư bản..." (bài đã dẫn của Xtơ-ru-vê, 62).

Điều đó được nói lên với một giọng hết sức chua cay. Chỉ đáng tiếc là sự việc lại được trình bày một cách hoàn toàn sai lệch. Phạm ai đã đọc quyển "Khái luận về kinh tế lý thuyết" của ông V. V. và đã đọc § XV, phần hai, quyển "Lược thảo" của ông N. - ôn, thì sẽ thấy rằng hai tác giả này chính là đã đặt vấn đề về thực hiện về mặt trừu tượng và lý luận, vấn đề về thực hiện sản phẩm trong xã hội tư bản chủ nghĩa nói chung. Đó là sự thật. Còn một sự thật nữa là: có những tác giả khác, để chống lại hai ông ấy, "đã cho rằng cần phải làm sáng tỏ trước hết những điểm cơ bản, có tính chất lý luận - trừu tượng của lý luận về thị trường" (đó là những lời đã được nói lên ngay từ những dòng đầu trong bài của tôi đăng trên tạp chí "Bình luận khoa học"). Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki đã bàn về lý luận về thực hiện trong chương sách của ông nói về những cuộc khủng hoảng, nhan đề là: "lý luận về thị trường". Bun-ga-cốp đặt nhan đề phụ cho sách của mình là: "bài nghiên cứu lý luận". Vậy, giữa những người phản đối Xtơ-ru-vê và bản thân Xtơ-ru-vê, ai đã lẩn lộn những vấn đề lý luận - trừu tượng, với những vấn đề lịch sử - cụ thể?

Trong cùng trang ấy của bài báo của mình, Xtơ-ru-vê dẫn ra một đoạn, trong đó tôi có chỉ ra rằng sự cần thiết phải có một thị trường bên ngoài không phải xuất phát từ những điều kiện của sự thực hiện mà xuất phát từ những điều kiện lịch sử. "Nhưng - Xtơ-ru-vê bẻ lại (đây là tiếng "nhưng" rất tiêu biểu!) - Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, Bun-ga-cốp và I-lin chỉ làm sáng tỏ được những điều kiện trừu tượng của sự thực hiện, chứ không làm sáng tỏ được những điều kiện lịch sử của sự thực hiện đó" (tr. 62). - Sở dĩ không một ai trong những tác giả ấy đề cập đến những điều kiện lịch sử, chính là vì họ muốn nói đến những vấn đề lý luận-trừu tượng, chứ không muốn nói đến những vấn đề lịch sử-cụ thể. Trong cuốn sách của tôi "Về sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga" ("Bản về thị trường trong nước của đại công nghiệp và về quá trình hình thành đại công nghiệp ở Nga"), hiện nay (III. 1899)¹⁾ đã in xong, tôi không đặt vấn đề lý luận về thị trường, mà đặt vấn đề thị trường trong nước của chủ nghĩa tư bản ở Nga. Cho nên trong cuốn sách đó, những chân lý trừu tượng của lý luận chỉ được dùng làm những nguyên lý chỉ đạo, những công cụ dùng để phân tích những tài liệu cụ thể mà thôi.

14. Xtơ-ru-vê "giữ nguyên vẹn quan điểm" của mình đối với lý luận về "những người thứ ba", lý luận mà ông ta đã trình bày trong tập "Những ý kiến phê phán" của mình. Về phần tôi, tôi vẫn giữ nguyên vẹn tất cả những điều tôi đã nói về vấn đề này, khi tập "Những ý kiến phê phán"⁴⁴ vừa xuất bản.

Ở trang 251 của tập "Những ý kiến phê phán", Xtơ-ru-vê nói rằng lập luận của ông V. V. "dựa trên cả một lý luận đặc thù về thị trường trong một xã hội tư bản chủ nghĩa đã

1) Xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 3.

hình thành rồi". Ông Xtơ-ru-vê nhận định: "Lý luận này là đúng, vì nó xác nhận rằng giá trị thặng dư không thể được thực hiện trong sự tiêu dùng của các nhà tư bản hay của công nhân, mà nó giả định sự tiêu dùng của những người thứ ba". Xtơ-ru-vê "hiểu" những người thứ ba này "ở Nga là những nông dân Nga làm ruộng" (tr. 61 của bài đăng trong "Bình luận khoa học").

Như vậy là ông V. V. đưa ra cả một lý luận đặc thù về thị trường trong một xã hội tư bản chủ nghĩa đã hình thành, thế mà người ta lại chỉ rõ cho ông ta về những nông dân Nga làm ruộng! Đó há chẳng phải là trộn lẫn vấn đề lý luận trừu tượng về thực hiện, với vấn đề lịch sử cụ thể về chủ nghĩa tư bản ở Nga hay sao? Sau nữa, nếu Xtơ-ru-vê thừa nhận lý luận của ông V. V. là đúng, dù chỉ đúng một phần thôi, thì điều đó có nghĩa là ông Xtơ-ru-vê bỏ qua những sai lầm lý luận cơ bản của ông V. V. trong vấn đề thực hiện; có nghĩa là ông Xtơ-ru-vê bỏ qua ý kiến sai lầm cho rằng "những khó khăn" của sự thực hiện tư bản chủ nghĩa sẽ chỉ đóng khung ở giá trị thặng dư hoặc sẽ chỉ gắn riêng với bộ phận giá trị ấy của sản phẩm mà thôi; có nghĩa là ông bỏ qua cái ý kiến sai lầm cho rằng vấn đề thị trường bên ngoài là gắn liền với vấn đề thực hiện.

Lời khẳng định của Xtơ-ru-vê cho rằng những người nông dân Nga làm ruộng, do phân hóa mà tạo ra một thị trường cho chủ nghĩa tư bản ở nước ta, - lời khẳng định đó hoàn toàn đúng (trong quyển sách nói trên kia, tôi đã chứng minh một cách chi tiết luận điểm này bằng cách phân tích những số liệu thống kê của các hội đồng địa phương). Những sự chứng minh luận điểm này về mặt lý luận không có gì liên quan với lý luận về thực hiện sản phẩm trong xã hội tư bản chủ nghĩa cả, mà liên quan với lý luận về sự hình thành một xã hội tư bản chủ nghĩa. Cũng cần chú ý

rằng danh từ "những người thứ ba" dùng để chỉ nông dân là một danh từ rất thông đạt, và có thể gây hiểu lầm. Nếu nông dân là "những người thứ ba" đối với công nghiệp tư bản chủ nghĩa, thì những nhà công nghiệp nhỏ và lớn, những chủ xưởng và công nhân đều là "những người thứ ba" đối với công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Mặt khác, những người nông dân làm ruộng, ("những người thứ ba") chỉ tạo ra một thị trường cho chủ nghĩa tư bản trong chừng mực họ đã phân hóa thành những giai cấp trong xã hội tư bản chủ nghĩa (giai cấp tư sản nông thôn và giai cấp vô sản nông thôn), nghĩa là chỉ trong chừng mực họ thôi không còn là những người "thứ ba" nữa mà trở thành những người *tác động* trong hệ thống tư bản chủ nghĩa.

15. Xto-ru-vê: "Bun-ga-cốp nhận xét một cách tế nhị rằng người ta không thể xác định được một sự khác nhau nào có tính chất nguyên tắc giữa thị trường trong nước và thị trường bên ngoài của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa". Tôi hoàn toàn đồng ý với nhận xét đó: thật vậy, một biên giới thuế quan hay biên giới chính trị thường chẳng có ích gì, khi cần phân biệt thị trường "trong nước" với thị trường "bên ngoài". Song vì những lý do mà tôi vừa nêu ra, tôi không thể đồng ý với Xto-ru-vê rằng "từ nhận xét đó, ta rút ra được... cái lý luận về sự cần thiết phải có những người thứ ba". Từ nhận xét đó chỉ có thể trực tiếp rút ra một đòi hỏi duy nhất là khi phân tích vấn đề chủ nghĩa tư bản, thì điều cần thiết là không nên bàn đến sự phân biệt cổ truyền giữa thị trường trong nước và thị trường bên ngoài. Không có căn cứ về phương diện thuần túy lý luận, cho nên sự phân biệt này đặc biệt không thể áp dụng được đối với những nước như nước Nga. Người ta có thể thay thế sự phân biệt đó bằng một sự phân biệt khác, chẳng hạn, phân biệt những mặt sau đây trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản: 1) sự hình thành và sự phát triển của

những quan hệ tư bản chủ nghĩa trong phạm vi một lãnh thổ nhất định, hoàn toàn có dân cư ở và bị chiếm giữ; 2) sự bành trướng của chủ nghĩa tư bản đến những lãnh thổ khác (mà một phần thì hoàn toàn chưa bị chiếm giữ, và hiện những người di dân từ nước cũ đến đang ở đó, còn một phần thì do những bộ lạc nằm ngoài thị trường thế giới và ngoài chủ nghĩa tư bản thế giới còn chiếm cứ). Mặt thứ nhất có thể gọi là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản theo bề sâu, và mặt thứ hai, là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản theo bề rộng*. Một sự phân biệt như vậy sẽ bao quát toàn bộ quá trình phát triển lịch sử của chủ nghĩa tư bản: một mặt là sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong những nước cũ là những nước trải qua bao thế kỷ đã dựng lên những hình thức khác nhau của quan hệ tư bản chủ nghĩa kể cả đến đại công nghiệp cơ khí; mặt khác là xu hướng mạnh mẽ của chủ nghĩa tư bản đã được phát triển, muốn lan dần đến những lãnh thổ khác, thực hiện di dân và khai khẩn những bộ phận đất đai mới của thế giới, lập những thuộc địa, lôi cuốn những bộ lạc mông muội vào trong cơn lốc của chủ nghĩa tư bản thế giới. Ở Nga, xu hướng đó của chủ nghĩa tư bản đã biểu hiện ra và vẫn tiếp tục biểu hiện ra một cách đặc biệt nổi bật ở các vùng biên khu của nước ta, những vùng mà công cuộc thực dân đã được đẩy rất mạnh sau cải cách, trong thời kỳ tư bản chủ nghĩa của lịch sử nước Nga. Miền Nam và miền Đông-Nam của phần nước Nga thuộc châu Âu, xứ Cáp-ca-dơ, miền Trung Á, xứ Xi-bi-ri, có thể nói, đều được dùng làm thuộc địa cho chủ nghĩa tư bản Nga và đảm bảo cho chủ nghĩa tư bản

* Cố nhiên là trên thực tế, hai mặt này gắn chặt chẽ với nhau, nếu đem tách rời hai mặt ấy ra thì đó chỉ là một điều trừu tượng, đó chỉ là một phương pháp để nghiên cứu một quá trình phức tạp mà thôi. Tác phẩm kể trên của tôi chỉ bàn riêng về mặt thứ nhất; xem ch. VIII, § V, trong tác phẩm đó.

Nga phát triển rất mạnh không những về bề sâu mà cả về bề rộng nữa.

Cuối cùng, sự phân biệt đề ra trên kia là tiện lợi, vì nó quy định rõ rệt phạm vi những vấn đề mà lý luận về thực hiện đề cập đến. Rõ ràng là lý luận về thực hiện này chỉ dính dáng đến mặt thứ nhất, đến sự phát triển của chủ nghĩa tư bản theo bề sâu. Để xây dựng những lập luận của mình, lý luận về thực hiện (nghĩa là lý luận giải thích quá trình tái sản xuất và lưu thông của tổng tư bản xã hội) tất nhiên phải lấy một xã hội tư bản chủ nghĩa đóng cửa mà xét, nghĩa là phải gạt ra không nói đến quá trình bành trướng của chủ nghĩa tư bản sang những nước khác, không nói đến quá trình trao đổi hàng hóa giữa nước này với nước khác, bởi vì quá trình ấy không góp phần gì vào việc giải quyết vấn đề thực hiện, và chỉ là di chuyển vấn đề từ một nước sang một vài nước. Cũng lại rõ ràng là lý luận trừu tượng về sự thực hiện phải lấy một xã hội tư bản đã phát triển một cách lý tưởng, làm điểm xuất phát.

Nói đến những sách báo mác-xít, Xtơ-ru-vê có nhận định khái quát như sau: "Những điệp khúc chính thống vẫn còn chiếm ưu thế, song chúng không thể bóp nghẹt được trào lưu phê phán mới, vì trong những vấn đề khoa học sức mạnh thực sự bao giờ cũng ở về phía phê phán, chứ không ở về phía tín ngưỡng". Như người ta đã thấy trong sự trình bày ở trên, chúng tôi buộc phải tin rằng "trào lưu phê phán mới" không bảo đảm cho người ta khỏi mắc phải những sai lầm cũ. Thôi, tốt hơn hết là chúng ta hãy cứ núp "dưới tư tưởng chính thống"! Chúng ta đừng tin điều nói rằng tư tưởng chính thống cho phép chúng ta tin bất cứ một cái gì, rằng tư tưởng chính thống gạt bỏ những sự vận dụng có tinh thần phê phán và gạt bỏ sự phát triển hơn nữa, rằng nó cho phép dùng những công thức trừu tượng để làm lu mờ những vấn đề lịch sử.

Nếu có những môn đồ nào của tư tưởng chính thống mà mắc phải những khuyết điểm thật sự nghiêm trọng ấy, thì lỗi đó là hoàn toàn tại bản thân họ, chứ tuyệt nhiên không phải là tại tư tưởng chính thống là tư tưởng rõ ràng có những phẩm chất hoàn toàn trái ngược lại.

*Viết xong vào nửa đầu tháng Ba
1899*

*In vào tháng Tám 1899 trên tạp
chí "Bình luận khoa học", số 8
Ký tên: V. I - lín*

Theo đúng bản in trên tạp chí

PHÊ BÌNH SÁCH

Karl Kautsky. Die Agrarfrage. Eine Uebersicht über die Tendenzen der modernen Landwirtschaft und die Agrarpolitik u.s.w. Stuttgart, Dietz, 1899¹⁾

Sau quyển III của bộ "Tư bản", cuốn sách của Cau-xky là tác phẩm xuất sắc nhất trong các sách kinh tế học hiện đại. Cho đến nay, học thuyết Mác còn thiếu một công trình nghiên cứu có hệ thống về chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Bây giờ, Cau-xky đã bổ khuyết thiếu sót đó bằng phần đầu của tác phẩm đồ sộ của ông (450 tr.), tức là phần nhan đề: "Sự phát triển của nông nghiệp trong xã hội tư bản" (từ tr. 1 đến tr. 300). Trong bài tựa, ông nói rất đúng rằng, về vấn đề chủ nghĩa tư bản nông nghiệp, người ta đã tích lũy được một khối "khổng lồ" những tài liệu thống kê và những tài liệu có tính chất miêu tả kinh tế; yêu cầu bức thiết là cần phải làm sáng tỏ "những khuynh hướng cơ bản" của sự tiến triển kinh tế trong lĩnh vực đó của nền kinh tế quốc dân, phải trình bày những hiện tượng khác nhau của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp như "những biểu hiện riêng của cùng một quá trình chung (tổng quá trình) duy nhất" (eines Gesamtprozesses). Thật thế, những hình thức của nông nghiệp và những quan hệ giữa dân cư nông thôn trong xã hội hiện nay, thì thật là nhiều và muôn màu muôn vẻ,

1) - *Các-lơ Cau-xky. Vấn đề ruộng đất*. Điềm qua những khuynh hướng của nền nông nghiệp hiện đại và chính sách ruộng đất, v. v. Stút-ga, Nhà xuất bản Đít-xơ, 1899

thành thử đối với một tác giả mà muốn rút ra trong bất cứ một tác phẩm nào hàng đống những tài liệu và sự kiện "chứng minh" cho quan điểm của mình, thì cũng không có gì khó khăn cả. Chính báo chí dân túy của chúng ta đã dùng phương pháp ấy để xây dựng nên cả một loạt luận cứ, cố sức chứng minh rằng kinh tế tiểu nông có sức sống, thậm chí còn hơn cả sản xuất lớn trong nông nghiệp nữa. Đặc điểm của lối lập luận đó là ở chỗ nó tách ra những sự kiện riêng rẽ và dẫn ra những trường hợp cá biệt, mà không tìm cách gắn liền những sự kiện và trường hợp đó với tình hình chung của toàn bộ chế độ ruộng đất ở các nước tư bản chủ nghĩa nói chung, với những khuynh hướng cơ bản của toàn bộ sự tiến triển hiện nay của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa. Cau-xky không phạm cái sai lầm thông thường đó. Từ hơn 20 năm nay, Cau-xky nghiên cứu vấn đề chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, nên đã thu thập được những tài liệu hết sức dồi dào; cụ thể là Cau-xky dựa vào số liệu của những cuộc điều tra nông nghiệp mới đây ở Anh, Mỹ, Pháp (1892) và Đức (1895) mà nghiên cứu. Nhưng không bao giờ ông bị lạc trong đống sự kiện đó, không bao giờ ông lãng quên mối liên hệ giữa một hiện tượng nhỏ nhất với cơ cấu chung của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa và với sự tiến triển chung của chủ nghĩa tư bản.

Cau-xky không đặt ra một vấn đề cục bộ, thí dụ vấn đề quan hệ giữa sản xuất lớn với sản xuất nhỏ trong nông nghiệp, mà đặt ra vấn đề chung như tư bản có chinh phục nông nghiệp hay không, có thay đổi những hình thức sản xuất và hình thức sở hữu trong nông nghiệp hay không, và quá trình đó thực ra đã diễn biến như thế nào. Cau-xky hoàn toàn thừa nhận tác dụng lớn lao của những hình thức nông nghiệp tiểu tư bản chủ nghĩa và phi tư bản chủ nghĩa trong xã hội hiện nay, và thừa nhận là cần thiết phải làm sáng tỏ những mối quan hệ giữa những hình thức đó với những hình thức thuần túy tư bản chủ nghĩa, nên Cau-xky mở đầu

việc nghiên cứu của mình bằng việc nêu lên một cách rất chính xác và rất sáng tỏ, đặc điểm của nền kinh tế nông dân gia trưởng và của nông nghiệp trong thời đại phong kiến. Sau khi xác định như vậy những điểm xuất phát của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, Cau-xky đề cập đến đặc điểm của "nông nghiệp hiện đại". Trước hết, nền nông nghiệp này được nghiên cứu về mặt kỹ thuật (chế độ luân canh, phân công, máy móc, phân bón, vi sinh vật học), và độc giả thấy hiện ra cả một bức tranh nổi bật về cuộc cách mạng vĩ đại mà chủ nghĩa tư bản đã thực hiện trong khoảng vài chục năm nay, biến nông nghiệp từ một nghề thủ cựu thành một *khoa học*. Tiếp đó là phần nghiên cứu "tính chất tư bản chủ nghĩa của nền nông nghiệp hiện đại", - một bản trình bày lý luận của Mác về lợi nhuận và địa tô, trình bày ngắn gọn và phổ thông nhưng hoàn toàn chính xác và hết sức xuất sắc. Cau-xky vạch ra rằng chế độ trang trại lớn và chế độ cầm cố chỉ là hai hình thức khác nhau của cùng một quá trình duy nhất đã được Mác nêu lên, quá trình tách những người chủ kinh doanh nông nghiệp ra khỏi những người chiếm hữu ruộng đất. Rồi Cau-xky nghiên cứu đến quan hệ giữa sản xuất lớn và sản xuất nhỏ, đồng thời nhận định rằng tính ưu việt về mặt kỹ thuật của sản xuất lớn đối với sản xuất nhỏ là điều rõ rệt, không thể chối cãi được. Cau-xky chứng minh luận điểm này một cách tường tận, và vạch ra một cách chi tiết rằng nền sản xuất nhỏ sở dĩ duy trì được trong nông nghiệp tuyệt nhiên không phải là vì có những ưu điểm kỹ thuật hợp lý, mà là vì người tiểu nông làm ăn vất vả hơn người công nhân làm thuê, và hạ mức nhu cầu của mình xuống dưới mức nhu cầu và mức sống của công nhân làm thuê. Về điểm này, những số liệu do Cau-xky dẫn ra để chứng thực thì rất bổ ích và hết sức nổi bật. Sau khi phân tích vấn đề các tổ hợp tác trong nông nghiệp, Cau-xky kết luận rằng các tổ hợp tác ấy đánh dấu một tiến bộ rõ rệt, nhưng đó là một bước quá độ lên chủ nghĩa tư bản, chứ

không phải là bước quá độ lên nền sản xuất công xã; những tổ hợp tác đó không làm giảm bớt, mà ngược lại, lại làm tăng tính ưu việt của sản xuất lớn đối với sản xuất nhỏ trong nông nghiệp. Thật là vô lý nếu hy vọng rằng, trong xã hội hiện nay, người nông dân có thể chuyển lên nền sản xuất công xã được. Thường thường, người ta viện dẫn những số liệu thống kê không chứng minh rằng kinh tế tiểu nông bị kinh tế đại nông lấn át, nhưng những số liệu ấy chỉ chứng minh rằng, trong nông nghiệp, sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản phức tạp nhiều hơn là trong công nghiệp. Và ngay trong công nghiệp nữa, khuynh hướng phát triển cơ bản luôn luôn xen lẫn với nhiều hiện tượng, như hiện tượng mở rộng lối gia công tư bản chủ nghĩa, v. v.. Trong nông nghiệp, cái làm cho sản xuất nhỏ không bị lấn át, thì trước hết là diện tích ruộng đất hạn chế; việc mua những khoảnh đất nhỏ để tạo ra một cơ sở kinh doanh lớn là một việc rất khó khăn; khi nông nghiệp có tính chất thâm canh, thì đôi khi, việc giảm diện tích trồng trọt vẫn đi đôi với việc tăng sản phẩm thu hoạch (vì vậy, nếu thống kê nào mà chỉ độc dựa trên những số liệu về diện tích trồng trọt, thì thống kê đó không chứng minh được gì mấy). Việc tích tụ sản xuất được tiến hành bằng cách mua nhiều ruộng đất và tập trung vào tay một điền chủ duy nhất; những đại điền trang thành lập theo cách đó đều là cơ sở cho một trong những hình thức cao nhất của đại nông nghiệp tư bản chủ nghĩa. Cuối cùng, chế độ đại chiếm hữu ruộng đất cũng không được lợi nếu hoàn toàn lấn át chế độ tiểu chiếm hữu ruộng đất: chế độ tiểu chiếm hữu này cung cấp nhân công cho chế độ đại chiếm hữu ấy! Vì vậy, bọn địa chủ và tư bản thường thông qua những đạo luật nhằm duy trì một cách nhân tạo kinh tế tiểu nông. Nền nông nghiệp nhỏ đứng vững được chừng nào nó không cạnh tranh với nông nghiệp lớn nữa, chừng nào nó trở thành nguồn cung cấp nhân công cho nông nghiệp lớn. Quan hệ giữa địa chủ với những người có ít

ruộng đất ngày càng giống như quan hệ giữa nhà tư bản với người vô sản. Cau-xky dành riêng một chương, có số liệu phong phú, để bàn về quá trình "vô sản hóa của nông dân", nhất là để bàn về vấn đề "những nghề phụ" của nông dân, nghĩa là các hình thức khác nhau của lao động làm thuê.

Sau khi vạch ra những nét cơ bản của bước đường phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp, Cau-xky chuyển sang việc chứng minh tính chất nhất thời lịch sử của chế độ kinh tế xã hội đó. Chủ nghĩa tư bản càng phát triển thì nông nghiệp thương phẩm (nông nghiệp hàng hóa) càng gặp những khó khăn lớn hơn. Độc quyền về sở hữu ruộng đất (địa tô), quyền thừa kế gia tài, chế độ con trưởng thừa kế⁴⁵, đều ngăn trở việc hợp lý hóa nền kinh tế nông nghiệp. Thành thị ngày càng bóc lột nông thôn, tước mất của những người chủ ruộng số nhân công ưu tú nhất, bòn rút một bộ phận ngày càng lớn hơn những của cải do dân cư nông thôn làm ra, do đó, dân cư này mất khả năng bù lại cho ruộng đất những cái mà họ đã lấy của ruộng đất. Nghiên cứu đặc biệt tỉ mỉ tình hình dân số nông thôn giảm sút, Cau-xky hoàn toàn thừa nhận rằng chính những doanh nghiệp trung nông là những doanh nghiệp ít bị ảnh hưởng nhất vì nạn thiếu nhân công, nhưng ông nói thêm ngay rằng "những người công dân tốt bụng" (chúng tôi có thể nói thêm: và phái dân túy Nga) sẽ nhầm khi họ vội hí hửng với tình hình ấy, khi họ thấy đó là bước đầu của sự phục hưng của nông dân, sự phục hưng chứng tỏ rằng lý luận Mác không thể áp dụng được vào nông nghiệp. Nếu nông dân ít bị ảnh hưởng vì nạn thiếu nhân công làm thuê, hơn là các giai cấp khác ở nông thôn, thì ngược lại, nông dân phải chịu khốn khổ một cách nghiêm trọng hơn nhiều vì nạn cho vay nặng lãi, vì những đảm phụ nặng nề, vì tính chất không hợp lý của kinh doanh của họ, vì đất mất dần màu mỡ đi, vì công việc quá vất vả và tiêu dùng thiếu thốn. Các quan điểm của

những nhà kinh tế học tiểu tư sản có khuynh hướng lạc quan đều bị sự thật sau đây bác bỏ một cách rõ ràng: không những công nhân nông nghiệp mà cả đến con cái nông dân nữa... cũng bỏ nông thôn, chạy ra thành thị! Nhưng cái đặc biệt làm thay đổi điều kiện của nền nông nghiệp châu Âu là sự cạnh tranh của lúa mì rẻ tiền nhập khẩu từ Mỹ, Ác-hen-ti-na, Ấn-độ, Nga, v. v.. Cau-xky nghiên cứu tỉ mỉ ý nghĩa của sự kiện đó, sự kiện phát sinh ra do sự phát triển của một nền công nghiệp đi tìm thị trường. Ông ta miêu tả sự giảm sút của sản xuất ngũ cốc ở châu Âu do ảnh hưởng của sự cạnh tranh đó gây ra, miêu tả tình hình địa tô giảm sút, và nghiên cứu đặc biệt tỉ mỉ việc "công nghiệp hóa nông nghiệp", là việc biểu hiện ra, một mặt, ở chỗ những người tiểu nông đi làm thuê trong công nghiệp, và mặt khác, ở sự tiến bộ của các ngành sản xuất nông nghiệp có dùng kỹ thuật (nấu rượu, lọc đường, v. v.) và cả ở việc ngành công nghiệp chế biến lán át một số ngành nông nghiệp. Cau-xky nói rằng các nhà kinh tế học lạc quan đã nhầm, khi họ tưởng rằng những sự thay đổi về hình dạng đó trong nền nông nghiệp châu Âu có thể cứu vãn nền nông nghiệp ấy khỏi khủng hoảng: khủng hoảng ngày càng lan rộng không ngừng và chỉ có thể kết thúc bằng một cuộc tổng khủng hoảng của toàn bộ chủ nghĩa tư bản. Dĩ nhiên, điều đó tuyệt nhiên không cho ta có quyền nói rằng nông nghiệp bị tiêu vong, nhưng tính chất bảo thủ của nền nông nghiệp đó đã vĩnh viễn mất đi rồi; nền kinh tế nông nghiệp biến đổi không ngừng, đây là đặc điểm của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa nói chung. "Một bộ phận rất lớn ruộng đất được dùng cho nền sản xuất nông nghiệp lớn, tính chất tư bản chủ nghĩa của nền sản xuất này thì ngày càng tăng; việc cho thuê và cầm cố ruộng đất tăng thêm, nông nghiệp được công nghiệp hóa, - đây là những yếu tố chuẩn bị cơ sở cho việc xã hội hóa sản xuất nông nghiệp..." Cau-xky viết trong phần kết luận: thực là vô lý, nếu tưởng rằng một bộ phận của

xã hội thì phát triển theo hướng này, còn một bộ phận khác lại phát triển theo một hướng ngược lại. Thực ra, "trong nông nghiệp, sự phát triển xã hội cũng đi theo cùng một hướng như trong công nghiệp".

Khi đem những kết quả của sự phân tích lý luận của mình áp dụng vào các vấn đề chính sách ruộng đất, Cau-xky dĩ nhiên là phản đối mọi mưu toan ủng hộ và "cứu vãn" nền kinh tế nông dân. Cau-xky nói là không có lý do gì để tin rằng công xã nông thôn có thể chuyển lên đại nông nghiệp công xã được (tr. 338, mục: "Der Dorfkommunismus"¹⁾; xem tr. 339). "Bảo vệ nông dân (Der Bauernschutz) không có nghĩa là bảo vệ *con người* nông dân" (dĩ nhiên là chẳng có ai chống lại một sự bảo vệ như thế), mà là bảo vệ *sở hữu* của nông dân. Trong khi đó chính sở hữu của nông dân lại là nguyên nhân chủ yếu khiến cho nông dân bị bần cùng hóa và bị hạ thấp. Ngay từ bây giờ, công nhân nông nghiệp làm thuê thường thường đã sống khá hơn người tiêu nông. Việc bảo vệ nông dân không bảo vệ nông dân thoát khỏi nạn nghèo đói, mà là bảo vệ những xiềng xích cột chặt nông dân vào nạn nghèo đói" (tr. 320). Việc chủ nghĩa tư bản tiến hành quá trình cải tạo một cách căn bản toàn bộ nền nông nghiệp chỉ mới bắt đầu, nhưng quá trình đó tiến triển nhanh chóng, làm cho nông dân biến thành người lao động làm thuê và thúc đẩy tình hình nông dân rời bỏ nông thôn. Mọi mưu toan kìm hãm quá trình đó sẽ là những mưu toan có tính chất phản động và có hại: dù hậu quả của quá trình đó trong xã hội hiện nay có nặng nề đến thế nào đi nữa, nhưng ngăn chặn quá trình đó lại thì sẽ mang đến những hậu quả tai hại hơn nữa và hãm nhân dân lao động vào một tình trạng còn khốn khổ và tuyệt vọng hơn nữa. Trong xã hội hiện nay, mục tiêu duy nhất mà hoạt động tiến bộ chỉ có thể nhằm tới, là làm giảm ảnh hưởng tai hại của sự phát

1) - "Chủ nghĩa cộng sản nông thôn"

triển tư bản chủ nghĩa đối với dân cư, là tăng cường sự giác ngộ và khả năng tự vệ tập thể của dân cư lên. Vì lẽ đó nên Cau-xky nhấn mạnh đến những biện pháp sau đây: phải đảm bảo quyền tự do đi lại, v. v., xóa bỏ mọi tàn tích của chế độ phong kiến trong nông nghiệp (thí dụ, chế độ Gesindeordnungen¹⁾ đặt công nhân nông nghiệp làm thuê vào tình trạng lệ thuộc cá nhân và biến họ thành nửa nông nô), cấm không được thuê mướn trẻ con dưới 14 tuổi, quy định làm việc 8 tiếng mỗi ngày, kiểm tra nghiêm ngặt vệ sinh nhà ở của công nhân, v. v., v. v..

Mong rằng cuốn sách của Cau-xky cũng sẽ được xuất bản bằng tiếng Nga⁴⁶.

*Viết xong vào tháng Ba trước
ngày 21 (2 tháng Tư) 1899*

*In vào tháng Tư 1899 trên tạp
chí "Bước đầu", số 4
Ký tên: Vl. I-lin*

Theo đúng bản in trên tạp chí

1) — điều khoản pháp luật quy định mối quan hệ giữa chúa đất và nông nô

CHỦ NGHĨA TƯ BẢN TRONG
NÔNG NGHIỆP

(BÀN VỀ CUỐN SÁCH CỦA CAU-XKY
VÀ VỀ BÀI BÁO CỦA ÔNG BUN-GA-CỐP)⁴⁷

*Viết xong vào khoảng giữa ngày
4 (16) tháng Tư và ngày 9 (21)
tháng Năm 1899*

*In vào tháng Giêng- tháng Hai
1900 trên tạp chí "Đời sống"
Ký tên: Vl. I-lin và Vlad. I-lin*

Theo đúng bản in trên tạp chí



Bìa tạp chí "Đời sống" đã đăng bài của V. I. Lê-nin
"Chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp". - 1900
Ảnh thu nhỏ

BÀI THỨ NHẤT

Số 1 - 2 của tạp chí "Bước đầu" (phần II, tr. 1 đến tr. 21) đã đăng một bài của ông X. Bun-ga-cốp: "Bàn về sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp", phê phán tác phẩm của Cau-xky về vấn đề ruộng đất. Ông Bun-ga-cốp hoàn toàn có lý khi nói rằng "cuốn sách của Cau-xky là cả một thế giới quan" và có một tầm quan trọng lớn về lý luận và về thực tiễn. Đây hầu như là công trình nghiên cứu đầu tiên, có hệ thống và có tính chất khoa học, về một vấn đề đã và đang tiếp tục gây ra những cuộc tranh luận sôi nổi trong tất cả các nước, thậm chí trong số những nhà sáng tác nhất trí với nhau trên những quan điểm chung và đều tự xưng là những nhà mác-xít. Ông Bun-ga-cốp "chỉ tiến hành một sự phê phán có tính chất phủ nhận", phê phán "những luận điểm riêng trong cuốn sách của Cau-xky" (mà ông ta trình bày "tóm tắt", - chúng ta sẽ thấy rằng ông ta giới thiệu cuốn sách đó với độc giả tờ "Bước đầu" một cách quá tóm tắt và rất sai lệch). Ông ta hy vọng "sau này" "sẽ trình bày một cách có hệ thống vấn đề tiến triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp", và như thế là đem "cả một thế giới quan" khác đối lập lại Cau-xky.

Chúng tôi tin chắc rằng, cả ở Nga nữa, cuốn sách của Cau-xky cũng sẽ gây ra nhiều cuộc tranh luận giữa những người mác-xít, cả ở Nga nữa, cũng sẽ có những người chống lại Cau-xky và những người tán thành ông ta. Dù sao, tác giả

của bài này cũng hoàn toàn phản đối quan điểm của ông Bun-ga-cốp, phản đối cách đánh giá của ông ta đối với cuốn sách của Cau-xky. Mặc dù ông Bun-ga-cốp thừa nhận tác phẩm "Die Agrarfrage"¹⁾ "là một tác phẩm xuất sắc", nhưng ông bày tỏ quan điểm của mình một cách gay gắt lạ thường và bằng một giọng ít thấy trong những cuộc bút chiến giữa những tác giả có khuynh hướng gần gũi nhau. Đây là một vài thí dụ về những lời mà ông Bun-ga-cốp dùng: "cực kỳ nông cạn"... "ít có chất nông học chân chính, cũng như ít chất kinh tế học chân chính" ... "Cau-xky dùng *những câu nói suông*" (do ông Bun-ga-cốp viết ngả!!) "để lẩn tránh những vấn đề khoa học nghiêm túc", v. v., v. v.. Vậy chúng ta hãy nghiên cứu những lời của nhà phê bình quá ư nghiêm khắc đó, đồng thời giới thiệu với độc giả cuốn sách của Cau-xky.

I

Ngay trước khi công kích Cau-xky, ông Bun-ga-cốp nhân tiện đó cũng đã chê trách Mác khá mạnh. Cố nhiên là ông nhấn mạnh những công lao to lớn của nhà kinh tế học vĩ đại, nhưng ông nhận xét rằng, "thỉnh thoảng" người ta thậm chí thấy Mác có "những quan niệm sai lầm... mà lịch sử đã bác bỏ hoàn toàn". "Thí dụ như trong số những quan niệm đó, có quan niệm cho rằng trong nông nghiệp cũng hết như trong công nghiệp chế biến, tư bản khả biến giảm đi so với tư bản bất biến, do đó mà cấu thành hữu cơ của tư bản nông nghiệp tăng lên không ngừng". Ở đây, ai lầm, Mác hay ông Bun-ga-cốp? Ông Bun-ga-cốp có ý muốn nói đến hiện tượng này: trong nông nghiệp, sự tiến bộ kỹ thuật và sự phát triển của chế độ thâm canh thường dẫn đến kết quả là làm *tăng thêm* số lượng lao động cần thiết để canh tác một diện tích nhất định. Đây là điều không thể chối cãi

1) - "Vấn đề ruộng đất"

được. Nhưng, nếu do đó mà bác bỏ lý luận cho rằng tư bản khả biến giảm đi *so với* tư bản bất biến, và giảm sút *theo tỷ lệ* với tư bản bất biến, thì cũng chưa hẳn đã đúng.

Học thuyết của Mác chỉ khẳng định rằng tỷ số $\frac{v}{c}$ (v = tư bản khả biến, c = tư bản bất biến) biểu lộ một xu hướng chung là giảm xuống, dù rằng v có tăng lên theo đơn vị diện tích cũng vậy; thế thì điều đó có bác bỏ được học thuyết của Mác không, nếu như đồng thời, c còn tăng nhanh hơn nữa? Xét toàn bộ nền nông nghiệp của các nước tư bản chủ nghĩa, thì chúng ta nhận thấy v có giảm sút và c có tăng lên. Dân số nông thôn và số công nhân nông nghiệp giảm đi cả ở Đức, cả ở Pháp lẫn ở Anh nữa, trong khi đó thì máy móc dùng trong nông nghiệp tăng lên. Thí dụ, ở Đức, dân số nông thôn từ năm 1882 đến 1895 đã sụt từ 19 200 000 xuống 18 500 000 (số công nhân nông nghiệp từ 5 900 000 giảm xuống còn 5 600 000), số máy móc dùng trong nông nghiệp thì tăng từ 458 369 lên 913 391*; số máy hơi nước dùng trong nông nghiệp từ 2 731 (1879) tăng lên 12 856 (1897); số mã lực hơi nước còn tăng nhiều hơn nữa. Số súc vật có sừng tăng từ 15 800 000 lên đến 17 500 000 và số lợn tăng từ 9 200 000 lên đến 12 200 000 (năm 1883 và 1892). Ở Pháp, dân số nông thôn từ 6 900 000 người ("nông dân độc lập") năm 1882, sụt xuống còn 6 600 000 người năm 1892, trong khi đó thì số máy móc nông nghiệp tăng như sau: năm 1862 - 132 784; năm 1882 - 278 896; năm 1892 - 355 795; số súc vật có sừng: 12 000 000, 13 000 000, 13 700 000; số ngựa: 2 910 000, 2 840 000, 2 790 000 (trong thời kỳ 1882 - 1892 số ngựa giảm ít hơn so với sự giảm sút của dân số nông thôn). Như vậy, nói chung, nói về những nước tư bản hiện nay thì lịch sử không những đã không bác bỏ, mà trái lại còn *chứng thực* rằng có thể áp dụng được quy

* Đây là kê gộp tất cả những máy móc khác nhau. Các số liệu đều lấy ở cuốn sách của Cau-xky, trừ những chỗ có ghi chú đặc biệt.

luật của Mác vào nông nghiệp. Ông Bun-ga-cốp sai lầm vì đã quá hấp tấp đem những sự kiện nông học riêng lẻ đề lên thành những quy luật kinh tế chung, mà không tìm hiểu ý nghĩa của những sự kiện đó. Chúng tôi nhấn mạnh chữ "chung", vì Mác cũng như các môn đồ của Mác bao giờ cũng chỉ xem quy luật đó là một quy luật thể hiện những xu hướng chung của chủ nghĩa tư bản, chứ hoàn toàn không xem quy luật đó là một quy luật có giá trị đối với tất cả mọi trường hợp cá biệt. Ngay đối với công nghiệp, chính bản thân Mác cũng đã vạch ra rằng theo sau những thời kỳ cải tiến kỹ thuật (trong thời kỳ đó, tỷ số $\frac{v}{c}$ giảm xuống), là những thời kỳ phát triển trên một cơ sở kỹ thuật nhất định (trong thời kỳ đó, tỷ số $\frac{v}{c}$ không thay đổi, và có trường hợp, có thể tăng lên). Trong lịch sử công nghiệp của các nước tư bản, chúng ta thấy có những trường hợp quy luật đó không còn thích dụng cho cả những ngành công nghiệp nữa. Thí dụ, khi những xưởng tư bản lớn (mà người ta gọi một cách không chính xác là công xưởng) tan rã và nhường chỗ cho chế độ gia công tư bản chủ nghĩa. Hoàn toàn chắc chắn rằng, đối với nông nghiệp thì quá trình phát triển tư bản chủ nghĩa còn vô cùng phức tạp hơn nhiều và còn mang những hình thức vô cùng phong phú hơn nhiều.

Bây giờ nói đến Cau-xky. Bức phác họa về nền nông nghiệp trong thời kỳ phong kiến - đoạn mở đầu cuốn sách của ông - phải chăng là "rất nông cạn và thừa". Khó mà hiểu được lý do của một lời buộc tội như vậy. Chúng tôi tin chắc rằng, nếu ông Bun-ga-cốp thực hiện được dự định của ông ta và trình bày một cách có hệ thống vấn đề sự phát triển tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp, thì ông ta không thể không phác họa những đặc điểm cơ bản của nền kinh tế nông nghiệp *tiền tư bản chủ nghĩa*. Nếu không thì người ta sẽ không hiểu được tính chất của nền kinh tế *tư bản chủ*

nghĩa, và cũng không hiểu được những hình thức quá độ gắn liền nền kinh tế đó với nền kinh tế phong kiến. Chính bản thân ông Bun-ga-cốp cũng thừa nhận tầm quan trọng lớn lao của "hình thức của nông nghiệp, trong bước đầu (do ông Bun-ga-cốp viết ngả) của đoạn đường phát triển tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp". Cau-xky đã bắt đầu nghiên cứu chính từ "cái bước đầu của đoạn đường phát triển tư bản chủ nghĩa" trong nền nông nghiệp châu Âu. Bức phác họa của ông về nền nông nghiệp phong kiến, theo chúng tôi, thì rất tài tình: với một sự rành rọt xuất sắc, với tài khéo léo, ông đã chọn lấy cái căn bản và chủ yếu mà không sa vào những chi tiết phụ là đặc điểm vốn có của tác giả ấy. Trong lời nói đầu, Cau-xky trước hết đưa ra cách đặt vấn đề một cách rất chính xác và rất đúng. Ông tuyên bố một cách hết sức dứt khoát rằng: "Tuyệt đối chắc chắn là - chúng tôi sẵn sàng công nhận điều này a priori (von vornherein¹⁾) là một điều đã được chứng minh rồi - nông nghiệp không phát triển theo cùng một kiểu với công nghiệp: nó tuân theo những quy luật đặc biệt" (S².) 5 - 6). Nhiệm vụ đề ra là "nghiên cứu xem tư bản có khống chế nông nghiệp hay không, và thực ra nó khống chế như thế nào, nó cải tạo nông nghiệp như thế nào, nó làm cho những hình thức sản xuất và những hình thức sở hữu cũ trở thành không thích hợp như thế nào, và tất nhiên nó phải làm nảy sinh ra những hình thức sản xuất mới và những hình thức sở hữu mới như thế nào" (S. 6). Đặt vấn đề như thế, và chỉ có đặt vấn đề như thế mới có thể giải thích được một cách thỏa đáng "sự phát triển của nông nghiệp trong xã hội tư bản chủ nghĩa" (đầu đề của phần đầu, phần lý luận, của cuốn sách của Cau-xky).

Trong bước đầu của "đoạn đường phát triển tư bản chủ nghĩa" nền nông nghiệp nằm trong tay *nông dân*, và người nông dân này, nói chung, bị chế độ kinh tế của xã hội phong kiến chi phối. Vì vậy mà Cau-xky nêu rõ, trước hết, *chế độ*

1) — một cách tiên nghiệm (ngay từ đầu)

2) — Seiten - những trang

kinh tế nông dân, sự kết hợp công việc đồng áng với công nghiệp gia đình, rồi nêu rõ những yếu tố chứng tỏ sự tan rã của cái pa-ra-đi¹⁾ đó của các tác giả tiểu tư sản và bảo thủ (à la Xi-xmôn-đi), nêu rõ tác dụng của hoạt động cho vay nặng lãi, "sự xâm nhập" từng bước một của "đối kháng giai cấp vào trong nông thôn, vào trong lòng bản thân nền kinh tế nông dân, - đối kháng đang làm tan vỡ sự cân đối trước kia và lợi ích chung trước kia" (S. 13). Quá trình này đã bắt đầu từ thời trung cổ và hiện nay vẫn còn chưa hoàn toàn kết thúc. Chúng tôi nhấn mạnh lời tuyên bố ấy, vì nó vạch ngay ra được tất cả sự sai lầm của lời khẳng định của ông Bun-ga-cốp cho rằng Cau-xky hình như đã không đặt ngay cả vấn đề: ai là người đã đem lại tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp. Cau-xky đã đặt vấn đề đó ra và đã làm sáng tỏ được vấn đề đó một cách rất rõ ràng, và độc giả nào chú ý đọc kỹ cuốn sách của ông thì đều hiểu cái sự thực này (mà những người dân tụy, những nhà nông học và nhiều người khác thường lại hay quên) là: *giai cấp tư sản nông thôn*, không kể nhỏ hay lớn, đều đem lại tiến bộ kỹ thuật trong nông nghiệp hiện nay, nhưng (như Cau-xky đã vạch rõ) về mặt này tư sản lớn đóng một vai trò quan trọng hơn tư sản nhỏ.

II

Sau đó, (trong chương III) Cau-xky phác họa những nét cơ bản về nền nông nghiệp phong kiến: chế độ luân canh ba khu rất thịnh hành, đó là một chế độ canh tác hết sức bảo thủ; bọn quý tộc đại địa chủ áp bức và tước đoạt nông dân; bọn này tổ chức ra một nền kinh tế phong kiến - tư bản chủ nghĩa; nông dân trở thành nghèo đói (Hungerleider) trong những thế kỷ XVII và XVIII; một tầng lớp nông dân tư sản (Grossbauern, tầng lớp này không thể không thuê mướn

1) — thiên đường

cổ nông và người làm công nhật) phát triển, những hình thức cũ của quan hệ nông thôn và của chế độ sở hữu ruộng đất đều không thích hợp với tầng lớp đó nữa; giai cấp tư sản hình thành cùng với sự phát triển của công nghiệp và của các thành phố, đã phá hủy những hình thức đó và mở đường cho "một nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, thâm canh" (S. 26). Sau khi đã mô tả như vậy, Cau-xky nêu lên đặc điểm của "nền nông nghiệp hiện đại (moder-ne)" (chương IV).

Chương này phác họa một cách đặc biệt chính xác, cô đọng và sáng tỏ cuộc cách mạng to lớn mà chủ nghĩa tư bản đã thực hiện trong nông nghiệp. Cuộc cách mạng này đã làm cho kỹ thuật thủ cựu của người nông dân - những người bị đần độn vì khốn cùng, bị đọa đày vì ngu dốt - biến thành một sự vận dụng nông học một cách khoa học, đã khuấy động tình trạng đình trệ lâu đời của nông nghiệp, đã thúc đẩy (và tiếp tục thúc đẩy) những lực lượng sản xuất của lao động xã hội phát triển nhanh chóng. Chế độ luân canh ba khu được thay thế bằng chế độ luân canh liên tiếp, việc chăn nuôi gia súc và phương pháp canh tác đã được cải tiến và năng suất trồng trọt đã tăng lên; việc chuyên môn hóa nông nghiệp, cũng như sự phân công giữa các cơ sở kinh doanh, đã được tăng cường rất nhiều. Tính chất đơn điệu tiền tư bản chủ nghĩa đã nhường chỗ cho tính chất muôn màu muôn vẻ ngày càng tăng, đi đôi với tiến bộ kỹ thuật trong tất cả các ngành nông nghiệp. Trong nông nghiệp, việc sử dụng máy móc và hơi nước đã được bắt đầu và phát triển nhanh chóng, người ta đã bắt đầu dùng điện mà tác dụng của nó - theo ý kiến các chuyên gia - so với hơi nước trong lĩnh vực nông nghiệp thì còn to lớn hơn nhiều. Người ta mở thêm nhiều đường sá đi lại, đẩy mạnh việc cải tạo chất đất và việc sử dụng phân bón nhân tạo căn cứ theo những số liệu về sinh lý thực vật; người ta bắt đầu áp dụng vi sinh vật học vào nông nghiệp. Ông Bun-ga-cốp cho rằng

Cau-xky "đã không phân tích về mặt *kinh tế* những tài liệu đó*", - lời nói đó của ông Bun-ga-cốp hoàn toàn không có căn cứ. Cau-xky vạch ra một cách chính xác mối liên hệ giữa cuộc cách mạng đó với sự lớn lên của *thị trường* (nói riêng là sự lớn lên của các thành phố) và với tình trạng nông nghiệp bị lệ thuộc vào *một sự cạnh tranh bắt buộc phải* cải tạo và chuyên môn hóa nông nghiệp. Cau-xky viết rằng: "Từ tư bản thành thị mà ra, cuộc cách mạng đó làm tăng sự lệ thuộc của người kinh doanh nông nghiệp đối với thị trường và, hơn nữa, làm cho không ngừng thay đổi những điều kiện thị trường là những điều kiện có một tác dụng trọng yếu đối với người kinh doanh nông nghiệp. Chừng nào mà thị trường gắn nhất của một ngành sản xuất nào đó, vẫn chỉ được nối liền với thị trường thế giới bằng đường bộ thôi, thì ngành sản xuất đó vẫn có lợi, nhưng nếu có đường sắt chạy qua vùng đó, thì ngành sản xuất ấy sẽ hoàn toàn không có lợi nữa và sẽ bị một ngành khác thay thế. Thí dụ, nếu đường sắt chở đến lúa mì rẻ tiền hơn, thì sản xuất ngũ cốc không còn có lợi nữa, nhưng đồng thời, người ta thấy có khả năng bán được sữa. Nhờ lưu thông hàng hóa phát triển, nên có thể đưa vào nước mình những

* Ông Bun-ga-cốp cho rằng "tất cả những tài liệu ấy có thể rút ra từ bất cứ (sic!)¹⁾ cuốn giáo khoa nào về kinh tế nông nghiệp". Chúng tôi không tán thành ý kiến của ông Bun-ga-cốp tán dương "các sách giáo khoa" như thế. Hãy lấy trong "bất cứ những cuốn giáo khoa nào đó", hai cuốn sách Nga của ông N. Ca-blu-cốp ("Những bài giảng", mà một nửa được in lại trong cuốn sách "mới" "Về những điều kiện phát triển của nền kinh tế nông dân ở Nga"). Trong cả hai cuốn sách đó, độc giả đều không thấy mô tả cuộc cách mạng mà *chủ nghĩa tư bản* đã thực hiện trong nông nghiệp, vì cả hai tác giả đều không hề nghĩ đến mô tả một cách khái quát bước quá độ từ nền kinh tế phong kiến sang nền kinh tế tư bản chủ nghĩa.

1) — thế đấy!

loại cây mới, đã được cải tiến", v. v. (S. 37 - 38). Cau-xky viết tiếp: "Trong thời đại phong kiến, không có chế độ canh tác nào khác ngoài chế độ canh tác quy mô nhỏ, vì địa chủ cũng canh tác bằng những nông cụ của nông dân. Chủ nghĩa tư bản khiến có thể tạo ra, lần đầu tiên, một nền sản xuất lớn trong nông nghiệp, hợp lý hơn về mặt kỹ thuật so với nền sản xuất nhỏ". Khi nói về máy móc nông nghiệp, Cau-xky (nhân tiện xin nói rằng Cau-xky đã vạch ra một cách chính xác những đặc điểm của nông nghiệp về mặt này) đã giải thích tính chất *tư bản chủ nghĩa* của việc sử dụng máy móc nông nghiệp, ảnh hưởng của chúng đối với người công nhân, tác dụng của chúng về mặt là nhân tố tiến bộ, "tính chất phản động và không tưởng" của những dự án muốn hạn chế việc sử dụng máy móc nông nghiệp. "Máy móc nông nghiệp sẽ tiếp tục phát huy tác dụng cải tạo của chúng: chúng sẽ xua công nhân nông nghiệp vào thành phố, do đó chúng là một công cụ mạnh mẽ, một mặt, để nâng cao tiền công ở nông thôn, mặt khác, để tiếp tục mở rộng việc sử dụng máy móc trong nông nghiệp" (S. 41). Xin nói thêm rằng trong những chương riêng, Cau-xky giải thích tỉ mỉ cả tính chất tư bản chủ nghĩa của nền nông nghiệp hiện nay, cả quan hệ của nền sản xuất lớn đối với nền sản xuất nhỏ, lẫn sự vô sản hóa của nông dân. Như ta đã thấy, ông Bun-ga-cốp đã khẳng định một cách hoàn toàn không có căn cứ, khi ông nói Cau-xky "không đặt vấn đề tìm hiểu vì sao tất cả những biến đổi kỳ diệu ấy đã trở thành tất yếu".

Trong chương V ("Tính chất tư bản chủ nghĩa của nền nông nghiệp hiện đại"), Cau-xky trình bày lý luận của Mác về giá trị, lợi nhuận và địa tô. Cau-xky viết: "Không có tiền thì không thể có sản xuất nông nghiệp hiện đại được, hay nói cách khác, *không có tư bản* thì không thể có sản xuất nông nghiệp hiện đại được. Thực vậy, với phương thức sản xuất hiện nay, bất cứ món tiền nào mà không đem tiêu dùng cho cá nhân thì đều có thể chuyển thành tư bản được,

nghĩa là chuyển thành một giá trị để ra giá trị thặng dư, và thông thường thì món tiền đó thực sự chuyển thành tư bản. Do đó, sản xuất nông nghiệp hiện đại là một nền sản xuất tư bản chủ nghĩa" (S. 56). Đoạn văn đó cũng cho phép chúng ta đánh giá đúng lời tuyên bố sau đây của ông Bun-ga-cốp: "Tôi dùng từ ngữ này (nông nghiệp tư bản chủ nghĩa) theo nghĩa thông thường của nó (Cau-xky cũng dùng từ ngữ này theo nghĩa đó), tức là theo nghĩa nền kinh doanh lớn trong nông nghiệp. Nhưng thực ra (sic!), khi *toàn bộ* nền kinh tế quốc dân được tổ chức theo phương thức tư bản chủ nghĩa thì nói chung không có một nền nông nghiệp nào là *phi* tư bản chủ nghĩa cả, vì nền nông nghiệp đó *hoàn toàn* bị những điều kiện tổ chức chung của sản xuất quyết định, và chỉ trong những giới hạn của nền nông nghiệp đó mới có thể phân biệt được một nền nông nghiệp lớn có tính chất kinh doanh, với một nền nông nghiệp nhỏ. Để cho sự trình bày được rõ ràng, ở đây cũng cần phải dùng một từ ngữ mới". Thế là ông Bun-ga-cốp đã *sửa* quan điểm của Cau-xky... "Nhưng thực ra", như độc giả đã thấy, Cau-xky *tuyệt nhiên không dùng* danh từ "nông nghiệp tư bản chủ nghĩa" theo nghĩa "thông thường" và không chính xác mà ông Bun-ga-cốp đã dùng. Cau-xky hoàn toàn hiểu, và ông cũng đã nói lên điều đó một cách rất chính xác và rõ ràng, rằng với phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thì mọi nền sản xuất nông nghiệp "thông thường" đều là sản xuất tư bản chủ nghĩa. Ý kiến đó của ông dựa trên một sự thật đơn giản là nền nông nghiệp hiện nay đòi hỏi phải có tiền, và trong xã hội hiện đại, tiền nào mà không đem tiêu dùng cho cá nhân thì đều chuyển thành tư bản. Chúng tôi thấy điều đó còn hơi sáng tỏ hơn cái "điểm sửa chữa" của ông Bun-ga-cốp, và Cau-xky đã chứng minh đầy đủ rằng không cần phải dùng đến "danh từ mới".

Trong chương V của cuốn sách của mình, Cau-xky còn quả quyết rằng cả chế độ thuê ruộng đất đã phát triển rất đầy đủ ở Anh, cả chế độ cầm cố phát triển một cách nhanh

chóng lạ thường ở lục địa châu Âu; về thực chất, cả hai chế độ ấy đều biểu hiện cùng một quá trình, tức là: *quá trình người kinh doanh nông nghiệp bị tách khỏi ruộng đất**. Trong chế độ trang trại lớn tư bản chủ nghĩa, quá trình tách khỏi ruộng đất đó rõ ràng như ban ngày. Trong chế độ cầm cố, quá trình đó "không rõ ràng bằng và sự việc không phải cũng đơn giản như vậy, nhưng về thực chất, thì cũng thế thôi" (S. 86). Thực vậy, rõ ràng đem cầm ruộng, tức là đem cầm hoặc bán địa tô. Do đó, trong chế độ cầm cố cũng như trong chế độ cho thuê ruộng, những người thu địa tô (= chủ ruộng) tách khỏi những người thu lợi nhuận kinh doanh (= người kinh doanh nông nghiệp, chủ xí nghiệp nông nghiệp). Theo ông Bun-ga-cốp, thì "lời khẳng định đó của Cau-xky nói chung không rõ nghĩa". Ông ta nói: "Vị tất có thể chứng minh được rằng chế độ cầm cố thể hiện sự tách ruộng đất khỏi người kinh doanh nông nghiệp". "Một là, không thể chứng minh được rằng tiền nợ nuốt mất *toàn bộ* địa tô, điều đó chỉ trong trường hợp ngoại lệ mới có thể xảy ra thôi... "Về điều đó, chúng tôi trả lời như sau: hoàn toàn không cần phải chứng minh rằng số lợi tức về các món nợ cầm cố nuốt mất *toàn bộ* địa tô, cũng như không cần thiết phải chứng minh rằng tiền thuê *thực tế* thì ngang với địa tô. Chỉ cần chứng minh rằng, nợ cầm cố tăng lên nhanh chóng lạ thường, rằng những người chủ ruộng ra sức cầm cố toàn bộ ruộng đất của họ và mong muốn bán cho hết toàn bộ địa tô. Không còn nghi ngờ gì nữa, khuynh hướng đó hiện đang tồn tại, - mà sự phân tích lý luận trong kinh tế học, nói chung, chỉ có thể bàn đến các khuynh hướng mà

* Trong quyển III bộ "Tư bản", Mác đã vạch ra quá trình đó (nhưng không phân tích *những hình thức* khác nhau tùy theo các nước), và Mác đã nói rằng "sự tách rời ruộng đất - với tính cách là điều kiện sản xuất - khỏi chế độ sở hữu ruộng đất và khỏi người chủ ruộng" là "một trong những kết quả lớn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa" (III, 2, 156 - 157. Bản dịch ra tiếng Nga, tr. 509 - 510)⁴⁸.

thời. Do đó, người ta cũng không thể nào nghi ngờ gì về sự tồn tại của quá trình tách ruộng đất khỏi người kinh doanh nông nghiệp. Một người vừa thu địa tô, vừa thu lợi nhuận kinh doanh, "đấy chỉ là một ngoại lệ, xét về mặt lịch sử" (ist historisch eine Ausnahme, S. 91)... "Hai là, đối với mỗi trường hợp cụ thể, phải phân tích những nguyên nhân và nguồn gốc của việc vay nợ, để hiểu rõ ý nghĩa của nó". Ở đây, có lẽ là in nhầm hoặc nói lỡ lời. Ông Bun-ga-cốp không thể đòi hỏi nhà kinh tế học (hơn nữa, nhà kinh tế học này lại viết về "sự phát triển của nông nghiệp trong xã hội tư bản chủ nghĩa" *nói chung*) phải tìm hoặc chỉ ít có thể nghiên cứu nguyên nhân của việc vay nợ "trong mỗi trường hợp cụ thể". Nếu ông Bun-ga-cốp muốn nói đến sự cần thiết phải phân tích những nguyên nhân của việc vay nợ trong các nước và các thời kỳ khác nhau thì chúng tôi không thể đồng ý với ông được. Cau-xky hoàn toàn có lý khi ông ta nói rằng, người ta đã viết quá nhiều sách chuyên nghiên cứu về vấn đề ruộng đất rồi, nên bây giờ nhiệm vụ lý luận cấp thiết hiện nay hoàn toàn không phải là viết thêm những tập sách chuyên nghiên cứu mới nữa, mà là "nghiên cứu những xu hướng cơ bản của bước tiến triển tư bản chủ nghĩa của toàn bộ nền nông nghiệp" (Vorrede, S. VI¹). Trong số những xu hướng cơ bản đó, chắc chắn là có cái xu hướng tách rời ruộng đất khỏi người kinh doanh nông nghiệp, biểu hiện dưới hiện tượng là nợ cầm cố tăng lên. Cau-xky đã xác định một cách chính xác và sáng tỏ về cái ý nghĩa thật sự của sự cầm cố, tính chất tiến bộ lịch sử của nó (tách ruộng đất khỏi người kinh doanh nông nghiệp là một trong những điều kiện để xã hội hóa nông nghiệp, S. 88), vai trò tất yếu của nó trong bước tiến triển tư bản chủ nghĩa của nền nông nghiệp*.

* Số nợ cầm cố ruộng đất tăng lên tuyệt nhiên không phải luôn luôn là một dấu hiệu của tình trạng nông nghiệp suy sụp... Sự tiến bộ

1) — Lời tựa, tr. VI

Vấn đề này, tất cả những lập luận của Cau-xky đều có một giá trị lý luận rất lớn, và là một vũ khí mạnh mẽ để chống lại lời nói rỗng tuếch khá phổ biến của bọn tư sản (nhất là trong "bất cứ cuốn giáo khoa nào về kinh tế nông nghiệp") về "những tai hại" của việc vay nợ và về "những biện pháp cứu trợ"... Ông Bun-ga-cốp kết luận: "Ba là, ruộng đất thuê có thể lại được đem cầm cố và do đó mà ở vào địa vị không phải là ruộng đất thuê". Lý lẽ kỳ lạ thật! Xin ông Bun-ga-cốp hãy cứ đưa ra một hiện tượng kinh tế nào, một phạm trù kinh tế nào mà lại không chằng chịt với những hiện tượng và những phạm trù khác. Những trường hợp vừa là ruộng đất thuê mượn vừa là ruộng đất cầm cố, vẫn không bác bỏ được và thậm chí cũng không làm yếu được cái nguyên lý nói rằng quá trình tách ruộng đất khỏi người kinh doanh nông nghiệp biểu hiện dưới hai hình thức: chế độ thuê ruộng đất và chế độ nợ cầm cố ruộng đất.

Theo ông Bun-ga-cốp thì luận điểm sau đây của Cau-xky còn "đáng ngạc nhiên hơn nữa" và "hoàn toàn sai lầm", luận điểm đó nói rằng "trong những nước mà chế độ thuê ruộng đất phát triển, thì chế độ sở hữu ruộng đất lớn cũng chiếm ưu thế" (S. 88). Ở đây, Cau-xky nói đến sự tập trung sở hữu ruộng đất (dưới chế độ thuê ruộng đất) và sự tập trung cầm cố (dưới chế độ tự kinh doanh lầy), coi đó là một điều kiện khiến cho chế độ tư hữu về ruộng đất bị xóa bỏ dễ dàng. Cau-xky nói tiếp rằng, về vấn đề tập trung sở hữu ruộng đất, thì không có thống kê nào "cho phép ta thấy được có một sự tập trung nhiều doanh nghiệp trong tay một người", nhưng "nói chung, người ta có thể thừa nhận" rằng đi đôi với sự tập trung sở hữu ruộng đất thì hiện tượng cho

và sự phồn vinh của nền nông nghiệp đều (cũng như sự suy sụp của nó) "phải biểu hiện ở chỗ là số nợ cầm cố tăng lên, - một là, vì nông nghiệp, trong thời kỳ phát triển của nó, ngày càng cần nhiều tư bản; hai là, vì địa tô tăng lên, khiến cho tín dụng nông nghiệp mở rộng" (S. 87).

thuê đất và diện tích ruộng đất cho thuê cũng tăng lên. "Trong những nước mà chế độ cho thuê ruộng đất phát triển, thì chế độ đại chiếm hữu ruộng đất cũng chiếm ưu thế". Rõ ràng là tất cả lập luận đó của Cau-xky chỉ nói về những nước mà chế độ thuê ruộng đất phát triển, nhưng ông Bun-ga-cốp lại dẫn chứng Đông Phổ, là nơi ông ta "hy vọng vạch ra" rằng chế độ thuê ruộng đất đã phát triển song song với sự chia nhỏ những đại điền trang, và bằng thí dụ cá biệt đó, ông ta có ý muốn bác Cau-xky đấy! Duy có điều đáng trách là ông Bun-ga-cốp đã quên nói cho độc giả biết rằng chính Cau-xky cũng đã vạch ra tình trạng chia nhỏ những đại điền trang và sự phát triển của chế độ nông dân thuê đất, ở phía Đông sông En-bơ, và đồng thời giải thích ý nghĩa thật sự của những quá trình đó, như chúng ta sẽ thấy sau đây.

Cau-xky dựa vào sự tập trung của các sở cầm cố ruộng đất để chứng minh sự tập trung của chế độ hữu ruộng đất trong những nước có chế độ nợ cầm cố ruộng đất. Ông Bun-ga-cốp cho rằng điều đó không chứng minh cái gì hết. Theo ông ta thì "tình trạng tư bản bị phân tán (thông qua các cổ phần) đi đôi với sự tập trung của các sở tín dụng, là điều có thể dễ xảy ra". Về vấn đề này, chúng tôi sẽ không tranh luận với ông Bun-ga-cốp.

III

Sau khi đã nghiên cứu những nét cơ bản của nền nông nghiệp phong kiến và nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, Cau-xky đề cập đến vấn đề "sản xuất lớn và sản xuất nhỏ" (ch. VI) trong nông nghiệp. Đây là một trong những chương hay nhất trong cuốn sách của Cau-xky. Mở đầu chương này, ông phân tích "tính ưu việt về mặt kỹ thuật của nền sản xuất lớn". Khi xác định tính ưu việt của sản xuất lớn, Cau-xky hoàn toàn không đề ra một công thức trừu tượng nào,

không đếm xỉa gì đến tính muôn màu muôn vẻ của những quan hệ nông nghiệp (như ông Bun-ga-cốp đã tưởng một cách hết sức vô căn cứ), mà trái lại, Cau-xky đã vạch ra một cách sáng tỏ và chính xác rằng phải chú ý đến tính nhiều vẻ đó khi áp dụng một quy luật lý luận vào thực tiễn. Trong nông nghiệp, sản xuất lớn là hơn hẳn sản xuất nhỏ, đó là điều không thể tránh được, - "*dĩ nhiên là như thế*" nhưng chỉ "*trong trường hợp những điều kiện khác giống nhau*" (S. 100. Do tôi viết ngả). Đây là điểm thứ nhất. Ngay cả trong công nghiệp nữa, quy luật về tính ưu việt của sản xuất lớn cũng không phải là tuyệt đối và đơn giản đến mức như đôi khi người ta vẫn tưởng; ở đây cũng vậy, chỉ trong trường hợp "*những điều kiện khác*" giống nhau (trong thực tế, không phải là luôn luôn như vậy) thì quy luật đó mới có thể hoàn toàn ứng dụng được. Còn đối với nông nghiệp mà đặc điểm là có những quan hệ vô cùng phức tạp hơn và nhiều vẻ hơn, thì khả năng làm cho quy luật về sự hơn hẳn của sản xuất lớn phát huy tác dụng đầy đủ, lại còn bị đặt trong những điều kiện chặt chẽ hơn nhiều. Thí dụ, Cau-xky đã nhận xét rất đúng rằng tại ranh giới giữa doanh nghiệp nông dân và doanh nghiệp nhỏ của địa chủ, diễn ra "một sự biến đổi từ lượng thành chất": doanh nghiệp lớn của nông dân có thể "ưu việt hơn, nếu không phải là về mặt kỹ thuật thì cũng phải là về mặt kinh tế", so với doanh nghiệp nhỏ của địa chủ. Nuôi một người quản lý có kiến thức khoa học (một trong những ưu thế chủ yếu của nền sản xuất lớn) là một gánh quá nặng cho những doanh nghiệp nhỏ, và sự quản lý trực tiếp của người chủ thì thường chẳng khác gì sự quản lý của một "gioong-ke", và không có lấy một chút tính chất khoa học nào cả. Hai là, trong nông nghiệp tính ưu việt của nền sản xuất lớn chỉ có trong một hạn độ nhất định. Cau-xky nghiên cứu tỉ mỉ hạn độ này trong phần tiếp của bản trình bày của ông. Dĩ nhiên, những hạn độ đó cũng thế, không giống nhau đối với những ngành nông nghiệp khác nhau và trong những

điều kiện kinh tế và xã hội khác nhau. Ba là, Cau-xky hoàn toàn không bỏ qua một điều là, "*hiện còn*" có những ngành nông nghiệp mà các chuyên viên thừa nhận rằng trong đó sản xuất nhỏ có thể tiến hành cạnh tranh được, thí dụ như ngành trồng rau, trồng nho, trồng cây thương phẩm, v.v. (S. 115). Nhưng những ngành nông nghiệp đó có một ý nghĩa hoàn toàn thứ yếu so với những ngành chính (entscheidenden): sản xuất ngũ cốc và chăn nuôi. Ngoài ra, "ngay cả trong những ngành trồng nho và trồng rau, hiện nay cũng đã có những doanh nghiệp lớn khá phổ biến" (S. 115). Vì vậy, "nếu bàn về nông nghiệp nói chung (im allgemeinen), thì không nên kể đến những ngành mà trong đó nền sản xuất nhỏ có ưu thế so với nền sản xuất lớn, và người ta hoàn toàn có quyền nói rằng nền sản xuất lớn hơn hẳn nền sản xuất nhỏ" (S. 116).

Sau khi đã chứng minh tính ưu việt về mặt kỹ thuật của nền sản xuất lớn trong nông nghiệp (sau đây, chúng tôi sẽ trình bày chi tiết hơn về những lý lẽ của Cau-xky bằng cách phân tích những lời bác bỏ của ông Bun-ga-cốp), Cau-xky tự hỏi: "nền sản xuất nhỏ có cái gì để chống lại ưu thế của nền sản xuất lớn không?". Rồi ông trả lời: "đó là sự chuyên cần hơn và sự chăm sóc cần mẫn hơn của người lao động, người này làm cho bản thân - đây là điểm anh ta khác với người làm thuê - và sau đó là mức nhu cầu rất thấp của người tiểu nông độc lập, thấp hơn cả mức nhu cầu của công nhân nông nghiệp nữa" (S. 106). Rồi, bằng một loạt số liệu rõ rệt về đời sống của nông dân ở Pháp, ở Anh và ở Đức, Cau-xky đã chứng minh một sự thật không thể nghi ngờ được là: "một sự lao động quá độ và mức tiêu dùng không đầy đủ trong nền sản xuất nhỏ". Sau cùng, ông vạch ra rằng xu hướng của các nhà kinh doanh nông nghiệp muốn lập ra *các tổ hợp tác* cũng đã nói lên tính ưu việt của nền sản xuất lớn: "nền sản xuất hiệp tác là sản xuất lớn". Ai nấy đều biết, các nhà tư tưởng của tầng lớp tiểu thị dân nói chung, và

đặc biệt là phái dân túy Nga (chỉ cần nhắc lại cuốn sách đã dẫn chứng ở trên của ông Ca-blu-cốp cũng đủ rõ) đã say mê như thế nào các hợp tác xã của những người tiểu nông. Do đó, đoạn phân tích xuất sắc của Cau-xky về tác dụng của hợp tác xã lại càng có ý nghĩa. Hợp tác xã của những người tiểu nông hiển nhiên là một khâu trong quá trình tiến bộ kinh tế, nhưng nó thể hiện *bước chuyển sang chủ nghĩa tư bản* (Fortschritt zum Kapitalismus) *chứ hoàn toàn không phải là bước chuyển sang chủ nghĩa tập thể*, như người ta thường nghĩ và thường khẳng định (S. 118). Hợp tác xã chẳng những đã không làm giảm bớt tính ưu việt (Vorsprung) của nền sản xuất lớn đối với nền sản xuất nhỏ trong nông nghiệp, mà lại tăng cường tính ưu việt đó, vì những người kinh doanh lớn có nhiều khả năng tổ chức hợp tác xã hơn và lợi dụng khả năng đó được nhiều hơn. Cau-xky thừa nhận - đây là điều dĩ nhiên - một cách hoàn toàn dứt khoát tính ưu việt của nền sản xuất lớn công xã, tập thể, đối với nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa. Ông nghiên cứu những thí nghiệm về kinh doanh nông nghiệp tập thể, đã được các môn đồ của Ô-oen* tiến hành ở Anh; và nghiên cứu những công xã tương tự ở Hợp chúng quốc Bắc Mỹ. Cau-xky nói rằng tất cả những thí nghiệm đó *chứng minh một cách dứt khoát* rằng những người lao động hoàn toàn có thể tổ chức được việc kinh doanh nông nghiệp tập thể quy mô lớn, hiện đại, nhưng muốn biến khả năng đó thành hiện thực, thì cần phải có "cả một loạt những điều kiện kinh tế, chính trị và văn hóa nhất định". Điều ngăn trở những người sản xuất nhỏ (thợ thủ công cũng như nông dân) chuyển sang sản xuất tập thể, là ở chỗ họ kém phát triển về mặt đoàn kết và kỷ luật, họ ở trong tình trạng biệt lập, họ mang đầu óc "cuồng

* Ở trang 124 - 126, Cau-xky tả công xã nông nghiệp Ra-la-hin (Ralahine) mà ông Đi-ô-nê-ô cũng đã từng nói cho độc giả Nga biết trong số 2, tờ "Cửa cải nước Nga"⁴⁹, xuất bản năm nay.

tín của người tư hữu"; nhưng tính chất ấy, không những người ta thấy có ở người nông dân Tây Âu mà - chúng tôi xin nói thêm - có cả ở những nông dân "công xã" Nga (bạn đọc hãy nhớ lại A. En-ghe-nhác và Gl. U-xpen-xki) nữa. Cau-xky tuyên bố dứt khoát rằng: "Trong *xã hội hiện nay* mà hy vọng người nông dân chuyển sang sản xuất công xã, thì thật là vô lý" (S. 129).

Đây là nội dung hết sức phong phú của chương VI trong cuốn sách của Cau-xky. Ông Bun-ga-cốp đặc biệt không bằng lòng chương này. Ông nói với chúng ta rằng Cau-xky là người đã phạm một "sai lầm chủ yếu" là nhầm lẫn những khái niệm khác nhau: "những ưu thế về kỹ thuật bị nhầm lẫn với những ưu thế về kinh tế". Cau-xky "xuất phát từ giả định sai lầm cho rằng phương pháp sản xuất hoàn thiện hơn về mặt kỹ thuật, thì cũng hoàn thiện hơn, - nghĩa là cũng có sức sống hơn, - cả về mặt kinh tế". Lời suy luận dứt khoát đó của ông Bun-ga-cốp là hoàn toàn vô căn cứ; chúng tôi hy vọng rằng độc giả cũng đã thấy rõ như thế, sau khi chúng tôi trình bày lý lẽ của Cau-xky. Ông này tuyet nhiên không hề nhầm lẫn kỹ thuật với kinh tế*, và đã

* Điểm duy nhất ông Bun-ga-cốp có thể dựa vào là *đầu đề* mà Cau-xky đặt cho mục đầu, chương VI là: "a) tính ưu việt về mặt kỹ thuật của nền sản xuất lớn", nhưng trong đó lại bàn cả về ưu việt kỹ thuật và ưu việt kinh tế của nền sản xuất lớn. Nhưng điều này phải chăng chứng tỏ rằng Cau-xky nhầm lẫn kỹ thuật với kinh tế? Và lại, nói cho đúng thì còn có một vấn đề là xét xem liệu có một sự không chính xác nào trong đầu đề mục của Cau-xky không? Thực tế là Cau-xky nhầm mục đích so sánh nội dung của mục 1 và mục 2 của chương VI: mục 1 (a) bàn về ưu việt kỹ thuật của nền sản xuất lớn trong nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, và ở đây, ngoài mấy mớ, v. v. ra, thì còn có, chẳng hạn, tin dụng nữa. Ông Bun-ga-cốp nói mỉa: "một thứ ưu việt kỹ thuật đặc thù". Nhưng rira bien qui rira le dernier!¹⁾ Hãy xem qua cuốn sách của Cau-xky, bạn đọc sẽ thấy rằng tác giả chủ yếu muốn nói đến sự tiến bộ trong kỹ thuật của tin dụng (và cả ở đoạn sau nữa, trong kỹ thuật của thương nghiệp), mà chỉ có người kinh doanh theo quy mô lớn mới

1) — cười người hôm trước hôm sau người cười!

hoàn toàn có lý khi nghiên cứu vấn đề những mối tương quan giữa nền sản xuất lớn và nền sản xuất nhỏ trong nông nghiệp, trong những điều kiện khác giống nhau, trong khuôn khổ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Ngay từ câu đầu trong mục đầu của chương VI, Cau-xky đã vạch ra một cách chính xác mối liên hệ đó giữa trình độ phát triển của chủ nghĩa tư bản với mức độ của khả năng vận dụng phổ biến quy luật tính ưu việt của nền nông nghiệp lớn: "Nông nghiệp mà càng trở thành có tính chất tư bản chủ nghĩa thì nó càng làm tăng thêm sự khác nhau về chất lượng giữa kỹ thuật của nền sản xuất nhỏ với kỹ thuật của sản xuất lớn" (S. 92). Trong nền nông nghiệp tiền tư bản chủ nghĩa không có sự khác nhau về chất lượng đó. Thế thì, đoạn phê phán nghiêm khắc sau đây của ông Bun-ga-cốp đối với Cau-xky là như thế nào: "Thực tế, phải đặt vấn đề như sau: trong cuộc cạnh tranh giữa nền sản xuất lớn và nền sản xuất nhỏ, dưới những điều kiện kinh tế và xã hội nhất định, thì những đặc điểm này hay những đặc điểm khác của mỗi hình thức sản xuất đó có ý nghĩa như thế nào?". Đây là một "điểm sửa chữa" không khác gì điểm sửa chữa mà chúng ta đã nghiên cứu ở trên.

Bây giờ chúng ta hãy xem ông Bun-ga-cốp bác bẻ như thế nào những lý lẽ mà Cau-xky đã đưa ra để chứng minh tính ưu việt về mặt kỹ thuật của nền sản xuất lớn trong nông nghiệp. Cau-xky nói: "Một trong những điểm khác nhau quan trọng nhất làm cho nông nghiệp phân biệt với công nghiệp, là ở chỗ trong nông nghiệp, sản xuất - theo nghĩa đen của nó (Wirtschaftsbetrieb, kinh doanh kinh tế) -

có thể dùng kỹ thuật đó được. Ngược lại, mục 2 (c) so sánh số lượng lao động và tiêu chuẩn tiêu dùng của người lao động trong nền sản xuất lớn và nền sản xuất nhỏ; vậy là ở đây, người ta nghiên cứu những sự khác nhau thuần túy về kinh tế giữa sản xuất nhỏ và sản xuất lớn. Mặt kinh tế của tin dụng và của thương nghiệp trong hai nền sản xuất nhỏ và lớn thì giống nhau, nhưng mặt kỹ thuật thì khác.

thường gắn liền với kinh tế gia đình (Haushalt), còn trong công nghiệp thì không phải như vậy". Mà một nền kinh tế gia đình lớn hơn thì có ưu thế hơn một nền kinh tế nhỏ, gia đình, về mặt tiết kiệm lao động và vật liệu, điều đó thì vị tất phải chứng minh... Kinh tế lớn gia đình thì mua (hãy chú ý điểm này! V. I.) "dầu hỏa, rau diếp và dầu ăn theo cách mua sỉ còn kinh tế nhỏ gia đình thì mua lẻ, v.v." (S. 93). Ông Bun-ga-cốp "sửa chữa": "Cau-xky không muốn nói là có lợi hơn về mặt kỹ thuật, mà muốn nói mua như vậy thì *giá* rẻ hơn"!... Há chẳng phải rõ ràng là ngay cả trong trường hợp này cũng vậy (cũng như trong tất cả mọi trường hợp khác), ông Bun-ga-cốp đã quá ư thất bại trong mưu toan muốn "sửa chữa" Cau-xky hay sao? Nhà phê phán nghiêm khắc đó đã nói tiếp: "Lý lẽ đó tự nó cũng rất không vững, vì trong những trường hợp nhất định, giá trị của những túp nhà riêng lẻ có thể hoàn toàn không nhập vào giá trị của sản phẩm, còn giá trị của túp nhà công cộng thì nhập vào giá trị sản phẩm, mà lại còn có lợi nữa. Điều đó cũng phụ thuộc vào những điều kiện kinh tế và xã hội mà ta phải nghiên cứu, chứ không nên bám chặt vào cái gọi là ưu việt kỹ thuật của sản xuất lớn đối với sản xuất nhỏ...". Một là, ông Bun-ga-cốp quên một chi tiết là Cau-xky bắt đầu từ chỗ nghiên cứu tầm quan trọng so sánh giữa nền sản xuất lớn và nền sản xuất nhỏ, *trong những điều kiện khác giống nhau*, rồi phân tích tỉ mỉ cả những điều kiện ấy trong đoạn sau của bản trình bày của ông. Như thế là ông Bun-ga-cốp muốn nhét những vấn đề khác nhau vào trong cùng một bị. Hai là, bằng cách nào mà giá trị của các túp nhà của nông dân lại không thể được tính vào giá trị của sản phẩm? Chỉ là do ở chỗ người nông dân "không tính" giá trị của gỗ hay của lao động của mình trong việc xây dựng và sửa chữa túp nhà. Chừng nào mà người nông dân còn ở trong nền kinh tế tự nhiên, thì dĩ nhiên là anh ta có thể "không tính" lao động của mình, và ông Bun-ga-cốp

đã sai lầm quên không nói cho độc giả biết rằng *Cau-xky đã chỉ rõ điểm này một cách hoàn toàn sáng tỏ và chính xác trong các trang 165 - 167 của cuốn sách của mình* (chương VIII, "Quá trình vô sản hóa của nông dân"). Nhưng vấn đề hiện nay là vấn đề "những điều kiện kinh tế và xã hội" của chủ nghĩa tư bản, chứ không phải là của nền kinh tế tự nhiên và của nền kinh tế hàng hóa giản đơn. Mà, trong hoàn cảnh xã hội tư bản chủ nghĩa, thì "không tính" lao động của mình tức là biểu không (cho một thương nhân hoặc một nhà tư bản nào khác), là lao động mà không lấy công đầy đủ so với mức lao động đã bỏ ra, là hạ thấp mức tiêu dùng xuống dưới tiêu chuẩn. Như chúng ta đã thấy, Cau-xky đã hoàn toàn thừa nhận và đánh giá đúng đắn đặc điểm *ấy* của nền sản xuất nhỏ. Khi bác bỏ Cau-xky, ông Bun-ga-cốp lại dùng cái phương pháp thường dùng của những nhà kinh tế học tư sản và tiểu tư sản và lại mắc vào sai lầm mà những nhà kinh tế học đó thường mắc phải. Những nhà kinh tế học đó làm nhảm tai mọi người bằng những lời tán dương "sức sống" của người tiểu nông; theo ý kiến của những nhà kinh tế này thì người tiểu nông có thể không tính lao động của mình, không chạy theo lợi nhuận và địa tô v. v.. Những con người tốt bụng ấy chẳng qua chỉ quên rằng, lập luận như vậy tức là lẫn lộn "những điều kiện kinh tế và xã hội" của nền kinh tế tự nhiên và của nền sản xuất hàng hóa giản đơn với "những điều kiện kinh tế và xã hội" của chủ nghĩa tư bản. Cau-xky giải thích một cách xuất sắc tất cả những sai lầm đó, bằng cách *phân biệt chặt chẽ* kết cấu này hay kết cấu kia của các quan hệ kinh tế và xã hội. Cau-xky viết: "Nếu sản xuất nông nghiệp của người tiểu nông không bị lôi cuốn vào trong lĩnh vực sản xuất hàng hóa, và nếu sản xuất nông nghiệp chỉ là một bộ phận của kinh tế gia đình của người tiểu nông đó, thì sản xuất đó vẫn ở ngoài phạm vi ảnh hưởng của những khuynh hướng tập trung hóa phương thức sản xuất hiện nay. Dù nền kinh tế tiểu nông

của anh ta có bất hợp lý đến thế nào đi nữa và có dẫn đến lãng phí sức lực thế nào đi nữa, thì anh ta cũng vẫn bám chặt vào nền kinh tế của mình, cũng như người vợ anh ta bám chặt vào nền kinh tế gia đình nghèo nàn của mình; nền kinh tế này cũng vậy, nó đòi hỏi phải bỏ sức lao động ra rất nhiều mà kết quả đưa lại thì cũng hết sức thảm hại, nhưng đối với người vợ anh ta, nền kinh tế ấy lại là lĩnh vực duy nhất, trong đó chị ta được độc lập không phụ thuộc vào ý chí của người khác và không bị bóc lột" (S. 165). Tình hình thay đổi khi nền kinh tế tự nhiên bị nền kinh tế hàng hóa thay thế. Người nông dân bắt buộc phải bán sản phẩm của mình, mua dụng cụ, *mua ruộng đất*. Khi người nông dân còn là *người sản xuất hàng hóa giản đơn*, thì anh ta có thể cam chịu sống với mức sống của người công nhân làm thuê; anh ta không cần có lợi nhuận hay địa tô, anh ta có thể mua ruộng với giá cao hơn giá mà một nhà kinh doanh tư bản chủ nghĩa có thể trả (S. 166). Nhưng nền sản xuất hàng hóa giản đơn phải nhường chỗ cho *nền sản xuất tư bản chủ nghĩa*. Thí dụ, nếu người nông dân cầm cố ruộng đất của mình đi, thì từ ruộng đất ấy anh ta cũng đã phải rút ra được số địa tô đã nhường cho chủ nợ. Đến một trình độ phát triển như vậy, thì chỉ về mặt hình thức người ta mới coi người nông dân là người sản xuất hàng hóa giản đơn mà thôi. De facto¹⁾, thì anh ta đã thường đụng chạm với một *nhà tư bản* - một người cho vay, một nhà buôn, một nhà kinh doanh công nghiệp - mà anh ta buộc phải dựa vào mới có được "những nghề phụ" mà làm, nghĩa là anh ta buộc phải bán sức lao động của mình cho nhà tư bản. Đến giai đoạn đó, - chúng tôi xin nhắc lại là Cau-xky so sánh nền nông nghiệp lớn với nền nông nghiệp nhỏ trong xã hội tư bản chủ nghĩa, - thì đối với người nông dân, khả năng "không tính lao động của mình" chỉ có nghĩa là: làm việc kiệt sức và không ngừng giảm bớt mức tiêu dùng của mình.

1) - Trên thực tế

Những lời phản đối khác của ông Bun-ga-cốp cũng đều vô căn cứ như vậy cả. Cau-xky nói rằng trong nền sản xuất nhỏ, máy móc chỉ có thể được sử dụng trong phạm vi hẹp hơn, người tiểu nông khó vay được tiền hơn và phải vay với tỷ suất lợi tức lớn hơn. Ông Bun-ga-cốp thì cho rằng những lý lẽ đó đều không đúng, rồi ông ta đưa... các hợp tác xã của nông dân ra làm dẫn chứng! Như thế là ông Bun-ga-cốp lẩn tránh bằng cách hoàn toàn không đả động gì đến lý lẽ của Cau-xky, là người đã có sự đánh giá - mà chúng tôi đã dẫn chứng ở trên - về những hợp tác xã đó và về ý nghĩa của chúng. Bàn đến máy móc, ông Bun-ga-cốp lại trách Cau-xky là không đặt ra "một vấn đề kinh tế có tính chất chung hơn, tức là vấn đề: nói chung, vai trò kinh tế của máy móc trong nông nghiệp là như thế nào" (ông Bun-ga-cốp đã quên mất chương IV trong cuốn sách của Cau-xky!) "và đối với nông nghiệp, máy móc có phải là một công cụ không thể thiếu được như đối với công nghiệp chế biến hay không?". Cau-xky đã vạch rõ rằng trong nền nông nghiệp hiện đại, thì việc sử dụng máy móc mang tính chất tư bản chủ nghĩa (S. 39, 40 và tiếp theo), Cau-xky nêu lên những đặc điểm của nông nghiệp đã làm cho việc sử dụng máy móc gặp "những khó khăn về kỹ thuật và kinh tế" (S. 38 và tiếp theo), ông dẫn chứng những số liệu về tình hình sử dụng máy móc ngày càng tăng (40), về ý nghĩa kỹ thuật của máy móc (42 và tiếp theo), về tác dụng của hơi nước và điện. Cau-xky chỉ rõ rằng theo những cứ liệu của nông học, thì các doanh nghiệp phải có quy mô như thế nào, mới có thể tận dụng được các máy móc khác nhau (94); ông đã vạch ra rằng theo số liệu thống kê của Đức năm 1895, doanh nghiệp càng lớn thì tỷ số phần trăm các doanh nghiệp dùng máy móc càng tăng lên đều đặn và nhanh chóng (2% số doanh nghiệp dưới 2 héc-ta; 13,8% - từ 2 đến 5 héc-ta; 45,8% - từ 5 đến 20 héc-ta; 78,8% - từ 20 đến 100 héc-ta; 94,2% - từ 100 héc-ta trở lên). Ông Bun-ga-cốp không muốn đọc những con số

đó mà lại chỉ muốn đọc những câu nghị luận "chung chung" về chuyện máy móc là "bất khả chiến thắng" hoặc có thể bị chiến thắng!...

Ông Bun-ga-cốp tuyên bố: "Nói rằng cứ mỗi héc-ta, nền sản xuất nhỏ sử dụng một số súc vật cày kéo lớn hơn... thì khó mà tin được... vì trong trường hợp này người ta không nghiên cứu... mức độ nuôi súc vật nhiều hay ít". Hãy xem cuốn sách của Cau-xky ở trang nói về vấn đề đó: "... Sở dĩ một doanh nghiệp nhỏ mà có nhiều bò cái" (tính theo đơn vị 1 000 héc-ta) "thì phần lớn cũng là do chỗ so với người kinh doanh lớn thì người nông dân chăn nuôi nhiều hơn, và sản xuất ít hơn về lúa mì; nhưng đối với số ngựa nhiều ít khác nhau của người kinh doanh lớn và của người kinh doanh nhỏ thì không thể lấy lý do đó mà giải thích được" (tr. 96, có đưa ra số liệu về tỉnh Dắc-đen năm 1860, về toàn bộ nước Đức năm 1883 và Anh năm 1880). Xin nhắc lại rằng, ở Nga cũng vậy, thống kê của các hội đồng địa phương đã phát hiện ra cũng cái quy luật ấy, cái quy luật biểu hiện tính ưu việt của nền nông nghiệp lớn so với nền nông nghiệp nhỏ: những doanh nghiệp lớn nông dân sử dụng một số súc vật và nông cụ ít hơn, tính theo đơn vị diện tích*.

Ông Bun-ga-cốp trình bày rất không đầy đủ những lý lẽ của Cau-xky về những ưu thế của sản xuất lớn so với sản xuất nhỏ trong nông nghiệp tư bản chủ nghĩa. Tính ưu việt của nông nghiệp lớn, không phải chỉ là ở chỗ có ít diện tích không trồng trọt hơn, tiết kiệm được súc vật và nông cụ vì sử dụng chúng một cách triệt để hơn, có nhiều

* Xem V. E. Pô-xtơ-ni-cốp. "Kinh tế nông dân ở miền Nam nước Nga". Tham khảo thêm V. I-lin. "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản", chương II, § 1.¹⁾

1) Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 3.

khả năng sử dụng máy móc hơn, vay mượn dễ hơn, mà còn là ở chỗ nền nông nghiệp lớn ấy có những ưu thế về thương mại của nền kinh doanh lớn, nền kinh doanh lớn đó có thể thuê những người quản lý có kiến thức khoa học (Kautsky, S. 104). Nền nông nghiệp lớn sử dụng, trên phạm vi rộng hơn, sự hiệp tác của công nhân và sự phân công. Cau-xky cho rằng việc đào tạo người kinh doanh nông nghiệp về mặt khoa học nông học là một việc có ý nghĩa đặc biệt quan trọng: "Một người kinh doanh nông nghiệp được đào tạo tốt về mặt kiến thức khoa học, thì chỉ có một doanh nghiệp khá lớn mới có khả năng nuôi và mới có thể dùng hết thời giờ của người đó vào việc chỉ đạo và trông nom doanh nghiệp" (S. 98: "quy mô đó của doanh nghiệp thay đổi tùy theo loại sản xuất" từ 3 héc-ta nếu trồng nho, cho đến 500 héc-ta, nếu trồng theo lối quảng canh). Về điểm này, Cau-xky nêu lên một sự thật đáng chú ý và rất điển hình là: mở nhiều trường nông nghiệp sơ cấp và trung cấp thì có lợi không phải cho nông dân mà là cho người kinh doanh lớn, vì đây là một nguồn cung cấp những nhân viên giúp việc cho người kinh doanh lớn (nhận xét đó cũng đúng với nước Nga). "Giáo dục cao đẳng cần thiết đối với nền sản xuất hoàn toàn hợp lý, thì khó mà thích ứng được với những điều kiện sinh sống hiện nay của nông dân. Dĩ nhiên, đó không phải là lên án nền giáo dục cao đẳng, mà là lên án những điều kiện sinh sống ấy. Điều đó chỉ có nghĩa là nền sản xuất của nông dân tồn tại được bên cạnh nền sản xuất lớn, thì không phải là nhờ vào một năng suất cao hơn, mà là nhờ vào mức tiêu dùng thấp hơn" (99). Nền sản xuất lớn không những phải thuê nhân công nông dân, mà còn phải thuê cả nhân công từ thành phố đến, tức là loại nhân công mà mức nhu cầu cao hơn rất nhiều.

Cau-xky dẫn ra những tài liệu cực kỳ có ý nghĩa và quan trọng để chứng minh "một sự lao động quá độ và một mức tiêu dùng không đầy đủ trong nền sản xuất nhỏ", nhưng ông

Bun-ga-cốp lại cho rằng đây là "một vài (!) dẫn chứng đưa ra một cách ngẫu nhiên (??)". Ông Bun-ga-cốp "bắt đầu" đưa ra cũng bấy nhiêu "những dẫn chứng có tính chất ngược lại". Ông ta chỉ quên nói ra xem ông ta có bắt đầu đưa ra một *sự khẳng định ngược lại* được chứng minh bằng "những dẫn chứng có tính chất ngược lại", hay không. Vì thực chất của toàn bộ vấn đề chính là ở đó! Liệu ông Bun-ga-cốp có khẳng định rằng nền sản xuất lớn trong xã hội tư bản chủ nghĩa khác với nền sản xuất nông dân ở chỗ là trong nền sản xuất lớn người ta phải làm việc quá sức và giảm bớt tiêu dùng của mình đi chăng? Ông Bun-ga-cốp cũng khá thận trọng nên tránh không nói lên một lời khẳng định nào nực cười như vậy cả. Ông ta cho rằng có thể tránh không đá động đến tình trạng nông dân phải làm việc quá sức và phải giảm bớt tiêu dùng của họ xuống, và đưa ra nhận xét rằng "có những nơi nông dân sống sung túc, còn ở những nơi khác thì sống nghèo khổ!". Một nhà kinh tế học mà không khái quát những tài liệu về tình hình của nền sản xuất lớn và của nền sản xuất nhỏ, nhưng lại đi nghiên cứu "mức sung túc" khác nhau của dân cư ở "những nơi" khác nhau, - về một nhà kinh tế học như vậy thì ý kiến của bạn như thế nào? Một nhà kinh tế học mà tránh không đá động đến tình trạng thợ thủ công làm việc quá sức và mức tiêu dùng bị giảm sút so với người công nhân ở công xưởng, và nhận xét rằng "có những nơi, thợ thủ công sống sung túc, còn ở những nơi khác thì sống nghèo khổ", - đối với một nhà kinh tế học như vậy thì ý kiến của bạn như thế nào? Nhân tiện, xin nói một vài lời về thợ thủ công. Ông Bun-ga-cốp viết rằng: "Cau-xky chắc đã nghĩ đến một sự so sánh với Hausindustrie¹⁾, là ngành trong đó lao động quá mức không bị một sự hạn chế nào về mặt kỹ thuật cả" (như trong nông nghiệp), "nhưng so sánh như vậy ở đây thì không được". Chúng tôi

1) — công nghiệp thủ công

trả lời rằng, chắc chắn là ông Bun-ga-cốp đã đọc cuốn sách mà ông phê phán, với một thái độ cầu thả lạ lùng, vì Cau-xky không phải "nghĩ đến" việc so sánh với Hausindustrie, mà *ngay từ trang đầu của mục* chuyên bàn về vấn đề lao động quá mức (ch. VI, b, S. 106), *ông đã vạch rõ ràng và chính xác sự so sánh như vậy*: "Cũng như trong công nghiệp thủ công (Hausindustrie), lao động gia đình của trẻ em trong nền kinh tế tiểu nông còn có những hậu quả tai hại hơn là lao động làm thuê cho người khác". Ông Bun-ga-cốp dù có kiên quyết tuyên bố rằng so sánh như vậy là không có giá trị gì ở đây, thì ý kiến của ông cũng vẫn hoàn toàn sai lầm. Ông lập luận rằng, trong công nghiệp, lao động quá mức không bị một sự hạn chế nào về mặt kỹ thuật, còn đối với nông dân thì lao động quá mức lại "bị những điều kiện kỹ thuật của nông nghiệp hạn chế". Vậy thì thực ra ai lấn lộn kỹ thuật với kinh tế: Cau-xky hay ông Bun-ga-cốp? Nói đến kỹ thuật của nông nghiệp và của công nghiệp thủ công ở đây để làm gì chứ, trong khi các sự việc đều chứng tỏ rằng, cả trong hai trường hợp đó, người sản xuất nhỏ đều bắt buộc con cái mình phải lao động từ lúc tuổi nhỏ hơn và bản thân mình thì hàng ngày phải làm lụng vất vả nhiều giờ hơn, sống "một cách tằn tiện hơn", và giảm bớt sự tiêu dùng của mình đến nỗi sống trong một nước văn minh, mà thành ra như một "người man rợ" (từ ngữ đó là của Mác) thực sự? Viện lẽ rằng nông nghiệp có một loạt đặc điểm (Cau-xky có quên những đặc điểm ấy đâu) thì liệu có thể phủ nhận được sự đồng nhất về mặt kinh tế của những hiện tượng đó trong nông nghiệp và trong công nghiệp không? Ông Bun-ga-cốp nói rằng: "Người tiểu nông, dù anh ta có muốn chẳng nữa, cũng không thể lao động quá mức đòi hỏi của mảnh ruộng được". Nhưng người tiểu nông có thể lao động và đang lao động mỗi ngày 14 giờ chứ không phải 12 giờ; anh ta có thể làm lụng và đang làm lụng vất vả, với một cường độ quá

mức bình thường, khiến cho thần kinh và bắp thịt của anh ta bị kiệt nhanh chóng hơn nhiều so với mức bình thường. Và nếu như cho rằng tất cả lao động của người nông dân chỉ là lao động trên mảnh ruộng của anh ta thôi, thì như vậy thật là một sự trừu tượng hóa sai lầm và lối lằng! Cau-xky không viết một điều gì giống như thế cả. Cau-xky hoàn toàn biết rõ rằng người nông dân cũng làm việc ở nhà anh ta nữa, để xây dựng và sửa sang nhà cửa, chuồng bò, công cụ của anh ta, v. v., mà "*không tính*" tất cả số lao động phụ đó, số lao động mà người công nhân làm thuê trong một doanh nghiệp lớn vẫn đòi được lĩnh tiền công theo như thường lệ. Bất cứ một người nào không có định kiến há lại chẳng thấy rõ rằng phạm vi lao động quá mức của nông dân - của người tiểu nông - là một *phạm vi vô cùng rộng hơn nhiều* so với lao động quá mức của người tiểu thủ công, nếu người này *chỉ là* người thủ công thôi, đó sao? Lao động quá mức của người tiểu nông là một hiện tượng phổ biến, điều đó được chứng minh rõ ràng ở chỗ là tất cả các tác giả tư sản đều đồng thanh công nhận người nông dân là "cần cù" và "tiết kiệm", trong khi đó thì họ buộc tội công nhân là "lười biếng" và "hoang toàng".

Một nhà nghiên cứu về đời sống của dân cư nông thôn ở Vexơ-pha-li - người này được Cau-xky trích dẫn - đã viết rằng: người tiểu nông buộc con cái của mình phải lao động không kể mức độ nào cả, khiến cho cơ thể của chúng chậm phát triển; lao động làm thuê thì không có những mặt xấu như vậy. Một tiểu nông ở Lin-côn đã nói trước một tiểu ban nghị viện đi điều tra về đời sống nông thôn ở Anh (1897): "Tôi nuôi dạy cả gia đình, và tôi bắt cả gia đình tôi lao động đến kiệt sức". Một tiểu nông khác nói: "Chúng tôi và con cái chúng tôi làm lụng vất vả đến 18 tiếng đồng hồ một ngày, tính trung bình thì 10 - 12 giờ". Người thứ ba nói: "Chúng tôi làm lụng nặng nhọc hơn người làm công nhật, chúng tôi lao động như nô lệ". Cũng trước

tiểu ban đó, ông Rít (Read) đã nêu đặc điểm của tình cảnh người tiểu nông trong những vùng mà nông nghiệp, theo nghĩa hẹp của danh từ, chiếm địa vị chủ yếu: "Biện pháp duy nhất của người tiểu nông ấy để duy trì cuộc sống là lao động gấp đôi người làm công nhật, nhưng chi tiêu thì chỉ bằng một người làm công nhật. Con cái của anh ta làm lụng vất vả nặng nhọc hơn và ít được chăm sóc nuôi dạy hơn con cái của những người làm công nhật" ("Royal Commission on Agriculture final report", p. 34, 358¹⁾). Do Cau-xky dẫn, S. 109). Ông Bunge-cốp có lẽ muốn khẳng định rằng người làm công nhật cũng thường lao động gấp đôi người nông dân chăng? Nhưng sự kiện sau đây, do Cau-xky dẫn chứng, là một sự kiện đặc biệt tiêu biểu, nó cho ta thấy "tài chịu đói (Hungerkunst) của nông dân có thể tạo ra tính ưu việt về kinh tế của nền sản xuất nhỏ" như thế nào: việc so sánh mức thu nhập của hai doanh nghiệp nông dân ở xứ Ba-đen cho thấy rằng, trong một doanh nghiệp, *doanh nghiệp lớn*, thì thiếu hụt 933 đồng mác, còn trong doanh nghiệp thứ hai, *hai lần nhỏ hơn*, thì đòi ra được 191 mác. Nhưng, doanh nghiệp lớn, dùng toàn công nhân làm thuê, thì theo lệ thường, phải nuôi họ ăn mỗi người mỗi ngày mất gần 1 đồng mác (khoảng 45 cô-pếch), còn trong doanh nghiệp nhỏ chỉ có toàn người trong gia đình (vợ và 6 người con đã đến tuổi thành niên) làm thôi, họ ăn uống *hà tiện gấp hai lần* so với doanh nghiệp lớn: mỗi người, mỗi ngày 48 phen-ních. Nếu gia đình người tiểu nông cũng ăn uống khá như công nhân làm thuê cho người kinh doanh lớn, thì người tiểu nông sẽ bị thiếu hụt 1 250 đồng mác! "Anh ta có được số dôi ra không phải nhờ có vựa lúa đầy, mà là nhờ những cái bụng lép kẹp". Người ta sẽ có được hàng loạt ví dụ như vậy, nếu cùng

1) — "Báo cáo tổng kết của Ủy ban hoàng gia điều tra về nông nghiệp", tr. 34, 358

với việc so sánh "thu nhập" của những doanh nghiệp nông nghiệp lớn và những doanh nghiệp nông nghiệp nhỏ, đồng thời người ta cũng tính luôn cả tình hình tiêu dùng và lao động của nông dân và của công nhân làm thuê*. Lại một con tính khác, rút trong một chuyên san, và nói lên rằng thu nhập của một doanh nghiệp nhỏ (4,6 héc-ta) cao hơn thu nhập của một doanh nghiệp lớn (26, 5 héc-ta). Nhưng làm thế nào mà có một thu nhập cao hơn? - Cau-xky đặt câu hỏi như vậy. Vậy là người tiểu nông được con cái giúp đỡ ngay từ khi chúng bắt đầu biết đi, còn nhà kinh doanh lớn thì phải bỏ tiền ra cho con cái mình đi học (tiểu học, trung học). Trong doanh nghiệp nhỏ, cả đến những người già, tuổi ngoài 70 "cũng còn làm công việc của một người lao động sung sức". "Người làm công nhật, đặc biệt là trong doanh nghiệp lớn, thường nghĩ như thế này khi làm việc: mong sao cho đến tối để được nghỉ ngơi! Trái lại, người tiểu nông, ít nhất là mỗi khi có công việc bận rộn, lại nghĩ: úi chà, mong sao cho ngày dài thêm hai giờ nữa". Tác giả của bài báo trên đây đăng trong một tập san nông học, còn cho biết rằng lúc công việc thúc bách, người sản xuất nhỏ biết tận dụng thời giờ của mình hơn: "họ dậy sớm hơn, ngủ khuya hơn, làm việc nhanh hơn, còn công nhân làm việc cho nhà kinh doanh lớn thì không muốn dậy sớm, không muốn thức khuya, và không muốn lao động khẩn trương hơn những ngày thường". Người nông dân biết cách tạo được một số thu nhập ròng, là nhờ anh ta sống "giản đơn": anh ta sống trong một căn nhà nhỏ bằng đất sét, hầu như hoàn toàn do gia đình xây dựng lên; vợ anh ta, cưới đã 17 năm rồi, nhưng chỉ mới dùng mòn vừa

* Xem V. I-lin. "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", các tr. 112, 175, 201.¹⁾

1) Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 3, tr. 161, 240 - 241, 269 - 270.

đúng một đôi giày, chị ta thường đi chân không hay đi guốc, chị ta may mặc cho cả gia đình. Thức ăn vụn vụn chỉ có khoai tây, sữa, và thỉnh thoảng mới có cá mè. Chỉ ngày chủ nhật người chồng mới hút thuốc một lần. "Những người ấy không biết rằng họ sống cuộc đời đặc biệt đơn giản, và họ không tỏ ra bất mãn với tình cảnh của họ... Với lối sống đơn giản như vậy, hầu như mỗi năm, họ làm ăn có thừa ra được một chút ít".

IV

Sau khi phân tích mối quan hệ lẫn nhau giữa sản xuất lớn và sản xuất nhỏ trong nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, Cau-xky đặc biệt nghiên cứu "những giới hạn của nông nghiệp tư bản chủ nghĩa" (ch. VII). Cau-xky nói rằng, những người chống lại lý luận về tính ưu việt của nền nông nghiệp lớn thường thường là "những người bạn của nhân loại" (suýt nữa chúng tôi nói: những người bạn dân... đấy) thuộc giai cấp tư sản, phái mậu dịch tự do⁵⁰ loại thuần túy, những địa chủ. Trong những năm gần đây, nhiều nhà kinh tế học đã biện hộ cho nền tiểu nông. Họ thường dựa vào những con số thống kê chứng minh rằng doanh nghiệp lớn không loại trừ doanh nghiệp nhỏ. Và Cau-xky dẫn chứng những số liệu thống kê sau đây: ở Đức, từ 1882 đến 1895, tăng nhiều hơn cả là diện tích của những doanh nghiệp trung bình; ở Pháp, từ 1882 đến 1892, tăng nhiều hơn cả là diện tích của những doanh nghiệp nhỏ nhất và những doanh nghiệp lớn nhất; diện tích của những doanh nghiệp trung bình thì giảm xuống. Ở Anh, từ 1885 đến 1895, diện tích của những doanh nghiệp nhỏ nhất và của những doanh nghiệp lớn nhất đều giảm xuống; còn những doanh nghiệp mà diện tích tăng lên nhiều nhất đều là những doanh nghiệp từ 40 đến 120 ha¹⁾ (từ 100 đến 300

1) — héc-ta

a-cơ¹⁾), nghĩa là những doanh nghiệp mà người ta không thể xếp vào số những doanh nghiệp nhỏ. Ở Mỹ, diện tích trung bình các trang trại giảm xuống: năm 1850 - 203 a-cơ; năm 1860 - 199; năm 1870 - 153; năm 1880 - 134; năm 1890 - 137. Cau-xky nghiên cứu tỉ mỉ hơn về những số liệu thống kê của Mỹ, và mặc dù ý kiến của ông Bun-ga-cốp thế nào chẳng nữa thì sự phân tích của Cau-xky cũng vẫn có một ý nghĩa quan trọng về nguyên tắc. Diện tích trung bình các trang trại giảm xuống, chủ yếu là do những đồn điền lớn ở miền Nam bị phân nhỏ sau khi người da đen được giải phóng. Ở các bang miền Nam, diện tích trung bình giảm xuống quá một nửa. "Không một người nào am hiểu vấn đề lại cho rằng những con số đó nói lên sự chiến thắng của sản xuất nhỏ đối với nền sản xuất *hiện đại*" (= tư bản chủ nghĩa), "nền sản xuất lớn". Nói chung, nếu phân tích những số liệu thống kê của Mỹ căn cứ theo *từng vùng*, thì thấy rõ là có nhiều quan hệ khác nhau. Trong những vùng miền Bắc và miền Trung, ở "các bang sản xuất lúa mì" chủ yếu, diện tích trung bình mỗi một trang trại *tăng* từ 122 đến 133 a-cơ. "Sản xuất nhỏ chỉ chiếm ưu thế ở những nơi mà nông nghiệp đang sa sút, hoặc những nơi mà nền sản xuất lớn tiền tư bản chủ nghĩa cạnh tranh với nền sản xuất của nông dân" (135). Kết luận đó của Cau-xky rất quan trọng, vì nó vạch ra những điều kiện để cho tài liệu thống kê không thể bị *lạm dụng*, tức là: cần phải phân biệt nền sản xuất tiền tư bản chủ nghĩa với nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa. Cần phải nghiên cứu *từng tận* theo từng vùng khác nhau có những đặc điểm căn bản về những hình thức của nông nghiệp và về những điều kiện lịch sử của sự phát triển nông nghiệp. Người ta nói: "Điều đó đã được số liệu chứng minh rồi!". Nhưng phải phân tích xem số liệu chứng minh

1) — a-cơ: đơn vị đo diện tích ở Anh và Mỹ, bằng 4 047 mét vuông

đích thực cái gì. Số liệu chỉ chứng minh *điều mà nó trực tiếp nói lên*. Số liệu trực tiếp nói lên không phải khối lượng sản xuất, mà lại trực tiếp nói lên *diện tích* của các doanh nghiệp. Nhưng việc có thể xảy ra và thực tế cũng đã thường xảy ra là: "một doanh nghiệp nhỏ, canh tác theo lối thâm canh, có thể có một sản lượng cao hơn một doanh nghiệp lớn canh tác theo lối quảng canh". "Một tài liệu thống kê mà chỉ cho chúng ta biết diện tích trồng trọt thôi, thì tuyệt đối không thể cho ta biết rằng diện tích đó giảm sút là do thu hẹp quy mô của doanh nghiệp hay là do việc thâm canh hóa sản xuất" (146). Khai thác rừng và việc trồng đồng cỏ, là những hình thức đầu tiên của lối kinh doanh lớn tư bản chủ nghĩa, và khiến cho doanh nghiệp có thể chiếm một diện tích hết sức lớn. Trồng trọt thì đòi hỏi một diện tích nhỏ hơn. Về mặt này thì các chế độ trồng trọt khác nhau lại cũng khác nhau: theo chế độ kinh doanh có tính chất tham tàn và quảng canh (chế độ này cho đến nay vẫn chiếm ưu thế ở Mỹ) có thể có những trang trại nông nghiệp rộng mênh mông (đến 10 000 héc-ta như bonanza farms ở Đan-rim-pơn, ở Gơ-len, v. v.¹⁾). Trên các thảo nguyên ở nước ta, ruộng đất gieo trồng của nông dân, và nhất là của thương nhân, cũng đạt đến quy mô như vậy). Việc sử dụng phân bón, v. v., tất nhiên làm cho diện tích các doanh nghiệp giảm bớt xuống, những doanh nghiệp này, ở châu Âu chẳng hạn, thì nhỏ hơn ở Mỹ. Từ trồng trọt chuyển sang chăn nuôi, cũng đòi hỏi phải thu hẹp diện tích lại: ở Anh, năm 1880, diện tích trung bình của các doanh nghiệp chăn nuôi là khoảng 52,3 a-cơ, và của các doanh nghiệp trồng trọt, sản xuất ngũ cốc là 74,2 a-cơ. Do đó, việc chuyển từ trồng trọt sang chăn nuôi như vậy - hiện

1) - đây là những doanh nghiệp tư bản chủ nghĩa lớn ở Bắc Mỹ (chủ yếu sản xuất lúa mì), kết hợp kinh doanh theo lối quảng canh với việc sử dụng những máy móc tối tân.

nay đang diễn ra ở Anh - tất nhiên *phải* tạo ra xu hướng thu hẹp diện tích các doanh nghiệp nông nghiệp. "Nhưng, nếu từ đó mà kết luận là sản xuất suy sụp thì thật là nhận xét một cách rất nông cạn" (149). Trong những vùng ở phía Đông sông En-bơ (với việc nghiên cứu những vùng đó, ông Bun-ga-cốp hy vọng rằng ông ta sẽ bác bỏ được luận điểm của Cau-xky), chính là có sự chuyển sang kinh doanh theo lối thâm canh; Dê-rinh - do Cau-xky trích dẫn - viết rằng các nhà kinh doanh nông nghiệp lớn tăng năng suất ruộng đất, bán hoặc cho nông dân thuê mướn phần ruộng đất của doanh nghiệp mình ở xa, vì rằng với cách kinh doanh theo lối thâm canh thì khó lòng mà sử dụng được những ruộng đất ở xa đó. "Cho nên những doanh nghiệp lớn ở phía Đông sông En-bơ giảm bớt diện tích đi, đồng thời bên cạnh đó lại hình thành những doanh nghiệp nhỏ của nông dân, và số dĩ như vậy, không phải là vì nền sản xuất nhỏ ưu việt hơn nền sản xuất lớn, mà là vì quy mô trước đây của các trang trại thích hợp với nhu cầu của cách kinh doanh theo lối quảng canh" (150). Trong tất cả những trường hợp đó, việc giảm bớt diện tích các doanh nghiệp thường dẫn đến việc tăng thêm (tính theo đơn vị diện tích ruộng đất) số lượng sản phẩm, và thường thường số người được thuê cũng tăng thêm, nghĩa là trên thực tế, khối lượng sản xuất cũng *tăng thêm*.

Do đó, thấy rằng những số liệu tổng quát của thống kê nông nghiệp về *diện tích* các doanh nghiệp thật không chứng minh được gì nhiều cả, và do đó, khi sử dụng những số liệu ấy thì phải thận trọng biết chừng nào. Trong thống kê công nghiệp, chúng ta có những chỉ số biểu hiện *một cách trực tiếp* quy mô của sản xuất (số lượng hàng hóa, tổng giá trị sản lượng, số lượng công nhân) và có thể dễ dàng nghiên cứu từng ngành sản xuất riêng biệt. Còn thống kê nông nghiệp thì rất ít khi cung cấp cho ta được đầy đủ những điều kiện như vậy, những điều kiện cần thiết để có thể chứng minh một cách có căn cứ được.

Thứ nữa là sự lũng đoạn về quyền sở hữu ruộng đất đặt ra những giới hạn cho chủ nghĩa tư bản nông nghiệp: trong công nghiệp, tư bản tăng lên là nhờ *tích lũy*, nhờ chuyển hóa giá trị ngoại ngạch thành tư bản; còn *sự tập trung*, nghĩa là sự sáp nhập nhiều tư bản nhỏ thành tư bản lớn, thì ít có tác dụng hơn. Trong nông nghiệp thì không như vậy. Toàn bộ đất đai đã bị chiếm cứ cả rồi (trong những nước văn minh) và người ta chỉ có thể mở rộng một diện tích kinh doanh bằng cách *tập trung* một số mảnh đất nhỏ lại và hơn nữa tập trung làm sao để có thể tạo ra được một *khoảnh đất liền*. Mọi người đều thấy rằng mở rộng một diện tích kinh doanh bằng cách mua những khoảnh đất kế cận là một việc rất khó khăn, nhất là vì một số những khoảnh đất nhỏ ấy một phần là của những công nhân nông nghiệp (những người này cần thiết cho điền chủ lớn) và một phần nữa là thuộc những người tiểu nông rất khéo chịu đựng bằng cách cứ giảm bớt mãi nhu cầu của mình xuống một mức khó mà tưởng tượng được. Việc xác nhận cái sự thật đơn giản và rõ ràng như ban ngày đó, - sự thật đã vạch ra những giới hạn cho chủ nghĩa tư bản nông nghiệp, - thì không hiểu vì sao ông Bun-ga-cốp lại coi như là "câu nói trống rỗng" (?!), rồi lấy đó làm cái cớ để tỏ nỗi vui mừng của mình một cách không có căn cứ nhất: "Như vậy là (!), tính ưu việt của nền sản xuất lớn vừa mới gặp trở ngại đầu tiên đã tan vỡ (!)". Thoạt đầu, ông Bun-ga-cốp đã hiểu sai quy luật về tính ưu việt của nền sản xuất lớn, ông gán cho quy luật đó một tính chất quá ư trừu tượng mà Cau-xky thì hoàn toàn không quan niệm như vậy, rồi giờ đây, ông Bun-ga-cốp lại lấy sự hiểu sai của mình làm một lý lẽ để bác Cau-xky! Thật là kỳ lạ thay khi ông Bun-ga-cốp tưởng có thể bác được Cau-xky bằng cách lấy xứ Ai-rơ-len làm ví dụ (ở đó có chế độ đại chiếm hữu ruộng đất, nhưng không có nền sản xuất lớn). Chế độ đại chiếm hữu ruộng đất là một trong những điều kiện của nền sản xuất lớn, nhưng

tuyệt đối không phải vì vậy mà chế độ ấy là một điều kiện đầy đủ. Hiển nhiên là trong một cuốn sách bàn về chủ nghĩa tư bản nông nghiệp nói chung, thì Cau-xky không thể nghiên cứu những nguyên nhân lịch sử và những nguyên nhân khác của những đặc điểm ở Ai-ơ-len hay ở một xứ nào khác được. Vì, không ai lại đi đòi hỏi Mác phải giải thích vì sao ở Pháp nền công nghiệp nhỏ được duy trì lâu hơn và vì sao ở Ý công nghiệp lại phát triển chậm, v. v., khi Mác phân tích những quy luật chung của chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp. Ông Bun-ga-cốp cũng không có căn cứ để khẳng định rằng sự tập trung "có thể" tiến hành dần dần từng bước: mở rộng doanh nghiệp của mình bằng cách mua những khoảnh đất thuộc sở hữu của những người láng giềng, là một việc không phải cũng đơn giản như dựng thêm nhà xưởng mới cho một công xưởng để tăng số thiết bị máy móc, v. v..

Nêu ra cái khả năng hoàn toàn không có thực đó, - khả năng tập trung dần dần hay thuê đất dần dần để xây dựng thành những doanh nghiệp lớn, như thế là ông Bun-ga-cốp đã ít chú ý đến một đặc điểm thực tế của nông nghiệp trong quá trình tập trung, đặc điểm mà Cau-xky đã từng vạch ra rồi. Đó là những điền trang lớn, là sự tập hợp nhiều trại ấp trong tay một người. Thống kê thường chỉ ghi từng trại ấp riêng, chứ không cung cấp được một tài liệu nào về quá trình tập trung những trại ấp trong tay bọn chiếm hữu nhiều ruộng đất. Khi nói về Đức và Áo, Cau-xky đưa ra những ví dụ thật là nổi bật về sự tập trung như vậy, sự tập trung đã tạo ra một hình thức đặc biệt và cao của nền nông nghiệp lớn tư bản chủ nghĩa, trong đó nhiều trại ấp lớn được tập hợp thành một chính thể kinh tế duy nhất, do một cơ quan tập trung quản lý. Một xí nghiệp nông nghiệp khổng lồ kiểu như thế có thể phối hợp được những ngành nông nghiệp hết sức khác nhau, và tận dụng được những lợi thế của nền sản xuất lớn.

Bạn đọc thấy rằng Cau-xky không hiểu "học thuyết Mác" một cách trừu tượng và rập khuôn cứng nhắc, và vẫn trung thành với học thuyết đó. Để đề phòng một sự nhận thức theo lối rập khuôn cứng nhắc đó, nên trong chương này, Cau-xky cũng đã viết một mục chuyên bàn về sự tiêu vong của sản xuất nhỏ trong công nghiệp. Ông vạch ra rất đúng rằng ở trong công nghiệp cũng vậy, sự thắng lợi của sản xuất lớn cũng không đơn giản và cũng không diễn ra dưới những hình thức đơn điệu như một số người vẫn thường tưởng, những người này vốn cho rằng học thuyết của Mác không thích dụng với nông nghiệp. Chỉ cần nêu ra ở đây chế độ làm gia công tư bản chủ nghĩa, chỉ cần nhắc lại nhận xét của Mác về những hình thức quá độ và hỗn hợp thiên hình vạn trạng đã che lấp mất sự thắng lợi của chế độ công xưởng, là đủ thấy như vậy. Nhưng trong nông nghiệp thì tình hình lại còn phức tạp nhiều hơn biết bao nhiêu lần! Thí dụ như sự giàu có và xa hoa mà tăng lên, thì đã khiến cho bọn triệu phú mua được những thái ấp rộng mênh mông, rồi biến những thái ấp đó thành những khu rừng riêng để cho chúng vui thú ở đấy. Ở Áo, trong vùng Xan-dơ-bua, từ năm 1869, số súc vật có sừng giảm đi. Lý do của sự giảm sút đó là việc bán các đồng cỏ chăn nuôi ở trên cao nằm trong dãy An-pơ cho những người giàu ham săn bắn. Cau-xky nói rất đúng rằng, nếu nghiên cứu tài liệu thống kê nông nghiệp một cách tổng quát, và không có tinh thần phê phán, thì thật là dễ thấy rằng xu hướng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là biến những dân tộc hiện nay thành những bộ lạc săn bắn!

Cuối cùng, trong số những điều kiện hạn chế nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa, Cau-xky cũng còn nêu lên một điều là đúng trước nạn thiếu nhân công do nông dân rời bỏ nông thôn để đi nơi khác, bọn điền chủ lớn có xu hướng muốn phân phối đất cho công nhân nông nghiệp, nhằm tạo ra một tầng lớp tiểu nông có thể cung cấp nhân công cho

địa chủ. Ít khi thấy có công nhân nông nghiệp hoàn toàn không có mảnh đất cắm dùi, vì trong canh tác, nông nghiệp, hiểu theo nghĩa hẹp, là gắn liền với kinh tế gia đình. Hàng loạt các loại công nhân nông nghiệp làm thuê đều có ruộng đất hoặc được quyền sử dụng ruộng đất. Khi nền sản xuất nhỏ bị lấn át quá mạnh thì *bọn địa chủ lớn lại ra sức củng cố nó hoặc làm cho nó sống lại* bằng cách bán hoặc cho thuê ruộng đất. Cau-xky đã trích dẫn một đoạn của Dê-rinh viết như sau: "Trong tất cả các nước châu Âu, gần đây người ta nhận thấy có một phong trào... nhằm giữ chân những người công nhân nông nghiệp, bằng cách phân phối ruộng đất cho họ". Do đó, trong khuôn khổ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, người ta không thể hy vọng một sự lấn át hoàn toàn nền sản xuất nhỏ nông nghiệp được, vì bản thân bọn tư bản và ngay cả bọn địa chủ nữa cũng đều ra sức làm cho nó sống lại, khi nông dân bị phá sản quá trầm trọng. Ngay từ 1850, trong tờ "Neue Rheinische Zeitung"¹⁾ Mác đã nói đến sự vận động chu kỳ đó của sự tập trung và sự phân tán ruộng đất trong xã hội tư bản chủ nghĩa⁵¹.

Ông Bun-ga-cốp cho rằng những lập luận đó của Cau-xky "có một phần chân lý, nhưng sai lầm thì nhiều hơn". Cũng như tất cả các lời buộc tội khác của ông Bun-ga-cốp, lời buộc tội này dựa trên những lý lẽ rất yếu ớt và rất mơ hồ. Ông Bun-ga-cốp cho rằng Cau-xky "đã dựng lên một lý luận về nền sản xuất nhỏ vô sản hóa", và lý luận đó chỉ chính xác trong một phạm vi rất hạn chế. Ý kiến của chúng tôi thì lại khác. Lao động nông nghiệp làm thuê của người tiểu nông (hoặc nói một cách khác, của người cố nông hay người làm công nhật có được một phần ruộng được chia) là *một hiện tượng ít nhiều đặc trưng của tất cả các nước tư bản chủ nghĩa*. Không có một tác giả nào muốn mô tả chủ

1) — "Báo Rê-na-ni mới"

nghĩa tư bản trong nông nghiệp, lại có thể bỏ qua được hiện tượng đó mà không sai phạm chân lý*. Nền sản xuất nhỏ vô sản hóa là một sự kiện phổ biến, nói riêng là ở Đức, điều đó đã được Cau-xky xác định tỉ mỉ trong chương VIII: "Quá trình vô sản hóa của nông dân", trong cuốn sách của ông. Khi ông Bun-ga-cốp nói rằng các tác giả khác, trong số đó có ông Ca-blu-cốp, cũng có nói đến tình trạng "nhân công khan hiếm" thì ông Bun-ga-cốp *đã bỏ qua cái điểm cần bàn* là: sự khác nhau rất lớn về nguyên tắc giữa thuyết của ông Ca-blu-cốp và thuyết của Cau-xky. Ông Ca-blu-cốp do quan điểm Kleinbürger²⁾ vốn có của ông ta, nên ông ta dựa trên tình trạng nhân công khan hiếm mà "dựng lên" một lý luận kết luận rằng nền sản xuất lớn không đứng vững, còn nền sản xuất nhỏ thì có sức sống. Cau-xky đánh giá các sự kiện một cách chính xác và vạch rõ ý nghĩa chân chính của những sự kiện đó trong xã hội có giai cấp hiện nay: lợi ích giai cấp của bọn địa chủ buộc chúng phải chia ruộng đất cho công nhân nông nghiệp. Địa vị giai cấp của những công nhân làm thuê nông nghiệp có một mảnh ruộng đất, đặt họ ở vị trí giữa giai cấp tiểu tư sản và giai cấp vô sản, nhưng gần giai cấp vô sản hơn. Nói một cách khác là: Ông Ca-blu-cốp chỉ nâng một mặt của một quá trình phức tạp lên thành một lý luận về sự không đứng vững của nền sản xuất lớn, còn Cau-xky thì phân tích những hình thức đặc biệt của quan hệ kinh tế - xã hội được xây nên do lợi ích của nền sản xuất lớn ở một giai đoạn phát triển nhất định, và trong một hoàn cảnh lịch sử nhất định.

* Xem "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", ch. II, § XII, tr. 120.¹⁾ Người ta tính rằng ở Pháp, gần 75% công nhân nông nghiệp có ruộng đất riêng. Trong tác phẩm này cũng có nhiều ví dụ khác nữa.

1) Xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 3, tr. 171.

2) — tiểu tư sản

V

Hãy bàn đến chương tiếp theo mà trên kia chúng tôi đã nêu tên nó lên. Trong chương này, trước hết, Cau-xky nghiên cứu "xu hướng phân ruộng đất thành từng mảnh", và rồi nghiên cứu đến "những hình thức nghề phụ của nông dân". Vậy là, chúng ta thấy ở đây có mô tả những xu hướng hết sức quan trọng của chủ nghĩa tư bản nông nghiệp, những xu hướng vốn có của tuyệt đại đa số nước tư bản chủ nghĩa. Cau-xky viết rằng tình trạng ruộng đất bị phân ra từng mảnh dẫn đến chỗ là người tiểu nông ngày càng đòi hỏi nhiều khoảnh đất nhỏ, họ mua đất đắt hơn những chủ lớn. Một vài tác giả dẫn sự kiện này ra để chứng minh rằng nền nông nghiệp nhỏ ưu việt hơn nền nông nghiệp lớn. Cau-xky trả lời họ một cách rất đích đáng, bằng cách đem so sánh giá ruộng đất với giá thuê nhà: người ta đều biết rằng những căn nhà nhỏ thuê rẻ tiền, lại hóa ra *đắt hơn* những căn nhà lớn thuê giá cao nếu người ta tính theo khối lượng (tính ra 1 xa-gien khối v. v.). Nếu những khoảnh đất nhỏ lại phải mua đắt hơn, thì đấy không phải là do tính ưu việt của nền tiểu nông, mà là do tình cảnh đặc biệt bị áp bức của nông dân. Những số liệu sau đây cho thấy số rất lớn những doanh nghiệp nhỏ xíu mà chủ nghĩa tư bản đã đẻ ra: ở Đức (1895) trong số 5 500 000 doanh nghiệp nông nghiệp, thì 4 250 000, nghĩa là trên 3/4, có diện tích dưới 5 héc-ta mỗi doanh nghiệp (58% doanh nghiệp nông nghiệp có dưới 2 héc-ta mỗi doanh nghiệp). Ở Bỉ, 78% (709 500 trong số 909 000) có dưới 2 héc-ta mỗi doanh nghiệp. Ở Anh (1895) trong số 520 000 doanh nghiệp nông nghiệp thì 118 000 có dưới 2 héc-ta mỗi doanh nghiệp. Ở Pháp (1892), có 2 200 000 (trong số 5 700 000) doanh nghiệp có dưới 1 héc-ta và 4 000 000 doanh nghiệp có dưới 5 héc-ta mỗi doanh nghiệp. Ông Bun-ga-cốp tưởng có thể bác bỏ được điều khẳng định của Cau-xky về tính chất hết sức bất hợp lý của

những doanh nghiệp nhỏ xíu đó (thiếu sức vật cày kéo, nông cụ, tiền, nhân công, vì nhân công bỏ trống đi tìm nghề phụ để kiếm ăn) bằng cách nói rằng người ta "thường hay" (??) trồng trọt bằng cuộc xéng mà "mức độ thâm canh cũng đạt tới mức không tưởng tượng được", tuy rằng... "việc sử dụng nhân lực lại hết sức bất hợp lý". Cố nhiên là lời bác bỏ Cau-xky như thế không có căn cứ gì cả, và những ví dụ cá biệt về người tiểu nông canh tác rất tốt ruộng đất, đều không thể nào bác bỏ được sự đánh giá chung của Cau-xky về loại doanh nghiệp tiểu nông này, cũng như ví dụ trên đây về khả năng thu nhập được nhiều hơn của một doanh nghiệp nhỏ không thể nào bác bỏ được luận điểm về tính ưu việt của nền sản xuất lớn. Cau-xky thật là hoàn toàn có lý khi gọi *chung** những doanh nghiệp ấy là những doanh nghiệp vô sản hóa, điều đó đã được chứng minh rõ ràng bởi sự thật là có vô số những doanh nghiệp nhỏ không đứng vững được nếu không có nghề phụ; sự thật ấy đã được cuộc điều tra ở Đức năm 1895, làm sáng tỏ. Trong tổng số 4 700 000 người, là nông dân độc lập, thì 2 700 000 người, tức 57%, có làm thêm nghề phụ. Trong số 3 200 000 nông hộ có dưới 2 héc-ta, thì chỉ có 400 000 nông hộ, tức 13%, là không làm thêm nghề phụ! Trong cả nước Đức, trong số 5 500 000 doanh nghiệp nông nghiệp thì có 1 500 000 doanh nghiệp là của công nhân làm thuê nông nghiệp hoặc công nghiệp (+ 704 000 doanh nghiệp của những thợ thủ công). Thế mà ông Bun-ga-cốp còn dám khẳng định rằng lý luận

* Sở dĩ chúng tôi nhấn mạnh chữ "chung" là vì, đương nhiên, người ta không thể phủ nhận được rằng, trong một vài trường hợp, cả những doanh nghiệp có một diện tích ruộng đất nhỏ hẹp cũng có thể tạo ra nhiều sản phẩm và có được số thu nhập nhiều (trồng nho, trồng rau, v. v.). Nhưng bạn nghĩ như thế nào về một nhà kinh tế học muốn bác bỏ một luận cứ về tình hình nông dân Nga thiếu ngựa, lại viện lẽ, chẳng hạn, rằng nông dân trồng rau ở ngoại ô Mát-xcơ-va, tuy không có con ngựa nào, đôi khi cũng vẫn có thể tổ chức được một doanh nghiệp hợp lý và có khả năng sinh lợi?

về các doanh nghiệp nhỏ bị vô sản hóa là do Cau-xky "dựng lên" đấy!* Cau-xky đã nghiên cứu một cách hết sức cặn kẽ những hình thức vô sản hóa của nông dân (hình thức các nghề phụ

* Trong một chú thích ở trang 15, ông Bun-ga-cốp nói rằng Cau-xky lập lại sai lầm của những tác giả một cuốn sách bàn về giá lúa mì⁵², khi tính toán rằng tuyệt đại đa số dân cư nông thôn không có lợi gì trong việc đánh thuế quan vào lúa mì. Đó là một ý kiến mà chúng tôi không thể đồng ý được. Những tác giả cuốn sách bàn về giá lúa mì đã phạm nhiều sai lầm (mà tôi đã nhiều lần nêu lên trong cuốn sách đã dẫn ra ở trên), nhưng sai lầm của họ không phải là ở chỗ họ thừa nhận sự thực là đại đa số nhân dân không có lợi gì trong việc duy trì giá lúa mì cao. Họ chỉ có sai lầm là đã từ đó mà kết luận *trục tiếp* rằng lợi ích của quần chúng cũng là lợi ích của toàn bộ sự tiến triển của xã hội. Hai ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki và Xto-ru-vê đã nói rất đúng rằng *tiêu chuẩn* của giá lúa mì phải ở chỗ này: nó dùng chủ nghĩa tư bản xóa bỏ được tương đối nhanh hay không chế độ lao dịch và nó có đẩy nhanh hay không sự phát triển của xã hội? Đây là một vấn đề thực tế mà tôi giải quyết khác với ông Xto-ru-vê. Theo tôi, không có gì chứng minh rằng giá lúa mì hạ thì kìm hãm sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp. Trái lại, sự phát triển đặc biệt nhanh chóng của việc chế tạo máy móc nông nghiệp và việc giá lúa mì hạ kích thích sự chuyên môn hóa nông nghiệp, chứng tỏ rằng giá cả hạ *thúc đẩy* sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp nước Nga (xem "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", tr. 147, chú thích 2 trong chương III, § V)¹⁾. Giá lúa mì hạ có một tác dụng cải tạo sâu sắc đối với hết thảy các quan hệ khác trong nông nghiệp.

Ông Bun-ga-cốp viết: "Một trong những điều kiện quan trọng của chế độ thâm canh là nâng cao giá lúa mì" (ông P. X. cũng viết như vậy trong mục "Bình luận tình hình trong nước", trang 299, cũng trong số đó của tạp chí "Bước đầu"). Như thế là không chính xác. Mác đã vạch ra trong phần VI, quyển III, bộ "Tư bản", rằng khả năng sinh lợi của việc đầu tư thêm trong kinh doanh ruộng đất, có thể giảm xuống, *nhưng cũng có thể tăng lên*, khi giá lúa mì hạ xuống, thì địa tô có thể bị sụt, *nhưng cũng có thể tăng lên*³⁾. Do đó, chế độ thâm canh - trong những thời kỳ lịch sử khác nhau và trong những nước khác nhau - có thể được thúc đẩy bởi những điều kiện hoàn toàn khác nhau, chứ không phụ thuộc vào giá lúa mì cao hay hạ.

1) Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 3, tr. 207.

của nông dân) (S. 174 - 193). Đáng tiếc là ở đây, chúng tôi không có chỗ để bàn chi tiết đặc điểm của những hình thức đó (lao động làm thuê trong nông nghiệp, công nghiệp thủ công - Hausindustrie - "chế độ bóc lột tư bản chủ nghĩa tồi tệ, xấu xa nhất"; lao động trong công xưởng và trong hầm mỏ, v. v.). Chỉ cần chú ý rằng, đối với *những nghề làm ngoài làng*, Cau-xky đã đánh giá hoàn toàn giống như các học giả Nga. Những công nhân làm các nghề đó, là không phát triển bằng công nhân thành phố và có những nhu cầu thấp hơn công nhân thành phố, cho nên thường có ảnh hưởng có hại đến điều kiện sinh hoạt của công nhân thành phố. "Nhưng đối với những địa phương mà họ bỏ ra đi và lại quay trở về, thì họ là những người mở đường cho tiến bộ... Họ đã hấp thụ những nhu cầu mới, những tư tưởng mới" (S. 192), họ làm thức tỉnh ý thức và lòng tự trọng con người của nông dân những vùng xa xôi hẻo lánh, họ làm thức tỉnh ở những nông dân này, lòng tin vào lực lượng của mình.

Để kết luận, chúng ta hãy xét đến một đòn công kích cuối cùng đặc biệt dữ dội của ông Bun-ga-cốp chống lại Cau-xky. Cau-xky nói rằng ở Đức, từ 1882 đến 1895, số lượng những doanh nghiệp nhỏ nhất và những doanh nghiệp lớn nhất (xét về mặt diện tích) tăng lên nhiều nhất (thành thử, tình trạng ruộng đất phân ra từng mảnh nhỏ thì diễn ra ở những doanh nghiệp loại trung bình). Thật vậy, số doanh nghiệp có từ 1 héc-ta trở xuống, tăng 8,8%; số doanh nghiệp có từ 5 đến 20 héc-ta, tăng 7,8% và số doanh nghiệp trên 1 000 héc-ta, tăng 11% (các loại trung gian thì hầu như không thay đổi; và tổng số doanh nghiệp nông nghiệp tăng 5,3%). Ông Bun-ga-cốp rất lấy làm bất bình về việc người ta đưa ra làm dẫn chứng những tỷ số phần trăm về các doanh nghiệp lớn nhất, mà số lượng chúng thì không đáng kể (từ 515 tăng lên thành 572, trong những năm nói trên). Sự bất bình của ông Bun-ga-cốp thật là không có chút căn cứ nào cả. Ông ta quên rằng, những doanh nghiệp đó tuy

không đáng kể về số lượng, nhưng chính đó là những doanh nghiệp lớn nhất, chúng *chiếm một diện tích gần tương đương với diện tích của từ 2 300 000 đến 2 500 000* doanh nghiệp nhỏ xíu (dưới 1 héc-ta). Nếu tôi nói rằng trong nước, số công xưởng lớn nhất, có 1 000 công nhân trở lên, đã tăng từ 51 đến 57 cái, nghĩa là 11,0%, trong khi tổng số công xưởng tăng 5,3%, thì như thế há lại không chứng minh được sự phát triển của nền sản xuất lớn hay sao, tuy rằng *con số* những công xưởng lớn nhất có thể là không đáng kể, so với tổng số các xí nghiệp công nghiệp? Về diện tích, số doanh nghiệp nông dân có từ 5 đến 20 héc-ta, đã tăng nhiều nhất (xem sách của ông Bun-ga-cốp, tr. 18), sự thật đó được Cau-xky biết rõ và đã được ông phân tích trong chương sau.

Tiếp đó, Cau-xky nghiên cứu những sự thay đổi về số lượng diện tích cả ở các loại doanh nghiệp khác nhau, trong những năm 1882 và 1895. Sự thực chứng tỏ rằng những doanh nghiệp nông dân có từ 5 đến 20 héc-ta đã tăng nhiều nhất (+ 563 477 héc-ta), rồi đến những doanh nghiệp lớn nhất có trên 1 000 héc-ta (+ 94 014), trong khi đó thì diện tích các doanh nghiệp quy mô từ 20 đến 1 000 héc-ta đã *giảm mất* 86 809 héc-ta. Các doanh nghiệp có từ 1 héc-ta trở xuống đã tăng diện tích lên 32 683 héc-ta, và diện tích những doanh nghiệp quy mô từ 1 đến 5 héc-ta đã tăng lên 45 604 héc-ta.

Cau-xky kết luận rằng: diện tích những doanh nghiệp có quy mô từ 20 đến 1 000 héc-ta thì giảm đi (diện tích giảm sút này được bù lại, nhiều hơn số giảm, là nhờ diện tích tăng lên của những doanh nghiệp có từ 1 000 héc-ta trở lên), là vì nền sản xuất lớn được thâm canh hóa chứ không phải vì nền sản xuất đó bị suy sụp. Chúng ta đã thấy rằng sự thâm canh hóa đó đã tiến triển ở Đức, và thường thường nó đòi hỏi phải giảm bớt diện tích doanh nghiệp. Sản xuất lớn được thâm canh hóa, điều đó lộ rõ ở chỗ là số máy hơi nước ngày càng được dùng nhiều, và số nhân viên nông

ng nghiệp cũng ngày càng tăng lên một cách rõ rệt, số nhân viên này, ở Đức, chỉ được dùng trong nền sản xuất lớn mà thôi. Từ 1882 đến 1895, số nhân viên quản lý trại ấp (thanh tra), nhân viên cai quản, kế toán, v. v., tăng từ 47 465 người lên đến 76 978 người, nghĩa là tăng 62%; tỷ số phần trăm phụ nữ, trong số nhân viên đó, tăng từ 12% đến 23,4%.

"Tất cả những điều trên đây chứng tỏ rằng từ đầu những năm 80, nền sản xuất lớn nông nghiệp lại càng trở nên thâm canh hóa hơn và càng có tính chất tư bản chủ nghĩa hơn biết bao. Trong chương sau, chúng ta sẽ thấy vì sao cũng trong thời gian ấy, chính những doanh nghiệp nông dân loại trung bình lại tăng diện tích nhiều đến thế" (S. 174).

Ông Bun-ga-cốp coi sự mô tả đó "mâu thuẫn ghê gớm với thực tế", nhưng lần này nữa, lý lẽ của ông ta cũng hoàn toàn không biện hộ được một lời buộc tội dứt khoát và táo bạo như vậy, và hoàn toàn không lay chuyển gì được những kết luận của Cau-xky. Ông ta viết rằng: "Trước hết, dù có giả định rằng có một sự thâm canh hóa trong nông nghiệp đi nữa, thì cũng vẫn chưa đủ để giải thích được sự giảm sút tương đối và tuyệt đối về diện tích canh tác, chưa đủ để giải thích sự giảm sút toàn bộ tỷ trọng của loại doanh nghiệp có từ 20 đến 1 000 héc-ta. Diện tích ruộng đất canh tác có thể tăng lên đồng thời với số doanh nghiệp, số doanh nghiệp này chỉ cần (sic!) tăng nhanh hơn lên một chút, thế là diện tích mỗi doanh nghiệp đó đều giảm đi"*.

Chúng tôi có dụng ý trích dẫn toàn bộ lập luận mà ông Bun-ga-cốp đưa ra để định kết luận rằng "thật là thuần túy ảo tưởng nếu cho rằng diện tích của một doanh nghiệp giảm đi là do ảnh

* Ông Bun-ga-cốp dẫn ra những số liệu còn chi tiết hơn nữa, song những số liệu đó hoàn toàn không thêm được gì hơn cho những số liệu của Cau-xky, vì những số liệu đó cũng vạch ra một sự tăng lên như thế về số doanh nghiệp của một loại đại địa chủ và sự giảm bớt diện tích ruộng đất.

hưởng của một nền sản xuất được thâm canh hóa hơn" (sic!), vì lập luận đó biểu lộ một cách nổi bật cũng cái sai lầm do sự lạm dụng "các số liệu thống kê" mà ra, sai lầm mà Cau-xky đã hết sức dè dặt trước cho chúng ta đừng mắc phải. Ông Bun-ga-cốp đề ra một yêu cầu nghiêm khắc đến lối bịch đối với thống kê về *diện tích* của các doanh nghiệp; ông ta gán cho thống kê đó có một ý nghĩa quan trọng mà không bao giờ nó có thể có được. Thực vậy, vì sao diện tích canh tác lại phải tăng lên "một chút" như vậy? Vì sao việc thâm canh hóa doanh nghiệp (như chúng ta đã thấy, đôi khi việc thâm canh hóa đó khiến phải bán hoặc đem cho nông dân thuê mượn những khoảnh đất ở ngoại vi) lại không "được" làm cho một số doanh nghiệp thuộc loại cao chuyển xuống loại thấp? vì sao việc thâm canh hóa đó lại không "được" làm cho những doanh nghiệp có từ 20 đến 1 000 héc-ta giảm bớt diện tích canh tác?* Trong một tài liệu thống kê công nghiệp, thì sự giảm bớt *tổng giá trị sản lượng* của những công xưởng lớn nhất sẽ chứng tỏ một sự suy sụp của nền sản xuất lớn. Nhưng việc những doanh nghiệp lớn giảm bớt 1,2% *diện tích*, thì không có ý nghĩa gì cả, và cũng *không thể có ý nghĩa gì cả* đối với khối lượng của sản xuất là cái thường khi tăng lên cùng một lúc với sự giảm bớt diện tích doanh nghiệp. Chúng ta đều biết rằng, ở châu Âu nói chung, ngành chăn nuôi đã lấn át ngành trồng trọt ngũ cốc; hiện tượng đó biểu lộ đặc biệt rõ rệt ở Anh. Người ta biết rằng bước chuyển đó đôi khi đòi hỏi phải giảm bớt diện tích các doanh nghiệp, nhưng nếu từ chỗ ấy mà suy luận ra rằng nền sản xuất lớn đã bị suy sụp thì há chẳng phải là kỳ cục hay sao? Do đó, cũng cần nói thêm rằng cái "biểu đồ hùng hồn" do ông Bun-ga-cốp trình bày ở trang 20

* Trong loại này, diện tích giảm từ 16 986 101 xuống còn 16 802 115 héc-ta, nghĩa là giảm tất cả... 1,2%! Đó là một chứng cứ thực sự vững vàng về "sự hấp hối" của nền sản xuất lớn, mà ông Bun-ga-cốp đã nhận thấy, chẳng phải như thế hay sao?

chỉ ra rằng số các doanh nghiệp lớn và nhỏ đều giảm bớt, còn số doanh nghiệp loại trung bình (từ 5 đến 20 héc-ta) có sức vật kéo thì tăng lên, - biểu đồ đó lại cũng hoàn toàn chưa chứng minh được gì cả. Hiện tượng đó xảy ra cũng có thể do một sự thay đổi trong phương thức kinh doanh.

Nền sản xuất nông nghiệp lớn ở Đức trở thành thâm canh hóa hơn và có tính chất tư bản chủ nghĩa hơn, điều đó lộ rõ trước hết ở chỗ là số máy móc nông nghiệp *chạy bằng hơi nước* tăng lên: từ 1879 đến 1897, tăng gấp 5 lần. Ông Bun-ga-cốp đã hoàn toàn sai lầm khi viện lẽ rằng, con số tuyệt đối về *tất cả* những máy móc *nói chung* (chứ không phải máy hơi nước) trong các doanh nghiệp nhỏ (từ 20 héc-ta trở xuống) thì lớn hơn nhiều so với trong các doanh nghiệp lớn; và cũng viện lẽ rằng ở Mỹ, máy móc được sử dụng trong nền nông nghiệp quảng canh. Hiện nay, chúng ta chưa nói đến nước Mỹ mà nói đến nước Đức là nơi không có bonanza farms. Sau đây là số liệu về tỷ lệ phần trăm các doanh nghiệp có máy cày và máy đập chạy bằng hơi nước ở Đức (1895):

Các doanh nghiệp	Tỷ lệ phần trăm các doanh nghiệp sử dụng:	
	máy cày chạy bằng hơi nước	máy đập chạy bằng hơi nước
dưới 2 héc-ta	0,00	1,08
từ 2 đến 5 héc-ta	0,00	5,20
từ 5 đến 20 héc-ta	0,01	10,95
từ 20 đến 100 héc-ta	0,10	16,60
từ 100 héc-ta trở lên	5,29	61,22

Và hiện nay, nếu tổng số máy hơi nước dùng trong nông nghiệp ở Đức, đã tăng gấp 5 lần, thì điều đó há lại không chứng minh được rằng nền sản xuất lớn đã trở thành thâm canh hóa hơn hay sao? Chỉ cần không được quên, - như

ông Bun-ga-cốp đã quên một lần nữa ở trang 21, - rằng trong nông nghiệp, việc mở rộng quy mô kinh doanh không phải luôn luôn có nghĩa là diện tích kinh doanh tăng lên.

Thứ nữa, nền sản xuất lớn ngày càng có một tính chất tư bản chủ nghĩa hơn, điều đó lộ rõ ở chỗ là số nhân viên nông nghiệp tăng lên. Ông Bun-ga-cốp đã sai lầm khi cho là "kỳ cục" cái lý lẽ đó của Cau-xky khi thấy số công nhân làm thuê nông nghiệp giảm xuống: "số sĩ quan mà tăng lên thì đồng thời quân số giảm xuống". Chúng tôi xin nhắc lại: rira bien qui rira le dernier*! Không những Cau-xky không quên cái hiện tượng là số công nhân nông nghiệp giảm đi, mà ông còn nêu ra hiện tượng đó một cách chi tiết trong cả một loạt nước nữa. Nhưng hiện tượng đó không có dính dáng gì ở đây cả, bởi vì chính là tổng số dân cư nông thôn giảm xuống, trong khi đó thì số người tiểu nông vô sản hóa lại tăng lên. Giả định rằng một điền chủ lớn không sản xuất ngũ cốc mà chuyển sang trồng củ cải đường và chế biến ra đường (ở Đức, năm 1871/72, người ta đã chế biến 2 200 000 tấn củ cải đường; năm 1881/82, 6 300 000 tấn; năm 1891/92, 9 500 000 tấn; năm 1896/97, 13 700 000 tấn). Lại giả định nữa rằng điền chủ ấy hoặc bán hoặc cho người tiểu nông thuê những khoảnh đất ở vùng ngoại vi doanh nghiệp của hắn, nhất là khi hắn cần thuê vợ và con cái người tiểu nông làm công nhật trong những đồn điền trồng củ cải đường. Giả định rằng hắn sử dụng một máy cày chạy bằng hơi nước, khiến cho người thợ cày cũ trở thành thừa (trong các doanh nghiệp trồng củ cải đường ở Dắc-dên, - "các

* Nhận xét sau đây của ông Bun-ga-cốp thật là kỳ dị, nhận xét đó cho rằng số nhân viên tăng lên, có lẽ chứng tỏ sự phát triển của nông nghiệp công nghệ, *nhưng không chứng tỏ (!)* nền sản xuất lớn ngày càng thâm canh hóa. Chúng tôi cho rằng, cho đến nay, một trong những hình thức quan trọng nhất của thâm canh hóa, là sự tiến bộ về kỹ thuật trong nông nghiệp (*Cau-xky đã mô tả chi tiết và nhận xét về sự tiến bộ đó trong chương X*).

doanh nghiệp kiểu mẫu, trông theo lối thâm canh"* - hiện nay người ta dùng một cách phổ biến máy cày chạy bằng hơi nước). Số công nhân làm thuê sẽ giảm xuống. Số nhân viên có trình độ cao (nhân viên kế toán, quản lý, kỹ thuật, v.v.) nhất định phải tăng lên. Ông Bun-ga-cốp liệu có thể chối cãi được rằng chúng ta đang chứng kiến một nền sản xuất lớn ngày càng được thâm canh hóa hơn và ngày càng có tính chất tư bản chủ nghĩa hơn, không? Liệu ông ta có dám quả quyết rằng không có một tình hình nào như thế xảy ra ở Đức không?

Để kết thúc đoạn trình bày chương VIII trong cuốn sách của Cau - xky bàn về sự vô sản hóa của nông dân, thì cần phải trích dẫn đoạn văn sau đây do Cau-xky viết tiếp theo đoạn trích dẫn trên kia mà ông Bun-ga-cốp đã nêu lên: "Điều làm chúng ta chú ý ở đây là hiện tượng dân cư nông thôn ngày càng thêm vô sản hóa ở Đức cũng như ở các nơi khác, mặc dù ở Đức không còn thấy biểu hiện cái khuynh hướng là các doanh nghiệp loại trung bình phân ra từng mảnh. Từ 1882 đến 1895, tổng số các doanh nghiệp nông nghiệp tăng thêm 281 000. Trong tổng số đó tăng nhiều hơn cả là các doanh nghiệp nông nghiệp vô sản hóa có từ 1 héc-ta trở xuống. Con số tăng thêm của những doanh nghiệp đó là 206 000.

"Như chúng ta đã thấy, sự vận động của nông nghiệp có một tính chất hoàn toàn đặc biệt, và hoàn toàn khác với sự vận động của tư bản công nghiệp và thương nghiệp. Trong chương trước, chúng tôi đã vạch ra rằng trong nông nghiệp, cái xu hướng đem tập trung các doanh nghiệp lại, không làm cho nền sản xuất nhỏ bị hoàn toàn xóa bỏ. Khi mà xu hướng đó đi quá xa, thì nó để ra xu hướng ngược lại, thành thử xu hướng tập trung và xu hướng phân ra từng mảnh lại lần lượt nối tiếp nhau. Chúng ta nhận thấy rằng

* Kärger, do Cau-xky trích dẫn, S. 45¹⁾.

1) - Kéc-gơ, do Cau-xky trích dẫn, tr. 45

hiện nay hai xu hướng đó cũng có thể cùng biểu hiện song song. Người ta nhận thấy số doanh nghiệp mà chủ của chúng xuất hiện trên thị trường hàng hóa, với tư cách là những người vô sản, là những người bán sức lao động của mình thì ngày càng tăng lên... Tất cả những lợi ích căn bản của những người tiểu nông này, về mặt họ là những người bán loại hàng hóa - sức lao động đó, phù hợp với lợi ích của giai cấp vô sản công nghiệp, và sở hữu ruộng đất của họ không tạo ra sự đối kháng giữa họ và giai cấp vô sản công nghiệp. Có một mảnh đất riêng cho mình thì người tiểu nông, ít hay nhiều đều thoát khỏi được tay nhà buôn thực phẩm, nhưng vẫn không thoát khỏi được ách bóc lột của các chủ xí nghiệp tư bản chủ nghĩa, - vô luận những chủ xí nghiệp đó là ở trong công nghiệp hoặc ở trong nông nghiệp" (S. 174).

Trong bài sau, chúng tôi sẽ trình bày phần còn lại trong cuốn sách của Cau-xky và sẽ nhận xét tổng quát cuốn sách đó, đồng thời trong quá trình nhận xét sẽ xét đến những lời bác bẻ mà ông Bun-ga-cốp đã trình bày trong bài tiếp theo của ông ta.

BÀI THỨ HAI

I

Trong chương IX cuốn sách của mình ("Khó khăn ngày càng tăng của nền nông nghiệp thương phẩm"), Cau-xky chuyển sang phân tích *những mâu thuẫn* vốn có của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa. Những lời bác bẻ của ông Bun-ga-cốp - mà chúng ta sẽ nghiên cứu sau đây - đối với chương này chứng tỏ rằng nhà phê phán không hiểu một cách thật chính xác ý nghĩa chung của "những khó khăn" đó. Có "những khó khăn", tuy là "một trở ngại" cho sự phát triển đầy đủ của một nền nông nghiệp hợp lý, nhưng đồng thời lại *thúc đẩy sự phát triển* của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa. Thí dụ, trong số "những khó khăn", Cau-xky nêu ra việc dân số nông thôn giảm sút. Không ai có thể chối cãi được rằng khi những người lao động giỏi nhất, có kiến thức nhất rời bỏ làng mạc của họ, thì đấy là "một trở ngại" cho sự phát triển đầy đủ của một nền nông nghiệp hợp lý, nhưng cũng không thể chối cãi được rằng những người kinh doanh nông nghiệp đấu tranh chống lại trở ngại đó *bằng cách phát triển kỹ thuật*, nghĩa là sử dụng máy móc.

Cau-xky nghiên cứu "những khó khăn" sau đây: a) địa tô, b) quyền thừa kế, c) những sự hạn chế về quyền đó, chế độ con trưởng thừa kế (Fideikommiß, Anerbenrecht)⁵⁴, d) thành thị bóc lột nông thôn, đ) dân số nông thôn giảm sút.

Địa tô là bộ phận giá trị thặng dư còn lại sau khi đã trừ lợi nhuận bình quân do số vốn đầu tư vào doanh nghiệp đem lại. Sự độc quyền sở hữu ruộng đất cho phép chủ

ruộng chiếm lấy phần thừa đó, còn giá ruộng đất (= địa tô tư bản hóa) thì *cố định* mức địa tô đã đạt được trong một thời kỳ nhất định. Đương nhiên là địa tô "gây khó khăn" cho sự hợp lý hóa nông nghiệp một cách đầy đủ: chế độ cho thuê ruộng đất cản trở những sự cải tiến, v.v., chế độ cầm cố buộc người ta phải dành vốn lớn hơn không phải vào việc sản xuất mà là để mua ruộng đất. Ông Bun-ga-cốp phản đối, nói rằng, một là, nợ cầm cố tăng lên là điều "không có gì đáng sợ" cả. Ông ta chỉ quên rằng Cau-xky đã vạch ra - không phải "theo một ý nghĩa khác", mà chính là theo ý nghĩa đó - rằng cầm cố tăng lên, đó là điều không thể tránh được, ngay cả khi nền nông nghiệp đang phồn thịnh cũng vậy (xem trên đây, bài thứ nhất, II). Nhưng hiện nay, thì Cau-xky hoàn toàn không đặt vấn đề xem cầm cố tăng lên là "có đáng sợ" hay không; ông ta chỉ tìm cách xác định những khó khăn đã ngăn trở không cho chủ nghĩa tư bản làm tròn sứ mệnh của nó. Hai là, theo lời ông Bun-ga-cốp, "nếu cho rằng việc tăng địa tô chỉ là một trở ngại, thì chưa chắc đã đúng... Đối với nông nghiệp, việc tăng địa tô và những khả năng tăng địa tô đều là một nhân tố kích thích có tính chất độc lập, thúc đẩy nông nghiệp đi vào con đường tiến bộ kỹ thuật và những tiến bộ khác nữa" (in là quá trình, có lẽ đây là một lỗi ấn loát). Nhân tố kích thích thúc đẩy nông nghiệp tư bản chủ nghĩa đi vào con đường tiến bộ là sự tăng thêm dân số, tăng thêm cạnh tranh và phát triển công nghiệp. Còn địa tô là một món cống vật mà bọn chiếm hữu ruộng đất đã thu được nhờ sự phát triển của xã hội, sự tiến bộ về kỹ thuật. Cho nên nếu khẳng định rằng việc tăng địa tô là "một nhân tố kích thích có tính chất *độc lập*" thúc đẩy sự tiến bộ, thì như vậy là không đúng. Về mặt lý luận, nền sản xuất tư bản chủ nghĩa có thể hoàn toàn đi đôi với việc không có chế độ tư hữu về ruộng đất, với việc quốc hữu hóa ruộng đất (Kautsky, S. 207), tức là khi mà hoàn toàn không có địa tô tuyệt đối, còn địa tô

chênh lệch thì thuộc về nhà nước. Nhân tố kích thích sự tiến bộ về nông học không vì vậy mà bị yếu đi, trái lại còn được tăng cường lên rất nhiều.

Cau-xky nói: "Thật không có gì sai lầm bằng, nếu nghĩ rằng nâng cao (in die Höhe treiben) giá các doanh nghiệp hay duy trì giá đó một cách nhân tạo ở mức cao, là có lợi cho nông nghiệp. Như vậy là phục vụ lợi ích của bọn địa chủ hiện nay (augenblicklichen), lợi ích của các ngân hàng cầm cố và của những kẻ đầu cơ các doanh nghiệp, chứ không phục vụ gì lợi ích của nông nghiệp cả, và lại càng không phục vụ gì lợi ích tương lai của nông nghiệp cả, lợi ích của thế hệ các nhà kinh doanh nông nghiệp sau này" (199). Mà giá ruộng đất thì chính là địa tô tư bản hóa.

Khó khăn thứ hai mà nền nông nghiệp thương phẩm vấp phải là ở chỗ nền nông nghiệp này tất yếu đòi hỏi phải thực hành quyền tư hữu về ruộng đất, và do đó mà kết quả là một khi ruộng đất được để lại làm di sản thì hoặc là ruộng đất sẽ bị phân ra từng mảnh nhỏ (ở *một đời* nơi, sự phân nhỏ đó thậm chí dẫn đến một sự thoái bộ về kỹ thuật), hoặc bị cầm cố (khi người thừa kế nhận được ruộng đất, phải trả cho những người thừa kế khác số tư bản bằng tiền mà người này đã vay mượn bằng cách cầm cố ruộng đất đó). Ông Bun-ga-cốp trách Cau-xky là dường như "trong khi mô tả thì đã quên không nói đến mặt tích cực" của sự di nhượng ruộng đất. Lời chỉ trích đó không có căn cứ gì cả, vì Cau-xky, - trong phần lịch sử của cuốn sách của ông (cụ thể là trong chương III, mục I, bàn về nền nông nghiệp phong kiến và những nguyên nhân làm cho nông nghiệp tư bản chủ nghĩa thay thế nông nghiệp phong kiến) cũng như trong phần nói về sự áp dụng trong thực tế*, - đã

* Cau-xky cương quyết chống lại mọi sự hạn chế kiểu trung cổ đối với sự di nhượng ruộng đất, chống lại chế độ con trưởng thừa kế (Fideikommiß và Anerbenrecht), chống lại sự ủng hộ đối với chế độ công xã nông dân kiểu trung cổ (S. 332), v.v..

vạch rõ cho độc giả thấy mặt tích cực và tính tất yếu lịch sử của chế độ tư hữu về ruộng đất, của sự lệ thuộc của nông nghiệp vào sự cạnh tranh, và do đó cả của sự di nhượng ruộng đất nữa. Còn về một lời chỉ trích khác của ông Bun-ga-cốp nói rằng Cau-xky không nghiên cứu vấn đề "mức độ tăng nhân khẩu một cách khác nhau trong các miền khác nhau", thì chúng tôi hoàn toàn không thể hiểu nổi lời chỉ trích ấy. Phải chăng ông Bun-ga-cốp thật sự mong tìm thấy trong cuốn sách của Cau-xky những lời bàn luận về thuyết nhân khẩu?

Chúng ta không cần bàn đến vấn đề chế độ con trưởng thừa kế nữa, vấn đề này (sau đoạn trình bày ở trên) không có gì là mới cả; chúng ta hãy bàn sang vấn đề thành thị bóc lột nông thôn. Khi ông Bun-ga-cốp cho rằng Cau-xky "không đem những mặt tích cực, - trước hết là tầm quan trọng của thành thị về mặt là thị trường của nông nghiệp, - để đối lập với những mặt tiêu cực", như vậy là ông Bun-ga-cốp trực tiếp mâu thuẫn với thực tế. *Ngay từ trang đầu* của chương chuyên bàn về "nền nông nghiệp hiện đại" (S.30 u. ff.¹⁾), Cau-xky đã vạch ra một cách hết sức rõ ràng tầm quan trọng của thành thị về mặt là thị trường của nông nghiệp. Cau-xky cho rằng chính "công nghiệp thành thị" (S. 292) đã đóng vai trò cơ bản trong việc cải tạo nông nghiệp, trong việc hợp lý hóa nông nghiệp, v.v..*

Vì vậy, chúng tôi hoàn toàn không thể hiểu nổi vì sao ông Bun-ga-cốp lại có thể lặp lại cũng những ý kiến đó trong bài báo của ông ta (trang 32, số 3 của tờ "Bước đầu"), *tựa hồ như* ông muốn đem những ý kiến đó ra để *đối lập với những ý kiến của Cau-xky!* Đó là một ví dụ đặc biệt nổi bật về lối trình bày sai lệch của nhà phê bình nghiêm

* Đồng thời xem S. 214, trong đó Cau-xky nói tới vai trò của các tư bản thành thị đối với việc hợp lý hóa nông nghiệp.

1) - Seite 30 und folgende - tr. 30 và các trang sau

khắc về cuốn sách được đem ra phê bình. Ông Bun-ga-cốp giảng giải cho Cau-xky như thế này: "Không được quên" rằng, "một phần giá trị" (được đưa vào thành thị) "lại trở về nông thôn". Mọi người sẽ nghĩ rằng Cau-xky quên mất cái chân lý sơ thiểu ấy. Thực ra, Cau-xky đã phân biệt việc đưa (từ nông thôn vào thành thị) những giá trị không được đổi lấy vật ngang giá và những giá trị có được đổi lấy vật ngang giá; Cau-xky phân biệt điều đó còn rõ ràng hơn ông Bun-ga-cốp rất nhiều. Thoạt đầu, Cau-xky nghiên cứu "việc đưa những giá trị hàng hóa không được đổi lấy vật ngang giá (Gegenleistung) từ nông thôn vào thành thị" (S. 210) (địa tô đem tiêu phí ở thành thị, thuế khóa, lợi tức trả về khoản tiền vay của các ngân hàng ở thành phố), mà ông ta nhận định rất đúng rằng đó là thành thị bóc lột nông thôn về mặt kinh tế. Rồi, Cau-xky đặt vấn đề về việc đưa những giá trị có được đổi lấy vật ngang giá từ nông thôn vào thành thị, tức là vấn đề nông phẩm đổi lấy sản phẩm công nghiệp. Cau-xky viết: "Đứng về mặt quy luật giá trị mà xét, thì việc đưa những giá trị vào thành thị như vậy không có nghĩa là bóc lột nông nghiệp*; thực ra thì, cùng với những sự kiện nói trên đây, việc đó dẫn đến một sự bóc lột nông nghiệp về mặt nông học (stofflichen), dẫn đến chỗ làm cho ruộng đất giảm màu mỡ đi" (S. 211).

Về việc thành thị bóc lột nông thôn về mặt nông học thì Cau-xky cũng đồng ý với một trong những luận điểm cơ bản của lý luận của Mác và Ăng-ghe-n, tức là luận điểm cho rằng sự đối lập giữa thành thị và nông thôn phá hủy sự tương ứng và sự lệ thuộc lẫn nhau cần thiết giữa nông

* Độc giả hãy so sánh đoạn giải thích rõ ràng của Cau-xky mà chúng tôi dẫn ra ở đây, với nhận xét có tính chất "phê phán" sau đây của ông Bun-ga-cốp: "Nếu Cau-xky cho rằng nói chung, việc những người trực tiếp sản xuất bán lúa mì cho dân cư phi nông nghiệp, là bóc lột", v. v. Thực không thể tin được rằng một nhà phê bình có biết đôi chút về cuốn sách của Cau-xky mà lại có thể viết chữ "nếu" đó!

nghiệp và công nghiệp, và do đó, khi chủ nghĩa tư bản trở thành một hình thức cao hơn thì sự đối lập đó tất phải mất đi*. Ông Bun-ga-cốp cho rằng ý kiến của Cau-xky về việc thành thị bóc lột nông thôn về mặt nông học là "kỳ lạ", và cho rằng "vô luận thế nào đi nữa, trong vấn đề này, Cau-xky cũng đã sa vào ảo tưởng hoàn toàn" (sic!!!). Chúng tôi lấy làm lạ là ông Bun-ga-cốp bỏ qua một điều là quan điểm của Cau-xky mà ông phê bình đó lại là quan điểm nhất trí với một trong những tư tưởng cơ bản của Mác và Ăng-ghe-n. Độc giả có quyền nghĩ rằng ông Bun-ga-cốp đã coi cái tư tưởng cho rằng sự đối lập giữa thành thị và nông thôn sẽ phải mất đi, là một "ảo tưởng hoàn toàn". Nếu quả thực ý kiến của nhà phê bình là như vậy thì chúng tôi cương quyết không đồng ý với ông, và chúng tôi đứng về phía "ảo tưởng" (nghĩa là, thực ra thì không phải là ảo tưởng, mà là một sự phê phán chủ nghĩa tư bản một cách sâu sắc hơn). Quan điểm cho rằng phải là một kẻ ảo tưởng mới tin được rằng sự đối lập giữa thành thị và nông thôn sẽ phải mất đi, quan điểm đó không có gì là mới cả. Đây là quan điểm thông thường của các nhà kinh tế học tư sản. Một vài tác giả có tư tưởng sâu sắc hơn, cũng đã lặp lại quan điểm ấy. Thí dụ, ông Duy-rinh cho rằng mâu thuẫn giữa thành thị và nông thôn "căn cứ vào bản chất của sự việc mà xét, là điều tất nhiên không tránh được".

Tiếp đó, ông Bun-ga-cốp lấy làm "kinh ngạc" (!) khi thấy Cau-xky nói đến nạn dịch bệnh ngày càng thường xuyên

* Dĩ nhiên là quan điểm về sự tất yếu phải xóa bỏ sự đối lập giữa thành thị và nông thôn trong một xã hội của những người sản xuất liên hiệp, hoàn toàn không mâu thuẫn với việc thừa nhận vai trò tiến bộ *lịch sử* của quá trình thu hút nhân khẩu nông thôn rời bỏ nông nghiệp vào công nghiệp. Tôi đã từng có dịp viết về điểm này ở một chỗ khác ("Những bài nghiên cứu", tr. 81, chú thích 69)¹⁾.

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 272, chú thích.

xảy ra với cây cối và súc vật, và coi đó là một trong những khó khăn của nền nông nghiệp thương phẩm và của chủ nghĩa tư bản. Ông Bun-ga-cốp nói: "Chủ nghĩa tư bản có liên quan gì ở đây..? Liệu một tổ chức xã hội cao nào đó lại có thể xóa bỏ được sự tất yếu phải hoàn thiện các giống thú nuôi chẳng? Về phần mình, chúng tôi lấy làm kinh ngạc vì sao ông Bun-ga-cốp lại không thể hiểu được ý kiến hoàn toàn rõ ràng của Cau-xky. Các giống cây và súc vật cũ do quá trình đào thải tự nhiên tạo ra, thì dần dần được thay thế bằng những giống "hoàn thiện" hơn, do sự chọn lọc nhân tạo tạo ra. Cây cối và súc vật trở nên ẻo lả hơn, đòi hỏi phải chăm nom nhiều hơn. Do những phương tiện giao thông hiện nay, nạn dịch bệnh lan tràn ra một cách nhanh chóng phi thường, mà phương thức kinh doanh lại vẫn là cá thể, phân tán, thường thường có quy mô nhỏ (của nông dân) và tiến hành trong điều kiện thiếu kiến thức, thiếu phương tiện. Chủ nghĩa tư bản thành thị ra sức phát triển kỹ thuật nông nghiệp bằng cách làm cho kỹ thuật đó hưởng thụ được tất cả những thành tựu của khoa học hiện đại, nhưng chủ nghĩa tư bản thành thị vẫn duy trì địa vị xã hội của những người sản xuất trong một tình trạng thảm hại như cũ, và không truyền bá vào nông thôn nền văn hóa của thành thị, một cách có hệ thống và có kế hoạch. Không có một tổ chức xã hội cao nào lại xóa bỏ được sự cần thiết phải cải thiện giống gia súc (hiển nhiên là Cau-xky không bao giờ có ý nghĩ nói ra một điều vô lý như vậy), nhưng kỹ thuật càng phát triển, các giống gia súc và cây trồng càng trở nên ẻo lả*, thì tổ chức xã hội tư bản chủ nghĩa hiện nay lại càng thấy khó khăn vì thiếu một sự kiểm soát xã hội, và vì tình cảnh bị đè nén của nông dân và công nhân.

* Vì vậy, trong phần bàn về những việc áp dụng trong thực tế, Cau-xky đề ra việc tổ chức kiểm tra tình hình vệ sinh cho gia súc và tình hình nuôi dưỡng gia súc (S. 397).

Cau-xky cho rằng "khó khăn" cuối cùng của nông nghiệp thương phẩm là ở chỗ: "dân số nông thôn giảm sút", các thành phố thu hút số nhân công có năng lực nhất, thu hút những người lao động có nghị lực nhất và có kiến thức nhất. Ông Bun-ga-cốp cho rằng, nói chung thì luận điểm đó "vô luận thế nào đi nữa cũng là không đúng", rằng "sự phát triển hiện nay của nhân khẩu thành thị nhờ thu hút nhân khẩu nông thôn, hoàn toàn không biểu hiện quy luật phát triển của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa", mà lại biểu hiện hiện tượng số nhân khẩu nông nghiệp ở những nước công nghiệp, ở những nước có xuất khẩu, di chuyển sang bên kia đại dương, sang các thuộc địa. Tôi cho rằng ông Bun-ga-cốp sai. Sự tăng thêm nhân khẩu thành thị (nói chung là nhân khẩu công nghiệp) nhờ thu hút nhân khẩu nông thôn, không phải chỉ là một hiện tượng hiện thời, mà là một hiện tượng phổ biến, nó biểu hiện *chính quy luật* của chủ nghĩa tư bản. Cơ sở lý luận của quy luật đó, như tôi đã trình bày ở một chỗ khác*, - thì một là: sự tiến bộ của việc phân công xã hội đã tách ra khỏi nền nông nghiệp nguyên thủy ngày càng nhiều ngành công nghiệp**; hai là: số tư bản khả biến cần thiết để canh tác

* "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", ch. I, § 2 và ch. VIII, § 2.¹⁾

** Ông Bun-ga-cốp, trong khi nêu lên sự kiện đó, nói rằng "nhân khẩu nông nghiệp có thể giảm sút một cách *tương đối* (do ông Bun-ga-cốp viết ngả), ngay cả khi tình hình nông nghiệp phồn thịnh". Trong xã hội tư bản chủ nghĩa, không những nhân khẩu nông nghiệp "có thể" bị giảm sút, mà còn *tất nhiên* phải bị giảm sút... Ông Bun-ga-cốp kết luận: "Ở đây sự giảm sút tương đối (của nhân khẩu nông nghiệp) chỉ (síc!) biểu hiện sự phát triển của các ngành mới của lao động nhân dân". Chữ "chỉ" ở đây thật là hết sức kỳ quặc. Những ngành công nghiệp mới đã thu hút mất "số nhân công có nghị lực nhất và có kiến thức nhất" của nông nghiệp. Do đó chỉ lý do đơn giản như thế cũng

1) Xem toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 3.

một mảnh đất nhất định, nói chung bị giảm xuống (xem "Das Kapital", III, 2, S. 177. Bản dịch ra tiếng Nga, tr. 526.⁵⁵ Do tôi đã dẫn ra trong cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", các tr. 4 và 444¹⁾). Chúng tôi đã nhận xét ở đoạn trên rằng trong một vài trường hợp và trong một vài thời kỳ, người ta thấy rằng số tư bản khả biến cần thiết để canh tác một mảnh đất nhất định, có tăng lên, nhưng điều ấy không ảnh hưởng gì đến sự chính xác của quy luật chung cả. Cố nhiên là Cau-xky không hề nghĩ đến việc phủ nhận điều sau đây: không phải trong tất cả mọi trường hợp cá biệt, sự giảm sút tương đối của nhân khẩu nông nghiệp đều biến thành sự giảm sút tuyệt đối, và mức độ của sự giảm sút tuyệt đối đó cũng phụ thuộc vào sự phát triển của các thuộc địa tư bản chủ nghĩa. Trong nhiều đoạn cuốn sách của mình, Cau-xky đã vạch rõ hoàn toàn sự phát triển đó của các thuộc địa tư bản chủ nghĩa là những xứ đã làm lúa mì rẻ tiền tràn ngập châu Âu. ("Cũng vẫn cái hiện tượng dân cư nông thôn bỏ làng mạc ra đi ấy (Landflucht) đã làm cho nông thôn châu Âu giảm bớt dân số, và luôn luôn đưa đến, không những cho các thành phố, mà cả cho các thuộc địa nữa, những đám người mới gồm những nông dân khỏe mạnh vạm vỡ..." S. 242.) Công nghiệp đã thu hút mất của nông nghiệp những người lao động khỏe mạnh nhất, có nghị lực nhất và có kiến thức nhất; đấy là một hiện tượng phổ biến mà người ta đã thấy không những trong các nước công nghiệp, mà cả trong những

đủ thấy luận điểm chung của Cau-xky là *hoàn toàn đúng*: muốn chứng minh sự chính xác của luận điểm chung đó (chủ nghĩa tư bản thu hút mất của nông nghiệp số nhân công có nghị lực nhất và có kiến thức nhất), thì chỉ cần nêu hiện tượng giảm bớt nhân khẩu nông thôn một cách *tương đối*, là hoàn toàn đủ thấy rõ.

1) Xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 3, tr. 24 và 563.

nước nông nghiệp, không những ở Tây Âu mà cả ở Mỹ và ở Nga nữa. Sự đổi lập do chủ nghĩa tư bản đã tạo ra giữa nền văn minh của thành thị và tình trạng dã man của nông thôn, nhất định dẫn đến kết quả đó. Ông Bun-ga-cốp coi "nhận định" cho rằng "không có nhập khẩu rất nhiều lúa mì thì không thể nào quan niệm được một sự giảm sút nhân khẩu nông thôn đi đôi với sự tăng thêm tổng số nhân khẩu", là một nhận định "hiển nhiên". Theo tôi, nhận định ấy chẳng những đã không phải hiển nhiên, mà rõ ràng là sai lầm. Người ta rất có thể quan niệm được một sự giảm sút nhân khẩu nông nghiệp đi đôi với sự tăng thêm tổng số nhân khẩu (thành thị được mở rộng) mà thậm chí không cần nhập khẩu lúa mì (năng suất lao động nông nghiệp tăng lên khiến số lượng người lao động ít hơn vẫn có thể cung cấp được một số sản phẩm ngang với trước kia hoặc thậm chí còn nhiều hơn nữa). Người ta cũng có thể quan niệm được một sự tăng thêm tổng số nhân khẩu đi đôi với một sự giảm sút của nhân khẩu nông nghiệp và một sự giảm sút (hoặc là tăng lên, nhưng không theo tỷ lệ tương đương) của số lượng sản phẩm nông nghiệp, - sở dĩ "có thể quan niệm" được điều đó là vì chủ nghĩa tư bản đã làm cho mức ăn của dân chúng ngày càng ít đi.

Ông Bun-ga-cốp khẳng định rằng, hiện tượng về sự phát triển của các doanh nghiệp nông dân loại trung bình ở Đức, từ 1882 đến 1895, - hiện tượng mà Cau-xky đã chỉ ra và giải thích bằng nguyên nhân là những doanh nghiệp đó ít bị thiếu nhân công hơn, - hiện tượng đó "có thể làm lay chuyển được toàn bộ kết cấu" của Cau-xky. Vậy, chúng ta hãy xét kỹ hơn nữa các điều khẳng định của Cau-xky.

Theo số liệu thống kê nông nghiệp, thì tăng nhiều nhất từ năm 1882 đến 1895, chính là diện tích các doanh nghiệp có từ 5 đến 20 héc-ta. Năm 1882, diện tích loại doanh nghiệp đó chiếm 28,8% tổng số diện tích; năm 1895, chiếm 29,9%. Sự tăng lên của những doanh nghiệp nông dân loại

trung bình đó đi đôi với sự giảm sút diện tích của các doanh nghiệp loại lớn của nông dân (có từ 20 đến 100 héc-ta; năm 1882: 31,1%; năm 1895: 30,3%). Cau-xky nói rằng: "Những số liệu đó làm nức lòng tất cả những người công dân tốt bụng nào đã coi nông dân là chỗ dựa vững chắc nhất của chế độ hiện nay. Họ hơn hử kêu to lên là: như vậy là nền nông nghiệp không có chuyển động gì cả, và giáo điều của Mác không thể thích dụng với nó được". Người ta giải thích sự phát triển của các doanh nghiệp nông dân loại trung bình như là bước đầu của một thời kỳ phồn vinh mới của nông dân.

"Nhưng sự phồn vinh đó lại bắt rễ trong vũng lầy", - Cau-xky đã trả lời những công dân tốt bụng ấy như thế. "Sự phồn vinh đó không phải do *đời sống khá giả* của nông dân, mà là do tình trạng *bị thống trị* của toàn bộ nông nghiệp mà có" (230). Cau-xky vừa nói rằng, "mặc dù tất cả sự tiến bộ kỹ thuật, nhưng ở *một vài nơi* (do Cau-xky viết ngả) đã xảy ra hiện tượng - hiện tượng này, người ta không thể nghi ngờ gì được - là: nông nghiệp bị suy sụp" (228). Sự suy sụp đó dẫn đến chỗ, chẳng hạn, làm cho chế độ phong kiến sống trở lại, dẫn đến những mưu toan muốn trói buộc người lao động vào ruộng đất và bắt họ phải chịu những món tạp dịch nào đó. Vậy có gì là đáng ngạc nhiên, nếu do tình trạng "bị thống trị" đó mà những hình thức kinh doanh lỗi thời sống trở lại? Vậy có gì là đáng ngạc nhiên, nếu nông dân chống chọi được lâu hơn trong thời kỳ khủng hoảng, nhất là nông dân nói chung, khác với nhân công trong nền sản xuất lớn ở chỗ là nông dân có nhu cầu thấp hơn và có khả năng nhiều hơn để chịu đói và lao động đến kiệt sức?*

* Ở một đoạn khác, Cau-xky nói: "Trong một tình hình tuyệt vọng, người tiểu nông chống chọi được lâu hơn. Người ta hoàn toàn có quyền hoài nghi rằng đây có thật là một điểm ưu việt của nền sản xuất nhỏ không" (S. 134).

"Cuộc khủng hoảng nông nghiệp xảy đến với hết thảy các giai cấp nông thôn sản xuất hàng hóa; xảy đến với cả trung nông nữa" (S. 231).

Nhân tiện đây, chúng tôi xin nêu lên rằng những quan điểm của Cau-xky đều hoàn toàn được chứng thực bởi những số liệu của Cơ-ních là người đã trình bày tỉ mỉ, trong cuốn sách của mình "Die Lage der englischen Landwirtschaft etc.", Jena, 1896, von Dr. F. Koenig)¹⁾ tình hình nông nghiệp nước Anh, trong một vài lãnh địa thuộc loại điển hình nhất. Trong cuốn sách đó có một loạt tài liệu về lao động quá mức và về sự tiêu dùng thối nát của tiểu nông so với công nhân làm thuê, chứ không có một tài liệu nào ngược lại cả. Thí dụ như chúng tôi đọc thấy rằng: khả năng thu nhập của các doanh nghiệp nhỏ là do ở chỗ "hết sức (ungeheuer) cần cù và tằn tiện" (88); nhà ở của tiểu nông tồi tàn hơn (107); những người tiểu nông (yeoman farmer) sống trong những điều kiện tồi tệ hơn những người tá điền (149); "tình cảnh của những người tiểu nông thật là hết sức thảm hại (trong lãnh địa Lin-côn-sia); nhà cửa của họ tồi tàn hơn nhà cửa của công nhân trong những ấp trại lớn, và có một số nhà ở hoàn toàn xiêu vẹo. Lao động của họ nặng nhọc, vất vả hơn và bị kéo dài nhiều hơn lao động của người công nhân thường, nhưng thu nhập lại kém hơn. Họ sống khổ hơn và ít được ăn thịt hơn... con trai, con gái của họ làm việc không công, và ăn mặc rách rưới" (157). "Người phéc-mi-ê nhỏ lao động như nô lệ, mùa hè thường thường họ làm từ 3 giờ sáng đến 9 giờ tối" (thông báo của Chamber of Agriculture²⁾ ở Bô-xton, S. 158). Một phéc-mi-ê lớn nói: "Không còn nghĩ ngờ gì cả, một người kinh doanh nhỏ (der kleine Mann) có ít vốn và làm mọi việc bằng sức của những người trong gia đình mình đều có khả năng dễ dàng giảm bớt được chi phí gia đình, còn người phéc-mi-ê lớn thì vô luận là năm được mùa hay mất mùa cũng cứ phải nuôi tử tế những công nhân nông nghiệp làm việc cho mình" (218). Những người phéc-mi-ê nhỏ (ở Ai-rơ-sai-ơ) "tỏ ra hết sức (ungeheuer) cần cù; vợ, con họ lao động không kém gì người làm công nhật, và thường khi còn hơn thế nữa, người ta bảo hai người trong bọn họ làm một ngày bằng ba công nhân làm thuê" (231). "Người tá điền nhỏ bắt buộc phải lao động với gia đình họ, thì sống như nô lệ thật sự" (253). "Nhìn chung... hình như người phéc-mi-ê nhỏ đã

1) - Bác sĩ Ph. Cơ-ních. "Tình hình nông nghiệp Anh v. v.". I-ê-na, 1896

2) - phòng nông nghiệp

Tất cả những luận điểm đó của Cau-xky thật là rõ ràng đến nỗi hình như không thể nào không hiểu được. Nhưng nhà phê bình rõ ràng là không hiểu những luận điểm ấy. Ông Bun-ga-cốp không cho chúng ta biết quan điểm của ông: ông ta giải thích sự phát triển của những doanh nghiệp nông dân trung bình, bằng cách này hay cách khác, nhưng ông lại gán cho Cau-xky cái ý kiến cho rằng dường như "sự phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa dẫn đến chỗ làm nông nghiệp bị tiêu vong". Rồi ông Bun-ga-cốp la lối lên: "Lời khẳng định của Cau-xky về sự suy sụp của nông nghiệp là sai, tùy tiện, không có chứng cứ; lời khẳng định ấy mâu thuẫn với những sự thật cơ bản nhất của thực tế", v.v., v.v..

Ở đây, chúng tôi xin bạn đọc lưu ý rằng ông Bun-ga-cốp trình bày lại những tư tưởng của Cau-xky một cách hoàn toàn sai lệch. Cau-xky không hề nói rằng sự phát triển của chủ nghĩa tư bản dẫn đến chỗ làm cho nông nghiệp bị tiêu vong, mà lại khẳng định ngược hẳn lại. Chỉ có hoàn toàn không chú ý gì đến cuốn sách của Cau-xky, mới có thể lấy những lời nói của Cau-xky về kinh tế nông nghiệp bị thống trị (= khủng hoảng), về sự thoái bộ về kỹ thuật biểu hiện ra ở một vài nơi (nota bene¹⁾), mà kết luận rằng Cau-xky nói đến nông nghiệp bị "suy sụp", bị "tiêu vong". Trong chương X, chuyên bàn về vấn đề cạnh tranh ở hải ngoại (tức là điều kiện cơ bản của khủng hoảng nông nghiệp), Cau-xky

chịu đựng khủng hoảng giỏi hơn người phéc-mi-ê lớn, nhưng như vậy không có nghĩa là những doanh nghiệp nhỏ có khả năng thu nhập được nhiều hơn. Theo chúng tôi, lý do là ở chỗ người kinh doanh nhỏ (der kleine Mann) được gia đình mình giúp sức không công... Thường thường... thì tất cả gia đình người phéc-mi-ê nhỏ đều làm lụng trong doanh nghiệp của anh ta... Trẻ con lao động thì được nuôi ăn và họa hoàn lương mới được lĩnh một số tiền công nhật nào đó" (277-278), v.v., v. v..

1) — xin chú ý

nói: "Cuộc khủng hoảng sắp xảy ra nay mai, đương nhiên (natürlich) không nhất thiết (braucht nicht) phải làm suy sụp nền công nghiệp bị tác hại của cuộc khủng hoảng. Chỉ trong những trường hợp rất hiếm, tình hình đó mới xảy ra. Theo quy luật chung, thì khủng hoảng chỉ đem lại một sự cải tạo, theo hướng tư bản chủ nghĩa, các quan hệ sở hữu hiện có" (273-274). Nhận xét đó - được đưa ra khi bàn về cuộc khủng hoảng trong các ngành nông nghiệp công nghệ - đã nói lên rõ ràng quan điểm chung của Cau-xky về ý nghĩa của khủng hoảng. Cũng trong chương ấy, Cau-xky nhắc lại quan điểm đó cả đối với toàn bộ nền nông nghiệp: "Những điều vừa nói trên đây, hoàn toàn không cho phép nói đến sự tiêu vong của nông nghiệp (Man braucht deswegen noch lange nicht von einem Untergang der Landwirtschaft zu sprechen). Nhưng ở nơi nào mà phương thức sản xuất hiện đại được xác lập vững chắc thì ở nơi đó, tính chất bảo thủ của nông nghiệp vĩnh viễn biến mất, không còn trở lại nữa. Người kinh doanh nông nghiệp nhất định bị phá sản, nếu anh ta cứ giữ cái nếp làm ăn bảo thủ cũ (Das Verharren beim Alten), anh ta phải luôn luôn theo dõi sự tiến bộ kỹ thuật, anh ta phải luôn luôn làm cho sản xuất của mình thích ứng với điều kiện mới... Ở nông thôn cũng vậy, đời sống kinh tế cho đến nay, với một sự đơn điệu khắc nghiệt, vẫn đi theo nếp cũ ngàn đời không thay đổi, thì từ nay về sau, đời sống kinh tế đó đã ở trong trạng thái cách mạng hóa thường xuyên, nghĩa là ở trong trạng thái đặc trưng của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa" (289).

Ông Bun-ga-cốp "không hiểu được" vì sao những xu hướng phát triển lực lượng sản xuất trong nông nghiệp lại có thể dung nạp được với các xu hướng làm tăng thêm khó khăn của nền nông nghiệp thương phẩm. Ở đây có gì là không hiểu được đâu?? Trong nông nghiệp cũng như trong công nghiệp, chủ nghĩa tư bản thúc đẩy hết sức mạnh sự

phát triển của lực lượng sản xuất, nhưng chính sự phát triển đó lại ngày càng làm gay gắt thêm các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản và đem lại cho nó "những khó khăn" mới. Cau-xky phát triển một trong những tư tưởng cơ bản của Mác là người đã kiên quyết nhấn mạnh vai trò tiến bộ lịch sử của chủ nghĩa tư bản nông nghiệp (hợp lý hóa nông nghiệp, tách ruộng đất ra khỏi người kinh doanh nông nghiệp, giải phóng dân cư nông thôn khỏi các quan hệ thống trị và nô lệ, v.v.), đồng thời cũng không kém phần kiên quyết chỉ rõ cảnh bản cùng hóa và bị áp bức của những người trực tiếp sản xuất, sự không dung hợp giữa chủ nghĩa tư bản với những yêu cầu của nền nông nghiệp hợp lý. Thật là kỳ lạ quá đỗi, khi ông Bun-ga-cốp, tuy thừa nhận rằng "thế giới quan của ông về mặt triết học và xã hội đều nhất trí với Cau-xky"*, thế mà lại không nhận thấy rằng Cau-xky phát triển ở đây một tư tưởng cơ bản của Mác. Các bạn đọc của tờ "Bước đầu" nhất định sẽ băn khoăn tự hỏi rằng ông Bun-ga-cốp nghĩ ngợi như thế nào về những tư tưởng cơ bản đó và vì sao với cùng một thế giới quan như vậy mà ông lại có thể nói: "De principiis non est dispu-tandum"¹⁾!!? Chúng tôi xin mạn phép không tin vào lời nói đó của ông Bun-ga-cốp; chúng tôi cho rằng chính là vì có sự nhất trí về những "principia"²⁾ đó nên giữa ông ta và những người mác-xít khác có thể có sự tranh luận với nhau. Khi nói rằng chủ nghĩa tư bản hợp lý hóa nền nông nghiệp, rằng công nghiệp đem lại kỹ thuật cho nông nghiệp, v.v. thì ông Bun-ga-cốp chẳng qua chỉ lặp lại một trong những

* Về thế giới quan triết học, chúng tôi không biết rằng những lời đó của ông Bun-ga-cốp có đúng không. Hình như Cau-xky không phải là một người ủng hộ triết học phê phán, như ông Bun-ga-cốp.

1) - "Về những nguyên tắc thì người ta không tranh luận"

2) - nguyên tắc

"principia" đó mà thôi. Chỉ có điều sai lầm là ông ta đã nói: "trái ngược hẳn lại". Độc giả có thể tưởng rằng Cau-xky có một ý kiến khác, nhưng thật ra thì Cau-xky phát triển trong cuốn sách của ông, một cách rất dứt khoát và rõ ràng, những tư tưởng cơ bản đó của Mác. Cau-xky viết: "Chính công nghiệp đã tạo ra những điều kiện kỹ thuật và khoa học cho một nền nông nghiệp mới, hợp lý; chính công nghiệp đã cách mạng hóa nông nghiệp, bằng máy móc và phân bón nhân tạo, kính hiển vi và phòng hóa nghiệm, do đó mà tạo ra sự hơn hẳn về kỹ thuật của nền sản xuất lớn, tư bản chủ nghĩa, đối với nền sản xuất nhỏ của nông dân" (S. 292). Như vậy là Cau-xky không rơi vào cái mâu thuẫn mà chúng ta đã thấy ở ông Bun-ga-cốp là: một mặt, ông Bun-ga-cốp thừa nhận rằng "chủ nghĩa tư bản" (nghĩa là nền sản xuất dùng lao động làm thuê, tức là không phải nền sản xuất của nông dân, mà là nền sản xuất lớn chứ gì?) "hợp lý hóa nông nghiệp", nhưng mặt khác, ông Bun-ga-cốp lại khẳng định rằng "ở đây hoàn toàn không phải nền sản xuất lớn là nền sản xuất đã mang lại sự tiến bộ kỹ thuật đó!"

II

Chương X cuốn sách của Cau-xky bàn đến sự cạnh tranh ở hải ngoại việc công nghiệp hóa nền nông nghiệp. Ông Bun-ga-cốp phát biểu về chương đó bằng một giọng hết sức khinh mạn: "Không có cái gì đặc biệt mới mẻ hay độc đáo cả, chỉ rất những sự việc căn bản mà người ta đều đã biết ít nhiều rồi", v.v. chứ không giải thích rõ vấn đề cơ bản là quan niệm về khủng hoảng nông nghiệp, thực chất và ý nghĩa của nó. Ấy thế mà vấn đề đó lại có một tầm quan trọng rất lớn về mặt lý luận.

Quan niệm về khủng hoảng nông nghiệp tất nhiên là bắt nguồn từ quan niệm chung về sự tiến triển của nông nghiệp, quan niệm mà Mác đã đưa ra và Cau-xky đã phát

triển một cách chi tiết. Cau-xky thấy bản chất của cuộc khủng hoảng nông nghiệp trong sự kiện này: do sự cạnh tranh của những nước sản xuất lúa mì rất rẻ, cho nên nông nghiệp châu Âu không còn có thể bắt đông đảo những người tiêu thụ phải ẽ cỗ chịu những gánh nặng mà quyền tư hữu về ruộng đất và nền sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa đã trút cho nông nghiệp. Từ nay về sau, nông nghiệp châu Âu "*phải tự mình gánh lấy những cái đó* (những gánh nặng đó), và cuộc khủng hoảng nông nghiệp hiện nay chính là ở chỗ đó" (S. 239, do Cau-xky viết ngả). Trong số những gánh nặng đó, thì địa tô là gánh nặng chủ yếu. Ở châu Âu, sự tiến triển lịch sử trước đây đã đưa địa tô (địa tô chênh lệch cũng như địa tô tuyệt đối) lên một mức hết sức cao và địa tô được cố định bằng giá cả ruộng đất*. Trong các thuộc địa (Mỹ, Ác-hen-ti-na, v.v.) - chừng nào những nước đó còn là thuộc địa - thì ngược lại chúng ta thấy có những đất đai *bỏ trống*, do những di dân mới chiếm lấy mà hoàn toàn không trả tiền, hoặc trả với một giá rẻ mạt; hơn nữa, đây là những đất hoang phi nhiều đã làm cho chi phí sản xuất giảm xuống đến mức minimum¹⁾. Hoàn toàn dĩ nhiên là, từ trước tới nay, nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa châu Âu vẫn đem mức địa tô đã được đưa lên quá mức (dưới hình thức giá lúa mì cao), mà trút lên đầu người tiêu thụ; nhưng hiện nay thì gánh nặng địa tô đó lại đè lên đầu chính ngay những người kinh doanh nông nghiệp và người sở hữu ruộng đất và làm cho họ bị phá

* Về việc địa tô phình to và việc cố định địa tô, bạn đọc hãy xem những nhận xét thích đáng của *Pác-vu-xơ* trong cuốn "Thị trường thế giới và khủng hoảng nông nghiệp". Tác giả đồng ý với những quan điểm cơ bản của Cau-xky về khủng hoảng và về vấn đề nông nghiệp nói chung.

1) - tối thiểu

sản*. Như vậy là cuộc khủng hoảng nông nghiệp đã làm xáo động và đang tiếp tục làm xáo động trạng thái phồn vinh cũ của chế độ chiếm hữu ruộng đất tư bản chủ nghĩa và của nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa. Từ trước đến nay, chế độ chiếm hữu ruộng đất tư bản chủ nghĩa vẫn thu được một cống vật ngày càng lớn ở sự phát triển của xã hội, và dùng giá ruộng đất để cố định mức cống vật ấy. Hiện nay, chế độ chiếm hữu ruộng đất ấy buộc phải từ bỏ cống vật đó**. Nền nông nghiệp tư bản chủ nghĩa bị rơi vào tình trạng không ổn định vốn có của nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa, và nền nông nghiệp đó buộc phải thích ứng với những điều kiện mới của thị trường. Khủng hoảng nông nghiệp, cũng như mọi cuộc khủng hoảng khác, làm phá sản nhiều chủ ruộng, gây ra một sự đảo lộn sâu sắc trong các quan hệ sở hữu đã được xác lập, gây ra ở một vài nơi một sự thụt lùi về kỹ thuật, dẫn đến sự phục hồi những quan hệ và hình thức kinh tế thời trung cổ, nhưng nói chung, thì khủng hoảng nông nghiệp *đẩy nhanh* sự tiến triển xã hội, loại trừ trạng thái trì trệ kiểu gia trưởng ra khỏi những nơi ẩn nấp

* *Pác-vu-xơ*, sách đã dẫn, tr. 141. Dẫn ra trong tờ "Bước đầu", số 3, tr. 117, phê bình sách của Pác-vu-xơ¹⁾. Chúng tôi xin nói thêm rằng "những khó khăn" khác của nền nông nghiệp thương phẩm đè nặng lên châu Âu, thì chỉ đè nặng các thuộc địa trên một mức độ thấp hơn rất nhiều.

** Địa tô tuyệt đối là kết quả của địa vị độc quyền. Cau-xky viết: "May thay, địa tô tuyệt đối chỉ tăng lên có hạn... Cho đến thời gian gần đây, địa tô tuyệt đối tăng lên không ngừng ở châu Âu, cũng như địa tô chênh lệch vậy. Nhưng sự cạnh tranh ở hải ngoại đã phá vỡ sự độc quyền ấy trên một mức độ lớn. Chúng tôi không có căn cứ gì để nghĩ rằng, do sự cạnh tranh ở hải ngoại, địa tô chênh lệch cũng bị giảm đi ở châu Âu, trừ một vài vùng ở nước Anh... Nhưng địa tô tuyệt đối đã giảm xuống, và điều đó có lợi (zu gute gekommen) trước hết cho các giai cấp lao động" (S. 80. Cũng xem cả S. 328).

1) Xem tập này, tr. 79.

cuối cùng của nó, bắt buộc nông nghiệp phải tiếp tục chuyên môn hóa (một trong những nhân tố cơ bản của sự tiến bộ của nông nghiệp trong xã hội tư bản chủ nghĩa), phải sử dụng máy móc hơn nữa, v.v.. Nhìn chung - như Cau-xky đã chỉ rõ trong chương IV cuốn sách của ông, căn cứ theo số liệu về một số nước, - *ngay cả ở Tây Âu nữa*, trong những năm 1880 và 1890 chúng ta cũng không thấy có sự đình trệ trong nông nghiệp, mà trái lại, thấy có một sự tiến bộ về kỹ thuật. Sở dĩ chúng tôi nói *ngay cả ở Tây Âu nữa*, là vì ở Mỹ, chẳng hạn, sự tiến bộ đó lại còn hiển nhiên hơn nữa.

Nói tóm lại, chúng ta không có một lý do gì để cho rằng khủng hoảng nông nghiệp là một hiện tượng làm trở ngại cho chủ nghĩa tư bản và cho sự phát triển của chủ nghĩa tư bản.

PHÊ BÌNH SÁCH

Hốp-xơn. Sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại. *Dịch từ tiếng Anh. Xanh Pê-téc-bua. 1898. Nhà xuất bản của Ô. N. Pô-pô-va. Giá: 1 rúp 50 cô-pêch.*

Nói đúng ra, cuốn sách của Hốp-xơn không phải là một công trình nghiên cứu về sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại, mà là một loạt các bài khái luận, sử dụng chủ yếu những tài liệu của nước Anh, để bàn về sự phát triển công nghiệp trong những năm gần đây. Vì vậy, đầu đề của cuốn sách hơi rộng; tác giả hoàn toàn không bàn gì đến nông nghiệp, mà cả đối với kinh tế công nghiệp nữa, tác giả cũng chưa nghiên cứu được đầy đủ toàn diện. Căn cứ theo xu hướng của ông ta mà xét, thì Hốp-xơn cùng với các tác giả rất nổi tiếng như vợ chồng Ve-bơ, thuộc về một trong những trào lưu tiên tiến của tư tưởng xã hội Anh. Đối với "chủ nghĩa tư bản hiện đại", ông ta có một thái độ phê phán, ông ta dứt khoát công nhận là cần phải thay thế chủ nghĩa đó bằng một hình thức kinh tế xã hội cao hơn, và nói đến sự thay thế đó với một quan điểm thực tiễn và cải lương tiêu biểu của người Anh. Ông ta sở dĩ tin vững chắc rằng sự cải cách là cần thiết, thì chủ yếu là do kinh nghiệm, do chịu ảnh hưởng của lịch sử gần đây của các đạo luật công xưởng, do chịu ảnh hưởng của phong trào công nhân, của hoạt động của các hội đồng thị

chính ở Anh, v.v.. Hốp-xơn không có những quan điểm lý luận hoàn chỉnh và chặt chẽ, khả dĩ dùng làm cơ sở cho chương trình cải cách của ông ta và khả dĩ làm sáng tỏ được những vấn đề cục bộ thuộc chương trình đó. Vì vậy, Hốp-xơn chỉ có ưu điểm nổi nhất về mặt tập hợp và miêu tả những tài liệu mới nhất về thống kê và kinh tế. Ngược lại, khi đụng đến những vấn đề lý luận chung của chính trị kinh tế học, thì Hốp-xơn tỏ ra rất yếu. Độc giả Nga thậm chí phải ngạc nhiên khi thấy rằng, một tác giả có những kiến thức rộng như vậy và những ước vọng thực tiễn như vậy, - những ước vọng hoàn toàn đáng được đồng tình, - thế mà lại phải tốn công vất vả với vấn đề xác định "tư bản" là gì, tác dụng của "tiết kiệm" là gì, v.v.. Nhược điểm đó của Hốp-xơn hoàn toàn có thể giải thích được vì lẽ rằng về mặt chính trị kinh tế học, ông ta đã coi Gi. Xt. Min-ơ hơn Mác nhiều; Hốp-xơn cũng có trích dẫn Mác một đôi lần, nhưng rõ ràng là ông hoàn toàn không hiểu hoặc không biết Mác. Người ta không thể không lấy làm tiếc rằng Hốp-xơn đã hao phí lao động vô ích nhiều đến như vậy để lần cho ra những mâu thuẫn của chính trị kinh tế học tư sản và chính trị kinh tế học giảng đường. Trong trường hợp tốt nhất, thì ông ta đề ra được những giải pháp gần như những giải pháp mà Mác đã vạch ra từ lâu rồi; trong trường hợp tệ nhất, thì ông ta lặp lại những quan niệm sai lầm, mâu thuẫn rõ rệt với thái độ của ông ta đối với "chủ nghĩa tư bản hiện đại". Chương bảy: "Máy móc và tình trạng đình trệ trong công nghiệp", là chương ít đạt nhất. Trong chương đó, Hốp-xơn gắng sức làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về khủng hoảng, về tư bản xã hội và thu nhập xã hội trong xã hội tư bản, về tích lũy tư bản chủ nghĩa. Những ý kiến đúng về hiện tượng mất cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng trong xã hội tư bản, về tính chất vô chính phủ của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa, đều bị chìm mất trong một đống lập luận kinh viện về "tiết kiệm" (Hốp-xơn lẫn lộn tích lũy với

"tiết kiệm"), và trong đủ các loại câu chuyện tưởng tượng kiểu Rô-bin-xơn ("giả định rằng một người lao động, với những công cụ thô sơ, phát minh ra một công cụ mới... tiết kiệm thức ăn của mình", v.v.), v.v.. Hốp-xơn rất thích các đồ giải - và thường thường ông ta sử dụng rất khéo những đồ giải đó để minh họa sự trình bày của mình. Nhưng khái niệm về "cơ cấu của sản xuất" mà ông mô tả ở trang 207 (ch. VII) chỉ có thể làm cho những độc giả nào có hiểu biết đôi chút về "cơ cấu" thực tế của "sản xuất" *tư bản chủ nghĩa*, phải mỉm cười. Hốp-xơn lẫn lộn sản xuất với chế độ xã hội của sản xuất, và tỏ ra có một khái niệm hết sức mơ hồ về tư bản và về những bộ phận cấu thành của nó, cũng như về những giai cấp mà xã hội tư bản nhất định phải phân hóa ra. Trong chương VIII, Hốp-xơn cung cấp những số liệu bổ ích về thành phần của dân cư căn cứ theo nghề nghiệp, và về những biến đổi của thành phần đó theo thời gian, nhưng những lập luận của ông ta về "máy móc và nhu cầu về lao động" thì lại có thiếu sót lớn: ông ta bỏ qua lý luận về "nạn nhân khẩu thừa tư bản chủ nghĩa" hay lý luận về đạo quân lao động trù bị. Trong số những chương đạt của Hốp-xơn thì có những chương ông ta nghiên cứu tình cảnh của phụ nữ trong công nghiệp hiện đại và các thành thị hiện đại. Sau khi dẫn ra những tài liệu thống kê về việc mở rộng lao động phụ nữ và miêu tả những điều kiện hết sức tồi tệ trong đó phụ nữ phải lao động, Hốp-xơn nhận xét rất đúng rằng hy vọng duy nhất để cải thiện những điều kiện đó là việc thay thế lao động làm ở nhà bằng lao động ở công xưởng, điều đó sẽ đưa đến "những quan hệ xã hội chặt chẽ hơn" và đến "sự tổ chức". Về tác dụng của thành thị, thì cũng thế: quan điểm của Hốp-xơn gần với những quan điểm chung của Mác, ở chỗ là ông ta thừa nhận rằng sự đối lập giữa thành thị và nông thôn là mâu thuẫn với cơ cấu của xã hội theo chế độ tập thể. Những kết luận của Hốp-xơn sẽ còn có sức thuyết phục hơn nhiều, nếu cả

trong vấn đề này nữa ông không xem thường học thuyết của Mác. Như thế có lẽ ông ta ắt sẽ nhấn mạnh một cách rõ ràng hơn đến tác dụng tiến bộ lịch sử của những thành phố lớn và đến sự cần thiết phải kết hợp nông nghiệp với công nghiệp trong một tổ chức kinh tế theo chế độ tập thể. Chương cuối cùng trong cuốn sách của Hốp-xơn: "Nền văn minh và sự phát triển công nghiệp" gần như là chương khá nhất; trong chương này, tác giả dùng một loạt lý lẽ đạt nhất, để chứng minh là cần thiết phải cải cách cơ cấu hiện nay của công nghiệp bằng cách tăng cường "sự kiểm soát xã hội" và bằng việc "xã hội hóa công nghiệp". Khi đánh giá những quan điểm phần nào lạc quan của Hốp-xơn về biện pháp thực hiện "những cải cách" đó, thì phải chú ý đến những đặc điểm của lịch sử nước Anh và của đời sống ở Anh: sự phát triển rất mạnh mẽ của nền dân chủ, không có chủ nghĩa quân phiệt, thế lực rất lớn của các công liên có tổ chức, sự đầu tư ngày càng nhiều ra ngoài nước Anh làm giảm bớt mâu thuẫn đối kháng giữa chủ xí nghiệp và công nhân v.v..

Trong một cuốn sách nổi tiếng của mình về phong trào xã hội thế kỷ XIX, giáo sư V. Dôm-bác-tơ đặc biệt vạch ra cái "xu thế đi đến thống nhất" (đầu đề của chương VI), nghĩa là xu thế đi đến sự đồng nhất của phong trào xã hội ở các nước khác nhau dưới những hình thức và những sắc thái khác nhau của nó, song song với cái đó còn nêu lên cả xu thế phổ biến những tư tưởng mác-xít. Còn về nước Anh, thì Dôm-bác-tơ nhận thấy xu thế đó ở trong sự kiện này: các công liên Anh ngày càng từ bỏ "quan điểm thuần túy Man-se-xơ". Về cuốn sách của Hốp-xơn, chúng ta có thể nói rằng, do những đòi hỏi của cuộc sống - mà cuộc sống thì ngày càng chứng thực "dự kiến" của Mác là đúng - cho nên các tác giả tiên phong ở Anh bắt đầu nhận ra được tính chất thiếu căn cứ của chính trị kinh tế học tư sản cổ truyền, và trong khi vứt bỏ những thành kiến của

chính trị kinh tế học tư sản, họ vô tình ngày càng tiến đến gần chủ nghĩa Mác.

Bản dịch cuốn sách của Hốp-xơn có những thiếu sót rất cơ bản.

Viết xong vào tháng Tư 1899

In vào tháng Năm 1899 trong tạp chí "Bước đầu", số 5 *Theo đúng bản in trong tạp chí*
Ký tên: Vl. I-lin

TRẢ LỜI ÔNG P. NÊ-GIƠ-ĐA-NỐP

Trong số 4, tờ "Đời sống", ông P. Nê-giơ-đa-nốp phân tích bài báo của tôi và một vài bài báo của các tác giả khác bàn về lý luận thị trường⁵⁶. Ý định của tôi là chỉ muốn trả lời độc một điều khẳng định của ông P. Nê-giơ-đa-nốp cho rằng tôi "đã xuyên tạc cuộc đấu tranh của tôi chống lại lý luận về những người thứ ba", qua bài báo của tôi đăng trong số 1 tạp chí "Bình luận khoa học" năm nay. Đối với những vấn đề khác mà ông P. Nê-giơ-đa-nốp đặt ra có liên quan đến lý luận thị trường và đến những quan điểm của P. B. Xơ-ru-vê nói riêng, thì chỉ xin bạn đọc xem bài báo, trong đó tôi trả lời Xơ-ru-vê ("Lại bàn về vấn đề lý luận về thực hiện", bài này bị đăng chậm trong tạp chí "Bình luận khoa học" vì những lý do ngoài ý muốn của tác giả).

Ông P. Nê-giơ-đa-nốp khẳng định rằng "trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, không có một mâu thuẫn nào giữa sản xuất và tiêu dùng cả". Do đó, ông kết luận rằng, một khi thừa nhận mâu thuẫn đó, "Mác đã tự mâu thuẫn với mình một cách nghiêm trọng", còn tôi thì tái phạm sai lầm của Mác.

Tôi coi ý kiến của ông P. Nê-giơ-đa-nốp là hoàn toàn sai (hoặc là do hiểu lầm mà ra) và tôi không nhận ra được một mâu thuẫn nào trong những quan điểm của Mác cả.

Điều khẳng định của ông P. Nê-giơ-đa-nốp cho rằng dưới chế độ tư bản chủ nghĩa không có mâu thuẫn nào

cả giữa sản xuất và tiêu dùng, là một điều khẳng định rất kỳ cục đến nỗi chỉ có thể giải thích được điều đó bằng một *ý nghĩa* hoàn toàn *đặc biệt* mà ông đã gán cho khái niệm "mâu thuẫn". Đúng thế, ông P. Nê-giơ-đa-nốp cho rằng "nếu thực sự có một mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng, thì mâu thuẫn đó phải thường xuyên sản sinh ra sản phẩm thừa" (tr. 301; trong các luận điểm ở phần kết luận, người ta cũng thấy có quan niệm đó, tr. 316). Đây là một lối giải thích hoàn toàn tùy tiện và, theo ý tôi, lối giải thích đó hoàn toàn sai. Để phê phán những điều khẳng định của tôi về mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng trong xã hội tư bản, ông P. Nê-giơ-đa-nốp đáng lẽ phải (theo tôi nghĩ) trình bày cho độc giả thấy cách tôi quan niệm mâu thuẫn đó, chứ không phải chỉ trình bày những quan điểm riêng của ông ta về bản chất và ý nghĩa của mâu thuẫn ấy. Toàn bộ thực chất của vấn đề (vấn đề đã làm cho ông P. Nê-giơ-đa-nốp luận chiến với tôi) chính là ở chỗ tôi quan niệm mâu thuẫn mà chúng ta đang xem xét ấy hoàn toàn không giống như ông P. Nê-giơ-đa-nốp mong muốn. Tôi không hề nói ở đâu rằng mâu thuẫn đó phải *thường xuyên** sản sinh ra sản phẩm thừa; tôi không nghĩ như thế và cũng không thể rút ra một kết luận như vậy từ những lời của Mác. Mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản giữa sản xuất và tiêu dùng, là ở chỗ này: sản xuất tăng lên hết sức nhanh chóng và sự cạnh tranh làm cho sản xuất có xu thế bành trướng vô hạn, trong khi đó thì tiêu dùng (của cá nhân), dù có tăng lên đi nữa, cũng chỉ tăng rất ít; tình trạng quần chúng nhân dân bị vô sản hóa không cho phép tiêu dùng cá nhân tăng lên nhanh chóng được.

* Tôi nhấn mạnh hai chữ thường xuyên, vì sự sản xuất, một cách không thường xuyên ra sản phẩm thừa (khủng hoảng) là hiện tượng không thể tránh khỏi trong xã hội tư bản, do chỗ trong xã hội đó, tính cân đối giữa các ngành công nghiệp bị phá hoại. Mà, một tình hình tiêu thụ nào đó lại là một trong những yếu tố của tính cân đối.

Tôi nghĩ rằng bất kỳ bạn đọc nào chăm chú đọc những trang 20 và 30 trong tập "Những bài nghiên cứu" của tôi (bài báo do ông P. Nê-giơ-đa-nốp dẫn ra, trong đó có nói về các môn đồ của Xi-xmôn-đi) và trang 40 của tạp chí "Bình luận khoa học" (1899, số 1)¹⁾, cũng đều thấy rõ rằng ngay từ đầu, tôi đã *chỉ theo ý nghĩa đó* mà quan niệm mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng trong chế độ tư bản chủ nghĩa. Và lại, nếu tuân theo thật đúng lý luận của Mác, thì người ta không thể gán cho mâu thuẫn đó một ý nghĩa nào khác cả. Mâu thuẫn vốn có của chủ nghĩa tư bản, giữa sản xuất và tiêu dùng, chỉ là ở chỗ của cải quốc dân tăng lên thì đồng thời tình trạng nghèo khổ của nhân dân cũng trầm trọng thêm, ở chỗ lực lượng sản xuất của xã hội thì phát triển, mà tiêu dùng của nhân dân lại không tăng lên một cách tương xứng, và các lực lượng sản xuất ấy lại không được sử dụng vì lợi ích của quần chúng lao động. Hiểu theo nghĩa ấy thì mâu thuẫn đang được xem xét đó là một sự thật không thể nghi ngờ gì được, một sự thật mà kinh nghiệm hàng ngày của hàng triệu người đã xác nhận, và chính vì mục kích thấy sự thật ấy nên những người lao động mới đi đến các quan điểm mà lý luận của Mác đã thể hiện được một cách đầy đủ và khoa học. Mâu thuẫn đó tuyệt nhiên không đưa lại một hậu quả tất yếu là sản xuất thường xuyên ra sản phẩm thừa (như ông P. Nê-giơ-đa-nốp vẫn muốn nghĩ như vậy). Chúng ta hoàn toàn có quyền hình dung (bằng cách suy luận, trên phương diện thuần túy lý luận về một xã hội tư bản lý tưởng) một sự thực hiện toàn bộ sản phẩm trong xã hội tư bản, mà không có một sản phẩm thừa nào cả, *nhưng chúng ta không thể hình dung chủ nghĩa tư bản* mà lại không có hiện tượng mất cân đối giữa sản xuất và tiêu dùng. Sự mất cân đối

1) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 174 - 175, 190 - 191 và xem tập này, tr. 63 - 64.

đó biểu hiện ra (như Mác đã chỉ rõ ràng trong những công thức của Người) ở chỗ là sự sản xuất các tư liệu sản xuất có thể và phải vượt sự sản xuất các vật phẩm tiêu dùng.

Như vậy, ông P. Nê-giơ-đa-nốp đã kết luận rất sai rằng mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng phải thường xuyên sản sinh ra sản phẩm thừa, và từ sai lầm đó, ông ta đã đi đến chỗ buộc tội oan cho Mác là không nhất quán. Trái lại, Mác vẫn là người rất mực nhất quán khi Người vạch ra:

1) rằng sản phẩm *có thể* được thể hiện trong xã hội tư bản (dĩ nhiên với điều kiện là có sự cân đối giữa các ngành công nghiệp); rằng để giải thích sự thực hiện đó mà lại viện đến ngoại thương hoặc đến "những người thứ ba", như vậy là sai;

2) rằng các lý luận của những nhà kinh tế học tiểu tư sản (à la Pru-đông) về việc không thể thực hiện được *giá trị ngoại ngạch* đều là do chỗ hoàn toàn không hiểu gì về chính ngay quá trình thực hiện nói chung;

3) rằng ngay cả khi thừa nhận một sự thực hiện hoàn toàn cân đối, tron tru một cách lý tưởng, thì chúng ta cũng không thể hình dung được chủ nghĩa tư bản mà lại không có mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng, không có hiện tượng sản xuất thì phát triển phi thường, còn tiêu dùng của nhân dân lại tăng cực kỳ ít ỏi (thậm chí còn ngừng trệ hoặc bị giảm sút nữa). Sự thực hiện được tiến hành là dựa vào tư liệu sản xuất nhiều hơn là dựa vào vật phẩm tiêu dùng: những công thức của Mác đã nói lên rõ ràng điều đó; và điều đó cũng lại đưa đến cái hậu quả tất nhiên là "lực lượng sản xuất càng phát triển, thì nó càng mâu thuẫn với cơ sở chật hẹp mà trên đó các quan hệ tiêu dùng được xây dựng lên" (Mác)⁵⁷. Tất cả những đoạn văn trong bộ "Tư bản" bàn về mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng*

* Các đoạn văn đó đều được dẫn ra trong bài của tôi đăng trên tạp chí "Bình luận khoa học", số 1, năm 1899 và đã được nhắc lại

đều chứng tỏ rõ ràng là Mác vẫn quan niệm *chỉ theo ý nghĩa đó* về mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng.

Mặt khác, ông P. Nê-giơ-đa-nốp cho rằng có lẽ ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki cũng cho là không có mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng trong xã hội tư bản. Tôi không biết có đúng như thế không. Chính bản thân ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki cũng đã đưa ra trong cuốn sách của mình một công thức chỉ rõ rằng sản xuất có thể tăng lên, nhưng đồng thời tiêu thụ lại giảm đi (và tình hình đó, thực ra, có thể có được và vẫn xảy ra trong chế độ tư bản). Dù ở đây không có sản phẩm thừa đi nữa, nhưng liệu người ta có thể chối cãi được một sự thật là giữa sản xuất và tiêu dùng không có mâu thuẫn hay không?

Ngoài ra, trong khi buộc cho Mác (và cả cho tôi nữa) là không nhất quán, ông P. Nê-giơ-đa-nốp còn bỏ qua một điều là, để cho quan điểm của mình có căn cứ thì ông ta phải cắt nghĩa xem nên hiểu như thế nào "tính chất không lệ thuộc" của việc sản xuất tư liệu sản xuất đối với việc sản xuất vật phẩm tiêu dùng. Theo Mác thì "tính chất không lệ thuộc" ấy chỉ là ở chỗ này: một bộ phận nhất định (luôn luôn tăng lên) của sản phẩm, bao gồm những tư liệu sản xuất, thì được thực hiện bằng những sự trao đổi trong nội bộ khu vực nói trên, nghĩa là bằng những sự trao đổi tư liệu sản xuất lấy tư liệu sản xuất (hoặc bằng việc sử dụng *in natura*²⁾ sản phẩm đã làm ra để lại sản xuất nữa); nhưng *xét đến cùng*, thì việc sản xuất những tư liệu sản xuất nhất thiết phải gắn liền với việc sản xuất những vật phẩm tiêu dùng, là vì người ta sản xuất ra tư liệu sản xuất không

trong chương I của quyển "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", tr. 18 - 19¹⁾.

1) Xem tập này, tr. 63 và các trang sau; Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 3, tr. 46 - 48.

2) — dưới dạng hiện vật

phải vì để có tư liệu sản xuất mà chỉ là vì người ta ngày càng cần dùng thêm nhiều tư liệu sản xuất trong các ngành công nghiệp sản xuất ra những vật phẩm tiêu dùng*. Như vậy là sự khác nhau giữa quan điểm của các nhà kinh tế học tiểu tư sản với quan điểm của Mác không phải là ở chỗ các nhà kinh tế học đó đã thừa nhận rằng nói chung, trong xã hội tư bản, sản xuất và tiêu dùng có liên hệ với nhau, còn Mác thì, nói chung, lại phủ nhận điều đó (như thế sẽ là vô lý). Sự khác nhau là ở chỗ các nhà kinh tế học tiểu tư sản đều coi mối liên hệ giữa sản xuất và tiêu dùng là một mối liên hệ *trực tiếp* và họ nghĩ rằng *sản xuất đi theo sau tiêu dùng*. Trái lại, Mác đã vạch ra rằng mối liên hệ đó *chỉ là* một mối liên hệ *gián tiếp* và *chỉ có xét đến cùng*, mới thấy nó biểu hiện ra mà thôi, vì trong xã hội tư bản, *tiêu dùng đi theo sau sản xuất*. Nhưng dù là gián tiếp đi nữa, mối liên hệ ấy vẫn tồn tại; tiêu dùng rút cục vẫn phải đi theo sau sản xuất, và nếu lực lượng sản xuất có thúc đẩy sản xuất tăng lên vô hạn, còn tiêu dùng lại bị thu hẹp lại vì quần chúng nhân dân bị vô sản hóa, thì mâu thuẫn nhất định sẽ phát sinh. Mâu thuẫn này không có nghĩa là không thể có chủ nghĩa tư bản được**, mà nó

* "Das Kapital", III, 1, 289¹⁾ 58. Đoạn này do tôi trích dẫn trong tạp chí "Bình luận khoa học", tr. 40 và trong quyển "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", tr. 17²⁾.

** "Những bài nghiên cứu", tr. 20. Tạp chí "Bình luận khoa học", số 1, tr. 41. "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", tr. 19³⁾. Nếu mâu thuẫn đó tạo ra "sản phẩm thừa thường xuyên" thì mâu thuẫn đó chính là có nghĩa rằng không thể có chủ nghĩa tư bản được.

1) - "Tư bản", t. III, ph. 1, tr. 289

2) Xem tập này, tr. 64 và xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 3, tr. 42 - 45.

3) Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 175; xem tập này, tr. 65; Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 3, tr. 47 - 48.

chỉ có nghĩa là chủ nghĩa đó tất yếu phải chuyển lên một hình thức cao hơn: mâu thuẫn đó càng gay gắt, thì cả những điều kiện khách quan, lẫn những điều kiện chủ quan của sự chuyển biến đó, nghĩa là ý thức của người lao động đối với mâu thuẫn đó, càng phát triển.

Bây giờ người ta tự hỏi xem ông P. Nê-giơ-đa-nốp có thể theo lập trường nào khi xét vấn đề tư liệu sản xuất "không lệ thuộc" vào vật phẩm tiêu dùng? Chỉ có thể là một trong hai điều: hoặc ông ta định hoàn toàn phủ nhận bất cứ mối liên hệ nào giữa hai khu vực đó, ông ta sẽ khẳng định là có thể thực hiện được những tư liệu sản xuất *hoàn toàn không liên hệ* với những vật phẩm tiêu dùng, và thậm chí "xét đến cùng" thì cũng không liên hệ, - nếu thế ông ta tất nhiên sẽ đi đến một kết luận vô lý; hoặc ông ta theo Mác mà thừa nhận rằng tư liệu sản xuất, xét đến cùng vẫn có liên hệ với vật phẩm tiêu dùng, - như vậy ông ta sẽ buộc phải thú nhận rằng tôi đã hiểu đúng đắn lý luận của Mác.

Để kết luận, tôi lấy một ví dụ để minh họa cho những lập luận trừu tượng bằng những tài liệu cụ thể. Người ta biết rằng trong mọi xã hội tư bản, tiền công hết sức thấp (= mức tiêu dùng thấp của quần chúng nhân dân) thường cản trở việc dùng máy móc. Hơn nữa: đôi khi thậm chí cũng có cái tình trạng là những máy móc bọn chủ xưởng đã mua nhưng lại không đem ra dùng, vì giá thuê nhân công đã hạ xuống quá thấp khiến bọn chủ thấy rằng dùng lao động chân tay lại có lợi hơn!* Trong trường hợp này,

* Tôi đã dẫn ra một thí dụ về hiện tượng này của nông nghiệp tư bản chủ nghĩa ở Nga, trong quyển "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", tr. 165¹⁾. Những hiện tượng thuộc loại đó hẳn không phải là những hiện tượng cá biệt, mà đều là kết quả thường thấy và *tất nhiên* của những đặc tính cơ bản của chủ nghĩa tư bản.

1) Xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 3, tr. 228 - 229.

người ta thấy rõ như ban ngày là có mâu thuẫn giữa tiêu dùng với sản xuất, giữa xu hướng của chủ nghĩa tư bản là phát triển vô hạn độ lực lượng sản xuất, với tình trạng xu hướng đó bị hạn chế bởi tình trạng nhân dân bị vô sản hóa, bị bán cùng hóa và thất nghiệp. Nhưng, cũng rất rõ rằng cái kết luận duy nhất đúng cần phải rút ra từ mâu thuẫn đó, là: bản thân sự phát triển mãnh liệt của lực lượng sản xuất nhất định phải dẫn tới chỗ làm cho chủ nghĩa tư bản bị thay thế bằng một nền kinh tế của những người sản xuất đã liên hợp với nhau. Trái lại, nếu từ mâu thuẫn đó mà rút ra kết luận rằng chủ nghĩa tư bản phải *thường xuyên* sản sinh ra sản phẩm thừa, nghĩa là chủ nghĩa tư bản, nói chung, không thể nào thực hiện được sản phẩm, do đó nó không thể đóng vai trò tiến bộ nào trong lịch sử được, v. v., thì như vậy là hoàn toàn sai.

*Viết xong vào tháng Năm,
trước ngày 29 (10 tháng Sáu)
1899*

*In vào tháng Chạp 1899, trong Theo đúng bản in trong tạp chí
tạp chí "Đời sống" số 12*

*Ký tên: Vla-đi-mia
I - lin*

LỜI PHẢN KHÁNG CỦA NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA⁵⁹

*Viết xong vào tháng Tám, trước
ngày 22 (3 tháng Chín) 1899.*

*In lần đầu vào tháng Chạp 1899
ở nước ngoài dưới hình thức bản
trích từ tạp chí "Sự nghiệp công
nhân"⁶⁰, số 4 - 5.*

*Theo đúng bản thảo, bản
này đã được giữ lại một
phần; phần cuối của văn
kiện này thì theo đúng bản
trích từ số 4 - 5 tạp chí "Sự
nghiệp công nhân", có đối
chiếu với bản in trong cuốn
sách của G. V. Plê-kha-nốp
"Vademecum dành cho ban
biên tập tờ "Sự nghiệp công
nhân""*

**HỘI NGHỊ CỦA NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI Ở MỘT
ĐỊA PHƯƠNG¹⁾, GỒM 17 NGƯỜI, ĐÃ NHẤT TRÍ THÔNG
QUA NGHỊ QUYẾT SAU ĐÂY VÀ ĐÃ QUYẾT ĐỊNH ĐEM CÔNG
BỐ VÀ ĐƯA RA CHO TOÀN THỂ CÁC ĐỒNG CHÍ THẢO LUẬN
BẢN NGHỊ QUYẾT ĐÓ**

Thời gian gần đây, người ta nhận thấy có một số người dân chủ - xã hội Nga đã đi trệch khỏi những nguyên tắc cơ bản của đảng dân chủ - xã hội Nga, những nguyên tắc đã được các nhà sáng lập và các chiến sĩ tiên phong của đảng ấy, tức là những hội viên trong nhóm "Giải phóng lao động"⁶¹, cũng như được các sách báo dân chủ - xã hội của các tổ chức công nhân Nga, công bố vào những năm 90. Bản "credo"²⁾ dẫn ra dưới đây, dùng để nói lên những quan điểm chủ yếu của một số người dân chủ - xã hội Nga (gọi là phái "trẻ"), là một bản có ý định trình bày một cách có hệ thống và rõ ràng "những quan điểm mới". Đây là toàn văn bản "credo" ấy:

Thời kỳ phùng hội và công trường thủ công ở phương Tây đã để lại dấu ấn sâu sắc cho toàn bộ lịch sử sau thời kỳ đó, đặc biệt là lịch sử của phong trào dân chủ - xã hội. Sự cần thiết đối với giai cấp tư sản phải giành lấy những hình thức phát triển tự do, nguyện vọng muốn thoát khỏi những quy chế phùng hội đang kìm hãm sản xuất, đã làm cho giai cấp tư sản trở thành một thành phần cách mạng; khắp mọi nơi ở phương Tây, giai cấp tư sản đều bắt đầu từ việc đưa ra khẩu hiệu *liberté, fraternité, égalité* (tự do, bác ái, bình đẳng), từ việc giành lấy những hình thức chính trị tự do. Nhưng, như lời Bismarck nói, do việc giành được những hình thức đó, giai cấp tư sản đã cấp

1) Trong bản trích ở tạp chí "Sự nghiệp công nhân" có thêm hai tiếng "(nước Nga)".

2) – tín điều, cương lĩnh, sự trình bày thế giới quan

cho đối thủ của mình, tức là giai cấp công nhân, một kỳ phiếu mà giai cấp tư sản phải trả trong tương lai. Hầu hết khắp nơi ở phương Tây, giai cấp công nhân, với tư cách là một giai cấp, đều không giành được những thiết chế dân chủ, nhưng đã sử dụng những thiết chế đó. Người ta có thể cãi lại chúng ta rằng giai cấp công nhân đã tham gia các cuộc cách mạng. Cứ tham khảo lịch sử cũng có thể đánh đổ được ý kiến đó, bởi vì, chính hồi 1848, khi mà ở phương Tây các hiến pháp được củng cố, thì giai cấp công nhân bao gồm những thợ thủ công ở thành thị và phái dân chủ tiểu thị dân; giai cấp vô sản công xưởng thì lúc đó hầu như chưa có, còn giai cấp vô sản trong đại công nghiệp (như thợ dệt ở Đức mà Hau-pơ-tman¹⁾ miêu tả, thợ dệt ở Ly-ông) vẫn còn là một đám quần chúng tản mạn, chỉ có khả năng bạo động thôi, chứ tuyệt nhiên không có khả năng đề ra được những yêu sách chính trị nào cả. Người ta có thể nói dứt khoát rằng chính giai cấp tư sản và tầng lớp thị dân, thợ thủ công đã giành được những hiến pháp năm 1848. Mặt khác, giai cấp công nhân (thợ thủ công và công nhân công trường thủ công, thợ in, thợ dệt, thợ đồng hồ, v. v.), ngay từ thời trung cổ, đã quen tham gia các tổ chức, các quỹ tương tế, các đoàn thể tôn giáo, v. v.. Tinh thần tổ chức đó vẫn còn tồn tại trong những công nhân được đào luyện của phương Tây, và làm cho họ khác biệt rõ rệt với vô sản công xưởng là những người khó và không thể tham gia tổ chức nhanh được, và chỉ có khả năng hợp thành các loose Organisation (những tổ chức nhất thời), chứ không thể hợp thành các tổ chức vững chắc có điều lệ và quy chế hẳn hoi. Chính những công nhân được đào luyện trong các công trường thủ công đó trở thành hạt nhân của các đảng dân chủ - xã hội. Do đó mà có tình hình như sau: một mặt là tương đối dễ dàng và hoàn toàn có khả năng tiến hành đấu tranh chính trị, và, mặt khác là có khả năng tổ chức một cách có kế hoạch cuộc đấu tranh đó nhờ những công nhân được rèn luyện trong thời kỳ công trường thủ công. Ở phương Tây, chủ nghĩa Mác đã lớn lên về phương diện lý luận và thực tiễn chính là trên miếng đất ấy. Điểm xuất phát là đấu tranh chính trị nghị trường mà triển vọng - chỉ giống chủ nghĩa Blăng-ki ở bề ngoài thôi, nhưng về nguồn gốc, lại có một tính chất khác hẳn - thì một mặt là giành được chính quyền, và mặt khác là Zusammenbruch (sụp đổ). Chủ nghĩa Mác là biểu hiện lý luận của hoạt động thực tiễn đang chiếm ưu thế,

1) G. Hau-pơ-tman (1862 - 1946) - một thi sĩ và một nhà soạn kịch, người Đức. Ông là tác giả vở kịch "Những người thợ dệt", nói về cuộc nổi dậy của những thợ dệt ở Xi-lê-di vào những năm 40 thế kỷ XIX.

tức là của cuộc đấu tranh chính trị đã chiếm ưu thế đối với cuộc đấu tranh kinh tế. Ở Bỉ cũng như ở Pháp và đặc biệt là ở Đức, công nhân đã tổ chức đấu tranh chính trị một cách dễ dàng lạ thường, còn khi tổ chức đấu tranh kinh tế thì lại gặp những khó khăn ghê gớm và gặp một sự va chạm ý kiến rất lớn. So với các tổ chức chính trị, thì cho đến nay, các tổ chức kinh tế (không kể nước Anh) vẫn còn yếu ớt và bấp bênh hết sức, và ở nơi nào cũng laissent à désirer quelque chose (còn có điểm đáng chê trách). Chừng nào mà nghị lực trong cuộc đấu tranh chính trị vẫn chưa được tận dụng hết thì chừng đó tiếng Zusammenbruch vẫn còn là Schlagwort (lời nói thông dụng) cần thiết, có tác dụng tổ chức, và nó phải có một tác dụng lịch sử lớn lao. Quy luật cơ bản có thể rút ra trong khi nghiên cứu phong trào công nhân, là quy luật về con đường ít tốn công sức nhất. Ở các nước phương Tây, con đường đó là sự hoạt động chính trị, và chủ nghĩa Mác, dưới hình thức được nêu ra trong bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", đã tỏ rõ là một hình thức thích hợp không gì bằng, mà phong trào cần phải có. Nhưng khi toàn bộ nghị lực trong sự hoạt động chính trị, đã tận dụng hết rồi, khi phong trào chính trị đã đạt đến một cường độ cao đến nỗi khó hoặc hầu như không thể nào đưa phong trào lên quá được nữa (số phiếu tán thành trong thời gian gần đây tăng lên chậm, công chúng thờ ơ trong các cuộc hội họp, giọng chán nản trong sách báo), và mặt khác, khi sự hoạt động nghị trường tỏ rõ là bất lực, đồng thời khi đám dân đen, tức giai cấp vô sản công xưởng không có tổ chức và hầu như không thể tổ chức lại được, bước lên vũ đài, thì tất cả những nhân tố ấy đã làm nảy nở ở phương Tây cái hiện tượng mà hiện nay người ta gọi là chủ nghĩa Béc-stanh, là sự khủng hoảng của chủ nghĩa Mác. Khó mà tưởng tượng được một sự tiến triển nào có tính chất lô-gích hơn là thời kỳ phát triển phong trào công nhân từ khi bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" ra đời đến lúc chủ nghĩa Béc-stanh xuất hiện, và cứ nghiên cứu kỹ toàn bộ quá trình đó là có thể xác định được một cách chính xác như trong thiên văn học, kết cục của "sự khủng hoảng" ấy. Dĩ nhiên, ở đây không phải là vấn đề sự thành bại của chủ nghĩa Béc-stanh, vì điều này không có gì đáng quan tâm tới; mà vấn đề là sự thay đổi căn bản trong hoạt động thực tiễn, sự thay đổi này, từ lâu đã dần dần diễn ra trong nội bộ đảng.

Sự thay đổi ấy sẽ diễn ra không những chỉ theo hướng là tiến hành một cách kiên quyết hơn nữa cuộc đấu tranh kinh tế, củng cố các tổ chức kinh tế, mà còn diễn ra - và chính đây mới là điều cần bản nhất - theo hướng là thay đổi thái độ của đảng đối với các đảng phái đối lập khác. Chủ nghĩa Mác không khoan nhượng, chủ nghĩa Mác phủ định, chủ nghĩa Mác nguyên thủy (với một ý niệm quá

ư sơ lược về sự phân chia xã hội thành giai cấp) sẽ phải nhường chỗ cho chủ nghĩa Mác dân chủ, và địa vị xã hội của đảng trong xã hội hiện đại, sẽ phải thay đổi căn bản. Đảng sẽ *thừa nhận* xã hội; những nhiệm vụ có tính chất phường hội hẹp hòi và nhiều khi lại có tính chất bè phái của nó sẽ mở rộng ra thành những nhiệm vụ xã hội, và những nguyện vọng của nó muốn giành lấy chính quyền sẽ trở thành ý muốn thay đổi, cải cách xã hội đương thời theo hướng dân chủ, thích ứng với tình hình thực tế hiện nay, để đảm bảo việc bênh vực một cách có hiệu quả nhất, đầy đủ nhất, những quyền lợi (đủ thứ) của các giai cấp cần lao. Nội dung của khái niệm "chính trị" sẽ mở rộng ra và sẽ có một ý nghĩa thật sự xã hội, và những yêu sách thực tiễn có tính chất nhất thời trước mắt sẽ có uy lực hơn, sẽ có thể được chú ý nhiều hơn là từ trước đến nay.

Từ phần mô tả vắn tắt đó quá trình phát triển của phong trào công nhân phương Tây, cũng dễ rút ra một kết luận đối với nước Nga. Ở nước ta, con đường ít tốn công sức nhất sẽ không bao giờ được hướng vào hoạt động chính trị. Sự áp bức chính trị quá quá sẽ làm cho người ta nói nhiều đến nó và làm cho người ta đặc biệt chú ý đến nó, nhưng nó sẽ không bao giờ bắt buộc người ta hành động một cách thực tiễn cả. Nếu ở phương Tây, các lực lượng công nhân yếu ớt, được lôi cuốn vào hoạt động chính trị, nhờ đó mà được củng cố và tổ chức lại, thì trái lại, ở nước ta, lực lượng yếu ớt đó đang đứng đầu phải sự áp bức chính trị và không những không có được những phương tiện thực tiễn để đấu tranh chống lại sự áp bức ấy, và do đó để phát triển lên, mà lại còn bị sự áp bức ấy bóp nghẹt một cách có hệ thống, và không thể tiến lên được một bước nào, dù chỉ là một bước rất nhỏ thôi. Nếu kể thêm rằng giai cấp công nhân nước ta không thừa hưởng được cái tinh thần tổ chức đặc trưng cho các chiến sĩ phương Tây, thì chúng ta sẽ đứng trước một tình hình bi thảm khả dĩ làm nản lòng những người mác-xít lạc quan nhất đang tin rằng chỉ độc sự tồn tại của mỗi một cái ống khói mới của công xưởng không thôi cũng đã mang lại phúc lợi lớn. Cuộc đấu tranh kinh tế cũng thế, khó, khó tiến hành nó vô cùng, nhưng vẫn có thể tiến hành được, và cuối cùng nó đã được chính bản thân quần chúng tiến hành rồi. Qua cuộc đấu tranh kinh tế đó, công nhân Nga học tập được cách tổ chức nhau lại, và do luôn luôn đứng đầu phải chế độ chính trị trong cuộc đấu tranh kinh tế ấy, nên cuối cùng họ sẽ tạo ra được cái mà người ta có thể gọi là hình thức của phong trào công nhân, sẽ tạo ra được cái tổ chức hoặc những tổ chức thích hợp nhất với những điều kiện của thực tế nước Nga. Bây giờ, người ta có thể nói quả quyết rằng phong trào công nhân Nga vẫn đang còn ở trạng thái phôi thai và vẫn chưa

tạo ra được một hình thức nào cả. Phong trào bãi công, tồn tại dưới bất cứ một hình thức tổ chức nào, cũng vẫn chưa thể được gọi là một hình thức đã được kết tinh hẳn hoi của phong trào Nga; còn về các tổ chức bất hợp pháp, thì dù chỉ thuần túy đứng về mặt số lượng mà nói, (chứ chưa nói đến ích lợi của các tổ chức đó, trong điều kiện hiện nay) cũng chưa đáng được người ta chú ý tới.

Tình hình là như vậy. Nếu thêm vào đó những cảnh túng đói và quá trình phá sản ở nông thôn đang tạo điều kiện thuận lợi cho những hành vi Streikbrecher¹⁾ để phát sinh và do đó, việc nâng văn hóa quần chúng công nhân lên một trình độ khả quan hơn sẽ lại còn khó khăn hơn nữa, - thì... thử hỏi người mác-xít Nga liệu còn làm được việc gì ở đây chẳng?! Bàn việc thành lập một chính đảng công nhân độc lập chẳng qua chỉ là đem những nhiệm vụ của nước ngoài, những kết quả của nước ngoài mà cắm vào đất nước chúng ta thôi. Cho đến bây giờ, người mác-xít Nga vẫn còn ở vào một cảnh đáng buồn. Nhiệm vụ thực tiễn của họ hiện nay thật là bé nhỏ; những sự hiểu biết của họ về lý luận, - trong chừng mực họ sử dụng những sự hiểu biết đó *không phải để làm phương tiện nghiên cứu*, mà để làm công thức hoạt động, — thì chẳng có giá trị gì cả, ngay cả đối với việc thực hiện những nhiệm vụ thực tiễn nhỏ bé kia cũng thế. Và lại, những công thức đi mượn đó đều có hại về mặt thực tiễn. Vì quên rằng giai cấp công nhân phương Tây hoạt động trên một địa bàn chính trị đã được dọn sẵn rồi, nên những người mác-xít nước ta có một thái độ khinh miệt thái quá đối với hoạt động cấp tiến, hoặc hoạt động đối lập theo xu hướng tự do chủ nghĩa, của tất cả mọi tầng lớp không phải là công nhân trong xã hội. Chỉ hơi tập trung sự chú ý đến những biểu hiện xã hội có tính chất chính trị theo xu hướng tự do chủ nghĩa, là đã bị những người mác-xít chính thống phản đối rồi, những người này quên rằng cả một loạt điều kiện lịch sử khiến chúng ta không thể là những người mác-xít phương Tây được, và đòi hỏi chúng ta phải có một chủ nghĩa Mác khác, chủ nghĩa Mác thích hợp và cần thiết trong những điều kiện nước Nga. Rõ ràng là không thể lấy những lời bàn về chính trị hoặc những lời kêu gọi một lực lượng không có thực để bù lại tình trạng thiếu ý thức chính trị và không nhạy cảm về chính trị của mọi người công dân Nga. Chỉ bằng cách giáo dục, nghĩa là chỉ bằng cách tham gia vào đời sống (dù cho đời sống đó có thiếu tính chất mác-xít chẳng nữa) mà thực tại nước Nga đã đưa lại cho chúng ta, thì mới có thể có được sự nhạy cảm về chính trị như vậy. "Sự phủ định" trước kia thích hợp (tạm thời) với phương Tây như thế nào,

1) — phá hoại bãi công

thì ngày nay, ở nước ta, nó có hại như thế, bởi vì sự phủ định do một lực lượng có tổ chức và có thực lực đề xuất ra là một chuyện, còn sự phủ định do một đám đông chưa có hình thù gì và gồm những cá nhân tản mạn đề xuất ra, thì lại là một chuyện khác.

Người mác-xít Nga chỉ có một kết cục là: tham gia, tức là giúp vào cuộc đấu tranh kinh tế của giai cấp vô sản và tham gia vào sự hoạt động đối lập theo hướng tự do chủ nghĩa. Với tư cách là "người phủ định", người mác-xít Nga đã xuất hiện quá sớm, và sự phủ định này đã làm suy yếu ở họ một phần nghị lực đáng lẽ phải được đem phục vụ cho chủ nghĩa cấp tiến chính trị. Cho đến nay, tất cả những cái đó không đáng ghê sợ, nhưng nếu cái công thức giai cấp cứ cản trở người trí thức Nga đồng góp tích cực vào đời sống và đẩy họ ra quá xa các nhóm đối lập, thì điều đó sẽ đem lại một thiệt hại nghiêm trọng cho tất cả những ai buộc phải đấu tranh để giành lấy những hình thức pháp quyền, đấu tranh nhưng không kể vai sát cánh với giai cấp công nhân, là giai cấp vẫn chưa để ra được những nhiệm vụ chính trị. Sự ngây thơ về chính trị của người trí thức mác-xít Nga, sự ngây thơ ẩn dưới những lập luận trừu tượng về các vấn đề chính trị, có thể chơi anh ta một ván cờ đầu.

Chúng tôi không biết có nhiều người dân chủ - xã hội Nga tán thành những quan điểm đó không. Nhưng không thể chối cãi được rằng nói chung thì những ý kiến loại ấy đã có những người tán thành, và chính vì thế mà chúng tôi cho rằng nhiệm vụ của chúng tôi là phải cương quyết phản đối những quan điểm như thế và ngăn ngừa trước để tất cả các đồng chí tránh khỏi cái nguy cơ đưa phong trào dân chủ - xã hội Nga đi trệch con đường mà tự nó đã vạch ra, tức là: thành lập một chính đảng công nhân độc lập, gắn liền với cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và lấy việc giành quyền tự do chính trị làm nhiệm vụ trước mắt của mình.

Nội dung bản "credo" nói trên, gồm, một là, "phần mô tả vấn đề quá trình phát triển của phong trào công nhân phương Tây", hai là, "những kết luận về nước Nga".

Trước hết, những quan niệm của các tác giả bản "credo" đối với quá khứ của phong trào công nhân Tây Âu là những

quan niệm hoàn toàn sai. Sai ở chỗ họ nói: giai cấp công nhân phương Tây đã không tham gia đấu tranh giành tự do chính trị và không tham gia các cuộc cách mạng chính trị. Lịch sử phong trào hiến chương ở Anh và cuộc cách mạng hồi 1848 ở Pháp, ở Đức và ở Áo, đều chứng thực ngược hẳn lại. Hoàn toàn sai ở chỗ họ cho rằng "chủ nghĩa Mác là biểu hiện lý luận của hoạt động thực tiễn đang chiếm ưu thế, tức là của cuộc đấu tranh chính trị đã chiếm ưu thế đối với cuộc đấu tranh kinh tế". Trái lại, "chủ nghĩa Mác" đã xuất hiện trong khi chủ nghĩa xã hội phi chính trị (chủ nghĩa Ô-oen, "chủ nghĩa Phu-ri-ê", "chủ nghĩa xã hội chân chính", v. v.) đang thịnh hành, và bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" đã lập tức phản đối chủ nghĩa xã hội phi chính trị. Ngay cả khi chủ nghĩa Mác đã xuất hiện trong tư thế được vũ trang đầy đủ về mặt lý luận (bộ "Tư bản") và đã tổ chức được Hội liên hiệp lao động quốc tế⁶² nổi tiếng, thì đấu tranh chính trị vẫn hoàn toàn chưa phải là hoạt động thực tiễn chiếm ưu thế đâu (chủ nghĩa công liên chặt hẹp ở Anh, chủ nghĩa vô chính phủ và chủ nghĩa Pru-đông ở các nước rô-manh). Ở Đức, công lao lịch sử to lớn của Lát-xan là ông đã làm cho giai cấp công nhân, từ chỗ là bộ phận phụ thuộc của phái tư sản tự do, biến thành một chính đảng độc lập. Chủ nghĩa Mác đã kết hợp cuộc đấu tranh kinh tế với cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp công nhân thành một chỉnh thể cố kết, và những cố gắng của các tác giả bản "credo" mưu tách rời những hình thức đấu tranh đó ra, đều là những hành động thoát ly chủ nghĩa Mác một cách vô hiệu quả nhất và thảm hại nhất.

Sau nữa, các tác giả bản "credo" cũng quan niệm rất sai về tình hình hiện nay của phong trào công nhân ở Tây Âu và về lý luận chủ nghĩa Mác mà phong trào đó dùng làm ngọn cờ chỉ đạo. Nói đến "sự khủng hoảng của chủ nghĩa Mác", tức là lặp lại những lời ba hoa phi lý của bọn ký giả tư sản nhảm nhí đang ra công khơi to lên mọi sự bất hòa giữa

những người xã hội chủ nghĩa để gây ra một sự phân liệt giữa các đảng xã hội chủ nghĩa. "Chủ nghĩa Béc-stanh"⁶³ khét tiếng, — hiểu theo cái nghĩa mà đồng đảng công chúng nói chung và các tác giả bản "credo" nói riêng vẫn thường hiểu, — là mưu toan muốn thu hẹp lý luận chủ nghĩa Mác, mưu toan muốn biến đảng công nhân cách mạng thành một đảng cải lương chủ nghĩa; và, dĩ nhiên, mưu toan đó đã bị đa số các đảng viên dân chủ - xã hội Đức kiên quyết lên án. Các khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa đã nhiều lần biểu lộ rõ trong đảng dân chủ - xã hội Đức, và lần nào cũng đều bị đảng bác bỏ, vì đảng trung thành bảo vệ những di huấn của phong trào dân chủ - xã hội cách mạng quốc tế. Chúng ta tin chắc rằng bất cứ một mưu toan nào nhằm đem du nhập những quan điểm cơ hội chủ nghĩa vào nước Nga, đều sẽ vấp phải một sức phản kháng không kém phần kiên quyết của tuyệt đại đa số những người dân chủ - xã hội Nga.

Cũng như hoàn toàn không thể nào nói đến một "sự thay đổi căn bản" nào "trong hoạt động thực tiễn" của các đảng công nhân Tây Âu, bất chấp ý muốn của các tác giả bản "credo": ý nghĩa trọng đại của cuộc đấu tranh kinh tế của giai cấp vô sản và sự tất yếu phải tiến hành cuộc đấu tranh đó, đã được chủ nghĩa Mác thừa nhận ngay từ buổi đầu rồi, và ngay trong những năm 40, Mác và Ăng-ghe-nh đã luận chiến với những nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng là những người phủ nhận ý nghĩa của cuộc đấu tranh đó⁶⁴.

Sau đó gần hai mươi năm, khi Hội liên hiệp lao động quốc tế thành lập, thì vấn đề ý nghĩa của các công đoàn và của cuộc đấu tranh kinh tế đã được nêu lên ngay trong Đại hội lần thứ nhất của Hội liên hiệp đó, họp ở Giơ-ne-vơ, năm 1866. Nghị quyết do đại hội ấy thông qua, đã vạch ra một cách chính xác tầm quan trọng của đấu tranh kinh tế, đã ngừa trước cho những người xã hội chủ nghĩa và công nhân, một mặt, đừng khuếch đại ý nghĩa của cuộc đấu tranh đó (công nhân Anh thời bấy giờ đã có biểu hiện này),

và, mặt khác, cũng không được coi nhẹ ý nghĩa của cuộc đấu tranh đó (người Pháp, người Đức và nhất là phái Lát-xan, đã có biểu hiện như thế). Nghị quyết đó đã thừa nhận rằng các nghiệp đoàn công nhân không những chỉ là một hiện tượng hợp với quy luật, mà còn là một hiện tượng cần thiết dưới chế độ tư bản, và đã thừa nhận ý nghĩa cực kỳ quan trọng của những nghiệp đoàn công nhân đó đối với việc tổ chức giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh hàng ngày của họ chống lại tư bản, và đối với việc xóa bỏ chế độ làm thuê. Nghị quyết đã tuyên bố rằng các nghiệp đoàn công nhân không nên chỉ chú ý đến "đấu tranh trực tiếp chống tư bản", không nên xa rời phong trào chính trị và phong trào xã hội chung của giai cấp công nhân; rằng mục đích của nghiệp đoàn công nhân không được "bó hẹp" mà phải nhằm giải phóng chung hàng triệu người lao động bị áp bức. Từ đó, trong các đảng công nhân ở các nước, người ta đã nêu lên nhiều lần, và cố nhiên người ta sẽ còn nêu lên nhiều lần vấn đề xem xét trong một lúc nào đó, thì cần phải chú ý nhiều hơn hay chú ý ít hơn đến cuộc đấu tranh kinh tế hoặc đến cuộc đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản; nhưng vấn đề chung hay vấn đề nguyên tắc, thì hiện nay vẫn được đặt ra, cũng như trước kia chủ nghĩa Mác đã từng đặt nó ra. Niềm tin chắc rằng cuộc đấu tranh giai cấp tất yếu phải kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh kinh tế thành một chính thể duy nhất, — đã ăn sâu vào phong trào dân chủ - xã hội quốc tế. Sau nữa, kinh nghiệm lịch sử chứng minh một cách không thể bác bỏ được rằng khi giai cấp vô sản không có tự do chính trị hay khi quyền lợi chính trị của họ còn bị bó hẹp lại, thì bao giờ tình trạng đó cũng dẫn tới chỗ tất yếu phải đặt đấu tranh chính trị lên hàng đầu.

Về thái độ của đảng công nhân đối với các đảng đối lập khác, thì lại càng không thể nói là có một sự thay đổi đôi chút quan trọng được. Cả về mặt này nữa, chủ nghĩa

Mác cũng đã chỉ ra lập trường đúng đắn là vừa không hề khuếch đại vai trò của chính trị, không hề chủ trương âm mưu (chủ nghĩa Blang-ki, v. v.), lại cũng không hề khinh thường chính trị hoặc không đem bỏ hẹp chính trị lại thành một sự chấp vá xã hội, có tính chất cơ hội chủ nghĩa, cải lương chủ nghĩa (chủ nghĩa vô chính phủ, chủ nghĩa xã hội không tưởng và tiểu tư sản, chủ nghĩa xã hội nhà nước, chủ nghĩa xã hội giảng đường v. v.). Giai cấp vô sản phải ra sức lập ra các chính đảng công nhân độc lập, mà mục đích chủ yếu của các chính đảng đó phải là làm cho giai cấp vô sản giành lấy chính quyền để tổ chức xã hội xã hội chủ nghĩa. Giai cấp vô sản không được mảy may coi các giai cấp khác và các đảng khác như là "một khối phản động"⁶⁵: trái lại, giai cấp vô sản phải tham gia vào toàn bộ sinh hoạt chính trị và xã hội, phải ủng hộ các giai cấp và các đảng tiến bộ chống lại các giai cấp và các đảng phản động, phải ủng hộ bất cứ phong trào cách mạng nào để chống lại chế độ hiện tồn; phải bênh vực mọi dân tộc hay mọi chủng tộc bị áp bức, bênh vực mọi tôn giáo bị ngược đãi, bênh vực nữ giới là giới không được hưởng quyền lợi gì cả v. v.. Những lý lẽ của các tác giả bản "credo" về vấn đề ấy chẳng qua chỉ chứng tỏ rằng họ có ý muốn làm lu mờ tính chất giai cấp của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản, muốn dùng cái điều vô lý gọi là "sự thừa nhận xã hội" để làm suy yếu cuộc đấu tranh đó, muốn bỏ hẹp chủ nghĩa Mác cách mạng lại đến mức biến chủ nghĩa đó thành một trào lưu cải lương chủ nghĩa tầm thường mà thôi. Chúng ta tin chắc rằng tuyệt đại đa số những người dân chủ - xã hội Nga sẽ kiên quyết bác bỏ cái lối xuyên tạc những nguyên tắc cơ bản của đảng dân chủ - xã hội như vậy. Những luận cứ sai lầm về phong trào công nhân Tây Âu, đã đưa các tác giả bản "credo" đến "những kết luận về nước Nga" còn sai lầm hơn nữa.

Khẳng định rằng giai cấp công nhân Nga "vẫn chưa đề ra được những nhiệm vụ chính trị", như vậy chỉ tỏ rõ rằng

những người khẳng định như thế không biết gì về phong trào cách mạng ở Nga cả. Ngay "Hội liên hiệp công nhân Nga ở miền Bắc"⁶⁶, thành lập năm 1878, và "Hội liên hiệp công nhân Nga ở miền Nam"⁶⁷, thành lập năm 1875, đều đã nêu ra, trong cương lĩnh của mình, yêu sách đòi quyền tự do chính trị. Sau thời kỳ phản động trong những năm 80, giai cấp công nhân, trong những năm 90, lại nhiều lần nêu ra cũng cái yêu sách đó. Khẳng định rằng những "lời bàn việc thành lập một chính đảng công nhân độc lập chẳng qua chỉ là đem những nhiệm vụ của nước ngoài, những kết quả của nước ngoài mà cắm vào đất nước chúng ta thôi", - khẳng định như vậy chỉ chứng tỏ rằng họ hoàn toàn không hiểu gì về vai trò lịch sử của giai cấp công nhân Nga và về những nhiệm vụ bức thiết nhất của đảng dân chủ - xã hội Nga. Cương lĩnh riêng của các tác giả bản "credo", rõ ràng là nhằm làm cho giai cấp công nhân đi theo "con đường ít tốn công sức nhất", sẽ chỉ bo bo biết đến đấu tranh kinh tế thôi, còn "những phần tử đối lập theo xu hướng tự do chủ nghĩa", thì sẽ đấu tranh để giành lấy "những hình thức pháp quyền", với "sự tham gia" của những người mác-xít. Thực hiện một cương lĩnh như thế thì chẳng khác gì đảng dân chủ - xã hội Nga tự sát về chính trị, chẳng khác gì kim hãm rất nhiều và hạ thấp rất nhiều phong trào công nhân Nga và phong trào cách mạng Nga (đối với chúng ta, hai khái niệm đó đều có một nội dung như nhau). Chỉ đọc việc một cương lĩnh như thế đã xuất hiện được, cũng đủ chứng tỏ rằng nỗi lo âu của P. B. Ác-xen-rốt, một trong những chiến sĩ tiên phong của đảng dân chủ - xã hội Nga, là có căn cứ biết chừng nào, khi ông viết, hồi cuối năm 1897, như sau về khả năng của một triển vọng như thế:

"Phong trào công nhân không vượt ra ngoài phạm vi chật hẹp của những cuộc xung đột thuần túy kinh tế giữa công nhân và chủ xưởng, và, đứng về toàn bộ mà nói, thì tự nó không có tính chất chính trị; trái lại, trong cuộc đấu tranh giành quyền tự do chính trị,

các tầng lớp tiên tiến của giai cấp vô sản đều đi theo các tiểu tổ và các phái cách mạng thuộc cái mà người ta gọi là giới trí thức" (Ác-xen-rốt. "Bàn về những nhiệm vụ hiện nay và sách lược của những người dân chủ - xã hội Nga". Giơ-ne-vơ. 1898, tr. 19).

Những người dân chủ - xã hội Nga phải tuyên chiến quyết liệt với toàn bộ những tư tưởng nêu lên trong bản "credo", vì những tư tưởng đó đều trực tiếp làm cho triển vọng nói trên trở thành hiện thực. Những người dân chủ - xã hội Nga phải dốc toàn lực của mình ra để thực hiện một triển vọng khác, triển vọng đã được P. B. Ác-xen-rốt trình bày như sau:

"Triển vọng khác là: đảng dân chủ - xã hội tổ chức giai cấp vô sản Nga thành một chính đảng độc lập, đấu tranh giành tự do, *một phần thì sát cánh và liên minh* với các phái cách mạng tư sản (nếu¹⁾ có những phái như thế), một phần thì công khai thu hút vào hàng ngũ mình hoặc kéo theo mình những phần tử trí thức yêu nhân dân nhất và cách mạng nhất" (như trên, tr. 20).

Ngay thời kỳ mà P. B. Ác-xen-rốt viết những dòng trên đây, thì những lời tuyên bố của những người dân chủ - xã hội Nga cũng đã chứng tỏ rằng tuyệt đại đa số họ đều tán thành quan điểm đó. Đành rằng có một tờ báo của công nhân ở Pê-téc-bua, tờ "Tư tưởng công nhân"⁶⁸, dường như đã tỏ ra đồng tình với những tư tưởng của các tác giả bản "credo", khi nó đưa ra, - điều này thật đáng tiếc, - trong một bài xã luận có tính chất cương lĩnh (số 1, tháng Mười 1897) cái tư tưởng sau đây, hoàn toàn sai lầm và trái ngược với chủ nghĩa dân chủ - xã hội, nói rằng "cơ sở kinh tế của phong trào" có thể "bị làm lu mờ đi bởi cái ý muốn luôn luôn không lãng quên lý tưởng chính trị". Nhưng đồng thời lại có một tờ báo khác của công nhân ở Pê-téc-bua, "Báo công

1) Đến đây bản thảo dừng lại.

nhân Xanh Pê-téc-bua khổ nhỏ"⁶⁹ (số 2, tháng Chín 1897), đã tuyên bố quả quyết rằng "chỉ có một đảng công nhân đồng đảo và có tổ chức vững mạnh, mới có thể... lật đổ được chế độ chuyên chế", rằng công nhân "được tổ chức thành một đảng vững mạnh", thì "sẽ tự giải phóng được mình và sẽ giải phóng được cả nước Nga ra khỏi mọi sự áp bức chính trị và kinh tế". Một tờ báo thứ ba, tờ "Báo công nhân"⁷⁰, đã viết trong bài xã luận số 2 (tháng Mười một 1897) rằng: "Đấu tranh chống chính phủ chuyên chế để giành quyền tự do chính trị là nhiệm vụ trước mắt của phong trào công nhân Nga". - "Phong trào công nhân Nga sẽ tăng được lực lượng của mình lên gấp mười lần, nếu nó hành động thành một khối thống nhất và chặt chẽ, dưới một danh hiệu chung và có một tổ chức chặt chẽ..." "Các tiểu tổ công nhân riêng lẻ phải biến thành một đảng thống nhất". "Đảng công nhân Nga sẽ là một đảng dân chủ - xã hội". - Tuyệt đại đa số những người dân chủ - xã hội Nga đã hoàn toàn đồng tình với chính những quan điểm đó của tờ "Báo công nhân", điều này ta cũng thấy rõ qua việc đại hội những người dân chủ - xã hội Nga⁷¹, họp vào mùa xuân 1898, đã thành lập "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga", đã nhân danh đảng này tuyên bố một bản tuyên ngôn và thừa nhận tờ "Báo công nhân" là cơ quan chính thức của đảng. Vậy là các tác giả bản "credo" đã bước một bước thụt lùi rất xa, so với trình độ phát triển mà đảng dân chủ - xã hội Nga đã đạt được, một trình độ đã được thể hiện qua bản "Tuyên ngôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga". Nếu những sự đàn áp ác liệt của chính phủ Nga làm cho hoạt động của đảng giờ đây tạm thời bị yếu đi và cơ quan chính thức của đảng không xuất bản được, thì nhiệm vụ của tất cả mọi người dân chủ - xã hội Nga là phải dốc toàn lực ra để triệt để củng cố đảng, định ra cương lĩnh của mình và tục bản lại cơ quan chính thức của mình. Vì có những sự dao động về tư tưởng, sự dao động được chứng minh qua sự

thật là những cương lĩnh như bản "credo" - mà chúng ta đã phân tích ở trên đây - đã có thể xuất hiện, nên chúng tôi nhận thấy rằng cần phải đặc biệt nhấn mạnh đến những nguyên lý cơ bản sau đây được trình bày trong bản "Tuyên ngôn", những nguyên lý có một ý nghĩa trọng đại đối với phong trào dân chủ - xã hội Nga. Một là: phong trào dân chủ - xã hội Nga "mong muốn và trước sau vẫn muốn là một phong trào giai cấp của quần chúng công nhân có tổ chức". Do đó, phương châm của phong trào dân chủ - xã hội phải là: không những chỉ ủng hộ công nhân trong đấu tranh kinh tế, mà còn ủng hộ họ trong đấu tranh chính trị nữa; không những chỉ cổ động trên địa hạt yêu sách kinh tế trước mắt, mà còn cổ động chống hết thảy mọi biểu hiện của áp bức chính trị nữa; không những chỉ tuyên truyền những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học, mà còn tuyên truyền cả những tư tưởng dân chủ nữa. Chỉ có lý luận của chủ nghĩa Mác cách mạng mới có thể dùng làm ngọn cờ cho phong trào giai cấp của công nhân được, và đảng dân chủ - xã hội Nga phải quan tâm phát triển hơn nữa và thực hành lý luận đó, đồng thời bảo vệ nó, không để cho nó bị xuyên tạc và bị tầm thường hóa, như "những lý luận rất tốt" thường bị như thế (những thắng lợi của phong trào dân chủ - xã hội cách mạng ở Nga chính là đã làm cho chủ nghĩa Mác trở thành một thứ lý luận "rất tốt" rồi đấy). Hiện nay, trong lúc tập trung toàn lực của mình vào sự hoạt động trong công nhân ở nhà máy, công xưởng và hầm mỏ, đảng dân chủ - xã hội không được quên rằng khi phong trào mở rộng ra thì nó cũng phải thu hút vào hàng ngũ quần chúng công nhân mà nó đang tổ chức, cả những công nhân làm ở nhà, cả những thợ thủ công, cả những công nhân nông nghiệp lẫn hàng triệu nông dân bị phá sản và đang chết đói.

Hai là: "Trên hai vai lực lượng của mình, công nhân Nga phải gánh vác và sẽ gánh vác được sự nghiệp giành quyền

tự do chính trị". Đảng dân chủ - xã hội đã lấy việc đánh đổ chế độ chuyên chế làm nhiệm vụ trước mắt của mình, thì phải là người chiến sĩ tiên phong trong cuộc đấu tranh giành dân chủ, và chỉ nguyên với lý do đó, nó phải tận lực giúp đỡ tất cả mọi phần tử dân chủ trong dân cư nước Nga để lôi kéo họ trở thành những bạn đồng minh của mình. Chỉ có một chính đảng công nhân độc lập mới có thể là bức thành trì vững chắc trong cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế, và chỉ có liên minh với một đảng như thế, chỉ có ủng hộ nó, thì tất cả các chiến sĩ khác trong cuộc đấu tranh giành quyền tự do chính trị mới có thể phát huy hết tác dụng tích cực của mình được.

Cuối cùng, ba là: "Với tư cách là một phong trào và là một trào lưu xã hội chủ nghĩa, đảng dân chủ - xã hội Nga tiếp tục sự nghiệp và truyền thống của toàn bộ phong trào cách mạng tiến bộ ở nước Nga; lấy việc giành quyền tự do chính trị làm nhiệm vụ chủ yếu nhất trong những nhiệm vụ trước mắt của toàn đảng, nên đảng dân chủ - xã hội đang tiến đến mục đích mà những chiến sĩ vinh quang của nhóm "Dân ý"⁷² cũ đã vạch rõ từ trước". Truyền thống của toàn bộ phong trào cách mạng tiến bộ ở nước Nga đòi hỏi đảng dân chủ - xã hội hiện nay phải tập trung toàn lực của mình vào việc tổ chức đảng, tăng cường kỷ luật trong nội bộ đảng và phát triển những phương pháp đấu tranh bí mật. Nếu các chiến sĩ của nhóm "Dân ý" cũ đã có được một tác dụng to lớn trong lịch sử nước Nga, mặc dầu số anh hùng ít ỏi của nhóm đó chỉ được những tầng lớp xã hội không đông đảo ủng hộ thôi, mặc dầu ngọn cờ chỉ đạo của phong trào đó tuyệt nhiên chưa phải là một lý luận cách mạng, - thì đảng dân chủ - xã hội, dựa vào đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, nhất định sẽ trở nên vô địch. "Giai cấp vô sản Nga sẽ vứt bỏ cái ách chế độ chuyên chế để tiếp tục đấu tranh một cách kiên quyết hơn nữa chống chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản, kỳ cho chủ nghĩa xã hội toàn thắng".

Chúng tôi đề nghị tất cả các nhóm dân chủ - xã hội và tất cả các tiểu tổ công nhân ở nước Nga hãy thảo luận cả bản "credo" đã dẫn ra ở trên đây lẫn bản nghị quyết của chúng tôi, và hãy tỏ rõ thái độ của mình đối với vấn đề nêu lên đó, để gạt bỏ tất cả mọi bất đồng ý kiến và để xúc tiến công cuộc tổ chức và củng cố Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Nghị quyết của các nhóm và tiểu tổ đó có thể thông báo cho "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga"⁷³ ở nước ngoài biết, vì chiếu theo điều 10 trong quyết định của đại hội những người dân chủ - xã hội Nga họp năm 1898, thì Hội liên hiệp đó là một bộ phận của đảng dân chủ - xã hội Nga và là đại diện của đảng ở nước ngoài¹⁾.

1) Trong bản "Vademecum", đoạn cuối này không có.

NHỮNG BÀI VIẾT CHO
"BÁO CÔNG NHÂN"⁷⁴

Viết xong sớm nhất vào tháng

Mười 1899

In lần đầu vào năm 1925 trong
Văn tập Lê-nin, t. III

Theo đúng bản thảo do

N. C. Crúp-xcai-a tự tay chép lại

THƯ GỬI BAN BIÊN TẬP

Các đồng chí thân mến!

Theo đúng yêu cầu của các đồng chí, tôi gửi tới các đồng chí ba bài viết cho báo, và tôi thấy cần phải nói vài lời về vấn đề cộng tác của tôi nói chung và về những mối liên hệ giữa chúng ta nói riêng.

Căn cứ vào thư trước của các đồng chí, tôi hiểu vấn đề như thế này: các đồng chí có ý định thành lập một nhà xuất bản và để cho tôi phụ trách việc biên tập loại sách dân chủ - xã hội.

Bây giờ, tôi thấy tình hình lại khác, các đồng chí đã thành lập ban biên tập, ban biên tập đã bắt đầu ra một tờ báo và mời tôi cộng tác.

Đương nhiên, tôi sẵn sàng chấp nhận cả đề nghị này nữa, nhưng đồng thời tôi cần nói rằng, theo ý tôi, sự cộng tác có thể có hiệu quả *chỉ với những điều kiện sau đây*: 1) sự liên hệ *đều đặn* giữa ban biên tập và cộng tác viên để *báo cho* cộng tác viên biết số phận của tất cả các bản thảo ra sao (dùng được, không dùng được, hay phải sửa chữa) và *thông báo cho cộng tác viên biết về tất cả những tài liệu xuất bản của nhà xuất bản của các đồng chí*; 2) các bài báo của tôi sẽ ký bằng một biệt hiệu (nếu biệt hiệu tôi đã gửi cho các đồng chí bị thất lạc, thì các đồng chí chọn lấy một biệt hiệu nào đó, tùy ý các đồng chí); 3) thống nhất giữa ban biên tập và cộng tác viên về những quan điểm cơ bản đối với các vấn đề lý luận, các nhiệm vụ thực tiễn trước mắt và tính

chất của phương hướng nên theo dõi với tờ báo (hay đối với các loại sách).

Tôi hy vọng rằng ban biên tập sẽ chấp nhận những điều kiện đó và, để có thể thỏa thuận với nhau nhanh chóng hơn, ngay đây, tôi sẽ nói thêm đôi chút về một số vấn đề liên quan đến điều kiện thứ ba.

Người ta viết cho tôi hay rằng các đồng chí cho là "trào lưu cũ vẫn đứng vững" và không có gì đặc biệt cần thiết phải luận chiến chống lại phái Béc-stanh và chống lại biến tướng của nó ở Nga. Tôi nghĩ rằng quan điểm đó là quá lạc quan. Lời tuyên bố công khai của Béc-stanh cho rằng đa số những người dân chủ - xã hội Nga đều đồng ý với ông ta⁷⁵; sự chia rẽ giữa những người dân chủ - xã hội "phái trẻ" ở nước ngoài với nhóm "Giải phóng lao động"⁷⁶, là nhóm sáng lập, nhóm đại diện và bảo vệ trung thành nhất của "trào lưu cũ"; những cố gắng của báo " Tư tưởng công nhân" nhằm nêu lên những điều mà họ cho là mới mẻ, để phản đối những nhiệm vụ chính trị "rộng rãi", để tăng bớt những việc làm nhỏ nhặt và lẽ lối thủ công, và để mĩa mai một cách tầm thường "những lý luận cách mạng" (số 7, bài "Nhân tiện bàn qua"); cuối cùng, sự thiếu nhất trí hoàn toàn trong giới sách báo mác-xít hợp pháp và tình trạng phần lớn những đại biểu của giới này cứ khư khư muốn bám lấy "sự phê phán", - đây là cái cốt - chủ nghĩa Béc-stanh, - tất cả những cái đó, theo ý tôi, đều chỉ rõ rằng khôi phục "trào lưu cũ" và kiên quyết bảo vệ trào lưu đó, là một nhiệm vụ hoàn toàn bức thiết.

Còn quan điểm của tôi về những nhiệm vụ của tờ báo và về phương thức xuất bản của nó, thì các đồng chí sẽ thấy khi đọc các bài báo của tôi, và tôi rất muốn được biết xem chúng ta đã thống nhất được với nhau tới mức nào về vấn đề này (đáng tiếc là tôi đã viết các bài báo đó hơi vội: nói chung, điều rất quan trọng đối với tôi là biết được hạn cuối cùng phải gửi bài).

Tôi thấy cần thiết phải công khai mở một cuộc luận chiến chống lại tờ " Tư tưởng công nhân", nhưng để làm điều đó, tôi yêu cầu các đồng chí kiếm cho tôi các số 1 - 2, 6 và các số ra sau số 7; tập "Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản"⁷⁷. Tập sách này còn cần cho tôi để viết một bài phê bình tập đó trên báo.

Về khuôn khổ các bài báo, theo thư các đồng chí, thì tôi không có gì lo ngại. Nhưng vì đây là một tờ báo, nên tôi nghĩ rằng tốt nhất là phải hướng vào việc viết những bài báo và trong những bài báo đó thì bàn đến cả những đề tài thích hợp cho những cuốn sách; tôi muốn được giành quyền cho mình sau này sẽ phát triển những bài báo đó thành những cuốn sách nhỏ. Những đề tài mà tôi có ý định nghiên cứu trong thời gian tới là những đề tài sau đây: 1) dự thảo cương lĩnh mà tôi sắp gửi⁷⁸; 2) những vấn đề về sách lược và về tổ chức cần đem ra thảo luận tại đại hội sắp tới của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga⁷⁹; 3) một cuốn sách về những quy tắc hành động mà những công nhân và những người xã hội chủ nghĩa cần noi theo khi hoạt động tự do, khi ở trong tù hay khi bị đày. Cuốn sách này sẽ viết theo kiểu một cuốn sách Ba-lan ("quy tắc hành động" - yêu cầu các đồng chí kiếm cho tôi cuốn sách ấy, nếu có thể được); 4) về những cuộc bãi công (I - ý nghĩa của các cuộc bãi công, II - những đạo luật về bãi công, III - điểm qua mấy cuộc bãi công trong những năm gần đây); 5) một cuốn sách: "Phụ nữ và sự nghiệp công nhân", v. v..

Tôi muốn biết, một cách phỏng chừng, những tài liệu mà ban biên tập hiện có, để tránh lặp lại và để không mất công viết về những vấn đề đã "được giải quyết" rồi.

Tôi chờ ban biên tập trả lời cũng theo đường dây liên lạc này⁸⁰. (Trước đây và hiện nay, ngoài đường dây liên lạc này tôi không có cách liên lạc nào khác với nhóm các đồng chí.)

Ph. P.

CƯƠNG LĨNH CỦA CHÚNG TA

Phong trào dân chủ - xã hội quốc tế hiện đang trải qua một thời kỳ dao động về tư tưởng. Từ trước đến nay, những học thuyết của Mác và Ăng-ghe-n được coi như nền tảng vững chắc của lý luận cách mạng, nhưng giờ đây, khắp nơi đã có những người lên tiếng cho rằng những học thuyết đó là không đầy đủ và đã lỗi thời rồi. Người nào tự xưng là đảng viên dân chủ - xã hội và muốn lập ra một cơ quan ngôn luận dân chủ - xã hội thì người đó phải xác định rõ thái độ của mình đối với vấn đề mà không phải chỉ riêng những người dân chủ - xã hội Đức mới quan tâm đến.

Chúng ta hoàn toàn đứng trên cơ sở lý luận của Mác: lý luận đó là lý luận lần đầu tiên đã biến chủ nghĩa xã hội từ không tưởng thành khoa học; lý luận đó đã dựng lên những cơ sở vững chắc cho khoa học ấy và vạch rõ con đường mà chúng ta cần phải theo, để phát triển khoa học đó thêm nữa và phát huy nó với đầy đủ chi tiết. Lý luận của Mác đã bóc trần bản chất nền kinh tế tư bản chủ nghĩa hiện đại, bằng cách giải thích cho chúng ta thấy rõ việc thuê mướn công nhân, việc mua sức lao động đã che đậy như thế nào cho việc nô dịch của một nhóm những tên tư bản, địa chủ, chủ xưởng, chủ mỏ, v. v., đối với hàng triệu người tay trắng. Lý luận đó chỉ rõ toàn bộ sự phát triển của chủ nghĩa tư bản có xu hướng làm cho sản xuất lớn gạt bỏ sản xuất nhỏ như thế nào và đã tạo ra như thế nào những

điều kiện khiến có thể và cần phải tổ chức xã hội theo phương thức xã hội chủ nghĩa. Lý luận đó dạy ta nhận rõ rằng đằng sau những tập quán đã ăn sâu, những âm mưu chính trị, những luật lệ tinh vi và những học thuyết lắt léo, là *cuộc đấu tranh giai cấp*, cuộc đấu tranh giữa tất cả các loại giai cấp hữu sản chống quần chúng không có tài sản, *chống giai cấp vô sản*, giai cấp dẫn đầu tất cả những người không có tài sản. Lý luận đó đã chỉ rõ nhiệm vụ thật sự của một đảng xã hội chủ nghĩa cách mạng không phải là đặt ra những kế hoạch cải tạo xã hội, không phải là khuyên nhủ bọn tư bản và tôi tớ của chúng cải thiện đời sống cho công nhân, không phải là sắp đặt những cuộc âm mưu, *mà là tổ chức cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và lãnh đạo cuộc đấu tranh đó mà mục đích cuối cùng là giai cấp vô sản giành lấy chính quyền và tổ chức xã hội xã hội chủ nghĩa*.

Và bây giờ chúng ta thử hỏi: "những người cách tân" ôn ào kia, hiện đang khua chiêng gõ trống âm ỉ lên như thế và đang tập hợp chung quanh nhà xã hội chủ nghĩa Đức Béc-stanh, thì đã đem lại được cái gì mới cho lý luận của Mác chẳng? *Hoàn toàn không đem lại gì cả*: vì đối với khoa học mà Mác và Ăng-ghe-n căn dặn chúng ta nên phát triển thì họ không làm cho nó nhích lên được một bước nào cả, họ không dạy được cho giai cấp vô sản một phương pháp đấu tranh mới nào cả; họ chỉ đi thụt lùi thôi, họ đưa ra những mẩu lý luận lạc hậu và tuyên truyền cho giai cấp vô sản không phải lý luận đấu tranh mà là thứ lý luận nhượng bộ đối với những kẻ thù độc ác nhất của giai cấp vô sản, tức là các chính phủ và các chính đảng tư sản, những bọn này lúc nào cũng cố tìm những thủ đoạn mới để tầm nã những người xã hội chủ nghĩa. Plê-kha-nốp, một trong những người sáng lập và lãnh tụ đảng dân chủ - xã hội Nga, đã hoàn toàn có lý khi ông phê phán thẳng tay "sự phê phán" mới nhất đây của Béc-stanh⁸¹ mà quan điểm, hiện nay, đã bị ngay cả những đại biểu công nhân Đức bác bỏ (tại đại hội Han-nô-vơ)⁸².

Chúng ta biết rằng những lời nói đây sẽ làm cho người ta gieo vào đầu chúng ta vô số những lời buộc tội: người ta sẽ la lên rằng chúng ta muốn biến đảng xã hội chủ nghĩa thành một hội "chính giáo" để làm hại những người "tà giáo" vì họ đã xa rời "giáo điều", họ đã có ý kiến độc lập v. v.. Tất cả những lời lẽ cay độc đang được thịnh hành ấy, chúng ta đều đã biết. Song những lời đó không có chút gì sự thật và không có ý nghĩa gì cả. Không thể có một đảng xã hội chủ nghĩa vững mạnh, nếu không có lý luận cách mạng để đoàn kết tất cả những người xã hội chủ nghĩa lại, để họ rút ra từ trong lý luận đó tất cả những tín điều của họ và đem áp dụng lý luận đó vào những phương pháp đấu tranh và phương sách hành động của họ; bênh vực cho một lý luận như thế, mà mình nhận định là đúng, để chống lại những sự công kích vô căn cứ và những mưu toan bóp méo lý luận đó, như thế tuyệt nhiên chưa có nghĩa là phản đối *mọi* sự phê phán. Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ nghĩa *cần phải* phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu đối với cuộc sống. Chúng tôi nghĩ rằng những người xã hội chủ nghĩa ở Nga đặc biệt cần phải *tự mình* phát triển hơn nữa lý luận của Mác, vì lý luận này chỉ đề ra những nguyên lý *chỉ đạo* chung, còn việc áp dụng những nguyên lý ấy thì, *xét riêng từng nơi*, ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga. Cho nên, chúng tôi sẵn sàng dành một chỗ trên tờ báo của chúng tôi cho những bài bàn về các vấn đề lý luận, và chúng tôi mời tất cả các đồng chí chúng ta công khai thảo luận những điểm cần tranh luận.

Vậy thì trong việc áp dụng ở Nga bản cương lĩnh chung cho tất cả những người dân chủ - xã hội, đã phát sinh ra những vấn đề chủ yếu gì? Chúng tôi đã từng nói rằng thực

chất của cương lĩnh là tổ chức cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản và lãnh đạo cuộc đấu tranh đó mà mục đích cuối cùng là giai cấp vô sản giành lấy chính quyền và thiết lập một xã hội xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chia thành đấu tranh kinh tế (đấu tranh chống những tên tư bản riêng lẻ, hay chống những nhóm tư bản riêng lẻ, để cải thiện đời sống của công nhân) và đấu tranh chính trị (đấu tranh chống chính phủ để mở rộng quyền lợi của nhân dân, nghĩa là đấu tranh cho quyền dân chủ, và để mở rộng quyền chính trị của giai cấp vô sản). Một số người dân chủ - xã hội Nga (trong số này có lẽ có những người lãnh đạo báo "Tư tưởng công nhân") cho rằng cuộc đấu tranh kinh tế là vô cùng quan trọng hơn, còn cuộc đấu tranh chính trị thì hầu như bị họ gác lại để đến một tương lai ít nhiều xa hơn nữa. Quan điểm ấy hoàn toàn sai. Tất cả những người dân chủ - xã hội đều đồng ý là cần phải tổ chức cuộc đấu tranh kinh tế của giai cấp công nhân, cần phải cổ động công nhân về mặt đó, nghĩa là cần phải giúp đỡ công nhân trong cuộc đấu tranh hàng ngày chống bọn chủ xưởng, làm cho họ chú ý đến tất cả mọi hình thức và mọi trường hợp áp bức, và do đó giải thích cho họ hiểu sự cần thiết phải cùng nhau đoàn kết lại. Nhưng nếu vì đấu tranh kinh tế mà quên mất đấu tranh chính trị, thì như thế là xa rời nguyên lý chủ yếu của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế, là quên mất những điều mà toàn bộ lịch sử của phong trào công nhân đã dạy chúng ta. Những kẻ hăng say bênh vực cho giai cấp tư sản và cho cái chính phủ vẫn phục vụ giai cấp này, thì thậm chí đã nhiều phen tìm cách tổ chức những công hội có tính chất thuần túy kinh tế, và do đó mà làm cho công nhân không chú ý đến "chính trị", đến chủ nghĩa xã hội. Rất có thể là chính phủ Nga cũng sẽ tiến hành được những biện pháp tương tự như thế, vì nó vẫn luôn luôn tìm cách vớt cho nhân dân một vài món bố thí nhỏ nhỏ, hay nói cho đúng hơn, một vài món bố thí giả dối, với mục đích

duy nhất là làm cho nhân dân quên rằng mình đang bị áp bức và bị tước mất các quyền lợi. Không có một cuộc đấu tranh kinh tế nào có thể mang lại cho công nhân một sự cải thiện vững bền; thậm chí cuộc đấu tranh đó cũng không thể tiến hành được trên một quy mô rộng lớn, nếu công nhân không có quyền được tổ chức một cách tự do các cuộc họp, các hiệp hội, xuất bản báo chí của họ, cử đại biểu của họ vào Quốc hội, như công nhân Đức và công nhân tất cả những nước khác ở châu Âu (trừ Thổ-nhĩ-kỳ và Nga) đã làm. Nhưng muốn giành được những quyền lợi đó, thì phải tiến hành *đấu tranh chính trị*. Ở Nga, không những công nhân, mà tất cả các công dân đều không được hưởng những quyền chính trị. Nước Nga là một nước quân chủ chuyên chế, quyền hành vô hạn. Một mình Nga hoàng ban bố luật lệ, bổ dụng và giám sát các quan lại. Do đó, *bề ngoài thì hình như ở Nga, Nga hoàng và chính phủ Nga hoàng không lệ thuộc vào một giai cấp nào và đều chăm sóc đến mọi người như nhau*. Nhưng *thật ra thì tất cả các quan lại đều tuyển trong giai cấp hữu sản, và đều chịu sự chi phối của bọn tư bản kéch xù là những kẻ tùy ý điều khiển các bộ trưởng và muốn gì được nấy*. Giai cấp công nhân Nga chịu hai trùng áp bức: họ bị bọn tư bản và địa chủ cướp bóc, bóc lột, và để cho công nhân không có thể đấu tranh chống lại chúng, bọn cảnh sát trói tay chân, bịt mồm khóa miệng công nhân lại và đàn áp mọi mưu toan bênh vực quyền lợi của nhân dân. Cứ mỗi lần nổ ra cuộc bãi công chống lại một tên tư bản, là người ta cho quân đội và cảnh sát đến đàn áp công nhân. Mỗi cuộc đấu tranh kinh tế tất nhiên đều biến thành đấu tranh chính trị, nên đảng dân chủ - xã hội phải mật thiết gắn liền hai cuộc đấu tranh đó lại thành *cuộc đấu tranh giai cấp thống nhất của giai cấp vô sản*. Mục đích đầu tiên và chủ yếu của cuộc đấu tranh đó phải là giành lấy các quyền chính trị, *giành lấy quyền tự do chính trị*. Nếu riêng công nhân ở Pê-téc-bua, với sự giúp đỡ

không lớn lắm của những người xã hội chủ nghĩa, mà cũng đã có thể nhanh chóng bắt chính phủ phải nhượng bộ - ban bố đạo luật giảm bớt giờ lao động trong ngày⁸³ - thì toàn thể giai cấp công nhân Nga, dưới sự lãnh đạo của riêng một "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga", nhất định sẽ giành được, bằng một cuộc đấu tranh ngoan cường, những nhượng bộ còn vô cùng quan trọng hơn nữa.

Giai cấp công nhân Nga có thể một mình tiến hành đấu tranh kinh tế và chính trị, ngay cả khi không được một giai cấp nào khác giúp đỡ. Song trong cuộc đấu tranh chính trị, công nhân không đơn độc. Tình trạng nhân dân bị mất tất cả mọi quyền và, sự đoán dã man của bọn quan lại cường bạo cũng đã gây công phần trong tất cả những người có học thức, có đôi chút lương tâm, họ không thể nào cam chịu đựng chính sách đàn áp mọi quyền tự do ngôn luận và tự do tư tưởng; tình trạng trên đây đã gây công phần trong số những người Ba-lan, Phần-lan, Do-thái và những người thuộc các giáo phái ở Nga đang bị đàn áp; tình trạng đó cũng gây công phần trong số những người tiểu thương, kinh doanh nhỏ, tiểu nông, họ bị quan lại và cảnh sát hà hiếp, nhưng không biết trông cậy vào ai để che chở cho mình. Tất cả những tập đoàn nhân dân đó, nếu tách riêng ra, thì không thể tiến hành một cuộc đấu tranh chính trị ngoan cường được, nhưng khi giai cấp công nhân phát cao ngọn cờ đấu tranh đó, thì ở khắp nơi họ sẽ chìa tay ra giúp công nhân. Đảng dân chủ - xã hội Nga sẽ đứng đầu tất cả những người đấu tranh vì quyền lợi của nhân dân, vì dân chủ, và vì thể nên đảng đó sẽ là vô địch!

Đó là những quan điểm cơ bản của chúng ta và chúng ta sẽ phát triển một cách có hệ thống và toàn diện trong tờ báo của chúng ta. Chúng ta tin rằng làm như vậy, chúng ta sẽ đi theo con đường mà "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga" đã vạch ra trong bản "Tuyên ngôn" do đảng đã công bố.

NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT CỦA CHÚNG TA

Phong trào công nhân Nga hiện đang ở trong một thời kỳ quá độ. Bước đầu huy hoàng đã từng làm lừng danh các tổ chức dân chủ - xã hội của công nhân ở miền Tây, ở Pê-téc-bua, ở Mát-xcơ-va, ở Ki-ép và ở các thành phố khác, bước đầu ấy đã dẫn đến việc thành lập "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga" (vào mùa xuân 1898). Sau khi đã tiến bước khổng lồ này, đảng dân chủ - xã hội Nga dường như tạm thời bị kiệt hết sức lực và đã quay trở lại với lối hoạt động phân tán ngày xưa của các tổ chức địa phương riêng rẽ. Đảng vẫn không ngừng tồn tại, nó chỉ tập trung tinh lực lại để thu thập lực lượng của mình và để đoàn kết tất cả những người dân chủ - xã hội Nga trên một cơ sở vững chắc. Thực hiện sự đoàn kết đó, xây dựng một hình thức thích hợp cho sự đoàn kết đó, vĩnh viễn gạt bỏ khuôn khổ chật hẹp của sự phân tán địa phương, đó là nhiệm vụ trước mắt và bức thiết nhất của những người dân chủ - xã hội Nga.

Tất cả mọi người chúng ta đều nhất trí nhận rằng nhiệm vụ của chúng ta là phải tổ chức cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Nhưng đấu tranh giai cấp là thế nào? Khi công nhân của một công xưởng riêng rẽ, hay của một ngành nghề riêng rẽ đấu tranh với một hay những tên chủ của họ, có phải là đấu tranh giai cấp không? Không, đó mới chỉ là một mầm mống yếu ớt của đấu tranh giai cấp. Cuộc đấu

tranh của công nhân chỉ trở thành đấu tranh giai cấp khi nào tất cả những người đại biểu tiên phong của toàn bộ giai cấp công nhân trong cả nước đã giác ngộ mình là một giai cấp công nhân thống nhất và đã bắt đầu đấu tranh không phải để chống lại những tên chủ riêng rẽ, mà để chống lại *toàn bộ giai cấp* những nhà tư bản và chống lại cái chính phủ ủng hộ giai cấp đó. Chỉ khi nào mỗi người công nhân riêng rẽ đều có ý thức rằng mình là thành viên của toàn bộ giai cấp công nhân, chỉ khi nào người công nhân đó nhận thấy rằng cuộc đấu tranh hàng ngày cho những yêu sách nhỏ, chống những tên chủ riêng rẽ và những tên quan lại riêng rẽ, là cuộc đấu tranh chống toàn bộ giai cấp tư sản và toàn thể chính phủ, chỉ khi đó cuộc đấu tranh của anh ta mới trở thành đấu tranh giai cấp. "Bất cứ cuộc đấu tranh giai cấp nào cũng đều là đấu tranh chính trị"⁸⁴ - người ta sẽ lầm nếu hiểu lời nói nổi tiếng đó của Mác theo ý nghĩa là mọi cuộc đấu tranh của công nhân chống bọn chủ *đều luôn luôn là* đấu tranh chính trị. Phải hiểu những lời đó như thế này: cuộc đấu tranh của công nhân chống bọn tư bản nhất thiết *trở thành* đấu tranh chính trị *khi nào* nó trở thành một cuộc đấu tranh *giai cấp*. Nhiệm vụ của đảng dân chủ - xã hội chính là ở chỗ phải dùng phương pháp tổ chức công nhân, tuyên truyền và cổ động họ để *biến* cuộc đấu tranh tự phát của họ chống bọn áp bức, *thành* một cuộc đấu tranh của toàn thể giai cấp, *thành* cuộc đấu tranh của một *đảng* chính trị nhất định, để đạt tới những lý tưởng chính trị và xã hội chủ nghĩa nhất định. Nhiệm vụ đó sẽ không thể thực hiện được, nếu chỉ có tiến hành riêng hoạt động địa phương thôi.

Ở nước ta, hoạt động của đảng dân chủ - xã hội ở địa phương đã đạt tới một trình độ phát triển khá cao. Những mầm mống tư tưởng dân chủ - xã hội đã được gieo rắc trong toàn cõi nước Nga; những tờ truyền đơn công nhân - hình thức đầu tiên đó của văn phẩm dân chủ - xã hội - đã được tất cả công nhân Nga biết đến, từ Pê-téc-bua đến

Cra-xnôi-ác-xơ và từ Cáp-ca-dơ đến U-ran. Điều mà chúng ta hiện nay vẫn chưa làm được chính là tập trung tất cả những hoạt động địa phương đó vào thành hoạt động của một *đảng*. Khuyết điểm chính của chúng ta, mà chúng ta phải đem hết cố gắng ra khắc phục, là tính chất chật hẹp, «thủ công» của hoạt động địa phương. Do tính chất thủ công đó, nên một số lớn những biểu hiện của phong trào công nhân ở Nga vẫn là những sự kiện thuần túy địa phương và mất đi nhiều ý nghĩa để làm gương cho toàn bộ phong trào dân chủ - xã hội Nga, mất đi nhiều ý nghĩa về mặt là một giai đoạn của toàn bộ phong trào công nhân Nga. Do tính chất thủ công đó, nên công nhân không có ý thức đầy đủ về tính nhất trí của lợi ích của họ trong toàn nước Nga và họ không gắn liền được đầy đủ cuộc đấu tranh của họ với tư tưởng về chủ nghĩa xã hội Nga và về nền dân chủ Nga. Do tính chất thủ công đó, nên những quan điểm khác nhau của các đồng chí về những vấn đề lý luận và thực tiễn đã không được thảo luận công khai trên một cơ quan ngôn luận trung ương, không phục vụ cho việc xây dựng một cương lĩnh chung của đảng và một sách lược chung, mà lại tiêu tan trong hoạt động có tính chất tiểu tổ chật hẹp hoặc đưa đến chỗ khuếch đại quá đáng những đặc điểm có tính chất địa phương và ngẫu nhiên. Cần phải chấm dứt những lệ lối thủ công đó đi! Chúng ta đã khá già dặn khiến có thể chuyển sang *một công tác chung*, xây dựng một cương lĩnh chung cho đảng, thảo luận tập thể về sách lược và tổ chức của đảng ta.

Đảng dân chủ - xã hội Nga đã cố gắng được nhiều trong việc phê phán những lý luận cũ về cách mạng và chủ nghĩa xã hội; nó không phải chỉ có phê phán và chỉ nói lý luận thuần túy không thôi; nó đã chứng minh rằng cương lĩnh của nó không phải là treo lơ lửng trên không, mà đã hưởng ứng phong trào tự phát rộng rãi của quần chúng nhân dân, cụ thể là của giai cấp vô sản công xưởng - nhà máy. Bây giờ nó

còn có nhiệm vụ hoàn thành bước tiếp theo, bước đặc biệt khó khăn, nhưng cũng lại đặc biệt quan trọng: xây dựng một tổ chức của phong trào đó, sao cho nó thích hợp với điều kiện của chúng ta. Đảng dân chủ - xã hội không phải chỉ giản đơn phục vụ phong trào công nhân, mà nó là *«sự kết hợp của chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân»* (đây là nói theo định nghĩa của C. Cau-xky, định nghĩa đã nhắc lại những tư tưởng cơ bản của «Tuyên ngôn của Đảng cộng sản»); nhiệm vụ của nó là đưa vào trong phong trào công nhân tự phát những lý tưởng xã hội chủ nghĩa thật rõ rệt, gắn phong trào đó với những tư tưởng xã hội chủ nghĩa, - những tư tưởng này phải đạt tới trình độ khoa học hiện đại, - gắn phong trào đó với cuộc đấu tranh chính trị có hệ thống cho nền dân chủ, coi đó là phương tiện để thực hiện chủ nghĩa xã hội: tóm lại, nhiệm vụ của nó là kết hợp phong trào tự phát đó với hoạt động của *đảng cách mạng* thành một khối thống nhất khăng khít. Lịch sử của chủ nghĩa xã hội và của nền dân chủ ở Tây Âu, lịch sử của phong trào cách mạng Nga, kinh nghiệm của phong trào công nhân chúng ta, đó là *tài liệu* mà chúng ta phải thấm nhuần để định ra tổ chức và sách lược hợp lý cho đảng ta. Tuy nhiên tài liệu đó phải do chúng ta tự lực «xây dựng nên», vì chúng ta không tìm đâu được những kiểu mẫu làm sẵn: một mặt thì phong trào công nhân Nga bị đặt ở trong những điều kiện khác hẳn với phong trào ở Tây Âu. Có một ảo tưởng nào đó về vấn đề này thì rất là nguy hiểm. Mặt khác, đảng dân chủ - xã hội Nga, về căn bản, lại khác những đảng cách mạng cũ ở Nga, khiến việc học tập những nhà lãnh tụ Nga lão thành về mặt kỹ thuật hoạt động cách mạng và hoạt động bí mật tuy là cần thiết (chúng ta không chút ngần ngại thừa nhận đó là việc cần thiết) nhưng tuyệt nhiên không vì thế mà ta không có nhiệm vụ phải có thái độ phê phán đối với những bậc tiền bối đó, và không tự lực lập lên tổ chức của chúng ta.

Do đó mà hai vấn đề chính sau đây được đặt ra một cách đặc biệt mạnh mẽ: 1) Làm thế nào kết hợp được sự cần thiết phải tạo một sự tự do hoàn toàn cho hoạt động dân chủ - xã hội ở địa phương, với sự cần thiết phải lập một đảng thống nhất và, do đó, có tính chất một đảng tập trung? Tất cả nguồn sức mạnh của đảng dân chủ - xã hội là nằm trong phong trào công nhân tự phát, phong trào này không biểu hiện giống nhau và cùng một lúc trong các trung tâm công nghiệp khác nhau; sự hoạt động của các tổ chức dân chủ - xã hội địa phương là *nền móng* của toàn bộ hoạt động của đảng. Nhưng nếu đây là hoạt động của «những người thủ công» riêng lẻ, thì nói cho đúng ra, người ta cũng không thể gọi hoạt động đó là hoạt động dân chủ - xã hội, vì hoạt động đó sẽ không phải là hoạt động tổ chức và không thể lãnh đạo cuộc đấu tranh *giai cấp* của giai cấp vô sản. 2) Làm thế nào kết hợp được nguyện vọng của đảng dân chủ - xã hội, muốn trở thành một đảng cách mạng nhằm mục đích chủ yếu là đấu tranh giành quyền tự do chính trị, với việc đảng đó nhất quyết không tổ chức những vụ âm mưu chính trị, không «kêu gọi công nhân ra chiến đấu ở những lũy chướng ngại» (theo cách nói rất đúng của P.B. Ác-xen-rốt), hay nói chung không bắt công nhân phải nhận «kế hoạch» tấn công này hay kế hoạch tấn công khác - do một nhóm người cách mạng nào đó sáng tác ra - nhằm chống lại chính phủ?

Đảng dân chủ - xã hội Nga hoàn toàn có quyền khẳng định rằng nó đã giải quyết được, về mặt *lý luận*, những vấn đề đó rồi; nếu lại nói về điều đó nữa thì sẽ lặp lại điều đã nói trong bài «Cương lĩnh của chúng ta». Bây giờ vấn đề là phải giải quyết, về mặt *thực tiễn*, những vấn đề đó. Giải quyết thực tiễn những vấn đề đó thì không thể do một người riêng rẽ hay một nhóm riêng rẽ làm được, mà phải do hoạt động có tổ chức của toàn bộ đảng dân chủ - xã hội. Chúng tôi nghĩ rằng lúc này nhiệm vụ cấp bách nhất là bắt tay giải quyết những vấn đề đó và muốn thế thì mục tiêu trước mắt

của chúng ta phải là *tổ chức ra một cơ quan ngôn luận của đảng ra đều đặn và liên hệ chặt chẽ với tất cả các nhóm địa phương*. Chúng tôi nghĩ rằng *toàn bộ* hoạt động của những người dân chủ - xã hội phải hướng vào việc đó trong suốt thời kỳ sắp tới. Không có một cơ quan ngôn luận như vậy, thì công tác của các tổ chức địa phương sẽ vẫn là công tác «thủ công» chật hẹp. Thành lập một đảng, mà không tổ chức ra một tờ báo nhất định làm cơ quan đại diện đúng đắn cho đảng đó, thì trong một chừng mực lớn việc thành lập đó sẽ chỉ là một lời nói suông mà thôi. Cuộc đấu tranh kinh tế mà không được một cơ quan ngôn luận trung ương thống nhất lại, thì không thể trở thành cuộc đấu tranh *giai cấp* của toàn bộ giai cấp vô sản Nga. Không thể nào tiến hành cuộc đấu tranh chính trị được nếu toàn đảng không thể bày tỏ ý kiến về mọi vấn đề chính trị và hướng dẫn những biểu hiện khác nhau của cuộc đấu tranh. Không thể nào tổ chức được các lực lượng cách mạng, khép được các lực lượng ấy vào kỷ luật và phát triển kỹ thuật của hoạt động cách mạng, nếu tất cả những vấn đề đó không được thảo luận trên một cơ quan ngôn luận trung ương, nếu không xây dựng được một cách tập thể, một số *hình thức và quy tắc tổ chức công tác*, nếu *trách nhiệm* của mỗi đảng viên trước toàn đảng không được quy định, thông qua cơ quan ngôn luận trung ương.

Khi khẳng định là cần phải tập trung *tất cả* các lực lượng của đảng - những người viết sách báo, những người tổ chức, những của cải vật chất, v.v. - nhằm lập lên và lãnh đạo đúng đắn cơ quan ngôn luận của toàn đảng, chúng tôi không hề nghĩ đến việc gạt xuống hàng thứ yếu những hình thức hoạt động khác, như cổ động ở địa phương, biểu tình, tẩy chay, trừ bọn mật thám, chống những tên đại biểu này hay đại biểu khác của giai cấp tư sản và của chính phủ, bãi công thị uy, v.v., v.v.. Trái lại, chúng tôi tin chắc rằng tất cả những hình thức hoạt động đó là *nền móng* của hoạt động

của đảng; nhưng nếu *không được* cơ quan ngôn luận của toàn đảng thống nhất lại, thì tất cả những hình thức đó của cuộc đấu tranh cách mạng *mất đi đến chín phần mười ý nghĩa*, sẽ không đóng góp gì được vào việc tạo kinh nghiệm chung của đảng, vào việc tạo nên những truyền thống và tính kế thừa trong đảng. Cơ quan ngôn luận của đảng không những không cạnh tranh với sự hoạt động đó, mà còn giúp một cách mạnh mẽ cho việc phổ biến, tăng cường và hệ thống hóa sự hoạt động đó.

Sở dĩ cần thiết phải tập trung *tất cả* các lực lượng nhằm tổ chức ra một cơ quan ngôn luận của đảng, in và phát hành đều đặn, là vì đảng dân chủ - xã hội Nga đang ở vào một hoàn cảnh độc đáo, khác với hoàn cảnh các đảng dân chủ - xã hội ở những nước khác ở châu Âu và với những đảng cách mạng cũ ở Nga. Công nhân Đức, Pháp v.v., ngoài tờ báo ra, còn có vô số phương tiện khác hoạt động công khai và để tổ chức phong trào: cả hoạt động ở nghị trường, cả cổ động tuyển cử, cả hội họp công chúng, cả tham gia những tổ chức xã hội địa phương (ở thành thị và nông thôn), lẫn hoạt động công khai của những nghiệp đoàn (công đoàn, phường hội) v.v., v.v.. Ở nước ta, để *thay cho tất cả những cái đó*, và đúng là cho *tất cả* những cái đó, — khi mà chúng ta chưa giành được quyền tự do chính trị, — thì phải có một tờ báo cách mạng, nếu không có tờ báo đó thì chúng ta *hoàn toàn không thể* tổ chức, một cách rộng rãi, toàn bộ phong trào công nhân được. Chúng tôi không tin vào những việc tổ chức các vụ âm mưu, chúng tôi không có ý định dùng những hành động cách mạng đơn độc để lật đổ chính phủ; khẩu hiệu thực tiễn của hoạt động chúng tôi là công thức của Liép-nếch, bậc lão thành của đảng dân chủ - xã hội Đức: «Studieren, propagandieren, organisieren» — học tập, tuyên truyền, tổ chức. Và trung tâm của hoạt động đó chỉ có thể và tất nhiên phải là *cơ quan ngôn luận của đảng*.

Nhưng có thể tổ chức một cách hợp lý và tương đối vững chắc việc xuất bản một cơ quan ngôn luận như thế được không và trong những điều kiện nào thì làm được? Đó là điều mà lần sau chúng tôi sẽ bàn tới.

MỘT VẤN ĐỀ CẤP BÁCH

Trong bài trước, chúng tôi đã nói rằng nhiệm vụ cấp bách của chúng ta là tổ chức ra một cơ quan ngôn luận của đảng, in và phát hành đều đặn, và chúng tôi đã đặt câu hỏi là có thể làm được không và trong điều kiện nào thì làm được. Bây giờ chúng ta hãy xét những mặt quan trọng nhất của vấn đề đó.

Trước hết, người ta có thể cãi lại chúng tôi rằng muốn đạt tới mục đích đó, thì phải *bất đầu* bằng việc phát triển hoạt động của các nhóm địa phương. Chúng tôi cho rằng ý kiến đó - một ý kiến cũng khá phổ biến - là sai. Chúng ta có thể và chúng ta phải bắt tay ngay vào việc thành lập và tổ chức vững chắc cơ quan ngôn luận của đảng và do đó tổ chức vững chắc bản thân đảng. Những điều kiện cần thiết cho việc đó đã có đủ: hoạt động địa phương vẫn tiếp tục, và rõ ràng là nó đã bắt rễ sâu, vì những cuộc vây ráp ngày càng nhiều của cảnh sát chỉ làm cho hoạt động bị gián đoạn không lâu; những chiến sĩ hy sinh trong chiến đấu đều được nhanh chóng thay thế bằng những lực lượng mới. Không những ở ngoài nước mà ngay cả ở Nga, đảng cũng đã có phương tiện xuất bản và lực lượng biên tập. Vậy vấn đề là ở chỗ xét xem nên tiếp tục theo lối «thủ công» để tiến hành công tác *đã làm*, hay phải tổ chức công tác đó để nó trở thành công tác của một đảng duy nhất, và phải

làm thế nào cho công tác đó được phản ánh toàn bộ trên một cơ quan ngôn luận chung duy nhất.

Ở đây, chúng tôi bàn đến vấn đề cấp bách của phong trào chúng ta, điểm nan giải của phong trào đó, tức là vấn đề tổ chức. Việc cải tiến tổ chức cách mạng và kỷ luật cách mạng, việc hoàn thiện kỹ thuật hoạt động bí mật, đều là cần thiết không trì hoãn được. Cần phải công khai thừa nhận rằng, về mặt đó, chúng ta thua kém những đảng cách mạng cũ ở Nga và chúng ta phải hết sức cố gắng để đuổi kịp và vượt những đảng đó. Nếu không cải tiến tổ chức thì phong trào công nhân chúng ta, nói chung, không thể tiến lên một bước nào cả, và cũng không thể thành lập, nói riêng, một đảng tích cực có một cơ quan ngôn luận hoạt động đều đặn. Đó là một mặt. Còn mặt khác thì những cơ quan hiện có của đảng (ở đây tôi muốn nói cả báo chí, cả những tổ chức và nhóm) phải chú ý nhiều hơn đến các vấn đề tổ chức và phải theo hướng đó mà ảnh hưởng đến các nhóm địa phương.

Công tác địa phương, theo lối thủ công, bao giờ cũng làm nảy ra quá nhiều những quan hệ cá nhân và làm cho tác phong tiểu tổ phát triển; song chúng ta đã vượt qua giai đoạn của tác phong tiểu tổ đó rồi, là tác phong đã trở thành quá chật hẹp đối với công tác hiện tại và gây ra quá lãng phí lực lượng. Chỉ có thống nhất vào trong một đảng duy nhất, mới có thể thực hiện được một cách có hệ thống những nguyên tắc phân công và tiết kiệm lực lượng, - đó là điều cần thiết để giảm bớt tổn thất về người và để có thể dựng lên được một bức thành tương đối chắc chắn chống lại cái ách của chính phủ chuyên chế và chính sách đàn áp tàn khốc của nó. Chống lại chúng ta, chống lại các nhóm nhỏ xã hội chủ nghĩa đang rải rác trên một địa bàn «hoạt động bí mật» rộng lớn ở Nga, thì có bộ máy đồ sộ của nhà nước hiện đại, hết sức mạnh, nó đang dốc hết mọi lực lượng để bóp chết chủ nghĩa xã hội và nền dân chủ. Chúng tôi tin chắc rằng cuối cùng chúng ta sẽ đánh đổ được

nhà nước cảnh sát đó, vì nền dân chủ và chủ nghĩa xã hội được tất cả các tầng lớp lành mạnh và đang vươn lên trong toàn dân ủng hộ; nhưng, để tiến hành một cuộc đấu tranh có hệ thống chống chính phủ, chúng ta phải đưa tổ chức cách mạng, kỷ luật và kỹ thuật hoạt động bí mật lên trình độ hoàn thiện cao nhất. Từng đảng viên và tổ đảng cần phải chuyên môn hóa trong các lĩnh vực hoạt động khác nhau của đảng: in các tài liệu, đưa những sách báo in ở nước ngoài vào nước Nga, vận chuyển đi khắp nước Nga, phân phát trong các thành phố, tổ chức những chỗ ở bí mật, quyền tiền, tổ chức chuyển thư tín và tất cả những tin tức về phong trào, tổ chức các mối liên lạc, v.v.. Một sự chuyên môn hóa như vậy đòi hỏi, như chúng ta đều biết, nhiều sự bền bỉ hơn, nhiều khả năng hơn để tập trung vào một công tác khiêm tốn, thầm lặng, ít ai biết đến, đòi hỏi nhiều tinh thần dũng cảm thực sự hơn là công tác vẫn thường làm trong các tiểu tổ.

Nhưng những người xã hội chủ nghĩa Nga và giai cấp công nhân Nga đã chứng tỏ rằng họ biết tỏ ra anh dũng và, nói chung, nếu chúng ta phân nản thiếu người là không đúng. Người ta nhận thấy những công nhân trẻ có một khát vọng hăng say không gì ngăn cản nổi đối với những tư tưởng dân chủ và những tư tưởng xã hội chủ nghĩa, và các người trí thức vẫn tiếp tục đến giúp công nhân, mặc dầu nhà giam và những nơi tù đầy đã chật ních cả rồi. Nếu người ta tuyên truyền rộng rãi, trong tất cả những người mới gia nhập hàng ngũ cách mạng đó, tư tưởng về sự cần thiết phải có một tổ chức chặt chẽ hơn, thì việc cho ra một tờ báo của đảng, được in và phát hành đều đặn, sẽ không còn là một giấc mơ nữa. Chúng ta hãy xét một trong những điều kiện để kế hoạch đó thành công: phải đảm bảo gửi đều đặn đến cho tờ báo những bài vở và bản tin từ khắp các nơi đến. Lịch sử há chẳng đã chỉ ra rằng, trong tất cả mọi thời kỳ hoạt động sôi nổi của phong trào cách mạng chúng

ta thì mục đích đó hoàn toàn có thể thực hiện được, và lại còn thực hiện được ngay cả đối với những cơ quan xuất bản ở nước ngoài, đó sao? Nếu những người dân chủ - xã hội hoạt động trong những vùng khác nhau, coi tờ báo của đảng là tờ báo của *bản thân họ* và nhận thấy rằng bốn phạm đầu tiên của họ là phải thường xuyên liên hệ với tờ báo đó, phải thảo luận trên tờ báo đó những vấn đề đang làm cho họ quan tâm đến, phải phản ánh trên tờ báo đó toàn bộ phong trào của họ, - thì bấy giờ ta sẽ hoàn toàn có khả năng bảo đảm cho tờ báo có được những tài liệu đầy đủ về phong trào, miễn là phải tôn trọng những quy tắc hoạt động bí mật, mà những quy tắc đó cũng không có gì khó khăn lắm. Một mặt khác của vấn đề - việc gửi báo đều đặn cho tất cả các vùng ở Nga là việc khó khăn hơn nhiều, khó khăn hơn trước đây, khi còn những hình thức cũ của phong trào cách mạng Nga, khi mà những tờ báo không phải được dành cho quần chúng nhân dân, với một mức độ như hiện nay. Nhưng những nơi phải gửi báo chí dân chủ - xã hội đến, là những nơi thuận lợi cho việc phát hành những tờ báo đó. Những nơi chủ yếu mà chúng ta phải gửi báo đến nhiều và đều đặn, là những trung tâm công nghiệp, những thành phố và những thị trấn có công xưởng, những khu phố có công xưởng trong những thành phố lớn, v.v.. Dân cư ở những trung tâm ấy hầu hết đều là công nhân; người công nhân ở đây thực sự làm chủ tình hình và có hàng trăm nghìn kế để đánh lạc sự rình mò của cảnh sát; những mối liên lạc với những trung tâm công nghiệp lân cận thì cực kỳ mật thiết. Vào thời kỳ ban hành đạo luật ngoại lệ chống những người xã hội chủ nghĩa (từ năm 1878 đến năm 1890)⁸⁵ cơ quan cảnh sát chính trị Đức làm việc không kém cảnh sát Nga, có lẽ còn giỏi hơn nữa là từng, thế mà công nhân Đức, nhờ tính tổ chức và tinh thần kỷ luật, đã tìm cách đưa được tờ tuần báo bí mật của họ từ nước ngoài về một cách đều đặn và giao được báo đó đến tận nhà cho tất cả

những người mua báo, khiến ngay cả các bộ trưởng cũng phải thân phục sự hoạt động của tổ chức bưu chính dân chủ - xã hội ("bưu chính đỏ"). Đành rằng chúng ta không mơ ước làm được như thế, nhưng nếu chúng ta hết sức cố gắng thì chúng ta cũng hoàn toàn có thể làm cho tờ báo của đảng ta ra mỗi năm ít nhất là 12 lần và gửi được đều đặn đến các trung tâm chính của phong trào, đến tay tất cả những giới công nhân có thể tiếp thu được chủ nghĩa xã hội.

Bàn trở lại vấn đề chuyên môn hóa, chúng ta cũng cần phải nói rằng sở dĩ có sự thiếu sót trong vấn đề này một phần là do lối làm việc "thủ công" còn chiếm ưu thế, và phần nữa cũng do các báo dân chủ - xã hội của chúng ta thường dành quá ít chỗ cho những vấn đề tổ chức.

Chỉ có thiết lập được một cơ quan ngôn luận chung của đảng mới có thể làm cho mỗi "cán bộ riêng biệt" của sự nghiệp cách mạng thấm nhuần ý thức là anh ta đang đi "trong hàng ngũ", công tác của anh ta trực tiếp cần thiết cho đảng, và anh ta là một trong những khâu của một dây xích mà rồi đây sẽ thắt cổ kẻ thù độc ác nhất của giai cấp vô sản Nga và của toàn thể nhân dân Nga, tức chính phủ chuyên chế của nước Nga. Chỉ có thực hành sự chuyên môn hóa đó một cách chặt chẽ thì mới tiết kiệm được lực lượng của chúng ta: không những mỗi mặt riêng rẽ của hoạt động cách mạng sẽ do một số người ít hơn tiến hành, mà việc thực hiện *một cách hợp pháp* (= được luật pháp cho phép) một vài mặt nào đó của hoạt động hiện tại sẽ là một việc có thể làm được. Từ lâu, cơ quan ngôn luận chính của đảng dân chủ - xã hội Đức, tờ "Vorwärts" ("Tiến lên")⁸⁶, đã khuyến khích những người xã hội chủ nghĩa Nga nên *hợp pháp hóa* hoạt động của họ như thế, nên tổ chức hoạt động đó trong khuôn khổ hợp pháp. Thoạt nghe thì lời khuyên như thế làm cho ta ngạc nhiên, nhưng thực tế thì nó đáng được xem xét một cách nghiêm chỉnh. Hầu hết những ai đã công tác trong một

tiểu tổ địa phương ở một thành phố nào đó sẽ dễ dàng nhớ lại rằng trong vô số những công việc khác nhau của họ, đã có một số việc tự nó là hợp pháp rồi (chẳng hạn như thu thập tin tức về tình cảnh công nhân, nghiên cứu tài liệu hợp pháp về nhiều vấn đề, tham khảo những sách báo nhất định của nước ngoài và giới thiệu lại sách báo đó, duy trì một số liên lạc nào đó, giúp công nhân về các kiến thức phổ thông trong việc nghiên cứu luật công xưởng và nhiều việc khác). Nếu coi những nhiệm vụ đó là những nhiệm vụ đặc biệt và giao cho một loại người nhất định, thì ta sẽ giảm bớt được quân số tại ngũ của đạo quân cách mạng đang hoạt động và đang nằm trong vòng "hỏa lực" (mà không hề giảm bớt chút nào "khả năng chiến đấu" của đạo quân đó) và sẽ làm tăng thêm lực lượng dự bị là lực lượng thay thế "những người đã hy sinh và những người bị thương". Chỉ có thể đạt được điều đó, khi cả những đảng viên chính thức đang hoạt động lẫn lực lượng dự bị, đều thấy hoạt động của họ được phản ánh trên cơ quan ngôn luận chung của đảng, và cảm thấy là có liên hệ với đảng. Cố nhiên là những hội nghị địa phương của công nhân và của các nhóm địa phương lúc nào cũng là cần thiết, dù chúng ta đẩy mạnh việc chuyên môn hóa đến đâu đi nữa cũng vậy, nhưng một mặt, số lượng những cuộc hội họp cách mạng đông người (đặc biệt nguy hiểm vì dễ bị cảnh sát đàn áp, và kết quả của những cuộc hội họp đó thường không tương xứng được với mối nguy hiểm đưa lại cho các hội nghị ấy) sẽ giảm đi rõ rệt; mặt khác, khi chuyển một số mặt nào đó của công tác cách mạng thành những nhiệm vụ đặc biệt, thì người ta có thể dễ nguy trang cho những cuộc hội họp đó dưới những hình thức hợp pháp: tiến hành hội họp dưới hình thức những buổi họp giải trí, những buổi họp của các hội đã được pháp luật cho phép v.v.. Công nhân Pháp dưới thời Na-pô-lê-ông III và công nhân Đức trong thời kỳ có đạo luật ngoại lệ chống những người xã hội chủ nghĩa, đã

biết nghĩ ra đủ mọi hình thức để nguy trang những cuộc hội nghị chính trị và xã hội chủ nghĩa của họ. Công nhân Nga cũng sẽ biết làm như thế.

Sau nữa, chỉ có cải tiến tổ chức và thành lập một cơ quan ngôn luận chung của đảng thì mới có thể làm cho chính bản thân nội dung của công tác tuyên truyền và cổ động dân chủ - xã hội được mở rộng và sâu sắc thêm. Thế mà chúng ta lại rất cần làm như vậy. Công tác địa phương hầu như bao giờ cũng dẫn tới chỗ khuếch đại những đặc điểm địa phương, dẫn tới chỗ...¹⁾ việc này không thể nào làm được nếu không có một cơ quan ngôn luận trung ương, cơ quan này sẽ đồng thời là một cơ quan ngôn luận dân chủ tiên phong. Chỉ đến lúc đó, thì *nguyện vọng* của chúng ta, nguyện vọng biến đảng dân chủ - xã hội thành một chiến sĩ tiên phong cho nền dân chủ, mới trở thành *sự thật*. Chỉ đến lúc đó, chúng ta mới có thể vạch ra được một sách lược chính trị rõ ràng. Đảng dân chủ - xã hội đã gạt bỏ thuyết sai lầm nói về "một khối phản động". Đảng dân chủ - xã hội cho rằng một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của chính trị là sử dụng sự giúp sức của những giai cấp tiến bộ để chống lại những giai cấp phản động. Khi các tổ chức và các cơ quan ngôn luận còn mang tính chất địa phương, thì nhiệm vụ đó hầu như không thể thực hiện được: người ta không đi quá việc liên hệ với một số người thuộc "phái tự do" để tranh thủ "những sự giúp sức" của họ thôi. Chỉ có một cơ quan ngôn luận chung của đảng, áp dụng một cách quán triệt những nguyên tắc đấu tranh chính trị và gương thật cao ngạo cờ dân chủ, mới có thể thu hút được tất cả những phần tử dân chủ giàu tinh thần chiến đấu, và mới có thể sử dụng được toàn bộ những lực lượng tiến bộ của nước Nga vào cuộc đấu tranh giành quyền tự do chính trị. Chỉ đến lúc đó, mới có thể biến mối căm thù âm ỉ của công nhân

1) Đoạn bản thảo này bị mất.

đối với cảnh sát và đối với bọn cầm quyền thành một mối căm thù có ý thức đối với chính phủ chuyên chế và thành một quyết tâm tiến hành cuộc đấu tranh quyết liệt giành quyền lợi cho giai cấp công nhân và cho toàn thể nhân dân Nga! Và một đảng cách mạng được xây dựng trên một cơ sở như thế và được tổ chức chặt chẽ, sẽ là một lực lượng chính trị quan trọng bậc nhất trong nước Nga hiện nay!

Trong những số sau, chúng tôi sẽ đăng dự thảo cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và sẽ đem thảo luận, một cách tỉ mỉ hơn, một số vấn đề tổ chức.

PHÊ BÌNH SÁCH

Karl Kautsky. Bernstein und das sozialdemokratische Programm.

*Eine Antikritik*¹⁾

... Trong lời nói đầu, Cau-xky nêu ra nhiều ý kiến cực kỳ quý báu và chính xác về những điều kiện mà một sự phê phán nghiêm túc và thành thật cần phải có, nếu những người phê phán đó không muốn bó mình trong khuôn khổ chật hẹp của một lối thông thái rỗng và uyên bác không hồn, nếu họ không muốn bỏ qua mối liên hệ chặt chẽ và khăng khít gắn liền "lý trí lý luận" với "lý trí thực tiễn", nhưng không phải là với lý trí thực tiễn của những cá nhân riêng lẻ, mà là của quần chúng nhân dân ở trong những điều kiện đặc biệt. Đương nhiên, chân lý là trên hết, như Cau-xky đã nói, và nếu Béc-stanh đã thật thà thừa nhận những quan điểm cũ của ông ta là sai, thì bốn phạm trực tiếp của ông ta là phải tuyên bố thừa nhận điều đó một cách hoàn toàn rõ ràng. Nhưng khốn nỗi Béc-stanh lại thiếu chính sự thẳng thắn và rõ ràng: cuốn sách của ông ta có tính chất "bách khoa" một cách lạ kỳ (như An-tô-ni-ô La-bri-ô-la đã nhận xét trong tạp chí Pháp), nó đề cập vô số vấn đề, nhưng *đối với bất cứ vấn đề nào*, nó cũng không trình bày được hoàn chỉnh và rõ ràng những quan điểm mới của nhà phê phán. Ông ta chỉ nêu lên những điều mình hoài nghi; đối

1) — *Các-lơ Cau-xky. Béc-stanh và cương lĩnh dân chủ - xã hội. Chống lại sự phê phán*

với những vấn đề khó khăn và phức tạp thì vừa mới đề cập tới ông đã bỏ qua ngay chứ không hề tự mình đem những vấn đề đó ra phân tích chút nào cả. Do đó, - như lời Cau-xky vạch ra một cách châm biếm - đưa đến một điều rất kỳ cục là: môn đồ của Béc-stanh hiểu cuốn sách của ông ta theo rất nhiều cách khác nhau, nhưng các đối phương của ông lại hiểu sách đó một cách giống nhau. Còn lời bác bẻ chủ yếu mà Béc-stanh đưa ra để chống lại đối phương của ông, là ở chỗ nói rằng họ không hiểu ông ta, họ không muốn hiểu ông ta. Cả một loạt bài đăng trên báo và trên tạp chí mà Béc-stanh viết để trả lời các đối phương của ông, cũng đều không làm sáng tỏ được chút nào những ý kiến chính diện của ông ta.

Trong bài chống lại sự phê phán, Cau-xky bắt đầu bằng một vấn đề về phương pháp. Ông phân tích những lời bác bẻ do Béc-stanh đưa ra để chống lại quan niệm duy vật về lịch sử và chỉ ra rằng Béc-stanh đã lẫn lộn khái niệm «quyết định luận» với khái niệm «cơ giới luận», tự do ý chí với tự do hành động, rằng ông ta đã coi làm một, một cách vô căn cứ hoàn toàn, sự tất yếu lịch sử với tình cảnh bị cưỡng bức, không lối thoát của con người. Lời buộc tội được nhai đi nhai lại về thuyết định mệnh, - lời buộc tội mà Béc-stanh cũng lặp lại, - đã bị chính ngay những luận cứ cơ bản của học thuyết lịch sử của Mác bác bỏ. Béc-stanh nói: người ta không thể quy tất cả mọi cái vào sự phát triển của lực lượng sản xuất. Cũng phải «tính đến» cả những nhân tố khác nữa. Cau-xky trả lời: được lắm, nhưng đó là điều mà mọi nhà nghiên cứu đều phải làm, dù họ xuất phát từ quan niệm như thế nào đi nữa về lịch sử. Kẻ nào muốn làm cho chúng tôi bỏ phương pháp của Mác, phương pháp đã được chúng tôi thực một cách hết sức hùng hồn trong thực tiễn và đang tiếp tục được chứng thực, thì kẻ đó phải chọn giữa hai con đường: hoặc là vứt bỏ nói chung tư tưởng về tính quy luật, về sự tất yếu của quá trình lịch sử và như thế có nghĩa là

kẻ đó vứt bỏ mọi ý định xây dựng xã hội học trên một cơ sở khoa học. Hoặc là phải vạch ra xem người ta dùng cách nào mà rút ra được, từ những nhân tố khác (thí dụ, từ những quan điểm đạo đức), sự tất yếu của quá trình lịch sử, - và sự phân tích của người đó phải làm sao để có thể so sánh được, dù chỉ là phần nào thôi, với sự phân tích của Mác trong bộ «*Tư bản*». Chẳng những Béc-stanh không hề cố gắng chút nào để làm theo hướng đó mà, trong khi chỉ đưa ra một câu hoàn toàn rỗng tuếch về «sự cần thiết phải tính đến» những nhân tố khác, ông ta vẫn *tiếp tục* dùng đến phương pháp duy vật cũ trong cuốn sách của mình, làm như thể ông ta chưa hề thấy sự thiếu sót của phương pháp đó! Thậm chí, như lời Cau-xky đã vạch ra, có khi ông ta lại còn vận dụng phương pháp đó một cách thô bạo và phiến diện thật sự không thể nào tha thứ được! Tiếp đó, Béc-stanh lại buộc tội phép biện chứng đã đưa đến những lý thuyết tùy tiện v.v., v.v.. Ông ta lấp lại những câu đó (những câu đã từ lâu làm cho cả các bạn đọc Nga phát buồn nôn lên được) mà không hề mảy may tìm cách chứng minh xem sai lầm của phép biện chứng là ở chỗ nào, không hề nói rõ là Hê-ghen hay Mác và Ăng-ghen có phạm sai lầm về phương pháp luận hay không (và cụ thể là những sai lầm gì). Phương pháp duy nhất mà Béc-stanh cố gắng dùng để giải thích và bênh vực ý kiến của mình, là buộc tội cho một trong những mục cuối cùng của bộ «*Tư bản*» (về xu hướng lịch sử của tích lũy tư bản chủ nghĩa) là có "tính chất thiên kiến". Lời buộc tội đó đã cũ lắm rồi: nó đã được O-giê-ni Duy-rinh, Giuy-li-út Vôn-phơ và nhiều người khác ở Đức đưa ra; nó còn được (chúng tôi xin nhân danh nói thêm) cả ông I-u. Giu-cốp-xki tung ra trong những năm 70 và đã được cả ông N. Mi-khai-lốp-xki tung ra trong những năm 90 - chính cũng ông Mi-khai-lốp-xki ấy, xưa kia về vấn đề này, đã vạch mặt ông I-u. Giu-cốp-xki là giở thủ thuật. Thế thì Béc-stanh đã viện *chứng cứ* gì để bào chữa cho điều nhảm nhí

cũ kỹ đó? Chỉ viện có mỗi một chứng cứ sau đây: Mác đã bước vào công việc «nghiên cứu» của mình, bằng những kết luận đã có sẵn từ trước, vì bộ «*Tư bản*», năm 1867, đã đi đến chính cái kết luận mà Mác đã đưa ra từ những năm 40. Cau-xky đã trả lời: «chứng cứ» như thế thì cũng như là một sự xuyên tạc mà thôi, vì Mác đã đặt những kết luận của mình không phải trên cơ sở một công trình nghiên cứu mà là trên cơ sở hai công trình, như chính Mác đã chỉ ra rất rõ trong bài tựa cuốn «*Zur Kritik*»¹⁾ (xem bản dịch tiếng Nga: «Phê phán một vài nguyên lý của chính trị kinh tế học»⁸⁷). Công trình nghiên cứu đầu tiên là vào những năm 40, sau khi Mác rút ra khỏi ban biên tập «*Báo Rê-nan*»⁸⁸. Mác sớm dĩ rút ra khỏi ban biên tập là vì ông phải luận về vấn đề lợi ích vật chất, thế mà ông tự thấy là chưa được chuẩn bị chu đáo để làm việc đó. Mác viết: tôi tự rút khỏi vũ đài xã hội để lui về phòng nghiên cứu. Như thế là (Cau-xky nhấn mạnh và ám chỉ Béc-stanh) tuy có hoài nghi về sự đúng đắn của những ý kiến của mình đối với vấn đề lợi ích vật chất, về sự đúng đắn của những quan điểm đang thịnh hành hồi đó đối với vấn đề ấy, nhưng Mác không cho những mối hoài nghi của mình là quan trọng đến mức phải dành cả một cuốn sách để bàn về những mối hoài nghi đó và phải báo cho tất cả mọi người biết. Không, Mác tiến hành những sự nghiên cứu là để gạt bỏ những sự hoài nghi của mình trong các quan điểm cũ và đi tới những quan điểm mới chính diện. Ông bắt đầu bằng việc nghiên cứu những lý luận xã hội của Pháp và chính trị kinh tế học Anh. Ông kết bạn với Ăng-ghen, là người hồi đó đang nghiên cứu tỉ mỉ thực trạng của kinh tế Anh. Kết quả của sự cộng tác đó, của cuộc nghiên cứu *đầu tiên* đó, là những kết luận rất nổi tiếng mà hai ông đã trình bày rất rõ ràng vào cuối những năm 40⁸⁹.

1) — «*Zur kritik der politischen Oekonomie*» - «Góp phần phê phán chính trị kinh tế học»

Từ 1850 trở đi, Mác định cư ở Luân-đôn, là nơi mà những điều kiện sinh hoạt thuận lợi cho công tác khoa học đã khiến ông quyết định «bắt tay nghiên cứu vấn đề lại *từ đầu* và nghiên cứu với tinh thần phê phán, những tài liệu mới» («Phê phán một vài nguyên lý», xuất bản lần thứ nhất, tr. XI. Do chúng tôi viết ngắ)⁹⁰. Kết quả của cuộc nghiên cứu *thứ hai* này, kéo dài ròng rã nhiều năm, là những tác phẩm: «Zur kritik» (1859) và «Das Kapital» (1867). Kết luận của bộ «Tư bản» phù hợp với kết luận cũ những năm 40, vì cuộc nghiên cứu lần thứ hai chứng thực những kết quả của những nghiên cứu lần thứ nhất. «Những quan điểm của tôi, dù người ta nhận xét chúng như thế nào đi nữa, thì đó cũng là kết quả của những sự nghiên cứu lâu dài và nghiêm túc», Mác đã viết như vậy năm 1859 (tác phẩm đã dẫn, tr. XII)⁹¹. Cau-xky hỏi: chả phải là điều đó giống những kết luận có sẵn từ lâu, trước khi tiến hành cuộc nghiên cứu, đó sao?

Từ vấn đề phép biện chứng, Cau-xky chuyển qua vấn đề giá trị. Béc-stanh khẳng định rằng lý luận của Mác chưa hoàn hảo, còn để lại nhiều vấn đề «hoàn toàn chưa được giải thích đầy đủ». Cau-xky không hề có ý định cãi lại điều đó. Ông viết: lý luận của Mác chưa phải là thành tựu cuối cùng của khoa học. Lịch sử mang lại đồng thời cả những sự việc mới lẫn những phương pháp nghiên cứu mới, là những cái đòi hỏi lý luận phải phát triển hơn nữa. Nếu Béc-stanh thử dùng những sự việc mới và những phương pháp nghiên cứu mới để phát triển lý luận hơn nữa, thì mọi người sẽ đều biết ơn ông ta. Nhưng Béc-stanh lại không hề nghĩ đến điều đó, ông ta chỉ biết tuôn ra những lời đả kích rẻ tiền đối với các môn đồ của Mác, và chỉ tung ra những lời nhận xét hoàn toàn mơ hồ, thuần túy chiết trung, đại loại như nhận xét nói rằng lý luận về sự hữu dụng tối đa của trường phái Gôt-xen - Giê-vôn-xơ - Bôm, so với lý luận của Mác về giá trị lao động, cũng không kém phần đúng. Béc-stanh nói: cả hai lý luận đó, cái nào cũng có ý nghĩa của nó đối

với những mục đích khác nhau, vì Bôm - Ba-véc có quyền à priori trừu tượng hóa thuộc tính sau đây của hàng hóa: hàng hóa là sản phẩm của lao động, cũng như Mác có quyền trừu tượng hóa thuộc tính sau đây của hàng hóa: sự hữu ích của hàng hóa. Cau-xky chỉ rõ sự vô lý hoàn toàn trong việc coi hai lý luận trái ngược nhau và bác bỏ lẫn nhau, là có giá trị đối với những mục đích khác nhau (vả lại Béc-stanh không nói rõ lý luận này hay lý luận kia có giá trị đối với mục đích nào). Vấn đề hoàn toàn không phải là ở chỗ xét xem chúng ta có quyền à priori (von Hause aus)¹⁾ trừu tượng hóa thuộc tính nào đó của hàng hóa, mà là ở chỗ xét xem phải giải thích như thế nào những hiện tượng chủ yếu của xã hội hiện đại dựa trên *việc trao đổi* sản phẩm, phải giải thích như thế nào giá trị hàng hóa, chức năng của tiền tệ, v.v.. Đành rằng còn nhiều vấn đề mà lý luận của Mác chưa giải thích đến; nhưng lý luận của Béc-stanh về giá trị, thì lại là một vấn đề hoàn toàn chưa được làm cho sáng tỏ. Béc-stanh còn viện dẫn đến Bu-khơ là người đã xây dựng một khái niệm về «cường độ tối đa» của lao động, nhưng Béc-stanh không trình bày toàn bộ những quan điểm của tác giả đó và cũng không nói rõ quan điểm của chính mình về vấn đề đó. Rõ ràng là Bu-khơ lúng túng trong mô mâu thuẫn chẳng chịt vì ông ta cho giá trị là phụ thuộc vào tiền công, và tiền công là phụ thuộc vào giá trị. Nhận thấy rằng những nhận xét của mình về giá trị là có tính chất chiết trung, nên Béc-stanh cố bênh vực chủ nghĩa chiết trung nói chung. Ông ta gọi chủ nghĩa chiết trung là «một sự nổi dậy của lý trí lành mạnh chống lại cái khuynh hướng vốn có của mọi giáo điều, tức là khuynh hướng kẹp chặt tư tưởng vào hai gọng kìm». Cau-xky trả lời: nếu Béc-stanh nhớ lại lịch sử tư tưởng thì ông ta sẽ thấy rằng những vĩ nhân nổi dậy chống lại sự bóp nghẹt tư tưởng vào hai gọng kìm, thì không

1) — từ trước (ngay từ đầu)

bao giờ là người theo chủ nghĩa chiết trung cả, rằng bao giờ đặc điểm của những người chống lại sự bóp nghẹt tư tưởng cũng là muốn đi đến sự thống nhất, sự toàn vẹn về quan điểm. Còn người theo chủ nghĩa chiết trung thì quá nhút nhát nên không có can đảm nổi dậy. Thật thế, nếu tôi có thái độ kính phục Mác và nếu, đồng thời, tôi lại có thái độ kính phục cả Bôm - Ba-vec nữa, thì như thế không có gì giống sự nổi dậy đâu! Cau-xky nói: xin hãy cho tôi biết tên dù là một người nào theo chủ nghĩa chiết trung trong số những nhà tư tưởng, mà lại xứng đáng mang danh là kẻ đã nổi dậy!

Từ vấn đề phương pháp chuyển sang vấn đề kết quả của sự áp dụng phương pháp, Cau-xky đề cập đến cái gọi là Zusammenbruchstheorie, tức là lý luận về sự sụp đổ, về sự phá sản đột nhiên của chủ nghĩa tư bản Tây Âu, sự phá sản mà hình như Mác đã cho là không thể tránh khỏi và gắn liền nó với một cuộc khủng hoảng kinh tế trầm trọng. Cau-xky nói và chỉ rõ rằng không bao giờ Mác và Ăng-ghe-nơ nói đến một Zusammenbruchstheorie riêng biệt, không bao giờ hai ông lại nhất thiết đem gắn liền Zusammenbruch với một cuộc khủng hoảng kinh tế. Đó là một sự xuyên tạc của những đối phương, những người này đưa ra một lối trình bày phiến diện về lý luận của Mác, bằng cách tự ý trích dẫn những đoạn văn lẻ tẻ trong các tác phẩm khác nhau, để rồi sau đó bác bỏ một cách đắc thắng «tính chất phiến diện» và «tính chất thô thiển» của học thuyết ấy. Thật ra, Mác và Ăng-ghe-nơ coi sự biến đổi của những quan hệ kinh tế của Tây Âu là phụ thuộc vào trình độ trưởng thành và sức mạnh của những giai cấp đã xuất hiện trong lịch sử hiện đại của Châu Âu. Béc-stanh đã cố tìm cách khẳng định rằng đấy không phải là lý luận của Mác, mà là lý luận của Mác đã được Cau-xky giải thích và mở rộng ra; nhưng Cau-xky, bằng những đoạn trích dẫn chính xác rút từ những tác phẩm

do Mác viết trong những năm 40 và 60, và cũng bằng cả sự phân tích những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác, đã hoàn toàn đập tan lối bẻ họe đó của Béc-stanh, kẻ đã từng buộc một cách rất trắng trợn cho các môn đồ của Mác là hay dùng «thủ đoạn bào chữa và bẻ họe». Đoạn này trong cuốn sách của Cau-xky là một đoạn đặc biệt đáng chú ý, nhất là vì có một số tác giả Nga (như ông Bun-ga-cốp trong tạp chí «Bước đầu») đã vội vã lặp lại sự xuyên tạc đó đối với lý luận của Mác mà Béc-stanh đã tiến hành dưới nhãn hiệu «phê phán» (ông Prô-cô-pô-vích cũng dùng lối xuyên tạc đó trong cuốn sách của mình: «Phong trào công nhân ở phương Tây». Xanh Pê-téc-bua. 1899).

Cau-xky nghiên cứu đặc biệt tỉ mỉ những khuynh hướng chủ yếu của sự phát triển kinh tế hiện nay, để bác bỏ ý kiến của Béc-stanh cho rằng sự phát triển đó không đi theo chiều hướng mà Mác đã nêu rõ. Lê dĩ nhiên là ở đây không thể trình bày được chương «Sản xuất lớn và sản xuất nhỏ», cũng như những chương khác mà Cau-xky đã dành cho sự phân tích về mặt kinh tế - chính trị, những chương chứa khá nhiều số liệu thống kê; vì vậy chúng tôi chỉ vạch ra một cách tóm tắt nội dung của những chương đó. Cau-xky nhấn mạnh rằng vấn đề nói ở đây chính là vấn đề phương hướng của sự phát triển chung, chứ tuyệt nhiên không phải là những điểm cục bộ và những hiện tượng bề ngoài, mà *không một* lý luận nào có thể xét đến được, vì những điểm cục bộ và hiện tượng đó có muôn màu muôn vẻ. (Cái chân lý giản đơn này, nhưng thường bị người ta quên đi, cũng đã được Mác nhắc lại với độc giả trong các chương nghiên cứu những vấn đề như thế trong bộ «Tư bản».) Sau khi phân tích tỉ mỉ những số liệu của các cuộc điều tra công nghiệp ở Đức năm 1882 và 1895, Cau-xky chỉ ra rằng những số liệu đó chứng thực một cách hùng hồn lý luận của Mác, và đã đánh tan mọi sự hoài nghi về quá trình tích tụ tư bản và quá trình loại trừ nền sản xuất nhỏ. Chính Béc-stanh,

ngay từ năm 1896 (khi mà bản thân ông ta cũng còn ở trong số những người có thói bào chữa và bẻ học, như lời Cau-xky đã nói một cách mỉa mai), cũng đã thừa nhận việc đó một cách hoàn toàn dứt khoát, thế mà bây giờ ông ta lại thổi phồng quá mức sức mạnh và tầm quan trọng của sản xuất nhỏ. Thí dụ, Béc-stanh ước tính số lượng xí nghiệp dùng dưới 20 công nhân, là mấy trăm ngàn cái, «ắt hẳn là do sự hăng say đây bi quan của ông ta, nên ông ta đã thêm vào một con số không», vì ở Đức chỉ có 49 nghìn xí nghiệp loại đó mà thôi. Ngoài ra, bảng thống kê lại gộp lẫn lộn vào loại tiểu chủ đủ mọi loại người: cả những người đánh xe ngựa, cả những người chạy hàng xách, những người đào mộ, những người bán rong hoa quả, những phụ nữ may thuê, dù cho những phụ nữ này làm gia công cho một nhà tư bản v.v., v.v.! Chúng ta hãy nêu lên một nhận xét của Cau-xky đặc biệt quan trọng về mặt lý luận, nhận xét cho rằng trong xã hội tư bản, các xí nghiệp thương nghiệp và công nghiệp thuộc loại nhỏ (thuộc loại mà chúng ta vừa nói ở trên) thường chỉ là một trong những hình thức của tình trạng nhân khẩu thừa tương đối: những người sản xuất nhỏ bị phá sản, những công nhân thất nghiệp đang trở thành (đôi khi tạm thời trở thành) những tiểu thương, những người bán hàng rong, những người cho thuê buồng hay một góc nhà ở của họ (đấy cũng được gọi là những «xí nghiệp», được thống kê ngang như những xí nghiệp khác đủ các loại!) v.v.. Tình trạng có quá nhiều những nghề như thế hoàn toàn không nói lên sức sống của nền sản xuất nhỏ, mà nói lên tình trạng trầm trọng của sự bản cùng hóa trong xã hội tư bản. Thế mà , Béc-stanh lại nhấn mạnh và thổi phồng tác dụng của «những nhà công nghiệp» nhỏ, khi ông ta thấy tác dụng đó là một chứng cứ có lợi cho ông ta (trong vấn đề sản xuất lớn và sản xuất nhỏ), đồng thời, ông ta lại hoàn toàn lờ đi không nói đến những người đó, trong trường hợp không có lợi cho ông ta (khi nói đến tình trạng bản cùng hóa đang tăng lên).

Béc-stanh lặp lại những lập luận mà công chúng Nga cũng

đã biết từ lâu, những lập luận cho rằng những công ty cổ phần «cho phép» phân nhỏ tư bản ra và «làm cho» sự tích tụ tư bản «trở thành thừa», và ông ta dẫn ra mấy con số (xem tạp chí «Đời sống», số 3, năm 1899) về số lượng cổ phần nhỏ. Cau-xky trả lời rằng những con số đó không hề chứng minh một tí gì cả, vì những cổ phần nhỏ của những công ty khác nhau có thể thuộc quyền sở hữu của những nhà tư bản lớn (điều này chính Béc-stanh cũng buộc phải thừa nhận). Béc-stanh tuyệt đối không đưa ra được một bằng cứ nào để chứng minh cho lời khẳng định rằng những công ty cổ phần *làm tăng* số lượng những người hữu sản; và lại, ông ta cũng không thể làm nổi điều đó vì trên thực tế, những công ty cổ phần được dùng để tước đoạt công chúng cả tin và không giàu có, nhằm làm lợi cho những nhà tư bản lớn và những bọn đầu cơ lớn. Tình trạng số cổ phần tăng thêm chỉ chứng thực rằng của cải có xu hướng mang hình thức cổ phần, chứ không hoàn toàn không chứng thực gì về mặt phân phối của cải. Nói chung thì Béc-stanh đã tỏ ra khinh suất lạ lùng khi bàn về sự tăng lên về số người hữu sản, về số người tư hữu, nhưng điều đó cũng không cản trở những môn đồ tư sản của ông ta hết lời ca ngợi chính cái phần đó trong cuốn sách của ông ta và tuyên bố là phần đó đã dựa trên «khối số liệu thống kê khổng lồ». Béc-stanh - như lời Cau-xky đã mỉa mai nói - đã tỏ ra khéo léo đến nỗi ông ta lồng gọng được khối tài liệu khổng lồ đó vào vển vện có hai trang sách! Ông ta lẫn lộn những người hữu sản với những nhà tư bản, mặc dầu chưa hề một ai phủ nhận sự tăng lên số lượng những nhà tư bản. Ông ta dẫn ra những số liệu về thuế đánh vào thu nhập, mà không hề chú ý đến tình trạng những số liệu đó là của cơ quan thuế vụ và không chú ý đến sự lẫn lộn giữa khoản thu nhập do tài sản đem lại với khoản thu nhập do tiền lương mà có v.v.. Ông ta so sánh với nhau những số liệu thuộc nhiều thời kỳ khác nhau và do nhiều nguồn khác nhau cung cấp

(thí dụ, những số liệu về nước Phổ) và do đó, những số liệu ấy không thể đem so sánh với nhau được. Thậm chí ông ta còn đi đến chỗ mượn những con số nói về tình hình tăng thêm số người hữu sản ở Anh (và đến chỗ in đậm nét những con số ấy, coi đó như là con bài chủ của mình!), những con số đăng trong một mục nhỏ của tờ báo lá cải nọ ca ngợi lễ mừng thọ của nữ hoàng Vích-tô-ri-a, và nói đến con số thống kê với một thái độ khinh suất đến mức *nec plus ultra*¹⁾. Người ta không biết những số liệu đó lấy ở đâu ra, và lại cũng không thể lấy được số liệu đó ở những tài liệu về thuế đánh vào thu nhập ở Anh, vì những tài liệu này không cho phép xác định được số người đóng thuế và tổng số thu nhập của mỗi người đóng thuế. Cau-xky lấy trong cuốn sách của Côn-bơ những số liệu về thuế đánh vào thu nhập ở Anh năm 1812 và 1847 và chỉ ra rằng, cũng giống như những số liệu mà Béc-stanh đã rút ra ở trong tờ báo lá cải nọ, những số liệu này chứng tỏ (tuồng như) rằng số lượng những người hữu sản tăng lên - và sự tăng thêm đó lại diễn ra trong một thời kỳ được đánh dấu bằng sự tăng lên khốc liệt của nạn nghèo khổ kinh khủng nhất của nhân dân nước Anh! Sau khi phân tích tỉ mỉ những số liệu của Béc-stanh, Cau-xky đi đến kết luận rằng Béc-stanh không dẫn ra được một con số nào thật sự chứng minh rằng số lượng người hữu sản đã tăng lên.

Béc-stanh cũng thử đặt cho hiện tượng đó một cơ sở lý luận: ông ta nói rằng những nhà tư bản không thể tự họ tiêu dùng hết toàn bộ giá trị thặng dư, vì số lượng giá trị thặng dư tăng lên rất nhiều; thế có nghĩa là số lượng những người hữu sản tiêu dùng giá trị thặng dư ấy tăng lên. Cau-xky không mất công gì mấy để bác bỏ cái lập luận buồn cười đó, lập luận hoàn toàn không đếm xỉa gì đến lý luận của Mác về thực hiện (đã được trình bày nhiều lần

1) — cực độ

trên báo chí Nga). Điều đặc biệt đáng chú ý là Cau-xky bác bỏ lập luận đó không phải chỉ bằng những sự phân tích về mặt lý luận, mà còn bằng cả những số liệu cụ thể, những số liệu chứng thực tình trạng phát triển của xa hoa và lãng phí ở các nước Tây Âu, chứng thực ảnh hưởng của những mốt thay đổi rất nhanh chóng khiến quá trình đó trầm trọng thêm rất nhiều; chứng thực nạn thất nghiệp ngày càng tăng; chứng thực việc dùng giá trị thặng dư vào «tiêu dùng sản xuất» tăng lên rất nhiều, tức là việc đầu tư vào các xí nghiệp mới, và nhất là đầu tư của tư bản châu Âu vào các xí nghiệp đường sắt và các xí nghiệp khác ở Nga, ở châu Âu và châu Phi.

Béc-stanh nói rằng «lý luận về sự nghèo khổ» hay «lý luận về sự bần cùng hóa» của Mác đã bị mọi người bỏ không dùng. Cau-xky chỉ ra rằng ở đây cũng vậy, cũng là một sự khuếch đại xuyên tạc của những đối thủ của Mác, chứ Mác không hề đưa ra một lý luận nào thuộc loại đó cả. Mác đã nói đến hiện tượng nghèo khổ, nhục nhã, v.v., ngày càng tăng, đồng thời vạch rõ xu thế ngược lại và những lực lượng xã hội cụ thể duy nhất có thể sinh ra xu thế đó. Những lời của Mác về hiện tượng nghèo khổ tăng lên hoàn toàn được thực tế chứng thực là đúng: một là, quả thật, người ta thấy rằng chủ nghĩa tư bản có xu thế gây ra và làm tăng thêm nạn nghèo khổ, nạn này đạt tới những mức ghê gớm nếu không có cái xu thế ngược lại, mà chúng tôi vừa nói đến. Hai là, nạn nghèo khổ tăng lên, không phải theo ý nghĩa thể chất mà theo ý nghĩa xã hội, tức là theo ý nghĩa có sự không cân đối giữa mức nhu cầu ngày càng tăng của giai cấp tư sản và của toàn thể xã hội với mức sống của quần chúng lao động. Về cái quan niệm «nghèo khổ» đó, Béc-stanh nói mĩa mai rằng đấy là một quan niệm theo kiểu Pích-vích. Cau-xky trả lời ông ta bằng cách chỉ ra rằng những người như Lát-xan, Rốt-béc-tút, Ăng-ghen đã nói rất rõ là phải hiểu sự nghèo khổ không những theo

ý nghĩa thể chất mà phải hiểu theo cả ý nghĩa xã hội nữa. Cau-xky đã chống lại sự mỉa mai của Béc-stanh bằng cách trả lời rằng cái câu lạc bộ «Pích-vích», như người ta đều thấy, đã tụ tập được một số người không phải là đồ đâu! Cuối cùng, ba là, những lời bàn về nạn nghèo khổ tăng thêm là hoàn toàn đứng đối với «các vùng biên giới» của chủ nghĩa tư bản, nếu hiểu hai tiếng biên giới cả theo ý nghĩa địa lý (những nước mà ở đó chủ nghĩa tư bản chỉ mới bắt đầu xâm nhập, và thường gây ra không những nạn nghèo khổ về mặt thể chất mà còn gây ra cả nạn đói của quần chúng nhân dân nữa) và cả theo ý nghĩa kinh tế - chính trị (công nghiệp thủ công và, nói chung, những ngành kinh tế quốc dân trong đó còn tồn tại những phương thức sản xuất lạc hậu).

Đối với chúng ta, những người Nga, thì chương nói về «tầng lớp trung gian mới» cũng hết sức đáng chú ý và đặc biệt bổ ích. Nếu như Béc-stanh chỉ đơn thuần muốn nói rằng thay thế những người sản xuất nhỏ mai một đi, là một tầng lớp trung gian mới, tức là tầng lớp trí thức, đang hình thành, thì ông ta đã có lý, - Cau-xky đã nói như vậy và ông chỉ ra rằng bản thân ông đã nêu lên, từ mấy năm nay, tầm quan trọng của hiện tượng đó. Trong tất cả mọi lĩnh vực lao động quốc dân, chủ nghĩa tư bản đã làm tăng rất nhanh số lượng *viên chức* và ngày càng cần nhiều đến tầng lớp trí thức. Tầng lớp này chiếm một địa vị độc đáo trong các giai cấp khác, một phần thì họ gần với giai cấp tư sản xét về những mối liên hệ của họ, những quan điểm của họ, v.v., và một phần thì họ gần với những người lao động làm thuê, chừng nào chủ nghĩa tư bản ngày càng làm cho tính độc lập của người trí thức thu hẹp lại, biến họ thành những người làm thuê phụ thuộc, đe dọa hạ thấp mức sống của họ xuống. Địa vị trung gian, bấp bênh, mâu thuẫn, của tầng lớp xã hội đó được phản ánh trong hiện tượng sau đây: trong nội bộ hàng ngũ họ, đã được truyền bá rất rộng rãi những quan điểm lưng chừng và chiết trung, cái mớ hồ

lớn những nguyên tắc và quan điểm trái ngược nhau, cái khuynh hướng bay bổng - trên lời nói - lên những cõi cao siêu, và khuynh hướng dùng những câu suông sáo để làm lu mờ những xung đột giữa những tập đoàn lịch sử trong dân cư, - tức là tất cả những cái mà trước đây nửa thế kỷ, Mác đã dùng những lời châm biếm chua cay để đả kích một cách không thương xót.

Trong chương bàn đến lý luận về những cuộc khủng hoảng, Cau-xky đã vạch ra rằng Mác không hề đưa ra một «lý luận» nào nói rằng cứ mỗi chu kỳ mười năm thì lại nổ ra một cuộc khủng hoảng công nghiệp, mà Mác chỉ xác nhận sự thật mà thôi. Về sự thay đổi của chu kỳ đó, trong những năm gần đây, chính Ăng-ghen cũng đã nêu lên. Người ta nói rằng những các-ten của các nhà kinh doanh có thể chống lại được các cuộc khủng hoảng, bằng cách hạn chế và điều hòa sản xuất. Nhưng hãy xét nước Mỹ, xứ sở của những các-ten: chúng ta thấy ở đây không phải là sự hạn chế sản xuất, mà là một sự phát triển mạnh mẽ của sản xuất. Hơn nữa, trong khi hạn chế sản xuất cho thị trường trong nước, thì các các-ten lại mở rộng sản xuất cho thị trường ngoài nước, là nơi mà họ bán lỗ hàng hóa của họ, đồng thời bắt những người tiêu thụ ở chính nước họ phải mua theo những giá độc quyền. Với chính sách thuế quan bảo hộ, thì chế độ trên là một chế độ không thể tránh khỏi, và người ta sẽ không có một lý do nào để trông mong vào việc lấy chính sách tự do mậu dịch thay thế cho chính sách thuế quan bảo hộ. Đóng cửa những công xưởng nhỏ, tập trung và nắm độc quyền sản xuất, thực hiện những sự cải tiến, như thế là các các-ten làm cho tình cảnh của những người sản xuất trầm trọng thêm rất nhiều. Béc-stanh cho rằng khi những điều kiện của thị trường thế giới từ chỗ không thể xác định được trở thành có thể xác định được và có thể biết được, thì nạn đầu cơ, nguyên nhân của các cuộc khủng hoảng, cũng sẽ dần dần yếu đi; nhưng ông ta quên rằng chính những điều kiện

«không thể xác định được» của những nước mới đã thúc đẩy rất mạnh nạn đầu cơ ở những nước cũ phát triển. Cau-xky đã dùng những số liệu thống kê để chỉ ra rằng chính trong những năm gần đây, nạn đầu cơ đã phát triển, và cũng chỉ ra rằng những dấu hiệu báo trước một cuộc khủng hoảng trong một tương lai không xa lắm, đang tăng lên.

Trong cuốn sách của Cau-xky, ta còn cần chú ý đến sự phân tích tình trạng của những người vì không phân biệt được (như trường hợp ông X. Prô-cô-pô-vích, trong cuốn sách đã nói trên) lực lượng kinh tế của một số tập đoàn, với những tổ chức kinh tế của những tập đoàn ấy, nên đã rơi vào một sự lẫn lộn; ở đây cũng cần chú ý việc Cau-xky đã chỉ ra rằng Béc-stanh đã nâng những điều kiện thuận tụy tạm thời của một hoàn cảnh lịch sử nhất định, lên thành quy luật chung, - việc Cau-xky bác bỏ những quan điểm sai lầm của Béc-stanh về thực chất của nền dân chủ, - việc Cau-xky giải thích một sai lầm của Béc-stanh về vấn đề thống kê, khi ông này so sánh số công nhân công nghiệp ở Đức với số cử tri, mà quên mất một chi tiết là không phải tất cả công nhân nước đó đều được hưởng quyền bầu cử (chỉ có đàn ông từ 25 tuổi trở lên) và không phải tất cả công nhân đều tham gia các cuộc bầu cử. Chúng tôi chỉ có thể tha thiết đề nghị độc giả nào quan tâm đến ý nghĩa cuốn sách của Béc-stanh và đến cuộc luận chiến chung quanh cuốn sách đó, hãy đọc những sách báo Đức và chớ có tin vào những bài phê bình thiên lệch và phiến diện đó của những môn đồ của chủ nghĩa chiết trung, là những người đang chiếm ưu thế trong sách báo Nga. Chúng tôi nghe nói rằng người ta định dịch ra tiếng Nga một phần cuốn sách này của Cau-xky⁹². Đó là điều rất nên làm, nhưng dù sao cũng không thay thế được việc nghiên cứu nguyên bản.

Viết xong vào cuối năm 1899

*In lần đầu vào năm 1928 trong
Văn tập Lê-nin, t. VII*

Theo đúng bản thảo

DỰ THẢO CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG TA ⁹³

Viết xong vào cuối năm 1899

*In lần đầu vào năm 1924 trong
N. Lê-nin (V. U-li-a-nốp), Toàn
tập, t.I*

Theo đúng bản thảo

Phong trào công nhân nước Nga

Không thể phủ nhận rằng, trong những năm đầu tiên của thế kỷ 20, phong trào công nhân nước Nga đã đạt được những thành tựu đáng kể. Tuy nhiên, để đạt được những thành tựu này, công nhân nước Nga đã phải trải qua những cuộc đấu tranh vô cùng gian khổ. Trong những năm đầu tiên của thế kỷ 20, công nhân nước Nga đã phải đấu tranh chống lại sự bóc lột của giai cấp tư sản và sự áp bức của chính quyền tư sản. Những cuộc đấu tranh này đã dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản nước Nga và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản nước Nga trong những năm đầu tiên của thế kỷ 20.

Một trong những vấn đề quan trọng nhất mà Đảng Cộng sản nước Nga đã phải giải quyết là vấn đề ruộng đất. Trong những năm đầu tiên của thế kỷ 20, nông dân nước Nga đã phải đấu tranh để đòi hỏi quyền sở hữu ruộng đất. Đảng Cộng sản nước Nga đã lãnh đạo nông dân nước Nga trong những cuộc đấu tranh này và đã đạt được những thành tựu đáng kể. Những thành tựu này đã dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản nước Nga và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản nước Nga trong những năm đầu tiên của thế kỷ 20.

Trong những năm đầu tiên của thế kỷ 20, công nhân nước Nga đã phải đấu tranh chống lại sự bóc lột của giai cấp tư sản và sự áp bức của chính quyền tư sản. Những cuộc đấu tranh này đã dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản nước Nga và sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản nước Nga trong những năm đầu tiên của thế kỷ 20.

Trang đầu bản thảo của V. I. Lê-nin: Dự thảo cương lĩnh của đảng ta. —

Ảnh thu nhỏ

Trước hết, có lẽ phải đặt câu hỏi xem có thật bức thiết phải có một cương lĩnh cho những người dân chủ - xã hội Nga không. Chúng tôi từng nghe các đồng chí hoạt động ở Nga nói rằng trong tình hình hiện nay, chẳng có gì đòi hỏi đặc biệt phải thảo ra một cương lĩnh, rằng vấn đề cấp bách là phải phát triển và tăng cường các tổ chức địa phương, phải tổ chức vững chắc công tác cổ động và việc cung cấp các xuất bản phẩm của chúng ta, rằng điều hợp lý hơn là nên hoãn việc thảo cương lĩnh đến một thời kỳ mà phong trào có được cơ sở vững vàng hơn, rằng vào lúc này mà vạch ra cương lĩnh thì e không có căn cứ.

Chúng tôi không tán thành ý kiến ấy. Đành rằng, như Mác đã nói: "mỗi bước tiến của phong trào thực tế còn quan trọng hơn là cả một tá cương lĩnh"⁹⁴. Nhưng Mác hay vô luận một nhà lý luận hoặc một nhà làm công tác thực tiễn nào khác của phong trào dân chủ - xã hội cũng đều không phủ nhận tầm quan trọng to lớn của một cương lĩnh đối với sự hoạt động nhất trí và triệt để của một chính đảng. Những người dân chủ - xã hội Nga chính là vừa mới trải qua một thời kỳ tranh luận kịch liệt nhất với những người xã hội chủ nghĩa thuộc các khuynh hướng khác và với những người không phải xã hội chủ nghĩa, những người xã hội chủ nghĩa và không phải xã hội chủ nghĩa này không muốn hiểu đảng dân chủ - xã hội Nga; những người dân chủ - xã hội Nga cũng đã vượt qua những

giai đoạn đầu của phong trào, tức là giai đoạn mà họ công tác một cách phân tán, thông qua các tổ chức địa phương bé nhỏ. Chính bản thân cuộc sống đã buộc chúng ta phải thống nhất lại, phải lập ra sách báo chung, phải xuất bản những tờ báo của công nhân Nga. Và việc thành lập, vào mùa xuân 1898, "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga" - là đảng đã tuyên bố ý định khởi thảo ra cương lĩnh của mình trong một tương lai không xa - đã chứng tỏ một cách rõ rệt rằng sở dĩ cần phải có một cương lĩnh là do nhu cầu của bản thân phong trào. Giờ đây, vấn đề cấp bách của phong trào chúng ta không phải là vấn đề phát triển kiểu công tác phân tán, "thủ công" như trước kia nữa, mà là vấn đề thống nhất, vấn đề tổ chức. Để tiến hành bước đó, phải có một cương lĩnh; cương lĩnh này phải nêu lên được những quan điểm căn bản của chúng ta, định ra chính xác những nhiệm vụ chính trị trước mắt của chúng ta, chỉ ra những yêu sách cấp thiết mà công tác cổ động của chúng ta phải xoay quanh đó, làm cho công tác cổ động có sự thống nhất, làm cho nó mở rộng và sâu sắc thêm bằng cách biến sự cổ động có tính chất cục bộ, không toàn diện, nhằm phục vụ những yêu sách nhỏ nhặt và lẻ tẻ, thành một sự cổ động nhằm phục vụ toàn bộ những yêu sách dân chủ - xã hội. Hiện nay, khi mà hoạt động dân chủ - xã hội đã làm chuyển động cả một tầng lớp khá đông đảo những người trí thức xã hội chủ nghĩa và công nhân giác ngộ, thì điều bức thiết là phải củng cố mối liên hệ giữa họ với nhau bằng một cương lĩnh và do đó mà đem đến cho tất cả những người đó một cơ sở vững chắc cho một hoạt động sau này rộng rãi hơn. Cuối cùng, sở dĩ bức thiết phải có một cương lĩnh đó cũng là vì dư luận công chúng Nga thường rất hay hiểu sai hẳn những nhiệm vụ thực sự và những phương pháp hoạt động của những người dân chủ - xã hội Nga: một phần thì những sự hiểu sai như thế đương nhiên là nảy sinh ra trên cái vũng lầy tù đọng là đời sống chính trị

của nước ta, và mặt khác thì do những kẻ thù của phong trào dân chủ - xã hội gây ra một cách giả tạo. Dù thế nào đi nữa, thì đó cũng là một sự thật cần phải tính đến. Trong khi kết hợp với chủ nghĩa xã hội và với cuộc đấu tranh chính trị, phong trào công nhân phải lập ra một đảng đủ sức đánh tan tất cả những sự hiểu sai đó, nếu đảng ấy muốn lãnh đạo tất cả những phần tử dân chủ trong xã hội Nga. Người ta có thể cãi lại chúng ta rằng hiện nay không phải là lúc thảo ra cương lĩnh, còn là vì những sự bất đồng ý kiến đang nảy ra và một cuộc tranh luận đã nổ ra giữa chính ngay những người dân chủ - xã hội. Theo ý tôi thì, trái lại, đó chính là một lý lẽ nữa chứng tỏ *cần phải* thảo ra cương lĩnh. Một mặt, vì cuộc tranh luận đã bắt đầu, nên có thể hy vọng rằng trong khi thảo luận dự thảo cương lĩnh, hết thảy mọi quan điểm và hết thảy mọi sắc thái quan điểm sẽ lộ rõ ra và cương lĩnh sẽ được thảo luận một cách toàn diện. Cuộc tranh luận chứng tỏ rằng những người dân chủ - xã hội Nga ngày càng quan tâm đến những vấn đề lớn có liên quan đến những mục tiêu của phong trào của chúng ta, đến những nhiệm vụ trước mắt và sách lược của phong trào, và sự quan tâm ấy chính là điều cần thiết đối với việc thảo luận dự thảo cương lĩnh. Mặt khác, muốn cho cuộc tranh luận đó có kết quả và không biến thành những cuộc tranh chấp cá nhân, muốn cho cuộc tranh luận đó không đi đến chỗ làm cho các quan điểm rời tung lên và làm cho người ta lẫn lộn thù với bạn, thì người ta nhất thiết phải đặt vấn đề cương lĩnh ra để tranh luận. Cuộc tranh luận chỉ có ích khi nào nó cho thấy xem những sự bất đồng ý kiến thật ra là ở chỗ nào, *sâu sắc đến mức nào*, những sự bất đồng ý kiến ấy là về nội dung hay về những vấn đề chi tiết, những sự bất đồng ý kiến ấy có làm trở ngại hay không làm trở ngại việc cùng nhau công tác trong cùng một đảng. *Chỉ* có đặt vấn đề cương lĩnh ra, trong quá trình tranh luận

và chỉ khi nào hai bên luận chiến tuyên bố rõ ràng quan điểm của mình về vấn đề *cương lĩnh*, thì người ta mới giải đáp được tất cả các vấn đề đó, những vấn đề cần có một sự giải đáp cấp thiết. Đành rằng việc thảo ra một cương lĩnh chung của đảng dĩ nhiên hoàn toàn không có nghĩa là sẽ chấm dứt mọi sự tranh luận; tuy nhiên việc đó sẽ xác định được những quan điểm cơ bản về tính chất, về những mục đích và nhiệm vụ của phong trào chúng ta, những quan điểm phải được dùng làm lá cờ cho một đảng chiến đấu, một đảng giữ vững sự đoàn kết nhất trí, mặc dầu trong hàng ngũ đảng viên có những sự bất đồng ý kiến nhỏ về những vấn đề chi tiết.

Bây giờ chúng ta đi vào sự việc.

Khi người ta nói đến một cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội Nga, thì hoàn toàn tự nhiên là mọi người đều nhìn về phía những người trong nhóm "Giải phóng lao động", những người đã đặt nền móng cho đảng dân chủ - xã hội Nga và đã đóng góp nhiều cho sự phát triển của đảng đó về mặt lý luận và thực tiễn. Các đồng chí đàn anh của chúng ta đã kịp thời đáp ứng những yêu cầu của phong trào dân chủ - xã hội Nga. Gần như vào chính ngay lúc ấy - nghĩa là vào mùa xuân 1898 - khi người ta chuẩn bị họp đại hội những người dân chủ - xã hội Nga, là đại hội đặt nền móng cho "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga", thì P. B. Ác-xen-rốt cho ra quyển sách của ông, nhan đề: "Bàn về những nhiệm vụ hiện nay và sách lược của những người dân chủ - xã hội Nga" (Giơ-ne-vơ, 1898; lời tựa viết hồi tháng Ba 1898), và cho in ở phần phụ lục quyển sách đó, bản "Dự thảo cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội Nga", do nhóm "Giải phóng lao động" xuất bản từ 1885.

Bây giờ chúng ta bắt đầu bàn về bản dự thảo ấy. Mặc dầu công bố đã gần 15 năm nay, nhưng theo ý chúng tôi thì bản dự thảo ấy nói chung vẫn giải quyết hoàn toàn

thỏa đáng nhiệm vụ của nó và hoàn toàn đáp ứng trình độ lý luận dân chủ - xã hội hiện nay. Dự thảo ấy chỉ rõ rằng ở Nga (cũng như ở các nước khác) giai cấp duy nhất có khả năng độc lập đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội, chính là giai cấp công nhân, "giai cấp vô sản công nghiệp"; dự thảo nêu rõ mục đích mà giai cấp đó phải đề ra cho mình là "biến hết thảy mọi tư liệu và đối tượng sản xuất thành sở hữu xã hội", "xóa bỏ nền sản xuất hàng hóa" và "thay thế nền sản xuất đó bằng một chế độ sản xuất xã hội mới" - "cách mạng công sản chủ nghĩa"; dự thảo đó vạch ra "điều kiện tiên quyết không thể thiếu được" để "cải tạo các quan hệ xã hội" là: "giai cấp công nhân phải giành lấy chính quyền"; nó nêu lên sự đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản và sự cần thiết phải có "những nét khác nhau trong các cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội ở các nước khác nhau, tùy theo điều kiện xã hội của từng nước"; nó nêu lên đặc điểm của nước Nga, là "nơi mà quần chúng cần lao chịu hai tầng áp bức của chủ nghĩa tư bản đang phát triển và của nền kinh tế gia trưởng đang diệt vong"; nó chỉ ra mối liên hệ giữa phong trào cách mạng Nga và quá trình hình thành (do các lực lượng của chủ nghĩa tư bản đang phát triển gây ra) một "giai cấp mới, giai cấp vô sản công nghiệp, là giai cấp nhạy cảm hơn, tích cực hơn và giác ngộ hơn"; nó nêu ra sự cần thiết phải thành lập một "đảng công nhân cách mạng" và định rõ "nhiệm vụ chính trị hàng đầu" của đảng đó là "lật đổ nền chuyên chế"; nó chỉ ra những "phương sách đấu tranh chính trị" và nêu lên những yêu sách chủ yếu của cuộc đấu tranh ấy.

Theo ý chúng tôi, tất cả các yếu tố đó đều tuyệt đối cần thiết trong cương lĩnh của đảng công nhân dân chủ - xã hội; tất cả các yếu tố đó đều nêu lên những luận điểm mà từ đó về sau ngày càng được chứng thực qua sự phát triển của lý luận xã hội chủ nghĩa cũng như qua sự tiến

triển của phong trào công nhân trong tất cả các nước, qua sự tiến triển của tư tưởng xã hội Nga và của phong trào công nhân Nga nói riêng. Cho nên, theo ý chúng tôi, thì những người dân chủ - xã hội Nga có thể và phải lấy chính ngay bản dự thảo của nhóm "Giải phóng lao động" làm cơ sở cho cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, và chỉ cần có những điểm thay đổi, sửa chữa, bổ sung có tính chất chi tiết về mặt biên tập cho dự thảo đó.

Chúng tôi thử nêu ra một số trong những sự thay đổi về chi tiết mà chúng tôi cho là hợp lý và về những sự thay đổi đó, chúng tôi hy vọng rằng sẽ có sự trao đổi ý kiến giữa tất cả những người dân chủ - xã hội và những công nhân giác ngộ ở Nga.

Dương nhiên, trước hết là tính chất của cơ cấu cương lĩnh phải được sửa lại đôi chút vì: hồi 1885, đó là cương lĩnh của một nhóm người cách mạng sống ở nước ngoài; họ đã vạch ra được đúng con đường phát triển duy nhất hứa hẹn đưa phong trào đến thành công, nhưng trong thời kỳ đó, mắt họ chưa nhìn thấy được một phong trào công nhân ít nhiều rộng lớn và độc lập ở Nga. Đến năm 1900, thì vấn đề lại là cương lĩnh của một đảng công nhân, được cả một loạt những tổ chức dân chủ - xã hội Nga xây dựng nên. Ngoài những điểm sửa đổi cần thiết về mặt biên tập, vì lý do kể trên, (và không cần phải nói chi tiết hơn đến những điểm sửa đổi ấy nữa, vì ai cũng thấy rõ cả), thì từ sự khác nhau trên đây, lại nảy ra sự cần thiết phải đặt lên hàng đầu và phải nhấn mạnh hơn nữa quá trình phát triển kinh tế đã tạo ra những điều kiện vật chất và tinh thần cho phong trào công nhân dân chủ - xã hội, cũng như phải đặt lên hàng đầu và phải nhấn mạnh hơn nữa cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, cuộc đấu tranh mà đảng dân chủ - xã hội tự đặt cho mình có nhiệm vụ đứng ra tổ chức. Điều quan trọng nhất trong cương lĩnh là nêu rõ những nét cơ bản của

chế độ kinh tế hiện nay ở Nga và của sự phát triển của chế độ ấy (xem cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động": "Từ ngày bãi bỏ chế độ nông nô, chủ nghĩa tư bản đã có những bước tiến lớn ở Nga. Chế độ kinh tế tự nhiên cũ nhường chỗ cho nền sản xuất hàng hóa...") và sau đó phải vạch ra xu thế chủ yếu của chủ nghĩa tư bản: nhân dân phân hóa thành giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, "tình trạng bần cùng, áp bức, nô lệ, khuất nhục, bóc lột ngày càng tăng"⁹⁵. Những lời nói nổi tiếng đó của Mác đã được nhắc lại trong đoạn hai của cương lĩnh Éc-phuya của đảng dân chủ - xã hội Đức⁹⁶; trong thời gian gần đây, các nhà phê phán tập hợp chung quanh Béc-stanh đã đặc biệt đả kích dữ dội chính là điểm đó, bằng cách lặp lại những lời bác bẻ cũ rích của những người thuộc phái tự do tư sản và những nhà hoạt động xã hội - chính trị chống lại "lý luận về sự bần cùng hóa". Theo ý chúng tôi, cuộc tranh luận về vấn đề ấy đã chứng minh đầy đủ rằng "sự phê phán" đó là *hoàn toàn không có căn cứ*. Chính Béc-stanh cũng đã thừa nhận sự đúng đắn của những lời nói đó của Mác, những lời nêu rõ được *xu thế* của chủ nghĩa tư bản; xu thế này trở thành hiện thực nếu không có cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản chống lại xu thế đó, nếu không có những đạo luật - do giai cấp công nhân giành được - bảo vệ công nhân. Chính nước Nga là nơi mà hiện nay chúng ta đang thấy hiện tượng đó biểu lộ ra rất mạnh mẽ đối với nông dân và công nhân. Rồi đến Cau-xky cũng vạch ra rằng những lời nói về "tình trạng bần cùng, v.v. ngày càng tăng" là đúng, không những theo ý nghĩa là những lời đó nói rõ lên được một xu thế, mà còn là vì nó nêu lên tình trạng ngày càng tăng thêm "sự bần cùng hóa xã hội", nghĩa là tăng thêm sự chênh lệch giữa tình cảnh của giai cấp vô sản và mức sống của giai cấp tư sản, - tức là nêu lên mức nhu cầu xã hội ngày càng tăng song song với sự tiến bộ to lớn của năng suất

lao động. Cuối cùng, những lời đó còn đúng theo ý nghĩa là "trong các vùng biên giới" của chủ nghĩa tư bản (nghĩa là trong các nước và các ngành kinh tế quốc dân mà tại đây chủ nghĩa tư bản chỉ mới vừa xuất hiện là vấp phải chế độ tiền tư bản chủ nghĩa), tình trạng bản cùng ngày càng tăng lên trên một quy mô rộng lớn - không những là sự bản cùng "xã hội", mà cả sự bản cùng khủng khiếp nhất về thể xác, tức là nạn đói và sự chết chóc do đói kém gây ra nữa. Mọi người đều biết rằng nói về nước Nga thì điều đó lại mười phần đúng hơn là nói về bất cứ nước nào khác ở châu Âu. Vậy ý kiến của chúng tôi là nhất thiết phải ghi vào cương lĩnh những lời nói về "tình trạng bản cùng, áp bức, nô lệ, khuất nhục, bóc lột, ngày càng tăng", một là, vì những lời đó nêu lên rất đúng những nét cơ bản và chủ yếu của chủ nghĩa tư bản, nêu rõ chính cái quá trình đang diễn ra trước mắt chúng ta và là một trong những điều kiện chủ yếu làm nảy sinh ra phong trào công nhân và chủ nghĩa xã hội ở Nga; hai là, vì những lời đó cung cấp tài liệu rất phong phú cho việc cổ động, vì nó nói lên một cách cô đọng những hiện tượng đau đớn nhất đối với quần chúng công nhân, mà cũng là những hiện tượng làm cho họ sôi sục căm thù nhất (thất nghiệp, tiền công thấp, ần thiếu, đói, kỷ luật hà khắc của tư bản, mãi dâm, số người làm tôi tớ tăng thêm, v.v. và v.v.); ba là, vì việc nêu rõ một cách chính xác như thế tác dụng tai hại của chủ nghĩa tư bản và sự phản kháng tất yếu, không thể tránh khỏi của công nhân, sẽ cho phép chúng ta tách ra khỏi những kẻ do dự, những kẻ tỏ ra "có cảm tình" với giai cấp vô sản và đòi "những cải cách" có lợi cho giai cấp vô sản, nhưng lại cố tìm cách đứng "trung dung" giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, giữa chính phủ chuyên chế và những người cách mạng. Mà lúc này chính lại là lúc hết sức cần phải tách ra khỏi những người như thế nếu ta muốn thành lập một đảng

công nhân thống nhất và cố kết, một đảng tiến hành đấu tranh cương quyết và dứt khoát, để giành tự do chính trị và chủ nghĩa xã hội.

Ở đây, cần nói vài lời về thái độ của chúng tôi đối với cương lĩnh Éc-phuya. Qua những điều nói trên, mọi người chắc đã thấy rõ rằng chúng tôi cho là cần phải sửa đổi dự thảo của nhóm "Giải phóng lao động", làm cho cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội Nga gần với cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội Đức. Chúng tôi hoàn toàn không có gì e ngại khi nói rằng chúng tôi muốn bắt chước cương lĩnh Éc-phuya: bắt chước cái tốt thì chẳng có gì là đáng chê trách cả, và nhất là ngày nay, khi người ta thường nghe những lời phê phán có tính chất cơ hội chủ nghĩa và nửa vời đối với cương lĩnh ấy, thì chúng tôi cho rằng chúng tôi có nghĩa vụ phải tuyên bố công khai là chúng tôi đồng tình với cương lĩnh đó. Nhưng bắt chước, tuyệt nhiên không có nghĩa là chỉ đơn giản sao chép lại. Bắt chước và mượn là hoàn toàn chính đáng trong chừng mực chúng ta thấy rằng ở Nga sự phát triển của chủ nghĩa tư bản cũng có những quá trình *cơ bản* như thế, những người xã hội chủ nghĩa và giai cấp công nhân có những nhiệm vụ *cơ bản* như thế; nhưng vô luận trong trường hợp nào cũng không được quên *những đặc điểm* của nước Nga, những đặc điểm đó cần được *phản ánh đầy đủ* trong cương lĩnh của chúng ta. Xin nói trước ngay rằng những đặc điểm đó trước hết là về những nhiệm vụ chính trị và những phương sách đấu tranh của chúng ta, hai là, về cuộc đấu tranh chống lại hết thảy mọi tàn dư của chế độ gia trưởng, tiền tư bản chủ nghĩa, và về cách đặt vấn đề *nông dân* theo một cách đặc biệt xuất phát từ cuộc đấu tranh đó.

Nói thêm những điều cần thiết đó rồi, bây giờ chúng ta lại bàn tiếp. Sau khi vạch rõ "tình trạng bản cùng ngày càng tăng" thì phải nói tới *cuộc đấu tranh giai cấp* của

giai cấp vô sản: phải chỉ rõ mục tiêu của cuộc đấu tranh ấy (biến hết thảy mọi tư liệu sản xuất thành sở hữu xã hội và thay thế nền sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng nền sản xuất xã hội chủ nghĩa), tính chất quốc tế của phong trào công nhân, tính chất *chính trị* của cuộc đấu tranh giai cấp và mục tiêu *trước mắt* của nó (giành tự do chính trị). Cần đặc biệt thừa nhận rằng cuộc chiến đấu chống chế độ chuyên chế để giành các quyền tự do chính trị là nhiệm vụ chính trị đầu tiên của đảng công nhân; nhưng muốn giải thích nhiệm vụ đó, thì theo ý chúng tôi, cần phải vạch rõ tính chất giai cấp của chế độ chuyên chế ở Nga hiện nay và sự tất yếu phải lật đổ chế độ đó, vì lợi ích không những của giai cấp công nhân, mà cả của toàn bộ sự phát triển xã hội nữa. Vạch ra như thế là cần thiết cả về mặt lý luận vì, xét theo giác độ những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác, thì lợi ích của sự phát triển xã hội cao hơn lợi ích của giai cấp vô sản, lợi ích của toàn bộ phong trào công nhân cao hơn lợi ích của một tầng lớp công nhân nào đó hay của giai đoạn nào đó của phong trào; vạch ra như thế, còn là cần thiết cả về mặt thực tiễn nữa, để định rõ được điểm trung tâm mà toàn bộ hoạt động nhiều mặt của những người dân chủ - xã hội — tức là công tác tuyên truyền, cổ động và tổ chức - phải quy tụ vào đó và phải xoay quanh đó. Chúng tôi cho rằng, *ngoài ra* còn phải dành một mục riêng trong cương lĩnh để chỉ ra rằng đảng công nhân dân chủ - xã hội tự đặt cho mình *nhiệm vụ* phải ủng hộ mọi phong trào cách mạng chống lại chế độ chuyên chế, và đấu tranh chống mọi mưu đồ của chính phủ chuyên chế nhằm làm đôi bại và làm mờ ý thức chính trị của nhân dân bằng sự bảo trợ của bọn quan lại và những ân huệ bố thí giả dối, bằng cái chính sách mỵ dân mà các đồng chí Đức của chúng ta đã gọi là "Peitsche und Zuckerbrot" (roi và bánh ngọt). Bánh ngọt = những ân huệ bố thí cho những kẻ muốn có

những cải thiện từng phần và lẻ tẻ về mặt sinh hoạt vật chất, mà từ bỏ những yêu sách chính trị của mình và vẫn làm những nỗ lực ngoan ngoãn cho chế độ chuyên chế cảnh sát (ký túc xá, v.v. cho sinh viên; còn đối với công nhân, thì chỉ cần nhắc lại những lời tuyên bố của Vít-te, bộ trưởng Bộ tài chính, khi xảy ra những cuộc bãi công ở Xanh Pê-téc-bua năm 1896 và 1897⁹⁷ hay những diễn văn bênh vực công nhân, do các nhân viên của Bộ nội vụ đọc trong ủy ban ban bố đạo luật ngày 2 tháng Sáu 1897). Cái roi = sự đàn áp ngày càng tăng đối với những kẻ nào, mặc dầu đã được những bố thí nói trên, mà vẫn tiếp tục đấu tranh đòi tự do chính trị (như việc bắt sinh viên phải đi lính⁹⁸; thông tri ngày 12 tháng Tám 1897 về việc đày công nhân đi Xi-bi-ri; tăng cường đàn áp phong trào dân chủ - xã hội, v.v.). Bánh ngọt là để dùng như những kẻ yếu đuối, để mua chuộc và để làm cho họ đôi bại; roi thì dùng để uy hiếp và "khử độc" những chiến sĩ trung thực giác ngộ đấu tranh cho sự nghiệp của giai cấp công nhân và của nhân dân. Chừng nào chế độ chuyên chế còn tồn tại (bây giờ chúng ta phải làm cho cương lĩnh của chúng ta thích hợp chính là với tình hình có sự tồn tại của chế độ chuyên chế, vì sự sụp đổ của chế độ chuyên chế tất nhiên sẽ làm cho các điều kiện chính trị thay đổi nhiều, khiến cho đảng công nhân sẽ buộc phải thay đổi một cách rõ rệt việc nêu các mục tiêu chính trị trước mắt của mình), thì nhất định chúng ta còn thấy chính phủ không ngừng thay đổi và tăng cường những biện pháp mỵ dân ấy. Vậy chúng ta phải tiến hành một cuộc đấu tranh có hệ thống chống lại những biện pháp đó, bóc trần sự giả dối của bọn cảnh sát giả vờ sốt sắng đối với nhân dân; vạch rõ mối liên hệ giữa những cải cách của chính phủ với cuộc đấu tranh của công nhân; làm cho giai cấp vô sản biết lợi dụng từng cải cách để củng cố vị trí chiến đấu của mình, để mở rộng và tăng cường phong trào công nhân. Mặt khác, trong

cương lĩnh nhất thiết phải nêu lên nhiệm vụ ủng hộ *tất cả* những ai chiến đấu chống chế độ chuyên chế, vì đảng dân chủ - xã hội Nga gắn bó chặt chẽ với những phần tử tiên tiến của giai cấp công nhân Nga, phải gương cao ngạo chờ những yêu sách *dân chủ chung*, để tập hợp quanh mình hết thảy mọi tầng lớp và tất cả các phân tử có khả năng đấu tranh cho tự do chính trị, hay ít ra là ủng hộ cuộc đấu tranh ấy bằng cách này hay cách khác.

Đó là quan điểm của chúng tôi về cách phải trình bày như thế nào phần *nguyên tắc* của cương lĩnh chúng ta; và về những nguyên lý cơ bản cần bày tỏ một cách hết sức chính xác và hết sức nổi bật trong cương lĩnh. Theo ý chúng tôi, thì bản dự thảo cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động" phải loại bỏ (ra khỏi phần nguyên tắc): 1) những điểm nói về hình thức sở hữu ruộng đất của nông dân (về vấn đề nông dân chúng tôi sẽ nói ở phần sau); 2) những điểm nói về những nguyên nhân của "tính chất không vững", v. v., của giới trí thức; 3) điểm nói về "sự bãi bỏ chế độ đại biểu chính trị hiện nay và thay thế nó bằng chế độ lập pháp nhân dân trực tiếp"; 4) điểm nói về "các phương sách đấu tranh chính trị". Đành rằng, trong điểm cuối cùng này, chúng tôi không thấy có gì là cũ hay sai lầm cả: trái lại, chúng tôi cho rằng các phương sách phải dùng chính là những phương sách mà nhóm "Giải phóng lao động" đã nêu ra (cổ động, - tổ chức cách mạng, - chuyển sang tấn công quyết liệt khi có "thời cơ thuận lợi", và, *trên nguyên tắc*, lúc đó có thể dùng cả đến phương pháp khủng bố nữa), nhưng chúng tôi nghĩ rằng không cần phải nêu, trong cương lĩnh của *đảng công nhân*, những phương sách hành động mà người ta cần phải chỉ ra khi thảo cương lĩnh năm 1885 của nhóm những người cách mạng cư trú ở nước ngoài. Cương lĩnh đừng nói đến vấn đề phương sách đấu tranh, vì việc lựa chọn các phương sách ấy là thuộc thẩm quyền các tổ chức đang chiến đấu

và các đại hội của đảng, là những tổ chức định ra *sách lược* của đảng. Nhưng chưa chắc có thể ghi những vấn đề *sách lược* vào cương lĩnh (không thể những vấn đề căn bản nhất, có tính chất *nguyên tắc*, thí dụ như vấn đề thái độ đối với những chiến sĩ khác đấu tranh chống chế độ chuyên chế). Những vấn đề sách lược đặt ra đến đâu, thì tờ báo của đảng sẽ thảo luận đến đâu và sẽ được các đại hội đảng giải quyết dứt khoát. Theo ý chúng tôi, về vấn đề khủng bố thì cũng thế: những người dân chủ - xã hội nhất định phải thảo luận vấn đề ấy - tất nhiên không phải về phương diện nguyên tắc, mà là về phương diện sách lược - vì sự phát triển của phong trào tự nó, nó đã làm tăng lên một cách tự phát, những vụ giết mật thám, và luôn luôn làm bùng thêm lòng căm phẫn dữ dội của công nhân và của những người xã hội chủ nghĩa là những người đã từng thấy đồng chí của mình ngày càng có nhiều người bị tra tấn đến chết trong các ngục tối và các nơi tù đày. Để cho mọi sự được rõ ràng, chúng tôi xin nói rõ ngay rằng theo ý cá nhân chúng tôi, thì *hiện nay* khủng bố là một phương sách đấu tranh *không hợp lý*, rằng đảng (*với tư cách là đảng*) phải vứt bỏ nó đi (cho đến lúc mà một sự thay đổi các điều kiện sẽ đòi hỏi phải thay đổi luôn cả sách lược nữa) và phải tập trung *hết thảy mọi lực lượng của mình* nhằm củng cố tổ chức và đảm bảo cho các xuất bản phẩm của chúng ta được chuyển đi đều đặn. Về vấn đề này, thì ở đây không cần phải nói nhiều nữa.

Về chế độ lập pháp nhân dân trực tiếp, theo ý chúng tôi thì hiện nay hoàn toàn không nên đưa nó vào trong cương lĩnh của chúng ta. Về nguyên tắc, người ta không được gắn liền thắng lợi của chủ nghĩa xã hội với *sự thay thế* chế độ đại nghị bằng một chế độ lập pháp nhân dân trực tiếp. Theo ý chúng tôi thì đó là điều mà những cuộc tranh luận về cương lĩnh Éc-phuya và quyển sách của Cau-xky viết

về chế độ lập pháp nhân dân, đã chứng minh. Cau-xky thừa nhận (trên cơ sở một sự phân tích về mặt lịch sử và chính trị) rằng chế độ lập pháp nhân dân có ích tới một mức nhất định, trong những điều kiện sau đây: 1) không có sự đối lập giữa thành thị và nông thôn hoặc thành thị chiếm ưu thế; 2) có những chính đảng phát triển cao; 3) "không có một chính quyền nhà nước tập trung quá mức và lấy tư cách là chính quyền mà đối lập với chế độ đại biểu nhân dân". Ở Nga, chúng ta thấy những điều kiện *hoàn toàn trái ngược lại* và nguy cơ "chế độ lập pháp nhân dân" thoái hóa thành "chế độ trưng cầu dân ý" kiểu đế quốc chủ nghĩa, sẽ là nguy cơ đặc biệt lớn ở nước ta. Nếu khi bàn về Đức và Áo, Cau-xky đã nói, vào năm 1893, rằng "đối với chúng ta, những người ở Đông Âu, chế độ lập pháp nhân dân trực tiếp là thuộc lĩnh vực "nhà nước tương lai", - thì điều đó lại càng là điều dĩ nhiên khi nói về nước Nga. Cho nên chúng tôi nghĩ rằng ngày nay, dưới sự thống trị của chế độ chuyên chế ở Nga, chúng ta chỉ nên đòi một "hiến pháp dân chủ" và lấy hai điểm đầu trong phần thực tiễn của cương lĩnh do nhóm "Giải phóng lao động" thảo ra, hơn là lấy hai điểm đầu trong phần thực tiễn của "cương lĩnh Éc-phuya".

Bây giờ chúng ta bàn tới phần thực tiễn của cương lĩnh. Theo ý chúng tôi, phần đó, nếu không xét về hình thức trình bày của nó, thì ít nhất xét về nội dung, nó bao gồm ba mục: 1) yêu sách về những cải cách dân chủ nói chung; 2) yêu sách về những biện pháp để bảo vệ công nhân và 3) những biện pháp có lợi cho nông dân. Về mục thứ nhất, có lẽ không cần phải có những sửa đổi quan trọng đối với "dự thảo cương lĩnh" của nhóm "Giải phóng lao động", dự thảo này đòi: 1) đấu phiếu phổ thông; 2) phụ cấp cho các nghị sĩ; 3) giáo dục phổ thông, phi tôn giáo, miễn học phí và bắt buộc, v.v.; 4) quyền bất khả xâm phạm về thân thể và về chỗ ở của công dân;

5) tự do không hạn chế về tín ngưỡng, về ngôn luận, về hội họp, v. v. (có lẽ ở đây đặc biệt nên thêm: tự do bãi công); 6) tự do đi lại và tự do nghề nghiệp [có lẽ ở đây nên thêm "tự do di cư" và "bãi bỏ hoàn toàn giấy thông hành trong nước"]; 7) hết thảy mọi người công dân đều bình đẳng hoàn toàn, v. v.; 8) thay thế quân đội thường trực bằng vũ trang toàn dân; 9) "xét lại toàn bộ pháp chế dân sự và hình sự của nước ta, bãi bỏ những sự phân biệt đẳng cấp và những hình phạt trái với nhân phẩm". Nên thêm vào đây: "phụ nữ được bình quyền với nam giới về mọi mặt". Cũng trong mục này, cần phải thêm yêu sách về những cải cách tài chính, yêu sách đã được cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động" nêu lên trong số những yêu sách mà "đảng công nhân sẽ đưa ra, căn cứ vào những quyền chính trị cơ bản nói trên": "bãi bỏ chế độ thuế khóa hiện nay và đặt ra một thứ thuế lũy tiến đánh vào thu nhập". Cuối cùng, ở đây còn phải thêm: "viên chức là do nhân dân bầu ra; mỗi công dân đều có quyền truy tố bất cứ viên chức nào trước các tòa án, mà không cần phải gửi đơn khiếu nại theo hệ thống cấp bậc".

Về mục thứ hai của những yêu sách thực tiễn, chúng tôi thấy trong cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động" có nêu yêu sách chung đòi "giải quyết bằng con đường luật pháp những mối quan hệ giữa công nhân (ở thành thị và ở nông thôn) và chủ xí nghiệp, và đòi lập ra một tổ chức thanh tra tương ứng, trong đó công nhân sẽ có đại biểu của họ". Theo ý chúng tôi thì *đảng công nhân* phải bày tỏ những yêu sách về điểm này một cách rõ ràng và chi tiết hơn và phải đòi: (1) chế độ ngày làm việc 8 giờ; (2) cấm làm việc ban đêm, cấm dùng trẻ em dưới 14 tuổi làm việc; (3) mỗi công nhân phải được nghỉ một thời gian liên tục ít nhất là 36 giờ mỗi tuần; (4) áp dụng các đạo luật về công xưởng và về chế độ thanh tra công xưởng trong tất cả các ngành công nghiệp và nông nghiệp,

các công xưởng của nhà nước, các cơ sở kinh doanh thủ công nghiệp và cho những thợ thủ công làm việc theo chế độ gia công; công nhân bầu ra các phó thanh tra có quyền hạn như các chánh thanh tra; (5) thành lập các tòa án công nghiệp và các tòa án nông nghiệp trong tất cả các ngành công nghiệp và nông nghiệp, tại các tòa án đó, số thẩm phán do chủ và thợ bầu ra sẽ ngang nhau; (6) cấm ngặt không được đầu được trả công bằng hàng hóa; (7) quy định bằng pháp luật trách nhiệm của chủ xưởng trong tất cả các trường hợp công nhân bị tai nạn và thương tật trong công nghiệp cũng như trong nông nghiệp; (8) quy định bằng pháp luật việc trả lương ít nhất mỗi tuần một lần cho hết thảy mọi công nhân, vô luận điều kiện thuê mướn như thế nào; (9) bãi bỏ hết thảy mọi đạo luật vi phạm đến sự bình đẳng về quyền lợi giữa chủ và người làm công (thí dụ, các đạo luật về trách nhiệm hình sự của công nhân công xưởng và công nhân nông thôn khi họ bỏ việc; các đạo luật ban cho chủ nhiều quyền tự do hơn người làm công trong việc tuyên bố hủy bỏ hợp đồng thuê mướn, v.v.). (Cố nhiên là chúng tôi chỉ phác ra những yêu sách cần nêu lên, chứ không trình bày các yêu sách ấy một cách dứt khoát đúng theo yêu cầu của bản dự thảo.) Mục này của cương lĩnh phải đề ra (gắn liền với mục trên) những nguyên lý cơ bản, có tính chất chỉ đạo, cho công tác cổ động, nhưng cố nhiên là tuyệt nhiên không vì thế mà ngăn cấm các cổ động viên đưa ra những yêu sách được sửa đổi đi đôi chút, những yêu sách cụ thể hơn, có tính chất bộ phận hơn, trong địa phương, ngành sản xuất, công xưởng nào đó, v.v.. Cho nên trong khi thảo ra mục này của cương lĩnh, chúng ta cần phải tránh hai điều thái quá: một mặt, không được bỏ sót một yêu sách chủ yếu, cơ bản nào, có một ý nghĩa trọng yếu đối với *toàn bộ* giai cấp công nhân; mặt khác, cần tránh đi vào những chi tiết quá vụn vặt và nếu nhét đầy những chi tiết ấy vào cương lĩnh thì sẽ không hợp lý.

Theo ý chúng tôi, cần phải hoàn toàn gạt bỏ yêu sách "nhà nước giúp đỡ các tập đoàn sản xuất", nêu lên trong cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động". Kinh nghiệm của các nước khác, những khảo sát lý luận, và cả những đặc điểm của đời sống ở Nga (xu hướng của phái tự do tư sản và của chính phủ cảnh sát muốn ve vãn bằng cái chiêu bài "các ác-tên" và "sự bảo trợ" "nền công nghiệp nhân dân", v.v.) đều chứng tỏ không nên đưa ra yêu sách trên đây. (Tất nhiên, cách đây 15 năm, tình hình khác hẳn về nhiều mặt, cho nên lẽ đương nhiên là *lúc đó*, những người dân chủ - xã hội Nga đã đề ra một yêu sách như thế trong cương lĩnh của họ).

Còn lại mục cuối cùng - mục thứ ba - trong phần thực tiễn của cương lĩnh: các yêu sách về vấn đề nông dân. Trong cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động", chúng tôi thấy có một yêu sách thuộc loại đó: "Xét lại triệt để các quan hệ ruộng đất ở nước ta, nghĩa là những điều kiện chuộc lại ruộng đất và giao ruộng đất cho các công xã nông dân. Những người nông dân có quyền không nhận phần ruộng được chia và ra khỏi công xã, nếu như những người đó hấy làm như thế là thuận tiện v. v."

Theo ý tôi thì tư tưởng cơ bản nêu lên ở đây là hoàn toàn đúng, và đảng công nhân dân chủ - xã hội phải thực sự ghi vào cương lĩnh của mình một yêu sách tương ứng (tôi nói: tương ứng vì theo tôi thì nên có một số sửa đổi nào đó).

Đây là quan niệm của tôi về vấn đề đó. Vấn đề nông dân ở Nga, so với vấn đề nông dân ở phương Tây thì khác nhiều; nhưng *chỉ khác ở chỗ* là ở các nước phương Tây thì hầu như chỉ có vấn đề người nông dân trong xã hội tư bản chủ nghĩa, tư sản, còn ở Nga thì chủ yếu lại là vấn đề người nông dân phải chịu khổ không kém (nếu không phải hơn thế) vì những thiết chế và những quan hệ *tiền tư bản chủ nghĩa*, phải chịu khổ vì *những tàn dư*

của chế độ nông nô. Là giai cấp đã từng cung cấp những chiến sĩ chống chế độ chuyên chế và chống những tàn dư của chế độ nông nô, giai cấp nông dân đã đóng xong vai trò của mình ở phương Tây rồi; nhưng ở Nga, thì lại chưa. Giai cấp vô sản công nghiệp phương Tây từ lâu đã tách khỏi nông thôn một cách rất rõ rệt; và sự tách khỏi ấy đã được ghi nhận qua những thiết chế pháp lý tương ứng. Ở Nga, "giai cấp vô sản công nghiệp, xét về thành phần và xét về những điều kiện sinh hoạt của nó, thì còn gắn bó rất chặt chẽ với nông thôn" (P. B. Ác-xen-rốt, sách đã dẫn, tr. II). Đành rằng quá trình phân hóa nông dân thành giai cấp tư sản nhỏ và thành công nhân làm thuê đang diễn ra ở nước ta một cách mạnh mẽ, với một tốc độ nhanh chóng lạ thường, nhưng quá trình đó vẫn còn lâu mới hoàn thành và điều chủ yếu là quá trình đó hiện đang còn tiếp tục diễn ra trong khuôn khổ những thiết chế cũ do chế độ nông nô để lại, tức là những thiết chế trói buộc hết thảy mọi người nông dân bằng cái dây xích nặng nề là chế độ liên đới bảo lãnh và chế độ cộng đồng thuế khóa. Như vậy, người dân chủ - xã hội Nga, ngay cả khi anh ta đứng trong số những kẻ cương quyết chống lại (như tác giả những dòng này) việc bảo vệ hay ủng hộ chế độ sở hữu nhỏ hay nền kinh tế nhỏ trong xã hội tư bản chủ nghĩa, nghĩa là ngay cả khi, trong vấn đề ruộng đất, người dân chủ - xã hội Nga (như tác giả những dòng này) đứng về phía những người mác-xít, mà bọn tư sản và bọn cơ hội chủ nghĩa đủ mọi loại ngày nay đang thích gọi là "những kẻ giáo điều" và "những người chính thống", thì người dân chủ - xã hội Nga cũng vẫn có thể và phải - như thế không hề phản lại niềm tin của anh ta, mà trái lại chính là do niềm tin đó, - đòi hỏi đảng công nhân ghi trên lá cờ của mình khẩu hiệu *ủng hộ* giai cấp nông dân (*hoàn toàn không* phải với tính cách là giai cấp những người sở hữu nhỏ hay tiểu chủ), là *vì giai cấp nông dân*

đó có khả năng tiến hành một cuộc đấu tranh cách mạng chống những tàn dư của chế độ nông nô nói chung và chống chế độ chuyên chế nói riêng. Cần biết rằng tất cả chúng ta, những người dân chủ - xã hội, đều tuyên bố sẵn sàng ủng hộ ngay cả giai cấp đại tư sản nữa, *nếu họ có khả năng* tiến hành một cuộc đấu tranh *cách mạng* chống các hiện tượng đã nói trên kia, - vậy thì tại sao chúng ta lại có thể từ chối không ủng hộ như thế đối với giai cấp rất đông đảo là giai cấp tiểu tư sản, giai cấp đang hòa dần dần với giai cấp vô sản? Nếu việc ủng hộ những yêu sách có tính chất tự do chủ nghĩa của giai cấp đại tư sản, không có nghĩa là ủng hộ giai cấp đại tư sản, vậy thì ủng hộ những yêu sách dân chủ của giai cấp tiểu tư sản cũng hoàn toàn không có nghĩa là ủng hộ giai cấp tiểu tư sản: trái lại, chính sự phát triển mà quyền tự do chính trị sẽ đem lại cho nước Nga, nhất định sẽ dẫn - với một sức mạnh đặc biệt - nền kinh tế nhỏ tới chỗ bị tiêu diệt dưới sự tấn công của tư bản. Theo tôi thì điều đó chắc không thể gây ra tranh luận trong hàng ngũ những người dân chủ - xã hội được. Vậy, tất cả vấn đề là ở chỗ xét xem: 1) nên đề ra những yêu sách như thế nào cho người ta *không thể đem dùng* để ủng hộ các tiểu chủ trong xã hội tư bản chủ nghĩa, và 2) nông dân ở nước ta có khả năng, dù là chỉ phần nào thôi, tiến hành một cuộc đấu tranh *cách mạng* chống những tàn dư của chế độ nông nô và chống chế độ chuyên chế, hay không?

Chúng ta bắt đầu bàn về vấn đề thứ hai trước đã. Chắc rằng không một ai lại phủ nhận là trong hàng ngũ nông dân Nga có những phần tử cách mạng. Người ta thấy rằng những cuộc nổi dậy của nông dân chống bọn địa chủ, bọn quản lý của địa chủ và bọn viên quan bệnh vực bọn địa chủ, vẫn tiếp tục xảy ra sau cải cách; người ta thấy những vụ giết người, những vụ bạo động, xảy ra do những tranh chấp về ruộng đất, v.v .. Người ta đã thấy

sự phẫn nộ ngày càng tăng trong hàng ngũ nông dân (ngay những mẫu kiến thức nghèo nàn sơ đẳng của họ cũng đã bắt đầu làm cho họ có ý thức về nhân phẩm rồi) trước sự hoành hành điên cuồng của lũ lưu manh khoác áo cao quý, lũ lưu manh mà người ta tung ra dưới cái danh hiệu là những chánh hội đồng địa phương để chống lại nông dân. Người ta đã thấy nạn đói ngày càng thường xuyên xảy đến cho hàng triệu người khiến những người này không thể bằng quan trước "những khó khăn về lương thực" như thế được. Người ta thấy sự phát triển của các giáo phái và của tinh thần duy lý trong nông dân; và sự phản kháng chính trị dưới màu sắc tôn giáo là một hiện tượng chung cho tất cả các dân tộc, trong một giai đoạn phát triển nào đó, chứ không riêng gì cho nước Nga. Như vậy, chẳng còn chút nghi ngờ gì nữa là trong hàng ngũ nông dân, có những phần tử cách mạng. Chúng tôi tuyệt nhiên không muốn cưỡng điệu sức mạnh của các phần tử ấy, chúng tôi không quên sự lạc hậu về chính trị và sự tăm tối của nông dân, chúng tôi không muốn xóa bỏ chút nào sự khác nhau giữa "cuộc bạo động ở Nga, vô nghĩa và tàn khốc" với cuộc đấu tranh cách mạng; chúng tôi chẳng chút nào quên rằng chính phủ có sẵn trong tay nhiều thủ đoạn để lừa gạt nông dân và hủ hóa họ về mặt chính trị. Nhưng từ tất cả những điều đó, thì chỉ có thể rút ra cái kết luận là: nếu coi giai cấp nông dân là *người thể hiện* phong trào cách mạng thì thật là vô lý; đảng nào mà muốn đặt tính chất cách mạng của phong trào mình *phụ thuộc vào* tinh thần cách mạng của nông dân, thì như thế là mất lý trí. Chúng tôi hoàn toàn không đề nghị một cái gì tương tự như thế với những người dân chủ - xã hội Nga. Chúng tôi chỉ nói rằng đảng công nhân sẽ vi phạm những di huấn cơ bản của chủ nghĩa Mác và phạm một sai lầm chính trị nghiêm trọng, nếu đảng đó *bỏ qua* những phần tử cách mạng cũng có cả trong nông dân và

nếu không ủng hộ những phần tử ấy. Còn như những phần tử cách mạng ấy trong nông dân Nga liệu có tỏ rõ mình ít nhất cũng như những nông dân Tây Âu trong khi lật đổ chế độ chuyên chế, hay không, - thì đó là lại là một câu hỏi mà lịch sử chưa trả lời. Nếu các phần tử cách mạng ấy không làm được như thế, thì đảng dân chủ - xã hội cũng chẳng do đó mà thiệt hại gì cho thanh danh của đảng hay cho phong trào của đảng, vì không phải là lỗi tại đảng, nếu nông dân không hưởng ứng (có thể là không đủ sức hưởng ứng) lời kêu gọi cách mạng của đảng. Phong trào công nhân cứ tiến tới và sẽ tiếp tục tiến tới trên con đường của mình, dù giai cấp tư sản và giai cấp tiểu tư sản phản bội như thế nào cũng mặc. Nếu các phần tử cách mạng ấy làm được như thế, mà nhân dịp đó, đảng dân chủ - xã hội lại không ủng hộ nông dân thì đảng sẽ vĩnh viễn mất thanh danh của mình và sẽ không còn có quyền tự coi mình là chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho nền dân chủ nữa.

Trở lại vấn đề thứ nhất đặt ra ở trên kia, chúng tôi phải nói rằng theo chúng tôi thì cái yêu sách đòi "xét lại triệt để các quan hệ ruộng đất" là yêu sách không được rõ ràng lắm: cách đây 15 năm thì yêu sách như thế có thể là đủ rồi, nhưng ngày nay vị tất có thể lấy làm bằng lòng được với một yêu sách như thế, trong khi chúng ta vừa phải đưa ra những phương châm cho việc cổ động, lại vừa phải phân ranh giới giữa mình với những kẻ bênh vực nền kinh tế nhỏ, bọn này rất đông trong xã hội Nga hiện nay và có những đồ đảng "có thể lực" như các ngài Pô-bê-đô-nốt-txép, Vít-te và rất nhiều quan chức trong Bộ nội vụ. Chúng tôi xin mạn phép trình bày, để các đồng chí thảo luận, mục thứ ba ở phần thực tiễn trong cương lĩnh của chúng ta, đại khái như sau:

"Vì chủ trương ủng hộ mọi phong trào cách mạng chống chế độ chính trị và xã hội hiện nay, đảng công nhân dân

chủ - xã hội Nga tuyên bố sẽ ủng hộ giai cấp nông dân trong chừng mực là giai cấp đó, - với tư cách là giai cấp chịu đau khổ nhất do nhân dân Nga không có quyền, và do những tàn dư của chế độ nông nô trong xã hội Nga, - có khả năng tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chống chế độ chuyên chế.

Xuất phát từ nguyên tắc đó, đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đòi:

1) Bãi bỏ tiền chuộc lại ruộng đất và tô đại dịch, và mọi đảm phụ hiện đang đè nặng lên nông dân, là một đảng cấp phải chịu thuế.

2) Trả lại cho nhân dân số tiền mà chính phủ và bọn địa chủ bóp nặn của nông dân dưới hình thức tiền chuộc.

3) Xóa bỏ chế độ liên đới bảo lãnh và mọi luật lệ ngăn cản người nông dân sử dụng ruộng đất của mình.

4) Xóa bỏ hết thảy mọi tàn dư của chế độ nông nô đã đặt người nông dân lệ thuộc vào bọn địa chủ, dù cho những tàn dư đó là hậu quả của những luật lệ và của những thiết chế đặc biệt (thí dụ, tình cảnh của nông dân và công nhân trong các vùng mỏ và các vùng luyện kim ở U-ran), hay là hậu quả của việc ruộng đất của nông dân và của địa chủ chưa được phân định ranh giới (thí dụ, tàn dư của chế độ xéc-vi-tút trong các vùng ở phía Tây⁹⁹), hay là hậu quả của việc địa chủ cất xén ruộng đất của nông dân khiến cho trên thực tế, nông dân bị lâm vào hoàn cảnh bế tắc của những người nông dân trong chế độ điều dịch trước kia.

5) Nông dân có quyền đòi, thông qua toà án, giảm bớt địa tô quá cao và có quyền kiện bọn địa chủ về tội cho vay nặng lãi và, nói chung, kiện tất cả những kẻ nào lợi dụng sự nghèo túng của nông dân để bắt họ ký những giao kèo có tính chất nô dịch".

Chúng ta phải xét thật tỉ mỉ những lý do của đề nghị trên đây, không phải vì đó là phần quan trọng nhất trong

cương lĩnh, mà vì đó là phần còn phải tranh cãi nhiều nhất và là phần ít ăn khớp nhất với những chân lý đã được xác lập và được tất cả những người dân chủ - xã hội thừa nhận. Theo ý chúng tôi, có lẽ đoạn mở đầu nói về vấn đề "ủng hộ" (có điều kiện) nông dân là đoạn cần thiết, vì nói chung, giai cấp vô sản không thể và không được tự coi mình có trách nhiệm bênh vực lợi ích của giai cấp những người tiểu chủ; nó chỉ có thể ủng hộ giai cấp đó *trong chừng mực* giai cấp ấy là giai cấp cách mạng. Và vì rằng chính chế độ chuyên chế hiện nay là hiện thân của mọi sự lạc hậu của nước Nga, của mọi tàn dư của chế độ nông nô, của mọi tàn dư của tình trạng không có quyền và áp bức "kiểu gia trưởng", cho nên cần phải chỉ ra rằng đảng công nhân chỉ ủng hộ nông dân trong chừng mực họ có khả năng tiến hành một cuộc đấu tranh cách mạng chống *chế độ chuyên chế*. Luận điểm đó hình như trái với luận điểm sau đây trong dự thảo của nhóm "Giải phóng lao động": "Chỗ dựa chủ yếu của chế độ chuyên chế chính là thái độ thờ ơ về chính trị và lạc hậu về tư tưởng của nông dân". Nhưng mâu thuẫn đó thuộc về bản thân cuộc sống, chứ không phải thuộc về lý luận, vì đặc điểm của nông dân (và lại đó cũng là đặc điểm của giai cấp những người tiểu chủ nói chung) là có tính chất hai mặt. Không cần lặp lại những luận cứ chính trị kinh tế học mà ai nấy đều biết, là những luận cứ đã vạch ra những mâu thuẫn nội tại trong nông dân, chúng tôi chỉ xin nhắc lại đặc điểm của nông dân Pháp vào đầu những năm 50 mà Mác đã nêu ra, như sau:

"...Triều đại Bô-na-pác-tơ không đại biểu cho người nông dân cách mạng, mà đại biểu cho người nông dân bảo thủ; không đại biểu cho người nông dân muốn thoát khỏi những điều kiện sinh tồn xã hội của mình, do mảnh ruộng còn con quyết định, mà đại biểu cho người nông dân muốn củng cố những điều kiện ấy và mảnh đất ấy; không

đại biểu cho dân cư nông thôn muốn cố kết với thành thị và dùng nghị lực của bản thân mình để lật đổ chế độ cũ mà, trái lại, đại biểu cho dân cư nông thôn tự bó mình một cách ngu muội trong chế độ cũ đó, mong muốn được con ma để chế cứu vớt mình và mảnh đất cón con của mình và đưa lại địa vị đặc quyền cho mình. Triều đại Bô-na-pác-tơ không đại biểu cho sự tiến bộ, mà lại đại biểu cho óc mê tín của người nông dân, không đại biểu cho lý trí của người nông dân mà đại biểu cho định kiến của họ, không đại biểu cho tương lai của họ, mà lại đại biểu cho quá khứ của họ, không đại biểu cho những cuộc khởi nghĩa của họ ở vùng Xê-ven-nơ mà lại đại biểu cho cuộc phiến loạn của họ ở Văng-đê" ("Der 18 Brumaire", S. 99¹⁾). Đảng công nhân phải ủng hộ chính giai cấp nông dân đang ra sức lật đổ "chế độ cũ", nghĩa là, ở nước Nga, thì trước hết và trên hết là lật đổ chế độ chuyên chế. Những người dân chủ - xã hội Nga đều luôn luôn xác nhận sự cần thiết phải rút trong học thuyết và xu hướng của chủ nghĩa dân túy mặt cách mạng của nó và tiếp thu mặt đó. Trong cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động" điều đó biểu lộ ra không những ở yêu sách đã nói trên kia về sự "xét lại triệt để", v.v., mà còn biểu lộ ra ở câu sau đây nữa: "Và lại, cố nhiên là cả ngày nay nữa, những ai tiếp xúc trực tiếp với nông dân thì đều có thể, bằng hoạt động của mình trong hàng ngũ nông dân, đem lại một cống hiến quan trọng cho phong trào xã hội chủ nghĩa ở Nga. Những người dân chủ - xã hội chẳng những không gạt bỏ những người ấy mà còn hết sức cố gắng thỏa thuận với họ về những nguyên tắc cơ bản và những phương pháp hoạt động nữa". Cách đây 15 năm, khi mà truyền thống của chủ nghĩa dân túy cách mạng hãy còn được giữ thì tuyên bố như thế là đủ; nhưng ngày nay, bản thân chúng ta phải bắt đầu thảo luận

1) – "Ngày 18 tháng Sương mù của Lu-i Bô-na-pác-tơ", tr. 99¹⁰⁰

"những nguyên tắc cơ bản của hoạt động" trong hàng ngũ nông dân, nếu chúng ta muốn đảng công nhân dân chủ - xã hội trở thành chiến sĩ tiên phong của phong trào dân chủ.

Song những yêu sách mà chúng ta nêu ra có dẫn đến chỗ ủng hộ chế độ sở hữu của nông dân hơn là ủng hộ bản thân cá nhân họ hay không? có dẫn tới chỗ củng cố nền kinh tế nhỏ hay không? và những yêu sách ấy có phù hợp với toàn bộ tiến trình phát triển của chủ nghĩa tư bản không? Chúng ta hãy xét những vấn đề ấy, những vấn đề có tầm quan trọng lớn nhất đối với người mác-xít.

Yêu sách thứ nhất và thứ ba chắc không thể gây ra sự bất đồng ý kiến giữa những người dân chủ - xã hội, về thực chất của vấn đề. Nhưng yêu sách thứ hai thì chắc hẳn sẽ gây ra những sự bất đồng ý kiến cả về thực chất của vấn đề nữa. Theo ý chúng tôi, thì những lý do sau đây bênh vực cho yêu sách ấy: (1) những khoản tiền chuộc lại chỉ là khoản tiền bộn địa chủ tước đoạt của nông dân mà thôi; người ta trả những khoản tiền chuộc ấy không những cho số ruộng đất do nông dân sử dụng mà còn trả cho cả sự bãi bỏ chế độ nông nô nữa; chính phủ đã bắt nông dân trả *nhiều hơn* số tiền chính phủ trả lại cho bọn địa chủ, đó là một sự thật; (2) chúng ta không có lý do để coi sự thật là một sự kiện đã hoàn toàn kết thúc rồi và đã được xếp vào kho lưu trữ của lịch sử, vì ngay cả bọn quý tộc bóc lột hiện nay đang kêu ca về "những hy sinh" mà chúng đã phải chịu lúc đó, thì cũng không quan niệm như thế về cuộc cải cách nông dân; (3) chính hiện nay, khi mà hàng triệu nông dân phải thường xuyên chịu đói khổ và khi mà chính phủ vung phí hàng triệu đồng để biểu cho bọn địa chủ và bọn tư bản, để tiến hành chính sách đối ngoại phiêu lưu, nhưng lại mặc cả từng xu nhỏ lúc bàn đến vấn đề cứu tế những người đói, chính hiện nay là lúc hợp thời và cần thiết phải nhắc lại rằng sự thống trị

của chính phủ chuyên chế phục vụ cho lợi ích của các giai cấp có đặc quyền đặc lợi, đã làm thiệt hại cho nhân dân như thế nào; (4) những người dân chủ - xã hội không thể thờ ơ trước nạn đói đang dày vò nông dân và đẩy họ vào chỗ chết. Cho nên không hề có những sự bất đồng ý kiến giữa những người dân chủ - xã hội về sự cần thiết phải có một sự giúp đỡ rộng rãi nhất đối với những người đói khổ. Và chắc không một ai lại quả quyết rằng có thể có được một sự giúp đỡ thực sự mà lại không cần đến những biện pháp cách mạng; (5) việc tước đoạt các thái ấp và việc di nhượng ngày càng nhiều ruộng đất của giai cấp quý tộc, - nghĩa là kết quả của sự thực hiện cái yêu sách đã đề ra, - chỉ có thể làm lợi cho toàn bộ sự phát triển xã hội của nước Nga mà thôi. Để *chống lại* yêu sách đã đề ra đó, có lẽ người ta sẽ phản đối chúng tôi, trước hết viện đến "tính chất không thể thực hiện được" của yêu sách ấy. Nếu sự phản đối như thế chỉ dựa vào những câu nói chống lại "chủ nghĩa cách mạng" và "chủ nghĩa không tưởng", thì xin nói trước ngay rằng *những câu nói cơ hội chủ nghĩa* ấy sẽ chẳng làm cho chúng ta run sợ chút nào đâu, và chúng ta sẽ chẳng coi những câu nói đó là quan trọng đâu. Nhưng nếu sự phản đối ấy lại dựa trên sự phân tích những điều kiện kinh tế và chính trị của phong trào chúng ta, thì chúng ta hoàn toàn thừa nhận là cần phải thảo luận vấn đề một cách tỉ mỉ hơn và hoàn toàn thừa nhận rằng tranh luận ở đây là bổ ích. Chúng tôi chỉ xin nói rằng yêu sách ấy không đứng riêng rẽ, mà lại nằm trong yêu sách nhằm ủng hộ giai cấp nông dân *trong chừng mực* giai cấp ấy là giai cấp cách mạng. Còn vấn đề các phân tử đó của giai cấp nông dân sẽ biểu lộ ra như thế nào, với một sức mạnh ra sao, thì lịch sử sẽ quyết định. Nếu khi nói đến "tính chất có thể thực hiện được" của những yêu sách, không phải người ta muốn nói rằng những yêu sách đó là thích hợp nói chung với lợi ích của sự phát

triển xã hội, mà muốn nói rằng những yêu sách đó chỉ thích hợp với một tình huống kinh tế và cục diện chính trị nào đó, thì một tiêu chuẩn như thế sẽ hoàn toàn sai, như Cau-xky đã chỉ rõ điều đó một cách có sức thuyết phục, trong cuộc tranh luận của ông với Rô-da Lút-xăm-bua là người đã nêu "tính chất không thể thực hiện được" (đối với đảng công nhân Ba-lan) của yêu sách đòi độc lập cho Ba-lan. Nhân dịp này, để đưa ra làm ví dụ, Cau-xky đã nhắc lại (nếu chúng tôi nhớ không sai), yêu sách của cương lĩnh Éc-phuya về việc nhân dân bầu ra các viên chức. "Tính chất có thể thực hiện được" của yêu sách ấy là điều hết sức đáng hoài nghi trong nước Đức hiện nay, nhưng không một người dân chủ - xã hội nào lại đề nghị hạn chế các yêu sách vào trong khuôn khổ chật hẹp của cái có thể thực hiện được trong một lúc nào đó và trong những điều kiện nào đó.

Sau nữa, về điểm 4, chắc rằng trên nguyên tắc, chẳng ai lại phản đối việc những người dân chủ - xã hội thấy cần phải đòi xóa bỏ hết thảy mọi tàn dư của chế độ nông nô. Chắc hẳn vấn đề chỉ là ở cách trình bày yêu sách đó như thế nào và cũng như ở phạm vi lớn hay nhỏ của yêu sách đó nữa, nghĩa là ở chỗ có nên hay không nên ghi vào đấy, chẳng hạn, những biện pháp nhằm xóa bỏ tình trạng lệ thuộc của những nông dân *thực tế* chịu chế độ điều dịch, do hậu quả của việc cắt ruộng đất của họ vào năm 1861. Theo ý chúng tôi, đối với vấn đề ấy, người ta phải trả lời là nên. Ý nghĩa lớn lao của tàn dư thực tế đó của nền kinh tế dựa trên chế độ điều dịch (chế độ lao dịch), cũng như sự trì trệ nghiêm trọng mà tàn dư đó đã gây ra đối với sự phát triển xã hội (và đối với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản), đều được xác định rõ trong sách báo. đương nhiên là cuối cùng sự phát triển của chủ nghĩa tư bản "tự nó, một cách tự nhiên" sẽ dẫn tới chỗ xóa bỏ những tàn dư đó; nhưng một là, những tàn dư ấy hết sức vững chắc, thành thử người ta không trông mong gì

nó sẽ nhanh chóng mất đi được; thứ nữa - và đây là điểm chủ yếu - những tiếng "một cách tự nhiên" chẳng có nghĩa gì khác hơn là sự chết dần chết mòn của giai cấp nông dân là giai cấp *trên thực tế* (do chế độ lao dịch, v. v.) đã bị buộc chặt vào ruộng đất và bị bọn địa chủ nô dịch. Đương nhiên, trong những điều kiện như thế, những người dân chủ - xã hội không thể không nói đến vấn đề ấy trong cương lĩnh của mình. Người ta sẽ hỏi chúng ta: yêu sách đó sẽ được thực hiện như thế nào? Chúng tôi cho là không cần nói đến điều này trong cương lĩnh. Đương nhiên, sự thực hiện ấy (cũng như sự thực hiện hầu hết các yêu sách khác trong mục này, đều là do lực lượng của các phần tử cách mạng trong giai cấp nông dân quyết định) sẽ đòi hỏi rằng những điều kiện địa phương phải được các ủy ban do nông dân bầu lên tại chỗ, xét kỹ lưỡng, - các ủy ban này là để đối lập với các ủy ban của bọn quý tộc, tức là những ủy ban đã tiến hành cái việc ăn cướp "hợp pháp" vào những năm 60; các yêu sách dân chủ của cương lĩnh xác định một cách đầy đủ những thiết chế dân chủ cần thiết cho việc thực hiện các yêu sách đó. Đó chính là "xét lại triệt để các quan hệ ruộng đất" mà cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động" đã nói đến. Như đã nói trên kia, về nguyên tắc, chúng ta tán thành điểm đó của dự thảo cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động", và chúng ta chỉ mong muốn: (1) nói rõ những điều kiện, trong đó giai cấp vô sản có thể đấu tranh cho lợi ích giai cấp của nông dân; (2) quy định *tính chất* của việc xét lại: xóa bỏ những tàn dư của chế độ nông nô; (3) nêu các yêu sách một cách cụ thể hơn. - Chúng tôi đoán trước là sẽ có một sự phản đối nữa: việc xét lại vấn đề những ruộng đất cát, v. v., nhất định sẽ đưa đến chỗ phải trả lại những ruộng đất ấy cho nông dân. Điều đó thì đã rõ ràng rồi. Nhưng làm như vậy thì há chẳng phải là củng cố chế độ sở hữu nhỏ, tức là củng cố chế độ sở hữu mảnh đất nhỏ, hay sao?

có thể nào những người dân chủ - xã hội lại mong thay thế nền kinh tế lớn, tư bản chủ nghĩa, một nền kinh tế có thể tiến hành trên cơ sở ruộng đất cướp đoạt của nông dân, - thay thế nó bằng nền kinh tế nhỏ chẳng? Đó chẳng phải là một biện pháp *phản động* sao? Chúng tôi trả lời: thay nền kinh tế lớn bằng nền kinh tế nhỏ, như vậy rõ ràng là phản động rồi, và chúng ta không nên chủ trương như thế. Nhưng yêu sách mà chúng ta nói đây *xuất phát* từ mục đích: "xóa bỏ những tàn dư của chế độ lệ thuộc nông nô", như vậy yêu sách đó không thể dẫn đến chỗ xé nhỏ những doanh nghiệp lớn; nó chỉ nhằm những doanh nghiệp cũ chủ yếu dựa trên chế độ điều dịch mà thôi: *so với những doanh nghiệp cũ này*, thì các doanh nghiệp nông dân đã thoát khỏi mọi xiềng xích trung cổ (xem tiết 3) *không phải là* những doanh nghiệp *phản động, mà là tiến bộ*. Dĩ nhiên, ở đây khó mà vạch ra được một đường ranh giới, nhưng chúng ta không hề nghĩ rằng một yêu sách nào đó trong cương lĩnh của chúng ta lại được thực hiện một cách "dễ dàng". Công việc của chúng ta là định ra những nguyên tắc cơ bản và những nhiệm vụ cơ bản, còn về chi tiết, thì những ai được lãnh việc thi hành trên thực tiễn các nhiệm vụ ấy, tất sẽ biết cách giải quyết.

Điểm cuối cùng nhằm cùng một mục đích như điểm trên, tức là: đấu tranh chống mọi tàn tích (rất nhiều trong nông thôn nước Nga) của *phương thức sản xuất tiền tư bản chủ nghĩa*. Như người ta đã biết, chế độ lĩnh canh của nông dân ở Nga rất thường khi chỉ che đậy tàn dư của những quan hệ điều dịch. Tư tưởng trong điểm cuối cùng này, là do chúng tôi mượn của Cau-xky. Sau khi chỉ ra rằng ngay nội các Glát-xtôn thuộc phái tự do cũng đã ban bố ở Ai-rơ-len vào năm 1881 một đạo luật giao cho các tòa án quyền giảm bớt địa tô quá cao, Cau-xky đã ghi vào trong những yêu sách, mà ông ta mong được thực hiện, yêu sách như sau: "Giảm bớt địa tô quá cao thông qua những cơ quan

pháp luật được lập ra để làm công việc đó". (Reduzierung übermäßiger Pachtzinsen durch dazu eingesetzte Gerichtshöfe.) Điều đó nếu đem thi hành ở Nga, thì sẽ đặc biệt có ích (đĩ nhiên, với điều kiện là các tòa án đó phải được tổ chức một cách dân chủ) cho việc xóa bỏ các quan hệ điều dịch. Chúng tôi nghĩ rằng có thể thêm vào đó một yêu sách nữa, yêu sách đòi các đạo luật về tội cho vay nặng lãi, phải được áp dụng rộng ra cho cả các hợp đồng có tính chất nô dịch, vì trong nông thôn nước Nga, sự nô dịch là một tình trạng rất phổ biến, đè rất nặng lên người nông dân, *về mặt anh ta là người lao động*, làm trở ngại cho tiến bộ xã hội rất nhiều, cho nên đặc biệt cần phải đấu tranh chống lại sự nô dịch đó. Mà đối với tòa án thì việc xác định tính chất nô dịch, tính chất cho vay nặng lãi của một bản hợp đồng, hiển nhiên là việc chẳng khó khăn gì hơn là xác định địa tô quá cao.

Tóm lại, theo ý chúng tôi thì những yêu sách mà chúng ta đề ra, chung quy là nhằm vào hai mục đích chủ yếu: 1) xóa bỏ hết thảy mọi quan hệ và thiết chế *tiền tư bản chủ nghĩa*, nông nô ở nông thôn (điều bổ sung cho các yêu sách ấy nằm trong mục thứ nhất ở phần thực tiễn của cương lĩnh); 2) làm cho cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn có một tính chất công khai hơn và tự giác hơn. Theo ý chúng tôi, đó chính là những nguyên tắc cần được dùng làm kim chỉ nam cho "cương lĩnh ruộng đất" dân chủ - xã hội ở Nga; chúng ta phải cương quyết phân rõ ranh giới giữa chúng ta với những xu hướng - đây rẫy ở nước Nga - muốn *làm dịu bớt* cuộc đấu tranh giai cấp ở nông thôn. Trào lưu tự do chủ nghĩa - dân túy đang ngự trị chính là có tính chất ấy; nhưng trong khi cương quyết bác bỏ trào lưu ấy [như "Bản phụ lục kèm theo báo cáo của những người dân chủ - xã hội Nga trình bày tại đại hội quốc tế ở Luân-đôn" đã làm], cần nhớ rằng chúng ta phải gạt lấy nội dung cách mạng của chủ nghĩa dân túy. "Trong

chừng mực chủ nghĩa dân túy còn có tính chất cách mạng, nghĩa là trong chừng mực nó chống lại nhà nước quan liêu - đẳng cấp, và chống lại những hình thức bóc lột và áp bức quần chúng nhân dân một cách dã man - những hình thức được nhà nước đó ủng hộ - thì chủ nghĩa dân túy, sau khi đã được sửa đổi thích đáng, phải được coi là một nhân tố cấu thành trong bản cương lĩnh của đảng dân chủ - xã hội Nga" (Ác-xen-rốt: "Bàn về những nhiệm vụ hiện nay và sách lược", tr. 7). Hiện nay trong nông thôn nước Nga, hai hình thức chủ yếu của cuộc đấu tranh giai cấp đang chằng chịt lấy nhau: 1) cuộc đấu tranh của nông dân chống bọn địa chủ có đặc quyền đặc lợi và chống những tàn dư của chế độ nông nô; 2) cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản nông thôn đang ra đời, chống lại giai cấp tư sản nông thôn. Đối với những người dân chủ - xã hội, cuộc đấu tranh thứ hai đó dĩ nhiên là quan trọng hơn, nhưng họ nhất thiết phải ủng hộ cả cuộc đấu tranh thứ nhất, *nếu làm như thế vẫn không trái với* lợi ích của sự phát triển xã hội. Không phải ngẫu nhiên mà vấn đề nông dân đã chiếm và còn đang chiếm một vị trí to lớn trong xã hội Nga và trong phong trào cách mạng Nga: đó chỉ là sự phản ánh của cái sự thật là cả cuộc đấu tranh thứ nhất vẫn tiếp tục có một ý nghĩa lớn lao.

Để kết thúc, chúng tôi thấy cần phải phòng ngừa một sự hiểu lầm có thể xảy ra. Chúng tôi đã nói đến "lời kêu gọi cách mạng" mà phái dân chủ - xã hội gửi cho nông dân. Phải chăng làm như thế là phân tán những cố gắng của mình và có hại cho sự cần thiết phải tập trung các lực lượng vào công tác trong hàng ngũ giai cấp vô sản công nghiệp? Hoàn toàn không phải thế. *Tất cả* những người dân chủ - xã hội Nga đều thừa nhận rằng một sự tập trung như thế là cần thiết; sự cần thiết ấy đã được nêu lên trong dự thảo do nhóm "Giải phóng lao động" thảo ra năm 1885 cũng như đã được nêu lên năm 1898, trong cuốn "Nhiệm

vụ của những người dân chủ - xã hội Nga". Cho nên quá thật không có một lý do gì để sợ rằng những người dân chủ - xã hội phân tán lực lượng của mình. Thấy vậy, cương lĩnh không phải là chỉ thị: cương lĩnh phải bao quát *toàn bộ* phong trào, nhưng trong thực tiễn dĩ nhiên là người ta buộc phải đặt lên hàng đầu khi thì mặt này, khi thì mặt khác của phong trào. Chẳng ai lại phủ nhận sự cần thiết là trong cương lĩnh phải nói đến không những công nhân công nghiệp, mà cả công nhân nông nghiệp nữa, dù rằng không một người dân chủ - xã hội Nga nào lại vì thế mà nghĩ đến chuyển phái các đồng chí đi về nông thôn trong tình hình hiện nay. Nhưng phong trào công nhân, dù là không có sự nỗ lực của chúng ta chẳng nữa, tự nó tất nhiên cũng sẽ dẫn đến chỗ truyền bá những tư tưởng dân chủ trong nông thôn. "Công tác cổ động về những lợi ích kinh tế sẽ khiến cho các tiểu tổ dân chủ - xã hội nhất định sẽ trực tiếp đụng phải những sự thật chỉ ra một cách sáng rõ sự nhất trí hoàn toàn giữa lợi ích của giai cấp vô sản công nghiệp nước ta và lợi ích của quần chúng nông dân" (Ăc-xen-rốt, *ib*¹⁾, tr. 13), và đây là lý do tại sao đối với những người dân chủ - xã hội Nga thì vấn đề bức thiết là phải có một "Agrarprogramm" (*theo ý nghĩa đã nói trên*: nói cho thật đúng ra thì hiển nhiên đây hoàn toàn không phải là "cương lĩnh ruộng đất"). Trong công tác tuyên truyền và cổ động của chúng ta, chúng ta thường gặp những người công nhân kiêm nông dân, nghĩa là những công nhân công xưởng và công nhân nhà máy vẫn giữ mối liên hệ với nông thôn là nơi có bà con, gia đình mà họ đi lại thăm viếng. Những vấn đề về tiền chuộc, về chế độ liên đới bảo lãnh, về địa tô rất thường được chính ngay người công nhân thủ đô thiết tha quan tâm đến (đó là chưa nói đến những người công nhân ở U-ran chẳng hạn, là những

1) — *ibidem* - như trên

người mà sự tuyên truyền và cổ động dân chủ - xã hội cũng đã bắt đầu thâm nhập vào). Chúng ta sẽ không làm tròn bổn phận nếu chúng ta không quan tâm đến việc nêu ra những điều hướng dẫn chính xác cho những người dân chủ - xã hội và cho những công nhân giác ngộ đang đi về nông thôn. Cũng không được quên những người trí thức ở nông thôn, chẳng hạn như các giáo viên nhân dân. Những người đó ở vào một tình cảnh rất tủi nhục về vật chất và tinh thần, họ thấy rất rõ và nhận thấy, qua bản thân họ, sự nô dịch và áp bức đối với nhân dân, cho nên phong trào dân chủ - xã hội chắc chắn là tranh thủ được sự đồng tình của họ (khi phong trào sẽ tiếp tục phát triển thêm).

Vậy, theo ý chúng tôi, những bộ phận cấu thành cương lĩnh của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga phải: 1) nói lên tính chất cơ bản của sự phát triển kinh tế ở Nga; 2) nói lên hậu quả không tránh khỏi của chủ nghĩa tư bản là: làm cho cảnh khốn cùng và lòng căm phẫn của công nhân ngày càng tăng lên; 3) nói lên cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản, về mặt là cơ sở của phong trào của chúng ta; 4) nói lên những mục tiêu cuối cùng của phong trào công nhân dân chủ - xã hội, tức nói lên nguyện vọng của phong trào là giành chính quyền để đạt tới những mục tiêu ấy, nói lên tính chất quốc tế của phong trào; 5) nói lên tính chất chính trị tất yếu của cuộc đấu tranh giai cấp; 6) nói lên sự thật là: chế độ chuyên chế ở Nga, chế độ sinh ra sự nô dịch và áp bức nhân dân và bênh vực bọn bóc lột, do đó nó là trở ngại chính đối với phong trào công nhân, cho nên việc giành tự do chính trị cũng là điều cần thiết cả cho lợi ích của toàn bộ sự phát triển xã hội - là nhiệm vụ chính trị trước mắt của đảng; 7) nói lên sự ủng hộ của đảng đối với tất cả các đảng phái và tất cả các tầng lớp nhân dân đang đấu tranh chống chế độ chuyên chế, nói lên rằng đảng sẽ đấu tranh chống những mưu mô có tính chất mỵ dân của chính phủ nước ta; 8) nêu ra những yêu sách dân chủ chủ yếu; sau nữa:

9) những yêu sách có lợi cho giai cấp công nhân và 10) những yêu sách có lợi cho nông dân, đồng thời giải thích rõ tính chất chung của các yêu sách ấy.

Chúng tôi nhận rõ một cách đầy đủ rằng nếu không có những sự trao đổi ý kiến với các đồng chí thì khó mà trình bày được cương lĩnh một cách hoàn toàn thỏa đáng, nhưng chúng tôi cho là cần phải bắt tay vào làm việc đó vì chúng tôi nghĩ rằng không thể (vì những lý do đã nói trên kia) trì hoãn việc đó lại và chúng tôi mong được sự giúp đỡ của tất cả các nhà lý luận của đảng (đứng đầu là những người trong nhóm "Giải phóng lao động") và của tất cả những người xã hội chủ nghĩa đang làm công tác thực tiễn ở Nga (không những chỉ mong được sự giúp đỡ của những người dân chủ - xã hội mà thôi đâu: chúng tôi mong được biết ý kiến của những người xã hội chủ nghĩa thuộc các phái khác và chúng tôi sẽ không từ chối công bố những điều nhận định của họ), cũng như mong nhận được sự giúp đỡ của tất cả những công nhân giác ngộ.

MỘT KHUYNH HƯỚNG THỤT LÙI TRONG PHONG TRÀO DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA

Ban biên tập tờ "Tư tưởng công nhân" đã xuất bản một "Phụ trương đặc biệt của báo "Tư tưởng công nhân"" (tháng Chín 1899), hòng "làm tiêu tan tất cả những điều ngộ nhận và mơ hồ hiện có về vấn đề khuynh hướng của tờ "Tư tưởng công nhân" (thí dụ như việc chúng tôi "phủ nhận chính trị)". (Lời ban biên tập.) Chúng tôi rất mừng thấy rằng cuối cùng tờ "Tư tưởng công nhân" đã công khai đặt các vấn đề cương lĩnh, những vấn đề mà từ trước đến nay hình như báo đó không muốn nghe nói đến; nhưng chúng tôi cương quyết phản đối lời quả quyết rằng "khuynh hướng của tờ "Tư tưởng công nhân" là khuynh hướng của những công nhân Nga tiên tiến" (như ban biên tập đã tuyên bố trong tờ phụ trương nói trên). Không, nếu ban biên tập của tờ "Tư tưởng công nhân" mà muốn đi theo con đường đang được phác ra (trong lúc này, con đường đó chỉ là mới đang *được phác ra* thôi) trong tờ phụ trương mà chúng tôi vừa nói trên, thì như vậy tức là ban biên tập hiểu sai cương lĩnh do những người sáng lập đảng dân chủ - xã hội Nga thảo ra, và cho đến nay cương lĩnh ấy vẫn được tất cả những người dân chủ - xã hội Nga hoạt động tại nước Nga, tuân theo; như vậy, tức là ban biên tập đã *thụt lùi* so với trình độ phát triển về lý luận và về thực tiễn mà phong trào dân chủ - xã hội Nga đã đạt được.

sáng lập ra những tổ chức như các "Hội liên hiệp đấu tranh" Xanh Pê-téc-bua¹⁰¹ và Ki-ép¹⁰², Hội liên hiệp công nhân Do-thái¹⁰³, v. v.. Đáng rằng ông R. M. xác nhận phong trào công nhân Do-thái có "một tính chất chính trị riêng biệt", rằng phong trào đó là một ngoại lệ. Nhưng đó cũng lại là một điều trái với sự thật, bởi vì nếu Hội liên hiệp công nhân Do-thái là một tổ chức "riêng biệt", thì nó *đã không hợp nhất* được với nhiều tổ chức khác ở Nga thành "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga". Sự thành lập ra đảng này là một bước tiến rất lớn của phong trào này với phong trào cách mạng Nga, thể hiện trong *sự kết hợp* phong trào công nhân Nga. Bước tiến đó tỏ rõ rằng phong trào công nhân Nga *không phải chỉ là* những cuộc bãi công và các hội hợp pháp mà thôi đâu. Sao lại có thể có tình trạng là những người xã hội chủ nghĩa Nga, cộng tác viên của tờ "Tư tưởng công nhân", không muốn thấy bước tiến đó và không muốn hiểu tầm quan trọng của nó nhỉ?

Đó là vì R. M. đã không hiểu được mối quan hệ của phong trào công nhân Nga với chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng Nga, cũng như những nhiệm vụ chính trị của giai cấp công nhân Nga. R. M. viết: "Dấu hiệu đặc trưng nhất của khuynh hướng của phong trào ở nước ta, đương nhiên là các yêu sách mà công nhân đã đề ra". Chúng tôi xin hỏi: vậy tại sao người ta lại không xếp yêu sách của *những người dân chủ - xã hội* và của các tổ chức dân chủ - xã hội vào trong số những dấu hiệu *của phong trào ở nước ta*? Vì lẽ gì R. M. lại tách yêu sách của công nhân ra khỏi yêu sách của những người dân chủ - xã hội Nga, như vậy? Ông ta tách ra như thế trong suốt bài báo của ông ta, như nói chung bản thân ban biên tập của tờ "Tư tưởng công nhân" đã làm trong mỗi số báo của họ. Muốn giải thích sai lầm đó của tờ "Tư tưởng công nhân", chúng ta cần làm sáng tỏ vấn đề chung về quan hệ của *chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân*. Trong tất

cả các nước châu Âu, lúc đầu, chủ nghĩa xã hội và phong trào công nhân tồn tại độc lập đối với nhau. Công nhân thì đấu tranh chống bọn tư bản, tổ chức các cuộc bãi công và lập ra các hội, còn những người xã hội chủ nghĩa thì đứng ngoài phong trào công nhân và sáng tạo ra những lý thuyết phê phán chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa, chế độ tư sản hiện nay và đòi thay nó bằng một chế độ xã hội khác cao hơn, tức chế độ xã hội chủ nghĩa. Sự tách rời phong trào công nhân và chủ nghĩa xã hội khiến cho cả hai đều yếu, kém phát triển: các học thuyết của những người xã hội chủ nghĩa không kết hợp được với cuộc đấu tranh của công nhân, thì chỉ là những không tưởng, những ước vọng tốt lành, không có tác dụng gì đối với đời sống thực tế cả; còn phong trào công nhân thì cứ ở trong trạng thái vụn vặt, tản mạn, không có ý nghĩa chính trị, không được khoa học tiên tiến của thời đại soi sáng. Cho nên trong tất cả các nước châu Âu, chúng ta nhận thấy ngày càng có xu hướng *kết hợp* chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân thành một phong trào *dân chủ - xã hội* thống nhất. Do sự kết hợp ấy, cuộc đấu tranh giai cấp của công nhân trở thành một *cuộc đấu tranh tự giác của giai cấp vô sản* để tự giải phóng mình khỏi sự bóc lột của các giai cấp hữu sản; đồng thời một hình thức cao của phong trào công nhân xã hội chủ nghĩa được hình thành, đó là: *đảng công nhân dân chủ - xã hội độc lập*. Việc hướng chủ nghĩa xã hội đi đến chỗ kết hợp với phong trào công nhân, đó là công lao chủ yếu của C. Mác và của Ph. Ăngghen: hai ông đã sáng tạo ra một lý luận cách mạng, lý luận giải thích tính tất yếu của sự kết hợp ấy và đề ra nhiệm vụ cho những người xã hội chủ nghĩa là phải tổ chức cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản.

Ở Nga, tình hình cũng đúng là như thế. Ở nước ta cũng vậy, suốt trong một thời kỳ rất dài, hàng chục và hàng chục năm, chủ nghĩa xã hội vẫn ở trong tình trạng *tách rời*

khỏi cuộc đấu tranh của công nhân chống bọn tư bản, khỏi các cuộc bãi công của công nhân, v. v.. Một mặt, những người xã hội chủ nghĩa không am hiểu lý luận của Mác, cho rằng lý luận ấy không thể áp dụng được ở Nga; mặt khác, phong trào công nhân Nga còn ở trong một trạng thái hoàn toàn phôi thai. Khi "Hội liên hiệp công nhân Nga ở miền Nam" được thành lập vào năm 1875, và "Hội liên hiệp công nhân Nga ở miền Bắc" vào năm 1878, thì các tổ chức công nhân ấy đứng tách rời khỏi khuynh hướng của những người xã hội chủ nghĩa Nga; các tổ chức công nhân ấy đòi quyền chính trị cho nhân dân và muốn tiến hành đấu tranh để giành các quyền ấy, còn những người xã hội chủ nghĩa Nga vào thời kỳ ấy thì có sai lầm là coi đấu tranh chính trị là đi trệch ra ngoài chủ nghĩa xã hội. Song những người xã hội chủ nghĩa Nga không cố bám mãi vào cái lý luận lạc hậu, sai lầm của họ. Họ đã tiến lên, họ đã tiếp thu học thuyết của Mác và trong khi áp dụng học thuyết đó vào nước Nga, họ đã xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội công nhân, lý luận của những người dân chủ - xã hội Nga. Sáng lập ra đảng dân chủ - xã hội Nga là công lao chủ yếu của nhóm "Giải phóng lao động", của Plê-kha-nốp, của Ăc-xen-rốt và của các bạn hữu của họ*. Từ khi đảng dân chủ - xã hội Nga thành lập (1883), phong trào công nhân Nga, cứ qua mỗi biểu hiện rộng lớn của nó, thì rõ ràng là đã xích lại gần những người dân chủ - xã hội Nga, đã có xu hướng kết hợp với họ. Việc lập ra "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga" (vào mùa xuân 1898) đánh dấu một bước lớn tiến tới sự kết hợp ấy. Hiện giờ, nhiệm vụ *chủ yếu* của tất cả những người xã hội chủ nghĩa

* Sự kết hợp chủ nghĩa xã hội Nga với phong trào công nhân Nga đã được nghiên cứu, về phương diện lịch sử, trong cuốn sách nhỏ của một trong những đồng chí của chúng tôi: "Ngọn cờ đỏ ở Nga. Lược khảo về lịch sử phong trào công nhân Nga". Cuốn sách nhỏ ấy sắp xuất bản nay mai¹⁰⁴.

Nga và của tất cả những công nhân Nga giác ngộ là củng cố sự kết hợp ấy, tăng cường và chỉnh đốn hẳn tổ chức của "Đảng công nhân dân chủ - xã hội". Kẻ nào không muốn biết đến sự kết hợp ấy, tìm cách tách một cách giả tạo phong trào công nhân ra khỏi phong trào dân chủ - xã hội Nga, thì kẻ ấy chẳng những không làm lợi mà ngược lại, còn *làm hại* cho sự nghiệp của chủ nghĩa xã hội công nhân và của phong trào công nhân Nga.

Chúng ta bàn tiếp. *R. M.* viết: "Còn về những yêu sách rộng lớn, những yêu sách chính trị, thì chỉ có những yêu sách của những người thợ dệt ở Pê-téc-bua... năm 1897, mới là trường hợp đầu tiên, và chưa được tự giác lắm, trong đó công nhân nước ta nêu lên được những yêu sách chính trị rộng lớn thuộc loại đó". Một lần nữa, chúng tôi cần phải nhắc lại rằng điều đó là *hoàn toàn sai*. Nói như thế, là ban biên tập tờ "Tư tưởng công nhân" đã tỏ ra, thứ nhất, quên mất - điều này không thể tha thứ được đối với một người dân chủ - xã hội - lịch sử của phong trào cách mạng và phong trào công nhân Nga, và, thứ hai, có một quan niệm chật hẹp không thể tha thứ được về sự nghiệp của công nhân. Công nhân Nga đã từng đề ra những yêu sách chính trị rộng lớn, trong tờ truyền đơn hồi tháng Năm 1898 của Hội liên hiệp đấu tranh Xanh Pê-téc-bua, cũng như trong "Báo công nhân Xanh Pê-téc-bua khổ nhỏ" và trong "Báo công nhân", là tờ báo đã được các tổ chức tiên tiến của những người dân chủ - xã hội Nga thừa nhận, vào năm 1898, là cơ quan chính thức của "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga". Coi thường những sự thật đó, tờ "Tư tưởng công nhân" đã đi thụt lùi và đã hoàn toàn chứng thực cho cái ý kiến nói rằng tờ báo đó không đại biểu cho những công nhân tiên tiến, mà đại biểu cho những tầng lớp dưới, lạc hậu, trong giai cấp vô sản (chính *R. M.*, trong bài báo của ông ta, cũng đã chỉ ra rằng điều đó đã được người ta nói cho tờ "Tư tưởng công nhân" biết rồi). Những

tầng lớp dưới trong giai cấp vô sản không am hiểu lịch sử phong trào cách mạng Nga, và *R. M.* thì cũng không am hiểu nốt. Những tầng lớp dưới trong giai cấp vô sản không hiểu được mối quan hệ tồn tại giữa phong trào công nhân và đảng dân chủ - xã hội, mà *R. M.* thì lại cũng mù tịt nốt. Tại sao, trong những năm 90, công nhân Nga lại không lập ra những tổ chức riêng biệt của mình, tách rời khỏi những người xã hội chủ nghĩa, như họ đã làm vào những năm 70? Tại sao họ lại không nêu lên những yêu sách chính trị riêng, tách rời khỏi những người xã hội chủ nghĩa? Chắc *R. M.* giải thích điều đó rằng "công nhân Nga được chuẩn bị còn quá ít về phương diện đó" (tr. 5, trong bài báo của ông ta); nhưng giải thích như thế thì ông ta chỉ chứng minh một lần nữa rằng ông ta chỉ có quyền nhân danh những tầng lớp dưới trong giai cấp vô sản mà phát biểu thôi. Trong phong trào những năm 90, các tầng lớp công nhân bên dưới chưa giác ngộ về tính chất chính trị của phong trào ấy. Tuy nhiên mọi người cũng đã biết (và chính *R. M.* cũng đã nói) rằng phong trào công nhân vào những năm 90 mang một ý nghĩa lớn về chính trị. Sở dĩ như thế là vì, ở đâu và bao giờ cũng vậy, tính chất của phong trào là do những công nhân tiên tiến quyết; còn sở dĩ quần chúng công nhân đi theo họ, là vì họ đã tỏ cho quần chúng công nhân thấy rằng họ sẵn sàng và có năng lực phục vụ sự nghiệp của công nhân, và vì họ đã biết tranh thủ được lòng tin tuyệt đối của quần chúng công nhân. Mà những công nhân tiên tiến đó lại chính là những người dân chủ - xã hội; nhiều người trong số đó cũng đã từng trực tiếp tham gia vào những cuộc tranh luận giữa những người thuộc phái Dân ý và những người dân chủ - xã hội, những cuộc tranh luận ấy đánh dấu bước chuyển của phong trào cách mạng Nga từ giai đoạn chủ nghĩa xã hội nông dân có tính chất âm mưu sang chủ nghĩa xã hội công nhân. Bây giờ thì người ta hiểu tại sao những

công nhân tiên tiến ấy không tách rời những người xã hội chủ nghĩa và những người cách mạng, không lập ra những tổ chức riêng biệt. Khi mà chủ nghĩa xã hội đứng tách ra khỏi phong trào công nhân thì sự tách rời ấy có lý do tồn tại của nó và tất yếu. Khi trước mặt những người công nhân tiên tiến là chủ nghĩa xã hội công nhân và những tổ chức *dân chủ - xã hội*, thì không thể có được sự tách rời ấy và sự tách rời ấy trở thành vô lý. *Sự hợp nhất* giữa những công nhân tiên tiến với các tổ chức dân chủ - xã hội là điều hoàn toàn tự nhiên, không thể tránh được. Đó là kết quả của sự kiện lịch sử to lớn là vào những năm 90 có sự gặp gỡ giữa hai phong trào xã hội sâu sắc ở nước Nga: một phong trào tự phát, có tính chất quần chúng, trong giai cấp công nhân; và một phong trào nữa là phong trào tư tưởng xã hội hướng về lý luận của Mác và Ăng-ghe-n, hướng về học thuyết dân chủ - xã hội.

Dưới đây, người ta sẽ thấy từ "Tư tưởng công nhân" quan niệm một cách vô cùng chặt chẽ về đấu tranh chính trị. Nói về những yêu sách chính trị rộng lớn, R. M. viết: "Nhưng, muốn cho công nhân có thể tiến hành cuộc đấu tranh chính trị ấy một cách có ý thức đầy đủ và hoàn toàn độc lập, thì cuộc đấu tranh ấy phải do bản thân các tổ chức công nhân tiến hành, và các yêu sách chính trị đó của công nhân đều phải dựa vào sự giác ngộ về yêu cầu chính trị chung của họ và dựa vào những lợi ích trước mắt" (các bạn chú ý cho điều đó!), "các yêu sách ấy phải là những yêu sách của bản thân các tổ chức công nhân (phường hội), các yêu sách ấy phải do chính ngay những tổ chức công nhân ấy cùng nhau thực sự định ra và đồng thời cùng nhau tuyên bố, theo sáng kiến riêng của họ...". Và tiếp đó người ta giải thích rằng yêu sách chính trị chung trước mắt của công nhân hiện thời (!!) vẫn là đòi chế độ ngày làm việc 10 giờ và đòi phục hồi những ngày nghỉ lễ đã bị đạo luật ngày 2 tháng Sáu 1897 bãi bỏ. Thế mà sau đó, ban biên tập từ

"Tư tưởng công nhân" lại còn lấy làm ngạc nhiên khi thấy người ta buộc tội mình là phủ nhận chính trị! Nhưng quy chính trị như vậy thành đấu tranh của các tổ chức phường hội nhằm giành những cái cách riêng biệt nào đó, như thế há không phải là phủ nhận chính trị hay sao? Như thế há chẳng phải là từ bỏ nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa dân chủ - xã hội quốc tế là: những người dân chủ - xã hội phải ra sức tổ chức cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản thành những chính đảng công nhân độc lập, chiến đấu giành dân chủ mà giai cấp vô sản coi là *phương tiện* để giành chính quyền và thiết lập xã hội xã hội chủ nghĩa, hay sao? Những kẻ hiện nay ở nước ta đang xuyên tạc chủ nghĩa dân chủ - xã hội, đều vứt bỏ với một thái độ khinh suất lạ lùng tất cả những cái gì là quý báu đối với những người dân chủ - xã hội, tất cả những cái gì cho phép người ta coi phong trào công nhân là một phong trào lịch sử thế giới. Những kẻ đó chẳng cần biết đến một điều là kinh nghiệm lâu đời của chủ nghĩa xã hội châu Âu và của nền dân chủ châu Âu dạy rằng cần phải tìm cách thành lập ra những chính đảng độc lập của công nhân. Họ cũng chẳng cần biết đến một điều là lịch sử phong trào cách mạng Nga, kinh qua con đường lâu dài và khó khăn, đã đi đến chỗ thực hiện được sự kết hợp chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân, sự kết hợp những lý tưởng xã hội và chính trị vĩ đại với cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Họ chẳng cần biết đến một điều là công nhân tiên tiến ở Nga đã xây dựng được nền tảng cho "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga". Vứt tất cả những cái đó đi! Chúng ta hãy vứt bỏ cái ba lô tư tưởng quá to lớn và kinh nghiệm lịch sử quá nặng nề và quá khe khắt ấy đi và "hiện thời chỉ nên để lại" những phường hội (mà chưa có gì chứng minh rằng người ta có thể lập ra những phường hội đó ở nước Nga, trừ phi lập ra các hội hợp pháp), những phường hội ấy hãy "theo sáng kiến riêng" mà định ra những yêu sách của mình,

những yêu sách "trước mắt", những yêu sách đòi những cải cách nhỏ nhặt và vụn vặt!! Thế nghĩa là thế nào? Như thế há chẳng phải là kêu gọi đi thụt lùi, đó sao! Há chẳng phải là tuyên truyền phá hoại chủ nghĩa xã hội đó sao!

Nên chú ý là tờ "Tư tưởng công nhân" không phải chỉ đề nghị rằng các tổ chức địa phương hãy tự mình vạch ra những hình thức đấu tranh của địa phương, tự mình vạch ra những nội dung và biện pháp cổ động riêng biệt, v. v., điều đó chẳng ai phản đối cả. Không bao giờ những người dân chủ - xã hội Nga lại đưa ra bất cứ một chủ trương nào nhằm hạn chế tính độc lập của công nhân về mặt đó cả. Không, tờ "Tư tưởng công nhân" muốn *hoàn toàn đẩy lùi* những nhiệm vụ chính trị lớn lao của giai cấp vô sản Nga và cho rằng "giờ đây" "chỉ" cần chú ý đến "những lợi ích trước mắt" là đủ rồi. Từ trước đến nay, bằng cách dựa vào mỗi yêu sách trước mắt và bằng cách tiến hành cổ động cho yêu sách ấy, những người dân chủ - xã hội Nga muốn tổ chức giai cấp vô sản để đấu tranh chống lại chế độ chuyên chế, coi đó là mục tiêu trước mắt. Ngày nay, tờ "Tư tưởng công nhân" lại muốn *bó hẹp* cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản lại thành một cuộc đấu tranh nhỏ đòi những yêu sách vụn vặt. *R. M.* biết rất rõ rằng quan điểm của ông ta khác với quan điểm của toàn bộ đảng dân chủ - xã hội Nga, cho nên đối với những người buộc tội tờ "Tư tưởng công nhân", ông ta đã cãi lại như sau. Người ta nói rằng lật đổ chế độ Nga hoàng là nhiệm vụ trước mắt của phong trào công nhân Nga. Nhưng cụ thể là của phong trào công nhân nào? - *R. M.* hỏi lại như vậy - "*của phong trào bãi công ư? của các hội tương tế ư? của các tiểu tổ công nhân ư?*" (tr. 5, trong bài báo). Chúng tôi xin trả lời lại ông ta rằng: các người chỉ có thể nói đại diện cho mình, cho nhóm của mình, cho những tầng lớp dưới trong giai cấp vô sản tại một địa phương do nhóm các người đại diện mà thôi, các người không được nói thay cho

những công nhân Nga tiên tiến! Những đại biểu của các tầng lớp dưới trong giai cấp vô sản thường không biết rằng chỉ có đảng cách mạng mới có khả năng tiến hành được cuộc đấu tranh nhằm lật đổ chế độ chuyên chế. *R. M.* cũng không biết điều đó. Nhưng những người công nhân Nga tiên tiến đều biết. Những người đại biểu của các tầng lớp dưới trong giai cấp vô sản thường không biết rằng phong trào công nhân Nga không phải chỉ đấu tranh bãi công, không phải chỉ lập hội tương tế và tiểu tổ công nhân, họ không biết rằng phong trào công nhân Nga, từ lâu, đã muốn tự tổ chức thành một chính đảng cách mạng và đã chứng minh ý muốn đó bằng việc làm. Điều đó, *R. M.* cũng không biết nốt. Nhưng những công nhân Nga tiên tiến đều biết cả.

R. M. cố sức đem việc ông ta hoàn toàn không hiểu gì về chủ nghĩa dân chủ - xã hội ra để nói đó là một cách quan niệm đặc biệt của ông ta về "thực tại ở nước ta". Chúng ta hãy xét kỹ hơn ý kiến của ông ta về vấn đề đó.

R. M. viết: "Ở đây, chúng tôi không nói nhiều... về bản thân khái niệm chế độ chuyên chế, vì chúng tôi cho rằng mỗi người nói chuyện với chúng tôi đều hiểu một cách rất chính xác và rất rõ ràng về các điều đó". Chúng ta sẽ thấy ngay rằng về các điều đó, thì bản thân *R. M.* đã hiểu một cách hết sức không chính xác và hết sức không rõ ràng như thế nào; nhưng trước hết chúng ta hãy vạch ra một điểm khác nữa. Công nhân có phải là những kẻ nói chuyện với *R. M.* không? Hiển nhiên là có. Vậy thì trong trường hợp đó, do đâu mà họ có được khái niệm hết sức chính xác về chế độ chuyên chế? Rõ ràng là điều đó đòi hỏi phải có một sự tuyên truyền rộng rãi nhất và có hệ thống nhất về những tư tưởng tự do chính trị nói chung, cũng như phải có một sự cổ động gắn liền cái "khái niệm chính xác" (trong óc của công nhân) về chế độ chuyên chế, với mỗi biểu hiện riêng lẻ của sự hành hung của cảnh

sát và của sự áp bức của bọn quan lại. Đó là điều có lẽ đã rõ ràng rồi. Nhưng thế thì sự tuyên truyền và cổ động thuần túy có tính chất địa phương để chống lại chế độ chuyên chế, có thể đi đến kết quả không? phải chăng là muốn thế thì tuyệt đối cần phải *tổ chức* sự tuyên truyền và cổ động ấy thành một hoạt động chung có kế hoạch trên quy mô toàn nước Nga? nghĩa là thành sự hoạt động của một đảng duy nhất? Vậy thì tại sao trong số những nhiệm vụ trước mắt của phong trào công nhân Nga, R. M. lại không chỉ ra nhiệm vụ tổ chức sự tuyên truyền và cổ động có kế hoạch nhằm chống lại chế độ chuyên chế? Đó chỉ là vì ông ta hiểu một cách hết sức *không* chính xác và hết sức *không* rõ ràng về những nhiệm vụ của phong trào công nhân Nga và của đảng dân chủ - xã hội Nga.

Tiếp đó, R. M. giải thích rằng chế độ chuyên chế đại biểu cho một "lực lượng người" rất lớn (bọn quan lại được huấn luyện theo kiểu quân sự) và một "lực lượng kinh tế" rất lớn (lực lượng tài chính). Không cần phải nói đến những chỗ "không chính xác" trong sự giải thích của ông ta (và những chỗ "không chính xác" như vậy thì vô khối), chúng ta hãy bàn ngay đến điểm căn bản:

R. M. hỏi đảng dân chủ - xã hội Nga: "Vậy thì lật đổ lực lượng người ấy và nắm lấy lực lượng kinh tế ấy, phải chăng đó là điều mà lúc này người ta đang khuyên công nhân Nga tiến hành, coi đó là nhiệm vụ hàng đầu và cấp bách nhất của các tổ chức hiện nay (còn phôi thai) của họ? (đó là chưa nói gì đến những người cách mạng nói rằng nhiệm vụ đó phải do các tiểu tổ công nhân tiên tiến đảm nhiệm)".

Chúng tôi lấy làm ngạc nhiên và dụi mắt đọc đi đọc lại hai ba lần đoạn văn kỳ quái ấy. Chúng tôi lầm chăng? Không, đúng là chúng tôi không lầm! R. M. *thật sự không hiểu thế nào là lật đổ chế độ chuyên chế*. Đó là điều khó tin, nhưng đó là một sự thật. Và lại, sau khi R. M. đã

để lộ rõ sự lẫn lộn trong tư duy của ông ta thì người ta còn có thể coi điều đó là khó tin được nữa chăng?

R. M. lẫn lộn việc những người cách mạng giành lấy chính quyền với việc những người cách mạng lật đổ chế độ chuyên chế.

Những người cách mạng Nga trước kia (thuộc phái Dân ý) muốn dùng chính đảng cách mạng để giành lấy chính quyền. Họ nghĩ: một khi đã nắm được chính quyền, "đảng sẽ lật đổ lực lượng người" của chế độ chuyên chế, nghĩa là đảng sẽ bỏ nhiệm vụ những người của mình thay thế cho các quan lại, "nó sẽ chiếm lấy lực lượng kinh tế", nghĩa là chiếm lấy hết thảy mọi lực lượng tài chính của nhà nước, và nó sẽ tổ chức cuộc cách mạng xã hội. Những người Dân ý (cũ) muốn thật sự "lật đổ lực lượng người và chiếm lấy lực lượng kinh tế" của chế độ chuyên chế, nếu nói theo cách nói vụng về của R. M. Những người dân chủ - xã hội Nga đã cương quyết chống lại cái lý luận cách mạng ấy. Plê-kha-nốp đã thẳng tay phê phán lý luận đó trong các tác phẩm của mình: "Chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chính trị" (1883), và "Những sự bất đồng giữa chúng ta" (1885) và ông đã chỉ cho những người cách mạng Nga thấy rõ mục tiêu của họ là: thành lập một chính đảng công nhân cách mạng có mục đích trước mắt là lật đổ chế độ chuyên chế. Nhưng lật đổ chế độ chuyên chế là thế nào? Muốn cho R. M. hiểu được điều đó, trước hết cần trả lời câu hỏi: chế độ chuyên chế là gì? Chế độ chuyên chế (chế độ độc tài, chế độ quân chủ độc tài) là một chính thể, trong đó Nga hoàng nắm quyền lực tối cao một cách hoàn toàn và không chia sẻ với ai cả (không hạn chế). Nga hoàng ban bố luật pháp, bổ nhiệm quan lại, thu và chi công quỹ, *còn nhân dân thì chẳng được tham dự chút nào vào công việc lập pháp và vào việc giám sát công việc hành chính*. Vậy chế độ chuyên chế là sự chuyên quyền của bọn quan lại và của cảnh sát, là tình trạng nhân dân bị nô dịch.

Toàn thể nhân dân bị đau khổ vì tình trạng không có quyền như vậy, nhưng các giai cấp hữu sản (nhất là bọn địa chủ và bọn tư bản giàu có) thì lại có một ảnh hưởng rất mạnh đối với bọn quan lại. Còn bản thân giai cấp công nhân thì một cổ đôi lòng: vừa bị khổ sở vì tình trạng không có quyền hành gì cả, tình trạng mà toàn thể nhân dân Nga đều phải chịu, lại vừa bị khổ sở vì sự áp bức của bọn tư bản là bọn buộc chính phủ phải phục vụ lợi ích của chúng.

Vậy lật đổ chế độ chuyên chế là thế nào? Là buộc Nga hoàng phải thôi không được nắm quyền lực vô hạn nữa; là làm cho nhân dân được quyền lựa chọn những đại biểu của mình để ban bố các luật pháp, để giám sát sự hoạt động của viên chức, để giám sát việc thu và chi công quỹ. Chính thể trong đó nhân dân được tham dự vào việc lập pháp và vào việc quản lý nhà nước, chính thể đó gọi là chính thể *lập hiến* (hiến pháp = đạo luật về sự tham dự của đại biểu nhân dân và việc ban bố luật pháp và vào việc quản lý nhà nước). Như vậy, lật đổ chế độ chuyên chế có nghĩa là thay thế chính thể chuyên chế bằng chính thể lập hiến. Do đó, muốn lật đổ chế độ chuyên chế thì chẳng cần phải "lật đổ lực lượng người và nắm lấy lực lượng kinh tế"; điều cần làm là buộc chính phủ Nga hoàng phải từ bỏ quyền lực vô hạn của nó và triệu tập một hội nghị đại biểu các địa phương gồm các đại biểu của nhân dân để định ra một hiến pháp ("giành lấy một hiến pháp dân chủ" [có tính chất nhân dân, vì lợi ích của nhân dân], như đã nói trong dự thảo cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội Nga, mà nhóm "Giải phóng lao động" đã công bố năm 1885).

Tại sao lật đổ chế độ chuyên chế phải là nhiệm vụ hàng đầu của giai cấp công nhân Nga? Bởi vì dưới chế độ chuyên chế, giai cấp công nhân không thể phát triển rộng rãi cuộc đấu tranh của mình được, không thể giành được một vị trí vững chắc nào trong lĩnh vực kinh tế cũng như trong

lĩnh vực chính trị; nó không thể tạo ra những tổ chức quần chúng mạnh mẽ, không thể phát được ngọn cờ cách mạng xã hội trước tất cả quần chúng cần lao và dạy cho họ biết đấu tranh cho cuộc cách mạng ấy. Chỉ có trong một chế độ có tự do chính trị thì toàn bộ giai cấp công nhân mới có thể tiến hành được một cuộc đấu tranh kiên quyết chống lại giai cấp tư sản; và mục đích cuối cùng của cuộc đấu tranh ấy là giai cấp vô sản giành lấy chính quyền và tổ chức ra xã hội xã hội chủ nghĩa. Việc giai cấp vô sản có tổ chức và được rèn luyện lâu dài trong đấu tranh, giành được chính quyền, đó thực sự là việc "lật đổ lực lượng người và nắm lấy lực lượng kinh tế" của chính phủ tư sản. Nhưng việc giành chính quyền *như thế* thì chưa bao giờ được những người dân chủ - xã hội Nga quy định là nhiệm vụ trước mắt của công nhân Nga. Những người dân chủ - xã hội Nga bao giờ cũng nói rằng chỉ trong một chế độ có tự do chính trị và chỉ có trải qua một cuộc đấu tranh rộng lớn có tính chất quần chúng, thì giai cấp công nhân Nga mới có thể tạo ra được những tổ chức đảm bảo thắng lợi cuối cùng ấy của chủ nghĩa xã hội.

Nhưng giai cấp công nhân Nga có thể lật đổ chế độ chuyên chế bằng cách nào? Các bạn hãy xem các biên tập viên của tờ "Tư tưởng công nhân" chế giễu như thế nào ngay cả nhóm "Giải phóng lao động", là nhóm đã lập ra đảng dân chủ - xã hội Nga và đã từng tuyên bố trong cương lĩnh của mình rằng "cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế là một nhiệm vụ tất yếu của cả những tiểu tổ công nhân hiện nay đang là mầm mống của đảng công nhân Nga tương lai". Tờ "Tư tưởng công nhân" (xem số 7 của tờ báo ấy và bài báo mà chúng ta đương bàn ở đây) cho điều đó là buồn cười. Các tiểu tổ công nhân mà lại lật đổ được chế độ chuyên chế! Chúng tôi xin trả lời các biên tập viên của tờ "Tư tưởng công nhân" rằng: các anh chế giễu ai đấy? Các anh chế giễu bản thân các anh đấy! Các biên tập viên

của tờ "Tư tưởng công nhân" phàn nàn rằng cuộc luận chiến của những người dân chủ - xã hội Nga chống lại họ là *chẳng có chút tình đồng chí nào cả*. Chúng ta hãy để cho bạn đọc tự mình phán đoán xem bên nào đã tiến hành một cuộc luận chiến chẳng có chút tình đồng chí nào cả: bên những người dân chủ - xã hội già, là những người đã từng trình bày rõ ràng ý kiến của mình và nói rõ những ý kiến nào của "phái trẻ" là sai và tại sao họ coi những ý kiến ấy là sai; hay bên "phái" trẻ, là những người tuy *không nêu tên* những đối phương của mình, nhưng lại ngấm ngấm đả kích, khi thì đả kích "tác giả một quyển sách viết bằng tiếng Đức về Tséc-nư-sép-xki" (âm chỉ Plê-kha-nốp, hơn nữa lại lẫn lộn ông này với một số nhà văn hợp pháp nào đó, và như thế chẳng có một căn cứ nào cả), khi thì đả kích nhóm "Giải phóng lao động", bằng cách dẫn ra, *một cách xuyên tạc*, những đoạn trích trong cương lĩnh của nhóm đó, nhưng họ lại tránh không đưa ra một bản cương lĩnh nào khác, dù chỉ hơi rõ ràng đôi chút, để đối lập với bản cương lĩnh đó. Đúng thế, chúng tôi thừa nhận là phải có bốn phạm đồng chí đối với nhau, phải có bốn phạm ủng hộ tất cả các đồng chí, có bốn phạm khoan dung đối với ý kiến của đồng chí, *nhưng đối với chúng tôi, thì bốn phạm đồng chí đối với nhau là do bốn phạm đối với phong trào dân chủ - xã hội Nga và phong trào dân chủ - xã hội quốc tế mà ra, chứ không phải là ngược lại*. Nếu chúng tôi thừa nhận bốn phạm đồng chí đối với tờ "Tư tưởng công nhân", thì không phải vì các biên tập viên của nó là đồng chí của chúng tôi; chúng tôi coi các biên tập viên của tờ báo đó là đồng chí của chúng tôi chỉ vì và trong chừng mực họ chiến đấu trong hàng ngũ của phong trào dân chủ - xã hội Nga (và như vậy tức của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế). Và bởi vậy, khi chúng tôi thấy rõ là có "những đồng chí" đã thụt lùi so với cương lĩnh dân chủ - xã hội, có "những đồng chí" thu hẹp và xuyên tạc các nhiệm vụ của phong

trào công nhân, thì chúng tôi cho rằng chúng tôi có *bốn phạm* phải nói lên ý kiến của mình một cách thật rõ ràng và chẳng chút nào giấu giếm cả!

Chúng tôi vừa nói rằng các biên tập viên của tờ "Tư tưởng công nhân" xuyên tạc những ý kiến của nhóm "Giải phóng lao động". Bạn đọc hãy tự mình phán xét lấy. R. M. viết: "Chúng tôi sẵn sàng không hiểu được một số đồng chí chúng ta, những đồng chí cho rằng cương lĩnh "giải phóng lao động" của họ chỉ đơn thuần là một lời giải đáp cho vấn đề: "lấy đâu ra lực lượng để đấu tranh chống lại chế độ chuyên chế?" (ở chỗ khác lại viết: "những nhà cách mạng của chúng ta coi phong trào công nhân là một phương tiện tốt nhất để lật đổ chế độ chuyên chế"). Các bạn hãy mở xem dự thảo cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội Nga mà nhóm "Giải phóng lao động" đã công bố năm 1885 và P. B. Ác-xen-rốt đã cho in lại trong cuốn sách nhỏ của mình "Bàn về những nhiệm vụ hiện nay và sách lược của những người dân chủ - xã hội Nga" (Giơ-ne-vơ, 1898), thì bạn sẽ thấy rằng *nội dung cơ bản* của cương lĩnh là: giải phóng hoàn toàn lao động khỏi ách áp bức của tư bản, xã hội hóa hết thảy mọi tư liệu sản xuất, giai cấp công nhân nắm lấy chính quyền, thành lập một đảng *công nhân* cách mạng. Rõ ràng là R. M. xuyên tạc cương lĩnh ấy, ông ta *không muốn* hiểu nó. Ông ta bám vào câu của P. B. Ác-xen-rốt ở đầu cuốn sách nhỏ, nói rằng cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động" là "một lời giải đáp" cho vấn đề: lấy đâu ra lực lượng để đấu tranh chống lại chế độ chuyên chế? Nhưng có một *sự thật lịch sử* là cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động" cũng là một lời giải đáp cho vấn đề đó do những người cách mạng Nga và đồng thời cũng là do toàn bộ phong trào cách mạng Nga đề ra. Và nếu cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động" đã trả lời cho vấn đề đó thì như thế phải chăng là, đối với nhóm ấy, phong trào công nhân chỉ là một phương tiện

mà thôi ư? "*Sự không hiểu*" đó của R. M. hoàn toàn chỉ chứng tỏ rằng ông ta không biết những sự thật, mà mọi người đều biết, về hoạt động của nhóm "Giải phóng lao động".

Chúng ta bàn tiếp. "Việc lật đổ chế độ chuyên chế" đó có thể trở thành nhiệm vụ của các tiểu tổ công nhân như thế nào? Đó là điều mà R. M. không hiểu. Các bạn hãy xem cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động"; cương lĩnh đó viết: "Đối với những người dân chủ - xã hội Nga, phương tiện chủ yếu của cuộc đấu tranh chính trị của những tiểu tổ công nhân nhằm chống chế độ chuyên chế, là công tác cổ động trong hàng ngũ giai cấp công nhân, tiếp tục phổ biến trong giai cấp đó tư tưởng xã hội chủ nghĩa, và là sự tăng thêm những tổ chức cách mạng. Các tổ chức đó, gắn chặt với nhau thành một chính thể cân đối và không tự hạn chế ở những cuộc xung đột cục bộ với chính phủ, sẽ nắm lấy thời cơ thuận lợi để mở cuộc tổng tấn công có tính chất quyết định vào chính phủ". Sách lược đó, chính là sách lược của các tổ chức ở Nga đã lập ra "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga" vào mùa xuân 1898. Và các tổ chức đó đã chứng minh rằng những tổ chức kiểu ấy là một lực lượng chính trị quan trọng ở Nga. Nếu các tổ chức đó hợp thành một chính đảng duy nhất và tiến hành một sự cổ động rộng lớn chống chính phủ chuyên chế, bằng cách sử dụng hết thảy mọi phần tử của phe đối lập thuộc phái tự do để đạt mục đích ấy, thì việc giành tự do chính trị chắc chắn sẽ là một nhiệm vụ có thể thực hiện được đối với một chính đảng như thế. Nếu các biên tập viên của tờ "Tư tưởng công nhân" "sẵn sàng không hiểu được" điều đó, thì về phần chúng tôi, chúng tôi cũng "sẵn sàng" khuyên họ như thế này: thưa các ngài, các ngài hãy học tập đi, bởi vì những điều đó, tự bản thân chúng, chẳng có gì là khó hiểu cả.

Nhưng chúng ta hãy trở lại nói về R. M., mà chúng ta đã bỏ qua không bàn tới khi ông ta nghị luận về cuộc đấu tranh

chống chế độ chuyên chế. Quan điểm cá nhân của ông ta về vấn đề đó minh họa một cách rõ rệt hơn nữa cái xu hướng mới, thụ lùi, của tờ "Tư tưởng công nhân"

R. M. viết: "Dĩ nhiên là chế độ chuyên chế sẽ tận số. Đối với hết thảy mọi phần tử đầy sức sống trong xã hội, thì đấu tranh chống chế độ chuyên chế là một trong những điều kiện để cho họ phát triển lành mạnh". Bạn đọc sẽ tự hỏi: do đó mà có lẽ cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế cũng là một điều tất yếu đối với giai cấp công nhân chăng? Không, hãy khoan một chút. R. M. có một thứ lô-gích và thuật ngữ riêng của ông ta. Với chữ đấu tranh, mà ông ta dùng có kèm thêm chữ "xã hội" (đấu tranh), ông ta muốn nói một cái gì hoàn toàn đặc biệt kia. Sau khi miêu tả *sự đối lập hợp pháp* của nhiều tầng lớp dân cư Nga đối với chính phủ, R. M. kết luận: "Trên thực tế, cuộc đấu tranh giành quyền tự trị hành chính cho các hội đồng địa phương và cho các đô thị, cuộc đấu tranh cho trường học xã hội, cuộc đấu tranh để cho những người đói được hưởng cứu tế xã hội, v. v. đó cũng là một cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế". "Cuộc đấu tranh xã hội chống chế độ chuyên chế của bọn quan lại, hiển nhiên là một cuộc đấu tranh cần thiết đối với hết thảy mọi tầng lớp và hết thảy mọi đoàn thể giác ngộ và tiến bộ trong nhân dân. Hơn thế nữa, cuộc đấu tranh xã hội ấy, - mà nhiều nhà văn cách mạng Nga, do một sự hiểu lầm kỳ lạ không hề quan tâm đến một cách có thiện ý, - như chúng ta đã thấy, đã được xã hội Nga tiến hành, và cuộc đấu tranh đó không phải mới bắt đầu từ hôm qua". "Vấn đề thực sự hiện nay là ở chỗ xét xem các tầng lớp xã hội khác nhau ấy cần phải... tiến hành như thế nào cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế ấy" (các bạn chú ý cho điều đó!) "một cách có hiệu quả nhất... và điều chủ yếu đối với chúng ta là xét xem những công nhân nước ta phải tiến hành cuộc đấu tranh xã hội ấy (!) chống chế độ chuyên chế như thế nào...".

Những điều suy luận đó của R. M., một lần nữa, lại đầy rẫy vô số những điều mơ hồ và sai lầm.

Một là, R. M. lầm lẫn sự *đối lập hợp pháp* với đấu tranh chống chế độ chuyên chế, với đấu tranh nhằm lật đổ chế độ ấy. Sự lầm lẫn đó - không thể tha thứ được đối với một người xã hội chủ nghĩa - ông ta đã mắc phải trong khi dùng câu "đấu tranh chống chế độ chuyên chế" mà không giải thích rõ câu đó; bởi vì câu ấy có thể có nghĩa (trong những điều kiện nhất định) là đấu tranh *chống lại* chế độ chuyên chế, nhưng cũng có thể có nghĩa là đấu tranh chống những biện pháp chuyên chế nào đó trong khuôn khổ của chính chế độ chuyên chế ấy.

Hai là, trong khi coi sự đối lập hợp pháp là đấu tranh xã hội chống chế độ chuyên chế và quả quyết rằng công nhân nước ta phải tiến hành "cuộc đấu tranh xã hội ấy", R. M. đã lầm lạc đến mức chủ trương rằng công nhân nước ta không được tiến hành đấu tranh cách mạng chống chế độ chuyên chế, mà phải tiến hành hoạt động đối lập hợp pháp để chống chế độ ấy, nghĩa là ông ta đã hạ thấp một cách quá đáng chủ nghĩa dân chủ - xã hội mà ông ta lẫn lộn với thứ chủ nghĩa tự do tầm thường nhất và nghèo nàn nhất ở nước Nga.

Ba là, R. M. nêu lên một điều *hiển nhiên trái với sự thật* về các tác giả dân chủ - xã hội ở Nga - [đã đành là "hoàn toàn với tinh đồng chí", ông ta thích đưa ra những lời chê trách mà không chỉ đích danh một ai cả. Nhưng nếu ông ta không nhằm vào những người dân chủ - xã hội, thì lời nói của ông ta chẳng có nghĩa gì] - trong khi cho rằng dường như họ không quan tâm đến sự đối lập hợp pháp. Ngược hẳn lại, nhóm "Giải phóng lao động", và nói riêng là P. B. Ác-xen-rốt, bản "Tuyên ngôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga", cuốn sách nhỏ "Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga" (do "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga" xuất bản và được Ác-xen-rốt coi là một tập *biên luận* về bản "Tuyên ngôn" nói trên) - tất cả đều không những

quan tâm đến sự đối lập hợp pháp mà còn làm sáng tỏ một cách hoàn toàn chính xác những mối quan hệ giữa sự đối lập hợp pháp và chủ nghĩa dân chủ - xã hội.

Chúng ta hãy bàn thêm cho rõ tất cả những điều đó. Các hội đồng địa phương ở nước ta, các đoàn thể thuộc phái tự do nói chung, và báo chí của phái tự do, tiến hành loại "đấu tranh" nào "chống chế độ chuyên chế"? Họ có tiến hành một cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế, nhằm lật đổ chế độ chuyên chế không? *Không, cuộc đấu tranh ấy, họ chưa từng bao giờ tiến hành và hiện không tiến hành.* Chỉ có những người cách mạng mới tiến hành cuộc đấu tranh đó, những người đó đôi khi cũng xuất thân từ tầng lớp theo chủ nghĩa tự do và dựa vào sự đồng tình của tầng lớp ấy. Nhưng tiến hành đấu tranh cách mạng hoàn toàn không phải là đồng tình với những người cách mạng và ủng hộ họ; đấu tranh chống chế độ chuyên chế và đối lập hợp pháp chống chế độ chuyên chế hoàn toàn không phải là một. Những người Nga thuộc phái tự do chỉ biểu lộ sự bất mãn của họ đối với chế độ chuyên chế, dưới hình thức được chính chế độ ấy *cho phép*, nói cách khác là dưới một hình thức mà chế độ chuyên chế coi như vô hại đối với nó. Biểu hiện quan trọng nhất của sự đối lập của phái tự do chỉ là ở *những đơn thỉnh nguyện* mà phái tự do đệ lên chính phủ Nga hoàng nhằm xin cho nhân dân hưởng quyền tham gia quản lý nhà nước. Và lần nào cũng vậy, phái tự do đều nhẫn nại chịu đựng sự cự tuyệt tàn nhẫn kiểu cảnh sát đối với những đơn thỉnh nguyện của họ; họ chịu những sự truy bức vừa dã man vừa phi pháp mà chính phủ cách sát ban thưởng cho ngay cả những mưu toan nhằm tỏ bày ý kiến một cách hợp pháp. Đơn thuần cho rằng sự đối lập của phái tự do là một cuộc đấu tranh xã hội chống chế độ chuyên chế, như thế chỉ là *xuyên tạc* sự thực, bởi vì phái tự do ở Nga *chưa hề* bao giờ tổ chức ra một chính đảng cách mạng nhằm

mục đích đấu tranh lật đổ chế độ chuyên chế, mặc dầu trước kia cũng như hiện nay, họ luôn luôn có thể tìm ra được những phương tiện vật chất và những đại biểu ở nước ngoài của chủ nghĩa tự do Nga, để làm việc đó. Thế mà không những R. M. trình bày sự việc một cách xuyên tạc, ông ta lại còn ngoặc vào đấy cái tên của nhà xã hội chủ nghĩa Nga vĩ đại, N. G. Tséc-nư-sép-xki. R. M. viết: "Trong cuộc đấu tranh ấy, bạn đồng minh của công nhân là hết thảy những tầng lớp tiên tiến trong xã hội Nga, những tầng lớp này bảo vệ lợi ích xã hội của họ và những tổ chức của họ, họ hiểu rõ đâu là lợi ích chung của họ, "họ không bao giờ quên" (ở đây R. M. trích lời của Tséc-nư-sép-xki) tất cả "sự khác nhau giữa một cái cách do chính phủ tự ý quyết định mà có, với một cái cách do *một yêu sách chính thức của xã hội* mà có". Nếu đem nhận xét đó áp dụng cho tất cả những đại biểu của "cuộc đấu tranh xã hội" - cuộc đấu tranh theo như R. M. đã hiểu, nghĩa là cho tất cả những người thuộc phái tự do ở Nga - như thế là *hoàn toàn xuyên tạc* mà thôi. Những người thuộc phái tự do ở Nga không bao giờ đưa cho chính phủ những yêu sách chính thức, và chính vì lý do đó mà họ chưa bao giờ có và hiện nay cũng không thể nào có được một vai trò cách mạng *độc lập*. Bạn đồng minh của giai cấp công nhân và của đảng dân chủ - xã hội không thể là "hết thảy những tầng lớp tiên tiến trong xã hội" được, mà chỉ có thể là những chính đảng cách mạng do những thành viên của xã hội đó lập ra mà thôi. Còn những người thuộc phái tự do, nói chung họ chỉ có thể và phải là *một trong những nguồn* cung cấp lực lượng và phương tiện phụ thêm cho đảng công nhân cách mạng (như P. B. Ác-xen-rốt đã nêu rất rõ trong cuốn sách nhỏ nói trên). Và nếu N. G. Tséc-nư-sép-xki đã thẳng tay chế giễu "những tầng lớp tiên tiến trong xã hội Nga", đó chính là vì các tầng lớp ấy không hiểu được sự cần thiết phải đưa cho chính phủ những yêu

sách chính thức và vì họ bàng quan đứng nhìn những người cách mạng - xuất thân chính từ trong giới họ - bị chính phủ chuyên chế sát hại. Ở đây, cái cách mà R. M. trích dẫn Tséc-nư-sép-xki, cũng vô nghĩa chẳng khác gì những mẫu trích dẫn cùng một tác giả đó, những mẫu mà người ta đã nhét bừa vào bài thứ hai của tờ "Phụ trương đặc biệt", để chứng minh rằng Tséc-nư-sép-xki dường như không phải là một người ảo tưởng, và những người dân chủ - xã hội Nga có lẽ đã không đánh giá đúng mức "nhà xã hội chủ nghĩa Nga vĩ đại". Trong cuốn sách viết về Tséc-nư-sép-xki (các bài trong văn tập "Người dân chủ - xã hội"¹⁰⁵, in thành tập riêng, bằng tiếng Đức), Plê-kha-nốp đã đánh giá hoàn toàn rõ ràng về vai trò của Tséc-nư-sép-xki và đã xác định quan hệ của ông này đối với học thuyết của Mác và Ăng-ghe-n. Còn ban biên tập của tờ "Tư tưởng công nhân" thì chỉ tỏ ra bất lực, không thể đánh giá được rành mạch và toàn diện đôi chút về Tséc-nư-sép-xki, về ưu điểm và nhược điểm của ông ta.

"Vấn đề thực sự hiện nay" đặt ra cho đảng dân chủ - xã hội Nga hoàn toàn không phải là xét xem những người thuộc phái tự do phải tiến hành như thế nào "cuộc đấu tranh xã hội" (như người ta đã thấy, R. M. hiểu cuộc đấu tranh đó là sự đối lập hợp pháp), mà là xét xem phải tổ chức như thế nào một đảng công nhân cách mạng, một đảng sẽ đấu tranh để lật đổ chế độ chuyên chế và sẽ có khả năng dựa vào *hết thảy mọi* phần tử đối lập ở Nga, *lợi dụng* được hết thảy mọi biểu hiện đối lập, để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng của mình. Để làm việc đó, chính là phải có một đảng công nhân cách mạng, vì ở Nga, chỉ có giai cấp công nhân là có thể đấu tranh kiên quyết và triệt để cho nền dân chủ; vì nếu không có sự tác động kiên quyết của một đảng như thế, thì các phần tử thuộc phái tự do "có thể vẫn cứ ở nguyên cái trạng thái trì trệ, uể oải và nửa mê nửa tỉnh" (P. B. Ác-xen-rốt, sách nhỏ đã dẫn, tr. 23). Khi

R. M. nói rằng "các tầng lớp tiên tiến nhất" ở nước ta tiến hành một "cuộc đấu tranh xã hội thực sự (!) chống chế độ chuyên chế" (tr. 12, trong bài báo của *R. M.*) và khi ông nói rằng "điều chủ yếu đối với chúng ta là xét xem công nhân nước ta phải tiến hành như thế nào *cuộc đấu tranh xã hội* ấy chống lại chế độ chuyên chế", khi *M.* nói như thế thì trên thực tế, ông ta đã hoàn toàn xa rời đảng dân chủ - xã hội rồi. Chúng tôi chỉ có thể khẩn thiết khuyên các biên tập viên của tờ "Tư tưởng công nhân" là nên suy nghĩ kỹ xem họ muốn đi đâu và chỗ đứng thực sự của họ là ở đâu: đứng ở trong số những người cách mạng đang mang lá cờ cách mạng xã hội vào trong các giai cấp cần lao mà những người cách mạng đó muốn tổ chức thành một chính đảng cách mạng, hay đứng trong số những người thuộc phái tự do đang tiến hành "cuộc đấu tranh xã hội" (nghĩa là tiến hành sự đối lập hợp pháp) của họ. Vì rằng lý luận về "tính chủ động xã hội" của công nhân, về "sự tương trợ xã hội" và về các phường hội đang "tạm thời" chỉ đấu tranh đòi ngày làm việc 10 giờ, lý luận về "cuộc đấu tranh xã hội" của các hội đồng địa phương, và của các đoàn thể thuộc phái tự do, v. v., chống chế độ chuyên chế, - lý luận ấy thật chẳng có mảy may gì là xã hội chủ nghĩa cả, không có cái gì mà những người thuộc phái tự do đã không chấp nhận! Thực ra, toàn bộ cương lĩnh của tờ "Tư tưởng công nhân" (nếu người ta có thể gọi đó là một cương lĩnh) là nhằm để cho công nhân Nga chịu cảnh không phát triển và phân tán, và làm cho họ *phải đi theo đuôi những người thuộc phái tự do!*

R. M. đã nói một số câu đặc biệt kỳ quái. Ông ta tuyên bố: "Tất cả sự không may là ở chỗ các nhà trí thức cách mạng ở nước ta - bị bọn cảnh sát chính trị truy nã một cách tàn nhẫn - đã lẫn lộn cuộc đấu tranh chống bọn cảnh sát chính trị đó với cuộc đấu tranh chính trị chống chế độ chuyên chế". Lời tuyên bố ấy có thể có ý nghĩa gì?

Sở dĩ gọi là cảnh sát chính trị, là vì nó bức hại những ai thù địch với chế độ chuyên chế và chống lại chế độ đó. Chính vì lẽ ấy mà tờ "Tư tưởng công nhân", khi nó chưa chuyển hóa theo phái tự do, thì nó cũng đấu tranh chống lại cảnh sát chính trị, như tất cả những người cách mạng và những người xã hội chủ nghĩa Nga và tất cả những người công nhân giác ngộ. Từ những việc như: cảnh sát chính trị hãm hại tàn nhẫn những người xã hội chủ nghĩa và công nhân, chế độ chuyên chế có "một tổ chức hoàn chỉnh", có "những chính khách tài giỏi và khôn khéo" (tr. 7, trong bài báo của *R. M.*), người ta chỉ có thể rút ra hai kết luận: anh chàng theo chủ nghĩa tự do, hèn nhát và đầu óc chật hẹp, thì kết luận rằng nhân dân ta nói chung và công nhân nói riêng chưa được chuẩn bị đầy đủ để đấu tranh, và chúng ta phải đặt hết thảy mọi hy vọng của chúng ta vào "cuộc đấu tranh" của các hội đồng địa phương, của báo chí của phái tự do, v. v., vì đó là "cuộc đấu tranh thực sự chống chế độ chuyên chế", chứ không phải chỉ là một cuộc đấu tranh chống cảnh sát chính trị. Người xã hội chủ nghĩa và mọi công nhân giác ngộ thì kết luận rằng cả đảng công nhân nữa cũng phải hết sức tìm cách lập ra "một tổ chức hoàn chỉnh", đào tạo từ trong hàng ngũ những công nhân tiên tiến và những người xã hội chủ nghĩa, "những nhà hoạt động cách mạng tài giỏi và khôn khéo" đủ sức đưa đảng công nhân lên trình độ chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho dân chủ và tập hợp được chung quanh đảng đó hết thảy mọi phần tử đối lập.

Các biên tập viên của tờ "Tư tưởng công nhân" không biết rằng họ đang ở trên một cái dốc làm cho họ lăn tuột vào cái kết luận thứ nhất!

Hoặc *R. M.* lại còn viết: "Điều làm cho chúng tôi ngạc nhiên trong các cương lĩnh ấy" (nghĩa là trong các cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội), "là bao giờ họ cũng đặt sự ưu việt của hoạt động của công nhân ở nghị viện

(mà ở nước ta không có) lên hàng đầu, mà không hề đếm xỉa gì... đến ý nghĩa quan trọng của sự tham gia của công nhân" vào các hội nghị lập pháp của chủ xưởng, vào các cơ quan giải quyết các công việc của xưởng, vào các cơ quan tự quản công cộng ở thành thị (tr. 15). Nếu người ta không đặt lên hàng đầu tính ưu việt của nghị viện, thì công nhân học ở đâu mà hiểu được các quyền lợi chính trị và hiểu được tự do chính trị? Làm sao không nói đến các vấn đề ấy, như từ "Tư tưởng công nhân" đã làm, như thế phải chăng là giữ mãi các tầng lớp công nhân bên dưới trong tình trạng dốt nát về chính trị? Còn về sự tham gia của công nhân vào cơ quan tự quản công cộng ở thành thị, thì không bao giờ và không ở đâu có một người dân chủ - xã hội nào lại phủ nhận lợi ích và ý nghĩa của việc công nhân *xã hội chủ nghĩa* tham gia vào cơ quan đó cả; nhưng thật là nực cười nếu người ta nói đến chuyện đó ở Nga, nơi mà chủ nghĩa xã hội chẳng có chút khả năng nào để biểu lộ ra một cách công khai cả, nơi mà sự ham say của công nhân đối với việc tự quản thành thị (ngay cả khi có thể có được như thế chẳng nữa) thực tế sẽ làm cho những người công nhân tiên tiến từ bỏ sự nghiệp công nhân xã hội chủ nghĩa mà hướng về phái tự do.

R. M. nói: "Thái độ của các tầng lớp công nhân tiên tiến đối với một chính phủ như thế (chuyên chế)... là điều dễ hiểu, cũng như thái độ của công nhân đối với chủ xưởng vậy". Nếu người ta hiểu câu đó theo lối hiểu thông thường, thì như vậy là các tầng lớp công nhân tiên tiến cũng là những người dân chủ - xã hội không kém phần giác ngộ so với những người xã hội chủ nghĩa xuất thân từ các giới trí thức, cho nên cố gắng của từ "Tư tưởng công nhân" nhằm làm cho họ tách rời nhau, đều là kỳ quặc và có hại. Vậy là giai cấp công nhân Nga đã tự mình tạo ra và cung cấp được những yếu tố cần thiết cho việc thành lập một chính đảng công nhân độc lập. Nhưng, do chỗ các tầng

lớp công nhân tiên tiến là những người giác ngộ về chính trị, nên các biên tập viên tờ "Tư tưởng công nhân" rút ra kết luận... là phải làm cho những công nhân tiên tiến ấy đi thụt lùi để rồi dẫm chân tại chỗ! R. M. hỏi: "Chúng ta mong mỗi công nhân tiến hành cuộc đấu tranh nào?", rồi ông ta đáp: đó là cuộc đấu tranh có thể tiến hành được, và cuộc đấu tranh có thể tiến hành được đó là cuộc đấu tranh mà công nhân "hiện giờ" đang "tiến hành"!!! Khó mà nói lên một cách rõ rệt hơn về cái thứ chủ nghĩa cơ hội vô lý và vô nguyên tắc đã tiêm nhiễm vào các biên tập viên tờ "Tư tưởng công nhân" là những kẻ mê say cái "chủ nghĩa Béc-stanh" đang thịnh hành! Cái đáng mong là cái có thể có được và cái có thể có được là cái hiện giờ đang có! Như thế chẳng khác gì khi một người sắp sửa ra đi một chuyến lâu dài và khó khăn, có rất nhiều trở lực và vô số kẻ thù đang chờ đợi, lúc đó anh ta hỏi là nên đi đâu, thì có người trả lời: nên đi đến nơi nào có thể đi được, và nơi có thể đến được, đó là nơi mà anh hiện giờ đang đi tới! Như vậy hoàn toàn chỉ là chủ nghĩa hư vô, nhưng không phải là thứ chủ nghĩa hư vô cách mạng, mà là chủ nghĩa hư vô cơ hội chủ nghĩa, thứ chủ nghĩa hư vô hoặc là của bọn vô chính phủ, hoặc là của bọn tư sản phái tự do mà thôi! Trong khi "kêu gọi" công nhân Nga tiến hành cuộc đấu tranh "cục bộ" và "chính trị" (mà đấu tranh chính trị, theo R. M. hiểu, không phải là đấu tranh chống chế độ chuyên chế, mà chỉ là "đấu tranh để cải thiện tình cảnh của hết thảy mọi người công nhân"), R. M. công khai kêu gọi phong trào công nhân Nga và phong trào dân chủ - xã hội Nga *đi thụt lùi*; nói tóm lại, ông ta kêu gọi công nhân xa rời những người dân chủ - xã hội và thực chất là vứt bỏ toàn bộ kết quả kinh nghiệm của châu Âu và của nước Nga! Nếu vấn đề là đấu tranh để cải thiện tình cảnh của mình, và chỉ đấu tranh trong khuôn khổ đó thôi, thì hà tất công nhân phải cần đến những người xã hội chủ nghĩa.

Trong tất cả các nước đều có những người công nhân đấu tranh để cải thiện tình cảnh của họ, mà hoàn toàn chẳng biết gì đến chủ nghĩa xã hội, hay thậm chí còn đối địch cả với chủ nghĩa xã hội nữa.

R. M. viết: "Để kết luận, cần nói vài câu về quan niệm của chúng tôi về chủ nghĩa xã hội công nhân". Sau những điều vừa trình bày, thì bạn đọc cũng dễ thấy được "quan niệm" ấy là như thế nào rồi. Đó hoàn toàn chỉ là sao chép lại cuốn sách "đang thịnh hành" của Béc-stanh! Các nhà dân chủ - xã hội "phái trẻ" ở nước ta đem "tính chủ động xã hội và chính trị của công nhân" mà thay thế cho đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản. Nếu chúng ta nhớ đến cách của R. M. hiểu thế nào là "đấu tranh xã hội" và thế nào là "chính trị", thì rõ ràng đó chỉ hoàn toàn là quay về với cái "công thức" của một số tác giả hợp pháp Nga mà thôi. Đáng lẽ nêu rõ mục đích (và thực chất) của chủ nghĩa xã hội: chuyển ruộng đất, công xưởng và, nói chung, hết thảy mọi tư liệu sản xuất vào tay toàn xã hội và thay thế nền sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng một nền sản xuất tiến hành theo một kế hoạch chung, nhằm phục vụ lợi ích của hết thảy mọi thành viên trong xã hội, đáng lẽ làm như thế, thì R. M. lại nhấn mạnh trước tiên đến sự phát triển của các phường hội và các hợp tác xã tiêu dùng và chỉ nhân đó mà nói phớt qua rằng chủ nghĩa xã hội dẫn đến sự xã hội hóa hết thảy mọi tư liệu sản xuất. Ngược lại, ông ta cho in bằng chữ rất đậm rằng "chủ nghĩa xã hội chỉ là bước phát triển tiếp theo, ở một mức độ cao hơn, của xã hội hiện đại", câu này mượn của Béc-stanh, nó tuyệt nhiên chẳng làm sáng tỏ mà trái lại còn làm mờ ý nghĩa và tầm quan trọng của chủ nghĩa xã hội. Tất cả phái tự do và tất cả bọn tư sản chắc chắn là tán thành "sự phát triển của xã hội hiện đại", thành thử tất cả bọn đó đều lấy làm vui sướng về lời tuyên bố của R.M.. Tuy nhiên, bọn tư sản là *kẻ thù* của chủ nghĩa xã hội. Chính vì trong "xã

hội hiện đại", có nhiều mặt khác nhau; và trong số những người dùng câu nói chung chung đó, thì có người nghĩ đến mặt này, có người lại nghĩ đến mặt khác. Bởi vậy, đáng lẽ phải làm cho công nhân hiểu rõ khái niệm về đấu tranh giai cấp và về chủ nghĩa xã hội, thì R. M. lại chỉ nêu lên những câu lơ mơ làm cho người đọc lăm lặc! Cuối cùng, đáng lẽ vạch ra biện pháp do chủ nghĩa xã hội hiện đại đề ra để thực hiện chủ nghĩa xã hội - tức là việc giai cấp vô sản có tổ chức giành lấy chính quyền - thì R. M. lại chỉ nói đến việc đặt nền sản xuất dưới sự quản lý xã hội của họ (của công nhân), hay dưới quyền quản lý của một chính quyền xã hội dân chủ hóa, dân chủ hóa "do sự tham gia tích cực của họ (của công nhân) vào các cơ quan có trách nhiệm phán xét đủ mọi loại công việc có liên quan đến các công xưởng và nhà máy, vào các tòa án hòa giải, vào các hội đồng, các ủy ban và các cuộc hội nghị có nhiệm vụ thảo ra luật lao động; do sự tham gia của công nhân vào công việc quản lý công cộng và, cuối cùng, tham gia vào cơ quan đại biểu toàn quốc". Như vậy là các biên tập viên tờ "Tur tướng công nhân" cho rằng chủ nghĩa xã hội công nhân duy nhất xứng đáng với cái tên đó, chính là chủ nghĩa xã hội có thể thực hiện được bằng con đường *hòa bình*, còn con đường cách mạng thì đã bị loại bỏ. Thu hẹp chủ nghĩa xã hội lại như vậy và biến nó thành một chủ nghĩa tự do tư sản tầm thường, như thế là, một lần nữa, lại lùi một bước xa so với quan niệm của hết thảy mọi người dân chủ - xã hội Nga và của tuyệt đại đa số, tối đại đa số những người dân chủ - xã hội châu Âu. Đương nhiên, giai cấp công nhân mong muốn giành lấy chính quyền bằng những biện pháp *hòa bình* (trên kia chúng tôi đã nói rằng, chỉ có một giai cấp công nhân có tổ chức và đã từng được cuộc đấu tranh giai cấp rèn luyện, mới có thể thực hiện được việc giành chính quyền đó); nhưng, nếu giai cấp vô sản *từ chối* việc giành lấy

chính quyền bằng con đường cách mạng, thì thật là *điên rồ*, xét cả về phương diện lý luận, lẫn về phương diện chính trị và thực tiễn, và như thế sẽ chỉ là nhượng bộ giai cấp tư sản và hết thấy mọi giai cấp hữu sản một cách nhục nhã thôi. Rất có thể - thậm chí đây cũng là giả thiết chắc chắn nhất - giai cấp tư sản sẽ không muốn nhượng bộ giai cấp vô sản một cách hòa bình, và rất có thể là vào lúc quyết định, giai cấp tư sản sẽ dùng bạo lực để bảo vệ đặc quyền đặc lợi của nó. Lúc đó, để đạt mục đích của mình, giai cấp công nhân chẳng còn có cách nào khác hơn là tiến hành cách mạng. Đó là lý do tại sao cương lĩnh của "chủ nghĩa xã hội công nhân" nói một cách chung chung đến việc đoạt lấy chính quyền, mà *không vạch rõ* biện pháp để đoạt lấy chính quyền, vì việc lựa chọn biện pháp ấy phụ thuộc vào một tương lai mà chúng ta không thể xác định một cách chính xác được. Nhưng, trong bất cứ trường hợp nào, nếu cứ bó hẹp hành động của giai cấp vô sản vào việc "dân chủ hóa" một cách hòa bình thì, chúng tôi xin nhắc lại, như thế là thu hẹp và tầm thường hóa một cách hoàn toàn tùy tiện khái niệm chủ nghĩa xã hội công nhân.

Chúng tôi sẽ không phân tích cũng tỉ mỉ như thế các bài khác trong tờ "Phụ trương đặc biệt". Trên kia là nói đến bài báo kỷ niệm năm thứ mười ngày tạ thế của Tsec-nư-sép-xki. Còn về việc các biên tập viên tờ "Tư tưởng công nhân" tuyên truyền chủ nghĩa Béc-stanh, cái chủ nghĩa mà trên toàn thế giới, hết thấy mọi kẻ thù của chủ nghĩa xã hội nói chung và phái tự do tư sản nói riêng, đều bám riết lấy, còn tuyệt đại đa số những người dân chủ - xã hội Đức và những công nhân Đức giác ngộ đều cương quyết phản đối (tại Đại hội Han-nô-vơ), - còn về chủ nghĩa Béc-stanh đó, thì nay không phải là lúc nói đến một cách tỉ mỉ. Điều làm cho chúng ta quan tâm ở đây, là cái chủ nghĩa Béc-stanh *Nga*, và chúng tôi đã vạch ra rằng chủ nghĩa

Béc-stanh "ở nước ta" hết sức mơ hồ về tư tưởng, nó hoàn toàn thiếu những quan điểm độc lập, nó thụ lùi rõ ràng so với tư tưởng của đảng dân chủ - xã hội Nga. Về chủ nghĩa Béc-stanh Đức, thì chúng ta hãy nhường lời cho chính những người Đức. Chúng ta chỉ cần nói thêm rằng chủ nghĩa Béc-stanh Nga, so với chủ nghĩa Béc-stanh Đức, thì còn kém xa. Mặc dầu Béc-stanh có tất cả những sai lầm và mặc dầu về phương diện lý luận cũng như về phương diện chính trị, ông ta có cái xu hướng rõ rệt là đi thụ lùi, nhưng Béc-stanh đã không tự mình đưa ra một lý thuyết mới nào và một cương lĩnh mới nào và vẫn còn có khá đủ trí thông minh và lòng chân thành để *không để ra những điều sửa đổi* cương lĩnh của đảng dân chủ - xã hội Đức; vào giờ phút cuối cùng và quyết định, ông ta tuyên bố thừa nhận nghị quyết của Bê-ben, trong đó có lời công bố trịnh trọng trước thế giới rằng đảng dân chủ - xã hội Đức duy trì cương lĩnh cũ và sách lược cũ của mình. Thế còn phái Béc-stanh ở Nga thì sao? Chẳng những họ đã không làm được lấy một phần trăm điều mà Béc-stanh đã làm, họ lại còn đi đến chỗ hoàn toàn không muốn biết rằng tất cả các tổ chức dân chủ - xã hội Nga đã đặt nền tảng, vào năm 1898, cho "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga", đã công bố bản "Tuyên ngôn" của đảng, đã tuyên bố tờ "Báo công nhân" là cơ quan chính thức của đảng, và đã làm tất cả những điều đó hoàn toàn dựa trên cơ sở cương lĩnh "cũ" của những người dân chủ - xã hội Nga. Những người thuộc phái Béc-stanh ở Nga hình như không hiểu rằng, nếu họ vứt bỏ các quan điểm cũ ấy đi, và theo những quan điểm mới, thì nghĩa vụ đạo lý của họ, tức là nghĩa vụ của họ đối với toàn bộ phong trào dân chủ - xã hội Nga và đối với những người xã hội chủ nghĩa và những người công nhân đã ra sức chuẩn bị và lập ra "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga", những người mà ngày nay số đông còn nằm đây trong các nhà tù ở Nga, - nghĩa vụ ấy đòi những người đại biểu cho các

quan điểm mới, không được chỉ ngấm ngấm công kích "những người cách mạng của chúng ta" nào đó, mà họ phải nói thẳng ra, nói công khai là họ không đồng ý với ai và về cái gì, quan điểm mới và cương lĩnh mới mà họ đem thay vào quan điểm cũ và cương lĩnh cũ, chính ra là như thế nào.

Chúng ta còn phải bàn đến một vấn đề nữa, có lẽ là vấn đề quan trọng nhất: làm thế nào mà *giải thích* được sự xuất hiện của cái khuynh hướng thụ lùi ấy trong phong trào dân chủ - xã hội Nga? Nếu chỉ giải thích là do cá tính của các biên tập viên tờ "Tư tưởng công nhân", do ảnh hưởng của thuyết Béc-stanh đang thịnh hành, thì theo ý chúng tôi, đó chưa phải là đã giải thích được. Theo ý chúng tôi, thì chủ yếu là do một đặc điểm của sự phát triển lịch sử của phong trào dân chủ - xã hội Nga, đặc điểm đã đề ra - và *tạm thời tất phải* đề ra - một quan niệm chật hẹp về chủ nghĩa xã hội công nhân.

Trong những năm 80 và đầu những năm 90, tức là thời kỳ mà những người dân chủ - xã hội bắt đầu công tác thực tiễn ở Nga, thì họ thấy: một là, phái Dân ý, tức những người đã từng trách họ xa rời cuộc đấu tranh chính trị do phong trào cách mạng Nga trước kia truyền lại, những người mà họ luận chiến chống lại một cách ngoan cường; và hai là, phái tự do Nga, phái này cũng không bằng lòng khi thấy phong trào cách mạng chuyển từ phái Dân ý sang phái dân chủ - xã hội. Cuộc luận chiến chống cả hai loại người đó đều xoay quanh vấn đề chính trị. Trong khi phản đối quan niệm chật hẹp của phái Dân ý là những người cho rằng chính trị chỉ là tổ chức các cuộc âm mưu, những người dân chủ - xã hội có thể tuyên bố và đôi khi cũng đã từng tuyên bố chống lại chính trị nói chung (do cái quan niệm chật hẹp về vấn đề này lúc đó còn thịnh hành). Mặt khác, trong các phòng khách của phái tự do và cấp tiến của "xã hội" tư sản, những người dân chủ - xã hội có thể

thường khi nghe người ta tỏ ý tiếc rằng các nhà cách mạng đã từ bỏ thủ đoạn khủng bố: những kẻ ham sống sợ chết và, vào giờ phút quyết định, đã không ủng hộ những người anh hùng dấn thân vào chế độ chuyên chế, - những kẻ ấy lại giả nhân giả nghĩa buộc tội những người dân chủ - xã hội là thờ ơ về chính trị, và họ thiết tha mong muốn tái lập một chính đảng công lương làm cho họ hưởng. Dĩ nhiên là những người dân chủ - xã hội thù ghét những kẻ như thế và thù ghét cả những câu nói suông của họ nữa, và chỉ chăm lo thực hiện một nhiệm vụ nhỏ bé hơn, nhưng trái lại, quan trọng hơn, đó là công tác tuyên truyền trong hàng ngũ giai cấp vô sản công xưởng và nhà máy. Lúc đầu, hoạt động ấy không tránh khỏi có tính chất chật hẹp, và tính chất đó cũng đã được phản ánh trong những lời tuyên bố còn mang tính chất hẹp của một số người dân chủ - xã hội. Tuy nhiên, ngay cả những người dân chủ - xã hội luôn luôn nghĩ đến những mục tiêu lịch sử rộng lớn của phong trào công nhân Nga, cũng không hoảng sợ vì tính chất chật hẹp ấy. *Lời nói* của những người dân chủ - xã hội đôi khi mang tính chất chật hẹp, nhưng có hề chi, vì bù lại, *sự nghiệp của họ* rộng lớn. Trái lại, họ không lao vào những cuộc âm mưu vô ích và không đi lại với bọn Ba-la-lai-kin¹⁰⁶ thuộc phái tự do tư sản, mà họ lại đi vào trong cái giai cấp duy nhất thực sự cách mạng, và góp phần vào việc phát triển lực lượng của giai cấp ấy! Họ nghĩ rằng sự tuyên truyền dân chủ - xã hội càng lan rộng thì tính chất chật hẹp kia tự nó sẽ mất đi. Và điều đó đã xảy ra đúng như thế trên một mức độ lớn. Từ tuyên truyền, người ta chuyển dần sang một công tác cổ động rộng lớn. Công tác này đương nhiên đã tạo ra được những công nhân giác ngộ và tiên tiến ngày càng không ngừng tăng thêm; nhiều tổ chức cách mạng đã được thành lập (các "Hội liên hiệp đấu tranh") ở Xanh Pê-téc-bua, Ki-ép và ở những nơi khác, Hội liên hiệp công nhân Do-thái). Cố nhiên là

các tổ chức ấy mong muốn được hợp nhất lại với nhau, và cuối cùng đã đạt được sự hợp nhất: các tổ chức ấy đã thống nhất lại với nhau và đặt nền tảng cho "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga". Người ta có thể cho rằng tính chất chật hẹp ngày trước nay không còn có cơ sở nào để tồn tại nữa, và có lẽ đã vĩnh viễn bị gạt bỏ rồi. Nhưng tình hình xảy ra lại khác: sự phát triển của công tác cổ động đã làm cho những người dân chủ - xã hội tiếp xúc với những tầng lớp dưới, ít giác ngộ nhất trong giai cấp vô sản; để thu hút các tầng lớp ấy, người cổ động phải biết thích ứng với trình độ hiểu biết thấp nhất; người đó phải quen đặt "những yêu sách và lợi ích trước mắt" lên hàng đầu và đẩy những lý tưởng rộng lớn của chủ nghĩa xã hội và của đấu tranh chính trị xuống hàng thứ yếu. Tính chất phân tán, thủ công của hoạt động dân chủ - xã hội, sự liên hệ vô cùng yếu ớt giữa các tiểu tổ ở các thành phố, giữa những người dân chủ - xã hội Nga và các đồng chí của họ ở nước ngoài là những người có những tri thức rộng lớn hơn, có kinh nghiệm cách mạng phong phú hơn và có một tâm mắt bao quát hơn về chính trị, - tất cả những điều đó, đương nhiên, dẫn đến chỗ là mặt đó (*mặt hoàn toàn cần thiết*) của hoạt động dân chủ - xã hội bị khuếch đại lên, khiến cho trong tư tưởng của một số người, mặt đó có thể làm cho người ta quên các mặt khác, nhất là vì cứ mỗi lần thất bại thì những người công nhân và trí thức giác ngộ nhất lại bị loại khỏi đạo quân chiến đấu, và vì lúc bấy giờ vẫn chưa có được một truyền thống và tính kế thừa cách mạng vững chắc. Chúng tôi cho rằng lý do chủ yếu của sự xa rời đáng buồn đối với các lý tưởng của phong trào dân chủ - xã hội Nga chính là ở chỗ một trong các mặt của công tác dân chủ - xã hội đã bị khuếch đại lên. Nếu ta thêm vào đó sự say mê đối với một quyển sách thịnh hành, sự không hiểu biết về lịch sử phong trào cách mạng Nga và cái tham vọng ngây thơ muốn tỏ ra là độc đáo, thì ta sẽ có tất cả những

yếu tố cấu thành "khuynh hướng thụ lùi trong phong trào dân chủ - xã hội Nga".

Vậy là, chúng ta phải nói nhiều hơn về mối quan hệ giữa các tầng lớp tiên tiến trong giai cấp vô sản và các tầng lớp lạc hậu của giai cấp ấy, và về tầm quan trọng của công tác dân chủ - xã hội trong cả hai tầng lớp ấy.

Lịch sử phong trào công nhân ở tất cả các nước đã chỉ ra rằng các tầng lớp công nhân có nhiều hiểu biết nhất đều tiếp thu những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội nhanh hơn cả và dễ dàng hơn cả. Những công nhân tiên tiến, được mọi phong trào công nhân đưa lên hàng đầu, thì chủ yếu đều từ trong các tầng lớp ấy mà ra; họ biết tranh thủ được lòng tin cậy hoàn toàn của quần chúng công nhân, họ toàn tâm toàn ý chăm lo giáo dục và tổ chức giai cấp vô sản, họ tự giác đi theo chủ nghĩa xã hội; thậm chí họ còn có thể tự mình tạo ra những lý luận xã hội chủ nghĩa nữa. Mọi phong trào công nhân có sức sống đều đào tạo ra được những lãnh tụ công nhân như thế, đều có những Pru-đông và Va-li-ăng của nó, những Vai-tling và Bê-ben của nó. Và phong trào công nhân Nga của chúng ta, về mặt đó, hứa hẹn sẽ không chịu thua kém phong trào công nhân châu Âu. Trong khi giới trí thức không hứng thú đối với các sách báo trung thực, bất hợp pháp, thì trong hàng ngũ công nhân, người ta thấy lòng khao khát thiết tha muốn hiểu biết và mối nhiệt tình đối với chủ nghĩa xã hội, ngày càng tăng; trong hàng ngũ công nhân xuất hiện những anh hùng chân chính, những người này, mặc dầu phải sống một đời sống thảm hại và phải làm việc như khổ sai trong công xưởng, một công việc làm cho người ta thành đần độn, nhưng vẫn thấy mình có đủ nghị lực và đủ ý chí để học tập, học tập và học tập nữa, và để tự rèn luyện mình thành người dân chủ - xã hội giác ngộ, thành "người trí thức công nhân". Ở nước Nga, chúng ta đã có "những người trí thức công nhân" ấy rồi, và chúng ta phải hết sức làm cho

hàng ngũ của họ được mở rộng không ngừng để cho nhu cầu cao về tri thức của họ được hoàn toàn thỏa mãn, để cho từ trong hàng ngũ của họ xuất hiện ra những lãnh tụ của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Cho nên một tờ báo muốn trở thành cơ quan của tất cả những người dân chủ - xã hội Nga, thì phải có trình độ của những người công nhân tiên tiến; chẳng những nó không được hạ thấp một cách giả tạo trình độ vốn có của nó xuống, ngược lại, nó còn phải không ngừng nâng cao trình độ ấy lên, phải chú ý đến hết thảy mọi vấn đề sách lược, chính trị và lý luận của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế. Chỉ có với điều kiện ấy thì nhu cầu của những người trí thức công nhân mới được thỏa mãn, và họ mới tự mình đảm đương được sự nghiệp của công nhân Nga và, *do đó*, đảm đương được sự nghiệp của cách mạng Nga.

Sau tầng lớp ít ỏi những công nhân tiên tiến, là tầng lớp đông đảo những công nhân trung bình. Những công nhân này cũng thiết tha mong muốn chủ nghĩa xã hội, họ cũng tham gia các tiểu tổ công nhân, đọc sách báo xã hội chủ nghĩa, và tham gia công tác cổ động; đặc điểm duy nhất phân biệt họ với tầng lớp trên kia là ở chỗ họ không thể tự mình trở thành những người có thể hoàn toàn tự lập lãnh đạo phong trào công nhân dân chủ - xã hội được. Trong một tờ báo, cơ quan ngôn luận của đảng, sẽ có những bài mà người công nhân trung bình không hiểu được, hay có những vấn đề lý luận và thực tiễn phức tạp mà người đó không hiểu được đầy đủ. Hoàn toàn không phải vì thế mà tờ báo phải hạ thấp xuống ngang trình độ quần chúng độc giả của mình. Trái lại, chính nó có nhiệm vụ phải nâng cao trình độ của độc giả và góp phần đào tạo những công nhân tiên tiến, từ trong tầng lớp công nhân trung bình. Vùi đầu vào hoạt động thực tiễn *địa phương*, và chú trọng trước hết đến tình hình thời sự của phong trào công nhân và đến những vấn đề cổ động trước mắt, những

người công nhân tiên tiến ấy nhất cử nhất động đều phải gắn liền với toàn bộ phong trào công nhân Nga, đến nhiệm vụ lịch sử của phong trào ấy, đến mục đích cuối cùng của chủ nghĩa xã hội, và vì thế, tờ báo mà đại bộ phận độc giả là những công nhân trung bình, thì tuyệt đối phải gắn liền chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chính trị với mỗi vấn đề có tính chất địa phương và nhỏ hẹp.

Cuối cùng, sau tầng lớp trung bình, là đông đảo các tầng lớp bên dưới trong giai cấp vô sản. Rất có thể là tờ báo xã hội chủ nghĩa hoàn toàn hay hầu như hoàn toàn khó hiểu đối với họ (vì, ở Tây Âu cũng vậy, số cử tri dân chủ - xã hội đông hơn nhiều so với số độc giả của các báo dân chủ - xã hội), nhưng thật là vô lý nếu từ đó người ta đi đến kết luận rằng tờ báo của những người dân chủ - xã hội phải phù hợp với trình độ thấp nhất của công nhân. Chỉ có thể rút ra kết luận là: để tác động đến các tầng lớp ấy, thì cần có những phương tiện cổ động và tuyên truyền khác: phải có những tập sách rất đại chúng, phải có động bằng miệng, và nhất là phải có những tờ truyền đơn nói về các sự việc xảy ra ở địa phương. Thậm chí những người dân chủ - xã hội còn phải đi xa hơn thế nữa: rất có thể là những bước đầu tiên, để giác ngộ các tầng lớp công nhân bên dưới, phải tiến hành bằng công tác giáo dục hợp pháp. Đối với *đảng*, điều hết sức quan trọng là lợi dụng công tác ấy, hướng nó vào chỗ nào cần đến nó nhất, phái các cán bộ hợp pháp đến cày chỗ đất hoang cho những cán bộ cổ động dân chủ - xã hội sau đó đến gieo hạt. Đối với công tác cổ động trong các tầng lớp bên dưới của giai cấp vô sản, thì đương nhiên phải để cho đặc biệt cá nhân của cán bộ cổ động và đặc điểm của địa phương, của nghề nghiệp, v. v., được dễ dàng phát huy nhất. Trong quyển sách viết để phản đối Béc-stanh, Cau-xky nói: "Không được lẫn lộn sách lược với cổ động". "Phương thức cổ động phải phù hợp với những điều kiện cá nhân và địa phương. Về mặt cổ

động, phải để cho mỗi cán bộ cổ động được tự do lựa chọn phương tiện sẵn có của mình: người này thì gây ấn tượng mạnh mẽ nhất bằng nhiệt tình hăng say của mình, người kia thì bằng những lời châm chọc chua cay, người thứ ba lại bằng nghệ thuật nêu lên được nhiều thí dụ, v. v.. Sự cổ động phải thích hợp với cán bộ cổ động, nó cũng phải thích hợp với công chúng. Cán bộ cổ động phải nói cách nào cho người ta hiểu được mình; anh ta phải xuất phát từ cái mà các thính giả của mình đều biết thật rõ. Tất cả những điều đó là dĩ nhiên, và không phải chỉ áp dụng vào sự cổ động trong nông dân mà thôi đâu. Nói với người đánh xe ngựa không như nói với lính thủy, và nói với lính thủy không như nói với thợ sắp chữ. *Sự cổ động thì phải mỗi người mỗi khác*, nhưng *sách lược* của chúng ta, *hoạt động* chính trị của chúng ta, thì phải *nhất trí*" (S. 2 - 3). Những lời nói đó của một đại biểu tiên tiến của lý luận dân chủ - xã hội là một nhận định rất đúng về công tác cổ động trong hoạt động chung của đảng. Những lời nói ấy chỉ rõ rằng thật là vô căn cứ biết chừng nào khi người ta lo ngại là thành lập một đảng cách mạng để tiến hành đấu tranh chính trị thì sẽ gây trở ngại cho công tác cổ động, sẽ đẩy lùi công tác đó xuống hàng thứ yếu hay hạn chế tự do của những cán bộ cổ động. Trái lại, chỉ có một đảng có tổ chức mới có thể tiến hành được một sự cổ động rộng rãi, mới có thể cung cấp cho các cán bộ cổ động những chỉ thị (và tài liệu) cần thiết về hết thảy mọi vấn đề chính trị và kinh tế, mới có thể lợi dụng được mọi thành công của công tác cổ động ở địa phương để giáo dục hết thảy mọi công nhân Nga, mới có thể phái được những cán bộ cổ động tới một giới nào đó hay tới những khu vực nào đó mà ở đấy họ có thể hoạt động có kết quả nhất. Chỉ trong một đảng có tổ chức thì những người có khả năng làm công tác cổ động mới có thể chuyên chú hoàn toàn vào nhiệm vụ ấy, để có lợi nhất cả cho sự cổ động, cũng như cho các mặt khác của

hoạt động dân chủ - xã hội. Do đó người ta thấy rằng kẻ nào chú trọng đấu tranh kinh tế mà quên mất cổ động và tuyên truyền chính trị, quên mất sự cần thiết phải tổ chức phong trào công nhân thành cuộc đấu tranh của một chính đảng, thì kẻ ấy, ngoài các điều khác ra, sẽ mất ngay cả cái khả năng lôi cuốn một cách chắc chắn và có kết quả các tầng lớp bên dưới nhất, trong giai cấp vô sản, tham gia sự nghiệp công nhân.

Nhưng khuếch đại như vậy một mặt của hoạt động mà làm hại đến các mặt khác, và thậm chí muốn vứt bỏ hoàn toàn các mặt khác ấy đi, thì sẽ gây cho phong trào công nhân Nga nguy cơ đi đến những hậu quả còn vô cùng tai hại hơn nữa. Các tầng lớp bên dưới trong giai cấp vô sản có thể bị người ta làm cho đôi trụy, nếu họ nghe theo lời vu khống nói rằng những người sáng lập ra đảng dân chủ - xã hội Nga chỉ coi công nhân là một phương tiện để lật đổ chế độ chuyên chế; nếu họ nghe theo lời dụ dỗ khuyên họ chỉ nên đòi phục hồi những ngày nghỉ lễ và lập các phường hội mà thôi và bỏ qua những mục tiêu cuối cùng của chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ trước mắt của cuộc đấu tranh chính trị. Những công nhân ấy bao giờ cũng có thể mắc (và sẽ mắc) phải bả của mọi sự ân huệ bố thí mà chính phủ và giai cấp tư sản quăng ra. Do ảnh hưởng tuyên truyền của tờ "Tư tưởng công nhân", các tầng lớp bên dưới trong giai cấp vô sản, những công nhân hoàn toàn kém giác ngộ, có thể tiêm nhiễm phải tư tưởng tư sản và rất phản động cho rằng công nhân không thể và không nên quan tâm đến một cái gì khác ngoài việc tăng lương và phục hồi các ngày nghỉ lễ ("những lợi ích trước mắt"), rằng giới công nhân có thể và phải đấu tranh cho sự nghiệp công nhân bằng lực lượng của bản thân mình, bằng "sáng kiến riêng" của mình thôi, mà không cần cố gắng làm cho sự nghiệp công nhân kết hợp với chủ nghĩa xã hội, không cần cố gắng biến sự nghiệp công nhân thành

sự nghiệp tiên phong, sự nghiệp thiết yếu của toàn thể nhân loại. Chúng tôi xin nhắc lại rằng những công nhân giác ngộ chậm nhất có thể bị một tư tưởng như thế làm cho đối trụy, nhưng chúng tôi chắc rằng những công nhân Nga tiên tiến, những người lãnh đạo các tiểu tổ công nhân và toàn bộ hoạt động dân chủ - xã hội, những người hiện nay đang nằm đầy trong các nhà giam ở nước Nga và các nơi đày ải, từ tỉnh Ác-khan-ghen-xơ đến miền Đông Xi-bi-ri, những người đó sẽ cảm phần mà vứt bỏ cái lý luận ấy đi. Thu hẹp toàn bộ phong trào vào những lợi ích trước mắt, như thế là lợi dụng tình trạng lạc hậu của công nhân, là chạy theo những khát vọng xấu xa nhất của họ. Như thế là cắt đứt một cách giả tạo mối liên hệ giữa phong trào công nhân và chủ nghĩa xã hội, giữa những nguyện vọng chính trị hết sức rõ ràng của công nhân tiên tiến và những biểu hiện tự phát của sự phản kháng của quần chúng. Đó là lý do vì sao mưu toan của tờ "Tư tưởng công nhân" nhằm đề ra một phương hướng riêng biệt, đang được người ta đặc biệt chú ý đến và đòi hỏi phải có một sự phản đối cương quyết nhất. Chừng nào mà tờ "Tư tưởng công nhân" rõ ràng là thích ứng với các tầng lớp bên dưới trong giai cấp vô sản, vẫn cố lẩn tránh vấn đề mục đích cuối cùng của chủ nghĩa xã hội và của đấu tranh chính trị, nhưng không tuyên bố xu hướng riêng biệt của mình ra, - thì chừng đó nhiều người dân chủ - xã hội đành chỉ lắc đầu thôi, và hy vọng rằng những người trong nhóm báo "Tư tưởng công nhân", với sự phát triển và mở rộng hoạt động của họ, thì họ sẽ dễ dàng tự mình vứt bỏ được những quan điểm chật hẹp của họ. Nhưng khi mà những người, cho đến nay đã thực hiện một công tác có ích cho giai đoạn dự bị, lại bắt đầu làm náo động cả châu Âu, bằng cách bám vào các thuyết cơ hội chủ nghĩa đang thịnh hành, và tuyên bố rằng họ muốn giam hãm toàn bộ phong trào dân chủ - xã hội Nga trong nhiều năm (nếu không phải là vĩnh viễn) vào giai đoạn dự

bị - nói cách khác, khi mà những người cho đến nay đã công tác một cách có ích để tạo nên một thùng mật, lại bắt đầu đổ những hũ hắc ín vào thùng mật đó "một cách công khai cho mọi người đều thấy" - thì chúng ta phải kiên quyết chống lại cái khuynh hướng thụ lùi ấy!

Thông qua những người sáng lập ra chủ nghĩa dân chủ - xã hội Nga, tức những người trong nhóm "Giải phóng lao động", cũng như qua các tổ chức dân chủ - xã hội Nga đã lập ra "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga", phái dân chủ - xã hội Nga luôn luôn thừa nhận hai nguyên tắc cơ bản sau đây: 1) Thực chất của chủ nghĩa dân chủ - xã hội là tổ chức cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản nhằm mục đích giành chính quyền, chuyển hết thảy mọi tư liệu sản xuất vào tay toàn bộ xã hội và thay thế nền kinh tế tư bản chủ nghĩa bằng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa; 2) Nhiệm vụ của phong trào dân chủ - xã hội Nga là tổ chức một đảng công nhân cách mạng Nga nhằm mục tiêu trước mắt là lật đổ chế độ chuyên chế và giành tự do chính trị. Kế nào xa rời các nguyên tắc cơ bản ấy (đã được nêu lên một cách chính xác trong cương lĩnh của nhóm "Giải phóng lao động" và đã được trình bày trong "Tuyên ngôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga"), là kế đó xa rời chủ nghĩa dân chủ - xã hội.

Viết xong vào cuối năm 1899

In lần đầu vào năm 1924 trên tạp chí "Cách mạng vô sản", số 8 - 9

Theo đúng bản thảo, do một người không rõ tên, chép lại và đã được V. I. Lê-nin xem lại

BÀN VỀ CÁC TÒA ÁN CÔNG NGHIỆP

Người ta gọi là tòa án công nghiệp, những tòa án gồm các đại biểu được bầu lên của công nhân và chủ (chủ xưởng trong công nghiệp), các đại biểu này xét những vụ kiện và những sự tranh chấp luôn luôn xảy ra do các điều kiện tuyển mộ, do việc quy định tiền công cho một công việc theo tiêu chuẩn thông thường và cho việc trả công những giờ làm thêm, do việc đuổi thợ một cách trái quy định, do những sự bồi thường vì làm hư hỏng vật liệu, do những món tiền phạt không đúng, v.v., v. v.. Phần lớn các nước Tây Âu đều có những tòa án như thế, nhưng ở Nga thì không có, chúng tôi có ý định nghiên cứu những lợi ích mà các tòa án đó mang đến cho công nhân và những lý do vì sao nên lập các tòa án như thế, ngoài các tòa án thông thường là những tòa án chỉ có độc một thẩm phán do chính phủ chỉ định hay do các giai cấp hữu sản bầu lên, chứ không có một đại biểu nào do chủ bầu lên và do công nhân bầu lên cả.

Cái lợi thứ nhất của tòa án công nghiệp là ở chỗ công nhân dễ tiếp xúc với tòa án đó hơn nhiều. Muốn thưa kiện trước một tòa án thường, phải viết một lá đơn (muốn làm việc đó, thường thường phải nhờ đến thầy kiện), phải nạp tiền lệ phí, phải chờ đợi lâu ngày mới được xử, phải đến tòa và vì thế công việc của mình và của những người làm chứng đều phải ngừng lại; sau đó, nếu các bên đương sự còn kháng cáo, thì bản án còn phải đệ lên tòa án cấp trên

xử lần nữa. Cho nên công nhân rất ít muốn thưa kiện ở tòa án thường, điều đó không có gì là lạ cả! Trái lại, các tòa án công nghiệp thì gồm có chủ và công nhân được bầu lên làm thẩm phán. Đối với một công nhân, thì hoàn toàn chẳng có gì khó khăn nếu là trình bày miệng sự khiếu nại của mình với một đồng chí mà chính anh ta bầu lên. Các phiên tòa của tòa án công nghiệp thường họp vào những ngày lễ, hay nói chung, vào những giờ mà công nhân được nghỉ và không phải bỏ việc. Việc xét xử ở đây tiến hành nhanh chóng hơn nhiều.

Đối với công nhân, cái lợi thứ hai của các tòa án công nghiệp là ở chỗ các thẩm phán ở đấy đều thông thạo hơn nhiều về những công việc của công xưởng và nhà máy, hơn nữa đó không phải là những viên chức từ nơi khác đến, mà là những người ở ngay địa phương, biết rõ đời sống của công nhân và điều kiện sản xuất của địa phương; hơn nữa, một nửa số thẩm phán là công nhân, họ bao giờ cũng xử một cách công bằng với công nhân, chứ không coi công nhân là một gã say rượu, một tên hỗn láo và một kẻ dốt nát (đa số thẩm phán bổ nhiệm đều coi công nhân như thế đó, - họ là những người được tuyển từ trong giai cấp tư sản, trong giai cấp những kẻ hữu sản, và hầu như luôn luôn gắn bó với xã hội tư sản, với bọn chủ xưởng, với các giám đốc, kỹ sư, nhưng đối với công nhân thì họ tự ngăn cách mình dường như bởi một bức Vạn lý trường thành). Mối quan tâm chủ yếu của các thẩm phán được bổ nhiệm là làm sao cho việc kiện cáo được xử theo đúng thể thức: miễn là giấy tờ làm hợp thức, còn ngoài ra thì chẳng có gì là quan trọng đối với viên quan thẩm phán cả, tham vọng duy nhất của anh ta là lĩnh lương và được cấp trên khen. Chính vì thế mà trong các tòa án quan liêu bao giờ cũng có tình trạng quá nhiều giấy tờ quan liêu, nhiều lý sự vặt, và nhiều thủ tục quan liêu: chỉ cần đi trạch một thể thức hay không ghi chú đúng lúc cái gì

đó vào biên bản, là mọi việc đều hỏng cả, dù lẽ phải ở phía mình cũng vậy. Khi mà các thẩm phán được chủ và công nhân bầu lên, thì họ chẳng cần gì phải chất đống giấy tờ như vậy, bởi vì họ không ăn lương và không lệ thuộc vào những viên chức ăn bám. Họ chẳng quan tâm đến việc giành lấy một chức vị béo bở hơn, mà chỉ lo giải quyết cho được những sự tranh chấp đã ngăn cản không cho chủ xưởng tiến hành sản xuất được liên tục, và không cho công nhân yên ổn tiếp tục làm việc mà ít sợ bị chủ hoạnh hợ và đối xử bất công. Thứ nữa, muốn giải quyết những sự tranh chấp giữa chủ và công nhân, thì phải biết rõ, qua kinh nghiệm bản thân, cuộc sống trong nhà máy. Thẩm phán được bổ nhiệm thì liếc qua cuốn sổ lao động của công nhân, đọc bản quy chế, ngoài ra, không muốn nghe gì nữa; anh ta nói: ai đã vi phạm bản quy chế, thì phải chịu trách nhiệm, ngoài ra ta chẳng cần biết cái khác. Còn thẩm phán do chủ và công nhân bầu lên thì không những chỉ xem giấy tờ, mà còn xem sự việc thường xảy ra như thế nào trên thực tế. Bởi vì đôi khi quy tắc vẫn là quy tắc trên giấy tờ, nhưng trong thực tiễn, thì sự việc lại xảy ra khác hẳn. Dù rằng thẩm phán được bổ nhiệm có muốn chẳng nữa, và ngay cả khi anh ta xét xử vụ án với một thái độ chú ý đầy đủ đi nữa, thì thường thường anh ta cũng không thể hiểu được sự tình, bởi vì anh ta không biết gì về những phong tục tập quán, anh ta không biết một giá biểu tiền công được lập như thế nào, anh ta không biết được bọn đốc công thường bòn rút công nhân bằng cách nào mà lại không vi phạm những quy chế và giá biểu (thí dụ, người ta chuyển công nhân sang làm một công việc khác, người ta cung cấp cho công nhân những nguyên liệu khác với nguyên liệu đã dự định, v.v. và v.v.). Các thẩm phán được bầu lên, thì vì bản thân họ cũng lao động, hay chính họ làm các công việc của công xưởng, nên họ hiểu được ngay tất cả những vấn đề ấy; họ hiểu được

để dành người công nhân thực sự muốn gì; họ không những chỉ quan tâm đến việc tuân theo quy chế; mà còn tìm cách để cho người ta không thể ăn hiếp công nhân bằng cách không thực hiện quy chế, và để làm cho quy chế không có một chỗ nào khiến cho người ta có thể vin vào để giở trò gian trá và độc đoán. Chẳng hạn như mới đây, các báo đăng tin công nhân làm mũ suýt bị kết án về tội ăn cắp, vì người chủ kiện họ là đã dùng những mảnh mũ da lông còn thừa. May sao có những luật sư trung thực đã thu lượm được những tài liệu chứng minh rằng đó là tập quán trong nghề thủ công này và chứng minh rằng công nhân chẳng những không ăn cắp, mà thậm chí còn không vi phạm một quy chế nào cả. Nhưng một công nhân thông thường, một công nhân bình thường, lương quá thấp, thì hầu như không bao giờ có thể thuê được một luật sư tốt, và vì thế, như hết thầy mọi công nhân đều biết, trong các vụ có liên can đến công nhân, các thẩm phán được bổ nhiệm thường hay xử một cách khắc nghiệt nhất, khắc nghiệt một cách vô lý nhất. Người ta không bao giờ có thể trông mong ở các thẩm phán ấy một sự công bình hoàn toàn: chúng tôi đã nói rằng các thẩm phán ấy thuộc giai cấp tư sản và sẵn lòng tin trước vào tất cả những cái gì mà người chủ nói, chứ không tin vào công nhân. Viên thẩm phán xem đạo luật: hợp đồng thuê mướn cá nhân (một người làm thuê việc gì đó cho một người khác hay phục vụ người này để lấy tiền công). Dù là một kỹ sư, một thầy thuốc, một quản đốc nhà máy đi làm thuê cho một chủ xưởng, hay một người lao công đi làm thuê, thì viên thẩm phán cũng coi như nhau; anh ta nghĩ (do đầu óc giấy tờ, và do sự ngu xuẩn tư sản của anh ta) rằng người lao công cũng phải hiểu biết quyền lợi của mình và cũng phải biết đòi ghi rõ các khoản quy định trong hợp đồng, hết như là viên quản đốc, người thầy thuốc, và kỹ sư vậy. Còn các tòa án công nghiệp thì gồm những thẩm phán

(một nửa) do công nhân bầu lên, những thẩm phán đó biết rất rõ rằng một người thợ mới hay một người thợ trẻ bước vào nhà máy hay vào văn phòng, thì thường cảm thấy mình như chim chích vào rừng vậy, anh ta không hề nghĩ là mình đã ký một "bản hợp đồng tự nguyện" và có thể "quy định" ở trong đó, tất cả mọi khoản theo ý mình muốn. Để thí dụ, chúng ta hãy xem trường hợp sau đây: một công nhân muốn đi kiện vì sản phẩm lao động của mình làm ra bị loại một cách bất công, hay vì mình bị phạt oan. Nhưng khiếu nại với viên thẩm phán do nhà nước bổ nhiệm hay với viên thanh tra công xưởng cũng do nhà nước bổ nhiệm thì thật là vô ích. Bọn viên chức chỉ biết có điều này thôi: *Luật pháp* cho phép người chủ được quyền phạt công nhân và loại bỏ sản phẩm lao động làm hỏng, như vậy là chủ có quyền quyết định công việc làm xấu hay tốt, và quyết định người công nhân có phạm lỗi hay không. Đó là lý do vì sao công nhân rất ít khi đưa ra tòa những việc thuộc loại như thế: họ chịu đựng, chịu nhin những hành vi hà lạm, và cuối cùng, khi không chịu được nữa thì họ bãi công. Nhưng nếu trong số các thẩm phán, mà có những đại biểu được công nhân bầu lên, thì công nhân sẽ có được thuận lợi rất nhiều để tìm ra lẽ phải và để được che chở trong những vụ án nói trên cũng như trong những sự tranh chấp và bất công nhỏ nhất xảy ra tại nhà máy. Vì một quan tòa giàu sự thì cho rằng hà tất phải chú ý đến những việc vụn vặt ấy (thí dụ, việc đun nước sôi để pha trà, hay việc phải lau chùi máy thêm một lần nữa, hay các việc khác tương tự); nhưng đối với người công nhân thì đó hoàn toàn không phải là những việc vụn vặt. Chỉ có bản thân những người công nhân mới có thể thấy được rằng những quy tắc và những điều khoản vụn vặt mà mới thoạt nhìn hoàn toàn nhỏ nhặt và vô hại, thế mà đôi khi đã gây ra, trong các công xưởng, biết bao nhiêu điều áp bức, ức hiếp và sỉ nhục.

Đối với công nhân, cái lợi thứ ba của các tòa án công nghiệp là trong khi tham dự các tòa án đó và thông qua các tòa án ấy, công nhân học tập tìm hiểu pháp luật. Thường thường thì công nhân (đại đa số) không biết pháp luật và không thể biết được pháp luật, nhưng điều đó vẫn không ngăn cản được bọn quan lại và các thẩm phán được bổ nhiệm trừng phạt họ vì họ không biết pháp luật. Nếu một công nhân, khi nghe một viên quan nói đến một đạo luật, mà trả lời rằng mình không biết đạo luật đó, thì viên quan (hay viên thẩm phán) chế nhạo anh ta hay la rầy anh ta: "không ai được phép chống chế rằng mình không biết pháp luật", - đấy, pháp luật chính của Nga nói như thế đấy. Như vậy là mỗi viên quan và mỗi thẩm phán đều *quan niệm* rằng mọi công nhân đều biết pháp luật. Nhưng quan niệm ấy là một luận điệu đối trá của giai cấp tư sản, một luận điệu đối trá do những kẻ hữu sản và do bọn tư bản đặt ra nhằm chống lại những người không có của, một luận điệu đối trá cũng giống như cái quan niệm cho rằng công nhân đã ký với chủ một "bản hợp đồng tự nguyện". Sự thực thì người công nhân, đến làm trong nhà máy từ khi còn bé, chỉ vừa mới tập đọc và tập viết (và có nhiều công nhân thậm chí không biết đọc và viết nữa là khác!) thì không có thì giờ đâu mà nghiên cứu pháp luật và cũng không có ai dạy anh ta biết pháp luật, và dù có biết thì cũng gần như là vô ích, - bởi vì pháp luật, do các viên quan xuất thân từ giai cấp tư sản thì hành, không hỏi ý kiến gì anh ta, thì sự hiểu biết pháp luật cũng sẽ không đem đến cho anh ta cái gì ích lợi! Các giai cấp tư sản buộc cho công nhân là không biết pháp luật, nhưng tuyệt đối chúng không làm gì để cho công nhân dễ dàng có được sự hiểu biết ấy, vì thế những kẻ thực sự phải chịu trách nhiệm về việc công nhân không biết pháp luật, không phải là công nhân mà chính là bọn bóc lột (= bọn tước đoạt) công nhân, tức là những kẻ nắm hết thảy mọi của cải, sống bằng lao động của người khác mà muốn chỉ một mình chúng

được hưởng học vấn và khoa học. Không một nhà trường nào và không một quyển sách nào sẽ đem đến và có thể đem đến cho công nhân sự hiểu biết về pháp luật, vì trong số hàng triệu người lao động bị tư bản chà đạp thì rất hiếm người có thể đọc được sách; cũng vì lý do đó, rất ít người được đi học, và ngay cả những người được đi học chẳng nữa thì phần nhiều cũng chỉ biết đọc, biết viết và biết tính thôi, mà chỉ biết có thể thôi thì cũng chưa đủ để hiểu được một lĩnh vực khó khăn và phức tạp như lĩnh vực pháp luật Nga. Công nhân chỉ có thể hiểu biết pháp luật, khi họ được tự mình vận dụng nó, nghe và thấy những việc xét xử căn cứ theo các pháp luật đó. Công nhân có thể hiểu biết pháp luật tốt hơn nếu, chẳng hạn, họ được người ta chỉ định làm bồi thẩm (và buộc bọn chủ phải trả cho công nhân tiền lương như thường, ngay cả trong những ngày công nhân mắc việc ở tòa án), nhưng xã hội tư sản được tổ chức theo cách là chỉ những kẻ xuất thân từ giai cấp hữu sản (hay những người nông dân được rèn luyện qua "công việc phụng sự xã hội", nghĩa là trên thực tế, họ đã được rèn luyện qua việc giữ các chức nhỏ cảnh sát), mới có thể làm bồi thẩm; còn những người không có của, những người vô sản, thì có bốn phần chỉ biết phục tùng những lời xét xử của một tòa án không phải của họ, mà bản thân họ thì lại không có quyền xét xử! Khi người ta lập ra các tòa án công nghiệp thì công nhân tự mình bầu các đồng chí của mình lên làm thẩm phán, và cứ qua một thời gian nhất định thì lại bầu lại; như vậy, những công nhân được bầu lên, tự họ vận dụng pháp luật và có điều kiện tìm hiểu pháp luật trong thực tiễn, nghĩa là không những chỉ đọc những gì đã ghi trong bộ luật (như thể vẫn chưa có nghĩa là biết pháp luật), mà còn phải xét xem trong thực tiễn, những trường hợp nào thì vận dụng đạo luật nào, cách thức vận dụng ra sao và vận dụng như thế thì có những kết quả gì đối với công nhân. Sau nữa, khi có các

tòa án công nghiệp thì ngoài các công nhân được bầu làm thẩm phán ra, những công nhân khác cũng dễ dàng làm quen với pháp luật hơn nhiều, vì một công nhân bao giờ cũng có thể dễ dàng trao đổi ý kiến với các thẩm phán được bầu từ trong các đồng chí của mình và được họ chỉ cho những điều mình muốn biết. Tòa án công nghiệp thì dễ cho công nhân tiếp xúc hơn là một tòa án gồm những viên quan nhà nước, cho nên công nhân năng lui tới tòa án công nghiệp hơn, họ đến nghe xét xử những vụ trong đó có sự tham gia của thân nhân và những người quen thuộc của họ, và như vậy là họ làm quen với pháp luật. Mà đối với công nhân, thì điều vô cùng quan trọng là làm quen với pháp luật, không những trong sách, mà cả trong bản thân cuộc sống nữa, để có thể hiểu được rằng pháp luật được đặt ra vì lợi ích của ai, và những người vận dụng pháp luật thì vì lợi ích của ai mà hành động. Một khi đã hiểu pháp luật, mọi công nhân sẽ thấy rõ rằng pháp luật đó bảo vệ lợi ích của giai cấp hữu sản, những người chủ sản nghiệp, những nhà tư bản, giai cấp tư sản, và sẽ thấy rõ rằng giai cấp công nhân không bao giờ cải thiện được tình cảnh của mình một cách vững chắc và triệt để, nếu chưa giành được quyền bầu lên những đại biểu của mình để tham gia vào việc thảo ra pháp luật và giám sát việc chấp hành pháp luật.

Sau nữa (thứ tư), mặt tốt của tòa án công nghiệp là ở chỗ nó làm cho công nhân biết tự mình tham gia vào công việc xã hội, vào công việc của nhà nước (vì tòa án là một cơ quan nhà nước, mà hoạt động của tòa án là một phần hoạt động của nhà nước), nó làm cho công nhân biết bầu những đồng chí của họ sáng suốt nhất, trung thực nhất, cương quyết bênh vực lợi ích công nhân lên đảm nhiệm những chức vụ khiến cho sự nỗ lực của những công nhân ấy lộ rõ rệt trước toàn thể giai cấp công nhân, những chức vụ khiến cho các đại biểu của công nhân có thể đề ra

được những nhu cầu và yêu sách của hết thảy mọi công nhân. Lợi ích giai cấp của giai cấp tư bản, của toàn bộ giai cấp tư sản là duy trì công nhân trong tình trạng dốt nát và phân tán, để có thể nhanh chóng sa thải những công nhân thông minh hơn, là những người biết dùng trí thông minh và tri thức của mình không phải là để kiếm ơn huệ của bọn đốc công, của bọn chủ và bọn cảnh sát, để phản lại lợi ích công nhân, mà là để giúp những công nhân khác có được nhiều hiểu biết hơn và dạy cho họ biết cùng nhau bảo vệ sự nghiệp của công nhân. Nhưng muốn cho hết thảy mọi công nhân đều biết cùng nhau bảo vệ sự nghiệp của công nhân, và muốn cho hết thảy mọi công nhân đều tin nhiệm họ, thì điều rất quan trọng là mọi người đều phải được chứng kiến sự hoạt động của những công nhân tiên tiến ấy, mỗi người đều phải biết là những công nhân tiên tiến ấy, có thể nói lên được và bênh vực được những nhu cầu thực sự và những nguyện vọng thực sự của công nhân hay không. Nếu công nhân có thể bầu những người như thế lên đảm nhiệm chức vụ thẩm phán, thì những người ưu tú trong hàng ngũ công nhân sẽ được mọi người biết, người ta sẽ tin nhiệm những người đó nhiều hơn, và như thế sẽ có lợi rất lớn cho sự nghiệp công nhân. Các bạn hãy xem bọn địa chủ, bọn nghiệp chủ và bọn nhà buôn ở nước ta: chúng chưa lấy làm bằng lòng với việc mỗi đứa trong bọn chúng đều có khả năng đến nhà một ông tỉnh trưởng hay một ông bộ trưởng để trình bày những yêu cầu của chúng; mà chúng còn cố sức làm cho đại biểu của chúng được ngồi trong các tòa án (các tòa án gồm đại biểu của các đảng cấp) và trực tiếp tham gia điều khiển công việc (thí dụ, bọn đại biểu của quý tộc, bọn đốc học các trường, v.v., do quý tộc bầu ra; những ủy viên trong các cơ quan công xưởng, những người trong các ủy ban của sở giao dịch và các ủy ban hội chợ, v.v., do các nhà buôn chỉ định). Còn giai cấp công nhân

Nga thì chẳng có quyền gì cả: người ta coi họ như trâu ngựa phải làm việc cho người khác và phải câm miệng, không được phép nêu lên những nhu cầu và nguyện vọng của mình. Nếu công nhân được thường xuyên bầu những đồng chí của mình vào các tòa án công nghiệp, thì ít ra họ cũng sẽ có được đôi chút khả năng tham gia các công việc xã hội, và không những nói lên được ý kiến của một công nhân nào đó, của anh A, của anh B hay của anh C, mà còn nói lên được những ý kiến và yêu sách của hết thảy mọi công nhân. Và công nhân sẽ không còn nghi ngờ các tòa án nữa như hiện nay họ đang nghi ngờ các tòa án do các quan tòa nhà nước điều khiển: họ sẽ thấy rằng ở tòa án, họ có những đồng chí của họ để bênh vực cho họ.

Và (thứ năm), đối với công nhân thì tòa án công nghiệp có cái lợi ở chỗ là nó làm cho tình hình trong nhà máy và hết thảy mọi sự kiện xảy ra trong đời sống ở nhà máy càng được nhiều người biết đến hơn. Chúng ta thấy rằng ngày nay bọn chủ xưởng và chính phủ ra sức che giấu không cho công chúng biết những gì xảy ra trong thế giới các công xưởng: người ta cấm không cho báo chí nói đến bãi công; người ta cũng không công bố những bản báo cáo của các viên thanh tra công xưởng về tình cảnh của công nhân; người ta cố làm thinh không nói đến tất cả mọi hành vi hà lạm và cố giải quyết "một cách bí mật", bằng phương pháp hành chính quan liêu tất cả mọi việc sao cho thật nhanh; các cuộc hội họp của công nhân đều bị cấm. Chẳng lấy gì làm lạ là quần chúng công nhân thường biết rất lơ mờ về những việc xảy ra trong các công xưởng khác hay thậm chí trong các phân xưởng của cùng một công xưởng. Các tòa án công nghiệp, nơi mà công nhân có thể luôn luôn đến thưa kiện, nơi mà các vụ kiện sẽ được xử vào những giờ công nhân không làm việc và xử công khai, nghĩa là trước mắt công chúng công nhân, nên tòa án công nghiệp sẽ rất có ích cho công nhân cả ở chỗ là nó góp phần

vào việc làm cho mọi hành vi hà lạm, đều bị phơi bày ra trước công chúng, và như vậy là nó tạo điều kiện thuận lợi cho công nhân trong cuộc đấu tranh chống lại những hành vi xấu xa xảy ra trong các công xưởng, ở chỗ nó làm cho công nhân sẽ quen nghĩ không những đến chế độ trong nhà máy mình làm việc mà còn nghĩ đến chế độ đang được áp dụng trong tất cả các nhà máy, đến cảnh ngộ của hết thảy mọi người công nhân*.

Cuối cùng, không thể không nói đến một lợi ích khác của tòa án công nghiệp: nó dạy cho bọn chủ xưởng, giám đốc, đốc công phải có thái độ tử tế đối với công nhân, đối xử với họ như với những công dân cùng ngang quyền, chứ không phải như với những nông nô. Mọi người công nhân đều biết rằng bọn chủ xưởng và đốc công thường hay tự cho là mình có quyền đối xử với công nhân một cách cực kỳ thô lỗ, có quyền mắng chửi họ, v.v.. Đối với một người công nhân, thì khó mà đi thưa kiện về thái độ ấy, chỉ có nơi nào mà hết thảy mọi công nhân đều đã khá phát triển và có đủ khả năng ủng hộ đồng chí của mình thì mới có thể phản đối thái độ ấy được. Bọn chủ xưởng

* Dĩ nhiên là về mặt này, không nên quên rằng tòa án công nghiệp chỉ có thể là một trong những phương tiện và biện pháp, và hoàn toàn không phải là biện pháp chủ yếu, để đảm bảo cho công chúng thấy rõ được tình hình đó. Về cuộc sống tại nhà máy, về tình cảnh của công nhân và cuộc đấu tranh của họ, thì công chúng chỉ có thể thật sự biết một cách đầy đủ qua báo chí tự do của công nhân và qua những cuộc họp công khai cũng tự do, trong đó người ta bàn cãi hết thảy mọi công việc của nhà nước. Quyền đại diện của công nhân trong các tòa án công nghiệp cũng vậy, nó chỉ là một trong những phương tiện để thực hiện sự đại biểu, nhưng quyết không phải là phương tiện chủ yếu, vì: sự đại biểu thật sự cho lợi ích và nhu cầu của công nhân chỉ có thể được thực hiện trong một cơ quan đại biểu của toàn dân (nghị viện), có nhiệm vụ ban hành pháp luật và giám sát việc thi hành pháp luật. Dưới đây, chúng tôi sẽ lại bàn về vấn đề xét xem trong tình trạng hiện nay ở Nga, có thể lập ra các tòa án công nghiệp được không.

và đốc công nói rằng công nhân nước ta rất dốt nát và rất thô lỗ, cho nên người ta buộc phải đối xử với họ một cách thô lỗ. Thực ra giai cấp công nhân nước ta, còn mang trong mình nhiều tàn tích của chế độ nông nô, họ còn ít học thức và còn thô lỗ nhiều, người ta không thể phủ nhận điều đó. Nhưng trước hết, lỗi tại ai? Chính là lỗi ở bọn chủ xưởng, đốc công, quan lại, chúng đối xử với công nhân, như lãnh chúa đối xử với nông nô, chúng không muốn coi công nhân là người ngang hàng với mình. Người công nhân thỉnh cầu hay chất vấn với một giọng hết sức lễ độ, thì anh ta lại được nghe những câu trả lời thô bỉ, những tiếng chửi mắng và những lời đe dọa. Trong trường hợp ấy, bọn chủ xưởng lại buộc tội công nhân là thô lỗ, thì như thế, há chẳng phải rõ ràng là chúng đã đem lỗi của chính mình mà quy cho kẻ khác hay sao? Các tòa án công nghiệp sẽ làm cho bọn bóc lột ở nước ta chóng bỏ được cái thói quen thô lỗ, vì: tại các tòa án sẽ có những công nhân làm thẩm phán bên cạnh các chủ xưởng, họ sẽ cùng nhau xét các vụ kiện và cùng nhau bỏ phiếu biểu quyết. Các thẩm phán chủ xưởng buộc phải coi các thẩm phán công nhân là những người ngang hàng với mình, chứ không được coi là những người làm thuê. Đứng trước tòa án sẽ là những người đi kiện và những người làm chứng, trong đó có chủ xưởng và có công nhân: chủ xưởng sẽ học được cách thương lượng với công nhân bằng một thái độ đúng đắn. Điều đó rất quan trọng đối với công nhân, vì hiện giờ rất ít khi có thể có những cuộc thương lượng như thế; chủ xưởng thậm chí không muốn nghe nói đến việc công nhân bầu ra những người đại diện, và công nhân chỉ còn một con đường duy nhất để nói chuyện là: bãi công, đấy là con đường khó khăn và thường rất gian khổ. Thêm nữa, nếu trong những viên thẩm phán mà có cả công nhân thì công nhân có thể dễ dàng đưa đơn kiện trước tòa án công nghiệp về sự thô lỗ của chủ. Các thẩm phán công nhân bao giờ cũng sẽ bênh vực công nhân,

và việc chủ xưởng hay đốc công bị gọi ra tòa vì thái độ thô bạo sẽ khiến cho chúng không còn dám tỏ ra láo xược và lên mặt nữa.

Như vậy, tòa án công nghiệp, - gồm một nửa là đại biểu do chủ bầu ra và một nửa là đại biểu do công nhân bầu ra, - có một ý nghĩa rất lớn đối với công nhân và đem đến cho họ nhiều ích lợi: công nhân dễ tiếp xúc với tòa án công nghiệp hơn là tiếp xúc với tòa án thường; thủ tục tố tụng của tòa án công nghiệp ít đòi hỏi giấy tờ và đỡ lè mề quan liêu hơn; các thẩm phán ở tòa án công nghiệp biết rõ được những điều kiện sinh sống ở công xưởng hơn và xét xử công bình hơn; tòa án công nghiệp làm cho công nhân quen với pháp luật và tập cho công nhân bầu ra những người đại diện của mình để tham gia các công việc nhà nước; nó làm cho đời sống ở công xưởng và phong trào công nhân được nhiều người biết đến hơn; nó tập cho bọn chủ xưởng biết cách đối xử một cách lịch sự với công nhân và cùng công nhân tiến hành những cuộc thương lượng với thái độ đúng đắn, ngang hàng. Cho nên chẳng lấy gì làm lạ là công nhân tất cả các nước ở châu Âu đều đòi thành lập tòa án công nghiệp, họ đòi thành lập các tòa án công nghiệp không những cho công nhân công xưởng - nhà máy (ở Đức và ở Pháp đã có những tòa án như thế) mà cho cả những công nhân làm gia công (thợ thủ công) cho các nhà tư bản và cho những công nhân nông nghiệp nữa. Vô luận một viên quan nào do chính phủ bổ nhiệm (*thẩm phán, thanh tra công xưởng*) cũng *không bao giờ* có thể thay thế được những cơ quan ấy, mà *bản thân công nhân sẽ tham gia* vào: sau tất cả những điều đã nói trên kia, hà tất còn phải nói nhiều về điều đó nữa. Và lại, bất cứ một công nhân nào, do kinh nghiệm bản thân, cũng đều biết là mình có thể chờ đợi những gì ở bọn quan lại; nếu người ta nói với công nhân rằng bọn quan lại có thể bênh vực anh ta chẳng kém gì những người đại diện do chính công nhân bầu ra, thì mọi người công

nhân đều biết rất rõ rằng đó chỉ là một lời nói dối và lừa bịp. Sự lừa bịp đó rất có lợi cho cái chính phủ đang mong muốn rằng công nhân sẽ mãi mãi vẫn là những người nô lệ của các nhà tư bản, những người nô lệ dốt nát, bị tước hết mọi quyền và buộc phải ngậm miệng. Chính vì thế mà người ta rất thường nghe thấy bọn quan lại hoặc bọn nhà văn bênh vực cho bọn chủ xưởng và chính phủ, đưa ra những luận điệu dối trá ấy.

Tòa án công nghiệp là cần thiết và có lợi cho công nhân, đó là điều hiển nhiên đến nỗi *chính bọn quan lại Nga* cũng đã phải thừa nhận như thế từ lâu rồi. Nói cho đúng ra, thì việc này xảy ra cách đây quá lâu nên nhiều người đã quên mất! Đó là lúc mà nông dân được giải phóng khỏi chế độ nông nô (vào năm 1861, cách đây hơn 38 năm). Cùng thời kỳ ấy, chính phủ Nga quyết định thay thế các đạo luật bằng những đạo luật mới về thợ thủ công và công nhân công xưởng: lúc đó, người ta thấy quá hiển nhiên là sau khi nông dân được giải phóng, người ta không còn có thể duy trì các đạo luật cũ về công nhân nữa; vào thời kỳ các đạo luật ấy được thảo ra, thì nhiều công nhân đang còn là nông nô. Và chính phủ đã chỉ định một tiểu ban gồm một số quan chức, có nhiệm vụ nghiên cứu những đạo luật của Đức và Pháp (và của nhiều nước khác nữa) về công nhân công nghiệp và về thợ thủ công. Có những nhân vật tai to mặt lớn tham gia tiểu ban ấy. Dù sao thì họ cũng đã bắt tay vào việc và xuất bản đến năm quyển sách, trong đó họ trình bày những đạo luật của các nước ngoài và đề nghị một đạo luật mới cho nước Nga. Đạo luật này - mà tiểu ban đề nghị - *dự định thành lập tòa án công nghiệp với những viên thẩm phán mà một nửa là do chủ xưởng bầu ra và một nửa khác do công nhân bầu*. Dự án ấy được công bố vào năm 1865, nghĩa là cách đây 34 năm. Và người công

nhân đã phải hỏi: thế người ta đã làm gì với bản dự án ấy? Tại sao chính phủ đã giao nhiệm vụ cho các quan chức ấy thảo ra một dự án về những điều sửa đổi cần thiết, mà lại không lập ra ở Nga những tòa án công nghiệp?

Thái độ của chính phủ nước ta đối với bản dự án của tiểu ban ấy cũng chẳng khác gì thái độ đối với hết thảy mọi dự án nào mà có lợi chút ít cho nhân dân và công nhân. Nó thường công cho những viên quan đã có cống hiến cho Nga hoàng và tổ quốc; nó ban cho họ huân chương, thăng cấp cho họ và bổ nhiệm họ vào những chức vị có nhiều bổng lộc hơn. Còn cái bản dự án mà họ thảo ra, thì, - như người ta hay nói trong các văn phòng, - chính phủ rất thân nhiên "nhét nó vào ngăn kéo". Ngày nay bản dự án đó vẫn còn nằm trong ngăn kéo. Chính phủ đã hoàn toàn chôn vùi ý nghĩ là phải cho công nhân quyền bầu ra những đồng chí của mình, những đại biểu công nhân vào các tòa án công nghiệp.

Tuy nhiên, người ta không thể nói rằng từ bấy đến nay, chính phủ không có một lúc nào nghĩ đến công nhân. Nói cho đúng ra thì không phải vì chính phủ tự có lòng tốt nghĩ đến họ, mà chỉ vì áp lực của các cuộc bãi công và vì những sự sục sôi đe dọa: nhưng cuối cùng thì dù sao chính phủ cũng đã nghĩ đến họ. Chính phủ đã ban bố những đạo luật cấm không được thuê trẻ em làm trong các công xưởng, cấm không được bắt phụ nữ làm việc ban đêm trong một số ngành sản xuất, ban bố những đạo luật rút ngắn ngày lao động, bổ nhiệm những viên thanh tra công xưởng. Dù cho các đạo luật đặt ra những thủ tục nhiều khê đến đâu, dù cho có nhiều chỗ hở - khiến cho bọn chủ xưởng nào muốn vi phạm và xuyên tạc pháp luật, thì đều có thể lợi dụng được - đến đâu chẳng nữa, thì những đạo luật đó cũng không vì thế mà không có ích phần nào. Nhưng thế thì tại sao chính phủ không lập ra những tòa án công nghiệp theo dự định của một đạo luật đã được

thảo ra một cách đầy đủ, mà lại thích ban hành những đạo luật mới và đặt ra những loại quan chức mới: những viên thanh tra công xưởng? Lý do rất rõ, và điều hết sức quan trọng đối với công nhân là cần hiểu đầy đủ về lý do đó, vì thí dụ ấy khiến họ có thể hiểu được toàn bộ chính sách của chính phủ Nga đối với giai cấp công nhân.

Đáng lẽ phải lập ra các tòa án công nghiệp thì chính phủ lại bỏ nhiệm những viên quan mới, là bởi vì nếu tòa án công nghiệp được lập ra thì nó sẽ nâng cao giác ngộ của công nhân, làm cho họ có ý thức hơn về các quyền của mình, về phẩm cách làm người và phẩm cách công dân của họ, tập cho họ tự mình suy nghĩ về các công việc nhà nước và về lợi ích của toàn thể giai cấp công nhân, tập cho họ biết bầu các đồng chí tiên tiến nhất của họ vào giữ chức đại biểu của công nhân, và như vậy là hạn chế, đến một mức nào đó, sự độc đoán tuyệt đối của riêng bọn quan lại chuyên chế. Đó chính là điều mà chính phủ sợ nhất. Nó sẵn sàng ban cho công nhân một vài khoản bố thí (hiển nhiên chẳng được là bao, và đồng thời nó sắp đặt sao cho một tay thì ban ra, một cách trọng thể trước mặt mọi người, tỏ ra mình là bậc ân nhân, nhưng tay khác lại thu về dần dần, một cách lén lút! Công nhân đã có một thí dụ về mảnh khoe đó là đạo luật công xưởng ngày 2 tháng Sáu 1897!); chính phủ sẵn sàng ban một vài khoản bố thí nào đó với điều kiện là làm sao duy trì được nguyên vẹn sự chuyên chế của bọn quan lại, và sao cho giai cấp công nhân không giác ngộ lên được, sao cho tính độc lập của công nhân không phát triển lên được. Chính phủ có thể dễ dàng thoát khỏi cái nguy cơ làm cho nó khiếp sợ đó, bằng cách bổ nhiệm những viên quan mới: quan lại là những kẻ tồi tệ ngoan ngoãn của nó. Cấm các viên quan (thí dụ, cấm các viên thanh tra công xưởng) công bố các bản báo cáo của họ, là điều chẳng khó khăn chút nào cả; cấm họ nói với công nhân về quyền lợi của công nhân và

về những hành vi lạm quyền của chủ, là điều chẳng khó khăn chút nào; biến những viên quan ấy thành những tên cảnh sát công xưởng bằng cách buộc họ phải báo cho cảnh sát biết mọi sự bất mãn và mọi sự sôi sục trong công nhân, là điều chẳng khó khăn chút nào cả.

Cho nên, chừng nào mà ở Nga còn có chế độ chính trị hiện nay, nghĩa là còn có tình trạng nhân dân chẳng có chút quyền gì, còn có sự lộng hành của bọn quan lại và cảnh sát độc đoán, vô trách nhiệm trước nhân dân, thì chừng đó công nhân không thể mong có sự thiết lập ra những tòa án công nghiệp có ích cho họ. Chính phủ hiểu rất rõ rằng tòa án công nghiệp sẽ làm cho công nhân chuyển rất nhanh sang yêu sách triệt để hơn. Trong khi bầu đại biểu của mình vào các tòa án đó, công nhân sẽ rất nhanh chóng nhận thấy rằng như thế cũng chưa đủ, vì bọn địa chủ và bọn chủ xưởng, tức là những kẻ bóc lột họ, đều có đại biểu của chúng trong rất nhiều cơ quan nhà nước ở những cấp cao hơn nhiều; công nhân nhất định sẽ đòi hỏi quyền được có đại biểu trong phạm vi toàn quốc. Sau khi đã làm cho công chúng, thông qua các tòa án mà biết được các việc xảy ra trong các công xưởng và nhu cầu của công nhân, thì công nhân sẽ rất chóng nhận thấy rằng như thế là chưa đủ, vì trong thời đại chúng ta, chỉ có báo chí và các cuộc hội họp công khai mới có thể đảm bảo làm cho công chúng thực sự biết được những việc đã xảy ra; và công nhân sẽ đòi quyền tự do hội họp, tự do ngôn luận và tự do báo chí. *Và đó là lý do tại sao chính phủ đã chôn vùi bản dự án thành lập các tòa án công nghiệp ở Nga!*

Mặt khác, chúng ta hãy cứ tạm cho rằng chính phủ vì muốn lừa bịp công nhân nên ngay từ giờ nó đã chủ tâm lập ra các tòa án công nghiệp, nhưng đồng thời vẫn giữ nguyên chế độ chính trị hiện có. Biện pháp đó có lợi gì cho công nhân không? Chẳng có lợi chút nào cả, vì chính

công nhân cũng sẽ không bầu vào các tòa án ấy những đồng chí giác ngộ nhất, trung thực nhất và tận tụy với sự nghiệp công nhân, bởi vì họ biết rằng, đối với mọi lời nói công khai và trung thực, thì ở Nga, người ta chỉ cần một cái lệnh của cảnh sát là có thể bắt một người nào đó, đưa anh ta vào tù hoặc đày đi Xi-bi-ri mà không cần xét xử, cũng không cần điều tra gì cả!

Vậy yêu sách về tòa án công nghiệp gồm những đại biểu do công nhân bầu ra, chỉ là một phần nhỏ của một yêu sách rộng lớn, triệt để hơn nhiều: yêu sách đòi các quyền chính trị cho nhân dân, nghĩa là quyền nhân dân được tham gia vào việc quản lý các công việc nhà nước và được công khai bày tỏ các nhu cầu của nhân dân không những trên các báo, mà còn cả trong các cuộc hội họp công khai nữa.

Viết xong vào cuối năm 1899

*In lần đầu vào năm 1924 trên
tạp chí "Cách mạng vô sản",
số 8 - 9*

*Theo đúng bản thảo, do
N. C. Crúp-xcai-a chép lại*

BÀN VỀ BÃI CÔNG¹⁰⁷

Những năm gần đây, những cuộc bãi công của công nhân rất thường xảy ra ở Nga. Chẳng có tỉnh công nghiệp nào mà hiện nay lại không xảy ra vài cuộc bãi công. Còn trong các thành phố lớn, bãi công nổ ra liên tiếp. Cho nên, đương nhiên là những công nhân giác ngộ và những người xã hội chủ nghĩa ngày càng thường tự hỏi rằng các cuộc bãi công có ý nghĩa gì, làm thế nào tiến hành các cuộc bãi công, và những người xã hội chủ nghĩa tham gia các cuộc bãi công với nhiệm vụ như thế nào.

Chúng tôi muốn thử trình bày một vài suy nghĩ của chúng tôi về các vấn đề đó. Trong bài thứ nhất, chúng tôi định nghiên cứu ý nghĩa của các cuộc bãi công trong phong trào công nhân nói chung; trong bài thứ hai, chúng tôi sẽ nói về các đạo luật Nga chống bãi công, và trong bài thứ ba, chúng tôi sẽ nói đến vấn đề các cuộc bãi công ở Nga đã và đang được tiến hành như thế nào và những công nhân giác ngộ cần có thái độ như thế nào đối với các cuộc bãi công.

I

Vấn đề trước tiên là giải thích do nguyên nhân gì mà các cuộc bãi công nổ ra và lan rộng. Người nào nhớ lại hết thấy mọi trường hợp bãi công mà mình biết được, do kinh nghiệm của bản thân, do người khác kể lại hay do

báo chí nêu ra, thì người đó sẽ thấy ngay rằng nơi nào mà các công xưởng lớn xuất hiện và ngày càng mọc lên nhiều, thì tại đấy, các cuộc bãi công nổ ra và ngày càng lan rộng. Trong số các công xưởng rất lớn dùng hàng trăm (và có khi hàng ngàn) công nhân, người ta khó có thể thấy có một xưởng nào mà không xảy ra bãi công của công nhân. Khi mà ở Nga, công xưởng và nhà máy lớn còn chưa có mấy, thì bãi công cũng chưa có mấy; từ khi số lượng công xưởng lớn tăng lên mau chóng, trong các khu công nghiệp cũ cũng như trong các thành phố và thị trấn mới, thì càng ngày bãi công càng thường hay xảy ra.

Do đâu mà nền đại sản xuất công nghiệp bao giờ cũng dẫn đến những cuộc bãi công? Đó là do chỗ chủ nghĩa tư bản tất nhiên dẫn đến cuộc đấu tranh của công nhân chống lại chủ; và khi nền sản xuất trở thành sản xuất lớn, thì cuộc đấu tranh ấy tất nhiên mang hình thức bãi công.

Chúng ta hãy nói rõ điều đó.

Một tổ chức xã hội trong đó ruộng đất, công xưởng công cụ, v.v., đều thuộc về tay một thiểu số địa chủ và nhà tư bản, còn quần chúng nhân dân thì không có gì hoặc hầu như không có gì làm của riêng của mình và do đó, phải đi làm thuê, - một tổ chức xã hội như thế, người ta gọi là chủ nghĩa tư bản. Bọn địa chủ và bọn chủ xưởng thuê công nhân và bắt họ sản xuất ra sản phẩm này hay sản phẩm nọ để chúng đem bán trên thị trường. Trong khi làm như thế, bọn chủ xưởng chỉ trả cho công nhân một số tiền công cho phép họ cùng với gia đình tạm sống qua ngày; tất cả những cái gì mà người công nhân sản xuất vượt số lượng sản phẩm ấy, thì chủ xưởng đều bỏ túi, đó là lợi nhuận của hắn ta. Như vậy, trong chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa, quần chúng nhân dân làm thuê cho kẻ khác, họ không lao động cho mình, mà cho bọn chủ, để lấy tiền công. Đương nhiên, bọn chủ bao giờ cũng ra sức giảm bớt tiền công: chúng trả cho công nhân càng ít thì

phần lợi nhuận còn lại cho chúng càng nhiều. Còn công nhân thì ra sức đòi cho được tiền công hết sức cao để cung cấp cho toàn thể gia đình mình thức ăn ngon lành và dỗi dào, để được ở trong một gian nhà tử tế, để không phải đeo quần manh áo vá, mà được mặc như mọi người. Vì thế, giữa chủ và công nhân diễn ra một cuộc đấu tranh không ngừng về vấn đề tiền công; chủ có quyền tự do muốn thuê ai tùy thích, và vì thế họ tìm người công nhân nào thuê được rẻ nhất. Người công nhân có quyền tự do làm thuê cho người chủ do mình lựa chọn, và anh ta tìm người chủ nào trả công cao nhất, người chủ nào trả nhiều hơn. Dù cho người công nhân làm ở nông thôn hay ở thành phố, làm thuê cho một địa chủ, một phú nông, một chủ thầu hay một chủ xưởng, thì bao giờ anh ta cũng mặc cả với chủ, anh ta phải đấu tranh với chủ về vấn đề tiền công.

Nhưng người công nhân riêng lẻ có thể tiến hành được cuộc đấu tranh ấy không? Số lượng công nhân tăng lên không ngừng: nông dân phá sản bỏ nông thôn và chạy ra các thành thị và công xưởng. Bọn địa chủ và bọn chủ xưởng sử dụng máy móc là những cái khiến cho công nhân bị mất việc. Số người thất nghiệp tăng lên trong các thành phố và số người ăn mày tăng lên ở nông thôn; những người đói làm cho tiền công ngày càng bị sụt xuống. Người công nhân riêng lẻ không thể nào đấu tranh với chủ được. Nếu anh ta đòi tiền công cao hay không chịu để cho người ta hạ tiền công của mình xuống, thì chủ sẽ trả lời anh ta: cút khỏi nơi này đi, thiếu gì những thằng đói đang cầu xin tao, chúng sẽ rất sung sướng được làm việc mặc dù tiền công hạ.

Khi sự khốn cùng của nhân dân đã đến mức là trong các thành thị và nông thôn, thường xuyên có nhiều người thất nghiệp, đến mức bọn chủ xưởng vợ vét được vô số của cải, còn những người tiểu chủ thì bị bọn triệu phú loại trừ, thì lúc đó người công nhân riêng lẻ trở nên *hoàn toàn bất*

lực trước nhà tư bản. Nhà tư bản có thể hoàn toàn đè bẹp anh ta, làm cho anh ta kiệt đến chết bằng lao động khổ sai, và không những chỉ anh ta, mà cả vợ con anh ta cũng thế. Thật vậy, các bạn hãy nhìn vào các ngành sản xuất trong đó công nhân chưa được pháp luật che chở và không thể chống lại bọn tư bản: các bạn sẽ thấy ở đấy ngày lao động bị kéo dài một cách quá đáng tới 17 hoặc 19 giờ; các bạn sẽ thấy ở đấy có những em nhỏ 5 - 6 tuổi làm việc kiệt sức; các bạn sẽ thấy ở đấy có một thế hệ công nhân thường xuyên bị đói và chết dần vì đói. Thí dụ: những công nhân làm gia công cho các nhà tư bản; ngoài ra, mỗi công nhân còn có thể kể ra nhiều thí dụ khác nữa! Ngay cả trong thời kỳ chế độ nô lệ và chế độ nông nô, người lao động cũng chưa bao giờ phải trải qua ách áp bức khủng khiếp mà bọn tư bản đang thực hiện, nếu công nhân bất lực không chống lại được chúng và không giành lấy được những đạo luật hạn chế sự độc đoán của chủ.

Chính vì để khỏi bị dồn vào bước đường cùng ấy, công nhân bắt đầu tiến hành một cuộc đấu tranh quyết liệt. Thấy rằng nếu hành động riêng rẽ thì mỗi người trong bọn họ sẽ hoàn toàn bất lực và có cơ bị tiêu vong dưới ách của tư bản, cho nên công nhân đi đến chỗ nhất trí cùng nhau đứng lên chống lại bọn chủ. Những cuộc bãi công của công nhân nổ ra. Thường thì lúc đầu công nhân thậm chí cũng không biết mình muốn cái gì, họ không hiểu *cái gì* khiến mình phải hành động như vậy: họ chỉ biết đập phá máy móc thôi, hay họ phá các công xưởng. Họ chỉ muốn làm cho bọn chủ xưởng thấy rằng họ căm phẫn; họ thử dùng lực lượng phối hợp của họ để thoát khỏi một cảnh ngộ không sao chịu nổi được nữa, nhưng họ còn chưa biết được đích xác vì sao cảnh ngộ của họ lại tuyệt vọng đến như thế và họ còn chưa biết phải hướng đến chỗ nào.

Trong tất cả các nước, sự bất bình của công nhân, lúc đầu, biểu lộ ra bằng những cuộc nổi dậy riêng rẽ, những cuộc phiến loạn, như lời bọn cảnh sát và bọn chủ xưởng ở nước ta vẫn thường nói. Trong tất cả các nước, những cuộc nổi dậy riêng rẽ ấy, một mặt, dẫn đến những cuộc bãi công ít nhiều có tính chất hòa bình, và mặt khác, dẫn đến cuộc đấu tranh toàn diện của giai cấp công nhân để tự giải phóng.

Trong cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân, bãi công (hay đình công) có tác dụng như thế nào? Muốn trả lời câu hỏi ấy, trước hết chúng ta phải nói tỉ mỉ hơn một chút về các cuộc bãi công. Nếu, như chúng ta đã thấy, tiền công của công nhân là do hợp đồng giữa công nhân và chủ quy định và nếu trong trường hợp đó, người công nhân riêng lẻ hoàn toàn bất lực, thì rõ ràng là công nhân nhất định phải cùng nhau bảo vệ các yêu sách của mình, rõ ràng là họ nhất định phải tổ chức những cuộc bãi công để ngăn cản chủ bớt tiền công hay để giành lấy tiền công cao hơn. Và thực vậy, chẳng có một nước nào thuộc chế độ tư bản chủ nghĩa mà lại không có những cuộc bãi công của công nhân. Trong tất cả các nước ở châu Âu và ở Mỹ, công nhân khắp nơi đều cảm thấy bất lực khi họ hành động riêng lẻ, và họ chỉ có thể chống lại chủ bằng cách cùng nhau hành động, hoặc tiến hành bãi công, hoặc dọa bãi công. Chủ nghĩa tư bản càng phát triển, nhà máy lớn và công xưởng lớn càng nhiều, bọn tư bản lớn chèn lấn bọn tư bản nhỏ càng mạnh, thì sự tất yếu của việc phản kháng chung của công nhân lại càng trở thành khẩn thiết. Vì nạn thất nghiệp ngày càng trầm trọng, sự cạnh tranh trở nên gay gắt hơn giữa các nhà tư bản đang ra sức sản xuất hàng hóa của mình với giá hết sức hạ (thành thử phải trả công cho công nhân hết sức hạ), những biến động trong công nghiệp ngày càng trầm trọng hơn và các cuộc khủng hoảng ngày càng trở

nên dữ dội hơn*. Khi công nghiệp phồn thịnh thì chủ xưởng thu được nhiều lợi nhuận, nhưng chẳng hề nghĩ đến việc chia lợi nhuận đó cho công nhân; song vào thời kỳ khủng hoảng, thì chủ xưởng lại tìm cách bắt công nhân phải gánh vác gánh lấy những thiệt hại. Sự cần thiết phải bãi công trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã được tất cả mọi người trong các nước châu Âu thừa nhận. Thành thử pháp luật trong các nước đó cũng không ngăn cấm bãi công. Chỉ có ở Nga mới có những đạo luật đã man chống lại bãi công (vào lần khác, chúng tôi sẽ còn nói đến các đạo luật ấy và đến việc thi hành các đạo luật đó).

Nhưng, bãi công, - do chính bản chất của xã hội tư bản chủ nghĩa mà ra, - đánh dấu bước đầu của cuộc đấu tranh mà giai cấp công nhân tiến hành chống lại tổ chức xã hội ấy. Trước mắt bọn tư bản giàu có, nếu những công nhân nghèo khổ đứng riêng lẻ thì họ sẽ bị nô dịch hoàn toàn. Khi những công nhân nghèo khổ ấy cùng nhau hợp lực lại thì tình hình lại khác. Của cải của bọn chủ sẽ chẳng mang lại cho chúng được chút lợi nhuận nào, nếu chúng không tìm được những công nhân chịu đem lao động của họ sử dụng vào công cụ và nguyên liệu của các nhà tư bản và sản xuất ra những của cải mới. Khi đứng riêng lẻ trước mặt bọn chủ thì những công nhân vẫn là những nô lệ thực sự, buộc phải mãi mãi lao động cho kẻ khác để đổi lấy mẩu bánh, phải mãi mãi làm thuê ngoan ngoãn và

* Vào lần khác, chúng ta sẽ nói tỉ mỉ hơn về các cuộc khủng hoảng trong công nghiệp và ý nghĩa của các cuộc khủng hoảng đó đối với công nhân. Hiện giờ, chúng tôi chỉ muốn mọi người lưu ý rằng trong những năm gần đây, công nghiệp của nước Nga đã phát triển mạnh, đã "phồn thịnh" lên. Nhưng đến nay (cuối 1899), đã có những dấu hiệu rõ rệt chứng tỏ rằng "sự phồn thịnh" ấy sắp đi đến một cuộc khủng hoảng, đi đến những khó khăn trong việc tiêu thụ hàng hóa, đi đến chỗ chủ xưởng vỡ nợ, tiểu chủ phá sản, và đi đến những tai họa ghê gớm cho công nhân (thất nghiệp, tiền công bị giảm, v.v.).

im lặng một bề. Nhưng khi họ cùng nhau đưa yêu sách và không chịu tuân theo những kẻ có đầy túi tiền thì họ không còn là nô lệ nữa, họ trở thành những con người, họ bắt đầu đòi lao động của họ không phải chỉ dùng để làm giàu cho một nhóm kẻ ăn bám, mà còn để làm cho những người lao động có thể sống như những con người. Những người nô lệ bắt đầu đòi được trở thành những người chủ, đòi làm việc và sống không phải theo ý muốn của bọn địa chủ và bọn tư bản, mà là theo ý muốn của chính những người lao động. Sở dĩ bãi công luôn luôn làm cho bọn tư bản hết sức khiếp sợ là vì bãi công bắt đầu làm lung lay nền thống trị của chúng. Một bài hát của công nhân Đức đã nói về giai cấp công nhân như sau: "Tất cả các bánh xe sẽ ngừng lại, nếu cánh tay vững mạnh của anh muốn thế". Quả vậy: có thể nói công xưởng, nhà máy, các đại điền trang của địa chủ, máy móc, đường sắt, v.v., v.v., đều là những bánh xe của một bộ máy đồ sộ làm ra những sản phẩm đủ các loại, làm cho những sản phẩm đó trải qua những quá trình chế biến cần thiết và cung cấp những thứ đó cho nơi nào cần đến. Công nhân canh tác ruộng đất, khai thác quặng, sản xuất ra hàng hóa trong các công xưởng, xây dựng nhà cửa, xưởng máy, đường sắt, *công nhân là người làm cho cả bộ máy ấy chuyển động*. Khi công nhân không chịu làm việc nữa, thì toàn bộ bộ máy ấy có cơ phải ngừng lại. Mỗi cuộc bãi công lại nhắc cho bọn tư bản biết rằng người chủ thực sự không phải là chúng, mà là công nhân đang ngày càng lớn tiếng nêu lên các quyền của họ. Mỗi cuộc bãi công lại nhắc cho công nhân biết rằng tình cảnh của họ không phải là tuyệt vọng, rằng họ không đơn độc. Các bạn hãy xem bãi công có một ảnh hưởng lớn lao biết chừng nào đối với những người bãi công, cũng như đối với những công nhân trong các công xưởng bên cạnh hay ở gần, hay ở trong cùng một ngành công nghiệp. Trong lúc bình thường, trong thời bình, người công nhân cần rằng

chịu khổ, không phản đối chủ, không suy nghĩ đến cảnh ngộ của mình. Trong lúc bãi công, người công nhân lớn tiếng nêu ra các yêu sách của mình, anh nhắc lại cho bọn chủ nhớ hết thủy mọi sự áp bức mà chúng đã bắt anh phải chịu, anh nêu lên các quyền của anh, anh không phải chỉ nghĩ đến bản thân mình và tiền công của mình, mà còn nghĩ đến tất cả những đồng chí đã cùng ngừng việc với anh và bảo vệ sự nghiệp công nhân mà không sợ phải chịu đựng thiếu thốn. Mọi cuộc bãi công đều làm cho công nhân phải chịu biết bao thiếu thốn, và lại là những thiếu thốn khủng khiếp đến mức chỉ có thể đem so sánh được với những tai họa chiến tranh mà thôi: cả nhà bị đói, không có tiền công nữa, thường khi lại bị bắt, bị đuổi ra khỏi thành phố mà anh ta đã ở từ lâu và làm việc. Mặc dầu tất cả những tai họa ấy, công nhân khinh bỉ kẻ nào bỏ rơi đồng chí của mình và thỏa hiệp với chủ. Mặc dầu những khốn cùng do bãi công gây ra, công nhân các xưởng lân cận bao giờ cũng cảm thấy có thêm can đảm khi nhìn thấy các đồng chí mình đã bắt đầu đấu tranh. Nhân bàn về các cuộc bãi công của công nhân Anh, Ăng-ghen, một bậc thầy vĩ đại của chủ nghĩa xã hội, đã nói: "Những người đã chịu đựng được bao nhiêu khổ cực để đập tan sự phản kháng của độc một tên tư bản, những người đó sẽ có thể đập tan được sự phản kháng của toàn bộ giai cấp tư sản"¹⁰⁸. Thường thường chỉ cần bãi công nổ ra ở một công xưởng là đủ để cho phong trào lan ngay sang một loạt công xưởng khác. Ảnh hưởng tinh thần của các cuộc bãi công thật là to lớn biết bao; đối với công nhân, hình ảnh các đồng chí của họ, dù chỉ chốc lát thôi, không còn là những người nô lệ nữa và đã trở thành những người bình đẳng với bọn giàu có, hình ảnh đó thật có sức nhiễm cảm biết bao! Bất cứ một cuộc bãi công nào cũng góp phần mạnh mẽ vào việc hướng công nhân tới chủ nghĩa xã hội, tới cuộc đấu tranh của toàn bộ giai cấp công nhân để tự giải

phóng khởi ách tư bản. Rất thường có tình trạng là trước khi xảy ra một cuộc bãi công lớn, thì công nhân ở một công xưởng nào đó, một ngành công nghiệp nào đó, một thành phố nào đó, hầu như chẳng biết gì về chủ nghĩa xã hội và hầu như chẳng nghĩ gì đến chủ nghĩa xã hội, nhưng sau cuộc bãi công, các tiểu tổ và các hội tăng lên gấp bội trong công nhân, và số công nhân trở thành những người xã hội chủ nghĩa tăng lên không ngừng.

Bãi công dạy cho công nhân thấy rõ được đâu là sức mạnh của bọn chủ và đâu là sức mạnh của mình; nó tập cho công nhân có thói quen nghĩ đến tất cả bọn chủ, đến toàn bộ giai cấp các nhà tư bản và đến toàn bộ giai cấp công nhân chứ không phải chỉ nghĩ đến chủ của mình và đến các đồng chí gần gũi nhất của mình mà thôi. Khi một tên chủ xưởng đã vơ vét được hàng triệu đồng do lao động của nhiều thế hệ công nhân làm ra, mà lại từ chối không chịu tăng tiền công chút nào hay thậm chí còn toan giảm bớt hơn nữa và, trong trường hợp có sự phản kháng của công nhân, nó lại ném ra vĩa hè hàng ngàn gia đình đói khổ, thì khi đó công nhân thấy rõ ràng rằng toàn bộ giai cấp tư bản là kẻ thù của toàn bộ giai cấp công nhân, rằng công nhân chỉ có thể trông cậy vào bản thân mình và vào sự đoàn kết của mình mà thôi. Bọn chủ xưởng thường hay tìm hết cách lừa bịp công nhân, tỏ ra mình là ân nhân của công nhân, dùng một món bố thí cón con, những lời hứa hẹn giả dối để che giấu việc mình bóc lột công nhân. Mỗi cuộc bãi công đều luôn luôn phá tan tất cả các ngón lừa dối ấy; nó chỉ ra cho công nhân thấy "ân nhân" của họ là một con chó sói đội lốt cừu.

Bãi công không những chỉ làm cho công nhân nhìn thấy rõ bọn tư bản, mà còn làm cho họ thấy rõ cả chính phủ và pháp luật nữa. Cũng như bọn chủ xưởng muốn tỏ ra mình là ân nhân của công nhân, bọn quan lại và tay sai của chúng muốn thuyết phục cho công nhân tin rằng Nga

hoàng và chính phủ Nga hoàng xử sự một cách hoàn toàn công bằng, chăm lo đến số phận của công nhân chẳng khác gì chăm lo đến số phận của chủ. Người công nhân không biết pháp luật, không tiếp xúc với bọn quan lại, nhất là với bọn quan lại cao cấp, cho nên thường thường anh ta tin vào tất cả những luận điệu đó. Nhưng rồi một cuộc bãi công bùng nổ ra. Thế là công tố viên, thanh tra công xưởng, cảnh sát, thường khi cả quân đội nữa, kéo đến công xưởng. Công nhân được người ta cho biết là họ đã vi phạm pháp luật: pháp luật cho phép bọn chủ xưởng cùng nhau họp lại và công khai bàn cách hạ tiền công của công nhân, nhưng pháp luật coi việc công nhân cùng nhau thỏa thuận để hành động chung là một sự phạm tội! Họ bị đuổi ra khỏi nhà của họ; cảnh sát đóng cửa các cửa hàng mà họ có thể mua chịu thực phẩm; người ta tìm cách đẩy binh lính chống lại công nhân, ngay cả khi công nhân giữ thái độ rất bình tĩnh và hòa bình. Thậm chí người ta ra lệnh cho binh lính bắn vào công nhân và, khi mà binh lính tàn sát công nhân tay không có vũ khí và bắn vào lưng quần chúng đã bỏ chạy, thì đích thân Nga hoàng lại ban lời khen ngợi quân đội (như Nga hoàng đã khen ngợi binh lính bắn giết công nhân bãi công ở I-a-rô-xláp, hồi năm 1895)¹⁰⁹. Từ đấy, mỗi công nhân đều thấy rõ rằng chính phủ Nga hoàng là kẻ thù tệ hại nhất của mình, rằng chính phủ bênh vực bọn tư bản và trói chặt tay chân công nhân lại. Người công nhân bắt đầu hiểu rằng pháp luật đặt ra chỉ là vì lợi ích của bọn giàu có, rằng bọn quan lại cũng bênh vực lợi ích của bọn giàu có, rằng giai cấp công nhân bị khóa miệng lại và thậm chí người ta không để cho họ có khả năng bày tỏ nhu cầu của họ, rằng giai cấp công nhân nhất thiết phải giành cho được quyền bãi công, quyền xuất bản báo chí của công nhân, quyền tham dự vào cơ quan đại biểu nhân dân là cơ quan có nhiệm vụ ban bố các đạo luật và giám sát việc thi hành các đạo luật đó. Và bản thân chính phủ

cũng hiểu rất rõ rằng bãi công làm cho công nhân mở mắt ra; vì thế chính phủ rất sợ những cuộc bãi công và tìm đủ mọi cách dập tắt những cuộc bãi công càng nhanh càng tốt. Không phải ngẫu nhiên mà một hôm, một tên bộ trưởng Bộ nội vụ Đức - đặc biệt nổi tiếng vì đã tìm mọi cách đàn áp những người xã hội chủ nghĩa và những công nhân giác ngộ - đã tuyên bố trước các đại biểu nhân dân: "đằng sau mỗi cuộc bãi công hiện lên cái bóng con quái vật (con quỷ) cách mạng"¹¹⁰; mỗi cuộc bãi công củng cố và phát triển trong công nhân cái ý thức thấy rằng chính phủ là kẻ thù của mình, rằng giai cấp công nhân phải chuẩn bị đấu tranh chống chính phủ để giành lấy các quyền lợi cho nhân dân.

Như vậy là bãi công dạy cho công nhân biết đoàn kết với nhau; nó chỉ cho công nhân thấy rằng chỉ có cùng nhau chung sức lại, mới có thể đấu tranh chống bọn tư bản được; bãi công dạy cho công nhân biết nghĩ đến cuộc đấu tranh của toàn bộ giai cấp công nhân chống lại toàn bộ giai cấp bọn chủ xưởng và chống lại chính phủ chuyên chế, chính phủ cảnh sát. Chính vì thế mà những người xã hội chủ nghĩa gọi bãi công là "trường học chiến đấu", một trường học mà ở đó công nhân học cách chiến đấu chống những kẻ thù của mình, để giải phóng toàn thể nhân dân và hết thảy mọi người lao động khỏi ách của bọn quan lại và tư bản.

Nhưng "trường học chiến đấu" vẫn chưa phải là bản thân cuộc chiến đấu. Khi bãi công lan rộng trong công nhân, một số công nhân (và một vài người xã hội chủ nghĩa) lại đi đến chỗ tưởng rằng giai cấp công nhân có thể chỉ cần bãi công, tổ chức ra các quỹ và các hội phục vụ cho bãi công không thôi, và tưởng rằng chỉ các cuộc bãi công ấy thôi cũng đủ cho giai cấp công nhân có thể thật sự cải thiện được tình cảnh của mình, thậm chí có thể tự giải phóng được. Thấy sức mạnh của sự đoàn kết công nhân, và sức mạnh của ngay cả những cuộc bãi công nhỏ, một

số người nghĩ rằng chỉ cần công nhân tổ chức một cuộc tổng bãi công toàn quốc là đủ có thể giành được ở bọn tư bản và ở chính phủ tất cả những gì mà họ mong muốn. Ý kiến đó cũng là ý kiến của công nhân các nước khác, khi mà phong trào công nhân chỉ mới bắt đầu và còn hoàn toàn thiếu kinh nghiệm. *Nhưng đó là một ý kiến sai.* Bãi công là *một* trong những phương sách đấu tranh của giai cấp công nhân để tự giải phóng, nhưng không phải là phương sách duy nhất; và nếu công nhân không chú ý đến các phương sách đấu tranh khác, thì như vậy họ sẽ làm cho sự trưởng thành và tiến bộ của giai cấp công nhân bị chậm lại. Thật vậy, để đảm bảo cho bãi công thắng lợi, cần phải có những quỹ để nuôi sống công nhân trong thời gian bãi công. Quỹ ấy, công nhân lập ra trong tất cả các nước (thường thường là trong phạm vi một ngành công nghiệp nào đó, một nghề nghiệp hay một xưởng nào đó); nhưng ở nước ta, ở Nga, rất khó làm như thế, vì cảnh sát dò la các quỹ ấy, tịch thu tiền quỹ và bắt giam công nhân. Đương nhiên là công nhân cũng biết che mắt bọn cảnh sát; đương nhiên là việc lập ra các quỹ ấy là có ích, và chúng ta không có ý định khuyên công nhân không nên lập ra các quỹ ấy. Nhưng người ta không thể hy vọng rằng các thứ quỹ bất hợp pháp ấy của công nhân, lại có thể thu hút được nhiều người tham gia; và số người tham gia mà ít, thì các quỹ ấy sẽ không có ích lợi gì lớn lắm. Sau nữa, ngay trong những nước mà các hội của công nhân được tự do thành lập và có quỹ rất lớn, ngay cả trong những nước ấy, giai cấp công nhân cũng không thể chỉ tiến hành có đấu tranh bãi công mà thôi. Chỉ cần có một sự đình đốn trong việc kinh doanh công nghiệp (một cuộc khủng hoảng, như cuộc khủng hoảng hiện nay đang đến gần ở Nga) là đủ cho chính bọn chủ xưởng cũng tìm cách gây ra bãi công, vì đôi khi chúng có lợi trong việc tạm thời ngừng sản xuất, trong việc làm cho các quỹ của công nhân bị khánh kiệt. Cho nên công nhân không thể chỉ biết có bãi

công và các hội phục vụ bãi công. Hai là, bãi công chỉ mang lại kết quả ở những nơi nào công nhân đã giác ngộ khá, ở nơi nào họ biết chọn lúc thuận lợi, biết nêu ra các yêu sách của mình, ở nơi nào họ có liên hệ với những người xã hội chủ nghĩa để nhờ đó mà có được những truyền đơn và các tập sách nhỏ. Song, ở Nga, những công nhân như thế chưa phải là đã có nhiều; và chúng ta cần phải dốc sức làm tăng số lượng công nhân ấy lên, để làm cho quân chúng công nhân hiểu được sự nghiệp công nhân, hiểu được chủ nghĩa xã hội và cuộc đấu tranh của công nhân. Nhiệm vụ ấy phải do những người xã hội chủ nghĩa và những công nhân giác ngộ cùng nhau gánh vác; - và để làm nhiệm vụ đó, họ sẽ lập ra một đảng công nhân xã hội chủ nghĩa. Ba là, bãi công chỉ ra cho công nhân - như chúng ta đã biết - thấy rằng chính phủ là kẻ thù của họ; phải đấu tranh chống lại chính phủ. Và, trong tất cả các nước, bãi công thực sự đã dần dần tập cho giai cấp công nhân biết đấu tranh chống lại các chính phủ để giành lấy quyền lợi cho công nhân và cho toàn dân. Như chúng tôi vừa nói trên kia, chỉ có một đảng công nhân xã hội chủ nghĩa mới có thể tiến hành cuộc chiến đấu ấy, bằng cách phổ biến trong công nhân những khái niệm đúng đắn về chính phủ và về sự nghiệp công nhân. Một lần khác, chúng tôi sẽ đặc biệt nói nhiều hơn về cách thức tiến hành bãi công ở nước Nga chúng ta như thế nào, và về việc những công nhân giác ngộ phải sử dụng các cuộc bãi công như thế nào. Giờ đây, chúng tôi cần phải nhấn mạnh rằng bãi công, như đã nói trên kia, là "trường học chiến đấu" chứ không phải chính bản thân cuộc chiến đấu, rằng bãi công chỉ là một trong những phương sách đấu tranh, một trong những hình thức của phong trào công nhân mà thôi. Từ những cuộc bãi công riêng lẻ, công nhân có thể và phải chuyển sang, và thực tế trong tất cả các nước, họ đang chuyển sang cuộc đấu tranh của toàn bộ giai cấp công nhân để giải phóng hết thảy

mọi người lao động. Khi mà hết thảy mọi người công nhân giác ngộ đều trở thành những người xã hội chủ nghĩa, nghĩa là khi họ hướng đến sự giải phóng ấy, khi mà họ đoàn kết với nhau trong phạm vi toàn quốc để truyền bá chủ nghĩa xã hội trong công nhân, để dạy cho công nhân về mọi biện pháp đấu tranh chống kẻ thù của mình, khi mà họ lập ra một đảng công nhân xã hội chủ nghĩa đấu tranh để giải phóng cho toàn dân khỏi sự áp bức của chính phủ và để giải phóng hết thảy mọi người lao động khỏi ách của tư bản, thì chỉ khi ấy, giai cấp công nhân mới triệt để gia nhập phong trào vĩ đại của công nhân tất cả các nước, là phong trào tập hợp hết thảy công nhân và giương cao ngọn cờ đỏ với dòng chữ: "Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!".

Viết xong vào cuối năm 1899

*In lần đầu vào năm 1924 trên
tạp chí "Cách mạng vô sản",
số 8 - 9*

*Theo đúng bản thảo, do
N. C. Crúp-xcai-a chép lại*

suốt cuốn sách của mình thì không hề có một lần nào dám công khai và trực tiếp đương đầu với chính ngay lý luận ấy?

Trong đoạn văn do ông Prô-cô-pô-vích trích dẫn, Cau-xky nói rằng cách mạng kỹ thuật và tích lũy tư bản đều phát triển ngày một nhanh chóng hơn, rằng do chính bản thân những đặc điểm cơ bản của chủ nghĩa tư bản nên sự mở rộng sản xuất là điều tất yếu và sự tất yếu ấy tồn tại thường xuyên, trong khi đó thì việc mở rộng thị trường, "trong một thời gian nào đó, lại quá chậm"; rằng "có lẽ đã gần đến lúc thị trường công nghiệp Âu châu không những sẽ không mở rộng thêm nữa, mà thậm chí còn bắt đầu co hẹp lại. Hiện tượng đó chỉ có thể là dấu hiệu của sự phá sản của toàn bộ xã hội tư bản chủ nghĩa". Ông Prô-cô-pô-vích "phê phán" "những kết luận của khoa học xã hội" (*nghĩa là* việc Cau-xky đã chỉ ra *một* trong những quy luật về phát triển, do Mác xác lập nên) như sau: "Trong cách lập luận ấy về sự diệt vong tất nhiên của xã hội tư bản chủ nghĩa, thì mâu thuẫn giữa "xu thế thường xuyên mở rộng của sản xuất, với tình trạng thị trường mở rộng ngày một chậm đi và cuối cùng bị thu hẹp", - mâu thuẫn đó đóng vai trò chủ yếu. Mâu thuẫn đó, theo Cau-xky, tất phải dẫn đến sự tiêu vong của chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa. Nhưng" (xin hãy lắng nghe!) "việc mở rộng sản xuất giả định "sự tiêu dùng" một phần giá trị thặng dư "vào sản xuất", nghĩa là giả định trước hết sự thực hiện giá trị đó rồi mới dùng nó vào việc mua máy móc, xây dựng nhà cửa, v.v., để lại sản xuất nữa. Nói một cách khác, việc mở rộng sản xuất có liên hệ rất chặt chẽ với sự tồn tại của một thị trường tiêu thụ những hàng hóa đã sản xuất ra, do đó, không thể có cái tình trạng là sản xuất thì không ngừng mở rộng mà thị trường lại tương đối co hẹp lại" (148). Và ông Prô-cô-pô-vích rất lấy làm hài lòng về việc mình đi sâu vào lĩnh vực "khoa học xã hội", đến nỗi ngay từ dòng tiếp đó, ông nói đến những luận cứ "khoa

học" (trong ngoặc kép) của tín ngưỡng, v.v., với một thái độ miệt thị của kẻ rủ lòng thương. Lối phê phán kiêu ngạo như thế trước hết, và nhất là, nếu không phải đáng buồn cười thì nó cũng làm cho người ta phải tức giận. Ông Prô-cô-pô-vích tốt bụng ấy chỉ nghe thấy nói thế này thế kia chứ không hiểu mô tê gì cả. Ông Prô-cô-pô-vích có nghe thấy người ta nói đến lý luận trừu tượng về thực hiện, lý luận mà trong thời gian gần đây đã gây ra những cuộc bàn cãi sôi nổi trong giới các nhà triết học Nga, và trong khi bàn cãi như vậy, do những sai lầm của các nhà kinh tế học dân túy, người ta đã đặc biệt nhấn mạnh tác dụng của "tiêu dùng sản xuất". Vì không hiểu rõ lý luận đó lắm, nên ông Prô-cô-pô-vích tưởng rằng lý luận ấy *phủ nhận* (!) sự tồn tại của những mâu thuẫn cơ bản và sơ thiếu trong chủ nghĩa tư bản, những mâu thuẫn mà Cau-xky đã nêu ra ở đây. Cứ nghe ông Prô-cô-pô-vích nói thì người ta sẽ đi đến chỗ nghĩ rằng "tiêu dùng sản xuất" có thể phát triển *một cách hoàn toàn không phụ thuộc* vào tiêu dùng cá nhân (thế mà trong tiêu dùng cá nhân, thì tiêu dùng của đông đảo quần chúng lại có một tác dụng trọng yếu nhất), tức là nghĩ rằng trong lòng chủ nghĩa tư bản không hề có mâu thuẫn nào giữa sản xuất và tiêu dùng cả. Như vậy thật là hoàn toàn vô lý, và cả Mác lẫn những người cùng tư tưởng với ông ở Nga đều đã phản đối một cách rõ ràng lối xuyên tạc ấy*. Việc "mở rộng sản xuất giả định một sự tiêu dùng sản xuất", điều đó không mấy may dẫn đến chỗ để ra cái lý luận biện hộ cho giai cấp tư sản

* Xem bài của tôi đăng trên báo "Bình luận khoa học", tháng Tám 1899, đặc biệt là xem tr. 1572 và cuốn "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", tr. 16 và các trang tiếp¹⁾.

¹⁾ Xem tập này, tr. 85 - 111, đặc biệt là tr. 99; Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 3, tr. 42 - 45 và các trang tiếp.

mà "nhà nghiên cứu có đầu óc phê phán" của chúng ta đang rơi vào lý luận đó; trái lại, điều đó đưa đến chính cái mâu thuẫn giữa xu thế sản xuất tăng vô hạn với tính chất tiêu dùng có giới hạn, tức là mâu thuẫn cố hữu của chủ nghĩa tư bản, mâu thuẫn đó tất nhiên sẽ đưa chủ nghĩa tư bản đến chỗ diệt vong.

Nói đến đoạn trình bày trên đây, cũng cần chú ý đến sự kiện có ý nghĩa này nữa. Ông Prô-cô-pô-vích là một người ủng hộ Béc-stanh cuồng nhiệt, ông ta trích dẫn và dịch hàng trang trong các bài của Béc-stanh đăng trong tạp chí. Trong cuốn "Die Voraussetzungen etc."¹⁾ nổi tiếng của mình, Béc-stanh thậm chí giới thiệu với công chúng Đức rằng ông X. Prô-cô-pô-vích là đồ đệ của ông ta ở Nga, tuy nhiên, ông cũng có thêm một ý nói rằng ông Prô-cô-pô-vích là người theo chủ nghĩa Béc-stanh hăng hơn chính bản thân Béc-stanh. Nhưng, có điều đáng buồn cười nhất là cả Béc-stanh lẫn người Nga phụ họa theo ông ta, cả hai đều xuyên tạc lý luận về thực hiện, song xuyên tạc *theo những hướng hoàn toàn đối lập nhau*, thành ra họ đã *bác bỏ lẫn nhau*. Một là, Béc-stanh cho rằng "mâu thuẫn" của Mác là ở chỗ khi Mác phản đối lý luận của Rốt-béc-tút về khủng hoảng, thì đồng thời lại trình bày "sự nghèo khổ của quần chúng và sự tiêu dùng hạn chế của quần chúng là nguyên nhân cuối cùng của tất cả mọi cuộc khủng hoảng đã thực tế nổ ra". Thực ra, như tôi đã từng có dịp chỉ ra ở những chỗ khác ("Những bài nghiên cứu", tr. 30²⁾; "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", tr. 19³⁾, ở đây không hề có một mâu thuẫn nào cả. Hai là, Béc-stanh cũng lập luận đúng như ông V. V. ở nước ta, nghĩa là cũng cho rằng sản phẩm thặng

¹⁾ — "Những tiền đề, v.v."

²⁾ Xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcô-va, 1974, t. 2, tr. 190 - 191.

³⁾ Xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 3, tr. 47 - 48.

đư tăng lên mạnh thì nhất thiết phải có nghĩa là số người hữu sản cũng tăng lên (hoặc có nghĩa là phúc lợi của công nhân được cải thiện), bởi vì bản thân các nhà tư bản và những tô tử của họ (sic!¹⁾) rõ ràng là không thể nào "tiêu dùng" hết tất cả số sản phẩm thặng dư được ("Die Vorausset zungen etc.", S. 51 - 52). Lập luận ngây ngô đó hoàn toàn bỏ qua tác dụng của sự tiêu dùng sản xuất, *như Cau-xky đã chỉ ra trong cuốn sách mà ông viết để phản đối Béc-stanh* (Kautsky: "Gegen Bernstein", II Abschnitt²), mục nói về "sự tiêu dùng giá trị thặng dư". Nhưng lại có một môn đồ của Béc-stanh ở Nga - kẻ đã được Béc-stanh giới thiệu, - đã nói hoàn toàn ngược lại, đã cho Cau-xky một bài học về tác dụng của "tiêu dùng sản xuất" và, nhân đó, nhấn mạnh lệch phát kiến của Mác khiến nó trở thành phi lý, bằng cách đổ tội cho Mác là đã khẳng định rằng tiêu dùng sản xuất có thể phát triển một cách hoàn toàn không phụ thuộc vào tiêu dùng cá nhân! làm như thể việc thực hiện giá trị thặng dư bằng cách đem dùng giá trị thặng dư vào việc chế tạo tư liệu sản xuất, thì lại xóa bỏ tính chất phụ thuộc, xét cho cùng là của sản xuất, vào tiêu dùng và, do đó, thủ tiêu mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng! Căn cứ vào thí dụ này, bạn đọc có thể phán xét xem có phải do "những sự nghiên cứu" của mình mà Prô-cô-pô-vích đã thực sự đi đến chỗ "rơi vãi một phần lớn những tiền đề lý luận", hay là có lý do nào khác khiến "nhà nghiên cứu có đầu óc phê phán" của chúng ta đã làm "rơi vãi" như vậy.

Một thí dụ khác. Tác giả của chúng ta đã dành vển vẹn có ba trang (25-27) để "nghiên cứu" vấn đề hợp tác xã nông dân ở Đức. Trong khi dẫn ra một bảng liệt kê các loại hợp tác xã và các tài liệu thống kê về sự phát triển nhanh chóng của các hợp tác xã đó (đặc biệt là của các tổ hợp tác sản

1) — đúng như thế!

2) — Cau-xky: "Phản đối Béc-stanh", phần II

xuất sữa), ông Prô-cô-pô-vích lập luận như sau: "Trong khi người thợ thủ công đã gần như mất gốc rễ trong cơ cấu kinh tế hiện nay, thì nông dân lại đứng vững chắc (!) ở đấy". Lập luận như thế há chẳng thật là đơn giản ư? Nông dân Đức thiếu ăn, họ kiệt sức vì lao động quá sức, họ lũ lượt rời bỏ nông thôn ra thành thị, tất cả tình trạng đó hẳn là một mớ chuyện bịa đặt ra chẳng. Chỉ cần nêu lên cái hiện tượng là số lượng hợp tác xã tăng lên nhanh chóng (nhất là các hợp tác xã sản xuất sữa, các hợp tác xã này đã đưa đến chỗ làm cho con cái nông dân không có sữa ăn, và làm cho nông dân ngày càng lệ thuộc nhiều vào bọn tư bản) cũng đủ chứng minh được "tính chất vững chắc" của nông dân. "Sự phát triển của những quan hệ tư bản chủ nghĩa trong công nghiệp chế biến làm phá sản người tiểu thủ công và cải thiện tình cảnh của nông dân. Nó" [tình cảnh à?] "cản trở sự thâm nhập của chủ nghĩa tư bản vào nông nghiệp". Cái đó thật là mới đây! Cho đến nay, người ta vẫn cứ tưởng rằng sự phát triển của chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp chế biến chính là lực lượng chủ yếu làm cho chủ nghĩa tư bản nảy sinh ra và phát triển trong nông nghiệp. Nhưng ông Prô-cô-pô-vích, hệt như những người Đức cùng một giuộc với ông ta, sẽ hoàn toàn có căn cứ để nói về mình rằng: nous avons changé tout ca, chúng ta đã thay đổi tất cả những cái đó rồi! Song có thật như vậy không, hờ các ngài? Các ngài đã thực sự thay đổi được *cái gì nào*, các ngài phải chẳng đã thực sự chứng minh được tính chất sai lầm của một luận điểm cơ bản nào đó của cái lý luận mà các ngài "đả phá" và các ngài đã đem thay thế luận điểm ấy bằng một luận điểm nào đúng hơn chưa? Phải chẳng là trái lại, nghĩa là các ngài lại quay về với những thiên kiến cũ đó?... "Mặt khác, sự phát triển của công nghiệp chế biến bảo đảm cho người nông dân có được những món kiếm thêm"... Và thế là cái học thuyết của ông V. V. và bầu bạn về những khoản

kiếm thêm của nông dân lại được làm cho sống lại đấy! Trong rất nhiều trường hợp, "những món kiếm thêm" đó nói lên tình hình nông dân biến thành công nhân làm thuê, điều đó, ông Prô-cô-pô-vích cho là không cần phải nói ra. Ông ta thích kết thúc "bản nghiên cứu" của mình bằng một câu nói rất kêu: "Giai cấp nông dân vẫn chưa mất nhựa sống". Kỳ thực Cau-xky đã dựa chính là vào tình hình nước Đức mà chứng minh rằng các hợp tác xã nông nghiệp đều là một giai đoạn quá độ *tiến lên chủ nghĩa tư bản* - nhưng chúng ta há chẳng đã từng thấy ông Prô-cô-pô-vích, con người đáng sợ ấy, đã bác bỏ Cau-xky rồi đó sao!

Chúng ta thấy những quan điểm của phái dân túy (nói cho đúng hơn, là của phái dân túy có cái sắc thái như ông V. V.) sống lại không những ở đoạn văn nói trên, mà còn ở rất nhiều đoạn khác nữa trong bài "nghiên cứu có tính chất phê phán" của ông Prô-cô-pô-vích. Chắc bạn đọc đều biết rằng ông V. V. đã có được tiếng tăm lẫy lừng như thế nào (cái tiếng tăm đáng buồn làm sao) vì ông đã bó hẹp lại và tầm thường hóa cái gọi là chủ nghĩa duy vật "kinh tế": chủ nghĩa ấy, một khi đã bị ông V. V. "sửa chữa lại", thì nó không phải là ở chỗ đem tất cả các nhân tố quy vào sự phát triển của những lực lượng sản xuất, mà là ở chỗ có thể bỏ qua nhiều nhân tố cực kỳ trọng yếu (mặc dù những nhân tố này, quy cho đến cùng, là do cái khác mà ra). Một sự xuyên tạc hoàn toàn giống hệt như thế đã được ông Prô-cô-pô-vích hiến chúng ta khi ông ta có ý định buộc tội Cau-xky là không hiểu được ý nghĩa của những "lực lượng vật chất" (144), trong lúc đó chính ông ta lại cứ tự do lẫn lộn "những tổ chức kinh tế" (145) với "lực lượng kinh tế" (trang 146 và nhất là trang 149). Đáng tiếc là chúng tôi không thể phân tích thật kỹ sai lầm đó của ông Prô-cô-pô-vích, nên chúng tôi đề nghị bạn đọc hãy xem cuốn sách nói trên của Cau-xky phản đối Béc-stanh (Abschnitt III, § a), trong đó nguyên văn những lời nói mà ông Prô-cô-pô-

vích lặp lại, đều đã được nghiên cứu tỉ mỉ rồi. Chúng tôi cũng hy vọng rằng bạn đọc, nếu xem kỹ cuốn sách của ông Prô-cô-pô-vích, thì sẽ dễ dàng nhận thức được rằng cái lý luận đã bị "nhà nghiên cứu có đầu óc phê phán" của chúng ta đã kích đó (và lại, ngay ở đây nữa, ông Prô-cô-pô-vích vẫn cứ khiêm tốn lờ đi không nói đến và không phân tích những quan điểm của các nhà sáng lập ra lý luận ấy, mà lại chỉ thích trích dẫn các diễn văn và các bài báo của những người hiện đang tán thành lý luận ấy) không hề chịu trách nhiệm gì về việc bó hẹp một cách quá quắt chủ nghĩa duy vật "kinh tế" (xem, chẳng hạn, những lời tuyên bố của các nhà hoạt động có uy tín ở Bỉ, tr. 74, 90, 92, 100 ở phần hai).

Về những đoạn mà ông Prô-cô-pô-vích trích dẫn, thì phải chỉ ra rằng ông ta thường hay tách lấy từng mẩu văn rời rạc làm cho bạn đọc hiểu sai những ý kiến và lý lẽ không được trình bày trong sách báo Nga. Do đó, lối phê phán kiêu ngạo của ông Prô-cô-pô-vích tạo nên một cảm giác đặc biệt khó chịu. Trong một số trường hợp, giá người đọc sách của ông ta tham khảo thậm chí tác phẩm của giáo sư Héc-khơ, vừa mới dịch ra tiếng Nga: "Lao động của công nhân ở Tây Âu" (Xanh Pê-téc-bua. 1899, do tạp chí "Giáo dục" xuất bản), thì cũng không phải là vô ích. Chẳng hạn, trong một chú thích ở tr. 24 (phần I), ông Prô-cô-pô-vích viết rằng tại đại hội năm 1892, "một nghị quyết ủng hộ việc tổ chức các hợp tác xã sản xuất, đã được thông qua", tiếp theo là một đoạn trích dẫn, đoạn này trước hết không hoàn toàn chứng thực những câu nói của tác giả và sau đó, lại *bị ngắt đoạn* đúng vào chỗ mà người ta nhấn mạnh là cần thiết phải "đấu tranh, nhất là chống sự mê tín cho rằng các hợp tác xã có thể ảnh hưởng đến những quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa, v. v." (Héc-khơ, Phần chú thích, tr. XI - XII, chú thích 6 của chương IX).

Ông Prô-cô-pô-vích đã bác bỏ Cau-xky một cách cũng thành công như vậy ở những trang 56, 150, 156, 198, và ở

nhều đoạn khác. Ông ta đã đưa ra những lời khẳng định hoàn toàn nhằm nhí cho rằng trong những năm 60, Liép-nếch, trong một thời gian nào đó, đã từ bỏ và phản lại những lý tưởng của mình, v.v. (tr. 111, 112). Tính trơ trên và thái độ tự tin một mực của "nhà nghiên cứu" của chúng ta (chúng ta đã từng biết một đôi chút về cái căn cứ vững vàng của những lời suy luận của ông ta) đã đạt tới tột độ, thí dụ trong một câu nói như sau (một lần nữa câu này vẫn lại chia vào "người bảo vệ" lý luận, chứ không chia vào người sáng lập ra lý luận): "Nếu chúng ta phê phán toàn bộ khái niệm đó về phong trào công nhân trên phương diện sự phù hợp của khái niệm này với tiến trình phát triển thực sự của phong trào ấy, tức là trên phương diện *tính khoa học* (do ông Prô-cô-pô-vích viết ngả) của khái niệm đó thì làm như vậy sẽ là rất vô căn cứ. Khái niệm đó không có và không thể có (sic!) một chút nào là khoa học cả" (156). Đó là cái mà người ta gọi là một sự phê phán quyết liệt đấy! toàn bộ thứ chủ nghĩa Mác đó thậm chí cũng không đáng được phê phán nữa - thế là đủ rồi. Rõ ràng, đứng trước chúng ta hoặc là một người có sứ mạng làm một cuộc cách mạng rất lớn lao trong khoa học (trong cái lý luận đang thịnh hành ở nước Đức thì "không thể có" "chút xíu" khoa học đó được), hoặc... hoặc - làm thế nào mà diễn đạt cho đỡ gay gắt nhỉ? - hoặc đây là một người mà do "đăng trí" nên lặp lại những câu nói của người khác. Trước cái tượng thần mới nhất, tượng thần đã tuyên bố lần thứ một nghìn những câu nói ấy, thì ông Prô-cô-pô-vích đã nhiệt thành báỉ phục đến vỡ trán. Các bạn cứ xem đấy, Béc-stanh "thiếu những quan điểm lý luận" (198), ở chỗ là ông ta - liệu ta có thể tưởng tượng điều đó không? - tin rằng cần thiết phải có một lý luận khoa học xác định những mục tiêu của các nhà hoạt động. "Các nhà nghiên cứu có đầu óc phê phán" thì không có một niềm tin kỳ lạ như vậy. "Khoa học chỉ được tự do, - đây là lời ông Prô-cô-pô-vích long

trọng tuyên bố, - khi nào người ta thừa nhận rằng khoa học phải *phục vụ* những mục tiêu của một đảng, chứ không phải là *xác định* các mục tiêu ấy. Cần phải thừa nhận rằng khoa học không thể định ra những mục tiêu của một đảng hướng về hoạt động thực tiễn" (197). Ta nên chú ý rằng Béc-stanh đã từ chối chính những quan điểm đó của người tán thành ông ta. "Một cương lĩnh có tính nguyên tắc, mà tất nhiên dẫn đến chủ nghĩa giáo điều, thì chỉ là một trở ngại cho sự phát triển lành mạnh của một chính đảng mà thôi... Những nguyên tắc lý luận là điều hay trong việc tuyên truyền, nhưng trong một cương lĩnh thì lại là dở" (157). "Các cương lĩnh đều là không cần thiết và có hại". "Nếu nhạy cảm, nếu đoán được một cách tinh tế những nhu cầu của thời đại, thì một cá nhân, tự mình, có thể thay cho một cương lĩnh"... Bạn đọc có lẽ cho rằng tôi vẫn tiếp tục trích dẫn ông Prô-cô-pô-vích chẳng? Không, bây giờ tôi đang trích dẫn từ "Thời mới"¹¹², là từ vừa đăng những bài được hết thảy mọi người chú ý, và những bài đó đã nói đến cương lĩnh... dĩ nhiên không phải là của đảng, mà là của bộ trưởng mới của Bộ nội vụ...

Thử hỏi có quan hệ gì giữa sự tự do của tính vô nguyên tắc mà ông Prô-cô-pô-vích đã tuyên truyền... - ấy xin lỗi, chúng tôi muốn nói đến "sự tự do của khoa học" - với những quan điểm của đa số các nhà hoạt động Tây Âu, mà nhà phê phán dửng dưng của chúng ta đã nói đến một cách dửng dưng đến như thế? Điều đó được chứng tỏ qua những lời trích dẫn sau đây, rút ở trong cùng một quyển sách đó của ông Prô-cô-pô-vích: ... "Đương nhiên, không làm sai nguyên tắc" (159)... "Không chút vi phạm tính độc lập, tính trung thành với nguyên tắc"... "Tôi chỉ bác bỏ sự thảo hiệp trong trường hợp... nó dẫn đến chỗ phải từ bỏ nguyên tắc hay chí ít cũng đến chỗ lờ đi không nói đến nguyên tắc" (171)... "Không đưa tính vô nguyên tắc vào" (174)... "Đương nhiên không bán rẻ linh hồn của mình, ở đây nghĩa

là không làm sai nguyên tắc" (176)... "Bây giờ thì các nguyên tắc đều được xác lập vững vàng rồi" (183)... (Phải có) "một kim chỉ nam giúp ta tránh được lầm lạc do mò mẫm", chống lại "chủ nghĩa kinh nghiệm thiên cận", chống lại "thái độ coi thường nguyên tắc" (195)... "Phần nguyên tắc, phần lý luận phải có một ý nghĩa quan trọng bậc nhất"... (tr. 103, ph. II), v.v..

Để kết luận, xin nêu thêm một vài đoạn trích dẫn nữa: "Nếu chủ nghĩa dân chủ - xã hội Đức là biểu hiện của chủ nghĩa xã hội, chứ không phải là biểu hiện của giai cấp vô sản đang đấu tranh để bảo vệ những lợi ích của mình trong xã hội hiện nay và, lần đầu tiên, giác ngộ về vai trò của mình, thì như thế - vì không phải hết thảy mọi người Đức đều là những người duy tâm cả đâu - chúng ta sẽ thấy ngoài cái đảng tự định cho mình những mục tiêu duy tâm, còn có một đảng mạnh mẽ hơn, một đảng công nhân đại biểu cho những lợi ích thực tế của bộ phận không duy tâm trong giai cấp vô sản Đức"... "Nếu, trong phong trào đó, chủ nghĩa xã hội không có tác dụng là một dấu hiệu đơn thuần để phân biệt một tổ chức nhất định, nếu chủ nghĩa đó là một tư tưởng dùng làm động lực, một nguyên tắc đòi hỏi các đảng viên phải gánh vác những chức năng chuyên môn nào đó, - thì trong trường hợp này, đảng xã hội chủ nghĩa sẽ tách khỏi đảng công nhân nói chung, và quần chúng vô sản, đang mong muốn cải thiện được điều kiện sinh hoạt của mình trên cơ sở chế độ xã hội hiện tại, và ít suy nghĩ đến một tương lai lý tưởng, sẽ tổ chức thành một đảng công nhân độc lập". Bạn đọc chắc hẳn sẽ lại nghĩ rằng đây là những đoạn trích từ tác phẩm nghiên cứu của ông Prô-cô-pô-vích chứ gì? Không, đây là trích từ tác phẩm của ông V. V. nhan đề "Khái luận về kinh tế lý thuyết" (Xanh Pê-téc-bua. 1895, tr. 248, 249 - 250). Ông V. V. "nổi tiếng của chúng ta", cách đây năm năm đã đi đến những kết quả ấy rồi, những kết quả mà ông Prô-cô-pô-vích đạt được trong "bài nghiên cứu có tính chất phê phán" mới nhất của ông...

Tuy nhiên, nói như vậy đủ rồi. Chúng ta dĩ nhiên sẽ không bàn lâu như vậy về công trình "nghiên cứu" ấy - là công trình chỉ nhắc lại luận điệu mà mọi người đều biết: "thời đại chúng ta không phải là lúc đề ra những nhiệm vụ to lớn", nhắc lại cái thuyết "những việc nhỏ" và "những hiện tượng đáng mừng" - nếu như tên tuổi ông X. Prô-cô-pô-vích chưa được giới thiệu với toàn châu Âu, nếu như ngày nay nhiều người không coi "sự dăng trí" là công lao; nếu như ngày nay cái lối nhân tiện đá hậu "quan điểm chính thống" và "giáo điều", không trở nên thịnh hành...

Viết xong vào cuối năm 1899

*In lần đầu vào năm 1928 trong
Văn tập Lê-nin, t. VII*

Theo đúng bản thảo

BÀN VỀ MỘT BẢN "PROFESSION DE FOI"¹¹³

Bản "Profession de foi"¹⁾ do Ban chấp hành Ki-ép thảo ra, mặc dầu nó chỉ là một bản nháp mà, theo lời ban chấp hành đó thì vì thiếu thời gian nên thực ra không thể sửa lại hoàn chỉnh được, nhưng nó vẫn cho phép người ta có một ý niệm khá chính xác về các quan điểm của ban chấp hành đó, và các quan điểm ấy, không nghi ngờ gì cả, phải gây ra một sự phản đối kiên quyết trong những người dân chủ - xã hội Nga trung thành với những nguyên lý cũ của đảng dân chủ - xã hội, những nguyên lý đã được nhóm "Giải phóng lao động" tuyên bố ở Nga, đã được nhiều lần nêu lên trong các xuất bản phẩm của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và đã được bản Tuyên ngôn của đảng xác nhận. Không còn chút nghi ngờ gì nữa, các quan điểm của Ban chấp hành Ki-ép *phản ánh* một ảnh hưởng đáng kể của cái xu hướng mới của "những người dân chủ - xã hội Nga phái trẻ" - xu hướng này phát triển đến tột đỉnh, thì hợp nhất với chủ nghĩa Béc-stanh và đã tạo ra những sản phẩm nổi tiếng như tờ phụ trương đặc biệt của báo "Tư tưởng công nhân" (tháng Chín 1899) và bản "Credo"¹⁾, cũng không kém phần nổi tiếng.

Người ta không thể nói bản "Profession de foi" là hoàn toàn phù hợp với xu hướng cơ hội chủ nghĩa và phản

1) — tín điều, cương lĩnh, sự trình bày thế giới quan

động ấy, nhưng nó tiến những bước rất lớn về phía đó, nó đánh dấu một sự mơ hồ về các tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa dân chủ - xã hội, một sự dao động về tư tưởng cách mạng, đến mức chúng tôi thấy có trách nhiệm phải báo cho các đồng chí ở Ki-ép biết mà đề phòng, và phải phân tích tỉ mỉ việc họ đi trệch ra ngoài các nguyên lý, đã được xác định từ lâu, của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế cũng như của phong trào dân chủ - xã hội Nga.

Ngay câu đầu của bản "Profession de foi" đã làm cho người ta hết sức thắc mắc: "Tuy Ban chấp hành Ki-ép thừa nhận rằng mục tiêu chung trước mắt của phong trào công nhân Nga là đấu tranh vì những quyền lợi chính trị của giai cấp vô sản, nhưng ban chấp hành cho là hiện nay không thể kêu gọi quần chúng công nhân hoạt động chính trị, nói cách khác là không thể tiến hành cổ động *chính trị* được, vì đại đa số công nhân Nga chưa trưởng thành đến mức có thể đấu tranh chính trị được". Chúng tôi không nói tới cách trình bày câu đó; cái quan trọng đối với chúng ta là những tư tưởng nêu lên trong câu đó và được lặp đi lặp lại (xin các bạn chú ý điểm này) nhiều lần trong các đoạn khác của bản "Profession de foi". Mà những tư tưởng ấy lại khiến cho chúng tôi chỉ còn cách tự hỏi: "Có thể nào những kẻ viết ra cái đó lại là những người dân chủ - xã hội được?".

"Đại đa số công nhân Nga chưa trưởng thành đến mức có thể đấu tranh chính trị được"! Nếu quả như vậy, thì chẳng khác gì lên án tử hình toàn bộ đảng dân chủ - xã hội, vì như thế có nghĩa là phần lớn công nhân Nga chưa trưởng thành đến mức có thể đấu tranh cho chủ nghĩa dân chủ - xã hội được. Thật thế, không bao giờ, không có ở nơi nào trên thế giới lại có đảng dân chủ - xã hội không gắn mật thiết và chặt chẽ với đấu tranh chính trị. Một đảng dân chủ - xã hội mà không tiến hành đấu tranh chính trị thì đó là một con sông không có nước, đó là một mâu thuẫn hết

sức hiển nhiên, đó là quay về chủ nghĩa xã hội không tưởng của cha ông chúng ta vốn khinh thường "chính trị", hoặc quay về chủ nghĩa vô chính phủ, hoặc quay về chủ nghĩa công liên.

Bản profession de foi đầu tiên của chủ nghĩa xã hội toàn thế giới, tức là "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản", đã xác lập ra một chân lý - chân lý này từ đây đã trở thành một chân lý sơ thiểu - là: bất cứ cuộc đấu tranh giai cấp nào cũng đều là đấu tranh chính trị, phong trào công nhân chỉ vượt qua được giai đoạn phối thai và giai đoạn ấu trĩ, chỉ trở thành một phong trào có tính chất *giai cấp* khi nào phong trào đó chuyển sang đấu tranh chính trị. Bản profession de foi đầu tiên của chủ nghĩa dân chủ - xã hội Nga, tức là cuốn sách nhỏ của Plê-kha-nốp "Chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chính trị", xuất bản năm 1883, đã xác nhận chân lý ấy khi áp dụng nó vào nước Nga, và đã chỉ như thế nào và tại sao mà phong trào cách mạng Nga phải đi đến chỗ kết hợp chủ nghĩa xã hội với đấu tranh chính trị, kết hợp phong trào tự phát của quần chúng công nhân với phong trào cách mạng, kết hợp đấu tranh giai cấp với đấu tranh chính trị. Vừa tán thành quan điểm chủ nghĩa xã hội và đấu tranh giai cấp, nhưng đồng thời lại vừa phủ nhận cái khả năng là "hiện nay có thể kêu gọi đông đảo quần chúng hoạt động chính trị", như thế là Ban chấp hành Ki-ép thực ra đã hoàn toàn phản lại các nguyên tắc của chủ nghĩa dân chủ - xã hội, và do chỗ ban chấp hành đó muốn tiếp tục giữ các nguyên tắc ấy, nên đã sa vào một loạt những mâu thuẫn rõ rệt:

Thật vậy, làm thế nào có thể nói đến "giáo dục chính trị" cho công nhân nếu người ta gạt bỏ khả năng tiến hành cổ động chính trị và đấu tranh chính trị? Liệu có còn cần phải chứng minh cho những người dân chủ - xã hội thấy rằng nếu *không có* đấu tranh chính trị và *không có* hoạt động chính trị thì không thể có giáo dục chính trị nào cả, không? Có thực là người ta có thể nghĩ rằng cứ dùng những việc

lên lớp nào đó hay sách vở, v.v. mà không cần đến hoạt động chính trị và đấu tranh chính trị cũng vẫn có thể giáo dục chính trị được cho quần chúng công nhân chăng? Có thực là đảng dân chủ - xã hội Nga cần phải quay trở về quan điểm của bọn chủ nông nô, là bọn cho rằng trước hết phải giáo dục nông dân rồi sau đó mới giải phóng nông dân; hay quay trở về quan điểm của bọn bồi bút nịnh hót chính phủ cho rằng trước hết phải giáo dục quần chúng rồi sau đó mới ban cho quần chúng các quyền lợi chính trị? Làm thế nào mà người ta có thể "tự vạch ra nhiệm vụ" là giải thích sự cần thiết phải đấu tranh để giành các quyền lợi chính trị, nhưng trong khi đó lại cho là không thể kêu gọi công nhân hoạt động chính trị, không thể tiến hành cổ động chính trị được? Vừa giải thích sự cần thiết phải đấu tranh chính trị, nhưng lại vừa không kêu gọi đấu tranh chính trị ư?! Thế là thế nào? Sao lại thế nhỉ? Sở dĩ có sự lộn xộn như thế, hoàn toàn không phải là vì chưa nói hết được ý, và cũng không phải vì bản thảo chưa được chỉnh lý đầy đủ; mà là kết quả tự nhiên và không tránh khỏi của tính chất hai mặt và tính chất lùng chùng toát ra trong hết thảy mọi quan điểm của Ban chấp hành Ki-ép. Một mặt, thì Ban chấp hành Ki-ép muốn tiếp tục giữ các nguyên tắc cơ bản, đã được xác lập từ lâu, của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế và của đảng dân chủ - xã hội Nga; mặt khác, ban chấp hành ấy lại say mê những danh từ kiểu Béc-stanh đang thịnh hành, về "tính tất yếu", về "tính tuân tự" (phần I trong "Profession de foi" của Ban chấp hành Ki-ép, đoạn cuối), về "tính chất kinh tế trực tiếp của phong trào", về tình trạng không thể tiến hành cổ động chính trị và đấu tranh chính trị, về sự cần thiết phải đứng trên cơ sở vững chắc của những đòi hỏi và những nhu cầu thực tế (làm như thế cuộc đấu tranh đòi tự do chính trị không phải là một cuộc đấu tranh do một đòi hỏi và một nhu cầu hết sức thực tế gây ra!), nói tóm lại, ban chấp hành

ấy say mê những danh từ thịnh hành mà người ta thấy đầy rẫy trong các tác phẩm thịnh hành như bản "Credo" và tờ phụ trương đặc biệt của báo "Tư tưởng công nhân". Ở đây, chúng ta hãy nói về thực chất cái luận điểm trong đó được tập trung, như ở tiêu điểm của một thấu kính, hết thảy mọi nhược điểm của bản "Profession de foi" mà chúng ta đang phân tích, tức là luận điểm cho rằng "hiện nay không thể kêu gọi quần chúng công nhân hoạt động chính trị", nói cách khác là không thể tiến hành cổ động chính trị được, vì công nhân Nga chưa trưởng thành đến mức có thể đấu tranh chính trị được. Lời khẳng định sau cùng này, may sao, lại hoàn toàn sai (chúng tôi nói: may sao, vì nếu quả như lời khẳng định đó là đúng, thì nó nhất định sẽ dẫn những người mác-xít và những người dân chủ - xã hội Nga vào trong cái vũng lầy những điều tầm thường của chủ nghĩa công liên và của phái tự do tư sản, vũng lầy mà các tác giả của bản "Credo" và của tờ "Tư tưởng công nhân", cùng biết bao những kẻ phụ họa với họ, những người ở trong giới sáng tác hợp pháp ở nước ta, đang ra sức đẩy những người mác-xít và những người dân chủ - xã hội Nga vào đó). Không những đại đa số công nhân đều trưởng thành đến mức có thể đấu tranh chính trị được rồi, mà người công nhân đã nhiều lần còn tỏ rõ là mình trưởng thành, và đã có nhiều hành động đấu tranh chính trị, thường thường thì hành động một cách tự phát.

Thật vậy, sự phân phát rất nhiều truyền đơn công kích, vạch mặt chính phủ, há chẳng phải là một hành động đấu tranh chính trị đó sao? Đại đa số công nhân Nga há chẳng phải đã từng dùng "những biện pháp riêng của mình" để trừng trị bọn cảnh binh và lính tráng quá ư ngang ngược và há chẳng phải đã từng dùng bạo lực để giải thoát các đồng chí của họ bị bắt đó sao? Đại đa số công nhân Nga há chẳng phải đã từng trực tiếp chiến đấu tại nhiều nơi, trong các cuộc chiến đấu ngoài đường phố, chống lại quân

đội và cảnh binh đó sao? Từ hơn 20 năm nay, đại đa số công nhân Nga há chẳng phải đã từng cung cấp cho các tiểu tổ và các tổ chức cách mạng những đồng chí ưu tú nhất, có trình độ phát triển nhất, trung thực nhất và dũng cảm nhất của họ, đó sao? Nhưng để làm vừa lòng một học thuyết đang thịnh hành, một học thuyết tư sản tầm thường, chúng ta, những người đại biểu của đảng dân chủ - xã hội cách mạng, chúng ta lại phải quên tất cả những điều trên đây đi và phải thừa nhận rằng không thể kêu gọi quần chúng công nhân hoạt động chính trị được! Có thể là người ta sẽ bẻ lại chúng tôi rằng, thường thì các sự việc kể trên đúng là những cuộc bùng nổ tự phát, hơn là đấu tranh chính trị. Nhưng chúng tôi sẽ trả lời: trước khi các tiểu tổ cách mạng của những người xã hội chủ nghĩa tiến hành một công tác cổ động rộng rãi, kêu gọi quần chúng công nhân tiến hành đấu tranh giai cấp, đấu tranh tự giác chống lại những kẻ áp bức công nhân, thì các cuộc bãi công ở nước ta há chẳng phải chỉ là những cuộc bùng nổ tự phát, đó sao? Liệu người ta có thể dẫn ra trong lịch sử được lấy một phong trào nhân dân nào đó, một phong trào giai cấp nào đó mà lại không bắt đầu bằng những cuộc bùng nổ vô tổ chức, tự phát; lại có được một hình thức có tổ chức, và lại sáng tạo ra các chính đảng, mà không cần đến sự giúp đỡ có ý thức của các đại biểu trí thức của giai cấp ấy, liệu có thể dẫn ra trường hợp như thế được chăng? Nếu từ trước đến nay, xu hướng tự phát, không ai ngăn cản được, của giai cấp công nhân hướng về đấu tranh chính trị, thường phần nhiều chỉ biểu lộ bằng những cuộc bùng nổ vô tổ chức, thì chỉ có tờ "Tin tức Mát-xcơ-va"¹¹⁴ và tờ "Người công dân"¹¹⁵, mới do đó mà kết luận rằng đại đa số công nhân Nga chưa trưởng thành đến mức có thể hiểu được cổ động chính trị. Người xã hội chủ nghĩa thì, trái lại, sẽ kết luận rằng cái thời kỳ mà người ta cần phải cổ động chính trị, cần phải kêu gọi hết sức rộng rãi quần chúng công nhân hoạt động chính trị và đấu tranh

chính trị, đã đến từ rất lâu rồi; nếu chúng ta không đưa ra lời kêu gọi ấy, thì chúng ta không làm tròn được nhiệm vụ của chúng ta, và về thực chất, chúng ta không còn là những người dân chủ - xã hội nữa, vì ở đâu và bất cứ lúc nào cũng vậy, kẻ cổ vũ những tổ chức kinh tế và công đoàn đình tiến hành đấu tranh chính trị là bọn ủng hộ nhiệt liệt giai cấp tư sản; cho nên đối với thái độ một mực làm thình không nói gì đến đấu tranh chính trị và các nhiệm vụ chính trị của giai cấp công nhân Nga, như thái độ của báo "Tư tưởng công nhân", thì người ta chỉ có thể coi đó là thái độ tội lỗi và xấu xa thôi. Làm thình như thế chẳng khác gì làm hư hỏng ý thức chính trị của những công nhân đã nhìn rõ và nhận thức được sự áp bức chính trị và đã tự phát nổi dậy chống lại sự áp bức đó, nhưng lại chỉ thấy các lãnh tụ xã hội chủ nghĩa của mình thờ ơ, hay thậm chí còn luận chiến chống lại tư tưởng đấu tranh chính trị nữa là khác. Chúng ta không thể nào không nói đến sự thờ ơ và cái đầu óc hết sức chật hẹp, khi người ta nói với chúng ta rằng phải đưa "dần dần" những tư tưởng tự do chính trị vào quần chúng mới được, - vậy là từ trước đến nay chúng ta đã quá hấp tấp đưa các tư tưởng ấy vào quần chúng và chúng ta phải đi chậm chậm thôi và phải tự kìm lại!! Hay khi người ta nói với chúng ta rằng phải "làm sáng tỏ, về mặt chính trị, địa vị của giai cấp công nhân", nhưng chỉ "trong chừng mực mà, để làm việc đó, ta có một lý do trong mỗi trường hợp riêng biệt", làm như thể những sự việc thường xảy ra nhất, những sự việc đầy rẫy và thường xuyên trong đời sống công nhân lại không phải là "những lý do" cho chúng ta cổ động chính trị chẳng?!

Cái khuynh hướng muốn rằng cổ động chính trị phải phụ thuộc vào lý do trong mỗi trường hợp riêng biệt, thì khuynh hướng đó hoặc là không có nghĩa gì cả, hoặc chỉ là đi thụt lùi một bước về phía "Credo" và tờ "Tư tưởng công nhân", một khuynh hướng muốn thu hẹp phạm vi vốn đã

quá chật hẹp của hoạt động tuyên truyền và cổ động của chúng ta. Có thể là người ta cũng sẽ bẻ lại chúng tôi nữa rằng *quần chúng* công nhân chưa có khả năng hiểu được tư tưởng đấu tranh chính trị là tư tưởng mà chỉ một số công nhân tiên tiến hơn mới tiếp thu được. Đối với lời phản đối mà chúng ta rất thường hay nghe thấy những người dân chủ - xã hội "phái trẻ" nêu lên đó, chúng tôi sẽ trả lời rằng trước hết đảng dân chủ - xã hội bao giờ và ở đâu cũng đại biểu và *chỉ có thể* đại biểu cho những công nhân giác ngộ, chứ không đại biểu cho những công nhân kém giác ngộ, rằng không có gì nguy hiểm và tội lỗi hơn là lý luận ve vãn mỉa dân để lợi dụng tình trạng kém giác ngộ của công nhân. Nếu chúng ta lấy cái mà hiện nay quảng đại quần chúng có khả năng tiếp thu được, một cách trực tiếp nhất, làm tiêu chuẩn cho sự hoạt động phải tiến hành, thì chúng ta sẽ phải tuyên truyền chủ nghĩa bài Do-thái hay, chẳng hạn, phải cổ động mọi người đi cầu cứu cha cố I-ô-an Crôn-stát-xki.

Nhiệm vụ của đảng dân chủ - xã hội là nâng cao giác ngộ chính trị cho quần chúng, chứ không phải theo đuôi số quần chúng bị tước hết quyền lợi chính trị; thứ nữa - và đây là điều chủ yếu - nói rằng quần chúng không hiểu được tư tưởng đấu tranh chính trị, như vậy là không đúng. Người công nhân kém giác ngộ nhất cũng hiểu được tư tưởng đó, cố nhiên với điều kiện là người cán bộ cổ động hay người cán bộ tuyên truyền phải biết cách đến với anh ta để truyền cho anh ta tư tưởng ấy, trình bày với anh ta tư tưởng ấy bằng những lời lẽ dễ hiểu và bằng cách dựa vào những sự việc trong đời sống hàng ngày, những sự việc quen thuộc với anh ta. Nhưng cần phải thấy rằng điều kiện ấy cũng cần thiết để làm cho người ta hiểu được những điều kiện của đấu tranh kinh tế, vì cả về mặt này nữa người công nhân thiếu kiến thức, thuộc các tầng lớp quần chúng loại bên dưới và loại trung bình cũng không có khả năng tiếp thu được tư tưởng chung về đấu tranh kinh tế; tiếp thu được tư tưởng

chung này, là một thiểu số công nhân có tri thức, còn quần chúng thì do bản năng và lợi ích trực tiếp trước mắt của mình, mà đi theo họ.

Trong lĩnh vực chính trị cũng thế: hiển nhiên là tư tưởng chung về đấu tranh chính trị thì chỉ có công nhân có tri thức mới tiếp thu được, còn quần chúng thì đi theo, vì quần chúng đã hoàn toàn nhận thức được là họ không có quyền chính trị gì cả (như Ban chấp hành Ki-ép đã thừa nhận trong một đoạn của bản "Profession de foi") và lợi ích hàng ngày trực tiếp nhất của họ làm cho họ thường xuyên đứng phải mọi biểu hiện của áp bức chính trị. Trong bất cứ phong trào chính trị hay xã hội nào, trong bất cứ nước nào, cũng không bao giờ có và không thể nào có được quan hệ nào khác ngoài quan hệ sau đây giữa quần chúng của một giai cấp nhất định hay của một dân tộc với một số ít đại biểu có tri thức của quần chúng ấy: bao giờ cũng vậy và ở nơi nào cũng vậy, lãnh tụ của một giai cấp nhất định đều là những đại biểu tiên tiến, những đại biểu có tri thức nhất của giai cấp đó. Trong phong trào công nhân Nga cũng không thể nào khác thế được. Vì thế cho nên khuynh hướng muốn phủ nhận lợi ích và nhu cầu của tầng lớp tiên tiến đó trong công nhân, muốn *tự hạ thấp xuống* ngang với trình độ nhận thức của các tầng lớp bên dưới (chứ không phải không ngừng *nâng cao* trình độ giác ngộ của công nhân), tất phải đưa đến những hậu quả vô cùng tai hại và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi thứ tư tưởng chẳng có gì là xã hội chủ nghĩa, chẳng có gì là cách mạng, thâm nhập vào trong giới công nhân.

Tôi xin nói thêm để kết thúc việc phân tích các quan điểm của Ban chấp hành Ki-ép về đấu tranh chính trị: điều rất kỳ quặc và đồng thời nổi bật nhất trong toàn bộ bản "Profession de foi" là: trong khi nhận định rằng hiện nay không thể kêu gọi quảng đại quần chúng công nhân hoạt động chính trị thì Ban chấp hành ấy lại cho là nên tổ chức những cuộc

biểu tình có tính chất *bộ phận* chỉ nhằm mục đích cổ động đơn thuần (chứ không nhằm tác động đến chính phủ), những cuộc biểu tình mà "lý do có thể hiểu được đối với quảng đại quần chúng". Những người xã hội chủ nghĩa mà lại kêu gọi công nhân *đừng* có tác động đến chính phủ!!! Như vậy thì thật là hết chỗ nói rồi... Nhưng thật không hiểu phải làm thế nào để có thể tổ chức được những cuộc biểu tình mà *không* tác động đến chính phủ. Phải chăng là ta hãy khuyên công nhân nên biểu tình trong bốn bức tường của căn nhà lụp xụp của họ, sau khi đã đóng cửa thật cẩn thận rồi? hay có lẽ là khuyên họ biểu tình bằng cách thọc tay vào túi quần mà vẩy vẩy ngón tay ra hiệu nhạo báng chẳng? như thế chắc chắn là sẽ chẳng có một "tác động" nào "đến chính phủ" mà có thể dẫn đến những hậu quả nguy hiểm và tai hại cả! Chúng tôi cũng chịu không hiểu nổi "cuộc biểu tình có tính chất bộ phận" là nghĩa như thế nào. Phải chăng điều đó có nghĩa là một cuộc biểu tình có tính chất phờng hội, tức là một cuộc biểu tình hạn chế ở những vấn đề thuộc phạm vi phờng hội (một lần nữa: chủ nghĩa xã hội có liên quan gì đến đây đâu nhỉ?), hay có lẽ là một cuộc biểu tình xuất phát từ những lý do chính trị có tính chất bộ phận, chứ không nhằm chống lại toàn bộ chế độ chính trị, chống lại chế độ chuyên chế nói chung? Nhưng nếu quả như thế thì há chẳng phải đó hoàn toàn là những tư tưởng của bản "Credo" và của chủ nghĩa cơ hội cực đoan hay sao; há chẳng phải hoàn toàn là những tư tưởng làm cho ý thức chính trị và nhiệm vụ chính trị của giai cấp công nhân hết sức bị hạ thấp và lu mờ đi hay sao? Nếu quả như thế, chúng ta có lẽ nên lặp lại "lời nói đã trở thành ngạn ngữ" của một nhà dân chủ - xã hội "phái trẻ" ở thủ đô: "lúc này mà làm mất uy tín của chế độ chuyên chế trước mắt công nhân là quá sớm"?

Không phải chỉ trong vấn đề "chính trị", bản "Profession de foi" mới để lộ ra một quan điểm hết sức chật hẹp. Bản

đó viết: "Sự cố động tiến hành trong quần chúng, hiện nay, chỉ có thể biểu hiện trước hết bằng cách góp phần vào cuộc đấu tranh kinh tế của giai cấp vô sản; vì thế Ban chấp hành lợi dụng từng sự xung đột giữa công nhân và chủ, hay từng hành vi lạm quyền nghiêm trọng của chủ, để ra một lời kêu gọi giải thích cho công nhân rõ về tình cảnh của họ, kêu gọi họ đứng lên phản đối, đồng thời đóng một vai trò lãnh đạo trong các cuộc bãi công, nêu lên các yêu sách của họ, đề ra những biện pháp tốt nhất để cho các yêu sách ấy đi đến chỗ được thực hiện, dùng tất cả mọi phương pháp đó để nâng cao ý thức của giai cấp công nhân" - và đến đây là hết, người ta không nói gì hơn về đấu tranh kinh tế cả. Và đó là cái mà người ta gọi là một bản profession de foi! Các bạn hãy đọc lại cẩn thận các đoạn ấy: đó cũng lại là lời lẽ của bản "Credo" và tư tưởng bản "Credo" (điều này một lần nữa lại nói rõ lên sai lầm nghiêm trọng của ban biên tập tờ "Sự nghiệp công nhân", họ ra công bao che cho các quan điểm của "những nhà kinh tế chủ nghĩa phái trẻ" và chỉ muốn thấy đó là một sự lệch lạc của một đôi người cá biệt mà thôi).

Đối với một người xã hội chủ nghĩa thì đấu tranh kinh tế là cơ sở để tổ chức công nhân thành một đảng cách mạng, để thống nhất và phát triển cuộc đấu tranh giai cấp của họ chống lại toàn bộ chế độ tư bản. Nhưng nếu người ta cho rằng đấu tranh kinh tế, tự nó, cũng đã đủ rồi, thì như vậy nó chẳng có chút gì là xã hội chủ nghĩa cả, và kinh nghiệm của tất cả các nước ở châu Âu đã cung cấp cho chúng ta vô số thí dụ không những về các công đoàn xã hội chủ nghĩa, mà cả về các công đoàn chống chủ nghĩa xã hội nữa.

Nhiệm vụ của nhà chính khách tư sản là "góp phần vào cuộc đấu tranh kinh tế của giai cấp vô sản"; nhiệm vụ của người xã hội chủ nghĩa là làm cho đấu tranh kinh tế góp phần vào phong trào xã hội chủ nghĩa và vào những thành công của đảng công nhân cách mạng. Nhiệm vụ của người xã hội chủ nghĩa là góp phần vào việc kết hợp chặt chẽ

đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị, thành một cuộc đấu tranh giai cấp thống nhất của quần chúng công nhân xã hội chủ nghĩa. Như vậy là những lời nói mập mờ trong bản "Profession de foi" của Ban chấp hành Ki-ép đã mở rộng cửa cho các tư tưởng Béc-stanh và đã hợp pháp hóa quan niệm chật hẹp không thể tha thứ được đối với đấu tranh kinh tế.

Sự cố động quần chúng phải là sự cố động hết sức rộng rãi về mặt kinh tế và chính trị khi gặp bất cứ cơ hội nào và bất cứ biểu hiện nào của mọi sự áp bức, phải là một sự cố động mà chúng ta phải vận dụng để thu hút một số công nhân ngày càng nhiều vào hàng ngũ đảng dân chủ - xã hội cách mạng, để khuyến khích hết thảy mọi biểu hiện của đấu tranh chính trị, để tổ chức cuộc đấu tranh ấy bằng cách làm cho nó chuyển từ những hình thái tự phát sang một cuộc đấu tranh do một chính đảng thống nhất tiến hành. Như vậy, sự cố động phải là một *phương tiện* để mở rộng sự phản kháng chính trị và để mở rộng những hình thức đấu tranh chính trị có tổ chức hơn. Hiện giờ khuôn khổ của công tác cố động của chúng ta quá hẹp, phạm vi những vấn đề mà sự cố động đề cập đến lại quá hạn chế, cho nên bốn phận của chúng ta là không được hợp pháp hóa tính chất chật hẹp ấy, mà trái lại chúng ta phải ra sức gạt nó đi, phải làm cho công tác cố động của chúng ta được sâu rộng hơn.

Trong bản "Profession de foi" mà chúng ta đang nghiên cứu, tính chất chật hẹp ấy không những dẫn đến những sai lầm về lý luận đã phân tích trên kia, mà còn dẫn đến việc thu hẹp các nhiệm vụ thực tiễn lại nữa. Điều đó lộ ra trong cái ý muốn "coi một cuộc điều tra về tình cảnh của công nhân trong các công xưởng và nhà máy tại các địa phương bằng cách đưa ra những câu hỏi và bằng các biện pháp khác, - là nhiệm vụ trước mắt và cấp bách". Đương nhiên, chúng ta không thể phản đối chút nào các cuộc điều tra bằng câu hỏi nói chung, vì những câu hỏi đó là một bộ phận cần thiết của công tác cố động; nhưng tiến hành một cuộc điều

tra, là phung phí lực lượng cách mạng vốn đang nghèo nàn.

Thực tế thì người ta có thể thu lượm được nhiều tài liệu trong các cuộc điều tra hợp pháp ở nước ta. Nhiệm vụ trước mắt và cấp bách đáng lẽ phải là mở rộng sự cổ động và tuyên truyền (đặc biệt là về mặt chính trị), nhất là khi công nhân ở nước ta đang có thói quen rất tốt là tự động gửi tin tức đến cho các báo xã hội chủ nghĩa, làm như thế lại càng đảm bảo cho chúng ta có dồi dào tài liệu.

Còn có một sự thu hẹp lớn hơn nữa trong vấn đề quỹ: về vấn đề này, người ta chỉ thừa nhận là nên có các quỹ "bãi công của công đoàn", mà không hề nói gì đến việc đưa các quỹ ấy, với tính cách là những mất xích nhỏ, vào trong đảng dân chủ - xã hội để phục vụ đấu tranh chính trị.

Chỉ dùng các quỹ bí mật của chúng ta vào hoạt động kinh tế thôi, đó là một xu hướng rất tự nhiên đối với các tác giả bản "Credo", nhưng là một xu hướng người ta không thể nào hiểu được trong bản "Profession de foi" của một ban chấp hành của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.

Về vấn đề các hội hợp pháp, luận điểm trong "Profession de foi" cũng không kém chặt hẹp và cũng để lộ đúng cái ý muốn là nhân nhượng đối với cái thuyết Béc-stanh khét tiếng; giúp vào việc thành lập các quỹ như thế, đối với một ban chấp hành của đảng dân chủ - xã hội, cũng lại có nghĩa là phân tán lực lượng của mình và xóa bỏ ranh giới giữa công tác văn hóa và công tác cách mạng: đảng cách mạng có thể và phải lợi dụng các hội hợp pháp để tăng cường và củng cố công tác *của mình*, để biến các hội đó thành những trung tâm cổ động, thành một bức bình phong tiện lợi cho việc đặt các mối liên lạc v. v. và v. v. và cũng chỉ có thế thôi. Hao phí sức lực của những người xã hội chủ nghĩa để giúp vào việc lập ra các hội đó là điều không có gì bất hợp lý rằng: gán cho các hội ấy một tác dụng riêng biệt là một điều sai lầm; nghĩ rằng trong các hội hợp pháp có thể có "một sự độc lập hoàn toàn đối với sự can thiệp

và đối với áp lực của bọn chủ" thì thật là buồn cười.

Cuối cùng, những kế hoạch của Ban chấp hành Ki-ép về vấn đề tổ chức cũng phản ánh đầu óc chật hẹp trong các quan điểm của Ban chấp hành ấy và phản ánh đặc điểm riêng biệt của các quan điểm ấy. Đành rằng chúng tôi hoàn toàn đồng ý với Ban chấp hành Ki-ép rằng tuyên bố ngay từ bây giờ việc khôi phục lại đảng và bầu lên một Ban chấp hành trung ương mới là việc không hợp thời, nhưng chúng tôi coi cái ý kiến nói về "tính chất kinh tế trực tiếp của phong trào", cho rằng giai cấp vô sản Nga "chưa trưởng thành đến mức có thể hiểu được sự cổ động chính trị", là ý kiến hoàn toàn sai. Chờ cho "các nhóm địa phương trở nên mạnh mẽ hơn, tăng thêm số lượng và củng cố được mối liên hệ với công nhân", thì cũng sai lầm nốt, vì một sự củng cố như thế thường dẫn đến một sự phá sản tức khắc.

Không, chúng ta phải bắt tay ngay vào việc thống nhất và bắt đầu trước hết thống nhất về mặt xuất bản, bằng cách lập ra một cơ quan ngôn luận chung ở nước Nga, và cơ quan này phải cố gắng chuẩn bị việc khôi phục lại đảng bằng cách đứng ra làm cơ quan báo chí cho cả nước Nga, tập hợp tin tức và tài liệu từ các tiểu tổ ở tất cả các địa phương, giành chỗ cho cuộc thảo luận về những vấn đề còn đang tranh cãi, mở rộng phạm vi của công tác tuyên truyền và cổ động của chúng ta, đặc biệt chú ý đến những vấn đề tổ chức, đến những phương pháp chiến thuật và kỹ thuật phải dùng để tiến hành công việc của chúng ta, thỏa mãn hết thảy mọi yêu cầu của những người công nhân giác ngộ nhất, và không ngừng nâng các tầng lớp bên dưới trong giai cấp vô sản (bằng các bản tin của công nhân, v. v., mà thu hút những tầng lớp này) lên tới trình độ khiến họ có thể tham gia ngày càng tự giác vào phong trào xã hội chủ nghĩa và vào đấu tranh chính trị.

Chỉ có đi theo con đường ấy, - chúng tôi tin chắc thế, - mới có thể chuẩn bị được những điều kiện thực tế cần

thiết cho việc thống nhất và cho việc khôi phục lại đảng, và chỉ có một cuộc tranh luận tiến hành một cách thẳng thắn và công khai chống lại "chủ nghĩa kinh tế" chật hẹp và chống lại những tư tưởng Béc-stanh đang ngày càng lan rộng, thì mới có thể đảm bảo được sự phát triển đúng đắn của phong trào công nhân Nga và của đảng dân chủ - xã hội Nga.

Viết xong vào cuối năm 1899

hoặc đầu năm 1900

*In lần đầu vào năm 1928, trong
Văn tập Lê-nin, t. VII*

*Theo đúng bản thảo, do một
người không rõ tên chép lại*

DỰ THẢO BẢN TUYÊN BỐ CỦA BAN BIÊN TẬP "TIA LỬA"¹¹⁶ VÀ "BÌNH MINH"¹¹⁷

Trong lúc tiến hành xuất bản hai tờ báo dân chủ - xã hội: tạp chí chính trị - khoa học và tờ báo công nhân toàn Nga, chúng tôi thấy cần phải nói vài lời về cương lĩnh của chúng tôi, về mục đích mà chúng tôi nhằm đạt đến và về cách chúng tôi hiểu nhiệm vụ của mình.

Chúng ta đang trải qua một thời kỳ hết sức quan trọng trong lịch sử của phong trào công nhân Nga và của phong trào dân chủ - xã hội Nga; tất cả mọi việc hình như đều nói lên rằng phong trào của chúng ta đã bước vào một giai đoạn đột biến: nó đã lan ra rất rộng, đã gieo rất nhiều mầm non đầy sức sống trên khắp các nơi trong nước Nga, cho nên giờ đây, với một sức mạnh không gì ngăn cản được, nó đang biểu hiện xu thế tự củng cố, tiến lên một hình thức cao hơn, tạo ra cho mình một bộ mặt và một tổ chức được xác định rõ rệt. Thật vậy, mấy năm gần đây có một đặc điểm là: các tư tưởng dân chủ - xã hội đã được truyền bá hết sức nhanh chóng trong giới trí thức nước ta, và hưởng ứng trào lưu tư tưởng xã hội đó, thì có phong trào tự phát, hoàn toàn độc lập, của giai cấp vô sản công nghiệp, là giai cấp đang bắt đầu thống nhất lại và đấu tranh chống bọn áp bức mình, đồng thời biểu lộ một sự thiết tha nồng nhiệt với chủ nghĩa xã hội. Các tiểu tổ công nhân và tiểu tổ trí thức dân chủ - xã hội mọc lên ở khắp mọi nơi, người ta thấy xuất hiện những tờ truyền đơn cổ động ở địa phương;

nhu cầu về sách báo dân chủ - xã hội tăng lên và vượt rất xa khả năng cung cấp, - và những cuộc khủng bố ngày càng mạnh của chính phủ đều không thể nào chặn được phong trào đó. Các nhà tù đều chật ních, các nơi đày ải đều đông chật, gần như hàng tháng, người ta đều được tin rằng ở khắp mọi nơi trên đất nước Nga diễn ra "những vụ vỡ cơ sở" của những người xã hội chủ nghĩa, cảnh sát đã bắt giữ những tài liệu gửi theo đường bí mật, bắt những người làm công tác cổ động, tịch thu sách báo và các nhà in; nhưng phong trào chẳng những không dừng lại mà còn tiếp tục phát triển rộng đến những vùng mới, thâm nhập ngày càng sâu vào giai cấp công nhân, làm cho công chúng ngày càng chú ý đến nhiều hơn. Và toàn bộ sự phát triển kinh tế của nước Nga, toàn bộ lịch sử của tư tưởng xã hội Nga và của phong trào cách mạng Nga, đều chứng minh chắc chắn rằng phong trào công nhân dân chủ - xã hội sẽ lớn mạnh lên, bất chấp tất cả mọi trở ngại và sẽ khắc phục được những trở ngại đó.

Phong trào chúng ta có một đặc điểm chủ yếu mà trong thời gian gần đây ai cũng nhìn thấy rất rõ, đó là tình trạng phân tán của nó, tính chất có thể nói là thủ công nghiệp của nó: các tiểu tổ địa phương đang hình thành và hoạt động một cách hâu như không có liên hệ gì với những tiểu tổ ở các địa phương khác, và thậm chí (đây là điều đặc biệt quan trọng), không có liên hệ gì cả với những tiểu tổ đã hoặc đang hoạt động trong cùng một địa phương; truyền thống cũng như tính kế thừa đều chưa được xây dựng, và sách báo địa phương đều phản ánh nguyên vẹn tình trạng phân tán đó, phản ánh hiện tượng thiếu liên hệ đó với những cái mà đảng dân chủ - xã hội Nga đã tạo ra từ trước. Sở dĩ chúng tôi coi thời kỳ hiện tại là thời kỳ đột biến, đó chính là vì phong trào đang vượt qua tính chất thủ công, vượt qua tình trạng phân tán nói trên và đang đòi hỏi bức

thiết phải chuyển lên một hình thức cao, thống nhất hơn, có tổ chức tốt hơn và chặt chẽ hơn, hình thức mà chúng tôi tự đặt cho mình trách nhiệm phải xây dựng cho bằng được. Dĩ nhiên là ở một giai đoạn nào đó của phong trào, ở những bước đầu tiên của nó, tình trạng phân tán ấy hoàn toàn không thể tránh khỏi được, và dĩ nhiên là, trong lúc phong trào phát triển một cách vô cùng nhanh chóng và rộng khắp đến như thế, sau khi cách mạng lắng xuống trong một thời kỳ lâu dài, thì tình trạng thiếu tính kế thừa là điều hoàn toàn tự nhiên. Và cũng chắc chắn rằng tính muôn màu muôn vẻ của các điều kiện địa phương, những sự khác nhau về hoàn cảnh của giai cấp công nhân ở vùng này hay vùng khác, cuối cùng, những quan điểm riêng biệt của các nhà hoạt động ở mỗi địa phương, đều sẽ còn tồn tại mãi mãi, và chính tính muôn màu muôn vẻ đó chứng tỏ sức sống và sự phát triển lành mạnh của phong trào. Tất cả những điều đó đều là sự thật, nhưng tình trạng phân tán và thiếu tổ chức hoàn toàn không phải là hậu quả tất yếu của tính muôn màu, muôn vẻ đó. Việc giữ gìn tính kế thừa và tính thống nhất của phong trào chẳng những không loại bỏ tính muôn màu muôn vẻ đó, mà ngược lại, còn mở ra cho tính đó một địa bàn hoạt động rộng lớn hơn, tự do hơn. Nhưng trong giai đoạn hiện nay, tình trạng phân tán đã bắt đầu gây tác hại và gây ra nguy cơ đẩy phong trào đi lạc hướng: chủ nghĩa thực nghiệm chật hẹp, - chủ nghĩa này tách rời lý luận là cái soi sáng toàn bộ phong trào, - có thể làm đứt mất mối liên hệ giữa một bên là chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng Nga với bên kia là phong trào công nhân tự phát. Chúng ta có bằng chứng vạch rõ rằng mối nguy cơ ấy không phải là nguy cơ tưởng tượng ra: đó là những xuất bản phẩm như bản "*Credo*" - bản này đã bị phản đối và bị lên án một cách rất chính đáng - và tờ "Phụ trương đặc biệt của báo "Tư tưởng công nhân"" (tháng Chín 1899). Trong tờ phụ trương ấy đã biểu hiện ra một cách nổi bật

nhất cái khuynh hướng quán triệt toàn bộ báo "Tư tưởng công nhân"; chính trong tờ phụ trương ấy đã bắt đầu lộ rõ một thứ khuynh hướng đặc biệt trong đảng dân chủ - xã hội Nga, khuynh hướng này có thể gây ra tác hại trực tiếp, do đó, cần phải đấu tranh với nó. Còn những sách báo hợp pháp ở Nga, thì, với cái trò biếm họa chủ nghĩa Mác - cái trò chỉ có tác dụng làm bại hoại ý thức của xã hội - chúng đã làm tăng thêm tình trạng tản mạn và vô chính phủ mà anh chàng Béc-stanh trứ danh (trứ danh vì đã phá sản) đã nhờ đó mà có thể in ra những điều sai sự thật để toàn thế giới hiểu lầm rằng đại đa số những người dân chủ - xã hội hoạt động ở Nga đã tán thành quan điểm của anh ta.

Có lẽ vẫn còn quá sớm để đánh giá về mức độ sâu sắc của sự bất đồng ý kiến đó và về mức độ khả năng hình thành ra một khuynh hướng đặc biệt (chúng tôi tuyệt nhiên không có ý giải quyết ngay từ bây giờ những vấn đề ấy một cách khẳng định, chúng tôi vẫn chưa hề mất hy vọng về khả năng làm việc *chung với nhau*); nhưng nhắm mắt làm ngơ trước tính chất nghiêm trọng của tình hình đó thì có lẽ còn tai hại hơn là cường điệu sự bất đồng ý kiến đó, và chúng tôi lấy làm vui sướng một cách thành thật mà chào mừng việc nhóm "Giải phóng lao động" lại tiếp tục cho tái bản sách báo của mình và chào mừng cuộc đấu tranh mà nhóm ấy bắt đầu tiến hành chống lại những mưu toan xuyên tạc và tầm thường hoá chủ nghĩa dân chủ - xã hội¹¹⁸.

Kết luận thực tiễn rút ra từ tất cả những điều nói trên là thế này: bốn phận của chúng ta, những người dân chủ - xã hội Nga, là phải đoàn kết lại và hướng tất cả những cố gắng của chúng ta vào việc thành lập một chính đảng thống nhất và vững mạnh, chiến đấu dưới ngọn cờ của cương lĩnh dân chủ - xã hội cách mạng, là cương lĩnh gìn giữ tính kế thừa của phong trào và duy trì một cách hệ thống tính tổ chức của phong trào. Kết luận trên đây không phải là một kết luận mới. Những người dân chủ - xã

hội Nga đã rút ra kết luận đó cách đây hai năm rồi, khi mà những đại biểu của các tổ chức dân chủ - xã hội lớn nhất ở nước Nga, trong cuộc đại hội họp vào mùa xuân 1898, đã sáng lập ra Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, đã công bố bản "Tuyên ngôn" của đảng và thừa nhận "Báo công nhân" là cơ quan chính thức của đảng. Tự coi mình là đảng viên của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, chúng tôi hoàn toàn tán thành các tư tưởng cơ bản của bản "Tuyên ngôn" và cho rằng bản "Tuyên ngôn" đó với tính cách là một bản tuyên bố công khai những mục đích mà đảng chúng ta nhằm đạt đến, có một tầm quan trọng vô cùng to lớn. Vì vậy, đối với chúng ta là những đảng viên, thì về những nhiệm vụ trước mắt và cấp thiết, vấn đề được đặt ra như thế này: chúng ta phải áp dụng kế hoạch hành động nào để đảm bảo phục hồi lại đảng một cách vững chắc nhất? Một số đồng chí (và ngay cả một số tiểu tổ và tổ chức nữa) có ý kiến cho rằng muốn thế thì cần phải lại tiếp tục bầu ra một cơ quan trung ương và giao cho cơ quan ấy trách nhiệm phải tiếp tục xuất bản tờ báo của đảng¹¹⁹. Theo ý chúng tôi, đó là một kế hoạch sai, hay ít nhất cũng là một kế hoạch mạo hiểm. Xây dựng và củng cố đảng tức là xây dựng và củng cố sự thống nhất của tất cả những người dân chủ - xã hội Nga; nhưng một sự thống nhất như thế không thể nào được thực hiện bằng cách chỉ đơn thuần dùng mệnh lệnh, hoặc chỉ bằng một nghị quyết, chẳng hạn, của hội nghị đại biểu nào đó thông qua; cần phải xây dựng sự thống nhất đó. Một là, cần phải xuất bản sách báo chính trị chung cho toàn đảng, chung không phải chỉ với ý nghĩa là nó sẽ phục vụ cho toàn bộ phong trào Nga chứ không phải cho vùng này hay vùng khác, với ý nghĩa là nó sẽ thảo luận các vấn đề của toàn bộ phong trào và sẽ giúp đỡ những người vô sản giác ngộ trong cuộc đấu tranh của họ, chứ không phải chỉ xem xét các vấn đề của địa phương; chung, còn với ý nghĩa là nó sẽ tập hợp tất cả các lực lượng sáng tác sẵn có và sẽ thể hiện

tất cả những sắc thái tư tưởng và quan điểm khác nhau tồn tại trong những người dân chủ - xã hội Nga, là những đồng chí gắn bó với nhau trên cơ sở một cương lĩnh chung và một cuộc đấu tranh chung trong hàng ngũ của cùng một tổ chức, chứ không phải là những người chiến đấu riêng lẻ. Hai là, cần phải xây dựng lên một tổ chức chuyên trách giữ vững mối liên hệ giữa tất cả các trung tâm của phong trào, cung cấp kịp thời những tin tức đầy đủ về phong trào đó, và cung cấp đều đặn báo chí định kỳ cho tất cả các địa phương ở nước Nga. Chỉ khi nào xây dựng được một tổ chức như vậy, chỉ khi nào lập được một bưu vụ xã hội chủ nghĩa ở nước Nga, thì khi ấy sự tồn tại vững chắc của đảng mới được bảo đảm, đảng mới trở thành một sự thật hiện thực và do đó, cũng trở thành một lực lượng chính trị hùng mạnh. Chúng tôi muốn đem hết nỗ lực ra thực hiện phần đầu của nhiệm vụ đó, tức là tiến hành tổ chức xuất bản sách báo chung, bởi vì chúng tôi cho đó là một yêu cầu cấp thiết của phong trào trong lúc này, và là một bước chuẩn bị cần thiết để khôi phục lại hoạt động của đảng.

Do tính chất đó của mục tiêu mà chúng tôi tự đặt cho mình, nên hoàn toàn tự nhiên là cần phải có một cương lĩnh để làm kim chỉ nam cho các tờ báo chúng ta đang phát hành. Các báo này phải dành nhiều chỗ cho những vấn đề lý luận, tức là cả những vấn đề về lý luận dân chủ - xã hội nói chung lẫn sự vận dụng lý luận đó vào thực tế nước Nga. Sau những điều đã trình bày ở trên thì, hiện nay, việc đem những vấn đề ấy ra thảo luận rộng rãi là một việc cấp bách, điều đó không còn nghi ngờ gì nữa, và cũng không cần phải bàn thêm nữa. Dĩ nhiên là việc giới thiệu phong trào công nhân ở phương Tây, lịch sử và tình hình hiện thời của phong trào ấy, cần phải gắn liền với những vấn đề lý luận chung. Sau nữa, chúng tôi tự đặt cho mình nhiệm vụ phải thảo luận có hệ thống tất cả các vấn đề chính trị: đảng công nhân dân chủ - xã hội cần phải phát biểu ý kiến

về tất cả các vấn đề mà cuộc sống đã đề ra trong tất cả các lĩnh vực, về những vấn đề chính trị trong nước và chính trị quốc tế; chúng ta phải làm thế nào cho mỗi người dân chủ - xã hội và mỗi công nhân giác ngộ đều phải có một quan điểm dứt khoát về tất cả các vấn đề cơ bản: bằng không thì không thể nào tổ chức được, trên quy mô rộng lớn, một cuộc tuyên truyền và cổ động có hệ thống. Việc thảo luận những vấn đề lý luận và chính trị sẽ gắn liền với việc xây dựng cương lĩnh của đảng, cương lĩnh mà đại hội năm 1898 đã thừa nhận là cần thiết phải có; và chúng tôi có ý định trong một ngày gần đây, sẽ công bố một bản dự thảo cương lĩnh, bản dự thảo này, nếu được thảo luận một cách toàn diện thì sẽ cung cấp đầy đủ tài liệu cho đại hội sắp đến, tức là đại hội có nhiệm vụ thông qua cương lĩnh của đảng¹²⁰. Sau nữa, chúng tôi nhận thấy rằng thảo luận các vấn đề về tổ chức và thảo luận các phương pháp để hướng dẫn hoạt động thực tiễn của chúng ta là một việc đặc biệt cấp bách. Tình trạng thiếu tính kế thừa và tình trạng tản mạn nói trên đã ảnh hưởng đặc biệt tai hại đến tình hình hiện nay về kỷ luật đảng, về tổ chức đảng và về kỹ thuật hoạt động bí mật. Cần phải công khai và thẳng thắn thừa nhận rằng, về mặt này, chúng ta, những người dân chủ - xã hội, còn rất lạc hậu so với những nhà hoạt động trước kia trong phong trào cách mạng Nga và so với các tổ chức khác hiện có ở Nga, nên chúng ta cần phải đem hết sức lực ra khắc phục những thiếu sót của chúng ta về mặt này. Sự tham gia đồng đảo của quần chúng thanh niên công nhân và trí thức vào phong trào, các cuộc bất ngờ ngày càng tăng và kỹ thuật tinh vi của chính phủ trong các cuộc đàn áp, tất cả những điều đó đã khiến việc tuyên truyền cho những nguyên tắc và phương pháp tổ chức của đảng, cho kỷ luật của đảng và cho kỹ thuật hoạt động bí mật, trở thành một công tác hết sức cấp thiết.

Nếu được sự ủng hộ của tất cả các nhóm khác nhau và của tất cả các đồng chí có nhiều kinh nghiệm nhất, thì công

tác tuyên truyền đó có thể và phải đi đến kết quả là biến những người xã hội chủ nghĩa trẻ tuổi và những công nhân trẻ tuổi thành những nhà lãnh đạo có tài của phong trào cách mạng, có khả năng khắc phục được tất cả những trở ngại do ách áp bức của nhà nước cảnh sát chuyên chế gây ra để chống lại hoạt động của chúng ta, và họ có khả năng đáp ứng đúng những đòi hỏi của quần chúng công nhân là những người thiết tha một cách tự phát với chủ nghĩa xã hội và cuộc đấu tranh chính trị. Sau hết, để phù hợp với những nội dung kể trên, thì việc phân tích phong trào tự phát đó (cả trong quần chúng công nhân lẫn trong giới trí thức của nước ta) phải là một trong những nhiệm vụ chủ yếu của chúng ta: chúng ta cần phải hiểu được rõ ràng phong trào xã hội của giới trí thức, phong trào đã diễn ra ở Nga trong những năm 1895 - 1900 và đã bao gồm nhiều trào lưu tư tưởng khác nhau, đôi khi hết sức phức tạp; chúng ta cần phải nghiên cứu kỹ càng tình cảnh của giai cấp công nhân trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân, nghiên cứu kỹ càng xem giai cấp ấy đã thức tỉnh và mở đầu cuộc đấu tranh theo những hình thức nào và trong những hoàn cảnh như thế nào, để kết hợp chủ nghĩa xã hội mác-xít, đã bắt rễ trên miếng đất Nga, với phong trào công nhân Nga thành một khối thống nhất không thể nào chia cắt được; để kết hợp phong trào cách mạng Nga với cao trào tự phát của quần chúng nhân dân. Chỉ khi nào thực hiện được sự kết hợp đó, thì ở nước Nga mới có thể thành lập được đảng công nhân dân chủ - xã hội, vì đảng dân chủ - xã hội không phải chỉ phục vụ phong trào công nhân tự phát (hiện nay, một số "nhà hoạt động thực tiễn" của chúng ta đôi khi còn có xu hướng hiểu như thế); chủ nghĩa dân chủ - xã hội là sự kết hợp chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân. Chỉ có thực hiện sự kết hợp đó mới giúp cho giai cấp vô sản Nga có khả năng hoàn thành nhiệm vụ chính trị trước tiên của mình: giải phóng nước Nga khỏi ách áp bức của chế độ chuyên chế.

Còn việc phân phối các đề tài và các vấn đề mà chúng tôi đã vạch ra, giữa tạp chí và báo, thì chỉ căn cứ vào khuôn khổ khác nhau và tính chất khác nhau của hai cơ quan đó mà quyết định: tạp chí thì chủ yếu phục vụ cho công tác tuyên truyền, báo chủ yếu phục vụ cho công tác cổ động. Nhưng tạp chí cũng như báo đều phải phản ánh tất cả các mặt của phong trào, và chúng tôi thấy cần phải đặc biệt nhấn mạnh rằng chúng tôi không tán thành một kế hoạch quy định là tờ báo của công nhân chỉ đăng riêng những gì có liên quan trực tiếp và mật thiết đến phong trào công nhân tự phát, còn cơ quan dành "cho giới trí thức" thì chỉ đăng toàn những bài có liên quan đến lý luận về chủ nghĩa xã hội, đến khoa học, chính trị, tổ chức của đảng, v. v.. Ngược lại, chính là cần phải đem tất cả những sự việc cụ thể và tất cả những biểu hiện cụ thể của phong trào công nhân gắn liền với những vấn đề ấy; cần phải dùng lý luận mà soi sáng mọi sự việc riêng biệt; cần tiến hành công tác tuyên truyền các vấn đề về chính trị và về tổ chức của đảng với số quần chúng đông đảo nhất trong giai cấp công nhân; cần làm cho những vấn đề đó trở thành một đề tài của công tác cổ động. Hình thức cổ động từ trước đến nay vẫn thịnh hành - gần như độc chiếm - trong chúng ta, tức là việc cổ động bằng truyền đơn có tính chất địa phương, đã tỏ ra không đủ nữa rồi: đó là một hình thức chật hẹp, bởi vì nó chỉ đề cập những vấn đề địa phương, và chủ yếu là những vấn đề kinh tế. Cần phải cố gắng xây dựng một hình thức cổ động cao hơn: cổ động bằng báo, tờ báo này nêu lên một cách đều đặn những lời khiêu nại của công nhân, những cuộc bãi công của công nhân, những hình thức khác của cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và tất cả những biểu hiện của ách áp bức chính trị trong toàn nước Nga, đồng thời tờ báo đó phải căn cứ vào những mục đích cuối cùng của chủ nghĩa xã hội và các nhiệm vụ chính trị của giai cấp vô sản Nga mà rút ra từ mỗi việc đó những kết luận nhất định. "Mở rộng

phạm vi và mở rộng nội dung của công tác tuyên truyền, cổ động của chúng ta", lời nói đó của P. B. Ác-xen-rốt cần phải trở thành khẩu hiệu định rõ phương châm hoạt động của những người dân chủ - xã hội Nga trong thời kỳ sắp đến: chúng ta đã ghi khẩu hiệu đó vào cương lĩnh của các cơ quan báo chí của chúng ta.

Ở đây, hoàn toàn tự nhiên nảy ra vấn đề sau đây: nếu các cơ quan báo chí, đang được dự định xuất bản, phải góp phần vào việc đoàn kết tất cả những người dân chủ - xã hội Nga và tập hợp họ lại thành một đảng duy nhất, thì chúng sẽ phải phản ánh tất cả những sắc thái quan điểm khác nhau, tất cả những đặc trưng địa phương, tất cả tính muôn màu muôn vẻ của các phương pháp thực tiễn. Làm sao dung hòa được sự phối hợp những quan điểm hết sức khác nhau đó với sự nhất trí về mặt biên tập của hai cơ quan báo chí của chúng ta? Những cơ quan báo chí ấy chỉ cần gom góp những quan niệm khác nhau lại hay cần phải có một phương hướng riêng, được xác định hoàn toàn rõ rệt?

Chúng tôi tán thành ý kiến thứ hai, và chúng tôi hy vọng rằng một cơ quan báo mà phương hướng đã được xác định rõ rệt thì rất có thể phục vụ cả (như chúng tôi sẽ trình bày trong những đoạn sau) việc phản ánh những quan điểm khác nhau lẫn việc tổ chức luận chiến trên tinh đồng chí giữa các cộng tác viên của nó. Theo quan điểm của chúng tôi, chúng tôi hoàn toàn tán thành tất cả những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa Mác (như đã được trình bày trong bản "Tuyên ngôn của Đảng cộng sản" và trong các cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội phương Tây), và chúng tôi tán thành phát triển những tư tưởng ấy một cách có hệ thống theo tinh thần của Mác và Ăng-ghen, đồng thời kiên quyết phản đối những sự sửa chữa mập mờ có tính chất cơ hội chủ nghĩa mà hiện nay Béc-stanh đã làm thành một cái mốt để người ta bắt chước. Chúng tôi thấy đảng dân chủ - xã hội có nhiệm vụ tổ chức cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp

vô sản, góp phần vào cuộc đấu tranh đó, nêu rõ mục đích cuối cùng tất yếu của nó, phân tích những điều kiện quyết định phương pháp của cuộc đấu tranh đó. "Công cuộc giải phóng giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của chính bản thân những người công nhân"¹²¹. Nhưng, nếu không muốn tách đảng dân chủ - xã hội ra khỏi phong trào công nhân, thì chúng ta không được quên rằng sứ mệnh của đảng dân chủ - xã hội là phải đại biểu, trong tất cả các nước, cho lợi ích của toàn bộ phong trào đó, rằng đảng tuyệt đối không được rơi vào chỗ sùng bái một cách mù quáng giai đoạn này hay giai đoạn khác của phong trào ấy ở một thời kỳ nhất định hay ở một địa phương nhất định. Chúng tôi cho rằng đảng dân chủ - xã hội có trách nhiệm phải ủng hộ mọi phong trào cách mạng chống lại chế độ chính trị và xã hội hiện hành, và chúng tôi thấy rằng mục đích của đảng là làm cho giai cấp công nhân giành được chính quyền, tước đoạt những kẻ đi tước đoạt và xây dựng một xã hội xã hội chủ nghĩa. Chúng tôi kiên quyết phản đối mọi ý định làm suy yếu hoặc làm lu mờ tính chất cách mạng của đảng dân chủ - xã hội là đảng chủ trương làm cách mạng xã hội, là kẻ thù không đội trời chung của tất cả các giai cấp ủng hộ chế độ xã hội hiện nay. Nói riêng thì vai trò lịch sử của đảng dân chủ - xã hội Nga, theo ý chúng tôi, là phải lật đổ chế độ chuyên chế: đảng dân chủ - xã hội Nga có trách nhiệm phải dẫn đầu hàng ngũ của phái dân chủ Nga trong chiến đấu, phải thực hiện nhiệm vụ mà toàn bộ sự phát triển xã hội của nước Nga đã giao phó cho đảng, nhiệm vụ mà những nhà hoạt động vinh quang của phong trào cách mạng Nga đã trao lại cho đảng. Chỉ có kết hợp chặt chẽ cuộc đấu tranh kinh tế với đấu tranh chính trị, chỉ có làm cho công tác tuyên truyền và cổ động chính trị thâm nhập vào những tầng lớp quần chúng ngày càng rộng rãi trong giai cấp công nhân, thì đảng dân chủ - xã hội mới có thể làm tròn sứ mệnh của mình được.

Chúng tôi sẽ xuất phát từ chính quan điểm đó (quan điểm này đã được nêu lên ở đây trên những nét tổng quát nhất, vì sự trình bày chi tiết và những luận chứng về quan điểm đó đã được nhóm "Giải phóng lao động", bản "Tuyên ngôn" của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và những sách "bình luận" bản tuyên ngôn đó, tức là cuốn "Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga"¹⁾, "Sự nghiệp công nhân ở Nga" (cơ sở của cương lĩnh của đảng dân chủ - xã hội Nga) nêu lên nhiều lần rồi) để soi sáng tất cả các vấn đề lý luận và thực tiễn; chúng tôi sẽ cố gắng đem tất cả những biểu hiện của phong trào công nhân và của sự phản đối có tính chất dân chủ ở Nga mà gắn liền với những tư tưởng kể ra ở trên.

Tuy vậy, trong khi chúng tôi lấy tư cách là những nhà chính luận mà hoạt động theo một phương hướng nhất định, thì chúng tôi không hề có ý định cho rằng tất cả những đặc điểm trong quan điểm của chúng tôi là quan điểm chung của tất cả những người dân chủ - xã hội Nga; chúng tôi không hề có ý định phủ nhận, làm lu mờ hoặc coi nhẹ những sự bất đồng ý kiến hiện có. Ngược lại, chúng tôi muốn biến các cơ quan báo chí của chúng tôi thành một diễn đàn mà toàn thể những người dân chủ - xã hội Nga có những quan điểm hết sức khác nhau, đều sử dụng được để *tranh luận* về tất cả các vấn đề. Chúng tôi chẳng những không loại bỏ cuộc luận chiến giữa đồng chí ra khỏi những cột báo của chúng tôi, mà ngược lại, chúng tôi còn định dành rất nhiều chỗ cho cuộc luận chiến đó. Một cuộc luận chiến thẳng thắn trước tất cả những người dân chủ - xã hội và tất cả những công nhân giác ngộ ở Nga là cần thiết và đáng mong muốn để tìm hiểu xem những sự bất đồng ý kiến hiện nay sâu sắc đến mức nào, để nghiên cứu toàn diện những vấn đề

1) Xem V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 539 - 586.

đang còn tranh luận, để đấu tranh chống những hiện tượng cực đoan không tránh khỏi ở những người có các quan điểm khác nhau, những người đại biểu cho các địa phương khác nhau hay cho "các nghề nghiệp" khác nhau của phong trào cách mạng. Chúng tôi thậm chí còn nhận định rằng một trong khỏi những khuyết điểm của phong trào hiện tại là ở chỗ chưa có một cuộc luận chiến công khai giữa các quan điểm khác nhau rõ rệt, và ở chỗ người ta muốn giấu kín những sự bất đồng ý kiến về các vấn đề rất cơ bản.

Hơn thế nữa: trong khi thừa nhận rằng giai cấp công nhân Nga và đảng dân chủ - xã hội Nga là chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho nền dân chủ, cho tự do chính trị, chúng tôi thấy cần phải cố gắng biến những cơ quan báo chí của chúng tôi thành những cơ quan *chung cho toàn thể phái dân chủ*, nhưng như thế không có nghĩa là chúng tôi sẽ đồng ý, dù là trong chốc lát, bỏ qua sự đối kháng tồn tại giữa giai cấp vô sản và các giai cấp khác, không có nghĩa là chúng tôi sẽ có thể tha thứ bất cứ một hành động nhỏ nào nhằm xóa nhòa cuộc đấu tranh giai cấp, nhất định không có nghĩa như thế, mà có nghĩa là: chúng tôi sẽ nêu lên và thảo luận về *tất cả* các vấn đề dân chủ, mà không bo bo chỉ biết có những vấn đề thuần túy vô sản; chúng tôi sẽ nêu lên và thảo luận tất cả những trường hợp áp bức chính trị và tất cả những biểu hiện của ách áp bức chính trị; chúng tôi sẽ vạch rõ mối liên hệ giữa phong trào công nhân và cuộc đấu tranh chính trị dưới tất cả các hình thức của nó; chúng tôi sẽ tìm cách tranh thủ tất cả những người thật tâm đấu tranh chống chế độ chuyên chế, không kể họ có những quan điểm như thế nào và thuộc giai cấp nào, và kêu gọi họ ủng hộ giai cấp công nhân, lực lượng cách mạng duy nhất và kẻ thù địch không đội trời chung với chế độ chuyên chế. Bởi vậy, khi chúng tôi kêu gọi trước hết những người xã hội chủ nghĩa và những công nhân giác ngộ ở nước Nga, thì không phải là chúng tôi chỉ muốn kêu gọi riêng họ mà thôi. Chúng tôi

cũng kêu gọi tất cả những người bị chế độ chính trị của nước Nga hiện nay chà đạp và áp bức, những người muốn giải phóng nhân dân Nga khỏi cảnh nô lệ chính trị, chúng tôi kêu gọi họ ủng hộ những cơ quan xuất bản nào đang nỗ lực tổ chức phong trào công nhân thành một chính đảng cách mạng, chúng tôi dành cho họ những cột báo của chúng tôi để họ bóc trần tất cả những hành động đê tiện và tất cả những tội ác của chế độ chuyên chế ở Nga. Chúng tôi đưa ra lời kêu gọi đó với lòng tin tưởng rằng lá cờ của cuộc đấu tranh chính trị do đảng dân chủ - xã hội Nga giương cao, có thể và phải trở thành lá cờ chung của toàn thể nhân dân.

Những nhiệm vụ chúng tôi tự đặt ra cho mình thì cực kỳ to lớn và bao trùm tất cả, và chúng tôi sẽ không có gan thực hiện những nhiệm vụ đó, nếu toàn bộ kinh nghiệm của chúng tôi không đem lại cho chúng tôi lòng tin tưởng sắt đá rằng đó là những nhiệm vụ bức thiết của toàn bộ phong trào, và nếu chúng tôi không tranh thủ được sự đồng tình và sự hứa hẹn giúp đỡ toàn diện và thường xuyên: 1) của nhiều tổ chức trong Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và của nhiều tiểu tổ dân chủ - xã hội hoạt động ở nhiều thành phố; 2) của nhóm "Giải phóng lao động" là nhóm đã sáng lập đảng dân chủ - xã hội Nga và đã luôn luôn lãnh đạo những nhà lý luận và chính luận của đảng; 3) của nhiều người, tuy không đứng trong các tổ chức của chúng tôi, nhưng vẫn có cảm tình với phong trào công nhân dân chủ - xã hội và giúp đỡ phong trào ấy được rất nhiều việc. Chúng tôi sẽ hết sức cố gắng thực hiện, một cách thích đáng, phần công việc mà chúng tôi đã lựa chọn trong sự nghiệp cách mạng chung, và chúng tôi cố gắng sao cho tất cả các đồng chí ở Nga đều coi các xuất bản phẩm của chúng tôi là cơ quan của bản thân họ, và *mỗi* nhóm sẽ cung cấp cho nó tất cả những tin tức của mình về phong trào, sẽ cho nó biết những quan điểm của mình, những nhu cầu của mình về phương diện sách báo, cho biết kinh nghiệm của mình,

ý kiến của mình nhận định những sách báo dân chủ - xã hội, nói tóm lại, sẽ cho nó biết tất cả những cái mình đã đóng góp cho phong trào, và tất cả những cái đã tiếp thu được của phong trào. Chỉ với điều kiện ấy, chúng ta mới có được một cơ quan báo chí dân chủ - xã hội thực sự chung cho toàn nước Nga. Hiện nay hoạt động của đảng dân chủ - xã hội Nga đang bị hạn chế trong hoàn cảnh bí mật, hoàn cảnh công tác của những nhóm riêng lẻ và những tiểu tổ phân tán; đã đến lúc đảng phải đi vào con đường tuyên truyền công khai cho chủ nghĩa xã hội, vào con đường đấu tranh chính trị công khai, và việc sáng lập ra một cơ quan báo chí dân chủ - xã hội cho toàn nước Nga phải là *bước đầu tiên trên con đường đó*.

*Viết xong vào cuối tháng Ba -
đầu tháng Tư 1900*

*In lần đầu vào năm 1925 trong
Văn tập Lê-nin, t. IV*

*Theo đúng bản thảo, do một
người không rõ tên chép lại*

là một người đa nghi, hay ngờ vực và có tính rechthaberisch đến nec plus ultra¹⁾. Tôi hết sức thận trọng, cố tránh những điểm "học bú", nhưng cái lối luôn luôn phải giữ miếng như thế, thật ra, không thể không làm cho tâm trạng trở nên vô cùng nặng nề. Thịnh thoảng cũng vẫn có "những sự va chạm" nhỏ, biểu hiện trong những câu đối đáp nóng nảy của G. V. đối với lời nhận xét, dù là rất nhẹ, nhằm làm nguôi bớt hoặc dịu bớt một phần nào những nỗi bức tức (do sự chia rẽ gây ra). Khi bàn về sách lược của tờ tạp chí thì cũng có xảy ra "những va chạm": G. V. luôn luôn tỏ ra hết sức cố chấp, không thể và cũng không muốn tìm hiểu những lý lẽ của người khác, và hơn nữa, ông luôn luôn tỏ ra thiếu thành thật, chính là thiếu thành thật. Chúng tôi bảo là chúng ta nên *hết sức* khoan dung đối với Xtơ-ru-vê, vì *chính bản thân chúng ta* không phải không có trách nhiệm đối với sự thay đổi của ông ta: chính bản thân chúng ta, *kể cả G. V.*, đã không kịp thời phản đối (hồi 1895, 1897). Nhưng G. V. tuyệt đối không nhận lỗi, dù chỉ là một phần rất nhỏ, tự bênh vực bằng những lý lẽ rõ ràng là yếu ớt, những lý lẽ nhằm *lảng tránh* vấn đề, chứ không làm sáng tỏ vấn đề. Trong một cuộc trao đổi thân mật giữa những ủy viên sau này của ban biên tập chung, cái... lối ngoại giao đó đã làm cho người ta khó chịu nhất: tại sao ông ta lại tự lừa dối mình mà nói rằng năm 1895, ông ta, G. V., đã được "lệnh" (??) không "nổ súng" (vào Xtơ-ru-vê), rằng ông ta có thói quen chấp hành mệnh lệnh (xem ra đúng như thế đấy!)¹²³. Tại sao ông ta lại tự lừa dối mình bằng cách quả quyết rằng năm 1897 (khi Xtơ-ru-vê nêu lên trên tờ "Lời nói mới", cái ý định bác bỏ một trong những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác), ông ta không phản đối, vì ông ta hoàn toàn không hiểu được (và cũng không bao giờ có thể hiểu được) cuộc luận chiến giữa những người cộng tác với nhau trong

1) – hiểu thẳng đến tột độ

cùng một tạp chí¹²⁴. Thái độ thiếu thành thật đó càng đáng bực hơn, khi G. V., trong quá trình tranh luận, cứ cố sức chứng minh rằng chúng tôi không có ý muốn đấu tranh thắng tay chống Xtơ-ru-vê, như thể chúng tôi muốn "điều hòa tất cả", v. v.. Trong vấn đề chung về luận chiến trên tạp chí, thì cũng có xảy ra những cuộc tranh cãi kịch liệt: G. V. chống lại luận chiến, và không chịu nghe những lý lẽ của chúng tôi. Ông ta tỏ ra hèn học đến mức thiếu lịch sự đối với "những người trong Hội liên hiệp" (nghỉ ngơi họ làm mật thám, buộc tội họ là đầu cơ, là vô lại, tuyên bố là mình sẵn sàng "bắn" "những tên phản bội" đó mà không ngần ngại, v.v.). Những lời gợi ý khéo léo nhất để cho ông ta nhìn thấy những chỗ thái quá của bản thân mình (ví dụ như tôi đã gợi ý đến việc công bố những bức thư riêng¹²⁵ và sự thiếu thận trọng trong biện pháp đó) làm cho G. V. thật sự nổi khùng lên và phần nộ ra mặt. Nổi bất bình ngày càng tăng lên rõ rệt cả về phía ông ta lẫn về phía chúng tôi. Thái độ bất bình của ông ta biểu hiện đặc biệt như sau: chúng tôi đã có một bản dự thảo lời tuyên bố của ban biên tập ("Lời của ban biên tập")¹⁾, trong đó có nói đến nhiệm vụ và chương trình xuất bản: bản dự thảo đó đã được thảo ra theo tinh thần "cơ hội chủ nghĩa" (G. V. cho là như thế): trong bản dự thảo đó, người ta đồng ý để những người cộng tác được tranh luận với nhau, giọng văn của bản dự thảo thì khiêm tốn, bản dự thảo có nói đến cả khả năng giải quyết một cách ôn hòa cuộc xung đột với "phái kinh tế", v. v.. Trong bản dự thảo, người ta nhấn mạnh rằng chúng tôi là những đảng viên của đảng và nhấn mạnh ý muốn xây dựng sự thống nhất đảng. Trước khi tôi đến, G. V. đã đọc bản tuyên bố ấy cùng với Ác-xen-i-ép và V. I.; ông ta đã đọc và về thực chất, thì không phản đối gì cả. Ông ta chỉ tỏ ý muốn sửa lối hành văn, làm cho lời văn đạt hơn, đồng thời vẫn tôn

1) Xem tập này, tr. 407 - 421.

trọng trình tự diễn đạt tư tưởng. Vì vậy nên A. N. đã giao lại cho ông ta bản tuyên bố. Khi tôi đến, G. V. không hề đá động gì đến vấn đề này, nhưng vài hôm sau, lúc tôi đến nhà ông ta, ông ta trả tôi bản tuyên bố, với ngụ ý là: đây tôi trả anh bản tuyên bố, không suy suyển gì cả, có người làm chứng nhé, tôi không đánh mất đầu đấy. Tôi hỏi ông ta tại sao không sửa chữa như ông đã dự tính. Ông ta thoái thác: sau này sửa cũng được, không mất nhiều thì giờ lắm đâu, cần gì phải làm ngay. Tôi cầm bản tuyên bố, tự tay chữa lấy (đây chỉ là một bản nháp, phác ra lúc còn ở Nga), rồi đọc lại cho G. V. nghe (trước mặt V. I.), sau đó *tôi* đề nghị *thắng* là ông ta hãy cầm lấy bản đó và chữa lại. Ông ta lại thoái thác một lần nữa, trút công việc đó cho V. I. đang ngồi bên cạnh ông ta (thái độ của ông ta thật là lạ lùng, vì chúng tôi đâu có đề nghị V. I. đảm nhận việc ấy, vả lại chị ấy cũng không có khả năng sửa chữa làm cho lời văn thêm "đạt" và làm cho bản tuyên bố có tính chất một bản tuyên ngôn).

Tình thế cứ kéo dài như thế mãi cho đến đại hội (đại hội của toàn thể nhóm "Giải phóng lao động", có mặt G. V., P. B., và V. I. và hai chúng tôi, còn người thứ ba trong chúng tôi thì vắng mặt¹²⁶). Sau cùng, P. B. mới đến, và đại hội khai mạc. Về thái độ của chúng tôi đối với Hội liên hiệp Do-thái (nhóm Bun), thì G. V. biểu lộ một thái độ không khoan dung thật có một không hai, tuyên bố thẳng thừng rằng đó không phải là một tổ chức dân chủ - xã hội, mà chỉ là một tổ chức của những kẻ bóc lột, đi bóc lột người Nga thôi, và nói rằng mục đích của chúng ta là phải đuổi nhóm Bun ra khỏi đảng, rằng hết thảy mọi người Do-thái đều là những người sô-vanh và dân tộc chủ nghĩa cả, rằng đảng Nga phải là của người Nga, chứ không nên để cái "giống người đê tiện" đó "khống chế" mình, v.v.. Tất cả những lời chúng tôi phản đối những ý kiến thiếu lịch sự đó đều không đi đến kết quả gì cả, G. V. vẫn hoàn toàn giữ lập trường

của mình, bảo rằng chúng tôi không hiểu biết gì cả về người Do-thái, rằng chúng tôi chưa có kinh nghiệm làm việc chung với người Do-thái. Đại hội không thông qua nghị quyết nào về điểm này. "Bản tuyên bố" được đưa ra trước đại hội: G. V. có một thái độ rất kỳ lạ, chẳng nói chẳng rằng, không đề nghị sửa đổi chỗ nào, không phản đối việc bản tuyên bố cho phép luận chiến; tóm lại, ông ta tỏ vẻ lảng tránh, đúng là lảng tránh, và từ chối không chịu tham gia thảo luận, mà chỉ ngẫu nhiên quăng ra một lời vu vơ, nhận xét châm chọc cay độc, cho rằng về phần ông ta thì ông ta (nói cho đúng hơn, tức là "họ", tức là nhóm "Giải phóng lao động", do G. V. độc quyền điều khiển) chắc chắn đã không viết ra một bản tuyên bố như thế đâu. Lời nhận xét ngẫu nhiên quăng ra như vậy, rồi tiếp theo đó là một câu nói đến chuyện khác hẳn, đã làm tôi rất khó chịu: giữa cuộc họp của những người cộng tác với nhau trong ban biên tập chung, mà lại có một người trong chúng tôi (đã *hai* lần được mời trình bày bản dự thảo của mình về bản tuyên bố hoặc đưa ra những ý kiến để sửa bản tuyên bố của chúng tôi) đã không đề nghị chữa lại điểm nào cả, mà chỉ nhận xét một cách châm chọc rằng chắc chắn về phần ông ta thì ông ta không viết như thế (ý ông ta muốn nói là không viết một cách rụt rè, khiêm tốn, cơ hội chủ nghĩa đến như thế). Điều đó cho thấy là quan hệ giữa ông ta với chúng tôi không còn bình thường nữa. Tiếp đến - tôi bỏ qua những vấn đề ít quan trọng hơn mà đại hội đã xét - vấn đề thái độ đối với Bô-bô và Mi-kh. I-v. được đặt ra. Chúng tôi đồng ý mời họ, nhưng phải *có điều kiện* (thái độ quá quắt của G. V. buộc chúng tôi phải làm như thế: chúng tôi muốn qua đó mà tỏ ra rằng chúng tôi muốn có một thái độ khác. Thái độ cực kỳ xăng của G. V. đẩy người ta đến chỗ phản kháng lại một cách tuồng như theo bản năng mình, và đến chỗ phải bênh vực cho những địch thủ của ông ta. Đúng như Vê-ra I-va-nốp-na đã nhận xét một cách rất tế nhị, ông ta có một lối tranh

luận khiến cho bạn đọc lại đâm ra có thiện cảm với địch thủ của ông ta). G. V. tuyên bố một cách rất lạnh lùng và cọc lốc rằng ông ta hoàn toàn không đồng ý, đồng thời cứ im lặng tỏ vẻ thị uy trong suốt cuộc trao đổi khá lâu giữa chúng tôi với P. B. và V. I. là hai người có thể tán thành ý kiến chúng tôi. Suốt buổi sáng hôm ấy, bầu không khí thảo luận thật là hết sức nặng nề: không còn chối cãi gì nữa, tình hình đã diễn biến theo một chiều hướng khiến chúng tôi đứng trước một tối hậu thư của G. V.: hoặc là ông ta, hoặc là mời "những hạng người đề tiện" này. Thấy thế, Ác-xê-ni-ép và tôi quyết định nhượng bộ, và đến phiên họp buổi chiều, chúng tôi tuyên bố rằng "thể theo lời khẩn khoản yêu cầu của G. V.", chúng tôi rút lui đề nghị của mình. Lời tuyên bố đó không gây ra sự phản ứng nào cả (như thể hoàn toàn dĩ nhiên là chúng tôi không thể nào không nhượng bộ được!). Chúng tôi đã khá bực về cái "không khí tối hậu thư" (Ác-xê-ni-ép về sau này đã gọi không khí đó như thế) đó: rõ ràng là G. V. có ý muốn độc quyền chỉ huy. Trước đó ít lâu, trong một cuộc nói chuyện riêng, khi chúng tôi bàn về Bô-bô (G. V., (Ác-xê-ni-ép, V. I. và tôi, trong một buổi chiều, cùng nhau đi dạo mát trong rừng), G. V. sau một cuộc tranh luận sôi nổi, vừa vỗ vai tôi vừa nói: "nhưng mà các ông ơi, tôi có đặt điều kiện đâu, chúng ta sẽ cùng nhau xem xét tất cả những điều đó tại đại hội và chúng ta sẽ cùng nhau quyết định". Lúc bấy giờ, thái độ đó đã làm tôi rất cảm động. Nhưng đến đại hội, thì tình hình lại ngược hẳn lại: G. V. không muốn thảo luận trên tinh thần đồng chí và cứ giữ một thái độ giận dữ chẳng nói chẳng rằng, có ý tỏ ra là ông ta "*ra điều kiện*". Tôi cho đó là một biểu hiện rõ rệt của thái độ thiếu thành thật (dù rằng, ngay lúc đó, tôi vẫn chưa có những ấn tượng rõ ràng như thế); còn Ác-xê-ni-ép thì tuyên bố dứt khoát: "tôi sẽ không quên lần nhượng bộ này đâu!". Rồi đến thứ bảy. Tôi không còn nhớ rõ hôm ấy chúng tôi đã bàn những vấn đề gì, nhưng

vào buổi chiều, trong lúc chúng tôi cùng đi với nhau, thì một cuộc xung đột mới lại nổ ra. G. V. bảo là cần phải chỉ định một người (mà trong giới những nhà bình luận chính trị chưa có ai biết đến, nhưng lại được G. V. coi là một nhân tài về triết học. Tôi chưa biết con người ấy, nhưng chỉ biết rằng con người đó sùng bái G. V. một cách mù quáng)¹²⁷ viết một bài về một vấn đề về triết học. Tôi sẽ khuyên anh ta - G. V. nói - nên mở đầu bằng một bài phê phán Cau-xky: một con người kỳ quặc, thật thế, một con người đã tỏ ra ta đây là "nhà phê bình", đã cho đăng trên tờ "Neue Zeit"¹⁾ những bài văn triết học của "các nhà phê bình", mà lại không mở rộng cửa để tiếp đón "những nhà mác-xít" (nên hiểu là: để tiếp đón Plê-kha-nốp). Khi biết được cái ý định đả kích mạnh vào Cau-xky (người mà chúng tôi đã mời cộng tác với tờ tạp chí), thì Ác-xên-i-ép phần nộ và phản đối kịch liệt ý định ấy, cho đó là một ý định không hợp thời. G. V. cũng giận đỏ mặt tía tai, còn tôi thì đứng về phía Ác-xên-i-ép. P. B. và V. I. đều làm thinh. Nửa giờ sau, G. V. từ biệt chúng tôi (chúng tôi ra bến tiễn ông lên tàu), mấy phút trước khi đi, ông ta ngồi lặng thinh, trông ảm đạm hơn là một đám mây đen trong cơn bão. Khi ông ta đi rồi, trong chúng tôi, ai nấy đều cảm thấy dễ chịu hơn, và lại bàn luận với nhau "tử tế". Hôm sau, ngày chủ nhật (hôm nay, ngày 2 tháng Chín, là ngày chủ nhật. Vậy là *chỉ mới* cách đây có một tuần lễ thôi!!! Thế mà tôi có cảm tưởng rằng việc đó đã xảy ra cách đây một năm rồi! Tất cả câu chuyện đó đã lùi xa về dĩ vãng biết bao!), một cuộc họp được triệu tập không phải ở nơi chúng tôi ở, tại biệt thự của chúng tôi, mà ở nhà G. V.. Chúng tôi đến đấy, Ác-xên-i-ép đến trước, tôi đến sau. G. V. bảo P. B. và V. I. ra nói với Ác-xên-i-ép rằng ông ta không nhận làm ủy viên của ban biên tập chung, mà chỉ muốn làm một cộng tác

1) — "Thời mới"¹²⁸

viên thường thời: P. B. bỏ đi; còn V. I. thì hoàn toàn bối rối, rất khó chịu, chửi thì thầm với Ác-xên-i-ép: "Gioóc-giơ không được hài lòng, anh ấy không muốn"... Tôi bước vào. G. V. mở cửa cho tôi, bắt tay tôi với một nụ cười hơi lạ lùng, rồi biến mất. Tôi vào gian phòng mà V. I. và Ác-xên-i-ép đã có mặt ở đấy rồi, nét mặt của hai người trông khang khác. Tôi hỏi: thế nào, thưa các vị? G. V. bước vào và mời chúng tôi đi sang phòng riêng của ông ta. Ở đấy, ông ta tuyên bố rằng ông ta làm cộng tác viên thì tốt hơn, một cộng tác viên bình thường, nếu không thì sẽ chỉ gây ra va chạm mà thôi; rằng quan điểm của ông ta rõ ràng là khác với chúng tôi; rằng ông ta hiểu rõ và tôn trọng quan điểm của chúng tôi, quan điểm mang tính đảng, nhưng ông ta không thể theo nó được. Chúng tôi cứ làm biên tập viên và ông ta thì làm cộng tác viên. Chúng tôi ngăn cả người ra khi nghe thấy như thế, thật sự ngăn người ra và bắt đầu khước từ. Lúc đó G. V. nói: nhưng, nếu làm việc chung với nhau thì chúng ta sẽ biểu quyết như thế nào? sẽ có mấy người biểu quyết? - Sáu người. - Sáu thì không tiện. "Thế thì, - V. I. nói xen vào, - nên để cho G. V. có quyền bỏ hai phiếu, không thì anh ấy bao giờ cũng đơn độc một mình mà thôi, anh ấy được bỏ hai phiếu khi biểu quyết những vấn đề sách lược". Chúng tôi tán thành. Thế là G. V. nắm ngay lấy quyền chỉ huy, rồi đóng vai tổng biên tập mà phân phối các mục và các bài cho tạp chí, cho những người có mặt, với một giọng nói không cho ai cãi lại cả. Tất cả chúng tôi đều sững sốt, chấp nhận mọi việc một cách bàng quan, vẫn chưa hiểu nổi sự tình đã xảy ra. Chúng tôi cảm thấy mình đã bị mắc lừa, những nhận xét của chúng tôi ngày càng trở nên e dè hơn, còn G. V. thì "gác lại" (ông ta không bác bỏ, mà gác lại) những nhận xét đó một cách ngày càng dễ dàng, ngày càng xem thường hơn, "chế độ mới" đó de facto¹⁾

1) — trên thực tế

hoàn toàn có nghĩa là G. V. đã tuyệt đối thống trị, ông ta biết rất rõ điều đó nên không ngần ngại gì mà không kéo thẳng dây cương và cũng không cần phải gượng nhẹ với chúng tôi. Chúng tôi nhận thấy rất rõ là mình đã bị mắc lừa hãn hoi và hoàn toàn bị thất bại, nhưng chúng tôi vẫn chưa thấy rõ hết tình thế đó của mình. Ngược lại, lúc chỉ còn lại hai người, khi từ trên tàu thủy bước xuống để về nhà, chúng tôi đều nổi xung lên và thốt ra hàng tràng những lời căm tức và đầy phần nộ đối với G. V..

Nhưng trước khi trình bày nội dung và kết quả của những lời căm tức đó, tôi xin nói ra ngoài đề một tí rồi sau sẽ trở lại. Vì sao sự độc quyền thống trị của Plê-kha-nốp (không kể sự thống trị đó biểu hiện dưới hình thức nào) đã làm chúng tôi bức tức đến như thế? Trước kia, chúng tôi luôn luôn nghĩ rằng mình sẽ là biên tập viên, và họ thì sẽ là những cộng tác viên gần gũi nhất. Đó là điều mà tôi đề nghị nên quy định chính thức ngay từ đầu (lúc còn ở trong nước Nga); Ác-xên-i-ép lại không muốn đặt vấn đề đó một cách chính thức và thấy nên dùng cách "thỏa thuận với nhau" là hơn (theo anh ta thì kết quả cũng thế thôi). Tôi đồng ý. Nhưng cả hai chúng tôi đều đã nhất trí với nhau rằng chính chúng tôi phải làm biên tập viên vì "phái già" thì cố chấp quá lắm, và cũng vì họ không thể nào thực hiện cẩn thận cái công tác biên tập lam lũ và nặng nề ấy: đối với chúng tôi, chỉ riêng những lý do đó là có tính chất quyết định; còn nhường cho họ lãnh đạo về mặt tư tưởng, thì chúng tôi sẵn sàng chấp thuận. Những cuộc trao đổi ở Giơ-ne-vơ giữa tôi với những người bạn rất gần gũi của Plê-kha-nốp và những người ủng hộ ông ta trong giới thanh niên (đó là những người trong nhóm "Người dân chủ - xã hội"¹²⁹, những người từ xưa đã ủng hộ Plê-kha-nốp, những nhân viên công tác, không phải là công nhân mà là nhân viên công tác, những con người bình thường, làm những công việc thiết thực, hết lòng hết dạ với Plê-kha-nốp), những

cuộc trao đổi ấy đã hoàn toàn xác minh trong suy nghĩ của tôi (cũng như của Ác-xên-i-ép) rằng đúng là chúng tôi cần phải đặt vấn đề như thế: bản thân những người ủng hộ Plê-kha-nốp cũng đã nói thẳng với chúng tôi rằng tốt hơn là nên đặt ban biên tập tại nước Đức, *vì như thế chúng tôi sẽ đỡ bị phụ thuộc vào G. V. hơn*, rằng trong trường hợp mà phái già nắm trong tay công tác thực tế của ban biên tập, thì sẽ xảy ra những tình trạng chậm trễ khủng khiếp, nếu không phải là toàn bộ sự nghiệp của chúng tôi sẽ bị thất bại. Chính vì những lẽ đó mà cả Ác-xên-i-ép cũng *tuyệt đối* đòi phải đặt ban biên tập tại nước Đức.

Trong câu chuyện tôi kể về việc tờ "Tia lửa" suýt tắt như thế nào, thì tôi mới kể đến chỗ chúng tôi trở về nhà vào buổi chiều hôm chủ nhật, 26 tháng Tám (theo lịch mới). Lúc chỉ còn lại hai người, từ trên tàu thủy bước xuống, chúng tôi đã trút ra hàng tràng những lời phần nộ. Chúng tôi không tài nào nén giận được, không khí quá nặng nề đã chuyển thành cơn giông tố. Chúng tôi vẫn còn đi đi lại lại từ đầu này đến đầu kia cái xóm bé nhỏ của chúng tôi mãi cho đến khuya, đêm khá tối, giông tố gầm rít ở các vùng lân cận, chớp lòe lên sáng rực. Chúng tôi vừa đi vừa tức giận. Tôi còn nhớ, Ác-xên-i-ép trước hết bảo rằng anh xem mối quan hệ cá nhân giữa anh với Plê-kha-nốp từ nay là đã bị cắt đứt vĩnh viễn, và anh sẽ không bao giờ nói lại mối quan hệ đó: liên hệ về công tác thì vẫn liên hệ, nhưng đứng về mặt cá nhân mà nói, thì giữa tôi và ông ta, thế là fertig¹⁾. Thái độ của ông ta xúc phạm quá nặng, khiến chúng tôi phải nghi ngờ rằng ông ta có những tư tưởng rất "xấu" đối với chúng tôi (tức là trong thâm tâm, ông ta coi chúng tôi là bọn Streber²⁾, Ông ta nhìn chúng tôi bằng nửa con mắt, v. v.. Tôi hoàn toàn đồng ý với những lời kết tội đó. "Lòng hãm mộ" của tôi

1) – hết

2) – hám danh vọng

đối với Plê-kha-nốp đã tiêu tan đi lúc nào không biết, trong lòng tôi cảm thấy tức giận và đặng cay không thể tưởng tượng được. Tôi chưa bao giờ lại thành thực kính trọng và tôn sùng, vénération¹⁾, một người nào đến như thế, tôi chưa bao giờ tỏ vẻ "nhân nhục" như thế đối với bất cứ người nào, và chưa bao giờ thấy mình bị "đá" một cách tàn nhẫn đến như thế. Mà đúng là chúng tôi đã bị đá: người ta dọa chúng tôi như dọa trẻ con vậy, bằng cách bảo với chúng tôi rằng những người lớn sẽ bỏ chúng tôi và sẽ để chúng tôi cô độc, thế rồi, sau khi chúng tôi đã nhượng bộ một cách khiếp nhược (thật là nhục nhã biết bao!), người ta lại gạt chúng tôi ra một cách hết sức thản nhiên. Bây giờ chúng tôi đã thấy rõ rằng lời từ chối đưa ra buổi sáng, tỏ ý không nhận làm ủy viên của ban biên tập chung, chẳng qua cũng chỉ là một cái bẫy, một mảnh khốe có tính toán trước, một cái lưới giăng ra để lừa "những kẻ ngây thơ" khờ dại vào tròng; không nghi ngờ gì nữa, vì nếu Plê-kha-nốp thật tình sợ phải cộng tác chung trong ban biên tập đi nữa, nếu ông ta sợ sẽ làm trở ngại công việc, sợ sẽ tạo ra những va chạm vô ích giữa chúng tôi với nhau, thì một phút sau, ông ta hẳn đã không thể để lộ ra (một cách quá thô lỗ) rằng công tác biên tập *chung*, đối với ông ta, hoàn toàn có nghĩa là công tác biên tập *riêng* của ông ta. Nhưng con người mà chúng tôi muốn cộng tác chặt chẽ, với những mối quan hệ mật thiết nhất để phục vụ sự nghiệp chung, con người đó lại dùng mảnh khốe như thế đối với đồng chí, thì không còn nghi ngờ gì nữa, đó chính là một con người xấu, thực sự xấu, một con người bị chi phối bởi những động cơ cá nhân: tính tự ái nhỏ nhen và khoe khoang tự phụ, một con người không thành thật. Sự phát hiện ấy - chúng tôi thấy đó là một sự phát hiện thực sự! - đối với chúng tôi là một tiếng sét đánh, vì từ trước đến nay, cả hai chúng tôi đều hâm mộ Plê-kha-nốp; chúng

1) — tôn sùng

tôi đã tha thứ tất cả cho ông ta như tha thứ cho một người thân yêu vậy, chúng tôi đã làm ngơ trước tất cả những khuyết điểm của ông ta, chúng tôi cố hết sức thuyết phục mình rằng những khuyết điểm ấy là không có, rằng đó chỉ là những chuyện vụn vặt thôi, rằng chỉ có những kẻ không có ý thức đầy đủ về nguyên tắc mới coi trọng những cái vụn vặt đó. Và bây giờ đây, chính sự thật hiển nhiên đã bắt buộc chúng tôi phải thừa nhận rằng "những cái vụn vặt" ấy đã có thể làm cho những người bạn trung thành nhất chán mình, và lòng tin tưởng rằng ông ta có lý về mặt lý luận tuyệt nhiên không thể xóa bỏ được những phẩm chất *xấu xa* của ông ta. Chúng tôi bực tức đến cao độ: cái điều lý tưởng của chúng tôi đã tan vỡ và chúng tôi đã hết sức lấy làm thích thú mà chà đạp lên nó, như chà đạp lên một pho tượng thờ đã bị lật đổ: những lời kết tội nặng nhất tuôn ra không ngớt. Và chúng tôi quyết định: không thể cứ để như thế được! Chúng tôi không muốn làm việc chung trong những điều kiện như thế, chúng tôi sẽ không làm như vậy, chúng tôi *không thể* làm như vậy được. Thôi xin vĩnh biệt tờ tạp chí! Chúng tôi vứt bỏ tất cả, chúng tôi trở về Nga, và ở đây chúng tôi lại sẽ bắt tay lại từ đầu, chỉ làm một tờ báo. Chúng tôi không muốn làm quân tốt đen trong tay con người ấy; ông ta không tán thành, ông ta không hiểu những quan hệ đồng chí. *Tự mình* đảm đương ban biên tập, thì chúng tôi chưa dám làm; với lại, bây giờ mà làm như vậy, thì chỉ khả ố thôi, y như thể là chúng tôi chỉ chạy vạy để kiếm cái chân biên tập viên, y như thể chúng tôi đều là những kẻ Streber, những kẻ hám danh vọng và y như thể chúng tôi đều là những kẻ cũng hiểu danh như thế, nhưng thuộc một loại thấp hơn mà thôi... Khó mà diễn tả được đúng tâm trạng của chúng tôi trong buổi tối hôm ấy: thật là phức tạp, nặng nề, rối bời bời! Đó là một tấn bi kịch thật sự, một sự đoạn tuyệt dứt khoát với cái mà chúng tôi đã bo bo giữ gìn qua bao nhiêu năm trường, như giữ gìn một đứa con triu mến, như

giữ gìn cái mà mình gắn cả cuộc đời hoạt động vào đó. Sở dĩ như vậy là vì từ trước đến nay, chúng tôi đã say mê Plê-kha-nốp: nếu không có sự say mê đó, nếu chúng tôi nhìn ông ta một cách tỉnh táo hơn, bình tĩnh hơn, khách quan hơn một chút, thì chúng tôi đã đối xử với ông ta một cách khác và không bị phá sản thật sự như vậy, không bị "một gáo nước lạnh về tinh thần" như thế, theo cách nói rất đúng của Ác-xên-i-ép. Bài học đường đời thật là cay đắng, cay đắng và đau đớn, đau đớn phũ phàng. Những người bạn trẻ đi "ve vãn" một bậc đàn anh vì đã mang nặng một mối tình không bờ bến đối với bậc đàn anh đó, thế mà bỗng nhiên người đàn anh này lại đem cái không khí thủ đoạn vào trong mối tình ấy, làm cho các bạn trẻ đó có cảm giác rằng mình không phải là những người em, mà là những kẻ khờ dại có thể xỏ mũi lòi đi, là những quân tốt đen mà người ta muốn xách đi đâu thì xách, hoặc thậm chí là những Streber vụng về mà người ta cần phải đe dọa và trấn áp mạnh hơn nữa. Và đám thanh niên say mê đó đã được đối tượng say mê của mình dạy cho một bài học chua chát: đối với bất cứ ai, cũng không nên đối xử "bằng tình cảm" được, và dù thế nào cũng phải thủ sẵn trong mình một hòn đá. Đó là những lời nói chua chát mà chúng tôi cứ lặp đi lặp lại mãi trong suốt buổi tối hôm ấy. Dĩ nhiên là tình trạng bị phá sản đột ngột không khỏi làm cho người ta nói ra nhiều điều quá đáng, nhưng xét về cơ bản, thì những lời nói chua chát đó đều đúng cả. Vì quá say mê mà đâm ra mù quáng, nên rốt cuộc chúng tôi đã xử sự chẳng khác gì *những người nô lệ*; mà làm nô lệ là một điều không xứng đáng, và nỗi đau khổ của chúng tôi về tình trạng ấy lại tăng lên gấp trăm lần, vì đích thân "ông ta" đã làm cho chúng tôi phải chịu chua cay mà sáng mắt ra...

Cuối cùng, chúng tôi trở về phòng đi ngủ với quyết tâm là đến mai chúng tôi sẽ tỏ nỗi căm phẫn của mình với Plê-kha-nốp, sẽ thôi không làm tờ tạp chí nữa và sẽ ra đi mà

chỉ làm tờ báo thôi, còn các tài liệu cho tờ tạp chí thì cứ đem xuất bản thành sách là được: sự nghiệp sẽ không vì thế mà bị thiệt hại và chúng tôi sẽ khỏi phải liên hệ trực tiếp với "con người ấy".

Hôm sau, tôi thức dậy sớm hơn ngày thường, vì có tiếng chân bước trên thang gác và có tiếng nói của P. B. đang gõ cửa buồng Ác-xên-i-ép. Tôi nghe tiếng Ác-xên-i-ép trả lời và ra mở cửa, tôi lắng nghe anh ta nói và bụng bảo dạ: Ác-xên-i-ép liệu có đủ can đảm để nói ngay tất cả mọi việc không? tuy vậy, tốt hơn là cứ nói phất chuyện đó ra, nói cho bằng hết, chứ không nên dây dưa kéo dài câu chuyện. Rửa mặt và mặc quần áo xong, tôi qua phòng Ác-xên-i-ép, lúc đó anh ta đang rửa mặt. Ác-xên-rốt thì ngồi trên ghế dựa, nét mặt có hơi thiếu tự nhiên. Ác-xên-i-ép nói với tôi: "Đấy, NN, tôi đã bảo P.B. biết là chúng ta đã quyết định trở về Nga, chúng ta tin chắc rằng không thể nào làm việc theo cái kiểu như thế được". Tôi hoàn toàn thừa nhận như vậy và dĩ nhiên là tôi tán thành ý kiến của Ác-xên-i-ép. Chúng tôi kể hết cho ác-xên-rốt nghe, không chút e ngại, thành thử Ác-xên-i-ép cũng nói rõ rằng chúng tôi nghi Plê-kha-nốp đã coi chúng tôi là những Streber. Nói chung, Ác-xên-rốt đồng tình một nửa với chúng tôi, anh ta lắc đầu một cách chua chát và lộ vẻ bứt rứt, bối rối và lúng túng đến cực độ, nhưng khi nghe Ác-xên-i-ép nói thế thì anh ta liền phản đối kịch liệt và lớn tiếng rằng nói như thế là sai, Plê-kha-nốp có nhiều khuyết điểm, nhưng không phạm khuyết điểm đó, rằng lần này thì không phải ông ta có thái độ không đúng đối với chúng tôi mà chính chúng tôi có thái độ không đúng đối với ông ta, rằng trước đó anh ta đã định tâm là sẽ bảo Plê-kha-nốp: "anh đã thấy rõ việc anh làm thế nào rồi đấy, anh tự giải quyết lấy đi, mặc anh, tôi không biết", nhưng bây giờ thì anh ta lại đâm ra do dự, vì anh ta thấy chúng tôi cũng có thái độ không đúng. Những lời cam đoan của anh ta tất nhiên là không có ảnh hưởng

gì nhiều đến chúng tôi, và bộ mặt của anh chàng P. B. đáng thương hại trở nên rất thiếu nã khi anh ta nhận thấy rằng chúng tôi đã quyết định dứt khoát như thế.

Chúng tôi cùng nhau ra đi và đến báo cho V. I. biết. Rất có thể chị ta sẽ hết sức đau đớn khi được tin về "sự đoạn tuyệt" (vì tình hình dẫn đến chính là sự đoạn tuyệt). Ngày hôm trước, Ác-xên-i-ép đã nói là anh ta thậm chí sợ và hoàn toàn thật sự sợ rằng chị ấy sẽ tự tử mất...

Tôi sẽ không bao giờ quên được tâm trạng hôm đó của cả ba chúng tôi khi bước ra đi: "thật chẳng khác gì chúng tôi đi đưa đám ma", tôi tự nghĩ thế. Thật vậy, chúng tôi bước đi như đi đưa đám ma vậy, mọi người đều im lặng, mắt nhìn xuống đất, thất vọng đến cực độ vì vừa phải chịu một sự mất mát, kỳ quặc, điên dại, vô lý. Đúng là tai họa! Sau bao nhiêu đắng cay dai dẳng, sau bao nhiêu lần thất bại, mọi việc mới trôi chảy, nhưng một cơn giông bỗng nổi lên làm đổ sụp tất cả. Thật không thể tin nổi bản thân mình nữa [cũng hết như người ta không tin mình khi đang ở trong tâm trạng nghe tin người thân chết] phải chăng chính là tôi, một người nhiệt liệt hâm mộ Plê-kha-nốp, thế mà giờ đây lại nói về ông ta một cách hết sức căm tức và sẽ mím môi lại, với thái độ lạnh lẽo ghê gớm trong tâm hồn, để nói với ông ta những lời lạnh lùng và cứng rắn, báo cho ông ta biết rõ hầu như về một "sự tuyệt giao"? "Phải chăng đó là sự thật chứ không phải là một cơn ác mộng?"

Ấn tượng đó không giảm bớt đi trong suốt cuộc nói chuyện giữa chúng tôi với V. I.. Chị ta không biểu lộ một sự cảm xúc nào mãnh liệt lắm, nhưng chị tỏ ra vô cùng thất vọng, chị cầu khẩn, gần như van xin chúng tôi rằng dù sao chúng tôi cũng nên bỏ ý định của mình đi và hãy cứ thử xem: có lẽ cũng không đến nỗi ghê gớm đến như thế đâu, bắt tay vào việc thì sẽ êm thấm cả, và chúng ta sẽ ít chú ý đến những nét xấu trong tính nết của ông ta... Thật hết

sức khổ tâm khi nghe những lời cầu khẩn thành thực của một con người yếu đuối trước Plê-kha-nốp, nhưng lại hoàn toàn chân thành và có nhiệt tâm tận tụy với sự nghiệp, một con người đã mang cái ách chủ nghĩa Plê-kha-nốp với một "tinh thần anh dũng của người nô lệ" (theo danh từ của Ác-xên-i-ép). Khổ tâm đến nỗi, có lúc, thật sự tôi nghĩ là mình sẽ khóc oà lên mất... Khi đi đưa đám ma, thì lúc dễ làm cho người ta khóc oà lên nhất chính là lúc người khác bắt đầu tỏ lời thương xót, đau buồn...

Chúng tôi từ biệt P. B. và V. I.. Chúng tôi ra về, ăn cơm trưa và gửi thư sang Đức, báo rằng chúng tôi sẽ đến đấy; rằng cần phải *ngừng công tác lại* và về vấn đề này, chúng tôi lại còn đánh thêm một bức điện nữa (ngay cả *trước khi* có cuộc trao đổi ý kiến với Plê-kha-nốp!), nhưng cả hai chúng tôi đều nhận thức sâu sắc sự cần thiết của hành động mà chúng tôi vừa làm.

Ăn bữa xong, đúng theo giờ đã hẹn, chúng tôi lại đến nhà P. B. và V. I. Plê-kha-nốp tất đã phải có mặt sẵn tại đấy rồi. Cả ba người đều ra đón chúng tôi. Chúng tôi chỉ chào nhau mà không nói năng gì cả, tuy vậy Plê-kha-nốp cố tìm cách nói lảng sang chuyện khác (chúng tôi đã đề nghị P. B. và V. I. báo trước cho ông ta biết, nên ông ta đã hiểu rõ tất cả câu chuyện), chúng tôi vào nhà rồi ngồi xuống ghế. Ác-xên-i-ép bắt đầu nói một cách dè dặt, lạnh lùng và ngắn gọn, rằng chúng tôi không hy vọng làm được việc gì trong những điều kiện quan hệ *như những điều kiện* đã quy định hôm qua, rằng chúng tôi đã quyết định trở về Nga để bàn với các đồng chí ở trong nước, vì chúng tôi không muốn tự mình quyết định nữa, rằng tạm thời trong lúc này, chúng tôi phải bỏ không cho ra tờ tạp chí. Plê-kha-nốp rất bình tĩnh, dè dặt, rõ ràng là hoàn toàn tự chủ được mình; ông ta không có cái vẻ nóng nảy như Pa-ven Bô-ri-xô-vích hay Vê-ra I-va-nốp-na [chắc là ông ta đã được dự những trận đấu đá còn hơn thế nữa kia! vừa nhìn ông ta, chúng tôi

vừa bực mà nghĩ như thế!]. Ông ta dò hỏi để biết rõ xem thực ra vấn đề là ở chỗ nào. "Chúng tôi đang ở trong một bầu không khí tối hậu thư", - Ác-xen-i-ép nói và giải thích ý kiến đó thêm một chút. Plê-kha-nốp hỏi đôn: "Thế thì các anh ngại điều gì chứ? Các anh ngại rằng sau khi ra số thứ nhất, tôi sẽ bãi công không ra số thứ hai nữa chẳng?" Ông ta nghĩ rằng chúng tôi sẽ không dám nói ra điều đó. Nhưng, cả tôi nữa, tôi cũng đáp lại một cách bình tĩnh và thân nhiên: "so với lời nói của A. N. thì có khác gì đâu? Đó đúng là điều anh ấy đã nói". Plê-kha-nốp rõ ràng là hơi phật ý. Ông ta không ngờ rằng người ta dám chỉ trích ông ta bằng một giọng như thế, một thái độ lạnh lùng và thẳng thắn như thế. Ông ta bèn nói: "Được, các anh đã quyết định trở về thì còn phải tranh luận làm gì nữa, tôi không còn gì phải nói nữa, hoàn cảnh của tôi cũng khá khó xử: các anh có những ấn tượng, bao giờ cũng chỉ có những ấn tượng thôi, không hơn không kém, và các anh mang theo ấn tượng rằng tôi là một con người xấu. Tôi biết làm thế nào bây giờ? Để lái câu chuyện ra khỏi đề tài "không thể chịu nổi" đó, tôi liền đáp lại: Cái sai của chúng tôi có lẽ là ở chỗ chúng tôi đã đi quá xa mà không dò dẫm trước. - "Không phải thế - Plê-kha-nốp trả lời, - nói thẳng ra, thì cái sai của các anh là ở chỗ các anh đã quá chú trọng (có lẽ do thái độ nóng nảy của Ác-xen-i-ép) đến những ấn tượng mà đáng lẽ không nên để ý đến chút nào cả". Chúng tôi im lặng, rồi bảo rằng tạm thời đành phải cho ra những tập sách nhỏ vậy. Plê-kha-nốp nổi giận lên: "tôi chưa bao giờ nghĩ đến việc cho ra những tập sách nhỏ và bây giờ đây tôi cũng không có ý định làm như thế. Các anh đừng trông mong gì ở tôi cả. Nếu các anh đi, tôi cũng sẽ không chịu ngồi bó tay đâu, có thể tôi sẽ tham gia một công việc khác trước khi các anh trở về".

Về sau, khi nhớ lại lời tuyên bố đó để nghiên cứu nó dưới tất cả các khía cạnh, tôi nhận thấy rằng chưa có cái

gì làm cho tôi đánh giá thấp Plê-kha-nốp, bằng lời tuyên bố ấy. Đó là một sự đe dọa trắng trợn, một mưu toan uy hiếp quá vụng về đến nỗi nó chỉ có thể làm "hại" Plê-kha-nốp bằng cách bóc trần cái "chính sách" mà ông ta đã dùng để đối phó với chúng tôi: chỉ cần dọa họ thật mạnh là mọi việc đều ổn cả...

Nhưng chúng tôi *không mảy may để ý* đến sự đe dọa của ông ta. Tôi chỉ mím môi không nói nửa lời: được lắm - tôi nghĩ bụng - thế thì à la guerre comme à la guerre¹⁾, nhưng anh thật là ngu xuẩn, nếu anh không nhận thấy rằng bây giờ chúng tôi đã trở thành những con người khác rồi; qua một đêm, chúng tôi đã hoàn toàn thay hình đổi dạng rồi.

Thấy đe dọa không ăn thua, Plê-kha-nốp liền tìm cách gỡ mảnh khóe khác. Thật vậy, làm thế nào mà lại không gọi đấy là một mảnh khóe được, khi mà sau đó mấy phút, ông ta liền quả quyết rằng ông ta mà đoạn tuyệt với chúng tôi thì chẳng khác nào từ bỏ tất cả mọi hoạt động chính trị, rằng ông ta phải từ bỏ hoạt động chính trị để chuyên tâm vào công tác học thuật, thuần túy học thuật, vì nếu không thể làm việc với chúng tôi được nữa, thì thế có nghĩa là ông ta sẽ không thể nào làm việc được với một ai cả... Nếu uy hiếp không ăn thua gì, thì phỉnh phờ có lẽ sẽ đem lại kết quả chẳng!.. Nhưng, *sau khi* thử uy hiếp như thế, thì phỉnh phờ chỉ có thể mang lại ấn tượng ghê tởm mà thôi... Cuộc nói chuyện rất ngắn ngủi, mọi việc đều bế tắc: biết vậy, Plê-kha-nốp liền hướng câu chuyện vào những hành vi bạo ngược của người Nga ở Trung-quốc, nhưng lúc bấy giờ gần như chỉ có một mình ông ta nói thôi, sau đó chúng tôi chia tay nhau.

Sau khi Plê-kha-nốp đi rồi, câu chuyện giữa chúng tôi với P. B. và V. I. chẳng có gì là lý thú và quan trọng nữa: P. B. đã khổ công, đã cố sức trình bày với chúng tôi rằng

1) - đã là chiến tranh thì hành động như thời chiến

cả Plê-kha-nốp cũng lấy làm sững sốt, rằng bây giờ mà chúng tôi bỏ ra đi thì thật là không đúng, v. v. và v. v.. V. I., trong câu chuyện tâm tình với Ác-xên-i-ép, đã thừa nhận rằng "Gioóc-giơ" bao giờ cũng như thế, chị thú nhận là mình đã có cái "tinh thần anh dũng của người nô lệ", chị công nhận rằng, nếu chúng tôi bỏ đi thì "đó là một bài học cho ông ta".

Những phút cuối cùng của buổi tối hôm ấy thật là vô vị và nặng nề.

Ngày hôm sau, thứ ba, 28 tháng Tám (lịch mới), chúng tôi phải đi Giơ-ne-vơ, rồi từ đó đi sang nước Đức. Sáng sớm, Ác-xên-i-ép (bình thường vẫn hay dậy muộn) đánh thức tôi dậy. Tôi lấy làm lạ: anh ấy bảo là anh ấy không ngủ được và có nghĩ ra một phương kế cuối cùng có thể thực hiện được để dàn xếp cho công việc tạm tạm ổn nhằm tránh cho công việc quan trọng *do đảng* tổ chức ra khỏi bị thất bại vì một mối bất hòa *giữa cá nhân với nhau*. Chúng ta sẽ cho xuất bản một *văn tập*, vì tài liệu đã có sẵn và việc liên lạc với nhà in đã ổn cả rồi. Chúng tôi sẽ cho xuất bản văn tập, trong điều kiện vấn đề ban biên tập hiện nay chưa được rõ ràng, rồi sau sẽ hay: từ văn tập mà chuyển sang tạp chí hay tập sách nhỏ thì đều dễ cả. Nếu Plê-kha-nốp cứ ngoan cố thì mặc ông ta, còn chúng tôi, chúng tôi đã cố gắng hết sức rồi... Chúng tôi quyết định như thế.

Chúng tôi đến báo tin đó cho Pa-ven Bô-ri-xô-vích và Vê-ra I-va-nốp-na biết và gặp họ: họ đang đi đến nhà chúng tôi. Dĩ nhiên là họ sẵn sàng đồng ý, và P. B. lãnh trách nhiệm đi thương lượng với Plê-kha-nốp để thuyết phục ông ta đồng ý.

Khi đến Giơ-ne-vơ, chúng tôi *trao đổi ý kiến lần cuối cùng* với Plê-kha-nốp. Ông ta nói như thế trước đây giữa chúng tôi chỉ có một sự hiểu lầm đáng buồn do tính nóng nảy gây ra mà thôi: ông ta ân cần hỏi thăm sức khỏe của Ác-xên-i-ép và gần như ôm lấy anh ta, khiến cho anh này

suýt nữa phải lụi lại. Plê-kha-nốp đồng ý xuất bản văn tập. Chúng tôi bảo rằng có thể có ba cách tổ chức ban biên tập (1. chúng tôi là các ủy viên ban biên tập, ông ta là cộng tác viên; 2. tất cả đều là ủy viên trong ban biên tập; 3. ông ta là chủ bút, chúng tôi là cộng tác viên), rằng chúng tôi sẽ nghiên cứu cả ba cách đó sau khi trở về Nga, sẽ viết một bản dự thảo và sẽ đem đến đây. Plê-kha-nốp tuyên bố rằng ông ta hoàn toàn không đồng ý cách thứ ba, một mục đòi phải loại bỏ hẳn cách đó, và *tán thành hai* cách đầu tiên. Thế là đã quyết định như sau: tạm thời, *trong khi chờ* bản dự thảo về chế độ mới của ban biên tập mà chúng tôi *sẽ đưa ra*, thì vẫn duy trì chế độ cũ (cả bảy sáu người chúng tôi đều là ủy viên của ban biên tập, và Plê-kha-nốp được quyền bỏ hai phiếu trong khi biểu quyết).

Sau đó, Plê-kha-nốp tỏ ý muốn biết đích xác việc gì đã xảy ra và cái gì đã làm cho chúng tôi bất bình. Tôi nêu lên rằng tốt hơn hết là không nên chú ý nhiều đến quá khứ, mà cần phải chú trọng nhiều đến tương lai. Nhưng ông ta cứ đòi phải làm cho ra ngô ra khoai, phải phân tích. Thế là có một cuộc trao đổi, trong đó gần như chỉ có Plê-kha-nốp và bản thân tôi tham gia thôi, còn Ác-xên-i-ép và P. B. thì ngồi im. Cuộc trao đổi cũng khá êm thấm, hoàn toàn êm thấm nữa là khác. Plê-kha-nốp nói là ông ta nhận thấy dường như Ác-xên-i-ép đã bất bình vì sự từ chối của ông ta trong vấn đề Xtơ-ru-vê, - tôi nhắc Plê-kha-nốp nên chú ý rằng, ngược lại, chính ông đã đặt điều kiện cho chúng tôi, như thế là trái hẳn với lời ông nói trước đây, khi đi dạo mát trong rừng, rằng ông sẽ không đặt điều kiện. Plê-kha-nốp bào chữa: khi ông ta làm thỉnh thì đó không phải là ông đặt điều kiện, mà chính là vì ông thấy vấn đề đã rõ ràng rồi. Tôi nói đến sự cần thiết phải tranh luận, cần thiết phải có biểu quyết giữa chúng ta. Plê-kha-nốp tán thành điểm thứ hai, nhưng nói thêm: đối với những vấn đề chi tiết thì dĩ nhiên là chúng ta sẽ biểu quyết, nhưng đối với những

vấn đề cơ bản thì không. Tôi đáp lại rằng chính không phải lúc nào cũng dễ phân biệt được những vấn đề cơ bản và những vấn đề chi tiết, và chính để phân biệt các vấn đề này mà các ủy viên của ban biên tập cần phải biểu quyết. Plê-kha-nốp cố cãi lại, ông ta bảo rằng đó là việc tự giác, rằng sự khác nhau giữa những vấn đề cơ bản và vấn đề chi tiết thì đã rõ ràng rồi, không cần phải biểu quyết gì cả. Chúng tôi sa lầy vào cuộc tranh luận đó, cuộc tranh luận để xét xem có thể thực hiện được hay không việc biểu quyết giữa các ủy viên trong ban biên tập về sự phân biệt những vấn đề cơ bản với những vấn đề chi tiết, và cứ thế là chẳng nhích lên được một bước nào cả. Plê-kha-nốp đã vận dụng tất cả tài khôn khéo của mình, tất cả những ví dụ, những sự so sánh, những câu pha trò và những lời trích dẫn bóng bẩy của ông ta, khiến chúng tôi bất giác phải bật cười; tuy vậy, ông ta vẫn lẩn tránh được vấn đề mà không phải nói thẳng tiếng "không". Tôi tin chắc rằng chính là về điểm đó ông ta không thể nhượng bộ được, không thể nào từ bỏ "chủ nghĩa cá nhân" và "những bức tối hậu thư" của mình được, vì đối với những vấn đề như thế, ông ta nhất định không muốn biểu quyết, mà cứ muốn đưa ra tối hậu thư.

Tôi đi ngay buổi chiều hôm ấy và cũng không đến gặp người nào khác trong nhóm "Giải phóng lao động". Chúng tôi đã quyết định rằng, ngoài những người gần gũi nhất với chúng tôi ra thì không kể lại cho ai biết những việc đã xảy ra, rằng phải giữ áp-pa-răng-xơ 130, phải tránh tạo cơ hội thắng lợi cho kẻ thù. Nhìn bề ngoài thì như không có việc gì xảy ra, tất cả bộ máy phải tiếp tục hoạt động như cũ: chỉ ở bên trong là có một sợi dây bị đứt, và những quan hệ cá nhân tốt đẹp đã bị thay thế bằng những quan hệ công tác, những quan hệ khô khan, thường xuyên có tính toán: theo công thức *si vis pacem, para bellum*¹⁾.

1) — nếu anh muốn có hòa bình thì hãy chuẩn bị chiến tranh

Tuy vậy, nhắc đến cuộc nói chuyện ngay trong buổi tối hôm ấy giữa tôi với một người là đồng chí rất thân và là môn đồ của Plê-kha-nốp, thành viên của nhóm "Người dân chủ - xã hội", tưởng cũng không phải là vô ích. Tôi không hề nói cho người này biết những việc đã xảy ra, tôi báo cho người ấy biết rằng tờ tạp chí đã được dự định xuất bản, bài vở đã phân công viết rồi, lúc này chỉ còn có bắt tay vào việc nữa thôi. Tôi trao đổi với người ấy về cách thức tiến hành công việc trong thực tiễn: người ấy khẳng định dứt khoát rằng phái già thì tuyệt đối không có khả năng đảm đương nổi công tác biên tập. Tôi nói với anh ta về "ba cách" và hỏi thẳng xem, theo ý anh ta cách nào là tốt hơn cả. Anh ta trả lời thẳng thắn và không chút do dự: cách thứ nhất (chúng tôi làm các ủy viên ban biên tập còn họ làm cộng tác viên), đồng thời lại có nói thêm rằng: chắc là tờ tạp chí sẽ thuộc về Plê-kha-nốp, còn tờ báo thì sẽ thuộc về các anh.

Câu chuyện đã diễn ra trên đây càng lùi xa về dĩ vãng thì chúng tôi càng nhận xét được bình tĩnh hơn, do đó, chúng tôi thấy rõ rằng không có lý do gì để rút bỏ công việc, rằng lúc này chúng tôi không nên sợ nắm lấy việc biên tập (*vấn tập*), rằng chính chúng tôi phải đảm nhận công việc đó, vì nếu không thì tuyệt đối sẽ không có khả năng nào để làm cho bộ máy hoạt động được trôi chảy và để tránh khỏi hỏng việc vì "tính" phá hoại tổ chức của Plê-kha-nốp.

Vừa bước chân đến N¹³¹, ngày 4 hoặc 5 tháng Chín, là chúng tôi đã định xong ngay được một bản dự thảo về những quan hệ *chính thức* giữa hai bên với nhau (bản dự thảo đó, tôi đã bắt đầu thảo ra ở dọc đường trên toa xe hỏa), bản dự thảo đó quy định rằng chúng tôi là các ủy viên của ban biên tập và họ là cộng tác viên có quyền biểu quyết về tất cả các vấn đề có liên quan đến việc biên tập¹⁾.

1) Xem văn kiện tiếp sau đây.

Chúng tôi đã quyết định sẽ cùng với E-go (Mác-tốp) nghiên cứu bản dự thảo ấy, rồi sau đó sẽ đưa cho họ xem.

Tia lửa bắt đầu *cho thấy hy vọng* là sẽ lại cháy bùng lên.

*Viết xong vào đầu tháng Chín
(lịch mới) 1900*

*In lần đầu năm 1924 trong
Văn tập Lê-nin, t. I*

Theo đúng bản thảo

DỰ THẢO HIỆP ĐỊNH

1. Do sự nhất trí về những quan điểm cơ bản và thống nhất về các nhiệm vụ thực tiễn của nhóm "Người dân chủ - xã hội" ở nước ngoài, và nhóm ở trong nước Nga đang xuất bản tạp chí "Bình minh" và báo "Tia lửa", nên hai tổ chức kể trên đã ký kết liên minh với nhau.

2. Hai nhóm ủng hộ nhau về mọi mặt:

một là, về mặt xuất bản sách báo. Nhóm "Giải phóng lao động" trực tiếp tham gia biên tập tạp chí "Bình minh" và báo "Tia lửa";

hai là, tham gia việc vận chuyển và phân phát sách báo, mở rộng và củng cố những mối liên hệ cách mạng và tìm phương tiện vật chất.

3. Đại biểu ở nước ngoài của nhóm "Tia lửa" là nhóm "Người dân chủ - xã hội" và những đặc phái viên của "Tia lửa".

4. Thư từ và tài liệu gửi từ nước ngoài về cho nhóm "Tia lửa" đều đưa đến nhóm "Người dân chủ - xã hội". Trong trường hợp nhóm "Tia lửa" có một thành viên ngụ ở nước ngoài, thì tất cả thư tín và bài vở đều chuyển cho người ấy. Nếu lúc này, nhóm "Tia lửa" không có một thành viên

* Điều kiện tham gia do một hiệp định riêng¹³² quy định.

nào ngụ ở nước ngoài cả, thì nhóm "Người dân chủ - xã hội" và các đặc phái viên của "Tia lửa" đảm nhiệm tất cả mọi công việc của nhóm đó.

*Viết xong vào đầu tháng Chín
(lịch mới) 1900*

*In lần đầu năm 1940, trên tạp
chí "Cách mạng vô sản", số 3*

Theo đúng bản thảo

TUYÊN BỐ CỦA BAN BIÊN TẬP BÁO "TIA LỬA" LỜI BAN BIÊN TẬP

Khi tiến hành xuất bản một tờ báo chính trị, là tờ "Tia lửa", chúng tôi thấy cần phải nói vài lời về mục đích mà chúng tôi nhằm đạt đến và về cách chúng tôi hiểu nhiệm vụ của mình.

Chúng ta đang trải qua một thời kỳ hết sức quan trọng trong lịch sử của phong trào công nhân Nga và phong trào dân chủ - xã hội Nga. Đặc điểm của mấy năm gần đây là: các tư tưởng dân chủ - xã hội đã được truyền bá hết sức nhanh chóng trong giới trí thức nước ta; và hưởng ứng trào lưu tư tưởng xã hội đó, thì có phong trào tự phát của giai cấp vô sản công nghiệp, là giai cấp đang bắt đầu thống nhất lại, bắt đầu đấu tranh chống bọn áp bức mình, bắt đầu khao khát chủ nghĩa xã hội. Các tiểu tổ công nhân và tiểu tổ trí thức dân chủ - xã hội mọc lên ở khắp mọi nơi; truyền đơn cổ động được tung ra ở các địa phương; nhu cầu về sách báo dân chủ - xã hội tăng lên và vượt xa khả năng cung cấp, và những cuộc truy nã ráo riết của chính phủ đều bất lực không chặn nổi phong trào đó. Các nhà tù đều chật ních, các nơi đày ải phạm nhân đều chật chỗ, hàng tháng hoặc gần như hàng tháng, người ta đều được tin về "những vụ võ cơ sở" ở khắp mọi nơi trên đất nước Nga, về việc bắt giữ những tài liệu gửi theo đường bí mật, tịch thu sách báo và đóng cửa nhà in, nhưng phong trào thì cứ lớn lên,

không ngừng lan rộng đến những vùng mới, thâm nhập ngày càng sâu vào giai cấp công nhân, và làm cho công chúng ngày càng chú ý đến. Toàn bộ sự phát triển kinh tế của nước Nga, toàn bộ lịch sử của tư tưởng xã hội Nga và của phong trào cách mạng Nga đều chứng minh chắc chắn rằng phong trào công nhân dân chủ - xã hội sẽ lớn mạnh lên, bất chấp tất cả mọi trở ngại, và cuối cùng sẽ khắc phục được những trở ngại đó.

Nhưng, mặt khác, phong trào chúng ta có một đặc điểm chủ yếu mà trong thời gian gần đây ai cũng nhìn thấy rất rõ, đó là tình trạng phân tán của nó, tính chất có thể nói là thủ công của nó: các tiểu tổ địa phương đang hình thành và hoạt động không có liên hệ gì với nhau, và thậm chí (đây là điều đặc biệt quan trọng) không có liên hệ gì cả với những tiểu tổ đã hoặc đang hoạt động trong cùng một địa phương; truyền thống cũng như tính kế thừa đều chưa được xây dựng, và sách báo địa phương đều phản ánh nguyên vẹn tình trạng phân tán đó, phản ánh hiện tượng thiếu liên hệ đó với những cái mà đảng dân chủ - xã hội Nga đã tạo ra từ trước.

Theo ý chúng tôi thì sự không phù hợp giữa tình trạng phân tán đó với những yêu cầu của một phong trào vững mạnh và rộng lớn, tạo nên một thời kỳ chuyển biến trong quá trình phát triển của phong trào. Chính bản thân phong trào cũng đã bức thiết đòi hỏi phải được củng cố, phải tự tạo ra cho mình một bộ mặt và một tổ chức riêng, tuy vậy, trong số những người dân chủ - xã hội đang mải mê với công tác thực tiễn, không phải ai cũng hiểu được là cần phải chuyển phong trào lên một hình thức cao hơn. Trái lại, người ta thấy biểu hiện, ở khá nhiều người, một tình trạng dao động về tư tưởng, một sự say mê cái mới là "phê phán chủ nghĩa Mác", say mê "chủ nghĩa Béc-stanh", một sự truyền bá những quan điểm của cái gọi là khuynh hướng "kinh tế chủ nghĩa", và một thiên hướng gắn liền với tất cả những

Российская
Социалдемократическая
Рабочая Партия

ИСКРА

Из искры возгорится пламя.
Отвѣтъ декабристовъ Пушкину.

ОТЪ РЕДАКЦІИ.

Предпринимал издание политической газеты — „Искра“, мы считаем необходимымъ сказать нѣсколько словъ о томъ, къ чему мы стремимся и какъ понимаемъ свои задачи.

Мы переживаемъ крайне важный моментъ въ исторіи русскаго рабочаго движенія и русской социалдемократіи. Последние годы характеризуются поразительно быстрымъ распространениемъ социалдемократическихъ идей среди нашей интеллигенціи, а на встрѣчу этому течению общественной мысли идетъ самостоятельно возникшее движеніе промышленнаго пролетаріата, который начинаетъ объединяться и бороться противъ своихъ угнетателей, начиная съ жадностью стремиться къ социализму. Кружки рабочихъ и социалдемократовъ интеллигентовъ появляются повсюду, распространяются мѣстные агитационные листки, растетъ спросъ на социалдемократическую литературу, далеко обгоняя предложение, а усиленные правительственными преслѣдованіями не въ силахъ удержать этого движенія. Биткомъ набиты тюрьмы, переполнены мѣста ссылки, чуть не каждый мѣсяць слышно о „провалахъ“ во всѣхъ концахъ Россіи, о помѣхѣхъ транспортовъ, о конфискаціи литературы и типографій, но движеніе все растетъ, захватываетъ все большій районъ, все глубже проникаетъ въ рабочій классъ, все больше привлекаетъ общественное вниманіе. И все экономическое развитіе Россіи, вся исторія русской общественной мысли и русскаго революціоннаго движенія рвутся за то, что социалдемократическое рабочее движеніе будетъ расти несмотря на всѣ препятствія и въ концѣ концовъ — преодолѣть ихъ.

Но съ другой стороны, главная черта нашего движенія, которая особенно бросается въ глаза въ последнее время, — его раздробленность, его, такъ сказать, кустарный характеръ: мѣстные кружки возникаютъ и дѣйствуютъ независимо другъ отъ друга и даже (что особенно важно) независимо отъ кружковъ, дѣйствовавшихъ и дѣйствующихъ въ тѣхъ же центрахъ; не устанавливается традиціи, нѣтъ преемственности, и мѣстная литература всецѣло отражаетъ раздробленность и отсутствіе связи съ тѣмъ, что уже создано русской социалдемократіей.

Несоотвѣтствіе этой раздробленности съ запросами, выдвигаемыми силою и широтой движенія, создаетъ, по нашему мнѣнію, критическій моментъ въ его развитіи. Въ самомъ движеніи съ неудержимой силой сказывается потребность упрочиться, выработать определенную фizioномію и организацию, а между тѣмъ въ средѣ практически дѣйствующихъ социалдемократовъ необходимость такого перехода къ высшей формѣ движенія сознается далеко не вседѣ. Въ довольно широкихъ кругахъ наблюдается, наоборотъ, шатанье мысли, увлеченіе модной „критикой марксизма“ и „бернштейнщадой“, распространение взглядовъ такъ называемаго „экономическаго“ направленія и въ неразрывной связи съ этимъ — стремленіе задержать движеніе на его низшей стадіи, стремленіе отодвинуть на второй планъ задачу образованія революціонной партіи, ведущей борьбу во главѣ всего народа. Что подобнаго рода шатанье мысли наблюдается

среди русскихъ социалдемократовъ, что узкій практицизмъ, оторванный отъ теоретическаго освѣщенія движенія въ его цѣломъ, грозитъ своротить движеніе на ложную дорогу, это фактъ; въ этомъ не могутъ усомниться люди, непосредственно знакомые съ положеніемъ дѣла въ большинствѣ нашихъ организацій. Да есть и литературныя произведенія, подтверждающія это: стоитъ назвать хотя бы „Средо“, вышедшее уже воплотѣ законный протестъ, „Отдѣльное приложеніе къ Рабочей Мысли (сент. 1899)“, столь рельефно выразившее тенденцію, проникающую всю газету „Рабочая Мысль“, или наконецъ — воззваніе петербургской „Группы Самоосвобожденія Рабочаго Класса“, составленное въ духѣ того же „экономизма“. И совершенно невѣрно утвержденіе „Рабочаго Дѣла“, что „Средо“ представляетъ собою не больше какъ мнѣніе единичнаго лица, что направленіе „Рабочей Мысли“ выражаетъ лишь субъектность и безтактность ея редакціи, а не особое направленіе въ самомъ ходѣ русскаго рабочаго движенія.

А рядомъ съ этимъ въ произведеніяхъ писателей, которыхъ читавшая публика, съ большіимъ или меньшимъ основаніемъ, считала до сихъ поръ видными представителями „легальнаго“ марксизма, все болѣе и болѣе обнаруживается поворотъ къ возрѣніямъ, обликающимся съ буржуазной апологетикой. Результатомъ всего этого и является тотъ разбродъ и та анархія, благодаря которымъ экск-марксизтъ или вѣрнѣе экск-социалістъ Бернштейнъ, перечисляя свои успѣхи, могъ печатно заявить, не стѣсняя возраженій, будто большинство дѣйствующихъ въ Россіи социалдемократовъ состоитъ изъ его послѣдователей.

Мы не хотимъ преувеличивать опасность положенія, но закрывать на нее глаза было бы неизвѣрно вредно; вотъ почему мы отъ всей души приветствуемъ рѣшеніе Группы Освобожденія Труда* возобновить ея литературную дѣятельность и начать систематическую борьбу противъ попытокъ извращенія и опошленія социалдемократизма.

Практический выводъ изъ всего этого такой: мы, русскіе социалдемократы, должны слотиться и направить всѣ усилія на образованіе крѣпкой партіи, борющейся подъ единымъ знаменемъ революціонной социалдемократіи. Именно эта задача была намѣчена уже Съѣздомъ 1898 года, образовавшимъ Российскую Социалдемократическую Рабочую Партію и опубликовавшимъ ея Манифестъ.

Мы признаемъ себя членами этой партіи, воплотѣ раздѣляемъ основныя идеи „Манифеста“ и придаемъ ему важное значеніе, какъ открытому заявленію ея цѣлей. Поэтому для насъ, какъ членовъ партіи, вопросъ о ближайшей и непосредственной нашей задачѣ ставится такимъ образомъ: какой планъ дѣятельности должны мы принять, что бы достигнуть возможно болѣе прочнаго возобновленія партіи?

Обычный отвѣтъ на этотъ вопросъ состоитъ въ томъ, что необходимо снова выбрать центральное учрежденіе и поручить ему возобновить органъ партіи. Но въ переживаемый нами періодъ разброда такой простой путь едва-ли былъ бы цѣлесообразенъ.

Trang đầu tờ truyền đơn "Tuyên bố của ban biên tập báo
"Tia lửa" - 1900

Ảnh thu nhỏ

cái đó, thiên hướng muốn làm cho phong trào dừng lại ở trình độ thấp, muốn làm cho nhiệm vụ thành lập một chính đảng cách mạng lãnh đạo toàn dân đấu tranh bị lùi xuống hàng thứ yếu. Tình trạng dao động về tư tưởng như vậy đang tồn tại trong những người dân chủ - xã hội Nga; chủ nghĩa thực dụng chật hẹp, xa rời lý luận là cái soi sáng toàn bộ phong trào, đang dẫn đến nguy cơ làm cho phong trào đi lạc hướng, - *đó là sự thật* mà những người hiểu biết trực tiếp về tình hình của đại bộ phận các tổ chức của chúng ta, đều không thể nghi ngờ gì cả. Và lại cũng đã có những văn kiện xác nhận tình trạng đó: chỉ cần kể ra bản "Credo" đã từng gây ra những sự phản đối rất chính đáng, tờ "Phụ trương đặc biệt của báo "Tư tưởng công nhân"" (số tháng Chín 1899), trong tờ đó đã biểu hiện ra một cách hết sức nổi bật cái khuynh hướng quán triệt *toàn bộ* báo ấy; hoặc, sau cùng, lời kêu gọi của "Nhóm tự giải phóng giai cấp công nhân"¹³³ ở Pê-téc-bua, lời kêu gọi này cũng được thảo ra theo tinh thần của "chủ nghĩa kinh tế". Và thật là *hoàn toàn sai* lời khẳng định của tờ "Sự nghiệp công nhân" rằng bản "Credo" không tiêu biểu cho cái gì khác ngoài ý kiến của một vài cá nhân, rằng xu hướng của tờ "Tư tưởng công nhân" chỉ là biểu hiện của sự mơ hồ về tư tưởng và sự vụng về của ban biên tập báo đó, chứ nó không phải là một xu hướng đặc biệt trong bản thân quá trình phát triển của phong trào công nhân Nga.

Đồng thời, trong các tác phẩm của những tác giả mà từ trước đến nay bạn đọc đã coi, một cách ít nhiều có căn cứ, là những đại biểu xuất sắc của chủ nghĩa Mác "hợp pháp", thì người ta thấy biểu lộ ngày càng rõ một sự chuyển hướng theo những quan điểm gần gũi với quan điểm biện hộ giai cấp tư sản. Kết quả là: chính tình trạng phân tán ấy và vô chính phủ đó đã giúp cho Béc-stanh, một nhà cựu mác-xít, hay nói đúng hơn, là cựu xã hội chủ nghĩa, đã có thể - trong khi kể ra những thành tích của mình - tuyên bố trên

sách rằng đa số những người dân chủ - xã hội hoạt động ở Nga đều là môn đồ của ông ta, mà không bị ai phản đối cả.

Chúng tôi không muốn thổi phồng tính chất nguy hiểm của tình hình, nhưng nhầm mắt không muốn nhìn thấy tính chất đó thì còn vô cùng nguy hại hơn; vì thế chúng tôi nhiệt liệt hoan nghênh việc nhóm "Giải phóng lao động" quyết định tiếp tục tái bản sách báo của mình và tiến hành đấu tranh có hệ thống chống những mưu toan xuyên tạc và tâm thường hóa chủ nghĩa dân chủ - xã hội.

Kết luận thực tiễn rút ra từ tất cả những điều nói trên là như thế này: bốn phận của chúng ta, những người dân chủ - xã hội Nga, là phải đoàn kết chặt chẽ lại và hướng tất cả những cố gắng của chúng ta vào việc thành lập một chính đảng vững chắc, chiến đấu dưới ngọn cờ chung của chủ nghĩa dân chủ - xã hội cách mạng. Chính đó là nhiệm vụ đã được đề ra trong đại hội năm 1898, là đại hội đã lập ra Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và công bố "Tuyên ngôn" của đảng.

Chúng tôi tự xem mình là những đảng viên của chính đảng nói trên, chúng tôi hoàn toàn tán thành những tư tưởng cơ bản trong "Tuyên ngôn" và cho rằng, về mặt là một bản tuyên bố công khai những mục đích của đảng, "Tuyên ngôn" ấy có một tầm quan trọng to lớn. Cho nên, đối với chúng tôi, những đảng viên của đảng, thì vấn đề nhiệm vụ cấp thiết và trước mắt được đặt ra như thế này: chúng ta phải áp dụng kế hoạch hành động nào để đảm bảo phục hồi lại đảng một cách vững chắc nhất?

Đối với câu hỏi đó thì thông thường người ta trả lời như thế này: phải bầu lại một ban chấp hành trung ương mới và giao cho cơ quan ấy trách nhiệm phải tiếp tục xuất bản tờ báo của đảng. Nhưng, trong thời kỳ phân tán mà chúng ta đang trải qua, thì một biện pháp giản đơn như thế vị tất đã là hợp lý.

Xây dựng và củng cố đảng, tức là xây dựng và củng cố sự thống nhất của tất cả những người dân chủ - xã hội Nga;

nhưng vì những lý do kể trên, sự thống nhất đó không thể nào được thực hiện bằng mệnh lệnh, người ta không thể chỉ dùng nghị quyết chẳng hạn của một hội nghị đại biểu mà thiết lập được sự thống nhất ấy; cần phải xây dựng sự thống nhất đó. Trước hết, cần phải xây dựng sự thống nhất vững chắc về mặt tư tưởng, loại trừ những sự bất đồng ý kiến và sự mơ hồ về tư tưởng hiện đang - ta cứ việc nói thẳng! - ngự trị trong hàng ngũ những người dân chủ - xã hội Nga; phải lấy cương lĩnh của đảng để củng cố sự thống nhất tư tưởng ấy. Thứ nữa, phải xây dựng một tổ chức chuyên trách giữ vững mối liên hệ giữa tất cả các trung tâm của phong trào, cung cấp kịp thời những tin tức đầy đủ về phong trào đó và cung cấp đều đặn báo chí định kỳ cho tất cả các địa phương ở nước Nga. Chỉ khi nào đã gây dựng được một tổ chức như vậy, chỉ khi nào lập được một bưu vụ xã hội chủ nghĩa ở Nga, thì khi ấy sự tồn tại của đảng mới được bảo đảm và đảng mới trở thành một sự thật hiện thực và do đó, cũng trở thành một lực lượng chính trị hùng mạnh. Chúng tôi muốn đem hết nỗ lực ra thực hiện phần đầu của nhiệm vụ đó, tức là tiến hành xuất bản sách báo chính trị chung, kiên định về mặt nguyên tắc, có khả năng thống nhất được đảng dân chủ - xã hội cách mạng trên lĩnh vực tư tưởng, vì chúng tôi cho đó là một yêu cầu cấp thiết của phong trào trong lúc này và là một bước chuẩn bị cần thiết để khôi phục lại hoạt động của đảng.

Như chúng tôi đã nói, sự thống nhất tư tưởng của những người dân chủ - xã hội Nga là một việc còn phải thực hiện, điều ấy, theo ý chúng tôi, đòi hỏi phải có sự thảo luận công khai, toàn diện những vấn đề có tính chất cơ bản về nguyên tắc và về sách lược, do "phái kinh tế chủ nghĩa", phái Béc-stanh và "những nhà phê bình" hiện đại nêu lên. Trước khi thống nhất, và muốn thống nhất, chúng ta, trước hết, phải phân rõ ranh giới một cách rõ ràng và kiên quyết. Bằng không, sự thống nhất của chúng ta sẽ chỉ là một điều hư

ảo che đậy tình trạng phân tán hiện tại và ngăn cản không cho chúng ta thanh toán triệt để tình trạng ấy. Như vậy là chúng tôi không có ý định biến cơ quan báo của chúng tôi thành một cái kho chỉ chứa toàn những quan điểm khác nhau. Trái lại, chúng tôi sẽ ấn định cho cơ quan đó một phương hướng được xác định rõ ràng và chặt chẽ. Phương hướng này có thể diễn đạt bằng một danh từ là: chủ nghĩa Mác, và cũng chẳng cần phải nói thêm rằng chúng tôi chủ trương phát triển một cách nhất quán những tư tưởng của Mác và Ăng-ghe-n, và kiên quyết bác bỏ những sự sửa chữa nửa vời, mơ hồ và cơ hội chủ nghĩa mà E-đ. Béc-stanh, P. Xtơ-ru-vê và nhiều kẻ khác nữa đã khéo biến thành một cái mốt hiện nay. Nhưng, trong khi đứng trên quan điểm đã được xác định rõ ràng của mình để xem xét từng vấn đề một, chúng tôi tuyệt nhiên không hề gạt bỏ cuộc luận chiến trên tình đồng chí ra khỏi những cột báo của mình. Một cuộc luận chiến thắng thắn trước tất cả những người dân chủ - xã hội và tất cả công nhân giác ngộ ở Nga là cần thiết và đáng mong muốn, để tìm hiểu xem sự bất đồng ý kiến hiện nay sâu sắc đến mức nào, để thảo luận toàn diện những vấn đề đang còn tranh luận, để đấu tranh chống những hiện tượng cực đoan không tránh khỏi không những ở những người có các quan điểm khác nhau, mà thậm chí những người đại biểu cho các địa phương khác nhau hay cho "các nghề nghiệp" khác nhau của phong trào cách mạng. Như đã nêu rõ ở trên, chúng tôi thậm chí nhận định rằng một trong những khuyết điểm của phong trào hiện nay là ở chỗ chưa có một cuộc luận chiến công khai giữa các quan điểm khác nhau rõ rệt, và ở chỗ người ta muốn giấu kín những sự bất đồng ý kiến về các vấn đề rất quan trọng.

Chúng tôi sẽ không kể tỉ mỉ những vấn đề và những mục trong cương lĩnh của cơ quan báo của chúng ta, vì cương lĩnh đó dĩ nhiên là phải xuất phát từ khái niệm chung: trong

những điều kiện nhất định, thì một tờ báo chính trị mà ta cần xuất bản, sẽ phải như thế nào.

Chúng tôi sẽ dùng hết sức mình để làm thế nào cho tất cả các đồng chí ở trong nước đều coi tờ báo của chúng ta là cơ quan của chính bản thân họ, và mỗi nhóm sẽ cung cấp cho nó tất cả những tin tức của mình về phong trào, sẽ cho nó biết kinh nghiệm của mình, ý kiến của mình, những nhu cầu của mình về phương diện sách báo, ý kiến của mình đối với sách báo dân chủ - xã hội, tóm lại sẽ cho nó biết tất cả những cái mình đã đóng góp cho phong trào, và tất cả những cái mình đã tiếp thu được của phong trào. Chỉ với điều kiện ấy, chúng ta mới có được một cơ quan ngôn luận dân chủ - xã hội thực sự cho toàn nước Nga. Chỉ có một cơ quan ngôn luận như thế mới có khả năng hướng phong trào đi vào con đường thành thục của cuộc đấu tranh chính trị. "Mở rộng phạm vi và mở rộng nội dung của công tác tuyên truyền, cổ động và tổ chức của chúng ta", lời nói đó của P. B. Ăc-xen-rốt phải trở thành một khẩu hiệu định rõ phương châm hoạt động của những người dân chủ - xã hội Nga trong thời kỳ sắp đến: nên chúng ta đã ghi khẩu hiệu đó vào cương lĩnh của cơ quan ngôn luận của chúng ta.

Chúng ta không những chỉ kêu gọi những người dân chủ - xã hội và những người công nhân giác ngộ. Chúng ta cũng kêu gọi tất cả những người bị chế độ chính trị hiện thời chà đạp và áp bức, chúng ta sẽ dành cho họ những cột báo của chúng ta để họ bóc trần tất cả những điều xấu xa của chế độ chuyên chế ở Nga.

Người nào quan niệm đảng dân chủ - xã hội là một tổ chức chỉ chuyên phục vụ cuộc đấu tranh tự phát của giai cấp vô sản, thì có thể chỉ làm công tác cổ động ở các địa phương và ra những sách báo "thuần túy công nhân". Quan niệm riêng của chúng tôi thì không phải như thế: chúng tôi quan niệm đảng dân chủ - xã hội là một đảng cách mạng đấu tranh chống chế độ chuyên chế và liên hệ chặt chẽ với

phong trào công nhân. Chỉ khi nào đã được tổ chức thành một đảng như thế, thì giai cấp vô sản, giai cấp cách mạng nhất của nước Nga ngày nay, mới có thể làm tròn được nhiệm vụ mà lịch sử đã giao phó cho mình là: làm cho tất cả những phần tử dân chủ trong nước đoàn kết dưới ngọn cờ của mình và đưa cuộc đấu tranh kiên cường của bao nhiêu thế hệ đã hy sinh đến chỗ hoàn toàn chiến thắng một chế độ đáng căm thù.

* *
*

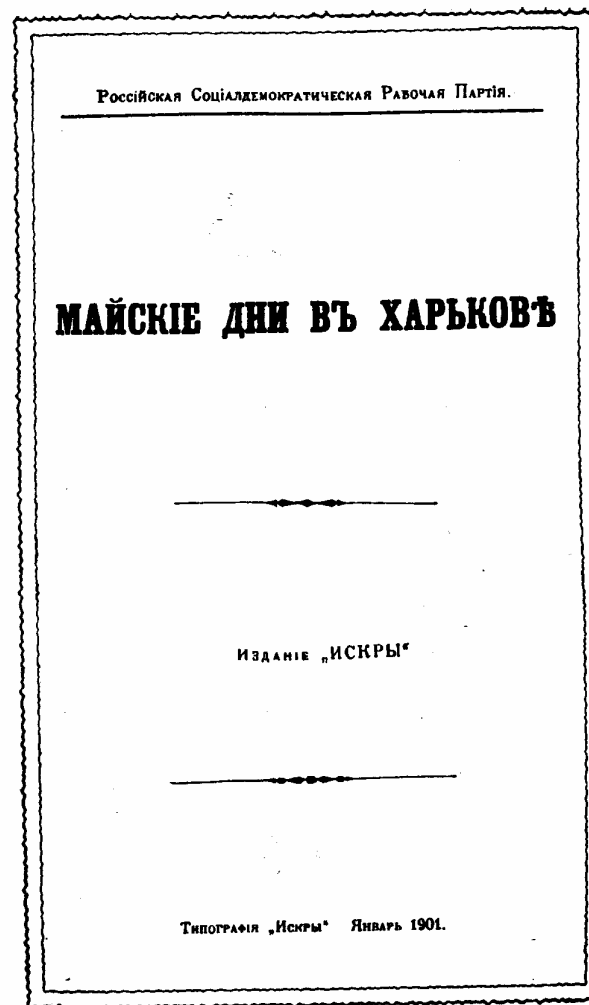
Tờ báo sẽ xuất bản với cỡ từ 1 đến 2 tờ in.

Do hoàn cảnh hiện nay của báo chí bí mật ở Nga, nên không định trước được ngày xuất bản.

Một số đại biểu lỗi lạc của phong trào dân chủ - xã hội quốc tế đã hứa sẽ cộng tác với chúng tôi, nhóm "Giải phóng lao động" (G. V. Plê-kha-nốp, P. B. Ác-xen-rốt, V. I. Da-xu-lích) đã hứa sẽ tham gia chặt chẽ, một số tổ chức của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, cũng như một số nhóm dân chủ - xã hội Nga đã hứa sẽ ủng hộ chúng tôi.

*Viết xong sau ngày 23 tháng
Tám (5 tháng Chín) 1900*

*In vào năm 1900 thành truyền đơn Theo đúng bản in trong truyền đơn
đơn do báo "Tia lửa" ấn hành*



Bìa cuốn sách
"Những ngày tháng Năm ở Khác-cốp". - 1901

LỜI TỰA CUỐN SÁCH NHỎ "NHỮNG NGÀY THÁNG NĂM Ở KHÁC-CỐP"

Cuốn sách nhỏ này mô tả lễ kỷ niệm ngày 1 tháng Năm 1900 đáng ghi nhớ ở Khác-cốp, do Ban chấp hành Khác-cốp của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga viết ra theo lời kể lại của bản thân anh em công nhân. Chúng tôi nhận được cuốn sách nhỏ này dưới hình thức những bài báo, nhưng chúng tôi xét thấy cần phải xuất bản thành sách riêng, vì khối lượng của nó lớn, mà cũng vì để dễ phổ biến nó càng rộng càng tốt với một số lượng càng nhiều càng hay. Còn sáu tháng nữa, công nhân Nga sẽ làm lễ kỷ niệm ngày 1 tháng Năm đầu tiên của thế kỷ mới, và đã đến lúc phải nghĩ xem nên làm thế nào cho ngày lễ ấy được cử hành trong nhiều trung tâm hơn, và được tổ chức càng uy nghiêm càng tốt, không phải chỉ uy nghiêm xét về số lượng người tham gia, mà còn phải uy nghiêm về trình độ tổ chức, trình độ giác ngộ và ý chí quyết tâm tiến hành một cuộc đấu tranh triệt để để giành lấy giải phóng chính trị cho nhân dân Nga, do đó tạo miếng đất tự do cho sự phát triển của giai cấp vô sản, về mặt là một giai cấp, và cho cuộc đấu tranh công khai của giai cấp ấy vì chủ nghĩa xã hội. Đã đến lúc phải bắt đầu chuẩn bị cho ngày 1 tháng Năm sắp đến, và một trong những biện pháp chuẩn bị quan trọng là phải làm cho mọi người biết rõ phong trào dân chủ - xã hội Nga đã thực hiện được những gì; phải xét xem phong trào của chúng ta nói chung, và những cuộc biểu tình ngày 1 tháng Năm nói riêng, còn

thiếu sót cái gì, phải nghiên cứu phương pháp khắc phục những khuyết điểm đó và làm thế nào để đạt được những kết quả tốt hơn.

Ngày 1 tháng Năm ở Khác-cốp chứng tỏ cho người ta thấy việc cử hành ngày lễ công nhân có thể chuyển thành một cuộc biểu tình chính trị lớn như thế nào, và chỉ rõ chúng ta còn thiếu sót những gì để thực sự biến ngày lễ này thành một cuộc biểu tình vĩ đại của giai cấp vô sản giác ngộ trên toàn đất nước Nga. Cái gì đã làm cho những ngày tháng Năm ở Khác-cốp có được tính chất một sự kiện nổi bật? Đó là sự tham gia đông đảo của quần chúng công nhân vào cuộc bãi công; đó là những cuộc tập hợp to lớn ngoài đường phố, bao gồm hàng nghìn người, giương cờ đỏ đi đầu và hô to những yêu sách đã ghi trong các bản hiệu triệu; ý nghĩa cách mạng của những yêu sách đó là: ngày làm việc 8 giờ và quyền tự do chính trị. Luận điệu hoang đường cho rằng công nhân Nga chưa trưởng thành đến mức có thể tiến hành đấu tranh chính trị, và công việc chủ yếu của họ là đấu tranh thuần túy về kinh tế, được bổ sung thêm - dần dần và từ từ - bằng một công tác cổ động chính trị cục bộ đòi hỏi những cải cách chính trị nào đấy, chứ không phải là đấu tranh chống toàn bộ chế độ chính trị của nước Nga, - luận điệu đó đã bị ngày 1 tháng Năm ở Khác-cốp đập tan đến tận gốc. Nhưng ở đây, chúng tôi muốn lưu ý mọi người về một khía cạnh khác của vấn đề. Lễ kỷ niệm ngày 1 tháng Năm ở Khác-cốp, trong khi chứng minh một lần nữa khả năng chính trị của công nhân Nga, thì đồng thời cũng vạch rõ cho chúng ta thấy chúng ta còn chưa làm được những gì để cho những khả năng này phát triển được đầy đủ.

Những người dân chủ - xã hội ở Khác-cốp đã cố gắng chuẩn bị kỷ niệm ngày 1 tháng Năm bằng cách phân phát trước nhiều truyền đơn và sách nhỏ; anh em công nhân cũng có vạch ra một chương trình tổng biểu tình và diễn thuyết

ở quảng trường Côn-na-i-a. Tại sao không thực hiện được chương trình đó? Các đồng chí ở Khác-cốp trả lời như sau: đó là vì những lực lượng của "bộ tổng tham mưu" của anh em công nhân xã hội chủ nghĩa giác ngộ, đã được bố trí không đều, ở xí nghiệp này thì nhiều, ở xí nghiệp khác thì ít; sau nữa là vì "nhà chức trách biết được" kế hoạch của công nhân, và dĩ nhiên, bọn chúng đã thi hành mọi biện pháp để chia rẽ công nhân. Kết luận đã rõ ràng: điều mà ta thiếu, chính là *tổ chức*. Quần chúng công nhân đã sôi sục và sẵn sàng đi theo những lãnh tụ xã hội chủ nghĩa, nhưng "bộ tổng tham mưu" chưa thành lập được một nòng cốt vững chắc có khả năng bố trí một cách đúng đắn tất cả mọi lực lượng công nhân giác ngộ sẵn có và bảo đảm được đầy đủ tính chất bí mật trong công tác của mình sao cho, không những nhà chức trách, mà bất cứ người nào ở ngoài tổ chức cũng không thể hay biết gì về kế hoạch hành động đã vạch ra trước. Tổ chức này phải là một tổ chức *cách mạng*, nó phải bao gồm những người có một nhận thức thật rõ ràng về các nhiệm vụ của phong trào công nhân dân chủ - xã hội và kiên quyết tiến hành một cuộc đấu tranh không nhân nhượng chống chế độ chính trị hiện hành; nó phải kết hợp trong bản thân nó kiến thức xã hội chủ nghĩa và kinh nghiệm cách mạng mà những bài học trong mấy chục năm qua của những người trí thức cách mạng nước ta đã được tích lũy, với sự hiểu biết về công nhân và nghệ thuật cổ động và lôi cuốn quần chúng, nghệ thuật mà chỉ riêng những người công nhân tiền phong mới có được. Trước hết và trên hết, chúng ta phải quan tâm thực hiện sự kết hợp đó, chứ không phải lo dựng lên một bức rào giả tạo giữa trí thức và công nhân, không phải lo lập lên một tổ chức "thuần túy công nhân". Chúng tôi xin phép nhắc lại ở đây lời nói của G. Plê-kha-nốp như sau:

"Điều kiện cần thiết của hoạt động này (hoạt động cổ động) chính là sự tập hợp những lực lượng cách mạng hiện có.

Công tác tuyên truyền theo lối tiểu tổ có thể là công tác của những cá nhân không có một chút liên hệ nào với nhau cả, thậm chí không hề biết sự tồn tại của nhau. Tất nhiên, tình trạng thiếu tổ chức cũng luôn luôn biểu hiện rõ trong công tác tuyên truyền, nhưng không phải vì thế mà không thể làm công tác tuyên truyền được. Trong thời đại mà xã hội đang sôi sục mạnh, khi bầu không khí chính trị đã đến mức hết sức khẩn trương, khi rải rác nơi này, nơi nọ, những lý do rất khác nhau, rất bất ngờ đã gây ra ngày càng nhiều những cuộc bùng nổ, báo hiệu gần đến cơn bão táp cách mạng - tóm lại, khi hoặc phải làm công tác cổ động hoặc phải đi theo đuôi, thì trong thời đại như thế, *chỉ có những lực lượng cách mạng có tổ chức* mới có thể ảnh hưởng thực sự đến quá trình diễn biến của các sự kiện. Lúc đó cá nhân đơn độc sẽ bất lực, và chỉ có những đơn vị có tổ chức cao hơn mới đủ sức phục vụ sự nghiệp cách mạng: đây là *những tổ chức cách mạng*" (G. Plê-kha-nốp. "Nhiệm vụ của những người xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh chống nạn đói", tr. 83).

Lịch sử phong trào công nhân nước Nga chính là đang bước vào thời kỳ những cuộc sôi sục và bùng nổ vì những lý do hết sức khác nhau; và nếu chúng ta không muốn "đi theo đuôi" thì phải tập trung tất cả cố gắng của chúng ta để xây dựng một tổ chức chung cho toàn nước Nga, đủ sức lãnh đạo tất cả những cuộc bùng nổ lẻ tẻ, để trên cơ sở đó, làm thế nào cho trận bão sắp đến (trận bão mà một công nhân ở Khác-cốp cũng đã nói đến ở cuối tập sách) sẽ không phải là một cơn giông tố tự phát, mà là một phong trào tự giác của giai cấp vô sản vùng lên lãnh đạo toàn thể nhân dân đấu tranh chống chính phủ chuyên chế.

Ngoài bài học về tình trạng thiếu đoàn kết chặt chẽ và thiếu chuẩn bị của các tổ chức cách mạng của chúng ta, lễ kỷ niệm ngày 1 tháng Năm ở Khác-cốp còn cho một bài học thực tiễn không kém phần quan trọng. Trong cuốn sách nhỏ có nói: "Ngày lễ và cuộc biểu tình ngày 1 tháng Năm

bỗng nhiên đã kết hợp các yêu sách thực tiễn khác nhau, những yêu sách đưa ra mà không có chuẩn bị trước đầy đủ và, vì vậy, dĩ nhiên là nói chúng đều bị thất bại". Ví dụ, các yêu sách của công nhân các xưởng thuộc ngành đường sắt: trong 14 yêu sách, thì có 11 yêu sách đòi những cái thiện vụn vặt hoàn toàn có thể thực hiện được ngay cả dưới chế độ chính trị hiện hành: tăng lương, giảm giờ làm, trừ bỏ những hành vi lạm quyền. Bên cạnh những yêu sách ấy, chúng ta thấy có ba yêu sách khác, tưởng chừng như hoàn toàn cùng một tính chất với những yêu sách trên, đó là: 4) ngày làm 8 giờ; 7) bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể của công nhân sau những sự biến tháng Năm; 10) thành lập một tiểu ban gồm công nhân và đại diện của quản trị để xét tất cả mọi sự tranh chấp giữa hai bên. Yêu sách thứ nhất trong số đó (điểm 4) là yêu sách chung của giai cấp vô sản toàn thế giới; rõ ràng nó có nghĩa là anh em công nhân tiên tiến ở Khác-cốp đã giác ngộ rằng họ phải đoàn kết với phong trào công nhân xã hội chủ nghĩa toàn thế giới. Nhưng chính vì thế mà không nên đặt nó vào số những yêu sách cục bộ, vào số những yêu sách đòi bọn cai phải đối xử tử tế hơn và yêu sách đòi tăng 10% lương. Các yêu sách đòi tăng lương và đòi đối xử tử tế hơn, có thể (và phải) do anh em công nhân ngành nghề này hay ngành nghề khác đưa ra với bọn chủ: đây là những yêu sách có tính chất nghiệp đoàn, liên quan tới công nhân thuộc một số ngạch bậc nào đó thôi. Trái lại, yêu sách ngày làm 8 giờ, là yêu sách của toàn thể giai cấp vô sản, không đưa ra với tên chủ này hay tên chủ khác, mà đưa ra với chính quyền nhà nước là đại biểu của toàn bộ chế độ xã hội và chính trị hiện hành, với toàn thể giai cấp tư bản đang chiếm hữu tất cả mọi tư liệu sản xuất. Yêu sách ngày làm 8 giờ có một ý nghĩa đặc biệt: đó là một lời tuyên bố đoàn kết với phong trào xã hội chủ nghĩa quốc tế. Chúng ta phải làm thế nào cho anh chị em công nhân giác ngộ về sự khác

nhau đó, để họ không đem yêu sách ngày làm 8 giờ hạ xuống ngang hàng những yêu sách đòi phát vé không mất tiền hay đòi đui một tên gác cổng. Suốt trong cả năm, không nơi này thì nơi khác, anh chị em công nhân không ngớt đưa ra đủ các loại yêu sách riêng biệt đối với bọn chủ và đấu tranh để thực hiện những yêu sách ấy: những người xã hội chủ nghĩa, trong lúc giúp đỡ cuộc đấu tranh đó, phải luôn luôn chỉ rõ rằng cuộc đấu tranh này gắn liền với cuộc đấu tranh tự giải phóng của giai cấp vô sản tất cả các nước. Và ngày 1 tháng Năm phải có ý nghĩa là một lời tuyên bố long trọng, trong đó anh chị em công nhân nhận rõ được mối liên hệ ấy và quyết tâm tham gia cuộc đấu tranh đó.

Ta hãy lấy điểm 10 nói về việc thành lập một tiểu ban để xét những vấn đề tranh chấp. Một tiểu ban gồm những đại biểu công nhân và đại biểu của quản trị như thế chắc sẽ có ích lợi lớn, nhưng phải với hai điều kiện: cuộc bầu cử phải hoàn toàn tự do và các đại biểu phải được hoàn toàn độc lập. Liệu tiểu ban đó sẽ có ích lợi gì, nếu người ta cứ đui ra khỏi xưởng những công nhân nào đứng ra vận động đừng bỏ phiếu cho những tên tay sai của giới quản đốc, hay kịch liệt đả kích ban quản trị bằng cách bóc trần tất cả những hành động áp chế của nó? Và lại, các anh chị em công nhân ấy không phải chỉ sẽ bị đui mà thôi, họ còn bị tống vào nhà lao nữa. Vì vậy, muốn cho một tiểu ban như thế đem lại lợi ích cho công nhân, thì trước tiên các đại biểu phải không bị lệ thuộc vào những kẻ cầm quyền trong công xưởng, điều này chỉ có thể thực hiện được với điều kiện là có một hội liên hiệp tự do của công nhân, bao trùm một số lớn công xưởng, có quỹ riêng và sẵn sàng đảm nhận việc bảo vệ cho các đại biểu của mình. Tiểu ban sẽ chỉ có thể đem lại lợi ích nếu nó tập hợp được nhiều công xưởng và, nếu có thể được, thì tập hợp tất cả các công xưởng thuộc cùng một ngành nghề. Hai là, phải đảm bảo cho người công nhân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể,

nghĩa là họ không thể bị bọn cảnh sát và sen đâm tuý tiện muốn bắt lúc nào cũng được. Đó chính là yêu sách - đảm bảo cho người công nhân có quyền bất khả xâm phạm về thân thể - mà công nhân đã đưa ra (điểm 7). Nhưng anh em công nhân có thể đòi ai đảm bảo cho mình có quyền bất khả xâm phạm về thân thể và quyền tự do lập hội (như ta đã thấy, đó là điều kiện thiết yếu đảm bảo kết quả của các tiểu ban)? Chỉ đòi chính quyền nhà nước thôi, vì sở dĩ quyền bất khả xâm phạm về thân thể không được đảm bảo và quyền tự do lập hội không có, chính là do các đạo luật cơ bản của nhà nước Nga, và hơn nữa, do hình thức cai trị hiện thời ở nước Nga. Đúng về mặt hình thức cai trị mà xét, thì nước Nga là một nước quân chủ chuyên chế. Nga hoàng là một kẻ chuyên chế, một mình nó đặt ra luật pháp và chỉ định tất cả bọn quan lại cao cấp, chứ nhân dân hay đại biểu nhân dân không được tham gia một tí gì vào đấy cả. Dưới chế độ đó, con người không thể có được quyền bất khả xâm phạm về thân thể, các hội liên hiệp của công dân nói chung, của công nhân nói riêng, đều không thể nào được tự do. Cho nên, đòi chính phủ chuyên chế phải bảo đảm quyền bất khả xâm phạm về thân thể (và quyền tự do lập hội) là một việc làm hoàn toàn vô nghĩa: như thế có khác gì đòi những quyền chính trị cho nhân dân; mà chính phủ chuyên chế sở dĩ mang tên chuyên chế, chính là vì nó tước mọi quyền chính trị của nhân dân. Chỉ đến ngày mà *đại biểu của nhân dân* tham gia vào việc ban bố các đạo luật, và vào toàn bộ việc quản lý nhà nước, thì quyền bất khả xâm phạm về thân thể (và quyền tự do lập hội) mới được bảo đảm. Chừng nào chế độ dân biểu chưa xuất hiện, thì chính phủ chuyên chế vẫn rất có thể đưa tay này ra để vả cho công nhân một số nhượng bộ nhỏ nào đấy, để rồi bao giờ cũng thò tay kia ra mà cướp lại. Lễ kỷ niệm ngày 1 tháng Năm ở Khác-cốp đã chứng minh rõ rệt điều đó một lần nữa: trước áp lực của quần chúng

công nhân, viên tể tướng đã phải tha những người bị giam; vài ngày sau, theo lệnh của Pê-téc-bua, người ta lại bắt hàng chục công nhân khác! Bọn cầm quyền ở tỉnh hay trong công xưởng "đảm bảo" quyền bất khả xâm phạm của các đại biểu, nhưng bọn hiến binh lại bắt những đại biểu đó và tống họ vào ngục tối hoặc trục xuất họ ra khỏi thành phố! Đảm bảo theo cái kiểu ấy thì nhân dân được lợi lộc gì?

Vì thế công nhân phải buộc Nga hoàng triệu tập đại biểu của nhân dân, triệu tập Hội nghị đại biểu đẳng cấp toàn quốc. Trong một bản hiệu triệu phát hành ở Khác-cốp trước ngày 1 tháng Năm năm nay, đã có nêu lên yêu sách đó và chúng tôi thấy rằng một bộ phận công nhân tiên phong đã hiểu rõ ý nghĩa của yêu sách đó. Chúng ta phải làm thế nào để cho *tất cả* các công nhân tiên phong đều hiểu rõ sự cần thiết của yêu sách ấy và phổ biến nó không những trong quân chúng công nhân, mà còn trong tất cả các tầng lớp nhân dân vẫn tiếp xúc với công nhân và đang muốn biết những người xã hội chủ nghĩa và công nhân "ở thành phố" đấu tranh vì cái gì? Năm nay, khi một viên thanh tra công xưởng có hỏi rằng đúng ra công nhân muốn gì, thì chỉ có một người trả lời: "hiến pháp", và tiếng nói đó đơn độc đến nỗi ký giả đã mỉa mai một cách nhẹ nhàng rằng: "một người vô sản *thốt ra một tiếng*". Một ký giả khác nói trắng ra rằng "trong trường hợp đó" mà trả lời như vậy thì "hơi khô hài" (xem "Phong trào công nhân ở Khác-cốp", báo cáo của "Ban chấp hành Khác-cốp của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga", do báo "Sự nghiệp công nhân" xuất bản. Giơ-ne-vơ, tháng Chín 1900, tr. 14). Nói cho đúng ra thì không có gì là lố bịch trong câu trả lời ấy cả: điều có thể hình như lố bịch, chính là tình trạng thiếu sự phù hợp giữa yêu sách đơn độc này - yêu sách nhằm thay đổi toàn bộ chế độ nhà nước - với yêu sách khác nhằm giảm bớt nửa giờ trong mỗi ngày làm việc và đòi phát lương trong giờ làm việc. Nhưng giữa hai yêu sách sau cùng ấy và

yêu sách đòi hiến pháp, có một mối liên hệ không thể chối cãi được, và nếu ta làm cho quân chúng hiểu rõ được mối liên hệ này (và nhất định là chúng ta sẽ làm được như thế), thì tiếng hô đòi "hiến pháp!" sẽ không còn đơn độc nữa, mà hàng nghìn, hàng trăm nghìn người sẽ hô vang nó lên, và lúc đó nó sẽ không còn lố bịch nữa mà sẽ là đáng sợ. Người ta kể lại rằng có một người hành khách khi đi ngang qua Khác-cốp trong những ngày tháng Năm, đã hỏi người đánh xe rằng: đúng ra, công nhân họ muốn cái gì; anh đánh xe liền trả lời: "Đấy ông xem, họ đòi ngày làm 8 giờ và có một tờ báo riêng của họ". Anh đánh xe ngựa này đã hiểu rằng công nhân không bằng lòng với những của bố thí nào đó, họ muốn thấy mình là những người tự do, họ muốn công khai và tự do nêu lên yêu cầu của họ và đấu tranh để thoả mãn những yêu cầu đó. Nhưng qua câu trả lời của anh đánh xe, người ta chưa thấy anh hiểu được rằng công nhân đấu tranh cho tự do của toàn thể nhân dân, cho quyền tham gia của nhân dân vào việc quản lý nhà nước. Khi yêu sách đòi Nga hoàng phải triệu tập hội nghị đại biểu nhân dân được quân chúng công nhân tất cả các thành phố công nghiệp và tất cả các vùng công nghiệp nước Nga hưởng ứng với một tinh thần hoàn toàn tự giác, với một thái độ cương quyết không gì lay chuyển nổi, khi công nhân đã làm cho toàn thể dân cư các thành thị và tất cả những người ở nông thôn đi ra thành thị đều hiểu rõ ý nguyện của những người xã hội chủ nghĩa và mục tiêu chiến đấu của công nhân, thì lúc ấy sẽ không còn cách xa cái ngày vĩ đại, ngày giải phóng nhân dân thoát khỏi chế độ chuyên chế cảnh sát!

*Viết xong khoảng từ 5 (18)
tháng Mười đến 3 (16) tháng
Mười một 1900*

*In vào tháng Giêng 1901, trong
một cuốn sách nhỏ do báo "Tia
lửa" xuất bản*

*Theo đúng bản in trong cuốn
sách nhỏ*

NHỮNG NHIỆM VỤ BỨC THIẾT CỦA PHONG TRÀO CHÚNG TA

Đảng dân chủ - xã hội Nga đã nhiều lần tuyên bố rằng nhiệm vụ chính trị trước mắt của đảng công nhân Nga phải là lật đổ chế độ chuyên chế và giành lấy tự do chính trị. Các đại biểu của đảng dân chủ - xã hội Nga, những thành viên của nhóm "Giải phóng lao động", đã tuyên bố như thế cách đây hơn mười lăm năm; và các đại biểu của các tổ chức dân chủ - xã hội Nga, những người đã sáng lập ra Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga mùa xuân 1898, tức là cách đây hai năm rưỡi, cũng đã tuyên bố như thế. Nhưng, dù cho lời tuyên bố ấy đã được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, vấn đề nhiệm vụ chính trị của đảng dân chủ - xã hội Nga một lần nữa lại được đề ra trước mắt. Nhiều đại biểu của phong trào chúng ta tỏ ý nghi ngờ, không biết giải pháp nói trên có đúng hay không. Người ta tuyên bố rằng cuộc đấu tranh kinh tế có một ý nghĩa áp đảo, người ta đẩy lùi các nhiệm vụ chính trị của giai cấp vô sản xuống hàng thứ yếu, người ta thu hẹp và hạn chế các nhiệm vụ ấy lại; thậm chí người ta lại còn cho rằng nói đến việc xây dựng một đảng công nhân độc lập ở nước Nga thì cũng chỉ là lặp lại lời nói của kẻ khác thôi, và cho rằng công nhân chỉ nên tiến hành đấu tranh kinh tế thôi, và nên nhường lĩnh vực chính trị cho những người trí thức liên minh với phái tự do. Lời khẳng định này của bản tuyên ngôn mới (bản "Credo" khét tiếng) chung quy cũng chỉ đơn thuần có nghĩa

là cho rằng giai cấp vô sản Nga chưa trưởng thành; có nghĩa là phủ nhận toàn bộ cương lĩnh dân chủ - xã hội. Còn tờ "Tư tưởng công nhân" (nhất là trong bản "Phụ trương đặc biệt" của nó), về thực chất, cũng phát biểu theo cùng một ý như thế. Đảng dân chủ - xã hội Nga đang trải qua một thời kỳ dao động, một thời kỳ những sự nghi ngờ, đi đến chỗ phủ nhận cả sự tồn tại của bản thân mình. Một mặt, phong trào công nhân tách rời khỏi chủ nghĩa xã hội: người ta giúp công nhân tiến hành đấu tranh kinh tế, nhưng người ta không hề giải thích hay giải thích không đầy đủ cho họ hiểu về các mục đích xã hội chủ nghĩa và những nhiệm vụ chính trị của toàn bộ phong trào. Mặt khác, chủ nghĩa xã hội lại tách rời khỏi phong trào công nhân: những người xã hội chủ nghĩa Nga ngày càng bắt đầu trở lại nói rằng cuộc đấu tranh chống chính phủ phải do giới trí thức tiến hành với lực lượng của bản thân họ, vì rằng công nhân chỉ tiến hành đấu tranh kinh tế thôi.

Theo ý chúng tôi, có ba loại hoàn cảnh đã dọn đường cho những sự việc đáng buồn đó. Một là, buổi đầu hoạt động của mình, những người dân chủ - xã hội Nga chỉ làm công tác tuyên truyền trong các tiểu tổ thôi. Sau đó, khi bắt tay vào công tác cổ động quần chúng, chúng ta không phải lúc nào cũng biết cách tránh cho khỏi rơi vào thái cực khác. Hai là, từ buổi đầu hoạt động của mình, chúng ta đã phải luôn luôn đấu tranh cho sự tồn tại của chúng ta chống phái Dân ý, là phái hiểu "chính trị" là một hoạt động đứng ngoài phong trào công nhân và coi hoạt động chính trị chỉ là hoạt động âm mưu mà thôi. Trong lúc phủ nhận cái thứ chính trị ấy, những người dân chủ - xã hội lại rơi vào chỗ thái quá là đã hạ thấp chính trị nói chung xuống hàng thứ yếu. Ba là, vì hoạt động phân tán trong các tiểu tổ công nhân nhỏ ở địa phương, nên những người dân chủ - xã hội đã không chú ý đầy đủ đến sự cần thiết phải tổ chức một chính đảng cách mạng để thống nhất toàn bộ hoạt động của các nhóm địa phương và

để có thể tổ chức một cách đúng đắn công tác cách mạng. Mà đã nặng về hoạt động phân tán thì tất nhiên là phải nặng về đấu tranh kinh tế.

Tất cả những lý do ấy giải thích việc người ta mê say một mặt của phong trào. Xu hướng "kinh tế chủ nghĩa" (nếu ở đây người ta có thể nói đến "xu hướng") đã toan dựng quan điểm chật hẹp đó thành một lý luận riêng biệt, và để đạt mục đích ấy họ đã toan dùng những cái đang thịnh hành là chủ nghĩa Béc-stanh, "sự phê phán chủ nghĩa Mác" đang thịnh hành, nhằm trình bày những tư tưởng tư sản cũ rích dưới một ngọn cờ mới. Chỉ những mưu toan đó là đã tạo nên nguy cơ làm yếu mối liên hệ giữa phong trào công nhân Nga với đảng dân chủ - xã hội Nga, người chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho tự do chính trị. Và nhiệm vụ bức thiết nhất của phong trào chúng ta là phải củng cố mối liên hệ đó.

Đảng dân chủ - xã hội là sự kết hợp phong trào công nhân với chủ nghĩa xã hội; nhiệm vụ của đảng đó không phải là phục vụ một cách thụ động phong trào công nhân trong từng giai đoạn phát triển của phong trào đó, mà phải đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào, phải chỉ rõ cho phong trào thấy rõ mục đích cuối cùng và các nhiệm vụ chính trị của nó, bảo vệ sự độc lập chính trị và tư tưởng của nó. Tách rời đảng dân chủ - xã hội, phong trào công nhân sẽ thoái hóa và không thể nào tránh khỏi tư sản hóa: chỉ tiến hành đấu tranh kinh tế, giai cấp công nhân sẽ mất tính độc lập chính trị của mình, sẽ đi theo đuôi các đảng phái khác, sẽ phản bội di huấn vĩ đại: "công cuộc giải phóng giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của chính bản thân những người công nhân"¹³⁴. Tất cả các nước đều đã trải qua một thời kỳ trong đó phong trào công nhân và chủ nghĩa xã hội tách rời nhau, mỗi bên đi theo một ngã, và trong tất cả các nước, sự tách rời này đã làm suy yếu chủ nghĩa xã hội và phong trào công nhân; trong tất cả các nước,

chỉ có sự kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân mới xây dựng được một cơ sở vững chắc cho cả hai. Nhưng trong mỗi nước, sự kết hợp ấy lại là một sản phẩm của lịch sử, lại được thực hiện bằng những con đường đặc biệt, tùy theo điều kiện không gian và thời gian. Ở nước Nga, sự cần thiết phải kết hợp giữa chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân đã được nêu lên thành lý luận từ lâu lắm rồi, nhưng trong thực tiễn thì chỉ đến nay sự cần thiết đó mới đang hình thành. Đó là một quá trình rất khó khăn, cho nên không có gì đáng đặc biệt ngạc nhiên khi thấy quá trình đó có kèm theo đủ thứ do dự và hoài nghi.

Quá khứ đã cho chúng ta được bài học gì?

Lịch sử của toàn bộ chủ nghĩa xã hội Nga đã khiến cho chủ nghĩa xã hội Nga có nhiệm vụ bức thiết nhất là phải đấu tranh chống chính phủ chuyên chế, phải giành lấy tự do chính trị; phong trào xã hội chủ nghĩa của chúng ta có thể nói là đã tập trung vào cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế. Mặt khác, lịch sử đã chứng tỏ rằng, ở nước Nga, tư tưởng xã hội chủ nghĩa tách rời những đại biểu tiên tiến của các giai cấp cần lao, và sự tách rời đó còn nghiêm trọng hơn ở các nước khác rất nhiều, rằng sự tách rời đó đã đẩy phong trào cách mạng Nga vào chỗ bất lực. Do đó, dĩ nhiên sứ mệnh của đảng dân chủ - xã hội Nga là: làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa và ý thức chính trị thấm sâu vào quần chúng vô sản và tổ chức một chính đảng cách mạng gắn chặt chẽ với phong trào công nhân tự phát. Đảng dân chủ - xã hội Nga đã làm nhiều về mặt này; nhưng nó còn phải làm nhiều hơn nữa. Phong trào mà tiến lên thì phạm vi hoạt động của đảng dân chủ - xã hội sẽ mở rộng không ngừng, công tác của nó sẽ ngày càng nhiều hình nhiều vẻ hơn, và ngày càng có đông đảo những cán bộ chuyên trách những nhiệm vụ cục bộ khác nhau do những yêu cầu hàng ngày của công tác tuyên truyền và cổ động đẻ ra. Đó là một hiện tượng hoàn toàn hợp quy luật và không tránh

được, nhưng nó bắt buộc phải đặc biệt chú ý sao cho những nhiệm vụ cục bộ trong toàn bộ hoạt động và những phương pháp đấu tranh riêng biệt không bị biến thành một cái gì tự nó đã đủ rồi; sao cho công tác chuẩn bị không biến thành công tác chủ yếu và độc nhất.

Giúp cho giai cấp công nhân phát triển về mặt chính trị và có tổ chức về mặt chính trị, đó là nhiệm vụ chủ yếu và cơ bản của chúng ta. Kẻ nào liệt nhiệm vụ đó vào hàng thứ yếu và không bắt tất cả các nhiệm vụ cục bộ và phương pháp đấu tranh riêng biệt khác phải phụ thuộc vào nhiệm vụ đó, thì kẻ đó đã đi nhầm đường và gây một tổn hại lớn cho phong trào. Trước hết, những phân tử ấy là những kẻ đã kêu gọi những người cách mạng nên dựa vào những tiểu tổ âm mưu riêng lẻ tách rời phong trào công nhân, mà đấu tranh chống chính phủ. Thứ hai, đó là những kẻ đã thu hẹp nội dung và quy mô của công tác tuyên truyền, cổ động và tổ chức chính trị, những kẻ cho rằng chỉ có trong những giờ phút đặc biệt trong đời sống của công nhân, trong những trường hợp trọng đại mới là lúc hợp thời và có thể đem "chính trị" ra thiết đãi công nhân; những kẻ ấy đã chú ý quá nhiều đến việc đánh đổi cuộc đấu tranh chính trị chống chế độ chuyên chế, để lấy những nhượng bộ riêng lẻ của chính phủ chuyên chế và ít quan tâm đến việc nâng những yêu sách riêng lẻ này thành một cuộc đấu tranh có hệ thống và triệt để của đảng công nhân cách mạng chống chế độ chuyên chế.

Bằng đủ mọi giọng lưỡi, từ "Tư tưởng công nhân" và tất cả những người ủng hộ khuynh hướng thuộc "phái kinh tế chủ nghĩa" luôn mồm nhắc lại với anh em công nhân rằng: "hãy tổ chức nhau lại!". Dĩ nhiên là cả chúng ta nữa, chúng ta cũng hoàn toàn tán thành lời kêu gọi đó, nhưng chúng ta không quên nói thêm: phải tổ chức nhau lại không những thành các hội tương tế, thành quỹ bãi công và thành tiểu tổ công nhân, mà cũng còn phải tổ chức nhau lại thành

một chính đảng, hãy tổ chức nhau lại để đấu tranh kiên quyết chống chính phủ chuyên chế và chống toàn bộ xã hội tư bản chủ nghĩa. Không có tổ chức đó, giai cấp vô sản sẽ không có khả năng vươn lên đến một cuộc đấu tranh giai cấp tự giác; không có tổ chức đó, phong trào công nhân sẽ chắc chắn bị hãm vào chỗ bất lực, và nếu đơn thuần chỉ có các quỹ, các tiểu tổ và các hội tương tế, thì giai cấp công nhân sẽ không khi nào hoàn thành được sứ mạng lớn lao mà lịch sử đã giao phó cho họ là tự giải phóng bản thân mình và giải phóng toàn thể nhân dân Nga thoát khỏi cảnh nô lệ chính trị và kinh tế. Trong lịch sử, chưa hề có một giai cấp nào giành được quyền thống trị, nếu nó không đào tạo ra được trong hàng ngũ của mình những lãnh tụ chính trị, những đại biểu tiên phong có đủ khả năng tổ chức và lãnh đạo phong trào. Và giai cấp công nhân Nga đã chứng tỏ rằng mình có thể đào tạo được những người như thế: quy mô rộng lớn mà cuộc đấu tranh của công nhân Nga đã có được trong năm, sáu năm qua, đã chứng minh rằng giai cấp công nhân chưa đặng biết bao nhiêu lực lượng cách mạng, rằng sự đàn áp khốc liệt nhất của chính phủ đã không làm giảm bớt mà trái lại còn làm tăng thêm biết bao nhiêu số công nhân khao khát chủ nghĩa xã hội, khao khát giác ngộ chính trị và đấu tranh chính trị. Đại hội của các đồng chí chúng ta, năm 1898, đã đề ra nhiệm vụ rất đúng, chứ không phải lặp lại lời lẽ của kẻ khác, không phải biểu hiện đơn thuần một sự say mê kiểu "trí thức"... Và chúng ta phải kiên quyết hoàn thành các nhiệm vụ đó, bằng cách nêu vấn đề cương lĩnh, tổ chức và sách lược của đảng thành vấn đề trước mắt. Chúng ta đã phát biểu quan điểm của chúng ta về các luận điểm cơ bản của cương lĩnh chúng ta, và tất nhiên, ở đây không phải là nơi phát triển các luận điểm ấy. Còn về các vấn đề tổ chức, chúng tôi dự định dành riêng một loạt bài trong những số báo sắp tới. Đối với chúng ta, đó là một trong những

НАСУЩНЫЯ ЗАДАЧИ НАШЕГО ДВИЖЕНІЯ.

Русская социалдемократія не разъ уже заявляла, что ближайшей политической задачей русской рабочей партіи должно быть ниспроверженіе самодержавія, завоеваніе политической свободы. Это заявляли болѣе 15 лѣтъ тому назадъ представители русской социалдемократіи, члены группы 'Оса Труда', это заявили два съ половиной года тому назадъ и представители русскихъ социалдемократическихъ организаций, образовавшіе весной 1898 года Россійскую Социалдемократическую Рабочую Партію. Но не смотря на эти неоднократныя заявленія, вопросъ о политическихъ задачахъ социалдемократіи въ Россіи снова выступаетъ на очередь въ настоящее время. Многие представители нашего движенія выражаютъ сомнѣніе въ правильности указаннаго рѣшенія вопроса. Говорятъ, что преобладающее значеніе имѣетъ экономическая борьба, отдавая на второй планъ политическую задачу пролетариата, суживаютъ и ограничиваютъ эти задачи заявляють даже, что разговоръ объ образованіи самостоятельной рабочей партіи въ Россіи просто повтореніе чужихъ словъ, что рабочимъ надо вести одну экономическую борьбу, предоставивъ политику интеллигентамъ въ союзъ съ либералами. Это послѣднее заявленіе новаго символа вѣры (пресловутое егеде) сводится уже прямо къ признанію русскаго пролетариата несовершеннѣйшимъ и къ полному отрицанію социалдемократической программы. А 'Рабочая Мысль' (особенно въ отдѣльномъ Приложеніи) высказалась въ сущности въ томъ же смыслѣ. Русская социалдемократія переживаетъ періодъ колебаній, періодъ сомнѣній, доходящихъ до самоотрицанія. Съ одной стороны, рабочее движеніе отрывается отъ социализма: рабочія помогаютъ вести экономическую борьбу, но нисъ вовсе не раздвигаютъ при этомъ или недостаточно раздвигаютъ социалистическихъ цѣлей и политическихъ задачъ всего движенія въ цѣломъ. Съ другой стороны, социализмъ отрывается отъ рабочего движенія, русскіе социалисты опять начинаютъ все болѣе и болѣе говорить о томъ, что борьбу съ самодержавіемъ должна вести одними своими силами интеллигенція, ибо рабочіе ограничиваются лишь экономической борьбой.

Троеккого рода обстоятельства подготовили, по нашему мнѣнію, почву для этихъ печальныхъ явленій. Во-первыхъ, въ началѣ своей дѣятельности русскіе социалдемократы ограничивались одной кружковой пропагандистскою работою. Перебравъ къ агитации въ массѣ мы не всегда могли удержаться отъ того, чтобы не впасть въ другую крайность. Во-вторыхъ, въ началѣ своей дѣятельности нѣтъ принадлежало очень часто отстаивать свое право на существованіе въ борьбѣ съ народолюбцами, которые понимали пользу 'политической' дѣятельности, оторванную отъ рабочего движенія, которое служило политикою до одной только заговорщической борьбы. Отвергая такую политику, социалдемократы впадали въ крайность, отклоняли на второй планъ политику вообще. Въ-третьихъ, въ началѣ своего существованія не великій рабочихъ кружкахъ, социалдемократы недостаточно обращали вниманіе на необходимость организационно революціонной партіи, возможной всей дѣятельности истинныхъ группъ и дающей возможность правильно поставить революціонную работу. А преобладающій разрозненности рабочей естественнo связано съ преобладаніемъ экономической борьбы.

Всѣ указанныя обстоятельства породили улаченіе одной стороной движенія. Экономическое направленіе, (поскольку тутъ можно говорить о 'направленіи') соотало попытку вывести эту уразу въ особую теорію, попытки воспользоваться для этой цѣли модной бернштейновскою, 'критикою марксизма', проводившей старая буржуазная идея подъ новымъ флагомъ. Лишь эти попытки породили идею ослабленія связи между русскимъ рабочимъ движеніемъ и русской социалдемократіей, какъ передовымъ борцомъ за политическую свободу. И сама насущная задача нашего движенія состоитъ въ укрѣпленіи этой связи.

Социалдемократія есть соединеніе рабочего движенія съ социализмомъ, ея задача — не пассивное служеніе рабочему движенію на какой-либо отдаленной ступени, а представительное интересовъ всего движенія въ цѣломъ, указаніе этому движенію его конечной цѣли, его политическихъ задачъ, охрана его политической и идейной самостоятельности. Оторванное отъ социалдемократіи, рабочее движеніе медлитель и необходимо впадаетъ въ буржуазность: ведя одну экономическую борьбу, рабочей классъ теряетъ свою политическую самостоятельность, становится известымъ другимъ партіи, изживаетъ величину завтра; освобожденіе рабочихъ должно быть дѣломъ самихъ рабочихъ. Во всѣхъ странахъ бытъ такой періодъ, когда рабочее движеніе и социализмъ существовали отдаленно другъ отъ друга и шли особой дорогой, — и во всѣхъ странахъ такая оторванность приводила къ слабости социализма и рабочего движенія; во всѣхъ странахъ только соединеніе социализма съ рабочимъ движеніемъ создавало прочную основу и для того и для другого. Но въ нашей странѣ это соединеніе социализма съ рабочимъ движеніемъ выработывалось исторически, выработывалось особымъ путемъ, въ зависимости отъ условий мѣста и времени. Въ Россіи необходимо соединеніе социализма и рабочего движенія теоретически провозглашена уже давно — но практически это соединеніе выработывается лишь въ настоящее время. Процессъ этой выработки есть очень трудный процессъ, и нѣтъ ничего особенно удивительнаго въ томъ, что онъ сопровождается разными колебаніями и сомнѣніями.

Какой-же урокъ вытекаетъ для насъ изъ прошлаго?

Исторія всего русскаго социализма привела къ тому, что самой его насущной задачей оказалась борьба противъ самодержавнаго правительства, завоеваніе политической свободы: наше социалистическое движеніе концентрировалось, такъ сказать, на борьбѣ съ самодержавіемъ. Съ другой стороны, исторія показала, что въ Россіи оторванность социалистической мысли отъ передовыхъ представителей трудящихся классовъ гораздо болѣе, чѣмъ въ другихъ странахъ, и что при такой оторванности русское революціонное движеніе осуждено на безслѣдіе. Отсюда сама собою вытекаетъ задача, которую призвана осуществить русская социалдемократія: выбрать социалистическія идеи и политическое самосознаніе въ массу пролетариата и организовать революціонную партію, неразрывно связанную съ стійкимъ рабочимъ движеніемъ. Много уже сказано въ этомъ отношеніи русской социалдемократіей; но еще болѣе остается сдѣлать. Съ ростомъ движенія пошире дѣятельности для социалдемократіи становится все шире, работа все разнообразнѣе, все болѣе число дѣлителей движенія сосредоточиваетъ свои силы на осуществленіи различныхъ частныхъ задачъ, которыя выдвигаются повседневными нуждами проаганды и агитации. Это явление совершенно законное и неизбежное, оно заставляетъ обращать особое вниманіе на то, чтобы частныя задачи дѣятельности и отдаленныя пріемы борьбы не возводились къ самоувѣренію, чтобы подготовительная работа не возводилась на степень главнаго и единственной работы.

Содѣйствовать политическому развитію и политической организационной работы рабочего класса — наша главная и основная задача. Великій, кто отдвигаетъ эту задачу на второй планъ, кто не подчиняетъ ей всѣхъ частныхъ задачъ и отдаленныхъ пріемовъ борьбы, тотъ становится на ложный путь и наноситъ серьезный вредъ движенію. Отдвигаютъ эту задачу, вогорныхъ, тѣ, кто суживаетъ содержаніе и размахъ политической проаганды, агитации и организационн, кто считаетъ возможнымъ и возможнымъ угодить рабочимъ 'политической' только въ исключительные моменты ихъ жизни, только въ торжественныхъ случаяхъ, кто слишкомъ заботливо раздвигаетъ политическую борьбу противъ самодержавія на требованіе отдаленныхъ уступокъ отъ самодержавія и недостаточно заботится о томъ, чтобы эти требованія отдаленныхъ уступокъ не ввели въ систематическую и безповоротную борьбу революціонной рабочей партіи противъ самодержавія.

Организуемся! повторяетъ рабочий на разныхъ ладкахъ газета 'Рабочая Мысль', повторяютъ всѣ сторонники экономическаго направленія. И мы, конечно, всегда присоединялись къ этому кличу, но мы неременно добавили къ нему организуемся не только въ общества взаимопомощи, стачечныя кассы и рабочіе кружки, организуемся также и въ политическую партію, организуемся для рѣшительной борьбы противъ самодержавнаго правительства и противъ всего капиталистическаго общества. Безъ такой организационной партіи не способны подняться до сознательной классовой борьбы, безъ такой организационной рабочей движени осуждено на безслѣдіе, и отлѣкн только кассами, кружками и обществами взаимопомощи рабочему классу нискогда не удастся исполнить лежащую на немъ великую историческую задачу освободить себя и весь русскій народъ отъ его политическаго и экономическаго рабства. Ни одна классъ въ исторіи не достигалъ господства, если онъ не выдвигалъ своихъ политическихъ вождей, своихъ передовыхъ представителей, способныхъ организовать движеніе и руководить имъ. И русскій рабочий классъ показалъ уже, что онъ способенъ выдвигать такихъ людей; широко развилась борьба русскихъ рабочихъ за 5-6 послѣднихъ лѣтъ показала, какая масса революціонныхъ силъ таится въ рабочемъ классѣ, какъ самая отчаянная правительство преслѣдованія не уменьшаютъ, а увеличиваютъ число рабочихъ, врывающихся къ социализму, къ политическому сознанію и къ политической борьбѣ. Създавъ нашихъ товарищъ въ 1898 г. вѣрно поставилъ задачу, а не повторилъ чужія слова, не выразилъ одно только улаченіе 'интеллигентовъ'... И мы должны рѣшительно вѣстись за выполнение этихъ задачъ, поставивъ на очередь вопросъ о программѣ, организационн и тактикѣ партіи. Какъ мы смотримъ на основныя положенія нашей программы, мы уже сказали, а подробно развивать эти положенія, здѣсь, конечно, не мѣсто. Вопросамъ организационнымъ мы намѣрены посвятить рядъ статей въ ближайшихъ номерахъ. Это одинъ изъ самыхъ болѣе насущныхъ вопросовъ. Мы сильно отстали въ этомъ отношеніи отъ старыхъ дѣлателей русскаго революціоннаго движенія, надо прямо признать этотъ недостатокъ и направить свои силы на выработку болѣе конспиративной постановки дѣла, на систематическую пропаганду правды веденія дѣла, пріемовъ наддуванія жандарновъ и обхода сѣтей полиціи. Надо готовить людей, посвящающихъ революцію не одинъ только свободные вечера, а всю свою жизнь, надо подготовить организацию, настолько крупную, чтобы въ ней можно было провести строгое раздѣленіе труда между различными видами нашей работы. Что касается, наконецъ, до вопросовъ тактики, то мы ограничимся здѣсь слѣдующимъ: социалдемократія не связываетъ себя рубъ, не служитъ своей дѣятельности однимъ какимъ-нибудь заранѣе придуманнымъ планомъ или пріемомъ политической борьбы. — она признаетъ всѣ средства борьбы, лишь бы они соответствовали наличнымъ силамъ партіи и давали возможность достигать наибольшихъ результатовъ, достижимыхъ при данныхъ условияхъ. При крѣпкой организованной партіи отдаленная стачка можетъ превратиться въ политическую демонстрацію, въ политическую побѣду надъ правительствомъ. При крѣпкой организованной партіи восстаніе въ отдаленной мѣстности можетъ разлиться въ побѣдоносную революцію. Мы должны помнить, что борьба съ правительствомъ за отдаленныя требованія, отвлечение отдаленныхъ уступокъ, это — только великія стачки съ неприлѣпкомъ, это — небольшой схватки на форпостахъ, а рѣшительная схватка еще впереди. Передъ нами стонъ во всей своей силѣ неприлѣпительная крѣпость, изъ которой опсылаютъ насъ тучи адетъ и пулъ, уносícíchъ лучшихъ борцовъ. Мы должны взять эту крѣпость, и мы возьмемъ ее, если всѣ силы пробуждающагося пролетариата соединимъ со всѣми силами русскихъ революціонеровъ въ одну партію, къ которой потинется все, что

есть въ Россіи живого и честнаго. И только тогда исполнится великое пророчество русскаго рабочего-революціонера, Петра Алексѣева: 'поднимется музуслитая рука миллionsми рабочего люда, и ярмо деспотизма, огражденное солдатскими штыками, разлетится въ прахъ!'

ВИЛЬГЕЛЬМЪ ЛИБКНЕХТЪ

(родился 29-го марта 1826 г., умеръ 7-го августа 1900 г.)

Со смертью старѣйшаго вождя германской социалдемократіи революціонный пролетаріатъ всего міра лишился одного изъ своихъ наиболее замѣчателныхъ и неумолимыхъ борцовъ и руководителей. Не даромъ всѣхъ обогъ его влиятельной личностію, какъ громомъ поразила передовыхъ рабочихъ всѣхъ цивилизованныхъ странъ. Не только изъ всѣхъ концовъ Германіи, но и изъ другихъ странъ Европы, да не одной лишь Европы, а и Америки, Австраліи, и даже изъ южной Африки. Японіи послыши были совушенная телеграмма, съ выраженіемъ глубокой скорби о неизвѣстной угуть, понесенной международной социалдемократіей. Похороны Либкнехта приняли характеръ и размахъ величественной манифестаціи, въ которой приняли участіе сотни тысячъ, быть можетъ, около миллиона нѣмецкихъ рабочихъ и представителей рабочихъ партій Англіи, Франціи, Австріи, Венгрии, Бельгіи, Дани и разныхъ другихъ странъ. По единодушнымъ заявленіямъ всѣхъ добросовѣстныхъ газетныхъ корреспондентовъ, выдавшихъ эту манифестацію, такихъ грандиозныхъ поворнъ не удавалось еще ни одному королю, ни одному императору.

Всегошля глубокая симпатія борющагося пролетариата всего міра къ Либкнехту, съ такой силой и искренностью выразилась по случаю его кончины, пріобрѣтены были нисъ многолѣтней службой дѣлу освобожденія рабочего класса, неутомимыми усиліями его къ ползуу истиннаго и политическаго возвышенія эксплуатируемыхъ и угнетенныхъ рабочихъ массъ. Представителю покаую и разностороннюю оцѣнку его заслугъ передъ международнымъ пролетариатомъ, — значитъ дать подробное описаніе его жизни и дѣятельности, по меньшей мѣрѣ, начиная съ шестидесятихъ годовъ, т. е. приблизительно за сорокъ лѣтъ. Но начало его общественной дѣятельности относится къ революціи 1848 г. а выработка его убѣжденій и идеаловъ, на служеніе которымъ онъ отдавалъ свои способности, началось еще раньше, въ тѣ времена, когда въ Германіи, какъ теперь въ Россіи, не только рабочіе, но и буржуазные классы, въ особенности образованные ихъ слои, терпѣли отъ правительственнаго произвола и устарѣвшихъ государственныхъ и общественныхъ порядковъ. Исторія жизни и дѣятельности Либкнехта чѣсыйшимъ образомъ связана, поэтому, съ исторіей Германіи, а косвенно съ важнѣйшими моментами и событиями въ исторіи Европы, за періодъ болѣе продолжительный, чѣмъ политическіе. Для того, чтобы представить біографію Либкнехта въ такихъ широкихъ рамкахъ, надобно написать объемыую книгу. Здѣсь же мы ограничимся только сообщеніемъ нѣсколькихъ фактовъ изъ его, полной неутомимой дѣятельности и борьбы жизни, и главнымъ образомъ, изъ того періода ея, въ теченіе котораго онъ воспитался и подготовился къ роли вождя германскихъ рабочихъ.

По своему рожденію и воспитанію, Либкнехтъ принадлежалъ къ буржуазии и имено къ тѣмъ ея слоямъ, которые у насъ известны подъ названіемъ 'интеллигенціи'. Какъ я уже сказалъ, во времена его дѣтства и юности, въ Германіи господствовало монархическое и полицейское самодержавіе, отъ котораго болѣе всего страдали, конечно, нислѣе городскіе классы да деревенскія массы, находившіяся сверхъ того, подъ гнетомъ помѣщиковъ; но терпѣли также и буржуазные классы, — торговцы, фабриканты, а въ особенности образованные ихъ слои, врачи, адвокаты, учителя, профессора и учащіяся, по преимуществу, университетскія молодежь. Въследствіе этого, буржуазія вообще, а интеллигенція въ особенности, проникнута была духомъ недовольства и оппозиціи. Наиболее благородной натуры и горячіе головы изъ интеллигентныхъ проникнуты были сочувствіемъ къ народнымъ страданіямъ, мечтали о такихъ общественныхъ порядкахъ, при которыхъ не было бы мѣста неравенству и несправедливости и старались даже распространять свои революціонныя и социалистическія идеи среди рабочихъ. Внутри самой Германіи пропаганда эта велась, конечно, тайно, подъ страхомъ строжайшихъ наказаній. Но нѣмецкіе рабочіе, главнымъ образомъ, молодые подмастерья, имѣли тогда обыкновенные перекочевывать изъ одного города въ другой и даже изъ одной страны въ другую. Благодаря этому обстоятельству, нѣмецкіе рабочіе въ 40-хъ и 50-хъ годахъ можно было встрѣтить сотнями не только въ Швейцаріи, Франціи, Бельгіи, сосѣднихъ съ Германіей странахъ, но даже и въ Англіи. Во всѣхъ этихъ государствахъ уже до революціи 1848 г. были конституціонные порядки, дававшие рабочимъ болѣе или менѣйшій просторъ для саморазвитія и самостоятельности. Туа направилъ свои главныя усилія тѣ изъ нѣмецкихъ социалистовъ и революціонеровъ, которые стремились вызвать среди рабочихъ сознательное недовольство существующими порядками. Свободныя политическія учрежденія и антиправительственнаа и социалистическая агитация туземныхъ оппозиціонныхъ партій и рабочихъ союзовъ въ названныхъ странахъ, конечно, въ свою очередь, сильно способствовали умственному и политическому пробужденію нѣмецкихъ пролетаріевъ, на время намъ на долго вооружившихъ тамъ. Результатомъ этого двойного воздействия на нихъ было то, что Швейцарія, напр., уже въ 40-хъ годахъ покрывалась стѣною нѣмецкихъ рабочихъ обществъ, Союзъ коммунистовъ, образовавшійся въ Лондонѣ и издававшій, какъ известно, знаменитый 'Манифестъ Коммунистической Партіи', написанный Марксомъ и Энгельсомъ, такое состоялъ, главнымъ образомъ, изъ нѣмецкихъ рабочихъ.

vấn đề hóc búa nhất. Về phương diện này, chúng ta lạc hậu rất nhiều so với các nhà hoạt động lão thành của phong trào cách mạng Nga; chúng ta phải thật thà công nhận thiếu sót ấy, và phải cố gắng đề ra các phương pháp hoạt động bí mật hơn, cố gắng tuyên truyền một cách có phương pháp các quy tắc tiến hành công việc, các thủ đoạn đánh lừa bọn hiến binh và lẩn tránh mào lưới của bọn cảnh sát. Chúng ta phải đào tạo những người sẵn sàng hiến cho cách mạng, không phải chỉ những buổi tối rỗi việc của họ, mà tất cả cuộc đời của họ; chúng ta phải xây dựng một tổ chức khá to lớn để có thể thực hiện được trong đó một sự phân công chặt chẽ giữa nhiều loại hoạt động khác nhau của chúng ta. Cuối cùng, về những vấn đề sách lược, chúng ta chỉ cần nêu lên ở đây như thế này: đảng dân chủ - xã hội không tự bó tay mình lại, không hạn chế hoạt động của mình vào một kế hoạch đã vạch sẵn hay theo một phương thức đấu tranh chính trị đã quy định trước; đảng dùng tất cả mọi phương pháp đấu tranh, miễn là những phương pháp ấy phù hợp với lực lượng sẵn có của đảng và khiến cho đạt được kết quả tối đa trong những điều kiện nhất định. Nếu đảng mạnh và có tổ chức thì một cuộc bãi công riêng lẻ có thể biến thành một cuộc biểu tình chính trị, một thắng lợi chính trị trong cuộc đấu tranh chống chính phủ. Nếu đảng mạnh và có tổ chức, thì một cuộc khởi nghĩa địa phương có thể phát triển thành một cuộc cách mạng thắng lợi. Chúng ta nên nhớ rằng cuộc đấu tranh đòi chính phủ thỏa mãn những yêu sách riêng lẻ, việc giành được những nhượng bộ riêng lẻ chỉ là những trận chiến đấu nhỏ với kẻ thù, chỉ là những cuộc giao chiến nhỏ giữa các đội tiên tiêu, rằng trận đánh quyết định vẫn còn chưa đến. Cái pháo đài đầy sức mạnh của quân thù đang đứng sừng sững trước mặt chúng ta, nó đang tuôn ra trận mưa bom đạn tàn sát những chiến sĩ ưu tú của chúng ta. Chúng ta phải chiếm lấy pháo đài đó, và chúng ta sẽ chiếm

được, nếu chúng ta thống nhất tất cả các lực lượng của giai cấp vô sản đang thức tỉnh với tất cả các lực lượng của những người cách mạng Nga, thành một chính đảng, chính đảng này sẽ thu hút về mình tất cả những ai là người có sinh khí và trung thực trên đất nước Nga. Chỉ có lúc ấy mới thực hiện được lời tiên tri vĩ đại của người công nhân cách mạng Nga Pi-ốt A-lếch-xê-ép: "khi cánh tay gân guốc của hàng triệu người lao động vung lên, là cái ách của chế độ chuyên chế, được che chở bằng lưới lê của quân đội, sẽ biến thành tro bụi!"¹³⁵.

*Viết xong vào tháng Mười -
đầu tháng Mười một 1900*

*In vào tháng Chạp 1900, trên
báo "Tia lửa", số 1*

Theo đúng bản in trên báo

CUỘC CHIẾN TRANH TRUNG-QUỐC

Nước Nga đang kết thúc cuộc chiến tranh với Trung-quốc: nó đã huy động cả một loạt quân khu, chi tiêu hàng trăm triệu rúp, đưa hàng vạn binh sĩ sang Trung-quốc, đánh nhau nhiều trận, đã thắng nhiều phen, - nhưng nói cho đúng ra là thắng những người khởi nghĩa, nhiều hơn là thắng các đội quân chính quy của đối phương, và hơn nữa lại thắng những người Trung-quốc không có vũ khí đã bị người ta đem dim xuống nước và tàn sát, không từ cả việc sát hại trẻ con và phụ nữ, đó là chưa nói đến những vụ cướp phá các lâu đài, nhà cửa và cửa hàng. Thế mà chính phủ Nga, cùng với các tờ báo cúc cung tận tụy phục vụ cho nó, lại ca khúc khải hoàn, mừng rỡ khi có tin về những chiến công mới của các đội quân dũng cảm của mình, ca ngợi văn minh Âu châu đã đánh bại được tình trạng dã man của người Trung-quốc, ca ngợi những thắng lợi mới của nước Nga trong "sứ mạng khai hóa" ở Viễn Đông.

Nhưng trong cuộc hòa tấu hoan hỉ ấy, người ta không nghe thấy tiếng nói của những người công nhân giác ngộ, những đại biểu tiên phong của hàng triệu nhân dân cần lao. Ấy thế mà tất cả gánh nặng của những chiến dịch đắc thắng mới ấy đều đè lên vai nhân dân cần lao: chính trong hàng ngũ của họ người ta đã cướp lấy những người lao động để đẩy đi đến tận nơi chân trời xa tít, chính nhân dân cần lao đã bị người ta bắt phải nộp các thứ thuế ngày càng

tăng để thu lấy số tiền chi phí hàng triệu đồng. Vậy chúng ta hãy thử phân tích các vấn đề sau đây: những người xã hội chủ nghĩa nên có thái độ như thế nào đối với cuộc chiến tranh đó? cuộc chiến tranh đó làm lợi cho ai? chính sách mà chính phủ Nga theo đuổi, thật ra có ý nghĩa thế nào?

Trước hết, chính phủ Nga cam đoan rằng nó hoàn toàn không tiến hành chiến tranh với Trung-quốc: nó chỉ tiêu trừ cuộc nổi loạn, trấn áp những kẻ phiến loạn, giúp chính phủ Trung-quốc hợp pháp phục hồi trật tự hợp pháp mà thôi. Người ta không tuyên chiến, nhưng kỳ thực thì có khác gì đâu, vì rằng dù sao đi nữa chiến tranh cũng đã xảy ra. Do đâu mà có cuộc tấn công của người Trung-quốc chống lại những người châu Âu, tức là gây ra cuộc nổi loạn mà người Anh, người Pháp, người Đức, người Nga, người Nhật, v.v. đã đàn áp tận lực đến như vậy? Những người tán thành chiến tranh quả quyết rằng đó là do "lòng căm thù của giống da vàng đối với giống da trắng", do "lòng căm ghét của người Trung-quốc đối với văn hóa và văn minh châu Âu". Thật vậy, người Trung-quốc rất căm ghét những người châu Âu, nhưng họ căm ghét những người châu Âu nào, và vì lẽ gì? Người Trung-quốc không căm ghét các dân tộc châu Âu, - người Trung-quốc chưa bao giờ xung đột với các dân tộc này, - mà căm ghét bọn tư bản châu Âu và các chính phủ châu Âu do bọn tư bản này điều khiển. Làm sao mà người Trung-quốc lại không căm ghét những kẻ chỉ vì ham lợi mà đặt chân lên nước Trung-hoa, những kẻ chỉ dùng thứ văn minh đã được ca tụng không tiếc lời của chúng để lừa gạt, cướp bóc và áp bức, những kẻ đã gây chiến với Trung-quốc để được quyền bán thuốc phiện làm ngu muội nhân dân (cuộc chiến tranh mà Anh, Pháp gây ra với Trung-quốc năm 1856), những kẻ đã giả dối nấp dưới chiêu bài truyền bá đạo Thiên chúa để tiến hành một chính sách ăn cướp? Chính sách ăn cướp đó đã được các

chính phủ tư sản ở châu Âu áp dụng đối với Trung-quốc từ lâu rồi; ngày nay, nhập bọn với chúng lại còn thêm chính phủ chuyên chế của nước Nga nữa. Người ta có thói quen đặt cho chính sách ăn cướp đó cái tên là chính sách thuộc địa. Bất cứ nước nào có một nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh đều tiến rất nhanh đến chỗ phải đi tìm thuộc địa, tức là tìm những nước có một nền công nghiệp kém phát triển, sống dưới một chế độ ít nhiều có tính chất gia trưởng, những nước mà ở đó người ta có thể tiêu thụ các sản phẩm công nghiệp và thu được những món lãi rất hời. Và để làm giàu cho một nhóm tư bản, các chính phủ tư sản đã tiến hành những cuộc chiến tranh liên miên, đã làm cho cả từng trung đoàn phải bỏ mạng ở các nước nhiệt đới, khí hậu rất độc, đã phung phí hàng triệu bạc vơ vét của nhân dân, đã dồn dân cư các nước đến chỗ phải liêu chết nổi dậy và phải lâm vào cảnh chết đói. Các bạn hãy nhớ lại cuộc nổi dậy của dân bản xứ Ấn-độ chống lại nước Anh¹³⁶ và nạn đói ở Ấn-độ, hoặc cuộc chiến tranh mà hiện nay người Anh gây ra với người Bô-e¹³⁷.

Và giờ đây, nanh vuốt tham tàn của bọn tư bản châu Âu lại với sang Trung-quốc. Mà kẻ với nanh vuốt hầu như trước nhất lại là chính phủ Nga, hiện giờ nó đang tán dương rất mạnh cái thái độ "vô tư" của mình. Dưới danh nghĩa "vô tư" đó, nó đã thôn tính cửa biển Lữ-thuận của Trung-quốc và đã bắt đầu xây dựng một con đường sắt ở Mãn-châu, dưới sự bảo vệ của các đơn vị quân đội Nga. Các chính phủ châu Âu đã lần lượt kẻ trước người sau cướp bóc - à quên, "thuê mượn" đất chửi - lãnh thổ Trung-quốc một cách nhiệt tình đến nỗi người ta nói rằng đó là một sự phân chia nước Trung-hoa, và nói như thế cũng không phải là không có lý. Và nếu cứ nói thẳng ra không quanh co gì cả, thì phải nói rằng các chính phủ châu Âu (trong số đó chính phủ Nga hầu như đứng đầu) đã bắt đầu thực hiện sự phân chia đó rồi. Tuy vậy, chúng không làm công khai,

mà lên lút, y như bọn kẻ cắp. Chúng đã bắt đầu cướp bóc Trung-quốc như là cướp bóc của cải trên một cái xác chết vậy, và khi cái gọi là xác chết kháng cự lại, thì chúng liền nhảy xổ vào cái xác đó như những con ác thú, đốt trụ trọn cả từng làng mạc, dim những người dân tay không vũ khí và vợ con họ xuống sông A-mua, bắn giết hoặc dùng lưới lê đâm chết họ. Và trong khi lập những chiến công theo tinh thần đạo Thiên chúa như thế, họ lại lớn tiếng phản đối những người Trung-quốc đã man dám cả gan chạm đến những người châu Âu văn minh. Sự chiếm đóng vùng Ngưu-trang và việc đem những đơn vị quân đội Nga xâm nhập lãnh thổ Mãn-châu chỉ là những biện pháp tạm thời, - chính phủ chuyên chế Nga đã tuyên bố như thế trong bức thông tư gửi cho các cường quốc, đề ngày 12 tháng Tám 1900; những biện pháp đó "sở dĩ được áp dụng chỉ là vì cần phải đánh lui những hành động xâm lược của bọn phiến loạn Trung-quốc"; những biện pháp đó "không hề chứng minh về kế hoạch vụ lợi, những kế hoạch ấy là điều hoàn toàn xa lạ đối với chính sách của chính phủ nhà vua".

Tội nghiệp thay cho chính phủ nhà vua! Nó là một chính phủ rất vô tư đúng theo tinh thần của đạo Thiên chúa, ấy thế mà người ta lại đi lăng mạ nó một cách quá bất công! Cách đây vài năm, nó đã chiếm cửa bể Lữ-thuận một cách hoàn toàn vô tư, và bây giờ đây, nó lại chiếm Mãn-châu một cách cũng không kém phần vô tư, nó đã đem cả một lũ chủ thầu, kỹ sư và sĩ quan vào những vùng của Trung-quốc kề cận với nước Nga, thái độ của bọn này đã làm cho người Trung-quốc, vốn có tiếng là dễ bảo, cũng phải nổi dậy. Trên các công trường xây dựng đường sắt ở Trung-quốc, công nhân Trung-quốc mỗi ngày lĩnh được 10 cô-péc để sinh sống: đó chẳng phải là một thái độ vô tư nữa của nước Nga hay sao?

Nhưng làm thế nào giải thích được việc chính phủ Nga đã tiến hành chính sách điên rồ đó đối với Trung-quốc?

Chính sách đó làm lợi cho ai? Nó làm lợi cho một nhóm đại tư bản đang buôn bán với Trung-quốc, cho một nhóm chủ xưởng sản xuất những loại hàng hóa cho thị trường châu Á, cho một nhóm chủ thầu hiện đang thu được những món lãi kếch sù trong việc thực hiện các đơn đặt hàng chiến tranh khẩn cấp (một số nhà máy chế tạo thiết bị chiến tranh, quân trang quân dụng cho quân đội, v. v. hiện đang chạy hết công suất và tuyển dụng hàng trăm người làm công nhật mới). Chính sách đó làm lợi cho một nhóm quý tộc đang chiếm những địa vị cao trong các cơ quan dân sự và quân sự. Chúng cần đến một chính sách phiêu lưu, bởi vì nhờ chính sách đó, mà chúng có thể kiếm được những đặc quyền, lập nên sự nghiệp, và nổi danh vì "những chiến công" lập được. Và chính phủ Nga hy sinh không chút do dự lợi ích của toàn thể nhân dân cho lợi ích của một nhóm tư bản và nhóm người vô lại trong các cơ quan cao cấp chính phủ. Trong trường hợp này cũng như trong các trường hợp khác, chính phủ chuyên chế Nga hoàng tỏ ra là một chính phủ của bọn quan lại vô trách nhiệm, cúi đầu sát đất trước bọn đại tư bản và bọn quý tộc.

Giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân cần lao của nước Nga sẽ thu được lợi lộc gì trong các cuộc xâm lược ở Trung-quốc? Hàng nghìn gia đình bị phá sản vì những người cột trụ trong nhà đều bị đưa vào chiến tranh, nợ nần và chi tiêu của nhà nước tăng lên rất nhiều, thuế má tăng lên, quyền lực của bọn tư bản bóc lột công nhân, được tăng cường, số phận của công nhân ngày càng điều đứng hơn, nông dân ngày càng chết dần chết mòn một cách nhanh chóng hơn, nạn đói ở Xi-bi-ri, - đó là những hậu quả mà cuộc chiến tranh Trung-quốc có thể đưa đến và đang đưa đến. Toàn bộ báo chí ở nước Nga, tất cả các tờ báo và tất cả các tờ tạp chí đều bị nô dịch; các báo chí đó không hề dám đăng bất cứ điều gì, nếu không được phép của bọn quan lại trong chính phủ, và chính vì thế mà chúng

ta không hề biết được một số liệu nào chính xác cái giá mà nhân dân phải trả cho cuộc chiến tranh Trung-quốc, nhưng chắc chắn là cuộc chiến tranh đó đã nuốt mất *hàng trăm triệu rúp*. Theo một số tin tức, thì chính phủ đã ký một sắc lệnh mật, chi ngay một lúc 150 triệu rúp cho chiến tranh; ngoài ra, cứ trong ba hay bốn ngày là các chi phí trước mắt cho chiến tranh lại còn nuốt mất *một triệu rúp*. Và những số tiền to lớn đó đã bị phung phí bởi một cái chính phủ không ngừng cắt xén những món tiền trợ cấp cho nông dân nghèo đói, nó mặc cả từng cô-pếch, nó không tìm ra được tiền để chi vào giáo dục quốc dân; chẳng khác bất cứ một tên cu-lắc nào, nó bóc lột đến tận xương tủy những người công nhân trong các nhà máy của nhà nước, những công chức nhỏ trong ngành bưu điện, v.v.!

Viên bộ trưởng Bộ tài chính Vít-te đã tuyên bố rằng tính đến ngày 1 tháng Giêng 1900, thì trong ngân khố số tiền mặt có là 250 triệu rúp: hiện nay, số tiền đó không còn nữa, vì đã được đem chi cho chiến tranh; chính phủ tìm cách vay mượn thêm, tăng thuế, hủy bỏ những khoản chi tiêu cần thiết vì không có tiền, đình chỉ công cuộc xây dựng đường sắt. Chính phủ Nga hoàng bị nguy cơ phá sản đe dọa, vậy mà nó lao mình vào một chính sách xâm lược, chính sách này không những đòi hỏi phải chi những khoản tiền rất lớn, mà lại còn đe dọa lôi chính phủ vào những cuộc chiến tranh còn nguy hiểm hơn nữa. Các cường quốc châu Âu xông vào xâu xé Trung-quốc đã bắt đầu tranh giành nhau để chia mỗi và có ai biết được các cuộc tranh giành đó sẽ kết thúc như thế nào.

Nhưng chính sách của chính phủ Nga hoàng ở Trung-quốc không phải chỉ chà đạp lên lợi ích của nhân dân, nó còn nhằm làm bại hoại ý thức chính trị của quần chúng nhân dân nữa. Những chính phủ chỉ dựa vào sức mạnh của lưỡi lê và luôn luôn bị bắt buộc phải chế ngự hoặc đàn áp sự phẫn nộ của nhân dân, đều hiểu được từ lâu cái chân lý là không thể

nào đẹp yên được sự bất bình của nhân dân; cần phải tìm cách hướng sự bất bình ấy khỏi chính phủ và chĩa nó vào kẻ khác. Chính vì thế mà người ta đã khơi sâu, chẳng hạn, mối thù hằn đối với những người Do-thái: các tờ báo bản thủ lông lộn lên đả kích người Do-thái, làm như thể người công nhân Do-thái không bị khổ như người công nhân Nga dưới ách của tư bản và chính phủ cảnh sát. Hiện nay, báo chí đang mở chiến dịch tuyên truyền chống lại người Trung-quốc và tung ra những lời la ó về tính chất dã man của giống da vàng và sự thù ghét của giống người đỏ đối với văn minh, về sứ mạng khai hóa của nước Nga, về nhiệt tình của binh sĩ Nga trong lúc xông pha nơi khói lửa, v.v. và v.v.. Cúi đầu sát đất trước chính phủ và túi bạc, các nhà báo đem hết sức ra để khơi sâu trong nhân dân mối căm thù đối với Trung-quốc. Nhưng nhân dân Trung-quốc chưa từng bao giờ áp bức nhân dân Nga bằng cách nào cả, nhân dân Trung-quốc cũng khốn khổ bởi cùng chung những tai họa như nhân dân Nga: khốn khổ vì chính phủ châu Á đang chồng chất thuế má lên lưng những nông dân đói khổ, và dùng vũ khí đe bẹp mọi nguyện vọng muốn hưởng tự do, và vì ách của tư bản cũng đã thâm nhập vào Trung-quốc.

Giai cấp công nhân Nga đang bắt đầu ra khỏi vực thẳm ngu muội và đốt nát về mặt chính trị, trong đó quần chúng nhân dân đang sống. Bởi vậy tất cả những công nhân giác ngộ đều có nghĩa vụ phải đem hết sức mình ra chống lại những kẻ đang đi khơi sâu sự thù hằn dân tộc và đánh lạc hướng nhân dân lao động làm cho họ không nhìn thấy rõ kẻ thù thật sự của họ. Chính sách của chính phủ Nga hoàng ở Trung-quốc là một chính sách tội lỗi, nó làm cho sự phá sản của nhân dân thêm trầm trọng, nó tăng cường hơn nữa việc hủ hóa và áp bức nhân dân. Chính phủ Nga hoàng không những kìm hãm nhân dân Nga trong vòng nô lệ, mà lại còn đưa họ đi bình định các dân tộc khác là các dân tộc

đã vùng lên chống lại chế độ nô lệ đè lên mình (như trường hợp các đơn vị quân đội Nga đàn áp cuộc cách mạng Hung-ga-ri hồi năm 1849). Chính phủ Nga hoàng không những giúp đỡ bọn tư bản Nga bóc lột công nhân nước chúng, những công nhân mà chính phủ đã trói chặt tay lại để làm cho họ không tập hợp lại được và không tự bảo vệ được; chính phủ Nga hoàng lại còn đưa binh sĩ đi cướp bóc các dân tộc khác để làm lợi cho một nhóm bọn nhà giàu và bọn quý tộc. Để thoát khỏi một gánh nặng mới mà chiến tranh đã trùm lên vai nhân dân lao động, thì chỉ có một cách là: triệu tập các đại biểu nhân dân để họ xóa bỏ quyền chuyên chế của chính phủ và bất chính phủ phải chú ý đến những lợi ích không phải chỉ của một lũ nịnh thần.

*Viết xong vào tháng Chín -
tháng Mười 1900*

*In vào tháng Chạp 1900 trên
báo "Tia lửa", số 1*

Theo đúng bản in trên báo

SỰ CHIA RẼ TRONG HỘI LIÊN HIỆP NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ - XÃ HỘI NGA Ở NƯỚC NGOÀI¹³⁸

Mùa xuân năm nay, Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga họp đại hội ở Thụy-sĩ, đại hội này đã dẫn đến tình trạng chia rẽ trong Hội liên hiệp đó. Phe thiểu số, đứng đầu là nhóm "Giải phóng lao động", tức là nhóm sáng lập ra Hội liên hiệp và phụ trách biên tập các xuất bản phẩm của Hội liên hiệp cho đến mùa thu 1898, đã lập ra một tổ chức riêng biệt lấy tên là Tổ chức cách mạng Nga "Người dân chủ - xã hội". Phe đa số, trong đó có ban biên tập tờ "Sự nghiệp công nhân", đã giữ nguyên vẹn tên Hội liên hiệp như cũ. Đại hội của những người dân chủ - xã hội Nga họp hồi mùa xuân 1898 và thành lập ra "Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga", đã thừa nhận Hội liên hiệp là tổ chức đại diện cho đảng ta ở nước ngoài. Bây giờ xảy ra sự chia rẽ trong nội bộ Hội liên hiệp, thì tư cách đại diện đó sẽ ra sao? Chúng tôi sẽ không bàn tỉ mỉ về những nguyên nhân đã gây ra sự chia rẽ. Chúng tôi chỉ nêu lên sự sai lầm của lời buộc tội rất phổ biến và rất nặng cho rằng dường như Plê-kha-nốp đã chiếm đoạt nhà in của Hội liên hiệp. Thật ra thì viên quản lý của nhà in chỉ từ chối không chịu giao toàn bộ nhà in đó cho riêng một bộ phận nào của Hội liên hiệp đã tách ra, và cách đó không bao lâu, hai bộ

phận ấy đã chia đôi nhà in ra. Theo quan điểm của chúng tôi thì điều chủ yếu là trong khi tranh luận, tờ "Sự nghiệp công nhân" đã sai về căn bản: trái với sự thật, nó đã phủ nhận sự tồn tại của khuynh hướng "kinh tế chủ nghĩa", và áp dụng một sách lược sai lầm là làm lơ trước những biểu hiện cực đoan của khuynh hướng đó và không chịu đấu tranh một cách công khai chống lại những biểu hiện cực đoan đó.

Vì vậy, tuy hoàn toàn không phủ nhận công lao của tờ "Sự nghiệp công nhân" là cơ quan đã cố gắng nhiều trong việc in và tổ chức vận chuyển các xuất bản phẩm, nhưng chúng tôi vẫn không thừa nhận cho một bộ phận nào, của tổ chức đã bị phân chia đó, được thay mặt cho đảng ta ở nước ngoài. Trong khi chờ đợi nghị quyết của đại hội sắp tới của đảng ta, thì vẫn phải gác vấn đề đó lại. Hiện nay, những người đại diện chính thức của đảng dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài, chính là các ủy viên Nga trong Ban thường trực quốc tế do Đại hội xã hội chủ nghĩa quốc tế ở Pa-ri thành lập hồi mùa thu năm nay¹³⁹. Nước Nga có hai ủy viên được bầu vào ban thường trực đó: G. V. Plê-kha-nốp và B. Cri-tsép-xki (một ủy viên trong ban biên tập của báo "Sự nghiệp công nhân"). Trong khi chưa có một sự giải hòa hoặc thỏa thuận giữa hai bộ phận những người dân chủ - xã hội Nga, chúng tôi định cùng với G. V. Plê-kha-nốp giải quyết tất cả những vấn đề có liên quan đến quyền đại diện cho nước Nga. Cuối cùng, chúng tôi xin trình bày ý kiến của chúng tôi về người mà chúng tôi muốn bầu làm bí thư của nước Nga tại Ban thường trực quốc tế. Bây giờ đây, trong lúc người ta đang nấp dưới chiêu bài "phê phán chủ nghĩa Mác" để ra sức làm hủ hóa đảng dân chủ - xã hội bằng hệ tư tưởng tư sản và bằng một chính sách mềm yếu và nhả nhục đối với những kẻ thù được vũ trang từ đầu đến chân (tức là các chính phủ tư sản), thì ở địa vị quan trọng đó, đặc biệt cần phải có một người đủ năng lực chống lại

trào lưu và đưa ra được một ý kiến có ảnh hưởng đối với những sự dao động về tư tưởng. Vì lẽ đó, và cũng do những lý do kể trên, chúng tôi bầu G. V. Plê-kha-nốp.

*Viết xong chậm nhất vào ngày
25 tháng Mười một (8 tháng
Chạp) 1900*

*In vào tháng Chạp 1900 trên
báo "Tia lửa", số 1*

Theo đúng bản in trên báo

NHẬT KÝ NGÀY 29 THÁNG CHẠP 1900

29/XII. 1900. Thứ bảy, 2 giờ sáng.

Tôi muốn ghi lại những cảm tưởng của tôi sau cuộc trao đổi ngày hôm nay giữa tôi và "bli - dơ - nê - txơ". Đó là một cuộc họp đáng ghi nhớ và "có tính chất lịch sử" theo kiểu của nó (Ăc-xên-i-ép, Vê-li-ca, bli - dơ - nê - txơ + người vợ + tôi), ít nhất là có tính chất lịch sử trong cuộc đời của tôi, vì nó đã tổng kết, nếu không phải là tổng kết một thời đại thì cũng là tổng kết cả một trang của đời tôi và quyết định, trong một thời gian dài, cách cư xử và con đường tương lai của tôi.

Cứ theo cái cách mà Ăc-xên-i-ép lúc đầu đem vấn đề truyền đạt lại cho tôi, tôi hiểu rằng bli - dơ - nê - txơ đang đến với chúng tôi, và về phía anh ta, anh ta cũng muốn tiến lên một vài bước; nhưng tình hình xảy ra lại trái ngược hẳn. Sở dĩ có sự hiểu lầm kỳ lạ đó, chắc là vì Ăc-xên-i-ép rất ưa thích cái mà bli - dơ - nê - txơ đem ra làm "miếng mồi" để nhử: tài liệu chính trị, bài của thông tin viên, etc¹⁾. vả lại, "người ta dễ tin cái mà người ta ưa thích", cho nên Ăc-xên-i-ép đã tin tưởng rằng cái mà bli - dơ - nê - txơ đem ra nhử mình là cái có thể có được, và muốn tin tưởng vào sự chân thành của bli - dơ - nê - txơ

1) - et cetera - vân vân

vào khả năng có thể thực hiện với anh ta một modus vivendi¹⁾ đúng đắn.

Chính cuộc họp nói trên đã hoàn toàn làm tiêu tan hẳn sự tin tưởng đó. Bli - đơ - nê - txơ đã biểu lộ ra hoàn toàn khác, biểu lộ ra là một "chính khách" thực sự, một chính khách hiểu theo nghĩa xấu nhất, một kẻ hoạt động chính trị, một kẻ vô lại giáo quyệt, một tên lái buôn, một kẻ vô liêm sỉ. Anh ta đã đến với niềm tin hoàn toàn chắc rằng chúng ta bất lực, đó là nói theo lời mà bản thân Ác-xê-n-i-ép đã dùng để tóm tắt kết quả của các cuộc thương lượng, và nói như thế là hoàn toàn đúng. Tin chắc rằng chúng ta bất lực, bli - đơ - nê - txơ đã đến, để đề ra cho chúng ta những điều kiện *đấu hàng*, và anh ta đã đề ra với một sự khôn khéo phi thường, không hề nói lên một lời nào gay gắt, nhưng người ta vẫn thấy rằng cái bề ngoài mỹ miều và văn minh đó của "nhà phê phán" tối hiện đại đã che đậy bản chất thô bỉ và con buôn biết bao của một phần tử tự do chủ nghĩa tầm thường.

Đối với những câu hỏi của tôi (mà tôi đưa ra để mở đầu phần bàn về công việc trong buổi họp mặt hôm đó) về những lý do làm cho bli - đơ - nê - txơ không nhận trực tiếp làm cộng tác viên, thì bli-đơ-nê-txơ đã trả lời một cách rất quả quyết rằng, đứng về mặt tâm lý mà nói, anh ta không thể nào làm việc cho một tạp chí mà trong đó anh ta bị người ta "đả kích toi bời" (đây là nguyên văn lời của anh ta); rằng dù sao chúng ta cũng không nên nghĩ là, trong khi chúng ta nói xấu anh ta một cách thậm tệ, thì anh ta lại vẫn cứ "viết" cho chúng ta "những bài báo chính trị" (đúng nguyên văn!); rằng vấn đề cộng tác chỉ có thể đặt ra với điều kiện là có một sự bình đẳng hoàn toàn về quyền hạn (chắc hẳn có nghĩa là một sự bình đẳng về quyền hạn giữa những nhà phê bình và những người chính thống);

1) - bản thỏa ước

rằng sau lời tuyên bố¹⁾, thì người đồng chí và bạn thân của anh ta¹⁴⁰ thậm chí không muốn đến gặp Ác-xê-n-i-ép nữa: rằng, đối với anh ta, bli - đơ - nê - txơ, thì thái độ của anh ta không phải chủ yếu là do lời tuyên bố đó quyết định và thậm chí cũng không dính dáng gì đến lời tuyên bố đó cả, mà cái quyết định thái độ đó là sự việc sau đây: nếu, trước kia, anh ta muốn tự bó mình trong vai trò "một sự giúp sức đầy thiện ý", thì bây giờ đây, anh ta không muốn đóng khung ở đấy nữa mà lại cũng muốn có chân trong ban biên tập (đó gần như là nguyên văn lời của anh ta!). Tất cả những điều đó, anh ta không tuân ra ngay một lúc, cuộc thương lượng về sự cộng tác của anh ta đã diễn ra khá lâu (Ác-xê-n-i-ép và Vê-li-ca cho là quá lâu), nhưng qua đó tôi có cảm giác rất rõ rằng không thể đi đến một sự thỏa thuận với anh chàng tao nhã đó được đâu.

Sau đó, anh ta kiên trì giữ đề nghị của mình: tại sao lại không thành lập một cơ quan ngôn luận chính trị thứ ba trên cơ sở bình đẳng, làm như thế sẽ có lợi cả cho anh ta lẫn cho chúng ta (tờ báo sẽ có sẵn tài liệu, chúng ta sẽ "kiểm soát" lại được chút ít về số vốn bỏ ra làm việc đó); anh ta cho rằng ngoài bia cơ quan ngôn luận ấy không nên ghi điều gì có tính chất dân chủ - xã hội cả, không nên có cái gì nói rõ tên tổ chức của chúng ta cả, và chúng ta có nghĩa vụ (không phải nghĩa vụ hình thức mà là nghĩa vụ tinh thần) phải cung cấp cho cơ quan ngôn luận ấy tất cả những tài liệu chính trị chung của chúng ta.

Thế là mọi việc đều đã rõ ràng, và tôi đã trả lời dứt khoát rằng không thể có vấn đề thành lập một cơ quan ngôn luận thứ ba; rằng ở đây vấn đề là ai sẽ lãnh đạo cuộc đấu tranh chính trị: đảng dân chủ - xã hội, hay là riêng một mình phái tự do sẽ đơn độc và độc lập làm việc đó (tôi đã trình bày một cách sáng tỏ và rõ ràng hơn, một cách chính xác hơn). Bli - đơ - nê - txơ đã hiểu, bèn nổi giận lên và tuyên

1) Xem tập này, tr. 449 - 456.

bố rằng sau khi tôi đã trình bày với một sự *anerkennens-werter Klarheit*¹⁾ (đúng nguyên văn!), thì không còn cần phải nói về việc đó nữa, mà chỉ nên nói đến việc xuất bản văn tập mà thôi - đặt làm những văn tập: thế thì chẳng khác gì một tạp chí thuộc loại thứ ba (tôi nói thế). Bli - đơ - nê - txơ liền tuyên bố: vậy thì có thể chỉ đặt in một quyển sách *đã có sẵn* thôi. Tôi hỏi: cuốn nào? Người vợ trả lời với một thái độ vô lễ: tại sao ông lại muốn biết điều đó? Nếu ông đồng ý về nguyên tắc, thì lúc bấy giờ chúng tôi sẽ quyết định, bằng không, ông không cần biết đến điều đó. Khi tôi hỏi về những điều kiện ấn loát, bli - đơ - nê -txơ liền nói: nhà xuất bản NN và chỉ có thể thôi, không cần phải ghi tên tổ chức của ông vào; ngoài Verlag²⁾ ra, không nên có gì dính dáng đến tổ chức của ông cả. Tôi cũng đã chống lại điều đó, đòi phải ghi tên tổ chức của chúng tôi vào. Ác-xên-i-ép phản đối tôi, thế là cuộc trao đổi ngừng lại ở đó.

Cuối cùng, chúng tôi thỏa thuận với nhau là nên hoãn vấn đề này lại để quyết định sau; Ác-xên-i-ép và Vê-li-ca còn chất vấn bli - đơ - nê - txơ, đòi *anh ta* giải thích thêm và đã tranh luận với nhau, còn tôi thì chủ yếu chỉ ngồi lặng thinh, tôi chỉ cười (bli - đơ - nê - txơ nhìn thấy rất rõ là tôi cười), và cuộc trao đổi chấm dứt nhanh chóng.

*In lần đầu vào năm 1924 trong
Văn tập Lê-nin, t. I*

Theo đúng bản thảo

1) — sáng tỏ đáng cảm ơn

2) — nhà xuất bản

VỀ BẢN DỰ THẢO HIỆP ĐỊNH VỚI XTƠ-RU-VÊ¹⁴¹

Các đại biểu của nhóm dân chủ - xã hội "Bình minh" - "Tia lửa" và của nhóm dân chủ đối lập "Tự do" đã nhất trí với nhau về các điểm sau đây:

1) Nhóm "Bình minh" sẽ xuất bản, kèm theo tạp chí của mình cũng mang cùng tên "Bình minh", một phụ trương đặc biệt, lấy tên là "Bình luận thời đại", nhóm "Tự do" tham gia vào việc biên tập phụ trương này.

2) Công việc biên tập sẽ tiến hành trên cơ sở như sau: mỗi bên có quyền veto¹⁾ đối với các tài liệu và bài báo của bên kia.

3) Chương trình xuất bản: a) các tài liệu và các văn kiện có liên quan đến hoạt động của chính phủ²⁾, đến các cơ quan thuộc chính phủ, có tính chất xã hội và có tính chất đảng cấp, v.v..

b) các bài báo về những vấn đề sinh hoạt xã hội trong nước Nga, về chính sách đối nội và đối ngoại của chính phủ.

c) các bài bình luận tình hình trong nước.

4) Hai bên cam kết quan tâm đến việc cung cấp tài liệu cho tờ "Bình luận thời đại". Nhưng ban biên tập tờ "Bình minh" có thể in trong các xuất bản phẩm riêng của mình, tài liệu của riêng mình, về những đề tài đã chỉ rõ trong §3 trong các trường hợp, khi các tài liệu này phù hợp hơn với

1) — phủ quyết, cấm

2) Những chỗ in bằng chữ nhỏ, thì do chính tay A. N. Pô-tơ-rê-xốp viết.

tính chất của các xuất bản phẩm này của tờ "Bình minh".

5) Nhóm "Bình minh" sẽ quan tâm đến việc xuất bản, việc chuyển đi và phổ biến tờ "Bình luận thời đại". Về phía mình, nhóm X sẽ thanh toán tất cả tiền chi phí này.

6) Trong trường hợp phải chấm dứt công việc định làm thì hai bên sẽ chia đều số bản hiện có của tờ "Bình luận thời đại".

Chú thích. Ban biên tập tờ "Bình minh" có quyền in trên bìa của tờ "Bình luận thời đại", những lời quảng cáo về các xuất bản phẩm của tờ "Bình minh".

*Viết xong vào tháng Giêng, trước
ngày 17 (30) 1901*

In lần đầu, theo đúng bản thảo

VIỆC 183 SINH VIÊN BỊ CƯỖNG BỨC ĐI LÍNH*

Ngày 11 tháng Giêng, các báo đã đăng một bản thông cáo của chính phủ do Bộ giáo dục quốc dân đưa ra về việc 183 sinh viên ở trường đại học tổng hợp Ki-ép bị cưỡng bức đi lính vì đã "đồng mưu phá rối trật tự". Quy chế tạm thời ngày 29 tháng Bảy 1899 - một mối đe dọa đối với sinh viên và xã hội - đã được thi hành sau khi ban bố chưa đầy mười tám tháng, và chính phủ hình như phải vội vàng biện bạch cho việc áp dụng một biện pháp đàn áp chưa từng thấy đó, bằng cách đưa ra cả một bản cáo trạng trong đó người ta không tiếc lời lẽ tô vẽ để mô tả những tội trạng của sinh viên.

Những tội trạng đó, tội nào cũng ghê gớm hơn tội trước. Mùa hè vừa qua, ở Ô-đét-xa, sinh viên đã họp đại hội toàn quốc, đại hội này dự định tổ chức tất cả sinh viên Nga để phát động những sự phản đối, dưới mọi hình thức, nhằm chống lại nhiều sự kiện trong sinh hoạt nhà trường, sinh hoạt xã hội và chính trị. Vì những mục đích chính trị tội lỗi ấy mà các đại biểu sinh viên bị bắt, giấy tờ của họ bị tịch thu. Nhưng sự sôi sục đã không dịu đi mà lại còn tăng thêm nữa; nó cứ luôn luôn bộc lộ ra trong *nhieuu* trường cao đẳng. Các sinh viên đều muốn được thảo luận và quản lý một cách tự do và độc lập những công việc chung của mình. Nhưng nhà cầm quyền, vì mang nặng thứ chủ nghĩa hình

* Khi có thông cáo của chính phủ thì số báo đã lên khuôn rồi.

thức cứng đờ, đặc điểm muôn thuở của chế độ quan liêu Nga, cho nên đã đối phó lại bằng những hành động moi móc nhỏ nhen, đã đẩy sự bất bình lên đến cao độ, đã vô tình đưa tư tưởng của lớp thanh niên chưa bị sa lầy trong vũng bùn của cái ao tù tư sản, đi đến chỗ phản đối lại toàn bộ chế độ độc tài cảnh sát và quan liêu.

Sinh viên ở Ki-ép đòi phải thải một tên giáo sư đến thay thế cho một giáo sư vừa mới bị đổi đi. Nhà cầm quyền không chịu thỏa mãn yêu cầu ấy, đẩy thanh niên đến chỗ phải "tụ họp nhau lại và biểu tình", rồi... cuối cùng nhà cầm quyền lại nhượng bộ. Anh em sinh viên triệu tập một cuộc họp để xét xem làm sao lại có thể xảy ra những sự việc bỉ ổi như việc hai "sinh viên mặc áo kép lót màu trắng"¹⁾ đã hãm hiếp một nữ thanh niên (theo một tin đồn như thế). Nhà cầm quyền tống giam "các thủ phạm" chính vào ngục kín. Họ không chịu phục tùng. Người ta đuổi họ ra khỏi trường đại học. Quân chúng tuần hành thị uy tiễn họ ra ga. Một cuộc hội họp mới được tổ chức, các sinh viên ở lại tại chỗ cho đến chiều tối và nhất định không chịu giải tán nếu hiệu trưởng không đến. Viên phó tỉnh trưởng và chỉ huy cảnh binh đem một phân đội binh lính đến bao vây nhà trường và xông vào giảng đường, - rồi mời hiệu trưởng đến. Chắc các bạn nghĩ rằng có lẽ sinh viên đòi hỏi phải có một hiến pháp chăng? không phải đâu, họ chỉ yêu cầu bỏ hình phạt giam vào ngục kín và để những người bị đuổi được đi học trở lại mà thôi. Người ta ghi tên những sinh viên có mặt tại đó và giải tán họ về nhà.

Xin hãy suy nghĩ một tí về tình trạng quá ư chênh lệch giữa những yêu sách nhỏ bé và vô hại của sinh viên với sự hoảng hốt của chính phủ, khiến chính phủ hành động y như thể những nền móng của sự cai trị của nó đã bị người ta

1) — tên gọi các sinh viên quý tộc, vì họ mặc áo kép lót bằng lụa trắng

kê dao vào rồi. Không có cái gì làm bộc lộ rõ ràng sự yếu đuối của chính phủ Nga "tối hùng mạnh" bằng cơn hoảng hốt đó. Hơn tất cả "những lời kêu gọi tội lỗi"; cơn hoảng hốt ấy chứng tỏ - cho những ai có mắt để thấy, có tai để nghe - rằng chính phủ Nga đã cảm thấy hoàn toàn bị lung lay, và chỉ còn tin cậy ở sức mạnh của lưỡi lê và của dùi cui để tự vệ trước sự phẫn nộ của nhân dân mà thôi. Hàng chục năm kinh nghiệm đã làm cho chính phủ tin một cách chắc chắn rằng chung quanh nó là những chất dễ bốc cháy, và chỉ cần một tia lửa nhỏ, một sự phản đối cái hình phạt giam ngục kín, là đủ gây ra một đám cháy. Nếu quả là như thế, thì rõ ràng là phải trấn áp để làm gương: phải cưỡng bức hàng trăm sinh viên đi lính! "Và chánh quản sẽ đóng vai Vôn-te!"¹⁴² - câu nói này chưa hề có chút gì lỗi thời cả. Ngược hẳn lại, nó sẽ được thực hiện thật sự trong thế kỷ XX.

Biện pháp trừng phạt mới này, - mới vì nó mưu toan làm sống lại một quá khứ đã qua từ lâu rồi - làm cho người ta phải suy nghĩ và so sánh nhiều. Cách đây chừng ba thế hệ, vào thời kỳ Ni-cô-lai I, việc cưỡng bức đi lính là một hình phạt tự nhiên, hoàn toàn thích hợp với toàn bộ chế độ xã hội nông nô của nước Nga hồi bấy giờ. Để xóa bỏ chế độ miễn quân dịch đối với bọn quý tộc, người ta đưa đám thanh niên quý tộc đi lính để bắt buộc họ phải phục vụ và đoạt lấy một chức sĩ quan trong quân đội. Người nông dân bị đưa vào quân đội là cốt để bị đày đọa nhiều năm trong chốn lao tù, nơi mà anh sẽ phải chịu những thứ nhục hình vô nhân đạo như là nhục hình "con đường xanh"¹⁴³ và, những nhục hình khác tương tự như thế. Nhưng cách đây hơn một phần tư thế kỷ, chế độ quân dịch bắt buộc "đối với tất cả mọi người" đã được thiết lập ở nước Nga và việc áp dụng chế độ đó trong thời đại bấy giờ, đã được tán dương là một cuộc cải cách dân chủ vĩ đại. Hiển nhiên là chế độ quân dịch áp dụng cho tất cả mọi người - không

phải chỉ trên giấy tờ mà cả trong thực tế nữa - là một cái cách dân chủ, một cái cách đã cắt đứt với chế độ đẳng cấp và bảo đảm sự bình đẳng về quyền lợi giữa những người công dân. Nếu quả thật như thế, thì tại sao việc cưỡng bức đi lính lại có thể bị coi là một hình phạt? Và nếu chính phủ biến chế độ quân dịch thành một thứ hình phạt, thì há chẳng phải là do chính chỗ đó, chính phủ đã chứng tỏ rằng chế độ đó giống với chế độ bắt lính trước kia hơn là giống với chế độ quân dịch áp dụng *cho tất cả mọi người* hay sao? Quy chế tạm thời năm 1899 đã lột mặt nạ giả nhân giả nghĩa và bóc trần tính chất Á châu của ngay cả những thiết chế nào - ở nước ta - giống hơn hết với các thiết chế ở châu Âu. Về thực chất, chúng ta chưa hề có và hiện nay cũng vẫn chưa có chế độ quân dịch áp dụng cho tất cả mọi người, vì những sự ưu đãi về dòng dõi và về của cải đã tạo ra rất nhiều ngoại lệ. Về thực chất, chúng ta chưa hề có và hiện giờ cũng chưa có cái gì có thể gọi là quyền bình đẳng của công dân trong lĩnh vực phục vụ trong quân đội. Ngược lại, trong trại lính thì đây đây một tình trạng không có quyền đáng phần nọ nhất. Người lính xuất thân công nhân hay nông dân thì hoàn toàn không được che chở gì cả, nhân phẩm của họ bị chà đạp. Họ bị cướp đoạt, bị đánh đập, đánh đập liên miên. Nhưng những kẻ nào quen thuộc với người có thể lực và có tiền thì được hưởng những điều ưu đãi và được những ngoại lệ. Không có gì đáng ngạc nhiên khi thấy rằng người nào bị đưa vào cái thứ nhà trường chuyên chế và bạo lực đó thì có thể coi là bị một hình phạt, và thậm chí, một hình phạt rất nặng, gần như là bị tước hết mọi quyền. Chính phủ định dùng thứ nhà trường đó để dạy kỷ luật cho "những kẻ phiến loạn". Chính phủ chẳng phải đã tính nhầm hay sao? Cái trường quân dịch ở Nga há sẽ chẳng phải là trường quân sự của cách mạng hay sao? Đương nhiên là trong sinh viên, không phải ai cũng đủ sức lực để

theo được hết khóa ở trường đó. Một số sẽ ngã gục xuống vì không chịu nổi sự thử thách nặng nề hoặc sẽ bị hãm hại vì một cuộc xung đột nào đó với các giới cầm quyền quân sự; một số khác, gồm những người yếu đuối và nhu nhược, sẽ bị chế độ doanh trại làm cho khủng khiếp; nhưng chế độ doanh trại sẽ tôi luyện số người khác, mở rộng tầm mắt của họ ra, bắt buộc họ phải suy nghĩ thêm và nhận thức sâu sắc những nguyện vọng thiết tha của họ với tự do. Lúc đó, do kinh nghiệm bản thân, họ sẽ được nếm tất cả gánh nặng của ách chuyên chế và ách áp bức, khi mà toàn bộ nhân phẩm của họ sẽ phụ thuộc vào ý thích của một tên chánh quản hay cố ý tăng thêm gấp bội những sự hà khắc đối với một người "có học thức". Họ sẽ thấy hoàn cảnh thực tế của những người dân bình thường là thế nào, họ sẽ thông cảm sâu sắc về tất cả những sự lăng nhục và tất cả những hành động cường bạo mà người ta bắt họ phải chứng kiến hàng ngày, và họ sẽ hiểu rằng những điều bất công và những sự hà khắc mà anh em sinh viên phải chịu, chỉ là một giọt nước trong đại dương của ách áp bức đang đè nặng lên nhân dân mà thôi. Người nào hiểu được điều đó thì sau khi ra khỏi quân đội, sẽ thét lên lời thề An-ni-ban¹⁴⁴ nguyện sẽ cùng với giai cấp tiên tiến trong nhân dân, đấu tranh để giải phóng nhân dân khỏi ách chuyên chế.

Nhưng tính chất nhục nhã của hình phạt mới này cũng đáng phần nọ như tính chất tàn bạo của nó. Chính phủ đã thách thức tất cả những ai còn giữ được tinh thần tự trọng, coi những sinh viên chống lại chế độ chuyên chế chỉ là những kẻ phá rối trật tự, cũng như đã coi công nhân bãi công bị đày là những kẻ phẩm hạnh xấu. Các bạn hãy nhìn qua bản thông cáo của chính phủ; trong đó có đầy đủ những tiếng như: làm mất trật tự, ngang tàng, phá quấy, trâng tráo, không chịu phục tùng. Một mặt, người ta nói đến những mục đích chính trị tội lỗi và những ý đồ tổ chức các cuộc phản đối có tính chất chính trị; mặt khác,

người ta lại coi sinh viên đơn thuần là những người phá rối trật tự cần phải được giáo dục về mặt kỷ luật. Đó là một cái tát đánh vào dư luận xã hội nước Nga, dư luận mà chính phủ hoàn toàn biết rõ là có nhiều thiện cảm với sinh viên. Và về phần sinh viên thì chỉ có một cách trả lời thật xứng đáng là: thực hiện lời đe dọa của các bạn mình ở Ki-ép, tức là tổ chức một cuộc tổng bãi khóa, kiên cường và bền bỉ, trong anh em sinh viên, ở tất cả các trường cao đẳng, để đòi hủy bỏ quy chế tạm thời ngày 29 tháng Bảy 1899.

Nhưng không phải chỉ có sinh viên là cần phải trả lời lại chính phủ. Chính chính phủ đã tìm cách biến những việc đã xảy ra thành một cái gì quan trọng hơn rất nhiều, chứ không phải chỉ đơn thuần là một chuyện xảy ra trong phạm vi sinh viên thôi. Chính phủ tuyên bố với dư luận xã hội như là để khoe khoang về sự kiên quyết trấn áp của mình, như là để chế giễu tất cả những nguyện vọng tha thiết với tự do. Cho nên tất cả những phần tử giác ngộ trong tất cả các tầng lớp nhân dân đều có trách nhiệm phải trả lời lại hành động thách thức đó, nếu họ không muốn tự hạ mình xuống hàng những người nô lệ miệng cam như hến, âm thầm chịu đựng tất cả những điều sỉ nhục. Đứng đầu những phần tử giác ngộ đó là những công nhân tiên phong và các tổ chức dân chủ - xã hội gắn liền chặt chẽ với những công nhân đó. Giai cấp công nhân phải thường xuyên chịu sự áp bức và những sự lăng nhục vô cùng nặng nề hơn nhiều của cái chế độ chuyên chế cảnh sát ấy, chế độ mà sinh viên vừa mới cung đấu phải một cách hết sức dữ dội. Giai cấp công nhân đã dấy lên cuộc đấu tranh để tự giải phóng mình rồi. Và nó nên nhớ lấy rằng: cuộc đấu tranh vĩ đại ấy trao cho nó những trách nhiệm lớn lao; nó sẽ không tự giải phóng mình được, nếu nó không đồng thời giải phóng toàn thể nhân dân khỏi chế độ chuyên chế; nó có trách nhiệm, trước hết và trên hết, phải hưởng ứng và tìm đủ mọi cách

để ủng hộ mọi sự phản đối có tính chất chính trị. Những đại biểu ưu tú nhất trong các giới có học thức ở Nga đã chứng minh và chứng thực, bằng xương máu của hàng nghìn nhà cách mạng bị chính phủ sát hại, rằng họ có đủ khả năng và sẵn sàng giữ bó bụi bẩn của xã hội tư sản trên chân của họ để gia nhập hàng ngũ của những người xã hội chủ nghĩa. Và thật là không xứng đáng với danh hiệu người xã hội chủ nghĩa, nếu người công nhân nào đó lại có thể bàng quan đứng nhìn chính phủ đưa quân đội đến đàn áp giới thanh niên sinh viên. Sinh viên đã đến chi viện cho công nhân; vậy công nhân phải đi chi viện cho sinh viên. Chính phủ muốn lừa dối nhân dân, khi nó quả quyết rằng mưu toan tổ chức một cuộc phản kháng chính trị, chẳng qua cũng chỉ là phá quấy mà thôi. Công nhân cần phải công khai tuyên bố và giải thích cho đông đảo quần chúng biết rằng đó là một sự dối trá, rằng cái lò thực sự của bạo lực, của những hành động ngang ngược, của những sự lộng hành - chính là bản thân chính phủ chuyên chế của nước Nga, là chế độ chuyên chế cảnh sát và quan lại.

Còn muốn biết xem nên tổ chức sự phản kháng như thế nào thì điều đó là do các tổ chức dân chủ - xã hội địa phương và các tiểu tổ công nhân địa phương quyết định. Phân phát, rải và dán truyền đơn, triệu tập các cuộc họp mặt trong đó người ta sẽ cố gắng mời cho được đủ tất cả các giai cấp trong xã hội đến tham dự, đó là những hình thức phản kháng có thể dễ tham gia nhất. Nhưng ở nơi nào mà những tổ chức đều vững chắc và có cơ sở mạnh mẽ, thì có lẽ nên tìm cách tổ chức một cuộc phản kháng rộng rãi hơn, biểu thị một cách công khai hơn, dưới hình thức một cuộc biểu tình công khai. Cuộc biểu tình diễn ra ngày 1 tháng Chạp năm ngoái ở Khác-cốp trước trụ sở ban biên tập báo "Biên khu miền Nam" là một kiểu mẫu rất tốt của một cuộc phản kháng. Lúc đó người ta đang làm lễ kỷ niệm tờ báo đề tiện ấy, một tờ báo đã kích vào mọi nguyện vọng tha thiết với ánh sáng và tự

do, đồng thời tán dương tất cả những sự tàn bạo của chính phủ Nga. Số quần chúng tụ tập trước trụ sở ban biên tập đã ngang nhiên xé những số báo "Biên khu miền Nam", đem những số báo đó buộc vào đuôi ngựa, bọc vào thân chó; họ ném đá và đồ dơ bẩn vào cửa kính, đồng thời hô to: "đả đảo thứ báo chí viết thuê!". Đấy, cách làm lễ ăn mừng như thế là rất xứng đáng không những với các ban biên tập của những tờ báo viết thuê, mà cả với tất cả các cơ quan chính quyền của nước ta nữa. Dù cho các cơ quan ấy chỉ họa hoằn mới làm lễ kỷ niệm với sự ban ân huệ của nhà cầm quyền nhưng chúng vẫn luôn luôn đáng được nhân dân làm lễ kỷ niệm bằng cách trừng trị chúng. Mọi hành động chuyên chế hoặc bạo lực của chính phủ đều là một lý do chính đáng để tổ chức một cuộc biểu tình thuộc loại như thế. Mong rằng lời công bố công khai của chính phủ về việc đàn áp sinh viên sẽ được nhân dân công khai trả lời lại!

Viết xong vào tháng Giêng 1901

In vào tháng Hai 1901 trên báo "Tia lửa", số 2

Theo đúng bản in trên báo

BÌNH LUẬN THỜI SỰ¹⁴⁵

Viết xong vào cuối tháng Giêng - đầu tháng Hai 1901

In vào tháng Tư 1901 trên tạp chí "Bình minh", số 1

Ký tên: T. Kh.

Theo đúng bản in trên tạp chí

№ 1

Апрѣль
1901-го г.



Die
Morgenrothe
Heft 1
April 1901

ЗАРЯ

3

Соціаль-демократическій
научно-политическій журналъ.
Издается при ближайшемъ
участіи Г. В. Плеханова, В. И.
Засуличъ и П. Б. Аксельрода.

Цѣна 2 руб.

Stuttgart
J. H. W. Dietz Nachf. (G. m. b. H.)
1901

Bìa của tạp chí "Bình minh, số 1. — tháng Tư 1901

I. ĐÁNH, NHƯNG ĐỪNG ĐÁNH CHẾT

Ngày 23 tháng Giêng, ở Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt, một phiên đặc biệt của Tòa án Mát-xcơ-va, có đại biểu các đảng cấp tham gia, đã xét xử vụ án giết anh nông dân Ti-mô-phây Va-xi-li-ê-vích Vô-dơ-đu-khốp: anh này bị đưa về đồn "để làm cho tỉnh rượu", và bị bốn viên cảnh sát là Sê-lê-mê-chi-ép, Sun-pin, Si-bai-ép và Ôn-khô-vin, và viên đồn trưởng cảnh sát Pa-nốp, đánh đập tàn nhẫn tại trụ sở của đồn, đến nỗi ngày hôm sau, Vô-dơ-đu-khốp chết ngay tại bệnh viện.

Đó là câu chuyện rất đơn giản của vụ án đơn giản ấy, nó rời một luồng ánh sáng soi rõ những việc xảy ra hàng ngày và thường xuyên trong các cơ quan cảnh sát ở nước ta.

Cứ căn cứ vào những điều biết được qua các bài tường thuật hết sức ngắn ngủi của các báo, thì tất cả câu chuyện là như thế này. Ngày 20 tháng Tư, Vô-dơ-đu-khốp đi đến nhà viên tỉnh trưởng bằng xe ngựa hành khách. Viên giám thị của nhà tỉnh trưởng bước ra gặp anh ta, viên giám thị này đã khai trước tòa là lúc đó Vô-dơ-đu-khốp không đội mũ, anh có uống rượu nhưng chưa say, và anh khiếu nại rằng, tại một bến tàu nào đó, người ta không chịu bán vé cho anh đi (?). Viên giám thị ra lệnh cho viên cảnh sát thường trực Sê-lê-mê-chi-ép dẫn Vô-dơ-đu-khốp về đồn. Lúc đó, Vô-dơ-đu-khốp không có vẻ gì say rượu cả, vì anh đã nói chuyện một cách bình tĩnh với Sê-lê-mê-chi-ép và khi về đến đồn, anh đã khai rất rõ ràng tên họ và địa

vi xã hội của mình với quyền đồn trưởng cảnh sát là Pa-nốp. Tuy thế, Sê-lê-mê-chi-ép - chắc hẳn là được sự đồng ý của Pa-nốp, người vừa mới hỏi cung Vô-dơ-đư-khốp - vẫn "đẩy" anh nông dân ấy vào "*gian phòng của đội gác*" ở ngay cạnh phòng giam chứ không phải vào phòng giam trong đó đã có mấy người say rượu. Khi viên cảnh sát đẩy anh nông dân vào thì thanh gươm của hắn vướng phải cái móc cửa làm cho tay hắn bị đứt một tí, nhưng hắn lại tưởng rằng chính Vô-dơ-đư-khốp nắm chiếc gươm kéo lại, cho nên hắn nhảy xổ vào anh Vô-dơ-đư-khốp, đồng thời hô hoán lên rằng người ta đã làm hắn bị thương. Hắn đánh tới tấp vào mặt, vào ngực, vào sườn, đánh mạnh đến nỗi Vô-dơ-đư-khốp nhiều lần phải ngã lộn nhào, đầu đập xuống sàn nhà và xin tha. Theo lời khai của một người làm chứng (Xê-ma-khin) lúc đó đang bị giữ trong buồng giam, thì anh nông dân đã nói với viên cảnh sát: "Sao ông đánh tôi? tôi có tội gì đâu. Xin ông làm phúc tha cho tôi!" Cũng theo lời người làm chứng đó, thì bấy giờ Vô-dơ-đư-khốp không say rượu, mà chính là Sê-lê-mê-chi-ép mới thật say rượu. Hai người bạn của Sê-lê-mê-chi-ép là Sun-pin và Si-bai-ép, từ ngày lễ Phục sinh đến lúc đó (20 tháng Tư là thứ ba, ngày thứ ba của lễ Phục sinh) vẫn không ngớt uống rượu tại đồn cảnh sát, khi được biết rằng Sê-lê-mê-chi-ép đang "dạy" cho Vô-dơ-đư-khốp một "bài học" (từ ngữ này đã được ghi trong bản cáo trạng!) thì họ liền cùng với Ôn-khô-vin là người từ một đồn cảnh sát khác đến, xông vào gian phòng của đội gác, thụi anh Vô-dơ-đư-khốp túi bụi, quật ngã anh xuống đất rồi đập lên mình anh. Cả viên đồn trưởng cảnh sát là Pa-nốp cũng đến, hắn cầm một quyển sách đập vào đầu anh và tát anh lia lịa. Một phụ nữ bị giam đã nói như thế này: "Người ta đấm đá anh dữ quá, đánh tợn quá đến nỗi tôi cảm thấy lòng mình thất lại". Khi đã dạy xong "bài học", viên đồn trưởng cảnh sát liền ra lệnh một cách hết sức thản nhiên cho Si-bai-ép lau sạch những vết máu trên mặt của nạn nhân - dù sao làm

như thế cũng chu đáo hơn, vì nhờ ra cấp trên lại trông thấy! - và tống nạn nhân vào buồng giam. Vô-dơ-đư-khốp nói với những người bị giam khác như thế này: "Các anh ơi! Các anh đã thấy cảnh sát đánh tôi như thế nào rồi đấy chứ? Các anh hãy làm chứng giùm tôi, tôi sẽ đi kiện!". Nhưng anh ta đã không thể đi kiện được: sáng hôm sau, anh mê man bất tỉnh và được chở đến bệnh viện, và sau tám giờ hôn mê không có lúc nào hồi tỉnh, anh chết tại đây. Khi mổ tử thi để khám nghiệm, người ta thấy anh bị gãy mười xương sườn, toàn thân đều có vết tím bầm và chảy máu não.

Tòa đã xử phạt Sê-lê-mê-chi-ép, Sun-pin và Si-bai-ép 4 năm khổ sai, còn Ôn-khô-vin và Pa-nốp bị *một tháng tù*, vì cho rằng hai người này chỉ phạm tội "hành hung" thôi...

Trước hết chúng ta hãy phân tích lời kết án ấy đã. Những kẻ bị án khổ sai đã bị truy tố theo những điều 346 và 1490 (phần 2) của những Quy định về hình phạt. Điều 346 quy định rằng viên chức nào phạm tội đánh người thành thương tích hay thành tàn tật trong khi thừa hành nhiệm vụ thì sẽ phải chịu hình phạt nặng nhất "trong số những hình phạt đã ấn định cho tội đó". Và điều 1490 (phần 2) quy định rằng kẻ nào đánh chết người sẽ bị xử phạt từ 8 đến 10 năm khổ sai. Đáng lẽ phải áp dụng hình phạt *nặng nhất*, thì tòa án, mà thành phần gồm đại biểu các đẳng cấp và các thẩm phán của nhà vua, lại *giảm* hình phạt xuống *hai mức* (mức thứ 6, từ 8 đến 10 năm khổ sai; mức thứ 7, từ 4 đến 6 năm), đó là sự giảm án đến mức tối đa mà luật pháp cho phép áp dụng khi chiếu cố những hoàn cảnh giảm tội; thế mà tòa lại còn chọn hình phạt *thấp nhất* trong cái mức thấp ấy. Nói tóm lại, tòa đã làm tất cả những gì có thể làm và thậm chí còn làm quá phạm vi có thể nữa, để giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo, vì tòa đã bỏ qua điều khoản quy định "hình phạt nặng nhất". Cố nhiên là chúng tôi không hề có ý nói rằng muốn cho "thật hết sức công bằng" thì chính ra phải kết án mười năm khổ sai, chứ không phải bốn năm khổ

sai; điều quan trọng là người ta đã thừa nhận rằng những bị cáo đó đúng là đã phạm tội giết người và người ta đã kết án khổ sai đối với chúng. Nhưng người ta không thể không chỉ rõ một xu hướng rất đặc trưng của tòa án gồm các thẩm phán của nhà vua và đại biểu các đẳng cấp là khi xét xử các nhân viên cảnh sát thì họ sẵn sàng tỏ đủ mọi lượng khoan hồng; khi xét xử các hành động chống cảnh sát thì như mọi người đều biết, họ tỏ ra hết sức nghiêm khắc*.

Đối với viên đồn trưởng cảnh sát... thì, làm sao mà không khoan hồng cho hắn được! Hắn đã tiếp Vô-dơ-đu-khốp khi người ta dẫn anh đến cho hắn; rõ ràng là hắn đã ra lệnh tổng anh nông dân không phải vào phòng giam, mà trước hết tổng anh vào gian phòng của đội gác để dạy cho anh một

* Về vấn đề này, xin nêu ra đây một sự việc khác giúp chúng ta đánh giá được việc các tòa án của nước ta đã áp dụng những hình phạt nặng nhẹ như thế nào đối với tội phạm này hoặc tội phạm khác. Vài ngày sau khi xét xử bọn đã giết hại anh Vô-dơ-đu-khốp, Tòa án quân sự quân khu Mát-xcơ-va đã đem xử một người lính tại ngũ thuộc một lữ đoàn pháo binh đóng ở địa phương. Anh này, trong khi đứng gác trước nhà kho, đã vào đấy lấy trộm 50 cái quần và một số vật liệu dùng để đóng giày. Án phạt: 4 năm *khổ sai*. Sinh mệnh của một con người trong tay cảnh sát thật chỉ bằng 50 cái quần và một ít vật liệu dùng để đóng giày giao cho một người lính gác trông nom. Toàn bộ chế độ nhà nước cảnh sát ở Nga được phản ánh trong cái "phương trình" độc đáo ấy, cũng như mặt trời được phản ánh trong một giọt nước. Đem so với chính quyền thì cá nhân chẳng có nghĩa lý gì cả. Kỷ luật trong nội bộ chính quyền là tất cả... xin lỗi! là "tất cả" đối với riêng những kẻ thấp cổ bé miệng mà thôi. Người ăn cắp vật thì phải tù đầy, còn bọn đại bộm, tất cả bọn trộm sỏ, bộ trưởng, giám đốc ngân hàng, bọn chủ xây dựng đường sắt, kỹ sư, thầu khoán v. v., tức là bọn người đã vơ vét hàng vạn, hàng chục vạn tiền bạc của nhà nước, thì cũng chỉ bị trục xuất - mà đây cũng là trường hợp hiếm có nhất và nặng nhất - đến những tỉnh xa xôi, là nơi họ có thể sống phè phỡn với số tiền đã ăn cắp được (trường hợp bọn chủ ngân hàng ăn cắp bị đưa đến miền Tây Xi-bi-ri) và cũng là nơi rất dễ trốn thoát ra nước ngoài (trường hợp tên đại tá cảnh binh Mê-ran-vin đơ Xanh-Cơ-le).

bài học; hắn đã dùng cả nắm đấm lẫn một quyển sách (chắc hẳn là một bộ luật) để đánh anh; hắn đã ra lệnh xoá hết những vết của tội ác (lau sạch các vết máu); hắn đã báo cáo trong đêm 20 tháng Tư với viên cảnh sát trưởng của đồn ấy, là Mu-kha-nốp, khi tên này trở lại, rằng "trong đồn cảnh sát do hắn quản, không xảy ra việc gì cả" (đúng nguyên văn!) nhưng hắn không có liên can gì với bọn sát nhân cả, mà chỉ phạm tội xúc phạm thân thể, chỉ phạm tội hành hung người, một tội chỉ có thể bị bắt giam thôi. Hoàn toàn tự nhiên là ngài Pa-nốp đó, chàng công tử hoàn toàn vô tội đó, vẫn tiếp tục làm việc trong ngành cảnh sát và hiện nay được giữ chức đội trưởng cảnh sát ở nông thôn. Ngài Pa-nốp chỉ có chuyến từ thành thị về nông thôn hoạt động chỉ huy hữu ích của mình, trong việc "dạy" cho nhân dân "những bài học". Các bạn đọc, các bạn hãy hết sức thành thực cho tôi biết liệu viên đội trưởng Pa-nốp có thể hiểu bản án của tòa theo một ý nghĩa nào khác hơn là một lời khuyên hắn ta từ nay về sau nên che giấu chu đáo hơn nữa những dấu vết của tội ác, nên "dạy những bài học" như thế nào để đừng để lại dấu vết gì cả. Anh đã cho lau sạch máu trên mặt của nạn nhân sắp chết, như thế là rất tốt, nhưng anh đã để cho Vô-dơ-đu-khốp chết đi: anh bạn tốt của tôi ơi, như thế là khờ dại; từ nay, anh nên thận trọng hơn và nên khắc sâu vào trí nhớ cái phương châm duy nhất này của viên cai ngục Nga là: "đánh, nhưng đừng đánh chết!".

Đứng về phương diện con người mà nói, bản án của tòa đối với Pa-nốp chỉ là sự chế nhạo công lý mà thôi; nó biểu lộ rằng người ta đã cố ý, với một thái độ thực sự nô lệ, trút tất cả tội lỗi lên đầu những cảnh sát cấp dưới và gỡ tội cho viên chỉ huy trực tiếp của họ, dù rằng phải có sự đồng ý, tán thành và tham gia của viên chỉ huy này, thì mới có cuộc hành hạ dã man đó. Đứng về phương diện pháp lý mà nói, thì bản án ấy là một kiểu mẫu về cái lối nguy hiểm mà chỉ có những thẩm phán do nhà nước bổ nhiệm

và cùng một giuộc với bản thân viên đồn trưởng cảnh sát mới có thể đạt đến thôi. Các nhà ngoại giao nói: sở dĩ người ta có cái lưỡi, chính là để nguy trang tư tưởng của mình. Các nhà luật học của chúng ta cũng có thể nói: luật pháp đặt ra là để bóp méo khái niệm về tội lỗi và về trách nhiệm. Thật vậy, cần phải có một nghệ thuật điêu luyện biết bao về xử kiện để biến tội tòng phạm nhục hình thành tội hành hung thông thường! Người công nhân nào mà, vào buổi sáng 20 tháng Tư, có thể là đã đánh bay cái mũ của Vô-dơ-đu-khốp, thì cũng phạm cùng một khinh tội – nhẹ hơn thế nữa: không phạm khinh tội mà là một “tội vi cảnh” – như Pa-nốp. Ngay như chỉ tham gia vào một cuộc ẩu đả thôi (chứ chưa phải tham gia vào việc tra tấn một người không có phương tiện tự vệ), nhưng nếu để xảy ra chết người thì phạm nhân cũng phải chịu một hình phạt nặng hơn hình phạt áp dụng đối với tên đồn trưởng cảnh sát. Bọn quan toà lăm mánh khoe, trước hết đã lợi dụng cái tình trạng là đối với những tội đánh đập người khác trong khi thừa hành nhiệm vụ, luật pháp ấn định một số hình phạt và để cho thẩm phán tùy theo hoàn cảnh mà phạt tù từ 2 tháng hoặc là xử đầy đi Xi-bi-ri. Không trói buộc các viên thẩm phán vào những quy định quá rõ ràng, để cho họ được tự do trong một phạm vi nào đó, dĩ nhiên đó là một nguyên tắc rất hợp lý, và các vị giáo sư về môn hình luật của chúng ta đã nhiều lần ca ngợi chế độ lập pháp của nước Nga về điểm ấy, nhấn mạnh tính chất tự do chủ nghĩa của chế độ lập pháp đó. Nhưng khi làm như thế, họ đã quên mất một chi tiết: muốn có những quyết định hợp lý thì cần phải có những viên thẩm phán không bị hạn chế trong địa vị viên chức thông thường, cần phải có những người đại biểu cho xã hội tham gia xử án và những người đại biểu cho dư luận xã hội tham gia thảo luận công việc. Và, mặt khác, trong vụ án trên đây, viên phó chủ công lý lại giúp toà bằng cách *miễn tố* Pa-nốp (và Ôn-khô-vin) về tội đánh đập và hành hạ người

một cách dã man và đề nghị chỉ phạt chúng về tội hành hung mà thôi. Về phần mình, viên phó chủ công lý đã căn cứ vào kết luận của các viên giám định cho rằng những đòn do Pa-nốp đánh đều không có gì là nặng lắm, và cũng ít thôi. Như các bạn đã thấy, lối nguy biện của toà án không được tinh vi cho lắm: vì Pa-nốp đánh ít hơn những tên khác, nên người ta *có thể* nói rằng những đòn do hắn đánh không có gì là nặng *lắm*; và nếu những đòn đó không có gì là nặng lắm, thì người ta *có thể* kết luận rằng đó không phải là những hành động “tra tấn và hành hạ dã man”; mà nếu không phải là những hành động “tra tấn và hành hạ dã man”, thì đó chỉ là tội hành hung mà thôi. Mọi việc được thu xếp ổn thỏa làm cho ai nấy đều hài lòng, và ngài Pa-nốp vẫn cứ đứng trong đội ngũ những người gìn giữ trật tự và bảo vệ thuần phong mỹ tục...

* Đáng lẽ phải bóc trần ra trước công lý và xã hội những vụ xấu xa với tất cả tính chất nghiêm trọng của nó thì ở nước ta người ta lại thích lấp liếm các vụ án và thích giải quyết các vụ án đó bằng những thông tri và mệnh lệnh đầy rẫy những lời lẽ rất kêu, nhưng rỗng tuếch. Ví dụ, viên giám đốc Sở cảnh sát ở Ô-ri-ôn, trong những ngày gần đây, đã công bố một lệnh xác nhận lại những quy định trước kia và yêu cầu cảnh sát trưởng phải đích thân hoặc thông qua những viên trợ lý của mình mà truyền đạt một cách nghiêm chỉnh cho các cảnh sát cấp dưới biết lệnh cấm họ không được có những thái độ thô lỗ hoặc hung bạo khi bắt những người say rượu trên đường phố công cộng và dẫn về đồn để làm cho những người này tỉnh rượu; cần phải giải thích cho cảnh sát cấp dưới biết rằng nhiệm vụ của cảnh sát là phải bảo vệ những người say rượu, những người này, nếu cứ bỏ mặc họ, hiển nhiên là họ không thể nào tránh khỏi được nguy hiểm: vì vậy các viên cảnh sát là những người được pháp luật giao cho trách nhiệm trực tiếp phải bảo vệ và bảo hộ dân cư, nên khi bắt và dẫn về đồn một người say rượu, chẳng những họ phải tránh mọi cách đối xử thô lỗ và vô nhân đạo đối với người đó, mà ngược lại, họ phải dùng tất cả những biện pháp thuộc phạm vi quyền hạn của mình để bảo vệ những người mà họ dẫn về đồn, cho đến khi những người đó tỉnh rượu. Lệnh đó báo cho những viên cảnh sát cấp dưới biết rằng chỉ có hoàn thành

Chúng ta vừa mới đề cập đến vấn đề sự tham gia của các đại biểu xã hội vào việc xét xử và vai trò của dư luận xã hội. Vụ án trên đây đã minh họa vấn đề đó một cách hết sức rõ. Và trước hết: tại sao người ta lại đem vụ án đó ra xét xử tại toà án gồm các thẩm phán của nhà vua và đại biểu các đẳng cấp, chứ không xét xử tại toà án hội thẩm? Bởi vì chính phủ của A-lếch-xan-đơ III, trong cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại tất cả và mọi nguyện vọng của xã hội đối với tự do và độc lập, đã thừa nhận một cách rất nhanh chóng rằng toà án hội thẩm là một toà án nguy hiểm. Báo chí phản động đã đặt cho nó cái tên là “toà án của đám đông” và đã mở một chiến dịch kịch liệt chống lại toà án đó, chiến dịch ấy, - nhân tiện cũng xin nói thêm, - vẫn còn tiếp diễn đến ngày nay. Chính phủ đã thông qua một cương lĩnh phản động: sau khi phá tan phong trào cách mạng những năm 70, chính phủ đã tuyên bố trắng trợn với các đại biểu của xã hội rằng nó coi họ là “đám đông”, là đám dân đen, không những không được nhúng tay vào việc lập pháp, mà còn không được nhúng tay vào việc quản lý nhà nước, và cần phải trục xuất ra khỏi điện thánh, nơi mà dân cư nước Nga bị xét xử và trừng trị theo phương pháp của các ngài Pa-nốp. Năm 1887, một đạo luật đã được ban hành quy định rằng các vụ án về trọng tội do công chức phạm phải, hay về trọng tội chống lại công chức đều không thuộc thẩm quyền

chức vụ của mình một cách có ý thức và đúng luật pháp như thế thì mới chắc chắn được dân cư tín nhiệm và kính trọng, còn tất cả những hành động lạm quyền và đánh đập dã man đối với người say rượu cũng như việc hành hung họ không đúng với nghĩa vụ của một nhân viên cảnh sát có trách nhiệm phải nêu gương tốt về tính chính trực và tác phong tốt, đều nhất định sẽ bị luật pháp nghiêm khắc trừng trị thẳng tay và truy tố trước toà. Đây là đề tài biếm họa rất hay cho một tạp chí trào phúng: viên đồn trưởng cảnh sát được miễn tố về tội sát nhân lại đứng đọc tờ lệnh bảo hấn phải nêu gương tốt về tính chính trực và tác phong tốt!

của toà án hội thẩm và phải giao về cho toà án gồm các thẩm phán của nhà vua và các đại biểu đẳng cấp. Như mọi người đều biết những đại biểu đẳng cấp này, bị nhập vào các đoàn thẩm phán nhà nước, chỉ ra ngồi giữa toà cho có mặt, không nói năng gì cả và đóng vai trò đáng buồn của những kẻ làm chứng xác nhận tất cả những quyết định mà các quan toà của Bộ tư pháp muốn. Đó là một trong những đạo luật nối tiếp nhau dài dằng dặc trong suốt thời kỳ phản động hiện đại của lịch sử nước Nga, những đạo luật chỉ xuất phát từ mối quan tâm duy nhất là: khôi phục một “chính quyền mạnh”. Do tình thế bất buộc, nên trong nửa cuối thế kỷ XIX, chính quyền buộc lòng phải tiếp xúc với “đám đông”, nhưng thành phần của đám đông đó đã thay đổi một cách hết sức nhanh chóng: đám dân tăm tối đã không còn nữa, thay vào đấy là những công dân bắt đầu hiểu rõ quyền của mình và thậm chí có thể cung cấp được những chiến sĩ tiên phong đấu tranh đòi những quyền đó. Chính quyền đã cảm thấy điều ấy, cho nên nó kinh hoàng nhảy lùi lại, và hiện nay nó đang điên cuồng đem hết sức ra để quây chung quanh mình một bức Vạn lý trường thành, để núp trong một pháo đài mà bất cứ phong trào nào do quần chúng khởi xướng cũng đều không thâm nhập vào được... Nhưng tôi đã đi hơi lạc đề rồi.

Vì vậy, do một đạo luật phản động, mà đám đông đã bị loại ra khỏi những toà án xét xử những người đại biểu của chính quyền. Các viên chức lại do các viên chức xét xử. Điều đó đã biểu hiện không những trong bản án, mà còn trong toàn bộ tính chất của cuộc điều tra sơ bộ và của cuộc dự thẩm của toà án nữa. Cái làm cho sự xét xử của đám đông có giá trị là ở chỗ nó thổi một luồng sinh khí vào cái tinh thần hình thức chủ nghĩa và quan liêu đó mà các cơ quan chính quyền ở Nga đã tiêm nhiễm phải một cách sâu sắc. Đám đông không phải chỉ chú ý - đến việc khép hành động mà nó đang xét xử vào tội hành hung, đánh người có thương tích, tra

tấn, đến mức hình phạt và loại hình phạt áp dụng cho hành động đó; mà nó chủ yếu chú trọng vào việc bóc trần đến tận gốc và soi rõ một cách công khai tất cả những nguồn gốc chính trị và xã hội cũng như mức độ nghiêm trọng của một tội phạm, để rút ra từ bản án những bài học về đạo đức xã hội và về chính trị thực tiễn. Đám đông muốn rằng toà án không phải là một “cơ quan hành chính” trong đó đám quan lại cứ đem áp dụng vào trường hợp cá biệt này hoặc trường hợp cá biệt khác những điều khoản tương ứng của những Quy định về hình phạt, mà phải là một cơ quan công khai có nhiệm vụ vạch trần những ung nhọt của chế độ hiện nay và cung cấp tài liệu để phê phán, và do đó mà sửa chế độ đó. Do sự thúc đẩy của thực tiễn đời sống xã hội và của những tiến bộ về mặt ý thức chính trị, đám đông cuối cùng do nhạy cảm đã tìm thấy cái chân lý mà pháp luật chính thức – giảng đường của nước Nga đã đạt đến một cách hết sức khó nhọc và rụt rè, sau khi phải vượt qua những trở ngại do tính chất kinh viện của pháp luật đó gây ra, chân lý đó là: muốn đấu tranh để xoá bỏ tội ác thì điều muôn ngàn lần quan trọng hơn, không phải là đem áp dụng hình phạt này hay hình phạt khác, mà là thay đổi các thiết chế xã hội và chính trị. Chính vì thế mà các nhà chính luận phản động và chính phủ phản động căm ghét – và lại, không thể không căm ghét – toà án của đám đông. Chính vì thế mà toàn bộ lịch sử nước Nga sau cải cách, đã được đánh dấu một cách quán triệt bằng một loạt những việc thu hẹp thẩm quyền của toà án hội thẩm và hạn chế tính chất công khai của các cuộc xét xử, và khi đạo luật năm 1864, - tức là đạo luật quy định việc cải cách “lĩnh vực tư pháp” của nước Nga, - bắt đầu được thi hành, thì *ngay ngày hôm sau* tính chất phản động của thời kỳ “sau cải cách” đã biểu hiện ra*. Chính trong

* Trong khi bút chiến trên báo chí hợp pháp để chống lại bọn phản động thì những người thuộc phái tự do, vốn tán thành toà án hội thẩm,

vụ án kể trên, người ta thấy rất rõ là cần phải có “toà án của đám đông”. Trong quá trình xét xử, thử hỏi ai là người có thể chú ý đến mặt xã hội của vụ án nói trên, và cố gắng làm nổi bật mặt xã hội đó lên? Viên chương lý chẳng? Một quan lại có quan hệ rất chặt chẽ với cảnh sát, cùng với cảnh sát chịu trách nhiệm về việc giam giữ những người bị giam và về cách đối xử với họ, hay thậm chí – trong một số trường hợp – viên cảnh sát trưởng chẳng? Chúng ta đã thấy viên phó chương lý thậm chí đã miễn tố Pa-nốp về tội tra tấn người khác. Bên nguyên đơn – nếu vợ nạn nhân đến làm chứng tại toà cho Vô-dơ-đu-khốp, mà đứng nguyên đơn kiện về mặt dân sự bọn sát nhân – chẳng? Nhưng một người phụ nữ tầm thường ở nông thôn thì làm sao biết được là có thể kiện về mặt dân sự trong một vụ án hình sự? Và ngay như nếu chị ta biết được như thế, thì liệu chị ta có đủ điều kiện để thuê trạng sư không? Và đặt giả thiết có đủ điều kiện để thuê, thì liệu có một trạng sư nào có thể và muốn làm cho công chúng chú ý đến thực trạng do vụ giết người nói trên đã bóc trần ra không? Và cuối cùng, nếu có một trạng sư như thế, thì liệu “các đại biểu” của xã hội, như những đại biểu các đảng cấp, có đủ khả năng làm cho ông ta giữ vững được “nhiệt tình công dân” của ông ta không? Các bạn hãy nhìn viên trưởng thôn – tôi có ý muốn nói đến một toà án ở địa phương – anh ta hết sức xấu hổ vì bộ quần áo nhà quê của mình, không biết nhét đôi bốt nhoáng

thường hay cương quyết phủ nhận ý nghĩa chính trị của toà án đó, và cố gắng chứng minh rằng hoàn toàn không phải vì những lý do chính trị mà họ đòi cho các đại biểu của xã hội được tham gia toà án. Sở dĩ như thế, chắc hẳn một phần là do tình trạng dốt nát về chính trị thường thấy chính ở các nhà luật học, mặc dù họ đã chuyên môn nghiên cứu các khoa học “nhà nước”. Nhưng nguyên nhân của tình trạng đó chủ yếu là do cần phải diễn đạt tư tưởng của mình theo lối nói của Ê-dốp, do không thể nào công khai tuyên bố rằng mình có thiện cảm với hiến pháp.

mỡ và đôi bàn tay cục mịch của mình vào đầu, lấm lét nhìn cụ lớn chánh án đang ngồi cùng bàn với mình. Các bạn hãy nhìn viên thị trưởng, một lái buôn bụng phệ, nghệt thở trong một bộ y phục mà ông ta không quen mặc, cổ đeo dây chuyền, cố gắng bắt chước người ngồi bên cạnh mình là một đại biểu quý tộc, một lãnh chúa mặc sắc phục quý tộc, có vẻ thanh lịch tế nhị, có những dáng điệu quý phái. Và bên cạnh những người ấy là những viên thẩm phán đã trải qua một thời gian lâu dài và tẻ ngắt trong nghề quan lại, những viên thơ lại thực sự đã nai lưng phun sự đến bạc đầu, có ý thức rất sâu sắc về ý nghĩa quan trọng của nhiệm vụ được giao phó cho họ là xét xử những đại biểu của chính quyền, những người mà toà án của đám đông không xứng đáng để xét xử. Một cảnh tượng như thế mà không làm cho viên trạng sư hùng biện nhất cũng hết muốn trở tài, há không nhắc cho ông ta nhớ đến câu ngạn ngữ cổ: “đừng gậy đàn vào...”, hay sao?

Kết quả là vụ án được giải quyết một cách hết sức nhanh chóng, như thể người ta muốn thanh toán nó đi càng sớm càng tốt*, như thể người ta sợ không dám bôi tung tất cả cái mớ rác rưởi bẩn thỉu đó ra: người ta có thể sống bên cạnh một cái nhà xí, quen dần với nó, không còn chú ý gì đến nó nữa, thích ứng với nó, nhưng đến lúc bắt đầu quét rửa nó, thì mùi hôi thối bốc lên nhất định sẽ làm cho tất cả những người không những ở trong gian nhà đó, mà cả những người ở các nhà bên cạnh cũng nhất định cảm thấy mùi thối.

Sau đây, là rất nhiều những câu hỏi đã được đặt ra một cách hoàn toàn tự nhiên, nhưng không hề có ai chịu khó làm

* Còn việc gấp rút đưa vụ án ra xử, thì không hề ai nghĩ đến chút nào. Dù những tình tiết trong vụ án đơn giản và hết sức rõ ràng, nhưng mãi đến 23 tháng Giêng 1901, vụ án 20 tháng Tư 1899 mới được đem ra xử. Đó mới là một lối xét xử *nhanh chóng*, chí công và nhân đạo!

cho sáng tỏ. Vô-dơ-đu-khốp đến nhà viên tỉnh trưởng để làm gì? Bản cáo trạng – văn bản này tiêu biểu cho ý chí của viên công tố muốn làm sáng tỏ toàn bộ tội phạm - đã không giải đáp câu hỏi đó mà lại lẩn tránh bằng cách nói rằng Vô-dơ-đu-khốp “bị viên cảnh sát Sê-lê-mê-chi-ép bắt giữ trong lúc đang say rượu tại sân nhà viên tỉnh trưởng”. Điều đó lại còn làm cho người ta tưởng lầm rằng Vô-dơ-đu-khốp đã phá rối trật tự, và phá rối ở đâu? tại sân nhà tỉnh trưởng! Nhưng thực ra thì Vô-dơ-đu-khốp *đã đến nhà tỉnh trưởng bằng xe ngựa hành khách để đệ đơn kiện*: đó là một sự thật đã được xác nhận. Anh ta muốn kiện về việc gì? Pti-txun, giám thị nhà tỉnh trưởng nói rằng Vô-dơ-đu-khốp đến thưa về việc người ta không chịu bán vé cho anh ở một bến cảng nào đó (?). Người làm chứng Mu-kha-nốp, hồi đó là cảnh sát trưởng tại đồn nơi đã xảy ra việc đánh đập Vô-dơ-đu-khốp (và hiện nay là giám ngục nhà lao tỉnh Vla-di-mia) khai là có nghe vợ của Vô-dơ-đu-khốp thú nhận rằng lúc bấy giờ cả hai vợ chồng Vô-dơ-đu-khốp đều có uống rượu, rằng người ta *đã đánh đập họ tại Ni-giơ-ni Nốp-gô-rôt, vừa ở bộ phận cảnh sát đường sông, vừa ở đồn cảnh sát khu phố Rơ-giơ-đe-xtơ-ven-xki, rằng chồng chị muốn đến thưa với viên tỉnh trưởng chính về việc đó*. Mặc dù lời khai của những người làm chứng đó có mâu thuẫn rõ rệt với nhau, nhưng toà án vẫn tuyệt nhiên không tìm cách nào để làm sáng tỏ sự việc. Ngược lại, và bất cứ ai cũng hoàn toàn có quyền kết luận rằng toà án *không muốn* làm sáng tỏ sự việc. Vợ của Vô-dơ-đu-khốp có đến làm chứng tại phiên toà, nhưng không ai có ý hỏi chị ấy xem thực tế người ta có đánh đập cả hai vợ chồng chị tại mấy đồn cảnh sát ở Ni-giơ-ni không? xem hai vợ chồng chị bị bắt trong trường hợp nào? bị đánh đập trong những gian nhà nào? bị ai đánh? xem thực sự chồng chị có ý muốn đến thưa với viên tỉnh trưởng hay không? anh ấy có nói cho người nào biết ý định của mình không? Người làm chứng Pti-txun, một viên chức tại văn phòng của

tỉnh trưởng, có lẽ rất ít muốn nghe Vô-dơ-đu-khốp khiếu nại về cảnh sát – anh này tuy không say rượu, nhưng người ta cũng cứ đưa anh ta đi già rượu! – và lại sai một cảnh sát *say rượu*, là Sê-lê-mê-chi-ép, giải người đi thưa đó về đồn cảnh sát để làm cho người đó già rượu, ấy thế mà người ta cũng không đem phúc cung lại cái người làm chứng đáng chú ý đó. Người ta cũng không hỏi người đánh xe Crai-nốp, người đã đưa Vô-dơ-đu-khốp đến nhà tỉnh trưởng và sau đó đã đưa anh này đến đồn cảnh sát, xem Vô-dơ-đu-khốp có nói vì lý do gì mà anh ta đến nhà tỉnh trưởng không? xem anh ta đã nói đúng ra là những gì với Pti-txun? xem ngoài ra còn có người nào nghe được câu chuyện anh ta và Pti-txun đã nói với nhau? Toà án chỉ đọc lên một bản khai ngăn ngừa của Crai-nốp, là người làm chứng vắng mặt (bản khai đó chứng thực rằng Vô-dơ-đu-khốp không say rượu, mà chỉ uống chút ít thôi), và viên phó chương lý thậm chí cũng không nghĩ tới việc đòi người làm chứng quan trọng ấy đến khai. Nếu người ta biết rằng Vô-dơ-đu-khốp là một hạ sĩ quan dự bị, tức là một người đã từng trải, có hiểu biết chút ít về pháp luật và quy tắc, rằng ngay khi bị đánh đến gần chết, anh ta vẫn còn nói với bạn bè rằng: “tôi sẽ đi kiện”, thì điều quá ư rõ ràng là Vô-dơ-đu-khốp đã đến nhà tỉnh trưởng chính là để đệ đơn kiện cảnh sát; nhân chứng Pti-txun đã khai man để gỡ tội cho cảnh sát, và những quan toà đầy tớ và viên chương lý đầy tớ không muốn vạch trần câu chuyện phiền toái này.

Chúng ta hãy bàn tiếp. Tại sao người ta đánh đập anh Vô-dơ-đu-khốp? Bản cáo trạng lại còn trình bày sự việc khéo *đến nỗi* người ta khó mà tìm được cách nào hơn để bênh vực... cho những bị cáo. “Nguyên nhân gây ra vụ đánh đập đó” dường như là do vết thương ở tay mà Sê-lê-mê-chi-ép đã tự gây ra cho mình trong khi đẩy Vô-dơ-đu-khốp vào gian phòng của đội gác. Nhưng tại sao người ta lại đẩy Vô-dơ-đu-khốp, người đã ôn tồn nói chuyện với

Sê-lê-mê-chi-ép và Pa-nốp (hãy cứ cho rằng *đấy* anh ta như thế là tuyệt đối cần thiết đi!), trước tiên là vào gian phòng của đội gác, chứ không phải vào buồng giam? Người ta đưa anh ta đến đấy để anh ta tỉnh rượu – lúc bấy giờ đã có mấy người say rượu trong buồng giam – nhưng về sau mới đưa sang buồng giam; thế thì tại sao Sê-lê-mê-chi-ép sau khi “giới thiệu” anh ta với Pa-nốp, lại đẩy anh ta vào *gian phòng của đội gác*? Chính là và hoàn toàn hiển nhiên là để đánh đập anh. Trong buồng giam thì có người, còn trong gian phòng của đội gác sẽ có một mình Vô-dơ-đu-khốp thôi, và Sê-lê-mê-chi-ép sẽ được sự giúp đỡ của bạn bè và của ngài Pa-nốp, người mà lúc đó được giao cho “phụ trách” đồn cảnh sát thứ nhất. Vì vậy, việc đánh đập này không phải là ngẫu nhiên, mà rõ rệt là đã được trù tính kỹ càng từ trước. Chỉ có thể đặt hai giả thiết như thế này: hoặc là tất cả những người bị đưa đến đồn cảnh sát để già rượu (dù rằng họ tỏ ra hoàn toàn có lễ độ và bình tĩnh) đều trước tiên phải bị đưa vào gian phòng của đội gác để nhận lấy một “bài học”, hoặc là người ta đưa Vô-dơ-đu-khốp đến đó để đánh đập, *chính vì anh đã đến nhà tỉnh trưởng để kiện cảnh sát*. Những bài tường thuật trong các báo đều quá ngắn đến nỗi khó mà dứt khoát tán thành giả thiết thứ hai (giả thiết này hoàn toàn không phải là viển vông) nhưng cuộc điều tra sơ bộ và cuộc điều tra dự thẩm, dĩ nhiên là có thể làm cho hoàn toàn sáng tỏ điểm ấy. Hiển nhiên là toà án không hề chú ý chút nào đến vấn đề đó. Tôi nói: “hiển nhiên”, vì ở đây thái độ thờ ơ của các quan toà không phải chỉ biểu hiện thứ chủ nghĩa hình thức quan liêu, mà còn biểu hiện cả cách nhìn quá thô thiển của người Nga nữa: “Có việc gì lạ đâu! Tại đồn cảnh sát, người ta đã đánh chết một anh mu-gích say rượu! Ở ta, còn có những cái khác nữa!” Và người ta sẽ kể cho bạn nghe hàng chục vụ đáng phẫn nộ hơn thế nữa, nhưng cũng vẫn không bị trừng phạt. Những nhận xét đó của họ là rất đúng, nhưng dù sao thì

họ cũng hoàn toàn sai và chỉ tỏ ra thiếu cận đến cực độ mà thôi. Vì sao mà những vụ lạm quyền muôn nghìn lần đáng phẫn nộ hơn nữa của cảnh sát lại có thể diễn ra được, phải chăng đó là vì hành động lạm quyền đó là việc hàng ngày và thông thường của bất cứ đồn cảnh sát nào ở nước ta? Vì sao mà sự phẫn nộ của chúng ta lại bất lực đối với những trường hợp đặc biệt, phải chăng đó là vì chúng ta đã bàng quan trước những vụ “thông thường”? phải chăng đó là vì chúng ta vẫn cứ khư khư giữ một thái độ bàng quan, ngay cả khi một việc làm thông thường và hàng ngày, như việc đánh đập một anh “mu-gích” say rượu (có vẻ là say rượu), đã gây ra sự phản ứng của anh mu-gích đó (mà người ta tưởng anh ta đã quen chịu như thế), anh mu-gích đã bị thiệt mạng vì dám cả gan cung kính đệ đơn thưa lên tỉnh trưởng?

Còn có một lý do khác khiến người ta không thể bỏ qua vụ án này, vụ án bình thường nhất. Từ lâu rồi, người ta bảo rằng tác dụng ngăn ngừa của hình phạt hoàn toàn không phải ở chỗ là hình phạt đó phải nặng, mà ở chỗ là đã phạm tội thì không thoát khỏi bị trừng phạt. Điều quan trọng không phải ở chỗ là tội phạm phải bị trừng phạt nặng, mà ở chỗ là *không một* tội phạm nào không bị phát hiện ra. Cả về mặt này nữa, vụ án trên đây cũng không phải là không đáng được quan tâm đến. Người ta có thể nói một cách không quá đáng rằng ngày nào, giờ nào, cảnh sát của đế quốc Nga cũng phạm tội đánh đập người một cách phi pháp và dã man*. Những vụ đánh đập này chỉ bị đưa ra toà trong những

* Tôi vừa viết xong những dòng trên đây, thì các báo lại xác nhận một lần nữa rằng lời khẳng định này là đúng. Tại đầu bên kia của nước Nga, ở Ô-đét-xa, - một thành phố được coi ngang như thủ đô - viên thẩm phán toà án hoà giải đã tha tội cho ông M. Clin-cốp nào đó, ông này bị cáo (theo biên bản của đồn trưởng cảnh sát phố tên là Xa-đu-cốp) là đã gây mất trật tự ở đồn cảnh sát, nơi ông bị giải đến sau khi bị bắt. Trước toà, bị cáo và bốn người làm chứng của ông đã khai

trường hợp tuyệt đối đặc biệt và vô cùng hiếm có. Không có gì đáng ngạc nhiên cả vì kẻ phạm tội lại chính là cảnh sát, là tổ chức mà ở nước Nga người ta giao cho trách nhiệm phát hiện các tội phạm. Nhưng điều ấy bắt buộc chúng ta càng phải chú ý đầy đủ hơn nữa, - dù là chưa quen chú ý như thế - đến những trường hợp mà toà án buộc lòng phải vén một góc tấm màn đã từng che giấu các sự việc thường xảy ra đó.

Các bạn hãy xem, chẳng hạn, cảnh sát đánh đập người ta như thế nào. Cả lũ năm, sáu đứa cùng đánh một lúc, hung tợn như thú dữ, nhiều đứa đã say khướt, tất cả đều có gươm. Nhưng không tên nào dùng gươm chém nạn nhân cả. Chúng là những kẻ có kinh nghiệm và biết rất rõ nên đánh như thế nào. Một nhát gươm là một bằng chứng nhưng nếu đánh thui tối tấp, thì đó bạn chúng thực được rằng đó

như sau: Xa-đu-cốp đã bắt ông M. Clin-cốp và giải về đồn cảnh sát, vì ông này say rượu. Khi ông đã tỉnh rượu rồi, ông đòi phải thả ông ra. Một cảnh sát trả lời bằng cách thộp lấy cổ ông rồi cứ thế mà đánh, sau đó có ba viên cảnh sát khác đến, và cả bốn cảnh sát này cùng đem ông ra hành tội, đánh ông vào mặt, vào đầu, vào ngực, vào mạng sườn. Dưới những cơn mưa đòn đó, Clin-cốp ngã lăn xuống đất, mình mẩy đầm đìa máu: người ta cứ để ông nằm như thế mà đánh, và còn đánh tới tấp hơn nữa. Theo lời khai của Clin-cốp và những người làm chứng của ông, thì chính Xa-đu-cốp đã cầm đầu cuộc đánh đập đó, chính hắn xui giục ba tên kia. Clin-cốp ngất đi. Khi tỉnh lại thì ông được thả ra. Ngay khi đó, ông liền tìm đến một người thầy thuốc, vị này cấp cho ông một giấy chứng nhận. Viên thẩm phán toà án hoà giải khuyên Clin-cốp nên đến chương lý mà kiện Xa-đu-cốp và những tên cảnh sát kia. Clin-cốp đáp rằng ông đã làm như thế và đã tìm được hai mươi người làm chứng đã nhìn thấy việc người ta đánh đập ông.

Không cần phải là nhà tiên tri cũng đoán trước được rằng đơn kiện của ông M. Clin-cốp sẽ không thể nào làm cho bọn cảnh sát đó bị đưa ra toà và bị kết án về tội đánh đập người được. Chúng có đánh người đến chết đầu, và nếu vạn nhất chúng có bị kết án đi nữa, thì đó cũng chỉ là một án phạt không đáng kể mà thôi.

là do cảnh sát đánh. “Bị đánh trong một cuộc ẩu đả, trước khi bị bắt đã bị đánh rồi”, và như thế là tất cả mọi chuyện được giấu kỹ. Ngay trong trường hợp chúng ta đang nói đây nữa, do ngẫu nhiên mà trận đòn đã làm chết người (“làm sao mà hấn lại có thể chết được! Một tay lực lưỡng như hấn, thì ai ngờ được là hấn sẽ chết?”), thì bên công tố, căn cứ vào lời khai của các người làm chứng, cũng buộc phải chứng minh rằng “trước khi bị đưa về đồn, Vô-dơ-đu-khốp vẫn còn là một người hoàn toàn khỏe mạnh”. Chắc hẳn rằng lúc cố ý chối cãi là không đánh đập Vô-dơ-đu-khốp, thì bọn sát nhân đã cam đoan là trước khi bị bắt, anh ta đã bị đánh rồi. Và tìm cho ra những người làm chứng trong trường hợp này là một việc khó khăn không thể tưởng tượng được. May sao lại có một cái cửa sổ nhỏ bịt không được thật kín, cửa sổ từ buồng giam trông sang gian phòng của đội gác: kính ở cửa sổ đã được thay thế cẩn thận bằng một tấm sắt tây thủng mất mấy lỗ, mà ở phía phòng của đội gác người ta đã dùng một miếng da để bịt lại, nhưng nếu thọc ngón tay vào thì vẫn có thể nâng miếng da ấy lên và từ buồng giam có thể nhìn thấy tất cả những sự việc xảy ra bên gian phòng của đội gác. Chỉ nhờ có như thế người ta mới có thể diễn lại được trước toà toàn bộ tấn trò “bài học” đó. Nhưng hiện tượng luộm thuộm đó – một cái cửa sổ bịt không được thật kín – dĩ nhiên là chỉ có thể có trong thế kỷ vừa qua mà thôi; trong thế kỷ XX thì chắc chắn rằng cửa sổ buồng giam của đồn cảnh sát trong nội thành Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt phải được bịt kín như bưng... Và bây giờ đây, không còn ai làm chứng cho mình nữa, người nào bị quẳng vào gian phòng của đội gác thì cứ liệu thân!

Trên thế giới, không có nước nào lại có nhiều đạo luật bằng nước Nga. Ở Nga, bất cứ việc gì cũng đều có luật pháp quy định. Thậm chí, ở đấy còn có một quy chế đặc biệt về chế độ giam người, trong đó người ta giải thích tỉ

mỉ rằng chỉ có giam người trong những gian nhà đặc biệt đặt dưới một sự canh gác đặc biệt thì mới là hợp pháp thôi. Như các bạn thấy đấy, luật pháp đã được tôn trọng: tại đồn cảnh sát đã có một “phòng giam” đặc biệt. Nhưng, *trước khi* giam vào đấy, theo “lệ thường”, người ta hãy “đẩy” người vào “gian phòng của đội gác” đã. Và mặc dầu tất cả những tình tiết của vụ án đã để lộ ra rõ rệt vai trò của gian phòng của đội gác, về mặt nó là một cái buồng thực sự dùng để tra tấn, nhưng toà án cũng không thêm chú ý đến điểm đó. Thật vậy, đời nào các viên chức lý lại đi phát giác ra những hành động xấu xa của chế độ chuyên chế cảnh sát ở Nga và lại đấu tranh chống lại chế độ đó!

Chúng ta đã nói đến vấn đề những người làm chứng trong những vụ như thế. Trường hợp tốt nhất mà có được người làm chứng thì những người làm chứng đó chỉ có thể là những kẻ đang nằm trong tay cảnh sát mà thôi; còn người ngoài thì chỉ trong những trường hợp hết sức đặc biệt mới có dịp chứng kiến được “những bài học” do cảnh sát tiến hành trong các đồn cảnh sát. Và cảnh sát lại dễ gây áp lực đối với những người làm chứng nằm trong tay mình. Đó là tình hình đã xảy ra trong trường hợp chúng ta đang xét. Nhân chứng Phrô-lốp – một người có mặt tại buồng giam khi xảy ra vụ án giết người này – lúc đầu đã khai trong cuộc điều tra sơ bộ rằng Vô-dơ-đu-khốp bị bọn cảnh sát và tên đồn trưởng cảnh sát đánh đập; sau đó, anh lại khai rằng đồn trưởng cảnh sát Pa-nốp không nhúng tay vào việc ấy; cuối cùng, khi ra trước toà, anh khai rằng không có người cảnh sát nào đánh Vô-dơ-đu-khốp cả, rằng Xê-ma-khin và Ba-ri-nốp (hai người bị giam khác và cũng là hai người làm chứng chủ yếu đứng về phía bên nguyên) đã xui anh đổ tội cho cảnh sát, rằng cảnh sát hoàn toàn không xui giục gì anh ta và cũng không có mớm trước cho anh lời khai nào cả. Hai người làm chứng là Pha-đê-ép

và An-tô-nô-va đã khai rằng trong gian phòng của đội gác không có ai đụng gì đến Vô-dơ-đu-khốp cả: tất cả đều ngồi yên, bình tĩnh và không hề có một sự to tiếng nào cả.

Như các bạn đã thấy, đây lại cũng là một sự việc thông thường nhất. Và một lần nữa, các nhà cầm cân công lý đã tiếp nhận nó với một thái độ thản nhiên theo thói thường của họ. Có một đạo luật trừng trị khá nặng tội làm chứng man trước toà. Nếu truy tố hai người làm chứng man đó thì sẽ có thể phát giác ra được nhiều hơn nữa những hành động ghê tởm của cảnh sát, hành động mà người nào rủi ro rơi vào nanh vuốt của cảnh sát (và sự rủi ro này xảy đến luôn luôn và thường xuyên cho hàng chục vạn dân “thường”) đều gần như hoàn toàn không có cách nào chống lại cả; nhưng toà án chỉ nghĩ đến việc áp dụng điều luật thứ bao nhiêu, chứ không nghĩ đến việc bổ khuyết cái tình trạng con người không được bảo vệ đó. Chi tiết đó của vụ án – và lại tất cả các chi tiết khác cũng đều như thế – đã vạch cho người ta thấy rõ rệt cái mạng lưới vô cùng rộng lớn và chắc chắn đó, ung nhọt kinh niên đó, mà người ta không thể nào thoát ra khỏi được nếu không đập tan chế độ chuyên chế vô hạn độ của cảnh sát và tình trạng nhân dân hoàn toàn không có chút quyền nào cả.

Cách đây độ ba mươi năm năm, nhà văn trứ danh Nga Ph. M. Rê-sét-ni-cốp đã gặp phải một trường hợp rủi ro. Ở Xanh Pê-téc-bua, ông đã đến nhà họp của quý tộc, tưởng lầm rằng người ta hoà nhạc ở đấy. Cảnh sát không cho ông vào và quát: “Mày định đi đâu đấy? mày là ai?” Ông Ph. M. Rê-sét-ni-cốp phát cáu lên và trả lời cộc lốc rằng: “Một người công nhân!”. Theo Glép U-xpen-xki kể lại thì câu trả lời đó đã làm cho Rê-sét-ni-cốp bị giam ở đồn một đêm, bị đánh đập và đến khi được thả ra thì mất cả tiền bạc và nhẫn. Trong lá đơn gửi cho giám đốc Sở cảnh sát Xanh

Pê-téc-bua, ông đã viết: “Tôi xin báo để quan lớn biết những sự việc đó. Tôi không đòi hỏi gì cả. Tôi chỉ mạo muội phiền quan lớn làm thế nào cho những cảnh sát trưởng, cảnh sát khu vực, những người làm việc dưới quyền họ và nhân viên cảnh sát của họ, *đừng đánh đập nhân dân...* Nhân dân vốn đã bị khốn khổ nhiều về đủ mọi đường rồi”¹⁴⁶.

Ước mong đơn giản mà từ lâu lắm rồi nhà văn Nga nói trên đã mạo muội đệ trình lên giám đốc Sở cảnh sát ở thủ đô, cho đến ngày nay vẫn chưa được thực hiện, và *không thể nào được thực hiện* dưới chế độ chính trị của nước ta. Nhưng, trong thời đại của chúng ta, người nào chân thật và thấy bất bình trước cảnh tượng những hành động dã man và tàn bạo, đều hướng về phía phong trào mới và hùng mạnh của nhân dân, một phong trào đang tập hợp lực lượng của mình lại để quét sạch tất cả những gì là dã man hung bạo khỏi đất nước Nga và để thực hiện những lý tưởng tốt đẹp nhất của nhân loại. Trong mấy chục năm gần đây, sự căm ghét cảnh sát đã dâng lên rất cao và đã ăn sâu vào lòng quần chúng bình dân. Sự phát triển của đời sống ở thành thị, những bước tiến của công nghiệp, việc phổ cập học thức, tất cả những điều đó đã gọi lên, ngay cả trong khối quần chúng tầm tối, ước vọng về một cuộc sống tươi đẹp hơn và đã làm cho họ có ý thức về nhân phẩm của mình, còn cảnh sát thì vẫn cứ chuyên chế và tàn bạo như trước. Ngoài tính tàn bạo ra, chúng lại còn có những phương pháp rình mò ngày càng tinh vi hơn và lại còn trấn áp một kẻ thù mới, kẻ thù ghê gớm nhất chưa từng thấy, tức là: tất cả những gì đem lại cho quần chúng nhân dân một tia sáng để nâng cao tinh thần giác ngộ về quyền lợi của mình và lòng tin tưởng vào lực lượng của mình. Được tinh thần giác ngộ và lòng tin tưởng đó hun đúc thêm, nên mối căm thù của nhân dân sẽ tìm ra được lối thoát của mình, nhưng không phải bằng một cuộc trả thù dã man, mà bằng cuộc đấu tranh cho tự do.

II. CẦN GÌ PHẢI ĐẨY NHANH SỰ ĐỔI THAY CỦA THỜI CUỘC?

Hội nghị quý tộc tỉnh Ô-ri-ôn đã thông qua một bản dự án rất có ý nghĩa, và cuộc tranh luận do bản dự án đó gây ra lại càng có ý nghĩa hơn nữa.

Sau đây là nội dung của sự việc. Vị đại biểu quý tộc ở tỉnh này, M. A. Xta-khô-vích, đã đề nghị trong bản báo cáo của mình là nên ký với Bộ tài chính một bản giao kèo để cho giới quý tộc ở Ô-ri-ôn được nhận làm nhân viên thu tiền. Việc áp dụng chế độ độc quyền về rượu bắt buộc phải lập ra trong tỉnh 40 chức vụ thu nhận tiền doanh thu của các cửa hàng bán lẻ rượu của nhà nước. Lương hàng năm của các nhân viên thu tiền đó là 2.180 rúp (900 rúp tiền lương, 600 rúp tiền chi phí đi đường và 680 tiền thuê một người canh gác). Đối với giới quý tộc, thì được trao những chức vụ như thế dĩ nhiên là tốt; và muốn thế thì cần phải thành lập một ác-ten và ký một bản giao kèo với ngân khố. Đáng lẽ phải nộp đủ số tiền ký quỹ bắt buộc (từ 3.000 đến 5.000 rúp), thì lúc đầu, người ta chỉ giữ lại hàng năm, của mỗi nhân viên thu tiền, là 300 rúp, nhằm tạo cho giới quý tộc có được một số vốn để làm tiền ký quỹ mà cơ quan quản lý rượu đòi hỏi.

Như các bạn đã thấy, bản dự án đó mang một tính chất thực tế không thể chối cãi được, và chúng tỏ rằng đẳng cấp cao nhất của nước Nga có cái biệt tài đánh hơi thấy những khả năng cho phép họ vơ lấy những phần béo bở của nhà nước. Nhưng chính cái tinh thần thực tế đó lại bị nhiều địa chủ quý tộc coi là một điều quá quắt, mất thể diện, không xứng danh vị quý tộc của chúng. Cuộc tranh luận đã diễn ra rất sôi nổi và cho ta thấy nổi bật đặc biệt rõ ba quan điểm về vấn đề nói trên.

Quan điểm thứ nhất là quan điểm thực dụng chủ nghĩa. Cần phải sống đã, giới quý tộc đang lúc túng thiếu... dù sao

đi nữa, đó cũng là một kế sinh nhai... và chẳng, người ta cũng không thể không giúp đỡ những quý tộc nghèo khó kia mà! Hơn nữa, nhân viên thu tiền có thể giúp vào việc chống nạn say rượu trong nhân dân kia mà! Quan điểm thứ hai là quan điểm của những người lãng mạn chủ nghĩa. Phục vụ trong nghề rượu là một chức vụ không hơn anh hàng rượu bao nhiêu cả, mà lại chịu dưới quyền chỉ huy của những anh ký rượu tầm thường, “phần đông là xuất thân từ các đẳng cấp dưới”!? – thế là người ta tuôn ra những bài diễn văn sôi nổi về sứ mệnh lớn lao của đẳng cấp quý tộc. Chúng tôi muốn bàn ngay đến chính những bài diễn văn đó, nhưng trước hết, chúng tôi nêu lên quan điểm thứ ba, quan điểm của những chính khách. Một mặt, người ta bắt buộc phải thừa nhận rằng đó là một điều đáng xấu hổ, nhưng mặt khác, cũng phải thú nhận là điều đó có lợi. Tuy nhiên, người ta có thể kiếm được một số vốn, đồng thời người ta vẫn giữ được tiếng là trinh bạch: giám đốc Sở thuế gián thu có thể bổ nhiệm các nhân viên mà thậm chí không cần đòi tiền ký quỹ, và số 40 người quý tộc đã được dự kiến đều có thể nhận việc, theo đơn xin của viên đại biểu quý tộc cấp tỉnh, mà không cần phải tổ chức ác-ten hay ký giao kèo gì cả, bằng không thì có thể xảy ra tình trạng là “bộ trưởng Bộ nội vụ sẽ huỷ bỏ quyết định để đảm bảo cho chế độ nhà nước chung được thi hành đúng đắn”. Ý kiến sáng suốt ấy lẽ ra đã thắng thế, nếu viên đại biểu quý tộc không tuyên bố hai điều rất quan trọng sau đây: một là, tuyên bố rằng bản giao kèo đã được đệ trình lên văn phòng bộ trưởng Bộ tài chính rồi và văn phòng này đã thừa nhận là có thể làm một bản giao kèo như thế và đã tán thành về nguyên tắc; hai là, tuyên bố rằng “chỉ có đơn xin của đại biểu quý tộc cấp tỉnh thì không thể được bổ nhiệm vào những chức vụ đó”. Thế là bản báo cáo được thông qua.

Tội nghiệp cho phái lãng mạn! Họ đã bị đánh bại. Mà họ đã nói hay biết bao.

“Từ trước tới nay, đảng cấp quý tộc bao giờ cũng chỉ cung cấp những người lãnh đạo thôi. Thế mà bản báo cáo lại đề nghị thành lập một thứ ác-ten gì gì đó. Điều ấy có xứng đáng với quá khứ, hiện tại và tương lai của đảng cấp quý tộc không? Theo đạo luật về nhân viên thu tiền, trong trường hợp người bán rượu hà lạm công quỹ thì chính anh quý tộc phải đứng ra bán rượu. Thà chết còn hơn phải đảm nhận một chức vụ như thế!”

Trời! Con người cao thượng đến thế là cùng! Thà chết còn hơn làm anh bán rượu! Bán lúa mì, đó là một việc làm cao thượng, nhất là trong những năm đói kém, những năm mà người ta có thể làm giàu trên lưng những người đói. Có một việc còn cao thượng hơn nữa là đem lúa mì ra để cho vay nặng lãi, đem lúa mì cho nông dân bị đói vay trong mùa đông để rồi đến mùa hè bắt họ phải trả lại bằng công lao động và đánh giá công lao động đó thấp hơn giá công bình thường đến ba lần. Ở miền Trung vùng đất đen, trong đó có tỉnh Ô-ri-ôn, bọn địa chủ Nga đã luôn luôn tích cực thực hiện và hiện nay vẫn còn thực hiện lối cho vay nặng lãi cực kỳ cao thượng đó. Và để phân biệt rõ lối cho vay nặng lãi cao thượng với lối cho vay nặng lãi không cao thượng thì đương nhiên phải kêu hét sức to lên rằng quý tộc mà đi làm anh hàng rượu là không xứng đáng tỳ nào cả.

“Cần phải bảo vệ một cách nghiêm ngặt sứ mệnh của chúng ta, sứ mệnh đã được trình bày trong bản tuyên ngôn nổi tiếng của đức hoàng đế, là: phục vụ nhân dân một cách vô tư. Một việc làm vụ lợi không thể dung hợp được với sứ mệnh đó”... “Một đảng cấp mà trong quá khứ đã có những công trạng như chiến công của tổ tiên mình, và đã gánh vác những cuộc cải cách vĩ đại của hoàng đế A-lếch-xan-đơ II thì nhất định có cơ sở để làm tròn nghĩa vụ của mình đối với nhà nước cả trong tương lai”.

Phục vụ một cách vô tư, đúng thế thật! Việc ban thưởng các thái ấp, việc cấp những lãnh địa có đông dân cư, tức là việc ban thưởng hàng nghìn đê-xi-a-tin ruộng đất và hàng nghìn nông nô, việc tạo ra một giai cấp địa chủ chiếm hữu hàng trăm, hàng nghìn, hàng vạn đê-xi-a-tin ruộng đất và bóc lột hàng triệu nông dân khiến họ phải lâm vào cảnh khốn cùng thảm hại nhất, đó là những biểu hiện của tinh thần vô tư ấy. Nhưng điều đặc biệt cảm động, chính là câu nói về những cuộc cải cách “vĩ đại” của A-lếch-xan-đơ II. Ví dụ như việc giải phóng nông dân: đảng cấp quý tộc cao thượng của nước ta đã bóc lột đến tận xương tủy nông dân, với một tinh thần vô tư biết bao! Nó bắt nông dân phải chuộc lại ruộng đất của chính bản thân nông dân với giá tiền đất gấp ba lần giá thực tế; nó chiếm lấy ruộng của nông dân, dưới hình thức mọi thứ ruộng đất cát, nó đem những đất toàn cát, đất trũng và đất hoang của nó đổi lấy ruộng đất tốt của nông dân, ấy thế mà bây giờ đây nó vẫn còn dám trắng trợn khoe khoang về những chiến công đó!

“Nghề rượu không có một tí gì là yêu nước cả”... “Truyền thống của chúng ta không xây dựng trên những đồng rúp, mà trên cơ sở phục vụ nhà nước. Giới quý tộc không được biến thành một sở giao dịch”.

Nho còn xanh lắm¹⁾! Giới quý tộc “không được” biến thành sở giao dịch: vì rằng ở sở giao dịch phải có những món tư bản ketch xù, nhưng các ngài cựu chủ nô thì đã bị hoàn toàn phá sản rồi. Điều mà từ lâu đã thành một sự thật hãn hoi, chính là số đông quý tộc không phải đã biến thành sở giao dịch, mà là phải phục tùng sở giao dịch, phải lệ thuộc vào đồng rúp. Và trong khi chạy kiếm đồng rúp, “đảng cấp cao nhất”, từ lâu rồi, đã chuyên làm những công việc biểu lộ một tinh

1) Đây là câu nói của con cáo trong một câu chuyện ngụ ngôn. Nó thấy nho chín rất ngon, muốn ăn nhưng không lấy được. Cuối cùng nó tự an ủi: “Nho còn xanh lắm!”.

thần yêu nước cũng cao cả như việc sản xuất ra một loại rượu mạnh hạng bét, việc xây dựng nhà máy đường và những nhà máy khác, việc tham gia vào đủ loại xí nghiệp công thương giả mạo bất lương, việc ngồi hàng giờ tại phòng đợi của những cận thần triều đình, đại công tước, bộ trưởng, v.v., v.v. để xin xỏ chính phủ ban cho những tô nhượng hoặc những sự bảo đảm có lợi cho các xí nghiệp ấy, để xin xỏ những món bố thí dưới hình thức những đặc quyền dành cho ngân hàng quý tộc, những món tiền thưởng cho việc xuất khẩu đường, những mảnh đất nhỏ (độ vài ngàn đê-xi-a-tin!) ở vùng Ba-ski-ri-a hoặc ở những vùng khác, “những chức vụ bổng lộc cao” vừa béo bở vừa nhàn hạ, v.v..

“Luân lý của đẳng cấp quý tộc có mang con dấu của lịch sử, của địa vị xã hội của đẳng cấp ấy...” – và cả con dấu của chuồng ngựa nữa, nơi mà bọn quý tộc đã tập đánh đập, lăng nhục nông dân. Và lại, hàng trăm năm quen cầm quyền cũng đã tạo cho bọn quý tộc một ngón tinh xảo hơn, tức là: kỹ thuật che giấu lợi ích của chúng – lợi ích của kẻ đi bóc lột, - dưới những câu nói rất mỹ miều nhằm lừa bịp đám “dân thường” dốt nát. Xin các bạn hãy nghe tiếp:

“Cần gì phải đẩy nhanh sự đổi thay của thời cuộc? Dù đó là một thành kiến, nhưng những truyền thống cổ xưa không cho phép giúp đẩy nhanh sự đổi thay đó...”

Những lời nói đó của ông Na-rư-skin (một trong số những quân sư bèn vục cho quan điểm của nhà nước) phản ánh rất đúng một sự nhạy cảm giai cấp. Hiện nay mà nói, nếu sợ không dám làm nhân viên thu tiền (hoặc thậm chí làm anh chàng bán rượu) thì đó dĩ nhiên là một thành kiến, nhưng phải chăng là nhờ có những thành kiến của quần chúng nông dân dốt nát mà bọn địa chủ ở nông thôn Nga mới còn bóc lột được họ một cách hết sức vô liêm sỉ, đó sao? Những thành kiến vốn tự chúng cũng tiêu tan đi, thế thì tại sao lại thúc cho chúng tiêu tan nhanh chóng hơn nữa bằng cách công khai làm cho người quý tộc xích gần lại

với anh hàng rượu, bằng cách giúp người nông dân – thông qua việc so sánh ấy – hiểu rõ (vả lại anh này cũng đã bắt đầu hiểu rõ) cái chân lý giản đơn là một tên chúa đất quý tộc cũng cho vay cất cổ, cũng cướp bóc, chiếm đoạt như bất cứ tên phú hào nào khác ở nông thôn, chỉ khác một điều là tên chúa đất ấy có thể lực vô cùng to lớn hơn, vì hắn có nhiều đất, có những đặc quyền tích lũy lại từ bao nhiêu thế kỷ, có những mối liên hệ gần gũi với chính quyền nhà vua, vì hắn quen thói thống trị và có tài che giấu bản chất phản trắc thật sự của hắn bằng cả một thứ học thuyết về chủ nghĩa lãng mạn và về tấm lòng hào hiệp?

Vâng, ông Na-rư-skin quả thật là một quân sư sáng suốt, và những ý kiến thốt ra từ cửa miệng ông ta đều thể hiện sự sáng suốt của một chính khách. Tôi không lấy gì làm ngạc nhiên khi “vị thống soái” của đám quý tộc ở Ô-ri-ôn đáp lại ông ta với những lời lẽ rất nhã nhặn, không kém gì những lời của một nhà quý tộc Anh:

“Trả lời các vị có quyền thế đã phát biểu ý kiến ở đây, sẽ là một việc táo bạo đối với tôi, nếu tôi không biết chắc rằng khi phản đối ý kiến của các vị đó, tôi không hề phản đối những niềm tin của các vị đó”.

Nói như thế là đúng, và còn đúng theo một ý nghĩa rộng lớn vượt rất xa sức tưởng tượng của ông Xta-khô-vích là người đã vô tình nói lên một sự thật. Nói về niềm tin thì các ngài quý tộc ấy, từ những người có đầu óc thực tế đến những kẻ lãng mạn, tất cả đều có những niềm tin giống hệt nhau. Tất cả bọn họ đều tin tưởng vững chắc vào cái “quyền thiêng liêng” của họ là chiếm hữu hàng trăm, hàng nghìn đê-xi-a-tin ruộng đất do tổ tiên họ đã tước đoạt được hoặc do bọn kẻ cướp đã ban cho; tin vào cái quyền bóc lột nông dân và đóng vai trò của kẻ thống trị trong nhà nước; tin vào quyền vớ lấy những phần béo bở nhất (và lúc túng lắm thì cũng gắp những phần không béo bở) trong cái đĩa bánh của nhà nước, tức là tiền của nhân dân. Họ chỉ

bất đồng ý kiến với nhau về công dụng của biện pháp này hay biện pháp khác mà thôi, và khi họ xem xét những quan điểm bất đồng đó thì các cuộc tranh luận xảy ra giữa họ với nhau cũng đáng để cho giai cấp vô sản chú ý, không kém trường hợp các cuộc xung đột trong nội bộ bọn bóc lột. Những cuộc xung đột đó làm nổi bật lên rõ rệt sự khác nhau giữa lợi ích chung của toàn bộ giai cấp tư bản hoặc địa chủ với lợi ích của những cá nhân nào đó hoặc của những tập đoàn riêng biệt nào đó; trong những trường hợp như vậy, người ta thường để lộ ra những điều mà, nói chung, người ta giữ rất kín.

Hơn nữa, câu chuyện ở Ô-ri-ôn lại còn soi sáng một phần nào về tính chất của chế độ độc quyền nổi tiếng về rượu. Báo chí chính thức và nửa chính thức của nước Nga chờ mong ở chế độ đó biết bao điều tốt đẹp: nào là tăng thêm thu nhập cho nhà nước, nào là nâng cao phẩm chất của sản phẩm, nào là giảm bớt nạn say rượu! Thật ra thì thu nhập không tăng lên mà cho đến ngày nay chỉ thấy giá rượu tăng lên, ngân sách càng thêm phức tạp, kết quả về mặt tài chính của toàn bộ việc làm đó không thể nào xác định được một cách chính xác; phẩm chất của sản phẩm đã không được nâng cao mà lại còn giảm xuống, và e rằng chính phủ khó mà làm cho công chúng tin vào chính phủ bằng cách đưa ra những bản thông cáo như bản thông cáo, mà mới đây báo chí đã tuyên truyền rầm rộ, về những kết quả tốt của việc “thưởng thức loại rượu mạnh của nhà nước” vừa mới sản xuất ra. Nạn say rượu đã không giảm bớt mà số cửa hàng bán lậu rượu lại tăng lên, do đó số thu nhập do cảnh sát vớ được cũng tăng lên, các cửa hàng rượu mới cũng được mở thêm trái với nguyện vọng của nhân dân, vì nhân dân yêu cầu ngược hẳn lại, số trường hợp say rượu ở ngoài đường phố

* Chẳng hạn như vừa rồi các báo đăng tin rằng trong tỉnh Ác-khan-ghen-xơ, một số thôn xã, ngay từ năm 1899, đã thông qua những nghị quyết chống lại việc mở cửa hàng bán rượu ở các thôn đó. Bây giờ

tăng lên*. Và điều cơ bản là việc lập ra cái cơ quan quốc doanh thu hàng triệu rúp và cả một đạo quân công chức mới đó quả thật là một con đường hết sức thành thang đang mở ra cho những hành động độc đoán và chuyên chế, cho tinh thần bợ đỡ và những sự hà lạm công quỹ trong bộ máy quan lại! Đó là một cuộc xâm lăng thật sự của hàng bầy quan lại đông nghịt như những đàn châu chấu, chúng nịnh hót, bày mưu lập kế, cướp đoạt, tiêu phí hàng bao nhiêu bể mực, hàng bao nhiêu núi giấy. Bản dự án Ô-ri-ôn chỉ là một mưu toan dùng những hình thức hợp pháp để che đậy ý muốn vớ lấy những phần ít nhiều béo bở trong đĩa bánh của nhà nước, một ý muốn đã xâm nhập vào các tỉnh ở nước ta và nhất định sẽ làm cho tình trạng chuyên quyền và hà lạm lại tăng thêm nữa trên đất nước chúng ta – vì sự chuyên quyền của bọn quan lại và vì dư luận quần chúng bị bóp nghẹt không lên tiếng được. Đây là một ví dụ nhỏ: mùa thu vừa qua, người ta thấy các báo có đăng một bài ngắn nói đến “một câu chuyện hài hước về công

đây, chính phủ đem áp dụng ở đó chế độ độc quyền về rượu, thì *đương nhiên* là chính phủ phải trả lời bằng một sự khước từ: chắc là vì lo lắng đến việc làm cho nhân dân uống rượu một cách điều độ!

* Không cần kể đến số tiền mà chế độ độc quyền nhà nước làm thiệt hại cho các thôn xã nông dân. Trước đây, các thôn xã này được thu một số tiền thuế do chủ các cửa hàng rượu phải nộp. Quốc khố đã cướp mất nguồn thu nhập đó của các thôn xã nông dân, mà lại không trả cho họ một cò-péch nào cả! Trong tác phẩm rất đáng chú ý: “Das hungernde Rußland” (Reiseeindrücke, Beobachtungen und Untersuchungen. Von C. Lehmann und Parvus. Stuttgart. Dietz Verlag. 1900)¹⁾ của Pác-vu-xơ, ông Pác-vu-xơ nói rất đúng rằng đó là *sự cướp đoạt ngân quỹ của các công xã nông dân*. Ông nói rằng theo sự tính toán của Hội đồng địa phương tỉnh Xa-ma-ra, thì việc thực hiện chế độ độc quyền rượu đã làm cho tất cả các công xã nông dân trong tỉnh tổn thất đến 3 150 000 rúp trong ba năm (1895 – 1897)!

1) – C. Lê-man và Pác-vu-xơ. “Nước Nga đói kém” (Cảm tưởng, quan sát và điều tra khi đi đường. Stút-ga. Nhà xuất bản của Đi-txơ. 1900)

cuộc xây dựng trong lĩnh vực độc quyền rượu”. Người ta xây dựng tại Mát-xcơ-va ba kho rượu để cung cấp cho toàn tỉnh. Chính phủ đã cấp cho các công trình đó 1 637 000 rúp, song “người ta lại thấy cần thiết phải cấp thêm một số kinh phí là *hai triệu rưỡi nữa*”^{*}. Rõ ràng là bọn quan lại, được giao cho giữ của cải của nhà nước, đã ăn cắp được nhiều hơn một chút, chứ không phải chỉ 50 cái quần và một ít vật liệu dùng để đóng giày!

III. MỘT SỰ THỐNG KÊ KHÁCH QUAN

Chính phủ nước ta có thói quen hay buộc tội đối phương của mình là thiên kiến, và không phải chỉ buộc tội những người cách mạng như thế thôi, mà còn buộc tội phái tự do nữa. Các bạn có khi nào, chẳng hạn, đọc những lời các báo chí chính thức đánh giá những cơ quan báo chí của phái tự do (tất nhiên là cơ quan báo chí hợp pháp) chưa? Tờ “Truyền tin tài chính”¹⁴⁷, cơ quan của Bộ tài chính, một đôi khi có những mục điểm báo, và mỗi lần viên chức phụ trách mục này nêu lên điều nhận xét của một tờ tạp chí nào đấy trong số những tạp chí (lớn) của phái tự do ở nước ta, về ngân sách hay về nạn đói, hoặc về bất cứ một biện pháp nào đó của chính phủ, thì người ấy đều nhấn mạnh, với một giọng tức tối, “tính chất thiên kiến” của các tạp chí đó, và để đối lập lại tính chất đó thì anh ta cũng lại “khách quan” nêu ra không những “các mặt đen tối”, mà cả “các hiện tượng đáng mừng” nữa. Tất nhiên đấy chỉ là một ví dụ hết sức nhỏ, nhưng nó nói lên thái độ thường thấy của chính phủ, xu hướng thường

^{*} Do tác giả viết ngả. Xem “Tin tức Xanh Pê-téc-bua”, 1900, số 239, ngày 1 tháng Chín.

thấy ở chính phủ là thích phô trương “tính khách quan” của mình.

Ta hãy cố gắng làm vừa lòng mấy vị quan toà nghiêm khắc và vô tư ấy. Ta hãy thử dùng đến thống kê xem. Dĩ nhiên là ta sẽ không lấy những thống kê về những sự việc này hay sự việc khác xảy ra trong đời sống xã hội: ai cũng biết rằng các sự việc đều do những người có thiên kiến ghi chép lại và đều do các cơ quan đôi khi rõ ràng “mang tính thiên kiến” như các hội đồng địa phương chẳng hạn, tổng hợp lại. Không, chúng ta sẽ thống kê... về các đạo luật. Chúng ta dám tin rằng ngay kể hết sức có nhiệt tình ủng hộ chính phủ cũng sẽ không dám quả quyết rằng có một thống kê khác khách quan hơn, vô tư hơn là thống kê về các đạo luật, tức là một bản liệt kê đơn thuần về những điều do chính ngay chính phủ đã quyết định, mà hoàn toàn không phụ thuộc vào mọi suy nghĩ về sự khác nhau giữa lời nói và việc làm, về tình trạng quyết định một đảng thi hành một nẻo, v.v..

Vậy, ta hãy bắt tay vào việc.

Như mọi người đều biết, Toà thượng thẩm có xuất bản “Tập sắc lệnh và chỉ thị của chính phủ”, trong đó cứ từng định kỳ một, người ta lại cho đăng tất cả những điều quy định của chính phủ. Đó là những tài liệu mà chúng ta sẽ nghiên cứu để xem chính phủ ban hành đạo luật và quyết định về những vấn đề gì. Tôi xin nói rõ: về những vấn đề gì. Chúng tôi sẽ không mạn phép phê phán các mệnh lệnh của nhà cầm quyền, chúng tôi sẽ chỉ làm một con tính về “những mệnh lệnh” có liên quan đến lĩnh vực này hay lĩnh vực khác. Các báo ra trong tháng Giêng đã căn cứ vào xuất bản phẩm nói trên của chính phủ mà cho đăng lại nguyên vẹn nội dung của những số 2905 - 2929, xuất bản hồi năm ngoái và của những số từ 1 đến 66, xuất bản trong năm nay. Tổng cộng lại, có 91 sắc lệnh và chỉ thị, trong thời gian từ 29 tháng Chạp 1900 đến 12 tháng Giêng 1901, đúng vào

năm bản lề của hai thế kỷ. Do tính chất của chúng, 91 sắc lệnh đó là rất thuận tiện cho việc nghiên cứu “thống kê”: trong số 91 sắc lệnh đó không hề có một sắc lệnh nào đặc biệt quan trọng, không hề có một sắc lệnh nào đẩy lùi tất cả số còn lại xuống hàng thứ yếu và làm cho công việc nội trị của toàn nước Nga trong thời kỳ bấy giờ có một đặc điểm riêng nào cả. Tất cả những sắc lệnh đó đều là những quyết định tương đối vụn vặt, đáp ứng những nhu cầu thông thường hàng ngày. Như thế là ta xét chính phủ trong sự hoạt động hàng ngày của nó và điều đó bảo đảm cho chúng ta, một lần nữa, tính khách quan của “thống kê”.

Trong số 91 sắc lệnh đó, thì 34 sắc lệnh, tức hơn một phần ba, chỉ giải quyết một vấn đề duy nhất này mà thôi, tức là: kéo dài kỳ hạn trả tiền và mua cổ phần của nhiều công ty thương nghiệp và công nghiệp. Bạn đọc nào muốn nhớ lại bản kê các ngành sản xuất công nghiệp nước Nga và tên gọi của nhiều hãng buôn khác nhau thì nên đọc những văn bản đó. Nội dung loại sắc lệnh thứ hai cũng hoàn toàn tương tự như thế: đó là những điều sửa đổi bổ sung vào điều lệ của các công ty thương nghiệp và công nghiệp. Trong loại văn kiện này, có 15 sắc lệnh quy định việc sửa đổi điều lệ của công ty buôn chè thuộc anh em K. và X. Pô-pốp, của hãng A. Nau-man và công ty sản xuất bia và bia tẩm dầu than đá, của hãng I. A. Ô-xi-pốp và công ty sản xuất da và buôn bán các loại hàng da cùng các loại vải dệt bằng sợi gai và lanh, v.v., v.v.. Sau cùng, cũng trong các loại sắc lệnh ấy lại còn có 11 sắc lệnh nữa, mà 6 sắc lệnh là dùng để đáp ứng một số nhu cầu của thương nghiệp và công nghiệp (lập ra một ngân hàng xã hội và một tổ chức tín dụng tương hỗ, định giá cho những chứng khoán dùng làm bảo đảm khi thực hiện các giao kèo nhà nước, công bố quy chế về việc chuyển vận các toa tàu tư nhân trên đường sắt, quy định thể lệ cho những người môi giới của sở giao dịch lúa mì ở Bô-rít-xô-glép-xcơ phải tuân theo), còn 5

sắc lệnh khác thì quy định việc đặt tại bốn nhà máy và một hầm mỏ, sáu chức cảnh sát mới và hai chức hạ sĩ quan cảnh sát kỵ binh.

Như thế là, trong số 91 sắc lệnh, đã có đến 60, tức là hai phần ba, chuyên dùng để đáp ứng một cách hết sức trực tiếp nhất các nhu cầu thực tế của bọn tư bản nước ta và (một phần nào) để bảo vệ cho chúng tránh được những sự phẫn nộ của công nhân. Những con số nói lên một cách vô tư rằng chính phủ ta, xét về tính chất chủ yếu của các sắc lệnh và chỉ thị thông thường của nó, là tên đầy tớ trung thành của bọn tư bản, và đối với toàn bộ giai cấp tư bản thì nó đóng một vai trò giống hệt như vai trò của bất cứ một ban thường trực nào của đại hội các chủ xưởng ngành luyện kim hay vai trò của văn phòng của xanh-đi-ca các chủ nhà máy đường đối với bọn tư bản trong những ngành sản xuất riêng biệt. Nếu bất cứ một sự sửa đổi hết sức nhỏ nào trong điều lệ của một công ty hay việc kéo dài kỳ hạn trả tiền cổ phần của công ty ấy cũng đều được quy định bằng những sắc lệnh riêng, thì dĩ nhiên đó chỉ đơn thuần do bộ máy nhà nước Nga là một bộ máy nặng nề mà thôi; chỉ cần một “sự cải tiến” nhỏ “trong bộ máy” là việc giải quyết tất cả những điều đó sẽ thuộc phạm vi quyền hạn của các cơ quan địa phương. Nhưng mặt khác, tình trạng nặng nề của bộ máy, tình trạng quyền lực quá tập trung, việc chính phủ thấy cần phải nhúng tay vào tất cả mọi việc, những cái đó đều là những hiện tượng phổ biến bao trùm toàn bộ đời sống xã hội của nước Nga, chứ không phải chỉ đóng khung trong lĩnh vực thương nghiệp và công nghiệp mà thôi đâu. Cho nên con số so sánh giữa các sắc lệnh thuộc loại này hay loại khác rất có thể cho ta biết được một cách đại khái là chính phủ đang nghĩ đến vấn đề gì, đang lo lắng đến vấn đề gì, đang chú ý đến vấn đề gì.

Chẳng hạn, đối với những hội tư nhân nào mà không theo đuổi cái mục đích rất đáng kính về phương diện luân

lý và rất vô hại về phương diện chính trị, tức là mục đích kiếm lời, thì chính phủ rất ít quan tâm đến (trừ khi người ta không cho các ý định gây trở ngại, cấm đoán, đóng cửa, v.v, là biểu hiện của sự quan tâm). Trong thời kỳ được “phúc trình” nói trên, - tác giả những dòng này là một viên chức, vì vậy mong độc giả tha thứ cho việc tác giả đã dùng những danh từ của giới quan liêu, - người ta đã chuẩn y điều lệ của 2 hội (hội cứu tế học sinh túng thiếu học tại trường trung học nam ở Vla-đi-cáp-ca-dơ và hội du ngoạn và du lâm với mục đích học tập và giáo dục ở Vla-đi-cáp-ca-dơ) và đã chiếu cố cho phép 3 hội khác được sửa đổi điều lệ (các quỹ tiết kiệm – cho vay và cứu tế của viên chức và công nhân tại các nhà máy ở Lu-đi-nô-vô và ở Xu-cơ-rem và của viên chức và công nhân đường sắt Man-txép; hội đầu tiên của những chủ đồn điền trồng cây hoa bia; hội từ thiện nhằm khuyến khích lao động phụ nữ), 55 văn bản về những công ty thương nghiệp và công nghiệp và 5 văn bản về tất cả những công ty khác. Về mặt lợi ích thương nghiệp và công nghiệp, “chúng tôi” cố gắng đáp ứng nhiệm vụ được đặt ra, cố gắng làm tất cả những gì có thể làm được để cho các nhà thương nghiệp và các nhà công nghiệp kết hợp với nhau được dễ dàng (chúng tôi cố gắng, nhưng không làm được điều đó, vì tình trạng nặng nề của bộ máy và bệnh giầy tờ vô cùng trầm trọng đã thu lại rất hẹp “cái có thể thực hiện được” trong một nhà nước cảnh sát). Nhưng, đối với các tổ chức không có tính chất thương nghiệp, thì trên nguyên tắc, chúng tôi tán thành dùng phép lấy độc trị độc. Hội các chủ đồn điền trồng cây hoa bia hay hội khuyến khích lao động phụ nữ, thì còn được. Nhưng hội du ngoạn nhằm mục đích học tập và giáo dục thì... có Trời biết được người ta nói những gì trong các cuộc du ngoạn đó, và há chẳng vì thế mà công việc kiểm soát cẩn mật của Sở thanh tra học chính bị khó khăn thêm hay sao? Không được đâu, các vị thấy đấy chứ, xin thận trọng với lửa.

Còn về trường học thì người ta đã lập được những ba cái. Mà đó là những trường học như thế nào kia chứ! Một trường tiểu học cho những người chăn bò trong lãnh địa của cụ lớn đại công tước Pi-ốt Ni-cô-lai-ê-vích ở làng Hạnh-phúc. Làng mạc của các vị đại công tước thì tất cả đều phải là những làng hạnh phúc, - về điều đó, thì từ lâu rồi, tôi không có nghi ngờ gì cả. Nhưng hiện nay, tôi cũng không nghi ngờ gì nữa là ngay cả những nhân vật tai to mặt lớn nhất cũng có thể thành thực và hết lòng chú ý đến công cuộc giáo dục nông dân và say sưa với công cuộc ấy. Sau đó, người ta phê chuẩn điều lệ của xưởng thợ học nghề ở Đê-rơ-ga-tsi và trường nông nghiệp sơ cấp ở A-xa-nô-vô. Tiếc rằng chúng ta không có sẵn trong tay một cuốn sách chỉ dẫn nào có thể cho ta biết các làng mạc hạnh-phúc này có phải cũng là của những nhân vật tai to mặt lớn nào đó hay không, mà ở đấy người ta lại hăng hái đến như thế trong việc ra sức phát triển công tác giáo dục quốc dân và... kinh tế địa chủ. Và lại, về điều đó tôi cũng đã tự an ủi bằng cách nghĩ rằng loại công việc sưu tầm ấy không thuộc trách nhiệm của người làm công tác thống kê.

Đấy là tất cả những sắc lệnh nói lên “sự quan tâm của chính phủ đối với nhân dân”. Trong khi tiến hành phân loại, như các bạn đã thấy, tôi đã dựa vào những nguyên tắc ưu đãi nhất. Ví dụ như tại sao một hội của bọn đồn điền trồng cây hoa bia lại không phải là một hội thương nghiệp? Có lẽ chỉ vì ở đấy, có thể là đôi khi người ta bàn đến những vấn đề khác, chứ không phải chỉ vấn đề buôn bán chẳng? Hoặc như trường học dành cho những người chăn bò, thì ai biết được rằng về thực chất, đó có phải là một trường học hay chỉ là một trại chăn nuôi được cải tiến mà thôi?

Còn lại loại cuối cùng bao gồm những sắc lệnh biểu hiện sự quan tâm của chính phủ đối với bản thân nó. Số lượng văn bản của loại này (22) nhiều hơn gấp ba lần số lượng

văn bản của hai loại mà chúng tôi đã kể trên. Nó gồm một loạt những cải cách về mặt hành chính, cái nọ triệt để hơn cái kia, như: đổi tên thị trấn Pla-tô-nốp-xcô-i-ê thành Ni-cô-lai-ép-xcô-i-ê; sửa đổi điều lệ, biên chế nhân viên, thể lệ, danh sách, thời gian biểu các phiên họp (cho một số hội nghị ở huyện), v.v.; tăng lương nữ hộ sinh giúp việc trong bộ đội ở quân khu Cáp-ca-dơ, ấn định số tiền cho việc đóng móng sắt và thuốc men điều trị cho ngựa chiến của các đội quân cô-đắc, sửa đổi điều lệ của trường thương nghiệp tư thực ở Mát-xcơ-va, quy định thể lệ trợ cấp học bổng cho trường thương nghiệp Cô-dơ-lốp, một loại học bổng mang tên của quan toà tối cao Đa-ni-in Xa-mu-i-lô-vích Pô-li-a-cốp. Tôi cũng không biết tôi sắp xếp những văn bản cuối cùng này như thế có hợp lý không: trên thực tế, những văn bản ấy nói lên sự quan tâm của chính phủ đối với bản thân nó hay đối với lợi ích của thương nghiệp và công nghiệp? Xin bạn đọc rộng lượng tha thứ và sẵn lòng xem đó là một bản thống kê về pháp luật làm thử lần đầu tiên; cho đến nay, chưa hề có ai thử tìm cách nâng lĩnh vực tri thức này lên thành một môn khoa học nghiêm chỉnh, - chưa có một người nào, kể cả những vị giáo sư về luật hiến pháp của nước Nga nữa.

Cuối cùng, có một sắc lệnh cần phải xếp riêng – vì nội dung của nó và cũng vì nó là quy định đầu tiên của chính phủ trong buổi đầu của thế kỷ mới – ra thành một loại độc lập: đó là sắc lệnh nói về “việc mở rộng diện tích các khu rừng dùng để phát triển và hoàn thiện nơi săn bắn của hoàng đế”. Thật là một bước đầu vĩ đại, xứng đáng với một đại cường quốc!

Bây giờ còn có việc là phải làm một bản tổng kết. Thống kê mà không có tổng kết thì không thể được.

Năm chục sắc lệnh và chỉ thị là có liên quan đến các công ty và xí nghiệp thương nghiệp và công nghiệp riêng biệt; hai chục sắc lệnh về việc thay đổi tên và cải tổ hành chính,

hai sắc lệnh về việc thành lập hội tư nhân và ba sắc lệnh về việc cải tổ hội tư nhân, ba trường học dùng để cung cấp nhân viên phục vụ cho địa chủ; sáu chức cảnh sát và hai chức hạ sĩ quan cảnh sát kỵ binh đặt tại các nhà máy. Có ai dám nghi ngờ rằng một hoạt động lập pháp và hành chính phong phú và nhiều mặt như thế lại không đảm bảo cho tổ quốc ta tiến bộ nhanh chóng và liên tục trong thế kỷ XX này?

ĐẢNG CÔNG NHÂN VÀ GIAI CẤP NÔNG DÂN¹⁴⁸

Từ ngày nông dân được giải phóng đến nay đã được bốn mươi năm. Hoàn toàn tự nhiên là xã hội nước ta đặc biệt phấn khởi làm lễ kỷ niệm ngày 19 tháng Hai, ngày sụp đổ của nước Nga nông nô cũ và cũng là ngày mở ra một thời đại hứa hẹn đem lại tự do hạnh phúc cho nhân dân. Nhưng chớ nên quên rằng ngoài một mối căm thù chân thực đối với chế độ nông nô và tất cả những biểu hiện của nó, thì các bài diễn văn ca ngợi đọc trong dịp này còn chứa đựng rất nhiều điều giả nhân giả nghĩa. Sự đánh giá sau đây- đã trở nên thịnh hành ở nước ta – về cuộc cải cách “vĩ đại”, là hoàn toàn giả nhân giả nghĩa và đối trá: “nông dân được giải phóng, đồng thời lại được cấp ruộng đất *thông qua* cách trả tiền chuộc nhà nước để chuộc lại”. Sự thật thì sự việc đó đã giải phóng nông dân *khỏi* ruộng đất của mình, vì rằng người ta đã cắt xén rất nhiều phần đất mà nông dân đã có quyền sở hữu từ bao nhiêu thế kỷ nay, còn hàng chục vạn nông dân bị tước mất đất, - chỉ được những phần ruộng phần tư hay những phần đất ăn mày¹⁴⁹. Sự thật thì người nông dân đã bị cướp đoạt hai lần: người ta không những đã cắt xén ruộng đất của họ, mà lại còn bắt buộc họ phải trả “tiền chuộc” số ruộng đất mà người ta để lại cho họ và từ trước đến nay họ vẫn luôn luôn được sử dụng, vả lại họ phải trả một giá tiền chuộc cao hơn giá trị thực tế rất nhiều. Mười năm sau khi nông

dân được giải phóng, chính bọn địa chủ cũng đã thú nhận với đám viên chức chính phủ chuyên nghiên cứu tình hình nông nghiệp rằng người ta đã bắt nông dân phải chuộc lại không những ruộng đất của họ mà chuộc cả quyền tự do của họ nữa. Và dù cho đã phải trả tiền chuộc về việc giải phóng của cá nhân mình như vậy rồi, nông dân cũng vẫn không được là người tự do; người ta vẫn bắt họ phải là nông dân nghĩa vụ tạm thời¹⁵⁰ trong hai mươi năm; người ta bắt buộc họ (và hiện nay họ vẫn bị bắt buộc) ở trong địa vị của một đẳng cấp thấp, có thể bị người ta đánh đập, phải nộp những thứ thuế đặc biệt, không được quyền tự do rời khỏi cái công xã còn mang tàn tích nửa nông nô của mình; không có quyền tự do sử dụng ruộng đất của mình và cũng không có quyền tự do cư trú ở bất cứ một địa phương nào trong nước. Cuộc cải cách nông dân ở nước ta, không phải nói lên lòng cao thượng của chính phủ, ngược lại đó là một ví dụ lịch sử nổi bật nhất chứng tỏ rằng tất cả mọi cái gì mà do bàn tay chính phủ chuyên chế làm thì đều như nước biết chừng nào. Do thất bại về quân sự, do những khó khăn ghê gớm về tài chính và những cuộc phản nộ đáng sợ của nông dân, chính phủ rõ ràng đã *b buộc phải* giải phóng họ. Bản thân Nga hoàng cũng thừa nhận là cần phải tiến hành giải phóng từ trên xuống, đừng đợi đến khi có cuộc giải phóng từ dưới lên. Nhưng khi cuộc giải phóng đã được quyết định rồi, thì chính phủ liền tìm đủ mọi cách để thoả mãn lòng tham không đáy của bọn chủ nô đã “bị thiệt hại”; chính phủ đã không từ ngay cả hành động đê hèn là gian lận trong sự lựa chọn những người được giao cho việc thực hiện cải cách, - dù rằng những người này đều được lựa chọn trong giới quý tộc! Những viên trọng tài được chỉ định trong đợt đầu tiên đã bị bác và được thay bằng những kẻ không thể khước từ được bọn chủ nô, mỗi khi bọn này tìm cách lừa gạt nông dân, ngay cả trong lúc phân định ranh giới ruộng

đất. Và để có thể hoàn thành cuộc cải cách vĩ đại, người ta đã sử dụng đến các hình phạt kiểu nhà binh và đem xử bắn những nông dân nào từ chối, không chịu tiếp nhận những tờ Quy ước¹⁵¹. Không có gì đáng ngạc nhiên là những nhân vật ưu tú trong thời kỳ đó, vì bị chế độ kiểm duyệt khoá mồm lại, nên đã tiếp đón cuộc cải cách vĩ đại đó bằng một sự nguyền rủa âm thầm...

“Được giải phóng” khỏi chế độ điều dịch, người nông dân, khi thoát khỏi tay người thi hành cuộc cải cách thì đã bị đầy đoạ, cướp bóc, lãng nhục, bị trói chặt vào phần ruộng được chia của mình, đến nỗi họ chỉ còn có một giải pháp duy nhất là “tự nguyện” thực hiện chế độ điều dịch mà thôi. Thế mà người mu-gích lại đi cày ruộng cho tên chủ cũ của mình, đi “thuê” chính những mảnh ruộng người ta đã cắt xén của mình và mùa đông thì đến nhận của tên chủ một khoản ứng trước về lúa mì để nuôi sống gia đình đói khổ của mình, rồi mùa hè phải làm việc để trả nợ. Lao dịch và nô dịch, đó là thực chất của cái thứ “lao động tự do” mà bản tuyên ngôn do một tên cố đạo quỷ quyệt thảo ra đã khuyến nông dân nên gọi “Chúa ban phước lành” cho nó.

Thêm vào cái ách đó của địa chủ, cái ách được bảo vệ là nhờ có lòng hào hiệp của đám quan lại đã sáng tạo ra và thực hiện cuộc cải cách, lại còn có ách của tư bản. Quyền lực của đồng tiền đã từng bóp nghẹt, chẳng hạn, ngay cả người nông dân Pháp đã được giải phóng khỏi quyền lực của địa chủ, nhờ một cuộc cách mạng nhân dân hùng mạnh, chứ không phải nhờ một cải cách thâm hại và nửa vời, thì nay lại đè một cách hết sức nặng nề lên người mu-gích chúng ta đang còn sống trong cảnh nửa nông nô. Phải kiếm ra tiền cho bằng được: nào là để nộp những khoản thuế má mà cuộc cải cách từ thiện đã làm cho ngày càng nặng thêm, nào là để thuê ruộng đất, nào là để mua những sản phẩm công nghiệp nghèo nàn lúc đó đã bắt đầu thay thế cho sản phẩm gia đình của nông dân, nào là để mua bánh

mì, v.v.. Quyền lực của đồng tiền không những chỉ đè bẹp nông dân, mà còn phân hoá nông dân nữa: đại đa số nông dân bị phá sản không ngừng và biến thành vô sản, một thiểu số thì phân thành những nhóm không đông lắm, nhưng là những tên cu-lắc chí thú và những người mu-gích căn cơ dần dần đã thâm tóm các doanh nghiệp và ruộng đất của nông dân và tạo thành tầng lớp tư sản nông thôn đang ra đời. Toàn bộ thời gian bốn mươi năm sau cải cách, chỉ là quá trình phân hoá liên tục của nông dân mà thôi, quá trình tiêu vong dần dần và đau đớn. Người nông dân bị lâm vào cảnh bần cùng: anh ta ở chung với súc vật, mặc rách rưới, ăn rau cỏ; khi tìm được nơi để trốn đi, thì anh ta rời bỏ phần ruộng được chia của mình, thậm chí *bỏ tiền ra để thoát khỏi* phần ruộng đó, nghĩa là trả tiền cho kẻ nào đó bằng lòng nhận phần ruộng của anh ta, phần ruộng đem lại thu nhập ít mà làm tốn phí nhiều. Nông dân thường xuyên bị đói; có đến hàng vạn người chết vì nạn đói và nạn dịch tế những khi bị mất mùa, mà mất mùa thì lại ngày càng hay xảy ra.

Bây giờ, tình hình cũng vẫn còn diễn ra như thế ở nông thôn nước ta. Thử hỏi: làm sao giải quyết được tình trạng đó và dùng cách nào để cải thiện được đời sống của nông dân. Những người tiểu nông chỉ có thể thoát khỏi được ách của tư bản khi nào họ tham gia vào phong trào công nhân, giúp đỡ phong trào đó trong cuộc đấu tranh để thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa, để biến ruộng đất cũng như các tư liệu sản xuất khác (công xưởng, nhà máy, máy móc, v.v.) thành tài sản xã hội. Muốn cứu nông dân mà lại đi bảo vệ kinh tế tiểu nông và chế độ tiểu tư hữu chống lại sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản, tức là trì hoãn một cách vô ích sự phát triển của xã hội, là lừa dối nông dân bằng cách làm cho họ tưởng có thể sống sung sướng được cả dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, là chia rẽ các giai cấp cần lao bằng cách tạo điều kiện cho một số ít người được hưởng đặc quyền đặc lợi, trên lưng của đa số. Bởi vậy những người

dân chủ – xã hội sẽ luôn luôn chiến đấu chống những thể chế vô lý và có hại, chẳng hạn như là: cấm không cho nông dân bán các phần đất được chia của mình đi, chế độ liên đới bảo lãnh, cấm không được tự do rời bỏ công xã nông thôn và không được tự do thu nhận vào đấy những cá nhân thuộc bất cứ đẳng cấp nào! Nhưng người nông dân của chúng ta, như chúng ta đã thấy, không phải chỉ khổ sở chủ yếu vì ách của tư bản mà chủ yếu là vì ách của bọn địa chủ và những tàn dư của chế độ nông nô. Đấu tranh không khoan nhượng chống lại những chướng ngại đó, những chướng ngại làm cho hoàn cảnh của nông dân vô cùng tối tệ và trói chặt tay chân của họ lại, cuộc đấu tranh đó không những chỉ có khả năng thực hiện được, mà nó còn là một việc cần thiết vì lợi ích của toàn bộ sự phát triển xã hội của đất nước, vì rằng cảnh khốn khổ lầm than đến cực độ, tình trạng người mu-gích bị đốt nát, nô lệ và khuất nhục, làm cho toàn bộ cuộc sống của tổ quốc chúng ta có những dấu vết của tàn tích Á châu. Và đảng dân chủ – xã hội sẽ không hoàn thành nghĩa vụ của mình, nếu không hết sức ủng hộ cuộc đấu tranh ấy. Sự ủng hộ đó, nói tóm lại, phải biểu thị ở chỗ là *đưa cuộc đấu tranh giai cấp thâm nhập vào nông thôn*.

Chúng ta thấy rằng ở nông thôn Nga hiện nay có hai loại đối lập giai cấp: một là, giữa công nhân nông nghiệp và bọn chủ kinh doanh ở nông thôn; hai là, giữa toàn bộ giai cấp nông dân và toàn bộ giai cấp địa chủ. Loại mâu thuẫn thứ nhất ngày càng phát triển và lớn lên; loại thứ hai thì giảm bớt dần dần. Loại thứ nhất còn hoàn toàn thuộc về tương lai; loại thứ hai, một phần lớn, đã thuộc về quá khứ. Tuy vậy, đối với những người dân chủ – xã hội Nga hiện nay thì chính loại đối lập thứ hai mới có một ý nghĩa chủ yếu nhất và quan trọng nhất về mặt thực tiễn. Chúng ta phải lợi dụng tất cả mọi thời cơ để phát triển ý thức giai cấp trong công nhân nông nghiệp làm thuê; do đó, chúng ta phải chú ý đến tình hình công nhân thành phố về nông

thôn (ví dụ như trường hợp những người thợ máy điều khiển các máy đập lúa chạy bằng hơi nước, v.v.), chú ý đến các thị trường mà tại đấy người ta thuê mướn những công nhân nông nghiệp, và đó là một việc dĩ nhiên, – đối với tất cả những người dân chủ – xã hội, thì đó là một nguyên lý không cần phải chứng giải nữa.

Song, những công nhân nông nghiệp ở nước ta vẫn còn liên hệ quá chặt chẽ với nông dân, những nỗi khổ cực mà tất cả nông dân phải chịu, vẫn còn đè quá nặng trên vai họ, cho nên hiện nay cũng như trong một tương lai gần đây, phong trào công nhân nông nghiệp vẫn chưa có thể có một ý nghĩa toàn quốc được. Ngược lại, vấn đề quét sạch những tàn dư của chế độ nông nô, loại hẳn ra khỏi toàn bộ sinh hoạt của nhà nước Nga tình trạng bất bình đẳng về đẳng cấp và sự khinh bỉ đối với hàng triệu “dân thường”, vấn đề đó ngay từ bây giờ, đã có ý nghĩa toàn quốc, và một chính đảng tự xưng là đóng vai trò chiến sĩ tiên phong đấu tranh cho tự do thì không thể nào không chú ý đến vấn đề đó được.

Hiện nay, hầu hết mọi người đều thừa nhận (dưới một hình thức ít nhiều phổ biến) nỗi khổ của nông dân; những lời nói rằng cuộc cải cách năm 1861 có “những thiếu sót” và cần phải có sự giúp đỡ của nhà nước, những lời đó đã trở thành một chân lý thông thường rồi. Nghĩa vụ của chúng ta là phải chỉ ra rằng những nỗi khổ đó, chính là do sự áp bức giai cấp đang đè nặng lên nông dân; rằng chính phủ là kẻ bảo vệ trung thành các giai cấp đi áp bức đó, rằng những người nào thành thực và nghiêm chỉnh muốn cải thiện một cách căn bản hoàn cảnh của nông dân thì phải ra sức lật đổ ách của chính phủ và giành lấy quyền tự do chính trị, chứ không phải là nhờ vào sự giúp đỡ của chính phủ. Người ta nói rằng mức tiền chuộc quá cao và nếu chính phủ giảm bớt khoản tiền chuộc ấy xuống và kéo dài thời hạn trả, thì thật là một sự ban ơn. Về vấn đề này, chúng

ta sẽ đáp lại rằng tất cả những khoản tiền chuộc đó không phải là cái gì khác hơn là một sự cướp bóc của bọn địa chủ và chính phủ đối với nông dân được che đậy dưới những hình thức hợp pháp và bằng những câu nói quan liêu mà thôi; nó không phải là cái gì khác mà chỉ là một thứ cống vật nộp cho bọn chủ nô về việc chúng giải phóng những người nô lệ của chúng. Chúng ta đòi xoá bỏ lập tức và hoàn toàn những khoản tiền chuộc và những món đảm phụ; đòi hoàn lại nhân dân số tiền hàng trăm triệu mà chính phủ Nga hoàng đã bòn rút nhiều năm của họ để thoả mãn lòng tham của bọn chủ nô. Người ta nói đến nạn thiếu đất trong nông dân, đến việc cần thiết phải có sự giúp đỡ của nhà nước để mở rộng quy mô ruộng đất của nông dân. Về vấn đề này, chúng ta sẽ đáp lại rằng chính là *nhờ* sự giúp đỡ của nhà nước – dĩ nhiên là giúp đỡ bọn địa chủ – mà trong rất nhiều trường hợp như thế, nông dân đã bị tước đoạt mất phần ruộng đất hết sức cần thiết cho mình. Chúng ta sẽ đòi hoàn lại cho nông dân những mảnh ruộng đất cày mà người ta đã cày xén của họ, vì những mảnh đất đó đã bị sử dụng để tiếp tục duy trì các chế độ lao động khổ dịch, lao động lệ thuộc, lao động cưỡng bách, trên thực tế, là những điều kiện lao động theo kiểu nông nô. Chúng ta sẽ đòi thiết lập những uỷ ban nông dân để sửa chữa những sự bất công trắng trợn mà các uỷ ban quý tộc, do chính quyền Nga hoàng lập ra, đã phạm đối với những người nô lệ được giải phóng. Chúng ta sẽ đòi thành lập những toà án có quyền giám sát những món địa tô quá cao mà bọn địa chủ đã thu được bằng cách lợi dụng tình cảnh tuyệt vọng của nông dân, - những toà án cho phép nông dân được quyền tố cáo về tội cho vay nặng lãi của những kẻ nào lợi dụng tình trạng nghèo khổ cùng cực của người khác mà bắt họ ký kết những bản giao kèo có tính chất nô dịch. Chúng ta sẽ cố gắng lợi dụng mọi cơ hội để thường xuyên giải thích cho nông dân hiểu rằng những kẻ nào nói với họ

về sự bảo trợ hay sự giúp đỡ của nhà nước hiện nay, thì những kẻ đó đều hoặc là những phân tử ngu ngốc, hoặc là những tên bịp bợm và là kẻ thù tệ hại nhất của nông dân; rằng đối với nông dân thì điều cần thiết trước tiên là phải giải thoát khỏi sự chuyên chế và khỏi ách của bọn quan lại, trước tiên là phải làm cho người ta thừa nhận cho mình được hoàn toàn và tuyệt đối bình quyền về mọi mặt với tất cả những đẳng cấp khác, được hoàn toàn tự do đi lại và cư trú, được quyền tự do sử dụng ruộng đất của mình, và được tự do tham gia quản lý mọi công việc của công xã, chi phối tất cả các khoản thu nhập của công xã. Những sự việc thông thường nhất rút ra từ đời sống của bất cứ một làng nào ở nước Nga cũng đều luôn luôn có thể cung cấp hàng nghìn đề tài cho công tác cổ động nhằm phục vụ các yêu sách đã kể ra trên đây. Công tác cổ động đó phải căn cứ vào những nhu cầu địa phương, cụ thể và cấp bách nhất của nông dân; nhưng công tác cổ động đó không phải chỉ đóng khung ở những nhu cầu đó, mà còn thường xuyên phải mở rộng tầm mắt của nông dân, không ngừng nâng cao ý thức chính trị của họ, vạch cho họ thấy địa chủ và nông dân chiếm địa vị đặc biệt như thế nào trong nhà nước, chỉ cho họ thấy biện pháp duy nhất để giải phóng nông thôn khỏi ách chuyên chế và áp bức đang đè nặng lên nông thôn, là: triệu tập các đại biểu của nhân dân và lật đổ chính quyền chuyên chế của bọn quan lại. Thật là phi lý và ngu xuẩn nếu khẳng định rằng yêu sách về quyền tự do chính trị là yêu sách mà công nhân chưa có thể nhận thức nổi: không những chỉ có công nhân, những người đã từng trải qua bao nhiêu năm đấu tranh trực tiếp chống bọn chủ xưởng và bọn cảnh sát và luôn luôn thấy những phân tử ưu tú trong hàng ngũ của mình bị bắt bớ một cách độc đoán và bị truy nã, không những chỉ có những công nhân đã đi theo chủ nghĩa xã hội, mà tất cả những nông dân nào biết điều hay lẽ phải, có ít nhiều suy nghĩ về những điều

họ đã thấy được ở chung quanh mình, đều có thể hiểu và quán triệt được vì sao công nhân phải đấu tranh, và hiểu sâu sắc chủ trương về việc triệu tập hội nghị đại biểu toàn quốc nhằm giải phóng toàn bộ đất nước ra khỏi sự chuyên quyền của bọn quan lại đáng căm ghét. Và công tác cổ động, tiến hành trên cơ sở những nhu cầu trước mắt và cấp bách nhất của giai cấp nông dân, chỉ hoàn thành được nhiệm vụ của nó - đưa cuộc đấu tranh giai cấp vào nông thôn - khi nào nó biết kết hợp mỗi sự vạch trần một hiện tượng xấu xa nào đó trong lĩnh vực "kinh tế" với những yêu sách chính trị nhất định.

Nhưng thử hỏi đảng công nhân dân chủ - xã hội có thể ghi được vào cương lĩnh của mình những yêu sách giống như những yêu sách mà chúng ta vừa vạch ra hay không; đảng có thể đảm nhiệm được công tác cổ động nông dân hay không, và như thế liệu có đưa đến kết quả làm cho chúng ta bị phân tán và làm cho các lực lượng cách mạng của chúng ta, vốn đã quá ít ỏi rồi, lại đi trệch khỏi phương hướng chính, phương hướng duy nhất chắc chắn, của phong trào hay không?

Ý kiến phản đối lại như thế là do một sự hiểu lầm mà ra. Đúng, chúng ta tuyệt đối phải ghi vào cương lĩnh của mình những yêu sách đòi xoá bỏ tất cả mọi tàn dư của chế độ nô lệ nông thôn chúng ta, tức là những yêu sách có thể thúc đẩy một bộ phận ưu tú trong nông dân, nếu không tự mình đứng ra tiến hành một cuộc đấu tranh chính trị độc lập, thì cũng ủng hộ một cách tự giác cuộc đấu tranh giải phóng của giai cấp công nhân. Chúng ta sẽ phạm sai lầm, nếu chúng ta đứng ra bên vực những biện pháp có thể làm trở ngại cho sự phát triển xã hội hoặc ngăn cách một cách trái tự nhiên tầng lớp tiểu nông khỏi sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, khỏi sự phát triển của nền sản xuất lớn; nhưng chúng ta sẽ phạm một sai lầm còn nguy hại hơn nữa, nếu chúng ta không biết lợi dụng phong trào

công nhân để phổ biến trong nông dân những yêu sách dân chủ mà cuộc cải cách ngày 19 tháng Hai 1861 vẫn chưa thực hiện, vì cuộc cải cách này đã bị bọn địa chủ và bọn quan lại bóp méo. Nếu muốn dẫn đầu toàn thể nhân dân trong cuộc đấu tranh chống chế độ chuyên chế, thì đảng ta phải đưa những yêu sách đó vào trong cương lĩnh*. Nhưng như thế, hoàn toàn không có nghĩa là chúng ta phải kêu gọi những lực lượng cách mạng tích cực nên rời bỏ thành phố để về nông thôn. Không thể như thế được. Chắc chắn rằng tất cả những lực lượng chiến đấu của đảng đều phải có nguyện vọng chiến đấu ở các thành phố và ở các trung tâm nhà máy - công xưởng; rằng chỉ có giai cấp vô sản công nghiệp mới có khả năng tiến hành một cuộc đấu tranh kiên quyết và có tính chất quần chúng chống chế độ chuyên chế; rằng chỉ giai cấp vô sản đó mới có khả năng sử dụng những phương pháp đấu tranh như: tổ chức biểu tình công khai hoặc cho ra một tờ báo chính trị *có tính chất nhân dân*, xuất bản đều kỳ và phát hành rộng rãi. Chúng ta cần phải ghi những yêu sách của nông dân vào cương lĩnh của chúng ta, không phải để kêu gọi những người dân chủ - xã hội trung kiên hãy từ thành phố đi về nông thôn, cũng không phải để buộc chân họ vào thôn xã; không phải như thế đâu, mà chính là để hướng dẫn cho hành động của những lực lượng nào *chỉ có thể* phục vụ được ở nông thôn thôi; để sử dụng cho sự nghiệp của nền dân chủ và của cuộc đấu tranh chính trị giành tự do, những mối liên hệ mà, do hoàn cảnh, nhiều nhà trí thức và công nhân trung thành của đảng dân chủ - xã hội vẫn có với nông thôn, những mối liên hệ tất nhiên được mở rộng ra cùng với sự phát triển của phong

* Chúng tôi đã thảo xong một bản dự thảo cương lĩnh của đảng dân chủ - xã hội, trong đó có ghi những yêu sách nói trên. Ngay sau khi cùng với nhóm "Giải phóng lao động" thảo luận và sửa chữa lại bản dự thảo đó, chúng tôi hy vọng sẽ cho đảng, trong một số báo sắp tới, bản dự thảo cương lĩnh của đảng ta.

trào. Chúng ta đã vượt qua từ lâu rồi cái giai đoạn trong đó chúng ta chỉ mới là một đội quân tình nguyện nhỏ bé, giai đoạn mà tất cả các lực lượng dân chủ – xã hội chỉ bao gồm vền vền có các tiểu tổ thanh niên, mà ai ai cũng đều “đi vào công nhân”. Phong trào chúng ta, giờ đây, đã có cả một đạo quân, một đạo quân gồm những công nhân gắn bó với cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và cho tự do, một đạo quân gồm những người trí thức đã và đang tham gia phong trào và giờ đây đã được tung ra khắp các nơi trên lãnh thổ nước Nga, một đạo quân những người đồng tình đang nhìn phong trào công nhân với một tấm lòng tin tưởng và hy vọng, và sẵn sàng giúp đỡ rất nhiều cho phong trào ấy. Và một nhiệm vụ trọng đại đang đặt lên vai chúng ta là: tổ chức tất cả các đạo quân đó lại, và tổ chức như thế nào để có thể không những gây ra được những cuộc bùng nổ nhất thời, không những giáng được vào kẻ thù những đòn không tính toán, lẻ tẻ (và do đó không nguy hiểm gì cho kẻ thù) mà còn truy kích kẻ thù bằng một cuộc đấu tranh liên tục, ngoan cường, bền bỉ trên khắp các trận tuyến, đả vào chính phủ chuyên chế ở bất cứ nơi nào nó gieo áp bức và gặt lấy căm thù. Nhưng nếu không đem gieo, trong số hàng triệu quân chúng nông dân, những mầm mống của cuộc đấu tranh giai cấp của sự giác ngộ chính trị, thì liệu có thể đạt được mục đích đó không? Không nên nói rằng việc đem gieo đó là một việc không thể nào thực hiện được: việc đó không những là có thể thực hiện được, mà nó đang diễn ra bằng hàng nghìn con đường mà chúng ta chưa chú ý tới được và chúng ta chưa tác động đến được. Khi nào chúng ta đề ra được một khẩu hiệu nhằm thúc đẩy một hành động như thế và khi nào chúng ta giương cao được ngọn cờ giải phóng người nông dân Nga khỏi tất cả những tàn tích nhục nhã của chế độ nông nô thì việc đó sẽ phát triển một cách vô cùng rộng rãi hơn và nhanh chóng hơn. Những người dân nông thôn ra thành thị, bây giờ đây, đang

quan sát một cách tò mò và hứng thú cuộc đấu tranh, không hiểu đối với họ, do công nhân đang tiến hành, và họ đem truyền tin đó đến những nơi xa xôi hẻo lánh nhất. Chúng ta có thể và phải làm thế nào cho tính tò mò đó của những người quan sát bên ngoài phải được thay thế nếu không phải bằng một sự hiểu biết đầy đủ, thì ít nhất cũng bằng một sự giác ngộ, dù là còn mơ hồ, rằng công nhân đấu tranh là để phục vụ cho lợi ích của toàn dân, và làm thế nào cho tính tò mò đó phải được thay thế bằng một sự đồng tình ngày càng mạnh hơn đối với cuộc đấu tranh của công nhân. Lúc đó, cái ngày mà đảng công nhân cách mạng chiến thắng chính phủ cảnh sát, sẽ đến gần với một tốc độ nhanh chóng mà chính chúng ta cũng sẽ không ngờ tới được.

Viết xong sau ngày 19 tháng

Hai (4 tháng Ba) 1901

In vào tháng Tư 1901 trên báo

“Tia lửa”, số 3

Theo đúng bản in trên báo

DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM CHƯA
TÌM THẤY CỦA V. I. LÊ-NIN

—
CHÚ THÍCH

—
CÁC BẢN CHỈ DẪN

—
THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA
V. I. LÊ-NIN

**DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM
CỦA V. I. LÊ-NIN CHO ĐẾN NAY
CHƯA TÌM THẤY**

(1898 – tháng Tư 1901)

1897 – 1898

TIỂU LUẬN VỀ CUỐN SÁCH CỦA A. A. MI-CU-LIN

Bài tiểu luận về cuốn sách của A. A. Mi-cu-lin (cuốn nào, chưa xác định được), được viết có lẽ vào năm 1897 hay đầu năm 1898. Lê-nin có nói đến bài tiểu luận này trong bức thư gửi M. T. Ê-li-da-nốp đề ngày 14 (26) tháng Hai 1898, trong đó Lê-nin dặn trước rằng không nên đưa bài tiểu luận đó vào văn tập “Những bài nghiên cứu và bình luận về kinh tế” (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 55, tr. 76 – 77).

HAI BỨC THƯ GỬI N. E. PHÊ-ĐÔ-XÊ-ÉP

Hai bức thư gửi N. E. Phê-đô-xê-ép được viết trước ngày 24 tháng Giêng (5 tháng Hai) 1898. Trong thư gửi A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va đề ngày 24 tháng Giêng (5 tháng Hai) 1898, Lê-nin có nói đến hai bức thư đó như sau: “N. E. Ph. không biên thư cho em, anh ấy cũng chẳng chịu trả lời nữa mặc dù em đã viết cho anh ấy hai bức thư” (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 55, tr. 70 – 71).

1898

**THƯ GỬI PHÒNG THỐNG KÊ
THUỘC HỘI ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG TỈNH TVE**

Ngày 12 (24) tháng Chạp 1898, Lê-nin tin cho A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va biết về bức thư này (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 55, tr. 120).

1898 – 1899

NHỮNG BỨC THƯ GỬI L. MÁC-TỐP

Trong thư gửi cho gia đình, V. I. Lê-nin có nói đến việc trao đổi thư từ với L. Mác-tốp (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 55, tr. 152 – 153), cả trong hồi ký của mình L. Mác-tốp cũng có nhắc đến việc đó.

“V. I. chỉ viết rằng qua nhiều số báo “Tư tưởng công nhân” ở Pê-téc-bua người ta thấy khuynh hướng không đả động gì đến nhiệm vụ đấu tranh chính trị, rằng ở nước ngoài đang có một cuộc đấu tranh có hệ thống của những người lưu vong trẻ tuổi (trong số này có C. M. Ta-khtarép) chống lại Plê-kha-nốp và toàn thể nhóm “Giải phóng lao động”, ông cho rằng cuộc đấu tranh này là đáng nghi ngờ” (I-u. Mác-tốp. Bút ký của một người dân chủ – xã hội. Mát-xcơ-va, 1924, tr. 400 – 401).

NHỮNG BỨC THƯ GỬI PH. V. LEN-GNÍCH
VỀ CÁC VẤN ĐỀ TRIẾT HỌC

Ph. V. Len-ghích và P. N. Lê-pê-sin-xki cho biết về V. I. Lê-nin có trao đổi thư từ với Ph. V. Len-ghích về các vấn đề triết học trong những năm bị đày ở Xi-bi-ri. Len-ghích viết: “Theo tôi nhớ thì trong những bức thư trả lời của mình, Vla-đi-mia I-lích đã tỏ ra, một cách rất tế nhị, nhưng rất dứt khoát, là một người kiên quyết chống chủ nghĩa hoài nghi của Hi-um và chống chủ nghĩa duy tâm của Can-tơ, Người đem triết học lạc quan của Mác và Ăng-ghen mà đối lập với những thứ chủ nghĩa ấy”. Ph. V. Len-ghích nhớ lại rằng những bức thư đó đã bị tịch thu trong cuộc khám xét năm 1901 ở Xa-ma-ra (xem Văn tập Lê-nin, t. 1, tr. 194 – 195). P. N. Lê-pê-sin-xki trong hồi ký của mình có nhận xét rằng những bức thư của Lê-nin gửi Len-ghích đôi khi mang tính chất hoàn toàn là những luận văn về triết học (xem P. N. Lê-pê-sin-xki. Bước ngoặt. Mát-xcơ-va, 1955, tr. 114 – 115).

1899

HAI BÀI BÁO PHÊ PHÁN NHỮNG QUAN ĐIỂM CỦA
N. V. LÊ-VÍT-XKI, MỘT NGƯỜI DÂN TUÝ TỰ DO CHỦ NGHĨA

Người ta biết được những bài báo này qua thư của V. I. Lê-nin gửi cho M. A. U-li-a-nô-va đề ngày 25 tháng Tám (6 tháng Chín) 1899 (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 55, tr. 174 – 175).

Những bài báo này, chắc là, để in trong tạp chí “Bước đầu”; tháng Sáu 1899, tạp chí này bị chính phủ Nga hoàng đóng cửa.

THƯ GỬI L. MÁC-TỐP VỀ BẢN “CREDO”

Trong hồi ký của L. Mác-tốp có nhắc đến bức thư này (xem I-u. Mác-tốp. Bút ký của một người dân chủ – xã hội. Mát-xcơ-va, 1924, tr. 407 – 408).

NHỮNG BỨC THƯ
GỬI A. N. PÔ-TÔ-RÊ-XỐP VÀ L. MÁC-TỐP

Trong những thư này V. I. Lê-nin cho biết kế hoạch xuất bản ở nước ngoài một tờ báo mác-xít bất hợp pháp cho toàn Nga, và sự cần thiết phải đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại quốc tế và Nga (xem Hồi ký về Vla-đi-mia I-lích Lê-nin. Ph. 1. Mát-xcơ-va, 1956, tr. 105 – 106; I-u. Mác-tốp. Bút ký của một người dân chủ – xã hội. Mát-xcơ-va, 1924, tr. 411; “Khó sai và đi đày”, 1927, số 6 (35), tr. 9).

PHẦN ĐẦU VÀ PHẦN CUỐI BÀI PHÊ BÌNH
CUỐN SÁCH CỦA X. N. PRÔ-CÔ-PÔ-VÍCH
“PHONG TRÀO CÔNG NHÂN Ở PHƯƠNG TÂY”

Trong Kho lưu trữ của Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, người ta còn giữ lại được những trang 4 - 16 bản thảo.

MỘT PHẦN BÀI BÁO “MỘT VẤN ĐỀ CẤP BÁCH”

Trong kho lưu trữ của Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, còn thiếu nửa trang 5 của bản thảo.

1900

BÁO CÁO CỦA NHÓM “TIA LỬA”
TRÌNH ĐẠI HỘI II ĐẢNG CÔNG NHÂN DÂN CHỦ – XÃ HỘI
NGA DỰ ĐỊNH HỢP VÀO MÙA XUÂN 1900 NHỮNG KHÔNG
HỢP ĐƯỢC

Báo cáo này do Lê-nin chuẩn bị dưới hình thức một báo cáo viết, vì nhóm “Tia lửa” không chắc mình có thể cử một đại biểu đến dự đại hội đã được dự định đó được.

V. I. Lê-nin đã viết trong tác phẩm “Làm gì?": “Bản báo cáo chứa đựng tư tưởng cho rằng trong thời kỳ hoàn toàn tung tán như thời kỳ chúng ta đang sống hiện nay mà chỉ bầu cử Ban chấp hành trung ương thôi, thì như thế không những sẽ không giải quyết được vấn đề thống nhất, mà ngoài ra có thể – nếu xảy ra một thất bại mới, nhanh chóng và hoàn toàn, mà điều này rất có thể xảy đến trong điều kiện hoạt động phổ biến là hoạt động không bí mật – lại làm tổn hại đến cái tư tưởng vĩ đại về việc thành lập một đảng; rằng do đó, phải bắt đầu bằng việc kêu gọi tất cả các ban chấp hành và tất cả các tổ chức khác ủng hộ cơ quan chung đã được tái lập, cơ quan ấy sẽ thực sự gắn bó tất cả các ban chấp hành bằng một mối liên hệ thực tiễn, sẽ thực sự chuẩn bị một nhóm lãnh đạo toàn bộ phong trào; các ban chấp hành và đảng sẽ rất dễ dàng biến cái nhóm do các ban chấp hành lập ra ấy, thành Ban chấp hành trung ương khi nào nhóm ấy lớn mạnh lên. Tuy nhiên, đại hội không họp được vì bị những vụ vỡ cơ sở và, để đảm bảo bí mật, bản báo cáo ấy đã bị huỷ đi, sau khi chỉ có một số đồng chí đã được đọc, kể cả một vài đại biểu của một ban chấp hành” (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1975, t. 6).

Có thể, hồi đó người ta đã làm bản sao báo cáo đó.

1898 – tháng Tư 1901

THƯ TỪ TRAO ĐỔI VỚI NHÓM “GIẢI PHÓNG LAO ĐỘNG”

Về những chỗ nhắc đến những bức thư chưa tìm thấy của V. I. Lê-nin gửi các thành viên nhóm “Giải phóng lao động” – G. V. Plê-kha-nốp, P. B. Ác-xen-rốt, V. I. Đa-xu-lích – hãy xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46, tr. 53 – 55; t. 46, tr. 74; Hồi ký về Vla-đi-mia I-lích Lê-nin. Ph. 1. Mát-xcơ-va, 1956, tr. 58; Thư từ trao đổi giữa G. V. Plê-kha-nốp và P. B. Ác-xen-rốt. T. II. Mát-xcơ-va, 1925, tr. 137; Phong trào dân chủ – xã hội ở Nga. Các tài liệu do A. N. Pô-tơ-rê-xốp và B. I. Ni-cô-lai-ép-xki biên tập. T. I. Mát-xcơ-va – Lê-nin-grát, 1928, tr. 75 – 76.

THƯ VIẾT CHO GIA ĐÌNH:

M. A. U-li-a-nô-va, M. I. U-li-a-nô-va, A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va, Đ. I. U-li-a-nốp, N. C. Crúp-xcai-a,
M. T. Ê-li-da-rốp

Một số lớn thư gửi cho gia đình, mà chúng ta chưa tìm thấy, đã được nhắc đến trong những thư của V. I. Lê-nin gửi cho gia đình,

trong những đoạn trích lục thư của V. I. Lê-nin nằm ở Sở cảnh sát Mát-xcơ-va, cũng như trong hồi ký của A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va, M. I. U-li-a-nô-va và N. C. Crúp-xcai-a (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 55, tr. 67 – 68, 69 – 70, 76 – 77, 79, 80 – 81, 82 – 83, 83 – 84, 90 – 91, 94 – 95, 100 – 101, 108 – 109, 109 – 110, 111 – 112, 115, 119 – 120, 149 – 150, 156, 164, 174 – 175, 181, 192 – 193, 385 – 386, 387 – 388, 389 – 390, 416 – 417, 419 – 420, 424 – 425, 426 – 427; Hồi ký về Vla-đi-mia I-lích Lê-nin. Ph. 1. Mát-xcơ-va, 1956, tr. 51, 102 – 103, 234; N. C. Crúp-xcai-a. Lê-nin – người biên tập và người tổ chức công tác báo chí của đảng. Mát-xcơ-va, 1956, tr. 20).

THƯ TỪ TRAO ĐỔI

với E. V. Ba-ram-din, A. A. Va-nê-ép, M. G. Gri-gô-ri-ép, V. A. I-ô-nốp, A. M. Can-mur-cô-va, L. M. và N. M. Knhi-pô-vích, G. M. Crơ-gi-gia-nốp-xki, V. C. Cuốc-na-tốp-xki, I. Kh. La-lai-an-tơ, P. N. Lê-pê-sin-xki, I-a. M. Li-a-khốp-xki, X. I. Mít-xkê-vích, A. N. Pô-tơ-rê-xốp, M. A. Xin-vin, A. P. Xcơ-li-a-ren-cô, V. V. Xtác-cốp, P. B. Xtơ-ru-vê, M. M. Phi-líp-pốp, A. X. Sa-pô-va-lốp, A. A. I-a-cu-bô-va

Trong những thư của V. I. Lê-nin gửi cho gia đình còn giữ lại được cho đến ngày nay, trong hồi ký của N. C. Crúp-xcai-a, G. M. Crơ-gi-gia-nốp-xki, P. N. Lê-pê-sin-xki, L. Mác-tốp và những người khác, có nói đến việc trao đổi thư từ rộng rãi này.

N. C. Crúp-xcai-a viết: “Hàng tuần, người ta đem thư đến hai lần. Thư từ trao đổi rất rộng rãi. Thư và sách từ Nga chuyển đến. An-na I-li-ni-tơ-na viết thư kể tỉ mỉ về tất cả mọi công việc, cũng nhận được thư từ Pê-téc-bua gửi đến... Chúng tôi nhận được thư từ những vùng tù đầy xa xôi – của Mác-tốp từ Tu-ru-khan-xcơ, của Pô-tơ-rê-xốp từ Ốc-lốp, tỉnh Vi-át-ca. Nhưng phần lớn là thư của các đồng chí sống rải rác ở các làng lân cận. Crơ-gi-gia-nốp-xki, Xtác-cốp ở Mi-nu-xin-xcơ (cách Su-sen-xcô-i-e 50 véc-xtơ); Lê-pê-sin-xki, Va-nê-ép, Xin-vin, Pa-nin – tức là đồng chí Ô-xca-ra – thì sống ở Êc-ma-cốp-xcô-i-e cách Su-sen-xcô-i-e 30 véc-xtơ; Len-ghích, Sa-pô-van, Ba-ram-din ở Tê-xi cách chỗ chúng tôi 70 véc-xtơ; Cuốc-na-tốp-xki thì ở nhà máy đường, đều gửi thư đến. Chúng tôi viết thư trao đổi với nhau về tất cả mọi vấn đề: về những tin tức ở Nga, về kế hoạch tương lai, về các tác phẩm, về các trào lưu mới, về triết học. Chúng tôi trao đổi thư từ với nhau cả về các vấn đề thuộc về chơi cờ tướng, đặc biệt với Lê-pê-sin-xki...”

(N. C. Crúp-xcai-a. Hồi ký về Lê-nin. Mát-xcơ-va, 1957, tr. 32; xem cả: Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 55, tr. 67 – 68, 69 – 70, 104, 109 – 110, 121 – 122, 157 – 158, 180 – 181, 196 – 197, 204 – 205, 412 – 413, 417 – 418; Hồi ký về Vla-đi-mia I-lích Lê-nin. Ph. 1. Mát-xcơ-va, 1956, tr. 181 – 182, 220 – 221; N. C. Crúp-xcai-a. Từ thời xa xôi. Mát-xcơ-va – Lê-nin-grát, 1930, tr. 40).

**DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM
MÀ V. I. LÊ-NIN ĐÃ THAM GIA HIỆU ĐÍNH**

1898 - đầu 1901

[Crúp-xcai-a, N. C.] Phụ nữ công nhân. “Tia lửa” xuất bản, tháng Hai 1901 (xem N. C. Crúp-xcai-a. Lê-nin – người biên tập và người tổ chức công tác báo chí của đảng. Mát-xcơ-va, 1956, tr. 20).

1899 – 1900

Bản dịch từ tiếng Anh sang tiếng Nga tác phẩm của X. và B. Ve-bơ “Lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa công liên Anh”. T. II. Xanh Pê-téc-bua, 1901, (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 55, tr. 159 – 161, 176 – 177, 177 – 178, 181, 413 – 414).

1900 – tháng Tư 1901

Bài báo và thư tín cho các số 1, 2 và 3 báo “Tia lửa”.

Các bài cho số 1 tạp chí “Bình minh” (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46, tr. 38 – 40, 50, 74 – 75; N. C. Crúp-xcai-a. Lê-nin – người biên tập và người tổ chức công tác báo chí của đảng. Mát-xcơ-va, 1956, tr. 21).

Cuối 1900

[Éc-man-xki, O. A.] Những ngày tháng Năm ở Khác-cốp. “Tia lửa” xuất bản, tháng Giêng 1901 (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46, tr. 50).

DANH MỤC CÁC TÁC PHẨM
DO V. I. LÊ-NIN DỊCH

1898, 1899– 1900

Bản dịch từ tiếng Anh tập I và phần lớn tập II cuốn sách của X. và B. Ve-bơ “Lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa công liên Anh”. Lê-nin đã viết nhiều chú thích cuối trang trong bản dịch tiếng Nga của cuốn sách đó (xem X. và B. Ve-bơ. Lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa công liên Anh. T. I - II. Bản dịch từ tiếng Anh của Vla-đi-mia I-lin. Xanh Pê-téc-bua, 1900 - 1901; Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 55, tr. 83 - 84, 84 - 85, 85 - 86, 87 - 88, 94 - 95, 97 - 98, 99 - 100, 100 - 101, 102 - 103, 176 - 177, 177 - 178, 181, 413 - 414).

1899

Bản dịch từ tiếng Đức cuốn sách của C. Cau-xky “Béc-stanh và cương lĩnh dân chủ - xã hội. Chống lại sự phê phán” (xem C. Cau-xky. Tập các bài báo. Xanh Pê-téc-bua, 1905. Trong lần xuất bản thứ hai (năm 1906), cuốn sách ghi thêm: “Bản dịch của Lê-nin”; Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46, tr. 76 - 77; Hồi ký về Vla-đi-mia I-lích Lê-nin. Ph. 1. Mát-xcơ-va, 1956, tr. 101).

1900

Bản dịch từ tiếng Anh bài báo của G. Hen-đman “Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa công liên và đấu tranh chính trị”. Bản viết tay của V. I. Lê-nin còn được giữ ở Kho lưu trữ của Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô. Chính tác giả Hen-đman đã chuyển bài báo đó đến qua V. P. Nô-ghin, một thành viên của nhóm “Ngọn cờ công nhân” (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46, tr. 76 - 77).

CHÚ THÍCH

- ¹ Bài báo “*Bản về vấn đề thống kê công xưởng - nhà máy ở nước ta. Những công trạng mới của giáo sư Ca-rư-sép trong lĩnh vực thống kê*” do Lê-nin viết vào tháng Tám 1898 và được in trong văn tập “*Những bài nghiên cứu và bình luận về kinh tế*” xuất bản vào nửa đầu tháng Mười 1898. Những tài liệu và kết luận của bài báo “*Bản về vấn đề thống kê công xưởng - nhà máy ở nước ta*” được Lê-nin sử dụng rộng rãi trong quyển “*Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga*” (chương V: “*Những giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản trong công nghiệp*”; chương VI: “*Công trường thủ công tư bản chủ nghĩa và lao động làm ở nhà cho nhà tư bản*”; và chương VII: “*Sự phát triển của đại công nghiệp cơ khí*”, phần hai - “*Thống kê công xưởng - nhà máy ở nước ta*”). - 1.
- ² Báo “*Tin tức nước Nga*” xuất bản ở Mát-xcơ-va từ năm 1863, báo này thể hiện quan điểm của giới trí thức tự do - ôn hoà, nó kiên trì chủ trương cần thiết tiến hành những cuộc cải cách nhằm biến nước Nga thành một nước quân chủ lập hiến; trong những năm 80 - 90 thế kỷ XIX các nhà văn thuộc phái dân chủ (như V. G. Cô-rô-len-cô, M. Ê. Xan-tư-cốp - Sê-đrin, G. I. U-xpen-xki v. v.) tham gia viết bài cho báo đó, báo có đăng bài của phái dân túy tự do chủ nghĩa. Từ năm 1905 báo này là cơ quan ngôn luận của phái hữu đảng dân chủ - lập hiến. Lê-nin chỉ ra rằng: tờ “*Tin tức nước Nga*” kết hợp một cách độc đáo “*chủ nghĩa dân chủ - lập hiến cánh hữu*” với một chút ít chủ nghĩa dân túy” (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 23, tr. 193). Năm 1918 tờ “*Tin tức nước Nga*” bị đóng cửa cùng với một số tờ báo phản cách mạng khác. - 6.
- ³ *Máy động lực ngựa đạp* - loại máy động lực thô sơ chạy bằng sức ngựa. - 11.

- ⁴ *Cặp thớt cối* – cặp phiến đá dùng làm thớt trong cối xay. – 14.
- ⁵ “*Truyền tin pháp luật*” – tạp chí ra hàng tháng có khuynh hướng tư sản – tự do chủ nghĩa; xuất bản ở Mát-xcơ-va từ năm 1867 đến năm 1892. Cộng tác với tạp chí có những nhà chính luận, sau trở thành những nhà dân chủ – lập hiến và những người tháng Mười (như N. Ca-rê-ép, V. Gòn-txép, M. Cô-va-lép-xki, X. Mu-rôm-txép v.v.). Năm 1888, trong số 10 của tờ “*Truyền tin pháp luật*” có đăng bức thư của C. Mác gửi cho ban biên tập tờ “*Ký sự nước nhà*”, đề cập đến bài báo của N. Mi-khai-lốp-xki: “*Các Mác trước sự phán xét của ông I-u. Giu-cốp-xki*”. – 16.
- ⁶ “*Thế giới của Thượng đế*” – nguyệt san văn học và khoa học thường thức thuộc khuynh hướng tự do chủ nghĩa, xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1892 đến năm 1906. Năm 1898, tạp chí này có đăng bài bình luận của Lê-nin nói về cuốn sách “*Giáo trình tóm tắt về khoa học kinh tế*” của A. Bô-gđan-nốp (xem tập này, tr. 47 – 58). Từ năm 1906 đến 1918, tạp chí này đổi tên là “*Thế giới ngày nay*”. – 21.
- ⁷ Lê-nin có ý nói đến tác phẩm của mình: “*Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga*” (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1975, t. 3). – 22.
- ⁸ V. I. Lê-nin nhận xét tỉ mỉ cuốn sách này trong tác phẩm “*Điều tra về nghề thủ công ở tỉnh Péc-mơ năm 1894/95 và những vấn đề chung về công nghiệp “thủ công”*” (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 387 – 528). – 23.
- ⁹ Những số liệu về cuộc tổng điều tra dân số lần thứ nhất của đế quốc Nga được tiến hành ngày 28 tháng Giêng (9 tháng Hai) 1897, đã được in thành từng tập bắt đầu từ năm 1897 đến năm 1905; Lê-nin đã sử dụng những số liệu này trong lần tái bản cuốn “*Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga*”, và xác định thêm dân số trong nhiều vùng dân cư. – 39.
- ¹⁰ Lê-nin nói đến phái dân túy tự do chủ nghĩa do N. C. Mi-khai-lốp-xki đứng đầu; Người phê phán những quan điểm của “*trường phái*” đó trong cuốn “*Những “người bạn dân” là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ – xã hội ra sao? (Trả lời những bài báo đăng trên tạp chí “Của cải nước Nga” chống lại những người mác-xít)*”. – 51.

- ¹¹ “*Tư tưởng Nga*” – tạp chí văn học và chính trị ra hàng tháng, xuất bản ở Mát-xcơ-va từ năm 1880 đến năm 1918, trước năm 1905 có khuynh hướng dân túy – tự do chủ nghĩa (V. M. La-vrốp là tổng biên tập cho đến năm 1885). Trong những năm 90 của thế kỷ XIX, trong thời gian có cuộc đấu tranh giữa những người mác-xít và phái dân túy tự do chủ nghĩa, đôi lúc tạp chí này có đăng những bài báo của những người mác-xít. Lúc đó tờ “*Tư tưởng Nga*” đăng bài của các nhà văn dân chủ như: Đ. N. Ma-min – Xi-bi-ri-ác, G. I. U-xpen-xki, V. G. Cô-rô-len-xô, A. M. Goóc-ki, A. P. Tsê-khốp v.v.. Sau cách mạng 1905, tạp chí này trở thành cơ quan ngôn luận của phái tự do phản cách mạng; xuất bản dưới sự chủ biên của P. B. Xơ-ru-vê. Tạp chí này tuyên truyền chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa “*những cái mốc*”, tư tưởng thầy tu và bảo vệ quyền sở hữu của bọn địa chủ. Lê-nin gọi tờ “*Tư tưởng Nga*” là tờ “*Tư tưởng Trăm đen*” (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 16, tr. 459). – 52.
- ¹² Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, q. III, t. 3, tr. 155 – 157. – 56.
- ¹³ *Lệ nông* – người thuê những mảnh đất nhỏ của bọn đại địa chủ ở đế quốc La-mã cổ đại. Muốn sử dụng những mảnh đất này, lệ nông phải trả tiền thuê ruộng và nộp đảm phụ bằng hiện vật. Sau đó, mắc nợ, nên, thực tế, họ hoàn toàn bị lệ thuộc vào địa chủ. Theo Ph. Ăng-ghe-n, lệ nông là “*tiên thân của nông nô thời trung cổ*” (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Tuyển tập gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1971, t. II, tr. 366). – 56.
- ¹⁴ Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, q. III, t. 3, tr. 231 – 277. – 57.
- ¹⁵ Bài “*Bàn qua vấn đề lý luận về thị trường (Nhân cuộc luận chiến giữa ông Tu-gan – Ba-ra-nốp-xki và ông Bun-ga-cốp)*” đăng trong tạp chí “*Bình luận khoa học*”, 1899, số 1.
- “*Bình luận khoa học*” – tạp chí khoa học (từ năm 1903 là tạp chí văn học chung); xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1894 đến năm 1903. Tạp chí này đã thu hút được các nhà chính luận và học giả thuộc các trường phái và xu hướng khác nhau; phái tự do và “*những người mác-xít hợp pháp*” đã sử dụng tạp chí một cách rộng rãi.

Tạp chí đăng những tác phẩm của C. Mác: “Bàn về mậu dịch tự do” (1897, số 11), “Tiền công, giá cả và lợi nhuận” (1898, số 12) cùng các tác phẩm khác và bài của Ph. Ăng-ghe-n: “Phép biện chứng và vấn đề phép siêu hình” (Đoạn trích phần mở đầu tác phẩm “Chống Duy-rinh”) (1897, số 5) v.v.. Trong thông báo năm 1900, trong số cộng tác viên, người ta có kể đến V. I-lin (Lê-nin). Trong tờ “Bình luận khoa học” ngoài bài “Bàn qua vấn đề lý luận về thị trường”, còn đăng cả những bài của V. I. Lê-nin: “Lại bàn về vấn đề lý luận về thực hiện” (1899, số 8) (xem tập này, tr. 85 – 111) và “Một sự phê phán không có tính chất phê phán” (1900, các số 5, 6) (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1975, t. 3). – 59.

¹⁶ “*Giá trị ngoại ngạch*” – giá trị thặng dư. Cho đến giữa năm 1899, Lê-nin sử dụng thuật ngữ “*giá trị ngoại ngạch*” [сверхстоимость] song song với thuật ngữ “*giá trị thặng dư*” [прибавочная стоимость]. Sau này Người chỉ dùng thuật ngữ “*giá trị thặng dư*”.

Trong tạp chí “*Bình luận khoa học*”, - tạp chí lần đầu tiên đã đăng bài “*Bàn qua vấn đề lý luận về thị trường*”, - ban biên tập đã thay thuật ngữ “*giá trị*” [стоимость] bằng thuật ngữ “*giá trị*” [ценность]. Lê-nin cho rằng thuật ngữ “*giá trị*” [ценность] là không đúng; ở phần chú thích của bài “*Lại bàn về vấn đề lý luận về thực hiện*”, Người chỉ ra rằng Người luôn luôn dùng thuật ngữ “*giá trị*” [стоимость] (xem tập này, tr. 87). – 60.

¹⁷ Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1961, q. II, t. 2, tr. 162. - 62.

¹⁸ Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1962, q. III, t. 1, tr. 441 - 443. - 62.

¹⁹ Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1962, q. III, t. 1, tr. 356 - 358. – 63.

²⁰ Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1962, q. III, t. 1, tr. 442. – 64.

1) Thuật ngữ “стоимость” (giá trị) và “ценность” (giá trị) đều có nghĩa là giá trị nhưng từ “ценность” có sắc thái chủ quan, coi giá trị không phải do lao động quyết định hoặc chỉ là chỉ các giá trị sử dụng của một vật thời. Vì vậy Lê-nin dùng từ “стоимость” cho chính xác.

²¹ Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1962, q. III, t. 1, tr. 363 – 365. – 65.

²² Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1962, q. III, t. 2, tr. 207. – 65.

²³ Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1961, q. II, t. 1, tr. 412 – 413. – 65.

²⁴ “*Lời nói mới*” – tạp chí khoa học, văn học và chính trị ra hàng tháng; do phái dân túy tự do chủ nghĩa xuất bản năm 1894 ở Pê-téc-bua. Từ mùa xuân 1897, tạp chí do “những người mác-xít hợp pháp” (P. B. Xơ-ru-vê, M. I. Tu-gan – Ba-ra-nốp-xki v.v.) xuất bản, với sự tham gia của A. M. Can-mư-cô-va. Trong tạp chí “*Lời nói mới*” có đăng phần bổ sung của Ph. Ăng-ghe-n cho quyển III bộ “*Tư bản*”, dưới nhan đề “*Quy luật giá trị và mức lợi nhuận*” (1897, số 12) v.v., có đăng những tác phẩm của Lê-nin: “*Bàn về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế. Xi-xmôn-đi và môn đồ của ông ở nước ta*” và “*Bàn về một bài báo ngắn*” (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 141 – 320 và 523 – 538). Cộng tác với tạp chí này có G. V. Plê-kha-nốp, V. I. Da-xu-lích, A. M. Goóc-ki v.v.. Tạp chí đã bị chính phủ Nga hoàng cấm vào tháng Chạp 1897. – 65.

²⁵ Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1961, q. II, t. 2, tr. 20 – 57. – 67.

²⁶ Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1961, q. II, t. 1, tr. 25. – 72.

²⁷ Những bài phê bình của V. I. Lê-nin về những cuốn sách của R. Gvô-dơ-đép, của Pác-vu-xơ và tạp chí dẫn “*Công nghiệp và thương nghiệp ở nước Nga*” đã đăng trong tạp chí “*Bước đầu*”, 1899, số 3.

“*Bước đầu*” – tạp chí khoa học, văn học và chính trị ra hàng tháng, cơ quan ngôn luận của “những người mác-xít hợp pháp”, xuất bản ở Pê-téc-bua vào nửa đầu năm 1899 dưới sự chỉ đạo của P. B. Xơ-ru-vê, M. I. Tu-gan – Ba-ra-nốp-xki v.v.. Cộng tác với tạp chí này có G. V. Plê-kha-nốp, V. I. Da-xu-lích v.v.. Trong số 4 của tạp chí này có đăng một đoạn trích ở tập nhật ký đi đường của Ph. Ăng-ghe-n: “*Từ Pa-ri đến Béc-nơ*” viết vào năm 1848; trong tạp chí “*Bước đầu*” có đăng bài bình luận của V. I. Lê-nin về cuốn

sách của C. Cau-xky “Vấn đề ruộng đất”, có đăng sáu phần của chương III cuốn “Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga”, dưới nhan đề “Kinh tế tư bản thay thế kinh tế lao dịch trong nông nghiệp ở Nga hiện nay”, và bài phê bình cuốn sách của Hốp-xơn: “Sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại”. – 73.

²⁸ Xem C. Mác. “Tư bản”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, q. III, t. 3, tr. 153 – 157. – 79.

²⁹ *Tô-ni-a* – nghề đánh cá. – 83.

³⁰ *Phái trọng nông* – một trong những xu hướng kinh tế chính trị tư sản cổ điển, những đại biểu của phái này xuất hiện trong giai đoạn chuẩn bị về mặt tư tưởng của cuộc cách mạng tư sản ở Pháp (vào những năm 50 và 60 thế kỷ XVIII). Ph. Kê-ne là người đề xướng ra trường phái này. Phái trọng nông bảo vệ chính sách kinh tế theo công thức “laissez faire, laissez passer” (“hãy để cho hoàn toàn tự do hành động”), nhằm tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển những mối quan hệ tư sản. Phái trọng nông đề ra nguyên tắc quyền tư hữu thống trị không hạn chế, bác bỏ chế độ bảo hộ thuế quan, chống lại những hạn chế phường hội, đòi mậu dịch tự do và cạnh tranh.

Phái trọng nông chuyển việc điều tra nguồn gốc của của cải và sản phẩm thặng dư từ lĩnh vực lưu thông sang lĩnh vực sản xuất, nhưng chỉ hạn chế trong nông nghiệp. Họ là những người đầu tiên, trong lịch sử tư tưởng kinh tế, muốn nghiên cứu những quy luật tái sản xuất và phân phối tổng sản phẩm xã hội. “Biểu kinh tế” của Kê-ne là một cố gắng muốn trình bày toàn bộ quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa. Song, do không hiểu rõ bản chất của giá trị, nên phái trọng nông không coi giá trị thặng dư là thể hiện của lao động thặng dư, mà coi đó là một tặng phẩm đặc biệt của thiên nhiên (“sản phẩm rỗng”). – 86.

³¹ Xem Ph. Ăng-ghen. “Chống Duy-rinh”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1971, tr. 423. Ở đây, Lê-nin viện dẫn chương “Rút trong “Lịch sử phê phán”” (xem phần 2, chương X). – 87.

³² Xem C. Mác. “Tư bản”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1960, q. I, t. 3, tr. 42. – 87.

³³ Xem C. Mác. “Tư bản”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1961, q. II, t. 2, tr. 16 – 18. – 87.

³⁴ Xem C. Mác. “Tư bản”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1961, q. II, t. 2, tr. 18 – 58. – 87.

³⁵ Xem C. Mác. “Tư bản”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1961, q. II, t. 2, tr. 57 – 58. – 90.

³⁶ Để cho phù hợp với lời chỉ dẫn của Ăng-ghen, Lê-nin gọi tác phẩm “Các học thuyết về giá trị thặng dư” do Mác viết trong những năm 1862 – 1863, là *quyển IV của bộ “Tư bản”*. Ăng-ghen viết trong lời tựa quyển II bộ “Tư bản” như sau: “Tôi dành riêng phần phê phán trong bản thảo này để in thành quyển IV của bộ “Tư bản”, ngoài ra đã lược đi nhiều đoạn đã nói rõ trong quyển II và quyển III” (C. Mác. “Tư bản”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1961, q. II, t. 1, tr. 7). Song, Ăng-ghen chưa kịp chuẩn bị cho in quyển IV của bộ “Tư bản”. Cuốn “Các học thuyết về giá trị thặng dư” – do Cau-xky chỉnh lý - đã được xuất bản lần đầu tiên bằng tiếng Đức trong những năm 1905 – 1910. Trong lần xuất bản ấy người ta đã không tôn trọng những yêu cầu cơ bản của việc xuất bản một tác phẩm khoa học, và có nhiều luận điểm của chủ nghĩa Mác đã bị xuyên tạc.

Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô cho xuất bản tác phẩm “Các học thuyết về giá trị thặng dư” gồm 3 phần, căn cứ theo bản thảo năm 1862 – 1863 (xem C. Mác. “Các học thuyết về giá trị thặng dư” (quyển IV bộ “Tư bản”), tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, phần I, 1965; phần II, 1969). – 90.

³⁷ Xem C. Mác. “Tư bản”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, q. III, t. 3, tr. 314. – 91.

³⁸ Xem C. Mác. “Tư bản”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1960, q. I, t. 3, tr. 40 – 42. – 91.

³⁹ Xem C. Mác. “Tư bản”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, q. III, t. 3, tr. 313 – 314. – 92.

⁴⁰ *Chủ nghĩa Can-tơ mới* – trào lưu triết học tư sản xuất hiện ở Đức vào nửa cuối thế kỷ XIX. Chủ nghĩa Can-tơ mới lập lại

những luận điểm duy tâm phản động nhất của triết học Can-tơ và phủ nhận những yếu tố duy vật trong triết học ấy. Dưới khẩu hiệu “Quay về với Can-tơ”, bọn theo chủ nghĩa Can-tơ mới tuyên truyền cho việc phục hồi chủ nghĩa duy tâm của Can-tơ, tiến hành đấu tranh chống lại chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử. Trong tác phẩm “Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức”, Ph. Ăng-ghen gọi bọn theo chủ nghĩa Can-tơ mới, là “bọn lý luận gia phản động”, một bọn thâm hại theo chủ nghĩa chiết trung và chuyên nói những điều vụn vặt.

Bọn theo chủ nghĩa Can-tơ mới trong đảng dân chủ – xã hội Đức (E. Béc-stanh, C. Smit v.v.) đã xét lại triết học của Mác, xét lại lý luận kinh tế của Mác và học thuyết của Mác về đấu tranh giai cấp và về chuyên chính vô sản. Ở Nga, đại biểu của chủ nghĩa Can-tơ mới là bọn “mác-xít hợp pháp” P. B. Xtơ-ru-vê, X. N. Bun-ga-cốp v.v..

Lê-nin đấu tranh chống bọn “mác-xít hợp pháp”, - bọn du nhập chủ nghĩa Can-tơ mới vào đất Nga, - trong những tác phẩm đầu tay của Người: “Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xtơ-ru-vê về nội dung đó (Sự phản ánh chủ nghĩa Mác trong sách báo tư sản)” (1895); “Một sự phê phán không có tính chất phê phán” (1900) và hoan nghênh những bài báo của G. V. Plê-kha-nốp chống lại bọn theo chủ nghĩa Can-tơ mới đăng trong sách báo ở nước ngoài vào cuối những năm 90; trong những bài báo đó G. V. Plê-kha-nốp gọi chủ nghĩa Can-tơ mới của E. Béc-stanh và C. Smit là “lý luận phản động của giai cấp tư sản phản động”. Lê-nin phê phán toàn diện triết học Can-tơ mới trong tác phẩm của Người “Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán” (1909). Trong những tác phẩm triết học của mình, Lê-nin đã vạch ra thái độ thù địch của triết học duy tâm chủ quan của bọn theo chủ nghĩa Can-tơ mới đối với nhận thức khoa học về thiên nhiên và xã hội, Người vạch trần thực chất giai cấp của triết học đó, coi nó là hệ tư tưởng tư sản.

Ngày nay, bọn đại biểu cho triết học phản động của chủ nghĩa đế quốc lợi dụng tư tưởng của chủ nghĩa Can-tơ mới nhằm mục đích chống lại chủ nghĩa Mác – Lê-nin. – 95.

⁴¹ Lê-nin nói đến tác phẩm của G. V. Plê-kha-nốp: “Bản về sự phát triển của quan điểm nhất nguyên về lịch sử”, một tác phẩm được xuất bản hợp pháp ở Pê-téc-bua năm 1895 dưới bí danh N. Ben-tốp và cuốn “Khái luận về lịch sử của chủ nghĩa duy vật” cũng của Plê-kha-nốp, xuất bản bằng tiếng Đức. – 95.

⁴² Xem C. Mác. “Tư bản”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1961, q. II, t. 2, tr. 162. – 101.

⁴³ Xem C. Mác. “Tư bản”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, q. III, t. 3, tr. 300. – 102.

⁴⁴ Lê-nin có ý nói đến tác phẩm của mình: “Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xtơ-ru-vê về nội dung đó (Sự phản ánh chủ nghĩa Mác trong sách báo tư sản). Bản về cuốn sách của P. Xtơ-ru-vê: “Những ý kiến phê phán về sự phát triển kinh tế của nước Nga”. Xanh Pê-téc-bua. 1894” (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 1, tr. 429 – 672). – 106.

⁴⁵ *Chế độ con trưởng thừa kế* – chế độ thừa kế tài sản vẫn còn duy trì ở trong vài nước tư bản, từ thời kỳ chế độ phong kiến, theo chế độ này thì những lãnh địa lớn đều được truyền lại nguyên vẹn hoặc cho người trưởng tộc, hoặc cho người con trưởng của người chủ lãnh địa đó. – 116.

⁴⁶ Trong tạp chí “Bình luận khoa học”, số 8 năm 1899 có đăng bản dịch một chương trong cuốn sách “Vấn đề ruộng đất” của C. Cau-xky, dưới nhan đề “Nông nghiệp hiện đại”. – 119.

⁴⁷ Bài báo “Chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp (Bản về cuốn sách của Cau-xky và về bài báo của ông Bun-ga-cốp)” của Lê-nin định đăng trong tạp chí “Bước đầu”, song, do tạp chí này bị đóng cửa nên bài báo đó đăng trong tạp chí “Đời sống”.

“*Đời sống*” – tạp chí văn học, khoa học và chính trị, xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1897 đến năm 1901. “Những người mác-xít hợp pháp” (M. I. Tu-gan – Ba-ra-nốp-xki, P. B. Xtơ-ru-vê v.v.), những nhà văn và nhà phê bình tiến bộ (A. M. Góóc-ki, A. P. Tsê-khốp, V. V. Vê-rê-xa-ép, X. G. Xki-ta-lê-xtơ, I. A. Bu-nin, E. A. Xô-lô-vi-ép) đã cộng tác với tạp chí này. Tạp chí có đăng tác phẩm của C. Mác: “Tiền công, giá cả và lợi nhuận”. Tạp chí cũng đăng cả bài báo “Trả lời ông P. Nê-giơ-đa-nốp” (tháng Chạp 1899) của V. I. Lê-nin (xem tập này, tr. 199 – 206).

Tháng Sáu 1901, tạp chí “Đời sống” bị chính phủ đóng cửa; tháng Tư 1902 nhóm dân chủ – xã hội “Đời sống” (V. Đ. Bôn-tơ - Bru-ê-vích, V. A. Pốt-xê, V. M. Vê-li-tơ-ki-na, G. A. và M. A. Cucclin v.v.) khôi phục lại việc xuất bản tạp chí này ở nước ngoài.

Sáu số của tạp chí , 12 số “Đời sống” khổ nhỏ” và hàng loạt xuất bản phẩm lẻ loại “Tủ sách của tạp chí “Đời sống”” đã được xuất bản ở nước ngoài. Nhóm “Đời sống” đã có những khuynh hướng đi trệch khỏi quan điểm và sách lược dân chủ – xã hội và thiên sang chủ nghĩa xã hội thiên chúa giáo và chủ nghĩa vô chính phủ. Tháng Chạp 1902, nhóm này giải tán, việc xuất bản bị bãi bỏ. – 121.

⁴⁸ Xem C. Mác. “Tư bản”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, q. III, t. 3, tr. 299 – 300. – 135.

⁴⁹ “*Cửa cải nước Nga*” – tạp chí ra hàng tháng, xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1876 đến năm 1918. Sang đầu những năm 90 thế kỷ XIX, tạp chí này chuyển sang tay phái dân túy tự do chủ nghĩa, do N. C. Mi-khai-lốp-xki đứng đầu; là cơ quan ngôn luận chủ yếu của phái dân túy, năm 1893, đã mở chiến dịch chống lại những người dân chủ – xã hội Nga. Dựa vào phái xét lại Tây Âu, tờ “*Cửa cải nước Nga*” đã bóp méo và xuyên tạc chủ nghĩa Mác. Tập hợp xung quanh tờ “*Cửa cải nước Nga*” là bọn chính luận mà về sau đã trở thành những đảng viên xuất sắc của đảng xã hội chủ nghĩa – cách mạng, của “*phái xã hội chủ nghĩa nhân dân*” và của các nhóm “*lao động*” trong các Đu-ma nhà nước. Trong mục văn nghệ của tạp chí có đăng bài của những nhà văn tiến bộ: V. V. Vê-rê-xa-ép, V. M. Gác-sin, A. M. Goóc-ki, V. G. Cô-rô-len-cô, A. I. Cu-prin, Đ. N. Ma-min – Xi-bi-ri-ác, G. I. U-xpen-xki v.v.. Từ năm 1906 tờ “*Cửa cải nước Nga*” trở thành cơ quan ngôn luận của đảng “*xã hội chủ nghĩa nhân dân*”, - một đảng bán dân chủ – lập hiến.

Tờ “*Cửa cải nước Nga*” đã mấy lần thay đổi tên (“*Ký sự thời đại*”, “*Thời đại*”, “*Ký sự nước Nga*”; từ tháng Tư 1917 tạp chí lại mang tên “*Cửa cải nước Nga*”). – 141.

⁵⁰ *Phái mậu dịch tự do* - đại biểu của chính trị kinh tế học tư sản, họ đòi mậu dịch tự do và đòi nhà nước không can thiệp vào những hoạt động kinh tế tư nhân. Phái mậu dịch tự do xuất hiện vào nửa cuối thế kỷ XVIII ở Anh, trong thời kỳ cách mạng công nghiệp, phản ánh nguyện vọng của giai cấp tư sản công nghiệp muốn thủ tiêu thuế nhập khẩu cao đối với lúa mì và nguyên liệu, như vậy đã tạo điều kiện hạ thấp tiền lương của công nhân; cũng như muốn mở rộng, không hạn chế, ngoại thương và sử dụng mậu dịch tự do để loại trừ những đối thủ cạnh tranh yếu hơn trên thị trường thế giới. Thành lữ của phái mậu dịch tự do ở Anh, trong những năm 30 – 40 thế kỷ XIX, là các nhà công nghiệp ở Man-se-xtơ, vì vậy phái mậu dịch tự do còn gọi là “*phái Man-se-xtơ*”.

Cơ sở lý luận của chủ nghĩa mậu dịch tự do được trình bày trong các tác phẩm của A. Xmít và Đ. Ri-các-đô.

Những quan điểm mậu dịch tự do cũng xâm nhập vào nước Nga, chủ yếu là trong một số địa chủ chủ trương việc tự do tiêu thụ lúa mì trên thị trường thế giới.

C. Mác đã vạch trần bản chất giai cấp của chủ nghĩa mậu dịch tự do trong cuốn “*Bản về mậu dịch tự do*” (1848) và trong các tác phẩm khác. Tuy không phủ nhận tính chất tiến bộ của yêu sách đòi mậu dịch tự do, vì nó thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và tăng cường đối kháng giai cấp, nhưng Mác đã chỉ ra rằng khẩu hiệu mậu dịch tự do mà giai cấp tư sản sử dụng nhằm mục đích mị dân xã hội và lừa bịp quần chúng nhân dân, nhằm che đậy ý đồ của giai cấp đó là: bóc lột vô hạn độ giai cấp vô sản, nô dịch về mặt kinh tế những nước chậm phát triển và thực hiện sự bành trướng thuộc địa.

V. I. Lê-nin đánh giá phái mậu dịch tự do trong tác phẩm của Người: “*Bản về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế. Xi-xmôn-đi và môn đồ của ông ở nước ta*” (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 303 – 319). – 155.

⁵¹ Đây là nói về bài báo của C. Mác phê phán tác phẩm của Ê. đờ Gi-ran-đanh “*Le socialisme et l'impôt*” (“*Chủ nghĩa xã hội và thuế khoá*”). Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 7, tr. 295 – 307.

Bài báo đăng trong số 4 của tạp chí “*Neue Rheinische Zeitung. Politisch-ökonomische Revue*” (“*Báo Rê-na-ni mới. Bình luận kinh tế – chính trị*”), xuất bản vào tháng Năm 1850. Tạp chí này do C. Mác xuất bản năm 1850 ở Hăm-bua mà tiền thân là “*Báo Rê-na-ni mới*”. – 162.

⁵² Đây là nói đến cuốn sách gồm 2 tập: “*Ảnh hưởng của mùa màng và của giá cả lúa mì đến một vài phương diện của nền kinh tế quốc dân Nga*” do một nhóm tác giả thuộc xu hướng tư sản – tự do chủ nghĩa và dân túy biên soạn, dưới sự chỉ đạo của giáo sư A. I. Tsúp-rốp và A. X. Pô-xni-cốp (1897). Lê-nin đọc tác phẩm này khi đi đây và phê phán nó trong cuốn “*Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga*”. – 166.

⁵³ Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, q. III, t. 3, tr. 5 – 260. – 166.

⁵⁴ *Fideicommiss* (*phi-đê-i-côm-mi-sơ*) – chế độ con trưởng thừa kế trong chế độ sở hữu ruộng đất lớn. Theo chế độ này thì người con trưởng được thừa hưởng ruộng đất để lại, nhưng không có quyền cầm cố, chia nhỏ ra, nhượng lại (bán) toàn bộ hay một phần di sản đó.

Anerbenrecht – một hình thức phi-đê-i-côm-mi-sơ trong nông dân, theo hình thức này thì người thừa hưởng ruộng đất được quyền rộng rãi hơn trong việc sử dụng ruộng đất để lại, nhưng cũng bị cấm chia nhỏ di sản như chế độ phi-đê-i-côm-mi-sơ. – 175.

⁵⁵ Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, q. III, t. 3, tr. 37 – 38. – 183.

⁵⁶ Đây là nói đến bài báo của V. I. Lê-nin: “*Bàn qua vấn đề lý luận về thị trường (Nhân cuộc luận chiến giữa ông Tu-gan – Ba-ra-nốp-xki và ông Bun-ga-cốp)*” (xem tập này, tr. 59 – 72). – 199.

⁵⁷ Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1962, q. III, t. 1, tr. 356 – 358. – 202.

⁵⁸ Xem C. Mác. “*Tư bản*”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1962, q. III, t. 1, tr. 441 – 442. – 204.

⁵⁹ “*Lời phản kháng của những người dân chủ – xã hội Nga*” do V. I. Lê-nin thảo ra hồi đang bị đày, vào tháng Tám 1899, sau khi Người nhận được một văn kiện của “*phái kinh tế*”, do A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va gửi từ Pê-téc-bua đến và được bà đặt tên là bản “*Credo của ‘phái trẻ’*”. Tác giả bản “*Credo*” là E. Đ. Cu-xcô-va, lúc đó là hội viên “*Hội liên hiệp những người dân chủ – xã hội Nga*” ở nước ngoài. “*Phái kinh tế*” không có ý định đem in bản tuyên ngôn, song như V. I. Lê-nin đã chỉ ra, bản tuyên ngôn đã được in “*ngoài ý muốn, và, có lẽ, ngược lại ý muốn của các tác giả bản tuyên ngôn đó*”, vì “*phái kinh tế*” sợ những lời phê phán công khai những quan điểm cơ hội chủ nghĩa của chúng.

Dự thảo “*Lời phản kháng*” nhằm chống lại văn kiện đó của bọn theo chủ nghĩa Béc-stanh ở Nga, do V. I. Lê-nin thảo ra, đã được đem ra thảo luận tại một cuộc họp của mười bảy người mác-xít bị đày tại làng Êc-ma-cốp-xcôi-ê trong huyện Mí-nu-xin-xcô (nơi A. A. Va-nê-ép, P. N. và O. B. Lê-pê-sin-xki, M. A. Xin-vin v.v. bị đày). V. I. Lê-nin, N. C. Crúp-xcai-a, V. V. Xtác-cốp, A. M. Xtác-cô-va, G. M. Cơ-gi-gia-nốp-xki, D. P. Cơ-gi-gia-nốp-xcai-a –

Nép-dô-rô-va, Ph. V. Len-ghích, E. V. Ba-ram-din, A. A. Va-nê-ép, Đ. V. Va-nê-ê-va, M. A. Xin-vin, V. C. Cuốc-na-tốp-xki, P. N. Lê-pê-sin-xki, O. B. Lê-pê-sin-xcai-a và những công nhân Pê-téc-bua O. A. En-gbéc, A. X. Sa-pô-va-lốp và N. N. Pa-min nhất trí thông qua và ký tên vào “*Lời phản kháng*”. Những người vắng mặt trong cuộc họp”: I. L. Prô-min-xki, M. Đ. Ê-phi-mốp, Tsê-can-xki và Cô-va-lép-xki cũng như nhóm bị đày ở Tu-ru-khan-xcô (L. Mác-tốp (I-u. Ô. Txê-đéc-bau-mơ) v.v.) cũng tán thành “*Lời phản kháng*”. Nhóm mười bảy người dân chủ – xã hội bị đày ở thành phố Ô-ri-ôn tỉnh Vi-át-ca (V. V. Vô-rốp-xki, N. E. Bau-man, A. N. Pô-rê-rê-xốp v.v.) cũng chống lại bản “*Credo*” của “*phái kinh tế*”.

“*Lời phản kháng*” được gửi ra nước ngoài và ngay sau khi nhận được, G. V. Plê-kha-nốp đã đưa xếp chữ ngay cho số báo thường kỳ của tờ “*Sự nghiệp công nhân*”. Song, những hội viên “*trẻ*” của “*Hội liên hiệp*” ở nước ngoài – những người này ở trong ban biên tập tờ “*Sự nghiệp công nhân*” – vào tháng Chạp 1899, đã không báo trước gì cho G. V. Plê-kha-nốp biết mà cứ cho phát hành “*Lời phản kháng*” dưới hình thức một tờ truyền đơn riêng có kèm theo lời bạt, trong đó họ tuyên bố rằng bản “*Credo*” biểu thị ý kiến của một số người cá biệt mà lập trường của họ không nguy hại cho phong trào công nhân Nga; và những hội viên đó phủ nhận sự có mặt của “*chủ nghĩa kinh tế*” trong “*Hội liên hiệp những người dân chủ – xã hội Nga*” ở nước ngoài. Đầu năm 1900, G. V. Plê-kha-nốp cho in lại “*Lời phản kháng*” trong văn tập: “*Vademecum (Chỉ nam. BT.) dành cho ban biên tập tờ ‘Sự nghiệp công nhân’*”, văn tập này nhằm chống lại “*phái kinh tế*”. G. V. Plê-kha-nốp hoan nghênh “*Lời phản kháng*”, vì nó chứng minh rằng những người dân chủ – xã hội Nga nhận rõ mối nguy cơ nghiêm trọng của “*chủ nghĩa kinh tế*” và họ tuyên bố đấu tranh kiên quyết chống lại chủ nghĩa ấy. – 207.

⁶⁰ “*Sự nghiệp công nhân*” – tạp chí của “*phái kinh tế*”, cơ quan ngôn luận không định kỳ của “*Hội liên hiệp những người dân chủ – xã hội Nga*” ở nước ngoài. Tạp chí này xuất bản ở Giơ-ne-ơ từ tháng Tư 1899 đến tháng Hai 1902, dưới sự chỉ đạo của B. N. Cri-tép-xki, P. Tê-plốp, V. P. I-van-sin, sau đó của cả A. X. Mác-tư-nốp. Chỉ ra được 12 số (9 tập). Ban biên tập của tờ “*Sự nghiệp công nhân*” là trung ương của “*phái kinh tế*” ở nước ngoài. “*Sự nghiệp công nhân*” ủng hộ khẩu hiệu “*tự do phê phán*” chủ nghĩa Mác do Béc-stanh đề xướng, giữ lập trường cơ hội chủ nghĩa trong những vấn đề về sách lược và về nhiệm vụ tổ chức của đảng dân chủ – xã hội Nga, phủ nhận những khả năng cách mạng của

giai cấp nông dân v.v.. Phái “Sự nghiệp công nhân” tuyên truyền tư tưởng cơ hội chủ nghĩa, coi đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản phụ thuộc vào đấu tranh kinh tế, họ bác bỏ tính chất tự phát của phong trào công nhân và phủ nhận vai trò lãnh đạo của đảng. Một trong những biên tập viên của tờ “Sự nghiệp công nhân” (V. P. I-van-sin) tham gia vào ban biên tập của tờ “Tư tưởng công nhân” – cơ quan ngôn luận của “phái kinh tế” công khai, tờ báo này được tạp chí “Sự nghiệp công nhân” ủng hộ. Trong Đại hội II Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, phái “Sự nghiệp công nhân” đại diện cho cánh cực hữu cơ hội chủ nghĩa trong đảng. – 207.

⁶¹ Nhóm “Giải phóng lao động” – nhóm mác-xít Nga đầu tiên do G. V. Plê-kha-nốp sáng lập vào năm 1883 ở Giơ-ne-vơ. Ngoài Plê-kha-nốp ra, trong nhóm còn có P. B. Ác-xen-rốt, L. G. Đây-tơp, V. I. Da-xu-lích, V. N. I-gna-tốp.

Nhóm “Giải phóng lao động” đã làm được rất nhiều về mặt truyền bá chủ nghĩa Mác ở Nga. Nhóm này đã dịch ra tiếng Nga, cho in ở nước ngoài và phổ biến ở Nga những trước tác của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n: “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản”, “Lao động làm thuê và tư bản”, “Sự phát triển của chủ nghĩa xã hội từ không tưởng đến khoa học” v.v. cũng như đã truyền bá chủ nghĩa Mác trong các xuất bản phẩm của mình. Nhóm “Giải phóng lao động” đã giáng một đòn quan trọng vào phái dân túy, vật trở ngại chủ yếu, về mặt tư tưởng, trên con đường truyền bá chủ nghĩa Mác và phát triển phong trào dân chủ – xã hội ở Nga. Trong các tác phẩm “Chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chính trị” (1883), “Những sự bất đồng giữa chúng ta” (1885) v.v., G. V. Plê-kha-nốp kịch liệt phê phán, theo quan điểm mác-xít, những lý luận dân túy phản động (về con đường phát triển phi tư bản chủ nghĩa ở Nga, sự phủ nhận vai trò tiên phong của giai cấp vô sản trong phong trào cách mạng, quan điểm duy tâm – chủ quan của phái dân túy về vai trò cá nhân trong lịch sử v.v.). Hai bản dự thảo cương lĩnh của những người dân chủ – xã hội Nga (1883 và 1885), do G. V. Plê-kha-nốp thảo ra và do nhóm “Giải phóng lao động” xuất bản, là một bước tiến quan trọng trong việc chuẩn bị và thành lập đảng dân chủ – xã hội ở Nga. Tác phẩm của Plê-kha-nốp (N. Ben-tốp): “Bản về sự phát triển của quan điểm nhất nguyên về lịch sử” (1895) có ý nghĩa quan trọng đặc biệt trong việc truyền bá những quan điểm mác-xít, trong việc bảo vệ chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, tác phẩm này “đã giáo dục cả một thế hệ những người mác-xít Nga” (Lê-nin). Nhóm này đã xuất bản và truyền bá ở Nga 4 số

văn tập “Người dân chủ – xã hội”, cũng như một loạt sách mỏng phổ thông dành cho công nhân.

Ph. Ăng-ghe-n hoan nghênh sự ra đời của nhóm “Giải phóng lao động”, “một nhóm đã tiếp thu một cách trung thực và vô điều kiện những lý luận vĩ đại của Mác về kinh tế và lịch sử” (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVII, 1935, tr. 461). Bản thân G. V. Plê-kha-nốp và V. I. Da-xu-lích có những liên hệ cá nhân với Ph. Ăng-ghe-n và trong nhiều năm đã trao đổi thư từ với Ăng-ghe-n. Nhóm “Giải phóng lao động” đặt quan hệ với phong trào công nhân quốc tế, kể từ Đại hội I của Quốc tế II năm 1889 (tại Pa-ri), cũng như trong suốt cả thời gian tồn tại của mình, nhóm này đã tham dự tất cả các đại hội của Quốc tế II với tư cách là đại biểu của đảng dân chủ – xã hội Nga. Tuy vậy, nhóm “Giải phóng lao động” đã phạm phải một số sai lầm nghiêm trọng là: đánh giá quá cao vai trò của giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa, chưa đánh giá đúng mức tinh thần cách mạng của nông dân với tư cách là lực lượng hậu bị của cách mạng vô sản. Những sai lầm này là mầm mống của những quan điểm men-sê-vích sau này của Plê-kha-nốp và của các thành viên khác trong nhóm.

V. I. Lê-nin chỉ rõ rằng nhóm “Giải phóng lao động” “chỉ mới thành lập đảng dân chủ – xã hội về mặt lý luận và chỉ mới bước đầu hướng tới phong trào công nhân mà thôi” (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 20, tr. 319).

Tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, vào tháng Tám 1903, nhóm “Giải phóng lao động” tuyên bố tự giải tán. – 209.

⁶² Lê-nin có ý nói đến *Hội liên hiệp lao động quốc tế* hay Quốc tế I, - tổ chức quốc tế đầu tiên có tính chất quần chúng của giai cấp vô sản, thành lập ngày 28 tháng Chín 1864, trong một cuộc họp của công nhân quốc tế tổ chức tại Luân-đôn, do công nhân Pháp và Anh triệu tập. Việc thành lập Quốc tế I là kết quả đấu tranh kiên trì trong nhiều năm của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n để lập ra một đảng cách mạng của giai cấp công nhân. C. Mác là người tổ chức và lãnh đạo Quốc tế I, là tác giả bản “Tuyên ngôn thành lập”, bản Điều lệ và những văn kiện có tính chất cương lĩnh và sách lược khác của Quốc tế I. V. I. Lê-nin đã nhận định rằng Quốc tế I “đặt nền tảng cho tổ chức quốc tế của những người công nhân để chuẩn bị cuộc tấn công cách mạng của những người công nhân chống tư bản”, “đặt nền tảng cho cuộc đấu tranh vô sản có tính chất quốc tế, để thực hiện chủ nghĩa xã hội” (Toàn tập, tiếng

Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1971, t. 29, tr. 348 – 349).

Cơ quan trung ương lãnh đạo của Quốc tế I là Hội đồng trung ương Hội liên hiệp lao động quốc tế mà C. Mác là uỷ viên thường trực. Để khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực và những xu hướng bề phái lúc đó, đang chiếm ưu thế trong phong trào công nhân (chủ nghĩa công liên ở Anh, chủ nghĩa Pru-đông và chủ nghĩa vô chính phủ ở các nước thuộc hệ ngôn ngữ rô-manh, chủ nghĩa Lát-xan ở Đức), Mác đã tập hợp những công nhân tiên tiến ở châu Âu và châu Mỹ trên cơ sở những nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học. Quốc tế I lãnh đạo cuộc đấu tranh kinh tế và chính trị của công nhân các nước và củng cố sự đoàn kết quốc tế của họ. Quốc tế I đóng vai trò to lớn trong sự nghiệp truyền bá chủ nghĩa Mác, trong việc thống nhất chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân.

Sau khi Công xã Pa-ri bị thất bại, nhiệm vụ trước mắt của giai cấp công nhân là thành lập những đảng quốc gia có tính chất quần chúng, dựa trên cơ sở những nguyên tắc mà Quốc tế I đã đề ra. “Xét thấy tình hình châu Âu, - C. Mác viết vào năm 1873, - tôi cho rằng, điều tuyệt đối có lợi là tạm thời đưa hình thức tổ chức chính thức của Quốc tế xuống hàng thứ yếu” (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 288). Năm 1876, tại hội nghị đại biểu ở Phi-la-đen-phi, Quốc tế I đã chính thức giải tán. – 215.

⁶³ *Chủ nghĩa Béc-stanh* – trào lưu tư tưởng thù địch với chủ nghĩa Mác trong phong trào dân chủ – xã hội quốc tế, trào lưu này xuất hiện ở Đức hồi cuối thế kỷ XIX và mang tên nhà dân chủ – xã hội Đức E. Béc-stanh. Béc-stanh là người biểu thị công khai xu hướng cơ hội chủ nghĩa hữu khuynh trong nội bộ đảng dân chủ – xã hội Đức, đặc biệt sau khi Ph. Ăng-ghe-n mất, vào năm 1895, thì xu hướng đó lại càng bộc lộ ra một cách rõ rệt.

Trong những năm 1896 – 1898, Béc-stanh cho đăng trên tờ “Die Neue Zeit” (“Thời mới”) – cơ quan lý luận của đảng dân chủ – xã hội Đức – một loạt bài báo lấy tên là “Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội” để công khai xét lại chủ nghĩa Mác. Phái tả của đảng dân chủ – xã hội Đức bắt đầu chống lại Béc-stanh trên mặt báo của mình, nhưng Ban chấp hành trung ương đảng thì không chống lại Béc-stanh và chủ nghĩa Béc-stanh. Tháng Bảy 1898, bài báo “Béc-stanh và chủ nghĩa duy vật” của G. V. Plê-kha-nốp đã mở đầu cho cuộc luận chiến trên tờ “Die Neue Zeit”.

Tháng Ba 1899, những bài báo của Béc-stanh được xuất bản thành một tập lấy tên là “Những tiền đề của chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ của đảng dân chủ – xã hội”. Cuốn sách được phát hành trong đảng Đức và các phân tử cơ hội chủ nghĩa trong các đảng khác của Quốc tế II ủng hộ. Khẩu hiệu “tự do phê phán” của Béc-stanh cũng được “những người mác-xít hợp pháp” và “phái kinh tế” ở Nga ủng hộ. Cơ quan kiểm duyệt Nga cho phép cuốn sách của Béc-stanh được xuất bản 3 lần, còn Du-ba-tốp thì xếp nó vào loại sách cho công nhân đọc.

Tại các đại hội đảng dân chủ – xã hội Đức ở Stút-ga (tháng Mười 1898), Han-nô-vơ (tháng Mười 1899) và Li-u-bếch (tháng Chín 1901), chủ nghĩa Béc-stanh bị lên án, song, do đại bộ phận lãnh tụ của đảng có lập trường điều hoà nên đảng đã không đoạn tuyệt với Béc-stanh. Phái Béc-stanh tiếp tục công khai tuyên truyền tư tưởng xét lại trên tờ “Sozialistische Monatshefte” (“Nguyệt san xã hội chủ nghĩa”) – cơ quan lý luận của phái này – và trong các tổ chức đảng.

Chỉ có đảng của những người bôn-sê-vích, do V. I. Lê-nin đứng đầu, là đã đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa Béc-stanh, chống lại những kẻ tán thành và môn đồ của phái này.

Bên cạnh những tác phẩm có trong tập này, Lê-nin còn phê phán và vạch mặt phái Béc-stanh cả trong tác phẩm “Làm gì?” (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1975, t. 6) trong các bài báo “Chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa xét lại” (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1972, t. 15, tr. 31 – 44), “Những sự bất đồng trong phong trào công nhân châu Âu” (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1971, t. 16, tr. 459 – 466) v.v.. – 216.

⁶⁴ Xem C. Mác. “Sự khốn cùng của triết học” (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 4, tr. 178 – 185). – 216.

⁶⁵ Ở đây, Lê-nin phê phán luận điểm nổi tiếng của phái Lát-xan cho rằng đối với giai cấp công nhân, tất cả các giai cấp khác đều chỉ là một khối phản động. Luận điểm đó được ghi trong cương lĩnh mà những người dân chủ – xã hội Đức đã thông qua tại đại hội Gô-ta năm 1875, khi có sự thống nhất hai đảng xã hội chủ nghĩa Đức vốn từ trước tách rời nhau: đảng Ai-xơ-nách và đảng của những người thuộc phái Lát-xan.

C. Mác vạch trần tính chất phản cách mạng của luận điểm này trong cuốn “Phê phán cương lĩnh Gô-ta” (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Tuyển tập gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1971, t. II, tr. 22 – 24). – 218.

⁶⁶ “*Hội liên hiệp công nhân Nga ở miền Bắc*” – một trong những tổ chức chính trị – cách mạng đầu tiên của giai cấp công nhân, tổ chức này ra đời là do sự lớn mạnh của phong trào công nhân ở Nga. “Hội liên hiệp” được thành lập ở Pê-téc-bua vào cuối năm 1878. Những người sáng lập ra “Hội liên hiệp” là những công nhân Pê-téc-bua: thợ nguội Vích-to Ôp-noóc-xki và thợ mộc Xtê-pan Khan-tu-rin. Trong các cuộc họp ngày 23 và 30 tháng Chạp 1878, công nhân đã thông qua cương lĩnh của “Hội liên hiệp”, bản cương lĩnh này chỉ rõ rằng căn cứ theo những nhiệm vụ của mình thì “Hội liên hiệp” gắn bó chặt chẽ với các đảng dân chủ – xã hội Tây Âu. Bản cương lĩnh xác định vai trò lịch sử của giai cấp công nhân, thừa nhận giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến trong xã hội, đòi những quyền lợi chính trị và tự do chính trị cho công nhân, coi đó là điều kiện cần thiết để giải phóng khỏi sự bóc lột, kêu gọi công nhân Nga tiến hành đấu tranh giai cấp cùng với giai cấp vô sản ở các nước khác. “Hội liên hiệp” đề ra mục đích cuối cùng là “lật đổ chế độ chính trị và kinh tế của nhà nước đương cầm quyền, coi đó là một chế độ hết sức bất công”. Song, bản cương lĩnh của “Hội liên hiệp”, có đôi chỗ còn chịu ảnh hưởng của phái dân túy.

Đầu năm 1879 “Hội liên hiệp” có khoảng 200 hội viên và cũng có chừng bấy nhiêu người cảm tình. Ban lãnh đạo của “Hội liên hiệp” đặt nhiệm vụ là sẽ biến hội thành một tổ chức công nhân toàn Nga. “Hội liên hiệp” tích cực tham gia vào cuộc đấu tranh bãi công của giai cấp vô sản. Một trong những người lãnh đạo cuộc bãi công lớn nhất năm 1879 ở Pê-téc-bua tại Xưởng dệt vải sợi mới là P. A. Mũi-xê-en-cô, hội viên của “Hội liên hiệp”. “Hội liên hiệp” cho phát hành một loạt truyền đơn kêu gọi công nhân, ủng hộ về mặt tài chính những người bãi công. Năm 1879 - đầu năm 1880, tổ chức “Hội liên hiệp” bị chính phủ Nga hoàng phá vỡ. Ngày 15 tháng Hai 1880, những hội viên của “Hội liên hiệp” còn kịp xuất bản được số báo đầu tiên của công nhân Nga, tờ “Bình minh của công nhân”, số này hầu như bị tịch thu hoàn toàn. – 219.

⁶⁷ “*Hội liên hiệp công nhân Nga ở miền Nam*” - một tổ chức chính trị – cách mạng đầu tiên của công nhân Nga, hội này do nhà trí thức cách mạng E. O. Da-xláp-xki thành lập vào tháng Tư – tháng

Năm 1875 ở Ô-đét-xa. “Hội liên hiệp” được thành lập từ những nhóm công nhân, - những nhóm này đã lập nên quỹ tín dụng – tiết kiệm. Trong điều lệ của “Hội liên hiệp”, lần đầu tiên trong lịch sử của phong trào công nhân Nga, có đề cập đến cuộc đấu tranh của công nhân chống ách áp bức của tư bản và bản điều lệ chỉ ra rằng “chỉ có thông qua con đường cách mạng bạo lực”, thì công nhân mới giành được quyền lợi cho mình.

“Hội liên hiệp” có tới 60 hội viên tích cực, và khoảng 150 – 200 công nhân ủng hộ hoạt động của hội. Những hội viên của “Hội liên hiệp” tổ chức họp mặt, đọc và truyền bá những sách báo dân chủ – cách mạng, tích cực tham gia vào việc tổ chức các cuộc bãi công. “Hội liên hiệp” cố gắng mở rộng ảnh hưởng của mình vào công nhân ở các thành phố công nghiệp miền Nam nước Nga: Rô-xtốp trên sông Đôn, Khác-cốp, Ta-gan-rô-gơ v.v.. Ở Rô-xtốp trên sông Đôn, các môn đồ của Da-xláp-xki đã tổ chức được một chi hội của “Hội liên hiệp”. Tháng Chạp 1875, sau khi tồn tại được 8 – 9 tháng, “Hội liên hiệp” bị chính phủ Nga hoàng phá tan. Những hội viên của “Hội liên hiệp” chưa bị bắt thì vẫn tiếp tục hoạt động cách mạng. – 219.

⁶⁸ “*Tư tưởng công nhân*” – cơ quan ngôn luận của “phái kinh tế” xuất bản từ tháng Mười 1897 đến tháng Chạp 1902. Báo ra được 16 số. Hai số đầu in rô-nê-ô ở Pê-téc-bua, từ số 3 đến số 11 xuất bản ở nước ngoài, tại Béc-ling, những số 12, 13, 14 và 15 chuyển sang in ở Vác-sa-va; số cuối cùng, số 16, lại xuất bản ở nước ngoài. Báo do C. M. Ta-khta-rép và những người khác biên tập.

Lê-nin phê phán những quan điểm của báo “Tư tưởng công nhân” trong bài báo “Một khuynh hướng thật lười trong phong trào dân chủ – xã hội Nga” (xem tập này, tr. 303 – 345), trong những bài báo đăng trên báo “Tia lửa” và trong tác phẩm “Làm gì?”. – 220.

⁶⁹ “*Báo công nhân Xanh Pê-téc-bua khổ nhỏ*” – tờ báo bất hợp pháp cơ quan ngôn luận của “Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân” ở Pê-téc-bua. Ra được hai số: số 1 ra hồi tháng Hai (đề tháng Giêng) 1897, in rô-nê-ô ở Nga, số lượng khoảng 300 – 400 bản, và số 2 xuất bản vào tháng Chín năm 1897 ở Giơ-ne-vơ, in ti-pô.

Tờ báo đề ra nhiệm vụ gắn liền đấu tranh kinh tế của giai cấp công nhân với những yêu sách chính trị rộng rãi, nhấn mạnh sự cần thiết phải thành lập một đảng công nhân. – 221.

⁷⁰ “*Báo công nhân*” – cơ quan bất hợp pháp của nhóm dân chủ – xã hội Ki-ép. Ra được hai số: số 1 ra hồi tháng Tám 1897 và số 2 ra hồi tháng Chạp (đề tháng Mười một) cùng năm ấy. P. L. Tu-tsáp-xki, biên tập viên của báo, nhân chuyến đi công tác ra nước ngoài, theo sự uỷ nhiệm của ban biên tập, đã giới thiệu với G. V. Plê-kha-nốp và các hội viên khác của nhóm “Giải phóng lao động” về số 1 của “*Báo công nhân*”, và ông Tu-tsáp-xki đã mời được số người này cộng tác với báo. Trong thư gửi ban biên tập “*Báo công nhân*” G. V. Plê-kha-nốp đánh giá tốt tờ báo này, coi nó là cơ quan ngôn luận của phong trào dân chủ – xã hội toàn Nga và ông còn chỉ ra rằng cần phải chú ý hơn nữa đến những vấn đề đấu tranh chính trị của giai cấp vô sản. Số 2 của “*Báo công nhân*”, do có liên hệ với những đại biểu của nhóm “Giải phóng lao động” nên đã mang tính chất chính trị rõ ràng hơn. Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, họp hồi tháng Ba 1898, đã công nhận “*Báo công nhân*” là cơ quan ngôn luận chính thức của đảng. Sau khi cảnh sát phá nhà in và bắt giam những uỷ viên trong Ban chấp hành trung ương do đại hội bầu ra, thì số báo thứ 3 mặc dù đã chuẩn bị lên khuôn chữ, cũng không ra được. Về ý định khôi phục lại việc xuất bản tờ báo này năm 1899, hãy xem tập này, tr. 227 – 229 cũng như xem tác phẩm “*Làm gì?*” (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1975, tr. 6). – 221.

⁷¹ *Đại hội lần thứ nhất của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga* họp bí mật ở Min-xcơ từ ngày 1 đến 3 (13 – 15) tháng Ba 1898. Vấn đề cần thiết phải triệu tập đại hội là do Lê-nin nêu ra, năm 1896, khi Người còn đang bị cầm tù ở Pê-téc-bua. Do những người lãnh đạo của “Hội liên hiệp đấu tranh” Pê-téc-bua, đứng đầu là Lê-nin, bị bắt và bị đày đi Xi-bi-ri, sau đó thì cánh cơ hội chủ nghĩa trong “Hội liên hiệp” mở rộng hoạt động, cho nên trên thực tế, đại hội không họp được.

Một tổ chức dân chủ – xã hội ở Ki-ép (một nhóm đặc biệt được cử ra trong một hội nghị đại biểu họp trước khi có đại hội, tháng Ba 1897), - tổ chức này rất bí mật, được bảo toàn sau vụ khủng bố của cảnh sát, - đã tiến hành công việc chuẩn bị đại hội. Đại hội được triệu tập trong hoàn cảnh đang có cuộc đấu tranh chống khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa – “chủ nghĩa kinh tế” - đang phát triển trong đảng dân chủ – xã hội.

Tham gia đại hội có 9 đại biểu của 6 tổ chức (các “Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân” Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Ki-ép và Ê-ca-tê-ri-nô-xláp thì mỗi tổ chức đó có một đại

biểu, nhóm “*Báo công nhân*” ở Ki-ép thì có 2 đại biểu, và tổ chức Bun có 3 đại biểu).

Đại hội thông qua nghị quyết hợp nhất các “Hội liên hiệp đấu tranh” các địa phương và tổ chức phái Bun lại thành “Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga” thống nhất. Về vấn đề dân tộc, đại hội công nhận quyền tự quyết của mỗi dân tộc. Đại biểu của “Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân” Pê-téc-bua (X. I. Rát-tsen-cô), của “*Báo công nhân*” Ki-ép (B. L. Ai-đen-man) và của tổ chức Bun (A. A. Crê-me) được bầu vào Ban chấp hành trung ương. “*Báo công nhân*” được công nhận là cơ quan chính thức của đảng. Những đại biểu tham gia đại hội gửi lời chào mừng đến G. V. Plê-kha-nốp.

“*Tuyên ngôn của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga*” – do Ban chấp hành trung ương công bố nhân danh đại hội, ngay sau khi đại hội bế mạc - đã đặt nhiệm vụ đấu tranh giành tự do về chính trị lên hàng đầu, nhấn mạnh nhiệm vụ đấu tranh chống chế độ chuyên chế và gắn liền cuộc đấu tranh ấy với cuộc đấu tranh sau này chống chủ nghĩa tư bản và giai cấp tư sản. “Hội liên hiệp những người dân chủ – xã hội Nga ở nước ngoài” được coi là đại biểu của đảng ở nước ngoài.

Đại hội tuyên bố thành lập Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, nhưng chưa thành lập được một đảng với tính cách một khối hoàn toàn thống nhất. Ngay sau đại hội, Ban chấp hành trung ương bị bắt. Đại hội chưa thảo ra được cương lĩnh, đường lối chính trị của đại hội chưa kiên định một cách đầy đủ, xét theo quan điểm của chủ nghĩa Mác, trong việc xác định nhiệm vụ lịch sử của giai cấp công nhân Nga. Song Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga đã đánh dấu một bước tiến trong việc tập hợp giai cấp vô sản đã giác ngộ chính trị xung quanh đảng dân chủ – xã hội cách mạng. – 221.

⁷² “*Dân ý*” – tổ chức chính trị bí mật của phái dân túy chủ trương khủng bố, xuất hiện vào tháng Tám 1879, do kết quả của sự phân liệt trong tổ chức dân túy “*Ruộng đất và tự do*”. Đứng đầu nhóm “*Dân ý*” là Ban chấp hành, thành phần gồm có A. I. Giê-li-a-bốp, A. Đ. Mí-khai-lốp, M. Ph. Phrô-len-cô, N. A. Mô-rô-dốp, V. N. Phi-gnéc, X. L. Pê-rốp-xcai-a, A. A. Kvi-át-cốp-xki và nhiều người khác. Tuy còn giữ lập trường xã hội chủ nghĩa không tưởng của phái dân túy, nhóm “*Dân ý*” đi vào con đường đấu tranh chính trị, coi nhiệm vụ quan trọng bậc nhất là lật đổ chế độ chuyên chế và giành tự do chính trị. Cương lĩnh của họ đã dự kiến trước việc

tổ chức “cơ quan đại diện thường trực nhân dân”, được bầu ra trên cơ sở quyền phổ thông đầu phiếu; việc tuyên bố các quyền tự do dân chủ; việc chuyển ruộng đất về cho nhân dân và đề ra các biện pháp để chuyển nhà máy và công xưởng về tay công nhân. V. I. Lê-nin đã viết: “Khi chuyển sang đấu tranh chính trị, phái “Dân ý” đã tiến lên được một bước, nhưng họ không gắn được cuộc đấu tranh chính trị với chủ nghĩa xã hội” (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1965, t. 8, tr. 75 – 76).

Phái “Dân ý” tiến hành một cuộc đấu tranh anh dũng chống chế độ chuyên chế Nga hoàng. Nhưng do xuất phát từ lý luận sai lầm về “những anh hùng” tích cực và về “đám đông” tiêu cực, họ cho rằng có thể cải tạo xã hội không cần có sự tham gia của nhân dân, chỉ cần dựa vào lực lượng của bản thân, dựa vào phương pháp khủng bố cá nhân, dọa dẫm và phá hoại chính phủ. Sau ngày 1 tháng Ba 1881 (sau vụ ám sát A-lếch-xan-đơ II), chính phủ đã phá tan tổ chức “Dân ý” bằng những biện pháp truy nã tàn bạo, xử tử và khiêu khích. Những cố gắng khôi phục lại tổ chức “Dân ý”, kéo dài suốt cả những năm 80, đều vô hiệu. Chẳng hạn, năm 1886 xuất hiện một nhóm do A. I. U-li-a-nốp (anh của V. I. Lê-nin) và P. I-a. Sê-vư-rép lãnh đạo, nhóm này kế tục truyền thống của tổ chức “Dân ý”. Sau vụ mưu sát hụt A-lếch-xan-đơ III năm 1887 thì nhóm này bị lộ, các hội viên tích cực đều bị kết án tử hình.

Tuy phê phán cương lĩnh không tưởng và sai lầm của phái “Dân ý”, song V. I. Lê-nin đã hết sức kính trọng cuộc đấu tranh quên mình của các thành viên trong nhóm “Dân ý” chống Nga hoàng, đánh giá cao kỹ thuật hoạt động bí mật và tổ chức tập trung cao độ của họ. – 223.

⁷³ “Hội liên hiệp những người dân chủ – xã hội Nga ở nước ngoài” được thành lập năm 1894 ở Giơ-ne-vơ theo sáng kiến của nhóm “Giải phóng lao động” với điều kiện là tất cả hội viên của “Hội liên hiệp” đều công nhận cương lĩnh của nhóm. Việc biên tập các xuất bản phẩm của “Hội liên hiệp” được uỷ nhiệm cho nhóm “Giải phóng”, và tháng Ba 1895 nhóm này chuyển nhà in của mình cho “Hội liên hiệp” sử dụng. Mùa hè 1895, trong lúc V. I. Lê-nin còn ở nước ngoài, “Hội liên hiệp” đã thông qua nghị quyết cho xuất bản những văn tập “Người lao động”, trong đó, những người dân chủ – xã hội ở Nga – là những người đã chủ xướng việc xuất bản này - đặt điều kiện là việc biên tập các văn tập phải do nhóm

“Giải phóng lao động” phụ trách. “Hội liên hiệp” đã cho ra 6 số “Người lao động”, 10 số “Người lao động” khổ nhỏ; đã xuất bản tác phẩm của V. I. Lê-nin: “Giải thích luật phạt tiền” (1897), tác phẩm của G. V. Plê-kha-nốp: “Cuộc tiến quân mới chống đảng dân chủ – xã hội Nga” (1897) v.v..

Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga họp vào tháng Ba 1898, đã thừa nhận “Hội liên hiệp” là đại biểu của đảng ở nước ngoài. Về sau, các phần tử cơ hội chủ nghĩa – “phái kinh tế” hay còn gọi là “phái trẻ” – chiếm ưu thế trong “Hội liên hiệp”. Họ không tán thành bản “Tuyên ngôn” của đại hội, vì đại hội tuyên bố rằng đấu tranh giành tự do chính trị là mục đích cấp bách của đảng dân chủ – xã hội.

Tháng Mười một 1898, tại Đại hội lần thứ nhất của “Hội liên hiệp” ở Xuy-rich, nhóm “Giải phóng lao động” tuyên bố là không đảm nhận việc biên tập những xuất bản phẩm của “Hội liên hiệp”, trừ số 5 – 6 “Người lao động” và những cuốn sách mỏng của V. I. Lê-nin: “Nhiệm vụ của những người dân chủ – xã hội Nga” và “Luật công xưởng mới” mà nhóm đã đảm nhận xuất bản. Từ tháng Tư 1899, “Hội liên hiệp” cho xuất bản tạp chí “Sự nghiệp công nhân”, trong ban biên tập của tạp chí có những người thuộc “phái kinh tế”: B. N. Cri-tsep-xki, V. P. I-van-sin v.v.. “Hội liên hiệp” đưa ra những lời tuyên bố đồng tình với E. Béc-stanh và phái Min-lơ-răng v.v..

Cuộc đấu tranh trong nội bộ “Hội liên hiệp” tiếp tục cho mãi đến Đại hội II của “Hội liên hiệp” (tháng Tư 1900, Giơ-ne-vơ) và ngay cả trong đại hội. Kết quả của cuộc đấu tranh này là nhóm “Giải phóng lao động” và những người đồng tình với nhóm này bỏ đại hội và đứng ra thành lập một tổ chức riêng: “Người dân chủ – xã hội”.

Trong Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, năm 1903, đại biểu của “Hội liên hiệp” (“những người của báo “Sự nghiệp công nhân””) giữ lập trường cơ hội chủ nghĩa cực đoan và bỏ đại hội ngay sau khi đại hội công nhận “Đồng minh dân chủ – xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài” là tổ chức duy nhất của đảng ở nước ngoài. Đại hội II của đảng tuyên bố giải tán “Hội liên hiệp” (xem “Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội, hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương”, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 7, ph. I, 1954, tr. 56). – 224.

⁷⁴ Những bài báo “Cương lĩnh của chúng ta”, “Nhiệm vụ trước mắt của chúng ta” và “Một vấn đề cấp bách” do Lê-nin viết tại nơi bị

đầy. Những bài báo này viết cho “Báo công nhân” mà tại Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga được công nhận là cơ quan chính thức của đảng. Năm 1899 Ban chấp hành trung ương của tổ chức Bun cố gắng khôi phục lại việc xuất bản báo, và nhóm biên tập mời Lê-nin tham gia biên tập báo và sau đó cộng tác với báo. Lê-nin đã gửi những bài báo kèm theo một bức thư cho nhóm biên tập. Việc khôi phục lại tờ báo không thành nên những bài báo đó không được đăng. Ngoài phong bì đựng những bài báo này, Lê-nin có ghi như sau: “Những bài viết cho “Báo công nhân” đã được khôi phục lại (1899). Các bài này được tổ chức Bun gửi đến vào tháng Giêng 1901”. – 255.

⁷⁵ Tuyên bố của E. Béc-stanh về việc đa số những người dân chủ – xã hội Nga tán thành quan điểm của ông ta (xem những chú thích ở trang 170, 173 cuốn “Die Voraussetzungen des Sozialismus und die Aufgaben der Sozialdemokratie”, xuất bản lần thứ nhất, tiếng Đức) để trả lời bài báo của G. V. Plê-kha-nốp đăng trên tạp chí “Die Neue Zeit” (“Thời mới”), - bài báo này mở đầu cho cuộc tranh luận về những bài của Béc-stanh, sau này được tập hợp lại trong cuốn “Những tiền đề của chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ của đảng dân chủ – xã hội”. E. Béc-stanh muốn mượn bản tuyên bố đó để nhấn mạnh rằng trong khi còn lưu vong ở nước ngoài thì G. V. Plê-kha-nốp không thể nào phản ánh được quan điểm của “những người dân chủ – xã hội Nga đang hoạt động ở nước Nga”. – 228.

⁷⁶ Đây là nói về sự phân liệt xảy ra tại Đại hội lần thứ nhất của “Hội liên hiệp những người dân chủ – xã hội Nga” ở nước ngoài, họp vào tháng Mười một 1898 tại Xuy-rích. – 228.

⁷⁷ Văn tập “Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản” số 1, do nhóm dân chủ – xã hội ở U-ran xuất bản, in vào mùa đông 1898 – 1899 tại nhà in của nhóm. Những tác giả của văn tập đứng trên lập trường của “phái kinh tế”, phủ nhận sự cần thiết phải thành lập một chính đảng độc lập của giai cấp công nhân và cho rằng cách mạng chính trị có thể thực hiện được bằng con đường tổng bãi công. Lê-nin đã nhận xét và đánh giá những quan điểm của các tác giả ấy trong ch. IV, tác phẩm “Làm gì?” của Người (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1975, t. 6). – 229.

⁷⁸ Đây là nói về “Dự thảo cương lĩnh của đảng ta” (xem tập này, tr. 267 – 302). – 229.

⁷⁹ Đây là nói về việc triệu tập Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, đại hội cần phải thông qua cương lĩnh của đảng, thảo điều lệ và tổ chức các trung ương của đảng (Ban chấp hành trung ương và ban biên tập của Cơ quan ngôn luận trung ương). Việc chuẩn bị đại hội, họp vào tháng Bảy – tháng Tám 1903, là do ban biên tập báo “Tia lửa” và các tổ chức của “Tia lửa” ở Nga và ở nước ngoài tiến hành suốt từ năm 1900 đến 1903. Ý định triệu tập đại hội II vào năm 1900 là do sáng kiến của Ban chấp hành Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, được sự ủng hộ của phái Bun và “Hội liên hiệp những người dân chủ – xã hội Nga” ở nước ngoài, ban lãnh đạo của “Hội liên hiệp” này nằm trong tay “phái kinh tế”. Đại hội định sẽ họp vào mùa xuân 1900 ở Xmô-len-xcơ. Đại biểu của Ban chấp hành Ê-ca-tê-ri-nô-xláp là I. Kh. La-la-i-an-txơ, người có chân trong ban tổ chức đại hội, tháng Hai 1900 đã đến Mát-xcơ-va và tiến hành đàm phán với Lê-nin về việc đại hội khôi phục lại “Báo công nhân” và thừa nhận ban biên tập gồm có V. I. Lê-nin, A. N. Pô-tơ-rê-xốp và L. Mác-tốp (I-u. Ô. Txê-đéc-bau-mơ). V. I. Lê-nin và những người trong nhóm “Giải phóng lao động” cho rằng triệu tập đại hội như vậy là sớm (xem tập này, tr. 411 – 412, 452 – 453); tuy nhiên, nhóm “Giải phóng lao động” không thể từ chối tham gia đại hội và đã trao cho V. I. Lê-nin quyền đại diện cho nhóm ở đại hội, giấy uỷ nhiệm này gửi từ nước ngoài về. Đại hội không họp được vì có nhiều tổ chức dân chủ – xã hội bị bắt trong tháng Tư – tháng Năm 1900 (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1975, t. 6). – 229.

⁸⁰ Ban trung chuyển có thể gồm có L. M. Khi-pô-vích (A-xơ-ra-khan) hoặc L. Mác-tốp (Tu-ru-khan-xcơ). Ban chấp hành trung ương của phái Bun đã nhờ L. Mác-tốp chuyển tới Lê-nin lời mời cộng tác với tờ “Báo công nhân”. – 229.

⁸¹ Đây là nói về bài báo của G. V. Plê-kha-nốp “Béc-stanh và chủ nghĩa duy vật”, đăng hồi tháng Bảy 1898 trong số 44 của tờ tạp chí dân chủ – xã hội Đức “Die Neue Zeit” (“Thời mới”) có kèm theo chú thích sau đây của ban biên tập: “Bài này là bài mở đầu cho cuộc tranh luận về “Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội” mà Béc-stanh đã nêu lên. Người ta hứa sẽ gửi tiếp những bài báo chống lại Béc-stanh”. Cuối tháng Mười – đầu tháng Mười một 1898, G. V. Plê-kha-nốp đã cho đăng trong những số 253 – 255 tờ “Sächsische Arbeiter-Zeitung” (“Báo công nhân ở Dắc-dên”) bài báo “Vi sao chúng ta phải cảm ơn ông ấy? Bức thư ngõ gửi Các-lơ Cau-xky”, trong

đó G. V. Plê-kha-nốp viết rằng trong lúc đang có cuộc đấu tranh “ai đào huyệt chôn ai: *Béc-stanh đào huyệt chôn đảng dân chủ – xã hội hay đảng dân chủ – xã hội chôn Béc-stanh?*” thì Cau-xky lại tỏ ra thỏa hiệp với kẻ thù của chủ nghĩa xã hội. G. V. Plê-kha-nốp đã viết cho C. Cau-xky: “Ông vốn đã thiên về phía Béc-stanh vì vậy ông sai quá đi mất rồi”. Lê-nin được biết về bài phát biểu đó của G. V. Plê-kha-nốp và Người có hỏi xin những bài báo của Plê-kha-nốp để ngày 1 tháng Chín 1899 (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 55, tr. 177). Về những bài báo của G. V. Plê-kha-nốp hãy xem: Plê-kha-nốp. Toàn tập, tiếng Nga, t. XI, 1928, tr. 13 – 39. – 231.

⁸² *Đại hội đảng dân chủ – xã hội Đức họp tại Han-nô-vơ* triệu tập từ 9 – 14 tháng Mười (theo lịch mới) 1899. A. Bê-ben đọc báo cáo về vấn đề chủ yếu trong chương trình nghị sự: “Những sự tấn công chống lại các quan điểm cơ bản và sách lược của đảng”. Lê-nin viết rằng báo cáo của Bê-ben mãi mãi sẽ là “một mẫu mực về việc bảo vệ những quan điểm mác-xít và đấu tranh cho tính chất xã hội chủ nghĩa chân chính của đảng công nhân” (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 23, tr. 368 – 369). Song đại hội, mặc dù đã phản đối những quan điểm xét lại của Béc-stanh, nhưng không tiến hành phê phán toàn diện chủ nghĩa Béc-stanh. – 231.

⁸³ Lê-nin muốn nói đến những cuộc bãi công của công nhân Pê-téc-bua, phần lớn là công nhân dệt, năm 1895 và đặc biệt là năm 1896. Cuộc bãi công năm 1896 bắt đầu ngày 23 tháng Năm tại xưởng dệt Ca-linkin-xkô, nguyên nhân bãi công là do bọn chủ xưởng không chịu trả đầy đủ lương cho công nhân trong những ngày nghỉ nhân dịp lễ vua Ni-cô-lai II lên ngôi. Cuộc bãi công nổ ra một cách nhanh chóng ở tất cả những xí nghiệp kéo sợi và dệt chủ yếu tại Pê-téc-bua, sau đó lan đến các nhà máy chế tạo lớn, xưởng sản xuất hàng cao-su, công xưởng sản xuất giấy viết và nhà máy đường. Lần đầu tiên, giai cấp vô sản Pê-téc-bua mở một mặt trận rộng lớn đấu tranh chống lại bọn bóc lột. Có hơn 3 vạn công nhân bãi công. Cuộc bãi công tiến hành dưới sự lãnh đạo của “Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân” Pê-téc-bua, “Hội liên hiệp” phát hành những truyền đơn và những lời kêu gọi, kêu gọi công nhân đoàn kết và kiên trì bảo vệ quyền lợi của mình. “Hội liên hiệp đấu tranh” đã cho in và phổ biến những yêu sách chủ yếu của những người bãi công: rút ngắn ngày làm việc xuống 10 giờ rưỡi, tăng tiền công, trả lương đúng ngày v.v..

Tin về cuộc bãi công đã gây một ấn tượng lớn ở nước ngoài. Những bản tin về cuộc bãi công được đăng trên tờ “Vorwärts” (“Tiến lên”) (Béc-lanh) và tờ “Arbeiter Zeitung” (“Báo công nhân”) (Viên). Thư chúc mừng của công nhân Anh, có chữ ký của các lãnh tụ của tất cả những tổ chức xã hội chủ nghĩa và nghiệp đoàn, đã được dịch ra tiếng Nga và được “Hội liên hiệp đấu tranh” phổ biến trong công nhân Pê-téc-bua. Tại cuộc mít-tinh của hội công liên ở Luân-đôn, bản thông báo của V. I. Da-xu-lích về cuộc bãi công và bài phát biểu của con gái C. Mác Ê-lê-ô-nô-ra Mác - Ê-ve-linh đã được hoan nghênh, những người có mặt tại cuộc mít-tinh mở cuộc quyên góp ủng hộ những người bãi công, các cuộc quyên góp như vậy đã được tiến hành trong các hội công liên. Những cuộc quyên góp cũng được tổ chức ngay cả ở Đức, Áo và Ba-lan. Đại hội của Quốc tế II ở Luân-đôn, họp vào tháng Bảy 1896, nhiệt liệt chào mừng bản thông báo của G. V. Plê-kha-nốp về cuộc bãi công năm 1896 và thông qua nghị quyết đặc biệt để chào mừng công nhân Nga, những người đang tiến hành đấu tranh chống “một trong những chỗ dựa cuối cùng của thế lực phản động châu Âu”.

Những cuộc bãi công ở Pê-téc-bua tạo điều kiện cho đà phát triển của phong trào công nhân ở Mát-xcô-va và ở các thành phố khác của nước Nga, buộc chính phủ phải vội vã xem xét lại luật công xưởng và ban hành luật ngày 2 (14) tháng Sáu 1897 quy định rút ngắn ngày lao động trong các công xưởng và nhà máy và quy định không được quá 11 giờ rưỡi. Như V. I. Lê-nin về sau đã viết, những cuộc bãi công này “đã mở một thời đại phát triển không ngừng về sau này của phong trào công nhân, là sự kiện mạnh mẽ nhất trong toàn bộ cuộc cách mạng ở nước ta” (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 16, tr. 95). – 235.

⁸⁴ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản” (Tuyển tập gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I, tr. 38). – 237.

⁸⁵ *Đạo luật ngoại lệ chống những người xã hội chủ nghĩa* do chính phủ của Bi-xmác ban hành ở Đức năm 1878 nhằm mục đích đấu tranh chống phong trào xã hội chủ nghĩa và công nhân. Đạo luật này ngăn cấm tất cả các tổ chức của đảng dân chủ – xã hội, các tổ chức của quần chúng công nhân và báo chí công nhân, sách báo của những người xã hội chủ nghĩa đều bị tịch thu, những người dân chủ – xã hội bị truy nã và trục xuất. Song sự đàn áp đã không thắng được đảng dân chủ – xã hội, hoạt động của đảng được tổ

chức lại cho phù hợp với những điều kiện tồn tại bất hợp pháp: cơ quan trung ương của đảng, báo “Người dân chủ – xã hội” được xuất bản ở nước ngoài và các đại hội đảng họp thường xuyên (năm 1880, 1883 và năm 1887); ở Đức, trong điều kiện bí mật, các tổ chức và các nhóm dân chủ – xã hội nhanh chóng được phục hồi, đứng đầu các tổ chức và nhóm đó là Ban chấp hành trung ương bất hợp pháp. Đồng thời đảng cũng đã sử dụng rộng rãi những khả năng hợp pháp để củng cố mối liên hệ với quần chúng. Ảnh hưởng của đảng lớn lên không ngừng: số phiếu bầu cho những người dân chủ – xã hội trong các cuộc bầu cử vào Quốc hội, kể từ 1878 đến 1890, tăng lên hơn ba lần.

C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã giúp đỡ rất nhiều cho những người dân chủ – xã hội Đức. Năm 1890, dưới áp lực của phong trào công nhân quần chúng và ngày càng lớn mạnh, đạo luật đặc biệt chống những người xã hội chủ nghĩa bị huỷ bỏ. – 247.

⁸⁰ “Vorwärts” (“Tiến lên”) – nhật báo, cơ quan trung ương của Đảng dân chủ – xã hội Đức; xuất bản ở Béc-ling từ năm 1891 theo nghị quyết của Đại hội đảng ở Han-ơ. Tờ báo kế tục tờ “Berliner Volksblatt” (“Báo nhân dân Béc-ling”) xuất bản từ năm 1884, báo này mang tên “Vorwärts. Berliner Volksblatt”. Trên tờ báo này, Ph. Ăng-ghe-n đã đấu tranh chống lại mọi biểu hiện của chủ nghĩa cơ hội. Từ nửa cuối những năm 90, sau khi Ăng-ghe-n mất, ban biên tập tờ “Vorwärts” rơi vào tay cánh hữu của đảng và bọn này cho đảng một cách có hệ thống những bài báo của phái cơ hội chủ nghĩa. Trong khi trình bày một cách có thiên kiến cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa xét lại trong Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga thì tờ “Vorwärts” lại ủng hộ “phái kinh tế”, và sau này, sau khi đảng bị phân liệt, thì lại ủng hộ bọn men-sê-vích. Trong những năm ngự trị của thế lực phản động, tờ “Vorwärts” đăng những bài báo có tính chất vu khống của Tờ-rốt-xki, không để cho Lê-nin và những người bên-sê-vích đứng ra cải chính và không để cho họ đánh giá một cách khách quan tình hình công việc của đảng. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, tờ “Vorwärts” đứng trên lập trường của chủ nghĩa xã hội – sô-vanh; sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, tờ báo này tuyên truyền chống Xô-viết. Báo ra ở Béc-ling đến năm 1933. – 248.

⁸⁷ “Zur Kritik” – tên gọi tắt của cuốn sách của C. Mác: “Zur Kritik der politischen Ökonomie” – “Góp phần phê phán chính trị kinh tế học” (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất

bản lần thứ 2, t. 13, tr. 1 – 167). Ở đây, Lê-nin viện dẫn bản tiếng Nga, năm 1896. – 255.

⁸⁸ “Báo Rê-na-ni về vấn đề chính trị, thương nghiệp và công nghiệp” (“Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe”) – nhật báo, xuất bản ở Cô-lô-nơ từ ngày 1 tháng Giêng 1842 đến ngày 31 tháng Ba 1843. Báo do những đại biểu của giai cấp tư sản ở Rê-na-ni thành lập, có khuynh hướng đối lập với chế độ chuyên chế Phổ. Báo thu hút được cả một số cộng tác viên thuộc phái Hê-ghe-n tả. Từ tháng Tư 1842, C. Mác là cộng tác viên của tờ “Rheinische Zeitung”, và từ tháng Mười năm đó, là một trong những biên tập viên. Báo “Rheinische Zeitung” cũng có đăng nhiều bài của Ph. Ăng-ghe-n. Trong thời gian Mác tham gia biên tập, tờ báo đã mang tính dân chủ – cách mạng rõ rệt hơn. Khuynh hướng của tờ “Rheinische Zeitung” – một tờ báo được phổ biến rộng rãi ở Đức – làm cho các giới trong chính phủ lấy làm lo ngại và báo chí phản động thì đã kích dử dội tờ báo đó. Ngày 19 tháng Giêng 1843, chính phủ Phổ ra quyết định đóng cửa tờ “Rheinische Zeitung” kể từ ngày 1 tháng Tư 1843, còn từ ngày ra quyết định đến ngày thi hành quyết định này thì việc tiến hành kiểm duyệt tờ báo đó lại gặt gao gấp bội. Do việc những người có cổ phần trong tờ “Rheinische Zeitung” muốn làm cho tờ báo có một thái độ ôn hoà hơn để mong chính phủ huỷ bỏ quyết định ấy, nên ngày 17 tháng Ba 1843, Mác tuyên bố rút ra khỏi ban biên tập của tờ báo đó. – 255.

⁸⁹ Lê-nin nói đến bản “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản” do C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n viết, xuất bản năm 1848 (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I, tr. 7 – 65). – 255.

⁹⁰ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 13, tr. 8 – 9. – 256.

⁹¹ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 13, tr. 9. – 256.

⁹² Bản dịch cuốn sách: Karl Kautsky. “Bernstein und das sozialdemokratische Programm. Eine Antikritik” (Các-lơ Cau-xky. “Béc-stanh và cương lĩnh dân chủ – xã hội. Chống lại một sự phê phán”) do V. I. Lê-nin dịch với sự tham gia của N. C. Crúp-xcai-a, sau này Crúp-xcai-a có viết là: “Có một lần Pô-tơ-rê-xốp gửi cho chúng tôi mượn

trong hai tuần cuốn sách của Cau-xky chống Béc-stanh, chúng tôi bỏ tất cả mọi công việc khác và dịch nó cho kịp với thời hạn – trong hai tuần” (N. C. Crúp-xcai-a. Hồi ký về Lê-nin. Mát-xcơ-va, 1957, tr. 30). Bản dịch không xuất bản được vào hồi đó.

Năm 1900, ở Nga, đại biểu của nhóm “Ngọn cờ công nhân”, là M. V. Xmiéc-nốp, yêu cầu một trong những người trong nhóm “Tia lửa” cho in bản dịch này. Ngày 3 tháng Giêng 1901, trong thư gửi cho V. P. Nô-ghin, V. I. Lê-nin báo rằng nhóm “Tia lửa” muốn xuất bản tác phẩm của Cau-xky “mang nhãn hiệu của nhóm mình”, và Người hỏi nhóm “Ngọn cờ công nhân” liệu có đồng ý cung cấp kinh phí cho việc xuất bản này không, dù chỉ là một phần thôi. Song, ngay cả lần đó cuốn sách cũng không xuất bản được.

Năm 1905, tại nhà xuất bản của Lvô-vích, bản dịch đã được xuất bản không đầy đủ và lấy tên là: “C. Cau-xky. Tập bài báo” (gồm những chương: Khái niệm duy vật về lịch sử. – Phép biện chứng. – Giá trị. – Sản xuất lớn và nhỏ. – Việc tăng số người hữu sản. – Những công ty cổ phần. – Sử dụng giá trị thặng dư. – Tầng lớp trung gian mới. – Lý luận khủng hoảng). Lần xuất bản thứ nhất không đề tên người dịch; lần xuất bản thứ hai (1906) có đề: “Bản dịch của Lê-nin”. – 266.

⁹³ “Dự thảo cương lĩnh của đảng ta” do Lê-nin viết trong khi bị đày. Con số “(1899)” mà Lê-nin ghi trên bản thảo và bức thư gửi nhóm biên tập “Báo công nhân” (xem tập này, tr. 229) đã chứng minh rằng bản dự thảo được viết khi bị đày. Sở dĩ trong bản viết tay có nhắc đến năm 1900, có lẽ là vì lý do sau đây: số “Báo công nhân” đăng bản “Dự thảo” này thì đã được dự định ra vào năm 1900. “Dự thảo cương lĩnh của đảng ta” là tác phẩm tiếp tục bàn về những vấn đề cương lĩnh, do V. I. Lê-nin bắt đầu viết ở trong tù vào những năm 1895 – 1896 (xem “Dự thảo và thuyết minh về cương lĩnh của đảng dân chủ – xã hội”. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 95 – 130). – 267.

⁹⁴ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Tuyển tập, gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1971, t. II, tr. 11. – 269.

⁹⁵ Xem C. Mác. “Tur bản”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1960, q. I, t. 3, tr. 289. – 275.

⁹⁶ “Cương lĩnh Ēc-phuya” của đảng dân chủ – xã hội Đức, được thông qua hồi tháng Mười 1891, tại đại hội ở Ēc-phuya. Cương lĩnh Ēc-

phuya đã tiến hơn một bước so với cương lĩnh Gô-ta (1875); bản cương lĩnh đó chủ yếu dựa vào học thuyết của chủ nghĩa Mác về sự diệt vong tất yếu của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và sự thay thế phương thức đó bằng phương thức xã hội chủ nghĩa; cương lĩnh nhấn mạnh rằng, giai cấp công nhân cần phải tiến hành đấu tranh chính trị, chỉ rõ vai trò của đảng, với tư cách là người tổ chức cuộc đấu tranh ấy, v.v., nhưng ngay cả bản cương lĩnh Ēc-phuya cũng còn nhiều sai lầm. Ph. Ăng-ghe-n phê phán toàn diện dự thảo cương lĩnh Ēc-phuya, cảnh cáo những âm mưu cơ hội chủ nghĩa muốn xuyên tạc chủ nghĩa Mác trong những vấn đề cương lĩnh; đưa ra hàng loạt điểm sửa đổi một số điểm trong cương lĩnh (“Góp phần phê phán dự thảo cương lĩnh dân chủ – xã hội năm 1891”. Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XVI, ph. II, 1936, tr. 101 – 116); thực chất, đó là phê phán chủ nghĩa cơ hội của toàn thể Quốc tế II. Song ban lãnh đạo của đảng dân chủ – xã hội Đức giấu không cho quần chúng trong đảng biết bài phê bình của Ăng-ghe-n, họ cũng không chú ý đến những nhận xét quan trọng nhất của ông, khi thảo lần cuối cương lĩnh. V. I. Lê-nin cho rằng không hề đả động đến chuyên chính vô sản là sai lầm chủ yếu của cương lĩnh Ēc-phuya, là bước nhượng bộ hèn nhất đối với chủ nghĩa cơ hội. – 275.

⁹⁷ Lê-nin nhắc tới những tờ truyền đơn do chính phủ rải trong thời gian có những cuộc bãi công vào những năm 1896 – 1897. Trong tờ truyền đơn rải ngày 15 tháng Sáu 1896, bộ trưởng Bộ tài chính X. I-u. Vít-te kêu gọi công nhân đừng nghe lời bọn “xúi bẩy” (những người xã hội chủ nghĩa), chờ chính phủ nâng cao đời sống và giảm nhẹ việc làm, chính phủ “đều thiết tha với sự nghiệp của chủ xưởng cũng như của công nhân”. Vít-te dọa trừng phạt những hành động tự ý bỏ việc, coi đó là “những hành động phạm pháp”.

Ngày 27 tháng Sáu 1896, để trả lời những truyền đơn “vụng trộm” của chính phủ với dụng ý lừa dối công nhân, “Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân” cho phát hành ba tờ truyền đơn: “Gửi công nhân trong các công xưởng dệt và kéo sợi”, “Gửi công nhân Pê-téc-bua” và “Gửi công nhân nhà máy Ban-tích”. “Hội liên hiệp” vạch trần thái độ giả dối của Vít-te, kêu gọi công nhân đấu tranh cho đến khi giành được mục tiêu vĩ đại của mình là giải phóng giai cấp công nhân, và đưa ra một loạt yêu sách, đe dọa chính phủ rằng nếu không thoả mãn những yêu sách đó thì sẽ bãi công. Căn cứ vào kinh nghiệm của công nhân dệt ở Pê-téc-bua, “Hội liên hiệp đấu tranh” viết: “Bãi công là phương sách tốt nhất,

hiệu quả nhất của chúng ta... bãi công càng thường xuyên thì nhà đương cục càng run sợ và càng nhanh chóng nhượng bộ". — 279.

⁹⁸ Lê-nin nói đến "*Bản quy chế tạm thời về chế độ quân dịch áp dụng đối với học sinh các trường cao đẳng bị đuổi vì đã gây ra những vụ mất trật tự tập thể*" thông qua ngày 29 tháng Bảy (10 tháng Tám) 1899. Bản quy chế quy định: "Điều 1. Những học sinh các trường cao đẳng nếu gây ra những lộn xộn tập thể trong các trường cao đẳng hoặc ở ngoài trường, nếu kích động nhằm gây mất trật tự tương tự, nếu cố tình bỏ học hoặc xúi bẩy người khác bỏ học thì, căn cứ theo những điều dưới đây, bị đuổi khỏi trường cao đẳng và bị đưa sang quân đội làm nghĩa vụ quân sự, dù những người này có đặc quyền về thành phần gia đình hoặc về học vấn, dù họ chưa đến tuổi gọi đi quân dịch hoặc đã rút thăm được thẻ miễn quân dịch. Chú thích: hình phạt này cũng không miễn truy tố những kẻ phạm những hành động tội ác, bị truy tố trên cơ sở luật pháp hiện hành, theo thủ tục đã quy định... Điều 8. Người nào nằm trong danh sách nhập ngũ..., sau khi khám sức khỏe thấy không đủ điều kiện phục vụ ở đơn vị trực tiếp chiến đấu thì sẽ xếp vào làm nhiệm vụ ở những đơn vị gián tiếp...". Thời hạn phục vụ trong quân đội là từ một đến ba năm.

Sinh viên tất cả các trường cao đẳng ở Nga đều đòi bãi bỏ "*Bản quy chế tạm thời*" (xem bài báo của Lê-nin: "Việc 183 sinh viên bị cưỡng bức đi lính" trong tập này, tr. 493 – 500). — 279.

⁹⁹ *Chế độ xéc-vi-tút* – quyền sử dụng tài sản của người khác. Trong trường hợp này, Lê-nin nói đến tàn dư của những quan hệ nông nô trong các vùng phía Tây. Sau cải cách 1861, nông dân buộc phải chịu những đám phụ cho bọn địa chủ để được sử dụng chung những đường sá, bãi cỏ, đồng cỏ chăn nuôi, những đầm nước v.v.. — 290.

¹⁰⁰ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 8, tr. 208 – 209. — 292.

¹⁰¹ "*Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân*" do Lê-nin sáng lập ra vào mùa thu 1895, hợp nhất gần 20 nhóm công nhân mác-xít ở Pê-téc-bua. Toàn bộ công tác của "Hội liên hiệp đấu tranh" đều xây dựng trên nguyên tắc chế độ tập trung và kỷ luật nghiêm ngặt. Đứng đầu "Hội liên hiệp đấu tranh" là nhóm Trung tâm gồm có: V. I. Lê-nin, A. A. Va-nê-ép, P. C. Da-pô-rô-giê-txơ,

G. M. Cro-gi-gia-nốp-xki, N. C. Crúp-xcai-a, L. Mác-tốp (I-u. Ô. Txê-đéc-bau-mơ), M. A. Xin-vin, V. V. Xtác-cốp v.v.. Quyền lãnh đạo trực tiếp nằm trong tay 5 hội viên của nhóm, đứng đầu là Lê-nin. Tổ chức được chia ra thành từng nhóm theo khu vực. Những công nhân tiên tiến và giác ngộ (I. V. Ba-bu-skin, V. A. Sen-gu-nốp v.v.) đã giúp cho nhóm liên hệ chặt chẽ với các nhà máy và công xưởng. Tại các nhà máy có những người tổ chức việc thu lượm tin tức và phổ biến sách báo, ở các xí nghiệp lớn thì thành lập các nhóm công nhân.

Lần đầu tiên ở Nga, "Hội liên hiệp đấu tranh" đã bắt đầu thực hiện sự kết hợp chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân, việc chuyển từ chỗ tuyên truyền chủ nghĩa Mác trong một số nhỏ các công nhân tiên tiến ở các nhóm, sang công tác cổ động chính trị trong quảng đại quần chúng giai cấp vô sản. "Hội liên hiệp" lãnh đạo phong trào công nhân, gắn cuộc đấu tranh của công nhân đòi thực hiện những yêu sách kinh tế với cuộc đấu tranh chính trị chống chế độ Nga hoàng. Tháng Mười một 1895, "Hội liên hiệp đấu tranh" tổ chức cuộc bãi công ở công xưởng dệt dạ Toóc-no-tôn. Mùa hè 1896, nổ ra cuộc bãi công nổi tiếng của hơn 30.000 thợ dệt ở Pê-téc-bua do "Hội liên hiệp" lãnh đạo. "Hội liên hiệp đấu tranh" phát hành những tờ truyền đơn và những tập sách mỏng cho công nhân. V. I. Lê-nin là tổng biên tập các xuất bản phẩm của "Hội liên hiệp đấu tranh", Người lãnh đạo việc chuẩn bị xuất bản tờ "Sự nghiệp công nhân" – tờ báo chính trị của công nhân. "Hội liên hiệp đấu tranh" mở rộng ảnh hưởng của mình ra ngoài Pê-téc-bua. Dựa vào sáng kiến của "Hội liên hiệp đấu tranh" Pê-téc-bua, người ta đã tiến hành hợp nhất các nhóm công nhân thành các "Hội liên hiệp đấu tranh" ở Mát-xcơ-va, Ki-ép, Ê-ca-tê-ri-nô-xláp và ở các thành phố và các tỉnh khác trong nước Nga.

Tháng Chạp 1895, chính phủ Nga hoàng đã gây cho "Hội liên hiệp đấu tranh" một tổn thất nghiêm trọng: đêm mồng 8 rạng ngày 9 (đêm 20 rạng ngày 21) tháng Chạp 1895, một bộ phận quan trọng những người hoạt động của "Hội liên hiệp" đứng đầu là V. I. Lê-nin đã bị bắt, ngay cả bản khuôn chữ chuẩn bị in số đầu tiên tờ "Sự nghiệp công nhân" cũng bị tịch thu.

Vài ngày sau, tại một cuộc họp đầu tiên – sau vụ bắt bớ đó – của nhóm, người ta đã thông qua nghị quyết đặt tên cho tổ chức của những người dân chủ – xã hội ở Pê-téc-bua là "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân". Để trả lời cho việc bắt Lê-nin và các hội viên khác của "Hội liên hiệp đấu tranh", những hội viên chưa bị bắt đã cho in truyền đơn theo đề tài chính trị do công nhân viết.

Ngay ở trong tù, V. I. Lê-nin vẫn lãnh đạo “Hội liên hiệp”, giúp đỡ “Hội liên hiệp” bằng những lời khuyên, chuyển ra ngoài những tờ truyền đơn và thư viết bằng mật mã, viết tập sách mỏng “Bản về bãi công” (cho đến nay vẫn chưa tìm thấy), “Dự thảo và thuyết minh về cương lĩnh của đảng dân chủ – xã hội” (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 95 – 130).

Ý nghĩa quan trọng của việc Lê-nin thành lập “Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân” là ở chỗ, theo lời Lê-nin, nó là mầm mống của một chính đảng cách mạng, dựa vào phong trào công nhân, lãnh đạo cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản.

Tháng Hai 1897, sau khi được ra khỏi phòng giam, trước khi lên đường đến nơi đây, những người lãnh đạo cũ của “Hội liên hiệp” có tổ chức một cuộc họp chung giữa “phái trẻ” và “phái già”, trong cuộc họp người ta thấy có sự bất đồng về vấn đề cơ bản: về những nhiệm vụ của đảng dân chủ – xã hội Nga. “Phái già” đòi củng cố “Hội liên hiệp đấu tranh” với tư cách là một tổ chức lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân, “phái trẻ” đứng trên lập trường của chủ nghĩa công liên, bảo vệ việc thành lập các quỹ tương trợ bãi công của công nhân v.v.. Sự vắng mặt lâu ngày của những người sáng lập ra “Hội liên hiệp đấu tranh”, đặc biệt là sự vắng mặt của V. I. Lê-nin, do họ bị đày đi Xi-bi-ri, đã tạo cơ hội cho “phái trẻ” dễ dàng tiến hành đường lối của họ. Từ nửa cuối năm 1898 “Hội liên hiệp đấu tranh” nằm trong tay “phái kinh tế”, thông qua tờ “Tư tưởng công nhân”, bọn chúng gieo rắc tư tưởng của chủ nghĩa công liên, chủ nghĩa Béc-stanh vào Nga. Song, năm 1898, những hội viên cũ chưa bị bắt của “Hội liên hiệp”, đã tham gia vào việc chuẩn bị và tiến hành Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, vào việc chuẩn bị phát hành, sau đại hội, “Bản tuyên ngôn”; họ tiếp tục truyền thống của “Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân Nga” của Lê-nin. – 307.

¹⁰² “Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân” Ki-ép được tổ chức hồi tháng Ba 1897, do ảnh hưởng của “Hội liên hiệp đấu tranh” Pê-téc-bua, theo nghị quyết của hội nghị đại biểu ở Ki-ép, hội nghị này cũng đề nghị tất cả các tổ chức dân chủ – xã hội Nga, theo gương của tổ chức ở Pê-téc-bua, lấy tên là “Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân”. “Hội liên hiệp” hợp nhất nhóm dân chủ – xã hội Nga, Ba-lan và một nhóm của Đảng xã hội chủ nghĩa Ba-lan, tất cả gồm hơn 30 hội viên. “Hội liên hiệp đấu tranh” Ki-ép

có liên hệ với “Hội liên hiệp đấu tranh” Pê-téc-bua (tiếp xúc riêng, tìm hiểu các truyền đơn của “Hội liên hiệp” Pê-téc-bua, các tác phẩm có tính chất cương lĩnh của Lê-nin. Tác phẩm của Lê-nin: “Nhiệm vụ của những người dân chủ – xã hội Nga”, do “Hội liên hiệp” Pê-téc-bua gửi bản thảo đến Ki-ép, đã được những người lãnh đạo tổ chức dân chủ – xã hội Ki-ép nghiên cứu). “Hội liên hiệp” Ki-ép bắt đầu hoạt động bằng việc phát hành truyền đơn tháng Năm 1897, tờ truyền đơn này được phổ biến rộng rãi ở nhiều thành phố ở miền Nam nước Nga. Năm 1897 “Hội liên hiệp” đã phân phát được 6.500 truyền đơn tại hơn 25 công xưởng và nhà máy ở Ki-ép. Một nhóm đặc biệt của “Hội liên hiệp” đã phát hành ngay trong năm đó, hai số “Báo công nhân”, với tư cách là cơ quan dân chủ – xã hội toàn Nga. Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, họp tháng Ba 1898 công nhận “Báo công nhân” là cơ quan chính thức của đảng. Sách báo bất hợp pháp của “Hội liên hiệp” được phổ biến phần lớn ở các thành phố miền Nam nước Nga. Song song với việc cổ động, “Hội liên hiệp” còn tiến hành công tác tuyên truyền trong các nhóm công nhân và trong các cuộc họp của công nhân. “Hội liên hiệp đấu tranh” Ki-ép có nhiều cống hiến lớn lao trong việc chuẩn bị và triệu tập Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga. Ngay sau Đại hội, “Hội liên hiệp” bị bọn cảnh sát phá vỡ (nhà in “Báo công nhân” được đưa từ Ki-ép đến Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, một số lớn sách báo bất hợp pháp đều đã bị chiếm và tịch thu). Những vụ bắt bớ xảy ra ở Ki-ép và nhiều thành phố lớn ở Nga.

Hoạt động của “Hội liên hiệp đấu tranh” Ki-ép đóng vai trò tích cực trong sự nghiệp phát triển và tổ chức của giai cấp công nhân Nga trên bước đường xây dựng một chính đảng mác-xít cách mạng. Những hội viên chưa bị bắt của các nhóm dân chủ – xã hội, ngay sau đó, đã khôi phục lại tổ chức bí mật, và lấy tên là “Ban chấp hành Ki-ép Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga”. – 307.

¹⁰³ “Tổng hội liên hiệp công nhân Do-thái ở Lit-va, Ba-lan và Nga” (“Bun”) được tổ chức vào năm 1897, tại đại hội thành lập các nhóm dân chủ – xã hội Do-thái họp ở Vin-nô; chủ yếu đã thống nhất những phần tử bán vô sản trong thợ thủ công Do-thái ở các vùng phía Tây nước Nga. Tại Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga (1898), tổ chức Bun gia nhập Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga “với tư cách là một tổ chức tự trị, chỉ độc lập trong những vấn đề có quan hệ đặc biệt đến giai cấp vô sản Do-thái” (“Đảng cộng sản Liên-xô qua các nghị quyết và quyết định của các đại hội,

hội nghị đại biểu và hội nghị toàn thể Ban chấp hành trung ương”, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 7, ph. I, 1954, tr. 14).

Bun là đại biểu của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa phân lập trong phong trào công nhân ở Nga. Sau khi Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga bác bỏ yêu sách của Bun đòi đại hội công nhân tổ chức này là đại biểu duy nhất của giai cấp vô sản Do-thái, thì tổ chức Bun rút ra khỏi đảng. Năm 1906, trên cơ sở nghị quyết của Đại hội IV (Đại hội "thống nhất"), Bun lại gia nhập Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga.

Trong Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, Bun luôn luôn ủng hộ cánh cơ hội chủ nghĩa trong đảng (“phái kinh tế”, bọn men-sê-vích, phái thủ tiêu), tiến hành đấu tranh chống những người bôn-sê-vích và chủ nghĩa bôn-sê-vích. Để đối lập với yêu sách có tính chất cương lĩnh của những người bôn-sê-vích về quyền dân tộc tự quyết, Bun đưa ra yêu sách tự trị về mặt văn hoá và dân tộc. Trong những năm thế lực phản động ngự trị dưới thời Xtô-lư-pin, Bun giữ lập trường của phái thủ tiêu, tích cực tham gia thành lập khối tháng Tám chống đảng. Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất 1914 – 1918, Bun đứng trên lập trường của chủ nghĩa xã hội – sô-vanh. Năm 1917, Bun ủng hộ Chính phủ lâm thời phản cách mạng, đứng về phía kẻ thù của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại. Trong thời gian có cuộc chiến tranh can thiệp của nước ngoài và nội chiến, những tên cầm đầu của Bun đều đứng về phía lực lượng phản cách mạng. Đồng thời, trong số những hội viên của Bun, đã diễn ra một sự chuyển biến theo hướng cộng tác với Chính quyền xô-viết. Năm 1921, tổ chức Bun tự giải tán, một số hội viên của nó gia nhập Đảng cộng sản Nga (b) theo những nguyên tắc chung. – 307.

¹⁰⁴ Lê-nin có ý nói đến phần cuối cuốn sách mỏng “Ngọn cờ đỏ ở Nga” của L. Mác-tốp, lấy tên là “Sự hợp nhất của phong trào công nhân với chủ nghĩa xã hội. Những nhiệm vụ trước mắt của đảng công nhân dân chủ – xã hội”. Cuốn sách mỏng này được xuất bản ở nước ngoài vào hồi tháng Mười 1900. – 309.

¹⁰⁵ “*Người dân chủ – xã hội*” – những văn tập (bình luận chính trị và văn học), do nhóm “Giải phóng lao động” xuất bản năm 1890 – 1892 ở nước ngoài (Luân-đôn – Giơ-ne-vơ); các văn tập này ra được bốn tập. Các văn tập đóng một vai trò to lớn trong việc truyền bá tư tưởng mác-xít ở Nga.

Những bài báo của Plê-kha-nốp mà Lê-nin nói đến, đều mang đầu đề chung là “N. G. Tséc-nư-sép-xki” in trong những văn tập này, số 1 - 3 năm 1890 và số 4 năm 1892. Lê-nin một lần nữa phân tích tác phẩm của G.V. Plê-kha-nốp, sau khi được xuất bản thành sách riêng bằng tiếng Nga, hồi năm 1910 (nhà xuất bản “Hoa tường vi”); trong cuốn sách đó có rất nhiều chỗ ghi chú của Lê-nin (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 29, tr. 534 - 571). — 327

¹⁰⁶ *Ba-la-lai-kin* — nhân vật trong tác phẩm của M. Ê. Xan-tư-cốp - Sê-đrin: “Một bài ca hoa tình hiện đại”; đó là một nhân vật rỗng tuếch theo chủ nghĩa tự do, một kẻ phiêu lưu và dối trá. — 337.

¹⁰⁷ Bài báo “*Bàn về bãi công*” do Lê-nin viết cho “Báo công nhân” lúc Người đang bị đày. V. I. Lê-nin dự định viết bài báo này làm ba phần: I — ý nghĩa của những cuộc bãi công; II — luật về bãi công; III — tổng kết một số cuộc bãi công trong những năm gần đây (xem tập này, tr. 229). Trong Kho lưu trữ của Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô chỉ còn giữ lại được phần thứ nhất. Hai phần sau, Lê-nin đã viết hay không, thì còn chưa xác định được. — 364.

¹⁰⁸ Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 2, t. 2, tr. 449. — 371.

¹⁰⁹ Cuộc bãi công tại Xưởng dệt lớn ở I-a-rô-xláp nổ ra hồi tháng Tư - tháng Năm 1895. Nguyên nhân bãi công là do ban quản trị xưởng đưa ra những mức lương mới nhằm hạ tiền lương của công nhân. Có tất cả trên 4.000 người tham gia bãi công. Quân đội (10 đại đội thuộc trung đoàn Pha-na-gô-ri) được điều đến I-a-rô-xláp để đàn áp cuộc bãi công. Do kết quả cuộc đàn áp bằng vũ lực đó, nên một công nhân bị thiệt mạng, 14 người bị thương; 11 người bị đưa ra toà. Trên lễ bản báo cáo trình lên Nga hoàng về những sự kiện xảy ra tại công xưởng dệt và kéo sợi ở I-a-rô-xláp, Ni-cô-lai II ghi như sau: “Cám ơn những chàng trai cừ khôi của trung đoàn Pha-na-gô-ri đã có hành động kiên quyết và cứng rắn trong thời gian có lộn xộn ở các công xưởng”. — 373.

¹¹⁰ Lê-nin trích dẫn câu châm ngôn của bộ trưởng Bộ nội vụ Phó là Phôn Pút-ca-mơ. — 374.

¹¹¹ Bài phê bình cuốn sách của X. N. Prô-cô-pô-vích: “Phong trào công nhân ở phương Tây. Thử nghiên cứu một cách có phê phán. Tập I. Đức, Bỉ” (Xanh Pê-téc-bua, 1899) do Lê-nin viết hồi cuối năm 1899. Ba trang đầu và phần cuối của bản thảo không còn lưu lại, có lẽ lúc đó bản thảo được chuẩn bị sắp chữ để in, vì trong bản thảo Mác-tốp có sửa chữa một ít. Trong lần xuất bản này, nguyên bản của Lê-nin đã được in nguyên vẹn không còn những chỗ sửa chữa đó. Do cuốn sách của X. Prô-cô-pô-vích bị Ban kiểm duyệt ở Pê-téc-bua giữ lại ngày 22 tháng Năm 1899, và mãi cuối tháng Giêng 1900 mới được phát hành nên bài phê bình của Lê-nin không được xuất bản đúng lúc. — 378.

¹¹² “*Thời mới*” — báo ra hàng ngày; xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1868 đến năm 1917, báo do nhiều người khác nhau xuất bản và đã nhiều lần thay đổi khuynh hướng chính trị của mình. Lúc đầu báo thuộc phái ôn hoà tự do chủ nghĩa; từ năm 1876, sau khi A. X. Xu-vô-rin trở thành người phụ trách việc xuất bản tờ báo thì nó trở thành cơ quan của giới quan lại và quý tộc phản động, báo truyền bá chủ nghĩa sô-vanh nước lớn, thái độ thù hằn dân tộc Do-thái và bợ đỡ chính phủ, xứng với cái tên mà người ta đã đặt cho nó: “Ngài cần gì ạ?”. Từ năm 1905 là cơ quan của bọn Trăm đen. Sau Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai, báo giữ lập trường phản cách mạng, tiến hành một cuộc đả kích điên cuồng những người bôn-sê-vích. Ngày 26 tháng Mười (8 tháng Mười một) 1917, Ủy ban cách mạng - quân sự thuộc Xô-viết Pê-tơ-rô-grát đóng cửa tờ báo này. — 389.

¹¹³ Bài báo được viết vào cuối năm 1899 hay đầu năm 1900; việc nhắc đến “Lời bạt” của ban biên tập tờ “Sự nghiệp công nhân” viết cho “Lời phản kháng của những người dân chủ - xã hội Nga”, xác nhận điều này. Lê-nin có thể nghiên cứu nội dung của lời bạt hoặc qua bản in riêng rút ra từ số 4 - 5 của tờ “Sự nghiệp công nhân” (ra hồi tháng Chạp 1899) hoặc qua tập “Vademecum dành cho ban biên tập tờ “Sự nghiệp công nhân”” (xuất bản vào đầu năm 1900) của G. V. Plê-kha-nốp. Khi nhắc đến “Lời bạt” trong bài báo của mình, Lê-nin đã viết rằng thông qua tài liệu này “một lần nữa lại thấy rõ sai lầm nghiêm trọng của ban biên tập tờ “Sự nghiệp công nhân”, họ ra sức bao che cho các quan điểm của “phái kinh tế trẻ” và chỉ thấy đó là một sự lệch lạc của một đôi người mà thôi” (xem tập này, tr. 402).

Nhân có những lời khiển trách do việc in bản “Credo” trong

“Lời phản kháng của những người dân chủ - xã hội Nga” và việc in hàng loạt những văn kiện của “phái kinh tế” trong văn tập “Vademecum dành cho ban biên tập tờ “Sự nghiệp công nhân”” mà không báo gì cho tác giả các tài liệu này biết, nên Lê-nin yêu cầu Ban chấp hành Ki-ép đồng ý cho đăng “Profession de foi” cùng với bài cải chính viết ra để chống lại bản đó. Nhưng Ban chấp hành Ki-ép không chấp thuận. Bài báo của Lê-nin chỉ được lưu hành dưới hình thức chép lại, cùng với bản “Profession de foi”, người ta thấy như vậy nhờ những đoạn trích dẫn nêu trong sách của V. A-ki-mốp (Ma-kh nô-vê-tơ): “Lược thảo về sự phát triển của phong trào dân chủ - xã hội ở Nga”, Xanh Pê-téc-bua, 1906, tr. 111 và 112. V. A-ki-mốp viết rằng bản “Profession de foi”, sau khi ra đời được một năm rưỡi, nghĩa là vào cuối năm 1900, thì được những người đối lập với “phái kinh tế” xuất bản, không phải để truyền bá mà là để phê phán. — 392.

¹¹⁴ “*Tin tức Mát-xcơ-va*” — tờ báo xưa nhất ở Nga, do Trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va xuất bản, lúc đầu (từ năm 1756) dưới hình thức là một trang báo nhỏ. Từ năm 1863 báo chuyển sang tay M. N. Cát-cốp, trở thành cơ quan của phái dân tộc - quân chủ, truyền bá những quan điểm của bọn địa chủ và bọn thầy tu phản động nhất. Từ năm 1905 là một trong những cơ quan chủ yếu của bọn Trăm đen. Xuất bản mãi đến Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại 1917. — 397.

¹¹⁵ “*Người công dân*” — tạp chí phản động; xuất bản ở Pê-téc-bua từ năm 1872 đến năm 1914. Từ những năm 80 thế kỷ XIX là cơ quan của bọn quân chủ cực đoan; do công tước Mê-séc-xki làm tổng biên tập, được chính phủ trợ cấp tiền. Tạp chí không được phổ biến rộng rãi nhưng có ảnh hưởng trong các giới quan lại. — 397.

¹¹⁶ “*Tia lửa*” — tờ báo mác-xít toàn Nga bất hợp pháp đầu tiên do Lê-nin sáng lập năm 1900 và đóng một vai trò quyết định trong việc thành lập đảng mác-xít cách mạng của giai cấp công nhân Nga.

Do không thể xuất bản một tờ báo cách mạng ở Nga vì bị cảnh sát truy nã, cho nên ngay khi còn bị đày ở Xi-bi-ri, Lê-nin đã suy nghĩ hết sức tỉ mỉ kế hoạch xuất bản tờ báo ấy ở nước ngoài. Khi mãn hạn đi đày về (tháng Giêng 1900), Lê-nin bắt tay thực hiện ngay kế hoạch đó. Tháng Hai 1900 tại Pê-téc-bua, Lê-nin đàm phán với V. I. Da-xu-lích, là người từ nước ngoài bí mật trở về, về việc nhóm “Giải phóng lao động” tham gia xuất bản tờ báo này.

Vào cuối tháng Ba - đầu tháng Tư 1900 một hội nghị, gọi là “Hội nghị Pơ-xcốp” đã họp, tham gia hội nghị này có V. I. Lê-nin, L. Mác-tốp (I-u. Ô. Txê-đéc-bau-mơ), A. N. Pô-tơ-rê-xốp, X. I. Rát-tsen-cô và “những người mác-xít hợp pháp” — P. B. Xơ-ru-vê, M. I. Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, hội nghị đã nghe và thảo luận bản dự thảo tuyên bố của ban biên tập, do Lê-nin viết, về cương lĩnh và nhiệm vụ của tờ báo toàn Nga (“Tia lửa”) và của tạp chí chính trị khoa học (“Bình minh”). Trong suốt nửa đầu năm 1900, Lê-nin đi đến nhiều thành phố ở Nga (Mát-xcơ-va, Pê-téc-bua, Ri-ga, Xmô-len-xcơ, Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt, U-pha, Xa-ma-ra, Xư-dơ-ran), liên hệ với các nhóm dân chủ - xã hội và với một số người dân chủ - xã hội và thỏa thuận với họ về việc ủng hộ tờ “Tia lửa” sẽ xuất bản. Tháng Tám 1900, Lê-nin đến Thụy-sĩ và cùng với A. N. Pô-tơ-rê-xốp thảo luận với các thành viên của nhóm “Giải phóng lao động” về cương lĩnh và nhiệm vụ của tờ báo và tờ tạp chí, về danh sách những người dự định mời làm cộng tác viên, về thành phần ban biên tập và trụ sở của ban biên tập. Cuộc đàm phán này suýt đi đến chỗ đoạn tuyệt (xem tập này, tr. 422 - 446), song, cuối cùng cũng nhất trí với nhau về tất cả những vấn đề đã tranh cãi.

Số đầu tiên báo “Tia lửa” của Lê-nin phát hành vào tháng Chạp 1900 ở Lai-pxích, những số sau xuất bản ở Muyn-khen, từ tháng Bảy 1902 ở Luân-đôn và từ mùa xuân 1903 ở Giơ-ne-vơ. Những người dân chủ - xã hội Đức như C. Txét-kin, A. Brau-nơ v.v., nhà cách mạng Ba-lan I-u. Mác-klép-xki — lúc đó đang sống ở Muyn-khen - và G. Quen-sơ, một trong những người lãnh đạo Liên đoàn dân chủ - xã hội Anh, đã giúp đỡ rất nhiều cho việc tổ chức tờ báo (tổ chức nhà in bí mật, tìm kiếm bộ chữ in tiếng Nga v.v.).

Tham gia ban biên tập báo “Tia lửa”, có V. I. Lê-nin, G. V. Plê-kha-nốp, L. Mác-tốp, P. B. Ác-xen-rốt, A. N. Pô-tơ-rê-xốp và V. I. Da-xu-lích. Ban đầu, thư ký toà soạn là I. G. Xmi-đô-vích - Lê-man, sau đó, từ mùa xuân 1901, là N. C. Crúp-xcai-a. Crúp-xcai-a cũng phụ trách cả toàn bộ công việc trao đổi thư từ giữa báo “Tia lửa” với các tổ chức dân chủ - xã hội Nga. Trên thực tế, Lê-nin là tổng biên tập và người lãnh đạo báo “Tia lửa”. Người đã cho đăng trên báo “Tia lửa” những bài đề cập đến tất cả các vấn đề cơ bản về xây dựng đảng và đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản Nga, và phát biểu về những sự biến quan trọng nhất trong sinh hoạt quốc tế.

Báo “Tia lửa” trở thành trung tâm thống nhất các lực lượng của đảng, tập hợp và giáo dục cán bộ của đảng. Trong nhiều thành phố ở Nga (Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Xa-ma-ra v.v.) các nhóm và

các ban chấp hành của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thuộc xu hướng báo "Tia lửa" của Lê-nin đã được thành lập, và đến tháng Giêng 1902, tại đại hội của những người thuộc phái "Tia lửa" ở Xa-ma-ra, tổ chức "Tia lửa" ở Nga đã được thành lập. Các tổ chức "Tia lửa" xuất hiện và hoạt động dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các môn đồ và bạn chiến đấu của V. I. Lê-nin: N. E. Bau-man, I. V. Ba-bu-skin, X. I. Gu-xép, M. I. Ca-li-nin, P. A. Cra-xi-cốp, G. M. Crơ-gi-gia-nốp-xki, Ph. V. Len-gních, P. N. Lê-pê-sin-xki, I. I. Rát-tsen-cô v.v..

Theo sáng kiến của Lê-nin và với sự tham gia trực tiếp của Lê-nin, ban biên tập báo "Tia lửa" đã chuẩn bị một dự thảo cương lĩnh của đảng (đăng trong báo "Tia lửa" số 21) và đã chuẩn bị cho Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, họp vào tháng Bảy — tháng Tám 1903. Tính đến ngày triệu tập đại hội, phần đông các tổ chức dân chủ - xã hội địa phương ở Nga đều đứng về phía báo "Tia lửa", tán thành sách lược, cương lĩnh và kế hoạch tổ chức của nó, công nhận báo "Tia lửa" là cơ quan lãnh đạo của mình. Trong một nghị quyết đặc biệt, đại hội đã nêu rõ vai trò đặc biệt của báo "Tia lửa" trong cuộc đấu tranh cho đảng và tuyên bố "Tia lửa" là Cơ quan trung ương của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Đại hội II đã thông qua thành phần ban biên tập gồm có: Lê-nin, Plê-kha-nốp và Mác-tốp. Bất chấp nghị quyết của đại hội đảng, Mác-tốp đã từ chối không tham gia ban biên tập, và những số từ 46 đến 51 báo "Tia lửa" xuất bản dưới sự chỉ đạo biên tập của Lê-nin và Plê-kha-nốp. Về sau Plê-kha-nốp chuyển sang lập trường của phái men-sê-vích và đòi đưa vào ban biên tập báo "Tia lửa" tất cả những biên tập viên men-sê-vích cũ đã bị đại hội gạt ra. Lê-nin không thể đồng ý như thế, nên ngày 19 tháng Mười (1 tháng Mười một) 1903, Người rút ra khỏi ban biên tập báo "Tia lửa", để bổ sung vào Ban chấp hành trung ương đảng và từ cương vị đó đấu tranh chống bọn cơ hội chủ nghĩa men-sê-vích. Số 52 là do một mình Plê-kha-nốp đảm nhiệm việc biên tập. Ngày 13 (26) tháng Mười một 1903, Plê-kha-nốp bất chấp ý chí của đại hội, tự ý bổ sung vào ban biên tập báo "Tia lửa" những biên tập viên men-sê-vích cũ. Kể từ số 52 phái men-sê-vích đã biến báo "Tia lửa" thành cơ quan của họ. — 407.

¹¹⁷ "Bình minh" — tạp chí chính trị - khoa học mác-xít; do ban biên tập báo "Tia lửa" xuất bản công khai trong những năm 1901 - 1902 ở Stút-ga. Ra tất cả được 4 số (ba quyển) "Bình minh": số 1 ra hồi tháng Tư 1901 (thực tế, ra ngày 23 tháng Ba theo lịch mới),

những số 2, 3 thì ra hồi tháng Chạp 1901, số 4 ra hồi tháng Tám 1902.

Nhiệm vụ của tạp chí được quy định trong dự thảo tuyên ngôn của báo "Tia lửa" và tạp chí "Bình minh" do V. I. Lê-nin viết ở Nga. Sau đó, khi thảo luận đến vấn đề xuất bản hai cơ quan ngôn luận này ở nước ngoài, cùng với nhóm "Giải phóng lao động", hai bên đã quyết định là tạp chí "Bình minh" thì xuất bản hợp pháp, còn báo "Tia lửa" xuất bản bất hợp pháp, do đó trong tuyên bố của ban biên tập báo "Tia lửa" không hề nhắc đến tờ "Bình minh". Bản tuyên bố của ban biên tập tạp chí "Bình minh" cho số thứ nhất, đã được trao cho P. B. Ác-xen-rôt thảo. Song, nhà xuất bản Đit-xơ từ chối không in, vì bản tuyên bố này đề cập đến báo "Tia lửa" xuất bản bất hợp pháp. Số 1 của tờ "Bình minh" mở đầu bằng một lời kêu gọi ngắn "Gửi bạn đọc"; nhằm mục đích bảo vệ tính hợp pháp nên ngoài bìa của tờ "Bình minh" đã ghi rằng, tạp chí xuất bản với sự tham gia của G. V. Plê-kha-nốp, V. I. Da-xu-lích và P. B. Ác-xen-rôt; không nhắc đến tên của Lê-nin cũng như không nhắc đến việc biên tập tờ "Bình minh" là do ban biên tập báo "Tia lửa" đảm nhiệm. Năm 1902, khi xuất hiện những bất đồng và những cuộc xung đột trong nội bộ ban biên tập báo "Tia lửa" và tạp chí "Bình minh" thì Plê-kha-nốp đưa ra dự án tách tạp chí ra khỏi tờ báo (và dành cho mình việc biên tập tờ "Bình minh"), nhưng đề nghị đó không được thông qua, và ban biên tập của các cơ quan đó vẫn chung như cũ.

Tạp chí "Bình minh" phê phán chủ nghĩa xét lại quốc tế và Nga ("chủ nghĩa Mác hợp pháp" và "phái kinh tế") nhằm bảo vệ những nguyên lý của chủ nghĩa Mác. Nhằm mục đích đó, tờ "Bình minh" đã in những tác phẩm của Lê-nin: "Những kẻ áp bức các hội đồng địa phương và những An-ni-ban của phái tự do", "Các ngài "phê phán" trong vấn đề ruộng đất" (4 chương đầu trong tác phẩm "Vấn đề ruộng đất và "những kẻ phê phán Mác"), "Cương lĩnh ruộng đất của đảng dân chủ - xã hội Nga", cũng như những tác phẩm của G. V. Plê-kha-nốp: "Phê phán các nhà phê phán ở nước ta. Ph. 1. Ngài P. Xơ-ru-vê trong vai trò phê phán lý luận của Mác về sự phát triển xã hội", "Cant chống lại Can-tơ hay là lời di chúc tinh thần của ông Béc-stanh" v.v.. — 407.

¹¹⁸ Lê-nin nói đến bài "Tuyên bố về việc tái bản những xuất bản phẩm của nhóm "Giải phóng lao động" - được in vào đầu năm 1900 ở Giơ-ne-vơ trong văn tập của G. V. Plê-kha-nốp "Vademecum dành cho ban biên tập tờ "Sự nghiệp công nhân". Bài này do P. B. Ác-

xen-rốt viết, và G. V. Plê-kha-nốp hiệu đính, sau khi họ nhận được, vào khoảng từ 20 đến 30 tháng Mười 1899, “Lời phản kháng của những người dân chủ - xã hội Nga”, do Lê-nin viết.

Trong “Tuyên bố”, nhóm “Giải phóng lao động” tuyên bố hoàn toàn nhất trí với lời kêu gọi đưa ra trong “Lời phản kháng” về việc kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong hàng ngũ dân chủ - xã hội Nga và quốc tế. — 410.

¹¹⁹ Lê-nin nói đến những người dân chủ - xã hội tập hợp xung quanh báo “Công nhân miền Nam”, đến phái Bun và “Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài”, việc lãnh đạo của “Hội liên hiệp” này lúc đó đã chuyển từ nhóm “Giải phóng lao động” sang “phái trẻ” là những người theo “chủ nghĩa kinh tế”. Các tổ chức này dự định triệu tập Đại hội II của đảng vào mùa xuân 1900 ở Xmô-len-xcơ. Trong chương V cuốn “Làm gì?”, Lê-nin có nói đến tình hình chuẩn bị đại hội (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1975, t. 6). — 411.

¹²⁰ Lê-nin nói đến “Dự thảo cương lĩnh của đảng ta” do Người thảo ra vào cuối năm 1899 cho số “Báo công nhân” không được phát hành (xem tập này, tr. 267 - 302). Theo đề nghị của Lê-nin, dự thảo cương lĩnh của đảng để trình lên Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga đã được ban biên tập của báo “Tia lửa” và tạp chí “Bình minh” nghiên cứu và đăng trên báo “Tia lửa” số 21, ngày 1 tháng Sáu 1902, sau đó, được Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thông qua vào tháng Tám 1903. — 413.

¹²¹ Lê-nin trích dẫn luận điểm cơ bản trong “Điều lệ chung của Hội liên hiệp lao động quốc tế” (Quốc tế I), do C. Mác thảo (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Tuyển tập gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1970, t. I, tr. 467). — 417.

¹²² Đây là nói đến sự phân liệt trong “Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài”, xảy ra tại Đại hội II của “Hội liên hiệp” vào tháng Tư 1900 (ở Giơ-ne-vơ) giữa nhóm “Giải phóng lao động”, - nhóm hạt nhân của “Hội liên hiệp”, - và những người gia nhập “Hội liên hiệp” nhưng ủng hộ “phái kinh tế”, người ta còn gọi những người gia nhập đó là “phái trẻ”. — 422.

¹²³ Khi tuyên bố rằng hồi năm 1895, hình như người ta đã “ra lệnh” là “đừng nổ súng” vào P. B. Xtơ-ru-vê (ở đây, có ý nói đến

A. N. Pô-tơ-rê-xốp), G. V. Plê-kha-nốp toan bào chữa thái độ điều hoà của mình đối với “chủ nghĩa Mác hợp pháp” là bọn theo lập trường xét lại. Thực ra, ngay từ năm 1895, khi V. I. Lê-nin còn ở Giơ-ne-vơ và Xuy-rích, thì giữa Lê-nin và nhóm “Giải phóng lao động” có những bất đồng về vấn đề thái độ đối với phái tự do. G. V. Plê-kha-nốp và P. B. Ăc-xen-rốt đứng trên lập trường cho rằng những người dân chủ - xã hội phải ủng hộ phái tự do Nga và họ lên án Lê-nin là đã phê phán gay gắt phái tự do. G. V. Plê-kha-nốp nói với V. I. Lê-nin: “Các anh quay lưng về phía phái tự do, còn chúng tôi thì quay mặt lại”. Lê-nin cho rằng thái độ của Plê-kha-nốp như vậy là không đúng, Plê-kha-nốp không những đã không phê phán các quan điểm tư sản - tự do chủ nghĩa của Xtơ-ru-vê, mà còn bênh vực Xtơ-ru-vê nữa. — 425.

¹²⁴ Chắc là Lê-nin nói đến bài báo của P. B. Xtơ-ru-vê “Lại bàn về tự do và tất yếu”, đăng năm 1897 trong số 8 của tạp chí “Lời nói mới”. Ngày 27 tháng Sáu (9 tháng Bảy) 1899, V. I. Lê-nin viết cho A. N. Pô-tơ-rê-xốp: “Có một điểm mà tôi không hiểu nổi là: sao Ca-men-xki (Plê-kha-nốp. *BT.*) lại có thể bỏ không trả lời những bài báo của Xtơ-ru-vê và Bun-ga-cốp chống Ăng-ghe-n trong tờ “Lời nói mới”? Anh có thể giải thích cho tôi rõ về điều đó được không?” (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46, tr. 31). — 426.

¹²⁵ Đây là nói về tập tài liệu và văn kiện “Vademecum dành cho ban biên tập tờ “Sự nghiệp công nhân” (1900), trong tập tài liệu này G. V. Plê-kha-nốp cho đăng, cùng với những văn kiện khác, ba bức thư riêng của Tx. M. Cô-pen-dôn — một người thuộc phái Bun — và của bà E. Đ. Cu-xcô-va, một trong những nhà lãnh đạo “phái kinh tế”. Lê-nin đánh giá cao ý nghĩa chính trị của tập tài liệu “Vademecum”, trong tập này G. V. Plê-kha-nốp đã thẳng tay tuyên chiến với “chủ nghĩa kinh tế”. Lê-nin viết rằng, “Vademecum - đó là một tiếng hét, một tiếng hét thực sự chống lại chủ nghĩa kinh tế tầm thường, chống lại “điều hổ thẹn và nhục nhã” của những người dân chủ - xã hội... toàn bộ thực chất của cuốn sách nhỏ của Plê-kha-nốp chính là ở chỗ tuyên chiến với những nguyên tắc “nhục nhã” của “phái Credo” và “phái Cu-xcô-va”, chính là một sự phân liệt có tính nguyên tắc” (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46, tr. 35). — 426.

¹²⁶ “Người thứ ba của chúng tôi” — L. Mác-tốp (I-u. Ô. Tê-đéc-bau-mơ); khi V. I. Lê-nin và A. N. Pô-tơ-rê-xốp đàm phán với nhóm “Giải

phóng lao động” thì L. Mác-tốp ở miền Nam nước Nga và ra nước ngoài hồi tháng Ba 1901. — 427.

¹²⁷ Chắc là nói đến L. I. Ác-xen-rốt (Oóc-tô-đốc-xơ) — người sau này trở thành một đảng viên men-sê-vích, tác giả của những tác phẩm bàn về những vấn đề triết học. Trong tạp chí “Bình minh” có đăng hai bài báo của bà chống bọn theo chủ nghĩa xét lại (đó là N. A. Béc-đi-a-ép và P. B. Xtơ-ru-vê). — 430.

¹²⁸ “Die Neue Zeit” (“Thời mới”) — tạp chí lý luận của đảng dân chủ - xã hội Đức, xuất bản ở Stút-ga, từ 1883 đến 1923. Trước tháng Mười 1917 C. Cau-xky là tổng biên tập, sau đó đến G. Cu-nốp. Trong tờ “Die Neue Zeit” có đăng hàng loạt bài báo của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Ăng-ghe-n thường xuyên giúp đỡ ý kiến cho ban biên tập tạp chí này và khi nó đi trệch ra khỏi chủ nghĩa Mác thì Người phê phán rất nghiêm khắc. Từ nửa cuối những năm 90, sau khi Ăng-ghe-n mất, tạp chí trở thành người phát ngôn cho những quan điểm cơ hội chủ nghĩa và đăng một cách có hệ thống những bài của bọn theo chủ nghĩa xét lại. Trong những năm đại chiến thế giới thứ nhất (1914 - 1918), tạp chí này đứng trên lập trường của phái giữa, nhưng thực tế là ủng hộ bọn xã hội - sô-vanh. — 430.

¹²⁹ Đây là nói về những hội viên cũ của “Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài”, sau khi xảy ra sự phân liệt trong Đại hội II của “Hội liên hiệp”, vào tháng Tư 1900, những người này đã cắt đứt quan hệ với đa số những phần tử cơ hội chủ nghĩa trong “Hội liên hiệp” và cùng với nhóm “Giải phóng lao động” thành lập tổ chức “Người dân chủ - xã hội”. — 432.

¹³⁰ “Giữ áp-pa-răng-xơ” - giữ thể diện. — 444.

¹³¹ N — thành phố Nuyn-béc, nơi mà Lê-nin đã đi qua khi rời Giơ-ne-vơ đến Muyn-khen, sau cuộc họp giữa nhóm “Tia lửa” với nhóm “Giải phóng lao động”. — 445.

¹³² “Hiệp định riêng”, chắc là sau này mới được thảo ra. Trong Kho lưu trữ của Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô, người ta còn giữ được văn kiện sau đây, để trong một chiếc phong bì trên có ghi dòng chữ của N. C. Crúp-xcai-a: “Văn kiện về ngay thời kỳ đầu tiên. Hiệp định về việc xuất bản tạp chí “Bình minh” và báo “Tia lửa”:

“1. Việc xuất bản và biên tập tờ “Bình minh” và báo “Tia lửa” là do nhóm dân chủ - xã hội Nga đảm nhiệm với sự tham gia biên tập của nhóm “Giải phóng lao động”.

2. Tất cả những bài báo về các vấn đề nguyên tắc và những bài có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, thì ban biên tập sẽ thông báo cho tất cả mọi thành viên trong nhóm “Giải phóng lao động” biết, trừ phi gặp những điều kiện khó khăn về mặt kỹ thuật biên tập.

3. Các thành viên của nhóm “Giải phóng lao động” đều phải đích thân biểu quyết về tất cả những vấn đề biên tập, khi họ có mặt ở trụ sở ban biên tập, còn khi các bài báo được gửi đến cho họ, thì họ phải biểu quyết bằng thư.

4. Trong trường hợp có sự bất đồng ý kiến với nhóm “Giải phóng lao động”, thì ban biên tập cam đoan đảng toàn văn ý kiến riêng của nhóm hay của mỗi người trong nhóm.

5. Chỉ có điều 1 của hiệp định này là sẽ được công bố.

Ngày 6 tháng Mười 1900”.

Văn kiện này đã được đánh máy, nhưng không có đầu đề và chữ ký. — 447.

¹³³ “Nhóm tự giải phóng giai cấp công nhân” — một nhóm nhỏ gồm những phần tử thuộc “phái kinh tế”, xuất hiện ở Pê-téc-bua vào mùa thu 1898 và chỉ tồn tại được vài tháng. Nhóm này đã phát hành một bản kêu gọi trình bày mục đích của nhóm (đề tháng Ba 1899, đăng trong tạp chí dân túy “Đêm trước”, tháng Bảy 1899, xuất bản ở Luân-đôn), một bản điều lệ và một số truyền đơn kêu gọi công nhân. Lê-nin đã phê phán những quan điểm của nhóm này trong chương II của tác phẩm “Làm gì?”. — 451.

¹³⁴ Lê-nin trích dẫn luận điểm cơ bản trong “Điều lệ chung của Hội liên hiệp lao động quốc tế” (Quốc tế I) do C. Mác thảo ra (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Tuyển tập gồm 2 tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, t. I, 1970, tr. 467). — 470.

¹³⁵ Bài diễn văn của Pi-ôt A-lếch-xê-ép được đăng lần đầu tiên vào năm 1877 ở Luân-đôn, trong tạp chí “Tiến lên!” (tạp chí ra không đều kỳ). Từ đó trở về sau được tái bản bất hợp pháp nhiều lần, bài diễn văn đó được tuyên truyền rộng rãi trong công nhân Nga. — 475.

¹³⁶ Đây là nói về cuộc khởi nghĩa ở Ấn-độ bắt đầu vào năm 1857. Cuộc khởi nghĩa mang tính chất giải phóng - dân tộc; bị quân đội Anh dẹp tan vào năm 1859. — 478.

¹³⁷ *Cuộc chiến tranh Anh - Bô-e* (tháng Mười 1899 - tháng Năm 1902) — một cuộc chiến tranh thực dân và xâm lược của Anh đối với hai nước Cộng hoà Nam Phi: Tơ-ran-svan và Ô-ran-giơ, sau cuộc chiến tranh đó hai nước Cộng hoà bị mất chủ quyền và trở thành thuộc địa của Anh. — 478.

¹³⁸ Sau khi đã tìm hiểu bài báo của V. I. Lê-nin: “Sự chia rẽ trong Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài”, G. V. Plê-kha-nốp có gửi cho bộ phận của ban biên tập tờ “Tia lửa” ở Muyn-khen một bức thư đề nghị cho sửa lại một đôi chỗ trong bài báo đó, đặc biệt, không nên đả động gì đến những cống hiến của tờ “Sự nghiệp công nhân”. Ngày 11 tháng Chạp 1900, khi trả lời bộ phận của ban biên tập báo “Tia lửa” ở Giơ-ne-vơ (ác-xen-rốt), Lê-nin đã viết: “Tôi đã sửa lại theo ý của anh, nhưng tôi không thể nào bỏ đi hoàn toàn những chỗ nói về cống hiến của tờ “Sự nghiệp công nhân”, — tôi cho rằng, làm như vậy thì không công bằng đối với đối phương, là kẻ không phải chỉ toàn có lỗi đối với những người dân chủ - xã hội” (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46, tr. 72). — 484.

¹³⁹ *Đại hội quốc tế lần thứ năm của Quốc tế II* tổ chức tại Pa-ri từ ngày 23 đến 27 tháng Chín (theo lịch mới) 1900. Đoàn đại biểu Nga gồm 24 người (trong đó có 13 người dân chủ - xã hội). Trong số 6 giấy uỷ nhiệm gửi đến đại hội mà nhóm “Giải phóng lao động” có, thì 4 giấy nhận được thông qua V. I. Lê-nin (3 giấy uỷ nhiệm do nhóm “Dân chủ - xã hội” U-ran gửi đến và 1 là của tổ chức ở U-pha). Tại đại hội, đoàn đại biểu của những người dân chủ - xã hội chia làm hai phái: phái đa số, đứng đầu là B. N. Cri-tsep-xki, và phái thiểu số, đứng đầu là G. V. Plê-kha-nốp. Về vấn đề cơ bản là vấn đề “Giành chính quyền và liên minh với các đảng tư sản”, là vấn đề có liên quan tới việc A. Mìn-lơ-răng tham gia chính phủ phản cách mạng của Van-đếch - Rút-xô, phái đa số biểu quyết tán thành nghị quyết cao-su của C. Cau-xky, phái thiểu số gồm G. V. Plê-kha-nốp, P. B. Ác-xen-rốt, V. I. Da-xu-lích, Đ. Côn-txốp tán thành nghị quyết của Gi. Ghe-đơ lên án chủ nghĩa Mìn-lơ-răng.

Đại hội Pa-ri đã thông qua nghị quyết thành lập Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa gồm đại biểu các đảng xã hội chủ nghĩa ở tất cả các nước, ban thư ký đóng tại Bruy-xen. Theo nghị quyết của đại hội, các đại biểu trong Cục quốc tế xã hội chủ nghĩa do các đoàn đại biểu bầu ra phải được các tổ chức đảng của mỗi nước phê chuẩn; trong lúc chưa được phê chuẩn, họ chỉ là những uỷ viên lâm thời. — 485.

¹⁴⁰ “*Người đồng chí và bạn thân*” của P. B. Xtơ-ru-vê - M. I. Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki. — 489.

¹⁴¹ Dự thảo hiệp định với P. B. Xtơ-ru-vê được thảo ra do kết quả của cuộc hội đàm giữa V. I. Lê-nin, V. I. Da-xu-lích và A. N. Pô-tơ-rê-xốp với P. B. Xtơ-ru-vê, do A. N. Pô-tơ-rê-xốp đề xuất ngày 29 tháng Chạp 1900 (xem tập này, tr. 487 - 490). Các đại biểu của “chủ nghĩa Mác hợp pháp” (trong văn kiện người ta coi đó là nhóm “dân chủ đối lập” lấy tên là “Tự do”) P. B. Xtơ-ru-vê và M. I. Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki muốn thành lập ở nước ngoài một cơ quan ngôn luận bất hợp pháp (dự định đặt tên cho cơ quan này là “Bình luận thời đại”), xuất bản song song với hai tờ “Tia lửa” và “Bình minh”, nhưng không liên hệ công khai với những người dân chủ - xã hội. Ban biên tập báo “Tia lửa” và “Bình minh” đồng ý tham gia vào việc xuất bản này, với hy vọng là sẽ nhận được tài liệu chính trị và bài vở cho báo “Tia lửa” thông qua P. B. Xtơ-ru-vê, nhưng có đặt điều kiện là cơ quan mới này phát hành không nhật hơn tờ “Bình minh” và coi như là phụ trương của tờ này. Thành phần biên tập “Bình luận thời đại” phải bao gồm, dựa trên cơ sở bình đẳng - ban biên tập báo “Tia lửa” và các đại biểu của nhóm “dân chủ đối lập” - Xtơ-ru-vê và Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki.

Trong quá trình đàm phán thấy càng lộ rõ là P. B. Xtơ-ru-vê định lợi dụng ban biên tập hai tờ “Tia lửa” và “Bình minh” để phục vụ cho tờ “Bình luận thời đại”, âm mưu biến nó thành cơ quan cạnh tranh với báo “Tia lửa” về số lượng, nội dung và định kỳ phát hành. Khi thảo luận dự thảo hiệp định, Xtơ-ru-vê khước từ điều 7 do nhóm “Tia lửa” và “Bình minh” đề nghị, đề cập đến vấn đề ban biên tập tờ “Tia lửa” được hoàn toàn tự do sử dụng tất cả những tài liệu chính trị gửi đến tờ “Bình luận thời đại”. Về nội dung của cuộc hội đàm với P. B. Xtơ-ru-vê, thì V. I. Lê-nin đã trình bày trong bức thư gửi cho G. V. Plê-kha-nốp ngày 30 tháng Giêng 1901, Lê-nin cương quyết đề nghị chấm dứt cuộc hội đàm (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46, tr. 79 - 81). Do G. V. Plê-kha-nốp khẩn khoản yêu cầu, nên hiệp định cũng được thực hiện. Bản tuyên bố về việc xuất bản tờ “Bình luận thời đại” do G. V. Plê-kha-nốp, thay mặt báo “Tia lửa” và tờ “Bình minh” và do P. B. Xtơ-ru-vê, thay mặt nhóm “dân chủ đối lập”, đã được chuẩn bị. Song xuất bản phẩm đó không được xuất bản. Nhà xuất bản Đít-xơ từ chối không in bản tuyên bố vì không đáp ứng yêu cầu của cơ quan kiểm duyệt (xem Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 46, tr. 88). Cuộc hội đàm tiếp

tục giữa các đại biểu của tờ “Tia lửa” với Xtơ-ru-vê đã hoàn toàn thất bại. — 491.

¹⁴² Lê-nin trích dẫn lời của viên đại tá Xca-lô-dúp, - một nhân vật trong hài kịch của A. X. Gri-bô-ê-đốp nhan đề là “Khổ vì khôn” (xem A. X. Gri-bô-ê-đốp. Toàn tập, tiếng Nga, 1956, tr. 114). — 495.

¹⁴³ *Nhục hình “con đường xanh”* — một thứ hình phạt về thân thể, áp dụng trong binh lính của quân đội Nga hoàng dưới chế độ nông nô. Kẻ chịu hình phạt bị người ta buộc vào một cây súng trường và đưa diều qua “giữa hai hàng” binh lính. Những binh lính này dùng gậy hoặc roi bằng cành cây tươi để đánh vào người đó. Hình phạt này được áp dụng rất rộng rãi dưới thời Ni-cô-lai I (1825 - 1855). — 495.

¹⁴⁴ “*Lời thề An-ni-ban*” — hình ảnh tượng trưng cho tinh thần kiên quyết chiến đấu đến cùng, không gì lay chuyển nổi. Do tên của viên tướng xứ Các-ta-dơ: An-ni-ban, người đã thề không ngừng chiến đấu chống La-mã cho đến hơi thở cuối cùng. — 497.

¹⁴⁵ Những bài báo “*Đánh, nhưng đừng đánh chết*”, “*Cần gì phải đẩy nhanh sự đổi thay của thời cuộc?*”, “*Một sự thống kê khách quan*” lấy chung một đầu đề “*Bình luận thời sự*”, viết dựa theo những tin trong báo. Tin về vụ những viên cảnh sát giết anh nông dân Vô-dơ-đư-khốp tại trụ sở của đồn cảnh sát, đã được lấy làm tài liệu cho bài báo “*Đánh, nhưng đừng đánh chết*”, những tin này đăng trong tờ “*Tin tức nước Nga*”, 1901, những số 24, 26 ngày 24 và 26 tháng Giêng. Bình luận về hai vụ án mà V. I. Lê-nin nói ở phần chú thích (xem tập này, tr. 508, 520 - 521) thì được đăng trong báo “*Tin tức Mát-xcơ-va*”, 1901, số 31 ra ngày 31 tháng Giêng; và báo “*Tin tức nước Nga*”, 1901, số 32 ra ngày 1 tháng Hai. Để viết bài “*Cần gì phải đẩy nhanh sự đổi thay của thời cuộc?*” V. I. Lê-nin đã sử dụng những tài liệu đăng trong tờ “*Tin tức Xanh Pê-téc-bua*”, 1900, số 285, ra ngày 17 tháng Mười và tờ “*Tin tức Ô-ri-ôn*”, 1900, số 273 ra ngày 11 tháng Mười. Để phục vụ việc viết bài “*Một sự thống kê khách quan*”, Lê-nin đã viện dẫn các đạo luật và quy định của chính phủ đã được đăng trong tờ “*Tin tức Mát-xcơ-va*”, 1901, những số 20 - 28 ra ngày 20 - 28 tháng Giêng. — 501.

¹⁴⁶ Lê-nin trích dẫn bài báo của Glép U-xpen-xki “*Phê-đô Mi-khai-lô-vích*

Rê-sét-ni-cốp. (Sơ lược tiểu sử)” (xem G. I. U-xpen-xki. Toàn tập, gồm 9 tập, tiếng Nga, t. 9, 1957, tr. 59). — 525.

¹⁴⁷ “*Truyền tin tài chính, công nghiệp và thương nghiệp*” — tạp chí ra hàng tuần của Bộ tài chính, xuất bản ở Pê-téc-bua từ tháng Mười một 1883 đến 1917 (trước tháng Giêng 1885 lấy tên là “*Chỉ dẫn các chỉ thị của chính phủ đối với Bộ tài chính*”). Trong tạp chí có đăng những chỉ thị của chính phủ, những bài báo và bình luận về các vấn đề kinh tế. — 534.

¹⁴⁸ Bài “*Đảng công nhân và giai cấp nông dân*” đề cập đến việc thảo cương lĩnh ruộng đất của Đảng công nhân dân chủ — xã hội Nga, cương lĩnh này được công bố dưới danh nghĩa là của ban biên tập báo “*Tia lửa*” và tạp chí “*Bình minh*”, vào mùa hè 1902 và được Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga thông qua năm 1903. — 542.

¹⁴⁹ *Những phần ruộng một phần tư hay những phần đất ăn mày* — một phần tư của số ruộng đất “tối đa” hay phần đất “đã ấn định” nghĩa là do luật pháp quy định cho nông dân trong một địa phương nhất định, trong thời kỳ cải cách năm 1861. Một bộ phận nông dân trước kia là nông nô được bọn địa chủ cấp cho những phần đất ăn mày, không phải trả tiền (tiền chuộc). Bởi vậy, người ta còn gọi một phần tư đất đó là những phần đất “cho không”, và những người nông dân nhận phần đất đó thì được gọi là “những nông dân được hưởng ruộng đất không mất tiền”. — 542.

¹⁵⁰ *Những nông dân nghĩa vụ tạm thời* — những nông dân trước kia thuộc quyền địa chủ, nhưng ngay cả sau khi xoá bỏ chế độ nông nô năm 1861, họ vẫn có nghĩa vụ phải chịu các đảm phụ (tô hiện vật hoặc điều dịch), mãi cho đến khi họ chuộc lại được những phần đất của họ trong tay bọn địa chủ.

Sau khi đã lập bản kế ước chuộc lại ruộng đất, thì những nông dân đó không còn là “những nông dân có nghĩa vụ tạm thời” nữa, mà được chuyển sang hạng “nông dân chủ ruộng”. — 543.

¹⁵¹ *Quy ước* — những bản quy định những quan hệ ruộng đất giữa những nông dân nghĩa vụ tạm thời với bọn địa chủ nhân việc xoá bỏ chế độ nông nô vào năm 1861. Bản quy ước ghi rõ số ruộng đất mà nông dân được sử dụng trước thời kỳ cải cách và ghi rõ những ruộng đất còn lại trong tay nông dân khi họ được “giải phóng”; trong bản quy ước còn kể đến cả những loại đảm phụ mà nông dân phải gánh vác cho địa chủ. Trên cơ sở những bản quy ước mà định ra những món tiền chuộc lại do nông dân phải trả. — 544.

BẢN CHỈ DẪN CÁC SÁCH BÁO VÀ TÀI LIỆU GỐC MÀ V. I. LÊ-NIN ĐÃ TRÍCH DẪN VÀ NÓI ĐẾN

- A-lếch-xê-ép, P. A. Diễn văn, [đọc ngày 10 tháng Ba 1877 trước toà án Nga hoàng ở Pê-téc-bua]. - Алексеев, П. А. Речь [произнесенная 10 марта 1877 г. перед царским судом в Петербурге]. - "Вперед!" Т. V. Лондон, 1877, стр. 30 - 35, в отд.: Что делается на родине? - 475.*
- Ác-xen-rốt, P. B. Bàn về những nhiệm vụ hiện nay và sách lược của những người dân chủ - xã hội Nga. - Аксельрод, П. Б. К вопросу о современных задачах и тактике русских социал-демократов, Женева, изд. Союза русских социал-демократов, 1898. 34 стр. - 219 - 220, 272 - 273, 286, 299, 300, 321, 324, 326 - 327, 415 - 416, 455.*
- Lời tựa [cho cuốn sách của V. I. Lê-nin: "Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga"]. - Предисловие (к брошюре В. И. Ленина "Задачи русских социал-демократов"). - В кн.: [Ленин. В. И.] Задачи русских социал-демократов. С предисл. П. Аксельрода. Женева, изд. РСДРП, 1898, стр. 1-5. Перед загл. кн. авт. не указан. - 240, 324 - 325, 418.*
- Tuyên bố về việc tái bản những xuất bản phẩm của nhóm "Giải phóng lao động". - Объявление о возобновлении изданий группы "Освобождение труда". Конец 1899 г. - начало 1900 г. - 410, 452.*
- * Ảnh hưởng của mùa màng và của giá cả lúa mì đến một vài phương diện của nền kinh tế quốc dân Nga. - Влияние урожая и хлебных цен на некоторые стороны русского народного хозяйства. Сборник статей под ред. проф. А. И. Чупрова и А. С. Посникова. Т. I - II. СПб., 1897. 2 т. - 116.*

* Một hoa thị để chỉ những sách, trong đó có bút tích của V. I. Lê-nin. Những sách này được bảo quản trong Kho lưu trữ của Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác-Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Liên-xô.

- Ăng-ghen, Ph. Lời tựa cho lần xuất bản bằng tiếng Đức năm 1890 [Tuyên ngôn của Đảng cộng sản]. - Энгельс, Ф. Предисловие к немецкому изданию 1890 года ["Манифеста Коммунистической партии"]. 1 мая 1890 г. - 417, 470 - 471.*
- Lút-vích Phơ-bách và sự cáo chung của triết học cổ điển Đức. - Людвиг Фейербах и конец классической немецкой философии. Начало 1886 г. - 95.*
- Tình cảnh giai cấp công nhân ở Anh. Căn cứ theo những sự quan sát của bản thân và những nguồn tài liệu đáng tin cậy. - Положение рабочего класса в Англии. По собственным наблюдениям и достоверным источникам. Сентябрь 1844 г. - март 1845 г. - 371.*
- Ba ngày đáng ghi nhớ. [Ngày 19 tháng Hai, ngày 1 tháng Ba và ngày 19 tháng Tư (1 tháng Năm) 1897.] - Три знаменательных дня. [19 февраля, 1 марта и 19 апреля (1 мая) 1897 г.] - "С.-Петербургский Рабочий Листок", 1897, № 2, сентябрь, стр. 1 - 3. - 220 - 221.*
- Bản báo cáo do đoàn đại biểu những người dân chủ - xã hội Nga trình lên Đại hội công nhân xã hội chủ nghĩa quốc tế họp ở Luân-đôn năm 1896. - Доклад, представленный делегацией русских социал-демократов Международному рабочему социалистическому конгрессу в Лондоне в 1896 г. Женева, изд. Союза русских социал-демократов, 1896, 32 стр. - 298.*
- Bản chỉ dẫn về các công xưởng và nhà máy của phần nước Nga thuộc châu Âu. - Указатель фабрик и заводов Европейской России. - хем Оóc-lốp, P. A. và Bu-đa-gốp, X. G.*
- Bản chỉ dẫn về các công xưởng và nhà máy của phần nước Nga thuộc châu Âu cũng như ở vương quốc Ba-lan; Danh mục các công xưởng và nhà máy ở phần nước Nga thuộc châu Âu cũng như ở vương quốc Ba-lan và đại vương quốc Phần-lan. - Указатель фабрик и заводов Европейской России и Царства Польского; Указатель фабрик и заводов Европейской России с Царством Польским и вел. Кн. Финляндским. - хем Оóc-lốp, P. A.*
- Bản Profession de foi của Ban chấp hành Kì-ép. - Profession de foi Киевского комитета. 1899. Рукопись ¹. - 392 - 406.*
- Bản quy chế tạm thời về chế độ quân dịch áp dụng đối với học sinh các trường cao đẳng bị đuổi vì đã gây ra những vụ mất trật tự tập thể. - Временные правила об отбывании воинской повинности воспи-*

1) In lần đầu trong Văn tập Lê-nin, t. VII, tr. 16 - 18.

- танниками высших учебных заведений удаляемых из сих заведений за учинение скопом беспорядков. 29 июля 1899 г. – “Правительственный Вестник”, Спб., 1899 г. № 165, 31 июля (12 августа), стр. 1. – 279, 493, 496 – 498.
- “*Báo công nhân*”. – “Рабочая Газета”, Киев. – 221 – 222, 310, 335, 410 – 411. – 1897, ноябрь, № 2, стр. 1 – 4. – 221.
- “*Báo công nhân*”. – “Рабочая Газета” (неосуществленное издание 1899 г.). – 221 – 222, 227 – 229, 232, 235, 250 – 251, 310, 335, 410 – 411.
- “*Báo của công nhân Xanh Pê-téc-bua khổ nhỏ*”. – “С. Петербургский Рабочий Листок”. – 310.
- Ben-tốp, N.* – Бельтов, Н. – хет Plê-kha-nốp, G. V.
- “*Biên khu miền Nam*”. – “Южный Край”, Харьков. – 500.
- “*Bình luận khoa học*”. – “Научное Обозрение”, [Спб], 1899, № 1, стр. 37 – 45, 46 – 64. – 85 – 111, 199, 201, 202, 204.
- 1899, № 8, стр. 1564 – 1579. – 199, 382.
- “*Bình minh*”. – “Заря”, Штутгарт. – 407 – 421, 422, 425 – 426, 430, 431, 435, 436 – 437, 439, 445, 447, 487 – 490, 491 – 492.
- Bô-giã-nốp, A.* *Giáo trình tóm tắt về khoa học kinh tế*. – Богданов, А. *Краткий курс экономической науки*. М., Муринова, 1897, VIII, 290 стр. – 47 – 58.
- Bộ luật của Đế quốc Nga*. – Свод законов Российской Империи Т. 11. Ч. II. Спб., 1887. 825 стр. – 2, 360 – 361.
- Bun-ga-cốp, X. N.* *Bàn về sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp*. – Булгаков, С. Н. *К вопросу о капиталистической эволюции земледелия*. – “Начало”, Спб., 1899, № 1 – 2, стр. 1 – 21, № 3, стр. 25 – 36. – 125 – 128, 129, 130, 131 – 139, 140, 141 – 148, 149 – 154, 155, 156 – 158, 159 – 160, 162 – 163, 164 – 166, 167 – 168, 169 – 173, 174, 175, 176, 177 – 183, 184, 187, 188 – 190, 259.
- *Về thị trường dưới chế độ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nghiên cứu lý luận*. – О рынках при капиталистическом производстве. Теоретический этюд. М., Водовозова, 1897. 260 стр. – 59 – 61, 66 – 72, 85, 87 – 88, 89 – 90, 100 – 101, 105 – 106.
- “*Bước đầu*”. – “Начало”, Спб. 1899, № 1 – 2, стр. 1 – 21, 292 – 316. – 125 – 128, 129, 130, 131 – 139, 140, 141 – 148, 149 – 154, 155, 156 – 158, 159 – 160, 162 – 163, 164 – 166, 167 – 168, 169 – 173, 259.

- 1899, № 3, стр. 25 – 36, 117 – 118. – 174, 175, 176, 177 – 183, 184, 187, 188 – 190, 259.
- Ca-blu-cốp, N. A.* *Những bài giảng về kinh tế nông nghiệp tại Trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va năm 1895/96*. – Лекции по экономике сельского хозяйства, читанные в Московском университете в 1895/6 г М. 1897. 228 стр. (Изд. для студентов). – 132.
- *Về những điều kiện phát triển của nền kinh tế nông dân ở Nga*. (Khái luận về kinh tế nông nghiệp). – Об условиях развития крестьянского хозяйства в России. (Очерки по экономике сельского хозяйства). М., 1899. VIII, 309 стр. – 132, 141, 163.
- Ca-rư-sép, N. A.* *Những tài liệu về kinh tế quốc dân Nga. I. Công nghiệp công xưởng - nhà máy của chúng ta vào giữa những năm 90 thế kỷ XIX*. – Карышев, Н. А. *Материалы по русскому народному хозяйству*. 1. Наша фабрично-заводская промышленность в половине 90-х годов. – “Известия Московского Сельскохозяйственного Института”, М., 1898, кн. 1, стр. 1 – 52. – 1.
- * - *Những tài liệu về kinh tế quốc dân Nga. I. Công nghiệp công xưởng - nhà máy của chúng ta vào giữa những năm 90 thế kỷ XIX*. – *Материалы по русскому народному хозяйству*. 1. Наша фабрично-заводская промышленность в половине 90-х годов. С 5 картогр. (Оттиск из “Известий Московского Сельско-хозяйственного Института”, год IV, кн. 1). М., 1898. 52 стр. – 1 – 46.
- *Thống kê khái quát tình hình phát triển các ngành công nghiệp chế biến chủ yếu ở nước Nga*. – Статистический обзор распространения главнейших отраслей обрабатывающей промышленности в России. – “Юридический Вестник”, М., 1889, № 9, стр. 38 – 67. – 16, 20.
- Cau-xкy, C.* *Cường lĩnh Ёс-фхуа*. – Каутский, К. *Эрфуртская программа*. Пер. с нем. Штутгарт, Дитц, 1903, IV, 120 стр. – 378, 381 – 382.
- Côóc-xác, A. C.* *Bàn về các hình thức công nghiệp nói chung và về ý nghĩa của sản xuất gia đình (công nghiệp thủ công và công nghiệp gia đình) ở Tây Âu và ở Nga*. – Корсак, А. К. *О формах промышленности вообще и о значении домашнего производства (кустарной и домашней промышленности) в Западной Европе и в России*. М., тип. Грачева, 1861. 311 стр. – 54.
- Cô-bê-li-a-txơ-ki, A. I.* *Sách chỉ nam cho các viên chức thanh tra công xưởng, chủ xưởng và chủ nhà máy*. Tổng tập lục các đạo luật về việc thuê công nhân vào làm trong các công xưởng, nhà

- máy và công xưởng thủ công; về mối quan hệ giữa chủ xưởng và công nhân; về chế độ thanh tra công xưởng; về việc giám sát các xí nghiệp thuộc công nghiệp công xưởng - nhà máy. - *Кобеляцкий А. И. Справочная книга для чинов фабричной инспекции для фабрикантов и заводчиков*. Полный сборник узаконений о найме рабочих на фабрики заводы и мануфактуры о взаимных отношениях фабрикантов и рабочих; о фабричной инспекции о надзоре за заведениями фабрично-заводской промышленности. Изд. 4-е. Спб., 1897. 311 стр. - 8- 12, 14, 17, 24.
- Công nghiệp và thương nghiệp nước Nga*. Sách chỉ nam dùng cho thương nhân và chủ công xưởng. - *Торгово-промышленная Россия*. Справочная книга для купцов и фабрикантов. Под ред. А. А. Блау. Спб. тип. Суворина, 1899. 1318 стр., 2702 стб. (М-во финансов. Департамент торговли и мануфактур). - 81- 84.
- Công trình của Ủy ban điều tra về công nghiệp thủ công ở Nga*. Thiên V, VI, IX. - *Труды комиссии по исследованию кустарной промышленности в России*. Вып. V, VI, IX. Спб. 1880, 1883. 3 т. - 32.
- Công trình nghiên cứu của Ủy ban xét lại các điều lệ công nghiệp công xưởng và công nghiệp thủ công*. Ph. 1 - 5. - *Труды комиссии, учрежденной для пересмотра уставов фабричного и ремесленного*. Ч. 1 - 5. Спб., 1863 - 1865. 5 т. - 359 - 362.
- [*Credo*]. - В кн.: [Ленин В. И.] Протест российских социал-демократов. С послесл. от ред. "Рабочего Дела". Женева, изд. Союза русскыз социал-демократов, 1899, стр. 1 - 6. (Отгиск из № 4 - 5 "Рабочего Дела"). - 209 - 224, 392, 395 - 396, 398 - 399, 401, 402, 404, 409, 451, 468 - 469.
- Cư-lớp, I. A. Con cáo và chùm nho*. - Крылов, И. А. Лисица и Виноград. - 529.
- "*Của cải nước Nga*" - "*Русское Богатство*", Спб., 1893, № 10, стр. 108 - 141. - 254.
- 1898, № 12, стр. 78- 102 - 199.
- 1899, № 1, стр. 76- 99 - 254.
- 1899, № 2, стр. 83- 100, 118- 140 - 121, 254.
- 1899, № 7, (10) стр. 194- 218. - 254.
- "*Cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản*". Số 1. - "Пролетарская борьба". № 1. Б. м., изд. "Уральской с.-д. Группы", 1899, 119 стр. - 229.
- Danh sách các công xưởng và nhà máy*. Công nghiệp công xưởng - nhà máy ở Nga. - *Перечень фабрик и заводов*. Фабрично-заводская

- промышленность России. Спб., 1897. 63, VI, 1047 стр. (М-во финансов. Деп. торговли и мануфактур). - 1- 2, 3- 6, 9, 10- 15, 16- 18, 19- 20, 22- 30, 31- 32, 33- 35, 36- 39, 44, 45.
- [*Đa-ni-en-xôn, N. Ph.*] *Ni-cô-lai - ôn. Lược khảo về kinh tế xã hội ở nước ta sau cải cách*. - [Даниельсон, Н. Ф.] *Николай -он. Очерки нашего пореформенного общественного хозяйства*. Спб., тип. Бенке, 1893. XVI, 353 стр.; XVI л. табл. - 65, 105.
- Đạo luật cấm không được bắt phụ nữ làm việc ban đêm trong một số ngành sản xuất*. - *Закон о запрещении ночной работы женщин в известных производствах*. - xem Quy chế về công nghiệp.
- Đạo luật cấm không được thuê trẻ em làm trong các công xưởng*. - *Закон о запрещении детской работы на фабриках*. - xem Quy chế về công nghiệp.
- Đạo luật về việc bổ nhiệm những viên thanh tra công xưởng*. - *Закон о назначении фабричных инспекторов*. - xem Quy chế về công nghiệp.
- Đạo luật về việc các chủ công xưởng và chủ nhà máy cần phải nộp báo cáo lên bộ*. - *Закон о необходимости для фабрикантов и заводчиков доставлять отчетные ведомости в министерство*. - xem Quy chế về công nghiệp.
- Đạo luật về việc rút ngắn ngày lao động*. - *Закон о сокращении рабочего дня*. - xem Về độ dài của thời gian lao động và về sự phân bố thời gian đó trong các xí nghiệp thuộc công nghiệp công xưởng - nhà máy.
- Để kỷ niệm mười năm ngày Tséc-nư-sép-xki mất - ngày 17 tháng Mười*. - К десятилетию смерти Чернышевского - 17-го октября. - В кн.: Отдельное приложение к "Рабочей Мысли". Пб., изд. Петербургского "Союза", сентябрь 1899, стр. 17 - 29. - 326 - 327, 334.
- "*Đêm trước*". - "Накануне", Лондон, 1899, № 7, стр. 79 - 80. - 451.
- Đi-ô-nê-ô* - Диенео - xem Sôc-lôp-xki, I. V.
- Đích-ken, S. Di chúc của câu lạc bộ Pich-vích*. - Ликкенс, Ч. Посмертные записки Пикквикского клуба. - 263.
- Điện thông tư ngày 12 tháng Tám 1900 của người đứng đầu Bộ ngoại giao [gửi các đại biểu của nước Nga ở nước ngoài để thông báo cho chính phủ các nước hữu quan]*. - Циркулярная телеграмма управляющего Министерством иностранных дел 12 августа 1900 г. [российским представителям за границей для информации правительств соответствующих стран]. - "Правительственный

- Вестник", Спб., 1900, № 188, 19 августа (1 сентября), стр. 3. – 479.
- Dờ-phô, D. Rô-bin-xôn Cừ-dô-ê.* – Дефо, Д. Робинзон Крузо. – 195– 196.
- "Đời sống".* – "Жизнь", Спб., 1899, № 3, стр. 358 – 371. – 261.
- 1899, № 4, стр. 297 – 317. – 199– 206.
- [éc-man-xki, O. A.] Những ngày tháng Năm ở Khắc-cốp.* – (Ерманский, О. А.) *Майские дни в Харькове.* [Лейпциг], изд. "Искры", 1901. VI. 17 стр. – 459, 461 – 463.
- Ghéc-txen-stanh, M. I-a. Học thuyết về quĩ tiền công.* – Герценштейн, М. Я. *Учение о фонде рабочей платы.* – "Русская Мысль", М., 1890, № 7, стр. 1 – 27. – 70– 71.
- Giư-cốp-xki, I-u. G. Các Mác và cuốn sách của ông nói về tư bản.* – Жуковский, Ю. Г. *Карл Маркс и его книга о капитале.* – "Вестник Европы", Спб., 1877, № 9, стр. 64 – 105. – 254.
- Gô-gôn, N. V. Quan thanh tra.* – Гоголь, Н. В. *Ревизор.* – 319, 509.
- Gri-bô-ê-đốp, A. X. Khổ vì khôn.* – Грибоедов, А. С. *Горе от ума.* – 495.
- Gvô-do-đép, R. Tầng lớp cu-lắc cho vay nặng lãi, tác dụng của nó về mặt kinh tế-xã hội.* – Гвоздев, Р. *Кулачество-ростовищичество, его общественно-экономическое значение.* Спб., Гарин, 1898. 161 стр. На обл. год изд.: 1899. – 73– 77.
- Héc-khơ, G. Lao động của công nhân ở Tây Âu.* – Геркнер, Г. *Рабочий труд в Западной Европе.* Спб., журн. "Образование", 1899. 512, XXXIX стр. – 387.
- Héc-vếch, G. Nhà ở và việc làm.* – Гервег, Г. *Жилья и работы.* – 370.
- Hội nghị quý tộc đặc biệt tỉnh Ô-ri-ôn.* – Чрезвычайное орловское дворянское собрание. "Орловский Вестник", 1900, № 273, 11 октября, стр. 2. – 526– 534.
- * *Hớp-xơ, D. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại.* – Гобсон, Д. *Эволюция современного капитализма.* С предисл. авт., написанным для этого издания. Пер. с англ. Спб., Попова, 1898. XIII, 424 стр. (Экономическая б-ка). – 194– 198.
- Hlin. V.; Hlin, Vla-đi-mia* – Ильин, В.; Ильин, Владимир – xem Lê-nin, V. I.
- * *Khảo cứu về miền Péc-mơ.* Lược thảo về tình hình công nghiệp thủ công ở tỉnh Péc-mơ. – *Обзор Пермского края.* Очерк

- состояния кустарной промышленности в Пермской губернии. Пермь, 1896. 609 стр.; XVI л. картогр. и диагр.; 1 карта. – 23.
- "Ký sự nước nhà".* – "Отечественные Записки", Спб., 1887, № 10, стр. 321 – 356. – 254.
- [Lê-nin, V. I.] Bàn qua vấn đề lý luận về thị trường.* (Nhân cuộc luận chiến giữa ông Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki và ông Bun-ga-cốp). – *Ленин, В. И. Заметка к вопросу о теории рынков.* (По поводу полемики гг. Туган-Барановского и Булгакова). – "Научное Обозрение", [Спб], 1899, № 1, стр. 37 – 45. подпись: Владимир Ильин. – 85– 87, 88, 89, 90, 93, 97, 101, 105, 199– 201, 202– 203, 204.
- *Bàn về bãi công.* – О стачках. Конец 1899 г. – 229.
- *Bàn về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế.* Xi-xmôn-đi và môn đồ của ông ở nước ta. – *K характеристике экономического роман-тизма.* Сисмонди и наши отечественные сисмондисты. – "Новое Слово", Спб., 1897, № 7, апрель, стр. 25 – 50; № 8, май, стр. 25 – 60; № 9, июнь стр. 26 – 53; № 10, июль, стр. 18 – 32. подпись: К. Т. –н. – 65.
- Bàn về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế.* Xi-xmôn-đi và môn đồ của ông ở nước ta. – *K характеристике экономического роман-тизма.* Сисмонди и наши отечественные сисмондисты. – В кн.: [Ленин, В. И.] Ильин, Владимир. *Экономические этюды и статьи.* Спб., тип. Лейферта, 1899, стр. 1 – 112. – 85– 86, 89, 90, 91, 97– 99, 101, 180, 201, 203, 383.
- *Cương lĩnh của chúng ta.* [Bài viết cho "Báo công nhân"]. – *Наша программа.* [Статья для "Рабочей Газеты"]. Не ранее октября 1899 г. – 227, 228, 240.
- *Dự thảo bản tuyên bố của ban biên tập báo "Tia lửa" và tạp chí "Bình minh".* – *Проект заявления редакции "Искры" и "Зари".* Конец марта – начало апреля 1900 г. – 426– 427, 428.
- *Dự thảo cương lĩnh của đảng ta.* – *Проект программы нашей партии.* Конец 1899 г. – 229, 251, 413.
- *Dự thảo hiệp định.* – *Проект соглашения.* Начало сентября (н. ст.) 1900 г. – 445– 446.
- *Lại bàn về vấn đề lý luận về thực hiện.* – *Еще к вопросу о теории реализации.* – "Научное Обозрение", [Спб.], 1899, № 8, стр. 1564 – 1579. Подпись: В. Ильин. – 199, 382.

- *Lời ban biên tập*. [Tuyên bố của ban biên tập báo "Tia lửa"]. - *От редакции*. [Заявление редакции "Искры"]. Отдельный листок. Б. м., тип. "Искры", 1900, 2 стр. - 489.
- *Lời phản kháng của những người dân chủ - xã hội Nga*. Kèm theo lời bạt của ban biên tập tờ "Sự nghiệp công nhân". - *Протест российских социал-демократов*. С послесл. От ред. "Рабочего Дела". Женева, изд. Союза русских социал-демократов, 1899, 15 стр. (Отгис из № 4 - 5 "Рабочего Дела"). - 451.
- *Một vấn đề cấp bách*. [Bài viết cho "Báo công nhân"]. - *Насущный вопрос*. [Статья для "Рабочей Газеты"]. Не ранее октября 1899 г. - 227- 228.
- *Nhiệm vụ của những người dân chủ - xã hội Nga*. Kèm theo lời tựa của P. Ác-xen-rốt. - *Задачи русских социал-демократов*. С предисл. П. Аксельрода. Женева, изд. РСДРП, 1898. 32 стр. Перед загл. кн. авт. не указан. - 299- 300, 324- 325, 418.
- *Nhiệm vụ trước mắt của chúng ta*. [Bài viết cho "Báo công nhân"]. - *Наша ближайшая задача*. [Статья для "Рабочей Газеты"]. Не ранее октября 1899 г. - 227, 228, 244.
- *Những bài nghiên cứu và bình luận về kinh tế*. - *Экономические этюды и статьи*. Спб., тип. Лейферта, 1899. 290 стр. Перед загл. авт.: Владимир Ильин. - 85- 86, 89, 91, 97- 99, 101, 180, 201, 204, 383.
- *Nội dung kinh tế của chủ nghĩa dân túy và sự phê phán trong cuốn sách của ông Xto-ru-vê về nội dung đó* (Bản về cuốn sách của P. Xto-ru-vê: Những ý kiến phê phán về vấn đề phát triển kinh tế ở Nga. Xanh Pê-téc-bua, 1894). - *Экономическое содержание народничества и критика его в книге г. Струве*. (По поводу книги П. Струве Критические заметки к вопросу об экономическом развитии России. Спб., 1894 г.) - В кн.: Материалы к характеристике нашего хозяйственного развития. Сб. Статей. Спб., тип. Сойкина, 1895, стр. 1 - 144, в ч. II. Подпись: К. Тулин. - 106.
- *Phê bình sách*. Pác-vu-xơ. Thị trường thế giới và khủng hoảng nông nghiệp. Những bài tiểu luận về kinh tế. - *Рецензия*. Парвус. Мировой рынок и сельскохозяйственный кризис. Экономические очерки. Перевод с немецкого Л. Я. Спб., 1898. изд. О. Н. Поповой (Образовательная библиотека серия 2-я № 2). Стр. 142. цена 40 коп. - Начало Спб., 1899, №3. стр.117 - 118. - 192.
- *Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga*. Quá trình hình thành thị trường trong nước của đại công nghiệp. - *Развитие капитализма в России*.

- Процесс образования внутреннего рынка для крупной промышленности. Спб., Водовозова, 1899. XIII, 480 стр.; 2 л. диагр.; VII стр. табл. Перед загл. авт.: Владимир Ильин. - 22, 106, 107, 109, 148, 154, 163, 166, 182, 202- 203, 204, 205, 382- 383.
- Lời ban biên tập*. - *От редакции*. - В кн.: Отдельное приложение к "Рабочей Мысли". Пб., изд. Петербургского "Союза", сентябрь 1899, стр. 37 - 38. - 303.
- Lời của Bộ giáo dục quốc dân*. - *От Министерства народного просвещения*. - "С-Петербургские Ведомости", 1901, № 10, 11 (24) январь, стр. 1. - 493.
- Lời kêu gọi của nhóm công nhân tự giải phóng*. - *Воззвание Группы са-моосвобождения рабочих*. - С.- Петербург, март, 1899 г. - "Накануне", Лондон, 1899, № 7, стр. 79 - 80. - 355.
- "*Lời nói mới*". - "Новое Слово", Спб., 1897, № 7, апрель, стр. 25 - 50. - 65.
- 1897, № 8, май, стр. 25 - 60, 200 - 208. - 65, 425.
- 1897, № 9, июнь, стр. 26 - 53. - 65.
- 1897, № 10, июль, стр. 18 - 32. - 65.
- * *Lược khảo về tình hình công nghiệp thủ công ở tỉnh Péc-mơ*. - *Очерк состояния кустарной промышленности в Пермской губернии*. Пермь, 1896. 609 стр.; XVI л. картогр. и диагр.; I карта. (Обзор Пермского края). - 23.
- Mác, C. và Ăng-ghen, Ph. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*. - *Маркс, К. и Энгельс ф. Манифест Коммунистической партии*. Декабрь 1847 г. - январь 1848 г. - 215, 237, 239, 255, 394, 416.
- Mác, C. Các học thuyết về giá trị thặng dư* (quyển IV của bộ "Tư bản"). - *Маркс, К. Теории прибавочной стоимости* (IV том "Капитала"). Январь 1862 г. - июль 1863 г. - 90.
- *Điều lệ chung của Hội liên hiệp lao động quốc tế*. - *Общий устав Международного Товарищества Рабочих*. Около 24 октября 1871 г. - 417, 470.
- *Điều lệ tạm thời của Hội liên hiệp*. - *Временный устав*

- Tоварищества*. 21 - 27 октября 1864 г. – 417, 470.
- *Góp phần phê phán chính trị kinh tế học*. - К критике политической эконо-мии – xem Phê phán một vài nguyên lý của chính trị kinh tế học.
- *Lời tựa* [cho cuốn “Phê phán một vài nguyên lý của chính trị - kinh tế học”]. - *Предисловие* [к книге “Критика некоторых положений политической экономии”]. - В кн.: Маркс, К. Критика некоторых положений политической экономии. Пер. с нем. П. П. Румянцева под ред. А. А. Мануилова. М., Бонч-Бруевич, 1896 стр. IX - XII. - 255, 256.
- *Phê phán cương lĩnh Gô-ta*. Những nhận xét về bản cương lĩnh của Đảng công nhân Đức. - *Критика Готской программы*. Замечания к программе германской рабочей партии. 5 мая 1875 г. - 269.
- *Phê phán một vài nguyên lý của chính trị kinh tế học*. - *Критика некоторых положений политической экономии*. Пер. с нем. П. П. Румянцева под ред. А. А. Мануилова. М., Бонч-Бруевич, 1896. XII, 163 стр. - 255, 256.
- *Sự khốn cùng của triết học*. Trả lời “Triết học của sự khốn cùng” của ông Pru-đông. - *Нищета философии*. Ответ на “философию нищеты” г-на Прудона. Первая половина 1847 г. - 216.
- *[Thu] gửi V. Brắc-kê*. - *[Письмо] В. Бракке*. 5 мая 1875 г. - 269.
- *Tư bản*. Phê phán chính trị kinh tế học. T. I - III. - *Капитал*. Критика политической экономии. T. I - III. 1867 - 1894 г. - 99 - 100, 126, 127, 128, 205, 215, 254, 259, 382 - 383, 384.
- *Tư bản*. *Phê phán chính trị kinh tế học*. T. I. - *Капитал*. Критика политической экономии. T. I. 1867 г. - 55, 93 - 94, 275, 276, 277.
- *Tư bản*. Phê phán chính trị kinh tế học. T. II. - *Капитал*. Критика политической экономии. T. II. 1885 г. - 59, 61, 69, 70, 95, 97, 103, 114, 201 - 203.
- *Tư bản*. Phê phán chính trị kinh tế học. T. III, Ph. 1 - 2. - *Капитал*. Критика политической экономии. T. III. Ч. 1 - 2. 1894 г. - 69, 91 - 92, 93 - 94, 97, 112, 166, 202 - 203, 255.
- *Tư bản*. Phê phán chính trị kinh tế học. Ph. Ăng-ghen hiệu đính. Bản dịch từ tiếng Đức. Q. III. T. III. Toàn bộ quá trình của sản xuất tư bản chủ nghĩa. - *Капитал*. Критика политической экономии. Под ред. Ф. Энгельса. Пер. с нем. T. III. кн. III. Про-цесс капиталистического производства взятый в целом. Спб. тип. Демакова 1896. XLVI, 734 стр. - 62 - 63, 64, 66, 90, 91, 92, 102,

- 135, 182 - 183.
- Mác-tốp*. L. *Ngọn cờ đỏ ở Nga*. Lược khảo về lịch sử phong trào công nhân Nga. Kèm theo lời tựa của P. Ác-xen-rốt. - *Мартов, Л. Красное знамя в России*. Очерк истории русского рабочего движения. С предисл. П. Аксельрода. Женева, изд. революц. организации “Социал-Демократ”, 1900, XII, 64 стр. - 309.
- *Sự nghiệp công nhân ở Nga*. - *Рабочее дело в России*. Женева, изд. Союза русских социал-демократов, 1899. 90 стр. - 418.
- Mát-xơ-va*. (*Bài của phóng viên chúng tôi*). Москва. (*От нашего корреспондента*). - «С. - Петербургские Ведомости», 1900, №239, 1(14) сентября, стр. 3. - 533 - 534.
- Mi-cu-lin*, A. A. *Công nghiệp công xưởng - nhà máy và công nghiệp thủ công của thành phố Ô-đết-xa, tỉnh Khéc-xôn và của quân khu Ni-cô-lai-ép, có kèm theo phụ lục kê khai của các công xưởng, nhà máy và các xí nghiệp xay*. Микулин, А. А. *Фабрично - заводская и ремесленная промышленность Одесского крайначальства Херсонской губернии и Николаевского военного губернаторства с приложением списка фабрик, заводов и сельскохозяйственных мельниц*. Одесса, 1897, XIII, 76, 276 стр. - 5, 11, 26, 44.
- Mi-khai-lốp-xki*, N. C. *Các Mác trước sự phán xét của ông I-u*. *Гю-сốp-xki*. Михайловский, Н. К. *Карл Маркс перед судом г. Ю. Жуковского*. - «Отечественные записки», Спб., 1877, № 10, стр. 321 - 356. - 254.
- *Văn học và đời sống*. - *Литература и жизнь*. - «Русское Богатство», Спб., 1893, №10, стр. 108 - 141. - 254.
- *Văn học và đời sống*. - *Литература и жизнь*. - «Русское Богатство», Спб., 1899, №1, стр. 76 - 99; №2, стр. 83 - 100; №7 (10), стр. 194 - 218. - 254.
- Mô-lê-e*, G. B. *Người thầy thuốc bất đắc dĩ*. - Мольер, Ж. Б. *Декаръ поневоле*. - 385.
- Nê-giơ-đa-nốp*, P. *Về vấn đề thị trường trong sản xuất tư bản chủ nghĩa*. Về những bài báo của I. Rát-ne, H-in và Xтo-ru-vê. - *Нежданов, П. К вопросу о рынках при капиталистическом производстве*. П. К вопросу о рынках при капиталистическом производстве. По поводу статей И. Ратнера, Ильина и Струве. - «Жизнь», Спб., №4 1899 стр. 297 - 317. - 199 - 206.
- Ngày hội 1 tháng Năm của công nhân toàn thế giới (theo lịch nước ta là ngày 19 tháng Tư)*. - *Всемирный рабочий праздник 1-го Мая (по нашему счету 19 апреля)*. [Спб.], изд. с. - петербургского Союза борьбы за

- освобождение рабочего класса, [1898]. 1 стр. – 310.
- Ngày 1 tháng Năm.* Ngày 18 tháng Tư. Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga gửi lời chào anh em tới nam nữ công nhân toàn Nga nhân ngày 1 tháng Năm, ngày hội của công nhân. – *Первое мая.* 18 апреля. Рабочим и работницам всей России ко дню рабочего праздника Первого мая Российская социал-демократическая рабочая партия шлет братский привет. Б. м., тип. «Южного Рабочего», [1901]. 2 стр. – 466.
- Nghị quyết đại hội.* [Đại hội lần thứ nhất của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Мин-хср. Ngày 1 - 3 (13 - 15) tháng Ba 1898]. – *Решения съезда* [Первый съезд РСДРП. Минск. 1 - 3 (13 - 15) марта 1898 г.]. – xem Tuyên ngôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.
- «*Người công dân*». – «*Гражданин*», Спб. – 397.
- «*Người dân chủ - xã hội*». – «*Социал-Демократ*», Лондон, 1890, кн. 1, февраль, стр. 88 - 175. – 327.
- Женева, 1890, кн. 2, август, стр. 62 - 142. – 327.
- Женева, 1890, кн. 3, декабрь, стр. 71 - 110. — 327.
- Женева, 1892, кн. 4, стр. 144 - 194. — 327.
- Nhân tiện bàn qua.* – *Мимоходом.* – «*Рабочая Мысль*», Спб., 1899. №7, июль, стр. 6. – 228.
- Nhiệm vụ trước mắt của phong trào công nhân Nga.* [Xã luận]. – *Ближайшие задачи русского рабочего движения.* [Передовая]. – «*Рабочая Газета*», Киев, 1897, №2, ноябрь, стр. 1 - 4. – 221.
- Những ngày tháng Năm ở Khắc-cốp* – *Майские дни в Харькове* – xem *Ес-ман-хкі, О. А.*
- Những quy định về hình phạt đối với các tội thường phạm và các hình phạt cải tạo, năm 1885.* – *Уложения о наказаниях уголовных и исправительных 1885 года.* 8-е изд., пересмотр. и доп. Спб., Таганцев, 1895. 892 стр. – 507, 514.
- [*Những sắc lệnh và chỉ thị của chính phủ*]. – [Узаконения и распоряжения правительства]. – «*Московские Ведомости*», 1901, №20, 20 января (2 февраля), стр. 1; №22, 22 января (4 февраля), стр. 1; №23, 23 января (5 февраля), стр. 1; №24, 24 января (6 февраля), стр. 1; №25, 25 января (7 февраля), стр.

- 2; №27, 27 января (9 февраля), стр. 1; №28, 28 января (10 февраля), стр. 1. – 535 - 541.
- Những số liệu mới về thống kê công xưởng - nhà máy ở nước ta.* [Phê bình sách: Ca-ru-sép, N. A. Những tài liệu về kinh tế quốc dân Nga]. – *Новые данные о нашей фабрично-заводской статистике.* [Рецензия на книгу: Карышев, Н. А. Материалы по русскому народному хозяйству]. – «*Русские Ведомости*», М., 1898, №144, 27 июля, стр. 3. – 6.
- Những tài liệu dùng để nhận định sự phát triển kinh tế của nước ta.* – *Материалы к характеристике нашего хозяйственного развития.* Сб. статей. Спб., тип. Сойкина, 1895, 232, 259, III стр. – 106.
- Ni-cô-lai-ôn* – *Николай- он* – xem *Đa-ni-en-xôn, N. Ph.*
- * *Niên giám của Bộ tài chính.* Thiên I. – *Ежегодник министерства финансов.* Вып. I. На 1869 год. Сост. под ред. А. Б. Бушена. Спб., 1869. VIII, 618 стр. – 2, 7.
- Niên giám thống kê của đế quốc Nga.* Đợt II. Thiên VI. Tài liệu thống kê về công nghiệp công xưởng - nhà máy ở phần nước Nga thuộc châu Âu năm 1868. — *Статистический временник Российской империи.* Серия II. Вып. VI. Материалы для статистики заводско-фабричной промышленности в Европейской России за 1868 год. Обр. И. Боком. Спб., изд. Центр. стат. ком. м-ва внутренних дел, 1872. LXXVIII, 427 стр. — 7, 14.
- * *Oóc-lốp, P. A. Bản chỉ dẫn về các công xưởng và nhà máy của phần nước Nga thuộc châu Âu cũng như ở vương quốc Ba-lan và đại vương quốc Phần-lan.* Những tài liệu thống kê công xưởng - nhà máy. – *Орлов, П. А. Указатель фабрик и заводов Европейской России с Царством Польским и вел. кн. финляндским.* Материалы для фабрично-заводской статистики. Сост. по офиц. сведениям деп. торговли и мануфактур. [По сведениям за 1879 г.]. Спб., 1881. IX, 754 стр. – 2, 4, 5-6, 10, 16, 17-19, 22.
- *Bản chỉ dẫn về các công xưởng và nhà máy của phần nước Nga thuộc châu Âu cũng như ở vương quốc Ba-lan.* Những tài liệu thống kê công xưởng - nhà máy. — *Указатель фабрик и заводов Европейской России и Царства Польского.* Материалы для фабрично-заводской статистики. Сост. по офиц. сведениям деп. торговли и мануфактур. Изд. 2-е, истр. и значит. доп. [По

- сведениям за 1884 г.]. СПб., 1887. XVIII, 824 стр. — 2, 4, 5-6, 10, 16, 35.
- Ốc-lớp, P. A. và Bư-đa-gờp, X. G. Bản chỉ dẫn về các công xưởng và nhà máy của phần nước Nga thuộc châu Âu* Những tài liệu thống kê công xưởng và nhà máy. — Орлов, П. А. и Буднаев, С. Г. *Указатель фабрик и заводов Европейской России*. Материалы для фабрично-заводской статистики. Сост. по офинд. сведениям деп. торговли и мануфактур. Изд. 3-е, испр. и значиг. доп. [По сведениям за 1890 г., доп. сведениям за 1893 и 1894 г.] СПб., 1894. II, XVI, 827 стр. — 2, 4, 5-6, 10, 16, 17-19, 22, 26, 29, 33, 35, 36-37, 44.
- Ô-xto-rớp-xki, A. N. Chúc vự bống lợc cao. — *Островский, А. Н. Доходное место*. — 530
- Pác-vu-xơ. Thị trường thế giới và khủng hoảng nông nghiệp.* Những bài tiểu luận về kinh tế. — *Парвус. Мировой рынок и сельскохозяйственный кризис*. Экономические очерки. Пер. с нем. Л. Я. СПб., Попова, 1898. 143, II стр. (Образовательная б-ка. Серия 2-ая (1898). №2). — 77, 78 - 80, 191.
- Phong trào công nhân ở Khác-cớp.* [Báo cáo của Ban chấp hành Khác-cớp của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga]. — *Рабочее движение в Харькове*. [Отчет Харьковского комитета РСДРП]. Женева, изд. Союза русских социал-демократов. 1900, 16 стр. — 466.
- Phụ trương đặc biệt của tờ «Tư tưởng công nhân». — *Отдельное приложение к «Робочей Мысли»*. Пб., изд. Петербургского «Союза», сентябрь 1899. 38 стр. — 303 - 335, 392, 409, 451, 461.
- Plé-kha-nớp, G. V. Bản về sự phát triển của quan điểm nhất nguyên về lịch sử.* Trả lời các ông Mi-khai-lớp-xki, Ca-rê-ép và phe cánh. — *Плеханов, Г. В. К вопросу о развитии монистического взгляда на историю*. Ответ гг. Михайловскому, Карееву и комп. СПб., 1895, 288 стр. Перед загл. авт.: Н. Бельтов. — 95.
- *Chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chính trị*. — *Социализм и политическая борьба*. Женева, 1883. IV, 78 стр. (Б-ка современного социа-лизма. Вып. I). — 317, 394.
- *Dự thảo cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội Nga.* Проект программы русских социал-демократов 1885 - 1887 гг. — 272 - 273, 274 - 275, 277, 280, 282, 283, 285, 289, 291, 292, 296, 299 - 300, 318, 319 - 322, 345, 468.

- *Dự thảo cương lĩnh của những người dân chủ - xã hội Nga.* — *Проект программы русских социал-демократов*. — В кн.: Аксельрод, П. Б. К вопросу о современных задачах и тактике русских социал-демократов. Женева, изд. Союза русских социал-демократов. 1898, стр. 29 - 34. — 272 - 273, 320 - 322.
- *N. G. Tséc-nư-sép-xki.* — *Н. Гю Чернышевский*. — «Социал-Демократ», Лондон, 1890, кн. I, февраль, стр. 88 - 175; Женева, 1890, кн. 2, август, стр. 62 - 142; Женева, 1890, кн. 3, декабрь, стр. 71 - 110; Женева, 1892, кн. 4, стр. 144 - 194. — 327.
- *Nhiệm vụ của những người xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh chống nạn đói ở Nga.* — (Thư gửi các đồng chí trẻ). *О задачах социалистов в борьбе голодом в России*. (Письма к молодым товарищам). Женева, тип. «Социал-Демократа», 1892. 89 стр. (Б-ка современного социализма. Вып. 10). — 461 - 462.
- *Những sự bất đồng giữa chúng ta.* — *Наши разногласия*. Женева, тип. группы «Освобождение труда», 1884. XXIV, 322 стр. (Б-ка современного социализма. Вып. III). На обл. год изд.: 1885. — 317.,
- *Vademecum dành cho ban biên tập tờ «Sự nghiệp công nhân».* — *Vademecum для редакции «Рабочего Дела»*. Сборник материалов, изданный группой «Освобождение труда». Женева, 1900, II, 67 стр. — 426.
- * *Pô-xto-ni-cớp, V. Ê. Kinh tế nông dân ở miền Nam nước Nga.* — *Постников, В. Е. Южнорусское крестьянское хозяйство*. М., 1891. XXXII, 392 стр. — 148.
- Prô-cô-pô-vích, X. N. Phong trào công nhân ở phương Tây.* Thử nghiên cứu một cách có phê phán. Т. I. — *Прокопович, С. Н. Рабочее движение на Западе*. Опыт критического исследования. Т. I. Германия. Бельгия. СПб., Пантелеев, 1899 II, 212, 120 стр. — 259, 266, 378 - 391.
- Pu-skin, A. X. Bô-rít Go-đu-nớp.* — *Пушкин, А. С. Борис Годунов*. — 516.
- *Người con gái viên đại úy.* — *Капитанская дачка*. — 288.
- Quy chế về công nghiệp.* — *Устав о промышленности*. — В кн.: Свод законов Российской империи. Т. II. Ч. II. СПб., 1887, стр. 1 - 125. — 2, 360 - 361.,
- R. M. Thực tại của nước ta* (Phong trào công nhân, chế độ chuyên chế xã hội cùng

- các tầng lớp sống trong xã hội đó [quý tộc, đại tư sản và tư sản nhỏ, nông dân và công nhân] và đấu tranh xã hội). — P. M. *Наша действительность*. (Рабочее движение, самодержавие, общество с его слоями [дворянство, крупная и мелкая буржуазия, крестьяне и рабочие] и общественная борьба). — В кн.: Отдельное приложение к «Рабочей Мысли». Пб., изд. Петербургского «Союза», сентябрь 1899, стр. 3 - 16. — 303-335.
- Rát-ne, M. B. Lý luận về thị trường và mối quan hệ của nó đối với vấn đề phát triển kinh tế trong nước*. (Về cuốn sách của ông X. Bun-ga-cốp: «Về thị trường dưới chế độ sản xuất tư bản chủ nghĩa. Nghiên cứu lý luận». Mát-xcơ-va, 1897). — Ратнер, М. Б. *Теория рынков в ее отношении к вопросу об экономическом развитии страны*. (По поводу книги С. Булгакова: «О рынках при капиталистическом производстве. Теоретический этюд». Москва, 1897). — «Русское Богатство», Спб., 1898, №12, стр. 78 - 102. — 199.
- Ri-các-đồ, Đ. Toàn tập*. — Рикардо, Д. *Сочинения*. Пер. Н. Зибера. Сприл. переводчика. Спб., Пантелеев, 1882. XXVI, 659 стр. — 68, 90 - 91.
- [*Scơ-lốp-xki, I. V.*] *Đi-ô-nê-ô. Từ nước Anh*. — [Шкловский, И. В.] Дионео. Из Англии. — «Русское Богатство», Спб., 1899, №2, стр. 118 - 140. — 141.
- Stanh-béc, X. Cuốn sách mới về chủ nghĩa duy vật lịch sử*. — Штейнберг, С. *Новая книга об историческом материализме*. — «Жизнь», Спб., 1899, №3, стр. 358 - 371. — 261.
- «*Sự nghiệp công nhân*». «Рабочее Дело», Женева. — 402, 451, 466, 484 - 486.
- «*Tập sắc lệnh và chỉ thị của chính phủ do Thượng nghị viện xuất bản*». — «Собрание Узаконений и Распоряжений Правительства, издаваемое при Правительствующем Сенате», Спб.. — 535.
- 1897, №62, 13 июня, ст. 778, стр. 2135 - 2139. — 234 - 235, 278 - 279, 312, 361.
- 1900, №140, 29 декабря, ст. 2905 - 2926, стр. 6943 - 6946. — 535 - 541.
- 1900, №141, 31 декабря, ст. 2927 - 2929, стр. 6947 - 6960. — 535 - 541.
- 1901, №1, 2 января, ст. 1 - 5, стр. 3 - 8. — 535 - 541.
- 1901, №2, 5 января, ст. 6 - 13, стр. 5 - 36. — 535 - 541.

- 1901, №3, 9 января, ст. 14 - 60, стр. 37 - 44. — 535 - 541.
- 1901, №4, 12 января, ст. 61 - 66, стр. 45 - 46. — 535 - 541.
- Tập số liệu về công nghiệp công xưởng và nhà máy ở Nga những năm 1885 - 1892*. — *Свод данных о фабрично-заводской промышленности в России за 1885 - 1892 гг.* Спб., изд. деп. торговли и мануфактур, 1889 - 1896. 6 т. (Материалы для торгово-пром. статистики). — 8, 19.,
- за 1885 - 1887 гг. 1889. IV. XVIII, 144 стр. — 8, 16, 27, 33, 35.
- за 1888 год. 1891. 385 стр. — 19, 27, 35.
- за 1889 год. 1889. 181. ССЦИ, 69 стр. — 19, 27, 35.
- за 1890 год. 1893. 419 стр. — 19, 27, 35, 36.
- за 1891 год. 1894. VII, 237 стр. — 19, 27, 35.
- за 1892 год. 1895. X, 267 стр. — 19, 27.
- Tập tài liệu về nước Nga năm 1884 - 1885*. — *Сборник сведений по России за 1884 - 1885 гг.* Спб., изд. Центр. стат. ком. м-ва внутр. дел, 1887. XVIII, 313 стр.; 2л. картогр. (Статистика Российской империи. I). — 20.
- * *Tập thống kê quân sự*. Thiên IV. Nước Nga. — *Военно-статистический сборник*. Вып. IV. Россия. Под общ. ред. Н. Н. Обручева. Спб., 1871. XXX, 922, 235 стр. — 14, 20 - 21, 29.
- «*Thế giới của Thượng đế*». — «Мир божий», Спб., 1898, № 4, стр. 77 - 82. — 21, 29 - 30.
- 1899, № 6, стр. 118 - 127. — 60 - 67, 68 - 70, 85.
- Thống kê của đế quốc Nga*. I. Tập tư liệu về nước Nga năm 1884 - 1885. — *Статистика Российской империи*. I. Сборник сведений по России за 1884 - 1885 гг. Спб., изд. Центр. стат. ком. м-ва внутр. дел, 1887. XVIII, 313 стр.; 2л. картогр.. — 20.
- Thông tư gửi các vị đứng đầu tỉnh, khu và miền, các thị trưởng và cảnh sát trưởng, ngày 7 tháng Sáu 1895 số 11451 và gửi các viên thanh tra công xưởng và gửi các kỹ thuật viên của tỉnh (khu) ngày 7 tháng Sáu 1895, số II*. — Циркуляр гг. начальникам губерний, областей и округов, грабональникам и обер-полицейстерам от 7 июня 1895 г. № 11451 и чинам фабричной инспекции и губернским (обласным) механикам от 7 июня 1895 г. №11. — В кн.: Кобеляцкий, А. Справочная книга для чинов фабричной инспекции, для фабрикантов и заводчиков. Полный сборник

- узаконений о найме рабочих на фабрики, заводы и мануфактуры; о взаимных отношениях фабрикантов и рабочих; о фабричной инспекции; о надзоре за заведениями фабрично-заводской промышленности. Изд. 4-е, Спб., 1897, стр. 34 - 36. — 8 - 12, 15, 24.
- «*Thời mới*». — «Новое Время», Спб., 1899, № 8506, 1 (13) ноября, стр. 3. — 389.
- Ti-mi-ri-a-dép, D. A. Đồ biểu thống kê các ngành chủ yếu của công nghiệp công xưởng - nhà máy ở phần nước Nga thuộc châu Âu, kèm bản kê các công xưởng và nhà máy.* — Тимирязев, Д. А. Статистический атлас главнейших отраслей фабрично-заводской промышленности Европейской России с поименным списком фабрик и заводов. Сост. по офиц. сведениям деп. торговли и мануфактур за 1867 год. Труд, удост. медали на Парижской всемирной выставке 1867 г. и на всероссийской мануфактурной выставке 1870 г. Вып. 1 - 3. Спб., 1869 - 1873. VI, VI, 132 стр.; 14 карт 7. — 8.
- «*Tia lửa*». — «Искра», (Лейпциг — Мюнхен — Лондон — Женева). — 407 - 421, 422 - 445, 447 - 448, 449 - 426, 473 - 474, 487 - 490.
- «*Tiến lên!*». — «Вперед!» Т. V. Лондон, 1877, стр. 30 - 35, в отд.: Что делается на родине? — 475.
- «*Tin tức của Viện nông nghiệp Mát-xcơ-va*». — «Известия Московского Сельскохозяйственного Института», М., 1898, кн. 1, стр. 1 - 52. — 1.
- «*Tin tức Mát-xcơ-va*». — «Московские Ведомости». — 397. — 1901, № 20, 20 января (2 февраля), стр. 1. — 535 - 541. — 1901, № 22, 22 января (4 февраля), стр. 1. — 535 - 541. — 1901, № 23, 23 января (5 февраля), стр. 1. — 535 - 541. — 1901, № 24, 24 января (6 февраля), стр. 1. — 535 - 541. — 1901, № 25, 25 января (7 февраля), стр. 2. — 535 - 541. — 1901, № 27, 27 января (9 февраля), стр. 1. — 535 - 541. — 1901, № 28, 28 января (10 февраля), стр. 1. — 535 - 541.
- «*Tin tức nước Nga*». — «Русские Ведомости», М., 1898, № 144, 27 июля, стр. 3. — 6.
- «*Tin tức Xanh Pê-téc-bua*». — «С. - Петербургские Ведомости». 1900, № 239, 1 (14) сентября, стр. 3. — 534. — 1901, № 10, 11 (24) января, стр. 1. — 493.
- Т-и, С. — Т — и, К. — хет Lê-nin, V. I.
- «*Truyền tin châu Âu*». — «Вестник Европы», Спб., 1877, № 9, стр. 64 - 105. — 254.

- «*Truyền tin của Chính phủ*». — «Правительственный Вестник», Спб., 1899, № 165, 31 июля (12 августа), стр. 1. — 279, 493, 495 - 496. — 1900, № 188, 19 августа (1 сентября), стр. 3. — 478 - 479.
- «*Truyền tin Ô-ri-ôn*». — «Орловский Вестник», 1900, № 273, 11 октября, стр. 2. — 526 - 534.
- «*Truyền tin pháp luật*». — «Юридический Вестник», М., 1889, № 9, стр. 38 - 67. — 16, 20.
- «*Truyền tin tài chính, công nghiệp và thương nghiệp*». — «Вестник Финансов, Промышленности и Торговли», Спб. — 534.
- Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, M. Chủ nghĩa tư bản và thị trường.* (Về cuốn sách của X. Bun-ga-cốp «Về thị trường dưới chế độ sản xuất tư bản chủ nghĩa». Mát-xcơ-va, 1897). — Туган-Барановский, М. Капитализм и рынок. (По поводу книги С. Булгакова «О рынках при капиталистическом производстве». Москва, 1897 г.). — «Мир Божий», Спб., 1898, № 6, стр. 118 - 127. — 60 - 66, 68 - 70.
- *Công xưởng Nga trước kia và hiện nay.* Điều tra lịch sử - kinh tế. Т. I. Sự phát triển lịch sử của công xưởng Nga thế kỷ XIX. — *русская фабрика в прошлом и настоящем.* Историко-экономическое исследование. Т. I. Историческое развитие русской фабрики в XIX веке. Спб., Пантелеев, 1898. XI. 497 стр. — 22, 29.
- *Những cuộc khủng hoảng công nghiệp ở Anh hiện nay, nguyên nhân và ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng đó đến đời sống nhân dân.* — *Промышленные кризисы в современной Англии, их причины и влияние на народную жизнь.* С прил. 12 диагр. Спб., тип. Скороходова, 1894. IV, 513 стр. — 59 - 61, 62, 66 - 70, 85, 105 - 106, 203.
- *Thư gửi ban biên tập.* (Trả lời giáo sư N. A. Ca-rư-sép). — *Письмо в редакцию.* (Ответ проф. Н. А. Карышеву). — «Мир Божий», Спб., 1898, № 4, стр. 77 - 82. — 21, 29 - 30.
- Ту-lin, С. — Тулин, К. — хет Lê-nin, V. I.
- Tuyên bố về việc tái bản những xuất bản phẩm của nhóm «Giải phóng lao động»* — Объявление о возобновлении изданий группы «Освобождение труда» — хет Ác-xen-rót, P. B.
- Tuyên ngôn của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga.* — *Манифест Рос-сийской социал-демократической рабочей партии.* Б. м., тип. партии, [1898]. 2 стр. — 221, 221 - 224, 235, 324 - 325, 335, 345, 392, 411, 413, 418, 452, 468, 484.
- «*Tư tưởng công nhân*». — «Рабочая Мысль», Спб. — 233, 303 - 336.

- 343 - 345, 396, 398, 409 - 410, 451, 469, 472.
 — 1897, № 1, октябрь, стр. 1. — 220, 229.
 — 1897, № 2, декабрь. — 229.
 — 1899, № 6, апрель. — 229.
 — 1899, № 7, июль, стр. 6. — 228, 229, 319.
 «*Tư tưởng Nga*». — «Русская Мысль», М., 1890, № 7, стр. 1 - 27. — 70 - 71. — 1897, № 11, стр. 506 - 521. — 51 - 52.
U-xpen-xki, G. I. Phê-đồ Mi-khai-lô-vích Rê-sét-ni-cốp. — Успенский, Г. И. Федор Михайлович Решетников. — 524 - 525.
 V. V. — B. B. — *xem Vô-rôn-txốp, V. P.*
Vấn đề ruộng đất và phong trào dân chủ - xã hội ở Nga. — *Аграрный вопрос и социальная демократия в России.* — В кн.: Доклад, представленный делегацией русских социал-демократов Международному рабочему социалистическому конгрессу в Лондоне в 1896 г. Женева, изд. Союза русских социал-демократов, 1896, стр. 22 - 32. — 298.
Về độ dài của thời gian lao động và về sự phân bố thời gian đó trong các xí nghiệp thuộc công nghiệp công xưởng - nhà máy. — *О продолжительности и распределении рабочего времени в заведениях фабрично-заводской промышленности.* 2 июня 1897 г. — «Собрание Узаконений и Распоряжений Правительства, изд. при Правительствующем Сенате», Спб., 1897, № 62, 13 июня, стр. 778, стр. 2135 - 2139. — 234 - 235, 278 - 279, 312, 361.
Vít-te, X. I-u. Thông tư [gửi công nhân các nhà máy bông vải sợi và dệt ở Xanh Pê-téc-bua]. — Витте, С. Ю. Цикуяр [к рабочим С.-Петербургских бумагопрядильных и ткацких фабрик]. 15 июня 1896 г. — 278 - 279.
 [Vô-rôn-txốp, V. P.] V. V. *Khái luận về kinh tế lý thuyết.* — [Воронцов, В. П.]. В. В. Очерки теоретической экономики. Спб., тип. Скороходова, 1895. 321 стр. — 105, 106 - 107, 390.
 [Xã luận]. — [Передовая] — «Рабочая Мысль», Спб., 1897, № 1, октябрь, стр. 1. — 220.
Xan-tư-cốp - Sê-đrin, M. Ê. Các ngài dòng họ Gô-lốp-lép. Салтыков-Шедрин, М. Е. Господа Головлевы. — 531.

- *Một bài ca hoa tình hiện đại.* — Современная идиллия. — 337.
 — *Nhật ký của một người tỉnh lẻ ở Pê-téc-bua.* — *Дневник провинциала в Петербурге.* — 526 - 527.
 — *Những dấu hiệu của thời đại.* — Признаки времени. — 514, 515, 531, 533.
 — *Nơi ẩn trốn Môn-re-pô.* — Убежище Монрепо. — 526 - 527.
 — *Ở nước ngoài.* — За рубежом. — 106.
 — *Quanh năm.* — Круглый год. — 515.
 — *Sự đứng mực và sự cẩn thận.* — В среде умеренности и аккуратности. — 337.
 «*Văn tập*» (Lễ an táng). — «Сборник» (Похороны). — 514, 526.
Xcơ-vô-ốc-txốp, A. I. Ảnh hưởng của phương tiện vận tải bằng hơi nước đối với nông nghiệp. *Нghiên cứu kinh tế nông nghiệp.* — Скворцов, А. И. Влияние парового транспорта на сельское хозяйство. Исследование в области экономики земледелия. Варшава, 1890. VIII, VI, 703 стр. — 132.
Xmít, A. Nghiên cứu về bản chất và về nguyên nhân sự giàu có của các dân tộc. Кèm theo chú thích của Ben-tam và những người khác. — Смит, А. Исследования о природе и причинах богатства народов. С пимеч. Бентама и др. Пер. П. А. Бибииков. Т. 1 - 3. Спб., 1866, 3 т. — 66 - 68 86 - 87 90 - 91.
 [Xtơ-ru-vê, P. B.] *Bình luận tình hình trong nước.* — [Струве, П. Б.] *Внутреннее обозрение.* — «Начало», Спб., 1899, № 1 - 2, стр. 292 - 316. — 166.
 — *Lại bàn về tự do và tất yếu.* (Trả lời bài báo trước của X. N. Bун-га-cốp). — *Еще о свободе и необходимости.* (Ответ на предыдущую статью С. Н. Булгакова). — «Новое Слово», Спб., 1897, № 8, май, стр. 200 - 208. — 425 - 426
Những ý kiến phê phán về sự phát triển kinh tế của nước Nga. Tập I. *Критические заметки к вопросу об экономическом развитии России.* Вып. 1. Спб., 1894. X. 293 стр. — 106 - 107.
 — *Về vấn đề thị trường trong sản xuất tư bản chủ nghĩa.* (Nhân cuốn sách của Bун-га-cốp và bài báo của I-lin). — *К вопросу о рынках при капиталистическом производстве.* (По поводу книги Булгакова и статьи Ильина). — «Научное

- Обозрение», Спб., 1899, № 1, стр. 46 - 64. — 85 - 111, 199.
- Xuất bản phẩm định kỳ.* «Cửa cải nước Nga», tháng Chín. «Lời nói mới», tháng Chín. «Thế giới của Thượng đế», tháng Mười. — *Периодические издания.* «Русское Богатство», сентябрь. «Новое Слово», сентябрь. «Мир Божий», октябрь. — «Русская Мысль», М., 1897, № 11, стр. 506 - 521. — 51 - 52.
- Xu-vô-rin, A. Những bức thư nhỏ.* — *Суворин, А. Маленькие письма.* — «Новое Время», Спб., 1899, № 8506, 1 (13) ноября, стр. 3. — 389.
- Bernstein, E. Die Voraussetzungen des Sozialismus und die Aufgaben der Sozialdemokratie,* Stuttgart, Dietz, 1899. X, 188 S. — 228, 252 - 266, 263, 383, 384, 410.
- Buch, L. Über die Elemente der politischen Ökonomie.* T. I. Intensität der Arbeit, Wert und Preis der Waren. Leipzig, Duncker u. Humblot, 1896, 240 S. — 257.
- Compte-Rendu des Séances du congrès national ouvrier tenu à Bruxelles les 5 et 6 avril 1885.* Bruxelles, Maheu, 1885. [2], 59 p. — 387.
- Dühring, E. Kursus der National- und Sozialökonomie einschließlich der Hauptpunkte der Finanzpolitik.* 2-te, teilweise umgearb. Aufl. Leipzig, Fues (R. Reisland), 1876. XII, 557 S. — 180.
- *Kritische Geschichte der Nationalökonomie und des Sozialismus.* 3-te Aufl. Leipzig, Fues (R. Reisland), 1879. XIV, 574 S. — 254.
- Engels, F. Die Differentialrente II. — Dritter Fall: Steigender Produktionspreis.* — In: Marx, K. Das Kapital. Kritik der politischen Ökonomie. Bd. III, T.2, Buch. III: Der Gesamtprozeß der kapitalistischen Produktion. Kapitel XXIX bis LII. Hamburg, Meißner, 1894, S. 246 - 271. — 79.
- *Herrn Eugen Dühring's Umwälzung der Wissenschaft.* 3-te durchges. und verm. Aufl. Stuttgart, Dietz, 1894. XX, 354 S. — 87.
- *Vorwort* [zum 2 - ten Band des «Kapitals» von K. Marx]. — In: Marx, K. Das Kapital. Kritik der politischen Ökonomie. Bd. II. Buch II: Der Zirkulationsprozeß des Kapitals. Hrsg. von F. Engels. Hamburg, Meißner, 1885, S. III — XXIII. — 72.
- Final report of her majesty's commissioners appointed to inquire into the subject of agricultural depression.* London, 1897. V, 370 p. (Royal commission on agriculture). — 121 - 122.

- The International working men's association. Resolutions of the Congress of Geneva, 1866, and the Congress of Brussels, 1868.* London, 1869. 15 p. — 216.
- Kärger, K. Die Sachsengängerei.* Auf Grund persönlicher Ermittlungen und statistischer Erhebungen. Berlin, Parey, 1890. VIII, 284 S. — 173.
- * *Kautsky, K. Die Agrarfrage.* Eine Übersicht über die Tendenzen der modernen Landwirtschaft und die Agrarpolitik der Sozialdemokratie. Stuttgart, Dietz, 1899, VIII, 451 S. — 94, 112 - 119, 125 - 126, 127, 128 - 193, 297 - 298.
- *Bernstein und das sozialdemokratische Programm.* Eine Antikritik. Stuttgart, Dietz, 1899. VIII, 195 S. — 252 - 266, 341 - 342, 384, 386 - 387.
- *Finis Poloniae?* — In: «Die Neue Zeit», Stuttgart, 1895 - 1896, Jg. XIV, Bd. II, N 42, S. 484 - 491; N 43, S. 513 - 525. — 294 - 295.
- *Karl Marx's Ökonomische Lehren.* Stuttgart, Dietz, 1887. X, 259 S. — 53.
- *Der Parlamentarismus, die Volksgesetzgebung und die Sozialdemokratie.* Stuttgart, Dietz, 1893. VIII, 139 S. — 282.
- Kolb, G. Handbuch der vergleichenden Statistik der Völkerzustands- und Staatenkunde.* 7-te Aufl. Leipzig, Felix, 1875. XXIV, 886 S. — 262.
- Koenig, F. Die Lage der englischen Landwirtschaft unter dem Drucke der internationalen Konkurrenz der Gegenwart und Mittel und Wege zur Besserung derselben.* Jena, Fischer, 1896. XI, 445 S. — 186.
- Labriola, A. A propos du livre de Bernstein.* [Une lettre à Lagardelle 15 avril 1899]. — «Le Mouvement Socialiste», Paris, 1899, N 8, 1 mai, p. 453 - 458. — 252.
- Lehmann, C. u Parvus. Das hungernde Rußland.* Reiseeindrücke, Beobachtungen und Untersuchungen. Stuttgart, Dietz, 1900. V, 536 S. — 533.
- Luxemburg, R. Neue Strömungen in der polnischen sozialistischen Bewegung in Deutschland und Österreich.* — In: «Die Neue Zeit». Stuttgart, 1895 — 1896, Jd. XIV, Bd. II, N 32, S. 176 — 181; N 33, S. 206 — 216. — 294 - 295.
- *Der Sozialpatriotismus in Polen.* — In: «Die Neue Zeit», Stuttgart, 1895 — 1896, Jg. XIV, Bd. II, N 41, S. 459 - 470. — 294 - 295.

- Marx, K. *Der achtzehnte Brumaire des Louis Bonaparte*. 3-te Aufl. Hamburg, Meißner, 1885. VI, 108 S. — 291 – 292.
- *Aus der «kritischen Geschichte»*. [Kapitel X aus der Arbeit F. Engels': Herrn Eugen Dühring's Umwälzung der Wissenschaft]. — In: Engels, F. Herrn Eugen Dühring's Umwälzung der Wissenschaft. 3-te durchges. und verm. Aufl. Stuttgart, Dietz, 1894, S. 243 – 273. — 87.
- *Das Kapital*. Kritik der politischen Ökonomie. Bd. I. Buch I: Der Produktionsprozeß des Kapitals. Hamburg, Meißner, 1867. XII, 784 S. — 255, 256.
- *Das Kapital*. Kritik der politischen Ökonomie. Bd. I. Buch I: Der Produktionsprozeß des Kapitals. 2-te Aufl. Hamburg, Meißner, 1872. 830 S. — 87, 91.
- *— *Das Kapital*. Kritik der politischen Ökonomie. Bd. II. Buch II: Der Zirkulationsprozeß des Kapitals. Hrsg. von F. Engels. Hamburg, Meißner 1885. XXVII, 526 S. — 61 - 62, 63, 64, 65, 66-67, 71 - 72, 87, 90, 101.
- *Das Kapital*. Kritik der politischen Ökonomie. Bd. III. T. I. Buch III: Der Gesamtprozeß der kapitalistischen Produktion. Kapitel I bis XXVIII. Hrsg. von F. Engels. Hamburg, Meißner, 1894, XXVIII, 448 S. — 62 - 63, 64, 65, 70 - 71, 202 - 204.
- *— *Das Kapital*. Kritik der politischen Ökonomie. Bd. III. T. 2. Buch III: Der Gesamtprozeß der kapitalistischen Produktion. Kapitel XXIX bis LII. Hrsg. von F. Engels. Hamburg, Meißner, 1894. IV, 422 S. — 55 - 56, 65, 70 - 71, 79, 90 - 92, 102, 135, 182 - 183.
- *Die Rezension des Buches: Le Socialisme et l'impôt*. Par Emile de Girardin. Paris, 1850. — In: «Neue Rheinische Zeitung», London, 1850, Hft. 4, April, S. 48 - 61. — 162.
- *Vorwort* [zur Arbeit: «Zur Kritik der politischen Ökonomie»]. — In: Marx, K. Zur Kritik der politischen Ökonomie. Hft. 1. Berlin, Duncker, 1859, S. III - VIII. — 255, 256.
- *Zur Kritik der politischen Ökonomie*. Hft. 1. Berlin, Duncker, 1859. VII, 170. S. — 255, 256.

- «*Le Mouvement Socialiste*», Paris, 1899, N 8, 1 mai, p. 453 – 458. — 252.
- «*Neue Rheinische Zeitung*», London, 1850, Hft. 4, April, S. 48 – 61. — 162.
- «*Die Neue Zeit*», Stuttgart. — 430.
- 1895 – 1896, Jg. XIV, Bd. II, N 32, S. 176 – 181; N 33, S. 206 – 216; N 41, S. 459 – 470; N 42, S. 484 – 491; N 43, S. 513 – 525. — 294 – 295.
- 1897 – 1898, Jg. XVI, Bd. II, N 44, S. 545 – 555. — 231.
- Plechanow, G. *Beiträge zur Geschichte des Materialismus*. I. Holbach. II. Helvetius. III. Marx. Stuttgart, Dietz, 1896. VIII, 264 S. — 95.
- *Bernstein und der Materialismus*. — In: «Die Neue Zeit», Stuttgart, 1897 – 1898, Jg. XVI, Bd. II, N 44, S. 545 – 555. — 231.
- *N. G. Tschernischewsky*. Eine literar-historische Studie, Stuttgart, Dietz, 1894. 388 S. — 320, 327.
- Programm der deutschen Arbeiterpartei*. — In: Protokoll des Vereinigungs — Kongresses der Sozialdemokraten Deutschlands abgehalten zu Gotha, vom 22. bis 27. Mai 1875. Leipzig, verl. der Genossenschaftsbuchdruckerei, 1875, S. 3 — 4. — 218.
- Programm der Sozialdemokratischen Partei Deutschlands beschlossen auf dem Parteitag zu Erfurt 1891*. — In: Protokoll über die Verhandlungen des Parteitages der Sozialdemokratischen Partei Deutschlands. Abgehalten zu Erfurt vom 14. bis 20. Oktober 1891. Berlin, verl. der Exped. des «Vorwärts»., 1891, S. 3-6, — 275, 276, 277 – 278, 281 – 282, 283, 295.
- Protokoll des Vereinigungs — Kongresses der Sozialdemokraten Deutschlands abgehalten zu Gotha, vom 22. bis 27. Mai 1875*. Leipzig, verl. der Genossenschaftsbuchdruckerei, 1875. 88 S. — 218.
- Protokoll über die Verhandlungen des Parteitages der Sozialdemokratischen Partei Deutschlands*. Abgehalten zu Hannover vom 14. bis 14. Oktober 1899. Berlin, verl. der Exped. des «Vorwärts»., 1891. 368 S. — 275, 276, 277 – 278, 281 – 282, 283, 295.
- Protokoll über die Verhandlungen des Parteitages der Sozialdemokratischen Partei Deutschlands*. Abgehalten zu Hannover vom 9. bis 14. Oktober 1899. Berlin, verl.: Expedition der Buchhandlung Vorwärts, 1899. 304 S. — 231, 334.

- Ramsay, G. An essay on the distribution of wealth.* Edinburgh London, Black, 1836. XIII, 506 p. —90.
- Resolutions of First Congress assembled at Geneva.* September, 1866. — In: The International working men's association. Resolutions of the Congress of Geneva, 1866, and the Congress of Brussels, 1868. London, 1869, p. 3 – 9. —216 – 217.
- «*Rheinische Zeitung für Politik, Handel und Gewerbe*», Köln. —255.
- Quesnay, F. Tableau économique.* First print. in 1758 and now reprod. in facs. for the British economic association. London, 1894. VIII, XII, 6 p. — 87.
- Sering, M. Die innere Kolonisation im östlichen Deutschland.* Leipzig, Duncker u. Humblot, 1893. IX, 330 S. (Schriften des Vereins für Sozialpolitik. LVI). —158, 162.
- Sombart, W. Sozialismus und soziale Bewegung im 19. Jahrhundert.* Bern, Steiger, 1897. 86 S. (Ethisch-sozialwissenschaftliche Vortragskurse, veranstaltet von den ethischen Gesellschaften in Deutschland Österreich und der Schweiz, hrsg. von der Schweizerischen, Gesellschaft für ethische Kultur. (Züricher Reden). Bd. IV). —197.
- «*Vorwärts*», Leipzig —Berlin. —248.
- Wolf, J. Sozialismus und kapitalistische Gesellschaftsordnung.* Kritische Würdigung beider als Grundlegung einer Sozialpolitik. Stuttgart, Gotta, 1892. XIX, 620 S. —254.
-

BẢN CHỈ DẪN TÊN NGƯỜI

A Ẻ

A-léch-xan-đrơ II (Rô-ma-nốp) (1818 – 1881) – hoàng đế Nga (1855 – 1881). – 528, 529.

A-léch-xan-đrơ III (Rô-ma-nốp) (1845 – 1894) – hoàng đế Nga (1881–1894). 512.

A-léch-xê-ép, P. A. (1849 – 1891) – nhà cách mạng nổi tiếng trong những năm 70 thế kỷ XIX, công nhân dệt. Năm 1873, ông tham gia nhóm công nhân cách mạng ở Pê-téc-bua, vùng của ô Nê-va; từ tháng Mười một 1874, tham gia tích cực vào việc tuyên truyền cách mạng trong công nhân ở Mát-xcơ-va. Tháng Tư 1875 ông bị bắt và sau khi bị giam hai năm thì ông mới bị kết án theo “bản án 50”. Tại phiên toà P. A-léch-xê-ép không nhờ đến người bào chữa, ông đã phát biểu những câu đầy tinh thần cách mạng và đã kết thúc bài phát biểu của mình bằng những lời tiên đoán về sự sụp đổ không tránh khỏi của chế độ chuyên chế Nga hoàng. Về sau bài phát biểu đó được bí mật truyền đi và có ảnh hưởng lớn đến phong trào cách mạng ở Nga. Ngày 14 tháng Ba 1877, A-léch-xê-ép bị kết án 10 năm tù khổ sai, mãn hạn tù, ông bị đày đến một bản hẻo lánh vùng I-a-cu-ti, ở đó ông bị bọn cướp đường giết chết ngày 16 tháng Tám 1891. – 475.

A-ri-xtốt (384 – 322 trước công nguyên) – nhà tư tưởng vĩ đại thời cổ Hy-lạp, nhà tư tưởng của giai cấp thống trị trong xã hội chiếm hữu nô lệ cổ đại. A-ri-xtốt là học trò của Pla-tôn, nhưng sau khi đã phê phán kịch liệt học thuyết duy tâm của thầy dạy mình, ông bác bỏ học thuyết đó. Trong các quan điểm triết học của mình, ông dao động giữa chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật. A-ri-xtốt đã nghiên cứu hệ thống kiến thức toàn diện của thời đại mình, nêu lên những quy luật cơ bản về lô-gích hình thức, ông đã

nghiên cứu kinh tế: chính Mác bắt đầu từ A-ri-xtốt mà trình bày lịch sử học thuyết về hàng hoá, về giá trị, tiền tệ và các hình thức đầu tiên của tư bản là hình thức tư bản cho vay nặng lãi và hình thức tư bản thương nghiệp (xem “Góp phần phê phán chính trị kinh tế học” và quyển I bộ “Tư bản”). 52.

Ác-xen-rốt, L. I. (Oóc-tô-đốc-xơ) (1868 – 1946) – nhà triết học và nghiên cứu văn học, đảng viên đảng dân chủ – xã hội. Khi ở nước ngoài, bà gia nhập “Hội liên hiệp những người dân chủ – xã hội Nga ở nước ngoài”. Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, bà gia nhập phái men-sê-vích. Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất, bà đứng trên lập trường “bảo vệ tổ quốc”. Đầu năm 1917, bà là uỷ viên Ban chấp hành trung ương phái men-sê-vích, sau đó là uỷ viên Ban chấp hành trung ương nhóm “Thống nhất” của Ple-kha-nốp. Để theo những quan điểm men-sê-vích của Ple-kha-nốp và lấp lại những sai lầm triết học của ông ta, bà đã tiến hành đấu tranh chống lại những người bôn-sê-vích, chống lại các quan điểm triết học của Lê-nin. Từ năm 1918, bà thôi không hoạt động chính trị tích cực nữa mà làm công tác giảng dạy tại nhiều trường đại học trong nước. – 430.

Ác-xen-rốt, P. B. (1850 – 1928) – một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích; trong những năm 70 thế kỷ XIX ông là người thuộc phái dân tụy, sau khi nhóm “Ruộng đất và tự do” bị phân liệt, Ác-xen-rốt gia nhập nhóm “Chia đều ruộng đất”; năm 1883 tham gia thành lập nhóm “Giải phóng lao động”. Từ năm 1900 là biên tập viên tờ “Tia lửa” và tạp chí “Bình minh”. Tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, Ác-xen-rốt là người theo phái men-sê-vích. Năm 1905, ông đưa ra một chủ trương cơ hội chủ nghĩa muốn triệu tập “đại hội công nhân” mở rộng và đặt nó đối lập với đảng của giai cấp vô sản. Trong những năm chế độ phản động thống trị, Ác-xen-rốt là một trong những người lãnh đạo phái thủ tiêu, tham gia ban biên tập báo “Tiếng nói người dân chủ – xã hội” của phái men-sê-vích thủ tiêu chủ nghĩa, năm 1912 Ác-xen-rốt gia nhập “khối tháng Tám” chống đảng. Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất, Ác-xen-rốt giữ lập trường của phái giữa, che đậy những quan điểm xã hội – sô-vanh của mình bằng những lời lẽ về chủ nghĩa quốc tế. Ác-xen-rốt là người đã tham gia các hội nghị Xim-méc-ven và Ki-en-tan, ở đó Ác-xen-rốt gia nhập cánh hữu.

Ác-xen-rốt chống lại cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, tuyên truyền cho việc can thiệp vũ trang chống lại nước Nga xô-viết. – 219, 220, 240, 272, 286, 299, 300, 309, 321, 324, 326 - 327, 416, 422, 427, 429, 430, 431, 437 - 438, 439, 441, 442, 443, 455, 456.

Ác-xen-i-ép - xem Pô-tơ-rê-xốp, A. N.

Ăng-ghen (Engels), *Phri-đrích* (1820 – 1895) – một trong những người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, là lãnh tụ và người thầy của giai cấp vô sản quốc tế, bạn và bạn chiến đấu của C. Mác (xem bài của V. I. Lê-nin: “Phri-đrích Ăng-ghen”. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 1 - 14). – 56, 71, 79, 87, 94 - 95, 179, 180, 216, 230, 231, 254, 255, 258, 263, 265, 308, 312, 327, 371, 416, 454.

B

Béc-stanh (Bernstein), *E-đư-a* (1850 - 1932) – thủ lĩnh cánh cơ hội chủ nghĩa cực đoan trong đảng dân chủ - xã hội Đức và Quốc tế II, nhà lý luận của chủ nghĩa xét lại và chủ nghĩa cải lương. Từ 1881 đến 1890 Béc-stanh là biên tập viên của báo “Der Sozial-Demokrat” (“Người dân chủ - xã hội”), cơ quan trung ương bí mật của đảng dân chủ - xã hội Đức. Trong những năm 1896 - 1898 ông đã cho đảng trong tạp chí “Die Neue Zeit” (“Thời mới”) một loạt bài dưới đầu đề chung là “Những vấn đề của chủ nghĩa xã hội”, sau đó tập hợp lại in thành sách lấy tên là “Những tiền đề của chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ của đảng dân chủ - xã hội” (1899). Cuốn sách đã công khai xét lại các nguyên lý triết học, kinh tế và chính trị của chủ nghĩa Mác cách mạng. Béc-stanh đã phủ nhận học thuyết mác-xít về đấu tranh giai cấp, phủ nhận học thuyết về sự tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản, về cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản. Âm chỉ Béc-stanh, V. I. Lê-nin đã nói: “Còn cách mạng vô sản, thì người cơ hội chủ nghĩa đã mất thói quen nghĩ đến” (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 25, tr. 498).

Béc-stanh đã tuyên bố cuộc đấu tranh cho những cải cách nhằm “cải thiện” tình cảnh kinh tế của công nhân dưới chế độ tư bản là nhiệm vụ duy nhất của phong trào công nhân và đã nêu lên công thức cơ hội chủ nghĩa như sau: “phong trào là tất cả còn mục đích cuối cùng chẳng là gì cả”. Những năm tiếp theo, Béc-stanh vẫn tiếp tục đấu tranh chống chủ nghĩa Mác, kêu gọi ủng hộ chính sách của giai cấp tư sản đế quốc. Những quan điểm lý luận

của Béc-stanh và những môn đồ của ông, cũng như hoạt động thực tiễn cơ hội chủ nghĩa của họ đã dẫn họ đến chỗ trực tiếp phản bội lợi ích của giai cấp công nhân, và đã kết thúc bằng sự phá sản nhục nhã của Quốc tế II. Bọn xét lại ở tất cả các nước đều lặp lại dưới hình thức này hay hình thức khác những sự xuyên tạc chủ nghĩa Mác theo kiểu Béc-stanh. – 228, 231, 252 - 260, 261, 266, 275, 332, 335, 341, 383, 384, 386, 388 - 389, 410, 416, 452, 454.

Ben-tốp, N. – xem Plê-kha-nốp, G. V.

Bê-ben (Bebel), *Au-gu-xơ* (1840 - 1913) – một trong những nhà hoạt động nổi tiếng nhất của đảng dân chủ - xã hội Đức và Quốc tế II. Ông là công nhân tiện. Ông bắt đầu hoạt động chính trị vào nửa đầu những năm 60 thế kỷ XIX. Bê-ben là uỷ viên của Quốc tế I. Năm 1869, Bê-ben cùng với V. Liép-nêch sáng lập ra đảng công nhân dân chủ - xã hội, tới năm 1875, đảng này hợp nhất với phái Lát-xan thành Đảng công nhân xã hội chủ nghĩa Đức, sau này đổi tên thành đảng dân chủ - xã hội. Bê-ben nhiều lần được bầu làm đại biểu quốc hội, ông đã đấu tranh nhằm thống nhất nước Đức bằng con đường dân chủ. Trong thời gian chiến tranh Pháp - Phổ ông đứng trên lập trường quốc tế. Bê-ben ủng hộ Công xã Pa-ri và từ trên diễn đàn của nghị trường, ông đã vạch trần chính sách thực dân của nước Đức thời Đức hoàng. Là một nhà chính luận có tài và một diễn giả giỏi, Bê-ben đã có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của phong trào công nhân ở Đức và ở châu Âu. Trong những năm 90, Bê-ben chống lại chủ nghĩa cải lương và chủ nghĩa xét lại để bảo vệ học thuyết mác-xít khỏi bị E. Béc-stanh cùng đồng bọn xuyên tạc và tầm thường hoá đi. Lê-nin coi những bài phát biểu của Bê-ben chống lại phái Béc-stanh là “mẫu mực trong việc bảo vệ các quan điểm của chủ nghĩa Mác và trong cuộc đấu tranh cho tính chất xã hội chủ nghĩa chân chính của đảng công nhân” (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 23, tr. 369).

Cuối đời hoạt động của mình, Bê-ben mắc một số sai lầm mang tính chất phái giữa (đấu tranh không triệt để chống bọn cơ hội chủ nghĩa, đánh giá quá cao ý nghĩa các hình thức đấu tranh nghị trường v.v.). – 335, 339.

Bla-u, A. A. (sinh năm 1849) – nhà thống kê, nhà kinh tế học; đã từng phụ trách tiểu ban thống kê Cục công thương nghiệp, làm thanh tra của Cục thuế thủ công nghiệp quốc gia. Dưới sự chủ biên của ông, hàng loạt tác phẩm thống kê đã được xuất bản. – 81.

Bli-dơ-nê-txơ - xem Xtơ-ru-vê, P. B.

Bô-bô - xem Xtơ-ru-vê, P. B.

Bốc, I. I. (1848 – 1916) – nhà thống kê, trong những năm 70 thế kỷ XIX là chủ biên của Ban thống kê trung ương thuộc Bộ nội vụ, ông đã biên soạn và hiệu đính “Tài liệu thống kê về công nghiệp công xưởng – nhà máy ở phần nước Nga thuộc châu Âu trong năm 1868” (1872), những tài liệu này là thiên VI của “Niên giám thống kê của đế quốc Nga”. – 7.

Bô-gđã-nốp, A. (Ma-li-nốp-xki A. A.) (1873 – 1928) – nhà triết học, nhà xã hội học, nhà kinh tế học và bác sĩ. Trong những năm 90 thế kỷ XIX ông tham gia công tác trong các nhóm dân chủ – xã hội (ở Tu-la). Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, ông gia nhập phái bôn-sê-vích. Với tư cách là uỷ viên thường vụ của các Ban chấp hành phái đa số, ông tiến hành công tác chuẩn bị cho Đại hội III của đảng ở Nga, tại đại hội này ông được bầu làm uỷ viên Ban chấp hành trung ương. Ông đã tham gia vào ban biên tập các báo “Tiến lên” và “Người vô sản”, cơ quan ngôn luận của phái bôn-sê-vích, ông là một trong những biên tập viên tờ “Đời sống mới” của phái bôn-sê-vích. Khi thế lực phản động thống trị thì ông cầm đầu phái triệu hồi, làm thủ lĩnh nhóm “Tiến lên”, - nhóm chống Lê-nin và chống đảng. Trong các vấn đề triết học Bô-gđã-nốp mưu toan tạo ra một học thuyết riêng của mình, gọi là “chủ nghĩa kinh nghiệm nhất nguyên” (một biến dạng của chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, được che đậy bằng thuật ngữ giả danh mác-xít); Lê-nin đã phê phán thuyết đó của Bô-gđã-nốp trong tác phẩm của mình: “Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán” (1909). Tại hội nghị mở rộng của ban biên tập báo “Người vô sản” hồi tháng Sáu 1909, Bô-gđã-nốp bị khai trừ khỏi hàng ngũ những người bôn-sê-vích. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Bô-gđã-nốp là một trong những nhà lãnh đạo và người cố vũ cho phong trào “Văn hoá vô sản”, ông công tác tại Trường đại học tổng hợp vô sản. Từ năm 1926, làm giám đốc Viện truyền máu do ông sáng lập. – 47–58.

Bôm - Ba-véc (Böhm - Bawerk), *Ô-giê-ni* (1851 - 1914) – nhà kinh tế học tư sản, một trong những đại biểu của cái gọi là “trường phái Áo” trong chính trị kinh tế học. Trong khi luận chứng cho quan điểm của mình, ông đã xuất phát từ một học thuyết có tính chất tâm lý - chủ quan về lợi ích tối đa, ông đã xác nhận rằng, lợi nhuận đẻ ra từ sự khác nhau trong cách “đánh giá chủ quan” về các phức

lợi hiện tại và tương lai chứ không phải là kết quả của việc bóc lột giai cấp công nhân. Bôm Ba-véc che dấu những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản và việc nhà tư bản bóc lột sức lao động hòng đánh lạc sự chú ý của giai cấp công nhân và làm cho họ không thấy được sự cần thiết đấu tranh cách mạng. Giai cấp tư sản dùng những quan điểm phản động của Bôm - Ba-véc để bảo vệ chủ nghĩa tư bản. – 256, 257.

Bô-na-pác-tơ, Lu-i – xem Na-pô-nê-ông III.

Bu-đa-gốp, X. G. – tác giả cuốn Bản chỉ dẫn về các công xưởng và nhà máy. – 2, 5 - 6.

Bu-khơ, L. C. (1847 - 1917) – nhà kinh tế học Nga, tác giả cuốn “Những nguyên lý chính trị kinh tế học. Cường độ lao động, giá trị, giá trị (từ “giá trị” này trong bản tiếng Nga là “ценность”) và giá cả của hàng hoá” (1896), trong cuốn sách đó Bu-khơ muốn đưa ra một giải thích độc đáo về lý luận giá trị lao động, xuất phát từ quan điểm sai lầm là quan điểm vật lý - tự nhiên. Bu-khơ tham gia phong trào cách mạng vào cuối những năm 70 thế kỷ XIX. – 257.

Bun-ga-cốp, X. N. (1871 - 1944) – nhà kinh tế học tư sản, nhà triết học duy tâm. Trong những năm 90 thế kỷ XIX là một “nhà mác-xít hợp pháp”. Ông xét lại học thuyết của Mác về vấn đề ruộng đất, nhằm chứng minh “tính vững chắc” và “sức sống” của nền kinh tế tiểu nông, “tính ưu việt” của nó so với nền kinh tế tư bản quy mô lớn. Bun-ga-cốp giải thích sự bản cùng hoá của quần chúng nhân dân bằng cái gọi là “quy luật về độ màu mỡ của ruộng đất giảm sút”. Sau cách mạng 1905 - 1907, Bun-ga-cốp đi theo bọn dân chủ – lập hiến, tham gia viết văn tập “Những cái mốc”, Lê-nin gọi văn tập đó là “bách khoa toàn thư về sự phản bội của phái tự do”, Bun-ga-cốp đã đứng trên lập trường của phái Can-tơ mới, phái thần bí và phái tăng lữ mà công khai đấu tranh chống lại triết học duy vật. Sau năm 1918, Bun-ga-cốp trở thành linh mục, lưu vong ra nước ngoài, tiến hành tuyên truyền thù địch chống lại nước Nga xô-viết. – 59 - 61, 66 - 67, 68 - 71, 85, 87, 88, 89, 90, 100 - 101, 106, 121, 125 - 126, 128, 129, 130, 131 - 132, 133, 134, 135, 136, 137 - 139, 140, 142, 143 - 145, 147, 148, 150 - 151, 153, 154, 156, 158, 159 - 160, 162 - 163, 164, 166, 167, 168, 169, 170 - 171, 172, 173, 174, 175, 176, 177 - 179, 180 - 182, 184, 187, 188 - 190, 259.

Bu-sen, A. B. (1831 - 1876) – nhà thống kê, từ năm 1857 là phó chủ biên Ban thống kê trung ương, sau đó làm việc ở Bộ tài chính, dưới sự lãnh đạo của Bu-sen từ năm 1869, đã xuất bản được 7 tập “Niên giám của Bộ tài chính”. Với tư cách là đại biểu của Hội địa lý Nga, ông đã tham gia vào Ủy ban nghiên cứu thủ công nghiệp Nga. – 7.

C

Ca-blu-cốp, N. A. (1849 - 1919) – nhà kinh tế học kiêm nhà thống kê, người thuộc phái dân túy, giáo sư Trường đại học tổng hợp Mát-xcơ-va. Trong những năm 1885 - 1907, ông phụ trách Phòng thống kê của Hội đồng địa phương tỉnh Mát-xcơ-va, dưới sự lãnh đạo của ông, người ta đã biên soạn được những “Tập tài liệu thống kê về tỉnh Mát-xcơ-va” (1877 - 1879). Ngoài ra ông còn có những tác phẩm: “Vấn đề công nhân trong nông nghiệp” (1884), “Những bài giảng về kinh tế nông nghiệp” (1897) v.v.. Trong các tác phẩm của mình, ông đã bảo vệ tư tưởng về “tinh vững chắc” của nền kinh tế tiểu nông và lý tưởng hoá công xã nông thôn, coi đó là một hình thức tuồng như có khả năng làm cho giai cấp nông dân khỏi bị phân hoá. Ông chống lại chủ nghĩa Mác cả về vấn đề vai trò và ý nghĩa của cuộc đấu tranh giai cấp, tuyên truyền cho tư tưởng hoà bình giai cấp. Trong nhiều tác phẩm của mình, đặc biệt là trong tác phẩm “Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga”, V. I. Lê-nin đã kịch liệt phê phán những quan điểm của Ca-blu-cốp. Năm 1917, Ca-blu-cốp tham gia Ban ruộng đất trung ương của Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại, Ca-blu-cốp làm việc ở Cục thống kê trung ương, làm công tác giảng dạy và viết sách. - 132, 141, 163.

Can-tơ (Kant), Im-ma-nu-in (1724 - 1804) – nhà triết học Đức, giáo sư Trường đại học Khuê-ních-xbéc. Tác phẩm chính của ông là: “Phê phán lý trí thuần túy”, xuất bản năm 1871. “Đặc trưng chủ yếu của triết học Can-tơ là dung hoà chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm, sự thoả hiệp giữa hai chủ nghĩa ấy, sự kết hợp trong một hệ thống duy nhất hai khuynh hướng triết học khác nhau và đối lập nhau” (V. I. Lê-nin. “Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán”). Bọn xét lại luôn luôn mong muốn quay trở về triết học của Can-tơ hoặc dung hoà triết học của Mác với triết học của Can-tơ. – 95.

Ca-rư-sép, N. A. (1855 - 1905) – nhà kinh tế học và nhà thống kê, nhà hoạt động của hội đồng địa phương. Từ năm 1891 là giáo sư Trường đại học tổng hợp I-u-ri-ép (Tác-tu), về sau là giáo sư Trường đại học nông nghiệp Mát-xcơ-va. Ông đã cộng tác với báo “Tin tức nước Nga”, với các tạp chí “Hội đồng địa phương”, “Cửa cải nước Nga” v.v.. Ông là tác giả của nhiều cuốn sách và bài in trên tạp chí bàn về vấn đề kinh tế nông dân Nga; trong các tác phẩm đó, ông tán thành những quan điểm của phái dân túy tự do chủ nghĩa. Trong nhiều tác phẩm và bài phát biểu của mình, V. I. Lê-nin đã kịch liệt phê phán những quan điểm phản động của Ca-rư-sép. – 1 - 2, 6, 9, 15, 16, 20, 21, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29 - 32, 33 - 36, 38, 39, 43.

Cau-xky (Kautsky), Các-lơ (1854 - 1938) – một trong những lãnh tụ của đảng dân chủ - xã hội Đức và Quốc tế II, ban đầu là người mắ-xít, sau phản bội lại chủ nghĩa Mác, nhà tư tưởng của một trong những trào lưu tư tưởng mang tính chất cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân là phái giữa (chủ nghĩa Cau-xky). Từ 1874 Cau-xky bắt đầu tham gia phong trào xã hội chủ nghĩa. Hồi đó, những quan điểm chính trị của Cau-xky là một sự hỗn hợp giữa chủ nghĩa Lát-xan, chủ nghĩa Man-tuyt mới và chủ nghĩa vô chính phủ. Năm 1881, Cau-xky làm quen với C. Mác và Ph. Ăng-ghen, và do ảnh hưởng của hai ông nên Cau-xky đã đi theo chủ nghĩa Mác, song ngay trong thời kỳ ấy Cau-xky đã tỏ ra dao động và ngả nghiêng về phía chủ nghĩa cơ hội, vì vậy C. Mác và Ph. Ăng-ghen nhiều lần phê phán gay gắt Cau-xky. Trong những năm 80 và 90 thế kỷ XIX, Cau-xky đã viết nhiều tác phẩm về một số vấn đề trong học thuyết mắ-xít như: “Học thuyết kinh tế của Các Mác” (1887), “Vấn đề ruộng đất” (1899) v.v., mặc dù có những sai lầm, nhưng các tác phẩm đó đã đóng một vai trò tích cực trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Mác.

Về sau, đến thời kỳ phong trào cách mạng phát triển rộng rãi, Cau-xky chuyển sang lập trường của chủ nghĩa cơ hội; khi chiến tranh thế giới lần thứ nhất bùng nổ, Cau-xky đã trở thành một phần tử thuộc phái giữa, trong thời gian chiến tranh, Cau-xky đã chuyển sang phe những kẻ thù công khai của chủ nghĩa Mác cách mạng, Cau-xky đã che đậy chủ nghĩa xã hội – sô-vanh của mình bằng những câu nói rỗng tuếch về chủ nghĩa quốc tế. Cau-xky đã đưa ra học thuyết về chủ nghĩa siêu đế quốc. Lê-nin đã vạch trần thực chất phản động của học thuyết đó trong các tác phẩm: “Sự phá sản của Quốc tế II” (1915), “Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản” (1916), v.v.. Sau Cách mạng xã hội chủ

nghĩa tháng Mười vĩ đại, Cau-xky công kích một cách thù địch chế độ xã hội chủ nghĩa xô-viết và chủ nghĩa cộng sản.

Trong các tác phẩm của mình: “Nhà nước và cách mạng” (1917), “Cách mạng vô sản và tên phản bội Cau-xky” (1918) và trong một số tác phẩm khác V. I. Lê-nin đã kịch liệt phê phán chủ nghĩa Cau-xky. Khi vạch trần tính chất nguy hại của chủ nghĩa Cau-xky, V. I. Lê-nin viết: “Giai cấp công nhân không thể làm trọn vai trò cách mạng thế giới của mình, nếu không tiến hành đấu tranh thẳng tay chống sự phản bội đó, chống lập trường thiếu bản lĩnh, thái độ bợ đỡ đối với chủ nghĩa cơ hội và chống sự tầm thường hoá chủ nghĩa Mác một cách chưa từng thấy trên lĩnh vực lý luận” (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 21, tr. 362). – 53, 94, 112, 113 - 114, 116 - 118, 119, 125 - 126, 127, 128 - 135, 136 - 138, 139 - 144, 145 - 146, 147 - 150, 151, 152 - 158, 159 - 165, 166 - 170, 172 - 174, 175, 176 - 182, 183, 184 - 189, 190, 191, 193, 239, 252 - 259, 260 - 261, 262 - 265, 266, 275, 281, 282, 295, 297, 341 - 342, 378 - 382, 384, 385, 386, 387, 430.

Cóc-xác, A. C. (1832 - 1874) – nhà kinh tế học và nhà chính luận Nga, tác giả cuốn: “Bàn về các hình thức công nghiệp nói chung và về ý nghĩa của sản xuất gia đình (công nghiệp thủ công và công nghiệp gia đình) ở Tây Âu và ở Nga” (1861). – 54.

Cô-bê-li-a-tơ-ki, A. I. (1862 - 1907) – người biên soạn những cuốn chỉ dẫn về luật công xưởng, thứ trưởng Bộ giao thông. Ông đã viết “Sách chỉ nam cho các viên chức thanh tra công xưởng, chủ xưởng và chủ nhà máy” (1897). – 8, 17.

Côn-bơ (Kolb), Gióc-giơ Phri-đrích (1800 - 1884) – nhà thống kê người Đức, nhà chính luận. Năm 1848 là nghị sĩ quốc hội Đức, từ năm 1863 là nghị sĩ quốc hội Ba-va; tác giả cuốn: “Sách hướng dẫn thống kê so sánh về đời sống của nhân dân và về công tác nghiên cứu nhà nước” (1875). – 262.

Cơ-ních (Koenig), Ph. – nhà kinh tế học người Đức, tác giả cuốn “Tình hình nông nghiệp Anh dưới sự thống trị của cạnh tranh quốc tế hiện nay, biện pháp và con đường cải thiện tình hình đó” (1896). – 186.

Cri-tép-xki, B. N. (1866 - 1919) – đảng viên đảng dân chủ - xã hội Nga, nhà chính luận, một trong những thủ lĩnh của “chủ nghĩa kinh tế”. Từ cuối những năm 80 thế kỷ XIX ông tham gia công tác trong

các nhóm dân chủ – xã hội ở Nga; đầu những năm 90, ông ra nước ngoài, ở nước ngoài Cri-tép-xki gia nhập nhóm “Giải phóng lao động”, tham gia các cơ quan xuất bản của nhóm đó. Không bao lâu, Cri-tép-xki bỏ nhóm “Giải phóng lao động”. Cuối những năm 90, ông trở thành một trong những người lãnh đạo của “Hội liên hiệp những người dân chủ – xã hội Nga ở nước ngoài”, biên tập viên cơ quan ngôn luận của hội đó là tờ “Sự nghiệp công nhân”. Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, ông không giữ một vai trò nào trong phong trào dân chủ – xã hội cả. – 485.

D

Da-xu-lích, V. I. (Vê-li-ca) (1849 - 1919) – thành viên xuất sắc nhất của phong trào dân túy và, sau đó, của phong trào dân chủ - xã hội ở Nga. Bà bắt đầu hoạt động cách mạng từ năm 1869. Bà là thành viên của các tổ chức dân túy “Ruộng đất và tự do”, “Chia đều ruộng đất”. Khi lưu vong ra nước ngoài vào đầu những năm 80, bà đoạn tuyệt với phái dân túy và chuyển sang lập trường của chủ nghĩa Mác. Năm 1883, bà tham gia thành lập tổ chức mác-xít Nga đầu tiên, đó là nhóm “Giải phóng lao động”. Trong những năm 80 - 90 thế kỷ XIX, Da-xu-lích đã dịch ra tiếng Nga tác phẩm “Sự khốn cùng của triết học” của C. Mác, “Chủ nghĩa xã hội phát triển từ không tưởng đến khoa học” của Ph. Ăng-ghe-n, bà đã viết quyển “Lược khảo lịch sử của Hội liên hiệp lao động quốc tế” và tác phẩm nói về G. G. Rút-xô; bà đã cộng tác với các cơ quan xuất bản của nhóm “Giải phóng lao động”, với tạp chí “Lời nói mới” và “Bình luận khoa học”, hàng loạt bài phê bình văn học của bà đã đăng trên các tạp chí đó. Năm 1900, Da-xu-lích tham gia ban biên tập báo “Tia lửa” của Lê-nin và tạp chí “Bình minh”.

Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Da-xu-lích trở thành một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích, tham gia ban biên tập báo “Tia lửa” men-sê-vích. Năm 1905, bà trở về Nga, trong thời kỳ phản động, bà theo phái thủ tiêu, trong thời gian đại chiến thế giới thứ nhất 1914 - 1918, Da-xu-lích đứng trên lập trường của chủ nghĩa xã hội – sô-vanh. Bà có thái độ tiêu cực đối với cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại. – 427, 428 - 429, 430 - 431, 438, 439, 441, 442, 456, 487, 489, 490.

Dê-rinh (Sering), Mác-xơ (1857 - 1939) – nhà kinh tế học Đức, giáo sư; ông đã nghiên cứu nền kinh tế nông nghiệp ở Bắc Mỹ năm 1883.

Bài của ông: “Việc buôn bán lúa mì tại Hợp chủng quốc ở Bắc Mỹ” đã được đăng trong tập bách khoa toàn thư “Handwörterbuch der Staatswissenschaften” và đã được dịch ra tiếng Nga (xem Văn tập, “Sự chiếm hữu ruộng đất và nền kinh tế nông nghiệp”. Mát-xcơ-va, anh em Vô-đô-vô-dốp xuất bản, 1896). Trong các tác phẩm của mình về vấn đề ruộng đất và trong học thuyết bàn về các cuộc khủng hoảng, Đê-rinh đã tuyên truyền cho cái gọi là “quy luật về độ màu mỡ của ruộng đất giảm sút” và bảo vệ lợi ích của bọn đại địa chủ và bọn cu-lắc. – 158, 162.

Di-be, N. I. (1844 - 1888) – nhà kinh tế học, nhà chính luận Nga, giáo sư khoa kinh tế chính trị và khoa thống kê của Trường đại học tổng hợp Ki-ép; trong những năm 80 thế kỷ XIX, ông cộng tác với một số tạp chí của phái cấp tiến và tự do. Năm 1871, ông viết xong luận văn: “Lý luận của Đ. Ri-các-đô về giá trị và tư bản, với những sự bổ sung và giải thích sau này”, luận văn ấy đã được C. Mác khen ngợi trong lời bạt viết cho lần xuất bản thứ 2 của tập I bộ “Tư bản”. Sau khi đã được biên soạn lại và bổ sung, năm 1885, tác phẩm này của Di-be đã được tái bản với nhan đề “Đa-vít Ri-các-đô và Các Mác với những công trình nghiên cứu của hai ông trong lĩnh vực kinh tế – xã hội”. Các tác phẩm của ông: “Lý luận kinh tế của Mác” (in trên tạp chí “Tri thức” và “Lời nói” trong những năm 1876 – 1878), “Khái luận về nền kinh tế nguyên thủy” (1883) v.v., cũng rất nổi tiếng. Năm 1881 trong thời gian sống ở Luân-đôn, ông đã làm quen với C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n; Di-be là một trong những người đầu tiên ở Nga đã truyền bá và tuyên truyền những tác phẩm kinh tế của C. Mác.

Song Di-be đã hiểu chủ nghĩa Mác một cách phiến diện nên không phải là người ủng hộ học thuyết cách mạng của C. Mác. – 68, 90.

Dôm-bác-tơ (Sombart), *Véc-nơ* (1863 - 1941) – nhà kinh tế học tự sản tầm thường người Đức, một trong những nhà tư tưởng chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc Đức. Là giáo sư Trường đại học tổng hợp Bre-xlau, sau đó là giáo sư Trường đại học tổng hợp Béc-lanh. Ngay từ khi mới bắt đầu hoạt động, Dôm-bác-tơ đã là một trong những nhà tư tưởng tiêu biểu của “chủ nghĩa xã hội - tự do được phủ qua một lớp sơn mác-xít” (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 21, tr. 301). Về sau trở thành kẻ thù công khai của chủ nghĩa Mác, miêu tả chủ nghĩa tư bản như là một hệ thống kinh tế cân đối. Trong những năm cuối đời, Dôm-bác-tơ ngả theo lập trường của chủ nghĩa phát-xít và ca tụng chế độ Hit-

le. Những tác phẩm chính của Dôm-bác-tơ là: “Chủ nghĩa xã hội và phong trào xã hội trong thế kỷ XIX” (1896), “Chủ nghĩa tư bản hiện đại” (1902). – 197.

Đ

Đa-ni-en-xôn, N. Ph. (N. — ôn) (1844 - 1918) – nhà văn kiêm nhà kinh tế học Nga, một trong những nhà tư tưởng của phái dân túy tự do chủ nghĩa trong những năm 80 và 90 thế kỷ XIX; trong những năm 60 và 70 có quan hệ với các nhóm thanh niên trí thức bình dân cách mạng. Đa-ni-en-xôn đã hoàn thành bản dịch đầu tiên bộ “Tư bản” của C. Mác ra tiếng Nga, người bắt đầu bản dịch này là G. A. Lô-pa-tin. Trong khi dịch bộ “Tư bản” ông có trao đổi thư từ với C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, trong những bức thư đó ông có đề cập đến cả những vấn đề phát triển kinh tế của nước Nga. Song Đa-ni-en-xôn không hiểu được thực chất của chủ nghĩa Mác, nên về sau đã chống lại chủ nghĩa Mác. Năm 1893 cho xuất bản cuốn “Lược khảo về kinh tế xã hội ở nước ta sau cải cách”, cuốn này cùng với những tác phẩm của V. P. Vô-rôn-txốp là sự luận chứng lý luận chủ yếu của phái dân túy tự do chủ nghĩa. Trong hàng loạt tác phẩm của mình, V. I. Lê-nin đã kịch liệt phê phán những quan điểm của Đa-ni-en-xôn. – 21, 59, 60, 65, 105.

Đi-ô-nê-ô (*Scơ-lốp-xki, I. V.*) (1865 - 1935) – nhà báo, trong những năm 70 thế kỷ XIX, tham gia phong trào dân túy, ông đã bị đày đi Xi-bi-ri, về sau ra nước ngoài và ở Luân-đôn. Ông đã cộng tác với tờ “Cửa cải nước Nga” và “Tin tức nước Nga”. Trong thời gian chiến tranh đế quốc, ông là người ủng hộ khối Đồng minh (An-tan-ta). Sau Cách mạng tháng Mười Đì-ô-nê-ô là kẻ thù của chuyên chính vô sản. – 141.

Duy-rinh (Dühring), *Ô-giê-ni* (1833 - 1921) – nhà triết học và kinh tế học Đức. Quan điểm triết học của Duy-rinh là một sự hỗn hợp có tính chất chiết trung giữa chủ nghĩa thực chứng, chủ nghĩa duy vật siêu hình và chủ nghĩa duy tâm. Quan điểm không tưởng phản động của Duy-rinh về nền kinh tế “cộng đồng” đã lý tưởng hoá các hình thức nửa nông nô của nền kinh tế Phổ. Những quan điểm có hại và lẫn lộn của Duy-rinh về các vấn đề triết học, chính trị kinh tế học và chủ nghĩa xã hội, đã được một số người trong đảng dân chủ – xã hội Đức ủng hộ, đó là một mối nguy lớn đối với một đảng chưa được củng cố. Do đó trong tác phẩm “Chống

Duy-rinh. Ông O-giê-ni Duy-rinh đảo lộn khoa học" (1877 – 1878), Ăng-ghe-nhê đã chống lại Duy-rinh và kịch liệt phê phán những quan điểm của ông ta. Trong tác phẩm "Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán" (1909) và trong nhiều tác phẩm khác của mình, V. I. Lê-nin đã nhiều lần phê phán các quan điểm chiết trung của Duy-rinh.

Những tác phẩm chủ yếu của Duy-rinh là: "Giáo trình triết học" (1875), "Lịch sử có tính chất phê phán của nền kinh tế dân tộc và của chủ nghĩa xã hội" (1871), "Giáo trình kinh tế dân tộc và kinh tế xã hội" (1873). – 87, 180, 254.

E

En-ghe-nhê, A. N. (1832 - 1893) – nhà chính luận, nhà dân tụy, nổi tiếng do hoạt động trong lĩnh vực canh nông và xã hội và nhờ cuộc thí nghiệm của ông trong việc tổ chức phương pháp kinh doanh hợp lý trong điền trang của mình ở làng Ba-ti-sê-vô, thuộc tỉnh Xmô-len-xơ. Trong tác phẩm "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga", V. I. Lê-nin đã nhận định về điền trang của En-ghe-nhê; qua ví dụ về điền trang ấy, Lê-nin đã vạch rõ toàn bộ tính chất không tưởng của những lý luận dân tụy. En-ghe-nhê là tác giả của những bức thư "Từ chốn thôn quê" (xuất bản thành sách riêng năm 1882) đăng trên tạp chí "Ký sự nước nhà" và là tác giả của nhiều tác phẩm khác viết về các vấn đề nông nghiệp; ông còn là chủ bút của "Tạp chí hoá học" đầu tiên của nước Nga (1859 - 1860). – 142.

Ê

Ê-gô - xem Mác-tốp, L.

G

Ghéc-txen-stanh, M. I-a. (1859 - 1906) – nhà kinh tế học, giáo sư Trường đại học nông nghiệp Mát-xcô-va, đại biểu Đu-ma nhà nước I, một trong những thủ lĩnh của đảng dân chủ - lập hiến, đảng chủ yếu của giai cấp tư sản Nga; là nhà lý luận của đảng đó về vấn đề ruộng đất. Ông bị những người thuộc phái Trăm đen giết ở Phần-lan sau khi Đu-ma nhà nước I giải tán. – 70.

Giê-vôn-xơ (Jevons), Uy-li-am Xtên-li (1835 - 1882) – nhà kinh tế học và triết học tư sản Anh; giáo sư khoa lô-gích, triết học và chính trị kinh tế học ở Man-se-xtơ (1866 - 1876) và ở Luân-đôn (1876 - 1881). Tác phẩm kinh tế chủ yếu của Giê-vôn-xơ là "Học thuyết về chính trị kinh tế học" (1871). Trong các quan điểm kinh tế của mình, ông xuất phát từ nguyên tắc cơ bản của "trường phái Áo" đó là "thuyết hữu dụng tối đa".

Giê-vôn-xơ được coi như là người sáng lập ra trường phái toán học trong khoa kinh tế chính trị tầm thường; trong khi xây dựng lập luận của mình về những phạm trù của bộ môn kinh tế chính trị, chủ yếu là dựa trên cơ sở toán học ông đã quy những quan hệ kinh tế thành những tỷ lệ đơn thuần về số lượng. Ph. Ăng-ghe-nhê đã kịch liệt phê phán những quan điểm của Giê-vôn-xơ. Người viết: giai cấp tư sản thấy rằng không dung nạp bất kỳ một khoa học nào, - đó là điều an toàn hơn cả (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nhê. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVIII, 1940, tr. 56 và 186). – 256.

Giu-cốp-xki, I-u. G. (1822 - 1907) – nhà kinh tế học kiêm nhà chính luận tư sản. Viết bài cho tạp chí "Người đương thời", "Truyền tin châu Âu", là một trong những biên tập viên của tạp chí "Vũ trụ". Trong những tác phẩm của mình, ông ta cố sức dung hoà một cách chiết trung các học thuyết kinh tế khác nhau. Nguyên là kẻ thù của chính trị kinh tế học mác-xít, trong bài "Các Mác và cuốn sách của ông nói về tư bản" đăng trên tạp chí "Truyền tin châu Âu", số 9 năm 1877, Giu-cốp-xki đã hằn học công kích chủ nghĩa Mác. Bài báo đó đã gây nên một cuộc tranh luận sôi nổi ở nước Nga chung quanh bộ "Tư bản". N. Mi-khai-lốp-xki đã phát biểu qua bài "Các Mác trước sự phán xét của ông I-u. Giu-cốp-xki" đăng trên tạp chí "Ký sự nước nhà", số 10 (tháng Mười 1877). Bài này là lý do để C. Mác viết một bức thư nổi tiếng cho bộ biên tập tạp chí "Ký sự nước nhà" (xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nhê. Những bức thư chọn lọc, tiếng Nga, 1953, tr. 313- 316). V. I. Lê-nin gọi Giu-cốp-xki là nhà kinh tế học "tư sản tầm thường". – 254.

Glát-xtôn (Gladstone), Uy-li-am I-u-ác (1809 - 1898) – nhà hoạt động chính trị và nhà hoạt động quốc gia của Anh. Trên con đường đạt tới danh vọng của mình, Glát-xtôn đi từ chủ nghĩa bảo thủ cực đoan đến chủ nghĩa tự do. Là tổng trưởng tài chính (bộ trưởng tài chính) (1852 - 1855, 1859 - 1866) và thủ tướng (1868 - 1874, 1880 - 1885, 1886, 1892 - 1894), Glát-xtôn đã tiến hành một vài cải cách mà thường là xuất phát từ những tình hình đấu tranh của

ngợi viện với phái đối lập, y sử dụng rộng rãi những thủ đoạn mê dân về chính trị nhằm lôi cuốn tầng lớp tiểu tư sản trong quần chúng và các tầng lớp trên trong giai cấp công nhân về phía mình. Glát-xtôn đã tiến hành chính sách thực dân xâm lược, đàn áp dã man phong trào giải phóng dân tộc ở Ai-rơ-len. Đặc điểm của nhà hoạt động chính trị Glát-xtôn – “vị anh hùng của bọn tư sản tự do và bọn tiểu tư sản thiên cận” (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 20, tr. 167) – là cực kỳ vô nguyên tắc, đạo đức giả và giả nhân giả nghĩa. C. Mác gọi Glát-xtôn là “tên đạo đức giả và tên quý biện cố tật” (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, t. XXVII, 1935, tr. 129). – 297.

Gốt-xen (Gossen), *Héc-man* (1810 - 1858) – nhà kinh tế học tư sản Đức, một trong những tác giả của “thuyết hữu dụng tối đa”, về sau đã được “trường phái Áo” phát triển thêm. Gốt-xen đã trình bày thuyết đó trong cuốn sách nhan đề: “Sự phát triển của các quy luật về những quan hệ giữa người với người và của các nguyên tắc buôn bán do những quan hệ đó sinh ra” (1854). – 256.

Gvô-dơ-đép, *R. (Txim-méc-man, R. E.)* (1866 - 1900) – nhà văn, những truyện và những bài báo nói về kinh tế của ông đăng trên tờ “Cửa cải nước Nga”, “Đời sống”, “Bình luận khoa học”. Năm 1896 cùng với P. P. Ma-xlốp, A. A. Xa-nin, V. I. Poóc-tu-ga-lốp và những người khác lãnh đạo xuất bản tờ báo hàng ngày “Truyền tin Xa-ma-ra”. Tác phẩm nổi tiếng của Gvô-dơ-đép là “Tầng lớp cu-lắc cho vay nặng lãi, tác dụng của nó về mặt kinh tế - xã hội”. – 73, 74, 77.

H

Héc-khơ (Herhner), *Hen-ri-ích* (1863 - 1932) – nhà kinh tế học tư sản Đức, giáo sư, phó chủ tịch “Liên minh chính trị xã hội”. – 387.

Hê-ghe-n (Hegel), *Gioóc-giơ Vin-hem Phri-đrích* (1770 - 1831) – nhà triết học duy tâm khách quan lớn nhất của Đức, nhà tư tưởng của giai cấp tư sản Đức. Triết học của Hê-ghe-n là đỉnh cao của chủ nghĩa duy tâm ở Đức cuối thế kỷ XVIII và đầu thế kỷ XIX. Công trạng có tính chất lịch sử của Hê-ghe-n là ở chỗ ông đã xây dựng một cách sâu sắc và toàn diện phép biện chứng duy tâm, mà phép biện chứng này là một trong những nguồn gốc lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Theo Hê-ghe-n thì toàn bộ thế giới tự nhiên, thế giới lịch sử và thế giới tinh thần đều không ngừng

vận động, thay đổi, biến hoá và phát triển. Song thế giới khách quan và thực tại thì ông coi đó là sản phẩm của tinh thần tuyệt đối và ý niệm tuyệt đối. V. I. Lê-nin đã gọi ý niệm tuyệt đối là sự bịa đặt có tính chất thần học của nhà duy tâm Hê-ghe-n. Đặc điểm của triết học Hê-ghe-n là sự mâu thuẫn sâu sắc giữa phương pháp biện chứng với quan điểm bảo thủ, siêu hình; về thực chất, quan điểm này đòi hỏi một sự ngừng phát triển. Xét về quan điểm chính trị - xã hội, thì Hê-ghe-n là một phần tử phản động.

C. Mác, Ph. Ăng-ghe-n, V. I. Lê-nin đã cải biến một cách có phê phán phép biện chứng của Hê-ghe-n, và sáng tạo ra phép biện chứng duy vật phản ánh những quy luật chung nhất của sự phát triển của thế giới khách quan và tư duy con người.

Những tác phẩm chính của Hê-ghe-n là: “Hiện tượng học tinh thần” (1806), “Khoa học lô-gích” (1812 - 1816), “Bách khoa toàn thư các bộ môn triết học” (1817), “Triết học pháp quyền” (1821). Những tác phẩm xuất bản sau khi Hê-ghe-n qua đời là: “Những bài giảng về lịch sử triết học” (1833 - 1836) và “Những bài giảng về mỹ học, hay là triết học nghệ thuật” (1836 - 1838). – 254.

Hốp-xơn (Hobson), *Giôn Át-kin-xơn* (1858 - 1940) – nhà kinh tế học người Anh, đại biểu điển hình của chủ nghĩa cải lương tư sản và chủ nghĩa hoà bình, tác giả của nhiều cuốn sách, trong số đó nổi tiếng nhất có các cuốn: “Những vấn đề nghèo khổ” (1891), “Sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại” (1894), “Chủ nghĩa đế quốc” (1902). Về cuối đời, Hốp-xơn lại chuyển sang công khai ca tụng chủ nghĩa đế quốc và tuyên truyền “học thuyết nhà nước thế giới” – 194 - 197, 198.

I

I-lin, V. – xem Lê-nin, V. I.

I-ô-an Crôn-stát-xki – xem Xéc-ghe-ép, I. I.

K

Kéc-gơ (Kärger), *Các-lơ* – nhà kinh tế học người Đức, tác giả quyển: “Những người Đắc-dên mới đến. Trên cơ sở những sự nghiên cứu của cá nhân và những bản tính toán thống kê” (1890). – 173.

Kiéc-sman (Kirchmann), *Gi-u-li-út Héc-man* (1802 - 1884) – nhà triết học và nhà chính luận người Đức, người cùng tư tưởng với Rốt-

béc-tút mà Rốt-béc-tút là một trong những nhà lý luận của “chủ nghĩa xã hội nhà nước”. Từ năm 1871 đến 1876 là nghị sĩ thuộc đảng “tiến bộ” tư sản; tác giả của nhiều tác phẩm về pháp quyền và triết học. – 67.

Kê-ne (Quesnay), *Phrăng-xoa* (1694 - 1774) – nhà kinh tế học người Pháp, người sáng lập ra trường phái trọng nông, tốt nghiệp bác sĩ. Tác giả cuốn “Tableau économique” (“Biểu kinh tế”), xuất bản năm 1758, trong đó lần đầu tiên trong lịch sử của chính trị kinh tế học tư sản tác giả đã cố gắng mô tả quá trình tái sản xuất cả năm nói chung và ý nghĩa của các yếu tố cấu thành của nó. C. Mác đã phân tích tỉ mỉ “Biểu kinh tế” trong “Các học thuyết về giá trị thặng dư” và trong chương “Rút trong “lịch sử có tính chất phê phán”” mà Người đã viết cho cuốn sách của Ph. Ăng-ghe-nh “Chống Duy-rinh”. – 87.

L

La-bri-ô-la (Labriola), *An-tô-ni-ô* (1843 – 1904) – nhà văn và nhà triết học Ý; cuối những năm 80 thế kỷ XIX đã đoạn tuyệt với hệ tư tưởng tư sản và trở thành một người mác-xít. Năm 1895, La-bri-ô-la đã xuất bản cuốn “Kỷ niệm “Tuyên ngôn của Đảng cộng sản””. Cuốn sách này và cuốn “Về chủ nghĩa duy vật lịch sử” xuất bản năm 1896, là hai phần đầu của tập: “Khái luận về quan điểm duy vật lịch sử”. (xem G. V. Plê-kha-nốp. Tuyển tập triết học, gồm năm tập, tiếng Nga t. II, 1956, tr. 236 – 266).

Trong các tác phẩm của mình, La-bri-ô-la đã trình bày những cơ sở của quan điểm duy vật về lịch sử, nghiêm khắc phê phán triết học phản động của Hác-tman, Nít-xơ, Crốt-sơ, chống lại những người đứng trên quan điểm tư sản để phê phán chủ nghĩa Mác và chống lại bọn xét lại. – 252.

Lát-xan (Lassalle), *Phéc-đi-năng* (1825 - 1864) – nhà xã hội chủ nghĩa tiểu tư sản Đức, người sáng lập ra một loại chủ nghĩa cơ hội trong phong trào công nhân Đức - chủ nghĩa Lát-xan.

Lát-xan là một trong những người sáng lập ra Tổng hội công nhân Đức (1863). Việc thành lập Tổng hội có một ý nghĩa tích cực đối với phong trào công nhân; song khi được bầu làm chủ tịch Tổng hội thì Lát-xan lại đưa Tổng hội đi theo con đường cơ hội chủ nghĩa. Phái Lát-xan giới hạn mục đích của mình ở hình thức đấu tranh nghị trường, hy vọng bằng con đường công

khai tuyên truyền cho quyền phổ thông đầu phiếu, bằng con đường sáng lập ra các hội sản xuất được nhà nước giao-ke trợ cấp thì có thể thiết lập được “nhà nước nhân dân tự do”. Lát-xan ủng hộ chính sách thống nhất nước Đức “từ trên xuống” dưới bá quyền lãnh đạo của nước Phổ phản động. Chính sách cơ hội của phái Lát-xan là trở ngại cho hoạt động của Quốc tế I và cho việc thành lập một đảng công nhân chân chính ở Đức, trở ngại cho việc giáo dục công nhân về ý thức giai cấp.

Những sai lầm về mặt lý luận và chính trị của phái Lát-xan đã bị những tác giả kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin kịch liệt phê phán (xem C. Mác. “Phê phán cương lĩnh Gô-ta”; V. I. Lê-nin. “Nhà nước và cách mạng” và các tác phẩm khác). – 215, 263.

Lê-man (Lehmann), *Các-lơ* - bác sĩ y khoa, người thuộc đảng dân chủ - xã hội, hội viên của hội Muyn-khen thuộc đảng dân chủ - xã hội Đức, ông đã giúp tờ “Tia lửa” khi ban biên tập của nó đóng ở Muyn-khen. – 533.

Lê-nin, *V. I. (U-li-a-nốp)*, *V. I.*, *V. I-lin*, *Vla-đ. I-lin*, *Vla-đi-mia I-lin*, *T. Kh.*, *Ph. P.*) (1870 - 1924) – những tài liệu tiểu sử. – 22, 65, 72, 77, 80, 84, 85 - 86, 88, 89, 91, 97 - 99, 103, 105, 106, 107, 108, 111, 119, 121, 125 - 126, 148, 154, 166, 174, 180, 182 - 183, 184, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204, 205, 206, 227 - 229, 286, 299 - 300, 324, 382 - 383, 422 - 427, 428 - 430, 431 - 443, 444 - 446, 487 - 490.

Liép-nếch (Liebknecht), *Vin-hem* (1826 - 1900) – nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức và phong trào công nhân quốc tế, một trong những người sáng lập và lãnh đạo đảng dân chủ - xã hội Đức. Ông đã tích cực tham gia vào cuộc cách mạng 1848 - 1849 ở Đức, sau khi cách mạng bị thất bại, ông sống lưu vong ở nước ngoài, lúc đầu ở Thụy-sĩ, về sau ở Luân-đôn, tại đây ông đã tiếp xúc với C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nh. Do ảnh hưởng của C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nh, Liép-nếch đã trở thành một người xã hội chủ nghĩa, sau khi trở về Đức vào năm 1862 và sau khi Quốc tế I được thành lập ông là một trong những người tích cực nhất trong việc truyền bá những tư tưởng cách mạng của tổ chức này và là người thành lập các chi bộ của Quốc tế cộng sản ở Đức. Từ năm 1875 và cho đến cuối đời, Liép-nếch là uỷ viên Ban chấp hành trung ương đảng dân chủ - xã hội Đức và là tổng biên tập của cơ quan Trung ương là báo “Vorwärts” (“Tiến lên”). Từ 1867 đến 1870, ông là nghị sĩ quốc hội miền Bắc Đức, và từ 1874 nhiều lần ông được bầu làm đại biểu quốc hội Đức; ông đã khéo biết lợi dụng diễn

đàn quốc hội để vạch trần chính sách đối nội và đối ngoại phản động của bọn gioong-ke Phổ. Vì hoạt động cách mạng nên nhiều lần ông bị xử tù. Liép-nếch đã tích cực tham gia vào việc tổ chức Quốc tế II. Mác và Ăng-ghe-n đã đánh giá cao Liép-nếch và đã hướng dẫn sự hoạt động của ông, nhưng đồng thời cũng nghiêm khắc phê phán chính sách thoả hiệp của ông đối với các phân tử cơ hội chủ nghĩa. – 242, 388.

Lúc-xăm-bua, Rô-da (1871 - 1919) – nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân quốc tế, một trong những thủ lĩnh của cánh tả của Quốc tế II. Vào nửa cuối những năm 80 thế kỷ XIX bà bắt đầu hoạt động cách mạng, là một trong những người sáng lập ra phong trào dân chủ - xã hội Ba-lan, bà đã lên tiếng chống lại chủ nghĩa dân tộc trong hàng ngũ của phong trào ấy. Từ năm 1897, bà tham gia tích cực trong phong trào dân chủ - xã hội Đức, tiến hành đấu tranh chống chủ nghĩa Béc-stanh và chủ nghĩa Mìn-lơ-răng. Bà tham gia cuộc cách mạng Nga đầu tiên (ở Vác-sa-va), năm 1907 bà tham dự Đại hội V (ở Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, tại đại hội bà ủng hộ những người bôn-sê-vích. Ngay từ những ngày đầu của cuộc chiến tranh đế quốc chủ nghĩa, R. Lúc-xăm-bua giữ lập trường quốc tế. Bà là một trong những người chủ xướng việc thành lập nhóm “Quốc tế”, sau đó đổi tên là nhóm “Xpác-ta-cút”, và rồi lại đổi thành “Liên minh Xpác-ta-cút”, bà đã viết (ở trong tù) cuốn sách nhỏ “Cuộc khủng hoảng của đảng dân chủ - xã hội” với bí danh Giu-ni-út (xem bài báo của Lê-nin “Bản vẽ cuốn sách nhỏ của Giu-ni-út”. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 22, tr. 379 - 397). Sau cuộc cách mạng tháng Mười một ở Đức, bà tham gia lãnh đạo Đại hội thành lập Đảng cộng sản Đức. Tháng Giêng 1919, Lúc-xăm-bua bị bắt giam rồi bị giết theo lệnh của chính phủ Sai-đê-man. Lê-nin đã đánh giá cao R. Lúc-xăm-bua, Người thường xuyên phê phán những sai lầm của bà (trong các vấn đề về vai trò của đảng, về chủ nghĩa đế quốc, vấn đề dân tộc thuộc địa, vấn đề nông dân, về cách mạng thường trực v.v.) và qua đó giúp cho bà giữ một lập trường đúng đắn. – 295.

M

Mác (Marx), *Các* (1818 - 1883) – người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, nhà tư tưởng thiên tài, ông tổ của môn khoa học cách mạng, lãnh tụ và người thầy của giai cấp vô sản quốc tế (xem

bài báo của V. I. Lê-nin: “Các Mác (Sơ lược tiểu sử, kèm theo sự trình bày chủ nghĩa Mác)” – Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 21, tr. 39 - 94). – 53, 54 - 57, 59, 60 - 64, 65 - 67, 68, 69, 70, 71, 79, 85 - 88, 90 - 92, 93, 94, 95, 97, 99, 100, 101 - 103, 114, 116, 126 - 127, 128, 133, 135, 151, 160, 161, 162, 166, 179, 180, 185, 189, 190, 195, 196, 197, 198, 199, 200, 201, 202, 203, 204 - 205, 215, 216, 230, 231, 232, 237, 253, 254, 255 - 256, 257, 258, 259, 262, 263, 265, 269, 275, 291- 292, 308, 312, 327, 378, 381, 382 -383, 384, 416, 454.

Mác-tốp, L. (Txê-đéc-bau-mơ, I-u. Ô., Ê-gô) (1873-1923) - một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích. Ông tham gia phong trào dân chủ - xã hội từ những năm 90 thế kỷ XIX. Năm 1895, tham gia tổ chức “Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân” Pê-téc-bua. Năm 1896 ông bị bắt và bị đày 3 năm ở Tu-ru-khan-xơ. Sau khi mãn hạn đày năm 1900, Mác-tốp tham gia vào việc chuẩn bị xuất bản tờ “Tia lửa” và có chân trong ban biên tập của tờ báo đó. Tại Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, ông trở thành người đứng đầu “phái men-sê-vích” và từ đó, là một trong những người lãnh đạo các cơ quan trung ương và là người biên tập các xuất bản phẩm của phái men-sê-vích. Trong những năm thống trị của thế lực phản động, Mác-tốp là người thuộc phái thủ tiêu, là biên tập viên tờ “Tiếng nói người dân chủ - xã hội”, tham gia hội nghị “tháng Tám” chống đảng (1912). Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, Mác-tốp giữ lập trường của phái giữa. Sau Cách mạng tháng Mười, Mác-tốp chạy sang phe của các kẻ thù công khai của Chính quyền xô-viết. Năm 1920, Mác-tốp sang Đức, ở Béc-lanh Mác-tốp thành lập và biên tập tờ báo “Truyền tin xã hội chủ nghĩa” của phái men-sê-vích. – 309, 427, 445.

Mi-cu-lin, A. A. – kỹ sư cơ khí, thanh tra công xưởng của khu Vla-đi-mia, sau là tổng thanh tra công xưởng của tỉnh Khéc-xôn; tác giả quyển “Khái luận rút từ lịch sử áp dụng đạo luật ngày 3 tháng Sáu 1886” (1893), “Công nghiệp công xưởng – nhà máy và công nghiệp thủ công của thành phố Ô-đét-xa, tỉnh Khéc-xôn và của quân khu Ni-cô-lai-ép...” (1897) v.v.. – 5, 11, 26, 44.

Mi-khai-lốp-xki, N. C. (1842 - 1904) – nhà lý luận nổi tiếng của phái dân túy tự do chủ nghĩa, nhà chính luận, nhà phê bình văn học và nhà triết học thực chứng chủ nghĩa, một đại biểu của trường phái chủ quan trong xã hội học. Mi-khai-lốp-xki bắt đầu hoạt động văn học từ 1860; năm 1868, ông là cộng tác viên và về sau là một trong những biên tập viên của tạp chí “Ký sự nước nhà”. Cuối những năm 70 thế kỷ XIX, ông biên soạn và biên tập những xuất bản phẩm

của phái “Dân ý”. Năm 1892, ông là chủ biên tạp chí “Của cải nước Nga”, và dùng tạp chí này để tiến hành đấu tranh gay gắt chống chủ nghĩa Mác. V. I. Lê-nin đã phê phán những quan điểm của Mi-khai-lốp-xki qua tác phẩm “Những “người bạn dân” là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao?” (1894) và qua nhiều tác phẩm khác. – 254.

Min-lơ (Mill), *Giôn Xtii-ác* (1806 - 1873) – nhà triết học tư sản Anh và nhà kinh tế học, một đại biểu nổi tiếng của chủ nghĩa thực chứng. Trong những năm 1865 - 1868, là nghị sĩ của hạ nghị viện Anh. Những tác phẩm triết học chủ yếu của Min-lơ là: “Hệ lô-gích tam đoạn luận và quy nạp” (1843) và “Bình luận triết học của ngài Uyl-i-am Ha-min-ton” (1865). Tác phẩm kinh tế chủ yếu của Min-lơ: “Nguyên lý chính trị kinh tế học” (1848). Min-lơ là một trong những đại biểu của chính trị kinh tế học tư sản, theo nhận xét của Mác họ là những người “đã cố gắng kết hợp kinh tế chính trị của tư bản với những yêu sách của giai cấp vô sản, là những yêu sách mà từ nay trở đi người ta phải chú ý đến” (“Tư bản”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1960, q. I, t. I, tr. 21). Min-lơ đã thụt lùi một bước so với Đ. Ri-các-đô, ông đã từ bỏ học thuyết về giá trị lao động và thay nó bằng học thuyết tầm thường về chi phí sản xuất. Min-lơ cố gắng giải thích lợi nhuận của các nhà tư bản bằng một thứ thuyết giả khoa học là thuyết tiết dục, tưởng như các nhà tư bản, quả thật, đã có sự tiết dục về phương diện tiêu dùng. Min-lơ là người ủng hộ học thuyết thù hằn nhân loại của Man-tuyt. N. G. Tséc-nư-sép-xki đã phê phán những quan điểm kinh tế của Min-lơ trong phần chú giải của mình cho bản dịch cuốn sách của Min-lơ “Nguyên lý chính trị kinh tế học” (1860 - 1861) và trong tác phẩm “Khái luận về chính trị kinh tế học (theo Min-lơ)” (1861). – 67, 195.

N

Na-pô-lê-ông III (*Bô-na-pác-tơ, Lu-i*) (1808-1873) - hoàng đế nước Pháp từ năm 1852 đến năm 1870, cháu của Na-pô-lê-ông I. Sau khi cách mạng 1848 bị thất bại, Na-pô-lê-ông III được bầu làm tổng thống nước Cộng hoà Pháp; đêm mùng 2 tháng Chạp 1851, Na-pô-lê-ông III làm đảo chính rồi tuyên bố là hoàng đế nước Pháp.

Na-pô-lê-ông III thi hành chính sách đối ngoại phiêu lưu nhằm phục vụ lợi ích của giai cấp đại tư sản; đặc điểm của chính sách đối nội của Na-pô-lê-ông III là một chính sách điển hình của những kẻ bợ đỡ hung bạo chưa từng thấy của cảnh sát, là việc tăng cường bộ máy

quan liêu và đồng thời ve vãn công nhân bằng các thủ đoạn mỉa dân bằng những lời hứa hẹn dối trá, bằng cách bố thí và thực hiện những cải cách nhỏ dựa vào đó mà Na-pô-lê-ông III đã duy trì “trong nhiều năm cái thòng lọng ở trên cổ quần chúng lao động” (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 16, tr. 170 - 171). – 249, 291 - 292.

Na-rư-skin, A. A. – đại địa chủ tỉnh Ô-ri-ôn, uỷ viên Hội đồng liên minh quý tộc. Từ năm 1906 là uỷ viên Hội đồng nhà nước, thủ lĩnh các phái cực hữu. – 530, 531.

Nê-giơ-đa-nốp, P. (Líp-kin, Ph. A.) (sinh năm 1868) – nhà chính luận, một trong những “người phê phán Mác”, sau là phần tử men-sê-vích, phần tử thủ tiêu cực đoan. Nê-giơ-đa-nốp đã tham dự các Đại hội IV (Xtốc-khôn) và V (Luân-đôn) của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, là cộng tác viên của những xuất bản phẩm thuộc phái thủ tiêu, một trong những tác giả “Bức thư ngỏ” của 16 người men-sê-vích nói về sự thủ tiêu đảng (1910); sau Hội nghị tháng Tám 1912, Nê-giơ-đa-nốp là uỷ viên cơ quan lãnh đạo trung ương của phái men-sê-vích (Ban tổ chức). Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, Nê-giơ-đa-nốp là một phần tử xã hội – sô-vanh, một trong những biên tập viên của tờ “Báo công nhân” của phái men-sê-vích, xuất bản năm 1917 ở Pê-téc-bua. – 199 - 201, 202, 203, 205.

N. –ôn – xem Đa-ni-en-xôn, N. Ph.

O Ô

Oóc-lốp, P. A. – người biên soạn “Bản chỉ dẫn về các công xưởng và nhà máy của phần nước Nga thuộc châu Âu”. Xuất bản lần đầu vào năm 1881, lần thứ hai vào năm 1887, và lần thứ ba (cùng với X. G. Bu-đa-gốp) vào năm 1894. – 2, 4, 5 - 6, 10, 16.

Ô-oen (Owen), Rô-bóc (1771 - 1858) – nhà xã hội chủ nghĩa không tương lai lạc Anh; ông đã kịch liệt phê phán cơ sở của chế độ tư bản chủ nghĩa, nhưng Ô-oen không vạch ra được nguồn gốc thật sự của những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản; ông cho rằng nguyên nhân chính gây nên tình trạng bất bình đẳng trong xã hội là ở chỗ giáo dục chưa được phổ cập rộng rãi chứ không phải là ở bản thân phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, và ông cho rằng có thể thủ tiêu nguyên nhân ấy bằng cách truyền bá rộng rãi các kiến thức và thực hiện những cải cách xã hội, ông đã đưa ra một chương trình cải cách rộng lớn. Ô-oen đấu tranh đòi ban hành luật pháp rút

ngăn ngày lao động, đòi thực hiện chế độ bảo hộ lao động và giáo dục xã hội cho trẻ em.

Ô-oen hình dung xã hội tương lai “hợp lý” là một thứ liên bang tự do gồm các công xã tự quản không lớn lắm (không quá 3.000 hội viên). Song, những cố gắng của Ô-oen định đem những tư tưởng của mình ra thực hiện trên thực tế đã bị thất bại. Trong những năm 30 và 40 thế kỷ XIX, Ô-oen tích cực tham gia phong trào nghiệp đoàn và phong trào hợp tác xã, đã làm rất nhiều đề giáo dục công nhân. Đánh giá ý nghĩa những hoạt động của Ô-oen đối với phong trào công nhân Anh thế kỷ XIX, Ăng-ghe-n viết: “Mọi phong trào xã hội ở Anh vì lợi ích của giai cấp công nhân và mọi thành tựu thực tế của các phong trào đó, đều gắn liền với tên tuổi của Ô-oen” (“Chống Duy-rinh”, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ 2, 1971, tr. 445).

Những tác phẩm chủ yếu của Ô-oen là: “Về đào tạo tính cách con người” (1813), “Bảo cáo gửi quận Lê-nác về kế hoạch giảm bớt những tai hoạ xã hội” (1820), “Sách nói về một thế giới đạo đức mới” (1836 – 1844) và các tác phẩm khác. – 141.

P

Pác-vu-xơ (Ghen-phan-đơ, A. L.) (1869 - 1924) — đảng viên men-sê-vích; trong những năm 80 thế kỷ XIX, từ Nga lưu vong ra nước ngoài; cuối những năm 90 thế kỷ XIX và 10 năm đầu thế kỷ XX, ông tham gia công tác trong Đảng dân chủ – xã hội Đức, gia nhập cánh tả trong đảng, là biên tập viên của tờ “Sächsische Arbeiter Zeitung” (“Báo công nhân Dắc-dên”). Ông đã viết nhiều tác phẩm về các vấn đề kinh tế thế giới. Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, ông gia nhập phái men-sê-vích. Trong thời kỳ cách mạng Nga lần thứ nhất, Pác-vu-xơ ở nước Nga, đã cộng tác với tờ “Bước đầu” của phái men-sê-vích, ông kêu gọi tham gia Đu-ma của Bu-lư-ghin, bảo vệ cho sách lược những thoả thuận nhỏ với phái dân chủ - lập hiến v.v.. Pác-vu-xơ đưa ra thuyết “cách mạng thường trực” phản mác-xít, về sau Tơ-rốt-xki đã biến thuyết đó thành công cụ đấu tranh chống lại chủ nghĩa Lê-nin. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ nhất, Pác-vu-xơ là người theo chủ nghĩa sô-vanh cực đoan, tay sai của chủ nghĩa đế quốc Đức, xuất bản tạp chí “Die Glocke” (“Cái chuông”) - cơ quan “của bọn phản bội và bọn đày tớ ti tiện ở Đức” (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 21, tr. 496). – 77, 78 - 80, 191, 192, 533.

Ph. P. – xem Lê-nin, V. I.

Pi-ốt Ni-cô-la-ê-vích – xem Rô-ma-nốp, P. N.

Plê-kha-nốp, G. V. (Ben-tốp, N.) (1856 - 1918) – một trong những nhà hoạt động xuất sắc của phong trào công nhân Nga và quốc tế, người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác vào nước Nga, một chiến sĩ đấu tranh không khoan nhượng cho thế giới quan duy vật. Năm 1875, khi còn là sinh viên, Plê-kha-nốp đã liên hệ với phái dân tụy, với công nhân Pê-téc-bua và đã tham gia hoạt động cách mạng, năm 1877, ông tham gia tổ chức dân tụy “Ruộng đất và tự do”, và tới năm 1879, sau khi tổ chức đó bị phân liệt, ông đứng đầu tổ chức mới của những người dân tụy: “Chia đều ruộng đất”. Năm 1880, sau khi lưu vong ra nước ngoài, Plê-kha-nốp đoạn tuyệt với phái dân tụy và năm 1883, tại Giơ-ne-vơ, ông thành lập tổ chức mác-xít Nga đầu tiên - nhóm “Giải phóng lao động”. Vào 10 năm đầu thế kỷ XX, Plê-kha-nốp cùng với V. I. Lê-nin xuất bản tờ báo “Tia lửa” và tạp chí “Bình minh”, ông đã tham gia vào việc thảo luận thảo luận cương lĩnh của đảng và vào việc chuẩn bị Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga. Plê-kha-nốp viết nhiều tác phẩm về triết học, lịch sử các học thuyết chính trị - xã hội, về các vấn đề lý luận nghệ thuật và văn học, những tác phẩm ấy là một cống hiến rất có giá trị vào kho tàng của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Những tác phẩm lý luận quan trọng nhất của Plê-kha-nốp gồm có: “Chủ nghĩa xã hội và đấu tranh chính trị” (1883), “Những sự bất đồng giữa chúng ta” (1885), “Bàn về sự phát triển của quan điểm nhất nguyên về lịch sử” (1895), “Khái luận về lịch sử của chủ nghĩa duy vật” (1896), “Sự luận chứng chủ nghĩa dân tụy trong các tác phẩm của ông Vô-rôn-txốp (V. V)” (1896), “Bàn về quan niệm duy vật về lịch sử” (1897), “Bàn về vai trò của cá nhân trong lịch sử” (1898) v.v.. V. I. Lê-nin viết: “Trong hai mươi năm từ 1883 - 1903, Plê-kha-nốp đã viết nhiều tác phẩm xuất sắc, đặc biệt là để chống lại bọn cơ hội chủ nghĩa, bọn Ma-khơ, phái dân tụy” (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà-nội, xuất bản lần thứ nhất, 1963, t. 20, tr. 416). Những tác phẩm triết học của Plê-kha-nốp đã được V. I. Lê-nin coi là những tác phẩm xuất sắc trong kho tàng văn học mác-xít quốc tế.

Song, Plê-kha-nốp đã mắc phải những sai lầm nghiêm trọng, đó là mầm mống của các quan điểm men-sê-vích của ông sau này. Plê-kha-nốp chưa đánh giá hết vai trò cách mạng của nông dân, coi giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa là bạn đồng minh của giai cấp công nhân; trên lời nói, Plê-kha-nốp thừa nhận tư tưởng bá quyền lãnh đạo của giai cấp vô sản, nhưng trong việc làm thì chống lại thực chất của tư tưởng đó.

Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Plê-kha-nốp đứng trên lập trường thoả hiệp với bọn cơ hội chủ nghĩa và sau đó thì ngã theo phái men-sê-vích. Trong thời kỳ cách mạng Nga lần thứ nhất 1905-1907, Plê-kha-nốp có mâu thuẫn lớn với phái bôn-sê-vích về các vấn đề cơ bản thuộc sách lược; về sau, một đôi khi ông rời bỏ phái men-sê-vích và tỏ ra ngả nghiêng giữa chủ nghĩa men-sê-vích và chủ nghĩa bôn-sê-vích. Trong những năm 1908 - 1912, Plê-kha-nốp chống lại phái thủ tiêu và cầm đầu "nhóm men-sê-vích ủng hộ đảng". Trong thời gian chiến tranh thế giới thứ nhất 1914 - 1918, ông đã đứng trên lập trường của chủ nghĩa xã hội - sô-vanh. Sau Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Hai 1917, Plê-kha-nốp trở về Nga, ủng hộ Chính phủ lâm thời tư sản; Plê-kha-nốp có thái độ tiêu cực đối với Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại. - 95, 231, 309, 317, 320, 327, 394, 422, 425 - 430, 431 - 435, 436 - 437, 438 - 439, 440 - 441, 442 - 444, 445, 456, 461, 462, 484, 485, 486.

Pô-bê-đô-nốt-txép, C. P. (1827 - 1907) - nhà hoạt động quốc gia phản động của nước Nga Nga hoàng, giám sát tối cao của Thánh vụ viện, trên thực tế là người đứng đầu chính phủ và là người cổ vũ chủ yếu cho chính sách nông nô phản động cực đoan dưới thời A-lếch-xan-đơ III, là kẻ tiếp tục đóng một vai trò lớn cả dưới thời Ni-cô-lai II. Suốt đời Pô-bê-đô-nốt-txép đã ngoan cố đấu tranh chống lại các phong trào cách mạng. Ông là người kiên quyết chống lại những cải cách tư sản trong những năm 60 thế kỷ XIX, là kẻ ủng hộ chế độ chuyên chế cực đoan, kẻ thù của khoa học và giáo dục. Trong thời kỳ cao trào Cách mạng dân chủ - tư sản tháng Mười 1905, Pô-bê-đô-nốt-txép buộc phải từ chức và từ bỏ hoạt động chính trị. - 289.

Pô-tơ-rê-xốp, A. N. (Ác-xên-i-ép) (1869-1934) - một trong những thủ lĩnh của phái men-sê-vích. Trong những năm 90 thế kỷ XIX, ông gia nhập phái mác-xít. Do tham gia "Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân" ở Pê-téc-bua, Pô-tơ-rê-xốp bị đày đến tỉnh Vi-át-ca. Năm 1900, ra nước ngoài, tham gia thành lập tờ "Tia lửa" và "Bình minh". Sau Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga, Pô-tơ-rê-xốp là đảng viên men-sê-vích. Trong những năm thống trị của thế lực phản động, là nhà tư tưởng của phái thủ tiêu, ông lãnh đạo các cơ quan ngôn luận "Phục hưng", "Bình minh của chúng ta" v.v. của phái men-sê-vích. Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, Pô-tơ-rê-xốp là người thuộc phái xã hội - sô-vanh. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, Pô-tơ-rê-xốp lưu vong ra nước ngoài; ở đó Pô-tơ-rê-xốp viết nhiều bài công kích Chính quyền xô-viết. - 422, 427, 429 - 437, 439 - 443, 487 - 489, 490.

Pô-xtơ-ni-cốp, V. Ê. (1844 - 1908) - nhà kinh tế kiêm nhà thống kê, làm việc ở Bộ nông nghiệp và tài sản quốc gia, tại bộ phận quản lý ruộng đất của nhà nước; là hội viên Hội kinh tế tự do. Ông là tác giả cuốn: "Kinh tế nông dân ở miền Nam nước Nga" (1891). V. I. Lê-nin đã phân tích cuốn sách đó của Pô-xtơ-ni-cốp trong các tác phẩm của mình như: "Những biến đổi mới về kinh tế trong đời sống nông dân", "Bàn về cái gọi là vấn đề thị trường" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 1, tr. 1-148) "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga" (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1975, t. 3). Tuy có đánh giá cao cuốn sách của Pô-xtơ-ni-cốp, nhưng V. I. Lê-nin cũng nhấn mạnh rằng khi giải thích các quá trình phát triển kinh tế, Pô-xtơ-ni-cốp đã có nhiều mâu thuẫn và sai lầm về phương pháp luận. - 148.

Prô-cô-pô-vích, X. N. (1871 - 1955) - nhà kinh tế học tư sản và nhà chính luận, đại biểu nổi tiếng của "phái kinh tế", một trong những người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Béc-stanh vào Nga. Prô-cô-pô-vích là hội viên tích cực của tổ chức quân chủ tự do chủ nghĩa: "Hội liên hiệp giải phóng". Năm 1906 Prô-cô-pô-vích là uỷ viên ban chấp hành trung ương đảng dân chủ - lập hiến, là biên tập viên kiêm người xuất bản tạp chí "Vô đề" mang tính chất nửa dân chủ - lập hiến, nửa men-sê-vích. Cộng tác viên tích cực của tờ "Đồng chí". Tác giả các tác phẩm viết về công nhân, theo quan điểm của phái Béc-stanh tự do chủ nghĩa. Năm 1917 Prô-cô-pô-vích là bộ trưởng Bộ lương thực trong Chính phủ lâm thời tư sản. Sau Cách mạng tháng Mười, bị trục xuất khỏi Liên-xô vì đã hoạt động chống Chính quyền xô-viết. - 259, 266, 378, 381 - 383, 384, 385 - 388, 389, 390, 391.

Pru-đông (Proudhon), Pi-e Giô-dép (1809 - 1865) - nhà chính luận, nhà kinh tế và xã hội học Pháp, một trong những người sáng lập ra chủ nghĩa vô chính phủ, nhà tư tưởng của giai cấp tiểu tư sản; Pru-đông mơ tưởng duy trì vĩnh viễn chế độ tiểu tư hữu, và đứng trên lập trường tiểu tư sản để phê phán chế độ sở hữu lớn tư bản chủ nghĩa. Pru-đông đưa ra những dự án không tưởng là tổ chức "ngân hàng nhân dân", phát "tín dụng không lấy lãi" nhằm giúp cho công nhân mua sắm những tư liệu sản xuất riêng và trở thành tiểu chủ. Cũng mang tính chất phản động như vậy, tư tưởng không tưởng của Pru-đông về thành lập "ngân hàng trao đổi", ngân hàng này tưởng như đảm bảo cho những người lao động tiêu thụ sản phẩm của mình một cách "công bằng" mà đồng thời không đụng chạm gì đến chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa về công cụ và tư liệu sản

xuất. Xuất phát từ lập trường vô chính phủ, Pru-đông đã phủ nhận vai trò nhà nước, coi nhà nước là nguồn gốc chính để ra các mâu thuẫn giai cấp. Tuyên truyền “hợp nhất” hai giai cấp tư sản và vô sản làm một, tuyên truyền sự hợp tác kinh tế của hai giai cấp đó trên cơ sở trao đổi hàng hoá không cần đến tiền tệ. Năm 1846, Pru-đông cho xuất bản cuốn “Hệ thống những mâu thuẫn kinh tế, hay là triết học của sự khốn cùng”, trong đó ông đã trình bày những quan điểm kinh tế - triết học tiểu tư sản của mình. Trong tác phẩm “Sự khốn cùng của triết học” Mác đã kịch liệt phê phán cuốn sách đó của Pru-đông và chỉ rõ tính vô căn cứ của nó về mặt khoa học. Trong thời kỳ cách mạng 1848, sau khi được bầu vào Quốc hội lập hiến, Pru-đông đã lên án những hoạt động cách mạng của giai cấp công nhân, tán thành cuộc chính biến ngày 2 tháng Chạp 1851 của Bô-na-pác-tơ, sau cuộc chính biến đó Đế chế thứ hai đã được thiết lập ở Pháp. – 51, 69, 202, 339.

R

- R. M.* – tác giả bài “Thực tại của nước ta”, đăng trong phụ trương đặc biệt của tờ “Tư tưởng công nhân” tháng Chín 1899. – 304 - 307, 310 - 312, 314, 315 - 317, 321, 322, 323 - 324, 326, 327, 328 - 333.
- Ram-xây* (Ramsay), *Gióc-giơ* (1800 - 1871) – nhà kinh tế học người Anh, tác giả nhiều tác phẩm về các vấn đề triết học và kinh tế, trong đó tác phẩm “Thử nghiệm cứu về sự phân phối của cải” (1821, 1836) là có giá trị nhất. – 90.
- Rê-sét-ni-cốp*, *Ph. M.* (1841 - 1871) – nhà văn dân chủ Nga; truyện ngắn rất nổi tiếng của ông: “Những người ở Pốt-li-pốp” đăng trên tờ “Người đương thời” đã phản ánh được cuộc sống khủng khiếp của những nông dân U-ran và những người kéo thuyền trên sông Ca-ma. Những tác phẩm khác của Rê-sét-ni-cốp như “Những người thợ mỏ”, “Những người họ Glu-mốp” v.v. đã mô tả được, lần đầu tiên trong văn học Nga, đời sống của những công nhân U-ran, lao động cực nhọc của họ, những phẩm chất đạo đức cao, những mưu tính tự phát đầu tiên nhằm chống đối lại bọn bóc lột. – 524, 525.
- Ri-các-đô* (Ricardo), *Đa-vít* (1772 - 1823) – nhà kinh tế học lỗi lạc người Anh, tác giả các tác phẩm “Nguyên lý của chính trị kinh tế học và thuế má” (1817), “Về sự bảo trợ nông nghiệp” (1822) và nhiều tác phẩm khác, trong đó chính trị kinh tế học cổ điển của giai cấp tư sản đã đạt đến đỉnh cao.

Để bảo vệ lợi ích của giai cấp tư sản trong cuộc đấu tranh của nó chống lại những tàn dư của chế độ phong kiến, Ri-các-đô đã kiên trì nguyên tắc tự do cạnh tranh, đòi thủ tiêu mọi hạn chế kìm hãm sự phát triển của sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vai trò lịch sử của Ri-các-đô đối với khoa học kinh tế trước hết là ở chỗ ông đã nêu ra thuyết giá trị của lao động, ông đã cố gắng lấy thuyết này xây dựng thành cơ sở cho toàn bộ chính trị kinh tế học. Phát triển học thuyết về giá trị của A. Xmit, Ri-các-đô đã chứng minh rằng giá trị do lao động đã hao phí trong sản xuất hàng hoá quyết định và lao động đó là nguồn gốc tạo ra tiền công của công nhân cũng như những khoản thu nhập của những người không lao động, như lợi nhuận và địa tô. Ri-các-đô đã phát hiện ra sự đối lập giữa tiền công của công nhân và lợi nhuận của nhà tư bản, nghĩa là vạch rõ sự xung đột về lợi ích giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản trong phạm vi lưu thông.

Nhưng vì bị hạn chế về mặt giai cấp, Ri-các-đô không thể phân tích chủ nghĩa tư bản một cách thật sự khoa học và không thể vạch trần được bí mật của sự bóc lột tư bản chủ nghĩa. Ri-các-đô cho rằng sản xuất hàng hoá là hình thức tồn tại vĩnh viễn và tự nhiên của nền sản xuất xã hội. Ông không vạch ra được bản chất xã hội của giá trị, không thấy được sự khác nhau giữa giá trị và giá cả trong sản xuất và cũng không thể hiểu được nguồn gốc và thực chất của tiền tệ.

C. Mác đã phê phán các quan điểm lý luận của Ri-các-đô trong bộ “Tư bản”, “Các học thuyết về giá trị thặng dư” và các tác phẩm khác. – 55, 68, 69, 90 - 91, 97.

- Rít* (Read), *Clia Xiu-an* (1826 - 1905) – nhà kinh tế học người Anh, chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp. Nghị sĩ thời kỳ 1865 - 1880, 1834, 1885. – 153.
- Rô-ma-nốp*, *P. N.* (sinh năm 1864) - đại công tước, chú của Ni-cô-lai II, - vua Nga cuối cùng; và là con trai người anh họ của A-lếch-xan-đơ III. – 539.
- Rốt-béc-tút I-a-ghê-txốp* (Rodbertus-Jagetzow), *Giô-han Các-lơ* (1805 - 1875) – nhà kinh tế học tầm thường Đức, một đại địa chủ Phổ, một trong những nhà lý luận của “chủ nghĩa xã hội nhà nước”. Rốt-béc-tút cho rằng mâu thuẫn giữa lao động và tư bản có thể được giải quyết bằng một loạt cải cách do nhà nước gioong-ke Phổ tiến hành; Rốt-béc-tút hy vọng duy trì được, như Ăng-ghen đã viết, “giai cấp có đặc quyền ít ra là vào khoảng 500 năm nữa”

(C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Toàn tập, tiếng Nga, T. XVI, ph. I, 1937, tr. 186). Do không hiểu nguồn gốc của giá trị thặng dư và thực chất của mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản nên Rốt-béc-tút cho rằng nguyên nhân gây ra khủng hoảng kinh tế là mức tiêu thụ thấp của quần chúng nhân dân.

Những tác phẩm chính của Rốt-béc-tút là: "Tìm hiểu chế độ kinh tế - nhà nước của chúng ta" (1842), "Những bức thư xã hội gửi Phôn Kiéc-smar" (1850 - 1851, 1884). - 69, 71, 263, 383.

T

T. Kh. - xem Lê-nin, V. I.

Ti-mi-ri-a-dép, D. A. (1837 - 1903) - nhà thống kê Nga, một thời gian dài là biên tập viên tờ "Niên giám của Bộ tài chính" và "Truyền tin tài chính, công nghiệp và thương nghiệp". Từ năm 1894, ông lãnh đạo tiểu ban kinh tế nông nghiệp và thống kê của Bộ tài sản quốc gia; ông tham gia Ủy ban nghiên cứu thủ công nghiệp ở Nga, ủy viên của Hội địa lý ở Nga, ủy viên thông tấn của Hội kinh tế tự do, tác giả của nhiều tác phẩm về thống kê công nghiệp. - 7.

Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki, M. I. (1865 - 1919) - nhà kinh tế học tư sản Nga, trong những năm 90 thế kỷ XIX, là đại biểu nổi tiếng của "chủ nghĩa Mác hợp pháp", cộng tác viên của các tạp chí "Lời nói mới" (1897), "Bước đầu" (1899) v.v.. Trong thời kỳ cách mạng dân chủ - tư sản Nga lần thứ nhất, là đảng viên đảng dân chủ - lập hiến. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, là một phần tử phản cách mạng tích cực ở U-cra-i-na, là bộ trưởng Bộ tài chính trong chính phủ tư sản U-cra-i-na. Những tác phẩm chủ yếu của Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki: "Những cuộc khủng hoảng công nghiệp ở nước Anh hiện nay, nguyên nhân và ảnh hưởng của những cuộc khủng hoảng đó đến đời sống nhân dân" (1894), "Công xưởng Nga trước kia và hiện nay", t. I (1898) v.v.. - 21, 29, 59 - 61, 62, 63, 64, 65 - 68, 69, 70, 85 - 86, 106, 166, 203, 428.

Tséc-nư-sép-xki, N. G. (1828 - 1889) - nhà dân chủ cách mạng vĩ đại Nga, nhà bác học, nhà văn và nhà phê bình văn học; một trong những bậc tiền bối lỗi lạc của phong trào dân chủ - xã hội Nga. Tséc-nư-sép-xki là người cổ vũ về tư tưởng và là lãnh tụ của phong trào dân chủ - cách mạng trong những năm 60 thế kỷ XIX ở Nga. Là một nhà xã hội không tưởng nên ông cho rằng có thể tiến lên chủ nghĩa xã hội thông qua công xã nông dân, nhưng đồng thời, với tư cách là một nhà dân chủ - cách mạng, "ông đã biết tác động vào toàn bộ những sự kiện chính trị lúc bấy giờ theo tinh thần

cách mạng và truyền bá - vượt qua mọi trở ngại của màn lưới kiểm duyệt - tư tưởng về cách mạng nông dân, về cuộc đấu tranh của quần chúng nhằm lật đổ tất cả các chính quyền cũ" (V. I. Lê-nin. Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 20, tr. 175). Ông làm biên tập viên tạp chí "Người đương thời", - cơ quan ngôn luận của các lực lượng cách mạng ở Nga. Tséc-nư-sép-xki đã công phần bóc trần tính chất nông nô của cuộc cải cách "nông dân" năm 1861, ông kêu gọi nông dân đứng lên khởi nghĩa. Năm 1862, ông bị chính phủ Nga hoàng bắt giam gần 2 năm ở thành Pê-tơ-rô-pa-vlốp-xca-i-a, sau đó bị kết án 7 năm khổ sai và bị đày biệt xứ ở Xi-bi-ri. Mãi đến già, Tséc-nư-sép-xki mới thoát khỏi cảnh bị đày. Cho đến tận cuối đời, ông vẫn luôn luôn là một chiến sĩ hăng hái chống lại mọi bất công xã hội, chống lại mọi biểu hiện của sự áp bức về chính trị và kinh tế.

Tséc-nư-sép-xki là người có công lớn trong việc phát triển môn triết học duy vật ở Nga. Những quan điểm triết học của ông là đỉnh cao của toàn bộ triết học duy vật trước Mác. Chủ nghĩa duy vật của Tséc-nư-sép-xki mang tính chất cách mạng và thực tiễn. Tséc-nư-sép-xki đã kịch liệt phê phán các học thuyết duy tâm và đã cố gắng sửa lại phép biện chứng của Hê-ghe-n theo tinh thần chủ nghĩa duy vật.

Trong lĩnh vực chính trị kinh tế học, mỹ học, sử học Tséc-nư-sép-xki đã nêu ra những kiểu mẫu về phương pháp biện chứng trong việc nghiên cứu thực tại. Nghiên cứu các tác phẩm của Tséc-nư-sép-xki, C. Mác đã đánh giá rất cao các tác phẩm đó và gọi ông là một nhà bác học vĩ đại Nga. Lê-nin viết về Tséc-nư-sép-xki như sau: Tséc-nư-sép-xki "thực là một nhà đại văn hào Nga duy nhất từ những năm 50 thế kỷ XIX cho đến năm 1888, ông vẫn kiên trì chủ nghĩa duy vật triết học hoàn chỉnh... Nhưng, - Lê-nin nhận xét, - do tình trạng lạc hậu trong đời sống của nước Nga, Tséc-nư-sép-xki đã không vươn lên, hay nói cho đúng hơn, đã không thể vươn lên tới chủ nghĩa duy vật biện chứng của Mác và Ăng-ghe-n" (Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, xuất bản lần thứ nhất, 1971, t. 14, tr. 507).

Tséc-nư-sép-xki đã viết nhiều tác phẩm xuất sắc về các lĩnh vực triết học, chính trị kinh tế học, sử học, luân lý học, mỹ học. Những tác phẩm phê bình văn học của ông đã có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển văn học và nghệ thuật Nga. Tiểu thuyết "Làm gì?" của Tséc-nư-sép-xki (1863) đã giáo dục nhiều thế hệ cách mạng ở Nga và ở nước ngoài. - 320, 326, 334.

U

U-xpen-xki, G. I. (1843 - 1902) – nhà văn và nhà chính luận nổi tiếng người Nga, nhà dân chủ cách mạng. Là cộng tác viên của các tạp chí “Người đương thời” và “Ký sự nước nhà”. Với một trình độ nghệ thuật tài tình ông đã mô tả trong các tác phẩm của mình tình cảnh bị áp bức và mất hết quyền lợi của dân nghèo thành thị và của nông dân, sự đau khổ và bần cùng của nhân dân đã bị bọn địa chủ và bọn tư sản tham tàn bóc lột. Trái với quan điểm dân túy của mình, ông đã trình bày một cách chân thật sự phát triển của những quan hệ tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, và sự sụp đổ của công xã. V. I. Lê-nin đã đánh giá cao U-xpen-xki, coi ông là một “trong những nhà văn ưu tú đã miêu tả đời sống nông dân”; và trong những tác phẩm của mình, Người thường viện dẫn những tác phẩm của U-xpen-xki. - 142, 524.

V

V. V. – xem Vô-rôn-txốp, V. P.

Va-li-ăng (Vay-ăng), (Vaillant), Ê-đư-a Ma-ri (1840 - 1915) – nhà xã hội chủ nghĩa Pháp, môn đồ của Blăng-ki, một trong những lãnh tụ cánh tả trong Quốc tế II, uỷ viên Ban chấp hành trung ương Công xã Pa-ri và là uỷ viên Hội đồng trung ương Quốc tế I. Một trong những người sáng lập Đảng xã hội chủ nghĩa Pháp (1901). Năm 1905, sau khi Đảng xã hội chủ nghĩa hợp nhất với đảng Pháp có xu hướng cải lương của Giô-re-xô, Va-li-ăng đã giữ lập trường cơ hội chủ nghĩa đối với các vấn đề quan trọng. Trong những năm chiến tranh đế quốc, Va-li-ăng là một phần tử xã hội – só-vanh. – 339.

Vai-tling (Weitling), Vin-hem (1808 - 1871) – nhà hoạt động nổi tiếng của phong trào công nhân Đức trong thời kỳ phôi thai của phong trào, một trong những nhà lý luận của chủ nghĩa cộng sản “bình quân” không tưởng; làm nghề thợ may. Ông là nhà hoạt động tích cực của “Liên đoàn những người chính nghĩa”, tác giả cuốn “Những đảm bảo của sự hoà hợp và tự do” v.v.. Những quan điểm của Vai-tling – theo như lời Ăng-ghe-nô nói - đóng vai trò tích cực, “là bước chuyển biến đầu tiên có tính chất độc lập về lý luận của giai cấp vô sản Đức”, nhưng từ khi xuất hiện chủ nghĩa cộng sản khoa học thì những quan điểm đó đã kìm hãm sự phát triển ý thức giai cấp của công nhân. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nô đã kịch liệt phê

phán các quan điểm của Vai-tling. Sau cách mạng ở Đức năm 1848 - 1849, Vai-tling sang Mỹ, về sau ông thôi không tham gia vào phong trào công nhân nữa. – 339.

Vác-nơ (Wagner), A-đôn-phơ Hen-rích Hốt-hin-phơ (1835 - 1917) – nhà kinh tế học tư sản và chính khách phản động người Đức. Là đại biểu của “chủ nghĩa xã hội - giảng đường”, Vác-nơ đã tuyên truyền chủ nghĩa cải lương tự do - tư sản, ông cho rằng tình trạng tư bản bóc lột công nhân có thể bị thủ tiêu thông qua pháp luật nhà nước. Vác-nơ cộng tác tích cực với Bi-xmác và là một thủ lĩnh của đảng xã hội chủ nghĩa - thiên chúa giáo. Những quan điểm kinh tế phản động của Vác-nơ được bọn Hít-le lợi dụng để mị dân dưới chiêu bài “chủ nghĩa xã hội” và để ca tụng nhà nước phát-xít.

Những tác phẩm chủ yếu của Vác-nơ là: “Học thuyết chung hay lý luận về kinh tế quốc dân” (1879), “Những nguyên lý chính trị kinh tế học” (1892 - 1894). – 52 - 53.

Ve-bơ (Webb), Bê-a-to-ri-xa (1858 - 1943) và *Xít-nây* (1859 - 1947) – những nhà hoạt động xã hội nổi tiếng ở Anh. Hai người đã cùng nhau viết hàng loạt tác phẩm về đề tài lịch sử và lý luận của phong trào công nhân Anh. Trong số đó tác phẩm chính là: “Industrial Democracy” (đã được xuất bản ở Nga, dưới nhan đề: “Lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa công liên Anh”). Lê-nin đã dịch tập đầu của tác phẩm này và hiệu đính bản dịch tập hai. Cuốn sách đã được phát hành ở Nga năm 1900 - 1901. Trong các tác phẩm của mình, ông bà Ve-bơ đã cùng nhau chứng minh khả năng có thể giải quyết vấn đề công nhân bằng con đường cải cách trong điều kiện của chế độ tư sản.

Xít-nây Ve-bơ (về sau là huân tước Pa-xphin) – một trong những người sáng lập ra “Hội Pha-biêng” có xu hướng cải lương, nghị sĩ (1922 - 1929), bộ trưởng Bộ thương mại năm 1924 và bộ trưởng Bộ các nước tự trị và thuộc địa (1929 - 1931). Trong thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất, cả hai vợ chồng Ve-bơ giữ lập trường xã hội – só-vanh. Năm 1932 họ đã sang thăm Liên-xô và có nhiều thiện cảm với đất nước Xô-viết. Tác phẩm của hai người: “Chủ nghĩa cộng sản xô-viết là nền văn minh mới?” (1935) và “Sự thật về nước Nga xô-viết” (1942), đã làm sáng tỏ những thành tích có tính chất lịch sử và chủ nghĩa anh hùng của nhân dân xô-viết. – 194.

Vê-li-ca – xem Da-xu-lích, V. I.

Vít-te, X. I-u. (1849 - 1915) – nhà hoạt động quốc gia của Nga cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, đại biểu cho lợi ích của “chủ nghĩa đế quốc phong kiến - quân phiệt” ở nước Nga Nga hoàng. Vít-te kiên

trì ủng hộ chế độ chuyên chế và chủ trương duy trì chế độ quân chủ, bằng những sự nhượng bộ nhỏ nhỏ có lợi cho giai cấp tư sản tự do chủ nghĩa và bằng những hành động đàn áp dã man nhân dân; Vít-te là một trong những kẻ tổ chức đàn áp cuộc cách mạng năm 1905 - 1907. Với cương vị là bộ trưởng Bộ giao thông (tháng Hai - tháng Tám 1892), bộ trưởng Bộ tài chính (1892 - 1903), chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (tháng Mười 1905 - tháng Tư 1906) Vít-te đã áp dụng những biện pháp của mình trong lĩnh vực tài chính, trong chính sách thuế quan, trong việc xây dựng đường sắt, trong việc xây dựng luật công xưởng, trong việc nâng đỡ về mọi mặt cho bọn tư bản nước ngoài, tất cả những biện pháp này nhằm tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản ở nước Nga phát triển và tăng thêm sự lệ thuộc của nước Nga vào các cường quốc đế quốc chủ nghĩa. V. I. Lê-nin đã đánh giá Vít-te là “bộ trưởng mại bán”, “nhân viên sở giao dịch”. – 279, 289, 481.

Vô-dơ-đu-khốp, T. V. (chết năm 1899) – hạ sĩ quan trừ bị, xuất thân từ nông dân ở làng Nô-vôi-e, huyện Xu-đơ-ghốt-xcơ, tỉnh Vla-đi-mia. – 505 - 510, 515 - 519.

Vô-rôn-txốp, V. P. (V. V.) (1847 - 1918) – nhà kinh tế học và nhà chính luận của Nga, một trong những nhà tư tưởng thuộc phái dân túy tự do chủ nghĩa trong những năm 80 và 90 thế kỷ XIX, tác giả các tác phẩm “Vận mệnh của chủ nghĩa tư bản ở Nga” (1882), “Những phương hướng của chúng ta” (1893), “Khái luận về kinh tế lý thuyết” (1895) và một số tác phẩm khác, trong đó Vô-rôn-txốp khẳng định rằng ở nước Nga không có điều kiện để phát triển chủ nghĩa tư bản, ông ca tụng nền sản xuất nhỏ hàng hoá và lý tưởng hoá công xã nông thôn. Ông tuyên truyền chủ trương thoả hiệp với chính phủ Nga hoàng và kiên quyết chống lại chủ nghĩa Mác. Trong nhiều tác phẩm, V. I. Lê-nin đã phê phán kịch liệt những quan điểm của Vô-rôn-txốp. – 59, 60, 105, 107, 384, 385, 386, 390.

Vôn-phơ (Wolf), *Giu-li-út* (sinh năm 1862) – nhà kinh tế học tư sản Đức, giáo sư các Trường đại học tổng hợp Xuy-rich, Brê-xlau, và sau đó là giáo sư Trường cao đẳng kỹ thuật ở Béc-ling (1928). Vôn-phơ là tác giả cuốn “Chủ nghĩa xã hội và chế độ xã hội tư bản chủ nghĩa” (1892). – 254.

X

Xay (Say), *Giăng Ba-ti-xơ* (1767 - 1832) – nhà kinh tế học tư sản Pháp, người sáng lập ra chính trị kinh tế học tầm thường. Trong các tác phẩm của mình, Xay mưu toan bác bỏ học thuyết về giá trị lao

động, sau khi tuyên bố “ba nhân tố của sản xuất” – lao động, tư bản và ruộng đất - là nguồn gốc của giá trị; Xay đã phủ nhận sự bóc lột những người lao động, phủ nhận sự đối kháng giữa lao động và tư bản, mâu thuẫn giữa sản xuất và tiêu dùng, phủ nhận khả năng có những cuộc khủng hoảng kinh tế. Trong bộ “Tư bản” và “Các học thuyết về giá trị thặng dư” C. Mác đã phê phán các quan điểm tán dương tư sản của Xay. – 68, 90, 97.

Xcơ-voóc-txốp, A. I. (1848 - 1914) – nhà kinh tế học tư sản, nhà nông học, giáo sư Trường đại học nông lâm Nô-vô-a-lếch-xan-đri-xcơ. Tác giả của nhiều tác phẩm chính trị kinh tế học và kinh tế nông nghiệp. V. I. Lê-nin nhiều lần phê phán những quan điểm của Xcơ-voóc-txốp trong các tác phẩm của Người. Những tác phẩm chủ yếu của Xcơ-voóc-txốp là: “Ảnh hưởng của phương tiện vận tải bằng hơi nước đối với nông nghiệp” (1890), “Nghiên cứu kinh tế” (1894), “Nguyên lý chính trị kinh tế học” (1898) v.v.. – 99, 132.

Xéc-ghê-ép, I. I. (I-ô-an Crôn-stát-xki) (1829 - 1908) – linh mục của nhà thờ lớn Crôn-stát, uỷ viên danh dự của tổ chức Trăm đen quân chủ “Liên minh nhân dân Nga”, kẻ thi hành chính sách ngu dân, Xéc-ghê-ép có tiếng là nhìn xa thấy rộng và nhà tiên tri; có ảnh hưởng lớn trong giới triều thần và trong số các tầng lớp nhân dân tầm tối, nổi danh trong việc bức hại các dân tộc không phải là người Nga. – 399.

Xi-xmôn-đi (Sismondì), *Giăng Sác-lơ Lê-ô-na Xi-môn-đơ* (1773 - 1842) – nhà kinh tế học và sử học Thụy-sĩ. Lúc mới bắt đầu hoạt động, Xi-xmôn-đi gia nhập trường phái kinh tế chính trị tư sản cổ điển, về sau là đại biểu của chủ nghĩa xã hội tiểu tư sản; Xi-xmôn-đi là người sáng lập ra chủ nghĩa lãng mạn kinh tế, một thứ chủ nghĩa biểu thị quan điểm của những người sản xuất nhỏ. Tuy đã chỉ rõ được những mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản, nhưng Xi-xmôn-đi không thể vạch ra được những cơ sở của những mâu thuẫn đó. Ông không hiểu xu hướng tiến bộ của nền sản xuất lớn tư bản chủ nghĩa, ông lý tưởng hoá tổ chức phường hội công nghiệp và nông nghiệp gia trưởng, là những cái hoàn toàn không phù hợp với những điều kiện kinh tế đã thay đổi.

Lê-nin đã phê phán tỉ mỉ học thuyết của Xi-xmôn-đi trong tác phẩm “Bàn về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế” (xem Toàn tập, tiếng Việt, Nhà xuất bản Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1974, t. 2, tr. 141 - 319). Những tác phẩm kinh tế chủ yếu của Xi-xmôn-đi: “Nguyên lý mới về chính trị kinh tế học hay là bàn về mối quan

hệ của cải với nhân khẩu" (1819) và "Những bài nghiên cứu về chính trị kinh tế học" (1837 – 1838). – 51, 98, 130.

Xmít (Smith), *A-đam* (1723 - 1790) – nhà kinh tế học người Anh, đại biểu lớn nhất của chính trị kinh tế học tư sản cổ điển. Trong tác phẩm của mình: "Nghiên cứu về bản chất và về nguyên nhân sự giàu có của các dân tộc" (1776), lần đầu tiên ông tuyên bố rằng nguồn gốc của giá trị là mọi hình thức lao động, dù cho lao động đó được hao phí trong bất kỳ ngành sản xuất nào đi nữa. Xuất phát từ nguyên lý đó, ông đã rút ra một kết luận rất quan trọng cho rằng tiền công của công nhân là một phần sản phẩm của anh ta và được xác định bằng giá trị các tư liệu sinh hoạt của anh ta; rằng nguồn gốc của mọi thu nhập của bọn tư bản và địa chủ cũng là lao động của công nhân. *Xmít* lần đầu tiên vạch ra rằng xã hội tư bản gồm ba giai cấp: giai cấp công nhân, giai cấp tư bản và giai cấp địa chủ, nhưng do bị hạn chế bởi thế giới quan tư sản nên ông đã phủ nhận sự tồn tại của đấu tranh giai cấp trong xã hội đó. Khi nói đến công lao to lớn của *Xmít* trong việc phát triển môn kinh tế chính trị, C. Mác và V. I. Lê-nin đồng thời cũng đã chỉ ra tính chất hạn chế kiểu tư sản, tính chất mâu thuẫn và tính chất sai lầm của những quan điểm của ông. *Xmít* đã lẫn lộn việc định nghĩa đúng đắn về giá trị của hàng hoá - định nghĩa rằng giá trị của hàng hoá được đo bằng thời gian lao động kết tinh trong hàng hoá – với giá trị của chính bản thân lao động. Vì cho rằng dưới chế độ tư bản, giá trị chỉ được hình thành từ những khoản thu nhập, tức là tiền lương, lợi nhuận và địa tô nên ông đã sai lầm không nói đến giá trị của tư bản cố định đã bị tiêu hao trong sản xuất hàng hoá. Những nguyên lý sai lầm của *Xmít* đã được các nhà kinh tế học tư sản tầm thường lợi dụng để bảo vệ, về mặt tư tưởng, cho chủ nghĩa tư bản. – 66, 67, 68, 69, 86 - 87, 90 - 92, 98.

Xta-khô-vích, *M. A.* (1861 - 1923) – người thuộc phái tự do ôn hoà, nổi tiếng trong phong trào hội đồng địa phương; là đại biểu Đu-ma nhà nước I và II. *Xta-khô-vích* gần gũi đảng dân chủ - lập hiến, sau là một trong những người tổ chức ra đảng những người tháng Mười ("Liên minh 17 tháng Mười"). Trong thời kỳ Cách mạng tháng Hai 1917, *Xta-khô-vích* được bổ nhiệm làm thống đốc ở Phần-lan, sau là đại biểu Chính phủ lâm thời ở nước ngoài. – 526, 531.

Xtơ-ru-vê, *N. A.* – vợ của P. B. *Xtơ-ru-vê*. – 487, 490.

Xtơ-ru-vê, *P. B.* (Bli-dơ-nê-txơ, Bô-bô) (1870-1944) - nhà kinh tế học và nhà chính luận tư sản Nga; trong những năm 90 thế kỷ XIX, là đại biểu nổi tiếng nhất của "chủ nghĩa Mác hợp pháp"; là cộng tác viên và biên tập viên các tạp chí "Lời nói mới" (1897), "Bước đầu" (1899) và "Đời sống" (1900). Ngay trong tác phẩm đầu tiên của mình: "Những ý kiến phê phán về sự phát triển kinh tế của nước Nga" (1894) trong khi phê phán phái dân túy, *Xtơ-ru-vê* lại "bổ sung" và "phê phán" học thuyết kinh tế và triết học của C. Mác, tán thành các đại biểu của chính trị kinh tế học tư sản tầm thường và tuyên truyền chủ nghĩa Man-tuyt. V. I. Lê-nin đã gọi *Xtơ-ru-vê* là "kẻ phản bội bậc thầy" (Toàn tập, tiếng Nga, xuất bản lần thứ 5, t. 16, tr. 467). *Xtơ-ru-vê* là một trong những nhà lý luận và sáng lập ra tổ chức quân chủ - tự do chủ nghĩa "Hội liên hiệp giải phóng" (1904-1905) và là biên tập viên cơ quan ngôn luận bất hợp pháp của "Hội liên hiệp" là báo "Giải phóng" (1902-1905). Năm 1905, khi đảng dân chủ – lập hiến mới thành lập *Xtơ-ru-vê* là ủy viên Ban chấp hành trung ương của đảng này. Sau khi cách mạng 1905-1907 thất bại, *Xtơ-ru-vê* sa vào chủ nghĩa dân tộc của bọn Trăm đen; ngay từ đầu cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất 1914 - 1918, *Xtơ-ru-vê* là một trong những nhà tư tưởng có đầu óc xâm lược của chủ nghĩa đế quốc Nga. Sau Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, *Xtơ-ru-vê* là kẻ thù kiên quyết chống Chính quyền xô-viết, tham gia chính phủ phản cách mạng Vran-ghen và là một phần tử bạch vệ lưu vong. – 85 - 86, 88, 89 - 91, 92 - 95, 96 - 98, 99, 100 - 102, 103 - 105, 106 -107, 108, 110, 166, 199, 425, 426, 427, 428, 429, 443, 454, 487-490, 491.

THÂN THỂ VÀ SỰ NGHIỆP CỦA V. I. LÊ-NIN

(1898 – tháng Tư 1901)

1898

4 (16) tháng Giêng.

Trong khi bị đày ở làng Su-sen-xcôi-ê thuộc Xi-bi-ri, Lê-nin báo cho mẹ, Ma-ri-a A-lếch-xan-đrốp-na U-li-a-nô-va, biết việc Na-đe-giơ-đa Côn-xtan-ti-nốp-na Crúp-xcai-a dự định đến Su-sen-xcôi-ê.

Cũng chính trong bức thư đó, Lê-nin có hỏi M. T. Ê-li-da-rốp đã truyền đạt lại hay chưa cho V. A. I-ô-nốp để ông này báo tin cho H. Brau-nơ (biên tập viên và người xuất bản tạp chí “Tư liệu pháp chế xã hội và thống kê”) biết việc Lê-nin đồng ý cho dịch một trong những tác phẩm của Người (tác phẩm nào thì không rõ).

8 (20) tháng Giêng.

Lê-nin, trong bức điện gửi giám đốc Sở cảnh sát, đã yêu cầu cho phép N. C. Crúp-xcai-a sống ở làng Su-sen-xcôi-ê trong thời gian bị đày.

Trước 24 tháng Giêng
(5 tháng Hai).

Lê-nin viết hai bức thư cho N. E. Phê-đô-xê-ép, người tổ chức và lãnh đạo các nhóm mác-xít đầu tiên ở Ca-dan, đang bị đày ở Véc-khô-len-xcơ (Xi-bi-ri).

24 tháng Giêng (5
tháng Hai).

Lê-nin hỏi An-na I-li-ni-tso-na U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va về khả năng xuất bản tập các bài báo của Người thành sách lẻ. Về sau tập này được gọi là “Những bài nghiên cứu và bình luận về kinh tế”.

Giữa 7 và 14 (19 và
26) tháng Hai.

Lê-nin viết bài phê bình cuốn sách của A. Bô-gđa-nốp: “Giáo trình tóm tắt về khoa học kinh tế”.

18 tháng Hai (2 tháng
Ba).

Lê-nin gửi cho M. T. Ê-li-da-rốp bài báo của mình: “Bàn về đặc điểm của chủ nghĩa lãng mạn kinh tế. Xi-xmôn-đi và môn đồ của ông ở nước ta” kèm theo một số chỗ sửa đổi, để in bài này trong văn tập.

Cuối tháng Hai – 16
(28) tháng Tám.

Lê-nin dịch tập I cuốn sách của X. và B. Ve-bơ: “Lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa công liên Anh”, và viết một loạt chú thích cuối trang cho bản dịch tiếng Nga.

7 (19) tháng Năm.

Na-đe-giơ-đa Côn-xtan-ti-nốp-na Crúp-xcai-a và mẹ của bà là Ê-li-da-vê-ta Va-xi-li-ép-na Crúp-xcai-a đến thăm V. I. Lê-nin ở làng Su-sen-xcôi-ê.

10 (22) tháng Năm.

Lê-nin đệ đơn yêu cầu viên cảnh sát trưởng khu Mi-nu-xin-xcơ gửi đến cho Lê-nin những giấy tờ cần thiết để kết hôn với N. C. Crúp-xcai-a.

Cuối tháng Năm.

V. I. Lê-nin và N. C. Crúp-xcai-a đi từ Su-sen-xcôi-ê đến Mi-nu-xin-xcơ. Lê-nin và Crúp-xcai-a tham dự cuộc họp của những người Dân ý và dân chủ-xã hội bị đày, tổ chức nhân X. G. Rai-tsin, - một người dân chủ - xã hội bị đày vì hoạt động chính trị, - đã trốn thoát.

Mùa xuân – mùa hạ.

Lê-nin trao đổi thư với mẹ là M. A. U-li-a-nô-va về chuyến đi sắp tới của bà đến làng Su-sen-xcôi-ê. Chuyến đi không thành vì Đmi-tơ-ri I-lích U-li-a-nốp bị bắt.

30 tháng Sáu (12
tháng Bảy).

Lê-nin viết đơn yêu cầu tỉnh trưởng tỉnh Ê-ni-xây-xcơ nhanh chóng cấp giấy chứng nhận cần thiết để kết hôn với N. C. Crúp-xcai-a.

10 (22) tháng Bảy.

V. I. Lê-nin kết hôn với N. C. Crúp-xcai-a. Lê-nin chuyển từ nhà ở của bác nông dân

- 14 (26) tháng Bảy. A. Đ. Đư-ri-a-nốp đến nhà của nữ nông dân P. A. Pê-tơ-rô-va. Lê-nin nhận được thư của I-a. M. Li-a-khốp-xki báo cho biết N. E. Phê-đô-xê-ép đã chết.
- 9 (21) tháng Tám. Lê-nin hoàn thành sơ khảo cuốn sách “Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga. Quá trình hình thành thị trường trong nước của đại công nghiệp”.
- 10 – 12 (22 – 24) tháng Tám. Lê-nin ở Mi-nu-xin-xcơ, là nơi Người đến để chữa bệnh.
- 12 (24) tháng Tám. Từ Mi-nu-xin-xcơ, Lê-nin viết đơn yêu cầu tỉnh trưởng tỉnh Ê-ni-xây-xcơ giải quyết cho Người đến Cra-xnôi-ác-xcơ để chữa bệnh trong một tuần.
- Trước 26 tháng Tám (7 tháng Chín). Lê-nin viết bài “Bàn về vấn đề thống kê công xưởng – nhà máy ở nước ta. Những công trạng mới của giáo sư Ca-rư-sép trong lĩnh vực thống kê”.
- 2 (14) tháng Chín. Sau khi nhận được tin về bài phát biểu của G. V. Plê-kha-nốp trên báo chí nước ngoài nhằm chống lại E. Béc-stanh và C. Smit, Lê-nin, trong bức thư gửi cho A. N. Pô-tơ-rê-xốp, đã cho bài phát biểu của G. V. Plê-kha-nốp nhằm chống lại khuynh hướng Can-tơ mới trên báo chí Nga, là hết sức cần thiết.
- 9 – 25 tháng Chín (21 tháng Chín – 7 tháng Mười). Lê-nin đến Cra-xnôi-ác-xcơ. Lê-nin sống ở nhà P. A. Cra-xi-cốp, - một người dân chủ - xã hội đang bị đày, - Người làm việc trong thư viện của G. V. I-u-đin và gặp gỡ các nhà dân chủ - xã hội ở Cra-xnôi-ác-xcơ.
- Giữa 9 và 15 (21 và 27) tháng Mười. Ở Nga xuất bản văn tập đầu tiên của Lê-nin: “Những bài nghiên cứu và bình luận về kinh tế”, ký tên: Vla-đi-mia I-lin.

- 11 (23) tháng Mười. V. I. Lê-nin và N. C. Crúp-xcai-a đến nhà máy đường ở làng I-va-nốp-ca, huyện Mi-nu-xin-xcơ để gặp V. C. Cuốc-na-tốp-xki, - một người dân chủ – xã hội đang bị đày, - V. C. Cuốc-na-tốp-xki là kỹ sư hoá học của nhà máy đó.
- 1 (13) tháng Mười một. G. M. Crơ-gi-gia-nốp-xki lúc bị đày ở Mi-nu-xin-xcơ có đến chỗ Lê-nin ba ngày. Trong bức thư gửi cho M. A. U-li-a-nô-va, Lê-nin yêu cầu A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va khi đến Pê-téc-bua sẽ thoả thuận về việc xuất bản cuốn sách “Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga”.
- 11 (23) tháng Mười một. Trong thư gửi cho M. I. U-li-a-nô-va đang ở Bruy-xen, Lê-nin yêu cầu gửi cho Người các số báo có các bản tường thuật tốc ký về cuộc thảo luận trong nghị viện, cũng như các tập thư mục, - bằng tất cả các thứ tiếng, - của các nhà đại lý sách và các hiệu sách.
- 15 (27) tháng Mười một. Trong thư gửi cho gia đình, Lê-nin báo rằng Người đã đọc bài tường thuật về đại hội đảng dân chủ – xã hội Đức ở Stút-ga đăng trên báo “Frankfurter Zeitung” (“Báo Phran-pho”). Lê-nin quan tâm đến hoạt động của M. T. Ê-li-da-rốp tại các trường buổi tối và các trường chủ nhật dành cho công nhân.
- 22 tháng Mười một (4 tháng Chạp). Trong thư gửi cho A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va, Lê-nin yêu cầu đặt mua cho Người các tạp chí: “Của cải nước Nga”, “Thế giới của Thượng đế”, “Đồng lúa”, “Archiv für soziale Gesetzgebung und Statis-tik” (“Tư liệu pháp chế xã hội và thống kê”) và các báo: “Tin tức nước Nga”, “Frankfurter Zeitung”, xuất bản năm 1899.

- Mùa thu.* Cuốn sách của Lê-nin: “Nhiệm vụ của những người dân chủ – xã hội Nga” được xuất bản ở Giơ-ne-vơ.
- 6 (18) tháng Chạp.* Trong thư gửi A. I. và M. T. Ê-li-da-rốp, Lê-nin yêu cầu gửi cho Người những ý kiến nhận xét trên báo về tuyển tập “Những bài nghiên cứu và bình luận về kinh tế”.
- 24 tháng Chạp – 2 tháng Giêng (5 – 14 tháng Giêng) 1899.* V. I. Lê-nin và N. C. Crúp-xcai-a đi Mi-nu-xin-xcơ. Lê-nin tham gia một cuộc họp của những người mác-xít bị đày, những người này từ nhiều nơi trong vùng Mi-nu-xin-xcơ đến họp.
- Nửa cuối năm.* Lê-nin viết thư trao đổi với I-a. M. Li-a-khốp-xki về việc quyên góp trong những người dân chủ – xã hội để dựng đài kỷ niệm trên mộ N. E. Phê-đô-xê-ép.
- Mùa đông 1898 – 1899.* Trong thư gửi L. Mác-tốp (I-u. Ô. Txê-đéc-bau-mơ), Lê-nin báo cho biết việc tờ báo Pê-téc-bua “Tư tưởng công nhân” không đả động gì đến nhiệm vụ đấu tranh chính trị, và việc những hội viên “trẻ” của “Hội liên hiệp những người dân chủ – xã hội Nga ở nước ngoài” – “phái kinh tế” – tấn công thường xuyên vào nhóm “Giải phóng lao động”.
- Năm 1898 – 1899.* Lê-nin trao đổi thư từ với Ph. V. Len-gních, - một người dân chủ – xã hội đang bị đày, - về các vấn đề triết học, và kiên quyết chống lại chủ nghĩa duy tâm chủ quan nhằm bảo vệ những quan điểm triết học của C. Mác và Ph. Ăng-ghen.
- Lê-nin giúp đỡ dân làng Su-sen-xcôi-ê và các vùng lân cận bằng những ý kiến cố vấn về luật pháp.
- 1899**
- 26 tháng Giêng (7 tháng Hai).* Trong thư gửi cho A. N. Pô-tơ-rê-xốp, Lê-nin nêu lên rằng trong bài báo của mình:

- “Chúng ta từ bỏ di sản nào?”, khi nói đến “di sản” tư tưởng của những năm 60 thế kỷ XIX, Người đã viện dẫn một đại biểu của chủ nghĩa tự do tư sản là ông Xcan-đin, sỏ đi làm như thế là để tránh kiểm duyệt. Nhưng thực ra thì Lê-nin coi N. G. Tséc-nư-sép-xki là đại biểu chủ yếu của “di sản” nói trên.
- Lê-nin đã hoàn thành việc chỉnh lý cuốn: “Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga”, để đưa in. Cuốn sách này là kết quả của sự nghiên cứu và sử dụng một số lượng lớn những tác phẩm văn học và các nguồn tài liệu khác nhau: các sách, các tập thống kê, các bản tổng kết và bài báo bằng tiếng Nga và tiếng nước ngoài.
- Lê-nin viết bài phê bình cuốn sách của R. Giô-do-đép: “Tầng lớp cu-lắc cho vay nặng lãi, tác dụng của nó về mặt kinh tế - xã hội”.
- Trong tạp chí “Bình luận khoa học”, số 1 có đăng bài của Lê-nin “Bàn qua vấn đề lý luận về thị trường (Nhân cuộc luận chiến giữa ông Tu-gan – Ba-ra-nốp-xki và ông Bun-ga-cốp)”.
- Lê-nin viết bài phê bình cuốn sách của Pác-vu-xơ: “Thị trường thế giới và khủng hoảng nông nghiệp” (bản dịch từ tiếng Đức).
- Trong thư gửi cho V. V. Xtác-cốp, - một người dân chủ - xã hội đang bị đày, - Lê-nin báo là Người có ý định viết bài phê bình cuốn sách của Rô-da Lú-c-xăm-bua (có lẽ là cuốn: “Cải cách xã hội hay là cách mạng?”).
- Lê-nin viết bài phê bình cuốn: “Công nghiệp và thương nghiệp ở nước Nga. Sách tra cứu dùng cho các thương nhân và chủ công xưởng”.
- 30 tháng Giêng (11 tháng Hai).*
- Giữa 30 tháng Giêng và 3 tháng Hai (11 và 15 tháng Hai).*
- Tháng Giêng.*
- Giữa 3 và 7 (15 và 19) tháng Hai.*
- Giữa 15 và 18 tháng Hai (27 tháng Hai và 2 tháng Ba).*
- Trước 21 tháng Hai (5 tháng Ba)*

<i>24 tháng Hai (8 tháng Ba).</i>	G. M. và D. P. Cro-gi-gia-nốp-xki, V. V. Xtác-cốp v.v. đến gặp Lê-nin.
<i>Tháng Hai - đầu tháng Ba.</i>	Lê-nin viết bài tóm tắt cuốn sách: K. Kautsky. "Die Agrarfrage". Stuttgart, Dietz, 1899 (C. Cau-xky. "Vấn đề ruộng đất". Stút-ga, Đít-xơ, 1899).
<i>Nửa đầu tháng Ba.</i>	Lê-nin viết bài: "Lại bàn về vấn đề lý luận về thực hiện" nhằm chống lại mưu toan của P. B. Xtơ-ru-vê muốn xét lại lý luận thực hiện của Mác.
<i>Trước 21 tháng Ba (2 tháng Tư).</i>	Lê-nin viết bài phê bình cuốn sách: K. Kautsky. "Die Agrarfrage".
<i>Giữa 24 và 31 tháng Ba (5 và 12 tháng Tư).</i>	Ngày xuất bản tác phẩm của Lê-nin: "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga. Quá trình hình thành thị trường trong nước của đại công nghiệp", ký tên: Vla-đi-mia I-lin.
<i>Tháng Ba.</i>	Sáu đoạn đầu chương III của tác phẩm "Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở Nga" được đăng trong tạp chí "Bước đầu", số 3, với nhan đề là "Chế độ điều dịch bị chế độ kinh tế tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp hiện đại Nga loại trừ".
<i>Trước tháng Tư.</i>	Cuốn sách của Lê-nin: "Luật công xưởng mới", được xuất bản ở Giơ-ne-vơ.
<i>Giữa 4 (16) tháng Tư và 9 (21) tháng Năm.</i>	Lê-nin viết hai bài báo lấy chung một đầu đề: "Chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp (Bàn về cuốn sách của Cau-xky và về bài báo của ông Bun-ga-cốp)".
<i>27 tháng Tư (9 tháng Năm).</i>	Trong thư gửi A. N. Pô-tơ-rê-xốp, Lê-nin hết sức chê những bài báo của nhà "mác-xít hợp pháp" X. N. Bun-ga-cốp, đăng dưới hình thức phê phán cuốn sách của C. Cau-xky "Vấn đề ruộng đất" (xem tạp chí "Bước đầu", 1899, số 1-2; số 3), nhằm xét lại chủ nghĩa Mác.

<i>Tháng Tư.</i>	Lê-nin viết bài phê bình cuốn sách của Đ. Hốp-xơn: "Sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại".
<i>1 (13) tháng Năm.</i>	Lê-nin và N. C. Crúp-xcai-a cùng với các công nhân bị đày O. A. En-gbéc, I. L. Prô-min-xki và gia đình Prô-min-xki kỷ niệm ngày 1 tháng Năm.
<i>2 (14) tháng Năm.</i>	Tại làng Su-sen-xcôi-ê, Lê-nin bị khám nhà và bị chất vấn vì cảnh sát xác định rằng Người có trao đổi thư từ với những người dân chủ - xã hội bị đày (đặc biệt với I-a. M. Li-a-khốp-xki về vấn đề dựng đài kỷ niệm trên mộ của N. E. Phê-đô-xê-ép).
<i>Trước 29 tháng Năm (10 tháng Sáu).</i>	Lê-nin viết bài "Trả lời ông P. Nê-giơ-đa-nốp", nhằm chống lại chủ nghĩa xét lại.
<i>Mùa xuân - mùa hạ.</i>	Lê-nin lại trao đổi thư với M. A. U-li-a-nô-va về chuyến đi của bà và A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va đến làng Su-sen-xcôi-ê. Chuyến đi không thành vì M. A. U-li-a-nô-va bị ốm.
<i>18 (30) tháng Sáu.</i>	Lê-nin được A. N. Pô-tơ-rê-xốp cho biết ở Pê-téc-bua, trong hàng ngũ những người dân chủ - xã hội, đã có những bài phát biểu có tính chất xét lại.
<i>Trước 20 tháng Sáu (2 tháng Bảy).</i>	Vợ chồng A. A., Đ. V. Va-nê-ép và vợ chồng P. N., O. B. Lê-pê-sin-xki đến gặp Lê-nin.
<i>20 tháng Sáu (2 tháng Bảy).</i>	Trong thư gửi cho Đ. I. U-li-a-nốp, Lê-nin tán thành bài phát biểu của G. V. Plê-kha-nốp chống Béc-stanh.
<i>27 tháng Sáu (9 tháng Bảy).</i>	Trong thư gửi cho A. N. Pô-tơ-rê-xốp, Lê-nin viết rằng cần phải thành lập các cơ quan ngôn luận mác-xít chính thống ở nước ngoài ("sách báo loại 3") để đấu tranh chống "phái kinh tế" và chủ nghĩa xét lại.

<i>Tháng Bảy.</i>	Thông qua người chị là A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va, Lê-nin nhận được bản tuyên ngôn của “phái kinh tế” (“Credo”) trong một bức thư viết bằng mực hoá chất.
<i>1 (13) tháng Tám.</i>	Vợ chồng M. A. và O. A. Xin-vin đến gặp Lê-nin.
<i>Giữa 7 và 22 tháng Tám (19 tháng Tám và 3 tháng Chín).</i>	Tại làng Êc-ma-cốp-xcôi-ê, Lê-nin tổ chức một cuộc họp của những người mác-xít vùng Mi-nu-xin-xcơ bị đày về tội chính trị để thảo luận bản tuyên ngôn của “phái kinh tế”. Phiên họp sơ bộ để thảo luận bản “Credo”, được tiến hành ở nhà của vợ chồng P. N. và O. B. Lê-pê-sin-xki. Trong phiên họp bế mạc, tổ chức tại nhà A. A. Va-nê-ép, 17 người mác-xít bị đày về tội chính trị đã thông qua “Lời phản kháng của những người dân chủ - xã hội Nga”, do Lê-nin viết.
<i>22 tháng Tám (3 tháng Chín).</i>	Trong thư gửi cho M. I. U-li-a-nô-va, Lê-nin yêu cầu gửi cho Người những số báo có đăng các bài tường thuật về đại hội Han-nô-vơ của đảng dân chủ - xã hội Đức, trong chương trình nghị sự của đại hội có bàn đến vấn đề: “Những cuộc tấn công vào các quan điểm cơ bản và sách lược của đảng”, nhân những bài phát biểu xét lại của E. Béc-stanh.
<i>Sau 22 tháng Tám (3 tháng Chín).</i>	Lê-nin gửi cho L. Mác-tốp (I-u. Ô. Txê-đéc-bau-mơ) bản sao cương lĩnh “Credo” của “phái kinh tế” và “Lời phản kháng” đã được thông qua tại cuộc họp của những người dân chủ - xã hội ở vùng Mi-nu-xin-xcơ đang bị đày.
<i>Mùa hạ.</i>	Lê-nin tích cực nghiên cứu các vấn đề triết học: đọc lại các tác phẩm của Plê-kha-nốp, nghiên cứu các nhà duy vật Pháp, cũng như các nhà triết học duy tâm và phái Can-tơ mới.

<i>1 (13) tháng Chín.</i>	Lê-nin và N. C. Crúp-xcai-a đến làng Tê-xin-xcôi-ê thăm anh công nhân A. X. Sa-pô-va-lốp, một người dân chủ - xã hội bị đày; trong buổi nói chuyện với Ph. V. Len-gnich về các vấn đề triết học, Lê-nin tỏ ra kiên quyết chống lại phái Can-tơ mới.
<i>1 (13) tháng Chín.</i>	Trong thư gửi cho M. A. U-li-a-nô-va, Lê-nin kịch liệt phê phán cuốn sách của E. Béc-stanh: “Những tiền đề của chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ của đảng dân chủ - xã hội”, Người yêu cầu M. I. U-li-a-nô-va gửi cho mình các số báo “Sächsische Arbeiter-Zeitung” (“Báo công nhân Đắc-đen”), trong đó có đăng bài của G. V. Plê-kha-nốp: “Tại sao chúng ta cảm ơn ông ấy? Bức thư ngỏ gửi Các-lơ Cau-xky”, nhằm chống lại E. Béc-stanh và chống lại thái độ thoả hiệp của Cau-xky đối với Béc-stanh.
<i>9 - 15 (21 - 27) tháng Chín.</i>	Tập I cuốn sách của X. và B. Ve-bơ: “Lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa công liên Anh”, do Lê-nin dịch, được xuất bản.
<i>10 (22) tháng Chín.</i>	Tại làng Êc-ma-cốp-xcôi-ê, Lê-nin dự đám tang và đọc diễn văn trước mộ của A. A. Va-nê-ép, một hội viên của “Hội liên hiệp đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân” Pê-téc-bua đã hy sinh trong khi bị đày.
<i>Đầu tháng Chín - 19 (31) tháng Giêng 1900.</i>	Lê-nin cùng với N. C. Crúp-xcai-a đọc bản dịch ra tiếng Nga tập II cuốn sách của X. và B. Ve-bơ: “Lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa công liên Anh”, gửi từ Pê-téc-bua đến, hiệu đính bản dịch (bản thảo phần lớn được dịch lại), viết một loạt chú thích cuối trang.
<i>13 (25) tháng Mười.</i>	Tại Giơ-ne-vơ, G. V. Plê-kha-nốp đã nhận được “Lời phản kháng của những người dân chủ - xã hội Nga”, do V. I. Lê-nin viết, và đã đưa sắp chữ cho số 4 - 5 của tờ “Sự nghiệp công nhân”.

<i>Trước 17 (29) tháng Mười.</i> <i>17 (29) tháng Mười.</i>	V. C. Cuốc-na-tốp-xki đến Su-sen-xcôi-ê gặp Lê-nin. Trong thư gửi cho M. A. U-li-a-nô-va, Lê-nin báo cho biết rằng Người đã nhận được tờ tạp chí Pháp mới: "Le Mouvement Socialiste" ("Phong trào xã hội chủ nghĩa"), do Gi. Lông-ghe biên tập.
<i>27 tháng Mười (8 tháng Mười một).</i>	Lê-nin viết đơn yêu cầu tỉnh trưởng tỉnh Ê-ni-xây-xcơ cấp phát kịp thời khoản trợ cấp mà theo pháp luật, Lê-nin cũng được hưởng như những người bị đày vì tội chính trị.
<i>31 tháng Mười (12 tháng Mười một).</i>	Lê-nin viết thư yêu cầu bác sĩ X. M. Ác-ca-nốp đến thăm đồng chí bị đày O. A. En-gebéc đang ốm.
<i>Không sớm hơn tháng Mười.</i>	Lê-nin chấp nhận đề nghị của Ban chấp hành trung ương phái Bun, trước hết là việc biên tập tờ "Báo công nhân" – tờ báo được Đại hội I của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga công nhận là cơ quan ngôn luận chính thức của đảng - sau đó là việc cộng tác với báo ấy. Lê-nin viết ba bài cho "Báo công nhân": "Chương lĩnh của chúng ta", "Nhiệm vụ trước mắt của chúng ta", "Một vấn đề cấp bách" và "Thư gửi ban biên tập" nói về những điều kiện cộng tác trong tờ báo và các đề tài của các bài báo.
<i>Tháng Chạp (theo lịch mới).</i>	Tại Giơ-ne-vơ, "Lời phản kháng của những người dân chủ - xã hội Nga", do Lê-nin viết, được in thành một bản riêng của số 4 – 5 báo "Sự nghiệp công nhân". Ban biên tập báo "Sự nghiệp công nhân" đã cho đăng "Lời phản kháng" mà không được sự đồng ý của G. V. Plê-kha-nốp, và họ đã viết lời bạt cho tài liệu ấy, trong đó tuyên bố rằng quan điểm của "phái kinh tế" là khuynh hướng lệch lạc của một số cá nhân và điều đó không nguy hiểm gì đối với đảng dân chủ – xã hội cả.

<i>Cuối năm.</i>	Lê-nin viết bài phê bình cuốn sách: K. Kautsky. "Bernstein und sozialdemokratische Programm. Eine Antikritik" (C. Cau-xky. "Béc-stanh và cương lĩnh dân chủ - xã hội. Chống lại một sự phê phán"). Người cùng với N. C. Crúp-xcai-a dịch cuốn sách này ra tiếng Nga.
	Lê-nin viết các bài: "Dự thảo cương lĩnh của đảng ta", "Một khuynh hướng thụ lùi trong phong trào dân chủ - xã hội Nga", "Bàn về các toà án công nghiệp", "Bàn về bãi công".
	Lê-nin viết bài phê bình cuốn sách của X. N. Prô-cô-pô-vích: "Phong trào công nhân ở phương Tây. Thử nghiên cứu một cách có phê phán".
<i>Năm 1899.</i>	Lê-nin vạch ra một cách tỉ mỉ kế hoạch xuất bản ở nước ngoài tờ báo mác-xít toàn Nga bất hợp pháp, Người báo cho L. Mác-tốp (I-u. Ô. Txê-đéc-bau-mơ) và A. N. Pô-tơ-rê-xốp biết kế hoạch đó.
<i>Cuối 1899 hay đầu 1900.</i>	Lê-nin viết bài "Bàn về một bản "Profession de foi"".
	1900
<i>Tháng Giêng – tháng Ba.</i>	Lê-nin viết bài "Một sự phê phán không có tính chất phê phán (Nhân bài báo của ông P. Xcơ-voóc-txốp "Sự sùng bái hàng hoá", đăng trên tờ "Bình luận khoa học", số 12, 1899)".
<i>29 tháng Giêng (10 tháng Hai).</i>	Lê-nin hết hạn đi đày. Lê-nin và N. C. Crúp-xcai-a rời làng Su-sen-xcôi-ê về phần nước Nga thuộc châu Âu. Vì có lệnh cấm không cho cư trú ở các thủ đô, các thành phố có trường đại học tổng hợp và các khu tập trung đồng công nhân, nên Lê-nin đến ở Pơ-xcốp – một thành phố tiện lợi nhất cho việc liên lạc với Pê-téc-bua.

<i>Nửa đầu tháng Hai.</i>	Ở Xi-bi-ri về, Lê-nin dừng lại ở U-pha, là nơi N. C. Crúp-xcai-a phải cư trú cho đến ngày hết hạn đi đày. Lê-nin tiếp xúc với những người dân chủ – xã hội (A. Đ. Txu-ru-pa, A. I. Xvi-đéc-xki v.v.) đang bị đày ở U-pha.
<i>Giữa tháng Hai.</i>	Lê-nin bí mật về Mát-xcơ-va và trú lại ở nhà bà con của mình.
<i>17 tháng Hai (1 tháng Ba).</i>	Lê-nin gặp kỹ sư G. B. Cra-xin – một người dân chủ – xã hội.
<i>19 tháng Hai (3 tháng Ba).</i>	Thông qua I. Kh. La-lai-an-txơ - đại biểu của Ban chấp hành Ê-ca-tê-ri-nô-xláp - Lê-nin biết được công việc chuẩn bị triệu tập Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga, Người được mời tham dự đại hội và biên tập tờ “Báo công nhân”.
<i>Trước 26 tháng Hai (10 tháng Ba).</i>	Lê-nin cùng với I. Kh. La-lai-an-txơ đến Nhà hát nghệ thuật và xem vở kịch của G. Hau-pơ-tman: “Người đánh xe ngựa Hen-sen”.
	Lê-nin bí mật lưu lại Pê-téc-bua, Người gặp V. I. Da-xu-lích mới đến nước Nga và thảo luận với bà về vấn đề nhóm “Giải phóng lao động” tham gia vào việc xuất bản ở nước ngoài một tờ báo mác-xít toàn Nga và một tạp chí chính trị – khoa học.
<i>26 tháng Hai (10 tháng Ba).</i>	Lê-nin đến Pơ-xcốp, nơi mà bọn cảnh sát bí mật quản thúc Người.
<i>10 (23) tháng Ba.</i>	Lê-nin viết đơn yêu cầu cục trưởng Cục cảnh sát giải quyết cho N. C. Crúp-xcai-a, trong thời gian bị quản thúc, được sống ở Pơ-xcốp chứ không phải sống ở tỉnh U-pha. Lời yêu cầu đó không được chấp nhận.
<i>Mùa xuân - mùa hạ.</i>	Lê-nin bắt liên lạc với các nhóm dân chủ - xã hội và các nhà dân chủ - xã hội ở các thành phố khác nhau trong nước Nga,

Mùa xuân.

Người tiến hành bàn bạc và trao đổi thư từ về việc hỗ trợ giúp tờ “Tia lửa” sắp xuất bản.

Lê-nin nhận việc ở Sở thống kê tỉnh; thăm thư viện thành phố và tại đó, Người tiếp xúc với các nhà dân chủ – xã hội địa phương.

Lê-nin tham dự các cuộc hội nghị của các phần tử trí thức địa phương thuộc phái cách mạng và đối lập, Người phát biểu ý kiến phê phán chủ nghĩa xét lại.

Lê-nin thoả thuận với các nhà dân chủ - xã hội (A. M. Xtô-pa-ni, X. I. Rát-tsen-cô, N. N. Lô-khốp v.v.) về việc tổ chức nhóm trợ giúp cho báo “Tia lửa”.

Ban biên tập tờ “Tư tưởng công nhân” của “phái kinh tế” đề nghị Lê-nin cộng tác với mình. Lê-nin kiên quyết từ chối vì Người không nhất trí, về mặt nguyên tắc, với xu hướng của tờ báo đó.

Lê-nin thay mặt nhóm “Tia lửa” viết báo cáo gửi Đại hội II dự định tiến hành của Đảng công nhân dân chủ - xã hội Nga và nhận giấy uỷ nhiệm của nhóm “Giải phóng lao động” để đi dự đại hội.

Lê-nin viết bản dự thảo tuyên bố của ban biên tập về cương lĩnh và những nhiệm vụ của tờ báo chính trị chung cho toàn Nga (“Tia lửa”) và của tạp chí chính trị – khoa học (“Bình minh”).

Lê-nin chủ trì cuộc hội nghị (“Hội nghị Pơ-xcốp”) giữa các nhà mác-xít cách mạng và “các nhà mác-xít hợp pháp” (P. B. Xtơ-ru-vê, M. I. Tu-gan – Ba-ra-nốp-xki) bàn về việc hỗ trợ giúp cho việc xuất bản tờ “Tia lửa” và “Bình minh”. “Dự thảo bản tuyên bố của ban biên tập báo “Tia lửa” và tạp chí “Bình minh” do Lê-nin vạch ra, đã được thảo luận tại hội nghị.

Cuối tháng Ba – trước 4 (17) tháng Tư.

- Cuối tháng Ba hoặc trước 4 (17) tháng Tư.* Lê-nin bí mật đến Ri-ga để bắt liên lạc với những người dân chủ - xã hội địa phương.
- Muộn nhất 6 (19) tháng Tư.* Lê-nin gửi đến ban biên tập tạp chí "Bình luận khoa học" bản ghi chú cho bài báo "Một sự phê phán không có tính chất phê phán", nhằm chống lại những bài báo của P. B. Xtơ-ru-vê đăng trên tạp chí "Đời sống" (số 10, 1899 và số 2, 1900) và bài báo của Tu-gan - Ba-ra-nốp-xki đăng trên tạp chí "Bình luận khoa học" (số 5, 1899, và số 3, 1900). Bài báo của Lê-nin cùng với bản ghi chú được đăng trên tạp chí "Bình luận khoa học" số ra tháng Năm - tháng Sáu 1900.
- 6 (19) tháng Tư.* Trong thư gửi cho M. A. U-li-a-nô-va, Lê-nin báo cho biết là Người đang làm bản chỉ dẫn cuốn sách của X. và B. Ve-bơ: "Lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa công liên Anh".
- Sau 6 (19) tháng Tư.* Lê-nin ghi chú và ghi nhận xét phê bình trên lề cuốn sách của I. Đa-vư-đốp: "Chủ nghĩa duy vật kinh tế là gì? Khái luận phê phán và phương pháp luận" nhân việc tác giả xuyên tạc chủ nghĩa duy vật triết học của Mác.
- 20 tháng Tư (3 tháng Năm).* Lê-nin viết đơn yêu cầu cục trưởng Cục cảnh sát cho phép Người đến ở U-pha trong một tháng rưỡi vì N. C. Crúp-xcai-a bị ốm. Yêu cầu đó của Lê-nin không được chấp nhận; về sau thì được chấp nhận theo lời xin của M. A. U-li-a-nô-va.
- 5 (18) tháng Năm.* Lê-nin nhận hộ chiếu sang Đức.
- 20 tháng Năm (2 tháng Sáu).* Lê-nin bí mật đi Pê-téc-bua để gặp các nhà dân chủ - xã hội địa phương và quy định cách thức liên lạc sau khi ra nước ngoài.
- 21 tháng Năm (3 tháng Sáu).* Lê-nin bị bắt ở Pê-téc-bua.

- 23 tháng Năm (5 tháng Sáu).* Lê-nin bị hỏi cung ở Sở mật thám Pê-téc-bua.
- 31 tháng Năm (13 tháng Sáu).* Lê-nin được trả lại tự do nhưng có cảnh sát đi kèm về đến Pô-đôn-xcơ.
- 1 - 7 (14 - 20) tháng Sáu.* Tại Pô-đôn-xcơ (gần Mát-xcơ-va) Lê-nin sống ở gia đình họ hàng của mình. Theo lời mời của Lê-nin, nhiều nhà dân chủ - xã hội (P. N. Lê-pê-sin-xki, X. P. và X. P. Sê-xtéc-nin v.v.) đến Pô-đôn-xcơ, Lê-nin thương lượng với họ về việc giúp đỡ tờ báo "Tia lửa".
- 7 (20) tháng Sáu.* Trên đường đi U-pha thăm N. C. Crúp-xcai-a, Lê-nin cùng với M. A. U-li-a-nô-va và A. I. U-li-a-nô-va - Ê-li-da-rô-va có ghé lại Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt (nay là thành phố Goóc-ki).
- 8 hoặc 9 (21 hoặc 22) tháng Sáu.* Lê-nin bàn với các nhà dân chủ - xã hội ở Ni-giơ-ni Nốp-gô-rốt về vấn đề họ ủng hộ báo "Tia lửa" và về phương pháp liên lạc.
- 15 (28) tháng Sáu.* Lê-nin đến U-pha.
- Nửa cuối tháng Sáu.* Tại U-pha, Lê-nin bàn với các nhà dân chủ - xã hội bị đày tại địa phương về vấn đề giúp đỡ báo "Tia lửa".
- Sau 2 (15) tháng Bảy.* Lê-nin rời U-pha đi Pô-đôn-xcơ.
- Giữa 2 và 10 (15 và 23) tháng Bảy.* Lê-nin lưu lại Xa-ma-ra (ngày nay là Qui-bư-sép) để bàn với các nhà dân chủ - xã hội địa phương về việc giúp đỡ báo "Tia lửa".
- 10 (23) tháng Bảy.* Lê-nin lưu lại Xư-dơ-ran để vận động các nhà dân chủ - xã hội địa phương ủng hộ việc xuất bản báo "Tia lửa".
- 13 - 14 (26 - 27) tháng Bảy.* Lê-nin trở về Pô-đôn-xcơ.
- 13 - 14 (26 - 27) tháng Bảy.* V. I. Lê-nin ở Xmô-len-xcơ đã gặp I. V. Ba-bu-skin và V. N. Rô-da-nốp.

- 16 (29) tháng Bảy.
Đầu tháng Tám.
- Lê-nin đã thoả thuận với I. V. Ba-buskin về mặt mã để liên lạc.
Lê-nin ra nước ngoài.
Lê-nin ở lại Xuy-rích hai ngày và thảo luận với P. B. Ác-xen-rốt về việc xuất bản tờ "Tia lửa" và "Bình minh".
Tại Giơ-ne-vơ, Lê-nin thảo luận với G. V. Plê-kha-nốp về việc xuất bản tờ "Tia lửa" và "Bình minh"; Lê-nin bất đồng ý kiến với Plê-kha-nốp nhân thảo luận dự thảo bản tuyên bố "Lời ban biên tập" do Lê-nin đưa ra, cũng như về những vấn đề tổ chức công việc của ban biên tập.
Tại Ben-ríp (gần Giơ-ne-vơ), Lê-nin họp với G. V. Plê-kha-nốp, A. N. Pô-tơ-rê-xốp, V. I. Da-xu-lích, N. E. Bau-man và I-u. M. Xtê-clốp để bàn về vấn đề cương lĩnh của tờ "Tia lửa" và "Bình minh".
Tại Coóc-xê (gần Giơ-ne-vơ), Lê-nin dự hội nghị với nhóm "Giải phóng lao động" để bàn việc xuất bản và cùng nhau biên tập tờ "Tia lửa" và "Bình minh".
Lê-nin rời Giơ-ne-vơ đi Muyn-khen.
Lê-nin ghi lại tình hình diễn biến trong khi thảo luận với Plê-kha-nốp về vấn đề xuất bản báo "Tia lửa" ("Tia lửa" suýt tắt như thế nào?).
Trong khi ở Nuyn-béc, Lê-nin đến Muyn-khen thảo luận với A. Brau-nơ, - một nhà dân chủ - xã hội Đức, - về vấn đề giúp đỡ về mặt tổ chức và kỹ thuật cho việc xuất bản báo "Tia lửa".
Trong các thư gửi cho một nhà dân chủ - xã hội Nga không rõ tên, Lê-nin dứt khoát từ chối mọi sự thoả hiệp với "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài", - một tổ chức của "phái kinh tế".

- Sau 23 tháng Tám (5 tháng Chín).
24 tháng Tám (6 tháng Chín).
Nửa cuối tháng Tám.
- Cuối tháng Tám.
- Tháng Tám.
- Giữa tháng Tám và tháng Chạp.
- Lê-nin viết bản tuyên bố của ban biên tập báo "Tia lửa".
Lê-nin rời Nuyn-béc đi Muyn-khen.
Lê-nin viết thư cho I-u. M. Xtê-clốp phê phán bài báo của Đ. B. Ri-a-da-nốp: "Nhận xét bản cương lĩnh của tờ "Sự nghiệp công nhân".
Lê-nin biên soạn bản dự thảo hiệp định giữa nhóm "Tia lửa" và nhóm "Giải phóng lao động" về vấn đề xuất bản tờ "Tia lửa" và tạp chí "Bình minh" và về mối quan hệ qua lại giữa các nhóm trong ban biên tập của hai cơ quan đó.
Lê-nin gửi đến Giơ-ne-vơ cho nhóm "Giải phóng lao động" bốn giấy uỷ nhiệm đi dự Đại hội quốc tế xã hội chủ nghĩa họp ở Pa-ri: ba giấy của nhóm "Người dân chủ - xã hội" U-ran và một giấy của đảng bộ dân chủ - xã hội U-pha, đảng bộ này do N. C. Crúp-xcai-a, A. Đ. Txi-u-ru-pa v.v. lãnh đạo.
Lê-nin nghiên cứu những tài liệu và văn kiện của "Hội liên hiệp những người dân chủ - xã hội Nga ở nước ngoài" vì "Hội liên hiệp" này đang bị phân liệt.
Lê-nin từ chối lời đề nghị của C. M. Ta-khta-rép đề nghị V. I. Lê-nin, G. V. Plê-kha-nốp cộng tác với báo "Tư tưởng công nhân" (việc xuất bản của tờ báo này đã chuyển ra nước ngoài) vì nó nhằm mục đích làm cho Lê-nin và Plê-kha-nốp từ bỏ ý định xuất bản tờ "Tia lửa".
Lê-nin gặp Giu-li-an Mác-khlép-xki, một nhà cách mạng Ba-lan đã sống ở Muyn-khen, ông này ủng hộ việc tổ chức xuất bản tờ "Tia lửa".

23 tháng Chín (6 tháng Mười).

Lê-nin tham gia dự thảo bản hiệp định đặc biệt về mối quan hệ qua lại trong ban biên tập tờ “Tia lửa” và “Bình minh”, bản hiệp định này bảo đảm quyền hạn của nhóm “Giải phóng lao động” trong việc quyết định các vấn đề biên tập.

Tháng Chín.

Trong thư gửi cho N. C. Crúp-xcai-a, Lê-nin báo cho biết tình hình phân liệt trong nội bộ “Hội liên hiệp những người dân chủ – xã hội Nga ở nước ngoài”.

Ở Muyn-khen, Lê-nin nghiên cứu tiếng Anh.

Giữa 27 tháng Chín và 5 tháng Mười (10 và 18 tháng Mười).

“Tuyên bố của ban biên tập báo “Tia lửa”, do Lê-nin viết, được xuất bản thành bản in riêng. Bản tuyên bố ấy được gửi về nước Nga để phân phát cho các tổ chức dân chủ – xã hội và công nhân.

Giữa 27 tháng Chín (10 tháng Mười) và 11 (24) tháng Chạp.

Lê-nin trao đổi thư từ với P. B. Ác-xen-rôt, uỷ viên ban biên tập báo “Tia lửa”, về vấn đề chuẩn bị xuất bản số đầu của báo “Tia lửa” và của tạp chí “Bình minh”.

Tháng Chín – tháng Mười.

Lê-nin sử dụng những tài liệu phản ánh tình hình trong nước, đã được đăng báo, để viết bài “Cuộc chiến tranh Trung-quốc”.

Tháng Chín – tháng Hai 1901.

Lê-nin trao đổi thư từ với nhóm “Đấu tranh” của những người dân chủ – xã hội (Đ. B. Ri-a-da-nốp, I-u. M. Xtê-clốp và V. Đa-nê-vích) về các hình thức cộng tác báo chí của nhóm này với tờ “Tia lửa” và “Bình minh”.

Giữa 5 (18) tháng Mười và 3 (16) tháng Mười một.

Lê-nin biên tập cuốn sách nhỏ “Những ngày tháng Năm ở Khắc-cốp” và viết lời tựa cho cuốn sách đó.

13 (26) tháng Mười.

Trong thư gửi cho A. A. I-a-cu-bô-va, Lê-nin thay mặt nhóm “Tia lửa” kiên quyết từ chối lời đề nghị cộng tác với báo “Tư tưởng công nhân”, cơ quan của “phái kinh tế”.

20 tháng Mười (2 tháng Mười một).

Trong thư gửi đi Luân-đôn cho V. P. Nô-ghin, Lê-nin báo cho biết là có khả năng sẽ tổ chức cho ông ta bí mật vượt biên giới để phân phát báo “Tia lửa” và đặt quan hệ với các ban chấp hành và các nhóm riêng lẻ ở nước Nga. V. I. Lê-nin viết: “Chúng tôi rất hy vọng vào sự cộng tác của ông, đặc biệt là trong công việc quan hệ trực tiếp với công nhân ở các địa phương”.

24 tháng Mười (6 tháng Mười một).

Trong thư gửi từ Muyn-khen cho M. I. U-li-a-nô-va, Lê-nin báo cho biết rằng Người đang học tiếng Đức và thường lui tới thư viện.

27 tháng Mười (9 tháng Mười một).

Trong thư gửi cho G. V. Plê-kha-nốp, Lê-nin báo cho biết rằng Người đã gửi cho ông các bài báo của Pô-tơ-rê-xốp và những người khác để đăng trên số 1 tạp chí “Bình minh”.

Tháng Mười - đầu tháng Mười một.

Lê-nin viết bài “Những nhiệm vụ bức thiết của phong trào chúng ta” (bài xã luận đăng trên số 1, báo “Tia lửa”).

Muộn nhất 25 tháng Mười một (8 tháng Chạp).

Lê-nin viết bài: “Sự chia rẽ trong Hội liên hiệp những người dân chủ – xã hội Nga ở nước ngoài”.

Tháng Mười một.

Lê-nin trao đổi thư từ với các thông tin viên địa phương; duyệt các tiểu luận và các bài báo, chuẩn bị cho việc lên khuôn in số đầu tiên báo “Tia lửa”.

Cuối tháng Mười một.

Lê-nin tổ chức việc chuẩn bị và xuất bản số đầu tiên của tạp chí “Bình minh” tại Stút-ga.

Giữa 1 và 10 (14 và 23) tháng Chạp.

Từ Muyn-khen, Lê-nin đến Lai-pxích để duyệt lại lần cuối số đầu tiên của báo “Tia lửa”.

10 (23) tháng Chạp.

Lê-nin từ Lai-pxích về Muyn-khen.

11 (24) tháng Chạp.

Trong thư gửi cho P. B. Ác-xen-rốt, Lê-nin báo cho biết việc số báo "Tia lửa" đầu tiên đã được sắp chữ và sẽ được phát hành.

Nửa đầu tháng Chạp 1900.

Trong thư gửi cho N. C. Crúp-xcai-a, Lê-nin yêu cầu gửi cho Người bản dịch cuốn sách của C. Cau-xky: "Béc-stanh và cương lĩnh dân chủ – xã hội", mà Người đã dịch trong khi bị đày và dự định cho xuất bản ở nước ngoài. Bản dịch này lúc đó nằm ở A-xơ-ra-khan, có lẽ là ở chỗ L. M. Knhi-pô-vích.

Giữa 16 (29) tháng Chạp 1900 và trung tuần tháng Hai 1901.

Lê-nin tham gia các cuộc hội đàm giữa ban biên tập tờ "Tia lửa" và tạp chí "Bình minh" với P. B. Xơ-ru-vê (đại diện cho nhóm "Tự do", "phái đối lập dân chủ") đã đến Muyn-khen, về các hình thức cộng tác xuất bản ở nước ngoài. Lê-nin viết bản dự thảo hiệp định của nhóm "Tia lửa" và "Bình minh" với nhóm "Tự do", xác định mối quan hệ qua lại của các nhóm đó trong việc xuất bản một phụ bản của "Bình minh" có tính chất chính trị chung, lấy tên là "Bình luận thời đại". Vì trong quá trình thảo luận, P. B. Xơ-ru-vê cố sức lợi dụng danh nghĩa của nhà xuất bản dân chủ – xã hội để mưu lợi cho giai cấp tư sản tự do, nên Lê-nin kiên quyết đòi chấm dứt các cuộc hội đàm.

16 (29) tháng Chạp.

Sau khi dự hội nghị giữa các đại biểu của ban biên tập tờ "Tia lửa" và "Bình minh" với P. B. Xơ-ru-vê về, Lê-nin viết lại quá trình của cuộc hội đàm.

Trước 21 tháng Chạp 1900 (3 tháng Giêng 1901).

Lê-nin dịch bài báo của H.-M. Hen-đman: "Chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa công liên và đấu tranh chính trị", do tác giả gửi đến qua V. P. Nô-ghin, - một thành viên của nhóm "Ngọn cờ công nhân" ở Pê-téc-bua.

21 tháng Chạp (3 tháng Giêng 1901).

Trong thư gửi cho V. P. Nô-ghin, Lê-nin báo cho biết rằng Người không thể chấp nhận lời đề nghị của M. V. Xmiéc-nốp (uy

viên nhóm "Ngọn cờ công nhân") về việc xuất bản bản dịch cuốn sách của C. Cau-xky "Béc-stanh và cương lĩnh dân chủ – xã hội", do Người dịch, vì dự định để báo "Tia lửa" in bản dịch đó; Lê-nin hỏi V. P. Nô-ghin xem nhóm "Ngọn cờ công nhân" có đồng ý cung cấp chi phí cho việc xuất bản đó không, dù chỉ là một phần.

Cuối tháng Chạp.

Số đầu tiên của báo "Tia lửa", một tờ báo mác-xít bất hợp pháp chung cho toàn Nga, được xuất bản với các bài viết của Lê-nin: "Những nhiệm vụ bức thiết của phong trào chúng ta" (xã luận), "Cuộc chiến tranh Trung-quốc" và "Sự chia rẽ trong Hội liên hiệp những người dân chủ – xã hội Nga ở nước ngoài".

Cuối năm 1900 - đầu năm 1901.

Lê-nin xem lại và chuẩn bị một loạt bài để đăng trên báo "Tia lửa", trong số đó có các bài nói về tình hình công nhân và phong trào công nhân (ở Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Ri-ga, U-ran, Cra-xnôi-ác-xcơ, Ê-ca-tê-ri-nô-xláp, Ô-đét-xa, Ki-ép), về phong trào sinh viên (ở Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Ki-ép, Khắc-cốp), cũng như một loạt tài liệu tổ giác (trong số đó có tài liệu bí mật nói về sự ngăn cấm của Thành vụ viện không cho truy điệu L. N. Tôn-xtôi).

1901

Tháng Giêng – tháng Ba.

Dưới sự chỉ đạo của Lê-nin, các nhóm trợ giúp tờ "Tia lửa" và các nhân viên của tờ "Tia lửa" ở Nga (ở Pê-téc-bua, Mát-xcơ-va, Pơ-xcốp, Pôn-ta-va, Xa-ma-ra, miền Nam nước Nga v.v.) đều hoạt động tích cực.

11 (24) tháng Giêng.

Trong thư gửi cho V. P. Nô-ghin, Lê-nin báo cho ông ta biết là số báo "Tia lửa" đầu tiên đã được gửi đến cho ông ta, Người đề nghị gửi lời nhận xét về số báo đó và yêu

- 17 (30) tháng Giêng. cầu ông đảm nhận nhiệm vụ thường xuyên chuyển sách báo về nước Nga. Trong thư gửi cho G. V. Plê-kha-nốp, Lê-nin thuật lại một cách tỉ mỉ nội dung các cuộc hội đàm với P. B. Xơ-ru-vê về việc cộng tác xuất bản tờ báo bí mật. Người kiên quyết đòi chấm dứt các cuộc hội đàm đó.
- Tháng Giêng. Lê-nin viết bài: "Việc 183 sinh viên bị cưỡng bức đi lính".
- Cuối tháng Giêng - đầu tháng Hai. Lê-nin viết ba bài báo: "Đánh, nhưng đừng đánh chết", "Cần gì phải đẩy nhanh sự đổi thay của thời cuộc?" và "Một sự thống kê khách quan" lấy tên chung là "Bình luận thời sự".
- Nửa đầu tháng Hai. Số 2 báo "Tia lửa" được phát hành trong đó có bài của Lê-nin: "Việc 183 sinh viên bị cưỡng bức đi lính".
- 15 - 20 tháng Hai (28 tháng Hai - 5 tháng Ba). Lê-nin đi Pra-ha và Viên để tổ chức cho N. C. Crúp-xcai-a ra nước ngoài. Ở Pra-ha, Lê-nin làm quen với Ph. Mô-đra-sếch, một nhà dân chủ - xã hội người Tiệp, thông qua ông này, tin tức bài vở được gửi từ Nga đến và về Nga.
- Sau 19 tháng Hai (4 tháng Ba). Lê-nin viết bài: "Đảng công nhân và giai cấp nông dân".
- Cuối tháng Hai - nửa đầu tháng Ba. Lê-nin hội đàm với L. I. Gôn-đman, một nhà dân chủ - xã hội được gọi từ Pôn-ta-va đến, về vấn đề thành lập ở Ki-sinhốp nhà in bí mật của báo "Tia lửa".
- 7 (20) tháng Ba. Trong thư gửi cho P. B. Ác-xen-rốt, Lê-nin báo cho biết rằng nhà xuất bản Đit-xơ không đăng bản tuyên bố của ban biên tập mà ông ta đã viết cho số đầu của tạp chí "Bình minh", vì trong bản tuyên bố đó có viện dẫn tờ "Tia lửa", một tờ báo xuất bản bí mật.

- 10 (23) tháng Ba. Số đầu của tạp chí "Bình minh" được phát hành, trong đó có ba bài của Lê-nin, lấy tên chung là: "Bình luận thời sự".
- 24 tháng Ba (6 tháng Tư). Trong thư gửi cho V. P. Nô-ghin, Lê-nin cảm ơn ông ta về những nhận xét tỉ mỉ đối với số đầu của tạp chí "Bình minh".
- Tháng Ba. Cục cảnh sát xác nhận rằng V. I. Lê-nin là người cầm đầu báo "Tia lửa", nên ngày 26 tháng Ba (8 tháng Tư) đề nghị thống đốc tỉnh Mìn-xơ "theo dõi việc phân phát tờ báo này là tờ báo được đưa vào nước qua các trạm biên phòng".
- 2 (15) tháng Tư. Trong thư gửi cho G. V. Plê-kha-nốp, Lê-nin đề nghị ông ta phê bình văn tập "Trên vị trí quang vinh", nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày sinh của N. C. Mi-khai-lốp-xki. Lê-nin có ý định phản đối bài báo của V. Tséc-nốp, khuyên Plê-kha-nốp phê bình cả bài của X. N. I-u-gia-cốp và M. Ra-pha-i-lốp.
- 6 (19) tháng Tư. Trong thư gửi cho C. I-a. Bran-tinh (tổng biên tập cơ quan ngôn luận của đảng dân chủ - xã hội Thụy - điển - "Social-Demokraten"), Lê-nin thay mặt ban biên tập tạp chí "Bình minh" đề nghị ông ta giúp đỡ trong việc đặt quan hệ với đảng dân chủ - xã hội Thụy-điển và Phần-lan để họ gửi cho tạp chí "Bình minh" và "Tia lửa" những tài liệu sách báo nói về tình hình chính trị ở Phần-lan, về cuộc đấu tranh của người Phần-lan chống lại sự độc tài của chế độ chuyên chế Nga hoàng.
- 8 (21) tháng Tư. Trong thư gửi cho G. V. Plê-kha-nốp, Lê-nin nói về sự cần thiết phải tiến hành cuộc hội nghị sắp tới của ban biên tập tờ "Tia lửa" và "Bình minh".
- 12 (25) tháng Tư. Lê-nin vạch ra cho nhóm "Giải phóng lao động" một kế hoạch hợp nhất các tổ chức

- 14 (27) tháng Tư. dân chủ – xã hội cách mạng Nga thành “Đồng minh dân chủ – xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài”. Trong thư gửi cho L. N. Rát-tsen-cô, phái viên của báo “Tia lửa”, Lê-nin báo cho biết tình hình công việc của nhóm “Tia lửa” ở nước ngoài, nhằm “làm sao cho tổ chức Nga của nhóm “Tia lửa” có thể thu hút nhiều người và nhiều địa phương hơn”; cũng như về việc Người không muốn cho Đại hội II của Đảng công nhân dân chủ – xã hội Nga được triệu tập vào thời gian này, - việc triệu tập này là do ý định của nhóm “Sự nghiệp công nhân”, họ không bàn với nhóm “Tia lửa”.
- Giữa tháng Tư. N. C. Crúp-xcai-a đến Muyn-khen. Trong thư gửi cho X. I. Rát-tsen-cô, Lê-nin cho biết là hai tờ báo bướm nhân dịp ngày 1 tháng Năm: tờ báo bướm “Tia lửa” và tờ “Ngày 1 tháng Năm” đã được phát hành, ban biên tập báo “Tia lửa”, - thay mặt cho một số ban chấp hành miền Nam, cũng như thay mặt cho nhóm “Công nhân miền Nam” và nhóm “Tia lửa”, - xuất bản. Trong thư gửi đến Béc-lanh cho M. G. Vê-tsê-xlốp, Lê-nin hướng dẫn việc đưa chiếc va-li đựng báo bướm ngày 1 tháng Năm về Pê-téc-bua (qua Pơ-xcốp).
- 19 tháng Tư (2 tháng Năm). Số 3 báo “Tia lửa” ra đời, trong đó có bài của Lê-nin: “Đảng công nhân và giai cấp nông dân”.
- Giữa 24 và 29 tháng Tư (7 và 12 tháng Năm). Lê-nin tham gia cuộc hội nghị của ban biên tập tờ “Tia lửa” và “Bình minh”, bàn về nội dung của tạp chí “Bình minh”, số 2 – 3, về kế hoạch – do Lê-nin đề ra – tổ chức “Đồng minh dân chủ – xã hội cách mạng Nga ở nước ngoài” và những điều lệ sơ bộ của tổ chức này, cũng như bàn về lời đề nghị của nhóm “Đấu tranh” yêu cầu

- 29 tháng Tư (12 tháng Năm). hợp nhất tất cả các tổ chức dân chủ – xã hội Nga ở nước ngoài. Trong thư gửi cho nhóm “Đấu tranh”, Lê-nin thay mặt ban biên tập báo “Tia lửa” đồng ý tổ chức lại những cuộc hội đàm về việc hợp nhất các tổ chức dân chủ – xã hội Nga ở nước ngoài và đồng ý triệu tập hội nghị trừ bị các đại biểu của tất cả các tổ chức dân chủ – xã hội.

MỤC LỤC

Lời nhà xuất bản	
Lời tựa.....	VII
<i>1898</i>	
BÀN VỀ VẤN ĐỀ THỐNG KÊ CÔNG XƯỜNG - NHÀ MÁY Ở NƯỚC TA. <i>Những công trạng mới của giáo sư Ca-ru-sép trong lĩnh vực thống kê.....</i>	1 - 46
PHÊ BÌNH SÁCH. A. Bô-gđa-nốp. <i>Giáo trình tóm tắt về khoa học kinh tế. Mát-xcơ-va. 1897. Do kho sách A. Mu-ri-nô-va xuất bản. 290 trang. Giá: 2 rúp.....</i>	47 - 58
BÀN QUA VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỊ TRƯỜNG (<i>Nhân cuộc luận chiến giữa ông Tu-gan – Ba-ra-nốp-xki và ông Bun-ga-cốp</i>).....	59 -72
<i>1899</i>	
PHÊ BÌNH SÁCH. R. Gvô-dơ-đép. <i>Tầng lớp cu-lắc cho vay nặng lãi, tác dụng của nó về mặt kinh tế – xã hội.</i> Xanh Pê-téc-bua. 1899. Nhà xuất bản N. Ga-rin.....	73 - 77
PHÊ BÌNH SÁCH. <i>Pác-vu-xơ. Thị trường thế giới và khủng hoảng nông nghiệp.</i> Những bài tiểu luận về kinh tế. Do L. I-a. dịch từ tiếng Đức. Xanh Pê-téc-bua. 1898. Nhà xuất bản của Ô. N. Pô-pô-va (Tủ sách giáo dục, đợt 2, số 2). 142 trang. Giá: 40 cô-pếch.....	78 -80
PHÊ BÌNH SÁCH. <i>Công nghiệp và thương nghiệp ở nước Nga.</i> Sách chỉ nam dùng cho thương nhân và chủ công xưởng. Chủ biên là A. A. Bla-u, giám đốc Ban thống kê Cục công thương nghiệp. Xanh Pê-téc-bua. 1899. Giá: 10 rúp.....	81 - 84

LẠI BÀN VỀ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ THỰC HIỆN..	85 - 111
PHÊ BÌNH SÁCH. <i>Karl Kautsky. Die Agrarfrage. Eine Uebersicht über die Tendenzen der modernen Landwirtschaft und die Agrarpolitik u. s. w. Stuttgart, Dietz, 1899.....</i>	112 - 119
CHỦ NGHĨA TƯ BẢN TRONG NÔNG NGHIỆP (<i>Bàn về cuốn sách của Cau-xky và về bài báo của ông Bun-ga-cốp</i>).....	121 - 193
<i>Bài thứ nhất.....</i>	125
I.	126
II.	130
III.	138
IV.	155
V.	164
<i>Bài thứ hai.....</i>	175
I.	175
II.	190
PHÊ BÌNH SÁCH. <i>Hốp-xơn. Sự tiến triển của chủ nghĩa tư bản hiện đại.</i> Dịch từ tiếng Anh. Xanh Pê-téc-bua. 1898. Nhà xuất bản của Ô. N. Pô-pô-va. Giá: 1 rúp 50 cô-pếch.....	194 - 198
TRẢ LỜI ÔNG P. NÊ-GIƠ-ĐA-NỐP.....	199 -206
LỜI PHẢN KHÁNG CỦA NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ – XÃ HỘI NGA.....	207 - 224
<i>NHỮNG BÀI VIẾT CHO “BÁO CÔNG NHÂN”.....</i>	225 - 251
THƯ GỬI BAN BIÊN TẬP.....	227
CƯƠNG LĨNH CỦA CHÚNG TA.....	230
NHIỆM VỤ TRƯỚC MẮT CỦA CHÚNG TA.....	236
MỘT VẤN ĐỀ CẤP BÁCH.....	244
PHÊ BÌNH SÁCH. <i>Karl Kautsky. Bernstein und das sozialdemokratische Programm. Eine Antikritik.....</i>	252 - 266
DỰ THẢO CƯƠNG LĨNH CỦA ĐẢNG TA.....	267 - 302

MỘT KHUYNH HƯỚNG THỤT LÙI TRONG PHONG TRÀO DÂN CHỦ – XÃ HỘI NGA.....	303 - 345
BẢN VỀ CÁC TOÀ ÁN CÔNG NGHIỆP.....	346 - 363
BẢN VỀ BÀI CÔNG.....	364 - 377
* PHÊ BÌNH SÁCH. X. N. <i>Prô-cô-pô-vích. Phong trào công nhân ở phương Tây</i>	378 - 391
BẢN VỀ MỘT BẢN “PROFESSION DE FOI”.....	392- 406

1900

* DỰ THẢO BẢN TUYÊN BỐ CỦA BAN BIÊN TẬP “TIA LỬA” VÀ “ BÌNH MINH”.....	407 - 421
“TIA LỬA” SUYT TẮT NHƯ THẾ NÀO?	422 - 446
* DỰ THẢO HIỆP ĐỊNH	447 - 448
* TUYÊN BỐ CỦA BAN BIÊN TẬP BÁO “TIA LỬA” LỜI BAN BIÊN TẬP	449 - 456
LỜI TỰA CUỐN SÁCH NHỎ “NHỮNG NGÀY THÁNG NĂM Ở KHÁC-CỐP”.....	459 - 467
NHỮNG NHIỆM VỤ BỨC THIẾT CỦA PHONG TRÀO CHÚNG TA.....	468 - 475
CUỘC CHIẾN TRANH TRUNG-QUỐC.....	476 - 483
SỰ CHIA RẼ TRONG HỘI LIÊN HIỆP NHỮNG NGƯỜI DÂN CHỦ – XÃ HỘI NGA Ở NƯỚC NGOÀI..	484 - 486
* NHẬT KÝ NGÀY 29 THÁNG CHẠP 1900.....	487 - 490

1901

VỀ BẢN DỰ THẢO HIỆP ĐỊNH VỚI XTO-RU-VÊ	491 - 492
VIỆC 183 SINH VIÊN BỊ CƯỖNG BỨC ĐI LÍNH.....	493 - 500

* Hoa thị dùng để chỉ những đầu đề do Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin trực thuộc Ban chấp hành trung ương trung ương Đảng cộng sản Liên-xô đặt.

BÌNH LUẬN THỜI SỰ	501 - 541
I. Đánh, nhưng đừng đánh chết.....	505
II. Cần gì phải đẩy nhanh sự đổi thay của thời cuộc?... ..	526
III. Một sự thống kê khách quan.....	534
ĐẢNG CÔNG NHÂN VÀ GIAI CẤP NÔNG DÂN	542 - 553
Danh mục các tác phẩm của V. I. Lê-nin cho đến nay chưa tìm thấy (1898 – tháng Tư 1901).....	557 - 562
Danh mục các tác phẩm mà V. I. Lê-nin đã tham gia hiệu đính.....	563
Danh mục các tác phẩm do V. I. Lê-nin dịch	564
Chú thích	565 - 614
Bản chỉ dẫn các sách báo và tài liệu gốc mà V. I. Lê-nin đã trích dẫn và nói đến.....	615 - 641
Bản chỉ dẫn tên người.....	642 - 677
Thân thế và sự nghiệp của V. I. Lê-nin.....	678 - 703

PHỤ BẢN

Ảnh V. I. Lê-nin. – 1900.....	XX - 1
Bìa của tạp chí “Bước đầu”, trong đó có in bài của V. I. Lê-nin phê bình sách. – 1899.....	75
Bìa tạp chí “Đời sống” đã đăng bài của V. I. Lê-nin “Chủ nghĩa tư bản trong nông nghiệp”. – 1900.....	123
Trang đầu bản thảo của V. I. Lê-nin “Dự thảo cương lĩnh của đảng ta”. – 1899.....	268 - 269
Trang đầu nguyên bản bài báo của V. I. Lê-nin “Một khuynh hướng thụt lùi trong phong trào dân chủ – xã hội Nga”. – 1899.....	305
Trang thứ sáu bài phê bình của V. I. Lê-nin về cuốn sách của X. N. <i>Prô-cô-pô-vích. Cuối năm 1899</i>	379

Trang đầu bản thảo của V. I. Lê-nin ““Tia lửa” suýt tắt như thế nào?” – 1900	423
Trang đầu tờ truyền đơn “Tuyên bố của ban biên tập báo “Tia lửa””. – 1900	450 - 451
Bìa cuốn sách nhỏ “Những ngày tháng Năm ở Khác-cốp”. – 1901.....	457
Trang đầu của báo “Tia lửa”, số 1. – Tháng Chạp 1900.....	468 - 469
Bìa của tạp chí “Bình minh”, số 1. – Tháng Tư 1901	503

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TRỊNH THỨC HUỖNH

Chịu trách nhiệm nội dung:

TS. LÊ VĂN YẾN

Biên tập nội dung:

LÊ THỊ MAI

ĐÀO NGÀ MY

Trình bày kỹ, mỹ thuật:

ĐƯỜNG HỒNG MAI

Trình bày bìa:

PHÙNG MINH TRANG

Sửa bản in:

LÊ THỊ MAI

ĐÀO NGÀ MY

Đọc sách mẫu:

LÊ THỊ MAI

ĐÀO NGÀ MY

In 1 000 cuốn, khổ 14,5 x 20,5cm tại Công ty in và Văn hóa phẩm.
Giấy phép xuất bản số: 145-37/CXB -QLXB, cấp ngày 14-1-2005.
In xong và giữ lưu chiếu tháng 4 - 2005.